UBND TỈNH TÂY NINH **SỞ XÂY DỰNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 9715 /TB-SXD	*Tây Ninh, ngày 10 tháng 8 năm 2026*

CÔNG BỐ
Giá vật liệu xây dựng tại thị trường tỉnh Tây Ninh
Tháng 7 năm 2026 (từ ngày 01/7/2026 đến ngày 31/7/2026)

Căn cứ Luật Xây dựng số 135/2025/QH15 ngày 10/12/2025;

Căn cứ Luật Giá số 16/2023/QH15 ngày 19/6/2023;

Căn cứ Căn cứ Nghị định số 209/2026/NĐ-CP ngày 15/6/2026 của Chính phủ về quản lý vật liệu xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 206/2026/NĐ-CP ngày 15/6/2026 của Chính phủ quy định chi tiết về quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 85/2024/NĐ-CP ngày 10/7/2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Giá;

Căn cứ Thông tư số 60/2025/TT-BXD ngày 30/12/2025 của Bộ Xây dựng sửa đổi, bổ sung một số nội dung các Thông tư số 11/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng hướng dẫn một số nội dung xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng; Thông tư số 12/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng ban hành định mức xây dựng; Thông tư số 13/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng hướng dẫn phương pháp xác định các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật và đo bóc khối lượng công trình và Thông tư số 14/2021/TT-BXD ngày 08/9/2021 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng hướng dẫn xác định chi phí bảo trì công trình xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 36/2026/TT-BXD ngày 26/6/2026 của Bộ Xây dựng về việc hướng dẫn một số nội dung, phương pháp xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng; Thông tư số 37/2026/TT-BXD ngày 26/6/2026 hướng dẫn phương pháp xác định định mức dự toán và các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật (có hiệu lực thi hành từ ngày 01/7/2026);

Căn cứ Quyết định số 737/QĐ-BXD ngày 05/9/2022 của Bộ Xây dựng ban hành Quy chế quản lý, vận hành, cung cấp thông tin, khai thác, sử dụng hệ thống cơ sở dữ liệu về định mức xây dựng, giá xây dựng công trình và chỉ số giá xây dựng, để phục vụ cập nhật hệ thống cơ sở dữ liệu; Công văn số 7335/BXD-KTQLXD ngày 24/7/2025 của Bộ Xây dựng về việc thực hiện rà soát, công bố giá VLXD, đơn giá nhân công, giá ca máy và thiết bị thi công, chỉ số giá xây dựng tại địa phương;

Căn cứ Quyết định số 43/2026/QĐ-UBND ngày 24/3/2026 của UBND tỉnh Tây Ninh ban hành Quy định về phân cấp, phân công trách nhiệm quản lý và thực hiện dự án đầu tư công, dự án đầu tư xây dựng công trình, quản lý chất lượng công trình xây dựng trên địa bàn tỉnh Tây Ninh;

Sở Xây dựng công bố Bảng giá vật liệu xây dựng (VLXD) tháng 7 năm 2026 trên thị trường tỉnh Tây Ninh:

1. Bảng giá vật liệu kèm theo Công bố này là giá các vật liệu bình quân phổ biến, đạt tiêu chuẩn, quy chuẩn Việt Nam về sản phẩm, hàng hóa VLXD được xác định trên cơ sở khảo sát mặt bằng giá bán lẻ theo bảng kê khai giá của các đơn vị, doanh nghiệp sản xuất, kinh doanh VLXD trên địa bàn tỉnh; làm cơ sở để các tổ chức, cá nhân **tham khảo** (***không mang tính bắt buộc phải áp dụng***) trong quá trình xác định giá, lập và quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình, không dùng để thanh quyết toán. Việc thanh quyết toán chi phí phải thực hiện phù hợp theo quy định pháp luật hiện hành.

2. Tổ chức, cá nhân liên quan khi sử dụng thông tin về giá vật liệu để lập và quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình:

- Trường hợp giá vật liệu trong công bố giá chưa phù hợp với giá thực tế thì chủ đầu tư có trách nhiệm tổ chức khảo sát, xác định nguồn cung cấp, giá bán buôn, cự ly vận chuyển, loại đường tại thời điểm lập dự toán một cách hợp lý nhất để xác định giá vật liệu đến chân hiện trường theo quy định.

- Chủ đầu tư, đơn vị tư vấn khi sử dụng thông tin về giá vật liệu để lập và quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình cần căn cứ vào địa điểm của công trình, địa điểm cung cấp vật tư, khối lượng vật liệu sử dụng, mục tiêu đầu tư, tính chất của công trình, điều kiện xây dựng, yêu cầu về thiết kế, chỉ dẫn kỹ thuật và quy định về quản lý chất lượng công trình để xem xét, lựa chọn loại vật liệu hợp lý và xác định giá vật liệu phù hợp với yêu cầu đặc thù của công trình, mặt bằng giá thị trường tại thời điểm xác định chi phí và khu vực xây dựng công trình, đáp ứng mục tiêu đầu tư, chống thất thoát, lãng phí.

- Khuyến khích lựa chọn vật liệu tiết kiệm tài nguyên khoáng sản, tiết kiệm năng lượng, thân thiện môi trường khi lập báo cáo nghiên cứu khả thi, thiết kế xây dựng và xác định chi phí đầu tư xây dựng cho công trình, dự án nhưng phải đảm bảo hiệu quả đầu tư và đáp ứng yêu cầu của dự án; trường hợp dự án có yêu cầu phải sử dụng vật liệu xây dựng đặc thù, không phổ biến trên thị trường hoặc sử dụng vật liệu nhập khẩu thì phải thuyết minh cụ thể trong Báo cáo nghiên cứu tiền khả thi, Báo cáo nghiên cứu khả thi, Báo cáo kinh tế - kỹ thuật và thuyết minh thiết kế theo quy định.

- Phải hoàn toàn chịu trách nhiệm khi lựa chọn sử dụng thông tin giá vật liệu trong Bảng công bố này, chịu trách nhiệm quản lý chi phí đầu tư xây dựng

theo đúng quy định của Luật Xây dựng số 135/2025/QH15 ngày 10/12/2025 và các quy định hiện hành có liên quan.

3. Đối với giá đất san lấp: Thực hiện tổng hợp công bố giá trên cơ sở đăng ký kê khai giá của các đơn vị gửi tới Sở Xây dựng; Căn cứ vị trí công trình, dự án, chủ đầu tư chịu trách nhiệm lựa chọn vị trí mỏ phù hợp, đảm bảo giá đất tại công trình thấp nhất và hiệu quả nhất cho dự án.

Chủ đầu tư và tư vấn cần kiểm tra, kiểm soát kỹ chất lượng cát đen trước khi sử dụng cho công trình để đảm bảo theo đúng tiêu chuẩn kỹ thuật yêu cầu trong hồ sơ thiết kế của từng công trình. Giá của loại vật liệu này phải phù hợp với biện pháp thi công, độ chặt san lấp và các quy định có liên quan.

4. Đối với các loại vật liệu chống cháy, các đơn vị cần lưu ý xem xét, đánh giá theo các yêu cầu kỹ thuật của Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về An toàn cháy cho nhà và công trình và các tiêu chuẩn kỹ thuật bắt buộc áp dụng được viện dẫn trong quy chuẩn, theo quy định của pháp luật về phòng cháy và chữa cháy.

5. Đề nghị các doanh nghiệp sản xuất, kinh doanh các loại vật liệu được công bố giá:

- Cung cấp đầy đủ thông tin về hoạt động sản xuất, kinh doanh, giá và chất lượng sản phẩm, hàng hóa theo quy định pháp luật khi cơ quan quan lý nhà nước có yêu cầu và chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác của thông tin đã cung cấp.

- Thực hiện các nghĩa vụ của tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh theo quy định pháp luật về hoạt động doanh nghiệp, thương mại, giá, tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, chất lượng sản phẩm, hàng hóa và các quy định khác có 1iên quan.

- Không vi phạm các hành vi bị cấm trong hoạt động sản xuất và kinh doanh sản phẩm, hàng hóa theo quy định pháp luật.

Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc hoặc có biến động giá, đề nghị các đơn vị phản ánh về Sở Xây dựng (thông qua phòng Vật liệu xây dựng, môi trường) để được xem xét, hướng dẫn theo quy định.

Trân trọng./.

Nơi nhận:
- Cục KT-QLĐTXD - Bộ Xây dựng;
- Cục Quản lý giá - Bộ Tài chính;
- UBND tỉnh (b/c);
- Các sở: CT, TC, NN&MT;
- Ban QLDA ĐTXD chuyên ngành;
- UBND 96 xã, phường tỉnh Tây Ninh;
- Phòng KT/KT, HT và ĐT 96 xã, phường;
- Trang TTĐT SXD;
- Lưu: VT, VLXDMT.

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

CỘNG HÒA X.H.C.N VIỆT NAM
SỞ XÂY DỰNG
TỈNH TÂY NINH

Lưu Văn Khánh

GIÁ VẬT LIỆU XÂY DỰNG CÔNG BỐ THÁNG 07/2026 - KHU VỰC LONG AN CŨ

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng) (đồng)													
												Khu vực Tân An	Khu vực Tân Trụ	Khu vực Châu Thành	Khu vực Thủ Thừa	Khu vực Bến Lức	Khu vực Cần Giuộc	Khu vực Cần Đước	Khu vực Tân Thạnh	Khu vực Thạnh Hóa	Khu vực Tân Hưng	Khu vực Vĩnh Hưng	Khu vực Kiến Tường	Khu vực Mộc Hóa	Khu vực Đức Hòa	Khu vực Đức Huệ
1	Xi măng	Xi măng Supreme Power PCB40	bao	QCVN 16:2019/BXD	Bao 50kg	Công ty TNHH kinh doanh tiếp thị XM FICO-YTL	Việt Nam	Không có thông tin	Giá đã bao gồm chi phí vận chuyển, giao tại khu vực Long An	(Báo giá có hiệu lực từ ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo giá mới)	Giá không đổi	82.100	82.100	82.100	82.100	82.100	82.100	82.100	82.100	82.100	82.100	82.100	82.100	82.100	82.100
2	Xi măng	Xi măng fico PCB40 - Tây Ninh	bao	QCVN 16:2019/BXD	Bao 50kg	Công ty TNHH kinh doanh tiếp thị XM FICO-YTL	Việt Nam	Không có thông tin	Giá đã bao gồm chi phí vận chuyển, giao tại khu vực Long An	(Báo giá có hiệu lực từ ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo giá mới)	Giá không đổi	91.400	91.400	91.400	91.400	91.400	91.400	91.400	91.400	91.400	91.400	91.400	91.400	91.400	91.400
3	Xi măng	Xi măng fico PCB40 - Hiệp Phước	bao	QCVN 16:2019/BXD	Bao 50kg	Công ty TNHH kinh doanh tiếp thị XM FICO-YTL	Việt Nam	Không có thông tin	Giá đã bao gồm chi phí vận chuyển, giao tại khu vực Long An	(Báo giá có hiệu lực từ ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo giá mới)	Giá không đổi	91.400	91.400	91.400	91.400	91.400	91.400	91.400	91.400	91.400	91.400	91.400	91.400	91.400	91.400
4	Xi măng	Xi măng Supreme Standard PCB40 -Tây Ninh	bao	QCVN 16:2019/BXD	Bao 50kg	Công ty TNHH kinh doanh tiếp thị XM FICO-YTL	Việt Nam	Không có thông tin	Giá đã bao gồm chi phí vận chuyển, giao tại khu vực Long An	(Báo giá có hiệu lực từ ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo giá mới)	Giá không đổi	80.300	80.300	80.300	80.300	80.300	80.300	80.300	80.300	80.300	80.300	80.300	80.300	80.300	80.300
5	Xi măng	Xi măng Supreme Standard PCB40 - Hiệp Phước	bao	QCVN 16:2019/BXD	Bao 50kg	Công ty TNHH kinh doanh tiếp thị XM FICO-YTL	Việt Nam	Không có thông tin	Giá đã bao gồm chi phí vận chuyển, giao tại khu vực Long An	(Báo giá có hiệu lực từ ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo giá mới)	Giá không đổi	80.300	80.300	80.300	80.300	80.300	80.300	80.300	80.300	80.300	80.300	80.300	80.300	80.300	80.300
6	Xi măng	Xi măng Supreme Standard PCB40 -Bình Dương	bao	QCVN 16:2019/BXD	Bao 50kg	Công ty TNHH kinh doanh tiếp thị XM FICO-YTL	Việt Nam	Không có thông tin	Giá đã bao gồm chi phí vận chuyển, giao tại khu vực Long An	(Báo giá có hiệu lực từ ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo giá mới)	Giá không đổi	80.300	80.300	80.300	80.300	80.300	80.300	80.300	80.300	80.300	80.300	80.300	80.300	80.300	80.300
7	Xi măng	Xi măng xanh Eco, PCB40	bao	QCVN 16:2019/BXD	Bao 50kg	Công ty TNHH kinh doanh tiếp thị XM FICO-YTL	Việt Nam	Không có thông tin	Giá đã bao gồm chi phí vận chuyển, giao tại khu vực Long An	(Báo giá có hiệu lực từ ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo giá mới)	Giá không đổi	82.100	82.100	82.100	82.100	82.100	82.100	82.100	82.100	82.100	82.100	82.100	82.100	82.100	82.100
8	Xi măng	Xi măng Hà Tiên Miền Đông PCB40	bao	QCVN 16:2019/BXD	dạng rời	Công ty TNHH kinh doanh tiếp thị XM FICO-YTL	Việt Nam	Không có thông tin	Giá đã bao gồm chi phí vận chuyển, giao tại khu vực Long An	(Báo giá có hiệu lực từ ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo giá mới)	Giá không đổi	84.000	84.000	84.000	84.000	84.000	84.000	84.000	84.000	84.000	84.000	84.000	84.000	84.000	84.000
9	Xi măng	Xi măng Phoenix	bao	QCVN 16:2019/BXD	dạng rời	Công ty TNHH kinh doanh tiếp thị XM FICO-YTL	Việt Nam	Không có thông tin	Giá đã bao gồm chi phí vận chuyển, giao tại khu vực Long An	(Báo giá có hiệu lực từ ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo giá mới)	Giá không đổi	80.300	80.300	80.300	80.300	80.300	80.300	80.300	80.300	80.300	80.300	80.300	80.300	80.300	80.300
10	Xi măng	Xi măng Premium Phoenix	bao	QCVN 16:2019/BXD	dạng rời	Công ty TNHH kinh doanh tiếp thị XM FICO-YTL	Việt Nam	Không có thông tin	Giá đã bao gồm chi phí vận chuyển, giao tại khu vực Long An	(Báo giá có hiệu lực từ ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo giá mới)	Giá không đổi	82.100	82.100	82.100	82.100	82.100	82.100	82.100	82.100	82.100	82.100	82.100	82.100	82.100	82.100
11	Xi măng	Xi măng poọc lăng hỗn hợp bền sun phát PCB 40-MS	bao	QCVN 16:2019/BXD	dạng rời	Công ty TNHH kinh doanh tiếp thị XM FICO-YTL	Việt Nam	Không có thông tin	Giá đã bao gồm chi phí vận chuyển, giao tại khu vực Long An	(Báo giá có hiệu lực từ ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo giá mới)	Giá không đổi	97.500	97.500	97.500	97.500	97.500	97.500	97.500	97.500	97.500	97.500	97.500	97.500	97.500	97.500
12	Xi măng	Xi măng poọc lăng hỗn hợp bền sun phát PCB BFS40-HS xá	bao	QCVN 16:2019/BXD	dạng rời	Công ty TNHH kinh doanh tiếp thị XM FICO-YTL	Việt Nam	Không có thông tin	Giá đã bao gồm chi phí vận chuyển, giao tại khu vực Long An	(Báo giá có hiệu lực từ ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo giá mới)	Giá không đổi	95.000	95.000	95.000	95.000	95.000	95.000	95.000	95.000	95.000	95.000	95.000	95.000	95.000	95.000
13	Xi măng	Xi măng poọc lăng xỉ lò cao loại 1 (PCBBFS50)	bao	QCVN 16:2019/BXD	dạng rời	Công ty TNHH kinh doanh tiếp thị XM FICO-YTL	Việt Nam	Không có thông tin	Giá đã bao gồm chi phí vận chuyển, giao tại khu vực Long An	(Báo giá có hiệu lực từ ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo giá mới)	Giá không đổi	91.545	91.545	91.545	91.545	91.545	91.545	91.545	91.545	91.545	91.545	91.545	91.545	91.545	91.545
14	Xi măng	Xi măng poọc lăng xỉ lò cao loại 1 (PCBBFS40)	bao	QCVN 16:2019/BXD	dạng rời	Công ty TNHH kinh doanh tiếp thị XM FICO-YTL	Việt Nam	Không có thông tin	Giá đã bao gồm chi phí vận chuyển, giao tại khu vực Long An	(Báo giá có hiệu lực từ ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo giá mới)	Giá không đổi	91.545	91.545	91.545	91.545	91.545	91.545	91.545	91.545	91.545	91.545	91.545	91.545	91.545	91.545
15	Xi măng	Xi măng poọc lăng xỉ lò cao loại 2 (PCBBFS50)	bao	QCVN 16:2019/BXD	dạng rời	Công ty TNHH kinh doanh tiếp thị XM FICO-YTL	Việt Nam	Không có thông tin	Giá đã bao gồm chi phí vận chuyển, giao tại khu vực Long An	(Báo giá có hiệu lực từ ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo giá mới)	Giá không đổi	91.545	91.545	91.545	91.545	91.545	91.545	91.545	91.545	91.545	91.545	91.545	91.545	91.545	91.545
16	Xi măng	Xi măng poọc lăng xỉ lò cao loại 2 (PCBBFS40)	bao	QCVN 16:2019/BXD	dạng rời	Công ty TNHH kinh doanh tiếp thị XM FICO-YTL	Việt Nam	Không có thông tin	Giá đã bao gồm chi phí vận chuyển, giao tại khu vực Long An	(Báo giá có hiệu lực từ ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo giá mới)	Giá không đổi	91.545	91.545	91.545	91.545	91.545	91.545	91.545	91.545	91.545	91.545	91.545	91.545	91.545	91.545
17	Xi măng	Xi măng poọc lăng hỗn hợp PCB 50-MS dạng xá	bao	QCVN 16:2019/BXD	dạng rời	Công ty TNHH kinh doanh tiếp thị XM FICO-YTL	Việt Nam	Không có thông tin	Giá đã bao gồm chi phí vận chuyển, giao tại khu vực Long An	(Báo giá có hiệu lực từ ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo giá mới)	Giá không đổi	90.045	90.045	90.045	90.045	90.045	90.045	90.045	90.045	90.045	90.045	90.045	90.045	90.045	90.045
18	Xi măng	Xi măng poọc lăng hỗn hợp PCB 40-MS dạng xá	bao	QCVN 16:2019/BXD	dạng rời	Công ty TNHH kinh doanh tiếp thị XM FICO-YTL	Việt Nam	Không có thông tin	Giá đã bao gồm chi phí vận chuyển, giao tại khu vực Long An	(Báo giá có hiệu lực từ ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo giá mới)	Giá không đổi	95.045	95.045	95.045	95.045	95.045	95.045	95.045	95.045	95.045	95.045	95.045	95.045	95.045	95.045
19	Xi măng	Xi măng Fico PCB50 dạng xá	bao	QCVN 16:2019/BXD	dạng rời	Công ty TNHH kinh doanh tiếp thị XM FICO-YTL	Việt Nam	Không có thông tin	Giá đã bao gồm chi phí vận chuyển, giao tại khu vực Long An	(Báo giá có hiệu lực từ ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo giá mới)	Giá không đổi	94.000	94.000	94.000	94.000	94.000	94.000	94.000	94.000	94.000	94.000	94.000	94.000	94.000	94.000
20	Xi măng	Xi măng poọc lăng hỗn hợp bền sun phát PCMSR 50	bao	QCVN 16:2019/BXD	dạng rời	Công ty TNHH kinh doanh tiếp thị XM FICO-YTL	Việt Nam	Không có thông tin	Giá đã bao gồm chi phí vận chuyển, giao tại khu vực Long An	(Báo giá có hiệu lực từ ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo giá mới)	Giá không đổi	96.500	96.500	96.500	96.500	96.500	96.500	96.500	96.500	96.500	96.500	96.500	96.500	96.500	96.500
21	Xi măng	Xi măng poọc lăng hỗn hợp bền sun phát PCMSR 40	bao	QCVN 16:2019/BXD	dạng rời	Công ty TNHH kinh doanh tiếp thị XM FICO-YTL	Việt Nam	Không có thông tin	Giá đã bao gồm chi phí vận chuyển, giao tại khu vực Long An	(Báo giá có hiệu lực từ ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo giá mới)	Giá không đổi	96.500	96.500	96.500	96.500	96.500	96.500	96.500	96.500	96.500	96.500	96.500	96.500	96.500	96.500
22	Xi măng	Xi măng poọc lăng hỗn hợp bền sun phát PCB50-MS	bao	QCVN 16:2019/BXD	dạng rời	Công ty TNHH kinh doanh tiếp thị XM FICO-YTL	Việt Nam	Không có thông tin	Giá đã bao gồm chi phí vận chuyển, giao tại khu vực Long An	(Báo giá có hiệu lực từ ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo giá mới)	Giá không đổi	94.045	94.045	94.045	94.045	94.045	94.045	94.045	94.045	94.045	94.045	94.045	94.045	94.045	94.045
23	Xi măng	Xi măng Việt Nhật PCB 40	bao	TCVN 6260:2020	Bao 50kg	Công ty TNHH MTV VLXD Xanh HAMACO	Việt Nam	Giá có thể thay đổi theo điều kiện thanh toán và giao hàng	Đã bao gồm chi phí vận chuyển	Mức giá đăng ký này thực hiện từ ngày 01/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	110.000	110.000	110.000	110.000	110.000	110.000	110.000	110.000	110.000	110.000	110.000	110.000	110.000	110.000
24	Xi măng	Xi măng Việt Mỹ PCB40	bao	TCVN 6260:2020	Bao 50kg	Công ty TNHH MTV VLXD Xanh HAMACO	Việt Nam	Giá có thể thay đổi theo điều kiện thanh toán và giao hàng	Đã bao gồm chi phí vận chuyển	Mức giá đăng ký này thực hiện từ ngày 01/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	110.000	110.000	110.000	110.000	110.000	110.000	110.000	110.000	110.000	110.000	110.000	110.000	110.000	110.000
25	Xi măng	Xi măng Tây Nam PCB40	bao	TCVN 6260:2020	Bao 50kg	Công ty TNHH MTV VLXD Xanh HAMACO	Việt Nam	Giá có thể thay đổi theo điều kiện thanh toán và giao hàng	Đã bao gồm chi phí vận chuyển	Mức giá đăng ký này thực hiện từ ngày 01/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	110.000	110.000	110.000	110.000	110.000	110.000	110.000	110.000	110.000	110.000	110.000	110.000	110.000	110.000
26	Xi măng	Xi măng Việt Nhật cao cấp PCB40	bao	TCVN 6260:2020	Bao 50kg	Công ty TNHH MTV VLXD Xanh HAMACO	Việt Nam	Giá có thể thay đổi theo điều kiện thanh toán và giao hàng	Đã bao gồm chi phí vận chuyển	Mức giá đăng ký này thực hiện từ ngày 01/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	125.000	125.000	125.000	125.000	125.000	125.000	125.000	125.000	125.000	125.000	125.000	125.000	125.000	125.000
27	Xi măng	Xi măng Việt Nhật bền Sunphat PCB40-MS	bao	TCVN 7711:2013	Bao 50kg	Công ty TNHH MTV VLXD Xanh HAMACO	Việt Nam	Giá có thể thay đổi theo điều kiện thanh toán và giao hàng	Đã bao gồm chi phí vận chuyển	Mức giá đăng ký này thực hiện từ ngày 01/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	125.000	125.000	125.000	125.000	125.000	125.000	125.000	125.000	125.000	125.000	125.000	125.000	125.000	125.000
28	Xi măng	Xi măng Hà Tiên Gold PCB40	bao	TCVN 6260:2020	Bao 50kg	Công ty TNHH MTV VLXD Xanh HAMACO	Việt Nam	Giá có thể thay đổi theo điều kiện thanh toán và giao hàng	Đã bao gồm chi phí vận chuyển	Mức giá đăng ký này thực hiện từ ngày 01/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	110.000	110.000	110.000	110.000	110.000	110.000	110.000	110.000	110.000	110.000	110.000	110.000	110.000	110.000
29	Xi măng	Xi măng Hà Tiên Expo PCB40	bao	TCVN 6260:2020	Bao 50kg	Công ty TNHH MTV VLXD Xanh HAMACO	Việt Nam	Giá có thể thay đổi theo điều kiện thanh toán và giao hàng	Đã bao gồm chi phí vận chuyển	Mức giá đăng ký này thực hiện từ ngày 01/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	110.000	110.000	110.000	110.000	110.000	110.000	110.000	110.000	110.000	110.000	110.000	110.000	110.000	110.000
30	Xi măng	Xi măng Ngân Sơn PCB40	bao	TCVN 6260:2020	Bao 50kg	Công ty TNHH MTV VLXD Xanh HAMACO	Việt Nam	Giá có thể thay đổi theo điều kiện thanh toán và giao hàng	Đã bao gồm chi phí vận chuyển	Mức giá đăng ký này thực hiện từ ngày 01/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	110.000	110.000	110.000	110.000	110.000	110.000	110.000	110.000	110.000	110.000	110.000	110.000	110.000	110.000
31	Xi măng	Xi măng bền Sunphat Việt Nhật PCB50 HS	bao	TCVN 7711:2013	Bao 50kg	Công ty TNHH MTV VLXD Xanh HAMACO	Việt Nam	Giá có thể thay đổi theo điều kiện thanh toán và giao hàng	Đã bao gồm chi phí vận chuyển	Mức giá đăng ký này thực hiện từ ngày 01/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	130.000	130.000	130.000	130.000	130.000	130.000	130.000	130.000	130.000	130.000	130.000	130.000	130.000	130.000
32	Xi măng	Xi măng xá Việt Nhật xỉ lò cao PCB I40	bao	TCVN 4316:2007	Bao 50kg	Công ty TNHH MTV VLXD Xanh HAMACO	Việt Nam	Giá có thể thay đổi theo điều kiện thanh toán và giao hàng	Đã bao gồm chi phí vận chuyển	Mức giá đăng ký này thực hiện từ ngày 01/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	107.500	107.500	107.500	107.500	107.500	107.500	107.500	107.500	107.500	107.500	107.500	107.500	107.500	107.500
33	Xi măng	Xi măng xá Việt Nhật xỉ lò cao PCB II40	bao	TCVN 4316:2007	Bao 50kg	Công ty TNHH MTV VLXD Xanh HAMACO	Việt Nam	Giá có thể thay đổi theo điều kiện thanh toán và giao hàng	Đã bao gồm chi phí vận chuyển	Mức giá đăng ký này thực hiện từ ngày 01/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	105.000	105.000	105.000	105.000	105.000	105.000	105.000	105.000	105.000	105.000	105.000	105.000	105.000	105.000
34	Xi măng	Xi măng xá Việt Nhật xỉ lò cao PCB I50	bao	TCVN 4316:2007	Bao 50kg	Công ty TNHH MTV VLXD Xanh HAMACO	Việt Nam	Giá có thể thay đổi theo điều kiện thanh toán và giao hàng	Đã bao gồm chi phí vận chuyển	Mức giá đăng ký này thực hiện từ ngày 01/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	110.000	110.000	110.000	110.000	110.000	110.000	110.000	110.000	110.000	110.000	110.000	110.000	110.000	110.000
35	Xi măng	Xi măng xá bền Sunphat Việt Nhật PCB40-MS	bao	TCVN 7711:2013	Bao 50kg	Công ty TNHH MTV VLXD Xanh HAMACO	Việt Nam	Giá có thể thay đổi theo điều kiện thanh toán và giao hàng	Đã bao gồm chi phí vận chuyển	Mức giá đăng ký này thực hiện từ ngày 01/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	107.500	107.500	107.500	107.500	107.500	107.500	107.500	107.500	107.500	107.500	107.500	107.500	107.500	107.500
36	Xi măng	Xi măng xá bền Sunphat Việt Nhật PCB40-HS	bao	TCVN 7711:2013	Bao 50kg	Công ty TNHH MTV VLXD Xanh HAMACO	Việt Nam	Giá có thể thay đổi theo điều kiện thanh toán và giao hàng	Đã bao gồm chi phí vận chuyển	Mức giá đăng ký này thực hiện từ ngày 01/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	110.000	110.000	110.000	110.000	110.000	110.000	110.000	110.000	110.000	110.000	110.000	110.000	110.000	110.000
37	Xi măng	Xi măng xá Việt Nhật PCB40	bao	TCVN 6260:2020	Bao 50kg	Công ty TNHH MTV VLXD Xanh HAMACO	Việt Nam	Giá có thể thay đổi theo điều kiện thanh toán và giao hàng	Đã bao gồm chi phí vận chuyển	Mức giá đăng ký này thực hiện từ ngày 01/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	105.000	105.000	105.000	105.000	105.000	105.000	105.000	105.000	105.000	105.000	105.000	105.000	105.000	105.000

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng) (đồng)														
												Khu vực Tân An	Khu vực Tân Trụ	Khu vực Châu Thành	Khu vực Thủ Thừa	Khu vực Bến Lức	Khu vực Cần Giuộc	Khu vực Cần Đước	Khu vực Tân Thạnh	Khu vực Thạnh Hóa	Khu vực Tân Hưng	Khu vực Vĩnh Hưng	Khu vực Kiến Tường	Khu vực Mộc Hóa	Khu vực Đức Hòa	Khu vực Đức Huệ
38	Xi măng	Xi măng xá Việt Nhật PCB50	bao	TCVN 6260:2020	Bao 50kg	Công ty TNHH MTV VLXD Xanh HAMACO	Việt Nam	Giá có thể thay đổi theo điều kiện thanh toán và giao hàng	Đã bao gồm chi phí vận chuyển	Mức giá đăng ký này thực hiện từ ngày 01/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	107.500	107.500	107.500	107.500	107.500	107.500	107.500	107.500	107.500	107.500	107.500	107.500	107.500	107.500	107.500
39	Xi măng	Vicem Hà Tiên PCB40_MS Bền Sulfat	bao	TCVN 7711:2013	Bao 50kg	Công ty CP Xi măng Vicem Hà Tiên. Đc: Lầu 3, số 9-19 Hồ Tùng Mậu, P.Sài Gòn, TP.HCM -Đt: 028.39151617. Công văn đề nghị công bố giá số 237/TTDV-PTT ngày 7/5/2026	Việt Nam	Bên mua chịu chi phí vận chuyển	Giao trên phương tiện bên mua tại Nhà máy KiênLương (xuất thuỷ/bộ)	Mức giá đăng ký này thực hiện từ ngày 10/05/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	71.991	71.991	71.991	71.991	71.991	71.991	71.991	71.991	71.991	71.991	71.991	71.991	71.991	71.991	71.991
40	Xi măng	Vicem Hà Tiên PCB40_MS Bền Sulfat	bao	TCVN 7711:2013	Bao 50kg	Công ty CP Xi măng Vicem Hà Tiên. Đc: Lầu 3, số 9-19 Hồ Tùng Mậu, P.Sài Gòn, TP.HCM -Đt: 028.39151617. Công văn đề nghị công bố giá số 237/TTDV-PTT ngày 7/5/2026	Việt Nam	Bên mua chịu chi phí vận chuyển	Giao trên phương tiện bên mua tại Trạm nghiền Phú Hữu (xuất thuỷ)	Mức giá đăng ký này thực hiện từ ngày 10/05/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	77.546	77.546	77.546	77.546	77.546	77.546	77.546	77.546	77.546	77.546	77.546	77.546	77.546	77.546	77.546
41	Xi măng	Xi măng Vicem Hà Tiên công nghiệp PCB40	tấn	TCVN 6260:2020	dạng rời	Công ty CP Xi măng Vicem Hà Tiên. Đc: Lầu 3, số 9-19 Hồ Tùng Mậu, P.Sài Gòn, TP.HCM -Đt: 028.39151617. Công văn đề nghị công bố giá số 237/TTDV-PTT ngày 7/5/2026	Việt Nam	Bên mua chịu chi phí vận chuyển	Giao trên phương tiện bên mua tại nhà máy Bình Phước	Mức giá được thực hiện từ ngày 10/05/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	1.407.407	1.407.407	1.407.407	1.407.407	1.407.407	1.407.407	1.407.407	1.407.407	1.407.407	1.407.407	1.407.407	1.407.407	1.407.407	1.407.407	1.407.407
42	Xi măng	Xi măng Vicem Hà Tiên công nghiệp PCB40	tấn	TCVN 6260:2020	dạng rời	Công ty CP Xi măng Vicem Hà Tiên. Đc: Lầu 3, số 9-19 Hồ Tùng Mậu, P.Sài Gòn, TP.HCM -Đt: 028.39151617. Công văn đề nghị công bố giá số 237/TTDV-PTT ngày 7/5/2026	Việt Nam	Bên mua chịu chi phí vận chuyển	Giao trên phương tiện bên mua tại Trạm nghiền Long An	Mức giá được thực hiện từ ngày 10/05/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	1.384.259	1.384.259	1.384.259	1.384.259	1.384.259	1.384.259	1.384.259	1.384.259	1.384.259	1.384.259	1.384.259	1.384.259	1.384.259	1.384.259	1.384.259
43	Xi măng	Xi măng Vicem Hà Tiên công nghiệp PCB40	tấn	TCVN 6260:2020	dạng rời	Công ty CP Xi măng Vicem Hà Tiên. Đc: Lầu 3, số 9-19 Hồ Tùng Mậu, P.Sài Gòn, TP.HCM -Đt: 028.39151617. Công văn đề nghị công bố giá số 237/TTDV-PTT ngày 7/5/2026	Việt Nam	Bên mua chịu chi phí vận chuyển	Giao trên phương tiện bên mua tại Trjam nghiền Phú Hữu	Mức giá được thực hiện từ ngày 10/05/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	1.407.407	1.407.407	1.407.407	1.407.407	1.407.407	1.407.407	1.407.407	1.407.407	1.407.407	1.407.407	1.407.407	1.407.407	1.407.407	1.407.407	1.407.407
44	Xi măng	Xi măng Vicem gia cố nền	tấn	TCVN 4316:2007	dạng rời	Công ty CP Xi măng Vicem Hà Tiên. Đc: Lầu 3, số 9-19 Hồ Tùng Mậu, P.Sài Gòn, TP.HCM -Đt: 028.39151617. Công văn đề nghị công bố giá số 237/TTDV-PTT ngày 7/5/2026	Việt Nam	Bên mua chịu chi phí vận chuyển	Giao trên phương tiện bên mua tại Trjam nghiền Phú Hữu	Mức giá được thực hiện từ ngày 10/05/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	1.324.074	1.324.074	1.324.074	1.324.074	1.324.074	1.324.074	1.324.074	1.324.074	1.324.074	1.324.074	1.324.074	1.324.074	1.324.074	1.324.074	1.324.074
45	Xi măng	Xi măng bao PCB 40	bao	Phù hợp QCVN 16:2019/BXD; TCVN 6260:2009	bao 50 kg	Chi nhánh CTCP Xi Măng Thăng Long. Đc: Lô A3, KCN Hiệp Phước, xã Hiệp Phước, TP.HCM - Đt: 0915335821. Công văn đề nghị công bố giá số 17/2026/CV-CNTL-TT ngày 22/06/2026	Việt Nam	Thanh toán theo thoả thuận	Giá bao gồm vận chuyển trong tỉnh Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/07/2026 đến 31/12/2026	Giá không đổi	78.000	78.000	78.000	78.000	78.000	78.000	78.000	78.000	78.000	78.000	78.000	78.000	78.000	78.000	78.000
46	Xi măng	Xi măng rời PCB50	tấn	Phù hợp QCVN 16:2019/BXD; TCVN 6260:2009	dạng xá rời	Chi nhánh CTCP Xi Măng Thăng Long. Đc: Lô A3, KCN Hiệp Phước, xã Hiệp Phước, TP.HCM - Đt: 0915335821. Công văn đề nghị công bố giá số 17/2026/CV-CNTL-TT ngày 22/06/2026	Việt Nam	Thanh toán theo thoả thuận	Giá bao gồm vận chuyển trong tỉnh Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/07/2026 đến 31/12/2026	Giá không đổi	1.570.000	1.570.000	1.570.000	1.570.000	1.570.000	1.570.000	1.570.000	1.570.000	1.570.000	1.570.000	1.570.000	1.570.000	1.570.000	1.570.000	1.570.000
47	Xi măng	Xi măng Hà Tiên	bao		50kg	Vật liệu xây dựng Trung Thảo (đc: xã Trường Bình, Cần giuộc). Phiếu khảo sát tại cửa hàng	Việt Nam	Không có thông tin	giá tại cửa hàng	Mức giá đăng ký này thực hiện từ ngày 18/06/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	-	-	-	-	-	97.000	-	-	-	-	-	-	-	-	-
48	Xi măng	Xi măng Vicem	bao		50kg	Phiếu khảo sát tại cửa hàng khu vực Cần Đước, Tây Ninh: Vật liệu xây dựng Thuận Lợi (đc: xã Tân Trạch, Cần Đước),Cửa hàng VLXD Thành Công (đc: xã Tân Lân, Cần Đước, Long An).	Việt Nam	Không có thông tin	giá tại cửa hàng	Mức giá đăng ký này thực hiện từ ngày 18/06/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	-	-	-	-	-	-	96.000	-	-	-	-	-	-	-	-
49	Xi măng	Xi măng Hà Tiên	bao		50kg	Vật liệu xây dựng Hoàng Phúc. Đc: Hậu Nghĩa, Đức Hoà, Long An.(Phiếu khảo sát tại cửa hàng)	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại khu vực Long An cũ chưa bao gồm chi phí vận chuyển	(Mức giá được thực hiện từ 29/7/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá bán tăng	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	87.000	-
50	Xi măng	Xi măng Vicem	bao		50kg	Vật liệu xây dựng Hoàng Phúc. Đc: Hậu Nghĩa, Đức Hoà, Long An.(Phiếu khảo sát tại cửa hàng)	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại khu vực Long An cũ chưa bao gồm chi phí vận chuyển	(Mức giá được thực hiện từ 29/7/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá bán giảm	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	96.000	-
51	Xi măng	Xi măng Hà Tiên MĐ	bao		50kg	Công ty TNHH TM DV Vận chuyển Huỳnh Đông Anh (Đc: Đường tỉnh 839 ấp Mỹ Thạnh Đông, xã Đông Thành, tỉnh Tây Ninh - 091 499 4056). Phiếu khảo sát tại cửa hàng	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán chưa bao gồm chi phí vận chuyển	(Mức giá được thực hiện từ 10/04/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá không đổi	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	95.000
52	Xi măng	Xi măng Insee	bao		50kg	Vật liệu xây dựng Văn Phát. ấp 1, Thạnh Hoà, Bến Lức, Long An. (Phiếu khảo sát tại cửa hàng)	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán chưa bao gồm chi phí vận chuyển	(Mức giá được thực hiện từ 11/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá bán tăng	-	-	-	-	92.000	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
53	Xi măng	Xi măng Insee	bao		50kg	Phiếu khảo sát tại cửa hàng khu vực Mộc Hoá: Công ty TNHH Nguyễn Thân NTC. Mộc Hoá, Long An,Vật liệu xây dựng Phước Thành	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán chưa bao gồm chi phí vận chuyển	Mức giá được thực hiện từ 02/06/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	99.500	-	-
54	Xi măng	Xi măng Hà Tiên	bao		50kg	Công ty TNHH TMDV XD Quỳnh Khôi LA. Huyện Đức Huệ, Long An. (Phiếu khảo sát tại cửa hàng)	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán chưa bao gồm chi phí vận chuyển	(Mức giá được thực hiện từ 10/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá bán tăng	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	85.000
55	Xi măng	Xi măng Tây Đô	bao		50kg	Công ty TNHH TMDV XD Quỳnh Khôi LA. Huyện Đức Huệ, Long An. (Phiếu khảo sát tại cửa hàng)	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán chưa bao gồm chi phí vận chuyển	(Mức giá được thực hiện từ 10/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá bán giảm	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	87.000
56	Xi măng	Xi măng Hà Tiên Kiên Lương	bao		50kg	Doanh nghiệp tư nhân Hoàng Phước Lộc. Huyện Tân Hưng, Long An (Phiếu khảo sát tại cửa hàng)	Việt Nam	Không có thông tin	giá tại cửa hàng	Mức giá ngày 08/06/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán giảm	-	-	-	-	-	-	-	-	-	86.000	-	-	-	-	-
57	Xi măng	Xi măng Long Sơn PCB40	bao		50kg	Cửa hàng VLXD Út Phượng. 60TL 816 ấp 3, Thạnh Hoà, Bến Lức, Long An (Phiếu khảo sát tại cửa hàng)	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại cửa hàng, chưa bao gồm chi phí vận chuyển	Giá khảo sátngày 15/04/2026	Giá không đổi	-	-	-	-	90.000	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
58	Xi măng	Xi măng Hà Tiên An Giang	bao		50kg	Cửa hàng VLXD Tuấn. Khu phố 3, TT.Thạnh Hoá, Long An. (Phiếu khảo sát tại cửa hàng)	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại cửa hàng, chưa bao gồm chi phí vận chuyển	Mức giá đăng ký này thực hiện từ ngày 18/03/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	-	-	-	-	-	-	-	-	85.000	-	-	-	-	-	-
59	Xi măng	Xi măng Cần Thơ	bao		50kg	Cửa hàng VLXD Hồng Tiến. Đc: ấp 7, xã Vĩnh Công, Châu Thành, Long An. (Phiếu khảo sát tại cửa hàng)	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại cửa hàng, chưa bao gồm chi phí vận chuyển	Mức giá đăng ký này thực hiện từ ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	-	-	87.000	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
60	Xi măng	Xi măng Insee	bao		50kg	Cửa hàng VLXD Tư Nhi. Đc: xã Nhựt Tảo, Tây Ninh. (Phiếu khảo sát tại cửa hàng)	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại cửa hàng, chưa bao gồm chi phí vận chuyển	Mức giá đăng ký này thực hiện từ ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	-	97.000	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
61	Xi măng	Xi măng Vicem Hà Tiên PCB 40	bao		50kg	Công ty TNHH MTV Nguyễn Hiệp Đoàn Ấp Bình Phong Thạnh 2, xã Mộc Hóa, Tây Ninh	Việt Nam	Không có thông tin	giá bán chưa bao gồm vận chuyển	Giá khảo sát của phòng Kinh tế xã Bình Hoà ngày 02/04/2026	Giá không đổi	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	90.000	-	-
62	Xi măng	Xi măng Vicem Hà Tiên PCB 50	bao		50kg	Công ty TNHH MTV Nguyễn Hiệp Đoàn Ấp Bình Phong Thạnh 2, xã Mộc Hóa, Tây Ninh	Việt Nam	Không có thông tin	giá bán chưa bao gồm vận chuyển	Giá khảo sát của phòng Kinh tế xã Bình Hoà ngày 02/04/2026	Giá không đổi	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	105.000	-	-
63	Xi măng	Xi măng Thái PCB40 AdaMax (K)	bao			Công ty TNHH MTV VLXD Cường Tiến. 69 ấp Ông Lễ, xã Bình Hiệp, TX. Kiến Tường (phiếu khảo sát tại cửa hàng)	Việt Nam	Không có thông tin	chưa bao gồm chi phí vận chuyển, giá bán tại cửa hàng	Mức giá áp dụng từ 27/07/2026 đến khi có thông báo mới.	Giá bán giảm	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	88.000	-	-	-
64	Xi măng	Xi măng Thái PCB40 StarMax (K)	bao			Công ty TNHH MTV VLXD Cường Tiến. 69 ấp Ông Lễ, xã Bình Hiệp, TX. Kiến Tường (phiếu khảo sát tại cửa hàng)	Việt Nam	Không có thông tin	chưa bao gồm chi phí vận chuyển, giá bán tại cửa hàng	Mức giá áp dụng từ 27/07/2026 đến khi có thông báo mới.	Giá không đổi	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	92.000	-	-	-

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng) (đồng)														
												Khu vực Tân An	Khu vực Tân Trụ	Khu vực Châu Thành	Khu vực Thủ Thừa	Khu vực Bến Lức	Khu vực Cần Giuộc	Khu vực Cần Đước	Khu vực Tân Thạnh	Khu vực Thạnh Hóa	Khu vực Tân Hưng	Khu vực Vĩnh Hưng	Khu vực Kiến Tường	Khu vực Mộc Hóa	Khu vực Đức Hòa	Khu vực Đức Huệ
65	Xi măng	Xi măng SCG Nano siêu mịn PCB40(K)	bao			Công ty TNHH MTV VLXD Cường Tiến. 69 ấp Ông Lễ, xã Bình Hiệp, TX. Kiến Tường (phiếu khảo sát tại cửa hàng)	Việt Nam	Không có thông tin	chưa bao gồm chi phí vận chuyển, giá bán tại cửa hàng	Mức giá áp dụng từ 27/07/2026 đến khi có thông báo mới.	Giảm giá	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	101.000	-	-	-
66	Xi măng	Xi măng Hà Tiên Kiên Lương	bao			Vật liệu xây dựng Nhựt Mỹ. (Đc: Huyện Vĩnh Hưng, Long A). Phiếu khảo sát tại cửa hàng	Việt Nam	Không có thông tin	chưa bao gồm chi phí vận chuyển, giá bán tại cửa hàng	Mức giá áp dụng từ 08/06/2026 đến khi có thông báo mới.	Giá không đổi	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	90.000	-	-	-	-
67	Xi măng	Xi măng Vicem Hạ Long	bao			Phiếu khảo sát tại khu vực Tân An, Long An: VLXD Thanh Bình, Cty TNHH Thanh Nhàn	Việt nam	Không có thông tin	giá tại cửa hàng	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có đăng ký mới	Giảm giá	85.500														
68	Cát xây dựng	Cát xây	m3		dạng rời	Phiếu khảo sát tại khu vực Tân An, Long An: cty TNHH DV TM Mai Thành Phát, VLXD Thanh Bình, Cty TNHH Thanh Nhàn	Việt nam	Không có thông tin	giá tại cửa hàng	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có đăng ký mới	Giảm giá	393.333	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
69	Cát xây dựng	Cát campuchia	m3			Vật liệu xây dựng Lê Hoàng Vũ (đc: xã Tân Lập, Mộc Hoá, Long An). Phiếu khảo sát tại cửa hàng.	Việt Nam	Không có thông tin	giá tại cửa hàng	Mức giá ngày 02/06/2026 đến khi có đăng ký mới	Giảm giá	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	385.000	-	-
70	Cát xây dựng	Cát to	m3			Vật liệu xây dựng Trung Thảo (đc: xã Trường Bình, Cần giuộc). Phiếu khảo sát tại cửa hàng	Việt Nam	Không có thông tin	giá tại cửa hàng	Mức giá đăng ký này thực hiện từ ngày 18/06/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	-	-	-	-	-	600.000	-	-	-	-	-	-	-	-	-
71	Cát xây dựng	Cát xây tô	m3			Cửa hàng VLXD Minh Nhật. TT.Tân Thạnh, Long An (Phiếu khảo sát tại cửa hàng)	Việt Nam	Không có thông tin	chưa bao gồm chi phí vận chuyển, giá bán tại cửa hàng	Mức giá ngày 02/06/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	-	-	-	-	-	-	-	425.000	-	-	-	-	-	-	-
72	Cát xây dựng	Cát xây tô	m3			Doanh nghiệp tư nhân Hoàng Phước Lộc. Huyện Tân Hưng, Long An (Phiếu khảo sát tại cửa hàng)	Việt Nam	Không có thông tin	chưa bao gồm chi phí vận chuyển, giá bán tại cửa hàng	Mức giá ngày 08/06/2026 đến khi có thông báo mới	Giảm giá	-	-	-	-	-	-	-	-	-	330.000	-	-	-	-	-
73	Cát xây dựng	Cát hồ	m3			Cửa hàng VLXD Hồng Tiến. Đc: ấp 7, xã Vĩnh Công, Châu Thành, Long An. (Phiếu khảo sát tại cửa hàng)	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại cửa hàng, chưa bao gồm chi phí vận chuyển	Mức giá đăng ký này thực hiện từ ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giảm giá	-	-	415.000	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
74	Cát xây dựng	Cát hồ	m3			Vật liệu xây dựng Văn Phát. ấp 1, Thạnh Hoà, Bến Lức, Long An. (Phiếu khảo sát tại cửa hàng)	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại cửa hàng, chưa bao gồm chi phí vận chuyển	(Mức giá được thực hiện từ 11/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá không đổi	-	-	-	-	400.000	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
75	Cát xây dựng	Cát to	m3			Cửa hàng VLXD Tư Nhi. Đc: xã Nhựt Tảo, Tây Ninh. (Phiếu khảo sát tại cửa hàng)	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại cửa hàng, chưa bao gồm chi phí vận chuyển	Mức giá đăng ký này thực hiện từ ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	-	498.000	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
76	Cát xây dựng	Cát san lấp	m3			Phiếu khảo sát tại khu vực Tân An, Long An: cty TNHH DV TM Mai Thành Phát, VLXD Thanh Bình, Cty TNHH Thanh Nhàn	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại kho, chưa bao gồm chi phí vận chuyển	Mức giá đăng ký này thực hiện từ ngày 27/7/2026 đến khi có thông báo mới	Giảm giá	286.667	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
77	Cát xây dựng	Cát san lấp	m3			Cửa hàng VLXD Tuấn. Khu phố 3, TT.Thạnh Hoà, Long An. (Phiếu khảo sát tại cửa hàng)	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại cửa hàng, chưa bao gồm chi phí vận chuyển	Mức giá đăng ký này thực hiện từ ngày 13/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	-	-	-	-	-	-	-	-	310.000	-	-	-	-	-	-
78	Cát xây dựng	Cát xây tô	m3			Công ty TNHH TMDV XD Quỳnh Khôi LA. Huyện Đức Huệ, Long An. (Phiếu khảo sát tại cửa hàng)	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại cửa hàng, chưa bao gồm chi phí vận chuyển	(Mức giá được thực hiện từ 10/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá bán tăng	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	365.000
79	Cát xây dựng	Cát vàng	m3			Phiếu khảo sát tại các cửa hàng tại xã Bình Hiệp,Tỉnh Tây Ninh (Khu vực Kiến tường cũ)(Cty TNHH MTV Tân Định Tân Thành,Cty Tài Phát Đạt, Cty TNHH VLXD Toàn Mai)	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại cửa hàng, chưa bao gồm chi phí vận chuyển	Mức giá được thực hiện từ ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	385.000			
80	Cát xây dựng	Cát san lấp	m3			Cửa hàng VLXD Hai Măng (Công văn số 680/BC-PKT ngày 02/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại cửa hàng, chưa bao gồm chi phí vận chuyển	Khảo sát của Phòng kinh tế xã Bình Hoà ngày 02/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	320.000	-	-
81	Cát xây dựng	Cát san lấp	m3			Công ty TNHH Hữu Tài. Đc: 75 Bà Chánh Thâu, KP2, TT.Bến Lức, Tỉnh Long An - Đt: 02723 871 469. Phiếu khảo sát tại đơn vị	Việt Nam	Không có thông tin	Giá tại bãi	Mức giá đăng ký này thực hiện từ ngày 22/05/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	-	-	-	-	310.000	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
82	Cát xây dựng	Cát san lấp	m3			Phiếu khảo sát tại các cửa hàng tại xã Bình Hiệp,Tỉnh Tây Ninh (Khu vực Kiến tường cũ)(Cty TNHH MTV Tân Định Tân Thành,Cty Tài Phát Đạt, Cty TNHH VLXD Toàn Mai)	Việt Nam	Không có thông tin	Giá tại cửa hàng. Chưa bao gồm chi phí vận chuyển	Mức giá đăng ký này thực hiện từ ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	373.333	-	-	-
83	Cát xây dựng	Cát hạt to	m3			Phiếu khảo sát tại các cửa hàng tại xã Bình Hiệp,Tỉnh Tây Ninh (Khu vực Kiến tường cũ)(Cty TNHH MTV Tân Định Tân Thành,Cty Tài Phát Đạt, Cty TNHH VLXD Toàn Mai)	Việt Nam	Không có thông tin	Giá tại cửa hàng. Chưa bao gồm chi phí vận chuyển	Mức giá đăng ký này thực hiện từ ngày 27/06/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	435.000	-	-	-
84	Cát xây dựng	Sỏi đỏ	m3			Phiếu khảo sát tại các cửa hàng tại xã Bình Hiệp,Tỉnh Tây Ninh (Khu vực Kiến tường cũ)(Cty TNHH MTV Tân Định Tân Thành,Cty Tài Phát Đạt, Cty TNHH VLXD Toàn Mai)	Việt Nam	Không có thông tin	Giá tại cửa hàng. Chưa bao gồm chi phí vận chuyển	Mức giá đăng ký này thực hiện từ ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	720.000	-	-	-
85	Cát xây dựng	Cát hồ	m3			Cửa hàng VLXD Tuấn. Khu phố 3, TT.Thạnh Hoà, Long An. (Phiếu khảo sát tại cửa hàng)	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại cửa hàng, chưa bao gồm chi phí vận chuyển	Mức giá đăng ký này thực hiện từ ngày 13/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	-	-	-	-	-	-	-	-	426.000	-	-	-	-	-	-
86	Cát xây dựng	Cát campuchia	m3			Công ty TNHH TM DV Vận chuyển Huỳnh Đông Anh (Đc: Đường tỉnh 839 ấp Mỹ Thạnh Đông, xã Đông Thành, tỉnh Tây Ninh - 091 499 4056). Phiếu khảo sát tại cửa hàng	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán chưa bao gồm chi phí vận chuyển	(Mức giá được thực hiện từ 10/04/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá không đổi	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	400.000
87	Cát xây dựng	Cát campuchia 1.4-1.6	m3			Công ty TNHH TM DV Vận chuyển Huỳnh Đông Anh (Đc: Đường tỉnh 839 ấp Mỹ Thạnh Đông, xã Đông Thành, tỉnh Tây Ninh - 091 499 4056). Phiếu khảo sát tại cửa hàng	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán chưa bao gồm chi phí vận chuyển	(Mức giá được thực hiện từ 10/04/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá không đổi	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	500.000
88	Cát xây dựng	Cát Campuchia	m3			Vật liệu xây dựng Nhựt Mỹ. (Đc: Huyện Vĩnh Hưng, Long A). Phiếu khảo sát tại cửa hàng	Việt Nam	Không có thông tin	chưa bao gồm chi phí vận chuyển, giá bán tại cửa hàng	Mức giá áp dụng từ 08/06/2026 đến khi có thông báo mới.	Giá bán giảm	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	352.000	-	-	-	-
89	Cát xây dựng	Cát mi Tân Ba	m3			Vật liệu xây dựng Út Ba. Xã Cần giuộc, tỉnh Tây Ninh. Phiếu khảo sát tại cửa hàng	Việt Nam	Không có thông tin	Đã bao gồm chi phí vận chuyển	Mức giá áp dụng từ 18/06/2026 đến khi có thông báo mới.	Giá bán giảm	-	-	-	-	-	400.000	-	-	-	-	-	-	-	-	-
90	Cát xây dựng	Cát to Tân Ba	m3			Vật liệu xây dựng Út Ba. Xã Cần giuộc, tỉnh Tây Ninh. Phiếu khảo sát tại cửa hàng	Việt Nam	Không có thông tin	Đã bao gồm chi phí vận chuyển	Mức giá áp dụng từ 18/06/2026 đến khi có thông báo mới.	Giá bán giảm	-	-	-	-	-	470.000	-	-	-	-	-	-	-	-	-
91	Cát xây dựng	Cát to	m3			Vật liệu xây dựng Tuấn Phát. Xã Cần Đước, tỉnh Tây Ninh. Phiếu khảo sát tại cửa hàng	Việt Nam	Không có thông tin	Đã bao gồm chi phí vận chuyển	Mức giá áp dụng từ 28/07/2026 đến khi có thông báo mới.	Giá bán giảm	-	-	-	-	-	-	600.000	-	-	-	-	-	-	-	-
92	Đá xây dựng	Đá mi bụi	m3			Phiếu khảo sát tại các cửa hàng tại xã Bình Hiệp,Tỉnh Tây Ninh (Khu vực Kiến tường cũ)(Cty TNHH MTV Tân Định Tân Thành,Cty Tài Phát Đạt, Cty TNHH VLXD Toàn Mai)	Việt Nam	Không có thông tin	giá bán chưa bao gồm vận chuyển	Mức giá được thực hiện từ ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	768.333	-	-	-
93	Đá xây dựng	Đá 1x2 thạnh Phú	m3			Vật liệu xây dựng Lê Hoàng Vũ (đc: xã Tân Lập, Mộc Hoá, Long An). Phiếu khảo sát tại cửa hàng.	Việt nam	Không có thông tin	giá tại cửa hàng	Mức giá ngày 02/06/2026 đến khi có đăng ký mới	Giá bán tăng	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	907.000	-	-

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng) (đồng)														
												Khu vực Tân An	Khu vực Tân Trụ	Khu vực Châu Thành	Khu vực Thủ Thừa	Khu vực Bến Lức	Khu vực Cần Giuộc	Khu vực Cần Đước	Khu vực Tân Thạnh	Khu vực Thạnh Hóa	Khu vực Tân Hưng	Khu vực Vĩnh Hưng	Khu vực Kiến Tường	Khu vực Mộc Hóa	Khu vực Đức Hòa	Khu vực Đức Huệ
94	Đá xây dựng	Đá 1x2 Vũng Tàu loại 1	m3			Vật liệu xây dựng Phước Thành (xã Kiến Bình, Mộc Hoá, Long An). Phiếu khảo sát tại cửa hàng	Việt nam	Không có thông tin	giá tại cửa hàng	Mức giá được thực hiện từ 02/06/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	955.000	-	-
95	Đá xây dựng	Đá 1x2 Tân Châu	m3			Công ty TNHH Tin Phong Construction. (Phiếu khảo sát tại cửa hàng)	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại cửa hàng, chưa bao gồm chi phí vận chuyển	Mức giá đăng ký này thực hiện từ ngày 29/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	845.000	-
96	Đá xây dựng	Đá 1x2 Bình Dương	m3			Công ty TNHH TMDV XD Quỳnh Khôi LA. Huyện Đức Huệ, Long An. (Phiếu khảo sát tại cửa hàng)	Việt Nam	Không có thông tin	Giá tại cửa hàng	(Mức giá được thực hiện từ 10/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá không đổi	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	877.000
97	Đá xây dựng	Đá 1x2 xanh	m3			Vật liệu xây dựng Thuận Lợi (đc: xã Tân Trạch, Cần Đước). Phiếu khảo sát tại cửa hàng	Việt Nam	Không có thông tin	Giá tại cửa hàng	Mức giá đăng ký này thực hiện từ ngày 18/06/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	-	-	-	-	-	-	1.105.000	-	-	-	-	-	-	-	-
98	Đá xây dựng	Đá 1x2 xám	m3			Vật liệu xây dựng Trung Thảo (đc: xã Trường Bình, Cần giuộc). Phiếu khảo sát tại cửa hàng	Việt Nam	Không có thông tin	Giá tại cửa hàng	Mức giá đăng ký này thực hiện từ ngày 18/06/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	-	-	-	-	-	992.000	-	-	-	-	-	-	-	-	-
99	Đá xây dựng	Đá 1x2 xanh	m3			Vật liệu xây dựng Trung Thảo (đc: xã Trường Bình, Cần giuộc). Phiếu khảo sát tại cửa hàng	Việt Nam	Không có thông tin	Giá tại cửa hàng	Mức giá đăng ký này thực hiện từ ngày 18/06/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	-	-	-	-	-	1.142.000	-	-	-	-	-	-	-	-	-
100	Đá xây dựng	Đá 1x2 đen	m3			Cửa hàng VLXD Tư Nhì. Đc: xã Nhựt Tảo, Tây Ninh. (Phiếu khảo sát tại cửa hàng)	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại cửa hàng, chưa bao gồm chi phí vận chuyển	Mức giá đăng ký này thực hiện từ ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	-	650.000	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
101	Đá xây dựng	Đá 1x2	m3			Vật liệu xây dựng Văn Phát. ấp 1, Thạnh Hoá, Bến Lức, Long An. (Phiếu khảo sát tại cửa hàng)	Việt nam	Không có thông tin	Giá bán tại cửa hàng, chưa bao gồm chi phí vận chuyển	(Mức giá được thực hiện từ 11/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá không đổi	-	-	-	-	730.000	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
102	Đá xây dựng	Đá mi bụi	m3		dạng rời	Công ty TNHH DV TM Mai Thành Phát. 270/2 Nguyễn Thị Hạnh, P6, Tân An, Long An. (Phiếu khảo sát tại cửa hàng)	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại kho, chưa bao gồm chi phí vận chuyển	Mức giá đăng ký này thực hiện từ ngày 27/7/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	700.000	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
103	Đá xây dựng	Đá mi sàn	m3		dạng rời	Công ty TNHH DV TM Mai Thành Phát. 270/2 Nguyễn Thị Hạnh, P6, Tân An, Long An. (Phiếu khảo sát tại cửa hàng)	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại kho, chưa bao gồm chi phí vận chuyển	Mức giá đăng ký này thực hiện từ ngày 27/7/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	880.000	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
104	Đá xây dựng	Đá 1x2 xanh	m3			Doanh nghiệp tư nhân Hoàng Phước Lộc. Huyện Tân Hưng, Long An (Phiếu khảo sát tại cửa hàng)	Việt nam	Không có thông tin	Giá bán tại cửa hàng, chưa bao gồm chi phí vận chuyển	Mức giá ngày 08/06/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán giảm	-	-	-	-	-	-	-	-	-	810.000	-	-	-	-	-
105	Đá xây dựng	Đá 1x2 trắng	m3			Doanh nghiệp tư nhân Hoàng Phước Lộc. Huyện Tân Hưng, Long An (Phiếu khảo sát tại cửa hàng)	Việt nam	Không có thông tin	Giá bán tại cửa hàng, chưa bao gồm chi phí vận chuyển	Mức giá ngày 08/06/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán giảm	-	-	-	-	-	-	-	-	-	955.000	-	-	-	-	-
106	Đá xây dựng	Đá 1x2 xanh	m3			Công ty TNHH Nguyễn Thân NTC. Mộc Hoá, Long An. (Phiếu khảo sát tại cửa hàng)	Việt Nam	Không có thông tin	giá tại cửa hàng	Mức giá ngày 09/04/2026 đến khi có đăng ký mới	Giá không đổi	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	800.000	-	-
107	Đá xây dựng	Đá 1x2 trắng	m3			Công ty TNHH Nguyễn Thân NTC. Mộc Hoá, Long An. (Phiếu khảo sát tại cửa hàng)	Việt Nam	Không có thông tin	giá tại cửa hàng	Mức giá ngày 09/04/2026 đến khi có đăng ký mới	Giá không đổi	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	960.000	-	-
108	Đá xây dựng	Đá 0x4	m3			Doanh nghiệp tư nhân Hoàng Phước Lộc. Huyện Tân Hưng, Long An (Phiếu khảo sát tại cửa hàng)	Việt nam	Không có thông tin	Giá bán tại cửa hàng, chưa bao gồm chi phí vận chuyển	Mức giá ngày 08/06/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán giảm	-	-	-	-	-	-	-	-	-	710.000	-	-	-	-	-
109	Đá xây dựng	Đá 1x2 xanh	m3			Phiếu khảo sát tại khu vực Tân An, Long An: cty TNHH DV TM Mai Thành Phát, VLXD Thanh Bình, Cty TNHH Thanh Nhàn	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại kho, chưa bao gồm chi phí vận chuyển	Mức giá đăng ký này thực hiện từ ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán giảm	1.056.667	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
110	Đá xây dựng	Đá 1x2 đen	m3			Phiếu khảo sát tại khu vực Tân An, Long An: cty TNHH DV TM Mai Thành Phát, VLXD Thanh Bình, Cty TNHH Thanh Nhàn	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại kho, chưa bao gồm chi phí vận chuyển	Mức giá đăng ký này thực hiện từ ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán giảm	830.000	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
111	Đá xây dựng	Đá 1x2	m3			Cửa hàng VLXD Minh Nhật. TT.Tân Thạnh, Long An (Phiếu khảo sát tại cửa hàng)	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại cửa hàng, chưa bao gồm chi phí vận chuyển	Mức giá ngày 02/06/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	-	-	-	-	-	-	-	862.000	-	-	-	-	-	-	-
112	Đá xây dựng	Đá 1x2	m3		dạng rời	Phiếu khảo sát tại các cửa hàng tại xã Bình Hiệp,Tỉnh Tây Ninh (Khu vực Kiến tường cũ)(Cty TNHH MTV Tân Định Tân Thành,Cty Tài Phát Đạt, Cty TNHH VLXD Toàn Mai)	Việt Nam	giá bán chưa bao gồm vận chuyển	Giá bán chưa bao gồm vận chuyển	Mức giá được thực hiện từ ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán giảm	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	881.667	-	-	-
113	Đá xây dựng	Đá 4x6	m3		dạng rời	Phiếu khảo sát tại các cửa hàng tại xã Bình Hiệp,Tỉnh Tây Ninh (Khu vực Kiến tường cũ)(Cty TNHH MTV Tân Định Tân Thành,Cty Tài Phát Đạt, Cty TNHH VLXD Toàn Mai)	Việt Nam	giá bán chưa bao gồm vận chuyển	Giá bán chưa bao gồm vận chuyển	Mức giá được thực hiện từ ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán giảm	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	848.333	-	-	-
114	Đá xây dựng	Đá 0x4	m3		dạng rời	Phiếu khảo sát tại các cửa hàng tại xã Bình Hiệp,Tỉnh Tây Ninh (Khu vực Kiến tường cũ)(Cty TNHH MTV Tân Định Tân Thành,Cty Tài Phát Đạt, Cty TNHH VLXD Toàn Mai)	Việt Nam	giá bán chưa bao gồm vận chuyển	Giá bán chưa bao gồm vận chuyển	Mức giá được thực hiện từ ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	746.667	-	-	-
115	Đá xây dựng	Đá xanh đen	m3		dạng rời	Công ty TNHH MTV Nguyễn Hiệp Đoàn Ấp Bình Phong Thạnh 2, xã Mộc Hóa, Tây Ninh	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán chưa bao gồm vận chuyển	Giá khảo sát của phòng Kinh tế xã Bình Hoà ngày 02/04/2026	Giá không đổi	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	792.000	-	-
116	Đá xây dựng	Đá 0x4 loại 1	m3		dạng rời	Công ty TNHH MTV Nguyễn Hiệp Đoàn Ấp Bình Phong Thạnh 2, xã Mộc Hóa, Tây Ninh	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán chưa bao gồm vận chuyển	Giá khảo sát của phòng Kinh tế xã Bình Hoà ngày 02/04/2026	Giá không đổi	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	621.000	-	-
117	Đá xây dựng	Đá 0x4 loại 2	m3		dạng rời	Công ty TNHH MTV Nguyễn Hiệp Đoàn Ấp Bình Phong Thạnh 2, xã Mộc Hóa, Tây Ninh	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán chưa bao gồm vận chuyển	Giá khảo sát của phòng Kinh tế xã Bình Hoà ngày 02/04/2026	Giá không đổi	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	585.000	-	-
118	Đá xây dựng	Đá mi sàn 0.5x1 loại 1	m3		dạng rời	Công ty TNHH MTV Nguyễn Hiệp Đoàn Ấp Bình Phong Thạnh 2, xã Mộc Hóa, Tây Ninh	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán chưa bao gồm vận chuyển	Giá khảo sát của phòng Kinh tế xã Bình Hoà ngày 02/04/2026	Giá không đổi	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	666.000	-	-
119	Đá xây dựng	Đá 1x2 Đồng Nai	m3			Công ty TNHH TM DV Vận chuyển Huỳnh Đông Anh (Đc: Đường tỉnh 839 ấp Mỹ Thạnh Đông, xã Đông Thành, tỉnh Tây Ninh - 091 499 4056). Phiếu khảo sát tại cửa hàng	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán chưa bao gồm chi phí vận chuyển	(Mức giá được thực hiện từ 10/04/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá không đổi	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	850.000
120	Đá xây dựng	Đá 1x2 Tân Cang	m3			Công ty TNHH TM DV Vận chuyển Huỳnh Đông Anh (Đc: Đường tỉnh 839 ấp Mỹ Thạnh Đông, xã Đông Thành, tỉnh Tây Ninh - 091 499 4056). Phiếu khảo sát tại cửa hàng	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán chưa bao gồm chi phí vận chuyển	(Mức giá được thực hiện từ 10/04/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá không đổi	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	1.050.000
121	Đá xây dựng	Đá 0x4 loại 2	m3			Công ty TNHH TM DV Vận chuyển Huỳnh Đông Anh (Đc: Đường tỉnh 839 ấp Mỹ Thạnh Đông, xã Đông Thành, tỉnh Tây Ninh - 091 499 4056). Phiếu khảo sát tại cửa hàng	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán chưa bao gồm chi phí vận chuyển	(Mức giá được thực hiện từ 10/04/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá không đổi	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	600.000

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng) (đồng)														
												Khu vực Tân An	Khu vực Tân Trụ	Khu vực Châu Thành	Khu vực Thủ Thừa	Khu vực Bến Lức	Khu vực Cần Giuộc	Khu vực Cần Đước	Khu vực Tân Thạnh	Khu vực Thạnh Hóa	Khu vực Tân Hưng	Khu vực Vĩnh Hưng	Khu vực Kiến Tường	Khu vực Mộc Hóa	Khu vực Đức Hòa	Khu vực Đức Huệ
122	Đá xây dựng	Đá 0x4 loại 1	m3			Công ty TNHH TM DV Vận chuyển Huỳnh Đông Anh (Đc: Đường tỉnh 839 ấp Mỹ Thạnh Đông, xã Đông Thành, tỉnh Tây Ninh - 091 499 4056). Phiếu khảo sát tại cửa hàng	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán chưa bao gồm chi phí vận chuyển	(Mức giá được thực hiện từ 10/04/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá không đổi	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	650.000
123	Đá xây dựng	Đá 4x6	m3			Công ty TNHH TM DV Vận chuyển Huỳnh Đông Anh (Đc: Đường tỉnh 839 ấp Mỹ Thạnh Đông, xã Đông Thành, tỉnh Tây Ninh - 091 499 4056). Phiếu khảo sát tại cửa hàng	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán chưa bao gồm chi phí vận chuyển	(Mức giá được thực hiện từ 10/04/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá không đổi	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	700.000
124	Đá xây dựng	Đá 1x2 Tân Cang	m3			Công ty TNHH Hữu Tài. Đc: 75 Bà Chánh Thâu, KP2, TT.Bến Lức, Tỉnh Long An - Đt: 02723 871 469. Phiếu khảo sát tại đơn vị	Việt Nam	Không có thông tin	Giá tại bãi	Mức giá ngày 22/05/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	-	-	-	-	1.130.000	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
125	Đá xây dựng	Đá 5x7 đen	m3			Công ty TNHH Hữu Tài. Đc: 75 Bà Chánh Thâu, KP2, TT.Bến Lức, Tỉnh Long An - Đt: 02723 871 469. Phiếu khảo sát tại đơn vị	Việt Nam	Không có thông tin	Giá tại bãi	Mức giá ngày 22/05/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	-	-	-	-	542.000	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
126	Đá xây dựng	Đá 0x4	m3			Công ty TNHH Hữu Tài. Đc: 75 Bà Chánh Thâu, KP2, TT.Bến Lức, Tỉnh Long An - Đt: 02723 871 469. Phiếu khảo sát tại đơn vị	Việt Nam	Không có thông tin	Giá tại bãi	Mức giá ngày 22/05/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	-	-	-	-	615.000	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
127	Đá xây dựng	Đá 4x6	m3			Công ty TNHH Hữu Tài. Đc: 75 Bà Chánh Thâu, KP2, TT.Bến Lức, Tỉnh Long An - Đt: 02723 871 469. Phiếu khảo sát tại đơn vị	Việt Nam	Không có thông tin	Giá tại bãi	Mức giá ngày 22/05/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	-	-	-	-	672.000	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
128	Đá xây dựng	Đá mi sàn	m3			Công ty TNHH Hữu Tài. Đc: 75 Bà Chánh Thâu, KP2, TT.Bến Lức, Tỉnh Long An - Đt: 02723 871 469. Phiếu khảo sát tại đơn vị	Việt Nam	Không có thông tin	Giá tại bãi	Mức giá ngày 22/05/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	-	-	-	-	690.000	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
129	Đá xây dựng	Đá 2x4	m3			Cửa hàng Tấn Trọng. Đc: số 266, QL62, P1. TX.Kiến Tường - Đt: 0916234169. Phiếu khảo sát tại cửa hàng	Việt Nam	Không có thông tin	Giá tại cửa hàng, chưa bao gồm chi phí vận chuyển	Mức giá ngày 27/06/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	840.000	-	-	-
130	Vật liệu san lấp	Đất san lấp K90	m3			Công ty TNHH TM DV XNK Nam Hiền (Đc: Xã Mỹ Quý Tây, huyện Đức Huệ, tỉnh Long An). Phiếu khảo sát tại mỏ	Việt Nam	Không có thông tin	Giá tại mỏ ấp 6, xã Mỹ Quý, Tây Ninh (Trước là Xã Mỹ Quý Tây, huyện Đức Huệ, tỉnh Long An), chưa bao gồm chi phí vận chuyển và nhân công	Mức giá ngày 11/04/2026 đến khi có đơn giá mới	Giá không đổi	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	200.000
131	Vật liệu san lấp	Đất san lấp loại 1	m3			Công ty TNHH Khai thác Tài nguyên Lợi Lộc - Chi nhánh Long An. Đc: xã Đức Huệ, tỉnh Tây Ninh. Phiếu khảo sát tại mỏ	Việt Nam	Không có thông tin	Giá tại mỏ (đơn vị thi công chỉ đưa xe đến để vận chuyển đi)	Mức giá ngày 02/01/2026 đến khi có thông báo giá mới	Giá không đổi	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	136.400
132	Vật liệu san lấp	Đất sét	m3			Cty TNHH SX VLXD Sao Mai (Đc:ấp Hiệp Hòa, xã An Ninh Đông, huyện Đức Hòa - Đt: 0937 211 300). Khảo sát tại mỏ	Việt Nam	Không có thông tin	Giá tại mỏ, chưa bao gồm chi phí vận chuyển và nhân công	Mức giá ngày 10/04/2026 đến khi có bảng báo giá mới	Giá không đổi	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	260.000	-
133	Vật liệu san lấp	Đất san lấp	m3			Cty TNHH SX VLXD Sao Mai (Đc:ấp Hiệp Hòa, xã An Ninh Đông, huyện Đức Hòa - Đt: 0937 211 300). Khảo sát tại mỏ	Việt Nam	Không có thông tin	Giá tại mỏ, chưa bao gồm chi phí vận chuyển và nhân công	Mức giá ngày 10/04/2026 đến khi có bảng báo giá mới	Giá không đổi	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	250.000	-
134	Gạch xây	Gạch ống Thuận Lợi	viên			Công ty TNHH MTV VLXD Cường Tiến. 69 ấp Ông Lễ, xã Bình Hiệp, TX. Kiến Tường (phiếu khảo sát tại cửa hàng)	Việt Nam	Không có thông tin	chưa bao gồm chi phí vận chuyển, giá bán tại cửa hàng	Mức giá áp dụng từ 27/07/2026 đến khi có thông báo mới.	Giá bán giảm	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	1.675	-	-	-
135	Gạch xây	Gạch ống Thuận Lợi	viên			Vật liệu xây dựng Phước Thành (xã Kiến Bình, Mộc Hoá, Long An). Phiếu khảo sát tại cửa hàng	Việt Nam	Không có thông tin	giá tại cửa hàng	Mức giá được thực hiện từ 02/06/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	1.730	-	-
136	Gạch xây	Gạch thẻ Thuận Lợi	viên			Công ty TNHH MTV VLXD Cường Tiến. 69 ấp Ông Lễ, xã Bình Hiệp, TX. Kiến Tường (phiếu khảo sát tại cửa hàng)	Việt Nam	Không có thông tin	chưa bao gồm chi phí vận chuyển, giá bán tại cửa hàng	Mức giá áp dụng từ 27/07/2026 đến khi có thông báo mới.	Giá bán giảm	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	1.730	-	-	-
137	Gạch xây	Gạch mi Thuận Lợi	viên			Công ty TNHH MTV VLXD Cường Tiến. 69 ấp Ông Lễ, xã Bình Hiệp, TX. Kiến Tường (phiếu khảo sát tại cửa hàng)	Việt Nam	Không có thông tin	chưa bao gồm chi phí vận chuyển, giá bán tại cửa hàng	Mức giá áp dụng từ 27/07/2026 đến khi có thông báo mới.	Giá không đổi	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	1.400	-	-	-
138	Gạch xây	Gạch ống Lợi Lộc	viên			Cửa hàng VLXD Út Phượng. 60TL 816 ấp 3, Thạnh Hoà, Bến Lức, Long An (Phiếu khảo sát tại cửa hàng)	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại cửa hàng, chưa bao gồm chi phí vận chuyển	Giá khảo sátngày 15/04/2026	Giá không đổi	-	-	-	-	1.700	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
139	Gạch xây	Gạch ống Phước Lập	viên			Phiếu khảo sát tại khu vực Đức Hoà: Công ty TNHH Tin Phong Construction, VLXD Hoàng Phúc	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại cửa hàng, chưa bao gồm chi phí vận chuyển	Mức giá đăng ký này thực hiện từ ngày 29/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán giảm	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	1.635	-
140	Gạch xây	Gạch ống	viên			Công ty TNHH Võ Nguyễn Ngọc Phúc (Đc: Phường 6, Tân An, LA). Phiếu khảo sát tại cửa hàng.	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán chưa bao gồm chi phí vận chuyển	Mức giá đăng ký này thực hiện từ ngày 09/05/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	1.750	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
141	Gạch xây	Gạch Tabico	viên			Cửa hàng vật liệu xây dựng Thành Công (đc: xã Tân Lân, Cần Đước, Long An). Phiếu khảo sát tại cửa hàng	Việt Nam	Không có thông tin	giá tại cửa hàng	Mức giá áp dụng từ 16/04/2026 đến khi có thông báo mới.	Giá không đổi	-	-	-	-	-	-	2.200	-	-	-	-	-	-	-	-
142	Gạch xây	Gạch 8*18	viên			Công ty TNHH DV TM Mai Thành Phát. 270/2 Nguyễn Thị Hạnh, P6, Tân An, Long An. (Phiếu khảo sát tại cửa hàng)	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại kho, chưa bao gồm chi phí vận chuyển	Mức giá đăng ký này thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	1.600	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
143	Gạch xây	Gạch ống Sao Mai	viên			Vật liệu xây dựng Văn Phát. ấp 1, Thạnh Hoà, Bến Lức, Long An. (Phiếu khảo sát tại cửa hàng)	Việt Nam	Không có thông tin	giá bán chưa bao gồm vận chuyển	(Mức giá được thực hiện từ 11/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá bán giảm	-	-	-	-	1.690	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
144	Gạch xây	Gạch ống	viên		8x8x18	Doanh nghiệp tư nhân Hoàng Phước Lộc. Huyện Tân Hưng, Long An (Phiếu khảo sát tại cửa hàng)	Việt Nam	Không có thông tin	chưa bao gồm chi phí vận chuyển, giá bán tại cửa hàng	Mức giá ngày 08/06/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	-	-	-	-	-	-	-	-	-	1.640	-	-	-	-	-
145	Gạch xây	Gạch ống	viên			Cửa hàng VLXD Tuấn. Khu phố 3, TT.Thạnh Hoá, Long An. (Phiếu khảo sát tại cửa hàng)	Việt Nam	Không có thông tin	chưa bao gồm chi phí vận chuyển, giá bán tại cửa hàng	Giá khảo sát tháng 13/04/2026	Giá không đổi	-	-	-	-	-	-	-	-	1.720	-	-	-	-	-	-
146	Gạch xây	Gạch ống	viên			Cửa hàng VLXD Minh Nhật. TT.Tân Thạnh, Long An (Phiếu khảo sát tại cửa hàng)	Việt Nam	Không có thông tin	chưa bao gồm chi phí vận chuyển, giá bán tại cửa hàng	Mức giá ngày 02/06/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	-	-	-	-	-	-	-	1.780	-	-	-	-	-	-	-
147	Gạch xây	Gạch ống Thuận Lợi	viên			Vật liệu xây dựng Nhựt Mỹ. (Đc: Huyện Vĩnh Hưng, Long An). Phiếu khảo sát tại cửa hàng	Việt Nam	Không có thông tin	chưa bao gồm chi phí vận chuyển, giá bán tại cửa hàng	Mức giá áp dụng từ 27/07/2026 đến khi có thông báo mới.	Giá bán giảm	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	1.600	-	-	-	-
148	Thép xây dựng	Thép dây mạ kẽm Z08 phủ CR: 0.58mmx 1200mm TCT SGC 340	kg	JIS G3302.		Công ty Cổ phần tập đoàn Hoa Sen - chi nhánh tỉnh Long An	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại khu vực Long An	(Báo giá ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo giá mới)	Giá không đổi	20.500	20.500	20.500	20.500	20.500	20.500	20.500	20.500	20.500	20.500	20.500	20.500	20.500	20.500	20.500
149	Thép xây dựng	Thép dây mạ kẽm Z08 phủ CR: 0.75mmx1200mm TCT SGC 340	kg	JIS G3302.		Công ty Cổ phần tập đoàn Hoa Sen - chi nhánh tỉnh Long An	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại khu vực Long An	(Báo giá ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo giá mới)	Giá không đổi	20.000	20.000	20.000	20.000	20.000	20.000	20.000	20.000	20.000	20.000	20.000	20.000	20.000	20.000	20.000
150	Thép xây dựng	Thép dây mạ kẽm Z08 phủ CR: 0.95mmx 1200mm TCT SGC 340	kg	JIS G3302.		Công ty Cổ phần tập đoàn Hoa Sen - chi nhánh tỉnh Long An	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại khu vực Long An	(Báo giá ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo giá mới)	Giá không đổi	19.550	19.550	19.550	19.550	19.550	19.550	19.550	19.550	19.550	19.550	19.550	19.550	19.550	19.550	19.550

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng) (đồng)														
												Khu vực Tân An	Khu vực Tân Trụ	Khu vực Châu Thành	Khu vực Thủ Thừa	Khu vực Bến Lức	Khu vực Cần Giuộc	Khu vực Cần Đước	Khu vực Tân Thạnh	Khu vực Thạnh Hóa	Khu vực Tân Hưng	Khu vực Vĩnh Hưng	Khu vực Kiến Tường	Khu vực Mộc Hóa	Khu vực Đức Hòa	Khu vực Đức Huệ
151	Thép xây dựng	Thép dây mạ kẽm Z08 phủ CR: 1 15mmx 1200mm TCT SGC 340	kg	JISG33O2.		Công ty Cổ phần tập đoàn Hoa Sen - chi nhánh tỉnh Long An	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại khu vực Long An	(Báo giá ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo giá mới)	Giá không đổi	19.200	19.200	19.200	19.200	19.200	19.200	19.200	19.200	19.200	19.200	19.200	19.200	19.200	19.200	19.200
152	Thép xây dựng	Thép dây mạ kẽm Z08 phủ CR: 0.58mmx 1200mm TCT SGC 340 (mạ không bông)	kg	JISG3302.		Công ty Cổ phần tập đoàn Hoa Sen - chi nhánh tỉnh Long An	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại khu vực Long An	(Báo giá ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo giá mới)	Giá không đổi	21.500	21.500	21.500	21.500	21.500	21.500	21.500	21.500	21.500	21.500	21.500	21.500	21.500	21.500	21.500
153	Thép xây dựng	Thép dây mạ kẽm Z08 phủ CR: 0.75mmx 1200mm TCT SGC 340 (mạ không bông)	kg	JISG3302.		Công ty Cổ phần tập đoàn Hoa Sen - chi nhánh tỉnh Long An	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại khu vực Long An	(Báo giá ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo giá mới)	Giá không đổi	21.000	21.000	21.000	21.000	21.000	21.000	21.000	21.000	21.000	21.000	21.000	21.000	21.000	21.000	21.000
154	Thép xây dựng	Thép dây mạ kẽm Z08 phủ CR: 0.95mmx 1200mm TCT SGC 340 (mạ không bông)	kg	JIS G3302.		Công ty Cổ phần tập đoàn Hoa Sen - chi nhánh tỉnh Long An	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại khu vực Long An	(Báo giá ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo giá mới)	Giá không đổi	20.550	20.550	20.550	20.550	20.550	20.550	20.550	20.550	20.550	20.550	20.550	20.550	20.550	20.550	20.550
155	Thép xây dựng	Thép dây mạ kẽm Z08 phủ CR: 1.15mmx 1200mm TCT SGC 340 (mạ không bông)	kg	JIS G3302.		Công ty Cổ phần tập đoàn Hoa Sen - chi nhánh tỉnh Long An	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại khu vực Long An	(Báo giá ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo giá mới)	Giá không đổi	20.200	20.200	20.200	20.200	20.200	20.200	20.200	20.200	20.200	20.200	20.200	20.200	20.200	20.200	20.200
156	Thép xây dựng	Thép ống nhúng kẽm: 21.2mmx 1.90mmx6.0m	kg	TCCS HS03:2021		Công ty Cổ phần tập đoàn Hoa Sen - chi nhánh tỉnh Long An	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại khu vực Long An	(Báo giá ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo giá mới)	Giá không đổi	23.810	23.810	23.810	23.810	23.810	23.810	23.810	23.810	23.810	23.810	23.810	23.810	23.810	23.810	23.810
157	Thép xây dựng	Thép ống nhúng kẽm: 21.2mmx2.10mmx6.0m	kg	TCCS HS03:2021		Công ty Cổ phần tập đoàn Hoa Sen - chi nhánh tỉnh Long An	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại khu vực Long An	(Báo giá ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo giá mới)	Giá không đổi	22.910	22.910	22.910	22.910	22.910	22.910	22.910	22.910	22.910	22.910	22.910	22.910	22.910	22.910	22.910
158	Thép xây dựng	Thép ống nhúng kẽm: 21.2mmx2.30mmx6.0m	kg	TCCS HS03:2021		Công ty Cổ phần tập đoàn Hoa Sen - chi nhánh tỉnh Long An	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại khu vực Long An	(Báo giá ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo giá mới)	Giá không đổi	22.910	22.910	22.910	22.910	22.910	22.910	22.910	22.910	22.910	22.910	22.910	22.910	22.910	22.910	22.910
159	Thép xây dựng	Thép ống nhúng kẽm: 21.2mmx2.60mmx6.0m	kg	TCCS HS03:2021		Công ty Cổ phần tập đoàn Hoa Sen - chi nhánh tỉnh Long An	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại khu vực Long An	(Báo giá ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo giá mới)	Giá không đổi	22.610	22.610	22.610	22.610	22.610	22.610	22.610	22.610	22.610	22.610	22.610	22.610	22.610	22.610	22.610
160	Thép xây dựng	Thép ống nhúng kẽm: 26.65mmx1.60mmx6.0m	kg	TCCS HS03:2021		Công ty Cổ phần tập đoàn Hoa Sen - chi nhánh tỉnh Long An	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại khu vực Long An	(Báo giá ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo giá mới)	Giá không đổi	24.910	24.910	24.910	24.910	24.910	24.910	24.910	24.910	24.910	24.910	24.910	24.910	24.910	24.910	24.910
161	Thép xây dựng	Thép ống nhúng kẽm: 26.65mmx1.90mmx6.0m	kg	TCCS HS03:2021		Công ty Cổ phần tập đoàn Hoa Sen - chi nhánh tỉnh Long An	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại khu vực Long An	(Báo giá ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo giá mới)	Giá không đổi	23.810	23.810	23.810	23.810	23.810	23.810	23.810	23.810	23.810	23.810	23.810	23.810	23.810	23.810	23.810
162	Thép xây dựng	Thép ống nhúng kẽm: 26.65mmx2.10mmx6.0m	kg	TCCS HS03:2021		Công ty Cổ phần tập đoàn Hoa Sen - chi nhánh tỉnh Long An	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại khu vực Long An	(Báo giá ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo giá mới)	Giá không đổi	22.910	22.910	22.910	22.910	22.910	22.910	22.910	22.910	22.910	22.910	22.910	22.910	22.910	22.910	22.910
163	Thép xây dựng	Thép ống nhúng kẽm: 26.65mmx2.30mmx6.0m	kg	TCCS HS03:2021		Công ty Cổ phần tập đoàn Hoa Sen - chi nhánh tỉnh Long An	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại khu vực Long An	(Báo giá ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo giá mới)	Giá không đổi	22.910	22.910	22.910	22.910	22.910	22.910	22.910	22.910	22.910	22.910	22.910	22.910	22.910	22.910	22.910
164	Thép xây dựng	Thép ống nhúng kẽm: 26.65mmx2.60mmx6.0m	kg	TCCS HS03:2021		Công ty Cổ phần tập đoàn Hoa Sen - chi nhánh tỉnh Long An	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại khu vực Long An	(Báo giá ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo giá mới)	Giá không đổi	22.610	22.610	22.610	22.610	22.610	22.610	22.610	22.610	22.610	22.610	22.610	22.610	22.610	22.610	22.610
165	Thép xây dựng	Thép ống nhúng kẽm: 33.5mmx1.90mmx6.0m	kg	TCCS HS03:2021		Công ty Cổ phần tập đoàn Hoa Sen - chi nhánh tỉnh Long An	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại khu vực Long An	(Báo giá ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo giá mới)	Giá không đổi	23.810	23.810	23.810	23.810	23.810	23.810	23.810	23.810	23.810	23.810	23.810	23.810	23.810	23.810	23.810
166	Thép xây dựng	Thép ống nhúng kẽm. 33.5mmx2. 10mmx6.0m	kg	TCCS HS03:2021		Công ty Cổ phần tập đoàn Hoa Sen - chi nhánh tỉnh Long An	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại khu vực Long An	(Báo giá ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo giá mới)	Giá không đổi	22.910	22.910	22.910	22.910	22.910	22.910	22.910	22.910	22.910	22.910	22.910	22.910	22.910	22.910	22.910
167	Thép xây dựng	Thép ống nhúng kẽm: 33.5mmx2.30mmx6.0m	kg	TCCS HS03:2021		Công ty Cổ phần tập đoàn Hoa Sen - chi nhánh tỉnh Long An	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại khu vực Long An	(Báo giá ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo giá mới)	Giá không đổi	22.910	22.910	22.910	22.910	22.910	22.910	22.910	22.910	22.910	22.910	22.910	22.910	22.910	22.910	22.910
168	Thép xây dựng	thép ống nhúng kẽm: 33.5mmx2.60mmx6.0m	kg	TCCS HS03:2021		Công ty Cổ phần tập đoàn Hoa Sen - chi nhánh tỉnh Long An	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại khu vực Long An	(Báo giá ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo giá mới)	Giá không đổi	22.610	22.610	22.610	22.610	22.610	22.610	22.610	22.610	22.610	22.610	22.610	22.610	22.610	22.610	22.610
169	Thép xây dựng	thép ống nhúng kẽm: 33.5mmx3.20mmx6.0m	kg	TCCS HS03:2021		Công ty Cổ phần tập đoàn Hoa Sen - chi nhánh tỉnh Long An	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại khu vực Long An	(Báo giá ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo giá mới)	Giá không đổi	22.610	22.610	22.610	22.610	22.610	22.610	22.610	22.610	22.610	22.610	22.610	22.610	22.610	22.610	22.610
170	Thép xây dựng	thép ống nhúng kẽm: 33.5mmx4.00mmx6.0m	kg	TCCS HS03:2021		Công ty Cổ phần tập đoàn Hoa Sen - chi nhánh tỉnh Long An	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại khu vực Long An	(Báo giá ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo giá mới)	Giá không đổi	22.610	22.610	22.610	22.610	22.610	22.610	22.610	22.610	22.610	22.610	22.610	22.610	22.610	22.610	22.610
171	Thép xây dựng	thép ống nhúng kẽm: 42.2mmx1 .90mmx6.0m	kg	TCCS HS03:2021		Công ty Cổ phần tập đoàn Hoa Sen - chi nhánh tỉnh Long An	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại khu vực Long An	(Báo giá ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo giá mới)	Giá không đổi	23.810	23.810	23.810	23.810	23.810	23.810	23.810	23.810	23.810	23.810	23.810	23.810	23.810	23.810	23.810
172	Thép xây dựng	thép ống nhúng kẽm: 42.2mmx2. 10mmx6.0m	kg	TCCS HS03:2021		Công ty Cổ phần tập đoàn Hoa Sen - chi nhánh tỉnh Long An	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại khu vực Long An	(Báo giá ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo giá mới)	Giá không đổi	22.910	22.910	22.910	22.910	22.910	22.910	22.910	22.910	22.910	22.910	22.910	22.910	22.910	22.910	22.910
173	Thép xây dựng	thép ống nhúng kẽm: 42.2mmx2.30mmx6.0m	kg	TCCS HS03:2021		Công ty Cổ phần tập đoàn Hoa Sen - chi nhánh tỉnh Long An	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại khu vực Long An	(Báo giá ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo giá mới)	Giá không đổi	22.910	22.910	22.910	22.910	22.910	22.910	22.910	22.910	22.910	22.910	22.910	22.910	22.910	22.910	22.910
174	Thép xây dựng	thép ống nhúng kẽm: 42.2mmx2.60mmx6.0m	kg	TCCS HS03:2021		Công ty Cổ phần tập đoàn Hoa Sen - chi nhánh tỉnh Long An	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại khu vực Long An	(Báo giá ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo giá mới)	Giá không đổi	22.610	22.610	22.610	22.610	22.610	22.610	22.610	22.610	22.610	22.610	22.610	22.610	22.610	22.610	22.610

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng) (đồng)														
												Khu vực Tân An	Khu vực Tân Trụ	Khu vực Châu Thành	Khu vực Thủ Thừa	Khu vực Bến Lức	Khu vực Cần Giuộc	Khu vực Cần Đước	Khu vực Tân Thạnh	Khu vực Thạnh Hóa	Khu vực Tân Hưng	Khu vực Vĩnh Hưng	Khu vực Kiến Tường	Khu vực Mộc Hóa	Khu vực Đức Hòa	Khu vực Đức Huệ
175	Thép xây dựng	thép ống nhúng kẽm: 42.2mmx3.20mmx6.0m	kg	TCCS HS03:2021		Công ty Cổ phần tập đoàn Hoa Sen - chi nhánh tỉnh Long An	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại khu vực Long An	(Báo giá ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo giá mới)	Giá không đổi	22.610	22.610	22.610	22.610	22.610	22.610	22.610	22.610	22.610	22.610	22.610	22.610	22.610	22.610	22.610
176	Thép xây dựng	thép ống nhúng kẽm: 42.2mmx3.60mmx6.0m	kg	TCCS HS03:2021		Công ty Cổ phần tập đoàn Hoa Sen - chi nhánh tỉnh Long An	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại khu vực Long An	(Báo giá ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo giá mới)	Giá không đổi	22.610	22.610	22.610	22.610	22.610	22.610	22.610	22.610	22.610	22.610	22.610	22.610	22.610	22.610	22.610
177	Thép xây dựng	thép ống nhúng kẽm: 48.1mmx1.90mmx6.0m	kg	TCCS HS03:2021		Công ty Cổ phần tập đoàn Hoa Sen - chi nhánh tỉnh Long An	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại khu vực Long An	(Báo giá ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo giá mới)	Giá không đổi	23.810	23.810	23.810	23.810	23.810	23.810	23.810	23.810	23.810	23.810	23.810	23.810	23.810	23.810	23.810
178	Thép xây dựng	thép ống nhúng kẽm: 48.1mmx2.10mmx6.0m	kg	TCCS HS03:2021		Công ty Cổ phần tập đoàn Hoa Sen - chi nhánh tỉnh Long An	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại khu vực Long An	(Báo giá ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo giá mới)	Giá không đổi	22.910	22.910	22.910	22.910	22.910	22.910	22.910	22.910	22.910	22.910	22.910	22.910	22.910	22.910	22.910
179	Thép xây dựng	Thép ống nhúng kẽm: 48. 1mmx2.60mmx6.0m	kg	TCCS HS03:2021		Công ty Cổ phần tập đoàn Hoa Sen - chi nhánh tỉnh Long An	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại khu vực Long An	(Báo giá ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo giá mới)	Giá không đổi	22.610	22.610	22.610	22.610	22.610	22.610	22.610	22.610	22.610	22.610	22.610	22.610	22.610	22.610	22.610
180	Thép xây dựng	Thép ống nhúng kẽm: 48.1mmx2.90mmx6.0m	kg	TCCS HS03:2021		Công ty Cổ phần tập đoàn Hoa Sen - chi nhánh tỉnh Long An	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại khu vực Long An	(Báo giá ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo giá mới)	Giá không đổi	22.610	22.610	22.610	22.610	22.610	22.610	22.610	22.610	22.610	22.610	22.610	22.610	22.610	22.610	22.610
181	Thép xây dựng	Thép ống nhúng kẽm: 48.1mmx3.20mmx6.0m	kg	TCCS HS03:2021		Công ty Cổ phần tập đoàn Hoa Sen - chi nhánh tỉnh Long An	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại khu vực Long An	(Báo giá ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo giá mới)	Giá không đổi	22.610	22.610	22.610	22.610	22.610	22.610	22.610	22.610	22.610	22.610	22.610	22.610	22.610	22.610	22.610
182	Thép xây dựng	Thép ống nhúng kẽm. 48.1mmx3.60mmx6.0m	kg	TCCS HS03:2021		Công ty Cổ phần tập đoàn Hoa Sen - chi nhánh tỉnh Long An	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại khu vực Long An	(Báo giá ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo giá mới)	Giá không đổi	22.610	22.610	22.610	22.610	22.610	22.610	22.610	22.610	22.610	22.610	22.610	22.610	22.610	22.610	22.610
183	Thép xây dựng	Thép ống nhúng kẽm: 59.9mmx1.90mmx6.0m	kg	TCCS HS03:2021		Công ty Cổ phần tập đoàn Hoa Sen - chi nhánh tỉnh Long An	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại khu vực Long An	(Báo giá ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo giá mới)	Giá không đổi	23.810	23.810	23.810	23.810	23.810	23.810	23.810	23.810	23.810	23.810	23.810	23.810	23.810	23.810	23.810
184	Thép xây dựng	Thép ống nhúng kẽm: 59.9mmx2. 10mmx6.0m	kg	TCCS HS03.2021		Công ty Cổ phần tập đoàn Hoa Sen - chi nhánh tỉnh Long An	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại khu vực Long An	(Báo giá ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo giá mới)	Giá không đổi	22.910	22.910	22.910	22.910	22.910	22.910	22.910	22.910	22.910	22.910	22.910	22.910	22.910	22.910	22.910
185	Thép xây dựng	Thép ống nhúng kẽm: 59.9mmx2.30mmx6.0m	kg	TCCS HS03:2021		Công ty Cổ phần tập đoàn Hoa Sen - chi nhánh tỉnh Long An	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại khu vực Long An	(Báo giá ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo giá mới)	Giá không đổi	22.910	22.910	22.910	22.910	22.910	22.910	22.910	22.910	22.910	22.910	22.910	22.910	22.910	22.910	22.910
186	Thép xây dựng	Thép ống nhúng kẽm: 59.9mmx2.60mmx6.0m	kg	TCCS HS03.2021		Công ty Cổ phần tập đoàn Hoa Sen - chi nhánh tỉnh Long An	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại khu vực Long An	(Báo giá ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo giá mới)	Giá không đổi	22.610	22.610	22.610	22.610	22.610	22.610	22.610	22.610	22.610	22.610	22.610	22.610	22.610	22.610	22.610
187	Thép xây dựng	Thép ống nhúng kẽm: 59.9mmx2.90mmx6.0m	kg	TCCS HS03:2021		Công ty Cổ phần tập đoàn Hoa Sen - chi nhánh tỉnh Long An	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại khu vực Long An	(Báo giá ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo giá mới)	Giá không đổi	22.610	22.610	22.610	22.610	22.610	22.610	22.610	22.610	22.610	22.610	22.610	22.610	22.610	22.610	22.610
188	Thép xây dựng	Thép ống nhúng kẽm: 59.9mmx3.20mmx6.0m	kg	TCCS HSO3:2O21		Công ty Cổ phần tập đoàn Hoa Sen - chi nhánh tỉnh Long An	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại khu vực Long An	(Báo giá ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo giá mới)	Giá không đổi	22.610	22.610	22.610	22.610	22.610	22.610	22.610	22.610	22.610	22.610	22.610	22.610	22.610	22.610	22.610
189	Thép xây dựng	Thép ống nhúng kẽm: 59.9mmx3.60mmx6.0m	kg	TCCS HS03:2021		Công ty Cổ phần tập đoàn Hoa Sen - chi nhánh tỉnh Long An	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại khu vực Long An	(Báo giá ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo giá mới)	Giá không đổi	22.610	22.610	22.610	22.610	22.610	22.610	22.610	22.610	22.610	22.610	22.610	22.610	22.610	22.610	22.610
190	Thép xây dựng	Thép ống nhúng kẽm: 75.6mmx2. 10mmx6.0m	kg	TCCS HS03:2021		Công ty Cổ phần tập đoàn Hoa Sen - chi nhánh tỉnh Long An	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại khu vực Long An	(Báo giá ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo giá mới)	Giá không đổi	22.910	22.910	22.910	22.910	22.910	22.910	22.910	22.910	22.910	22.910	22.910	22.910	22.910	22.910	22.910
191	Thép xây dựng	Thép ống nhúng kẽm: 75.6mmx2.60mmx6.0m	kg	TCCS HS03 2021		Công ty Cổ phần tập đoàn Hoa Sen - chi nhánh tỉnh Long An	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại khu vực Long An	(Báo giá ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo giá mới)	Giá không đổi	22.610	22.610	22.610	22.610	22.610	22.610	22.610	22.610	22.610	22.610	22.610	22.610	22.610	22.610	22.610
192	Thép xây dựng	Thép ống nhúng kẽm: 75.6mmx2.90mmx6.0m	kg	TCCS HS03:2021		Công ty Cổ phần tập đoàn Hoa Sen - chi nhánh tỉnh Long An	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại khu vực Long An	(Báo giá ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo giá mới)	Giá không đổi	22.610	22.610	22.610	22.610	22.610	22.610	22.610	22.610	22.610	22.610	22.610	22.610	22.610	22.610	22.610
193	Thép xây dựng	Thép ống nhúng kẽm: 75.6mmx3.20mmx6.0m	kg	TCCS HS03:2021		Công ty Cổ phần tập đoàn Hoa Sen - chi nhánh tỉnh Long An	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại khu vực Long An	(Báo giá ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo giá mới)	Giá không đổi	22.610	22.610	22.610	22.610	22.610	22.610	22.610	22.610	22.610	22.610	22.610	22.610	22.610	22.610	22.610
194	Thép xây dựng	Thép ống nhúng kẽm: 75.6mmx3.60mmx6.0m	kg	TCCS HS03:2021		Công ty Cổ phần tập đoàn Hoa Sen - chi nhánh tỉnh Long An	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại khu vực Long An	(Báo giá ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo giá mới)	Giá không đổi	22.610	22.610	22.610	22.610	22.610	22.610	22.610	22.610	22.610	22.610	22.610	22.610	22.610	22.610	22.610
195	Thép xây dựng	Thép ống nhúng kẽm: 88.3mmx2.10mmx6.0m	kg	TCCS HS03:2021		Công ty Cổ phần tập đoàn Hoa Sen - chi nhánh tỉnh Long An	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại khu vực Long An	(Báo giá ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo giá mới)	Giá không đổi	22.910	22.910	22.910	22.910	22.910	22.910	22.910	22.910	22.910	22.910	22.910	22.910	22.910	22.910	22.910
196	Thép xây dựng	Thép ống nhúng kẽm: 88.3mmx2.60mmx6.0m	kg	TCCS HS03:2021		Công ty Cổ phần tập đoàn Hoa Sen - chi nhánh tỉnh Long An	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại khu vực Long An	(Báo giá ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo giá mới)	Giá không đổi	22.610	22.610	22.610	22.610	22.610	22.610	22.610	22.610	22.610	22.610	22.610	22.610	22.610	22.610	22.610
197	Thép xây dựng	Thép ống nhúng kẽm: 88.3mm.x2.90mmx6.0m	kg	TCCS HS03:2021		Công ty Cổ phần tập đoàn Hoa Sen - chi nhánh tỉnh Long An	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại khu vực Long An	(Báo giá ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo giá mới)	Giá không đổi	22.610	22.610	22.610	22.610	22.610	22.610	22.610	22.610	22.610	22.610	22.610	22.610	22.610	22.610	22.610
198	Thép xây dựng	Thép ống nhúng kẽm: 88.3mmx3.20mmx6.0m	kg	TCCS HS03:2021		Công ty Cổ phần tập đoàn Hoa Sen - chi nhánh tỉnh Long An	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại khu vực Long An	(Báo giá ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo giá mới)	Giá không đổi	22.610	22.610	22.610	22.610	22.610	22.610	22.610	22.610	22.610	22.610	22.610	22.610	22.610	22.610	22.610

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng) (đồng)														
												Khu vực Tân An	Khu vực Tân Trụ	Khu vực Châu Thành	Khu vực Thủ Thừa	Khu vực Bến Lức	Khu vực Cần Giuộc	Khu vực Cần Đước	Khu vực Tân Thạnh	Khu vực Thạnh Hóa	Khu vực Tân Hưng	Khu vực Vĩnh Hưng	Khu vực Kiến Tường	Khu vực Mộc Hóa	Khu vực Đức Hòa	Khu vực Đức Huệ
199	Thép xây dựng	Thép ống nhúng kẽm: 88.3mmx4.00mmx6.0m	kg	TCCS HS03:2021		Công ty Cổ phần tập đoàn Hoa Sen - chi nhánh tỉnh Long An	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại khu vực Long An	(Báo giá ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo giá mới)	Giá không đổi	22.610	22.610	22.610	22.610	22.610	22.610	22.610	22.610	22.610	22.610	22.610	22.610	22.610	22.610	22.610
200	Thép xây dựng	Thép ống nhúng kẽm: 113.5mmx2.60mmx6.0m	kg	TCCS HS03 2021		Công ty Cổ phần tập đoàn Hoa Sen - chi nhánh tỉnh Long An	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại khu vực Long An	(Báo giá ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo giá mới)	Giá không đổi	22.610	22.610	22.610	22.610	22.610	22.610	22.610	22.610	22.610	22.610	22.610	22.610	22.610	22.610	22.610
201	Thép xây dựng	Thép ống nhúng kẽm: 113.5mmx2.90mmx6.0m	kg	TCCS HS03:2021		Công ty Cổ phần tập đoàn Hoa Sen - chi nhánh tỉnh Long An	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại khu vực Long An	(Báo giá ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo giá mới)	Giá không đổi	22.610	22.610	22.610	22.610	22.610	22.610	22.610	22.610	22.610	22.610	22.610	22.610	22.610	22.610	22.610
202	Thép xây dựng	thép ống nhúng kẽm: 113.5mmx3.20mmx6.0m	kg	CCS HS03:2021		Công ty Cổ phần tập đoàn Hoa Sen - chi nhánh tỉnh Long An	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại khu vực Long An	(Báo giá ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo giá mới)	Giá không đổi	22.810	22.810	22.810	22.810	22.810	22.810	22.810	22.810	22.810	22.810	22.810	22.810	22.810	22.810	22.810
203	Thép xây dựng	thép ống nhúng kẽm: 113.5mmx3.60mmx6.0m	kg	CCCS HS03:2021		Công ty Cổ phần tập đoàn Hoa Sen - chi nhánh tỉnh Long An	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại khu vực Long An	(Báo giá ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo giá mới)	Giá không đổi	22.610	22.610	22.610	22.610	22.610	22.610	22.610	22.610	22.610	22.610	22.610	22.610	22.610	22.610	22.610
204	Thép xây dựng	Thép ống nhúng kẽm: 113.5mmx4.00mmx6.0m	kg	CCCS HS03:2021		Công ty Cổ phần tập đoàn Hoa Sen - chi nhánh tỉnh Long An	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại khu vực Long An	(Báo giá ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo giá mới)	Giá không đổi	22.610	22.610	22.610	22.610	22.610	22.610	22.610	22.610	22.610	22.610	22.610	22.610	22.610	22.610	22.610
205	Thép xây dựng	Thép ống nhúng kẽm: 113.5mmx4.50mmx6.0m	kg	CCCS HS03:2021		Công ty Cổ phần tập đoàn Hoa Sen - chi nhánh tỉnh Long An	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại khu vực Long An	(Báo giá ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo giá mới)	Giá không đổi	22.610	22.610	22.610	22.610	22.610	22.610	22.610	22.610	22.610	22.610	22.610	22.610	22.610	22.610	22.610
206	Thép xây dựng	thép ống nhúng kẽm: 113.5mmx4.60mmx6.0m	kg	CCCS HS03:2021		Công ty Cổ phần tập đoàn Hoa Sen - chi nhánh tỉnh Long An	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại khu vực Long An	(Báo giá ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo giá mới)	Giá không đổi	22.610	22.610	22.610	22.610	22.610	22.610	22.610	22.610	22.610	22.610	22.610	22.610	22.610	22.610	22.610
207	Thép xây dựng	thép ống nhúng kẽm: 141.3mmx3.96mmx6.0m	kg	CCCS HS03:2021		Công ty Cổ phần tập đoàn Hoa Sen - chi nhánh tỉnh Long An	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại khu vực Long An	(Báo giá ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo giá mới)	Giá không đổi	22.810	22.810	22.810	22.810	22.810	22.810	22.810	22.810	22.810	22.810	22.810	22.810	22.810	22.810	22.810
208	Thép xây dựng	thép ống nhúng kẽm: 141.3mmx4.78mmx6.0m	kg	CCCS HS03:2021		Công ty Cổ phần tập đoàn Hoa Sen - chi nhánh tỉnh Long An	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại khu vực Long An	(Báo giá ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo giá mới)	Giá không đổi	22.810	22.810	22.810	22.810	22.810	22.810	22.810	22.810	22.810	22.810	22.810	22.810	22.810	22.810	22.810
209	Thép xây dựng	Thép ống nhúng kẽm: 168.3mmx3.96mmx6.0m	kg	CCCS HS03:2021		Công ty Cổ phần tập đoàn Hoa Sen - chi nhánh tỉnh Long An	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại khu vực Long An	(Báo giá ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo giá mới)	Giá không đổi	22.810	22.810	22.810	22.810	22.810	22.810	22.810	22.810	22.810	22.810	22.810	22.810	22.810	22.810	22.810
210	Thép xây dựng	Thép ống nhúng kẽm: 168.3mmx4.78mmx6.0m	kg	CCCS HS03:2021		Công ty Cổ phần tập đoàn Hoa Sen - chi nhánh tỉnh Long An	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại khu vực Long An	(Báo giá ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo giá mới)	Giá không đổi	22.810	22.810	22.810	22.810	22.810	22.810	22.810	22.810	22.810	22.810	22.810	22.810	22.810	22.810	22.810
211	Thép xây dựng	thép hộp mạ kẽm Z080: 13mmx26mmx0.80mmx6.0m	kg	ASTM A500/A500M		Công ty Cổ phần tập đoàn Hoa Sen - chi nhánh tỉnh Long An	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại khu vực Long An	(Báo giá ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo giá mới)	Giá không đổi	19.790	19.790	19.790	19.790	19.790	19.790	19.790	19.790	19.790	19.790	19.790	19.790	19.790	19.790	19.790
212	Thép xây dựng	thép hộp mạ kẽm Z080: 13mmx26mmx0.90mmx6.0m	kg	ASTM A500/A500M		Công ty Cổ phần tập đoàn Hoa Sen - chi nhánh tỉnh Long An	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại khu vực Long An	(Báo giá ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo giá mới)	Giá không đổi	19.790	19.790	19.790	19.790	19.790	19.790	19.790	19.790	19.790	19.790	19.790	19.790	19.790	19.790	19.790
213	Thép xây dựng	thép hộp mạ kẽm Z080: 13mmx26mmx1.00mmx6.0m	kg	ASTM A500/A500M		Công ty Cổ phần tập đoàn Hoa Sen - chi nhánh tỉnh Long An	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại khu vực Long An	(Báo giá ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo giá mới)	Giá không đổi	19.600	19.600	19.600	19.600	19.600	19.600	19.600	19.600	19.600	19.600	19.600	19.600	19.600	19.600	19.600
214	Thép xây dựng	Thép hộp mạ kẽm Z080: 13mmx26mmx1.10mmx6.0m	kg	ASTM A500/A500M		Công ty Cổ phần tập đoàn Hoa Sen - chi nhánh tỉnh Long An	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại khu vực Long An	(Báo giá ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo giá mới)	Giá không đổi	19.600	19.600	19.600	19.600	19.600	19.600	19.600	19.600	19.600	19.600	19.600	19.600	19.600	19.600	19.600
215	Thép xây dựng	Thép hộp mạ kẽm Z080: 14mmx14mmx0.80mmx6.0m	kg	ASTM A500/A500M		Công ty Cổ phần tập đoàn Hoa Sen - chi nhánh tỉnh Long An	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại khu vực Long An	(Báo giá ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo giá mới)	Giá không đổi	19.790	19.790	19.790	19.790	19.790	19.790	19.790	19.790	19.790	19.790	19.790	19.790	19.790	19.790	19.790
216	Thép xây dựng	Thép hộp mạ kẽm Z080: 14mmx14mmx0.90mmx6.0m	kg	ASTM A500/A500M		Công ty Cổ phần tập đoàn Hoa Sen - chi nhánh tỉnh Long An	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại khu vực Long An	(Báo giá ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo giá mới)	Giá không đổi	19.790	19.790	19.790	19.790	19.790	19.790	19.790	19.790	19.790	19.790	19.790	19.790	19.790	19.790	19.790
217	Thép xây dựng	Thép hộp mạ kẽm Z080: 14mmx14mmx1.00mmx6.0m	kg	ASTM A500/A500M		Công ty Cổ phần tập đoàn Hoa Sen - chi nhánh tỉnh Long An	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại khu vực Long An	(Báo giá ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo giá mới)	Giá không đổi	19.600	19.600	19.600	19.600	19.600	19.600	19.600	19.600	19.600	19.600	19.600	19.600	19.600	19.600	19.600
218	Thép xây dựng	Thép hộp mạ kẽm Z080: 14mmx14mmx1.10mmx6.0m	kg	ASTM A500/A500M		Công ty Cổ phần tập đoàn Hoa Sen - chi nhánh tỉnh Long An	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại khu vực Long An	(Báo giá ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo giá mới)	Giá không đổi	19.600	19.600	19.600	19.600	19.600	19.600	19.600	19.600	19.600	19.600	19.600	19.600	19.600	19.600	19.600
219	Thép xây dựng	Thép hộp mạ kẽm Z080: 20mmx20mmx0.90mmx6.0m	kg	ASTM A500/A500M		Công ty Cổ phần tập đoàn Hoa Sen - chi nhánh tỉnh Long An	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại khu vực Long An	(Báo giá ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo giá mới)	Giá không đổi	19.790	19.790	19.790	19.790	19.790	19.790	19.790	19.790	19.790	19.790	19.790	19.790	19.790	19.790	19.790
220	Thép xây dựng	Thép hộp mạ kẽm Z080: 20mmx20mmx1.00mmx6.0m	kg	ASTM A500/A500M		Công ty Cổ phần tập đoàn Hoa Sen - chi nhánh tỉnh Long An	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại khu vực Long An	(Báo giá ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo giá mới)	Giá không đổi	19.600	19.600	19.600	19.600	19.600	19.600	19.600	19.600	19.600	19.600	19.600	19.600	19.600	19.600	19.600
221	Thép xây dựng	Thép hộp mạkẽmZ080: 20mmx20mmx 1.10mmx6.0m	kg	ASTM A500/A500M		Công ty Cổ phần tập đoàn Hoa Sen - chi nhánh tỉnh Long An	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại khu vực Long An	(Báo giá ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo giá mới)	Giá không đổi	19.600	19.600	19.600	19.600	19.600	19.600	19.600	19.600	19.600	19.600	19.600	19.600	19.600	19.600	19.600
222	Thép xây dựng	Thép hộp mạ kẽm Z080: 20mmx20mmx1.20mmx6.0m	kg	ASTM A500/A500M		Công ty Cổ phần tập đoàn Hoa Sen - chi nhánh tỉnh Long An	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại khu vực Long An	(Báo giá ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo giá mới)	Giá không đổi	19.600	19.600	19.600	19.600	19.600	19.600	19.600	19.600	19.600	19.600	19.600	19.600	19.600	19.600	19.600
223	Thép xây dựng	Thép hộp mạ kẽm Z080: 20mmx20mmx1.40mmx6.0m	kg	ASTM A500/A500M		Công ty Cổ phần tập đoàn Hoa Sen - chi nhánh tỉnh Long An	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại khu vực Long An	(Báo giá ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo giá mới)	Giá không đổi	19.600	19.600	19.600	19.600	19.600	19.600	19.600	19.600	19.600	19.600	19.600	19.600	19.600	19.600	19.600
224	Thép xây dựng	Thép hộp mạ kẽm Z080: 25mmx25mmx0.80mmx6.0m	kg	ASTM A500/A500M		Công ty Cổ phần tập đoàn Hoa Sen - chi nhánh tỉnh Long An	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại khu vực Long An	(Báo giá ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo giá mới)	Giá không đổi	19.790	19.790	19.790	19.790	19.790	19.790	19.790	19.790	19.790	19.790	19.790	19.790	19.790	19.790	19.790
225	Thép xây dựng	Thép hộp mạ kẽm Z080. 25mmx25mmx1.00mmx6.0m	kg	ASTM A500/A500M		Công ty Cổ phần tập đoàn Hoa Sen - chi nhánh tỉnh Long An	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại khu vực Long An	(Báo giá ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo giá mới)	Giá không đổi	19.600	19.600	19.600	19.600	19.600	19.600	19.600	19.600	19.600	19.600	19.600	19.600	19.600	19.600	19.600
226	Thép xây dựng	Thép hộp mạ kẽm Z080: 25mmx25mmx1.10mmx6.0m	kg	ASTM A500/A500M		Công ty Cổ phần tập đoàn Hoa Sen - chi nhánh tỉnh Long An	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại khu vực Long An	(Báo giá ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo giá mới)	Giá không đổi	19.600	19.600	19.600	19.600	19.600	19.600	19.600	19.600	19.600	19.600	19.600	19.600	19.600	19.600	19.600
227	Thép xây dựng	Thép hộp mạ kẽm Z080: 25mmx25mmx1.20mmx6.0m	kg	ASTM A500/A500M		Công ty Cổ phần tập đoàn Hoa Sen - chi nhánh tỉnh Long An	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại khu vực Long An	(Báo giá ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo giá mới)	Giá không đổi	19.600	19.600	19.600	19.600	19.600	19.600	19.600	19.600	19.600	19.600	19.600	19.600	19.600	19.600	19.600
228	Thép xây dựng	Thép hộp mạ kẽm Z080: 25mmx25mmx1.40mmx6.0m	kg	ASTM A500/A500M		Công ty Cổ phần tập đoàn Hoa Sen - chi nhánh tỉnh Long An	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại khu vực Long An	(Báo giá ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo giá mới)	Giá không đổi	19.600	19.600	19.600	19.600	19.600	19.600	19.600	19.600	19.600	19.600	19.600	19.600	19.600	19.600	19.600
229	Thép xây dựng	Thép hộp mạ kẽm Z080: 20mmx40mmx0.80mmx6.0m	kg	ASTM A500/A500M		Công ty Cổ phần tập đoàn Hoa Sen - chi nhánh tỉnh Long An	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại khu vực Long An	(Báo giá ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo giá mới)	Giá không đổi	19.390	19.390	19.390	19.390	19.390	19.390	19.390	19.390	19.390	19.390	19.390	19.390	19.390	19.390	19.390
230	Thép xây dựng	Thép hộp mạ kẽm Z080: 20mmx40mmx1.00mmx6.0m	kg	ASTM A500/A500M		Công ty Cổ phần tập đoàn Hoa Sen - chi nhánh tỉnh Long An	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại khu vực Long An	(Báo giá ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo giá mới)	Giá không đổi	19.200	19.200	19.200	19.200	19.200	19.200	19.200	19.200	19.200	19.200	19.200	19.200	19.200	19.200	19.200
231	Thép xây dựng	Thép hộp mạ kẽm Z080: 20mmx40mmx 1. 10mmx6.0m	kg	ASTM A500/A500M		Công ty Cổ phần tập đoàn Hoa Sen - chi nhánh tỉnh Long An	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại khu vực Long An	(Báo giá ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo giá mới)	Giá không đổi	19.200	19.200	19.200	19.200	19.200	19.200	19.200	19.200	19.200	19.200	19.200	19.200	19.200	19.200	19.200
232	Thép xây dựng	Thép hộp mạ kẽm Z080: 20mmx40mmx1 .20mmx6.0m	kg	ASTM A500/A500M		Công ty Cổ phần tập đoàn Hoa Sen - chi nhánh tỉnh Long An	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại khu vực Long An	(Báo giá ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo giá mới)	Giá không đổi	19.200	19.200	19.200	19.200	19.200	19.200	19.200	19.200	19.200	19.200	19.200	19.200	19.200	19.200	19.200
233	Thép xây dựng	thép hộp mạ kẽm Z080. 20mmx40mmx1.40mmx6.0m	kg	ASTM A500/A500M		Công ty Cổ phần tập đoàn Hoa Sen - chi nhánh tỉnh Long An	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại khu vực Long An	(Báo giá ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo giá mới)	Giá không đổi	19.200	19.200	19.200	19.200	19.200	19.200	19.200	19.200	19.200	19.200	19.200	19.200	19.200	19.200	19.200

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng) (đồng)														
												Khu vực Tân An	Khu vực Tân Trụ	Khu vực Châu Thành	Khu vực Thủ Thừa	Khu vực Bến Lức	Khu vực Cần Giuộc	Khu vực Cần Đước	Khu vực Tân Thạnh	Khu vực Thạnh Hóa	Khu vực Tân Hưng	Khu vực Vĩnh Hưng	Khu vực Kiến Tường	Khu vực Mộc Hóa	Khu vực Đức Hòa	Khu vực Đức Huệ
234	Thép xây dựng	Thép hộp mạ kẽm Z080. 25mmx50mmx0.90mmx6.0m	kg	ASTM A500/A500M		Công ty Cổ phần tập đoàn Hoa Sen - chi nhánh tỉnh Long An	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại khu vực Long An	(Báo giá ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo giá mới)	Giá không đổi	19.390	19.390	19.390	19.390	19.390	19.390	19.390	19.390	19.390	19.390	19.390	19.390	19.390	19.390	19.390
235	Thép xây dựng	thép hộp mạ kẽm Z080: 25m::nx50mmx1.00mmx6.0m	kg	ASTM A500/A500M		Công ty Cổ phần tập đoàn Hoa Sen - chi nhánh tỉnh Long An	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại khu vực Long An	(Báo giá ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo giá mới)	Giá không đổi	19.200	19.200	19.200	19.200	19.200	19.200	19.200	19.200	19.200	19.200	19.200	19.200	19.200	19.200	19.200
236	Thép xây dựng	thép hộp mạ kẽm Z080: 25mmx50mmx1.10mmx6.0m	kg	ASTM A500/A500M		Công ty Cổ phần tập đoàn Hoa Sen - chi nhánh tỉnh Long An	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại khu vực Long An	(Báo giá ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo giá mới)	Giá không đổi	19.200	19.200	19.200	19.200	19.200	19.200	19.200	19.200	19.200	19.200	19.200	19.200	19.200	19.200	19.200
237	Thép xây dựng	Thép hộp mạ kẽm Z080: 25mmx50mmx1.20mmx6.0m	kg	ASTM A500/A500M		Công ty Cổ phần tập đoàn Hoa Sen - chi nhánh tỉnh Long An	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại khu vực Long An	(Báo giá ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo giá mới)	Giá không đổi	19.200	19.200	19.200	19.200	19.200	19.200	19.200	19.200	19.200	19.200	19.200	19.200	19.200	19.200	19.200
238	Thép xây dựng	thép hộp mạ kẽm Z080: 25mmx50mmx1 .40mmx6.0m	kg	ASTM A500/A500M		Công ty Cổ phần tập đoàn Hoa Sen - chi nhánh tỉnh Long An	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại khu vực Long An	(Báo giá ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo giá mới)	Giá không đổi	19.200	19.200	19.200	19.200	19.200	19.200	19.200	19.200	19.200	19.200	19.200	19.200	19.200	19.200	19.200
239	Thép xây dựng	Thép hộp mạ kẽm Z080: 30mmx30mmx0.90mmx6.0m	kg	ASTM A500/A500M		Công ty Cổ phần tập đoàn Hoa Sen - chi nhánh tỉnh Long An	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại khu vực Long An	(Báo giá ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo giá mới)	Giá không đổi	19.390	19.390	19.390	19.390	19.390	19.390	19.390	19.390	19.390	19.390	19.390	19.390	19.390	19.390	19.390
240	Thép xây dựng	Thép hộp mạ kẽm Z080; 30mmx30mmx1 .00mmx6.0m	kg	ASTM A500/A500M		Công ty Cổ phần tập đoàn Hoa Sen - chi nhánh tỉnh Long An	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại khu vực Long An	(Báo giá ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo giá mới)	Giá không đổi	19.200	19.200	19.200	19.200	19.200	19.200	19.200	19.200	19.200	19.200	19.200	19.200	19.200	19.200	19.200
241	Thép xây dựng	thép hộp mạ kẽm Z080: 30mmx30mmx1.10mmx6.0m	kg	ASTM A500/A500M		Công ty Cổ phần tập đoàn Hoa Sen - chi nhánh tỉnh Long An	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại khu vực Long An	(Báo giá ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo giá mới)	Giá không đổi	19.200	19.200	19.200	19.200	19.200	19.200	19.200	19.200	19.200	19.200	19.200	19.200	19.200	19.200	19.200
242	Thép xây dựng	thép hộp mạ kẽm Z080: 30mmx30mmx1 .20mmx6.0m	kg	ASTM A500/A500M		Công ty Cổ phần tập đoàn Hoa Sen - chi nhánh tỉnh Long An	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại khu vực Long An	(Báo giá ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo giá mới)	Giá không đổi	19.200	19.200	19.200	19.200	19.200	19.200	19.200	19.200	19.200	19.200	19.200	19.200	19.200	19.200	19.200
243	Thép xây dựng	Thép hộp mạ kẽm Z080: 30mmx30mmx1 .40mmx6.0m	kg	ASTM A500/A500M		Công ty Cổ phần tập đoàn Hoa Sen - chi nhánh tỉnh Long An	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại khu vực Long An	(Báo giá ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo giá mới)	Giá không đổi	19.200	19.200	19.200	19.200	19.200	19.200	19.200	19.200	19.200	19.200	19.200	19.200	19.200	19.200	19.200
244	Thép xây dựng	thép hộp mạ kẽm Z080: 30mmx60mmx0.90mmx6.0m	kg	ASTM A500/A500M		Công ty Cổ phần tập đoàn Hoa Sen - chi nhánh tỉnh Long An	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại khu vực Long An	(Báo giá ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo giá mới)	Giá không đổi	19.390	19.390	19.390	19.390	19.390	19.390	19.390	19.390	19.390	19.390	19.390	19.390	19.390	19.390	19.390
245	Thép xây dựng	thép hộp mạ kẽm Z080: 30mmx60mmx1.00mmx6.0m	kg	ASTM A500/A500M		Công ty Cổ phần tập đoàn Hoa Sen - chi nhánh tỉnh Long An	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại khu vực Long An	(Báo giá ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo giá mới)	Giá không đổi	19.200	19.200	19.200	19.200	19.200	19.200	19.200	19.200	19.200	19.200	19.200	19.200	19.200	19.200	19.200
246	Thép xây dựng	thép hộp mạ kẽm Z080: 30mmx60mmx1. 10mmx6.0m	kg	ASTM A500/A500M		Công ty Cổ phần tập đoàn Hoa Sen - chi nhánh tỉnh Long An	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại khu vực Long An	(Báo giá ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo giá mới)	Giá không đổi	19.200	19.200	19.200	19.200	19.200	19.200	19.200	19.200	19.200	19.200	19.200	19.200	19.200	19.200	19.200
247	Thép xây dựng	Thép hộp mạ kẽm Z080: 30mmx60mmx1.20mmx6.0m	kg	ASTM A500/A500M		Công ty Cổ phần tập đoàn Hoa Sen - chi nhánh tỉnh Long An	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại khu vực Long An	(Báo giá ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo giá mới)	Giá không đổi	19.200	19.200	19.200	19.200	19.200	19.200	19.200	19.200	19.200	19.200	19.200	19.200	19.200	19.200	19.200
248	Thép xây dựng	Thép hộp mạ kẽm Z080: 30mmx60mmx1.40mmx6.0m	kg	ASTM A500/A500M		Công ty Cổ phần tập đoàn Hoa Sen - chi nhánh tỉnh Long An	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại khu vực Long An	(Báo giá ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo giá mới)	Giá không đổi	19.200	19.200	19.200	19.200	19.200	19.200	19.200	19.200	19.200	19.200	19.200	19.200	19.200	19.200	19.200
249	Thép xây dựng	thép hộp mạ kẽm Z120: 30mmx60mmx1.80mmx6.0m	kg	ASTM A500/A500M		Công ty Cổ phần tập đoàn Hoa Sen - chi nhánh tỉnh Long An	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại khu vực Long An	(Báo giá ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo giá mới)	Giá không đổi	19.000	19.000	19.000	19.000	19.000	19.000	19.000	19.000	19.000	19.000	19.000	19.000	19.000	19.000	19.000
250	Thép xây dựng	Thép hộp mạ kẽm Z080: 30mmx90mmx 1.1 ommx6.0m	kg	ASTM A500/A500M		Công ty Cổ phần tập đoàn Hoa Sen - chi nhánh tỉnh Long An	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại khu vực Long An	(Báo giá ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo giá mới)	Giá không đổi	19.200	19.200	19.200	19.200	19.200	19.200	19.200	19.200	19.200	19.200	19.200	19.200	19.200	19.200	19.200
251	Thép xây dựng	Thép hộp mạ kẽm Z080: 30mmx90mmx1.20mmx6.0m	kg	ASTM A500/A500M		Công ty Cổ phần tập đoàn Hoa Sen - chi nhánh tỉnh Long An	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại khu vực Long An	(Báo giá ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo giá mới)	Giá không đổi	19.200	19.200	19.200	19.200	19.200	19.200	19.200	19.200	19.200	19.200	19.200	19.200	19.200	19.200	19.200
252	Thép xây dựng	Thép hộp mạ kẽm Z080: 30mmx90mmx1.40mmx6.0m	kg	ASTM A500/A500M		Công ty Cổ phần tập đoàn Hoa Sen - chi nhánh tỉnh Long An	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại khu vực Long An	(Báo giá ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo giá mới)	Giá không đổi	19.200	19.200	19.200	19.200	19.200	19.200	19.200	19.200	19.200	19.200	19.200	19.200	19.200	19.200	19.200
253	Thép xây dựng	Thép hộp mạ kẽm Z080: 40mmx40mmx100mmx6.0m	kg	ASTM A500/A500M		Công ty Cổ phần tập đoàn Hoa Sen - chi nhánh tỉnh Long An	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại khu vực Long An	(Báo giá ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo giá mới)	Giá không đổi	19.200	19.200	19.200	19.200	19.200	19.200	19.200	19.200	19.200	19.200	19.200	19.200	19.200	19.200	19.200
254	Thép xây dựng	Thép hộp mạ kẽm Z080: 40mmx40mmx1.10mmx6.0m	kg	ASTM A500/A500M		Công ty Cổ phần tập đoàn Hoa Sen - chi nhánh tỉnh Long An	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại khu vực Long An	(Báo giá ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo giá mới)	Giá không đổi	19.200	19.200	19.200	19.200	19.200	19.200	19.200	19.200	19.200	19.200	19.200	19.200	19.200	19.200	19.200
255	Thép xây dựng	Thép hộp mạ kẽm Z080: 40mmx40mmx1.20mmx6.0m	kg	ASTM A500/A500M		Công ty Cổ phần tập đoàn Hoa Sen - chi nhánh tỉnh Long An	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại khu vực Long An	(Báo giá ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo giá mới)	Giá không đổi	19.200	19.200	19.200	19.200	19.200	19.200	19.200	19.200	19.200	19.200	19.200	19.200	19.200	19.200	19.200
256	Thép xây dựng	Thép hộp mạ kẽm Z080: 40mmx40mmx1.40mmx6.0m	kg	ASTM A500/A500M		Công ty Cổ phần tập đoàn Hoa Sen - chi nhánh tỉnh Long An	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại khu vực Long An	(Báo giá ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo giá mới)	Giá không đổi	19.200	19.200	19.200	19.200	19.200	19.200	19.200	19.200	19.200	19.200	19.200	19.200	19.200	19.200	19.200
257	Thép xây dựng	Thép hộp mạ kẽm Z080: 40mmx80mmx1.00mmx6.0m	kg	ASTM A500/A500M		Công ty Cổ phần tập đoàn Hoa Sen - chi nhánh tỉnh Long An	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại khu vực Long An	(Báo giá ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo giá mới)	Giá không đổi	19.200	19.200	19.200	19.200	19.200	19.200	19.200	19.200	19.200	19.200	19.200	19.200	19.200	19.200	19.200
258	Thép xây dựng	Thép hộp mạ kẽm 7.080: 40mmx80mmx1.10mmx6.0m	kg	ASTM A500/A500M		Công ty Cổ phần tập đoàn Hoa Sen - chi nhánh tỉnh Long An	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại khu vực Long An	(Báo giá ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo giá mới)	Giá không đổi	19.200	19.200	19.200	19.200	19.200	19.200	19.200	19.200	19.200	19.200	19.200	19.200	19.200	19.200	19.200
259	Thép xây dựng	Thép hộp mạ kẽm Z080: 40mmx80mmx1.20mmx6.0m	kg	ASTM A500/A500M		Công ty Cổ phần tập đoàn Hoa Sen - chi nhánh tỉnh Long An	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại khu vực Long An	(Báo giá ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo giá mới)	Giá không đổi	19.200	19.200	19.200	19.200	19.200	19.200	19.200	19.200	19.200	19.200	19.200	19.200	19.200	19.200	19.200
260	Thép xây dựng	Thép hộp mạ kẽm Z080: 40mmx80mmx1.40mmx6.0m	kg	ASTM A500/A500M		Công ty Cổ phần tập đoàn Hoa Sen - chi nhánh tỉnh Long An	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại khu vực Long An	(Báo giá ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo giá mới)	Giá không đổi	19.200	19.200	19.200	19.200	19.200	19.200	19.200	19.200	19.200	19.200	19.200	19.200	19.200	19.200	19.200
261	Thép xây dựng	Thép hộp mạ kẽm z 120: 40mmx80mmx1.80mmx6.0m	kg	ASTM A500/A500M		Công ty Cổ phần tập đoàn Hoa Sen - chi nhánh tỉnh Long An	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại khu vực Long An	(Báo giá ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo giá mới)	Giá không đổi	19.000	19.000	19.000	19.000	19.000	19.000	19.000	19.000	19.000	19.000	19.000	19.000	19.000	19.000	19.000
262	Thép xây dựng	Thép hộp mạ kẽm Z080: 50mmx50mmx1.10mmx6.0m	kg	ASTM A500/A500M		Công ty Cổ phần tập đoàn Hoa Sen - chi nhánh tỉnh Long An	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại khu vực Long An	(Báo giá ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo giá mới)	Giá không đổi	19.200	19.200	19.200	19.200	19.200	19.200	19.200	19.200	19.200	19.200	19.200	19.200	19.200	19.200	19.200
263	Thép xây dựng	Thép hộp mạ kẽm Z080: 50mmx50mmx1.20mmx6.0m	kg	ASTM A500/A500M		Công ty Cổ phần tập đoàn Hoa Sen - chi nhánh tỉnh Long An	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại khu vực Long An	(Báo giá ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo giá mới)	Giá không đổi	19.200	19.200	19.200	19.200	19.200	19.200	19.200	19.200	19.200	19.200	19.200	19.200	19.200	19.200	19.200
264	Thép xây dựng	Thép hộp mạ kẽm Z080: 50mmx50mmx1.40mmx6.0m	kg	ASTM A500/A500M		Công ty Cổ phần tập đoàn Hoa Sen - chi nhánh tỉnh Long An	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại khu vực Long An	(Báo giá ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo giá mới)	Giá không đổi	19.200	19.200	19.200	19.200	19.200	19.200	19.200	19.200	19.200	19.200	19.200	19.200	19.200	19.200	19.200
265	Thép xây dựng	Thép hộp mạ kẽm Z120: 50mmx50mmx1.80mmx6.0m	kg	ASTM A500/A500M		Công ty Cổ phần tập đoàn Hoa Sen - chi nhánh tỉnh Long An	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại khu vực Long An	(Báo giá ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo giá mới)	Giá không đổi	19.000	19.000	19.000	19.000	19.000	19.000	19.000	19.000	19.000	19.000	19.000	19.000	19.000	19.000	19.000
266	Thép xây dựng	Thép hộp mạ kẽm Z080: 50mmx100mmx1.10mmx6.0m	kg	ASTM A500/A500M		Công ty Cổ phần tập đoàn Hoa Sen - chi nhánh tỉnh Long An	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại khu vực Long An	(Báo giá ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo giá mới)	Giá không đổi	19.200	19.200	19.200	19.200	19.200	19.200	19.200	19.200	19.200	19.200	19.200	19.200	19.200	19.200	19.200
267	Thép xây dựng	thép hộp mạ kẽm Z080: 50mmx100mmx1.20mmx6.0m	kg	ASTM A500/A500M		Công ty Cổ phần tập đoàn Hoa Sen - chi nhánh tỉnh Long An	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại khu vực Long An	(Báo giá ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo giá mới)	Giá không đổi	19.200	19.200	19.200	19.200	19.200	19.200	19.200	19.200	19.200	19.200	19.200	19.200	19.200	19.200	19.200
268	Thép xây dựng	thép hộp mạ kẽm ZC80: 50mmx100mmx1.40mmx6.0m	kg	ASTM A500/A500M		Công ty Cổ phần tập đoàn Hoa Sen - chi nhánh tỉnh Long An	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại khu vực Long An	(Báo giá ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo giá mới)	Giá không đổi	19.200	19.200	19.200	19.200	19.200	19.200	19.200	19.200	19.200	19.200	19.200	19.200	19.200	19.200	19.200
269	Thép xây dựng	thép hộp mạ kẽm Z120: 50mmx100mmx1.80mmx6.0m	kg	ASTM A500/A500M		Công ty Cổ phần tập đoàn Hoa Sen - chi nhánh tỉnh Long An	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại khu vực Long An	(Báo giá ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo giá mới)	Giá không đổi	19.000	19.000	19.000	19.000	19.000	19.000	19.000	19.000	19.000	19.000	19.000	19.000	19.000	19.000	19.000
270	Thép xây dựng	Thép hộp mạ kẽm Z080: 60mmx120mmx1.40mmx6.0m	kg	ASTM A500/A500M		Công ty Cổ phần tập đoàn Hoa Sen - chi nhánh tỉnh Long An	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại khu vực Long An	(Báo giá ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo giá mới)	Giá không đổi	19.200	19.200	19.200	19.200	19.200	19.200	19.200	19.200	19.200	19.200	19.200	19.200	19.200	19.200	19.200

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng) (đồng)														
												Khu vực Tân An	Khu vực Tân Trụ	Khu vực Châu Thành	Khu vực Thủ Thừa	Khu vực Bến Lức	Khu vực Cần Giuộc	Khu vực Cần Đước	Khu vực Tân Thạnh	Khu vực Thạnh Hóa	Khu vực Tân Hưng	Khu vực Vĩnh Hưng	Khu vực Kiến Tường	Khu vực Mộc Hóa	Khu vực Đức Hòa	Khu vực Đức Huệ
271	Thép xây dựng	thép hộp mạ kẽm Z120: 60mmx120mmx1.80mmx6.0m	kg	ASTM A500/A500M		Công ty Cổ phần tập đoàn Hoa Sen - chi nhánh tỉnh Long An	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại khu vực Long An	(Báo giá ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo giá mới)	Giá không đổi	19.000	19.000	19.000	19.000	19.000	19.000	19.000	19.000	19.000	19.000	19.000	19.000	19.000	19.000	19.000
272	Thép xây dựng	Thép hộp mạ kẽm z 120: 60mmx120mmx2.00mmx6.0m	kg	ASTM A500/A500M		Công ty Cổ phần tập đoàn Hoa Sen - chi nhánh tỉnh Long An	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại khu vực Long An	(Báo giá ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo giá mới)	Giá không đổi	19.200	19.200	19.200	19.200	19.200	19.200	19.200	19.200	19.200	19.200	19.200	19.200	19.200	19.200	19.200
273	Thép xây dựng	Thép hộp mạ kẽm Z080: 75mmx75mmx1.40mmx6.0m	kg	ASTM A500/A500M		Công ty Cổ phần tập đoàn Hoa Sen - chi nhánh tỉnh Long An	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại khu vực Long An	(Báo giá ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo giá mới)	Giá không đổi	19.200	19.200	19.200	19.200	19.200	19.200	19.200	19.200	19.200	19.200	19.200	19.200	19.200	19.200	19.200
274	Thép xây dựng	Thép hộp mạ kẽm Z120: 75mmx75mmx1.80mmx6.0m	kg	ASTM A500/A500M		Công ty Cổ phần tập đoàn Hoa Sen - chi nhánh tỉnh Long An	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại khu vực Long An	(Báo giá ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo giá mới)	Giá không đổi	19.000	19.000	19.000	19.000	19.000	19.000	19.000	19.000	19.000	19.000	19.000	19.000	19.000	19.000	19.000
275	Thép xây dựng	thép hộp mạ kẽm Z080: 90mmx90mmx1.40mmx6.0m	kg	ASTM A500/A500M		Công ty Cổ phần tập đoàn Hoa Sen - chi nhánh tỉnh Long An	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại khu vực Long An	(Báo giá ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo giá mới)	Giá không đổi	19.200	19.200	19.200	19.200	19.200	19.200	19.200	19.200	19.200	19.200	19.200	19.200	19.200	19.200	19.200
276	Thép xây dựng	thép hộp mạ kẽm Z120: 90mmx90mmx1.80mmx6.0m	kg	ASTM A500/A500M		Công ty Cổ phần tập đoàn Hoa Sen - chi nhánh tỉnh Long An	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại khu vực Long An	(Báo giá ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo giá mới)	Giá không đổi	19.000	19.000	19.000	19.000	19.000	19.000	19.000	19.000	19.000	19.000	19.000	19.000	19.000	19.000	19.000
277	Thép xây dựng	thép hộp mạ kẽm Z080: 100mmx100mmx1.40mmx6.0m	kg	ASTM A500/A500M		Công ty Cổ phần tập đoàn Hoa Sen - chi nhánh tỉnh Long An	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại khu vực Long An	(Báo giá ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo giá mới)	Giá không đổi	19.200	19.200	19.200	19.200	19.200	19.200	19.200	19.200	19.200	19.200	19.200	19.200	19.200	19.200	19.200
278	Thép xây dựng	thép hộp mạ kẽm Z120: 100mmx100mmx1.80mmx6.0m	kg	ASTM A500/A500M		Công ty Cổ phần tập đoàn Hoa Sen - chi nhánh tỉnh Long An	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại khu vực Long An	(Báo giá ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo giá mới)	Giá không đổi	19.000	19.000	19.000	19.000	19.000	19.000	19.000	19.000	19.000	19.000	19.000	19.000	19.000	19.000	19.000
279	Thép xây dựng	thép ống mạ kẽm Z080: 21mmx 1. 10mmx6.0m	kg	ASTM A500/A500M		Công ty Cổ phần tập đoàn Hoa Sen - chi nhánh tỉnh Long An	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại khu vực Long An	(Báo giá ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo giá mới)	Giá không đổi	19.600	19.600	19.600	19.600	19.600	19.600	19.600	19.600	19.600	19.600	19.600	19.600	19.600	19.600	19.600
280	Thép xây dựng	thép ống mạ kẽm Z080: 21mmx1.40mmx6.0m	kg	ASTM A500/A500M		Công ty Cổ phần tập đoàn Hoa Sen - chi nhánh tỉnh Long An	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại khu vực Long An	(Báo giá ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo giá mới)	Giá không đổi	19.600	19.600	19.600	19.600	19.600	19.600	19.600	19.600	19.600	19.600	19.600	19.600	19.600	19.600	19.600
281	Thép xây dựng	thép ống mạ kẽm Z080: 27mmx 1.10mmx6.0m	kg	ASTM A500/A500M		Công ty Cổ phần tập đoàn Hoa Sen - chi nhánh tỉnh Long An	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại khu vực Long An	(Báo giá ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo giá mới)	Giá không đổi	19.600	19.600	19.600	19.600	19.600	19.600	19.600	19.600	19.600	19.600	19.600	19.600	19.600	19.600	19.600
282	Thép xây dựng	Thép ống mạ kẽm Z080: 27mmx1.40mmx6.0m	kg	ASTM A500/A500M		Công ty Cổ phần tập đoàn Hoa Sen - chi nhánh tỉnh Long An	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại khu vực Long An	(Báo giá ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo giá mới)	Giá không đổi	19.600	19.600	19.600	19.600	19.600	19.600	19.600	19.600	19.600	19.600	19.600	19.600	19.600	19.600	19.600
283	Thép xây dựng	Thép ống mạ kẽm Z080: 34mmx1.10mmx6.0m	kg	ASTM A500/A500M		Công ty Cổ phần tập đoàn Hoa Sen - chi nhánh tỉnh Long An	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại khu vực Long An	(Báo giá ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo giá mới)	Giá không đổi	19.600	19.600	19.600	19.600	19.600	19.600	19.600	19.600	19.600	19.600	19.600	19.600	19.600	19.600	19.600
284	Thép xây dựng	Thép ống mạ kẽm Z080: 34mmx1.40mmx6.0m	kg	ASTM A500/A500M		Công ty Cổ phần tập đoàn Hoa Sen - chi nhánh tỉnh Long An	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại khu vực Long An	(Báo giá ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo giá mới)	Giá không đổi	19.600	19.600	19.600	19.600	19.600	19.600	19.600	19.600	19.600	19.600	19.600	19.600	19.600	19.600	19.600
285	Thép xây dựng	Thép ống mạ kẽm Z080: 42mmx1.10mmx6.0m	kg	ASTM A500/A500M		Công ty Cổ phần tập đoàn Hoa Sen - chi nhánh tỉnh Long An	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại khu vực Long An	(Báo giá ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo giá mới)	Giá không đổi	19.600	19.600	19.600	19.600	19.600	19.600	19.600	19.600	19.600	19.600	19.600	19.600	19.600	19.600	19.600
286	Thép xây dựng	Thép ống mạ kẽm Z080: 42mmx1.40mmx6.0m	kg	ASTM A500/A500M		Công ty Cổ phần tập đoàn Hoa Sen - chi nhánh tỉnh Long An	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại khu vực Long An	(Báo giá ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo giá mới)	Giá không đổi	19.200	19.200	19.200	19.200	19.200	19.200	19.200	19.200	19.200	19.200	19.200	19.200	19.200	19.200	19.200
287	Thép xây dựng	Thép ống mạ kẽm Z080: 49mmx1.10mmx6.0m	kg	ASTM A500/A500M		Công ty Cổ phần tập đoàn Hoa Sen - chi nhánh tỉnh Long An	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại khu vực Long An	(Báo giá ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo giá mới)	Giá không đổi	19.200	19.200	19.200	19.200	19.200	19.200	19.200	19.200	19.200	19.200	19.200	19.200	19.200	19.200	19.200
288	Thép xây dựng	Thép ống mạ kẽm Z080: 49mmx1.40mmx6.0m	kg	ASTM A500/A500M		Công ty Cổ phần tập đoàn Hoa Sen - chi nhánh tỉnh Long An	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại khu vực Long An	(Báo giá ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo giá mới)	Giá không đổi	19.200	19.200	19.200	19.200	19.200	19.200	19.200	19.200	19.200	19.200	19.200	19.200	19.200	19.200	19.200
289	Thép xây dựng	Thép ống mạ kẽm Z080: 60mmx1.10mmx6.0m	kg	ASTM A500/A500M		Công ty Cổ phần tập đoàn Hoa Sen - chi nhánh tỉnh Long An	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại khu vực Long An	(Báo giá ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo giá mới)	Giá không đổi	19.200	19.200	19.200	19.200	19.200	19.200	19.200	19.200	19.200	19.200	19.200	19.200	19.200	19.200	19.200
290	Thép xây dựng	Thép ống mạ kẽm Z080: 60mmx1 ,40mmx6.0m	kg	ASTM A500/A500M		Công ty Cổ phần tập đoàn Hoa Sen - chi nhánh tỉnh Long An	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại khu vực Long An	(Báo giá ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo giá mới)	Giá không đổi	19.200	19.200	19.200	19.200	19.200	19.200	19.200	19.200	19.200	19.200	19.200	19.200	19.200	19.200	19.200
291	Thép xây dựng	Thép ống mạ kẽm Z080: 76mmx1.10mmx6.0m	kg	ASTM A500/A500M		Công ty Cổ phần tập đoàn Hoa Sen - chi nhánh tỉnh Long An	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại khu vực Long An	(Báo giá ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo giá mới)	Giá không đổi	19.200	19.200	19.200	19.200	19.200	19.200	19.200	19.200	19.200	19.200	19.200	19.200	19.200	19.200	19.200
292	Thép xây dựng	Thép ống mạ kẽm Z080: 76mmx 1.40mmx6.0m	kg	ASTM A500/A500M		Công ty Cổ phần tập đoàn Hoa Sen - chi nhánh tỉnh Long An	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại khu vực Long An	(Báo giá ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo giá mới)	Giá không đổi	19.200	19.200	19.200	19.200	19.200	19.200	19.200	19.200	19.200	19.200	19.200	19.200	19.200	19.200	19.200
293	Thép xây dựng	Thép ống mạ kẽm Z080: 90mmx1.40mmx6.0m	kg	ASTM A500/A500M		Công ty Cổ phần tập đoàn Hoa Sen - chi nhánh tỉnh Long An	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại khu vực Long An	(Báo giá ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo giá mới)	Giá không đổi	19.200	19.200	19.200	19.200	19.200	19.200	19.200	19.200	19.200	19.200	19.200	19.200	19.200	19.200	19.200
294	Thép xây dựng	Thép ống mạ kẽm Z120: 90mmx1.80mmx6.0m	kg	ASTM A500/A500M		Công ty Cổ phần tập đoàn Hoa Sen - chi nhánh tỉnh Long An	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại khu vực Long An	(Báo giá ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo giá mới)	Giá không đổi	19.000	19.000	19.000	19.000	19.000	19.000	19.000	19.000	19.000	19.000	19.000	19.000	19.000	19.000	19.000
295	Thép xây dựng	Thép ống mạ kẽm Z080: 1 14mmx1.40mmx6.0m	kg	ASTM A500/A500M		Công ty Cổ phần tập đoàn Hoa Sen - chi nhánh tỉnh Long An	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại khu vực Long An	(Báo giá ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo giá mới)	Giá không đổi	19.200	19.200	19.200	19.200	19.200	19.200	19.200	19.200	19.200	19.200	19.200	19.200	19.200	19.200	19.200
296	Thép xây dựng	Thép ống mạ kẽm z 120: 114mmx1.80mmx6.0m	kg	ASTM A500/A500M		Công ty Cổ phần tập đoàn Hoa Sen - chi nhánh tỉnh Long An	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại khu vực Long An	(Báo giá ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo giá mới)	Giá không đổi	19.000	19.000	19.000	19.000	19.000	19.000	19.000	19.000	19.000	19.000	19.000	19.000	19.000	19.000	19.000
297	Thép xây dựng	thép ống đen: độ dày 1.60mmx6.0m	kg	ASTM A500/A500M		Công ty Cổ phần tập đoàn Hoa Sen - chi nhánh tỉnh Long An	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại khu vực Long An	(Báo giá ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo giá mới)	Giá không đổi	18.360	18.360	18.360	18.360	18.360	18.360	18.360	18.360	18.360	18.360	18.360	18.360	18.360	18.360	18.360
298	Thép xây dựng	Thép ống đen: độ dày > 1.80 - < 2.00mmx6.0m	kg	ASTM A500/A500M		Công ty Cổ phần tập đoàn Hoa Sen - chi nhánh tỉnh Long An	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại khu vực Long An	(Báo giá ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo giá mới)	Giá không đổi	17.260	17.260	17.260	17.260	17.260	17.260	17.260	17.260	17.260	17.260	17.260	17.260	17.260	17.260	17.260
299	Thép xây dựng	Thép ống đen. độ dày > 2.00mmx6.0m	kg	ASTM A500/A500M		Công ty Cổ phần tập đoàn Hoa Sen - chi nhánh tỉnh Long An	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại khu vực Long An	(Báo giá ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo giá mới)	Giá không đổi	16.660	16.660	16.660	16.660	16.660	16.660	16.660	16.660	16.660	16.660	16.660	16.660	16.660	16.660	16.660
300	Thép xây dựng	Thép xây dựng dạng bẻ đai VAS 06 CB240-T	kg	JIS G3112		Công ty Cổ phần tập đoàn Hoa Sen - chi nhánh tỉnh Long An	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại khu vực Long An	(Báo giá ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo giá mới)	Giá không đổi	15.440	15.440	15.440	15.440	15.440	15.440	15.440	15.440	15.440	15.440	15.440	15.440	15.440	15.440	15.440
301	Thép xây dựng	Thép xây dựng dạng bẻ đai VAS 08 CB240-T	kg	JIS G3112		Công ty Cổ phần tập đoàn Hoa Sen - chi nhánh tỉnh Long An	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại khu vực Long An	(Báo giá ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo giá mới)	Giá không đổi	15.440	15.440	15.440	15.440	15.440	15.440	15.440	15.440	15.440	15.440	15.440	15.440	15.440	15.440	15.440
302	Thép xây dựng	Thép xây dựng dạng cuộn VAS 06 CB240-T	kg	JIS 03112		Công ty Cổ phần tập đoàn Hoa Sen - chi nhánh tỉnh Long An	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại khu vực Long An	(Báo giá ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo giá mới)	Giá không đổi	14.440	14.440	14.440	14.440	14.440	14.440	14.440	14.440	14.440	14.440	14.440	14.440	14.440	14.440	14.440
303	Thép xây dựng	Thép xây dựng dạng cuộn VAS 08 CB240-T	kg	JIS 03112		Công ty Cổ phần tập đoàn Hoa Sen - chi nhánh tỉnh Long An	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại khu vực Long An	(Báo giá ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo giá mới)	Giá không đổi	14.440	14.440	14.440	14.440	14.440	14.440	14.440	14.440	14.440	14.440	14.440	14.440	14.440	14.440	14.440
304	Thép xây dựng	Thép xây dựng dạng cuộn VAS 08 CB300	kg	JIS 03112		Công ty Cổ phần tập đoàn Hoa Sen - chi nhánh tỉnh Long An	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại khu vực Long An	(Báo giá ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo giá mới)	Giá không đổi	14.540	14.540	14.540	14.540	14.540	14.540	14.540	14.540	14.540	14.540	14.540	14.540	14.540	14.540	14.540
305	Thép xây dựng	Thép xây dựng dạng thanh vằn gập VAS D10 CB300, Grade 40	kg	JIS 03112		Công ty Cổ phần tập đoàn Hoa Sen - chi nhánh tỉnh Long An	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại khu vực Long An	(Báo giá ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo giá mới)	Giá không đổi	14.660	14.660	14.660	14.660	14.660	14.660	14.660	14.660	14.660	14.660	14.660	14.660	14.660	14.660	14.660
306	Thép xây dựng	Thép xây dựng dạng thanh vằn gập VKS D12 CB300 Grade 40	kg	JIS 03112		Công ty Cổ phần tập đoàn Hoa Sen - chi nhánh tỉnh Long An	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại khu vực Long An	(Báo giá ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo giá mới)	Giá không đổi	14.460	14.460	14.460	14.460	14.460	14.460	14.460	14.460	14.460	14.460	14.460	14.460	14.460	14.460	14.460
307	Thép xây dựng	Thép xây dựng dạng thanh vằn THS D14 CB300/Grade 40	kg	IS G3112		Công ty Cổ phần tập đoàn Hoa Sen - chi nhánh tỉnh Long An	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại khu vực Long An	(Báo giá ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo giá mới)	Giá không đổi	14.460	14.460	14.460	14.460	14.460	14.460	14.460	14.460	14.460	14.460	14.460	14.460	14.460	14.460	14.460
308	Thép xây dựng	Thép xây dựng dạng thanh vằn VAS D16 CB300/Grade 40	kg	ISG3112		Công ty Cổ phần tập đoàn Hoa Sen - chi nhánh tỉnh Long An	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại khu vực Long An	(Báo giá ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo giá mới)	Giá không đổi	14.460	14.460	14.460	14.460	14.460	14.460	14.460	14.460	14.460	14.460	14.460	14.460	14.460	14.460	14.460
309	Thép xây dựng	Thép dày Hoa Sen Mag Shield ZM080 phủ CR: .58mmx 1200mm G350 TC1	kg	TCCS 01:2015/HSG		Công ty Cổ phần tập đoàn Hoa Sen - chi nhánh tỉnh Long An	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại khu vực Long An	(Báo giá ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo giá mới)	Giá không đổi	21.300	21.300	21.300	21.300	21.300	21.300	21.300	21.300	21.300	21.300	21.300	21.300	21.300	21.300	21.300
310	Thép xây dựng	thép dày Hoa Sen Mag Shield ZM080 phủ CR: 0.75mmx 1200mm G350 TC1	kg	TCCS 01:2015/HSG		Công ty Cổ phần tập đoàn Hoa Sen - chi nhánh tỉnh Long An	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại khu vực Long An	(Báo giá ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo giá mới)	Giá không đổi	20.700	20.700	20.700	20.700	20.700	20.700	20.700	20.700	20.700	20.700	20.700	20.700	20.700	20.700	20.700
311	Thép xây dựng	Thép dày Hoa Sen Mag Shield ZM080 phủCR: 0.95mmx1200mm G350 TC1	kg	TCCS 01:2015/HSG		Công ty Cổ phần tập đoàn Hoa Sen - chi nhánh tỉnh Long An	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại khu vực Long An	(Báo giá ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo giá mới)	Giá không đổi	20.200	20.200	20.200	20.200	20.200	20.200	20.200	20.200	20.200	20.200	20.200	20.200	20.200	20.200	20.200

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng) (đồng)														
												Khu vực Tân An	Khu vực Tân Trụ	Khu vực Châu Thành	Khu vực Thủ Thừa	Khu vực Bến Lức	Khu vực Cần Giuộc	Khu vực Cần Đước	Khu vực Tân Thạnh	Khu vực Thạnh Hóa	Khu vực Tân Hưng	Khu vực Vĩnh Hưng	Khu vực Kiến Tường	Khu vực Mộc Hóa	Khu vực Đức Hòa	Khu vực Đức Huệ
312	Thép xây dựng	thép dày Hoa Sen Mag Shield ZM080 phủ CR: 1.15mmx1200mm G350 TC1	kg	TCCS 01:2015/HSG		Công ty Cổ phần tập đoàn Hoa Sen - chi nhánh tỉnh Long An	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại khu vực Long An	(Báo giá ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo giá mới)	Giá không đổi	19.850	19.850	19.850	19.850	19.850	19.850	19.850	19.850	19.850	19.850	19.850	19.850	19.850	19.850	19.850
313	Thép xây dựng	thép hộp Hoa Sen Mag Shield ZM080: 0mmx40mmx1.40mmx6.0m TC1	kg	ASTM A500/A500M		Công ty Cổ phần tập đoàn Hoa Sen - chi nhánh tỉnh Long An	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại khu vực Long An	(Báo giá ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo giá mới)	Giá không đổi	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650
314	Thép xây dựng	Thép hộp Hoa Sen Mag Shield ZM080: 30mmx60mmx1 .40mmx6.0m TC1	kg	ASTM A500/A500M		Công ty Cổ phần tập đoàn Hoa Sen - chi nhánh tỉnh Long An	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại khu vực Long An	(Báo giá ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo giá mới)	Giá không đổi	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650
315	Thép xây dựng	Thép hộp Hoa Sen Mag Shield ZM080: 0mmx80mmx1 .40mmx6.0m TC1	kg	ASTM A500/A500M		Công ty Cổ phần tập đoàn Hoa Sen - chi nhánh tỉnh Long An	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại khu vực Long An	(Báo giá ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo giá mới)	Giá không đổi	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650
316	Thép xây dựng	Thép hộp Hoa Sen Mag Shield ZM080: 30mmx30mmx1.40mmx6.0m TC1	kg	ASTM A5OO/A5OOM		Công ty Cổ phần tập đoàn Hoa Sen - chi nhánh tỉnh Long An	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại khu vực Long An	(Báo giá ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo giá mới)	Giá không đổi	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650
317	Thép xây dựng	Thép hộp Hoa Sen Mag Shield ZM080: 20mmx20mmx 1.40mmx6.0m TC1	kg	ASTM A500/A500M		Công ty Cổ phần tập đoàn Hoa Sen - chi nhánh tỉnh Long An	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại khu vực Long An	(Báo giá ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo giá mới)	Giá không đổi	21.050	21.050	21.050	21.050	21.050	21.050	21.050	21.050	21.050	21.050	21.050	21.050	21.050	21.050	21.050
318	Thép xây dựng	Thép ống Hoa Sen Mag Shield ZM080: 21mmx1.40mmx6.0m TC1	kg	ASTM A500/A500M		Công ty Cổ phần tập đoàn Hoa Sen - chi nhánh tỉnh Long An	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại khu vực Long An	(Báo giá ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo giá mới)	Giá không đổi	21.050	21.050	21.050	21.050	21.050	21.050	21.050	21.050	21.050	21.050	21.050	21.050	21.050	21.050	21.050
319	Thép xây dựng	Thép hộp Hoa Sen Mag Shield ZM080: 13mmx26mmx 1.40mmx6.0m TC1	kg	ASTM A500/A500M		Công ty Cổ phần tập đoàn Hoa Sen - chi nhánh tỉnh Long An	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại khu vực Long An	(Báo giá ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo giá mới)	Giá không đổi	21.050	21.050	21.050	21.050	21.050	21.050	21.050	21.050	21.050	21.050	21.050	21.050	21.050	21.050	21.050
320	Thép xây dựng	Thép hộp Hoa Sen Mag Shield ZM080: 14mmx14mmx1.40mmx6.0m TC1	kg	ASTM A5OO/A5OOM		Công ty Cổ phần tập đoàn Hoa Sen - chi nhánh tỉnh Long An	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại khu vực Long An	(Báo giá ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo giá mới)	Giá không đổi	21.050	21.050	21.050	21.050	21.050	21.050	21.050	21.050	21.050	21.050	21.050	21.050	21.050	21.050	21.050
321	Thép xây dựng	Thép hộp Hoa Sen Mag Shield ZM080: 16mmx16mmx1.40mmx6.0m TC1	kg	ASTM A500/A500M		Công ty Cổ phần tập đoàn Hoa Sen - chi nhánh tỉnh Long An	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại khu vực Long An	(Báo giá ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo giá mới)	Giá không đổi	21.050	21.050	21.050	21.050	21.050	21.050	21.050	21.050	21.050	21.050	21.050	21.050	21.050	21.050	21.050
322	Thép xây dựng	Thép hộp Hoa Sen Mag Shield ZM080: 25mmx25mmx1.40mmx6.0m TC1	kg	ASTM A500/A500M		Công ty Cổ phần tập đoàn Hoa Sen - chi nhánh tỉnh Long An	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại khu vực Long An	(Báo giá ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo giá mới)	Giá không đổi	21.050	21.050	21.050	21.050	21.050	21.050	21.050	21.050	21.050	21.050	21.050	21.050	21.050	21.050	21.050
323	Thép xây dựng	Thép hộp Hoa Sen Mag Shield ZM080: 25mmx50mmx1.40mmx6.0m TC1	kg	ASTM A5OO/A5OOM		Công ty Cổ phần tập đoàn Hoa Sen - chi nhánh tỉnh Long An	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại khu vực Long An	(Báo giá ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo giá mới)	Giá không đổi	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650
324	Thép xây dựng	Thép hộp Hoa Sen Mag Shield ZM080: 40mmx40mmx1.40mmx6.0m TC1	kg	ASTM A500/A500M		Công ty Cổ phần tập đoàn Hoa Sen - chi nhánh tỉnh Long An	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại khu vực Long An	(Báo giá ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo giá mới)	Giá không đổi	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650
325	Thép xây dựng	Thép hộp Hoa Sen Mag Shield ZM080: 50mmx50mmx 1.40mmx6.0m TC1	kg	ASTM A5OO/A5OOM		Công ty Cổ phần tập đoàn Hoa Sen - chi nhánh tỉnh Long An	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại khu vực Long An	(Báo giá ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo giá mới)	Giá không đổi	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650
326	Thép xây dựng	Thép hộp Hoa Sen Mag Shield ZM080: 50mmx 100mmx 1.40mmx6.0m TC1	kg	ASTM A500/A500M		Công ty Cổ phần tập đoàn Hoa Sen - chi nhánh tỉnh Long An	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại khu vực Long An	(Báo giá ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo giá mới)	Giá không đổi	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650
327	Thép xây dựng	Thép ống Hoa Sen Mag Shield ZM080: 27mmx1.40mmx6.0m TC1	kg	ASTM A500/A500M		Công ty Cổ phần tập đoàn Hoa Sen - chi nhánh tỉnh Long An	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại khu vực Long An	(Báo giá ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo giá mới)	Giá không đổi	21.050	21.050	21.050	21.050	21.050	21.050	21.050	21.050	21.050	21.050	21.050	21.050	21.050	21.050	21.050
328	Thép xây dựng	Thép ống Hoa Sen Mag Shield ZM080: 34mmx1.40mmx6.0m TC1	kg	ASTM A5OO/A5OOM		Công ty Cổ phần tập đoàn Hoa Sen - chi nhánh tỉnh Long An	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại khu vực Long An	(Báo giá ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo giá mới)	Giá không đổi	21.020	21.020	21.020	21.020	21.020	21.020	21.020	21.020	21.020	21.020	21.020	21.020	21.020	21.020	21.020
329	Thép xây dựng	Thép ống Hoa Sen Mag Shield ZM080: 42mm.x1.40mmx6.0m TC1	kg	ASTM A500/A500M		Công ty Cổ phần tập đoàn Hoa Sen - chi nhánh tỉnh Long An	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại khu vực Long An	(Báo giá ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo giá mới)	Giá không đổi	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650
330	Thép xây dựng	Thép ống hoa Sen Mag Shield ZM080: 49mmx 1,40mmx6.0m TC1	kg	ASTM A500/A500M		Công ty Cổ phần tập đoàn Hoa Sen - chi nhánh tỉnh Long An	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại khu vực Long An	(Báo giá ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo giá mới)	Giá không đổi	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650
331	Thép xây dựng	Thép ống Hoa Sen Mag Shield ZM080: 60mmx1.40mmx6.0m TC1	kg	ASTM A500/A500M		Công ty Cổ phần tập đoàn Hoa Sen - chi nhánh tỉnh Long An	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại khu vực Long An	(Báo giá ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo giá mới)	Giá không đổi	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650
332	Thép xây dựng	Thép ống Hoa Sen Mag Shield ZM080: 76mmx 1,40mmx6.0m TC1	kg	ASTM A500/A500M		Công ty Cổ phần tập đoàn Hoa Sen - chi nhánh tỉnh Long An	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại khu vực Long An	(Báo giá ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo giá mới)	Giá không đổi	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650
333	Thép xây dựng	Thép ống Hoa Sen Mag Shield ZM080: 90mmx 1 40mm.x6.0m TC1	kg	ASTM A5OO/A5OOM		Công ty Cổ phần tập đoàn Hoa Sen - chi nhánh tỉnh Long An	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại khu vực Long An	(Báo giá ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo giá mới)	Giá không đổi	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650
334	Thép xây dựng	Thép hộp Hoa Sen Mag Shield ZM080: 30mmx30mmx1.10mmx6.0m TC1	kg	ASTM A500/A500M		Công ty Cổ phần tập đoàn Hoa Sen - chi nhánh tỉnh Long An	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại khu vực Long An	(Báo giá ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo giá mới)	Giá không đổi	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650
335	Thép xây dựng	Thép hộp Hoa Sen Mag Shield ZM080: 30mmx60mmx1.10mmx6.0mTC1	kg	ASTM A500/A500M		Công ty Cổ phần tập đoàn Hoa Sen - chi nhánh tỉnh Long An	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại khu vực Long An	(Báo giá ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo giá mới)	Giá không đổi	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650
336	Thép xây dựng	Thép hộp Hoa Sen Mag Shield ZM080: 40mmx80mmx 1.10mmx6.0m TC1	kg	ASTM A500/A500M		Công ty Cổ phần tập đoàn Hoa Sen - chi nhánh tỉnh Long An	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại khu vực Long An	(Báo giá ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo giá mới)	Giá không đổi	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650
337	Thép xây dựng	Thép hộp Hoa Sen Mag Shield ZM080: 50mmx100mmx 1. 10mmx6.0m TC1	kg	ASTM A500/A500M		Công ty Cổ phần tập đoàn Hoa Sen - chi nhánh tỉnh Long An	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại khu vực Long An	(Báo giá ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo giá mới)	Giá không đổi	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650
338	Thép xây dựng	Thép hộp Hoa Sen Mag Shield ZM080: 20mmx40mmx 1. 10mmx6.0m TC1	kg	ASTM A500/A500M		Công ty Cổ phần tập đoàn Hoa Sen - chi nhánh tỉnh Long An	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại khu vực Long An	(Báo giá ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo giá mới)	Giá không đổi	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650
339	Thép xây dựng	Thép hộp Hoa Sen Mag Shield ZM080: 20mmx40mmx 1,20mmx6.0m TC1	kg	ASTM A500/A500M		Công ty Cổ phần tập đoàn Hoa Sen - chi nhánh tỉnh Long An	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại khu vực Long An	(Báo giá ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo giá mới)	Giá không đổi	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng) (đồng)														
												Khu vực Tân An	Khu vực Tân Trụ	Khu vực Châu Thành	Khu vực Thủ Thừa	Khu vực Bến Lức	Khu vực Cần Giuộc	Khu vực Cần Đước	Khu vực Tân Thạnh	Khu vực Thạnh Hóa	Khu vực Tân Hưng	Khu vực Vĩnh Hưng	Khu vực Kiến Tường	Khu vực Mộc Hóa	Khu vực Đức Hòa	Khu vực Đức Huệ
340	Thép xây dựng	Thép hộp Hoa Sen Mag Shield ZM080: 30mmx30mmx1.20mmx6.0m TC1	kg	ASTM A500/A500M		Công ty Cổ phần tập đoàn Hoa Sen - chi nhánh tỉnh Long An	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại khu vực Long An	(Báo giá ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo giá mới)	Giá không đổi	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650
341	Thép xây dựng	Thép hộp Hoa Sen Mag Shield ZM080 30mmx60mmx1.20mmx6.0m TC1	kg	ASTM A500/A500M		Công ty Cổ phần tập đoàn Hoa Sen - chi nhánh tỉnh Long An	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại khu vực Long An	(Báo giá ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo giá mới)	Giá không đổi	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650
342	Thép xây dựng	thép hộp Hoa Sen Mag Shield ZM080: 40mm.x80mmx 1.20mmx6.0m TC1	Kg	ASTM A500/A500M		Công ty Cổ phần tập đoàn Hoa Sen - chi nhánh tỉnh Long An	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại khu vực Long An	(Báo giá ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo giá mới)	Giá không đổi	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650
343	Thép xây dựng	thép hộp Hoa Sen Mag Shield ZM080: 50mmx 100mmx 1.20mmx6.0m TC1	Kg	ASTM A500/A500M		Công ty Cổ phần tập đoàn Hoa Sen - chi nhánh tỉnh Long An	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại khu vực Long An	(Báo giá ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo giá mới)	Giá không đổi	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650
344	Thép xây dựng	thép hộp Hoa Sen Mag Shield ZM080: 60mmx 120mmx 1.40mmx6.0m TC1	Kg	ASTM A500/A500M		Công ty Cổ phần tập đoàn Hoa Sen - chi nhánh tỉnh Long An	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại khu vực Long An	(Báo giá ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo giá mới)	Giá không đổi	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650
345	Thép xây dựng	thép hộp Hoa Sen Mag Shield Z1M080: 14mmx 14mmx0.80mmx6.0m TC1	Kg	ASTM A500/A500M		Công ty Cổ phần tập đoàn Hoa Sen - chi nhánh tỉnh Long An	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại khu vực Long An	(Báo giá ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo giá mới)	Giá không đổi	21.800	21.800	21.800	21.800	21.800	21.800	21.800	21.800	21.800	21.800	21.800	21.800	21.800	21.800	21.800
346	Thép xây dựng	Thép hộp Hoa Sen Mag Shield ZM080: 16mmx16mmx0.80mmx6.0m TC1	Kg	ASTM A500/A500M		Công ty Cổ phần tập đoàn Hoa Sen - chi nhánh tỉnh Long An	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại khu vực Long An	(Báo giá ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo giá mới)	Giá không đổi	21.800	21.800	21.800	21.800	21.800	21.800	21.800	21.800	21.800	21.800	21.800	21.800	21.800	21.800	21.800
347	Thép xây dựng	thép hộp Hoa Sen Mag Shield ZM080: 20mmx20mmx0.80mmx6.0m TC1	Kg	ASTM A500/A500M		Công ty Cổ phần tập đoàn Hoa Sen - chi nhánh tỉnh Long An	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại khu vực Long An	(Báo giá ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo giá mới)	Giá không đổi	21.800	21.800	21.800	21.800	21.800	21.800	21.800	21.800	21.800	21.800	21.800	21.800	21.800	21.800	21.800
348	Thép xây dựng	Thép hộp Hoa Sen Mag Shield ZM080: 25mmx25mmx0.80mmx6.0m TC1	Kg	ASTM A500/A500M		Công ty Cổ phần tập đoàn Hoa Sen - chi nhánh tỉnh Long An	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại khu vực Long An	(Báo giá ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo giá mới)	Giá không đổi	21.800	21.800	21.800	21.800	21.800	21.800	21.800	21.800	21.800	21.800	21.800	21.800	21.800	21.800	21.800
349	Thép xây dựng	thép hộp Hoa Sen Mag Shield ZM080: 30mmx30mmx0.80mmx6.0mi TC1	Kg	ASTM A500/A500M		Công ty Cổ phần tập đoàn Hoa Sen - chi nhánh tỉnh Long An	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại khu vực Long An	(Báo giá ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo giá mới)	Giá không đổi	21.400	21.400	21.400	21.400	21.400	21.400	21.400	21.400	21.400	21.400	21.400	21.400	21.400	21.400	21.400
350	Thép xây dựng	Thép hộp Hoa Sen Mag Shield ZM080: 40mmx40mmx0.80mmx6.0m TC1	Kg	ASTM A500/A500M		Công ty Cổ phần tập đoàn Hoa Sen - chi nhánh tỉnh Long An	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại khu vực Long An	(Báo giá ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo giá mới)	Giá không đổi	21.400	21.400	21.400	21.400	21.400	21.400	21.400	21.400	21.400	21.400	21.400	21.400	21.400	21.400	21.400
351	Thép xây dựng	thép hộp Hoa Sen Mag Shield ZM080: 50mmx50mmx0.80mmx6.0m TC1	Kg	ASTM A500/A500M		Công ty Cổ phần tập đoàn Hoa Sen - chi nhánh tỉnh Long An	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại khu vực Long An	(Báo giá ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo giá mới)	Giá không đổi	21.400	21.400	21.400	21.400	21.400	21.400	21.400	21.400	21.400	21.400	21.400	21.400	21.400	21.400	21.400
352	Thép xây dựng	thép hộp Hoa Sen Mag Shield ZM080: 13mmx26mmx0.80mmx6.0m TC1	Kg	ASTM A500/A500M		Công ty Cổ phần tập đoàn Hoa Sen - chi nhánh tỉnh Long An	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại khu vực Long An	(Báo giá ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo giá mới)	Giá không đổi	21.800	21.800	21.800	21.800	21.800	21.800	21.800	21.800	21.800	21.800	21.800	21.800	21.800	21.800	21.800
353	Thép xây dựng	Thép hộp Hoa Sen Mag Shield ZM080: 20mmx40mmx0.80mmx6.0m TC1	Kg	ASTM A500/A500M		Công ty Cổ phần tập đoàn Hoa Sen - chi nhánh tỉnh Long An	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại khu vực Long An	(Báo giá ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo giá mới)	Giá không đổi	21.800	21.800	21.800	21.800	21.800	21.800	21.800	21.800	21.800	21.800	21.800	21.800	21.800	21.800	21.800
354	Thép xây dựng	Thép hộp Hoa Sen Mag Shield ZM080: 25mmx50mmx0.80mmx6.0m TC1	Kg	ASTM A500/A500M		Công ty Cổ phần tập đoàn Hoa Sen - chi nhánh tỉnh Long An	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại khu vực Long An	(Báo giá ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo giá mới)	Giá không đổi	21.400	21.400	21.400	21.400	21.400	21.400	21.400	21.400	21.400	21.400	21.400	21.400	21.400	21.400	21.400
355	Thép xây dựng	Thép hộp Hoa Sen Mag Shield ZM080: 30mmx60mmx0.80mmx6.0m TC1	Kg	ASTM A500/A500M		Công ty Cổ phần tập đoàn Hoa Sen - chi nhánh tỉnh Long An	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại khu vực Long An	(Báo giá ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo giá mới)	Giá không đổi	21.400	21.400	21.400	21.400	21.400	21.400	21.400	21.400	21.400	21.400	21.400	21.400	21.400	21.400	21.400
356	Thép xây dựng	Thép hộp Hoa Sen Mag Shield ZM080. 14mmx 14mmx 1.00mmx6.0m TC1	Kg	ASTM A500/A500M		Công ty Cổ phần tập đoàn Hoa Sen - chi nhánh tỉnh Long An	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại khu vực Long An	(Báo giá ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo giá mới)	Giá không đổi	21.050	21.050	21.050	21.050	21.050	21.050	21.050	21.050	21.050	21.050	21.050	21.050	21.050	21.050	21.050
357	Thép xây dựng	Thép hộp Hoa Sen Mag Shield ZM080: 16mmx16mmx1.00mmx6.0m TC1	Kg	ASTM A500/A500M		Công ty Cổ phần tập đoàn Hoa Sen - chi nhánh tỉnh Long An	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại khu vực Long An	(Báo giá ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo giá mới)	Giá không đổi	21.050	21.050	21.050	21.050	21.050	21.050	21.050	21.050	21.050	21.050	21.050	21.050	21.050	21.050	21.050
358	Thép xây dựng	Thép hộp Hoa Sen Mag Shield ZM080: 20mmx20mmx1.00mmx6.0m TC1	Kg	ASTM A500/A500M		Công ty Cổ phần tập đoàn Hoa Sen - chi nhánh tỉnh Long An	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại khu vực Long An	(Báo giá ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo giá mới)	Giá không đổi	21.050	21.050	21.050	21.050	21.050	21.050	21.050	21.050	21.050	21.050	21.050	21.050	21.050	21.050	21.050
359	Thép xây dựng	Thép hộp Hoa Sen Mag Shield ZM080: 25mmx25mmx 1.00mmx6.0m TC1	Kg	ASTM A500/A500M		Công ty Cổ phần tập đoàn Hoa Sen - chi nhánh tỉnh Long An	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại khu vực Long An	(Báo giá ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo giá mới)	Giá không đổi	21.050	21.050	21.050	21.050	21.050	21.050	21.050	21.050	21.050	21.050	21.050	21.050	21.050	21.050	21.050
360	Thép xây dựng	Thép hộp Hoa Sen Mag Shield ZM080: 30mmx30mmx 1.00mmx6.0m TC1	Kg	ASTM A500/A500M		Công ty Cổ phần tập đoàn Hoa Sen - chi nhánh tỉnh Long An	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại khu vực Long An	(Báo giá ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo giá mới)	Giá không đổi	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650
361	Thép xây dựng	Thép hộp Hoa Sen Mag Shield ZM080: 40mmx40mmx 1.00mmx6.0m TC1	Kg	ASTM A500/A500M		Công ty Cổ phần tập đoàn Hoa Sen - chi nhánh tỉnh Long An	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại khu vực Long An	(Báo giá ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo giá mới)	Giá không đổi	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650
362	Thép xây dựng	Thép hộp Hoa Sen Mag Shield ZM080: 50mmx50mmx 1.00mmx6.0m TC1	Kg	ASTM A500/A500M		Công ty Cổ phần tập đoàn Hoa Sen - chi nhánh tỉnh Long An	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại khu vực Long An	(Báo giá ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo giá mới)	Giá không đổi	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650
363	Thép xây dựng	Thép hộp Hoa Sen Mag Shield ZM080: 13mmx26mmx 1.00mm.x6.0m TC1	Kg	ASTM A500/A500M		Công ty Cổ phần tập đoàn Hoa Sen - chi nhánh tỉnh Long An	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại khu vực Long An	(Báo giá ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo giá mới)	Giá không đổi	21.050	21.050	21.050	21.050	21.050	21.050	21.050	21.050	21.050	21.050	21.050	21.050	21.050	21.050	21.050
364	Thép xây dựng	Thép hộp Hoa Sen Mag Shield ZM080: 20mmx40mmx 1.00mmx6.0m TC1	Kg	ASTM A500/A500M		Công ty Cổ phần tập đoàn Hoa Sen - chi nhánh tỉnh Long An	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại khu vực Long An	(Báo giá ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo giá mới)	Giá không đổi	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650
365	Thép xây dựng	Thép hộp Hoa Sen Mag Shield ZM080: 25mmx50mmx 1.00mmx6.0m TC1	Kg	ASTM A500/A500M		Công ty Cổ phần tập đoàn Hoa Sen - chi nhánh tỉnh Long An	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại khu vực Long An	(Báo giá ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo giá mới)	Giá không đổi	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650
366	Thép xây dựng	Thép hộp Hoa Sen Mag Shield ZM080: 30mmx60mmx 1.00mmx6.0m TC1	Kg	ASTM A500/A500M		Công ty Cổ phần tập đoàn Hoa Sen - chi nhánh tỉnh Long An	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại khu vực Long An	(Báo giá ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo giá mới)	Giá không đổi	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650
367	Thép xây dựng	Thép hộp Hoa Sen Mag Shield ZM080: 40mmx80mmx 1.00mmx6.0m TC1	Kg	ASTM A500/A500M		Công ty Cổ phần tập đoàn Hoa Sen - chi nhánh tỉnh Long An	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại khu vực Long An	(Báo giá ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo giá mới)	Giá không đổi	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650
368	Thép xây dựng	Thép hộp Hoa Sen Mag Shield ZM080: 50mmx100mmx1.00mmx6.0m TC1	Kg	ASTM A500/A500M		Công ty Cổ phần tập đoàn Hoa Sen - chi nhánh tỉnh Long An	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại khu vực Long An	(Báo giá ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo giá mới)	Giá không đổi	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650
369	Thép xây dựng	Thép hộp Hoa Sen Mag Shield ZM080: 14mmx14mmx1.10mmx6.0m TC1	Kg	ASTM A500/A500M		Công ty Cổ phần tập đoàn Hoa Sen - chi nhánh tỉnh Long An	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại khu vực Long An	(Báo giá ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo giá mới)	Giá không đổi	21.050	21.050	21.050	21.050	21.050	21.050	21.050	21.050	21.050	21.050	21.050	21.050	21.050	21.050	21.050
370	Thép xây dựng	Thép hộp Hoa Sen Mag Shield ZM080: 16mmx 16mmx 1.10mmx6.0m TC1	Kg	ASTM A500/A500M		Công ty Cổ phần tập đoàn Hoa Sen - chi nhánh tỉnh Long An	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại khu vực Long An	(Báo giá ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo giá mới)	Giá không đổi	21.050	21.050	21.050	21.050	21.050	21.050	21.050	21.050	21.050	21.050	21.050	21.050	21.050	21.050	21.050
371	Thép xây dựng	Thép hộp Hoa Sen Mag Shield ZM080: 20mmx20mmx 1.10mmx6.0m TC1	Kg	ASTM A500/A500M		Công ty Cổ phần tập đoàn Hoa Sen - chi nhánh tỉnh Long An	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại khu vực Long An	(Báo giá ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo giá mới)	Giá không đổi	21.050	21.050	21.050	21.050	21.050	21.050	21.050	21.050	21.050	21.050	21.050	21.050	21.050	21.050	21.050

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng) (đồng)														
												Khu vực Tân An	Khu vực Tân Trụ	Khu vực Châu Thành	Khu vực Thủ Thừa	Khu vực Bến Lức	Khu vực Cần Giuộc	Khu vực Cần Đước	Khu vực Tân Thạnh	Khu vực Thạnh Hóa	Khu vực Tân Hưng	Khu vực Vĩnh Hưng	Khu vực Kiến Tường	Khu vực Mộc Hóa	Khu vực Đức Hòa	Khu vực Đức Huệ
372	Thép xây dựng	Thép hộp Hoa Sen Mag Shield ZM080: 25mmx25mmx1.10mmx6.0m TC1	Kg	ASTM A500/A500M		Công ty Cổ phần tập đoàn Hoa Sen - chi nhánh tỉnh Long An	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại khu vực Long An	(Báo giá ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo giá mới)	Giá không đổi	21.050	21.050	21.050	21.050	21.050	21.050	21.050	21.050	21.050	21.050	21.050	21.050	21.050	21.050	21.050
373	Thép xây dựng	Thép hộp Hoa Sen Mag Shield ZM080. 40mmx40mmx 1.10mm.x6.0m TC1	Kg	ASTM A500/A500M		Công ty Cổ phần tập đoàn Hoa Sen - chi nhánh tỉnh Long An	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại khu vực Long An	(Báo giá ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo giá mới)	Giá không đổi	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650
374	Thép xây dựng	Thép hộp Hoa Sen Mag Shield ZM080: 50mmx50mmx1.10mmx6.0m TC1	Kg	ASTM A500/A500M		Công ty Cổ phần tập đoàn Hoa Sen - chi nhánh tỉnh Long An	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại khu vực Long An	(Báo giá ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo giá mới)	Giá không đổi	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650
375	Thép xây dựng	thép hộp Hoa Sen Mag Shield ZM080: 13mmx26mmx 1.10mx6.0m TC1	Kg	ASTM A500/A500M		Công ty Cổ phần tập đoàn Hoa Sen - chi nhánh tỉnh Long An	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại khu vực Long An	(Báo giá ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo giá mới)	Giá không đổi	21.050	21.050	21.050	21.050	21.050	21.050	21.050	21.050	21.050	21.050	21.050	21.050	21.050	21.050	21.050
376	Thép xây dựng	thép hộp Hoa Sen Mag Shield ZM080: 25mmx50mmx1.10mmx6.0m TC1	Kg .	ASTM A500/A500M		Công ty Cổ phần tập đoàn Hoa Sen - chi nhánh tỉnh Long An	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại khu vực Long An	(Báo giá ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo giá mới)	Giá không đổi	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650
377	Thép xây dựng	thép hộp Hoa Sen Mag Shield ZM080. 4mmx14mmx 1.20mmx6.0m TC1	Kg	ASTM A500/A500M		Công ty Cổ phần tập đoàn Hoa Sen - chi nhánh tỉnh Long An	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại khu vực Long An	(Báo giá ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo giá mới)	Giá không đổi	21.050	21.050	21.050	21.050	21.050	21.050	21.050	21.050	21.050	21.050	21.050	21.050	21.050	21.050	21.050
378	Thép xây dựng	Thép hộp hoa Sen Mag Shield ZM080: 6mmx 16mmx 1.20mmx6.0m TC1	Kg	ASTM A500/A500M		Công ty Cổ phần tập đoàn Hoa Sen - chi nhánh tỉnh Long An	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại khu vực Long An	(Báo giá ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo giá mới)	Giá không đổi	21.050	21.050	21.050	21.050	21.050	21.050	21.050	21.050	21.050	21.050	21.050	21.050	21.050	21.050	21.050
379	Thép xây dựng	thép hộp hoa Sen Mag Shield ZM080: 20mmx20mmx 1.20mmx6.0m TC1	Kg	ASTM A500/A500M		Công ty Cổ phần tập đoàn Hoa Sen - chi nhánh tỉnh Long An	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại khu vực Long An	(Báo giá ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo giá mới)	Giá không đổi	21.050	21.050	21.050	21.050	21.050	21.050	21.050	21.050	21.050	21.050	21.050	21.050	21.050	21.050	21.050
380	Thép xây dựng	thép hộp Hoa Sen Mag Shield ZM080: 5mmx25mmx 1.20mmx6.0m TC1	Kg	ASTM A500/A500M		Công ty Cổ phần tập đoàn Hoa Sen - chi nhánh tỉnh Long An	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại khu vực Long An	(Báo giá ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo giá mới)	Giá không đổi	21.050	21.050	21.050	21.050	21.050	21.050	21.050	21.050	21.050	21.050	21.050	21.050	21.050	21.050	21.050
381	Thép xây dựng	Thép hộp Hoa Sen Mag Shield ZM080: 10mmx40mmx 1.20mmx6.0m TC1	Kg	ASTM A500/A500M		Công ty Cổ phần tập đoàn Hoa Sen - chi nhánh tỉnh Long An	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại khu vực Long An	(Báo giá ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo giá mới)	Giá không đổi	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650
382	Thép xây dựng	Thép hộp Hoa Sen Mag Shield ZM080: 50mmx50mmx1.20mmx6.0m TC1	Kg	ASTM A500/A500M		Công ty Cổ phần tập đoàn Hoa Sen - chi nhánh tỉnh Long An	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại khu vực Long An	(Báo giá ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo giá mới)	Giá không đổi	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650
383	Thép xây dựng	Thép hộp Hoa Sen Mag Shield ZM080: 3mmx26mmx 1.20mmx6.0m TC1	Kg	ASTM A500/A500M		Công ty Cổ phần tập đoàn Hoa Sen - chi nhánh tỉnh Long An	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại khu vực Long An	(Báo giá ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo giá mới)	Giá không đổi	21.050	21.050	21.050	21.050	21.050	21.050	21.050	21.050	21.050	21.050	21.050	21.050	21.050	21.050	21.050
384	Thép xây dựng	thép hộp Hoa Sen Mag Shield ZM080: 25mmx50mmx1.20mmx6.0m TC1	Kg	ASTM A500/A500M		Công ty Cổ phần tập đoàn Hoa Sen - chi nhánh tỉnh Long An	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại khu vực Long An	(Báo giá ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo giá mới)	Giá không đổi	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650
385	Thép xây dựng	thép ống Hoa Sen Mag Shield ZM080: 21mmx1.00mmx6.0m TC1	Kg	ASTM A500/A500M		Công ty Cổ phần tập đoàn Hoa Sen - chi nhánh tỉnh Long An	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại khu vực Long An	(Báo giá ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo giá mới)	Giá không đổi	21.050	21.050	21.050	21.050	21.050	21.050	21.050	21.050	21.050	21.050	21.050	21.050	21.050	21.050	21.050
386	Thép xây dựng	Thép ống Hoa Sen Mag Shield ZM080: 27mmx1.00mmx6.0m TC1	Kg	ASTM A500/A500M		Công ty Cổ phần tập đoàn Hoa Sen - chi nhánh tỉnh Long An	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại khu vực Long An	(Báo giá ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo giá mới)	Giá không đổi	21.050	21.050	21.050	21.050	21.050	21.050	21.050	21.050	21.050	21.050	21.050	21.050	21.050	21.050	21.050
387	Thép xây dựng	Thép ống Hoa Sen Mag Shield ZM080: 34mmx1.00mmx6.0m TC1	Kg	ASTM A500/A500M		Công ty Cổ phần tập đoàn Hoa Sen - chi nhánh tỉnh Long An	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại khu vực Long An	(Báo giá ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo giá mới)	Giá không đổi	21.050	21.050	21.050	21.050	21.050	21.050	21.050	21.050	21.050	21.050	21.050	21.050	21.050	21.050	21.050
388	Thép xây dựng	Thép ống Hoa Sen Mag Shield ZM080: 42mmx1.00mmx6.0m TC1	Kg	ASTM A500/A500M		Công ty Cổ phần tập đoàn Hoa Sen - chi nhánh tỉnh Long An	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại khu vực Long An	(Báo giá ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo giá mới)	Giá không đổi	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650
389	Thép xây dựng	Thép Ống Hoa Sen Mag Shield ZM080: 49mmx1.00mmx6.0m TC1	Kg	ASTM A500/A500M		Công ty Cổ phần tập đoàn Hoa Sen - chi nhánh tỉnh Long An	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại khu vực Long An	(Báo giá ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo giá mới)	Giá không đổi	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650
390	Thép xây dựng	Thép ống Hoa Sen Mag Shield ZM080: 60mmx1.00mmx6.0m TC1	Kg	ASTM A500/A500M		Công ty Cổ phần tập đoàn Hoa Sen - chi nhánh tỉnh Long An	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại khu vực Long An	(Báo giá ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo giá mới)	Giá không đổi	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650
391	Thép xây dựng	Thép ống Hoa Sen Mag Shield ZM080: 76mmx1.00mmx6.0m TC1	Kg	ASTM A500/A500M		Công ty Cổ phần tập đoàn Hoa Sen - chi nhánh tỉnh Long An	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại khu vực Long An	(Báo giá ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo giá mới)	Giá không đổi	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650
392	Thép xây dựng	Thép ống Hoa Sen Mag Shield ZM080: 90mmx1.00mmx6.0m TC1	Kg	ASTM A500/A500M		Công ty Cổ phần tập đoàn Hoa Sen - chi nhánh tỉnh Long An	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại khu vực Long An	(Báo giá ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo giá mới)	Giá không đổi	21.050	21.050	21.050	21.050	21.050	21.050	21.050	21.050	21.050	21.050	21.050	21.050	21.050	21.050	21.050
393	Thép xây dựng	Thép ống Hoa Sen Mag Shield ZM080: 21 mmx 1.10mmx6.0m TC1	Kg	ASTM A500/A500M		Công ty Cổ phần tập đoàn Hoa Sen - chi nhánh tỉnh Long An	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại khu vực Long An	(Báo giá ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo giá mới)	Giá không đổi	21.050	21.050	21.050	21.050	21.050	21.050	21.050	21.050	21.050	21.050	21.050	21.050	21.050	21.050	21.050
394	Thép xây dựng	Thép ống Hoa Sen Mag Shield ZM080: 27mmx1.10mm.x6.0m TC1	Kg	ASTM A500/A500M		Công ty Cổ phần tập đoàn Hoa Sen - chi nhánh tỉnh Long An	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại khu vực Long An	(Báo giá ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo giá mới)	Giá không đổi	21.050	21.050	21.050	21.050	21.050	21.050	21.050	21.050	21.050	21.050	21.050	21.050	21.050	21.050	21.050
395	Thép xây dựng	Thép ống Hoa Sen Mag Shield ZM080: 34mmx1.10mmx6.0m TC1	Kg	ASTM A500/A500M		Công ty Cổ phần tập đoàn Hoa Sen - chi nhánh tỉnh Long An	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại khu vực Long An	(Báo giá ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo giá mới)	Giá không đổi	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650
396	Thép xây dựng	Thép ống Hoa Sen Mag Shield ZM080: 42mmx1.10mmx6.0m TC1	Kg	ASTM A500/A500M		Công ty Cổ phần tập đoàn Hoa Sen - chi nhánh tỉnh Long An	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại khu vực Long An	(Báo giá ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo giá mới)	Giá không đổi	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650
397	Thép xây dựng	Thép ống Hoa Sen Mag Shield ZM080. 49mmx1.10mmx6.0m TC1	Kg	ASTM A500/A500M		Công ty Cổ phần tập đoàn Hoa Sen - chi nhánh tỉnh Long An	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại khu vực Long An	(Báo giá ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo giá mới)	Giá không đổi	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650
398	Thép xây dựng	Thép ống hoa Sen Mag Shield ZM080: 60mmx 1.10mmx6.0m TC1	Kg	ASTM A500/A500M		Công ty Cổ phần tập đoàn Hoa Sen - chi nhánh tỉnh Long An	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại khu vực Long An	(Báo giá ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo giá mới)	Giá không đổi	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650
399	Thép xây dựng	Thép ống Hoa Sen Mag Shield ZM080: 76mmx 1.10mm.x6.0m TC1	Kg	ASTM A500/A500M		Công ty Cổ phần tập đoàn Hoa Sen - chi nhánh tỉnh Long An	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại khu vực Long An	(Báo giá ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo giá mới)	Giá không đổi	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650
400	Thép xây dựng	Thép ống Hoa Sen Mag Shield ZM080: 90mmx1.10mmx6.0m TC1	Kg	ASTM A500/A500M		Công ty Cổ phần tập đoàn Hoa Sen - chi nhánh tỉnh Long An	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại khu vực Long An	(Báo giá ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo giá mới)	Giá không đổi	21.050	21.050	21.050	21.050	21.050	21.050	21.050	21.050	21.050	21.050	21.050	21.050	21.050	21.050	21.050
401	Thép xây dựng	Thép ống hoa Sen Mag Shield ZM080: 21mmx 1.20mmx6.0m TC1	Kg	ASTM A500/A500M		Công ty Cổ phần tập đoàn Hoa Sen - chi nhánh tỉnh Long An	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại khu vực Long An	(Báo giá ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo giá mới)	Giá không đổi	21.050	21.050	21.050	21.050	21.050	21.050	21.050	21.050	21.050	21.050	21.050	21.050	21.050	21.050	21.050
402	Thép xây dựng	Thép ống hoa Sen Mag Shield ZM080: 27mmx1.20mmx6.0m TC1	Kg	ASTM A500/A500M		Công ty Cổ phần tập đoàn Hoa Sen - chi nhánh tỉnh Long An	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại khu vực Long An	(Báo giá ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo giá mới)	Giá không đổi	21.050	21.050	21.050	21.050	21.050	21.050	21.050	21.050	21.050	21.050	21.050	21.050	21.050	21.050	21.050
403	Thép xây dựng	Thép ống Hoa Sen Mag Shield ZM080: 34mmx1.20mmx6.0m TC1	Kg	ASTM A500/A500M		Công ty Cổ phần tập đoàn Hoa Sen - chi nhánh tỉnh Long An	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại khu vực Long An	(Báo giá ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo giá mới)	Giá không đổi	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650
404	Thép xây dựng	Thép ống Hoa Sen Mag Shield ZM080. 42mmx 1.20mmx6.0m TC1	Kg	ASTM A500/A500M		Công ty Cổ phần tập đoàn Hoa Sen - chi nhánh tỉnh Long An	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại khu vực Long An	(Báo giá ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo giá mới)	Giá không đổi	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650
405	Thép xây dựng	Thép ống Hoa Sen Mag Shield ZM080: 49mmx1.20mmx6.0m TC1	Kg	ASTM A500/A500M		Công ty Cổ phần tập đoàn Hoa Sen - chi nhánh tỉnh Long An	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại khu vực Long An	(Báo giá ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo giá mới)	Giá không đổi	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng) (đồng)													
												Khu vực Tân An	Khu vực Tân Trụ	Khu vực Châu Thành	Khu vực Thủ Thừa	Khu vực Bến Lức	Khu vực Cần Giuộc	Khu vực Cần Đước	Khu vực Tân Thạnh	Khu vực Thạnh Hóa	Khu vực Tân Hưng	Khu vực Vĩnh Hưng	Khu vực Kiến Tường	Khu vực Mộc Hóa	Khu vực Đức Hòa	Khu vực Đức Huệ
406	Thép xây dựng	Thép ống hoa Sen Mag Shield ZM080: 60mmx1.20mmx6.0m TC1	Kg	ASTM A500/A500M		Công ty Cổ phần tập đoàn Hoa Sen - chi nhánh tỉnh Long An	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại khu vực Long An	(Báo giá ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo giá mới)	Giá không đổi	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650
407	Thép xây dựng	Thép ống Hoa Sen Mag Shield ZM080: 76mmx1.20mmx6.0m TC1	Kg	ASTM A5OO/A5OOM		Công ty Cổ phần tập đoàn Hoa Sen - chi nhánh tỉnh Long An	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại khu vực Long An	(Báo giá ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo giá mới)	Giá không đổi	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650
408	Thép xây dựng	thép ống hoa Sen Mag Shield ZM080 90mmx 1.20mmx6.0m TC1	Kg	ASTM A500/A500M		Công ty Cổ phần tập đoàn Hoa Sen - chi nhánh tỉnh Long An	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại khu vực Long An	(Báo giá ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo giá mới)	Giá không đổi	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650
409	Thép xây dựng	Sắt 6, 8 Việt Mỹ	kg			Công ty TNHH Tin Phong Construction. (Phiếu khảo sát tại cửa hàng)	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại cửa hàng	Mức giá đăng ký này thực hiện từ ngày 29/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán giảm	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	17.200	-
410	Thép xây dựng	Sắt 6, 8 miền nam	kg			Cửa hàng VLXD Tuấn. Khu phố 3, TT.Thạnh Hoá, Long An. (Phiếu khảo sát tại cửa hàng)	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại cửa hàng	Mức giá được thực hiện từ ngày 13/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	-	-	-	-	-	-	-	-	17.700	-	-	-	-	-	-
411	Thép xây dựng	Sắt10 miền nam	kg			Cửa hàng VLXD Tuấn. Khu phố 3, TT.Thạnh Hoá, Long An. (Phiếu khảo sát tại cửa hàng)	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại cửa hàng	Mức giá được thực hiện từ ngày 13/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	-	-	-	-	-	-	-	-	112.000	-	-	-	-	-	-
412	Thép xây dựng	Sắt12 miền nam	kg			Cửa hàng VLXD Tuấn. Khu phố 3, TT.Thạnh Hoá, Long An. (Phiếu khảo sát tại cửa hàng)	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại cửa hàng	Mức giá được thực hiện từ ngày 13/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	-	-	-	-	-	-	-	-	175.000	-	-	-	-	-	-
413	Thép xây dựng	Sắt 6, 8 miền nam	kg			Phiếu khảo sát tại các cửa hàng tại Phường Long An ,Tỉnh Tây Ninh (Khu vực Tân An, long AN cũ)(VLXD Thanh Bình,VLXD Tân Thành Quân)	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại cửa hàng	Mức giá được thực hiện từ ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán giảm	16.750	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
414	Thép xây dựng	Sắt 6, 8 miền nam	kg			Cửa hàng VLXD Minh Nhật. TT.Tân Thạnh, Long An (Phiếu khảo sát tại cửa hàng)	Việt Nam	Không có thông tin	chưa bao gồm chi phí vận chuyển, giá bán tại cửa hàng	Mức giá ngày 02/06/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	-	-	-	-	-	-	-	17.900	-	-	-	-	-	-	-
415	Thép xây dựng	Sắt10 miền nam	kg			Cửa hàng VLXD Minh Nhật. TT.Tân Thạnh, Long An (Phiếu khảo sát tại cửa hàng)	Việt Nam	Không có thông tin	chưa bao gồm chi phí vận chuyển, giá bán tại cửa hàng	Mức giá ngày 02/06/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	-	-	-	-	-	-	-	116.000	-	-	-	-	-	-	-
416	Thép xây dựng	Sắt12 miền nam	kg			Cửa hàng VLXD Minh Nhật. TT.Tân Thạnh, Long An (Phiếu khảo sát tại cửa hàng)	Việt Nam	Không có thông tin	chưa bao gồm chi phí vận chuyển, giá bán tại cửa hàng	Mức giá ngày 02/06/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	-	-	-	-	-	-	-	179.000	-	-	-	-	-	-	-
417	Thép xây dựng	Sắt 6, 8 miền nam	kg			Vật liệu xây dựng Phước Thành (xã Kiến Bình, Mộc Hoá, Long An). Phiếu khảo sát tại cửa hàng	Việt Nam	Không có thông tin	giá tại cửa hàng	Mức giá được thực hiện từ 02/06/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	18.500	-	-
418	Thép xây dựng	Sắt10 miền nam	cây			Vật liệu xây dựng Phước Thành (xã Kiến Bình, Mộc Hoá, Long An). Phiếu khảo sát tại cửa hàng	Việt Nam	Không có thông tin	giá tại cửa hàng	Mức giá được thực hiện từ 02/06/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	114.000	-	-
419	Thép xây dựng	Sắt12 miền nam	cây			Vật liệu xây dựng Phước Thành (xã Kiến Bình, Mộc Hoá, Long An). Phiếu khảo sát tại cửa hàng	Việt Nam	Không có thông tin	giá tại cửa hàng	Mức giá được thực hiện từ 02/06/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	177.000	-	-
420	Thép xây dựng	Sắt14 miền nam	cây			Vật liệu xây dựng Phước Thành (xã Kiến Bình, Mộc Hoá, Long An). Phiếu khảo sát tại cửa hàng	Việt Nam	Không có thông tin	giá tại cửa hàng	Mức giá được thực hiện từ 02/06/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	241.000	-	-
421	Thép xây dựng	Sắt 6,8 Miền Nam	kg			Vật liệu xây dựng Trung Thảo (đc: xã Trường Bình, Cần giuộc). Phiếu khảo sát tại cửa hàng	Việt Nam	Không có thông tin	giá tại cửa hàng	Mức giá đăng ký này thực hiện từ ngày 18/06/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán giảm	-	-	-	-	-	17.900	-	-	-	-	-	-	-	-	-
422	Thép xây dựng	Sắt 10 Miền Nam	cây			Vật liệu xây dựng Trung Thảo (đc: xã Trường Bình, Cần giuộc). Phiếu khảo sát tại cửa hàng	Việt Nam	Không có thông tin	giá tại cửa hàng	Mức giá đăng ký này thực hiện từ ngày 18/06/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán giảm	-	-	-	-	-	112.000	-	-	-	-	-	-	-	-	-
423	Thép xây dựng	Sắt 12 Miền Nam	cây			Vật liệu xây dựng Trung Thảo (đc: xã Trường Bình, Cần giuộc). Phiếu khảo sát tại cửa hàng	Việt Nam	Không có thông tin	giá tại cửa hàng	Mức giá đăng ký này thực hiện từ ngày 18/06/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán giảm	-	-	-	-	-	180.000	-	-	-	-	-	-	-	-	-
424	Thép xây dựng	Sắt 10 Việt Mỹ	kg			Công ty TNHH Tin Phong Construction. (Phiếu khảo sát tại cửa hàng)	Việt nam	Không có thông tin	giá tại cửa hàng	Mức giá đăng ký này thực hiện từ ngày 29/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán giảm	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	114.000	-
425	Thép xây dựng	Thép cuộn Ø6-Ø8_Miền Nam	kg		6-Ø8mm	Công ty TNHH MTV Nguyễn Hiệp Đoàn Ấp Bình Phong Thạnh 2, xã Mộc Hóa, Tây Ninh	Việt Nam	Không có thông tin	giá bán chưa bao gồm vận chuyển	Giá khảo sát của phòng Kinh tế xã Bình Hoà ngày 02/04/2026	Giá không đổi	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	18.000	-	-
426	Thép xây dựng	Thép vằn Ø10_Miền Nam	cây		7,21 kg/cây	Công ty TNHH MTV Nguyễn Hiệp Đoàn Ấp Bình Phong Thạnh 2, xã Mộc Hóa, Tây Ninh	Việt Nam	Không có thông tin	giá bán chưa bao gồm vận chuyển	Giá khảo sát của phòng Kinh tế xã Bình Hoà ngày 02/04/2026	Giá không đổi	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	117.000	-	-
427	Thép xây dựng	Thép vằn Ø12_Miền Nam	cây		10,39 kg/cây	Công ty TNHH MTV Nguyễn Hiệp Đoàn Ấp Bình Phong Thạnh 2, xã Mộc Hóa, Tây Ninh	Việt Nam	Không có thông tin	giá bán chưa bao gồm vận chuyển	Giá khảo sát của phòng Kinh tế xã Bình Hoà ngày 02/04/2026	Giá không đổi	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	187.000	-	-
428	Thép xây dựng	Thép vằn Ø14_Miền Nam	cây		14,13 kg/cây	Công ty TNHH MTV Nguyễn Hiệp Đoàn Ấp Bình Phong Thạnh 2, xã Mộc Hóa, Tây Ninh	Việt Nam	Không có thông tin	giá bán chưa bao gồm vận chuyển	Giá khảo sát của phòng Kinh tế xã Bình Hoà ngày 02/04/2026	Giá không đổi	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	258.000	-	-
429	Thép xây dựng	Thép vằn Ø16_Miền Nam	cây		18,47 kg/cây	Công ty TNHH MTV Nguyễn Hiệp Đoàn Ấp Bình Phong Thạnh 2, xã Mộc Hóa, Tây Ninh	Việt Nam	Không có thông tin	giá bán chưa bao gồm vận chuyển	Giá khảo sát của phòng Kinh tế xã Bình Hoà ngày 02/04/2026	Giá không đổi	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	329.000	-	-
430	Thép xây dựng	Thép vằn Ø18_Miền Nam	cây			Công ty TNHH MTV Nguyễn Hiệp Đoàn Ấp Bình Phong Thạnh 2, xã Mộc Hóa, Tây Ninh	Việt Nam	Không có thông tin	giá bán chưa bao gồm vận chuyển	Giá khảo sát của phòng Kinh tế xã Bình Hoà ngày 02/04/2026	Giá không đổi	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	422.000	-	-
431	Thép xây dựng	Thép phi 20 gân	cây			Công ty TNHH MTV Nguyễn Hiệp Đoàn Ấp Bình Phong Thạnh 2, xã Mộc Hóa, Tây Ninh	Việt Nam	Không có thông tin	giá bán chưa bao gồm vận chuyển	Giá khảo sát của phòng Kinh tế xã Bình Hoà ngày 02/04/2026	Giá không đổi	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	516.000	-	-
432	Thép xây dựng	Sắt 6 Miền Nam	kg			Công ty TNHH MTV VLXD Cường Tiến. 69 ấp Ông Lễ, xã Bình Hiệp, TX. Kiến Tường (phiếu khảo sát tại cửa hàng)	Việt Nam	Không có thông tin	chưa bao gồm chi phí vận chuyển, giá bán tại cửa hàng	Mức giá áp dụng từ 27/07/2026 đến khi có thông báo mới.	Giá bán giảm	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	17.100	-	-	-
433	Thép xây dựng	Sắt 6 Tay dê	kg			Công ty TNHH MTV VLXD Cường Tiến. 69 ấp Ông Lễ, xã Bình Hiệp, TX. Kiến Tường (phiếu khảo sát tại cửa hàng)	Việt Nam	Không có thông tin	chưa bao gồm chi phí vận chuyển, giá bán tại cửa hàng	Mức giá áp dụng từ 27/07/2026 đến khi có thông báo mới.	Giá bán giảm	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	18.600	-	-	-
434	Thép xây dựng	Sắt 8 Miền Nam	kg			Công ty TNHH MTV VLXD Cường Tiến. 69 ấp Ông Lễ, xã Bình Hiệp, TX. Kiến Tường (phiếu khảo sát tại cửa hàng)	Việt Nam	Không có thông tin	chưa bao gồm chi phí vận chuyển, giá bán tại cửa hàng	Mức giá áp dụng từ 27/07/2026 đến khi có thông báo mới.	Giá bán giảm	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	17.100	-	-	-
435	Thép xây dựng	Sắt 10 Miền Nam	cây			Phiếu khảo sát tại các cửa hàng tại Phường Long An ,Tỉnh Tây Ninh (Khu vực Tân An, long AN cũ)(VLXD Thanh Bình,VLXD Tân Thành Quân)	Việt Nam	Không có thông tin	chưa bao gồm chi phí vận chuyển, giá bán tại cửa hàng	Mức giá áp dụng từ 27/07/2026 đến khi có thông báo mới.	Giá bán giảm	106.200	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	108.000	-	-	-
436	Thép xây dựng	Sắt 12 Miền Nam	cây			Phiếu khảo sát tại các cửa hàng tại Phường Long An ,Tỉnh Tây Ninh (Khu vực Tân An, long AN cũ)(VLXD Thanh Bình,VLXD Tân Thành Quân)	Việt Nam	Không có thông tin	chưa bao gồm chi phí vận chuyển, giá bán tại cửa hàng	Mức giá áp dụng từ 27/07/2026 đến khi có thông báo mới.	Giá bán giảm	167.750	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	170.000	-	-	-
437	Thép xây dựng	Sắt 14 Miền Nam	cây			Phiếu khảo sát tại các cửa hàng tại Phường Long An ,Tỉnh Tây Ninh (Khu vực Tân An, long AN cũ)(VLXD Thanh Bình,VLXD Tân Thành Quân)	Việt Nam	Không có thông tin	chưa bao gồm chi phí vận chuyển, giá bán tại cửa hàng	Mức giá áp dụng từ 27/07/2026 đến khi có thông báo mới.	Giá bán giảm	229.350	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	234.000	-	-	-
438	Thép xây dựng	Sắt 16 Miền Nam	cây			Công ty TNHH MTV VLXD Cường Tiến. 69 ấp Ông Lễ, xã Bình Hiệp, TX. Kiến Tường (phiếu khảo sát tại cửa hàng)	Việt Nam	Không có thông tin	chưa bao gồm chi phí vận chuyển, giá bán tại cửa hàng	Mức giá áp dụng từ 27/07/2026 đến khi có thông báo mới.	Giá bán giảm	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	298.000	-	-	-
439	Thép xây dựng	Sắt 18 Miền Nam	cây			Công ty TNHH MTV VLXD Cường Tiến. 69 ấp Ông Lễ, xã Bình Hiệp, TX. Kiến Tường (phiếu khảo sát tại cửa hàng)	Việt Nam	Không có thông tin	chưa bao gồm chi phí vận chuyển, giá bán tại cửa hàng	Mức giá áp dụng từ 27/07/2026 đến khi có thông báo mới.	Giá không đổi	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	404.000	-	-	-
440	Thép xây dựng	Kẽm	kg			Công ty TNHH MTV VLXD Cường Tiến. 69 ấp Ông Lễ, xã Bình Hiệp, TX. Kiến Tường (phiếu khảo sát tại cửa hàng)	Việt Nam	Không có thông tin	chưa bao gồm chi phí vận chuyển, giá bán tại cửa hàng	Mức giá áp dụng từ 27/07/2026 đến khi có thông báo mới.	Giá không đổi	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	20.500	-	-	-
441	Thép xây dựng	Đinh 5 phân	kg			Công ty TNHH MTV VLXD Cường Tiến. 69 ấp Ông Lễ, xã Bình Hiệp, TX. Kiến Tường (phiếu khảo sát tại cửa hàng)	Việt Nam	Không có thông tin	chưa bao gồm chi phí vận chuyển, giá bán tại cửa hàng	Mức giá áp dụng từ 27/07/2026 đến khi có thông báo mới.	Giá không đổi	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	21.500	-	-	-
442	Thép xây dựng	Kẽm buộc 1 li	kg			Công ty TNHH Thép Trường Thịnh (Đc: 70 Nguyễn Hảo Vinh, P.Phú Thọ Hoà, TP.HCM - 028 5408 6666)	Việt Nam	Không có thông tin	Chưa bao gồm chi phí vận chuyển, chi phí hạ cẩu hàng xuống tại công trình bên mua	Mức giá ngày 04/05/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	17.500	17.500	17.500	17.500	17.500	17.500	17.500	17.500	17.500	17.500	17.500	17.500	17.500	17.500

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng) (đồng)														
												Khu vực Tân An	Khu vực Tân Trụ	Khu vực Châu Thành	Khu vực Thủ Thừa	Khu vực Bến Lức	Khu vực Cần Giuộc	Khu vực Cần Đước	Khu vực Tân Thạnh	Khu vực Thạnh Hóa	Khu vực Tân Hưng	Khu vực Vĩnh Hưng	Khu vực Kiến Tường	Khu vực Mộc Hóa	Khu vực Đức Hòa	Khu vực Đức Huệ
443	Thép xây dựng	Đinh chì 5 phân	kg			Công ty TNHH Thép Trường Thịnh (Đc: 70 Nguyễn Hảo Vinh, P.Phú Thọ Hòa, TP.HCM - 028 5408 6666)	Việt Nam	Không có thông tin	Chưa bao gồm chi phí vận chuyển, chi phí hạ cẩu hàng xuống tại công trình bên mua	Mức giá ngày 04/05/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	18.500	18.500	18.500	18.500	18.500	18.500	18.500	18.500	18.500	18.500	18.500	18.500	18.500	18.500	18.500
444	Thép xây dựng	Thép D6 - CB240T	kg			Công ty TNHH Thép Trường Thịnh (Đc: 70 Nguyễn Hảo Vinh, P.Phú Thọ Hòa, TP.HCM - 028 5408 6666)	Việt Nam	Không có thông tin	Chưa bao gồm chi phí vận chuyển, chi phí hạ cẩu hàng xuống tại công trình bên mua	Mức giá ngày 04/05/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	16.130	16.130	16.130	16.130	16.130	16.130	16.130	16.130	16.130	16.130	16.130	16.130	16.130	16.130	16.130
445	Thép xây dựng	Thép D8 - CB240T	kg			Công ty TNHH Thép Trường Thịnh (Đc: 70 Nguyễn Hảo Vinh, P.Phú Thọ Hòa, TP.HCM - 028 5408 6666)	Việt Nam	Không có thông tin	Chưa bao gồm chi phí vận chuyển, chi phí hạ cẩu hàng xuống tại công trình bên mua	Mức giá ngày 04/05/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	16.130	16.130	16.130	16.130	16.130	16.130	16.130	16.130	16.130	16.130	16.130	16.130	16.130	16.130	16.130
446	Thép xây dựng	Thép D10 - CB400/CB500V	kg			Công ty TNHH Thép Trường Thịnh (Đc: 70 Nguyễn Hảo Vinh, P.Phú Thọ Hòa, TP.HCM - 028 5408 6666)	Việt Nam	Không có thông tin	Chưa bao gồm chi phí vận chuyển, chi phí hạ cẩu hàng xuống tại công trình bên mua	Mức giá ngày 04/05/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	15.680	15.680	15.680	15.680	15.680	15.680	15.680	15.680	15.680	15.680	15.680	15.680	15.680	15.680	15.680
447	Thép xây dựng	Thép D12 - CB400/CB500V	kg			Công ty TNHH Thép Trường Thịnh (Đc: 70 Nguyễn Hảo Vinh, P.Phú Thọ Hòa, TP.HCM - 028 5408 6666)	Việt Nam	Không có thông tin	Chưa bao gồm chi phí vận chuyển, chi phí hạ cẩu hàng xuống tại công trình bên mua	Mức giá ngày 04/05/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	15.480	15.480	15.480	15.480	15.480	15.480	15.480	15.480	15.480	15.480	15.480	15.480	15.480	15.480	15.480
448	Thép xây dựng	Thép D14 - CB400/CB500V	kg			Công ty TNHH Thép Trường Thịnh (Đc: 70 Nguyễn Hảo Vinh, P.Phú Thọ Hòa, TP.HCM - 028 5408 6666)	Việt Nam	Không có thông tin	Chưa bao gồm chi phí vận chuyển, chi phí hạ cẩu hàng xuống tại công trình bên mua	Mức giá ngày 04/05/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	15.480	15.480	15.480	15.480	15.480	15.480	15.480	15.480	15.480	15.480	15.480	15.480	15.480	15.480	15.480
449	Thép xây dựng	Thép D16 - CB400/CB500V	kg			Công ty TNHH Thép Trường Thịnh (Đc: 70 Nguyễn Hảo Vinh, P.Phú Thọ Hòa, TP.HCM - 028 5408 6666)	Việt Nam	Không có thông tin	Chưa bao gồm chi phí vận chuyển, chi phí hạ cẩu hàng xuống tại công trình bên mua	Mức giá ngày 04/05/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	15.480	15.480	15.480	15.480	15.480	15.480	15.480	15.480	15.480	15.480	15.480	15.480	15.480	15.480	15.480
450	Thép xây dựng	Thép D18 - CB400/CB500V	kg			Công ty TNHH Thép Trường Thịnh (Đc: 70 Nguyễn Hảo Vinh, P.Phú Thọ Hòa, TP.HCM - 028 5408 6666)	Việt Nam	Không có thông tin	Chưa bao gồm chi phí vận chuyển, chi phí hạ cẩu hàng xuống tại công trình bên mua	Mức giá ngày 04/05/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	15.480	15.480	15.480	15.480	15.480	15.480	15.480	15.480	15.480	15.480	15.480	15.480	15.480	15.480	15.480
451	Thép xây dựng	Thép D20 - CB400/CB500V	kg			Công ty TNHH Thép Trường Thịnh (Đc: 70 Nguyễn Hảo Vinh, P.Phú Thọ Hòa, TP.HCM - 028 5408 6666)	Việt Nam	Không có thông tin	Chưa bao gồm chi phí vận chuyển, chi phí hạ cẩu hàng xuống tại công trình bên mua	Mức giá ngày 04/05/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	15.480	15.480	15.480	15.480	15.480	15.480	15.480	15.480	15.480	15.480	15.480	15.480	15.480	15.480	15.480
452	Thép xây dựng	Thép D22 - CB400/CB500V	kg			Công ty TNHH Thép Trường Thịnh (Đc: 70 Nguyễn Hảo Vinh, P.Phú Thọ Hòa, TP.HCM - 028 5408 6666)	Việt Nam	Không có thông tin	Chưa bao gồm chi phí vận chuyển, chi phí hạ cẩu hàng xuống tại công trình bên mua	Mức giá ngày 04/05/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	15.480	15.480	15.480	15.480	15.480	15.480	15.480	15.480	15.480	15.480	15.480	15.480	15.480	15.480	15.480
453	Thép xây dựng	Thép D25 - CB400/CB500V	kg			Công ty TNHH Thép Trường Thịnh (Đc: 70 Nguyễn Hảo Vinh, P.Phú Thọ Hòa, TP.HCM - 028 5408 6666)	Việt Nam	Không có thông tin	Chưa bao gồm chi phí vận chuyển, chi phí hạ cẩu hàng xuống tại công trình bên mua	Mức giá ngày 04/05/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	15.630	15.630	15.630	15.630	15.630	15.630	15.630	15.630	15.630	15.630	15.630	15.630	15.630	15.630	15.630
454	Thép xây dựng	Thép D28 - CB400/CB500V	kg			Công ty TNHH Thép Trường Thịnh (Đc: 70 Nguyễn Hảo Vinh, P.Phú Thọ Hòa, TP.HCM - 028 5408 6666)	Việt Nam	Không có thông tin	Chưa bao gồm chi phí vận chuyển, chi phí hạ cẩu hàng xuống tại công trình bên mua	Mức giá ngày 04/05/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	15.630	15.630	15.630	15.630	15.630	15.630	15.630	15.630	15.630	15.630	15.630	15.630	15.630	15.630	15.630
455	Thép xây dựng	Thép D32 - CB400/CB500V	kg			Công ty TNHH Thép Trường Thịnh (Đc: 70 Nguyễn Hảo Vinh, P.Phú Thọ Hòa, TP.HCM - 028 5408 6666)	Việt Nam	Không có thông tin	Chưa bao gồm chi phí vận chuyển, chi phí hạ cẩu hàng xuống tại công trình bên mua	Mức giá ngày 04/05/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	15.630	15.630	15.630	15.630	15.630	15.630	15.630	15.630	15.630	15.630	15.630	15.630	15.630	15.630	15.630
456	Thép xây dựng	Sắt 6,8 Miền Nam	kg			Vật liệu xây dựng Nhựt Mỹ. (Đc: Huyện Vĩnh Hưng, Long An). Phiếu khảo sát tại cửa hàng	Việt nam	Không có thông tin	chưa bao gồm chi phí vận chuyển, giá bán tại cửa hàng	Mức giá áp dụng từ 27/07/2026 đến khi có thông báo mới.	Giá không đổi	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	19.000	-	-	-	-
457	Thép xây dựng	Sắt 10	cây			Vật liệu xây dựng Nhựt Mỹ. (Đc: Huyện Vĩnh Hưng, Long An). Phiếu khảo sát tại cửa hàng	Việt nam	Không có thông tin	chưa bao gồm chi phí vận chuyển, giá bán tại cửa hàng	Mức giá áp dụng từ 27/07/2026 đến khi có thông báo mới.	Giá bán giảm	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	115.000	-	-	-	-
458	Thép xây dựng	Sắt 12	cây			Vật liệu xây dựng Nhựt Mỹ. (Đc: Huyện Vĩnh Hưng, Long An). Phiếu khảo sát tại cửa hàng	Việt nam	Không có thông tin	chưa bao gồm chi phí vận chuyển, giá bán tại cửa hàng	Mức giá áp dụng từ 27/07/2026 đến khi có thông báo mới.	Giá bán giảm	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	185.000	-	-	-	-
459	Gạch ốp lát	Gạch thạch anh (granite nhân tạo) 30x30cm_Màu nhạt	m2	TCVN 7745:2007	30x30	Chi nhánh công ty cổ phần công nghiệp gốm sứ Taicera tại Cần Thơ.Đc: 51/1A đường 3/2, P.Ninh Kiều, TP. Cần Thơ - Đt: 02923.831.091 -0918304105. Công văn đề nghị công bố giá số 003/2026/CV-TCR ngày 04/06/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Đơn giá đã bao gồm vận chuyển đến công trình trong khu vực tỉnh Long An	(Báo giá ngày 04/06/2026 đến khi có thông báo giá mới)	Giá không đổi	197.000	197.000	197.000	197.000	197.000	197.000	197.000	197.000	197.000	197.000	197.000	197.000	197.000	197.000	197.000
460	Gạch ốp lát	Gạch thạch anh (granite nhân tạo) 40x40cm màu nhạt	m2	TCVN 7745:2007	40x40	Chi nhánh công ty cổ phần công nghiệp gốm sứ Taicera tại Cần Thơ.Đc: 51/1A đường 3/2, P.Ninh Kiều, TP. Cần Thơ - Đt: 02923.831.091 -0918304105. Công văn đề nghị công bố giá số 003/2026/CV-TCR ngày 04/06/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Đơn giá đã bao gồm vận chuyển đến công trình trong khu vực tỉnh Long An	(Báo giá ngày 04/06/2026 đến khi có thông báo giá mới)	Giá không đổi	187.000	187.000	187.000	187.000	187.000	187.000	187.000	187.000	187.000	187.000	187.000	187.000	187.000	187.000	187.000
461	Gạch ốp lát	Gạch men (ceramic) 30x60cm	m2	TCVN 7745:2007	30x60	Chi nhánh công ty cổ phần công nghiệp gốm sứ Taicera tại Cần Thơ.Đc: 51/1A đường 3/2, P.Ninh Kiều, TP. Cần Thơ - Đt: 02923.831.091 -0918304105. Công văn đề nghị công bố giá số 003/2026/CV-TCR ngày 04/06/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Đơn giá đã bao gồm vận chuyển đến công trình trong khu vực tỉnh Long An	(Báo giá ngày 04/06/2026 đến khi có thông báo giá mới)	Giá không đổi	187.000	187.000	187.000	187.000	187.000	187.000	187.000	187.000	187.000	187.000	187.000	187.000	187.000	187.000	187.000
462	Gạch ốp lát	Gạch thạch anh (granite nhân tạo) 60x30cm_Màu nhạt	m2	TCVN 7745:2007	30x60	Chi nhánh công ty cổ phần công nghiệp gốm sứ Taicera tại Cần Thơ.Đc: 51/1A đường 3/2, P.Ninh Kiều, TP. Cần Thơ - Đt: 02923.831.091 -0918304105. Công văn đề nghị công bố giá số 003/2026/CV-TCR ngày 04/06/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Đơn giá đã bao gồm vận chuyển đến công trình trong khu vực tỉnh Long An	(Báo giá ngày 04/06/2026 đến khi có thông báo giá mới)	Giá không đổi	257.000	257.000	257.000	257.000	257.000	257.000	257.000	257.000	257.000	257.000	257.000	257.000	257.000	257.000	257.000
463	Gạch ốp lát	Gạch thạch anh (granite nhân tạo) 60x30cm_Màu đậm	m2	TCVN 7745:2007	30x60	Chi nhánh công ty cổ phần công nghiệp gốm sứ Taicera tại Cần Thơ.Đc: 51/1A đường 3/2, P.Ninh Kiều, TP. Cần Thơ - Đt: 02923.831.091 -0918304105. Công văn đề nghị công bố giá số 003/2026/CV-TCR ngày 04/06/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Đơn giá đã bao gồm vận chuyển đến công trình trong khu vực tỉnh Long An	(Báo giá ngày 04/06/2026 đến khi có thông báo giá mới)	Giá không đổi	277.000	277.000	277.000	277.000	277.000	277.000	277.000	277.000	277.000	277.000	277.000	277.000	277.000	277.000	277.000
464	Gạch ốp lát	Gạch thạch anh (granite nhân tạo) 60x60cm_Màu nhạt	m2	TCVN 7745:2007	(4 viên /thùng/1,44 m2)	Chi nhánh công ty cổ phần công nghiệp gốm sứ Taicera tại Cần Thơ.Đc: 51/1A đường 3/2, P.Ninh Kiều, TP. Cần Thơ - Đt: 02923.831.091 -0918304105. Công văn đề nghị công bố giá số 003/2026/CV-TCR ngày 04/06/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Đơn giá đã bao gồm vận chuyển đến công trình trong khu vực tỉnh Long An	(Báo giá ngày 04/06/2026 đến khi có thông báo giá mới)	Giá không đổi	257.000	257.000	257.000	257.000	257.000	257.000	257.000	257.000	257.000	257.000	257.000	257.000	257.000	257.000	257.000
465	Gạch ốp lát	Gạch thạch anh (granite nhân tạo) 80x80cm_Màu đậm	m2	TCVN 7745:2007	(3 viên /thùng/1,92 m2)	Chi nhánh công ty cổ phần công nghiệp gốm sứ Taicera tại Cần Thơ.Đc: 51/1A đường 3/2, P.Ninh Kiều, TP. Cần Thơ - Đt: 02923.831.091 -0918304105. Công văn đề nghị công bố giá số 003/2026/CV-TCR ngày 04/06/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Đơn giá đã bao gồm vận chuyển đến công trình trong khu vực tỉnh Long An	(Báo giá ngày 04/06/2026 đến khi có thông báo giá mới)	Giá không đổi	277.000	277.000	277.000	277.000	277.000	277.000	277.000	277.000	277.000	277.000	277.000	277.000	277.000	277.000	277.000
466	Gạch ốp lát	Gạch thạch anh (granite nhân tạo) 60x60cm_Màu nhạt	m2	TCVN 7745:2007	(4 viên /thùng/1,44 m2)	Chi nhánh công ty cổ phần công nghiệp gốm sứ Taicera tại Cần Thơ.Đc: 51/1A đường 3/2, P.Ninh Kiều, TP. Cần Thơ - Đt: 02923.831.091 -0918304105. Công văn đề nghị công bố giá số 003/2026/CV-TCR ngày 04/06/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Đơn giá đã bao gồm vận chuyển đến công trình trong khu vực tỉnh Long An	(Báo giá ngày 04/06/2026 đến khi có thông báo giá mới)	Giá không đổi	257.000	257.000	257.000	257.000	257.000	257.000	257.000	257.000	257.000	257.000	257.000	257.000	257.000	257.000	257.000

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng) (đồng)														
												Khu vực Tân An	Khu vực Tân Trụ	Khu vực Châu Thành	Khu vực Thủ Thừa	Khu vực Bến Lức	Khu vực Cần Giuộc	Khu vực Cần Đước	Khu vực Tân Thạnh	Khu vực Thạnh Hóa	Khu vực Tân Hưng	Khu vực Vĩnh Hưng	Khu vực Kiến Tường	Khu vực Mộc Hóa	Khu vực Đức Hòa	Khu vực Đức Huệ
467	Gạch ốp lát	Gạch thạch anh (granite nhân tạo) 60x60cm_Màu đậm	m2	TCVN 7745:2007	(4 viên /thùng/1,44 m2)	Chi nhánh công ty cổ phần công nghiệp gốm sứ Taicera tại Cần Thơ.Đc: 51/1A đường 3/2, P.Ninh Kiều, TP. Cần Thơ - Đt: 02923.831.091 -0918304105. Công văn đề nghị công bố giá số 003/2026/CV-TCR ngày 04/06/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Đơn giá đã bao gồm vận chuyển đến công trình trong khu vực tỉnh Long An	(Báo giá ngày 04/06/2026 đến khi có thông báo giá mới)	Giá không đổi	277.000	277.000	277.000	277.000	277.000	277.000	277.000	277.000	277.000	277.000	277.000	277.000	277.000	277.000	277.000
468	Gạch ốp lát	Gạch thạch anh (granite nhân tạo) 120x60cm_Màu nhạt	m2	TCVN 7745:2007	(2 viên /thùng/1,44 m2)	Chi nhánh công ty cổ phần công nghiệp gốm sứ Taicera tại Cần Thơ.Đc: 51/1A đường 3/2, P.Ninh Kiều, TP. Cần Thơ - Đt: 02923.831.091 -0918304105. Công văn đề nghị công bố giá số 003/2026/CV-TCR ngày 04/06/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Đơn giá đã bao gồm vận chuyển đến công trình trong khu vực tỉnh Long An	(Báo giá ngày 04/06/2026 đến khi có thông báo giá mới)	Giá không đổi	357.000	357.000	357.000	357.000	357.000	357.000	357.000	357.000	357.000	357.000	357.000	357.000	357.000	357.000	357.000
469	Gạch ốp lát	Gạch bóng toàn phần cao cấp 60x30cm màu nhạt	m2	TCVN 7745:2007	(8 viên /thùng/1,44 m^2)	Chi nhánh công ty cổ phần công nghiệp gốm sứ Taicera tại Cần Thơ.Đc: 51/1A đường 3/2, P.Ninh Kiều, TP. Cần Thơ - Đt: 02923.831.091 -0918304105. Công văn đề nghị công bố giá số 003/2026/CV-TCR ngày 04/06/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Đơn giá đã bao gồm vận chuyển đến công trình trong khu vực tỉnh Long An	(Báo giá ngày 04/06/2026 đến khi có thông báo giá mới)	Giá không đổi	237.000	237.000	237.000	237.000	237.000	237.000	237.000	237.000	237.000	237.000	237.000	237.000	237.000	237.000	237.000
470	Gạch ốp lát	Gạch bóng toàn phần cao cấp 60x30cm màu đậm	m2	TCVN 7745:2007	(8 viên /thùng/1,44 m^2)	Chi nhánh công ty cổ phần công nghiệp gốm sứ Taicera tại Cần Thơ.Đc: 51/1A đường 3/2, P.Ninh Kiều, TP. Cần Thơ - Đt: 02923.831.091 -0918304105. Công văn đề nghị công bố giá số 003/2026/CV-TCR ngày 04/06/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Đơn giá đã bao gồm vận chuyển đến công trình trong khu vực tỉnh Long An	(Báo giá ngày 04/06/2026 đến khi có thông báo giá mới)	Giá không đổi	287.000	287.000	287.000	287.000	287.000	287.000	287.000	287.000	287.000	287.000	287.000	287.000	287.000	287.000	287.000
471	Gạch ốp lát	Gạch bóng toàn phần cao cấp 60x60cm màu nhạt	m2	TCVN 7745:2007	(4 viên/ 1,44 m^2)	Chi nhánh công ty cổ phần công nghiệp gốm sứ Taicera tại Cần Thơ.Đc: 51/1A đường 3/2, P.Ninh Kiều, TP. Cần Thơ - Đt: 02923.831.091 -0918304105. Công văn đề nghị công bố giá số 003/2026/CV-TCR ngày 04/06/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Đơn giá đã bao gồm vận chuyển đến công trình trong khu vực tỉnh Long An	(Báo giá ngày 04/06/2026 đến khi có thông báo giá mới)	Giá không đổi	237.000	237.000	237.000	237.000	237.000	237.000	237.000	237.000	237.000	237.000	237.000	237.000	237.000	237.000	237.000
472	Gạch ốp lát	Gạch bóng toàn phần cao cấp 60x60cm màu đậm	m2	TCVN 7745:2007	(4 viên/ thùng/1,44 m^2)	Chi nhánh công ty cổ phần công nghiệp gốm sứ Taicera tại Cần Thơ.Đc: 51/1A đường 3/2, P.Ninh Kiều, TP. Cần Thơ - Đt: 02923.831.091 -0918304105. Công văn đề nghị công bố giá số 003/2026/CV-TCR ngày 04/06/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Đơn giá đã bao gồm vận chuyển đến công trình trong khu vực tỉnh Long An	(Báo giá ngày 04/06/2026 đến khi có thông báo giá mới)	Giá không đổi	287.000	287.000	287.000	287.000	287.000	287.000	287.000	287.000	287.000	287.000	287.000	287.000	287.000	287.000	287.000
473	Gạch ốp lát	Gạch bóng toàn phần cao cấp 80x80cm _Màu nhạt	m2	TCVN 7745:2007	(3 viên /thùng/1,92 m2)	Chi nhánh công ty cổ phần công nghiệp gốm sứ Taicera tại Cần Thơ.Đc: 51/1A đường 3/2, P.Ninh Kiều, TP. Cần Thơ - Đt: 02923.831.091 -0918304105. Công văn đề nghị công bố giá số 003/2026/CV-TCR ngày 04/06/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Đơn giá đã bao gồm vận chuyển đến công trình trong khu vực tỉnh Long An	(Báo giá ngày 04/06/2026 đến khi có thông báo giá mới)	Giá không đổi	337.000	337.000	337.000	337.000	337.000	337.000	337.000	337.000	337.000	337.000	337.000	337.000	337.000	337.000	337.000
474	Gạch ốp lát	Gạch bóng toàn phần cao cấp 120x60cm _Màu nhạt	m2	TCVN 7745:2007	(2 viên /thùng/1,92 m2)	Chi nhánh công ty cổ phần công nghiệp gốm sứ Taicera tại Cần Thơ.Đc: 51/1A đường 3/2, P.Ninh Kiều, TP. Cần Thơ - Đt: 02923.831.091 -0918304105. Công văn đề nghị công bố giá số 003/2026/CV-TCR ngày 04/06/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Đơn giá đã bao gồm vận chuyển đến công trình trong khu vực tỉnh Long An	(Báo giá ngày 04/06/2026 đến khi có thông báo giá mới)	Giá không đổi	387.000	387.000	387.000	387.000	387.000	387.000	387.000	387.000	387.000	387.000	387.000	387.000	387.000	387.000	387.000
475	Gạch ốp lát	Gạch thạch anh bóng kinh P 60x60cm _Màu nhạt	m2	TCVN 7745:2007	60x60	Chi nhánh công ty cổ phần công nghiệp gốm sứ Taicera tại Cần Thơ.Đc: 51/1A đường 3/2, P.Ninh Kiều, TP. Cần Thơ - Đt: 02923.831.091 -0918304105. Công văn đề nghị công bố giá số 003/2026/CV-TCR ngày 04/06/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Đơn giá đã bao gồm vận chuyển đến công trình trong khu vực tỉnh Long An	(Báo giá ngày 04/06/2026 đến khi có thông báo giá mới)	Giá không đổi	267.000	267.000	267.000	267.000	267.000	267.000	267.000	267.000	267.000	267.000	267.000	267.000	267.000	267.000	267.000
476	Gạch ốp lát	Gạch thạch anh bóng kinh P 60x60cm _Màu đậm	m2	TCVN 7745:2007	60x60	Chi nhánh công ty cổ phần công nghiệp gốm sứ Taicera tại Cần Thơ.Đc: 51/1A đường 3/2, P.Ninh Kiều, TP. Cần Thơ - Đt: 02923.831.091 -0918304105. Công văn đề nghị công bố giá số 003/2026/CV-TCR ngày 04/06/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Đơn giá đã bao gồm vận chuyển đến công trình trong khu vực tỉnh Long An	(Báo giá ngày 04/06/2026 đến khi có thông báo giá mới)	Giá không đổi	297.000	297.000	297.000	297.000	297.000	297.000	297.000	297.000	297.000	297.000	297.000	297.000	297.000	297.000	297.000
477	Gạch ốp lát	Gạch thạch anh bóng kinh P 80x80cm _Màu nhạt	m2	TCVN 7745:2007	80x80	Chi nhánh công ty cổ phần công nghiệp gốm sứ Taicera tại Cần Thơ.Đc: 51/1A đường 3/2, P.Ninh Kiều, TP. Cần Thơ - Đt: 02923.831.091 -0918304105. Công văn đề nghị công bố giá số 003/2026/CV-TCR ngày 04/06/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Đơn giá đã bao gồm vận chuyển đến công trình trong khu vực tỉnh Long An	(Báo giá ngày 04/06/2026 đến khi có thông báo giá mới)	Giá không đổi	317.000	317.000	317.000	317.000	317.000	317.000	317.000	317.000	317.000	317.000	317.000	317.000	317.000	317.000	317.000
478	Gạch ốp lát	Gạch thạch anh bóng kinh P 80x80cm _Màu đậm	m2	TCVN 7745:2007	80x80	Chi nhánh công ty cổ phần công nghiệp gốm sứ Taicera tại Cần Thơ.Đc: 51/1A đường 3/2, P.Ninh Kiều, TP. Cần Thơ - Đt: 02923.831.091 -0918304105. Công văn đề nghị công bố giá số 003/2026/CV-TCR ngày 04/06/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Đơn giá đã bao gồm vận chuyển đến công trình trong khu vực tỉnh Long An	(Báo giá ngày 04/06/2026 đến khi có thông báo giá mới)	Giá không đổi	337.000	337.000	337.000	337.000	337.000	337.000	337.000	337.000	337.000	337.000	337.000	337.000	337.000	337.000	337.000
479	Bê tông đúc sẵn	Cống tròn liên khối **D1000mm**; Thép vòng fi 8, a=10cm; thép dọc fi 10, a=19cm dày 10cm; đá 1*2; M200, Cho phép xe có Tải trọng 8 tấn lưu thông	m	TCVN 9113:2012 ISO 9001:2015	5m-11,5m	HTX XD-TM Đoàn Kết	Việt Nam	Vận chuyển đường thủy	Địa điểm sx: ấp 9 xã Tân Long , tỉnh Tây Ninh. Ngoài phạm vi 40km thương lượng thêm chi phí vận chuyển.	Mức giá được thực hiện từ ngày 03/02/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	3.148.148	3.148.148	3.148.148	3.148.148	3.148.148	3.148.148	3.148.148	3.148.148	3.148.148	3.148.148	3.148.148	3.148.148	3.148.148	3.148.148	3.148.148
480	Bê tông đúc sẵn	Cống tròn liên khối **D1000mm**; Thép vòng fi 8, a=10cm; thép dọc fi 12, a=19cm dày 10cm; đá 1*2; M200, Cho phép xe có tải trọng 8 tấn lưu thông	m	TCVN 9113:2012 ISO 9001:2016	12m-17m	HTX XD-TM Đoàn Kết	Việt Nam	Vận chuyển đường thủy	Địa điểm sx: ấp 9 xã Tân Long , tỉnh Tây Ninh. Ngoài phạm vi 40km thương lượng thêm chi phí vận chuyển.	Mức giá được thực hiện từ ngày 03/02/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	3.240.741	3.240.741	3.240.741	3.240.741	3.240.741	3.240.741	3.240.741	3.240.741	3.240.741	3.240.741	3.240.741	3.240.741	3.240.741	3.240.741	3.240.741
481	Bê tông đúc sẵn	Cống tròn liên khối **D1000mm**; Thép vòng fi 8, a=10cm; thép dọc fi 12, a=19cm; có thép tăng cường chống gãy giữa cống; dày 10cm; đá 1*2; M200, Cho phép xe có tải trọng 8 tấn lưu thông	m	TCVN 9113:2012 ISO 9001:2017	17,5m-19,5m	HTX XD-TM Đoàn Kết	Việt Nam	Vận chuyển đường thủy	Địa điểm sx: ấp 9 xã Tân Long , tỉnh Tây Ninh. Ngoài phạm vi 40km thương lượng thêm chi phí vận chuyển.	Mức giá được thực hiện từ ngày 03/02/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	3.333.333	3.333.333	3.333.333	3.333.333	3.333.333	3.333.333	3.333.333	3.333.333	3.333.333	3.333.333	3.333.333	3.333.333	3.333.333	3.333.333	3.333.333
482	Bê tông đúc sẵn	Cống tròn liên khối **D1500mm**; Thép vòng fi 8, 2 lớp trong và ngoài, mỗi lớp a=20cm; thép dọc fi 12, a=20cm; dày 14cm; đá 1*2; M200, Cho phép xe có tải trông 8 tấn lưu thông	m	TCVN 9113:2012 ISO 9001:2018	10m-16,5m	HTX XD-TM Đoàn Kết	Việt Nam	Vận chuyển đường thủy	Địa điểm sx: ấp 9 xã Tân Long , tỉnh Tây Ninh. Ngoài phạm vi 40km thương lượng thêm chi phí vận chuyển.	Mức giá được thực hiện từ ngày 03/02/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	6.064.815	6.064.815	6.064.815	6.064.815	6.064.815	6.064.815	6.064.815	6.064.815	6.064.815	6.064.815	6.064.815	6.064.815	6.064.815	6.064.815	6.064.815

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng) (đồng)														
												Khu vực Tân An	Khu vực Tân Trụ	Khu vực Châu Thành	Khu vực Thủ Thừa	Khu vực Bến Lức	Khu vực Cần Giuộc	Khu vực Cần Đước	Khu vực Tân Thạnh	Khu vực Thạnh Hóa	Khu vực Tân Hưng	Khu vực Vĩnh Hưng	Khu vực Kiến Tường	Khu vực Mộc Hóa	Khu vực Đức Hòa	Khu vực Đức Huệ
483	Bê tông đúc sẵn	Cống tròn liền khối **D1500mm;** Thép vòng fi 8, 2 lớp trong và ngoài, mỗi lớp a=20cm; thép dọc fi 14, a=20cm; dày 14cm; đá 1*2; M200, Cho phép xe có tải trọng 8 tấn lưu thông	m	TCVN 9113:2012 ISO 9001:2019	17m-21m	HTX XD-TM Đoàn Kết	Việt Nam	Vận chuyển đường thủy	Địa điểm sx: ấp 9 xã Tân Long , tỉnh Tây Ninh. Ngoài phạm vi 40km thương lượng thêm chi phí vận chuyển.	Mức giá được thực hiện từ ngày 03/02/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	6.203.704	6.203.704	6.203.704	6.203.704	6.203.704	6.203.704	6.203.704	6.203.704	6.203.704	6.203.704	6.203.704	6.203.704	6.203.704	6.203.704	6.203.704
484	Bê tông đúc sẵn	Cống tròn liền khối **D1500mm;** Thép vòng fi 8, 2 lớp trong và ngoài, mỗi lớp a=15cm; thép dọc fi 14, a=20cm; dày 14cm; đá 1*2; M250, Cho phép xe có tải trọng 13 tấn lưu thông	m	TCVN 9113:2012 ISO 9001:2020	10m-16,5m	HTX XD-TM Đoàn Kết	Việt Nam	Vận chuyển đường thủy	Địa điểm sx: ấp 9 xã Tân Long , tỉnh Tây Ninh. Ngoài phạm vi 40km thương lượng thêm chi phí vận chuyển.	Mức giá được thực hiện từ ngày 03/02/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	6.509.259	6.509.259	6.509.259	6.509.259	6.509.259	6.509.259	6.509.259	6.509.259	6.509.259	6.509.259	6.509.259	6.509.259	6.509.259	6.509.259	6.509.259
485	Bê tông đúc sẵn	Cống tròn liền khối **D1500mm;** Thép vòng fi 8, 2 lớp trong và ngoài, mỗi lớp a=15cm; thép dọc fi 16, a=20cm; dày 14cm; đá 1*2; M250, Cho phép xe có tải trọng 13 tấn lưu thông	m	TCVN 9113:2012 ISO 9001:2021	17m-21m	HTX XD-TM Đoàn Kết	Việt Nam	Vận chuyển đường thủy	Địa điểm sx: ấp 9 xã Tân Long , tỉnh Tây Ninh. Ngoài phạm vi 40km thương lượng thêm chi phí vận chuyển.	Mức giá được thực hiện từ ngày 03/02/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	6.694.444	6.694.444	6.694.444	6.694.444	6.694.444	6.694.444	6.694.444	6.694.444	6.694.444	6.694.444	6.694.444	6.694.444	6.694.444	6.694.444	6.694.444
486	Vật liệu tấm lợp, bao che	Tôn lạnh AZ070 phủ AF: 0.25mmxl200mm G550	m	TCCS 01:2015/HSG.		Công ty Cổ phần tập đoàn Hoa Sen - chi nhánh tỉnh Long An	Việt Nam	Không có thông tin	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa,Long An	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá không đổi	62.500	62.500	62.500	62.500	62.500	62.500	62.500	62.500	62.500	62.500	62.500	62.500	62.500	62.500	62.500
487	Vật liệu tấm lợp, bao che	Tôn lạnh AZ070 phủ AF: 0.30mmxl200mm G550	m	rccs 01:2015/HSG.		Công ty Cổ phần tập đoàn Hoa Sen - chi nhánh tỉnh Long An	Việt Nam	Không có thông tin	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa,Long An	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá không đổi	69.000	69.000	69.000	69.000	69.000	69.000	69.000	69.000	69.000	69.000	69.000	69.000	69.000	69.000	69.000
488	Vật liệu tấm lợp, bao che	Tôn lạnh AZ070 phủ AF: 0.3 5 mm.x 1200mm G550	m	TCCS 01:2015/HSG.		Công ty Cổ phần tập đoàn Hoa Sen - chi nhánh tỉnh Long An	Việt Nam	Không có thông tin	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa,Long An	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá không đổi	77.000	77.000	77.000	77.000	77.000	77.000	77.000	77.000	77.000	77.000	77.000	77.000	77.000	77.000	77.000
489	Vật liệu tấm lợp, bao che	Tôn lạnh AZ070 phủ AF: 0.40mmxl200mm G550	m	TCCS 01:2015/HSG.		Công ty Cổ phần tập đoàn Hoa Sen - chi nhánh tỉnh Long An	Việt Nam	Không có thông tin	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa,Long An	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá không đổi	85.500	85.500	85.500	85.500	85.500	85.500	85.500	85.500	85.500	85.500	85.500	85.500	85.500	85.500	85.500
490	Vật liệu tấm lợp, bao che	Tôn lạnh AZ070 phủ AF: 0.4 5mmx 1200mm G55O	m	TCCS 01:2015/HSG.		Công ty Cổ phần tập đoàn Hoa Sen - chi nhánh tỉnh Long An	Việt Nam	Không có thông tin	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa,Long An	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá không đổi	94.500	94.500	94.500	94.500	94.500	94.500	94.500	94.500	94.500	94.500	94.500	94.500	94.500	94.500	94.500
491	Vật liệu tấm lợp, bao che	Tôn lạnh AZ070 phủ AF: 0.50mmxl200mm G55O	m	TCCS 01:2015/HSG.		Công ty Cổ phần tập đoàn Hoa Sen - chi nhánh tỉnh Long An	Việt Nam	Không có thông tin	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa,Long An	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá không đổi	103.500	103.500	103.500	103.500	103.500	103.500	103.500	103.500	103.500	103.500	103.500	103.500	103.500	103.500	103.500
492	Vật liệu tấm lợp, bao che	Tôn lạnh màu trong AF CL AZ070 00/05: 0.2 5mmx 1200mm G55O	m	TCCS 01:2015/HSG.		Công ty Cổ phần tập đoàn Hoa Sen - chi nhánh tỉnh Long An	Việt Nam	Không có thông tin	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa,Long An	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá không đổi	62.500	62.500	62.500	62.500	62.500	62.500	62.500	62.500	62.500	62.500	62.500	62.500	62.500	62.500	62.500
493	Vật liệu tấm lợp, bao che	Tôn lạnh màu trong AF CL AZ070 00/05: 0.30mmx 1200mm G55O	m	TCCS 01:2015/HSG.		Công ty Cổ phần tập đoàn Hoa Sen - chi nhánh tỉnh Long An	Việt Nam	Không có thông tin	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa,Long An	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá không đổi	69.000	69.000	69.000	69.000	69.000	69.000	69.000	69.000	69.000	69.000	69.000	69.000	69.000	69.000	69.000
494	Vật liệu tấm lợp, bao che	Tôn lạnh màu trong AF CL AZ070 00/05: 0.35mmxl200mm G55O	m	TCCS 01:2015/HSG.		Công ty Cổ phần tập đoàn Hoa Sen - chi nhánh tỉnh Long An	Việt Nam	Không có thông tin	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa,Long An	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá không đổi	77.000	77.000	77.000	77.000	77.000	77.000	77.000	77.000	77.000	77.000	77.000	77.000	77.000	77.000	77.000
495	Vật liệu tấm lợp, bao che	Tôn lạnh màu trong AF CL AZ070 00/05: 0.40mmx 1200mm G55O	m	TCCS O1:2O15/HSG.		Công ty Cổ phần tập đoàn Hoa Sen - chi nhánh tỉnh Long An	Việt Nam	Không có thông tin	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa,Long An	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá không đổi	85.500	85.500	85.500	85.500	85.500	85.500	85.500	85.500	85.500	85.500	85.500	85.500	85.500	85.500	85.500
496	Vật liệu tấm lợp, bao che	Tôn lạnh màu trong AF CL AZ070 00/05: 0.45mmxl200mm G55O	m	TCCS 01:2015/HSG.		Công ty Cổ phần tập đoàn Hoa Sen - chi nhánh tỉnh Long An	Việt Nam	Không có thông tin	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa,Long An	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá không đổi	94.500	94.500	94.500	94.500	94.500	94.500	94.500	94.500	94.500	94.500	94.500	94.500	94.500	94.500	94.500
497	Vật liệu tấm lợp, bao che	Tôn lạnh màu trong AF CL AZ070 00/05: 0.50mmx 1200mm G550	m	TCCS 01:2015/HSG.		Công ty Cổ phần tập đoàn Hoa Sen - chi nhánh tỉnh Long An	Việt Nam	Không có thông tin	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa,Long An	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá không đổi	103.500	103.500	103.500	103.500	103.500	103.500	103.500	103.500	103.500	103.500	103.500	103.500	103.500	103.500	103.500
498	Vật liệu tấm lợp, bao che	Tôn lạnh AZ100 phủ AF: 0.30mmxl200mm G55O	m	TCCS 01:2015/HSG.		Công ty Cổ phần tập đoàn Hoa Sen - chi nhánh tỉnh Long An	Việt Nam	Không có thông tin	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa,Long An	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá không đổi	73.000	73.000	73.000	73.000	73.000	73.000	73.000	73.000	73.000	73.000	73.000	73.000	73.000	73.000	73.000
499	Vật liệu tấm lợp, bao che	Tôn lạnh AZ100 phủ AF: 0.35mmxl200mm G55O	m	TCCS 01:2015/HSG.		Công ty Cổ phần tập đoàn Hoa Sen - chi nhánh tỉnh Long An	Việt Nam	Không có thông tin	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa,Long An	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá không đổi	80.000	80.000	80.000	80.000	80.000	80.000	80.000	80.000	80.000	80.000	80.000	80.000	80.000	80.000	80.000
500	Vật liệu tấm lợp, bao che	Tôn lạnh AZ100 phủ AF: 0.40mmx 1200mm G550	m	TCCS0112015/HSG.		Công ty Cổ phần tập đoàn Hoa Sen - chi nhánh tỉnh Long An	Việt Nam	Không có thông tin	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa,Long An	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá không đổi	89.500	89.500	89.500	89.500	89.500	89.500	89.500	89.500	89.500	89.500	89.500	89.500	89.500	89.500	89.500
501	Vật liệu tấm lợp, bao che	Tôn lạnh AZ100 phủ AF: 0.45mmxl200mm G55O	m	TCCS 01:2015/HSG.		Công ty Cổ phần tập đoàn Hoa Sen - chi nhánh tỉnh Long An	Việt Nam	Không có thông tin	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa,Long An	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá không đổi	97.500	97.500	97.500	97.500	97.500	97.500	97.500	97.500	97.500	97.500	97.500	97.500	97.500	97.500	97.500
502	Vật liệu tấm lợp, bao che	Tôn lạnh AZ100 phủ AF: 0.50mmxl200mm G550	m	TCCS 01:2015/HSG.		Công ty Cổ phần tập đoàn Hoa Sen - chi nhánh tỉnh Long An	Việt Nam	Không có thông tin	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa,Long An	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá không đổi	106.500	106.500	106.500	106.500	106.500	106.500	106.500	106.500	106.500	106.500	106.500	106.500	106.500	106.500	106.500
503	Vật liệu tấm lợp, bao che	Tôn lạnh màu trong AF CL AZ100 00/05: 0.30mmx 1200mm G550	m	TCCSOL2015/HSG.		Công ty Cổ phần tập đoàn Hoa Sen - chi nhánh tỉnh Long An	Việt Nam	Không có thông tin	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa,Long An	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá không đổi	73.000	73.000	73.000	73.000	73.000	73.000	73.000	73.000	73.000	73.000	73.000	73.000	73.000	73.000	73.000
504	Vật liệu tấm lợp, bao che	Tôn lạnh màu trong AF CL AZ100 00/05: 0.35mmxl200mm G55O	m	TCCS 01:2015/HSG.		Công ty Cổ phần tập đoàn Hoa Sen - chi nhánh tỉnh Long An	Việt Nam	Không có thông tin	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa,Long An	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá không đổi	80.000	80.000	80.000	80.000	80.000	80.000	80.000	80.000	80.000	80.000	80.000	80.000	80.000	80.000	80.000
505	Vật liệu tấm lợp, bao che	Tôn lạnh màu trong AF CL AZ100 00/05: 0.40mmxl200mm G55O	m	TCCS 01:2015/HSG.		Công ty Cổ phần tập đoàn Hoa Sen - chi nhánh tỉnh Long An	Việt Nam	Không có thông tin	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa,Long An	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá không đổi	89.500	89.500	89.500	89.500	89.500	89.500	89.500	89.500	89.500	89.500	89.500	89.500	89.500	89.500	89.500
506	Vật liệu tấm lợp, bao che	Tôn lạnh màu trong AF CL AZ100 00/05: 0.45mmx 1200mm G550	m	TCCS 01:2015/HSG.		Công ty Cổ phần tập đoàn Hoa Sen - chi nhánh tỉnh Long An	Việt Nam	Không có thông tin	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa,Long An	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá không đổi	97.500	97.500	97.500	97.500	97.500	97.500	97.500	97.500	97.500	97.500	97.500	97.500	97.500	97.500	97.500
507	Vật liệu tấm lợp, bao che	Tôn lạnh màu trong AF CL AZ100 00/05: 0.50mmx 1200mm G550	m	TCCS 01:2015/HSG.		Công ty Cổ phần tập đoàn Hoa Sen - chi nhánh tỉnh Long An	Việt Nam	Không có thông tin	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa,Long An	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá không đổi	106.500	106.500	106.500	106.500	106.500	106.500	106.500	106.500	106.500	106.500	106.500	106.500	106.500	106.500	106.500
508	Vật liệu tấm lợp, bao che	Tôn lạnh màu AZ050 17/05: 0.25mmx 1200mm G550	m	TCCS 02:2017/HSG		Công ty Cổ phần tập đoàn Hoa Sen - chi nhánh tỉnh Long An	Việt Nam	Không có thông tin	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa,Long An	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá không đổi	70.000	70.000	70.000	70.000	70.000	70.000	70.000	70.000	70.000	70.000	70.000	70.000	70.000	70.000	70.000
509	Vật liệu tấm lợp, bao che	Tôn lạnh màu AZ050 17/05: 0.30mmx 1200mm G550	m	TCCS 02:2017/HSG		Công ty Cổ phần tập đoàn Hoa Sen - chi nhánh tỉnh Long An	Việt Nam	Không có thông tin	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa,Long An	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá không đổi	79.500	79.500	79.500	79.500	79.500	79.500	79.500	79.500	79.500	79.500	79.500	79.500	79.500	79.500	79.500
510	Vật liệu tấm lợp, bao che	Tôn lạnh màu AZ050 17/05: 0.35mmx 1200mm G550	m	TCCS 02:2017/HSG		Công ty Cổ phần tập đoàn Hoa Sen - chi nhánh tỉnh Long An	Việt Nam	Không có thông tin	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa,Long An	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá không đổi	89.000	89.000	89.000	89.000	89.000	89.000	89.000	89.000	89.000	89.000	89.000	89.000	89.000	89.000	89.000
511	Vật liệu tấm lợp, bao che	Tôn lạnh màu AZ050 17/05: 0.40mmx 1200mm G550	m	TCCS 02.2017/HSG		Công ty Cổ phần tập đoàn Hoa Sen - chi nhánh tỉnh Long An	Việt Nam	Không có thông tin	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa,Long An	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá không đổi	98.500	98.500	98.500	98.500	98.500	98.500	98.500	98.500	98.500	98.500	98.500	98.500	98.500	98.500	98.500

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng) (đồng)														
												Khu vực Tân An	Khu vực Tân Trụ	Khu vực Châu Thành	Khu vực Thủ Thừa	Khu vực Bến Lức	Khu vực Cần Giuộc	Khu vực Cần Đước	Khu vực Tân Thạnh	Khu vực Thạnh Hóa	Khu vực Tân Hưng	Khu vực Vĩnh Hưng	Khu vực Kiến Tường	Khu vực Mộc Hóa	Khu vực Đức Hòa	Khu vực Đức Huệ
512	Vật liệu tấm lợp, bao che	Tôn lạnh màu AZ050 17/05: 0.45mmxl200mm G550	m	TCCS 02:2017/HSG		Công ty Cổ phần tập đoàn Hoa Sen - chi nhánh tỉnh Long An	Việt Nam	Không có thông tin	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa,Long An	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá không đổi	108.500	108.500	108.500	108.500	108.500	108.500	108.500	108.500	108.500	108.500	108.500	108.500	108.500	108.500
513	Vật liệu tấm lợp, bao che	Tôn lạnh màu AZ050 17/05: 0.50mmx 1200mm G550	m	TCCS 02:2017/HSG		Công ty Cổ phần tập đoàn Hoa Sen - chi nhánh tỉnh Long An	Việt Nam	Không có thông tin	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa,Long An	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá không đổi	119.500	119.500	119.500	119.500	119.500	119.500	119.500	119.500	119.500	119.500	119.500	119.500	119.500	119.500
514	Vật liệu tấm lợp, bao che	Tôn HOA SEN GOLD màu: 0.50mmx 1200mm	m	ASTM A755M		Công ty Cổ phần tập đoàn Hoa Sen - chi nhánh tỉnh Long An	Việt Nam	Không có thông tin	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa,Long An	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá không đổi	128.000	128.000	128.000	128.000	128.000	128.000	128.000	128.000	128.000	128.000	128.000	128.000	128.000	128.000
515	Vật liệu tấm lợp, bao che	Tôn lạnh màu trong AF CL AZ100 00/05 cách nhiệt PU 16mm: 0.30mmx 1070mm G550	m	TCCS 0L2015/HSG.		Công ty Cổ phần tập đoàn Hoa Sen - chi nhánh tỉnh Long An	Việt Nam	Không có thông tin	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa,Long An	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá không đổi	130.000	130.000	130.000	130.000	130.000	130.000	130.000	130.000	130.000	130.000	130.000	130.000	130.000	130.000
516	Vật liệu tấm lợp, bao che	Tôn lạnh màu trong AF CL AZ100 00/05 cách nhiệt PU 16mm: 0.35mmxl070mm G550	m	TCCS 01:2015/HSG.		Công ty Cổ phần tập đoàn Hoa Sen - chi nhánh tỉnh Long An	Việt Nam	Không có thông tin	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa,Long An	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá không đổi	140.000	140.000	140.000	140.000	140.000	140.000	140.000	140.000	140.000	140.000	140.000	140.000	140.000	140.000
517	Vật liệu tấm lợp, bao che	Tôn lạnh màu trong AF CL AZ100 00/05 cách nhiệt Pư 16mm: 0.40mmx 1070mm G55O	m	TCCS 01:2015/HSG.		Công ty Cổ phần tập đoàn Hoa Sen - chi nhánh tỉnh Long An	Việt Nam	Không có thông tin	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa,Long An	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá không đổi	150.000	150.000	150.000	150.000	150.000	150.000	150.000	150.000	150.000	150.000	150.000	150.000	150.000	150.000
518	Vật liệu tấm lợp, bao che	Tôn lạnh màu trong AF CL AZ100 00/05 cách nhiệt PL' 16mm: 0.45mmx 1070mm G550	m	TCCS 01:2015/HSG.		Công ty Cổ phần tập đoàn Hoa Sen - chi nhánh tỉnh Long An	Việt Nam	Không có thông tin	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa,Long An	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá không đổi	160.000	160.000	160.000	160.000	160.000	160.000	160.000	160.000	160.000	160.000	160.000	160.000	160.000	160.000
519	Vật liệu tấm lợp, bao che	Tôn lạnh màu trong AF CL AZ100 00/05 cách nhiệt PL' 16mm: 0.50mmx 1070mm G550	m	TCCS 01:2015/HSG.		Công ty Cổ phần tập đoàn Hoa Sen - chi nhánh tỉnh Long An	Việt Nam	Không có thông tin	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa,Long An	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá không đổi	170.000	170.000	170.000	170.000	170.000	170.000	170.000	170.000	170.000	170.000	170.000	170.000	170.000	170.000
520	Vật liệu tấm lợp, bao che	Tôn lạnh màu trong AF CL AZ100 00/05 cách nhiệt Pl' Ĩ5mm. 0.30mmx 1070mm G55O	m	TCCS 01:20l5/HSG.		Công ty Cổ phần tập đoàn Hoa Sen - chi nhánh tỉnh Long An	Việt Nam	Không có thông tin	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa,Long An	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá không đổi	132.000	132.000	132.000	132.000	132.000	132.000	132.000	132.000	132.000	132.000	132.000	132.000	132.000	132.000
521	Vật liệu tấm lợp, bao che	Tôn lạnh màu trong AF CL AZ100 00/05 cách nhiệt PU 18mm: .35mmxl070mm G55O	m	rccs 01:2015/HSG.		Công ty Cổ phần tập đoàn Hoa Sen - chi nhánh tỉnh Long An	Việt Nam	Không có thông tin	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa,Long An	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá không đổi	142.000	142.000	142.000	142.000	142.000	142.000	142.000	142.000	142.000	142.000	142.000	142.000	142.000	142.000
522	Vật liệu tấm lợp, bao che	Tôn lạnh màu trong AF CL AZ100 00/05 cách nhiệt PU 18mm: ,40mmx 1070mm G550 .	m	rccs 01:2015/HSG.		Công ty Cổ phần tập đoàn Hoa Sen - chi nhánh tỉnh Long An	Việt Nam	Không có thông tin	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa,Long An	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá không đổi	152.000	152.000	152.000	152.000	152.000	152.000	152.000	152.000	152.000	152.000	152.000	152.000	152.000	152.000
523	Vật liệu tấm lợp, bao che	Tôn lạnh màu trong AF CL AZ100 00/05 cách nhiệt PLĨ 18mm: .45mmxl070mm G550	m	TCCS01:2015/HSG.		Công ty Cổ phần tập đoàn Hoa Sen - chi nhánh tỉnh Long An	Việt Nam	Không có thông tin	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa,Long An	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá không đổi	162.000	162.000	162.000	162.000	162.000	162.000	162.000	162.000	162.000	162.000	162.000	162.000	162.000	162.000
524	Vật liệu tấm lợp, bao che	Tôn lạnh màu trong AF CL AZ100 00/05 cách nhiệt PU 18mm: .50mmxl070mm G550	m	rccs 01:2015/HSG.		Công ty Cổ phần tập đoàn Hoa Sen - chi nhánh tỉnh Long An	Việt Nam	Không có thông tin	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa,Long An	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá không đổi	172.000	172.000	172.000	172.000	172.000	172.000	172.000	172.000	172.000	172.000	172.000	172.000	172.000	172.000
525	Vật liệu tấm lợp, bao che	Tôn lạnh màu AZ050 17/05 cách nhiệt Pư 16mm: .30mmxl070mm G550	m	rccs 02:2017/HSG		Công ty Cổ phần tập đoàn Hoa Sen - chi nhánh tỉnh Long An	Việt Nam	Không có thông tin	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa,Long An	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá không đổi	137.000	137.000	137.000	137.000	137.000	137.000	137.000	137.000	137.000	137.000	137.000	137.000	137.000	137.000
526	Vật liệu tấm lợp, bao che	Tôn lạnh màu AZ050 17/05 cách nhiệt Pư l6mm:).35mmxl070mm G55O	m	rccs 02:2017/HSG		Công ty Cổ phần tập đoàn Hoa Sen - chi nhánh tỉnh Long An	Việt Nam	Không có thông tin	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa,Long An	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá không đổi	147.000	147.000	147.000	147.000	147.000	147.000	147.000	147.000	147.000	147.000	147.000	147.000	147.000	147.000
527	Vật liệu tấm lợp, bao che	Tôn lạnh màu AZ050 17/05 cách nhiệt PU 16mm:).40mmxl070mm G550	m	TCCS 02:2017/HSG		Công ty Cổ phần tập đoàn Hoa Sen - chi nhánh tỉnh Long An	Việt Nam	Không có thông tin	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa,Long An	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá không đổi	157.000	157.000	157.000	157.000	157.000	157.000	157.000	157.000	157.000	157.000	157.000	157.000	157.000	157.000
528	Vật liệu tấm lợp, bao che	Tôn lạnh màu AZ050 17/05 cách nhiệt PU 16mm:).45mmx 1070mm G550	m	TCCS 02:2017/HSG		Công ty Cổ phần tập đoàn Hoa Sen - chi nhánh tỉnh Long An	Việt Nam	Không có thông tin	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa,Long An	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá không đổi	167.000	167.000	167.000	167.000	167.000	167.000	167.000	167.000	167.000	167.000	167.000	167.000	167.000	167.000
529	Vật liệu tấm lợp, bao che	Tôn lạnh màu AZ050 17/05 cách nhiệt Pư 16mm: 3.50mmx 1070mm G550	m	TCCS 02:2017/HSG		Công ty Cổ phần tập đoàn Hoa Sen - chi nhánh tỉnh Long An	Việt Nam	Không có thông tin	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa,Long An	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá không đổi	177.000	177.000	177.000	177.000	177.000	177.000	177.000	177.000	177.000	177.000	177.000	177.000	177.000	177.000
530	Vật liệu tấm lợp, bao che	Tôn lạnh màu AZ050 17/05 cách nhiệt PU 18mm: D.30mmxl070mm G550	m	TCCS 02:2017/HSG		Công ty Cổ phần tập đoàn Hoa Sen - chi nhánh tỉnh Long An	Việt Nam	Không có thông tin	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa,Long An	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá không đổi	139.000	139.000	139.000	139.000	139.000	139.000	139.000	139.000	139.000	139.000	139.000	139.000	139.000	139.000
531	Vật liệu tấm lợp, bao che	Tôn lạnh màu AZ050 17/05 cách nhiệt Pư 18mm: 0.35mmx 1070mm G550	m	TCCS 02:2017/HSG		Công ty Cổ phần tập đoàn Hoa Sen - chi nhánh tỉnh Long An	Việt Nam	Không có thông tin	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa,Long An	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá không đổi	149.000	149.000	149.000	149.000	149.000	149.000	149.000	149.000	149.000	149.000	149.000	149.000	149.000	149.000
532	Vật liệu tấm lợp, bao che	Tôn lạnh màu AZ050 17/05 cách nhiệt PU 18mm: 0.40mmxl070mm G550	m	TCCS 02:2017/HSG		Công ty Cổ phần tập đoàn Hoa Sen - chi nhánh tỉnh Long An	Việt Nam	Không có thông tin	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa,Long An	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá không đổi	159.000	159.000	159.000	159.000	159.000	159.000	159.000	159.000	159.000	159.000	159.000	159.000	159.000	159.000
533	Vật liệu tấm lợp, bao che	Tôn lạnh màu AZ050 17/05 cách nhiệt PU 18mm: 0.45mmx 1070mm G550	m	TCCS 02:2017/HSG		Công ty Cổ phần tập đoàn Hoa Sen - chi nhánh tỉnh Long An	Việt Nam	Không có thông tin	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa,Long An	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá không đổi	169.000	169.000	169.000	169.000	169.000	169.000	169.000	169.000	169.000	169.000	169.000	169.000	169.000	169.000
534	Vật liệu tấm lợp, bao che	Tôn lạnh màu AZ050 17/05 cách nhiệt Pư 18mm: 0.5()mmxl070mm G55O	m	TCCS 02:2017/HSG		Công ty Cổ phần tập đoàn Hoa Sen - chi nhánh tỉnh Long An	Việt Nam	Không có thông tin	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa,Long An	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá không đổi	179.000	179.000	179.000	179.000	179.000	179.000	179.000	179.000	179.000	179.000	179.000	179.000	179.000	179.000
535	Sơn	Sơn giao thông lót	kg	TN các chỉ tiêu kỹ thuật theo công văn số 4718/GTVT-KHCN về tiêu chuẩn vạch kẻ Đường nhiệt dẻo của Bộ GTVT	04kg/lon 18kg/thùng	Công ty CP L.Q JOTON. Đc; 62/6 ấp 28, xã Xuân Thới Sơn, TP.HCM - Đt: 028.38910224. (Công văn đề nghị công bố giá số 15_08_26/SXD-KTVL ngày 15/07/2026)	Việt Nam	Khối lượng cung cấp theo yêu cầu của bên mua, điều kiện giao hàng: thanh toán trước khi giao hàng	Phương tiện vận chuyển: xe tải. Đã bao gồm chi phí vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh.	Mức giá được thực hiện từ ngày 15/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	94.100	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
536	Sơn	Sơn giao thông trắng 20% hạt phản quang (JFPT25)	kg	TCVN 8791:2011	25kg/bao	Công ty CP L.Q JOTON. Đc; 62/6 ấp 28, xã Xuân Thới Sơn, TP.HCM - Đt: 028.38910224. (Công văn đề nghị công bố giá số 15_08_26/SXD-KTVL ngày 15/07/2026)	Việt Nam	Khối lượng cung cấp theo yêu cầu của bên mua, điều kiện giao hàng: thanh toán trước khi giao hàng	Phương tiện vận chuyển: xe tải. Đã bao gồm chi phí vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh.	Mức giá được thực hiện từ ngày 15/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	31.100	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
537	Sơn	Sơn giao thông trắng 20% hạt phản quang (JFPV25)	kg	TCVN 8791:2011	25kg/bao	Công ty CP L.Q JOTON. Đc; 62/6 ấp 28, xã Xuân Thới Sơn, TP.HCM - Đt: 028.38910224. (Công văn đề nghị công bố giá số 15_08_26/SXD-KTVL ngày 15/07/2026)	Việt Nam	Khối lượng cung cấp theo yêu cầu của bên mua, điều kiện giao hàng: thanh toán trước khi giao hàng	Phương tiện vận chuyển: xe tải. Đã bao gồm chi phí vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh.	Mức giá được thực hiện từ ngày 15/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	33.000	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
538	Sơn	Sơn giao thông trắng 30% hạt phản quang AASHTO (JAPT25)	kg	AASHTO	25kg/bao	Công ty CP L.Q JOTON. Đc; 62/6 ấp 28, xã Xuân Thới Sơn, TP.HCM - Đt: 028.38910224. (Công văn đề nghị công bố giá số 15_08_26/SXD-KTVL ngày 15/07/2026)	Việt Nam	Khối lượng cung cấp theo yêu cầu của bên mua, điều kiện giao hàng: thanh toán trước khi giao hàng	Phương tiện vận chuyển: xe tải. Đã bao gồm chi phí vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh.	Mức giá được thực hiện từ ngày 15/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	44.100	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng) (đồng)																
												Khu vực Tân An	Khu vực Tân Trụ	Khu vực Châu Thành	Khu vực Thủ Thừa	Khu vực Bến Lức	Khu vực Cần Giuộc	Khu vực Cần Đước	Khu vực Tân Thạnh	Khu vực Thạnh Hóa	Khu vực Tân Hưng	Khu vực Vĩnh Hưng	Khu vực Kiến Tường	Khu vực Mộc Hóa	Khu vực Đức Hòa	Khu vực Đức Huệ
539	Sơn	Sơn giao thông vàng 30% hạt phản quang AASHTO (JAPV25)	kg	AASHTO	25kg/bao	Công ty CP L.Q JOTON. Đc; 62/6 ấp 28, xã Xuân Thới Sơn, TP.HCM - Đt: 028.38910224. (Công văn đề nghị công bố giá số 15_08_26/SXD-KTVL ngày 15/07/2026)	Việt Nam	Khối lượng cung cấp theo yêu cầu của bên mua, điều kiện giao hàng: thanh toán trước khi giao hàng	Phương tiện vận chuyển: xe tải. Đã bao gồm chi phí vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh.	Mức giá được thực hiện từ ngày 15/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	46.500	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
540	Sơn	Sơn kẻ vạch đường, sơn lạnh (màu trắng, đen)	kg	TCVN 8787-2011	05kg/lon 25kg/thùng	Công ty CP L.Q JOTON. Đc; 62/6 ấp 28, xã Xuân Thới Sơn, TP.HCM - Đt: 028.38910224. (Công văn đề nghị công bố giá số 15_08_26/SXD-KTVL ngày 15/07/2026)	Việt Nam	Khối lượng cung cấp theo yêu cầu của bên mua, điều kiện giao hàng: thanh toán trước khi giao hàng	Phương tiện vận chuyển: xe tải. Đã bao gồm chi phí vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh.	Mức giá được thực hiện từ ngày 15/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	153.000	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
541	Sơn	Sơn kẻ vạch đường, sơn lạnh (màu vàng, đỏ)	kg	TCVN 8787-2011	05kg/lon 25kg/thùng	Công ty CP L.Q JOTON. Đc; 62/6 ấp 28, xã Xuân Thới Sơn, TP.HCM - Đt: 028.38910224. (Công văn đề nghị công bố giá số 15_08_26/SXD-KTVL ngày 15/07/2026)	Việt Nam	Khối lượng cung cấp theo yêu cầu của bên mua, điều kiện giao hàng: thanh toán trước khi giao hàng	Phương tiện vận chuyển: xe tải. Đã bao gồm chi phí vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh.	Mức giá được thực hiện từ ngày 15/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	190.500	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
542	Sơn	Sơn clear phản quang (1 bộ gồm Clear: 3.9kg và hạt phản quang: 1.1kg)	kg	TCVN 8791:2011	05kg/bộ	Công ty CP L.Q JOTON. Đc; 62/6 ấp 28, xã Xuân Thới Sơn, TP.HCM - Đt: 028.38910224. (Công văn đề nghị công bố giá số 15_08_26/SXD-KTVL ngày 15/07/2026)	Việt Nam	Khối lượng cung cấp theo yêu cầu của bên mua, điều kiện giao hàng: thanh toán trước khi giao hàng	Phương tiện vận chuyển: xe tải. Đã bao gồm chi phí vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh.	Mức giá được thực hiện từ ngày 15/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	212.000	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
543	Sơn	Hạt phản quang	kg	BS 6088A	25kg/bao	Công ty CP L.Q JOTON. Đc; 62/6 ấp 28, xã Xuân Thới Sơn, TP.HCM - Đt: 028.38910224. (Công văn đề nghị công bố giá số 15_08_26/SXD-KTVL ngày 15/07/2026)	Việt Nam	Khối lượng cung cấp theo yêu cầu của bên mua, điều kiện giao hàng: thanh toán trước khi giao hàng	Phương tiện vận chuyển: xe tải. Đã bao gồm chi phí vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh.	Mức giá được thực hiện từ ngày 15/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	25.000	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
544	Sơn	Jothiner Joway	kg	TCVN 8787-2011	05lít/lon 01lít/lon	Công ty CP L.Q JOTON. Đc; 62/6 ấp 28, xã Xuân Thới Sơn, TP.HCM - Đt: 028.38910224. (Công văn đề nghị công bố giá số 15_08_26/SXD-KTVL ngày 15/07/2026)	Việt Nam	Khối lượng cung cấp theo yêu cầu của bên mua, điều kiện giao hàng: thanh toán trước khi giao hàng	Phương tiện vận chuyển: xe tải. Đã bao gồm chi phí vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh.	Mức giá được thực hiện từ ngày 15/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	86.000	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
545	Sơn	Sơn lót Epoxy gốc dầu	kg	QCVN 16:2019/BXD JIS K 5551:2018	04kg/bộ 20kg/bộ	Công ty CP L.Q JOTON. Đc; 62/6 ấp 28, xã Xuân Thới Sơn, TP.HCM - Đt: 028.38910224. (Công văn đề nghị công bố giá số 15_08_26/SXD-KTVL ngày 15/07/2026)	Việt Nam	Khối lượng cung cấp theo yêu cầu của bên mua, điều kiện giao hàng: thanh toán trước khi giao hàng	Phương tiện vận chuyển: xe tải. Đã bao gồm chi phí vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh.	Mức giá được thực hiện từ ngày 15/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	178.500	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
546	Sơn	Sơn phủ Epoxy gốc dầu (trong nhà)	kg	QCVN 16:2019/BXD JIS K 5659:2021	04kg/bộ 20kg/bộ	Công ty CP L.Q JOTON. Đc; 62/6 ấp 28, xã Xuân Thới Sơn, TP.HCM - Đt: 028.38910224. (Công văn đề nghị công bố giá số 15_08_26/SXD-KTVL ngày 15/07/2026)	Việt Nam	Khối lượng cung cấp theo yêu cầu của bên mua, điều kiện giao hàng: thanh toán trước khi giao hàng	Phương tiện vận chuyển: xe tải. Đã bao gồm chi phí vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh.	Mức giá được thực hiện từ ngày 15/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	414.100	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
547	Sơn	Sơn lót Expoxy gốc nước	kg	QCVN 16:2019/BXD	04 kg/bộ	Công ty CP L.Q JOTON. Đc; 62/6 ấp 28, xã Xuân Thới Sơn, TP.HCM - Đt: 028.38910224. (Công văn đề nghị công bố giá số 15_08_26/SXD-KTVL ngày 15/07/2026)	Việt Nam	Khối lượng cung cấp theo yêu cầu của bên mua, điều kiện giao hàng: thanh toán trước khi giao hàng	Phương tiện vận chuyển: xe tải. Đã bao gồm chi phí vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh.	Mức giá được thực hiện từ ngày 15/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	185.000	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
548	Sơn	Matis gốc nước	kg	QCVN 16:2019/BXD	20kg/bộ	Công ty CP L.Q JOTON. Đc; 62/6 ấp 28, xã Xuân Thới Sơn, TP.HCM - Đt: 028.38910224. (Công văn đề nghị công bố giá số 15_08_26/SXD-KTVL ngày 15/07/2026)	Việt Nam	Khối lượng cung cấp theo yêu cầu của bên mua, điều kiện giao hàng: thanh toán trước khi giao hàng	Phương tiện vận chuyển: xe tải. Đã bao gồm chi phí vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh.	Mức giá được thực hiện từ ngày 15/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	74.000	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
549	Sơn	Sơn phủ Expoxy gốc nước	kg	QCVN 16:2019/BXD	6,5kg/bộ	Công ty CP L.Q JOTON. Đc; 62/6 ấp 28, xã Xuân Thới Sơn, TP.HCM - Đt: 028.38910224. (Công văn đề nghị công bố giá số 15_08_26/SXD-KTVL ngày 15/07/2026)	Việt Nam	Khối lượng cung cấp theo yêu cầu của bên mua, điều kiện giao hàng: thanh toán trước khi giao hàng	Phương tiện vận chuyển: xe tải. Đã bao gồm chi phí vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh.	Mức giá được thực hiện từ ngày 15/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	427.500	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
550	Sơn	Sơn phủ (LOTUS)	thùng	QCVN 16:2019/BXD JIS K5663:2003	18 lít/thùng	Công ty CP L.Q JOTON. Đc; 62/6 ấp 28, xã Xuân Thới Sơn, TP.HCM - Đt: 028.38910224. (Công văn đề nghị công bố giá số 15_08_26/SXD-KTVL ngày 15/07/2026)	Việt Nam	Khối lượng cung cấp theo yêu cầu của bên mua, điều kiện giao hàng: thanh toán trước khi giao hàng	Phương tiện vận chuyển: xe tải. Đã bao gồm chi phí vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh.	Mức giá được thực hiện từ ngày 15/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	5.755.300	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
551	Sơn	Sơn lót (PROS Dự Án)	thùng	TCCS 06:2011/LQJT	18 lít/thùng	Công ty CP L.Q JOTON. Đc; 62/6 ấp 28, xã Xuân Thới Sơn, TP.HCM - Đt: 028.38910224. (Công văn đề nghị công bố giá số 15_08_26/SXD-KTVL ngày 15/07/2026)	Việt Nam	Khối lượng cung cấp theo yêu cầu của bên mua, điều kiện giao hàng: thanh toán trước khi giao hàng	Phương tiện vận chuyển: xe tải. Đã bao gồm chi phí vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh.	Mức giá được thực hiện từ ngày 15/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	2.855.000	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
552	Sơn	Bột trét Passion Ext	bao	TCVN 7239:2014	40kg/bao	Công ty CP L.Q JOTON. Đc; 62/6 ấp 28, xã Xuân Thới Sơn, TP.HCM - Đt: 028.38910224. (Công văn đề nghị công bố giá số 15_08_26/SXD-KTVL ngày 15/07/2026)	Việt Nam	Khối lượng cung cấp theo yêu cầu của bên mua, điều kiện giao hàng: thanh toán trước khi giao hàng	Phương tiện vận chuyển: xe tải. Đã bao gồm chi phí vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh.	Mức giá được thực hiện từ ngày 15/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	597.000	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
553	Sơn	Sơn phủ Peace	thùng	QCVN 16:2019/BXD	18 lít/thùng	Công ty CP L.Q JOTON. Đc; 62/6 ấp 28, xã Xuân Thới Sơn, TP.HCM - Đt: 028.38910224. (Công văn đề nghị công bố giá số 15_08_26/SXD-KTVL ngày 15/07/2026)	Việt Nam	Khối lượng cung cấp theo yêu cầu của bên mua, điều kiện giao hàng: thanh toán trước khi giao hàng	Phương tiện vận chuyển: xe tải. Đã bao gồm chi phí vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh.	Mức giá được thực hiện từ ngày 15/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	2.792.800	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
554	Sơn	Sơn lót (PROSIN Dự Án)	thùng	TCCS 06:2011/LQJT	18 lít/thùng	Công ty CP L.Q JOTON. Đc; 62/6 ấp 28, xã Xuân Thới Sơn, TP.HCM - Đt: 028.38910224. (Công văn đề nghị công bố giá số 15_08_26/SXD-KTVL ngày 15/07/2026)	Việt Nam	Khối lượng cung cấp theo yêu cầu của bên mua, điều kiện giao hàng: thanh toán trước khi giao hàng	Phương tiện vận chuyển: xe tải. Đã bao gồm chi phí vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh.	Mức giá được thực hiện từ ngày 15/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	1.786.500	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
555	Sơn	Bột trét (PASSION INT)	bao	TCVN 7239:2014	40 kg/bao	Công ty CP L.Q JOTON. Đc; 62/6 ấp 28, xã Xuân Thới Sơn, TP.HCM - Đt: 028.38910224. (Công văn đề nghị công bố giá số 15_08_26/SXD-KTVL ngày 15/07/2026)	Việt Nam	Khối lượng cung cấp theo yêu cầu của bên mua, điều kiện giao hàng: thanh toán trước khi giao hàng	Phương tiện vận chuyển: xe tải. Đã bao gồm chi phí vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh.	Mức giá được thực hiện từ ngày 15/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	451.000	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
556	Sơn	Bột trét nội thất SP. FILLER Siêu trắng	bao	TCVN 7239:2014	40 kg/bao	Công ty CP L.Q JOTON. Đc; 62/6 ấp 28, xã Xuân Thới Sơn, TP.HCM - Đt: 028.38910224. (Công văn đề nghị công bố giá số 15_08_26/SXD-KTVL ngày 15/07/2026)	Việt Nam	Khối lượng cung cấp theo yêu cầu của bên mua, điều kiện giao hàng: thanh toán trước khi giao hàng	Phương tiện vận chuyển: xe tải. Đã bao gồm chi phí vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh.	Mức giá được thực hiện từ ngày 15/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	331.000	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
557	Sơn	Bột trét ngoại thất JOTON trắng	bao	TCVN 7239:2014	40 kg/bao	Công ty CP L.Q JOTON. Đc; 62/6 ấp 28, xã Xuân Thới Sơn, TP.HCM - Đt: 028.38910224. (Công văn đề nghị công bố giá số 15_08_26/SXD-KTVL ngày 15/07/2026)	Việt Nam	Khối lượng cung cấp theo yêu cầu của bên mua, điều kiện giao hàng: thanh toán trước khi giao hàng	Phương tiện vận chuyển: xe tải. Đã bao gồm chi phí vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh.	Mức giá được thực hiện từ ngày 15/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	414.000	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
558	Sơn	Bột trét nội và ngoại thất JOTON BEST COAT	bao	TCVN 7239:2014	40 kg/bao	Công ty CP L.Q JOTON. Đc; 62/6 ấp 28, xã Xuân Thới Sơn, TP.HCM - Đt: 028.38910224. (Công văn đề nghị công bố giá số 15_08_26/SXD-KTVL ngày 15/07/2026)	Việt Nam	Khối lượng cung cấp theo yêu cầu của bên mua, điều kiện giao hàng: thanh toán trước khi giao hàng	Phương tiện vận chuyển: xe tải. Đã bao gồm chi phí vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh.	Mức giá được thực hiện từ ngày 15/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	494.000	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
559	Sơn	Keo dán gạch	bao	QCVN 16:2019/BXD JIS K5663:2003	25 kg/bao	Công ty CP L.Q JOTON. Đc; 62/6 ấp 28, xã Xuân Thới Sơn, TP.HCM - Đt: 028.38910224. (Công văn đề nghị công bố giá số 15_08_26/SXD-KTVL ngày 15/07/2026)	Việt Nam	Khối lượng cung cấp theo yêu cầu của bên mua, điều kiện giao hàng: thanh toán trước khi giao hàng	Phương tiện vận chuyển: xe tải. Đã bao gồm chi phí vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh.	Mức giá được thực hiện từ ngày 15/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	285.500	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
560	Sơn	Bột chà ron	hộp	QCVN 16:2019/BXD JIS K5663:2003	05 kg/hộp	Công ty CP L.Q JOTON. Đc; 62/6 ấp 28, xã Xuân Thới Sơn, TP.HCM - Đt: 028.38910224. (Công văn đề nghị công bố giá số 15_08_26/SXD-KTVL ngày 15/07/2026)	Việt Nam	Khối lượng cung cấp theo yêu cầu của bên mua, điều kiện giao hàng: thanh toán trước khi giao hàng	Phương tiện vận chuyển: xe tải. Đã bao gồm chi phí vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh.	Mức giá được thực hiện từ ngày 15/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	75.500	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng) (đồng)															
												Khu vực Tân An	Khu vực Tân Trụ	Khu vực Châu Thành	Khu vực Thủ Thừa	Khu vực Bến Lức	Khu vực Cần Giuộc	Khu vực Cần Đước	Khu vực Tân Thạnh	Khu vực Thạnh Hóa	Khu vực Tân Hưng	Khu vực Vĩnh Hưng	Khu vực Kiến Tường	Khu vực Mộc Hóa	Khu vực Đức Hòa	Khu vực Đức Huệ
561	Sơn	Sơn nước nội thất SENIOR	thùng	QCVN 16:2019/BXD JIS K5663:2003	18 lít/thùng	Công ty CP L.Q JOTON. Đc; 62/6 ấp 28, xã Xuân Thới Sơn, TP.HCM - Đt: 028.38910224. (Công văn đề nghị công bố giá số 15_08_26/SXD-KTVL ngày 15/07/2026)	Việt Nam	Khối lượng cung cấp theo yêu cầu của bên mua, điều kiện giao hàng: thanh toán trước khi giao hàng	Phương tiện vận chuyển: xe tải. Đã bao gồm chi phí vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh.	Mức giá được thực hiện từ ngày 15/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	1.782.000	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
562	Sơn	Sơn nước Nội Thất SENIOR	lon	QCVN 16:2019/BXD JIS K5663:2003	05 lít/lon	Công ty CP L.Q JOTON. Đc; 62/6 ấp 28, xã Xuân Thới Sơn, TP.HCM - Đt: 028.38910224. (Công văn đề nghị công bố giá số 15_08_26/SXD-KTVL ngày 15/07/2026)	Việt Nam	Khối lượng cung cấp theo yêu cầu của bên mua, điều kiện giao hàng: thanh toán trước khi giao hàng	Phương tiện vận chuyển: xe tải. Đã bao gồm chi phí vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh.	Mức giá được thực hiện từ ngày 15/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	534.000	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
563	Sơn	Sơn nước Nội Thất EXFA	lon	QCVN 16:2019/BXD JIS K5663:2003	05 lít/lon	Công ty CP L.Q JOTON. Đc; 62/6 ấp 28, xã Xuân Thới Sơn, TP.HCM - Đt: 028.38910224. (Công văn đề nghị công bố giá số 15_08_26/SXD-KTVL ngày 15/07/2026)	Việt Nam	Khối lượng cung cấp theo yêu cầu của bên mua, điều kiện giao hàng: thanh toán trước khi giao hàng	Phương tiện vận chuyển: xe tải. Đã bao gồm chi phí vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh.	Mức giá được thực hiện từ ngày 15/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	973.000	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
564	Sơn	SƠN nước ngoại thất FA N	thùng	QCVN 16:2019/BXD JIS K5663:2003	18 lít/thùng	Công ty CP L.Q JOTON. Đc; 62/6 ấp 28, xã Xuân Thới Sơn, TP.HCM - Đt: 028.38910224. (Công văn đề nghị công bố giá số 15_08_26/SXD-KTVL ngày 15/07/2026)	Việt Nam	Khối lượng cung cấp theo yêu cầu của bên mua, điều kiện giao hàng: thanh toán trước khi giao hàng	Phương tiện vận chuyển: xe tải. Đã bao gồm chi phí vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh.	Mức giá được thực hiện từ ngày 15/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	4.330.000	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
565	Sơn	SƠN nước ngoại thất FA NGOÀI CT	lon	QCVN 16:2019/BXD JIS K5663:2003	05 lít/lon	Công ty CP L.Q JOTON. Đc; 62/6 ấp 28, xã Xuân Thới Sơn, TP.HCM - Đt: 028.38910224. (Công văn đề nghị công bố giá số 15_08_26/SXD-KTVL ngày 15/07/2026)	Việt Nam	Khối lượng cung cấp theo yêu cầu của bên mua, điều kiện giao hàng: thanh toán trước khi giao hàng	Phương tiện vận chuyển: xe tải. Đã bao gồm chi phí vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh.	Mức giá được thực hiện từ ngày 15/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	1.266.500	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
566	Sơn	SƠN nước ngoại thất FA NGOÀI CT	lon	QCVN 16:2019/BXD JIS K5663:2003	01 lít/lon	Công ty CP L.Q JOTON. Đc; 62/6 ấp 28, xã Xuân Thới Sơn, TP.HCM - Đt: 028.38910224. (Công văn đề nghị công bố giá số 15_08_26/SXD-KTVL ngày 15/07/2026)	Việt Nam	Khối lượng cung cấp theo yêu cầu của bên mua, điều kiện giao hàng: thanh toán trước khi giao hàng	Phương tiện vận chuyển: xe tải. Đã bao gồm chi phí vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh.	Mức giá được thực hiện từ ngày 15/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	302.000	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
567	Sơn	Sơn nước ngoại thất JONY	thùng	QCVN 16:2019/BXD JIS K5663:2003	18 lít/thùng	Công ty CP L.Q JOTON. Đc; 62/6 ấp 28, xã Xuân Thới Sơn, TP.HCM - Đt: 028.38910224. (Công văn đề nghị công bố giá số 15_08_26/SXD-KTVL ngày 15/07/2026)	Việt Nam	Khối lượng cung cấp theo yêu cầu của bên mua, điều kiện giao hàng: thanh toán trước khi giao hàng	Phương tiện vận chuyển: xe tải. Đã bao gồm chi phí vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh.	Mức giá được thực hiện từ ngày 15/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	2.590.000	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
568	Sơn	Sơn nước thoại thất JONY	lon	QCVN 16:2019/BXD JIS K5663:2003	05 lít/lon	Công ty CP L.Q JOTON. Đc; 62/6 ấp 28, xã Xuân Thới Sơn, TP.HCM - Đt: 028.38910224. (Công văn đề nghị công bố giá số 15_08_26/SXD-KTVL ngày 15/07/2026)	Việt Nam	Khối lượng cung cấp theo yêu cầu của bên mua, điều kiện giao hàng: thanh toán trước khi giao hàng	Phương tiện vận chuyển: xe tải. Đã bao gồm chi phí vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh.	Mức giá được thực hiện từ ngày 15/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	867.500	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
569	Sơn	Sơn chất thấm gốc dầu	lon	TCVN 7239:2014	06 lít/lon	Công ty CP L.Q JOTON. Đc; 62/6 ấp 28, xã Xuân Thới Sơn, TP.HCM - Đt: 028.38910224. (Công văn đề nghị công bố giá số 15_08_26/SXD-KTVL ngày 15/07/2026)	Việt Nam	Khối lượng cung cấp theo yêu cầu của bên mua, điều kiện giao hàng: thanh toán trước khi giao hàng	Phương tiện vận chuyển: xe tải. Đã bao gồm chi phí vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh.	Mức giá được thực hiện từ ngày 15/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	1.693.000	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
570	Sơn	Sơn chất thấm gốc dầu	thùng	TCVN 7239:2014	18,5 kg/thùng	Công ty CP L.Q JOTON. Đc; 62/6 ấp 28, xã Xuân Thới Sơn, TP.HCM - Đt: 028.38910224. (Công văn đề nghị công bố giá số 15_08_26/SXD-KTVL ngày 15/07/2026)	Việt Nam	Khối lượng cung cấp theo yêu cầu của bên mua, điều kiện giao hàng: thanh toán trước khi giao hàng	Phương tiện vận chuyển: xe tải. Đã bao gồm chi phí vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh.	Mức giá được thực hiện từ ngày 15/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	2.539.500	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
571	Sơn	Sơn sắt mạ kẽm	thùng	TCCS SD13-14:2020/LQJT	20 kg/thùng	Công ty CP L.Q JOTON. Đc; 62/6 ấp 28, xã Xuân Thới Sơn, TP.HCM - Đt: 028.38910224. (Công văn đề nghị công bố giá số 15_08_26/SXD-KTVL ngày 15/07/2026)	Việt Nam	Khối lượng cung cấp theo yêu cầu của bên mua, điều kiện giao hàng: thanh toán trước khi giao hàng	Phương tiện vận chuyển: xe tải. Đã bao gồm chi phí vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh.	Mức giá được thực hiện từ ngày 15/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	4.843.000	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
572	Sơn	Sơn sắt mạ kẽm	lon	TCCS SD13-14:2020/LQJT	03 lít/lon	Công ty CP L.Q JOTON. Đc; 62/6 ấp 28, xã Xuân Thới Sơn, TP.HCM - Đt: 028.38910224. (Công văn đề nghị công bố giá số 15_08_26/SXD-KTVL ngày 15/07/2026)	Việt Nam	Khối lượng cung cấp theo yêu cầu của bên mua, điều kiện giao hàng: thanh toán trước khi giao hàng	Phương tiện vận chuyển: xe tải. Đã bao gồm chi phí vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh.	Mức giá được thực hiện từ ngày 15/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	812.000	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
573	Sơn	Sơn sắt mạ kẽm	lon	TCCS SD13-14:2020/LQJT	0,8 lít/lon	Công ty CP L.Q JOTON. Đc; 62/6 ấp 28, xã Xuân Thới Sơn, TP.HCM - Đt: 028.38910224. (Công văn đề nghị công bố giá số 15_08_26/SXD-KTVL ngày 15/07/2026)	Việt Nam	Khối lượng cung cấp theo yêu cầu của bên mua, điều kiện giao hàng: thanh toán trước khi giao hàng	Phương tiện vận chuyển: xe tải. Đã bao gồm chi phí vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh.	Mức giá được thực hiện từ ngày 15/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	217.500	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
574	Sơn	Sơn sắt mạ kẽm	lon	TCCS SD13-14:2020/LQJT	0,45 lít/lon	Công ty CP L.Q JOTON. Đc; 62/6 ấp 28, xã Xuân Thới Sơn, TP.HCM - Đt: 028.38910224. (Công văn đề nghị công bố giá số 15_08_26/SXD-KTVL ngày 15/07/2026)	Việt Nam	Khối lượng cung cấp theo yêu cầu của bên mua, điều kiện giao hàng: thanh toán trước khi giao hàng	Phương tiện vận chuyển: xe tải. Đã bao gồm chi phí vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh.	Mức giá được thực hiện từ ngày 15/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	131.000	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
575	Sơn	Bột trét ngoại thất Nippon WeatherGard Skimcoat	kg	TCVN 7329:2014	40kg	Công ty TNHH Nippon Paint (Việt Nam). Đc: số 14, đường 3A, KCN Biên Hoà II, P.Long Hưng, TP.Đồng Nai. Đt: 0251.383.6579 - 0915.736.945. Công văn đề nghị công bố giá số 03/2026/NPV ngày 01/07/2026	Việt Nam	Khối lượng cung cấp theo yêu cầu của bên mua, điều kiện giao hàng: thanh toán trước khi giao hàng	không có thông tin	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/07/2026 đến 31/12/2026	Giá bán tăng	16.000	16.000	16.000	16.000	16.000	16.000	16.000	16.000	16.000	16.000	16.000	16.000	16.000	16.000	16.000
576	Sơn	Bột trét ngoại thất Nippon Exterior Putty	kg	TCVN 7329:2014	40kg	Công ty TNHH Nippon Paint (Việt Nam). Đc: số 14, đường 3A, KCN Biên Hoà II, P.Long Hưng, TP.Đồng Nai. Đt: 0251.383.6579 - 0915.736.945. Công văn đề nghị công bố giá số 03/2026/NPV ngày 01/07/2026	Việt Nam	Khối lượng cung cấp theo yêu cầu của bên mua, điều kiện giao hàng: thanh toán trước khi giao hàng	không có thông tin	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/07/2026 đến 31/12/2026	Giá bán tăng	12.700	12.700	12.700	12.700	12.700	12.700	12.700	12.700	12.700	12.700	12.700	12.700	12.700	12.700	12.700
577	Sơn	Bột trét ngoại thất Nippon Weatherbond Skimcoat	kg	TCVN 7329:2014	40kg	Công ty TNHH Nippon Paint (Việt Nam). Đc: số 14, đường 3A, KCN Biên Hoà II, P.Long Hưng, TP.Đồng Nai. Đt: 0251.383.6579 - 0915.736.945. Công văn đề nghị công bố giá số 03/2026/NPV ngày 01/07/2026	Việt Nam	Khối lượng cung cấp theo yêu cầu của bên mua, điều kiện giao hàng: thanh toán trước khi giao hàng	không có thông tin	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/07/2026 đến 31/12/2026	Giá không đổi	11.000	11.000	11.000	11.000	11.000	11.000	11.000	11.000	11.000	11.000	11.000	11.000	11.000	11.000	11.000
578	Sơn	Bột trét nội thất Nippon Interior Putty	kg	TCVN 7329:2014	40kg	Công ty TNHH Nippon Paint (Việt Nam). Đc: số 14, đường 3A, KCN Biên Hoà II, P.Long Hưng, TP.Đồng Nai. Đt: 0251.383.6579 - 0915.736.945. Công văn đề nghị công bố giá số 03/2026/NPV ngày 01/07/2026	Việt Nam	Khối lượng cung cấp theo yêu cầu của bên mua, điều kiện giao hàng: thanh toán trước khi giao hàng	không có thông tin	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/07/2026 đến 31/12/2026	Giá không đổi	9.700	9.700	9.700	9.700	9.700	9.700	9.700	9.700	9.700	9.700	9.700	9.700	9.700	9.700	9.700
579	Sơn	Bột trét nội thất Nippon Interior Skimcoat	kg	TCVN 7329:2014	40kg	Công ty TNHH Nippon Paint (Việt Nam). Đc: số 14, đường 3A, KCN Biên Hoà II, P.Long Hưng, TP.Đồng Nai. Đt: 0251.383.6579 - 0915.736.945. Công văn đề nghị công bố giá số 03/2026/NPV ngày 01/07/2026	Việt Nam	Khối lượng cung cấp theo yêu cầu của bên mua, điều kiện giao hàng: thanh toán trước khi giao hàng	không có thông tin	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/07/2026 đến 31/12/2026	Giá không đổi	9.000	9.000	9.000	9.000	9.000	9.000	9.000	9.000	9.000	9.000	9.000	9.000	9.000	9.000	9.000
580	Sơn	Sơn lót nội thất cao cấp Nippon Odour-less Sealer	lit	QCVN 16:2023 BXD	18L, 5L	Công ty TNHH Nippon Paint (Việt Nam). Đc: số 14, đường 3A, KCN Biên Hoà II, P.Long Hưng, TP.Đồng Nai. Đt: 0251.383.6579 - 0915.736.945. Công văn đề nghị công bố giá số 03/2026/NPV ngày 01/07/2026	Việt Nam	Khối lượng cung cấp theo yêu cầu của bên mua, điều kiện giao hàng: thanh toán trước khi giao hàng	không có thông tin	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/07/2026 đến 31/12/2026	Giá bán tăng	218.400	218.400	218.400	218.400	218.400	218.400	218.400	218.400	218.400	218.400	218.400	218.400	218.400	218.400	218.400
581	Sơn	Sơn lót nội thất Nippon Easy Wash Sealer	lit	QCVN 16:2023 BXD	15L, 5L	Công ty TNHH Nippon Paint (Việt Nam). Đc: số 14, đường 3A, KCN Biên Hoà II, P.Long Hưng, TP.Đồng Nai. Đt: 0251.383.6579 - 0915.736.945. Công văn đề nghị công bố giá số 03/2026/NPV ngày 01/07/2026	Việt Nam	Khối lượng cung cấp theo yêu cầu của bên mua, điều kiện giao hàng: thanh toán trước khi giao hàng	không có thông tin	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/07/2026 đến 31/12/2026	Giá bán tăng	205.800	205.800	205.800	205.800	205.800	205.800	205.800	205.800	205.800	205.800	205.800	205.800	205.800	205.800	205.800

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng) (đồng)													
												Khu vực Tân An	Khu vực Tân Trụ	Khu vực Châu Thành	Khu vực Thủ Thừa	Khu vực Bến Lức	Khu vực Cần Giuộc	Khu vực Cần Đước	Khu vực Tân Thạnh	Khu vực Thạnh Hóa	Khu vực Tân Hưng	Khu vực Vĩnh Hưng	Khu vực Kiến Tường	Khu vực Mộc Hóa	Khu vực Đức Hòa	Khu vực Đức Huệ
582	Sơn	Sơn lót nội thất cao cấp Nippon Interior Sealer	lít	QCVN 16:2023 BXD	18L	Công ty TNHH Nippon Paint (Việt Nam). Đc: số 14, đường 3A, KCN Biên Hoà II, P.Long Hưng, TP.Đồng Nai. Đt: 0251.383.6579 - 0915.736.945. Công văn đề nghị công bố giá số 03/2026/NPV ngày 01/07/2026	Việt Nam	Khối lượng cung cấp theo yêu cầu của bên mua, điều kiện giao hàng: thanh toán trước khi giao hàng	không có thông tin	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/07/2026 đến 31/12/2026	Giá không đổi	162.000	162.000	162.000	162.000	162.000	162.000	162.000	162.000	162.000	162.000	162.000	162.000	162.000	162.000
583	Sơn	Sơn lót nội thất Nippon Matex Sealer	lít	QCVN 16:2023 BXD	17L. 5L	Công ty TNHH Nippon Paint (Việt Nam). Đc: số 14, đường 3A, KCN Biên Hoà II, P.Long Hưng, TP.Đồng Nai. Đt: 0251.383.6579 - 0915.736.945. Công văn đề nghị công bố giá số 03/2026/NPV ngày 01/07/2026	Việt Nam	Khối lượng cung cấp theo yêu cầu của bên mua, điều kiện giao hàng: thanh toán trước khi giao hàng	không có thông tin	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/07/2026 đến 31/12/2026	Giá bán tăng	125.800	125.800	125.800	125.800	125.800	125.800	125.800	125.800	125.800	125.800	125.800	125.800	125.800	125.800
584	Sơn	Sơn lót ngoại thất cao cấp Nippon WeatherGard Sealer	lít	QCVN 16:2023 BXD	18L, 17L, 5L	Công ty TNHH Nippon Paint (Việt Nam). Đc: số 14, đường 3A, KCN Biên Hoà II, P.Long Hưng, TP.Đồng Nai. Đt: 0251.383.6579 - 0915.736.945. Công văn đề nghị công bố giá số 03/2026/NPV ngày 01/07/2026	Việt Nam	Khối lượng cung cấp theo yêu cầu của bên mua, điều kiện giao hàng: thanh toán trước khi giao hàng	không có thông tin	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/07/2026 đến 31/12/2026	Giá bán tăng	316.200	316.200	316.200	316.200	316.200	316.200	316.200	316.200	316.200	316.200	316.200	316.200	316.200	316.200
585	Sơn	Sơn lót ngoại thất chống nứt Nippon Weatherbond Flex Sealer	lít	QCVN 16:2023 BXD	18L	Công ty TNHH Nippon Paint (Việt Nam). Đc: số 14, đường 3A, KCN Biên Hoà II, P.Long Hưng, TP.Đồng Nai. Đt: 0251.383.6579 - 0915.736.945. Công văn đề nghị công bố giá số 03/2026/NPV ngày 01/07/2026	Việt Nam	Khối lượng cung cấp theo yêu cầu của bên mua, điều kiện giao hàng: thanh toán trước khi giao hàng	không có thông tin	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/07/2026 đến 31/12/2026	Giá không đổi	256.000	256.000	256.000	256.000	256.000	256.000	256.000	256.000	256.000	256.000	256.000	256.000	256.000	256.000
586	Sơn	Sơn lót ngoại thất cao cấp Nippon Weatherbond Sealer	lít	QCVN 16:2023 BXD	18L	Công ty TNHH Nippon Paint (Việt Nam). Đc: số 14, đường 3A, KCN Biên Hoà II, P.Long Hưng, TP.Đồng Nai. Đt: 0251.383.6579 - 0915.736.945. Công văn đề nghị công bố giá số 03/2026/NPV ngày 01/07/2026	Việt Nam	Khối lượng cung cấp theo yêu cầu của bên mua, điều kiện giao hàng: thanh toán trước khi giao hàng	không có thông tin	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/07/2026 đến 31/12/2026	Giá không đổi	220.000	220.000	220.000	220.000	220.000	220.000	220.000	220.000	220.000	220.000	220.000	220.000	220.000	220.000
587	Sơn	Sơn lót ngoại thất Nippon Super Matex Sealer	lít	QCVN 16:2023 BXD	17L. 5L	Công ty TNHH Nippon Paint (Việt Nam). Đc: số 14, đường 3A, KCN Biên Hoà II, P.Long Hưng, TP.Đồng Nai. Đt: 0251.383.6579 - 0915.736.945. Công văn đề nghị công bố giá số 03/2026/NPV ngày 01/07/2026	Việt Nam	Khối lượng cung cấp theo yêu cầu của bên mua, điều kiện giao hàng: thanh toán trước khi giao hàng	không có thông tin	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/07/2026 đến 31/12/2026	Giá bán tăng	208.600	208.600	208.600	208.600	208.600	208.600	208.600	208.600	208.600	208.600	208.600	208.600	208.600	208.600
588	Sơn	Sơn phủ nội thất kinh tế Nippon Vatex	lít	QCVN 16:2023 BXD	17L. 4,8kg	Công ty TNHH Nippon Paint (Việt Nam). Đc: số 14, đường 3A, KCN Biên Hoà II, P.Long Hưng, TP.Đồng Nai. Đt: 0251.383.6579 - 0915.736.945. Công văn đề nghị công bố giá số 03/2026/NPV ngày 01/07/2026	Việt Nam	Khối lượng cung cấp theo yêu cầu của bên mua, điều kiện giao hàng: thanh toán trước khi giao hàng	không có thông tin	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/07/2026 đến 31/12/2026	Giá bán tăng	74.200	74.200	74.200	74.200	74.200	74.200	74.200	74.200	74.200	74.200	74.200	74.200	74.200	74.200
589	Sơn	Sơn phủ nội thất Nippon Matex	lít	QCVN 16:2023 BXD	18L, 5kg	Công ty TNHH Nippon Paint (Việt Nam). Đc: số 14, đường 3A, KCN Biên Hoà II, P.Long Hưng, TP.Đồng Nai. Đt: 0251.383.6579 - 0915.736.945. Công văn đề nghị công bố giá số 03/2026/NPV ngày 01/07/2026	Việt Nam	Khối lượng cung cấp theo yêu cầu của bên mua, điều kiện giao hàng: thanh toán trước khi giao hàng	không có thông tin	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/07/2026 đến 31/12/2026	Giá bán tăng	122.000	122.000	122.000	122.000	122.000	122.000	122.000	122.000	122.000	122.000	122.000	122.000	122.000	122.000
590	Sơn	Sơn phủ nội thất Nippon Matex Sắc Màu Dịu Mát	lít	QCVN 16:2023 BXD	18L, 5kg	Công ty TNHH Nippon Paint (Việt Nam). Đc: số 14, đường 3A, KCN Biên Hoà II, P.Long Hưng, TP.Đồng Nai. Đt: 0251.383.6579 - 0915.736.945. Công văn đề nghị công bố giá số 03/2026/NPV ngày 01/07/2026	Việt Nam	Khối lượng cung cấp theo yêu cầu của bên mua, điều kiện giao hàng: thanh toán trước khi giao hàng	không có thông tin	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/07/2026 đến 31/12/2026	Giá bán tăng	112.200	112.200	112.200	112.200	112.200	112.200	112.200	112.200	112.200	112.200	112.200	112.200	112.200	112.200
591	Sơn	Sơn phủ nội thất Nippon Easy Wash lau chùi dễ dàng	lít	QCVN 16:2023 BXD	15L, 5L	Công ty TNHH Nippon Paint (Việt Nam). Đc: số 14, đường 3A, KCN Biên Hoà II, P.Long Hưng, TP.Đồng Nai. Đt: 0251.383.6579 - 0915.736.945. Công văn đề nghị công bố giá số 03/2026/NPV ngày 01/07/2026	Việt Nam	Khối lượng cung cấp theo yêu cầu của bên mua, điều kiện giao hàng: thanh toán trước khi giao hàng	không có thông tin	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/07/2026 đến 31/12/2026	Giá bán tăng	217.800	217.800	217.800	217.800	217.800	217.800	217.800	217.800	217.800	217.800	217.800	217.800	217.800	217.800
592	Sơn	Sơn phủ nội thất chống nấm mốc Nippon Trắng Trần Toàn Diện	lít	QCVN 16:2023 BXD	15L, 5L	Công ty TNHH Nippon Paint (Việt Nam). Đc: số 14, đường 3A, KCN Biên Hoà II, P.Long Hưng, TP.Đồng Nai. Đt: 0251.383.6579 - 0915.736.945. Công văn đề nghị công bố giá số 03/2026/NPV ngày 01/07/2026	Việt Nam	Khối lượng cung cấp theo yêu cầu của bên mua, điều kiện giao hàng: thanh toán trước khi giao hàng	không có thông tin	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/07/2026 đến 31/12/2026	Giá bán tăng	226.800	226.800	226.800	226.800	226.800	226.800	226.800	226.800	226.800	226.800	226.800	226.800	226.800	226.800
593	Sơn	Sơn phủ nội thất cao cấp Nippon Odour-less Bóng sang trọng	lít	QCVN 16:2023 BXD	18L, 5L	Công ty TNHH Nippon Paint (Việt Nam). Đc: số 14, đường 3A, KCN Biên Hoà II, P.Long Hưng, TP.Đồng Nai. Đt: 0251.383.6579 - 0915.736.945. Công văn đề nghị công bố giá số 03/2026/NPV ngày 01/07/2026	Việt Nam	Khối lượng cung cấp theo yêu cầu của bên mua, điều kiện giao hàng: thanh toán trước khi giao hàng	không có thông tin	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/07/2026 đến 31/12/2026	Giá bán tăng	257.200	257.200	257.200	257.200	257.200	257.200	257.200	257.200	257.200	257.200	257.200	257.200	257.200	257.200
594	Sơn	Sơn phủ nội thất cao cấp Nippon Odour-less chùi rửa vượt trội & kháng khuẩn	lít	QCVN 16:2023 BXD	15L, 5L	Công ty TNHH Nippon Paint (Việt Nam). Đc: số 14, đường 3A, KCN Biên Hoà II, P.Long Hưng, TP.Đồng Nai. Đt: 0251.383.6579 - 0915.736.945. Công văn đề nghị công bố giá số 03/2026/NPV ngày 01/07/2026	Việt Nam	Khối lượng cung cấp theo yêu cầu của bên mua, điều kiện giao hàng: thanh toán trước khi giao hàng	không có thông tin	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/07/2026 đến 31/12/2026	Giá bán tăng	262.800	262.800	262.800	262.800	262.800	262.800	262.800	262.800	262.800	262.800	262.800	262.800	262.800	262.800
595	Sơn	Sơn phủ nội thất cao cấp Nippon Spot-less Plus	lít	QCVN 16:2023 BXD	18L, 5L	Công ty TNHH Nippon Paint (Việt Nam). Đc: số 14, đường 3A, KCN Biên Hoà II, P.Long Hưng, TP.Đồng Nai. Đt: 0251.383.6579 - 0915.736.945. Công văn đề nghị công bố giá số 03/2026/NPV ngày 01/07/2026	Việt Nam	Khối lượng cung cấp theo yêu cầu của bên mua, điều kiện giao hàng: thanh toán trước khi giao hàng	không có thông tin	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/07/2026 đến 31/12/2026	Giá bán tăng	399.400	399.400	399.400	399.400	399.400	399.400	399.400	399.400	399.400	399.400	399.400	399.400	399.400	399.400
596	Sơn	Sơn phủ nội thất cao cấp Nippon Odour-less All in 1 bóng (không mùi)	lít	QCVN 16:2023 BXD	18L, 5L	Công ty TNHH Nippon Paint (Việt Nam). Đc: số 14, đường 3A, KCN Biên Hoà II, P.Long Hưng, TP.Đồng Nai. Đt: 0251.383.6579 - 0915.736.945. Công văn đề nghị công bố giá số 03/2026/NPV ngày 01/07/2026	Việt Nam	Khối lượng cung cấp theo yêu cầu của bên mua, điều kiện giao hàng: thanh toán trước khi giao hàng	không có thông tin	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/07/2026 đến 31/12/2026	Giá bán tăng	431.800	431.800	431.800	431.800	431.800	431.800	431.800	431.800	431.800	431.800	431.800	431.800	431.800	431.800
597	Sơn	Sơn phủ nội thất cao cấp Nippon Odour-less All in 1 bóng Siêu Bóng (không mùi)	lít	QCVN 16:2023 BXD	5L	Công ty TNHH Nippon Paint (Việt Nam). Đc: số 14, đường 3A, KCN Biên Hoà II, P.Long Hưng, TP.Đồng Nai. Đt: 0251.383.6579 - 0915.736.945. Công văn đề nghị công bố giá số 03/2026/NPV ngày 01/07/2026	Việt Nam	Khối lượng cung cấp theo yêu cầu của bên mua, điều kiện giao hàng: thanh toán trước khi giao hàng	không có thông tin	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/07/2026 đến 31/12/2026	Giá bán tăng	477.200	477.200	477.200	477.200	477.200	477.200	477.200	477.200	477.200	477.200	477.200	477.200	477.200	477.200
598	Sơn	Sơn phủ nội thất kinh tế Nippon Latex	lít	QCVN 16:2023 BXD	18L	Công ty TNHH Nippon Paint (Việt Nam). Đc: số 14, đường 3A, KCN Biên Hoà II, P.Long Hưng, TP.Đồng Nai. Đt: 0251.383.6579 - 0915.736.945. Công văn đề nghị công bố giá số 03/2026/NPV ngày 01/07/2026	Việt Nam	Khối lượng cung cấp theo yêu cầu của bên mua, điều kiện giao hàng: thanh toán trước khi giao hàng	không có thông tin	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/07/2026 đến 31/12/2026	Giá không đổi	47.000	47.000	47.000	47.000	47.000	47.000	47.000	47.000	47.000	47.000	47.000	47.000	47.000	47.000
599	Sơn	Sơn phủ nội thất chống nấm mốc Nippon Matex Light	lít	QCVN 16:2023 BXD	18L	Công ty TNHH Nippon Paint (Việt Nam). Đc: số 14, đường 3A, KCN Biên Hoà II, P.Long Hưng, TP.Đồng Nai. Đt: 0251.383.6579 - 0915.736.945. Công văn đề nghị công bố giá số 03/2026/NPV ngày 01/07/2026	Việt Nam	Khối lượng cung cấp theo yêu cầu của bên mua, điều kiện giao hàng: thanh toán trước khi giao hàng	không có thông tin	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/07/2026 đến 31/12/2026	Giá không đổi	105.000	105.000	105.000	105.000	105.000	105.000	105.000	105.000	105.000	105.000	105.000	105.000	105.000	105.000

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng) (đồng)														
												Khu vực Tân An	Khu vực Tân Trụ	Khu vực Châu Thành	Khu vực Thủ Thừa	Khu vực Bến Lức	Khu vực Cần Giuộc	Khu vực Cần Đước	Khu vực Tân Thạnh	Khu vực Thạnh Hóa	Khu vực Tân Hưng	Khu vực Vĩnh Hưng	Khu vực Kiến Tường	Khu vực Mộc Hóa	Khu vực Đức Hòa	Khu vực Đức Huệ
600	Sơn	Sơn phủ nội thất cao cấp chịu chùi rửa vượt trội Nippon Super Easy Wash	lít	QCVN 16:2023 BXD	17L	Công ty TNHH Nippon Paint (Việt Nam). Đc: số 14, đường 3A, KCN Biên Hoà II, P.Long Hưng, TP.Đồng Nai. Đt: 0251.383.6579 - 0915.736.945. Công văn đề nghị công bố giá số 03/2026/NPV ngày 01/07/2026	Việt Nam	Khối lượng cung cấp theo yêu cầu của bên mua, điều kiện giao hàng: thanh toán trước khi giao hàng	không có thông tin	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/07/2026 đến 31/12/2026	Giá không đổi	164.000	164.000	164.000	164.000	164.000	164.000	164.000	164.000	164.000	164.000	164.000	164.000	164.000	164.000	164.000
601	Sơn	Sơn phủ nội thất cao cấp chống bám bẩn kháng khuẩn Nippon Spot-Less Perfect	lít	QCVN 16:2023 BXD	18L	Công ty TNHH Nippon Paint (Việt Nam). Đc: số 14, đường 3A, KCN Biên Hoà II, P.Long Hưng, TP.Đồng Nai. Đt: 0251.383.6579 - 0915.736.945. Công văn đề nghị công bố giá số 03/2026/NPV ngày 01/07/2026	Việt Nam	Khối lượng cung cấp theo yêu cầu của bên mua, điều kiện giao hàng: thanh toán trước khi giao hàng	không có thông tin	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/07/2026 đến 31/12/2026	Giá không đổi	211.000	211.000	211.000	211.000	211.000	211.000	211.000	211.000	211.000	211.000	211.000	211.000	211.000	211.000	211.000
602	Sơn	Sơn phủ ngoại thất Nippon Super Matex	lít	QCVN 16:2023 BXD	18L, 5L	Công ty TNHH Nippon Paint (Việt Nam). Đc: số 14, đường 3A, KCN Biên Hoà II, P.Long Hưng, TP.Đồng Nai. Đt: 0251.383.6579 - 0915.736.945. Công văn đề nghị công bố giá số 03/2026/NPV ngày 01/07/2026	Việt Nam	Khối lượng cung cấp theo yêu cầu của bên mua, điều kiện giao hàng: thanh toán trước khi giao hàng	không có thông tin	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/07/2026 đến 31/12/2026	Giá bán tăng	208.600	208.600	208.600	208.600	208.600	208.600	208.600	208.600	208.600	208.600	208.600	208.600	208.600	208.600	208.600
603	Sơn	Sơn phủ ngoại thất Nippon Super Gard	lít	QCVN 16:2023 BXD	18L, 5L	Công ty TNHH Nippon Paint (Việt Nam). Đc: số 14, đường 3A, KCN Biên Hoà II, P.Long Hưng, TP.Đồng Nai. Đt: 0251.383.6579 - 0915.736.945. Công văn đề nghị công bố giá số 03/2026/NPV ngày 01/07/2026	Việt Nam	Khối lượng cung cấp theo yêu cầu của bên mua, điều kiện giao hàng: thanh toán trước khi giao hàng	không có thông tin	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/07/2026 đến 31/12/2026	Giá bán tăng	318.400	318.400	318.400	318.400	318.400	318.400	318.400	318.400	318.400	318.400	318.400	318.400	318.400	318.400	318.400
604	Sơn	Sơn phủ ngoại thất cao cấp Nippon WeatherGard Hitex	lít	QCVN 16:2023 BXD	15L, 5L	Công ty TNHH Nippon Paint (Việt Nam). Đc: số 14, đường 3A, KCN Biên Hoà II, P.Long Hưng, TP.Đồng Nai. Đt: 0251.383.6579 - 0915.736.945. Công văn đề nghị công bố giá số 03/2026/NPV ngày 01/07/2026	Việt Nam	Khối lượng cung cấp theo yêu cầu của bên mua, điều kiện giao hàng: thanh toán trước khi giao hàng	không có thông tin	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/07/2026 đến 31/12/2026	Giá bán tăng	433.800	433.800	433.800	433.800	433.800	433.800	433.800	433.800	433.800	433.800	433.800	433.800	433.800	433.800	433.800
605	Sơn	Sơn phủ ngoại thất cao cấp Nippon WeatherGard Plux +	lít	QCVN 16:2023 BXD	15L, 5L	Công ty TNHH Nippon Paint (Việt Nam). Đc: số 14, đường 3A, KCN Biên Hoà II, P.Long Hưng, TP.Đồng Nai. Đt: 0251.383.6579 - 0915.736.945. Công văn đề nghị công bố giá số 03/2026/NPV ngày 01/07/2026	Việt Nam	Khối lượng cung cấp theo yêu cầu của bên mua, điều kiện giao hàng: thanh toán trước khi giao hàng	không có thông tin	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/07/2026 đến 31/12/2026	Giá bán tăng	568.400	568.400	568.400	568.400	568.400	568.400	568.400	568.400	568.400	568.400	568.400	568.400	568.400	568.400	568.400
606	Sơn	Sơn phủ ngoại thất cao cấp Nippon WeatherGard Siêu Bóng	lít	QCVN 16:2023 BXD	5L	Công ty TNHH Nippon Paint (Việt Nam). Đc: số 14, đường 3A, KCN Biên Hoà II, P.Long Hưng, TP.Đồng Nai. Đt: 0251.383.6579 - 0915.736.945. Công văn đề nghị công bố giá số 03/2026/NPV ngày 01/07/2026	Việt Nam	Khối lượng cung cấp theo yêu cầu của bên mua, điều kiện giao hàng: thanh toán trước khi giao hàng	không có thông tin	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/07/2026 đến 31/12/2026	Giá bán tăng	655.000	655.000	655.000	655.000	655.000	655.000	655.000	655.000	655.000	655.000	655.000	655.000	655.000	655.000	655.000
607	Sơn	Sơn phủ ngoại thất kinh tế Nippon Super Litex	lít	QCVN 16:2023 BXD	18L	Công ty TNHH Nippon Paint (Việt Nam). Đc: số 14, đường 3A, KCN Biên Hoà II, P.Long Hưng, TP.Đồng Nai. Đt: 0251.383.6579 - 0915.736.945. Công văn đề nghị công bố giá số 03/2026/NPV ngày 01/07/2026	Việt Nam	Khối lượng cung cấp theo yêu cầu của bên mua, điều kiện giao hàng: thanh toán trước khi giao hàng	không có thông tin	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/07/2026 đến 31/12/2026	Giá không đổi	148.000	148.000	148.000	148.000	148.000	148.000	148.000	148.000	148.000	148.000	148.000	148.000	148.000	148.000	148.000
608	Sơn	Sơn phủ ngoại thất chống rêu mốc, chống bong tróc Nippon Superbond	lít	QCVN 16:2023 BXD	18L	Công ty TNHH Nippon Paint (Việt Nam). Đc: số 14, đường 3A, KCN Biên Hoà II, P.Long Hưng, TP.Đồng Nai. Đt: 0251.383.6579 - 0915.736.945. Công văn đề nghị công bố giá số 03/2026/NPV ngày 01/07/2026	Việt Nam	Khối lượng cung cấp theo yêu cầu của bên mua, điều kiện giao hàng: thanh toán trước khi giao hàng	không có thông tin	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/07/2026 đến 31/12/2026	Giá không đổi	244.000	244.000	244.000	244.000	244.000	244.000	244.000	244.000	244.000	244.000	244.000	244.000	244.000	244.000	244.000
609	Sơn	Sơn phủ ngoại thất cao cấp màng sơn bóng mờ, bền màu Nippon Weatherbond	lít	QCVN 16:2023 BXD	18L	Công ty TNHH Nippon Paint (Việt Nam). Đc: số 14, đường 3A, KCN Biên Hoà II, P.Long Hưng, TP.Đồng Nai. Đt: 0251.383.6579 - 0915.736.945. Công văn đề nghị công bố giá số 03/2026/NPV ngày 01/07/2026	Việt Nam	Khối lượng cung cấp theo yêu cầu của bên mua, điều kiện giao hàng: thanh toán trước khi giao hàng	không có thông tin	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/07/2026 đến 31/12/2026	Giá không đổi	352.000	352.000	352.000	352.000	352.000	352.000	352.000	352.000	352.000	352.000	352.000	352.000	352.000	352.000	352.000
610	Sơn	Sơn phủ ngoại thất cao cấp, che phủ vết nứt Nippon Weatherbond Flex	lít	QCVN 16:2023 BXD	18L	Công ty TNHH Nippon Paint (Việt Nam). Đc: số 14, đường 3A, KCN Biên Hoà II, P.Long Hưng, TP.Đồng Nai. Đt: 0251.383.6579 - 0915.736.945. Công văn đề nghị công bố giá số 03/2026/NPV ngày 01/07/2026	Việt Nam	Khối lượng cung cấp theo yêu cầu của bên mua, điều kiện giao hàng: thanh toán trước khi giao hàng	không có thông tin	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/07/2026 đến 31/12/2026	Giá không đổi	440.000	440.000	440.000	440.000	440.000	440.000	440.000	440.000	440.000	440.000	440.000	440.000	440.000	440.000	440.000
611	Sơn	Sơn phủ ngoại thất cao cấp kháng kiềm và độ đàn hồi cao Nippon Weatherbond CoastPro	lít	QCVN 16:2023 BXD	18L	Công ty TNHH Nippon Paint (Việt Nam). Đc: số 14, đường 3A, KCN Biên Hoà II, P.Long Hưng, TP.Đồng Nai. Đt: 0251.383.6579 - 0915.736.945. Công văn đề nghị công bố giá số 03/2026/NPV ngày 01/07/2026	Việt Nam	Khối lượng cung cấp theo yêu cầu của bên mua, điều kiện giao hàng: thanh toán trước khi giao hàng	không có thông tin	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/07/2026 đến 31/12/2026	Giá không đổi	528.000	528.000	528.000	528.000	528.000	528.000	528.000	528.000	528.000	528.000	528.000	528.000	528.000	528.000	528.000
612	Sơn	Sơn chống thấm Nippon WP 200 Expert	lít	QCVN 16:2023 BXD	18L	Công ty TNHH Nippon Paint (Việt Nam). Đc: số 14, đường 3A, KCN Biên Hoà II, P.Long Hưng, TP.Đồng Nai. Đt: 0251.383.6579 - 0915.736.945. Công văn đề nghị công bố giá số 03/2026/NPV ngày 01/07/2026	Việt Nam	Khối lượng cung cấp theo yêu cầu của bên mua, điều kiện giao hàng: thanh toán trước khi giao hàng	không có thông tin	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/07/2026 đến 31/12/2026	Giá không đổi	193.000	193.000	193.000	193.000	193.000	193.000	193.000	193.000	193.000	193.000	193.000	193.000	193.000	193.000	193.000
613	Sơn	Sơn chống thấm Nippon WP 200	kg	QCVN 16:2023 BXD	20kg	Công ty TNHH Nippon Paint (Việt Nam). Đc: số 14, đường 3A, KCN Biên Hoà II, P.Long Hưng, TP.Đồng Nai. Đt: 0251.383.6579 - 0915.736.945. Công văn đề nghị công bố giá số 03/2026/NPV ngày 01/07/2026	Việt Nam	Khối lượng cung cấp theo yêu cầu của bên mua, điều kiện giao hàng: thanh toán trước khi giao hàng	không có thông tin	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/07/2026 đến 31/12/2026	Giá bán tăng	224.600	224.600	224.600	224.600	224.600	224.600	224.600	224.600	224.600	224.600	224.600	224.600	224.600	224.600	224.600
614	Sơn	Sơn chống thấm Nippon WP 200 Plus	kg	QCVN 16:2023 BXD	18kg	Công ty TNHH Nippon Paint (Việt Nam). Đc: số 14, đường 3A, KCN Biên Hoà II, P.Long Hưng, TP.Đồng Nai. Đt: 0251.383.6579 - 0915.736.945. Công văn đề nghị công bố giá số 03/2026/NPV ngày 01/07/2026	Việt Nam	Khối lượng cung cấp theo yêu cầu của bên mua, điều kiện giao hàng: thanh toán trước khi giao hàng	không có thông tin	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/07/2026 đến 31/12/2026	Giá bán tăng	250.000	250.000	250.000	250.000	250.000	250.000	250.000	250.000	250.000	250.000	250.000	250.000	250.000	250.000	250.000
615	Sơn	Bột trét ngoại thất cao cấp KOVA CITY	Bao	TCVN 7239:2014	Bao 40kg	Công ty TNHH Kova Nanopro. Đc: Nguyễn Hữu Cảnh, P.Thanh Mỹ Tây, TP.HCM - Đt: 0985595254. Công văn đề nghị công bố giá số CV-KOVA/0526-05 ngày 15/05/2026	Việt Nam	Bán lẻ	Giao tại chân công trình	Mức giá ngày 01/05/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	671.296	671.296	671.296	671.296	671.296	671.296	671.296	671.296	671.296	671.296	671.296	671.296	671.296	671.296	671.296
616	Sơn	Bột trét nội thất cao cấp KOVA CITY	Bao	TCVN 7239:2014	Bao 40kg	Công ty TNHH Kova Nanopro. Đc: Nguyễn Hữu Cảnh, P.Thanh Mỹ Tây, TP.HCM - Đt: 0985595254. Công văn đề nghị công bố giá số CV-KOVA/0526-05 ngày 15/05/2026	Việt Nam	Bán lẻ	Giao tại chân công trình	Mức giá ngày 01/05/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	507.407	507.407	507.407	507.407	507.407	507.407	507.407	507.407	507.407	507.407	507.407	507.407	507.407	507.407	507.407
617	Sơn	Bột trét nội thất KOVA DX	Bao	TCVN 7239:2014	Bao 40kg	Công ty TNHH Kova Nanopro. Đc: Nguyễn Hữu Cảnh, P.Thanh Mỹ Tây, TP.HCM - Đt: 0985595254. Công văn đề nghị công bố giá số CV-KOVA/0526-05 ngày 15/05/2026	Việt Nam	Bán lẻ	Giao tại chân công trình	Mức giá ngày 01/05/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	496.296	496.296	496.296	496.296	496.296	496.296	496.296	496.296	496.296	496.296	496.296	496.296	496.296	496.296	496.296
618	Sơn	Chất chống thấm cao cấp KOVA CT-11A Plus Sàn	Thùng	TCVN 12692:2020	Thùng 22kg	Công ty TNHH Kova Nanopro. Đc: Nguyễn Hữu Cảnh, P.Thanh Mỹ Tây, TP.HCM - Đt: 0985595254. Công văn đề nghị công bố giá số CV-KOVA/0526-05 ngày 15/05/2026	Việt Nam	Bán lẻ	Giao tại chân công trình	Mức giá ngày 01/05/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	3.842.593	3.842.593	3.842.593	3.842.593	3.842.593	3.842.593	3.842.593	3.842.593	3.842.593	3.842.593	3.842.593	3.842.593	3.842.593	3.842.593	3.842.593

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng) (đồng)														
												Khu vực Tân An	Khu vực Tân Trụ	Khu vực Châu Thành	Khu vực Thủ Thừa	Khu vực Bến Lức	Khu vực Cần Giuộc	Khu vực Cần Đước	Khu vực Tân Thạnh	Khu vực Thạnh Hóa	Khu vực Tân Hưng	Khu vực Vĩnh Hưng	Khu vực Kiến Tường	Khu vực Mộc Hóa	Khu vực Đức Hòa	Khu vực Đức Huệ
619	Sơn	Chất chống thấm cao cấp KOVA CT-11A Plus Tường	Thùng	TCVN 12692:2020	Thùng 22kg	Công ty TNHH Kova Nanopro. Đc: Nguyễn Hữu Cảnh, P.Thạnh Mỹ Tây, TP.HCM - Đt: 0985595254. Công văn đề nghị công bố giá số CV-KOVA/0526-05 ngày 15/05/2026	Việt Nam	Bán lẻ	Giao tại chân công trình	Mức giá ngày 01/05/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	3.655.556	3.655.556	3.655.556	3.655.556	3.655.556	3.655.556	3.655.556	3.655.556	3.655.556	3.655.556	3.655.556	3.655.556	3.655.556	3.655.556	3.655.556
620	Sơn	Chất chống thấm KOVA CT-11A PU Sân mái	Thùng	TCCS262:2024/ KOVANANOPRO	Thùng 22kg	Công ty TNHH Kova Nanopro. Đc: Nguyễn Hữu Cảnh, P.Thạnh Mỹ Tây, TP.HCM - Đt: 0985595254. Công văn đề nghị công bố giá số CV-KOVA/0526-05 ngày 15/05/2026	Việt Nam	Bán lẻ	Giao tại chân công trình	Mức giá ngày 01/05/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	4.250.000	4.250.000	4.250.000	4.250.000	4.250.000	4.250.000	4.250.000	4.250.000	4.250.000	4.250.000	4.250.000	4.250.000	4.250.000	4.250.000	4.250.000
621	Sơn	Chất chống thấm màu KOVA CT-11A Color	Thùng	TCVN 8652:2020 QCVN 16:2023/BXD QCVN 08:2020/BCT	Thùng 22kg	Công ty TNHH Kova Nanopro. Đc: Nguyễn Hữu Cảnh, P.Thạnh Mỹ Tây, TP.HCM - Đt: 0985595254. Công văn đề nghị công bố giá số CV-KOVA/0526-05 ngày 15/05/2026	Việt Nam	Bán lẻ	Giao tại chân công trình	Mức giá ngày 01/05/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	5.185.185	5.185.185	5.185.185	5.185.185	5.185.185	5.185.185	5.185.185	5.185.185	5.185.185	5.185.185	5.185.185	5.185.185	5.185.185	5.185.185	5.185.185
622	Sơn	Chất phụ gia chống thấm KOVA CT11B	Thùng	TCCS 15:2018/ KOVANANOPRO	Thùng 4kg	Công ty TNHH Kova Nanopro. Đc: Nguyễn Hữu Cảnh, P.Thạnh Mỹ Tây, TP.HCM - Đt: 0985595254. Công văn đề nghị công bố giá số CV-KOVA/0526-05 ngày 15/05/2026	Việt Nam	Bán lẻ	Giao tại chân công trình	Mức giá ngày 01/05/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	678.704	678.704	678.704	678.704	678.704	678.704	678.704	678.704	678.704	678.704	678.704	678.704	678.704	678.704	678.704
623	Sơn	Mastic dẻo KOVA Đa năng	Thùng	TCCS204:2023/ KOVANANOPRO	Thùng 25kg	Công ty TNHH Kova Nanopro. Đc: Nguyễn Hữu Cảnh, P.Thạnh Mỹ Tây, TP.HCM - Đt: 0985595254. Công văn đề nghị công bố giá số CV-KOVA/0526-05 ngày 15/05/2026	Việt Nam	Bán lẻ	Giao tại chân công trình	Mức giá ngày 01/05/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	1.144.444	1.144.444	1.144.444	1.144.444	1.144.444	1.144.444	1.144.444	1.144.444	1.144.444	1.144.444	1.144.444	1.144.444	1.144.444	1.144.444	1.144.444
624	Sơn	Mastic Epoxy KOVA KL-5 sàn	Bộ	TCCS75:2018/ KOVANANOPRO	Bộ 5kg	Công ty TNHH Kova Nanopro. Đc: Nguyễn Hữu Cảnh, P.Thạnh Mỹ Tây, TP.HCM - Đt: 0985595254. Công văn đề nghị công bố giá số CV-KOVA/0526-05 ngày 15/05/2026	Việt Nam	Bán lẻ	Giao tại chân công trình	Mức giá ngày 01/05/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	867.593	867.593	867.593	867.593	867.593	867.593	867.593	867.593	867.593	867.593	867.593	867.593	867.593	867.593	867.593
625	Sơn	Mastic chịu ẩm KOVA SK-6	Bộ	TCCS86:2018/ KOVANANOPRO	Bộ 10kg	Công ty TNHH Kova Nanopro. Đc: Nguyễn Hữu Cảnh, P.Thạnh Mỹ Tây, TP.HCM - Đt: 0985595254. Công văn đề nghị công bố giá số CV-KOVA/0526-05 ngày 15/05/2026	Việt Nam	Bán lẻ	Giao tại chân công trình	Mức giá ngày 01/05/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	990.741	990.741	990.741	990.741	990.741	990.741	990.741	990.741	990.741	990.741	990.741	990.741	990.741	990.741	990.741
626	Sơn	Keo KOVA Clear Nano	Lon	TCCS221:2024/ KOVANANOPRO	Lon 1L	Công ty TNHH Kova Nanopro. Đc: Nguyễn Hữu Cảnh, P.Thạnh Mỹ Tây, TP.HCM - Đt: 0985595254. Công văn đề nghị công bố giá số CV-KOVA/0526-05 ngày 15/05/2026	Việt Nam	Bán lẻ	Giao tại chân công trình	Mức giá ngày 01/05/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	350.000	350.000	350.000	350.000	350.000	350.000	350.000	350.000	350.000	350.000	350.000	350.000	350.000	350.000	350.000
627	Sơn	Keo KOVA Clear	Thùng	TCCS203:2023/ KOVANANOPRO	Thùng 5L	Công ty TNHH Kova Nanopro. Đc: Nguyễn Hữu Cảnh, P.Thạnh Mỹ Tây, TP.HCM - Đt: 0985595254. Công văn đề nghị công bố giá số CV-KOVA/0526-05 ngày 15/05/2026	Việt Nam	Bán lẻ	Giao tại chân công trình	Mức giá ngày 01/05/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	1.458.333	1.458.333	1.458.333	1.458.333	1.458.333	1.458.333	1.458.333	1.458.333	1.458.333	1.458.333	1.458.333	1.458.333	1.458.333	1.458.333	1.458.333
628	Sơn	Sơn công nghiệp EPOXY KOVA KL-5Tường	Bộ	QCVN 08:2020/BCT TCCS72:2018/ KOVANANOPRO	Bộ 5kg	Công ty TNHH Kova Nanopro. Đc: Nguyễn Hữu Cảnh, P.Thạnh Mỹ Tây, TP.HCM - Đt: 0985595254. Công văn đề nghị công bố giá số CV-KOVA/0526-05 ngày 15/05/2026	Việt Nam	Bán lẻ	Giao tại chân công trình	Mức giá ngày 01/05/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	2.085.185	2.085.185	2.085.185	2.085.185	2.085.185	2.085.185	2.085.185	2.085.185	2.085.185	2.085.185	2.085.185	2.085.185	2.085.185	2.085.185	2.085.185
629	Sơn	Sơn công nghiệp EPOXY KOVA KL-5Tường kháng khuẩn	Bộ	QCVN 08:2020/BCT TCCS74:2018/ KOVANANOPRO	Bộ 5kg	Công ty TNHH Kova Nanopro. Đc: Nguyễn Hữu Cảnh, P.Thạnh Mỹ Tây, TP.HCM - Đt: 0985595254. Công văn đề nghị công bố giá số CV-KOVA/0526-05 ngày 15/05/2026	Việt Nam	Bán lẻ	Giao tại chân công trình	Mức giá ngày 01/05/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	2.375.000	2.375.000	2.375.000	2.375.000	2.375.000	2.375.000	2.375.000	2.375.000	2.375.000	2.375.000	2.375.000	2.375.000	2.375.000	2.375.000	2.375.000
630	Sơn	Sơn công nghiệp EPOXY KOVA KL-5 sàn	Bộ	QCVN 08:2020/BCT TCCS71:2018/ KOVANANOPRO	Bộ 5kg	Công ty TNHH Kova Nanopro. Đc: Nguyễn Hữu Cảnh, P.Thạnh Mỹ Tây, TP.HCM - Đt: 0985595254. Công văn đề nghị công bố giá số CV-KOVA/0526-05 ngày 15/05/2026	Việt Nam	Bán lẻ	Giao tại chân công trình	Mức giá ngày 01/05/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	2.085.185	2.085.185	2.085.185	2.085.185	2.085.185	2.085.185	2.085.185	2.085.185	2.085.185	2.085.185	2.085.185	2.085.185	2.085.185	2.085.185	2.085.185
631	Sơn	Sơn công nghiệp EPOXY KOVA KL-5 sàn kháng khuẩn	Bộ	QCVN 08:2020/BCT TCCS73:2018/ KOVANANOPRO	Bộ 5kg	Công ty TNHH Kova Nanopro. Đc: Nguyễn Hữu Cảnh, P.Thạnh Mỹ Tây, TP.HCM - Đt: 0985595254. Công văn đề nghị công bố giá số CV-KOVA/0526-05 ngày 15/05/2026	Việt Nam	Bán lẻ	Giao tại chân công trình	Mức giá ngày 01/05/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	2.375.000	2.375.000	2.375.000	2.375.000	2.375.000	2.375.000	2.375.000	2.375.000	2.375.000	2.375.000	2.375.000	2.375.000	2.375.000	2.375.000	2.375.000
632	Sơn	Sơn lót epoxy Tự làm phẳng KOVA Self-levelling - Màu nhạt	Bộ	QCVN 08:2020/BCT TCCS106:2018/ KOVANANOPRO	Bộ 5kg	Công ty TNHH Kova Nanopro. Đc: Nguyễn Hữu Cảnh, P.Thạnh Mỹ Tây, TP.HCM - Đt: 0985595254. Công văn đề nghị công bố giá số CV-KOVA/0526-05 ngày 15/05/2026	Việt Nam	Bán lẻ	Giao tại chân công trình	Mức giá ngày 01/05/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	1.198.148	1.198.148	1.198.148	1.198.148	1.198.148	1.198.148	1.198.148	1.198.148	1.198.148	1.198.148	1.198.148	1.198.148	1.198.148	1.198.148	1.198.148
633	Sơn	Sơn ngoại thất cao cấp KOVA CT-04 Chống Nóng	Thùng	TCVN 8652:2020 QCVN 16:2023/BXD QCVN 08:2020/BCT	Thùng 18 lít	Công ty TNHH Kova Nanopro. Đc: Nguyễn Hữu Cảnh, P.Thạnh Mỹ Tây, TP.HCM - Đt: 0985595254. Công văn đề nghị công bố giá số CV-KOVA/0526-05 ngày 15/05/2026	Việt Nam	Bán lẻ	Giao tại chân công trình	Mức giá ngày 01/05/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	7.770.370	7.770.370	7.770.370	7.770.370	7.770.370	7.770.370	7.770.370	7.770.370	7.770.370	7.770.370	7.770.370	7.770.370	7.770.370	7.770.370	7.770.370
634	Sơn	sơn chống gỉ hệ nước KOVA KG-01	Thùng	QCVN 08:2020/BCT TCCS79:2018/ KOVANANOPRO	Thùng 5kg	Công ty TNHH Kova Nanopro. Đc: Nguyễn Hữu Cảnh, P.Thạnh Mỹ Tây, TP.HCM - Đt: 0985595254. Công văn đề nghị công bố giá số CV-KOVA/0526-05 ngày 15/05/2026	Việt Nam	Bán lẻ	Giao tại chân công trình	Mức giá ngày 01/05/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	1.770.370	1.770.370	1.770.370	1.770.370	1.770.370	1.770.370	1.770.370	1.770.370	1.770.370	1.770.370	1.770.370	1.770.370	1.770.370	1.770.370	1.770.370
635	Sơn	Sơn Đá Nghệ Thuật KOVA Art stone	Thùng	QCVN 08:2020/BCT TCCS65:2018/ KOVANANOPRO	Thùng 20kg	Công ty TNHH Kova Nanopro. Đc: Nguyễn Hữu Cảnh, P.Thạnh Mỹ Tây, TP.HCM - Đt: 0985595254. Công văn đề nghị công bố giá số CV-KOVA/0526-05 ngày 15/05/2026	Việt Nam	Bán lẻ	Giao tại chân công trình	Mức giá ngày 01/05/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	5.018.519	5.018.519	5.018.519	5.018.519	5.018.519	5.018.519	5.018.519	5.018.519	5.018.519	5.018.519	5.018.519	5.018.519	5.018.519	5.018.519	5.018.519
636	Sơn	Sơn lót ngoại thất kháng kiềm KOVA K-207	Thùng	TCVN 8652:2020 QCVN 16:2023/BXD QCVN 08:2020/BCT	Thùng 16 lít	Công ty TNHH Kova Nanopro. Đc: Nguyễn Hữu Cảnh, P.Thạnh Mỹ Tây, TP.HCM - Đt: 0985595254. Công văn đề nghị công bố giá số CV-KOVA/0526-05 ngày 15/05/2026	Việt Nam	Bán lẻ	Giao tại chân công trình	Mức giá ngày 01/05/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	3.043.519	3.043.519	3.043.519	3.043.519	3.043.519	3.043.519	3.043.519	3.043.519	3.043.519	3.043.519	3.043.519	3.043.519	3.043.519	3.043.519	3.043.519
637	Sơn	Sơn lót ngoại thất kháng kiềm KOVA K-209	Thùng	TCVN 8652:2020 QCVN 16:2023/BXD QCVN 08:2020/BCT	Thùng 16 lít	Công ty TNHH Kova Nanopro. Đc: Nguyễn Hữu Cảnh, P.Thạnh Mỹ Tây, TP.HCM - Đt: 0985595254. Công văn đề nghị công bố giá số CV-KOVA/0526-05 ngày 15/05/2026	Việt Nam	Bán lẻ	Giao tại chân công trình	Mức giá ngày 01/05/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	3.937.963	3.937.963	3.937.963	3.937.963	3.937.963	3.937.963	3.937.963	3.937.963	3.937.963	3.937.963	3.937.963	3.937.963	3.937.963	3.937.963	3.937.963
638	Sơn	Sơn lót nội thất kháng kiềm KOVA K-109	Thùng	TCVN 8652:2020 QCVN 16:2023/BXD QCVN 08:2020/BCT	Thùng 16 lít	Công ty TNHH Kova Nanopro. Đc: Nguyễn Hữu Cảnh, P.Thạnh Mỹ Tây, TP.HCM - Đt: 0985595254. Công văn đề nghị công bố giá số CV-KOVA/0526-05 ngày 15/05/2026	Việt Nam	Bán lẻ	Giao tại chân công trình	Mức giá ngày 01/05/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	2.110.185	2.110.185	2.110.185	2.110.185	2.110.185	2.110.185	2.110.185	2.110.185	2.110.185	2.110.185	2.110.185	2.110.185	2.110.185	2.110.185	2.110.185
639	Sơn	Sơn ngoại thất cao cấp KOVA CT-04 Bền Màu	Thùng	TCVN 8652:2020 QCVN 16.-2023/BXD QCVN 08:2020/BCT	Thùng 18 lít	Công ty TNHH Kova Nanopro. Đc: Nguyễn Hữu Cảnh, P.Thạnh Mỹ Tây, TP.HCM - Đt: 0985595254. Công văn đề nghị công bố giá số CV-KOVA/0526-05 ngày 15/05/2026	Việt Nam	Bán lẻ	Giao tại chân công trình	Mức giá ngày 01/05/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	8.724.074	8.724.074	8.724.074	8.724.074	8.724.074	8.724.074	8.724.074	8.724.074	8.724.074	8.724.074	8.724.074	8.724.074	8.724.074	8.724.074	8.724.074
640	Sơn	Sơn ngoại thất cao cấp KOVA CT-04 Chống Thấm	Thùng	TCVN 8652:2020 QCVN 16:2023/BXD QCVN 08:2020/BCT	Thùng 18 lít	Công ty TNHH Kova Nanopro. Đc: Nguyễn Hữu Cảnh, P.Thạnh Mỹ Tây, TP.HCM - Đt: 0985595254. Công văn đề nghị công bố giá số CV-KOVA/0526-05 ngày 15/05/2026	Việt Nam	Bán lẻ	Giao tại chân công trình	Mức giá ngày 01/05/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	7.138.889	7.138.889	7.138.889	7.138.889	7.138.889	7.138.889	7.138.889	7.138.889	7.138.889	7.138.889	7.138.889	7.138.889	7.138.889	7.138.889	7.138.889
641	Sơn	Sơn ngoại thất cao cấp KOVA K-5501 Plus	Thùng	TCVN 8652:2020 QCVN 16:2023/BXD QCVN 08:2020/BCT	Thùng 16 lít	Công ty TNHH Kova Nanopro. Đc: Nguyễn Hữu Cảnh, P.Thạnh Mỹ Tây, TP.HCM - Đt: 0985595254. Công văn đề nghị công bố giá số CV-KOVA/0526-05 ngày 15/05/2026	Việt Nam	Bán lẻ	Giao tại chân công trình	Mức giá ngày 01/05/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	5.118.519	5.118.519	5.118.519	5.118.519	5.118.519	5.118.519	5.118.519	5.118.519	5.118.519	5.118.519	5.118.519	5.118.519	5.118.519	5.118.519	5.118.519
642	Sơn	Sơn ngoại thất KOVA K-261 Plus	Thùng	TCVN 8652:2020 QCVN 16:2023/BXD QCVN 08:2020/BCT	Thùng 16 lít	Công ty TNHH Kova Nanopro. Đc: Nguyễn Hữu Cảnh, P.Thạnh Mỹ Tây, TP.HCM - Đt: 0985595254. Công văn đề nghị công bố giá số CV-KOVA/0526-05 ngày 15/05/2026	Việt Nam	Bán lẻ	Giao tại chân công trình	Mức giá ngày 01/05/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	3.550.000	3.550.000	3.550.000	3.550.000	3.550.000	3.550.000	3.550.000	3.550.000	3.550.000	3.550.000	3.550.000	3.550.000	3.550.000	3.550.000	3.550.000

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng) (đồng)														
												Khu vực Tân An	Khu vực Tân Trụ	Khu vực Châu Thành	Khu vực Thủ Thừa	Khu vực Bến Lức	Khu vực Cần Giuộc	Khu vực Cần Đước	Khu vực Tân Thạnh	Khu vực Thạnh Hóa	Khu vực Tân Hưng	Khu vực Vĩnh Hưng	Khu vực Kiến Tường	Khu vực Mộc Hóa	Khu vực Đức Hòa	Khu vực Đức Huệ
643	Sơn	Sơn ngoại thất KOVA K-265 Plus	Thùng	TCVN 8652:2020 QCVN 16:2023/BXD QCVN 08:2020/BCT	Thùng 16 lít	Công ty TNHH Kova Nanopro. Đc: Nguyễn Hữu Cảnh, P.Thạnh Mỹ Tây, TP.HCM - Đt: 0985595254. Công văn đề nghị công bố giá số CV-KOVA/0526-05 ngày 15/05/2026	Việt Nam	Bán lẻ	Giao tại chân công trình	Mức giá ngày 01/05/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	3.112.037	3.112.037	3.112.037	3.112.037	3.112.037	3.112.037	3.112.037	3.112.037	3.112.037	3.112.037	3.112.037	3.112.037	3.112.037	3.112.037	3.112.037
644	Sơn	Sơn nghệ thuật KOVA Art Metallic	Lon	TCVN 8652:2020 QCVN 16:2023/BXD QCVN 08:2020/BCT	Lon 1kg	Công ty TNHH Kova Nanopro. Đc: Nguyễn Hữu Cảnh, P.Thạnh Mỹ Tây, TP.HCM - Đt: 0985595254. Công văn đề nghị công bố giá số CV-KOVA/0526-05 ngày 15/05/2026	Việt Nam	Bán lẻ	Giao tại chân công trình	Mức giá ngày 01/05/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	600.000	600.000	600.000	600.000	600.000	600.000	600.000	600.000	600.000	600.000	600.000	600.000	600.000	600.000	600.000
645	Sơn	Sơn nội thất cao cấp KOVA K-5500 Plus	Thùng	TCVN 8652:2020 QCVN 16:2023/BXD QCVN 08:2020/BCT	Thùng 16 lít	Công ty TNHH Kova Nanopro. Đc: Nguyễn Hữu Cảnh, P.Thạnh Mỹ Tây, TP.HCM - Đt: 0985595254. Công văn đề nghị công bố giá số CV-KOVA/0526-05 ngày 15/05/2026	Việt Nam	Bán lẻ	Giao tại chân công trình	Mức giá ngày 01/05/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	4.782.407	4.782.407	4.782.407	4.782.407	4.782.407	4.782.407	4.782.407	4.782.407	4.782.407	4.782.407	4.782.407	4.782.407	4.782.407	4.782.407	4.782.407
646	Sơn	sơn nội thất cao cấp KOVA K-871 Plus	Thùng	TCVN 8652:2020 QCVN 16:2023/BXD QCVN 08:2020/BCT	Thùng 16 lít	Công ty TNHH Kova Nanopro. Đc: Nguyễn Hữu Cảnh, P.Thạnh Mỹ Tây, TP.HCM - Đt: 0985595254. Công văn đề nghị công bố giá số CV-KOVA/0526-05 ngày 15/05/2026	Việt Nam	Bán lẻ	Giao tại chân công trình	Mức giá ngày 01/05/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	5.060.185	5.060.185	5.060.185	5.060.185	5.060.185	5.060.185	5.060.185	5.060.185	5.060.185	5.060.185	5.060.185	5.060.185	5.060.185	5.060.185	5.060.185
647	Sơn	Sơn nội thất KOVA FIT	Thùng	TCVN 8652:2020 QCVN 16:2023/BXD QCVN 08:2020/BCT	Thùng 16 lít	Công ty TNHH Kova Nanopro. Đc: Nguyễn Hữu Cảnh, P.Thạnh Mỹ Tây, TP.HCM - Đt: 0985595254. Công văn đề nghị công bố giá số CV-KOVA/0526-05 ngày 15/05/2026	Việt Nam	Bán lẻ	Giao tại chân công trình	Mức giá ngày 01/05/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	1.171.296	1.171.296	1.171.296	1.171.296	1.171.296	1.171.296	1.171.296	1.171.296	1.171.296	1.171.296	1.171.296	1.171.296	1.171.296	1.171.296	1.171.296
648	Sơn	Sơn nội thất KOVA Fix Up	Thùng	TCVN 8652:2020 QCVN 16:2023/BXD QCVN 08.-2020/BCT	Thùng 16 lít	Công ty TNHH Kova Nanopro. Đc: Nguyễn Hữu Cảnh, P.Thạnh Mỹ Tây, TP.HCM - Đt: 0985595254. Công văn đề nghị công bố giá số CV-KOVA/0526-05 ngày 15/05/2026	Việt Nam	Bán lẻ	Giao tại chân công trình	Mức giá ngày 01/05/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	2.001.852	2.001.852	2.001.852	2.001.852	2.001.852	2.001.852	2.001.852	2.001.852	2.001.852	2.001.852	2.001.852	2.001.852	2.001.852	2.001.852	2.001.852
649	Sơn	Sơn nội thất KOVA K-203 Plus	Thùng	TCVN 8652:2020 QCVN 16:2023/BXD QCVN 08:2020/BCT	Thùng 16 lít	Công ty TNHH Kova Nanopro. Đc: Nguyễn Hữu Cảnh, P.Thạnh Mỹ Tây, TP.HCM - Đt: 0985595254. Công văn đề nghị công bố giá số CV-KOVA/0526-05 ngày 15/05/2026	Việt Nam	Bán lẻ	Giao tại chân công trình	Mức giá ngày 01/05/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	1.981.481	1.981.481	1.981.481	1.981.481	1.981.481	1.981.481	1.981.481	1.981.481	1.981.481	1.981.481	1.981.481	1.981.481	1.981.481	1.981.481	1.981.481
650	Sơn	Sơn nội thất KOVA K-260 Plus	Thùng	TCVN 8652:2020 QCVN 16:2023/BXD QCVN 08:2020/BCT	Thùng 16 lít	Công ty TNHH Kova Nanopro. Đc: Nguyễn Hữu Cảnh, P.Thạnh Mỹ Tây, TP.HCM - Đt: 0985595254. Công văn đề nghị công bố giá số CV-KOVA/0526-05 ngày 15/05/2026	Việt Nam	Bán lẻ	Giao tại chân công trình	Mức giá ngày 01/05/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	2.821.296	2.821.296	2.821.296	2.821.296	2.821.296	2.821.296	2.821.296	2.821.296	2.821.296	2.821.296	2.821.296	2.821.296	2.821.296	2.821.296	2.821.296
651	Sơn	Sơn nội thất KOVA VISTA++	Thùng	TCVN 8652:2020 QCVN 16:2023/BXD QCVN 08:2020/BCT	Thùng 16 lít	Công ty TNHH Kova Nanopro. Đc: Nguyễn Hữu Cảnh, P.Thạnh Mỹ Tây, TP.HCM - Đt: 0985595254. Công văn đề nghị công bố giá số CV-KOVA/0526-05 ngày 15/05/2026	Việt Nam	Bán lẻ	Giao tại chân công trình	Mức giá ngày 01/05/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	1.533.333	1.533.333	1.533.333	1.533.333	1.533.333	1.533.333	1.533.333	1.533.333	1.533.333	1.533.333	1.533.333	1.533.333	1.533.333	1.533.333	1.533.333
652	Sơn	Sơn ngoại thất cao cấp KOVA CÌ-04 Che Lấp vết Nứt	Thùng	TCVN 8652:2020 QCVN 16:2023/BXD QCVN 08:2020/BCT	Thùng 4.5 lít	Công ty TNHH Kova Nanopro. Đc: Nguyễn Hữu Cảnh, P.Thạnh Mỹ Tây, TP.HCM - Đt: 0985595254. Công văn đề nghị công bố giá số CV-KOVA/0526-05 ngày 15/05/2026	Việt Nam	Bán lẻ	Giao tại chân công trình	Mức giá ngày 01/05/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	2.387.963	2.387.963	2.387.963	2.387.963	2.387.963	2.387.963	2.387.963	2.387.963	2.387.963	2.387.963	2.387.963	2.387.963	2.387.963	2.387.963	2.387.963
653	Sơn	Sơn ngoại thất cao cấp KOVA CT-04 Tự Làm Sạch	Thùng	TCVN 8652:2020 QCVN 16:2023/BXD QCVN 08:2020/BCT	Thùng 4.5 lít	Công ty TNHH Kova Nanopro. Đc: Nguyễn Hữu Cảnh, P.Thạnh Mỹ Tây, TP.HCM - Đt: 0985595254. Công văn đề nghị công bố giá số CV-KOVA/0526-05 ngày 15/05/2026	Việt Nam	Bán lẻ	Giao tại chân công trình	Mức giá ngày 01/05/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	2.819.444	2.819.444	2.819.444	2.819.444	2.819.444	2.819.444	2.819.444	2.819.444	2.819.444	2.819.444	2.819.444	2.819.444	2.819.444	2.819.444	2.819.444
654	Sơn	sơn nội thất cao cấp KOVA Home Love	Thùng	TCVN 8652:2020 QCVN 16:2023/BXD QCVN 08:2020/BCT	Thùng 16 lít	Công ty TNHH Kova Nanopro. Đc: Nguyễn Hữu Cảnh, P.Thạnh Mỹ Tây, TP.HCM - Đt: 0985595254. Công văn đề nghị công bố giá số CV-KOVA/0526-05 ngày 15/05/2026	Việt Nam	Bán lẻ	Giao tại chân công trình	Mức giá ngày 01/05/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	5.287.037	5.287.037	5.287.037	5.287.037	5.287.037	5.287.037	5.287.037	5.287.037	5.287.037	5.287.037	5.287.037	5.287.037	5.287.037	5.287.037	5.287.037
655	Sơn	Sơn nội thất KOVA Effective 2in1	Thùng	TCVN 8652:2020 QCVN 16:2023/BXD QCVN 08:2020/BCT	Thùng 16 lít	Công ty TNHH Kova Nanopro. Đc: Nguyễn Hữu Cảnh, P.Thạnh Mỹ Tây, TP.HCM - Đt: 0985595254. Công văn đề nghị công bố giá số CV-KOVA/0526-05 ngày 15/05/2026	Việt Nam	Bán lẻ	Giao tại chân công trình	Mức giá ngày 01/05/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	3.273.148	3.273.148	3.273.148	3.273.148	3.273.148	3.273.148	3.273.148	3.273.148	3.273.148	3.273.148	3.273.148	3.273.148	3.273.148	3.273.148	3.273.148
656	Sơn	Sơn nội thất KOVA Effective Siêu Dậm Phủ	Thùng	TCVN 8652:2020 QCVN 16:2023/BXD QCVN 08:2020/BCT	Thùng 16 lít	Công ty TNHH Kova Nanopro. Đc: Nguyễn Hữu Cảnh, P.Thạnh Mỹ Tây, TP.HCM - Đt: 0985595254. Công văn đề nghị công bố giá số CV-KOVA/0526-05 ngày 15/05/2026	Việt Nam	Bán lẻ	Giao tại chân công trình	Mức giá ngày 01/05/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	2.245.370	2.245.370	2.245.370	2.245.370	2.245.370	2.245.370	2.245.370	2.245.370	2.245.370	2.245.370	2.245.370	2.245.370	2.245.370	2.245.370	2.245.370
657	Sơn	Sơn nội thất KOVA Effective Mịn Màng	Thùng	TCVN 8652:2020 QCVN 16:2023/BXD QCVN 08:2020/BCT	Thùng 16 lít	Công ty TNHH Kova Nanopro. Đc: Nguyễn Hữu Cảnh, P.Thạnh Mỹ Tây, TP.HCM - Đt: 0985595254. Công văn đề nghị công bố giá số CV-KOVA/0526-05 ngày 15/05/2026	Việt Nam	Bán lẻ	Giao tại chân công trình	Mức giá ngày 01/05/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	1.917.593	1.917.593	1.917.593	1.917.593	1.917.593	1.917.593	1.917.593	1.917.593	1.917.593	1.917.593	1.917.593	1.917.593	1.917.593	1.917.593	1.917.593
658	Sơn	Sơn nội thất KOVA Effective Tiện Lợi	Thùng	TCVN 8652:2020 QCVN 16:2023/BXD QCVN 08:2020/BCT	Thùng 16 lít	Công ty TNHH Kova Nanopro. Đc: Nguyễn Hữu Cảnh, P.Thạnh Mỹ Tây, TP.HCM - Đt: 0985595254. Công văn đề nghị công bố giá số CV-KOVA/0526-05 ngày 15/05/2026	Việt Nam	Bán lẻ	Giao tại chân công trình	Mức giá ngày 01/05/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	1.459.259	1.459.259	1.459.259	1.459.259	1.459.259	1.459.259	1.459.259	1.459.259	1.459.259	1.459.259	1.459.259	1.459.259	1.459.259	1.459.259	1.459.259
659	Sơn	Sơn lót nội thất kháng kiềm KOVA Effective Ultra	Thùng	TCVN 8652:2020 QCVN 16:2023/BXD QCVN 08:2020/BCT	Thùng 16 lít	Công ty TNHH Kova Nanopro. Đc: Nguyễn Hữu Cảnh, P.Thạnh Mỹ Tây, TP.HCM - Đt: 0985595254. Công văn đề nghị công bố giá số CV-KOVA/0526-05 ngày 15/05/2026	Việt Nam	Bán lẻ	Giao tại chân công trình	Mức giá ngày 01/05/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	2.800.926	2.800.926	2.800.926	2.800.926	2.800.926	2.800.926	2.800.926	2.800.926	2.800.926	2.800.926	2.800.926	2.800.926	2.800.926	2.800.926	2.800.926
660	Sơn	Sơn ngoại thất cao cấp KOVA Home Safe	Thùng	TCVN 8652:2020 QCVN 16:2023/BXD QCVN 08:2020/BCT	Thùng 16 lít	Công ty TNHH Kova Nanopro. Đc: Nguyễn Hữu Cảnh, P.Thạnh Mỹ Tây, TP.HCM - Đt: 0985595254. Công văn đề nghị công bố giá số CV-KOVA/0526-05 ngày 15/05/2026	Việt Nam	Bán lẻ	Giao tại chân công trình	Mức giá ngày 01/05/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	5.211.111	5.211.111	5.211.111	5.211.111	5.211.111	5.211.111	5.211.111	5.211.111	5.211.111	5.211.111	5.211.111	5.211.111	5.211.111	5.211.111	5.211.111
661	Sơn	Sơn ngoại thất KOVA Effective Màu Lâu Phai	Thùng	TCVN 8652:2020 QCVN 16:2023/BXD QCVN 08:2020/BCT	Thùng 16 lít	Công ty TNHH Kova Nanopro. Đc: Nguyễn Hữu Cảnh, P.Thạnh Mỹ Tây, TP.HCM - Đt: 0985595254. Công văn đề nghị công bố giá số CV-KOVA/0526-05 ngày 15/05/2026	Việt Nam	Bán lẻ	Giao tại chân công trình	Mức giá ngày 01/05/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	4.182.407	4.182.407	4.182.407	4.182.407	4.182.407	4.182.407	4.182.407	4.182.407	4.182.407	4.182.407	4.182.407	4.182.407	4.182.407	4.182.407	4.182.407
662	Sơn	Sơn ngoại thất KOVA Effective Chuyên dụng	Thùng	TCVN 8652:2020 QCVN 16:2023/BXD QCVN 08:2020/BCT	Thùng 16 lít	Công ty TNHH Kova Nanopro. Đc: Nguyễn Hữu Cảnh, P.Thạnh Mỹ Tây, TP.HCM - Đt: 0985595254. Công văn đề nghị công bố giá số CV-KOVA/0526-05 ngày 15/05/2026	Việt Nam	Bán lẻ	Giao tại chân công trình	Mức giá ngày 01/05/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	3.362.037	3.362.037	3.362.037	3.362.037	3.362.037	3.362.037	3.362.037	3.362.037	3.362.037	3.362.037	3.362.037	3.362.037	3.362.037	3.362.037	3.362.037

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng) (đồng)														
												Khu vực Tân An	Khu vực Tân Trụ	Khu vực Châu Thành	Khu vực Thủ Thừa	Khu vực Bến Lức	Khu vực Cần Giuộc	Khu vực Cần Đước	Khu vực Tân Thạnh	Khu vực Thạnh Hóa	Khu vực Tân Hưng	Khu vực Vĩnh Hưng	Khu vực Kiến Tường	Khu vực Mộc Hóa	Khu vực Đức Hòa	Khu vực Đức Huệ
663	Sơn	Sơn lót ngoại thất kháng kiềm KOVA Effective	Thùng	TCVN 8652:2020 QCVN 16:2023/BXD QCVN 08:2020/BCT	Thùng 16 lít	Công ty TNHH Kova Nanopro. Đc: Nguyễn Hữu Cảnh, P.Thanh Mỹ Tây, TP.HCM - Đt: 0985595254. Công văn đề nghị công bố giá số CV-KOVA/0526-05 ngày 15/05/2026	Việt Nam	Bán lẻ	Giao tại chân công trình	Mức giá ngày 01/05/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	3.339.815	3.339.815	3.339.815	3.339.815	3.339.815	3.339.815	3.339.815	3.339.815	3.339.815	3.339.815	3.339.815	3.339.815	3.339.815	3.339.815	3.339.815
664	Sơn	Sơn lót ngoại thất kháng kiềm KOVA Effective Ultra	Thùng	TCVN 8652:2020 QCVN 16:2023/BXD QCVN 08:2020/BCT	Thùng 16 lít	Công ty TNHH Kova Nanopro. Đc: Nguyễn Hữu Cảnh, P.Thanh Mỹ Tây, TP.HCM - Đt: 0985595254. Công văn đề nghị công bố giá số CV-KOVA/0526-05 ngày 15/05/2026	Việt Nam	Bán lẻ	Giao tại chân công trình	Mức giá ngày 01/05/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	4.498.148	4.498.148	4.498.148	4.498.148	4.498.148	4.498.148	4.498.148	4.498.148	4.498.148	4.498.148	4.498.148	4.498.148	4.498.148	4.498.148	4.498.148
665	Sơn	Sơn công nghiệp đa năng KOVA CT-08 (nhám) - Màu Catalouge	Thùng	QCVN 08:2020/BCT TCCS84:2018/KOVANANOPRO	Thùng 25kg	Công ty TNHH Kova Nanopro. Đc: Nguyễn Hữu Cảnh, P.Thanh Mỹ Tây, TP.HCM - Đt: 0985595254. Công văn đề nghị công bố giá số CV-KOVA/0526-05 ngày 15/05/2026	Việt Nam	Bán lẻ	Giao tại chân công trình	Mức giá ngày 01/05/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	7.380.556	7.380.556	7.380.556	7.380.556	7.380.556	7.380.556	7.380.556	7.380.556	7.380.556	7.380.556	7.380.556	7.380.556	7.380.556	7.380.556	7.380.556
666	Sơn	Sơn công nghiệp đa năng KOVA CT-08 (nhám) - Màu tùy chỉnh ngoài Catalouge	Thùng	QCVN 08:2020/BCT TCCS84:2018/KOVANANOPRO	Thùng 25kg	Công ty TNHH Kova Nanopro. Đc: Nguyễn Hữu Cảnh, P.Thanh Mỹ Tây, TP.HCM - Đt: 0985595254. Công văn đề nghị công bố giá số CV-KOVA/0526-05 ngày 15/05/2026	Việt Nam	Bán lẻ	Giao tại chân công trình	Mức giá ngày 01/05/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	8.680.556	8.680.556	8.680.556	8.680.556	8.680.556	8.680.556	8.680.556	8.680.556	8.680.556	8.680.556	8.680.556	8.680.556	8.680.556	8.680.556	8.680.556
667	Sơn	Sơn công nghiệp đa năng KOVA CT-08 (không nhám) - Màu Catalouge	Thùng	QCVN 08:2020/BCT TCCS84:2018/ KOVANANOPRO	Thùng25kg	Công ty TNHH Kova Nanopro. Đc: Nguyễn Hữu Cảnh, P.Thanh Mỹ Tây, TP.HCM - Đt: 0985595254. Công văn đề nghị công bố giá số CV-KOVA/0526-05 ngày 15/05/2026	Việt Nam	Bán lẻ	Giao tại chân công trình	Mức giá ngày 01/05/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	10.340.741	10.340.741	10.340.741	10.340.741	10.340.741	10.340.741	10.340.741	10.340.741	10.340.741	10.340.741	10.340.741	10.340.741	10.340.741	10.340.741	10.340.741
668	Sơn	Sơn công nghiệp đa năng KOVA CT-08 (không nhám) - Màu tùy chỉnh ngoài Catalouge	Thùng	QCVN 08:2020/BCT TCCS84:2018/ KOVANANOPRO	Thùng 25kg	Công ty TNHH Kova Nanopro. Đc: Nguyễn Hữu Cảnh, P.Thanh Mỹ Tây, TP.HCM - Đt: 0985595254. Công văn đề nghị công bố giá số CV-KOVA/0526-05 ngày 15/05/2026	Việt Nam	Bán lẻ	Giao tại chân công trình	Mức giá ngày 01/05/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	11.415.741	11.415.741	11.415.741	11.415.741	11.415.741	11.415.741	11.415.741	11.415.741	11.415.741	11.415.741	11.415.741	11.415.741	11.415.741	11.415.741	11.415.741
669	Sơn	Sơn giao thông hệ nước KOVA A9 - Trắng	Thùng	QCVN 08:2020/BCT TCCS80:2018/ KOVANANOPRO	Thùng 25kg	Công ty TNHH Kova Nanopro. Đc: Nguyễn Hữu Cảnh, P.Thanh Mỹ Tây, TP.HCM - Đt: 0985595254. Công văn đề nghị công bố giá số CV-KOVA/0526-05 ngày 15/05/2026	Việt Nam	Bán lẻ	Giao tại chân công trình	Mức giá ngày 01/05/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	6.060.185	6.060.185	6.060.185	6.060.185	6.060.185	6.060.185	6.060.185	6.060.185	6.060.185	6.060.185	6.060.185	6.060.185	6.060.185	6.060.185	6.060.185
670	Sơn	Sơn giao thông hệ nước KOVA A9 - Đen/Vàng/Đỏ	Thùng	QCVN 08:2020/BCT TCCS80:2018/ KOVANANOPRO	Thùng25kg	Công ty TNHH Kova Nanopro. Đc: Nguyễn Hữu Cảnh, P.Thanh Mỹ Tây, TP.HCM - Đt: 0985595254. Công văn đề nghị công bố giá số CV-KOVA/0526-05 ngày 15/05/2026	Việt Nam	Bán lẻ	Giao tại chân công trình	Mức giá ngày 01/05/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	7.316.667	7.316.667	7.316.667	7.316.667	7.316.667	7.316.667	7.316.667	7.316.667	7.316.667	7.316.667	7.316.667	7.316.667	7.316.667	7.316.667	7.316.667
671	Sơn	Sơn giao thông hệ nước KOVA A9 (có phản quang) - Trắng/Đen/Vàng/Đỏ	Thùng	QCVN 08:2020/BCT TCCS80:2018/ KOVANANOPRO	Thùng 20kg	Công ty TNHH Kova Nanopro. Đc: Nguyễn Hữu Cảnh, P.Thanh Mỹ Tây, TP.HCM - Đt: 0985595254. Công văn đề nghị công bố giá số CV-KOVA/0526-05 ngày 15/05/2026	Việt Nam	Bán lẻ	Giao tại chân công trình	Mức giá ngày 01/05/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	10.145.370	10.145.370	10.145.370	10.145.370	10.145.370	10.145.370	10.145.370	10.145.370	10.145.370	10.145.370	10.145.370	10.145.370	10.145.370	10.145.370	10.145.370
672	Sơn	Sơn giao thông hệ nước KOVA A10 (màu Đỏ; dùng để sơn bề mặt kết cấu BT, BTCT)	Thùng	TCVN 8652:2020 QCVN 08:2020/BCT	Thùng 25 kg	Công ty TNHH Kova Nanopro. Đc: Nguyễn Hữu Cảnh, P.Thanh Mỹ Tây, TP.HCM - Đt: 0985595254. Công văn đề nghị công bố giá số CV-KOVA/0526-05 ngày 15/05/2026	Việt Nam	Bán lẻ	Giao tại chân công trình	Mức giá ngày 01/05/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	3.270.313	3.270.313	3.270.313	3.270.313	3.270.313	3.270.313	3.270.313	3.270.313	3.270.313	3.270.313	3.270.313	3.270.313	3.270.313	3.270.313	3.270.313
673	Sơn	Sơn giao thông hệ nước KOVA A10 (màu Trắng; dùng để sơn bề mặt kết cấu BT, BTCT)	Thùng	TCVN 8652:2020 QCVN 08:2020/BCT	Thùng 25 kg	Công ty TNHH Kova Nanopro. Đc: Nguyễn Hữu Cảnh, P.Thanh Mỹ Tây, TP.HCM - Đt: 0985595254. Công văn đề nghị công bố giá số CV-KOVA/0526-05 ngày 15/05/2026	Việt Nam	Bán lẻ	Giao tại chân công trình	Mức giá ngày 01/05/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	2.482.813	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
674	Sơn	Sơn lót giao thông KOVA KL-M (dùng làm sơn lót cho sơn vạch kẻ đường)	Can	QCVN 08:2020/BCT TCCS83:2018/KOVANAN OPRO	Can 24 kg	Công ty TNHH Kova Nanopro. Đc: Nguyễn Hữu Cảnh, P.Thanh Mỹ Tây, TP.HCM - Đt: 0985595254. Công văn đề nghị công bố giá số CV-KOVA/0526-05 ngày 15/05/2026	Việt Nam	Bán lẻ	Giao tại chân công trình	Mức giá ngày 01/05/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	2.335.500	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
675	Sơn	Hạt phản quang	Bao	TCCS267:2025/KOVANA NOPRO	Bao 25 kg	Công ty TNHH Kova Nanopro. Đc: Nguyễn Hữu Cảnh, P.Thanh Mỹ Tây, TP.HCM - Đt: 0985595254. Công văn đề nghị công bố giá số CV-KOVA/0526-05 ngày 15/05/2026	Việt Nam	Bán lẻ	Giao tại chân công trình	Mức giá ngày 01/05/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	597.813	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
676	Sơn	Sơn giao thông KOVA Hotmelt Jis (màu Trắng; dùng để sơn vạch kẻ đường)	Bao	QCVN 08:2020/BCT TCCS82:2018/KOVANAN OPRO	Bao 25 kg	Công ty TNHH Kova Nanopro. Đc: Nguyễn Hữu Cảnh, P.Thanh Mỹ Tây, TP.HCM - Đt: 0985595254. Công văn đề nghị công bố giá số CV-KOVA/0526-05 ngày 15/05/2026	Việt Nam	Bán lẻ	Giao tại chân công trình	Mức giá ngày 01/05/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	607.813	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
677	Sơn	Sơn giao thông KOVA Hotmelt Jis (màu Vàng; dùng để sơn vạch kẻ đường)	Bao	QCVN 08:2020/BCT TCCS82:2018/KOVANAN OPRO	Bao 25 kg	Công ty TNHH Kova Nanopro. Đc: Nguyễn Hữu Cảnh, P.Thanh Mỹ Tây, TP.HCM - Đt: 0985595254. Công văn đề nghị công bố giá số CV-KOVA/0526-05 ngày 15/05/2026	Việt Nam	Bán lẻ	Giao tại chân công trình	Mức giá ngày 01/05/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	632.813	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
678	Sơn	Sơn giao thông KOVA Hotmelt TCVN (màu Trắng; dùng để sơn vạch kẻ đường)	Bao	QCVN 08:2020/BCT TCCS81:2018/KOVANAN OPRO	Bao 25 kg	Công ty TNHH Kova Nanopro. Đc: Nguyễn Hữu Cảnh, P.Thanh Mỹ Tây, TP.HCM - Đt: 0985595254. Công văn đề nghị công bố giá số CV-KOVA/0526-05 ngày 15/05/2026	Việt Nam	Bán lẻ	Giao tại chân công trình	Mức giá ngày 01/05/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	917.813	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
679	Sơn	Sơn giao thông KOVA Hotmelt TCVN (màu Vàng; dùng để sơn vạch kẻ đường)	Bao	QCVN 08:2020/BCT TCCS81:2018/KOVANAN OPRO	Bao 25 kg	Công ty TNHH Kova Nanopro. Đc: Nguyễn Hữu Cảnh, P.Thanh Mỹ Tây, TP.HCM - Đt: 0985595254. Công văn đề nghị công bố giá số CV-KOVA/0526-05 ngày 15/05/2026	Việt Nam	Bán lẻ	Giao tại chân công trình	Mức giá ngày 01/05/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	955.313	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
680	Sơn	Sơn giao thông KOVA Hotmelt AASHTO (màu Trắng; dùng để sơn vạch kẻ đường)	Bao	QCVN 08:2020/BCT TCCS103:2018/KOVANA NOPRO	Bao 25 kg	Công ty TNHH Kova Nanopro. Đc: Nguyễn Hữu Cảnh, P.Thanh Mỹ Tây, TP.HCM - Đt: 0985595254. Công văn đề nghị công bố giá số CV-KOVA/0526-05 ngày 15/05/2026	Việt Nam	Bán lẻ	Giao tại chân công trình	Mức giá ngày 01/05/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	1.107.813	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
681	Sơn	Sơn giao thông KOVA Hotmelt AASHTO (màu Vàng; dùng để sơn vạch kẻ đường)	Bao	QCVN 08:2020/BCT TCCS103:2018/KOVANA NOPRO	Bao 25 kg	Công ty TNHH Kova Nanopro. Đc: Nguyễn Hữu Cảnh, P.Thanh Mỹ Tây, TP.HCM - Đt: 0985595254. Công văn đề nghị công bố giá số CV-KOVA/0526-05 ngày 15/05/2026	Việt Nam	Bán lẻ	Giao tại chân công trình	Mức giá ngày 01/05/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	1.145.313	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
682	Sơn	Bột trét nội thất cao cấp	kg	QCVN 16:2023/BXD	40kg	Công ty TNHH XD Hợp Vĩnh Phát. Đc: Nguyễn Minh Trường, P3, TP.Tân An, Long An - 0723 663 399. (Công văn đề nghị công bố giá số 02 ngày 11/5/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giá đã bao gồm chi phí vận chuyển, bốc xếp đến các công trình xây dựng trong khu vực tỉnh Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ 11/05/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	8.636	8.636	8.636	8.636	8.636	8.636	8.636	8.636	8.636	8.636	8.636	8.636	8.636	8.636	8.636
683	Sơn	Sơn lót nội thất	lít	QCVN 16:2023/BXD	18L/5L	Công ty TNHH XD Hợp Vĩnh Phát. Đc: Nguyễn Minh Trường, P3, TP.Tân An, Long An - 0723 663 399. (Công văn đề nghị công bố giá số 02 ngày 11/5/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giá đã bao gồm chi phí vận chuyển, bốc xếp đến các công trình xây dựng trong khu vực tỉnh Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ 11/05/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	65.455	65.455	65.455	65.455	65.455	65.455	65.455	65.455	65.455	65.455	65.455	65.455	65.455	65.455	65.455
684	Sơn	Sơn nội thất kinh tế	lít	QCVN 16:2023/BXD	18L/5L	Công ty TNHH XD Hợp Vĩnh Phát. Đc: Nguyễn Minh Trường, P3, TP.Tân An, Long An - 0723 663 399. (Công văn đề nghị công bố giá số 02 ngày 11/5/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giá đã bao gồm chi phí vận chuyển, bốc xếp đến các công trình xây dựng trong khu vực tỉnh Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ 11/05/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	68.182	68.182	68.182	68.182	68.182	68.182	68.182	68.182	68.182	68.182	68.182	68.182	68.182	68.182	68.182
685	Sơn	Sơn nội thất dễ lau chùi	lít	QCVN 16:2023/BXD	18L/5L	Công ty TNHH XD Hợp Vĩnh Phát. Đc: Nguyễn Minh Trường, P3, TP.Tân An, Long An - 0723 663 399. (Công văn đề nghị công bố giá số 02 ngày 11/5/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giá đã bao gồm chi phí vận chuyển, bốc xếp đến các công trình xây dựng trong khu vực tỉnh Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ 11/05/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	166.364	166.364	166.364	166.364	166.364	166.364	166.364	166.364	166.364	166.364	166.364	166.364	166.364	166.364	166.364

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng) (đồng)														
												Khu vực Tân An	Khu vực Tân Trụ	Khu vực Châu Thành	Khu vực Thủ Thừa	Khu vực Bến Lức	Khu vực Cần Giuộc	Khu vực Cần Đước	Khu vực Tân Thạnh	Khu vực Thạnh Hóa	Khu vực Tân Hưng	Khu vực Vĩnh Hưng	Khu vực Kiến Tường	Khu vực Mộc Hóa	Khu vực Đức Hòa	Khu vực Đức Huệ
686	Sơn	Sơn nội thất để lau chùi - màu đặc biệt	lít	QCVN 16:2023/BXD	18L/5L	Công ty TNHH XD Hợp Vĩnh Phát. Đc: Nguyễn Minh Trường, P3, TP.Tân An, Long An - 0723 663 399. (Công văn đề nghị công bố giá số 02 ngày 11/5/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giá đã bao gồm chi phí vận chuyển, bốc xếp đến các công trình xây dựng trong khu vực tỉnh Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ 11/05/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	181.818	181.818	181.818	181.818	181.818	181.818	181.818	181.818	181.818	181.818	181.818	181.818	181.818	181.818	181.818
687	Sơn	Bột trét ngoại thất cao cấp	kg	QCVN 16:2023/BXD	40kg	Công ty TNHH XD Hợp Vĩnh Phát. Đc: Nguyễn Minh Trường, P3, TP.Tân An, Long An - 0723 663 399. (Công văn đề nghị công bố giá số 02 ngày 11/5/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giá đã bao gồm chi phí vận chuyển, bốc xếp đến các công trình xây dựng trong khu vực tỉnh Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ 11/05/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	10.909	10.909	10.909	10.909	10.909	10.909	10.909	10.909	10.909	10.909	10.909	10.909	10.909	10.909	10.909
688	Sơn	Sơn lót ngoại thất	lít	QCVN 16:2023/BXD	18L/5L	Công ty TNHH XD Hợp Vĩnh Phát. Đc: Nguyễn Minh Trường, P3, TP.Tân An, Long An - 0723 663 399. (Công văn đề nghị công bố giá số 02 ngày 11/5/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giá đã bao gồm chi phí vận chuyển, bốc xếp đến các công trình xây dựng trong khu vực tỉnh Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ 11/05/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	145.455	145.455	145.455	145.455	145.455	145.455	145.455	145.455	145.455	145.455	145.455	145.455	145.455	145.455	145.455
689	Sơn	Sơn ngoại thất lăng mịn chống thấm nhẹ	lít	QCVN 16:2023/BXD	18L/5L	Công ty TNHH XD Hợp Vĩnh Phát. Đc: Nguyễn Minh Trường, P3, TP.Tân An, Long An - 0723 663 399. (Công văn đề nghị công bố giá số 02 ngày 11/5/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giá đã bao gồm chi phí vận chuyển, bốc xếp đến các công trình xây dựng trong khu vực tỉnh Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ 11/05/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	181.818	181.818	181.818	181.818	181.818	181.818	181.818	181.818	181.818	181.818	181.818	181.818	181.818	181.818	181.818
690	Sơn	Sơn ngoại thất lăng mịn chống thấm nhẹ - màu đặc biệt	lít	QCVN 16:2023/BXD	18L/5L	Công ty TNHH XD Hợp Vĩnh Phát. Đc: Nguyễn Minh Trường, P3, TP.Tân An, Long An - 0723 663 399. (Công văn đề nghị công bố giá số 02 ngày 11/5/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giá đã bao gồm chi phí vận chuyển, bốc xếp đến các công trình xây dựng trong khu vực tỉnh Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ 11/05/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	209.091	209.091	209.091	209.091	209.091	209.091	209.091	209.091	209.091	209.091	209.091	209.091	209.091	209.091	209.091
691	Sơn	Sơn ngoại thất bóng loáng chống thấm, chùi rửa cao	lít	QCVN 16:2023/BXD	18L/5L	Công ty TNHH XD Hợp Vĩnh Phát. Đc: Nguyễn Minh Trường, P3, TP.Tân An, Long An - 0723 663 399. (Công văn đề nghị công bố giá số 02 ngày 11/5/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giá đã bao gồm chi phí vận chuyển, bốc xếp đến các công trình xây dựng trong khu vực tỉnh Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ 11/05/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	348.182	348.182	348.182	348.182	348.182	348.182	348.182	348.182	348.182	348.182	348.182	348.182	348.182	348.182	348.182
692	Sơn	Sơn ngoại thất bóng loáng chống thấm, chùi rửa cao - màu đặc biệt	lít	QCVN 16:2023/BXD	18L/5L	Công ty TNHH XD Hợp Vĩnh Phát. Đc: Nguyễn Minh Trường, P3, TP.Tân An, Long An - 0723 663 399. (Công văn đề nghị công bố giá số 02 ngày 11/5/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giá đã bao gồm chi phí vận chuyển, bốc xếp đến các công trình xây dựng trong khu vực tỉnh Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ 11/05/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	376.364	376.364	376.364	376.364	376.364	376.364	376.364	376.364	376.364	376.364	376.364	376.364	376.364	376.364	376.364
693	Sơn	Sơn nước cao cấp ngoài trời Goldsun (nhóm màu chuẩn)	Lít		Lon 1 lít	Công ty TNHH MTV Son Petrolimex (Kèm theo công văn số02/PLS-KD ngày 13 tháng 03 năm 2026 của Công ty TNHH TMDV Số Lộc Việt)	Việt Nam	Không có thông tin	Không có thông tin	Mức giá được thực hiện từ 13/03/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	257.000	257.000	257.000	257.000	257.000	257.000	257.000	257.000	257.000	257.000	257.000	257.000	257.000	257.000	257.000
694	Sơn	Sơn nước cao cấp ngoài trời Goldsun (nhóm màu chuẩn)	Lít		Lon 5 lít	Công ty TNHH MTV Son Petrolimex (Kèm theo công văn số02/PLS-KD ngày 13 tháng 03 năm 2026 của Công ty TNHH TMDV Số Lộc Việt)	Việt Nam	Không có thông tin	Không có thông tin	Mức giá được thực hiện từ 13/03/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	1.257.000	1.257.000	1.257.000	1.257.000	1.257.000	1.257.000	1.257.000	1.257.000	1.257.000	1.257.000	1.257.000	1.257.000	1.257.000	1.257.000	1.257.000
695	Sơn	Sơn nước cao cấp ngoài trời Goldsun (nhóm màu chuẩn)	Lít		Thùng 18 lít	Công ty TNHH MTV Son Petrolimex (Kèm theo công văn số02/PLS-KD ngày 13 tháng 03 năm 2026 của Công ty TNHH TMDV Số Lộc Việt)	Việt Nam	Không có thông tin	Không có thông tin	Mức giá được thực hiện từ 13/03/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	4.406.000	4.406.000	4.406.000	4.406.000	4.406.000	4.406.000	4.406.000	4.406.000	4.406.000	4.406.000	4.406.000	4.406.000	4.406.000	4.406.000	4.406.000
696	Sơn	Sơn nước cao cấp ngoài trời (màu đặc biệt : H1308, H1614, H1981)	Lít		Lon 1 lít	Công ty TNHH MTV Son Petrolimex (Kèm theo công văn số02/PLS-KD ngày 13 tháng 03 năm 2026 của Công ty TNHH TMDV Số Lộc Việt)	Việt Nam	Không có thông tin	Không có thông tin	Mức giá được thực hiện từ 13/03/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	268.000	268.000	268.000	268.000	268.000	268.000	268.000	268.000	268.000	268.000	268.000	268.000	268.000	268.000	268.000
697	Sơn	Sơn nước cao cấp ngoài trời (màu đặc biệt : H1308, H1614, H1981)	Lít		Lon 5 lít	Công ty TNHH MTV Son Petrolimex (Kèm theo công văn số02/PLS-KD ngày 13 tháng 03 năm 2026 của Công ty TNHH TMDV Số Lộc Việt)	Việt Nam	Không có thông tin	Không có thông tin	Mức giá được thực hiện từ 13/03/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	1.316.000	1.316.000	1.316.000	1.316.000	1.316.000	1.316.000	1.316.000	1.316.000	1.316.000	1.316.000	1.316.000	1.316.000	1.316.000	1.316.000	1.316.000
698	Sơn	Sơn nước cao cấp ngoài trời (màu đặc biệt : H1308, H1614, H1981)	Lít		Thùng 18 lít	Công ty TNHH MTV Son Petrolimex (Kèm theo công văn số02/PLS-KD ngày 13 tháng 03 năm 2026 của Công ty TNHH TMDV Số Lộc Việt)	Việt Nam	Không có thông tin	Không có thông tin	Mức giá được thực hiện từ 13/03/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	4.619.000	4.619.000	4.619.000	4.619.000	4.619.000	4.619.000	4.619.000	4.619.000	4.619.000	4.619.000	4.619.000	4.619.000	4.619.000	4.619.000	4.619.000
699	Sơn	Sơn nước cao cấp ngoài trời Goldsun (màu đặc biệt : H1801)	Lít		Lon 1 lít	Công ty TNHH MTV Son Petrolimex (Kèm theo công văn số02/PLS-KD ngày 13 tháng 03 năm 2026 của Công ty TNHH TMDV Số Lộc Việt)	Việt Nam	Không có thông tin	Không có thông tin	Mức giá được thực hiện từ 13/03/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	397.000	397.000	397.000	397.000	397.000	397.000	397.000	397.000	397.000	397.000	397.000	397.000	397.000	397.000	397.000
700	Sơn	Sơn nước cao cấp ngoài trời Goldsun (màu đặc biệt : H1801)	Lít		Lon 5 lít	Công ty TNHH MTV Son Petrolimex (Kèm theo công văn số02/PLS-KD ngày 13 tháng 03 năm 2026 của Công ty TNHH TMDV Số Lộc Việt)	Việt Nam	Không có thông tin	Không có thông tin	Mức giá được thực hiện từ 13/03/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	1.955.000	1.955.000	1.955.000	1.955.000	1.955.000	1.955.000	1.955.000	1.955.000	1.955.000	1.955.000	1.955.000	1.955.000	1.955.000	1.955.000	1.955.000
701	Sơn	Sơn nước cao cấp ngoài trời Goldsun (màu đặc biệt : H1801)	Lít		Thùng 18 lít	Công ty TNHH MTV Son Petrolimex (Kèm theo công văn số02/PLS-KD ngày 13 tháng 03 năm 2026 của Công ty TNHH TMDV Số Lộc Việt)	Việt Nam	Không có thông tin	Không có thông tin	Mức giá được thực hiện từ 13/03/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	6.917.000	6.917.000	6.917.000	6.917.000	6.917.000	6.917.000	6.917.000	6.917.000	6.917.000	6.917.000	6.917.000	6.917.000	6.917.000	6.917.000	6.917.000
702	Sơn	Sơn nước cao cấp trong nhà Goldsun (nhóm màu chuẩn)	Lít		Lon 1 lít	Công ty TNHH MTV Son Petrolimex (Kèm theo công văn số02/PLS-KD ngày 13 tháng 03 năm 2026 của Công ty TNHH TMDV Số Lộc Việt)	Việt Nam	Không có thông tin	Không có thông tin	Mức giá được thực hiện từ 13/03/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	210.000	210.000	210.000	210.000	210.000	210.000	210.000	210.000	210.000	210.000	210.000	210.000	210.000	210.000	210.000
703	Sơn	Sơn nước cao cấp trong nhà Goldsun (nhóm màu chuẩn)	Lít		Lon 5 lít	Công ty TNHH MTV Son Petrolimex (Kèm theo công văn số02/PLS-KD ngày 13 tháng 03 năm 2026 của Công ty TNHH TMDV Số Lộc Việt)	Việt Nam	Không có thông tin	Không có thông tin	Mức giá được thực hiện từ 13/03/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	1.037.000	1.037.000	1.037.000	1.037.000	1.037.000	1.037.000	1.037.000	1.037.000	1.037.000	1.037.000	1.037.000	1.037.000	1.037.000	1.037.000	1.037.000
704	Sơn	Sơn nước cao cấp trong nhà Goldsun (nhóm màu chuẩn)	Lít		Thùng 18 lít	Công ty TNHH MTV Son Petrolimex (Kèm theo công văn số02/PLS-KD ngày 13 tháng 03 năm 2026 của Công ty TNHH TMDV Số Lộc Việt)	Việt Nam	Không có thông tin	Không có thông tin	Mức giá được thực hiện từ 13/03/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	3.619.000	3.619.000	3.619.000	3.619.000	3.619.000	3.619.000	3.619.000	3.619.000	3.619.000	3.619.000	3.619.000	3.619.000	3.619.000	3.619.000	3.619.000
705	Sơn	Sơn lót chống kiềm cao cấp Goldsun	Lít		Lon 5 lít	Công ty TNHH MTV Son Petrolimex (Kèm theo công văn số02/PLS-KD ngày 13 tháng 03 năm 2026 của Công ty TNHH TMDV Số Lộc Việt)	Việt Nam	Không có thông tin	Không có thông tin	Mức giá được thực hiện từ 13/03/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	775.000	775.000	775.000	775.000	775.000	775.000	775.000	775.000	775.000	775.000	775.000	775.000	775.000	775.000	775.000
706	Sơn	Sơn lót chống kiềm cao cấp Goldsun	Lít		Thùng 18 lít	Công ty TNHH MTV Son Petrolimex (Kèm theo công văn số02/PLS-KD ngày 13 tháng 03 năm 2026 của Công ty TNHH TMDV Số Lộc Việt)	Việt Nam	Không có thông tin	Không có thông tin	Mức giá được thực hiện từ 13/03/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	2.660.000	2.660.000	2.660.000	2.660.000	2.660.000	2.660.000	2.660.000	2.660.000	2.660.000	2.660.000	2.660.000	2.660.000	2.660.000	2.660.000	2.660.000
707	Sơn	Bột trét cao cấp Goldsun 2 in 1	kg		Bao 40kg	Công ty TNHH MTV Son Petrolimex (Kèm theo công văn số02/PLS-KD ngày 13 tháng 03 năm 2026 của Công ty TNHH TMDV Số Lộc Việt)	Việt Nam	Không có thông tin	Không có thông tin	Mức giá được thực hiện từ 13/03/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	453.000	453.000	453.000	453.000	453.000	453.000	453.000	453.000	453.000	453.000	453.000	453.000	453.000	453.000	453.000
708	Sơn	Sơn nước chất lượng cao ngoài trời Goldtex (nhóm màu chuẩn)	Lít		Lon 5 lít	Công ty TNHH MTV Son Petrolimex (Kèm theo công văn số02/PLS-KD ngày 13 tháng 03 năm 2026 của Công ty TNHH TMDV Số Lộc Việt)	Việt Nam	Không có thông tin	Không có thông tin	Mức giá được thực hiện từ 13/03/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	471.000	471.000	471.000	471.000	471.000	471.000	471.000	471.000	471.000	471.000	471.000	471.000	471.000	471.000	471.000

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng) (đồng)														
												Khu vực Tân An	Khu vực Tân Trụ	Khu vực Châu Thành	Khu vực Thủ Thừa	Khu vực Bến Lức	Khu vực Cần Giuộc	Khu vực Cần Đước	Khu vực Tân Thạnh	Khu vực Thạnh Hóa	Khu vực Tân Hưng	Khu vực Vĩnh Hưng	Khu vực Kiến Tường	Khu vực Mộc Hóa	Khu vực Đức Hòa	Khu vực Đức Huệ
709	Sơn	Sơn nước chất lượng cao ngoài trời Goldtex (nhóm màu chuẩn)	Lít		Thùng 18 lít	Công ty TNHH MTV Sơn Petrolimex (Kèm theo công văn số02/PLS-KD ngày 13 tháng 03 năm 2026 của Công ty TNHH TMDV Số Lộc Việt)	Việt Nam	Không có thông tin	Không có thông tin	Mức giá được thực hiện từ 13/03/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	1.486.000	1.486.000	1.486.000	1.486.000	1.486.000	1.486.000	1.486.000	1.486.000	1.486.000	1.486.000	1.486.000	1.486.000	1.486.000	1.486.000
710	Sơn	Sơn nước chất lượng cao ngoài trời Goldtex (nhóm màu đặc biệt: G1100, G1407, G1408, G1704, G1705, G1803)	Lít		Lon 5 lít	Công ty TNHH MTV Sơn Petrolimex (Kèm theo công văn số02/PLS-KD ngày 13 tháng 03 năm 2026 của Công ty TNHH TMDV Số Lộc Việt)	Việt Nam	Không có thông tin	Không có thông tin	Mức giá được thực hiện từ 13/03/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	519.000	519.000	519.000	519.000	519.000	519.000	519.000	519.000	519.000	519.000	519.000	519.000	519.000	519.000
711	Sơn	Sơn nước chất lượng cao ngoài trời Goldtex (nhóm màu đặc biệt: G1100, G1407, G1408, G1704, G1705, G1803)	Lít		Thùng 18 lít	Công ty TNHH MTV Sơn Petrolimex (Kèm theo công văn số02/PLS-KD ngày 13 tháng 03 năm 2026 của Công ty TNHH TMDV Số Lộc Việt)	Việt Nam	Không có thông tin	Không có thông tin	Mức giá được thực hiện từ 13/03/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	1.636.000	1.636.000	1.636.000	1.636.000	1.636.000	1.636.000	1.636.000	1.636.000	1.636.000	1.636.000	1.636.000	1.636.000	1.636.000	1.636.000
712	Sơn	Sơn nước chất lượng cao trong nhà Goldtex (nhóm màu chuẩn)	Lít		Lon 5 lít	Công ty TNHH MTV Sơn Petrolimex (Kèm theo công văn số02/PLS-KD ngày 13 tháng 03 năm 2026 của Công ty TNHH TMDV Số Lộc Việt)	Việt Nam	Không có thông tin	Không có thông tin	Mức giá được thực hiện từ 13/03/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	394.000	394.000	394.000	394.000	394.000	394.000	394.000	394.000	394.000	394.000	394.000	394.000	394.000	394.000
713	Sơn	Sơn nước chất lượng cao trong nhà Goldtex (nhóm màu chuẩn)	Lít		Thùng 18 lít	Công ty TNHH MTV Sơn Petrolimex (Kèm theo công văn số02/PLS-KD ngày 13 tháng 03 năm 2026 của Công ty TNHH TMDV Số Lộc Việt)	Việt Nam	Không có thông tin	Không có thông tin	Mức giá được thực hiện từ 13/03/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	1.190.000	1.190.000	1.190.000	1.190.000	1.190.000	1.190.000	1.190.000	1.190.000	1.190.000	1.190.000	1.190.000	1.190.000	1.190.000	1.190.000
714	Sơn	Sơn lót chống kiềm chất lượng cao cấp Goldtex	Lít		Lon 5 lít	Công ty TNHH MTV Sơn Petrolimex (Kèm theo công văn số02/PLS-KD ngày 13 tháng 03 năm 2026 của Công ty TNHH TMDV Số Lộc Việt)	Việt Nam	Không có thông tin	Không có thông tin	Mức giá được thực hiện từ 13/03/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	574.000	574.000	574.000	574.000	574.000	574.000	574.000	574.000	574.000	574.000	574.000	574.000	574.000	574.000
715	Sơn	Sơn lót chống kiềm chất lượng cao cấp Goldtex	Lít		Thùng 18 lít	Công ty TNHH MTV Sơn Petrolimex (Kèm theo công văn số02/PLS-KD ngày 13 tháng 03 năm 2026 của Công ty TNHH TMDV Số Lộc Việt)	Việt Nam	Không có thông tin	Không có thông tin	Mức giá được thực hiện từ 13/03/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	1.889.000	1.889.000	1.889.000	1.889.000	1.889.000	1.889.000	1.889.000	1.889.000	1.889.000	1.889.000	1.889.000	1.889.000	1.889.000	1.889.000
716	Sơn	Bột trét chất lượng cao Goldtex 2 in 1	Bao		Bao 40kg	Công ty TNHH MTV Sơn Petrolimex (Kèm theo công văn số02/PLS-KD ngày 13 tháng 03 năm 2026 của Công ty TNHH TMDV Số Lộc Việt)	Việt Nam	Không có thông tin	Không có thông tin	Mức giá được thực hiện từ 13/03/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	364.000	364.000	364.000	364.000	364.000	364.000	364.000	364.000	364.000	364.000	364.000	364.000	364.000	364.000
717	Sơn	Sơn nước kinh tế ngoài trời Goldluck	Lít		Lon 5 lít	Công ty TNHH MTV Sơn Petrolimex (Kèm theo công văn số02/PLS-KD ngày 13 tháng 03 năm 2026 của Công ty TNHH TMDV Số Lộc Việt)	Việt Nam	Không có thông tin	Không có thông tin	Mức giá được thực hiện từ 13/03/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	357.000	357.000	357.000	357.000	357.000	357.000	357.000	357.000	357.000	357.000	357.000	357.000	357.000	357.000
718	Sơn	Sơn nước kinh tế ngoài trời Goldluck	Lít		Thùng 18 lít	Công ty TNHH MTV Sơn Petrolimex (Kèm theo công văn số02/PLS-KD ngày 13 tháng 03 năm 2026 của Công ty TNHH TMDV Số Lộc Việt)	Việt Nam	Không có thông tin	Không có thông tin	Mức giá được thực hiện từ 13/03/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	1.087.000	1.087.000	1.087.000	1.087.000	1.087.000	1.087.000	1.087.000	1.087.000	1.087.000	1.087.000	1.087.000	1.087.000	1.087.000	1.087.000
719	Sơn	Sơn nước kinh tế trong nhà Goldluck	Lít		Lon 5 lít	Công ty TNHH MTV Sơn Petrolimex (Kèm theo công văn số02/PLS-KD ngày 13 tháng 03 năm 2026 của Công ty TNHH TMDV Số Lộc Việt)	Việt Nam	Không có thông tin	Không có thông tin	Mức giá được thực hiện từ 13/03/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	287.000	287.000	287.000	287.000	287.000	287.000	287.000	287.000	287.000	287.000	287.000	287.000	287.000	287.000
720	Sơn	Sơn nước kinh tế trong nhà Goldluck	Lít		Thùng 18 lít	Công ty TNHH MTV Sơn Petrolimex (Kèm theo công văn số02/PLS-KD ngày 13 tháng 03 năm 2026 của Công ty TNHH TMDV Số Lộc Việt)	Việt Nam	Không có thông tin	Không có thông tin	Mức giá được thực hiện từ 13/03/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	832.000	832.000	832.000	832.000	832.000	832.000	832.000	832.000	832.000	832.000	832.000	832.000	832.000	832.000
721	Sơn	Sơn lót chống kiềm kinh tế Goldluck	Lít		Thùng 18 lít	Công ty TNHH MTV Sơn Petrolimex (Kèm theo công văn số02/PLS-KD ngày 13 tháng 03 năm 2026 của Công ty TNHH TMDV Số Lộc Việt)	Việt Nam	Không có thông tin	Không có thông tin	Mức giá được thực hiện từ 13/03/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	1.015.000	1.015.000	1.015.000	1.015.000	1.015.000	1.015.000	1.015.000	1.015.000	1.015.000	1.015.000	1.015.000	1.015.000	1.015.000	1.015.000
722	Sơn	Bột trét goldluck 2 in 1	Bao		Bao 40kg	Công ty TNHH MTV Sơn Petrolimex (Kèm theo công văn số02/PLS-KD ngày 13 tháng 03 năm 2026 của Công ty TNHH TMDV Số Lộc Việt)	Việt Nam	Không có thông tin	Không có thông tin	Mức giá được thực hiện từ 13/03/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	297.000	297.000	297.000	297.000	297.000	297.000	297.000	297.000	297.000	297.000	297.000	297.000	297.000	297.000
723	Sơn	Sơn dầu Goldpop(nhóm màu chuẩn)	Lít		03 lít	Công ty TNHH MTV Sơn Petrolimex (Kèm theo công văn số02/PLS-KD ngày 13 tháng 03 năm 2026 của Công ty TNHH TMDV Số Lộc Việt)	Việt Nam	Không có thông tin	Không có thông tin	Mức giá được thực hiện từ 13/03/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	350.000	350.000	350.000	350.000	350.000	350.000	350.000	350.000	350.000	350.000	350.000	350.000	350.000	350.000
724	Sơn	Sơn dầu Goldpop(nhóm màu chuẩn)	Lít		18 lít	Công ty TNHH MTV Sơn Petrolimex (Kèm theo công văn số02/PLS-KD ngày 13 tháng 03 năm 2026 của Công ty TNHH TMDV Số Lộc Việt)	Việt Nam	Không có thông tin	Không có thông tin	Mức giá được thực hiện từ 13/03/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	1.971.000	1.971.000	1.971.000	1.971.000	1.971.000	1.971.000	1.971.000	1.971.000	1.971.000	1.971.000	1.971.000	1.971.000	1.971.000	1.971.000
725	Sơn	Sơn dầu Goldpop(nhóm màu đặc biệt: V0100, V0681, V0711, V0821, V0911)	Lít		03 lít	Công ty TNHH MTV Sơn Petrolimex (Kèm theo công văn số02/PLS-KD ngày 13 tháng 03 năm 2026 của Công ty TNHH TMDV Số Lộc Việt)	Việt Nam	Không có thông tin	Không có thông tin	Mức giá được thực hiện từ 13/03/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	361.000	361.000	361.000	361.000	361.000	361.000	361.000	361.000	361.000	361.000	361.000	361.000	361.000	361.000
726	Sơn	Sơn dầu Goldpop(nhóm màu đặc biệt: V0100, V0681, V0711, V0821, V0911)	Lít		18 lít	Công ty TNHH MTV Sơn Petrolimex (Kèm theo công văn số02/PLS-KD ngày 13 tháng 03 năm 2026 của Công ty TNHH TMDV Số Lộc Việt)	Việt Nam	Không có thông tin	Không có thông tin	Mức giá được thực hiện từ 13/03/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	2.043.000	2.043.000	2.043.000	2.043.000	2.043.000	2.043.000	2.043.000	2.043.000	2.043.000	2.043.000	2.043.000	2.043.000	2.043.000	2.043.000
727	Sơn	Sơn lót chống gỉ Goldpop (màu đỏ)	Lít		03 lít	Công ty TNHH MTV Sơn Petrolimex (Kèm theo công văn số02/PLS-KD ngày 13 tháng 03 năm 2026 của Công ty TNHH TMDV Số Lộc Việt)	Việt Nam	Không có thông tin	Không có thông tin	Mức giá được thực hiện từ 13/03/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	258.000	258.000	258.000	258.000	258.000	258.000	258.000	258.000	258.000	258.000	258.000	258.000	258.000	258.000
728	Sơn	Sơn lót chống gỉ Goldpop (màu đỏ)	Lít		18 lít	Công ty TNHH MTV Sơn Petrolimex (Kèm theo công văn số02/PLS-KD ngày 13 tháng 03 năm 2026 của Công ty TNHH TMDV Số Lộc Việt)	Việt Nam	Không có thông tin	Không có thông tin	Mức giá được thực hiện từ 13/03/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	1.430.000	1.430.000	1.430.000	1.430.000	1.430.000	1.430.000	1.430.000	1.430.000	1.430.000	1.430.000	1.430.000	1.430.000	1.430.000	1.430.000
729	Sơn	Sơn lót chống gỉ Goldpop (màu xám)	Lít		03 lít	Công ty TNHH MTV Sơn Petrolimex (Kèm theo công văn số02/PLS-KD ngày 13 tháng 03 năm 2026 của Công ty TNHH TMDV Số Lộc Việt)	Việt Nam	Không có thông tin	Không có thông tin	Mức giá được thực hiện từ 13/03/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	290.000	290.000	290.000	290.000	290.000	290.000	290.000	290.000	290.000	290.000	290.000	290.000	290.000	290.000
730	Sơn	Sơn lót chống gỉ Goldpop (màu xám)	Lít		18 lít	Công ty TNHH MTV Sơn Petrolimex (Kèm theo công văn số02/PLS-KD ngày 13 tháng 03 năm 2026 của Công ty TNHH TMDV Số Lộc Việt)	Việt Nam	Không có thông tin	Không có thông tin	Mức giá được thực hiện từ 13/03/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	1.610.000	1.610.000	1.610.000	1.610.000	1.610.000	1.610.000	1.610.000	1.610.000	1.610.000	1.610.000	1.610.000	1.610.000	1.610.000	1.610.000

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng) (đồng)														
												Khu vực Tân An	Khu vực Tân Trụ	Khu vực Châu Thành	Khu vực Thủ Thừa	Khu vực Bến Lức	Khu vực Cần Giuộc	Khu vực Cần Đước	Khu vực Tân Thạnh	Khu vực Thạnh Hóa	Khu vực Tân Hưng	Khu vực Vĩnh Hưng	Khu vực Kiến Tường	Khu vực Mộc Hóa	Khu vực Đức Hòa	Khu vực Đức Huệ
731	Sơn	Chống thấm CT-PRO	kg		20kg	Công ty TNHH MTV Sơn Petrolimex (Kèm theo công văn số02/PLS-KD ngày 13 tháng 03 năm 2026 của Công ty TNHH TMDV Số Lộc Việt)	Việt Nam	Không có thông tin	Không có thông tin	Mức giá được thực hiện từ 13/03/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	2.775.000	2.775.000	2.775.000	2.775.000	2.775.000	2.775.000	2.775.000	2.775.000	2.775.000	2.775.000	2.775.000	2.775.000	2.775.000	2.775.000	2.775.000
732	Sơn	Chống thấm CT-PRO	kg		4kg	Công ty TNHH MTV Sơn Petrolimex (Kèm theo công văn số02/PLS-KD ngày 13 tháng 03 năm 2026 của Công ty TNHH TMDV Số Lộc Việt)	Việt Nam	Không có thông tin	Không có thông tin	Mức giá được thực hiện từ 13/03/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	580.000	580.000	580.000	580.000	580.000	580.000	580.000	580.000	580.000	580.000	580.000	580.000	580.000	580.000	580.000
733	Sơn	SOGUN: Sơn nội thất cao cấp	thùng	QCVN 16:2023	đóng thùng	Công ty TNHH SX & TM Sơn Miền Trung. Đc: 01 Lê Trọng Tấn, phường An Khê, Đà Nẵng - Đt: 0935.068.706. Công văn đề nghị công bố giá số 2604191/SMT ngày 19/04/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Giao tận nơi	Mức giá có hiệu lực từ ngày 19/04/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	972.981	972.981	972.981	972.981	972.981	972.981	972.981	972.981	972.981	972.981	972.981	972.981	972.981	972.981	972.981
734	Sơn	SOGUN: Sơn mịn nội thất cao cấp	thùng	QCVN 16:2023	đóng thùng	Công ty TNHH SX & TM Sơn Miền Trung. Đc: 01 Lê Trọng Tấn, phường An Khê, Đà Nẵng - Đt: 0935.068.706. Công văn đề nghị công bố giá số 2604191/SMT ngày 19/04/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Giao tận nơi	Mức giá có hiệu lực từ ngày 19/04/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	1.648.933	1.648.933	1.648.933	1.648.933	1.648.933	1.648.933	1.648.933	1.648.933	1.648.933	1.648.933	1.648.933	1.648.933	1.648.933	1.648.933	1.648.933
735	Sơn	SOGUN: Sơn nội thất lau chùi hiệu quả	thùng	QCVN 16:2023	đóng thùng	Công ty TNHH SX & TM Sơn Miền Trung. Đc: 01 Lê Trọng Tấn, phường An Khê, Đà Nẵng - Đt: 0935.068.706. Công văn đề nghị công bố giá số 2604191/SMT ngày 19/04/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Giao tận nơi	Mức giá có hiệu lực từ ngày 19/04/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	2.764.511	2.764.511	2.764.511	2.764.511	2.764.511	2.764.511	2.764.511	2.764.511	2.764.511	2.764.511	2.764.511	2.764.511	2.764.511	2.764.511	2.764.511
736	Sơn	SOGUN: Sơn siêu trắng trần	thùng	QCVN 16:2023	đóng thùng	Công ty TNHH SX & TM Sơn Miền Trung. Đc: 01 Lê Trọng Tấn, phường An Khê, Đà Nẵng - Đt: 0935.068.706. Công văn đề nghị công bố giá số 2604191/SMT ngày 19/04/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Giao tận nơi	Mức giá có hiệu lực từ ngày 19/04/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	1.805.398	1.805.398	1.805.398	1.805.398	1.805.398	1.805.398	1.805.398	1.805.398	1.805.398	1.805.398	1.805.398	1.805.398	1.805.398	1.805.398	1.805.398
737	Sơn	SOGUN: Sơn bóng nội thất cao cấp	thùng	QCVN 16:2023	đóng thùng	Công ty TNHH SX & TM Sơn Miền Trung. Đc: 01 Lê Trọng Tấn, phường An Khê, Đà Nẵng - Đt: 0935.068.706. Công văn đề nghị công bố giá số 2604191/SMT ngày 19/04/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Giao tận nơi	Mức giá có hiệu lực từ ngày 19/04/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	3.950.511	3.950.511	3.950.511	3.950.511	3.950.511	3.950.511	3.950.511	3.950.511	3.950.511	3.950.511	3.950.511	3.950.511	3.950.511	3.950.511	3.950.511
738	Sơn	SOGUN: Sơn lót kháng kiềm nội thất	thùng	QCVN 16:2023	đóng thùng	Công ty TNHH SX & TM Sơn Miền Trung. Đc: 01 Lê Trọng Tấn, phường An Khê, Đà Nẵng - Đt: 0935.068.706. Công văn đề nghị công bố giá số 2604191/SMT ngày 19/04/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Giao tận nơi	Mức giá có hiệu lực từ ngày 19/04/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	2.272.456	2.272.456	2.272.456	2.272.456	2.272.456	2.272.456	2.272.456	2.272.456	2.272.456	2.272.456	2.272.456	2.272.456	2.272.456	2.272.456	2.272.456
739	Sơn	SOGUN: Sơn mịn ngoại thất cao cấp	thùng	QCVN 16:2023	đóng thùng	Công ty TNHH SX & TM Sơn Miền Trung. Đc: 01 Lê Trọng Tấn, phường An Khê, Đà Nẵng - Đt: 0935.068.706. Công văn đề nghị công bố giá số 2604191/SMT ngày 19/04/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Giao tận nơi	Mức giá có hiệu lực từ ngày 19/04/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	2.497.056	2.497.056	2.497.056	2.497.056	2.497.056	2.497.056	2.497.056	2.497.056	2.497.056	2.497.056	2.497.056	2.497.056	2.497.056	2.497.056	2.497.056
740	Sơn	SOGUN: Sơn bóng mờ ngoại thất cao cấp	thùng	QCVN 16:2023	đóng thùng	Công ty TNHH SX & TM Sơn Miền Trung. Đc: 01 Lê Trọng Tấn, phường An Khê, Đà Nẵng - Đt: 0935.068.706. Công văn đề nghị công bố giá số 2604191/SMT ngày 19/04/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Giao tận nơi	Mức giá có hiệu lực từ ngày 19/04/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	3.068.000	3.068.000	3.068.000	3.068.000	3.068.000	3.068.000	3.068.000	3.068.000	3.068.000	3.068.000	3.068.000	3.068.000	3.068.000	3.068.000	3.068.000
741	Sơn	SOGUN: Sơn bóng ngoại thất cao cấp	thùng	QCVN 16:2023	đóng thùng	Công ty TNHH SX & TM Sơn Miền Trung. Đc: 01 Lê Trọng Tấn, phường An Khê, Đà Nẵng - Đt: 0935.068.706. Công văn đề nghị công bố giá số 2604191/SMT ngày 19/04/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Giao tận nơi	Mức giá có hiệu lực từ ngày 19/04/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	4.365.667	4.365.667	4.365.667	4.365.667	4.365.667	4.365.667	4.365.667	4.365.667	4.365.667	4.365.667	4.365.667	4.365.667	4.365.667	4.365.667	4.365.667
742	Sơn	SOGUN: Sơn chống thấm trong suốt	thùng	QCVN 16:2023	đóng thùng	Công ty TNHH SX & TM Sơn Miền Trung. Đc: 01 Lê Trọng Tấn, phường An Khê, Đà Nẵng - Đt: 0935.068.706. Công văn đề nghị công bố giá số 2604191/SMT ngày 19/04/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Giao tận nơi	Mức giá có hiệu lực từ ngày 19/04/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	5.833.533	5.833.533	5.833.533	5.833.533	5.833.533	5.833.533	5.833.533	5.833.533	5.833.533	5.833.533	5.833.533	5.833.533	5.833.533	5.833.533	5.833.533
743	Sơn	SOGUN: Sơn chống thấm hệ xi măng đa năng	thùng	QCVN 16:2023	đóng thùng	Công ty TNHH SX & TM Sơn Miền Trung. Đc: 01 Lê Trọng Tấn, phường An Khê, Đà Nẵng - Đt: 0935.068.706. Công văn đề nghị công bố giá số 2604191/SMT ngày 19/04/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Giao tận nơi	Mức giá có hiệu lực từ ngày 19/04/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	3.465.482	3.465.482	3.465.482	3.465.482	3.465.482	3.465.482	3.465.482	3.465.482	3.465.482	3.465.482	3.465.482	3.465.482	3.465.482	3.465.482	3.465.482
744	Sơn	SOGUN: Sơn chống thấm màu hiệu quả	thùng	QCVN 16:2023	đóng thùng	Công ty TNHH SX & TM Sơn Miền Trung. Đc: 01 Lê Trọng Tấn, phường An Khê, Đà Nẵng - Đt: 0935.068.706. Công văn đề nghị công bố giá số 2604191/SMT ngày 19/04/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Giao tận nơi	Mức giá có hiệu lực từ ngày 19/04/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	4.865.511	4.865.511	4.865.511	4.865.511	4.865.511	4.865.511	4.865.511	4.865.511	4.865.511	4.865.511	4.865.511	4.865.511	4.865.511	4.865.511	4.865.511
745	Sơn	SOGUN: Sơn lót kháng kiềm ngoại thất	thùng	QCVN 16:2023	đóng thùng	Công ty TNHH SX & TM Sơn Miền Trung. Đc: 01 Lê Trọng Tấn, phường An Khê, Đà Nẵng - Đt: 0935.068.706. Công văn đề nghị công bố giá số 2604191/SMT ngày 19/04/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Giao tận nơi	Mức giá có hiệu lực từ ngày 19/04/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	2.511.778	2.511.778	2.511.778	2.511.778	2.511.778	2.511.778	2.511.778	2.511.778	2.511.778	2.511.778	2.511.778	2.511.778	2.511.778	2.511.778	2.511.778
746	Sơn	SOGUN: Sơn lót kháng kiềm ngoại thất nano	thùng	QCVN 16:2023	đóng thùng	Công ty TNHH SX & TM Sơn Miền Trung. Đc: 01 Lê Trọng Tấn, phường An Khê, Đà Nẵng - Đt: 0935.068.706. Công văn đề nghị công bố giá số 2604191/SMT ngày 19/04/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Giao tận nơi	Mức giá có hiệu lực từ ngày 19/04/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	3.455.222	3.455.222	3.455.222	3.455.222	3.455.222	3.455.222	3.455.222	3.455.222	3.455.222	3.455.222	3.455.222	3.455.222	3.455.222	3.455.222	3.455.222
747	Sơn	Bột bả nội thất	bao	TCVN 7239:2014	đóng bao	Công ty TNHH SX & TM Sơn Miền Trung. Đc: 01 Lê Trọng Tấn, phường An Khê, Đà Nẵng - Đt: 0935.068.706. Công văn đề nghị công bố giá số 2604191/SMT ngày 19/04/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Giao tận nơi	Mức giá có hiệu lực từ ngày 19/04/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	538.867	538.867	538.867	538.867	538.867	538.867	538.867	538.867	538.867	538.867	538.867	538.867	538.867	538.867	538.867
748	Sơn	Bột bả ngoại thất	bao	TCVN 7239:2014	đóng bao	Công ty TNHH SX & TM Sơn Miền Trung. Đc: 01 Lê Trọng Tấn, phường An Khê, Đà Nẵng - Đt: 0935.068.706. Công văn đề nghị công bố giá số 2604191/SMT ngày 19/04/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Giao tận nơi	Mức giá có hiệu lực từ ngày 19/04/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	646.378	646.378	646.378	646.378	646.378	646.378	646.378	646.378	646.378	646.378	646.378	646.378	646.378	646.378	646.378

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng) (đồng)														
												Khu vực Tân An	Khu vực Tân Trụ	Khu vực Châu Thành	Khu vực Thủ Thừa	Khu vực Bến Lức	Khu vực Cần Giuộc	Khu vực Cần Đước	Khu vực Tân Thạnh	Khu vực Thạnh Hóa	Khu vực Tân Hưng	Khu vực Vĩnh Hưng	Khu vực Kiến Tường	Khu vực Mộc Hóa	Khu vực Đức Hòa	Khu vực Đức Huệ
749	Sơn	Sơn phủ Nano đa năng bóng cao cấp KN S8-99A	thùng		thùng 15 lít	Công ty TNHH Sơn Kova Nano Quốc Tế. Đc: số 91/22 đường Nguyễn Trung Trực, KP3, xã Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh. Đt: 0907777 589. Công văn đề nghị công bố giá số 01/KNV	Việt Nam	Không có thông tin	Bao vận chuyển toàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá có hiệu lực từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	6.362.000	6.362.000	6.362.000	6.362.000	6.362.000	6.362.000	6.362.000	6.362.000	6.362.000	6.362.000	6.362.000	6.362.000	6.362.000	6.362.000	6.362.000
750	Sơn	Sơn phủ Nano đa năng Bóng KN S8-68B	thùng		thùng 15 lít	Công ty TNHH Sơn Kova Nano Quốc Tế. Đc: số 91/22 đường Nguyễn Trung Trực, KP3, xã Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh. Đt: 0907777 589. Công văn đề nghị công bố giá số 01/KNV	Việt Nam	Không có thông tin	Bao vận chuyển toàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá có hiệu lực từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	5.738.000	5.738.000	5.738.000	5.738.000	5.738.000	5.738.000	5.738.000	5.738.000	5.738.000	5.738.000	5.738.000	5.738.000	5.738.000	5.738.000	5.738.000
751	Sơn	tương Sơn phủ Nano đa năng Bóng mờ KN S8-68M	thùng		thùng 15 lít	Công ty TNHH Sơn Kova Nano Quốc Tế. Đc: số 91/22 đường Nguyễn Trung Trực, KP3, xã Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh. Đt: 0907777 589. Công văn đề nghị công bố giá số 01/KNV	Việt Nam	Không có thông tin	Bao vận chuyển toàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá có hiệu lực từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	4.897.000	4.897.000	4.897.000	4.897.000	4.897.000	4.897.000	4.897.000	4.897.000	4.897.000	4.897.000	4.897.000	4.897.000	4.897.000	4.897.000	4.897.000
752	Sơn	Sơn phủ Nano chống thấm pha màu KN S8-88N	thùng		thùng 15 lít	Công ty TNHH Sơn Kova Nano Quốc Tế. Đc: số 91/22 đường Nguyễn Trung Trực, KP3, xã Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh. Đt: 0907777 589. Công văn đề nghị công bố giá số 01/KNV	Việt Nam	Không có thông tin	Bao vận chuyển toàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá có hiệu lực từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	4.145.000	4.145.000	4.145.000	4.145.000	4.145.000	4.145.000	4.145.000	4.145.000	4.145.000	4.145.000	4.145.000	4.145.000	4.145.000	4.145.000	4.145.000
753	Sơn	Sơn phủ Nano kháng khuẩn Bóng mờ KN S8-26BM	thùng		thùng 15 lít	Công ty TNHH Sơn Kova Nano Quốc Tế. Đc: số 91/22 đường Nguyễn Trung Trực, KP3, xã Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh. Đt: 0907777 589. Công văn đề nghị công bố giá số 01/KNV	Việt Nam	Không có thông tin	Bao vận chuyển toàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá có hiệu lực từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	1.791.000	1.791.000	1.791.000	1.791.000	1.791.000	1.791.000	1.791.000	1.791.000	1.791.000	1.791.000	1.791.000	1.791.000	1.791.000	1.791.000	1.791.000
754	Sơn	Sơn phủ nano đa năng Bóng Nội thất KN S8-99B	thùng		thùng 15 lít	Công ty TNHH Sơn Kova Nano Quốc Tế. Đc: số 91/22 đường Nguyễn Trung Trực, KP3, xã Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh. Đt: 0907777 589. Công văn đề nghị công bố giá số 01/KNV	Việt Nam	Không có thông tin	Bao vận chuyển toàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá có hiệu lực từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	5.421.000	5.421.000	5.421.000	5.421.000	5.421.000	5.421.000	5.421.000	5.421.000	5.421.000	5.421.000	5.421.000	5.421.000	5.421.000	5.421.000	5.421.000
755	Sơn	Sơn phủ Nano lau chùi Nội thất KN S8-66E	thùng		thùng 15 lít	Công ty TNHH Sơn Kova Nano Quốc Tế. Đc: số 91/22 đường Nguyễn Trung Trực, KP3, xã Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh. Đt: 0907777 589. Công văn đề nghị công bố giá số 01/KNV	Việt Nam	Không có thông tin	Bao vận chuyển toàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá có hiệu lực từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	2.474.000	2.474.000	2.474.000	2.474.000	2.474.000	2.474.000	2.474.000	2.474.000	2.474.000	2.474.000	2.474.000	2.474.000	2.474.000	2.474.000	2.474.000
756	Sơn	Sơn phủ Nano Nội & Ngoại thất Tiêu chuẩn KN S8-22M	thùng		thùng 15 lít	Công ty TNHH Sơn Kova Nano Quốc Tế. Đc: số 91/22 đường Nguyễn Trung Trực, KP3, xã Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh. Đt: 0907777 589. Công văn đề nghị công bố giá số 01/KNV	Việt Nam	Không có thông tin	Bao vận chuyển toàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá có hiệu lực từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	1.217.000	1.217.000	1.217.000	1.217.000	1.217.000	1.217.000	1.217.000	1.217.000	1.217.000	1.217.000	1.217.000	1.217.000	1.217.000	1.217.000	1.217.000
757	Sơn	Bột bả tường gốc xi măng poọc lăng - Matit Nano Cao cấp Ngoại thất KN MT-01	bao		25kg/bao	Công ty TNHH Sơn Kova Nano Quốc Tế. Đc: số 91/22 đường Nguyễn Trung Trực, KP3, xã Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh. Đt: 0907777 589. Công văn đề nghị công bố giá số 01/KNV	Việt Nam	Không có thông tin	Bao vận chuyển toàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá có hiệu lực từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	446.000	446.000	446.000	446.000	446.000	446.000	446.000	446.000	446.000	446.000	446.000	446.000	446.000	446.000	446.000
758	Sơn	Matit Nano Cao cấp Nội thất KN MT-02	bao		25kg/bao	Công ty TNHH Sơn Kova Nano Quốc Tế. Đc: số 91/22 đường Nguyễn Trung Trực, KP3, xã Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh. Đt: 0907777 589. Công văn đề nghị công bố giá số 01/KNV	Việt Nam	Không có thông tin	Bao vận chuyển toàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá có hiệu lực từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	406.000	406.000	406.000	406.000	406.000	406.000	406.000	406.000	406.000	406.000	406.000	406.000	406.000	406.000	406.000
759	Sơn	Mastic dẻo Kova Nano Đa năng KN-D3	thùng		thùng 25 kg	Công ty TNHH Sơn Kova Nano Quốc Tế. Đc: số 91/22 đường Nguyễn Trung Trực, KP3, xã Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh. Đt: 0907777 589. Công văn đề nghị công bố giá số 01/KNV	Việt Nam	Không có thông tin	Bao vận chuyển toàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá có hiệu lực từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	840.000	840.000	840.000	840.000	840.000	840.000	840.000	840.000	840.000	840.000	840.000	840.000	840.000	840.000	840.000
760	Sơn	Chống thấm Nano pha xi măng KN CT-16AXM-S				Công ty TNHH Sơn Kova Nano Quốc Tế. Đc: số 91/22 đường Nguyễn Trung Trực, KP3, xã Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh. Đt: 0907777 589. Công văn đề nghị công bố giá số 01/KNV	Việt Nam	Không có thông tin	Bao vận chuyển toàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá có hiệu lực từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	3.116.000	3.116.000	3.116.000	3.116.000	3.116.000	3.116.000	3.116.000	3.116.000	3.116.000	3.116.000	3.116.000	3.116.000	3.116.000	3.116.000	3.116.000
761	Sơn	Chống thấm Nano pha xi măng KN CT-16AXM-T	thùng		thùng 15 lít	Công ty TNHH Sơn Kova Nano Quốc Tế. Đc: số 91/22 đường Nguyễn Trung Trực, KP3, xã Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh. Đt: 0907777 589. Công văn đề nghị công bố giá số 01/KNV	Việt Nam	Không có thông tin	Bao vận chuyển toàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá có hiệu lực từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	3.393.000	3.393.000	3.393.000	3.393.000	3.393.000	3.393.000	3.393.000	3.393.000	3.393.000	3.393.000	3.393.000	3.393.000	3.393.000	3.393.000	3.393.000
762	Sơn	Chống thấm Nano trong suốt KN CT-16A CLEAR	thùng		thùng 15 lít	Công ty TNHH Sơn Kova Nano Quốc Tế. Đc: số 91/22 đường Nguyễn Trung Trực, KP3, xã Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh. Đt: 0907777 589. Công văn đề nghị công bố giá số 01/KNV	Việt Nam	Không có thông tin	Bao vận chuyển toàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá có hiệu lực từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	3.275.000	3.275.000	3.275.000	3.275.000	3.275.000	3.275.000	3.275.000	3.275.000	3.275.000	3.275.000	3.275.000	3.275.000	3.275.000	3.275.000	3.275.000
763	Sơn	Chống thấm Nano trong suốt Đặc biệt KN CT-16A CLEAR-DB	thùng		thùng 15 lít	Công ty TNHH Sơn Kova Nano Quốc Tế. Đc: số 91/22 đường Nguyễn Trung Trực, KP3, xã Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh. Đt: 0907777 589. Công văn đề nghị công bố giá số 01/KNV	Việt Nam	Không có thông tin	Bao vận chuyển toàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá có hiệu lực từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	3.775.000	3.775.000	3.775.000	3.775.000	3.775.000	3.775.000	3.775.000	3.775.000	3.775.000	3.775.000	3.775.000	3.775.000	3.775.000	3.775.000	3.775.000
764	Sơn	Sơn lót Nano đa năng KN-SIDN	thùng		thùng 15 lít	Công ty TNHH Sơn Kova Nano Quốc Tế. Đc: số 91/22 đường Nguyễn Trung Trực, KP3, xã Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh. Đt: 0907777 589. Công văn đề nghị công bố giá số 01/KNV	Việt Nam	Không có thông tin	Bao vận chuyển toàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá có hiệu lực từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	5.896.000	5.896.000	5.896.000	5.896.000	5.896.000	5.896.000	5.896.000	5.896.000	5.896.000	5.896.000	5.896.000	5.896.000	5.896.000	5.896.000	5.896.000
765	Sơn	Sơn lót Nano chống kiềm đa năng KN S1-LCK	thùng		thùng 15 lít	Công ty TNHH Sơn Kova Nano Quốc Tế. Đc: số 91/22 đường Nguyễn Trung Trực, KP3, xã Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh. Đt: 0907777 589. Công văn đề nghị công bố giá số 01/KNV	Việt Nam	Không có thông tin	Bao vận chuyển toàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá có hiệu lực từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	2.750.000	2.750.000	2.750.000	2.750.000	2.750.000	2.750.000	2.750.000	2.750.000	2.750.000	2.750.000	2.750.000	2.750.000	2.750.000	2.750.000	2.750.000
766	Sơn	Sơn lót Nano Nội & Ngoại thất Tiêu chuẩn KN S1-TC	thùng		thùng 15 lít	Công ty TNHH Sơn Kova Nano Quốc Tế. Đc: số 91/22 đường Nguyễn Trung Trực, KP3, xã Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh. Đt: 0907777 589. Công văn đề nghị công bố giá số 01/KNV	Việt Nam	Không có thông tin	Bao vận chuyển toàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá có hiệu lực từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	1.950.000	1.950.000	1.950.000	1.950.000	1.950.000	1.950.000	1.950.000	1.950.000	1.950.000	1.950.000	1.950.000	1.950.000	1.950.000	1.950.000	1.950.000

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng) (đồng)														
												Khu vực Tân An	Khu vực Tân Trụ	Khu vực Châu Thành	Khu vực Thủ Thừa	Khu vực Bến Lức	Khu vực Cần Giuộc	Khu vực Cần Đước	Khu vực Tân Thạnh	Khu vực Thạnh Hóa	Khu vực Tân Hưng	Khu vực Vĩnh Hưng	Khu vực Kiến Tường	Khu vực Mộc Hóa	Khu vực Đức Hòa	Khu vực Đức Huệ
767	Sơn	Sơn phủ Nano chống nóng-Hệ nước 1 thành phần dùng cho mái tole & tường nhà xưởng KN S6	kg		bộ 5kg	Công ty TNHH Sơn Kova Nano Quốc Tế. Đc: số 91/22 đường Nguyễn Trung Trực, KP3, xã Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh. Đt: 0907777 589. Công văn đề nghị công bố giá số 01/KNV	Việt Nam	Không có thông tin	Bao vận chuyển toàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá có hiệu lực từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	5.692.000	5.692.000	5.692.000	5.692.000	5.692.000	5.692.000	5.692.000	5.692.000	5.692.000	5.692.000	5.692.000	5.692.000	5.692.000	5.692.000	5.692.000
768	Sơn	Keo epoxy nano Mastic KL5-01	lít		bộ 5lít	Công ty TNHH Sơn Kova Nano Quốc Tế. Đc: số 91/22 đường Nguyễn Trung Trực, KP3, xã Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh. Đt: 0907777 589. Công văn đề nghị công bố giá số 01/KNV	Việt Nam	Không có thông tin	Bao vận chuyển toàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá có hiệu lực từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	653.000	653.000	653.000	653.000	653.000	653.000	653.000	653.000	653.000	653.000	653.000	653.000	653.000	653.000	653.000
769	Sơn	Sơn lót Nano Epoxy tự dàn trải KL5-02	lít		bộ 5lít	Công ty TNHH Sơn Kova Nano Quốc Tế. Đc: số 91/22 đường Nguyễn Trung Trực, KP3, xã Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh. Đt: 0907777 589. Công văn đề nghị công bố giá số 01/KNV	Việt Nam	Không có thông tin	Bao vận chuyển toàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá có hiệu lực từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	653.000	653.000	653.000	653.000	653.000	653.000	653.000	653.000	653.000	653.000	653.000	653.000	653.000	653.000	653.000
770	Sơn	Sơn lót Nano chống gỉ Epoxy dành cho bề mặt Sắt, Thép Kim loại KL5-04	lít		bộ 5lít	Công ty TNHH Sơn Kova Nano Quốc Tế. Đc: số 91/22 đường Nguyễn Trung Trực, KP3, xã Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh. Đt: 0907777 589. Công văn đề nghị công bố giá số 01/KNV	Việt Nam	Không có thông tin	Bao vận chuyển toàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá có hiệu lực từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	1.639.000	1.639.000	1.639.000	1.639.000	1.639.000	1.639.000	1.639.000	1.639.000	1.639.000	1.639.000	1.639.000	1.639.000	1.639.000	1.639.000	1.639.000
771	Sơn	Sơn phủ Nano Epoxy kim loại & tàu biển KL5-05	lít		bộ 5lít	Công ty TNHH Sơn Kova Nano Quốc Tế. Đc: số 91/22 đường Nguyễn Trung Trực, KP3, xã Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh. Đt: 0907777 589. Công văn đề nghị công bố giá số 01/KNV	Việt Nam	Không có thông tin	Bao vận chuyển toàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá có hiệu lực từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	1.787.000	1.787.000	1.787.000	1.787.000	1.787.000	1.787.000	1.787.000	1.787.000	1.787.000	1.787.000	1.787.000	1.787.000	1.787.000	1.787.000	1.787.000
772	Sơn	Sơn Nano giao thông không phản quang KN-GT02 (vàng, đỏ)	lít		thùng 15 lít	Công ty TNHH Sơn Kova Nano Quốc Tế. Đc: số 91/22 đường Nguyễn Trung Trực, KP3, xã Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh. Đt: 0907777 589. Công văn đề nghị công bố giá số 01/KNV	Việt Nam	Không có thông tin	Bao vận chuyển toàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá có hiệu lực từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	5.380.000	5.380.000	5.380.000	5.380.000	5.380.000	5.380.000	5.380.000	5.380.000	5.380.000	5.380.000	5.380.000	5.380.000	5.380.000	5.380.000	5.380.000
773	Sơn	Sơn Nano viết bảng KN-WB	kg		Thùng 5kg	Công ty TNHH Sơn Kova Nano Quốc Tế. Đc: số 91/22 đường Nguyễn Trung Trực, KP3, xã Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh. Đt: 0907777 589. Công văn đề nghị công bố giá số 01/KNV	Việt Nam	Không có thông tin	Bao vận chuyển toàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá có hiệu lực từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	2.572.000	2.572.000	2.572.000	2.572.000	2.572.000	2.572.000	2.572.000	2.572.000	2.572.000	2.572.000	2.572.000	2.572.000	2.572.000	2.572.000	2.572.000
774	Sơn	Sơn Phủ nano Kháng khuẩn KN DB-KK	lít		thùng 15 lít	Công ty TNHH Sơn Kova Nano Quốc Tế. Đc: số 91/22 đường Nguyễn Trung Trực, KP3, xã Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh. Đt: 0907777 589. Công văn đề nghị công bố giá số 01/KNV	Việt Nam	Không có thông tin	Bao vận chuyển toàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá có hiệu lực từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	6.173.000	6.173.000	6.173.000	6.173.000	6.173.000	6.173.000	6.173.000	6.173.000	6.173.000	6.173.000	6.173.000	6.173.000	6.173.000	6.173.000	6.173.000
775	Sơn	Sơn phủ Nano Tự làm sạch KN DB-TLS	lít		thùng 15 lít	Công ty TNHH Sơn Kova Nano Quốc Tế. Đc: số 91/22 đường Nguyễn Trung Trực, KP3, xã Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh. Đt: 0907777 589. Công văn đề nghị công bố giá số 01/KNV	Việt Nam	Không có thông tin	Bao vận chuyển toàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá có hiệu lực từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	6.173.000	6.173.000	6.173.000	6.173.000	6.173.000	6.173.000	6.173.000	6.173.000	6.173.000	6.173.000	6.173.000	6.173.000	6.173.000	6.173.000	6.173.000
776	Sơn	Sơn giao thông phản quang nhiệt dẻo (nhãn hiệu SIC)- Màu trắng	kg	TCVN 8791:2011	bao 25kg	Công ty CP ĐT XD TM SIC. Đc: Thanh Mỹ Tây, TP.HCM - Đt: 0911 026 996. Công văn đề nghị công bố giá số 1007.2/2026/SIC-SXD ngày 10/07/2026	Việt Nam	Theo thoả thuận	Giá bán tại nhà máy, địa chỉ: 1488 Đồng Khởi, P.Trảng Dài, TP.Đồng Nai	Mức giá có hiệu lực từ ngày 10/07/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	25.500	25.500	25.500	25.500	25.500	25.500	25.500	25.500	25.500	25.500	25.500	25.500	25.500	25.500	25.500
777	Sơn	Sơn giao thông phản quang nhiệt dẻo (nhãn hiệu SIC)- Màu vàng	kg	TCVN 8791:2011	bao 25kg	Công ty CP ĐT XD TM SIC. Đc: Thanh Mỹ Tây, TP.HCM - Đt: 0911 026 996. Công văn đề nghị công bố giá số 1007.2/2026/SIC-SXD ngày 10/07/2026	Việt Nam	Theo thoả thuận	Giá bán tại nhà máy, địa chỉ: 1488 Đồng Khởi, P.Trảng Dài, TP.Đồng Nai	Mức giá có hiệu lực từ ngày 10/07/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	26.000	26.000	26.000	26.000	26.000	26.000	26.000	26.000	26.000	26.000	26.000	26.000	26.000	26.000	26.000
778	Sơn	Sơn giao thông phản quang nhiệt dẻo làm gờ giảm tốc /sơn gỗ (nhãn hiệu SIC)- Màu trắng	kg	TCVN 8791:2011	bao 25kg	Công ty CP ĐT XD TM SIC. Đc: Thanh Mỹ Tây, TP.HCM - Đt: 0911 026 996. Công văn đề nghị công bố giá số 1007.2/2026/SIC-SXD ngày 10/07/2026	Việt Nam	Theo thoả thuận	Giá bán tại nhà máy, địa chỉ: 1488 Đồng Khởi, P.Trảng Dài, TP.Đồng Nai	Mức giá có hiệu lực từ ngày 10/07/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	25.500	25.500	25.500	25.500	25.500	25.500	25.500	25.500	25.500	25.500	25.500	25.500	25.500	25.500	25.500
779	Sơn	Sơn giao thông phản quang nhiệt dẻo làm gờ giảm tốc /sơn gỗ (nhãn hiệu SIC)- Màu vàng	kg	TCVN 8791:2011	bao 25kg	Công ty CP ĐT XD TM SIC. Đc: Thanh Mỹ Tây, TP.HCM - Đt: 0911 026 996. Công văn đề nghị công bố giá số 1007.2/2026/SIC-SXD ngày 10/07/2026	Việt Nam	Theo thoả thuận	Giá bán tại nhà máy, địa chỉ: 1488 Đồng Khởi, P.Trảng Dài, TP.Đồng Nai	Mức giá có hiệu lực từ ngày 10/07/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	26.000	26.000	26.000	26.000	26.000	26.000	26.000	26.000	26.000	26.000	26.000	26.000	26.000	26.000	26.000
780	Sơn	Sơn giao thông hệ nước W02 (thần hiệu SIC)	kg	TCVN 8786:2011	thùng 5kg, 20kg	Công ty CP ĐT XD TM SIC. Đc: Thanh Mỹ Tây, TP.HCM - Đt: 0911 026 996. Công văn đề nghị công bố giá số 1007.2/2026/SIC-SXD ngày 10/07/2026	Việt Nam	Theo thoả thuận	Giá bán tại nhà máy, địa chỉ: 1488 Đồng Khởi, P.Trảng Dài, TP.Đồng Nai	Mức giá có hiệu lực từ ngày 10/07/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	85.000	85.000	85.000	85.000	85.000	85.000	85.000	85.000	85.000	85.000	85.000	85.000	85.000	85.000	85.000
781	Sơn	Keo lót cho sơn kẻ đường (nhãn hiệu SIC)	kg	TCVN 8787:2011	thùng 16 kg	Công ty CP ĐT XD TM SIC. Đc: Thanh Mỹ Tây, TP.HCM - Đt: 0911 026 996. Công văn đề nghị công bố giá số 1007.2/2026/SIC-SXD ngày 10/07/2026	Việt Nam	Theo thoả thuận	Giá bán tại nhà máy, địa chỉ: 1488 Đồng Khởi, P.Trảng Dài, TP.Đồng Nai	Mức giá có hiệu lực từ ngày 10/07/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	80.000	80.000	80.000	80.000	80.000	80.000	80.000	80.000	80.000	80.000	80.000	80.000	80.000	80.000	80.000
782	Sơn	Bột trét tường nội thất cao cấp	kg	TCVN 7239:2014	bao 40kg	Công ty CP ĐT XD TM SIC. Đc: Thanh Mỹ Tây, TP.HCM - Đt: 0911 026 996. Công văn đề nghị công bố giá số 1007.2/2026/SIC-SXD ngày 10/07/2026	Việt Nam	Theo thoả thuận	Giá bán tại nhà máy, địa chỉ: 1488 Đồng Khởi, P.Trảng Dài, TP.Đồng Nai	Mức giá có hiệu lực từ ngày 10/07/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	4.700	4.700	4.700	4.700	4.700	4.700	4.700	4.700	4.700	4.700	4.700	4.700	4.700	4.700	4.700
783	Sơn	Bột trét tường ngoại thất cao cấp	kg	TCVN 7239:2014	bao 40kg	Công ty CP ĐT XD TM SIC. Đc: Thanh Mỹ Tây, TP.HCM - Đt: 0911 026 996. Công văn đề nghị công bố giá số 1007.2/2026/SIC-SXD ngày 10/07/2026	Việt Nam	Theo thoả thuận	Giá bán tại nhà máy, địa chỉ: 1488 Đồng Khởi, P.Trảng Dài, TP.Đồng Nai	Mức giá có hiệu lực từ ngày 10/07/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	5.000	5.000	5.000	5.000	5.000	5.000	5.000	5.000	5.000	5.000	5.000	5.000	5.000	5.000	5.000
784	Sơn	Sơn lót chống kiềm nội thất	lít	QCVN 16:2019/BXD	thùng 5L, 18L	Công ty CP ĐT XD TM SIC. Đc: Thanh Mỹ Tây, TP.HCM - Đt: 0911 026 996. Công văn đề nghị công bố giá số 1007.2/2026/SIC-SXD ngày 10/07/2026	Việt Nam	Theo thoả thuận	Giá bán tại nhà máy, địa chỉ: 1488 Đồng Khởi, P.Trảng Dài, TP.Đồng Nai	Mức giá có hiệu lực từ ngày 10/07/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	44.000	44.000	44.000	44.000	44.000	44.000	44.000	44.000	44.000	44.000	44.000	44.000	44.000	44.000	44.000

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng) (đồng)														
												Khu vực Tân An	Khu vực Tân Trụ	Khu vực Châu Thành	Khu vực Thủ Thừa	Khu vực Bến Lức	Khu vực Cần Giuộc	Khu vực Cần Đước	Khu vực Tân Thạnh	Khu vực Thạnh Hóa	Khu vực Tân Hưng	Khu vực Vĩnh Hưng	Khu vực Kiến Tường	Khu vực Mộc Hóa	Khu vực Đức Hòa	Khu vực Đức Huệ
785	Sơn	Sơn lót chống kiềm ngoại thất	lít	QCVN 16:2019/BXD	thùng 5L, 18L	Công ty CP ĐT XD TM SIC. Đc: Thanh Mỹ Tây, TP.HCM - Đt: 0911 026 996. Công văn đề nghị công bố giá số 1007.2/2026/SIC-SXD ngày 10/07/2026	Việt Nam	Theo thoả thuận	Giá bán tại nhà máy, địa chỉ: 1488 Đồng Khởi, P.Trảng Dài, TP.Đồng Nai	Mức giá có hiệu lực từ ngày 10/07/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	50.000	50.000	50.000	50.000	50.000	50.000	50.000	50.000	50.000	50.000	50.000	50.000	50.000	50.000	50.000
786	Sơn	Sơn nước nội thất S-Light chống nấm mốc	lít	QCVN 16:2019/BXD	thùng 5L, 18L	Công ty CP ĐT XD TM SIC. Đc: Thanh Mỹ Tây, TP.HCM - Đt: 0911 026 996. Công văn đề nghị công bố giá số 1007.2/2026/SIC-SXD ngày 10/07/2026	Việt Nam	Theo thoả thuận	Giá bán tại nhà máy, địa chỉ: 1488 Đồng Khởi, P.Trảng Dài, TP.Đồng Nai	Mức giá có hiệu lực từ ngày 10/07/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	40.000	40.000	40.000	40.000	40.000	40.000	40.000	40.000	40.000	40.000	40.000	40.000	40.000	40.000	40.000
787	Sơn	Sơn nước nội thất cao cấp SIC INTERIOR dễ lau chùi	lít	QCVN 16:2019/BXD	thùng 5L, 18L	Công ty CP ĐT XD TM SIC. Đc: Thanh Mỹ Tây, TP.HCM - Đt: 0911 026 996. Công văn đề nghị công bố giá số 1007.2/2026/SIC-SXD ngày 10/07/2026	Việt Nam	Theo thoả thuận	Giá bán tại nhà máy, địa chỉ: 1488 Đồng Khởi, P.Trảng Dài, TP.Đồng Nai	Mức giá có hiệu lực từ ngày 10/07/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	70.000	70.000	70.000	70.000	70.000	70.000	70.000	70.000	70.000	70.000	70.000	70.000	70.000	70.000	70.000
788	Sơn	Sơn nước ngoại thất cao cấp SIC EXTERIOR che phủ vết nứt	lít	QCVN 16:2019/BXD	thùng 5L, 18L	Công ty CP ĐT XD TM SIC. Đc: Thanh Mỹ Tây, TP.HCM - Đt: 0911 026 996. Công văn đề nghị công bố giá số 1007.2/2026/SIC-SXD ngày 10/07/2026	Việt Nam	Theo thoả thuận	Giá bán tại nhà máy, địa chỉ: 1488 Đồng Khởi, P.Trảng Dài, TP.Đồng Nai	Mức giá có hiệu lực từ ngày 10/07/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	117.000	117.000	117.000	117.000	117.000	117.000	117.000	117.000	117.000	117.000	117.000	117.000	117.000	117.000	117.000
789	Sơn	Sơn nước ngoại thất cao cấp SIC SUPER EXTERIOR sạch vượt trội	lít	QCVN 16:2019/BXD	thùng 5L, 18L	Công ty CP ĐT XD TM SIC. Đc: Thanh Mỹ Tây, TP.HCM - Đt: 0911 026 996. Công văn đề nghị công bố giá số 1007.2/2026/SIC-SXD ngày 10/07/2026	Việt Nam	Theo thoả thuận	Giá bán tại nhà máy, địa chỉ: 1488 Đồng Khởi, P.Trảng Dài, TP.Đồng Nai	Mức giá có hiệu lực từ ngày 10/07/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	80.000	80.000	80.000	80.000	80.000	80.000	80.000	80.000	80.000	80.000	80.000	80.000	80.000	80.000	80.000
790	Sơn	Sơn nước ngoại thất cao cấp SIC WEATHER SHIELD bền màu tối ưu	lít	QCVN 16:2019/BXD	thùng 5L, 18L	Công ty CP ĐT XD TM SIC. Đc: Thanh Mỹ Tây, TP.HCM - Đt: 0911 026 996. Công văn đề nghị công bố giá số 1007.2/2026/SIC-SXD ngày 10/07/2026	Việt Nam	Theo thoả thuận	Giá bán tại nhà máy, địa chỉ: 1488 Đồng Khởi, P.Trảng Dài, TP.Đồng Nai	Mức giá có hiệu lực từ ngày 10/07/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	129.000	129.000	129.000	129.000	129.000	129.000	129.000	129.000	129.000	129.000	129.000	129.000	129.000	129.000	129.000
791	Sơn	Bột bả nội thất cao cấp J01	kg	TCVN 7239:2019	bao 40kg	Công ty CP Công nghệ xanh JINI Việt Nam. Đc nhà máy sản xuất ấp Bình Tiền 2, xã Đức Hoà, Tây Ninh -Đt: 0965413319. Công văn đề nghị công bố giá số 107/TPHCM-JINI ngày 10/07/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Đơn giá tại nhà máy	Từ ngày 10/07/2026 đến 10/01/2027	Bổ sung mới	8.300	8.300	8.300	8.300	8.300	8.300	8.300	8.300	8.300	8.300	8.300	8.300	8.300	8.300	8.300
792	Sơn	Bột bả ngoại thất cao cấp J02	kg	TCVN 7239:2019	bao 40kg	Công ty CP Công nghệ xanh JINI Việt Nam. Đc nhà máy sản xuất ấp Bình Tiền 2, xã Đức Hoà, Tây Ninh -Đt: 0965413319. Công văn đề nghị công bố giá số 107/TPHCM-JINI ngày 10/07/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Đơn giá tại nhà máy	Từ ngày 10/07/2026 đến 10/01/2027	Bổ sung mới	10.900	10.900	10.900	10.900	10.900	10.900	10.900	10.900	10.900	10.900	10.900	10.900	10.900	10.900	10.900
793	Sơn	Sơn siêu mịn nội thất cao cấp N800	lít	QCVN 16:2023/BXD	thùng 18 lít	Công ty CP Công nghệ xanh JINI Việt Nam. Đc nhà máy sản xuất ấp Bình Tiền 2, xã Đức Hoà, Tây Ninh -Đt: 0965413319. Công văn đề nghị công bố giá số 107/TPHCM-JINI ngày 10/07/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Đơn giá tại nhà máy	Từ ngày 10/07/2026 đến 10/01/2027	Bổ sung mới	55.400	55.400	55.400	55.400	55.400	55.400	55.400	55.400	55.400	55.400	55.400	55.400	55.400	55.400	55.400
794	Sơn	Sơn siêu mịn nội thất lau chùi cao cấp J67	lít	QCVN 16:2023/BXD	thùng 18 lít	Công ty CP Công nghệ xanh JINI Việt Nam. Đc nhà máy sản xuất ấp Bình Tiền 2, xã Đức Hoà, Tây Ninh -Đt: 0965413319. Công văn đề nghị công bố giá số 107/TPHCM-JINI ngày 10/07/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Đơn giá tại nhà máy	Từ ngày 10/07/2026 đến 10/01/2027	Bổ sung mới	138.500	138.500	138.500	138.500	138.500	138.500	138.500	138.500	138.500	138.500	138.500	138.500	138.500	138.500	138.500
795	Sơn	Sơn bóng semi nội thất cao cấp J68	lít	QCVN 16:2023/BXD	thùng 18 lít	Công ty CP Công nghệ xanh JINI Việt Nam. Đc nhà máy sản xuất ấp Bình Tiền 2, xã Đức Hoà, Tây Ninh -Đt: 0965413319. Công văn đề nghị công bố giá số 107/TPHCM-JINI ngày 10/07/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Đơn giá tại nhà máy	Từ ngày 10/07/2026 đến 10/01/2027	Bổ sung mới	199.200	199.200	199.200	199.200	199.200	199.200	199.200	199.200	199.200	199.200	199.200	199.200	199.200	199.200	199.200
796	Sơn	Sơn siêu bóng nội thất cao cấp 7 in 1 men sứ J69	lít	QCVN 16:2023/BXD	thùng 18 lít	Công ty CP Công nghệ xanh JINI Việt Nam. Đc nhà máy sản xuất ấp Bình Tiền 2, xã Đức Hoà, Tây Ninh -Đt: 0965413319. Công văn đề nghị công bố giá số 107/TPHCM-JINI ngày 10/07/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Đơn giá tại nhà máy	Từ ngày 10/07/2026 đến 10/01/2027	Bổ sung mới	265.000	265.000	265.000	265.000	265.000	265.000	265.000	265.000	265.000	265.000	265.000	265.000	265.000	265.000	265.000
797	Sơn	Sơn siêu trắng trần nội thất cao cấp J66	lít	QCVN 16:2023/BXD	thùng 18 lít	Công ty CP Công nghệ xanh JINI Việt Nam. Đc nhà máy sản xuất ấp Bình Tiền 2, xã Đức Hoà, Tây Ninh -Đt: 0965413319. Công văn đề nghị công bố giá số 107/TPHCM-JINI ngày 10/07/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Đơn giá tại nhà máy	Từ ngày 10/07/2026 đến 10/01/2027	Bổ sung mới	106.100	106.100	106.100	106.100	106.100	106.100	106.100	106.100	106.100	106.100	106.100	106.100	106.100	106.100	106.100
798	Sơn	Sơn siêu mịn ngoại thất cao cấp N810	lít	QCVN 16:2023/BXD	thùng 18 lít	Công ty CP Công nghệ xanh JINI Việt Nam. Đc nhà máy sản xuất ấp Bình Tiền 2, xã Đức Hoà, Tây Ninh -Đt: 0965413319. Công văn đề nghị công bố giá số 107/TPHCM-JINI ngày 10/07/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Đơn giá tại nhà máy	Từ ngày 10/07/2026 đến 10/01/2027	Bổ sung mới	123.800	123.800	123.800	123.800	123.800	123.800	123.800	123.800	123.800	123.800	123.800	123.800	123.800	123.800	123.800
799	Sơn	Sơn bóng ngoại thất cao cấp J35	lít	QCVN 16:2023/BXD	thùng 18 lít	Công ty CP Công nghệ xanh JINI Việt Nam. Đc nhà máy sản xuất ấp Bình Tiền 2, xã Đức Hoà, Tây Ninh -Đt: 0965413319. Công văn đề nghị công bố giá số 107/TPHCM-JINI ngày 10/07/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Đơn giá tại nhà máy	Từ ngày 10/07/2026 đến 10/01/2027	Bổ sung mới	258.900	258.900	258.900	258.900	258.900	258.900	258.900	258.900	258.900	258.900	258.900	258.900	258.900	258.900	258.900
800	Sơn	Sơn siêu bóng ngoại thất cao cấp 8 in 1 men sứ J86	lít	QCVN 16:2023/BXD	thùng 18 lít	Công ty CP Công nghệ xanh JINI Việt Nam. Đc nhà máy sản xuất ấp Bình Tiền 2, xã Đức Hoà, Tây Ninh -Đt: 0965413319. Công văn đề nghị công bố giá số 107/TPHCM-JINI ngày 10/07/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Đơn giá tại nhà máy	Từ ngày 10/07/2026 đến 10/01/2027	Bổ sung mới	304.800	304.800	304.800	304.800	304.800	304.800	304.800	304.800	304.800	304.800	304.800	304.800	304.800	304.800	304.800
801	Sơn	Sơn lau chùi hiệu quả ngoại thất cao cấp J87	lít	QCVN 16:2023/BXD	thùng 1.5 lít	Công ty CP Công nghệ xanh JINI Việt Nam. Đc nhà máy sản xuất ấp Bình Tiền 2, xã Đức Hoà, Tây Ninh -Đt: 0965413319. Công văn đề nghị công bố giá số 107/TPHCM-JINI ngày 10/07/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Đơn giá tại nhà máy	Từ ngày 10/07/2026 đến 10/01/2027	Bổ sung mới	206.200	206.200	206.200	206.200	206.200	206.200	206.200	206.200	206.200	206.200	206.200	206.200	206.200	206.200	206.200
802	Sơn	Sơn chống thấm đa năng pha xi măng J11A	lít	QCVN 16:2023/BXD	thùng 18 lít	Công ty CP Công nghệ xanh JINI Việt Nam. Đc nhà máy sản xuất ấp Bình Tiền 2, xã Đức Hoà, Tây Ninh -Đt: 0965413319. Công văn đề nghị công bố giá số 107/TPHCM-JINI ngày 10/07/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Đơn giá tại nhà máy	Từ ngày 10/07/2026 đến 10/01/2027	Bổ sung mới	174.700	174.700	174.700	174.700	174.700	174.700	174.700	174.700	174.700	174.700	174.700	174.700	174.700	174.700	174.700

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng) (đồng)														
												Khu vực Tân An	Khu vực Tân Trụ	Khu vực Châu Thành	Khu vực Thủ Thừa	Khu vực Bến Lức	Khu vực Cần Giuộc	Khu vực Cần Đước	Khu vực Tân Thạnh	Khu vực Thạnh Hóa	Khu vực Tân Hưng	Khu vực Vĩnh Hưng	Khu vực Kiến Tường	Khu vực Mộc Hóa	Khu vực Đức Hòa	Khu vực Đức Huệ
803	Sơn	Sơn chống thấm pha màu cao cấp J11M	lít	QCVN 16:2023/BXD	thùng 18 lít	Công ty CP Công nghệ xanh JINI Việt Nam. Đc nhà máy sản xuất ấp Bình Tiền 2, xã Đức Hoà, Tây Ninh -Đt: 0965413319. Công văn đề nghị công bố giá số 107/TPHCM-JINI ngày 10/07/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Đơn giá tại nhà máy	Từ ngày 10/07/2026 đến 10/01/2027	Bổ sung mới	219.100	219.100	219.100	219.100	219.100	219.100	219.100	219.100	219.100	219.100	219.100	219.100	219.100	219.100	219.100
804	Sơn	Sơn lót nội thất siêu mịn cao cấp N500	lít	TCVN 8652:2020	thùng 18 lít	Công ty CP Công nghệ xanh JINI Việt Nam. Đc nhà máy sản xuất ấp Bình Tiền 2, xã Đức Hoà, Tây Ninh -Đt: 0965413319. Công văn đề nghị công bố giá số 107/TPHCM-JINI ngày 10/07/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Đơn giá tại nhà máy	Từ ngày 10/07/2026 đến 10/01/2027	Bổ sung mới	55.200	55.200	55.200	55.200	55.200	55.200	55.200	55.200	55.200	55.200	55.200	55.200	55.200	55.200	55.200
805	Sơn	Sơn lót ngoại thất siêu mịn cao cấp N805	lít	TCVN 8652:2020	thùng 18 lít	Công ty CP Công nghệ xanh JINI Việt Nam. Đc nhà máy sản xuất ấp Bình Tiền 2, xã Đức Hoà, Tây Ninh -Đt: 0965413319. Công văn đề nghị công bố giá số 107/TPHCM-JINI ngày 10/07/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Đơn giá tại nhà máy	Từ ngày 10/07/2026 đến 10/01/2027	Bổ sung mới	94.000	94.000	94.000	94.000	94.000	94.000	94.000	94.000	94.000	94.000	94.000	94.000	94.000	94.000	94.000
806	Sơn	Sơn lót kháng kiềm nội thất cao cấp J65	lít	TCVN 8652:2020	thùng 18 lít	Công ty CP Công nghệ xanh JINI Việt Nam. Đc nhà máy sản xuất ấp Bình Tiền 2, xã Đức Hoà, Tây Ninh -Đt: 0965413319. Công văn đề nghị công bố giá số 107/TPHCM-JINI ngày 10/07/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Đơn giá tại nhà máy	Từ ngày 10/07/2026 đến 10/01/2027	Bổ sung mới	113.700	113.700	113.700	113.700	113.700	113.700	113.700	113.700	113.700	113.700	113.700	113.700	113.700	113.700	113.700
807	Sơn	Sơn lót kháng kiềm ngoại thất cao cấp J85	lít	TCVN 8652:2020	thùng 18 lít	Công ty CP Công nghệ xanh JINI Việt Nam. Đc nhà máy sản xuất ấp Bình Tiền 2, xã Đức Hoà, Tây Ninh -Đt: 0965413319. Công văn đề nghị công bố giá số 107/TPHCM-JINI ngày 10/07/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Đơn giá tại nhà máy	Từ ngày 10/07/2026 đến 10/01/2027	Bổ sung mới	189.400	189.400	189.400	189.400	189.400	189.400	189.400	189.400	189.400	189.400	189.400	189.400	189.400	189.400	189.400
808	Vật tư ngành điện	Cáp nhôm bọc hạ thế AV 35mm2	m			Công ty cổ phần dây cáp điện Việt Nam. Công văn số 4203/BG/ĐT ngày 04/04/2026	Việt Nam	Không có thông tin	hàng giao tại kho người mua	Mức giá được thực hiện từ ngày 04/04/2026 đến khi có thông báo mới hoặc đến 31/12/2026	Giá bán tăng	23.410	23.410	23.410	23.410	23.410	23.410	23.410	23.410	23.410	23.410	23.410	23.410	23.410	23.410	23.410
809	Vật tư ngành điện	Cáp nhôm bọc hạ thế AV 50mm2	m			Công ty cổ phần dây cáp điện Việt Nam. Công văn số 4203/BG/ĐT ngày 04/04/2026	Việt Nam	Không có thông tin	hàng giao tại kho người mua	Mức giá được thực hiện từ ngày 04/04/2026 đến khi có thông báo mới hoặc đến 31/12/2026	Giá bán tăng	32.750	32.750	32.750	32.750	32.750	32.750	32.750	32.750	32.750	32.750	32.750	32.750	32.750	32.750	32.750
810	Vật tư ngành điện	Cáp nhôm bọc hạ thế AV 70mm2	m			Công ty cổ phần dây cáp điện Việt Nam. Công văn số 4203/BG/ĐT ngày 04/04/2026	Việt Nam	Không có thông tin	hàng giao tại kho người mua	Mức giá được thực hiện từ ngày 04/04/2026 đến khi có thông báo mới hoặc đến 31/12/2026	Giá bán tăng	44.220	44.220	44.220	44.220	44.220	44.220	44.220	44.220	44.220	44.220	44.220	44.220	44.220	44.220	44.220
811	Vật tư ngành điện	Cáp nhôm bọc hạ thế AV 95mm2	m			Công ty cổ phần dây cáp điện Việt Nam. Công văn số 4203/BG/ĐT ngày 04/04/2026	Việt Nam	Không có thông tin	hàng giao tại kho người mua	Mức giá được thực hiện từ ngày 04/04/2026 đến khi có thông báo mới hoặc đến 31/12/2026	Giá bán tăng	60.110	60.110	60.110	60.110	60.110	60.110	60.110	60.110	60.110	60.110	60.110	60.110	60.110	60.110	60.110
812	Vật tư ngành điện	Cáp nhôm bọc hạ thế AV 120mm2	m			Công ty cổ phần dây cáp điện Việt Nam. Công văn số 4203/BG/ĐT ngày 04/04/2026	Việt Nam	Không có thông tin	hàng giao tại kho người mua	Mức giá được thực hiện từ ngày 04/04/2026 đến khi có thông báo mới hoặc đến 31/12/2026	Giá bán tăng	73.070	73.070	73.070	73.070	73.070	73.070	73.070	73.070	73.070	73.070	73.070	73.070	73.070	73.070	73.070
813	Vật tư ngành điện	Cáp nhôm bọc hạ thế AV 240mm2	m			Công ty cổ phần dây cáp điện Việt Nam. Công văn số 4203/BG/ĐT ngày 04/04/2026	Việt Nam	Không có thông tin	hàng giao tại kho người mua	Mức giá được thực hiện từ ngày 04/04/2026 đến khi có thông báo mới hoặc đến 31/12/2026	Giá bán tăng	145.560	145.560	145.560	145.560	145.560	145.560	145.560	145.560	145.560	145.560	145.560	145.560	145.560	145.560	145.560
814	Vật tư ngành điện	Cáp nhôm trần lõi thép AC 35mm2 (35/6,2) (149kg/km)	kg			Công ty cổ phần dây cáp điện Việt Nam. Công văn số 4203/BG/ĐT ngày 04/04/2026	Việt Nam	Không có thông tin	hàng giao tại kho người mua	Mức giá được thực hiện từ ngày 04/04/2026 đến khi có thông báo mới hoặc đến 31/12/2026	Giá bán tăng	146.415	146.415	146.415	146.415	146.415	146.415	146.415	146.415	146.415	146.415	146.415	146.415	146.415	146.415	146.415
815	Vật tư ngành điện	Cáp nhôm trần lõi thép AC 50mm2 (50/8) (195kg/km)	kg			Công ty cổ phần dây cáp điện Việt Nam. Công văn số 4203/BG/ĐT ngày 04/04/2026	Việt Nam	Không có thông tin	hàng giao tại kho người mua	Mức giá được thực hiện từ ngày 04/04/2026 đến khi có thông báo mới hoặc đến 31/12/2026	Giá bán tăng	151.168	151.168	151.168	151.168	151.168	151.168	151.168	151.168	151.168	151.168	151.168	151.168	151.168	151.168	151.168
816	Vật tư ngành điện	Cáp nhôm trần lõi thép ACSR 70/11mm2 (274kg/km)	kg			Công ty cổ phần dây cáp điện Việt Nam. Công văn số 4203/BG/ĐT ngày 04/04/2026	Việt Nam	Không có thông tin	hàng giao tại kho người mua	Mức giá được thực hiện từ ngày 04/04/2026 đến khi có thông báo mới hoặc đến 31/12/2026	Giá bán tăng	149.926	149.926	149.926	149.926	149.926	149.926	149.926	149.926	149.926	149.926	149.926	149.926	149.926	149.926	149.926
817	Vật tư ngành điện	Cáp nhôm trần lõi thép ACSR 95/16mm2 (384kg/km)	kg			Công ty cổ phần dây cáp điện Việt Nam. Công văn số 4203/BG/ĐT ngày 04/04/2026	Việt Nam	Không có thông tin	hàng giao tại kho người mua	Mức giá được thực hiện từ ngày 04/04/2026 đến khi có thông báo mới hoặc đến 31/12/2026	Giá bán tăng	148.165	148.165	148.165	148.165	148.165	148.165	148.165	148.165	148.165	148.165	148.165	148.165	148.165	148.165	148.165
818	Vật tư ngành điện	Cáp nhôm trần lõi thép AC 120mm2 (120/19) (471kg/km)	kg			Công ty cổ phần dây cáp điện Việt Nam. Công văn số 4203/BG/ĐT ngày 04/04/2026	Việt Nam	Không có thông tin	hàng giao tại kho người mua	Mức giá được thực hiện từ ngày 04/04/2026 đến khi có thông báo mới hoặc đến 31/12/2026	Giá bán tăng	159.343	159.343	159.343	159.343	159.343	159.343	159.343	159.343	159.343	159.343	159.343	159.343	159.343	159.343	159.343
819	Vật tư ngành điện	Cáp nhôm trần lõi thép ACSR 150/19 (554kg/km)	kg			Công ty cổ phần dây cáp điện Việt Nam. Công văn số 4203/BG/ĐT ngày 04/04/2026	Việt Nam	Không có thông tin	hàng giao tại kho người mua	Mức giá được thực hiện từ ngày 04/04/2026 đến khi có thông báo mới hoặc đến 31/12/2026	Giá bán tăng	159.300	159.300	159.300	159.300	159.300	159.300	159.300	159.300	159.300	159.300	159.300	159.300	159.300	159.300	159.300
820	Vật tư ngành điện	Cáp nhôm trần lõi thép AC 185mm2 (185/24) (705kg/km)	kg			Công ty cổ phần dây cáp điện Việt Nam. Công văn số 4203/BG/ĐT ngày 04/04/2026	Việt Nam	Không có thông tin	hàng giao tại kho người mua	Mức giá được thực hiện từ ngày 04/04/2026 đến khi có thông báo mới hoặc đến 31/12/2026	Giá bán tăng	153.846	153.846	153.846	153.846	153.846	153.846	153.846	153.846	153.846	153.846	153.846	153.846	153.846	153.846	153.846
821	Vật tư ngành điện	Cáp nhôm trần lõi thép AC 185mm2 (185/29)	kg			Công ty cổ phần dây cáp điện Việt Nam. Công văn số 4203/BG/ĐT ngày 04/04/2026	Việt Nam	Không có thông tin	hàng giao tại kho người mua	Mức giá được thực hiện từ ngày 04/04/2026 đến khi có thông báo mới hoặc đến 31/12/2026	Giá bán tăng	149.764	149.764	149.764	149.764	149.764	149.764	149.764	149.764	149.764	149.764	149.764	149.764	149.764	149.764	149.764
822	Vật tư ngành điện	Cáp nhôm trần lõi thép AC 240mm2 (240/32) (920kg/km)	kg			Công ty cổ phần dây cáp điện Việt Nam. Công văn số 4203/BG/ĐT ngày 04/04/2026	Việt Nam	Không có thông tin	hàng giao tại kho người mua	Mức giá được thực hiện từ ngày 04/04/2026 đến khi có thông báo mới hoặc đến 31/12/2026	Giá bán tăng	154.008	154.008	154.008	154.008	154.008	154.008	154.008	154.008	154.008	154.008	154.008	154.008	154.008	154.008	154.008
823	Vật tư ngành điện	Dây đồng đơn 600V 30/10	m			Công ty cổ phần dây cáp điện Việt Nam. Công văn số 4203/BG/ĐT ngày 04/04/2026	Việt Nam	Không có thông tin	hàng giao tại kho người mua	Mức giá được thực hiện từ ngày 04/04/2026 đến khi có thông báo mới hoặc đến 31/12/2026	Giá bán tăng	23.220	23.220	23.220	23.220	23.220	23.220	23.220	23.220	23.220	23.220	23.220	23.220	23.220	23.220	23.220
824	Vật tư ngành điện	Cáp đồng bọc hạ thế CV 16mm2	m			Công ty cổ phần dây cáp điện Việt Nam. Công văn số 4203/BG/ĐT ngày 04/04/2026	Việt Nam	Không có thông tin	hàng giao tại kho người mua	Mức giá được thực hiện từ ngày 04/04/2026 đến khi có thông báo mới hoặc đến 31/12/2026	Giá bán tăng	94.930	94.930	94.930	94.930	94.930	94.930	94.930	94.930	94.930	94.930	94.930	94.930	94.930	94.930	94.930
825	Vật tư ngành điện	Cáp đồng bọc hạ thế CV 25mm2	m			Công ty cổ phần dây cáp điện Việt Nam. Công văn số 4203/BG/ĐT ngày 04/04/2026	Việt Nam	Không có thông tin	hàng giao tại kho người mua	Mức giá được thực hiện từ ngày 04/04/2026 đến khi có thông báo mới hoặc đến 31/12/2026	Giá bán tăng	143.990	143.990	143.990	143.990	143.990	143.990	143.990	143.990	143.990	143.990	143.990	143.990	143.990	143.990	143.990
826	Vật tư ngành điện	Cáp đồng bọc hạ thế CV 35mm2	m			Công ty cổ phần dây cáp điện Việt Nam. Công văn số 4203/BG/ĐT ngày 04/04/2026	Việt Nam	Không có thông tin	hàng giao tại kho người mua	Mức giá được thực hiện từ ngày 04/04/2026 đến khi có thông báo mới hoặc đến 31/12/2026	Giá bán tăng	199.220	199.220	199.220	199.220	199.220	199.220	199.220	199.220	199.220	199.220	199.220	199.220	199.220	199.220	199.220
827	Vật tư ngành điện	Cáp đồng bọc hạ thế CV 50mm2	m			Công ty cổ phần dây cáp điện Việt Nam. Công văn số 4203/BG/ĐT ngày 04/04/2026	Việt Nam	Không có thông tin	hàng giao tại kho người mua	Mức giá được thực hiện từ ngày 04/04/2026 đến khi có thông báo mới hoặc đến 31/12/2026	Giá bán tăng	272.570	272.570	272.570	272.570	272.570	272.570	272.570	272.570	272.570	272.570	272.570	272.570	272.570	272.570	272.570

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng) (đồng)														
												Khu vực Tân An	Khu vực Tân Trụ	Khu vực Châu Thành	Khu vực Thủ Thừa	Khu vực Bến Lức	Khu vực Cần Giuộc	Khu vực Cần Đước	Khu vực Tân Thạnh	Khu vực Thạnh Hóa	Khu vực Tân Hưng	Khu vực Vĩnh Hưng	Khu vực Kiến Tường	Khu vực Mộc Hóa	Khu vực Đức Hòa	Khu vực Đức Huệ
828	Vật tư ngành điện	Cáp đồng bọc hạ thế CV 70mm2	m			Công ty cổ phần dây cáp điện Việt Nam. Công văn số 4203/BG/ĐT ngày 04/04/2026	Việt Nam	Không có thông tin	hàng giao tại kho người mua	Mức giá được thực hiện từ ngày 04/04/2026 đến khi có thông báo mới hoặc đến 31/12/2026	Giá bán tăng	388.850	388.850	388.850	388.850	388.850	388.850	388.850	388.850	388.850	388.850	388.850	388.850	388.850	388.850
829	Vật tư ngành điện	Cáp đồng bọc hạ thế CV 95mm2	m			Công ty cổ phần dây cáp điện Việt Nam. Công văn số 4203/BG/ĐT ngày 04/04/2026	Việt Nam	Không có thông tin	hàng giao tại kho người mua	Mức giá được thực hiện từ ngày 04/04/2026 đến khi có thông báo mới hoặc đến 31/12/2026	Giá bán tăng	537.710	537.710	537.710	537.710	537.710	537.710	537.710	537.710	537.710	537.710	537.710	537.710	537.710	537.710
830	Vật tư ngành điện	Cáp đồng bọc hạ thế CV 120mm2	m			Công ty cổ phần dây cáp điện Việt Nam. Công văn số 4203/BG/ĐT ngày 04/04/2026	Việt Nam	Không có thông tin	hàng giao tại kho người mua	Mức giá được thực hiện từ ngày 04/04/2026 đến khi có thông báo mới hoặc đến 31/12/2026	Giá bán tăng	700.360	700.360	700.360	700.360	700.360	700.360	700.360	700.360	700.360	700.360	700.360	700.360	700.360	700.360
831	Vật tư ngành điện	Cáp đồng bọc hạ thế CV 150mm2	m			Công ty cổ phần dây cáp điện Việt Nam. Công văn số 4203/BG/ĐT ngày 04/04/2026	Việt Nam	Không có thông tin	hàng giao tại kho người mua	Mức giá được thực hiện từ ngày 04/04/2026 đến khi có thông báo mới hoặc đến 31/12/2026	Giá bán tăng	837.100	837.100	837.100	837.100	837.100	837.100	837.100	837.100	837.100	837.100	837.100	837.100	837.100	837.100
832	Vật tư ngành điện	Cáp đồng bọc hạ thế CV 185mm2	m			Công ty cổ phần dây cáp điện Việt Nam. Công văn số 4203/BG/ĐT ngày 04/04/2026	Việt Nam	Không có thông tin	hàng giao tại kho người mua	Mức giá được thực hiện từ ngày 04/04/2026 đến khi có thông báo mới hoặc đến 31/12/2026	Giá bán tăng	1.045.200	1.045.200	1.045.200	1.045.200	1.045.200	1.045.200	1.045.200	1.045.200	1.045.200	1.045.200	1.045.200	1.045.200	1.045.200	1.045.200
833	Vật tư ngành điện	Cáp đồng bọc hạ thế CV 240mm2	m			Công ty cổ phần dây cáp điện Việt Nam. Công văn số 4203/BG/ĐT ngày 04/04/2026	Việt Nam	Không có thông tin	hàng giao tại kho người mua	Mức giá được thực hiện từ ngày 04/04/2026 đến khi có thông báo mới hoặc đến 31/12/2026	Giá bán tăng	1.369.560	1.369.560	1.369.560	1.369.560	1.369.560	1.369.560	1.369.560	1.369.560	1.369.560	1.369.560	1.369.560	1.369.560	1.369.560	1.369.560
834	Vật tư ngành điện	Cáp đồng bọc hạ thế CV 300 mm2	m			Công ty cổ phần dây cáp điện Việt Nam. Công văn số 4203/BG/ĐT ngày 04/04/2026	Việt Nam	Không có thông tin	hàng giao tại kho người mua	Mức giá được thực hiện từ ngày 04/04/2026 đến khi có thông báo mới hoặc đến 31/12/2026	Giá bán tăng	1.752.200	1.752.200	1.752.200	1.752.200	1.752.200	1.752.200	1.752.200	1.752.200	1.752.200	1.752.200	1.752.200	1.752.200	1.752.200	1.752.200
835	Vật tư ngành điện	Cáp đồng trần xoắn C25mm2 (224kg/km)	kg			Công ty cổ phần dây cáp điện Việt Nam. Công văn số 4203/BG/ĐT ngày 04/04/2026	Việt Nam	Không có thông tin	hàng giao tại kho người mua	Mức giá được thực hiện từ ngày 04/04/2026 đến khi có thông báo mới hoặc đến 31/12/2026	Giá bán tăng	651.186	651.186	651.186	651.186	651.186	651.186	651.186	651.186	651.186	651.186	651.186	651.186	651.186	651.186
836	Vật tư ngành điện	Cáp đồng trần xoắn C50mm2 (444kg/km)	kg			Công ty cổ phần dây cáp điện Việt Nam. Công văn số 4203/BG/ĐT ngày 04/04/2026	Việt Nam	Không có thông tin	hàng giao tại kho người mua	Mức giá được thực hiện từ ngày 04/04/2026 đến khi có thông báo mới hoặc đến 31/12/2026	Giá bán tăng	644.976	644.976	644.976	644.976	644.976	644.976	644.976	644.976	644.976	644.976	644.976	644.976	644.976	644.976
837	Vật tư ngành điện	Cáp đồng trần xoắn C70mm2 (612kg/km)	kg			Công ty cổ phần dây cáp điện Việt Nam. Công văn số 4203/BG/ĐT ngày 04/04/2026	Việt Nam	Không có thông tin	hàng giao tại kho người mua	Mức giá được thực hiện từ ngày 04/04/2026 đến khi có thông báo mới hoặc đến 31/12/2026	Giá bán tăng	646.726	646.726	646.726	646.726	646.726	646.726	646.726	646.726	646.726	646.726	646.726	646.726	646.726	646.726
838	Vật tư ngành điện	Cáp đồng trần xoắn C95mm2 (850kg/km)	kg			Công ty cổ phần dây cáp điện Việt Nam. Công văn số 4203/BG/ĐT ngày 04/04/2026	Việt Nam	Không có thông tin	hàng giao tại kho người mua	Mức giá được thực hiện từ ngày 04/04/2026 đến khi có thông báo mới hoặc đến 31/12/2026	Giá bán tăng	650.473	650.473	650.473	650.473	650.473	650.473	650.473	650.473	650.473	650.473	650.473	650.473	650.473	650.473
839	Vật tư ngành điện	Cáp đồng trần xoắn C120mm2 (1.066kg/km)	kg			Công ty cổ phần dây cáp điện Việt Nam. Công văn số 4203/BG/ĐT ngày 04/04/2026	Việt Nam	Không có thông tin	hàng giao tại kho người mua	Mức giá được thực hiện từ ngày 04/04/2026 đến khi có thông báo mới hoặc đến 31/12/2026	Giá bán tăng	667.678	667.678	667.678	667.678	667.678	667.678	667.678	667.678	667.678	667.678	667.678	667.678	667.678	667.678
840	Vật tư ngành điện	Cáp duplex DuCV 2x6mm2	m			Công ty cổ phần dây cáp điện Việt Nam. Công văn số 4203/BG/ĐT ngày 04/04/2026	Việt Nam	Không có thông tin	hàng giao tại kho người mua	Mức giá được thực hiện từ ngày 04/04/2026 đến khi có thông báo mới hoặc đến 31/12/2026	Giá bán tăng	69.760	69.760	69.760	69.760	69.760	69.760	69.760	69.760	69.760	69.760	69.760	69.760	69.760	69.760
841	Vật tư ngành điện	Cáp duplex DuCV 2x10mm2	m			Công ty cổ phần dây cáp điện Việt Nam. Công văn số 4203/BG/ĐT ngày 04/04/2026	Việt Nam	Không có thông tin	hàng giao tại kho người mua	Mức giá được thực hiện từ ngày 04/04/2026 đến khi có thông báo mới hoặc đến 31/12/2026	Giá bán tăng	113.520	113.520	113.520	113.520	113.520	113.520	113.520	113.520	113.520	113.520	113.520	113.520	113.520	113.520
842	Vật tư ngành điện	Cáp duplex DuCV 2x16mm2	m			Công ty cổ phần dây cáp điện Việt Nam. Công văn số 4203/BG/ĐT ngày 04/04/2026	Việt Nam	Không có thông tin	hàng giao tại kho người mua	Mức giá được thực hiện từ ngày 04/04/2026 đến khi có thông báo mới hoặc đến 31/12/2026	Giá bán tăng	174.410	174.410	174.410	174.410	174.410	174.410	174.410	174.410	174.410	174.410	174.410	174.410	174.410	174.410
843	Vật tư ngành điện	Cáp duplex DuCV 2x25mm2	m			Công ty cổ phần dây cáp điện Việt Nam. Công văn số 4203/BG/ĐT ngày 04/04/2026	Việt Nam	Không có thông tin	hàng giao tại kho người mua	Mức giá được thực hiện từ ngày 04/04/2026 đến khi có thông báo mới hoặc đến 31/12/2026	Giá bán tăng	272.170	272.170	272.170	272.170	272.170	272.170	272.170	272.170	272.170	272.170	272.170	272.170	272.170	272.170
844	Vật tư ngành điện	Cáp Cu/PVC/PVC S 2x4mm2-0.6/1kV	m			Công ty cổ phần dây cáp điện Việt Nam. Công văn số 4203/BG/ĐT ngày 04/04/2026	Việt Nam	Không có thông tin	hàng giao tại kho người mua	Mức giá được thực hiện từ ngày 04/04/2026 đến khi có thông báo mới hoặc đến 31/12/2026	Giá bán tăng	67.820	67.820	67.820	67.820	67.820	67.820	67.820	67.820	67.820	67.820	67.820	67.820	67.820	67.820
845	Vật tư ngành điện	Cáp Cu/PVC/PVC 2x4mm2-0.6/1kV	m			Công ty cổ phần dây cáp điện Việt Nam. Công văn số 4203/BG/ĐT ngày 04/04/2026	Việt Nam	Không có thông tin	hàng giao tại kho người mua	Mức giá được thực hiện từ ngày 04/04/2026 đến khi có thông báo mới hoặc đến 31/12/2026	Giá bán tăng	63.830	63.830	63.830	63.830	63.830	63.830	63.830	63.830	63.830	63.830	63.830	63.830	63.830	63.830
846	Vật tư ngành điện	Cáp điều khiển ruột đồng, màng chắn đồng (CVV-Sc) 4x4mm2	m			Công ty cổ phần dây cáp điện Việt Nam. Công văn số 4203/BG/ĐT ngày 04/04/2026	Việt Nam	Không có thông tin	hàng giao tại kho người mua	Mức giá được thực hiện từ ngày 04/04/2026 đến khi có thông báo mới hoặc đến 31/12/2026	Giá bán tăng	142.950	142.950	142.950	142.950	142.950	142.950	142.950	142.950	142.950	142.950	142.950	142.950	142.950	142.950
847	Vật tư ngành điện	Cáp tín hiệu 02 lõi, ruột đồng, cách điện PVC, vỏ PVC màn chắn đồng 0,6/1kV [CVV-Sc] - 2x4,0 mm2	m			Công ty cổ phần dây cáp điện Việt Nam. Công văn số 4203/BG/ĐT ngày 04/04/2026	Việt Nam	Không có thông tin	hàng giao tại kho người mua	Mức giá được thực hiện từ ngày 04/04/2026 đến khi có thông báo mới hoặc đến 31/12/2026	Giá bán tăng	88.440	88.440	88.440	88.440	88.440	88.440	88.440	88.440	88.440	88.440	88.440	88.440	88.440	88.440
848	Vật tư ngành điện	Cáp tín hiệu 04 lõi, ruột đồng, cách điện PVC, vỏ PVC màn chắn đồng 0,6/1kV [CVV-Sc] - 4x4,0 mm2	m			Công ty cổ phần dây cáp điện Việt Nam. Công văn số 4203/BG/ĐT ngày 04/04/2026	Việt Nam	Không có thông tin	hàng giao tại kho người mua	Mức giá được thực hiện từ ngày 04/04/2026 đến khi có thông báo mới hoặc đến 31/12/2026	Giá bán tăng	142.950	142.950	142.950	142.950	142.950	142.950	142.950	142.950	142.950	142.950	142.950	142.950	142.950	142.950
849	Vật tư ngành điện	Cáp tín hiệu 02 lõi, ruột đồng, cách điện PVC, vỏ PVC màn chắn nhôm 0,6/1kV [CVV-Sa] - 2x4,0 mm2	m			Công ty cổ phần dây cáp điện Việt Nam. Công văn số 4203/BG/ĐT ngày 04/04/2026	Việt Nam	Không có thông tin	hàng giao tại kho người mua	Mức giá được thực hiện từ ngày 04/04/2026 đến khi có thông báo mới hoặc đến 31/12/2026	Giá bán tăng	81.250	81.250	81.250	81.250	81.250	81.250	81.250	81.250	81.250	81.250	81.250	81.250	81.250	81.250
850	Vật tư ngành điện	Cáp tín hiệu 04 lõi, ruột đồng, cách điện PVC, vỏ PVC màn chắn nhôm 0,6/1kV [CVV-Sa] - 4x4 mm2	m			Công ty cổ phần dây cáp điện Việt Nam. Công văn số 4203/BG/ĐT ngày 04/04/2026	Việt Nam	Không có thông tin	hàng giao tại kho người mua	Mức giá được thực hiện từ ngày 04/04/2026 đến khi có thông báo mới hoặc đến 31/12/2026	Giá bán tăng	140.670	140.670	140.670	140.670	140.670	140.670	140.670	140.670	140.670	140.670	140.670	140.670	140.670	140.670
851	Vật tư ngành điện	Cáp tín hiệu TU&TI 4 ruột đồng cách điện PVC TH-CVV 3x4+1x2,5mm²	m			Công ty cổ phần dây cáp điện Việt Nam. Công văn số 4203/BG/ĐT ngày 04/04/2026	Việt Nam	Không có thông tin	hàng giao tại kho người mua	Mức giá được thực hiện từ ngày 04/04/2026 đến khi có thông báo mới hoặc đến 31/12/2026	Giá bán tăng	114.825	114.825	114.825	114.825	114.825	114.825	114.825	114.825	114.825	114.825	114.825	114.825	114.825	114.825
852	Vật tư ngành điện	Cáp điện kế - Muller (CVV) 2x6mm2	m			Công ty cổ phần dây cáp điện Việt Nam. Công văn số 4203/BG/ĐT ngày 04/04/2026	Việt Nam	Không có thông tin	hàng giao tại kho người mua	Mức giá được thực hiện từ ngày 04/04/2026 đến khi có thông báo mới hoặc đến 31/12/2026	Giá bán tăng	124.830	124.830	124.830	124.830	124.830	124.830	124.830	124.830	124.830	124.830	124.830	124.830	124.830	124.830
853	Vật tư ngành điện	Cáp điện kế - Muller (CVV) 2x10mm2	m			Công ty cổ phần dây cáp điện Việt Nam. Công văn số 4203/BG/ĐT ngày 04/04/2026	Việt Nam	Không có thông tin	hàng giao tại kho người mua	Mức giá được thực hiện từ ngày 04/04/2026 đến khi có thông báo mới hoặc đến 31/12/2026	Giá bán tăng	179.870	179.870	179.870	179.870	179.870	179.870	179.870	179.870	179.870	179.870	179.870	179.870	179.870	179.870
854	Vật tư ngành điện	Cáp điện kế - Muller (CVV) 2x16mm2	m			Công ty cổ phần dây cáp điện Việt Nam. Công văn số 4203/BG/ĐT ngày 04/04/2026	Việt Nam	Không có thông tin	hàng giao tại kho người mua	Mức giá được thực hiện từ ngày 04/04/2026 đến khi có thông báo mới hoặc đến 31/12/2026	Giá bán tăng	233.150	233.150	233.150	233.150	233.150	233.150	233.150	233.150	233.150	233.150	233.150	233.150	233.150	233.150
855	Vật tư ngành điện	Cáp điện kế - Muller (CVV) 2x25mm2	m			Công ty cổ phần dây cáp điện Việt Nam. Công văn số 4203/BG/ĐT ngày 04/04/2026	Việt Nam	Không có thông tin	hàng giao tại kho người mua	Mức giá được thực hiện từ ngày 04/04/2026 đến khi có thông báo mới hoặc đến 31/12/2026	Giá bán tăng	365.560	365.560	365.560	365.560	365.560	365.560	365.560	365.560	365.560	365.560	365.560	365.560	365.560	365.560
856	Vật tư ngành điện	Cáp điện kế - Muller (CVV) 2x35mm2	m			Công ty cổ phần dây cáp điện Việt Nam. Công văn số 4203/BG/ĐT ngày 04/04/2026	Việt Nam	Không có thông tin	hàng giao tại kho người mua	Mức giá được thực hiện từ ngày 04/04/2026 đến khi có thông báo mới hoặc đến 31/12/2026	Giá bán tăng	484.070	484.070	484.070	484.070	484.070	484.070	484.070	484.070	484.070	484.070	484.070	484.070	484.070	484.070
857	Vật tư ngành điện	Cáp điện kế - Muller (CVV) 3x10+1x6 mm2	m			Công ty cổ phần dây cáp điện Việt Nam. Công văn số 4203/BG/ĐT ngày 04/04/2026	Việt Nam	Không có thông tin	hàng giao tại kho người mua	Mức giá được thực hiện từ ngày 04/04/2026 đến khi có thông báo mới hoặc đến 31/12/2026	Giá bán tăng	270.430	270.430	270.430	270.430	270.430	270.430	270.430	270.430	270.430	270.430	270.430	270.430	270.430	270.430

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng) (đồng)													
												Khu vực Tân An	Khu vực Tân Trụ	Khu vực Châu Thành	Khu vực Thủ Thừa	Khu vực Bến Lức	Khu vực Cần Giuộc	Khu vực Cần Đước	Khu vực Tân Thạnh	Khu vực Thạnh Hóa	Khu vực Tân Hưng	Khu vực Vĩnh Hưng	Khu vực Kiến Tường	Khu vực Mộc Hóa	Khu vực Đức Hòa	Khu vực Đức Huệ
858	Vật tư ngành điện	Cáp điện kế - Muller (CVV) 3x16+1x10 mm2	m			Công ty cổ phần dây cáp điện Việt Nam. Công văn số 4203/BG/ĐT ngày 04/04/2026	Việt Nam	Không có thông tin	hàng giao tại kho người mua	Mức giá được thực hiện từ ngày 04/04/2026 đến khi có thông báo mới hoặc đến 31/12/2026	Giá bán tăng	389.300	389.300	389.300	389.300	389.300	389.300	389.300	389.300	389.300	389.300	389.300	389.300	389.300	389.300
859	Vật tư ngành điện	Cáp điện kế - Muller (CVV) 3x25+1x16 mm2	m			Công ty cổ phần dây cáp điện Việt Nam. Công văn số 4203/BG/ĐT ngày 04/04/2026	Việt Nam	Không có thông tin	hàng giao tại kho người mua	Mức giá được thực hiện từ ngày 04/04/2026 đến khi có thông báo mới hoặc đến 31/12/2026	Giá bán tăng	610.680	610.680	610.680	610.680	610.680	610.680	610.680	610.680	610.680	610.680	610.680	610.680	610.680	610.680
860	Vật tư ngành điện	Cáp điện kế - Muller (CVV) 3x35+1x16 mm2	m			Công ty cổ phần dây cáp điện Việt Nam. Công văn số 4203/BG/ĐT ngày 04/04/2026	Việt Nam	Không có thông tin	hàng giao tại kho người mua	Mức giá được thực hiện từ ngày 04/04/2026 đến khi có thông báo mới hoặc đến 31/12/2026	Giá bán tăng	783.170	783.170	783.170	783.170	783.170	783.170	783.170	783.170	783.170	783.170	783.170	783.170	783.170	783.170
861	Vật tư ngành điện	Cáp đồng bọc trung thế CX/HDPE-W 25 mm2 - 12,7/22(24)kV	m			Công ty cổ phần dây cáp điện Việt Nam. Công văn số 4203/BG/ĐT ngày 04/04/2026	Việt Nam	Không có thông tin	hàng giao tại kho người mua	Mức giá được thực hiện từ ngày 04/04/2026 đến khi có thông báo mới hoặc đến 31/12/2026	Giá bán tăng	210.720	210.720	210.720	210.720	210.720	210.720	210.720	210.720	210.720	210.720	210.720	210.720	210.720	210.720
862	Vật tư ngành điện	Cáp đồng bọc trung thế CX/HDPE-W 35 mm2 - 12,7/22(24)kV	m			Công ty cổ phần dây cáp điện Việt Nam. Công văn số 4203/BG/ĐT ngày 04/04/2026	Việt Nam	Không có thông tin	hàng giao tại kho người mua	Mức giá được thực hiện từ ngày 04/04/2026 đến khi có thông báo mới hoặc đến 31/12/2026	Giá bán tăng	247.590	247.590	247.590	247.590	247.590	247.590	247.590	247.590	247.590	247.590	247.590	247.590	247.590	247.590
863	Vật tư ngành điện	Cáp đồng bọc trung thế CX/HDPE-W 50 mm2 - 12,7/22(24)kV	m			Công ty cổ phần dây cáp điện Việt Nam. Công văn số 4203/BG/ĐT ngày 04/04/2026	Việt Nam	Không có thông tin	hàng giao tại kho người mua	Mức giá được thực hiện từ ngày 04/04/2026 đến khi có thông báo mới hoặc đến 31/12/2026	Giá bán tăng	353.700	353.700	353.700	353.700	353.700	353.700	353.700	353.700	353.700	353.700	353.700	353.700	353.700	353.700
864	Vật tư ngành điện	Cáp đồng bọc trung thế CX/HDPE-W 70 mm2 - 12,7/22(24)kV	m			Công ty cổ phần dây cáp điện Việt Nam. Công văn số 4203/BG/ĐT ngày 04/04/2026	Việt Nam	Không có thông tin	hàng giao tại kho người mua	Mức giá được thực hiện từ ngày 04/04/2026 đến khi có thông báo mới hoặc đến 31/12/2026	Giá bán tăng	471.020	471.020	471.020	471.020	471.020	471.020	471.020	471.020	471.020	471.020	471.020	471.020	471.020	471.020
865	Vật tư ngành điện	Cáp đồng bọc trung thế CX/HDPE-W 95 mm2 - 12,7/22(24)kV	m			Công ty cổ phần dây cáp điện Việt Nam. Công văn số 4203/BG/ĐT ngày 04/04/2026	Việt Nam	Không có thông tin	hàng giao tại kho người mua	Mức giá được thực hiện từ ngày 04/04/2026 đến khi có thông báo mới hoặc đến 31/12/2026	Giá bán tăng	624.270	624.270	624.270	624.270	624.270	624.270	624.270	624.270	624.270	624.270	624.270	624.270	624.270	624.270
866	Vật tư ngành điện	Cáp đồng bọc trung thế CX/HDPE-W 120 mm2 - 12,7/22(24)kV	m			Công ty cổ phần dây cáp điện Việt Nam. Công văn số 4203/BG/ĐT ngày 04/04/2026	Việt Nam	Không có thông tin	hàng giao tại kho người mua	Mức giá được thực hiện từ ngày 04/04/2026 đến khi có thông báo mới hoặc đến 31/12/2026	Giá bán tăng	808.470	808.470	808.470	808.470	808.470	808.470	808.470	808.470	808.470	808.470	808.470	808.470	808.470	808.470
867	Vật tư ngành điện	Cáp đồng bọc trung thế CX/HDPE-W 150 mm2 - 12,7/22(24)kV	m			Công ty cổ phần dây cáp điện Việt Nam. Công văn số 4203/BG/ĐT ngày 04/04/2026	Việt Nam	Không có thông tin	hàng giao tại kho người mua	Mức giá được thực hiện từ ngày 04/04/2026 đến khi có thông báo mới hoặc đến 31/12/2026	Giá bán tăng	992.670	992.670	992.670	992.670	992.670	992.670	992.670	992.670	992.670	992.670	992.670	992.670	992.670	992.670
868	Vật tư ngành điện	Cáp đồng bọc trung thế CX/HDPE-W 185 mm2 - 12,7/22(24)kV	m			Công ty cổ phần dây cáp điện Việt Nam. Công văn số 4203/BG/ĐT ngày 04/04/2026	Việt Nam	Không có thông tin	hàng giao tại kho người mua	Mức giá được thực hiện từ ngày 04/04/2026 đến khi có thông báo mới hoặc đến 31/12/2026	Giá bán tăng	1.174.650	1.174.650	1.174.650	1.174.650	1.174.650	1.174.650	1.174.650	1.174.650	1.174.650	1.174.650	1.174.650	1.174.650	1.174.650	1.174.650
869	Vật tư ngành điện	Cáp đồng bọc trung thế CX/HDPE-W 240 mm2 - 12,7/22(24)kV	m			Công ty cổ phần dây cáp điện Việt Nam. Công văn số 4203/BG/ĐT ngày 04/04/2026	Việt Nam	Không có thông tin	hàng giao tại kho người mua	Mức giá được thực hiện từ ngày 04/04/2026 đến khi có thông báo mới hoặc đến 31/12/2026	Giá bán tăng	1.515.360	1.515.360	1.515.360	1.515.360	1.515.360	1.515.360	1.515.360	1.515.360	1.515.360	1.515.360	1.515.360	1.515.360	1.515.360	1.515.360
870	Vật tư ngành điện	Cáp đồng bọc trung thế CX/HDPE-W 300 mm2 - 12,7/22(24)kV	m			Công ty cổ phần dây cáp điện Việt Nam. Công văn số 4203/BG/ĐT ngày 04/04/2026	Việt Nam	Không có thông tin	hàng giao tại kho người mua	Mức giá được thực hiện từ ngày 04/04/2026 đến khi có thông báo mới hoặc đến 31/12/2026	Giá bán tăng	1.879.830	1.879.830	1.879.830	1.879.830	1.879.830	1.879.830	1.879.830	1.879.830	1.879.830	1.879.830	1.879.830	1.879.830	1.879.830	1.879.830
871	Vật tư ngành điện	Cáp nhôm bọc lõi thép 24kV ACX/HDPE 50mm2	m			Công ty cổ phần dây cáp điện Việt Nam. Công văn số 4203/BG/ĐT ngày 04/04/2026	Việt Nam	Không có thông tin	hàng giao tại kho người mua	Mức giá được thực hiện từ ngày 04/04/2026 đến khi có thông báo mới hoặc đến 31/12/2026	Giá bán tăng	107.719	107.719	107.719	107.719	107.719	107.719	107.719	107.719	107.719	107.719	107.719	107.719	107.719	107.719
872	Vật tư ngành điện	Cáp nhôm bọc lõi thép 24kV ACX/HDPE 70mm2	m			Công ty cổ phần dây cáp điện Việt Nam. Công văn số 4203/BG/ĐT ngày 04/04/2026	Việt Nam	Không có thông tin	hàng giao tại kho người mua	Mức giá được thực hiện từ ngày 04/04/2026 đến khi có thông báo mới hoặc đến 31/12/2026	Giá bán tăng	124.016	124.016	124.016	124.016	124.016	124.016	124.016	124.016	124.016	124.016	124.016	124.016	124.016	124.016
873	Vật tư ngành điện	Cáp nhôm bọc lõi thép 24kV ACX/HDPE 95mm2	m			Công ty cổ phần dây cáp điện Việt Nam. Công văn số 4203/BG/ĐT ngày 04/04/2026	Việt Nam	Không có thông tin	hàng giao tại kho người mua	Mức giá được thực hiện từ ngày 04/04/2026 đến khi có thông báo mới hoặc đến 31/12/2026	Giá bán tăng	154.732	154.732	154.732	154.732	154.732	154.732	154.732	154.732	154.732	154.732	154.732	154.732	154.732	154.732
874	Vật tư ngành điện	Cáp nhôm bọc lõi thép 24kV ACX/HDPE 120mm2	m			Công ty cổ phần dây cáp điện Việt Nam. Công văn số 4203/BG/ĐT ngày 04/04/2026	Việt Nam	Không có thông tin	hàng giao tại kho người mua	Mức giá được thực hiện từ ngày 04/04/2026 đến khi có thông báo mới hoặc đến 31/12/2026	Giá bán tăng	183.427	183.427	183.427	183.427	183.427	183.427	183.427	183.427	183.427	183.427	183.427	183.427	183.427	183.427
875	Vật tư ngành điện	Cáp nhôm bọc lõi thép 24kV ACX/HDPE 150mm2	m			Công ty cổ phần dây cáp điện Việt Nam. Công văn số 4203/BG/ĐT ngày 04/04/2026	Việt Nam	Không có thông tin	hàng giao tại kho người mua	Mức giá được thực hiện từ ngày 04/04/2026 đến khi có thông báo mới hoặc đến 31/12/2026	Giá bán tăng	204.336	204.336	204.336	204.336	204.336	204.336	204.336	204.336	204.336	204.336	204.336	204.336	204.336	204.336
876	Vật tư ngành điện	Cáp nhôm bọc lõi thép 24kV ACX/HDPE 185mm2	m			Công ty cổ phần dây cáp điện Việt Nam. Công văn số 4203/BG/ĐT ngày 04/04/2026	Việt Nam	Không có thông tin	hàng giao tại kho người mua	Mức giá được thực hiện từ ngày 04/04/2026 đến khi có thông báo mới hoặc đến 31/12/2026	Giá bán tăng	238.583	238.583	238.583	238.583	238.583	238.583	238.583	238.583	238.583	238.583	238.583	238.583	238.583	238.583
877	Vật tư ngành điện	Cáp nhôm bọc lõi thép 24kV ACX/HDPE 240mm2	m			Công ty cổ phần dây cáp điện Việt Nam. Công văn số 4203/BG/ĐT ngày 04/04/2026	Việt Nam	Không có thông tin	hàng giao tại kho người mua	Mức giá được thực hiện từ ngày 04/04/2026 đến khi có thông báo mới hoặc đến 31/12/2026	Giá bán tăng	289.289	289.289	289.289	289.289	289.289	289.289	289.289	289.289	289.289	289.289	289.289	289.289	289.289	289.289
878	Vật tư ngành điện	Cáp nhôm bọc vặn xoắn LV-ABC 0.6/1kV 2x50mm2	m			Công ty cổ phần dây cáp điện Việt Nam. Công văn số 4203/BG/ĐT ngày 04/04/2026	Việt Nam	Không có thông tin	hàng giao tại kho người mua	Mức giá được thực hiện từ ngày 04/04/2026 đến khi có thông báo mới hoặc đến 31/12/2026	Giá bán tăng	65.686	65.686	65.686	65.686	65.686	65.686	65.686	65.686	65.686	65.686	65.686	65.686	65.686	65.686
879	Vật tư ngành điện	Cáp nhôm bọc vặn xoắn LV-ABC 0.6/1kV 2x70mm2	m			Công ty cổ phần dây cáp điện Việt Nam. Công văn số 4203/BG/ĐT ngày 04/04/2026	Việt Nam	Không có thông tin	hàng giao tại kho người mua	Mức giá được thực hiện từ ngày 04/04/2026 đến khi có thông báo mới hoặc đến 31/12/2026	Giá bán tăng	86.422	86.422	86.422	86.422	86.422	86.422	86.422	86.422	86.422	86.422	86.422	86.422	86.422	86.422
880	Vật tư ngành điện	Cáp nhôm bọc vặn xoắn LV-ABC 0.6/1kV 2x95mm2	m			Công ty cổ phần dây cáp điện Việt Nam. Công văn số 4203/BG/ĐT ngày 04/04/2026	Việt Nam	Không có thông tin	hàng giao tại kho người mua	Mức giá được thực hiện từ ngày 04/04/2026 đến khi có thông báo mới hoặc đến 31/12/2026	Giá bán tăng	114.404	114.404	114.404	114.404	114.404	114.404	114.404	114.404	114.404	114.404	114.404	114.404	114.404	114.404
881	Vật tư ngành điện	Cáp nhôm bọc vặn xoắn LV-ABC 0.6/1kV 2x120mm2	m			Công ty cổ phần dây cáp điện Việt Nam. Công văn số 4203/BG/ĐT ngày 04/04/2026	Việt Nam	Không có thông tin	hàng giao tại kho người mua	Mức giá được thực hiện từ ngày 04/04/2026 đến khi có thông báo mới hoặc đến 31/12/2026	Giá bán tăng	144.796	144.796	144.796	144.796	144.796	144.796	144.796	144.796	144.796	144.796	144.796	144.796	144.796	144.796
882	Vật tư ngành điện	Cáp nhôm bọc vặn xoắn LV-ABC 0.6/1kV 4x50mm2	m			Công ty cổ phần dây cáp điện Việt Nam. Công văn số 4203/BG/ĐT ngày 04/04/2026	Việt Nam	Không có thông tin	hàng giao tại kho người mua	Mức giá được thực hiện từ ngày 04/04/2026 đến khi có thông báo mới hoặc đến 31/12/2026	Giá bán tăng	117.731	117.731	117.731	117.731	117.731	117.731	117.731	117.731	117.731	117.731	117.731	117.731	117.731	117.731
883	Vật tư ngành điện	Cáp nhôm bọc vặn xoắn LV-ABC 0.6/1kV 4x70mm2	m			Công ty cổ phần dây cáp điện Việt Nam. Công văn số 4203/BG/ĐT ngày 04/04/2026	Việt Nam	Không có thông tin	hàng giao tại kho người mua	Mức giá được thực hiện từ ngày 04/04/2026 đến khi có thông báo mới hoặc đến 31/12/2026	Giá bán tăng	164.527	164.527	164.527	164.527	164.527	164.527	164.527	164.527	164.527	164.527	164.527	164.527	164.527	164.527
884	Vật tư ngành điện	Cáp nhôm bọc vặn xoắn LV-ABC 0.6/1kV 4x95mm2	m			Công ty cổ phần dây cáp điện Việt Nam. Công văn số 4203/BG/ĐT ngày 04/04/2026	Việt Nam	Không có thông tin	hàng giao tại kho người mua	Mức giá được thực hiện từ ngày 04/04/2026 đến khi có thông báo mới hoặc đến 31/12/2026	Giá bán tăng	223.636	223.636	223.636	223.636	223.636	223.636	223.636	223.636	223.636	223.636	223.636	223.636	223.636	223.636
885	Vật tư ngành điện	Cáp nhôm bọc vặn xoắn LV-ABC 0.6/1kV 4x120mm2	m			Công ty cổ phần dây cáp điện Việt Nam. Công văn số 4203/BG/ĐT ngày 04/04/2026	Việt Nam	Không có thông tin	hàng giao tại kho người mua	Mức giá được thực hiện từ ngày 04/04/2026 đến khi có thông báo mới hoặc đến 31/12/2026	Giá bán tăng	283.154	283.154	283.154	283.154	283.154	283.154	283.154	283.154	283.154	283.154	283.154	283.154	283.154	283.154
886	Vật tư ngành điện	Cáp nhôm bọc vặn xoắn LV-ABC 0.6/1kV 4x150mm2	m			Công ty cổ phần dây cáp điện Việt Nam. Công văn số 4203/BG/ĐT ngày 04/04/2026	Việt Nam	Không có thông tin	hàng giao tại kho người mua	Mức giá được thực hiện từ ngày 04/04/2026 đến khi có thông báo mới hoặc đến 31/12/2026	Giá bán tăng	341.604	341.604	341.604	341.604	341.604	341.604	341.604	341.604	341.604	341.604	341.604	341.604	341.604	341.604
887	Vật tư ngành điện	Cáp thép TK 35 (~3,4m/kg)	kg			Công ty cổ phần dây cáp điện Việt Nam. Công văn số 4203/BG/ĐT ngày 04/04/2026	Việt Nam	Không có thông tin	hàng giao tại kho người mua	Mức giá được thực hiện từ ngày 04/04/2026 đến khi có thông báo mới hoặc đến 31/12/2026	Giá bán tăng	105.883	105.883	105.883	105.883	105.883	105.883	105.883	105.883	105.883	105.883	105.883	105.883	105.883	105.883

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng) (đồng)														
												Khu vực Tân An	Khu vực Tân Trụ	Khu vực Châu Thành	Khu vực Thủ Thừa	Khu vực Bến Lức	Khu vực Cần Giuộc	Khu vực Cần Đước	Khu vực Tân Thạnh	Khu vực Thạnh Hóa	Khu vực Tân Hưng	Khu vực Vĩnh Hưng	Khu vực Kiến Tường	Khu vực Mộc Hóa	Khu vực Đức Hòa	Khu vực Đức Huệ
888	Vật tư ngành điện	Cáp thép TK 50 (~2,6m/kg)	kg			Công ty cổ phần dây cáp điện Việt Nam. Công văn số 4203/BG/ĐT ngày 04/04/2026	Việt Nam	Không có thông tin	hàng giao tại kho người mua	Mức giá được thực hiện từ ngày 04/04/2026 đến khi có thông báo mới hoặc đến 31/12/2026	Giá bán tăng	127.408	127.408	127.408	127.408	127.408	127.408	127.408	127.408	127.408	127.408	127.408	127.408	127.408	127.408	127.408
889	Vật tư ngành điện	Cáp thép TK 35mm2 bọc HDPE	m			Công ty cổ phần dây cáp điện Việt Nam. Công văn số 4203/BG/ĐT ngày 04/04/2026	Việt Nam	Không có thông tin	hàng giao tại kho người mua	Mức giá được thực hiện từ ngày 04/04/2026 đến khi có thông báo mới hoặc đến 31/12/2026	Giá bán tăng	33.070	33.070	33.070	33.070	33.070	33.070	33.070	33.070	33.070	33.070	33.070	33.070	33.070	33.070	33.070
890	Vật tư ngành điện	Cáp thép TK 50mm2 bọc HDPE	m			Công ty cổ phần dây cáp điện Việt Nam. Công văn số 4203/BG/ĐT ngày 04/04/2026	Việt Nam	Không có thông tin	hàng giao tại kho người mua	Mức giá được thực hiện từ ngày 04/04/2026 đến khi có thông báo mới hoặc đến 31/12/2026	Giá bán tăng	58.925	58.925	58.925	58.925	58.925	58.925	58.925	58.925	58.925	58.925	58.925	58.925	58.925	58.925	58.925
891	Vật tư ngành điện	Dây thép trần xoắn mạ kẽm dùng làm dây chằng DC -TK 35	kg			Công ty cổ phần dây cáp điện Việt Nam. Công văn số 4203/BG/ĐT ngày 04/04/2026	Việt Nam	Không có thông tin	hàng giao tại kho người mua	Mức giá được thực hiện từ ngày 04/04/2026 đến khi có thông báo mới hoặc đến 31/12/2026	Giá bán tăng	105.883	105.883	105.883	105.883	105.883	105.883	105.883	105.883	105.883	105.883	105.883	105.883	105.883	105.883	105.883
892	Vật tư ngành điện	Dây thép xoắn mạ kẽm bọc cách điện dùng làm dây tiếp địa DTD-TK 35	m			Công ty cổ phần dây cáp điện Việt Nam. Công văn số 4203/BG/ĐT ngày 04/04/2026	Việt Nam	Không có thông tin	hàng giao tại kho người mua	Mức giá được thực hiện từ ngày 04/04/2026 đến khi có thông báo mới hoặc đến 31/12/2026	Giá bán tăng	33.070	33.070	33.070	33.070	33.070	33.070	33.070	33.070	33.070	33.070	33.070	33.070	33.070	33.070	33.070
893	Vật tư ngành điện	Cáp đồng bọc 24kV CX(CR) 25mm2	m			Công ty cổ phần dây cáp điện Việt Nam. Công văn số 4203/BG/ĐT ngày 04/04/2026	Việt Nam	Không có thông tin	hàng giao tại kho người mua	Mức giá được thực hiện từ ngày 04/04/2026 đến khi có thông báo mới hoặc đến 31/12/2026	Giá bán tăng	196.517	196.517	196.517	196.517	196.517	196.517	196.517	196.517	196.517	196.517	196.517	196.517	196.517	196.517	196.517
894	Vật tư ngành điện	Cáp đồng bọc 24kV CX(CR) 35mm2	m			Công ty cổ phần dây cáp điện Việt Nam. Công văn số 4203/BG/ĐT ngày 04/04/2026	Việt Nam	Không có thông tin	hàng giao tại kho người mua	Mức giá được thực hiện từ ngày 04/04/2026 đến khi có thông báo mới hoặc đến 31/12/2026	Giá bán tăng	235.850	235.850	235.850	235.850	235.850	235.850	235.850	235.850	235.850	235.850	235.850	235.850	235.850	235.850	235.850
895	Vật tư ngành điện	Cáp đồng bọc 24kV CX(CR) 50mm2	m			Công ty cổ phần dây cáp điện Việt Nam. Công văn số 4203/BG/ĐT ngày 04/04/2026	Việt Nam	Không có thông tin	hàng giao tại kho người mua	Mức giá được thực hiện từ ngày 04/04/2026 đến khi có thông báo mới hoặc đến 31/12/2026	Giá bán tăng	310.586	310.586	310.586	310.586	310.586	310.586	310.586	310.586	310.586	310.586	310.586	310.586	310.586	310.586	310.586
896	Vật tư ngành điện	Cáp đồng bọc 24KV CX(CR) 95mm2	m			Công ty cổ phần dây cáp điện Việt Nam. Công văn số 4203/BG/ĐT ngày 04/04/2026	Việt Nam	Không có thông tin	hàng giao tại kho người mua	Mức giá được thực hiện từ ngày 04/04/2026 đến khi có thông báo mới hoặc đến 31/12/2026	Giá bán tăng	602.720	602.720	602.720	602.720	602.720	602.720	602.720	602.720	602.720	602.720	602.720	602.720	602.720	602.720	602.720
897	Vật tư ngành điện	Cáp đồng bọc 24KV CX(CR) 150mm2	m			Công ty cổ phần dây cáp điện Việt Nam. Công văn số 4203/BG/ĐT ngày 04/04/2026	Việt Nam	Không có thông tin	hàng giao tại kho người mua	Mức giá được thực hiện từ ngày 04/04/2026 đến khi có thông báo mới hoặc đến 31/12/2026	Giá bán tăng	951.815	951.815	951.815	951.815	951.815	951.815	951.815	951.815	951.815	951.815	951.815	951.815	951.815	951.815	951.815
898	Vật tư ngành điện	Cáp đồng bọc 24KV CX(CR) 240mm2	m			Công ty cổ phần dây cáp điện Việt Nam. Công văn số 4203/BG/ĐT ngày 04/04/2026	Việt Nam	Không có thông tin	hàng giao tại kho người mua	Mức giá được thực hiện từ ngày 04/04/2026 đến khi có thông báo mới hoặc đến 31/12/2026	Giá bán tăng	1.448.237	1.448.237	1.448.237	1.448.237	1.448.237	1.448.237	1.448.237	1.448.237	1.448.237	1.448.237	1.448.237	1.448.237	1.448.237	1.448.237	1.448.237
899	Vật tư ngành điện	Cáp Cu/PVC/PVC S 4x4mm2-0.6/1kV	m			Công ty cổ phần dây cáp điện Việt Nam. Công văn số 4203/BG/ĐT ngày 04/04/2026	Việt Nam	Không có thông tin	hàng giao tại kho người mua	Mức giá được thực hiện từ ngày 04/04/2026 đến khi có thông báo mới hoặc đến 31/12/2026	Giá bán tăng	140.832	140.832	140.832	140.832	140.832	140.832	140.832	140.832	140.832	140.832	140.832	140.832	140.832	140.832	140.832
900	Vật tư ngành điện	Cáp ngầm ba pha 24kV ruột đồng, cách điện XLPE, màn chắn kim loại đồng, bọc giáp thép [CXV/DSTA]- 3x50 mm2	m			Công ty cổ phần dây cáp điện Việt Nam. Công văn số 4203/BG/ĐT ngày 04/04/2026	Việt Nam	Không có thông tin	hàng giao tại kho người mua	Mức giá được thực hiện từ ngày 04/04/2026 đến khi có thông báo mới hoặc đến 31/12/2026	Giá bán tăng	1.563.743	1.563.743	1.563.743	1.563.743	1.563.743	1.563.743	1.563.743	1.563.743	1.563.743	1.563.743	1.563.743	1.563.743	1.563.743	1.563.743	1.563.743
901	Vật tư ngành điện	Cáp ngầm ba pha 24kV ruột đồng, cách điện XLPE, màn chắn kim loại đồng, bọc giáp thép [CXV/DSTA]-3x240 mm2	m			Công ty cổ phần dây cáp điện Việt Nam. Công văn số 4203/BG/ĐT ngày 04/04/2026	Việt Nam	Không có thông tin	hàng giao tại kho người mua	Mức giá được thực hiện từ ngày 04/04/2026 đến khi có thông báo mới hoặc đến 31/12/2026	Giá bán tăng	5.563.739	5.563.739	5.563.739	5.563.739	5.563.739	5.563.739	5.563.739	5.563.739	5.563.739	5.563.739	5.563.739	5.563.739	5.563.739	5.563.739	5.563.739
902	Vật tư ngành điện	Cáp ngầm ba pha 24kV ruột đồng, cách điện XLPE, màn chắn kim loại đồng, bọc giáp thép [CXV/DSTA]-3x300 mm2	m			Công ty cổ phần dây cáp điện Việt Nam. Công văn số 4203/BG/ĐT ngày 04/04/2026	Việt Nam	Không có thông tin	hàng giao tại kho người mua	Mức giá được thực hiện từ ngày 04/04/2026 đến khi có thông báo mới hoặc đến 31/12/2026	Giá bán tăng	6.605.917	6.605.917	6.605.917	6.605.917	6.605.917	6.605.917	6.605.917	6.605.917	6.605.917	6.605.917	6.605.917	6.605.917	6.605.917	6.605.917	6.605.917
903	Vật tư ngành điện	Cáp ngầm 3 pha 24kV ruột đồng, cách điện XLPE, sử dụng màn chắn kim loại đồng làm dây trung tính, bọc giáp thép [CXV/SEhh/DSTA]-3x50mm2	m			Công ty cổ phần dây cáp điện Việt Nam. Công văn số 4203/BG/ĐT ngày 04/04/2026	Việt Nam	Không có thông tin	hàng giao tại kho người mua	Mức giá được thực hiện từ ngày 04/04/2026 đến khi có thông báo mới hoặc đến 31/12/2026	Giá bán tăng	1.823.364	1.823.364	1.823.364	1.823.364	1.823.364	1.823.364	1.823.364	1.823.364	1.823.364	1.823.364	1.823.364	1.823.364	1.823.364	1.823.364	1.823.364
904	Vật tư ngành điện	Cáp ngầm 3 pha 24kV ruột đồng, cách điện XLPE, sử dụng màn chắn kim loại đồng làm dây trung tính, bọc giáp thép [CXV/SEhh/DSTA]-3x95 mm2	m			Công ty cổ phần dây cáp điện Việt Nam. Công văn số 4203/BG/ĐT ngày 04/04/2026	Việt Nam	Không có thông tin	hàng giao tại kho người mua	Mức giá được thực hiện từ ngày 04/04/2026 đến khi có thông báo mới hoặc đến 31/12/2026	Giá bán tăng	3.265.510	3.265.510	3.265.510	3.265.510	3.265.510	3.265.510	3.265.510	3.265.510	3.265.510	3.265.510	3.265.510	3.265.510	3.265.510	3.265.510	3.265.510
905	Vật tư ngành điện	Cáp ngầm 3P 24kV ruột đồng, cách điện XLPE, sử dụng màn chắn kim loại đồng làm dây trung tính, bọc giáp thép [CXV/SEhh/DSTA]- 3x240 mm2	m			Công ty cổ phần dây cáp điện Việt Nam. Công văn số 4203/BG/ĐT ngày 04/04/2026	Việt Nam	Không có thông tin	hàng giao tại kho người mua	Mức giá được thực hiện từ ngày 04/04/2026 đến khi có thông báo mới hoặc đến 31/12/2026	Giá bán tăng	6.364.397	6.364.397	6.364.397	6.364.397	6.364.397	6.364.397	6.364.397	6.364.397	6.364.397	6.364.397	6.364.397	6.364.397	6.364.397	6.364.397	6.364.397
906	Vật tư ngành điện	Cáp ngầm 3 pha 24kV ruột đồng, cách điện XLPE, sử dụng màn chắn kim loại đồng làm dây trung tính, bọc giáp thép [CXV/SEhh/DSTA]-3x300 mm2	m			Công ty cổ phần dây cáp điện Việt Nam. Công văn số 4203/BG/ĐT ngày 04/04/2026	Việt Nam	Không có thông tin	hàng giao tại kho người mua	Mức giá được thực hiện từ ngày 04/04/2026 đến khi có thông báo mới hoặc đến 31/12/2026	Giá bán tăng	7.491.852	7.491.852	7.491.852	7.491.852	7.491.852	7.491.852	7.491.852	7.491.852	7.491.852	7.491.852	7.491.852	7.491.852	7.491.852	7.491.852	7.491.852
907	Vật tư ngành điện	Cáp ngầm trung thế 1P CXV 1x150mm2	m			Công ty cổ phần dây cáp điện Việt Nam. Công văn số 4203/BG/ĐT ngày 04/04/2026	Việt Nam	Không có thông tin	hàng giao tại kho người mua	Mức giá được thực hiện từ ngày 04/04/2026 đến khi có thông báo mới hoặc đến 31/12/2026	Giá bán tăng	1.066.130	1.066.130	1.066.130	1.066.130	1.066.130	1.066.130	1.066.130	1.066.130	1.066.130	1.066.130	1.066.130	1.066.130	1.066.130	1.066.130	1.066.130
908	Vật tư ngành điện	Cáp ngầm 1 pha Cu/XLPE/PVC/DATA/PVC-W 1x300mm2 12,7/22(24)kV	m			Công ty cổ phần dây cáp điện Việt Nam. Công văn số 4203/BG/ĐT ngày 04/04/2026	Việt Nam	Không có thông tin	hàng giao tại kho người mua	Mức giá được thực hiện từ ngày 04/04/2026 đến khi có thông báo mới hoặc đến 31/12/2026	Giá bán tăng	2.298.900	2.298.900	2.298.900	2.298.900	2.298.900	2.298.900	2.298.900	2.298.900	2.298.900	2.298.900	2.298.900	2.298.900	2.298.900	2.298.900	2.298.900
909	Vật tư ngành điện	Dây chống sét GW 3/8	kg			Công ty cổ phần dây cáp điện Việt Nam. Công văn số 4203/BG/ĐT ngày 04/04/2026	Việt Nam	Không có thông tin	hàng giao tại kho người mua	Mức giá được thực hiện từ ngày 04/04/2026 đến khi có thông báo mới hoặc đến 31/12/2026	Giá bán tăng	105.880	105.880	105.880	105.880	105.880	105.880	105.880	105.880	105.880	105.880	105.880	105.880	105.880	105.880	105.880
910	Vật tư ngành điện	Dây chống sét TK 50	kg			Công ty cổ phần dây cáp điện Việt Nam. Công văn số 4203/BG/ĐT ngày 04/04/2026	Việt Nam	Không có thông tin	hàng giao tại kho người mua	Mức giá được thực hiện từ ngày 04/04/2026 đến khi có thông báo mới hoặc đến 31/12/2026	Giá bán tăng	127.408	127.408	127.408	127.408	127.408	127.408	127.408	127.408	127.408	127.408	127.408	127.408	127.408	127.408	127.408
911	Vật tư ngành điện	Trụ đèn cao 6m dày 3mm Đường kính đáy: D150, Đường kính đỉnh: D60	cột	BS5649:1995/BS EN 40-5:2002		Công ty CP Tập đoàn MDC GROUP.Đc: Phòng 411, Tầng 4, Tòa nhà văn phòng Detech, số 8, Tôn Thất Thuyết, Phường Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam - Đt: 0987 898 605. Công văn Số: 01.180526/CVLS-MDC ngày 18/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Tại chân công trình trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Áp dụng từ ngày 18/05/2026 đến khi có bảng báo giá mới	Bổ sung mới	4.950.000	4.950.000	4.950.000	4.950.000	4.950.000	4.950.000	4.950.000	4.950.000	4.950.000	4.950.000	4.950.000	4.950.000	4.950.000	4.950.000	4.950.000
912	Vật tư ngành điện	Trụ đèn cao 7m dày 3mm Đường kính đáy: D160, Đường kính đỉnh: D60	cột	BS5649:1995/BS EN 40-5:2002		Công ty CP Tập đoàn MDC GROUP.Đc: Phòng 411, Tầng 4, Tòa nhà văn phòng Detech, số 8, Tôn Thất Thuyết, Phường Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam - Đt: 0987 898 605. Công văn Số: 01.180526/CVLS-MDC ngày 18/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Tại chân công trình trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Áp dụng từ ngày 18/05/2026 đến khi có bảng báo giá mới	Bổ sung mới	5.450.000	5.450.000	5.450.000	5.450.000	5.450.000	5.450.000	5.450.000	5.450.000	5.450.000	5.450.000	5.450.000	5.450.000	5.450.000	5.450.000	5.450.000
913	Vật tư ngành điện	Trụ đèn cao 8m dày 4mm Đường kính đáy: D170, Đường kính đỉnh: D60	cột	BS5649:1995/BS EN 40-5:2002		Công ty CP Tập đoàn MDC GROUP.Đc: Phòng 411, Tầng 4, Tòa nhà văn phòng Detech, số 8, Tôn Thất Thuyết, Phường Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam - Đt: 0987 898 605. Công văn Số: 01.180526/CVLS-MDC ngày 18/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Tại chân công trình trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Áp dụng từ ngày 18/05/2026 đến khi có bảng báo giá mới	Bổ sung mới	5.590.000	5.590.000	5.590.000	5.590.000	5.590.000	5.590.000	5.590.000	5.590.000	5.590.000	5.590.000	5.590.000	5.590.000	5.590.000	5.590.000	5.590.000

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng) (đồng)														
												Khu vực Tân An	Khu vực Tân Trụ	Khu vực Châu Thành	Khu vực Thủ Thừa	Khu vực Bến Lức	Khu vực Cần Giuộc	Khu vực Cần Đước	Khu vực Tân Thạnh	Khu vực Thạnh Hóa	Khu vực Tân Hưng	Khu vực Vĩnh Hưng	Khu vực Kiến Tường	Khu vực Mộc Hóa	Khu vực Đức Hòa	Khu vực Đức Huệ
914	Vật tư ngành điện	Trụ đèn cao 9m dày 4mm Đường kính đáy: D180, đường kính đỉnh: D60	cột	BS5649:1995/BS EN 40-5:2002		Công ty CP Tập đoàn MDC GROUP.Đc: Phòng 411, Tầng 4, Tòa nhà văn phòng Detech, số 8, Tôn Thất Thuyết, Phường Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam - Đt: 0987 898 605. Công văn Số: 01.180526/CVLS-MDC ngày 18/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Tại chân công trình trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Áp dụng từ ngày 18/05/2026 đến khi có bảng báo giá mới	Bổ sung mới	6.750.000	6.750.000	6.750.000	6.750.000	6.750.000	6.750.000	6.750.000	6.750.000	6.750.000	6.750.000	6.750.000	6.750.000	6.750.000	6.750.000	6.750.000
915	Vật tư ngành điện	Trụ đèn cao 10m dày 4mmĐường kính đáy: D190, đường kính đỉnh: D60	cột	BS5649:1995/BS EN 40-5:2002		Công ty CP Tập đoàn MDC GROUP.Đc: Phòng 411, Tầng 4, Tòa nhà văn phòng Detech, số 8, Tôn Thất Thuyết, Phường Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam - Đt: 0987 898 605. Công văn Số: 01.180526/CVLS-MDC ngày 18/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Tại chân công trình trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Áp dụng từ ngày 18/05/2026 đến khi có bảng báo giá mới	Bổ sung mới	8.350.000	8.350.000	8.350.000	8.350.000	8.350.000	8.350.000	8.350.000	8.350.000	8.350.000	8.350.000	8.350.000	8.350.000	8.350.000	8.350.000	8.350.000
916	Vật tư ngành điện	Cần đèn đơn cao 2m vươn xa 1.5mx3mm	cái	BS5649:1995/BS EN 40-5:2002		Công ty CP Tập đoàn MDC GROUP.Đc: Phòng 411, Tầng 4, Tòa nhà văn phòng Detech, số 8, Tôn Thất Thuyết, Phường Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam - Đt: 0987 898 605. Công văn Số: 01.180526/CVLS-MDC ngày 18/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Tại chân công trình trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Áp dụng từ ngày 18/05/2026 đến khi có bảng báo giá mới	Bổ sung mới	1.750.000	1.750.000	1.750.000	1.750.000	1.750.000	1.750.000	1.750.000	1.750.000	1.750.000	1.750.000	1.750.000	1.750.000	1.750.000	1.750.000	1.750.000
917	Vật tư ngành điện	Cần đèn đôi cao 2m vươn xa 1.5mx3mm	cái	BS5649:1995/BS EN 40-5:2002		Công ty CP Tập đoàn MDC GROUP.Đc: Phòng 411, Tầng 4, Tòa nhà văn phòng Detech, số 8, Tôn Thất Thuyết, Phường Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam - Đt: 0987 898 605. Công văn Số: 01.180526/CVLS-MDC ngày 18/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Tại chân công trình trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Áp dụng từ ngày 18/05/2026 đến khi có bảng báo giá mới	Bổ sung mới	2.550.000	2.550.000	2.550.000	2.550.000	2.550.000	2.550.000	2.550.000	2.550.000	2.550.000	2.550.000	2.550.000	2.550.000	2.550.000	2.550.000	2.550.000
918	Vật tư ngành điện	Cần đèn ba cao 2m vươn xa 1.5mx3mm	cái	BS5649:1995/BS EN 40-5:2002		Công ty CP Tập đoàn MDC GROUP.Đc: Phòng 411, Tầng 4, Tòa nhà văn phòng Detech, số 8, Tôn Thất Thuyết, Phường Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam - Đt: 0987 898 605. Công văn Số: 01.180526/CVLS-MDC ngày 18/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Tại chân công trình trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Áp dụng từ ngày 18/05/2026 đến khi có bảng báo giá mới	Bổ sung mới	3.250.000	3.250.000	3.250.000	3.250.000	3.250.000	3.250.000	3.250.000	3.250.000	3.250.000	3.250.000	3.250.000	3.250.000	3.250.000	3.250.000	3.250.000
919	Vật tư ngành điện	Cột 14m: Cột đa giác xà bắt đèn pha	cột	BS5649:1995/BS EN 40-5:2002		Công ty CP Tập đoàn MDC GROUP.Đc: Phòng 411, Tầng 4, Tòa nhà văn phòng Detech, số 8, Tôn Thất Thuyết, Phường Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam - Đt: 0987 898 605. Công văn Số: 01.180526/CVLS-MDC ngày 18/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Tại chân công trình trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Áp dụng từ ngày 18/05/2026 đến khi có bảng báo giá mới	Bổ sung mới	22.500.000	22.500.000	22.500.000	22.500.000	22.500.000	22.500.000	22.500.000	22.500.000	22.500.000	22.500.000	22.500.000	22.500.000	22.500.000	22.500.000	22.500.000
920	Vật tư ngành điện	Cột 17m: Cột đa giác + giàn di động nâng hạ	cột	BS5649:1995/BS EN 40-5:2002		Công ty CP Tập đoàn MDC GROUP.Đc: Phòng 411, Tầng 4, Tòa nhà văn phòng Detech, số 8, Tôn Thất Thuyết, Phường Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam - Đt: 0987 898 605. Công văn Số: 01.180526/CVLS-MDC ngày 18/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Tại chân công trình trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Áp dụng từ ngày 18/05/2026 đến khi có bảng báo giá mới	Bổ sung mới	115.000.000	115.000.000	115.000.000	115.000.000	115.000.000	115.000.000	115.000.000	115.000.000	115.000.000	115.000.000	115.000.000	115.000.000	115.000.000	115.000.000	115.000.000
921	Vật tư ngành điện	Cột 20m: Cột đa giác động nâng hạ (20m dày 5mm + giàn di động nâng hạ)	cột	BS5649:1995/BS EN 40-5:2003		Công ty CP Tập đoàn MDC GROUP.Đc: Phòng 411, Tầng 4, Tòa nhà văn phòng Detech, số 8, Tôn Thất Thuyết, Phường Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam - Đt: 0987 898 605. Công văn Số: 01.180526/CVLS-MDC ngày 18/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Tại chân công trình trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Áp dụng từ ngày 18/05/2026 đến khi có bảng báo giá mới	Bổ sung mới	160.000.000	160.000.000	160.000.000	160.000.000	160.000.000	160.000.000	160.000.000	160.000.000	160.000.000	160.000.000	160.000.000	160.000.000	160.000.000	160.000.000	160.000.000
922	Vật tư ngành điện	Cột 30m: Cột đa giác động nâng hạ (30m dày 5mm + giàn di động nâng hạ)	cột	BS5649:1995/BS EN 40-5:2004		Công ty CP Tập đoàn MDC GROUP.Đc: Phòng 411, Tầng 4, Tòa nhà văn phòng Detech, số 8, Tôn Thất Thuyết, Phường Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam - Đt: 0987 898 605. Công văn Số: 01.180526/CVLS-MDC ngày 18/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Tại chân công trình trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Áp dụng từ ngày 18/05/2026 đến khi có bảng báo giá mới	Bổ sung mới	225.050.000	225.050.000	225.050.000	225.050.000	225.050.000	225.050.000	225.050.000	225.050.000	225.050.000	225.050.000	225.050.000	225.050.000	225.050.000	225.050.000	225.050.000
923	Vật tư ngành điện	ĐÈN LED MDC LACHONG 80W	cái	TCVN 7722-2-3:2019 TCVN ISO 9001-2015 ISO 14001:2015	Kích thước: 667x290x128mm	Công ty CP Tập đoàn MDC GROUP.Đc: Phòng 411, Tầng 4, Tòa nhà văn phòng Detech, số 8, Tôn Thất Thuyết, Phường Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam - Đt: 0987 898 605. Công văn Số: 01.180526/CVLS-MDC ngày 18/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Tại chân công trình trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Áp dụng từ ngày 18/05/2026 đến khi có bảng báo giá mới	Bổ sung mới	9.330.000	9.330.000	9.330.000	9.330.000	9.330.000	9.330.000	9.330.000	9.330.000	9.330.000	9.330.000	9.330.000	9.330.000	9.330.000	9.330.000	9.330.000
924	Vật tư ngành điện	Đèn MDC LACHONG 100W	cái	TCVN 7722-2-3:2019 TCVN ISO 9001-2015 ISO 14001:2015	Kích thước: 667x290x128mm	Công ty CP Tập đoàn MDC GROUP.Đc: Phòng 411, Tầng 4, Tòa nhà văn phòng Detech, số 8, Tôn Thất Thuyết, Phường Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam - Đt: 0987 898 605. Công văn Số: 01.180526/CVLS-MDC ngày 18/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Tại chân công trình trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Áp dụng từ ngày 18/05/2026 đến khi có bảng báo giá mới	Bổ sung mới	10.150.000	10.150.000	10.150.000	10.150.000	10.150.000	10.150.000	10.150.000	10.150.000	10.150.000	10.150.000	10.150.000	10.150.000	10.150.000	10.150.000	10.150.000
925	Vật tư ngành điện	Đèn MDC LACHONG 120W	cái	TCVN 7722-2-3:2019 TCVN ISO 9001-2015 ISO 14001:2015	Kích thước: 667x290x128mm	Công ty CP Tập đoàn MDC GROUP.Đc: Phòng 411, Tầng 4, Tòa nhà văn phòng Detech, số 8, Tôn Thất Thuyết, Phường Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam - Đt: 0987 898 605. Công văn Số: 01.180526/CVLS-MDC ngày 18/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Tại chân công trình trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Áp dụng từ ngày 18/05/2026 đến khi có bảng báo giá mới	Bổ sung mới	11.268.000	11.268.000	11.268.000	11.268.000	11.268.000	11.268.000	11.268.000	11.268.000	11.268.000	11.268.000	11.268.000	11.268.000	11.268.000	11.268.000	11.268.000
926	Vật tư ngành điện	Đèn MDC LACHONG 150W	cái	TCVN 7722-2-3:2019 TCVN ISO 9001-2015 ISO 14001:2015	Kích thước: 667x290x128mm	Công ty CP Tập đoàn MDC GROUP.Đc: Phòng 411, Tầng 4, Tòa nhà văn phòng Detech, số 8, Tôn Thất Thuyết, Phường Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam - Đt: 0987 898 605. Công văn Số: 01.180526/CVLS-MDC ngày 18/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Tại chân công trình trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Áp dụng từ ngày 18/05/2026 đến khi có bảng báo giá mới	Bổ sung mới	12.465.000	12.465.000	12.465.000	12.465.000	12.465.000	12.465.000	12.465.000	12.465.000	12.465.000	12.465.000	12.465.000	12.465.000	12.465.000	12.465.000	12.465.000
927	Vật tư ngành điện	Đèn MDC THANGLONG 80W	cái	TCVN 7722-2-3:2019 TCVN ISO 9001-2015 ISO 14001:2015	Kích thước: 591x222x92mm	Công ty CP Tập đoàn MDC GROUP.Đc: Phòng 411, Tầng 4, Tòa nhà văn phòng Detech, số 8, Tôn Thất Thuyết, Phường Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam - Đt: 0987 898 605. Công văn Số: 01.180526/CVLS-MDC ngày 18/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Tại chân công trình trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Áp dụng từ ngày 18/05/2026 đến khi có bảng báo giá mới	Bổ sung mới	8.150.000	8.150.000	8.150.000	8.150.000	8.150.000	8.150.000	8.150.000	8.150.000	8.150.000	8.150.000	8.150.000	8.150.000	8.150.000	8.150.000	8.150.000
928	Vật tư ngành điện	Đèn MDC THANGLONG 100W	cái	TCVN 7722-2-3:2019 TCVN ISO 9001-2015 ISO 14001:2015	Kích thước: 591x222x92mm	Công ty CP Tập đoàn MDC GROUP.Đc: Phòng 411, Tầng 4, Tòa nhà văn phòng Detech, số 8, Tôn Thất Thuyết, Phường Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam - Đt: 0987 898 605. Công văn Số: 01.180526/CVLS-MDC ngày 18/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Tại chân công trình trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Áp dụng từ ngày 18/05/2026 đến khi có bảng báo giá mới	Bổ sung mới	8.200.000	8.200.000	8.200.000	8.200.000	8.200.000	8.200.000	8.200.000	8.200.000	8.200.000	8.200.000	8.200.000	8.200.000	8.200.000	8.200.000	8.200.000
929	Vật tư ngành điện	Đèn MDC THANGLONG 120W	cái	TCVN 7722-2-3:2019 TCVN ISO 9001-2015 ISO 14001:2015	Kích thước: 712x300x97mm	Công ty CP Tập đoàn MDC GROUP.Đc: Phòng 411, Tầng 4, Tòa nhà văn phòng Detech, số 8, Tôn Thất Thuyết, Phường Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam - Đt: 0987 898 605. Công văn Số: 01.180526/CVLS-MDC ngày 18/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Tại chân công trình trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Áp dụng từ ngày 18/05/2026 đến khi có bảng báo giá mới	Bổ sung mới	9.150.000	9.150.000	9.150.000	9.150.000	9.150.000	9.150.000	9.150.000	9.150.000	9.150.000	9.150.000	9.150.000	9.150.000	9.150.000	9.150.000	9.150.000

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng) (đồng)														
												Khu vực Tân An	Khu vực Tân Trụ	Khu vực Châu Thành	Khu vực Thủ Thừa	Khu vực Bến Lức	Khu vực Cần Giuộc	Khu vực Cần Đước	Khu vực Tân Thạnh	Khu vực Thạnh Hóa	Khu vực Tân Hưng	Khu vực Vĩnh Hưng	Khu vực Kiến Tường	Khu vực Mộc Hóa	Khu vực Đức Hòa	Khu vực Đức Huệ
930	Vật tư ngành điện	Đèn MDC THANGLONG 150W	cái	TCVN 7722-2-3:2019 TCVN ISO 9001-2015 ISO 14001:2015	Kích thước: 712x300x97mm	Công ty CP Tập đoàn MDC GROUP.Đc: Phòng 411, Tầng 4, Tòa nhà văn phòng Detech, số 8, Tôn Thất Thuyết, Phường Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam - Đt: 0987 898 605. Công văn Số: 01.180526/CVLS-MDC ngày 18/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Tại chân công trình trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Áp dụng từ ngày 18/05/2026 đến khi có bảng báo giá mới	Bổ sung mới	10.550.000	10.550.000	10.550.000	10.550.000	10.550.000	10.550.000	10.550.000	10.550.000	10.550.000	10.550.000	10.550.000	10.550.000	10.550.000	10.550.000	10.550.000
931	Vật tư ngành điện	Đèn MDC SAIGON 80W	cái	TCVN 7722-2-3:2019 TCVN ISO 9001-2015 ISO 14001:2015	Kích thước: 594x260x93mm	Công ty CP Tập đoàn MDC GROUP.Đc: Phòng 411, Tầng 4, Tòa nhà văn phòng Detech, số 8, Tôn Thất Thuyết, Phường Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam - Đt: 0987 898 605. Công văn Số: 01.180526/CVLS-MDC ngày 18/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Tại chân công trình trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Áp dụng từ ngày 18/05/2026 đến khi có bảng báo giá mới	Bổ sung mới	7.550.000	7.550.000	7.550.000	7.550.000	7.550.000	7.550.000	7.550.000	7.550.000	7.550.000	7.550.000	7.550.000	7.550.000	7.550.000	7.550.000	7.550.000
932	Vật tư ngành điện	Đèn MDC SAIGON 100W	cái	TCVN 7722-2-3:2019 TCVN ISO 9001-2015 ISO 14001:2015	Kích thước: 594x260x93mm	Công ty CP Tập đoàn MDC GROUP.Đc: Phòng 411, Tầng 4, Tòa nhà văn phòng Detech, số 8, Tôn Thất Thuyết, Phường Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam - Đt: 0987 898 605. Công văn Số: 01.180526/CVLS-MDC ngày 18/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Tại chân công trình trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Áp dụng từ ngày 18/05/2026 đến khi có bảng báo giá mới	Bổ sung mới	7.630.000	7.630.000	7.630.000	7.630.000	7.630.000	7.630.000	7.630.000	7.630.000	7.630.000	7.630.000	7.630.000	7.630.000	7.630.000	7.630.000	7.630.000
933	Vật tư ngành điện	Đèn MDC SAIGON 120W	cái	TCVN 7722-2-3:2019 TCVN ISO 9001-2015 ISO 14001:2015	Kích thước: 594x260x93mm	Công ty CP Tập đoàn MDC GROUP.Đc: Phòng 411, Tầng 4, Tòa nhà văn phòng Detech, số 8, Tôn Thất Thuyết, Phường Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam - Đt: 0987 898 605. Công văn Số: 01.180526/CVLS-MDC ngày 18/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Tại chân công trình trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Áp dụng từ ngày 18/05/2026 đến khi có bảng báo giá mới	Bổ sung mới	8.050.000	8.050.000	8.050.000	8.050.000	8.050.000	8.050.000	8.050.000	8.050.000	8.050.000	8.050.000	8.050.000	8.050.000	8.050.000	8.050.000	8.050.000
934	Vật tư ngành điện	Đèn MDC SAIGON 150W	cái	TCVN 7722-2-3:2019 TCVN ISO 9001-2015 ISO 14001:2015	Kích thước: 806x320x106mm	Công ty CP Tập đoàn MDC GROUP.Đc: Phòng 411, Tầng 4, Tòa nhà văn phòng Detech, số 8, Tôn Thất Thuyết, Phường Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam - Đt: 0987 898 605. Công văn Số: 01.180526/CVLS-MDC ngày 18/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Tại chân công trình trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Áp dụng từ ngày 18/05/2026 đến khi có bảng báo giá mới	Bổ sung mới	8.560.000	8.560.000	8.560.000	8.560.000	8.560.000	8.560.000	8.560.000	8.560.000	8.560.000	8.560.000	8.560.000	8.560.000	8.560.000	8.560.000	8.560.000
935	Vật tư ngành điện	Đèn MDC DRACO 80W	cái	TCVN 7722-2-3:2019 TCVN ISO 9001-2015 ISO 14001:2015	Kích thước: 616x259x186mm	Công ty CP Tập đoàn MDC GROUP.Đc: Phòng 411, Tầng 4, Tòa nhà văn phòng Detech, số 8, Tôn Thất Thuyết, Phường Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam - Đt: 0987 898 605. Công văn Số: 01.180526/CVLS-MDC ngày 18/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Tại chân công trình trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Áp dụng từ ngày 18/05/2026 đến khi có bảng báo giá mới	Bổ sung mới	6.250.000	6.250.000	6.250.000	6.250.000	6.250.000	6.250.000	6.250.000	6.250.000	6.250.000	6.250.000	6.250.000	6.250.000	6.250.000	6.250.000	6.250.000
936	Vật tư ngành điện	Đèn MDC DRACO 100W	cái	TCVN 7722-2-3:2019 TCVN ISO 9001-2015 ISO 14001:2015	Kích thước: 616x259x186mm	Công ty CP Tập đoàn MDC GROUP.Đc: Phòng 411, Tầng 4, Tòa nhà văn phòng Detech, số 8, Tôn Thất Thuyết, Phường Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam - Đt: 0987 898 605. Công văn Số: 01.180526/CVLS-MDC ngày 18/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Tại chân công trình trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Áp dụng từ ngày 18/05/2026 đến khi có bảng báo giá mới	Bổ sung mới	6.350.000	6.350.000	6.350.000	6.350.000	6.350.000	6.350.000	6.350.000	6.350.000	6.350.000	6.350.000	6.350.000	6.350.000	6.350.000	6.350.000	6.350.000
937	Vật tư ngành điện	Đèn MDC DRACO 120W	cái	TCVN 7722-2-3:2019 TCVN ISO 9001-2015 ISO 14001:2015	Kích thước: 676x305x187mm	Công ty CP Tập đoàn MDC GROUP.Đc: Phòng 411, Tầng 4, Tòa nhà văn phòng Detech, số 8, Tôn Thất Thuyết, Phường Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam - Đt: 0987 898 605. Công văn Số: 01.180526/CVLS-MDC ngày 18/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Tại chân công trình trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Áp dụng từ ngày 18/05/2026 đến khi có bảng báo giá mới	Bổ sung mới	6.500.000	6.500.000	6.500.000	6.500.000	6.500.000	6.500.000	6.500.000	6.500.000	6.500.000	6.500.000	6.500.000	6.500.000	6.500.000	6.500.000	6.500.000
938	Vật tư ngành điện	Đèn MDC DRACO 150W	cái	TCVN 7722-2-3:2019 TCVN ISO 9001-2015 ISO 14001:2015	Kích thước: 676x305x187mm	Công ty CP Tập đoàn MDC GROUP.Đc: Phòng 411, Tầng 4, Tòa nhà văn phòng Detech, số 8, Tôn Thất Thuyết, Phường Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam - Đt: 0987 898 605. Công văn Số: 01.180526/CVLS-MDC ngày 18/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Tại chân công trình trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Áp dụng từ ngày 18/05/2026 đến khi có bảng báo giá mới	Bổ sung mới	7.550.000	7.550.000	7.550.000	7.550.000	7.550.000	7.550.000	7.550.000	7.550.000	7.550.000	7.550.000	7.550.000	7.550.000	7.550.000	7.550.000	7.550.000
939	Vật tư ngành điện	Đèn MDC TITAN công suất 80W	cái	TCVN 7722-2-3:2019 TCVN ISO 9001-2015 ISO 14001:2015	Kích thước: 422x320x140mm	Công ty CP Tập đoàn MDC GROUP.Đc: Phòng 411, Tầng 4, Tòa nhà văn phòng Detech, số 8, Tôn Thất Thuyết, Phường Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam - Đt: 0987 898 605. Công văn Số: 01.180526/CVLS-MDC ngày 18/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Tại chân công trình trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Áp dụng từ ngày 18/05/2026 đến khi có bảng báo giá mới	Bổ sung mới	5.250.000	5.250.000	5.250.000	5.250.000	5.250.000	5.250.000	5.250.000	5.250.000	5.250.000	5.250.000	5.250.000	5.250.000	5.250.000	5.250.000	5.250.000
940	Vật tư ngành điện	Đèn MDC TITAN công suất 100W	cái	TCVN 7722-2-3:2019 TCVN ISO 9001-2015 ISO 14001:2015	Kích thước: 422x320x140mm	Công ty CP Tập đoàn MDC GROUP.Đc: Phòng 411, Tầng 4, Tòa nhà văn phòng Detech, số 8, Tôn Thất Thuyết, Phường Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam - Đt: 0987 898 605. Công văn Số: 01.180526/CVLS-MDC ngày 18/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Tại chân công trình trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Áp dụng từ ngày 18/05/2026 đến khi có bảng báo giá mới	Bổ sung mới	5.370.000	5.370.000	5.370.000	5.370.000	5.370.000	5.370.000	5.370.000	5.370.000	5.370.000	5.370.000	5.370.000	5.370.000	5.370.000	5.370.000	5.370.000
941	Vật tư ngành điện	Đèn MDC TITAN công suất 120W	cái	TCVN 7722-2-3:2019 TCVN ISO 9001-2015 ISO 14001:2015	Kích thước: 422x320x140mm	Công ty CP Tập đoàn MDC GROUP.Đc: Phòng 411, Tầng 4, Tòa nhà văn phòng Detech, số 8, Tôn Thất Thuyết, Phường Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam - Đt: 0987 898 605. Công văn Số: 01.180526/CVLS-MDC ngày 18/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Tại chân công trình trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Áp dụng từ ngày 18/05/2026 đến khi có bảng báo giá mới	Bổ sung mới	5.860.000	5.860.000	5.860.000	5.860.000	5.860.000	5.860.000	5.860.000	5.860.000	5.860.000	5.860.000	5.860.000	5.860.000	5.860.000	5.860.000	5.860.000
942	Vật tư ngành điện	Đèn MDC TITAN công suất 150W	cái	TCVN 7722-2-3:2019 TCVN ISO 9001-2015 ISO 14001:2015	Kích thước: 422x320x140mm	Công ty CP Tập đoàn MDC GROUP.Đc: Phòng 411, Tầng 4, Tòa nhà văn phòng Detech, số 8, Tôn Thất Thuyết, Phường Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam - Đt: 0987 898 605. Công văn Số: 01.180526/CVLS-MDC ngày 18/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Tại chân công trình trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Áp dụng từ ngày 18/05/2026 đến khi có bảng báo giá mới	Bổ sung mới	6.550.000	6.550.000	6.550.000	6.550.000	6.550.000	6.550.000	6.550.000	6.550.000	6.550.000	6.550.000	6.550.000	6.550.000	6.550.000	6.550.000	6.550.000
943	Vật tư ngành điện	Đèn MDC - S01	cái	TCVN 7722-2-3:2019 TCVN ISO 9001-2015 ISO 14001:2015		Công ty CP Tập đoàn MDC GROUP.Đc: Phòng 411, Tầng 4, Tòa nhà văn phòng Detech, số 8, Tôn Thất Thuyết, Phường Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam - Đt: 0987 898 605. Công văn Số: 01.180526/CVLS-MDC ngày 18/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Tại chân công trình trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Áp dụng từ ngày 18/05/2026 đến khi có bảng báo giá mới	Bổ sung mới	10.500.000	10.500.000	10.500.000	10.500.000	10.500.000	10.500.000	10.500.000	10.500.000	10.500.000	10.500.000	10.500.000	10.500.000	10.500.000	10.500.000	10.500.000
944	Vật tư ngành điện	Đèn MDC - S03	cái	TCVN 7722-2-3:2019 TCVN ISO 9001-2015 ISO 14001:2015		Công ty CP Tập đoàn MDC GROUP.Đc: Phòng 411, Tầng 4, Tòa nhà văn phòng Detech, số 8, Tôn Thất Thuyết, Phường Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam - Đt: 0987 898 605. Công văn Số: 01.180526/CVLS-MDC ngày 18/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Tại chân công trình trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Áp dụng từ ngày 18/05/2026 đến khi có bảng báo giá mới	Bổ sung mới	9.300.000	9.300.000	9.300.000	9.300.000	9.300.000	9.300.000	9.300.000	9.300.000	9.300.000	9.300.000	9.300.000	9.300.000	9.300.000	9.300.000	9.300.000
945	Vật tư ngành điện	Đèn MDC NLMT - 80W	cái	TCVN 7722-2-3:2019 TCVN ISO 9001-2015 ISO 14001:2015		Công ty CP Tập đoàn MDC GROUP.Đc: Phòng 411, Tầng 4, Tòa nhà văn phòng Detech, số 8, Tôn Thất Thuyết, Phường Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam - Đt: 0987 898 605. Công văn Số: 01.180526/CVLS-MDC ngày 18/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Tại chân công trình trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Áp dụng từ ngày 18/05/2026 đến khi có bảng báo giá mới	Bổ sung mới	11.500.000	11.500.000	11.500.000	11.500.000	11.500.000	11.500.000	11.500.000	11.500.000	11.500.000	11.500.000	11.500.000	11.500.000	11.500.000	11.500.000	11.500.000

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng) (đồng)														
												Khu vực Tân An	Khu vực Tân Trụ	Khu vực Châu Thành	Khu vực Thủ Thừa	Khu vực Bến Lức	Khu vực Cần Giuộc	Khu vực Cần Đước	Khu vực Tân Thạnh	Khu vực Thạnh Hóa	Khu vực Tân Hưng	Khu vực Vĩnh Hưng	Khu vực Kiến Tường	Khu vực Mộc Hóa	Khu vực Đức Hòa	Khu vực Đức Huệ
946	Vật tư ngành điện	Đèn MDC NLMT liền thể 60W	cái	TCVN 7722-2-3:2019 TCVN ISO 9001-2015 ISO 14001:2015		Công ty CP Tập đoàn MDC GROUP.Đc: Phòng 411, Tầng 4, Tòa nhà văn phòng Detech, số 8, Tôn Thất Thuyết, Phường Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam - Đt: 0987 898 605. Công văn Số: 01.180526/CVLS-MDC ngày 18/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Tại chân công trình trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Áp dụng từ ngày 18/05/2026 đến khi có bảng báo giá mới	Bổ sung mới	11.650.000	11.650.000	11.650.000	11.650.000	11.650.000	11.650.000	11.650.000	11.650.000	11.650.000	11.650.000	11.650.000	11.650.000	11.650.000	11.650.000	11.650.000
947	Vật tư ngành điện	Đèn MDC NLMT liền thể 80W	cái	TCVN 7722-2-3:2019 TCVN ISO 9001-2015 ISO 14001:2015		Công ty CP Tập đoàn MDC GROUP.Đc: Phòng 411, Tầng 4, Tòa nhà văn phòng Detech, số 8, Tôn Thất Thuyết, Phường Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam - Đt: 0987 898 605. Công văn Số: 01.180526/CVLS-MDC ngày 18/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Tại chân công trình trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Áp dụng từ ngày 18/05/2026 đến khi có bảng báo giá mới	Bổ sung mới	12.050.000	12.050.000	12.050.000	12.050.000	12.050.000	12.050.000	12.050.000	12.050.000	12.050.000	12.050.000	12.050.000	12.050.000	12.050.000	12.050.000	12.050.000
948	Vật tư ngành điện	Đèn MDC NLMT liền thể 120W	cái	TCVN 7722-2-3:2019 TCVN ISO 9001-2015 ISO 14001:2015		Công ty CP Tập đoàn MDC GROUP.Đc: Phòng 411, Tầng 4, Tòa nhà văn phòng Detech, số 8, Tôn Thất Thuyết, Phường Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam - Đt: 0987 898 605. Công văn Số: 01.180526/CVLS-MDC ngày 18/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Tại chân công trình trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Áp dụng từ ngày 18/05/2026 đến khi có bảng báo giá mới	Bổ sung mới	15.150.000	15.150.000	15.150.000	15.150.000	15.150.000	15.150.000	15.150.000	15.150.000	15.150.000	15.150.000	15.150.000	15.150.000	15.150.000	15.150.000	15.150.000
949	Vật tư ngành điện	Đèn MDC BLUECACBON 2.0 NLMT 36W-70AH	cái	TCVN 7722-2-3:2019 TCVN ISO 9001-2015 ISO 14001:2015		Công ty CP Tập đoàn MDC GROUP.Đc: Phòng 411, Tầng 4, Tòa nhà văn phòng Detech, số 8, Tôn Thất Thuyết, Phường Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam - Đt: 0987 898 605. Công văn Số: 01.180526/CVLS-MDC ngày 18/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Tại chân công trình trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Áp dụng từ ngày 18/05/2026 đến khi có bảng báo giá mới	Bổ sung mới	6.000.000	6.000.000	6.000.000	6.000.000	6.000.000	6.000.000	6.000.000	6.000.000	6.000.000	6.000.000	6.000.000	6.000.000	6.000.000	6.000.000	6.000.000
950	Vật tư ngành điện	Đèn MDC BLUECACBON 2.0 NLMT 50W-70AH	cái	TCVN 7722-2-3:2019 TCVN ISO 9001-2015 ISO 14001:2015		Công ty CP Tập đoàn MDC GROUP.Đc: Phòng 411, Tầng 4, Tòa nhà văn phòng Detech, số 8, Tôn Thất Thuyết, Phường Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam - Đt: 0987 898 605. Công văn Số: 01.180526/CVLS-MDC ngày 18/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Tại chân công trình trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Áp dụng từ ngày 18/05/2026 đến khi có bảng báo giá mới	Bổ sung mới	7.150.000	7.150.000	7.150.000	7.150.000	7.150.000	7.150.000	7.150.000	7.150.000	7.150.000	7.150.000	7.150.000	7.150.000	7.150.000	7.150.000	7.150.000
951	Vật tư ngành điện	Đèn MDC BLUECACBON 2.0 NLMT 56W-90AH	cái	TCVN 7722-2-3:2019 TCVN ISO 9001-2015 ISO 14001:2015		Công ty CP Tập đoàn MDC GROUP.Đc: Phòng 411, Tầng 4, Tòa nhà văn phòng Detech, số 8, Tôn Thất Thuyết, Phường Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam - Đt: 0987 898 605. Công văn Số: 01.180526/CVLS-MDC ngày 18/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Tại chân công trình trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Áp dụng từ ngày 18/05/2026 đến khi có bảng báo giá mới	Bổ sung mới	7.200.000	7.200.000	7.200.000	7.200.000	7.200.000	7.200.000	7.200.000	7.200.000	7.200.000	7.200.000	7.200.000	7.200.000	7.200.000	7.200.000	7.200.000
952	Vật tư ngành điện	Đèn MDC BLUECACBON 2.0 NLMT 70W-140AH	cái	TCVN 7722-2-3:2019 TCVN ISO 9001-2015 ISO 14001:2015		Công ty CP Tập đoàn MDC GROUP.Đc: Phòng 411, Tầng 4, Tòa nhà văn phòng Detech, số 8, Tôn Thất Thuyết, Phường Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam - Đt: 0987 898 605. Công văn Số: 01.180526/CVLS-MDC ngày 18/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Tại chân công trình trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Áp dụng từ ngày 18/05/2026 đến khi có bảng báo giá mới	Bổ sung mới	9.150.000	9.150.000	9.150.000	9.150.000	9.150.000	9.150.000	9.150.000	9.150.000	9.150.000	9.150.000	9.150.000	9.150.000	9.150.000	9.150.000	9.150.000
953	Vật tư ngành điện	Đèn MDC BLUECACBON 3.0 NLMT 80W-160AH	cái	TCVN 7722-2-3:2019 TCVN ISO 9001-2015 ISO 14001:2015		Công ty CP Tập đoàn MDC GROUP.Đc: Phòng 411, Tầng 4, Tòa nhà văn phòng Detech, số 8, Tôn Thất Thuyết, Phường Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam - Đt: 0987 898 605. Công văn Số: 01.180526/CVLS-MDC ngày 18/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Tại chân công trình trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Áp dụng từ ngày 18/05/2026 đến khi có bảng báo giá mới	Bổ sung mới	11.700.000	11.700.000	11.700.000	11.700.000	11.700.000	11.700.000	11.700.000	11.700.000	11.700.000	11.700.000	11.700.000	11.700.000	11.700.000	11.700.000	11.700.000
954	Vật tư ngành điện	Đèn MDC BLUECACBON 2.0 NLMT 100W-200AH	cái	TCVN 7722-2-3:2019 TCVN ISO 9001-2015 ISO 14001:2015		Công ty CP Tập đoàn MDC GROUP.Đc: Phòng 411, Tầng 4, Tòa nhà văn phòng Detech, số 8, Tôn Thất Thuyết, Phường Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam - Đt: 0987 898 605. Công văn Số: 01.180526/CVLS-MDC ngày 18/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Tại chân công trình trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Áp dụng từ ngày 18/05/2026 đến khi có bảng báo giá mới	Bổ sung mới	10.950.000	10.950.000	10.950.000	10.950.000	10.950.000	10.950.000	10.950.000	10.950.000	10.950.000	10.950.000	10.950.000	10.950.000	10.950.000	10.950.000	10.950.000
955	Vật tư ngành điện	Đèn MDC BLUECACBON 3.0 NLMT 120W-200AH	cái	TCVN 7722-2-3:2019 TCVN ISO 9001-2015 ISO 14001:2015		Công ty CP Tập đoàn MDC GROUP.Đc: Phòng 411, Tầng 4, Tòa nhà văn phòng Detech, số 8, Tôn Thất Thuyết, Phường Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam - Đt: 0987 898 605. Công văn Số: 01.180526/CVLS-MDC ngày 18/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Tại chân công trình trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Áp dụng từ ngày 18/05/2026 đến khi có bảng báo giá mới	Bổ sung mới	13.000.000	13.000.000	13.000.000	13.000.000	13.000.000	13.000.000	13.000.000	13.000.000	13.000.000	13.000.000	13.000.000	13.000.000	13.000.000	13.000.000	13.000.000
956	Vật tư ngành điện	Đèn đường Led Nikkon Mura (M) 85W dimming 5 cấp, điều khiển chiếu sáng thông minh không dây ILCS - Malaysia	bộ	*TCVN 7722-1.2009 (IEC 60598-1:2008) TCVN7722-2:2009 (IEC 60598-2- 3:2002)*	*IP 66, Chống sét 20KA 10KV, Chip LED 5050 chuẩn LM80, bộ đèn chuẩn LM79*	Công ty TNHH SX TM và DV Đại Quang Phát. Đc: 17 đường số 11, KP4, P.Linh Xuân, TP.HCM - Đt: 0964.111.278. Công văn đề nghị công bố giá số 05/ĐQP ngày 15/06/2026	MALAYSIA	Không có thông tin	Tại chân công trình Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 15/06/2026 đến khi có thông báo giá mới	Giá không đổi	8.100.000	8.100.000	8.100.000	8.100.000	8.100.000	8.100.000	8.100.000	8.100.000	8.100.000	8.100.000	8.100.000	8.100.000	8.100.000	8.100.000	8.100.000
957	Vật tư ngành điện	Đèn đường Led Nikkon Mura (M) 85W - 105W dimming 5 cấp, điều khiển chiếu sáng thông minh không dây ILCS - Malaysia	bộ	*TCVN7722-1:2009 (IEC 60598-1:2008) TCVN7722-2:2009 (IEC 60598-2-3:2002)*	*IP 66, Chống sét 20KA 10KV, Chip LED 5050 chuẩn LM80, bộ đèn chuẩn LM79*	Công ty TNHH SX TM và DV Đại Quang Phát. Đc: 17 đường số 11, KP4, P.Linh Xuân, TP.HCM - Đt: 0964.111.278. Công văn đề nghị công bố giá số 05/ĐQP ngày 15/06/2026	MALAYSIA	Không có thông tin	Tại chân công trình Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 15/06/2026 đến khi có thông báo giá mới	Giá không đổi	8.625.000	8.625.000	8.625.000	8.625.000	8.625.000	8.625.000	8.625.000	8.625.000	8.625.000	8.625.000	8.625.000	8.625.000	8.625.000	8.625.000	8.625.000
958	Vật tư ngành điện	Đèn đường Led Nikkon Mura (L) HOW - 125W dimming 5 cấp, điều khiển chiếu sáng thông minh không dây ILCS - Malaysia	bộ	*TCVN7722-1:2009 (IEC 60598-1:2008) TCVN 7722-2:2009 (IEC 60598-2-3:2002)*	*IP 66, Chống sét 20KA 10KV, Chip LED 5050 chuẩn LM80, bộ đèn chuẩn LM79*	Công ty TNHH SX TM và DV Đại Quang Phát. Đc: 17 đường số 11, KP4, P.Linh Xuân, TP.HCM - Đt: 0964.111.278. Công văn đề nghị công bố giá số 05/ĐQP ngày 15/06/2026	MALAYSIA	Không có thông tin	Tại chân công trình Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 15/06/2026 đến khi có thông báo giá mới	Giá không đổi	10.350.000	10.350.000	10.350.000	10.350.000	10.350.000	10.350.000	10.350.000	10.350.000	10.350.000	10.350.000	10.350.000	10.350.000	10.350.000	10.350.000	10.350.000
959	Vật tư ngành điện	Đèn đường Led Nikkon Mura (L) 130W-155W dimming 5 cấp, điều khiển chiếu sáng thông minh không dây ILCS - Malaysia	bộ	*TCVN7722-1:2009 (IEC 60598-1:2008)TCVN 7722-2:2009 (IEC 60598-2- 3:2002)*	*IP 66, Chống sét 20KA 10KV, Chip LED 5050chuẩn LM80, bộ đèn chuẩn LM79*	Công ty TNHH SX TM và DV Đại Quang Phát. Đc: 17 đường số 11, KP4, P.Linh Xuân, TP.HCM - Đt: 0964.111.278. Công văn đề nghị công bố giá số 05/ĐQP ngày 15/06/2026	MALAYSIA	Không có thông tin	Tại chân công trình Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 15/06/2026 đến khi có thông báo giá mới	Giá không đổi	11.850.000	11.850.000	11.850.000	11.850.000	11.850.000	11.850.000	11.850.000	11.850.000	11.850.000	11.850.000	11.850.000	11.850.000	11.850.000	11.850.000	11.850.000
960	Vật tư ngành điện	Đèn đường Led Nikkon Mura (L) 160W-185W dimming 5 cấp, điều khiển chiếu sáng thông minh không dây ILCS - Malaysia	bộ	*TCVN7722-1:2009 (IEC 60598-1:2008) TCVN7722-2:2009 (IEC 60598-2-3:2002)*	*IP 66, Chống sét 20KA 10KV Chip LED 5050 chuẩn LM80, bộ đèn chuẩn LM79*	Công ty TNHH SX TM và DV Đại Quang Phát. Đc: 17 đường số 11, KP4, P.Linh Xuân, TP.HCM - Đt: 0964.111.278. Công văn đề nghị công bố giá số 05/ĐQP ngày 15/06/2026	MALAYSIA	Không có thông tin	Tại chân công trình Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 15/06/2026 đến khi có thông báo giá mới	Giá không đổi	14.250.000	14.250.000	14.250.000	14.250.000	14.250.000	14.250.000	14.250.000	14.250.000	14.250.000	14.250.000	14.250.000	14.250.000	14.250.000	14.250.000	14.250.000
961	Vật tư ngành điện	Đèn pha Led Nikkon Cervelli 100W-250W dimming 5 cấp, điều khiển chiếu sáng thông minh không dây ILCS - Malaysia	bộ	*Độ kín IP 66*	*IP 66, Chống sét 20KA 10KV, Chip LED 5050 chuẩn LM80, bộ đèn chuẩn LM79*	Công ty TNHH SX TM và DV Đại Quang Phát. Đc: 17 đường số 11, KP4, P.Linh Xuân, TP.HCM - Đt: 0964.111.278. Công văn đề nghị công bố giá số 05/ĐQP ngày 15/06/2026	MALAYSIA	Không có thông tin	Tại chân công trình Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 15/06/2026 đến khi có thông báo giá mới	Giá không đổi	20.250.000	20.250.000	20.250.000	20.250.000	20.250.000	20.250.000	20.250.000	20.250.000	20.250.000	20.250.000	20.250.000	20.250.000	20.250.000	20.250.000	20.250.000
962	Vật tư ngành điện	Đèn pha Led Nikkon Cervelli 300W -350W dimming 5 cấp, điều khiển chiếu sáng thông minh không dây ILCS - Malaysia	bộ	*Độ kín IP 66*	*IP 66, Chống sét 20KA 10KV Chip LED 5050 chuẩn LM80, bộ đèn chuẩn LM79*	Công ty TNHH SX TM và DV Đại Quang Phát. Đc: 17 đường số 11, KP4, P.Linh Xuân, TP.HCM - Đt: 0964.111.278. Công văn đề nghị công bố giá số 05/ĐQP ngày 15/06/2026	MALAYSIA	Không có thông tin	Tại chân công trình Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 15/06/2026 đến khi có thông báo giá mới	Giá không đổi	25.575.000	25.575.000	25.575.000	25.575.000	25.575.000	25.575.000	25.575.000	25.575.000	25.575.000	25.575.000	25.575.000	25.575.000	25.575.000	25.575.000	25.575.000
963	Vật tư ngành điện	Đèn đường Led năng lượng mặt trời Nikkon RA365 30W - Malaysia	bộ	*Độ kín IP 66*	*TÍCH HỢP PIN LiFeP 04 SẠC ĐÂY VỚI 6H NĂNG/ NLMT*	Công ty TNHH SX TM và DV Đại Quang Phát. Đc: 17 đường số 11, KP4, P.Linh Xuân, TP.HCM - Đt: 0964.111.278. Công văn đề nghị công bố giá số 05/ĐQP ngày 15/06/2026	MALAYSIA	Không có thông tin	Tại chân công trình Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 15/06/2026 đến khi có thông báo giá mới	Giá không đổi	14.625.000	14.625.000	14.625.000	14.625.000	14.625.000	14.625.000	14.625.000	14.625.000	14.625.000	14.625.000	14.625.000	14.625.000	14.625.000	14.625.000	14.625.000

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng) (đồng)														
												Khu vực Tân An	Khu vực Tân Trụ	Khu vực Châu Thành	Khu vực Thủ Thừa	Khu vực Bến Lức	Khu vực Cần Giuộc	Khu vực Cần Đước	Khu vực Tân Thạnh	Khu vực Thạnh Hóa	Khu vực Tân Hưng	Khu vực Vĩnh Hưng	Khu vực Kiến Tường	Khu vực Mộc Hóa	Khu vực Đức Hòa	Khu vực Đức Huệ
964	Vật tư ngành điện	Đèn đường Led năng lượng mặt trời Nikkon RA365 60W - Malaysia	bộ	Đọ kín IP 66	TÍCH HỢP PIN LiFePO4 SẠC ĐẦY VỚI 6 H NẮNG/ NLMT	Công ty TNHH SX TM và DV Đại Quang Phát. Đc: 17 đường số 11, KP4, P.Linh Xuân, TP.HCM - Đt: 0964.111.278. Công văn đề nghị công bố giá số 05/ĐQP ngày 15/06/2026	MALAYSIA	Không có thông tin	Tại chân công trình Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 15/06/2026 đến khi có thông báo giá mới	Giá không đổi	23.250.000	23.250.000	23.250.000	23.250.000	23.250.000	23.250.000	23.250.000	23.250.000	23.250.000	23.250.000	23.250.000	23.250.000	23.250.000	23.250.000	23.250.000
965	Vật tư ngành điện	Đèn đường Led năng lượng mặt trời Nikkon RA365 80 w - Malaysia	bộ	Đọ kín IP 66	TÍCH HỢP PIN LiFePO4 SẠC ĐẦY VỚI 6 H NẮNG/ NLMT	Công ty TNHH SX TM và DV Đại Quang Phát. Đc: 17 đường số 11, KP4, P.Linh Xuân, TP.HCM - Đt: 0964.111.278. Công văn đề nghị công bố giá số 05/ĐQP ngày 15/06/2026	MALAYSIA	Không có thông tin	Tại chân công trình Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 15/06/2026 đến khi có thông báo giá mới	Giá không đổi	28.425.000	28.425.000	28.425.000	28.425.000	28.425.000	28.425.000	28.425.000	28.425.000	28.425.000	28.425.000	28.425.000	28.425.000	28.425.000	28.425.000	28.425.000
966	Vật tư ngành điện	Đèn đường Led năng lượng mặt trời Nikkon RA365 120W - Malaysia	bộ	Đọ kín IP 66	TÍCH HỢP PIN LiFePO4 SẠC ĐẦY VỚI 6 H NẮNG/ NLMT	Công ty TNHH SX TM và DV Đại Quang Phát. Đc: 17 đường số 11, KP4, P.Linh Xuân, TP.HCM - Đt: 0964.111.278. Công văn đề nghị công bố giá số 05/ĐQP ngày 15/06/2026	MALAYSIA	Không có thông tin	Tại chân công trình Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 15/06/2026 đến khi có thông báo giá mới	Giá không đổi	59.250.000	59.250.000	59.250.000	59.250.000	59.250.000	59.250.000	59.250.000	59.250.000	59.250.000	59.250.000	59.250.000	59.250.000	59.250.000	59.250.000	59.250.000
967	Vật tư ngành điện	Đèn đường Led Nikkon Sigma (M) 60W dimming 5 cấp, điều khiển chiếu sáng thông minh không dây ILCS - Malaysia	bộ	Đọ kín IP 66	IP 66. Chống sét 20KA 10KV Chip LED 5050 chuẩn LM80, bộ đèn chuẩn LM79	Công ty TNHH SX TM và DV Đại Quang Phát. Đc: 17 đường số 11, KP4, P.Linh Xuân, TP.HCM - Đt: 0964.111.278. Công văn đề nghị công bố giá số 05/ĐQP ngày 15/06/2026	MALAYSIA	Không có thông tin	Tại chân công trình Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 15/06/2026 đến khi có thông báo giá mới	Giá không đổi	7.575.000	7.575.000	7.575.000	7.575.000	7.575.000	7.575.000	7.575.000	7.575.000	7.575.000	7.575.000	7.575.000	7.575.000	7.575.000	7.575.000	7.575.000
968	Vật tư ngành điện	Đèn đường Led Nikkon Sigma (M) 90W dimming 5 cấp, điều khiển chiếu sáng thông minh không dây ILCS - Malaysia	bộ	Đọ kín IP 66	IP 66, Chống sét 20KA 10KV, Chip LED 5050 chuẩn LM80, bộ đèn chuẩn LM79	Công ty TNHH SX TM và DV Đại Quang Phát. Đc: 17 đường số 11, KP4, P.Linh Xuân, TP.HCM - Đt: 0964.111.278. Công văn đề nghị công bố giá số 05/ĐQP ngày 15/06/2026	MALAYSIA	Không có thông tin	Tại chân công trình Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 15/06/2026 đến khi có thông báo giá mới	Giá không đổi	8.400.000	8.400.000	8.400.000	8.400.000	8.400.000	8.400.000	8.400.000	8.400.000	8.400.000	8.400.000	8.400.000	8.400.000	8.400.000	8.400.000	8.400.000
969	Vật tư ngành điện	Đèn đường Led Nikkon Sigma (M) 120W dimming 5 cấp, điều khiển chiếu sáng thông minh không dây ILCS - Malaysia	bộ	Đọ kín IP 66	IP 66, Chống sét 20KA 10KV, Chip LED 5050 chuẩn LM80, bộ đèn chuẩn LM79	Công ty TNHH SX TM và DV Đại Quang Phát. Đc: 17 đường số 11, KP4, P.Linh Xuân, TP.HCM - Đt: 0964.111.278. Công văn đề nghị công bố giá số 05/ĐQP ngày 15/06/2026	MALAYSIA	Không có thông tin	Tại chân công trình Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 15/06/2026 đến khi có thông báo giá mới	Giá không đổi	9.825.000	9.825.000	9.825.000	9.825.000	9.825.000	9.825.000	9.825.000	9.825.000	9.825.000	9.825.000	9.825.000	9.825.000	9.825.000	9.825.000	9.825.000
970	Vật tư ngành điện	Đèn đường Led Nikkon Sigma (M) 150W dimming 5 cấp, điều khiển chiếu sáng thông minh không dây ILCS - Malaysia	bộ	Đọ kín IP 66	IP 66, Chống sét 20KA 10KV, Chip LED 5050 chuẩn LM80, bộ đèn chuẩn LM79	Công ty TNHH SX TM và DV Đại Quang Phát. Đc: 17 đường số 11, KP4, P.Linh Xuân, TP.HCM - Đt: 0964.111.278. Công văn đề nghị công bố giá số 05/ĐQP ngày 15/06/2026	MALAYSIA	Không có thông tin	Tại chân công trình Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 15/06/2026 đến khi có thông báo giá mới	Giá không đổi	11.475.000	11.475.000	11.475.000	11.475.000	11.475.000	11.475.000	11.475.000	11.475.000	11.475.000	11.475.000	11.475.000	11.475.000	11.475.000	11.475.000	11.475.000
971	Vật tư ngành điện	Đèn đường Led Nikkon Sigma (L) 180W dimming 5 cấp, điều khiển chiếu sáng thông minh không dây ILCS - Malaysia	bộ	Đọ kín IP 66	IP 66, Chống sét 20KA 10KV Chip LED 5050 chuẩn LM80, bộ đèn chuẩn LM79	Công ty TNHH SX TM và DV Đại Quang Phát. Đc: 17 đường số 11, KP4, P.Linh Xuân, TP.HCM - Đt: 0964.111.278. Công văn đề nghị công bố giá số 05/ĐQP ngày 15/06/2026	MALAYSIA	Không có thông tin	Tại chân công trình Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 15/06/2026 đến khi có thông báo giá mới	Giá không đổi	13.125.000	13.125.000	13.125.000	13.125.000	13.125.000	13.125.000	13.125.000	13.125.000	13.125.000	13.125.000	13.125.000	13.125.000	13.125.000	13.125.000	13.125.000
972	Vật tư ngành điện	Đèn đường Led Nikkon Sigma (L)200W dimming 5 cấp, điều khiển chiếu sáng thông minh không dây ILCS - Malaysia	bộ	Đọ kín IP 66	IP 66, Chống sét 20KA 10KV, Chip LED 5050 chuẩn LM80, bộ đèn chuẩn LM79	Công ty TNHH SX TM và DV Đại Quang Phát. Đc: 17 đường số 11, KP4, P.Linh Xuân, TP.HCM - Đt: 0964.111.278. Công văn đề nghị công bố giá số 05/ĐQP ngày 15/06/2026	MALAYSIA	Không có thông tin	Tại chân công trình Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 15/06/2026 đến khi có thông báo giá mới	Giá không đổi	13.875.000	13.875.000	13.875.000	13.875.000	13.875.000	13.875.000	13.875.000	13.875.000	13.875.000	13.875.000	13.875.000	13.875.000	13.875.000	13.875.000	13.875.000
973	Vật tư ngành điện	Bộ điều khiển chiếu sáng LCU	cái	EN55015, EN60598-1, EN61000-3-2, EN61000-3-3, EN61547, EN61347-1, EN61347-2-11, MCMC MTSFB TC T007:2014, ETSI EN300328, ETSI EN303413, ETSI EN301489-1	Bảo vệ sự xâm nhập IP66 Bảo vệ tác động IK09	Công ty TNHH SX TM và DV Đại Quang Phát. Đc: 17 đường số 11, KP4, P.Linh Xuân, TP.HCM - Đt: 0964.111.278. Công văn đề nghị công bố giá số 05/ĐQP ngày 15/06/2026	MALAYSIA	Không có thông tin	Tại chân công trình Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 15/06/2026 đến khi có thông báo giá mới	Giá không đổi	9.204.000	9.204.000	9.204.000	9.204.000	9.204.000	9.204.000	9.204.000	9.204.000	9.204.000	9.204.000	9.204.000	9.204.000	9.204.000	9.204.000	9.204.000
974	Vật tư ngành điện	Tủ điều khiển chiếu sáng thông minh DCU	tủ	EN55022, EN55024, EN61326-1, EN61000-3-2, EN61000-3-3, MCMC MTSFB TC T007:2014, ETSI 300328	Bảo vệ sự xâm nhập IP66 Bảo vệ tác động IK08 Lắp đặt tùy chọn Tủ điều khiển IP54	Công ty TNHH SX TM và DV Đại Quang Phát. Đc: 17 đường số 11, KP4, P.Linh Xuân, TP.HCM - Đt: 0964.111.278. Công văn đề nghị công bố giá số 05/ĐQP ngày 15/06/2026	MALAYSIA	Không có thông tin	Tại chân công trình Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 15/06/2026 đến khi có thông báo giá mới	Giá không đổi	165.600.000	165.600.000	165.600.000	165.600.000	165.600.000	165.600.000	165.600.000	165.600.000	165.600.000	165.600.000	165.600.000	165.600.000	165.600.000	165.600.000	165.600.000
975	Vật tư ngành điện	Bộ cảm biến thời tiết	bộ	ETS1 EN 303413 V1. 1.1 ETSI EN 300328 V2. 1.1 ETSI EN 301489-1 V2. 1.1	Bảo vệ sự xâm nhập 1P65 Bảo vệ tác động IK08	Công ty TNHH SX TM và DV Đại Quang Phát. Đc: 17 đường số 11, KP4, P.Linh Xuân, TP.HCM - Đt: 0964.111.278. Công văn đề nghị công bố giá số 05/ĐQP ngày 15/06/2026	MALAYSIA	Không có thông tin	Tại chân công trình Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 15/06/2026 đến khi có thông báo giá mới	Giá không đổi	226.200.000	226.200.000	226.200.000	226.200.000	226.200.000	226.200.000	226.200.000	226.200.000	226.200.000	226.200.000	226.200.000	226.200.000	226.200.000	226.200.000	226.200.000
976	Vật tư ngành điện	Bộ cảm biến phân tích giao thông	bộ	UN111248	#NAME?	Công ty TNHH SX TM và DV Đại Quang Phát. Đc: 17 đường số 11, KP4, P.Linh Xuân, TP.HCM - Đt: 0964.111.278. Công văn đề nghị công bố giá số 05/ĐQP ngày 15/06/2026	MALAYSIA	Không có thông tin	Tại chân công trình Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 15/06/2026 đến khi có thông báo giá mới	Giá không đổi	49.920.000	49.920.000	49.920.000	49.920.000	49.920.000	49.920.000	49.920.000	49.920.000	49.920.000	49.920.000	49.920.000	49.920.000	49.920.000	49.920.000	49.920.000
977	Vật tư ngành điện	Tủ điều khiển chiếu sáng thông minh 3 pha	tủ	EN55022, EN55024,EN61326 -1, EN61000-3-2, EN61000-3-3, MCMC MTSFB TC T007: 2014, ETSI 300328	Nguồn điện 100-305 VAC50760Hz Dòng cắt ngắn mạch 6kA -50 kA Dòng điện tối đa 10A - 630 A , Cấp bảo vệ IP43 - IP55 Độ tăng nhiệt tối đa: 50 độ c. Công suất tiêu thụ < 12W	Công ty TNHH SX TM và DV Đại Quang Phát. Đc: 17 đường số 11, KP4, P.Linh Xuân, TP.HCM - Đt: 0964.111.278. Công văn đề nghị công bố giá số 05/ĐQP ngày 15/06/2026	MALAYSIA	Không có thông tin	Tại chân công trình Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 15/06/2026 đến khi có thông báo giá mới	Giá không đổi	174.000.000	174.000.000	174.000.000	174.000.000	174.000.000	174.000.000	174.000.000	174.000.000	174.000.000	174.000.000	174.000.000	174.000.000	174.000.000	174.000.000	174.000.000
978	Vật tư ngành điện	Bộ đèn THGT Xanh Đỏ Vàng D200 - Taiwan	bộ	Đọ kín IP55	Đọ kín IP55	Công ty TNHH SX TM và DV Đại Quang Phát. Đc: 17 đường số 11, KP4, P.Linh Xuân, TP.HCM - Đt: 0964.111.278. Công văn đề nghị công bố giá số 05/ĐQP ngày 15/06/2026	MALAYSIA	Không có thông tin	Tại chân công trình Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 15/06/2026 đến khi có thông báo giá mới	Giá không đổi	12.225.000	12.225.000	12.225.000	12.225.000	12.225.000	12.225.000	12.225.000	12.225.000	12.225.000	12.225.000	12.225.000	12.225.000	12.225.000	12.225.000	12.225.000
979	Vật tư ngành điện	Bộ đèn THGT Xanh Đỏ Vàng D300 -Taiwan	bộ	Đọ kín IP55	Đọ kín IP55	Công ty TNHH SX TM và DV Đại Quang Phát. Đc: 17 đường số 11, KP4, P.Linh Xuân, TP.HCM - Đt: 0964.111.278. Công văn đề nghị công bố giá số 05/ĐQP ngày 15/06/2026	MALAYSIA	Không có thông tin	Tại chân công trình Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 15/06/2026 đến khi có thông báo giá mới	Giá không đổi	14.850.000	14.850.000	14.850.000	14.850.000	14.850.000	14.850.000	14.850.000	14.850.000	14.850.000	14.850.000	14.850.000	14.850.000	14.850.000	14.850.000	14.850.000
980	Vật tư ngành điện	Bộ đèn THGT chữ thập Đỏ D200 -Taiwan	bộ	Đọ kín IP 55	Đọ kín IP55	Công ty TNHH SX TM và DV Đại Quang Phát. Đc: 17 đường số 11, KP4, P.Linh Xuân, TP.HCM - Đt: 0964.111.278. Công văn đề nghị công bố giá số 05/ĐQP ngày 15/06/2026	MALAYSIA	Không có thông tin	Tại chân công trình Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 15/06/2026 đến khi có thông báo giá mới	Giá không đổi	4.125.000	4.125.000	4.125.000	4.125.000	4.125.000	4.125.000	4.125.000	4.125.000	4.125.000	4.125.000	4.125.000	4.125.000	4.125.000	4.125.000	4.125.000
981	Vật tư ngành điện	Bộ đèn THGT chữ thập Đỏ D300 -Taiwan	bộ	Đọ kín IP55	Đọ kín IP55	Công ty TNHH SX TM và DV Đại Quang Phát. Đc: 17 đường số 11, KP4, P.Linh Xuân, TP.HCM - Đt: 0964.111.278. Công văn đề nghị công bố giá số 05/ĐQP ngày 15/06/2026	MALAYSIA	Không có thông tin	Tại chân công trình Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 15/06/2026 đến khi có thông báo giá mới	Giá không đổi	4.425.000	4.425.000	4.425.000	4.425.000	4.425.000	4.425.000	4.425.000	4.425.000	4.425.000	4.425.000	4.425.000	4.425.000	4.425.000	4.425.000	4.425.000

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng) (đồng)														
												Khu vực Tân An	Khu vực Tân Trụ	Khu vực Châu Thành	Khu vực Thủ Thừa	Khu vực Bến Lức	Khu vực Cần Giuộc	Khu vực Cần Đước	Khu vực Tân Thạnh	Khu vực Thạnh Hóa	Khu vực Tân Hưng	Khu vực Vĩnh Hưng	Khu vực Kiến Tường	Khu vực Mộc Hóa	Khu vực Đức Hòa	Khu vực Đức Huệ
982	Vật tư ngành điện	Bộ đèn THGT nhấc lại D800 - Taiwan	bộ	*Đọi kín IP55*	*Đọi kín IP55*	Công ty TNHH SX TM và DV Đại Quang Phát. Đc: 17 đường số 11, KP4, P.Linh Xuân, TP.HCM - Đt: 0964.111.278. Công văn đề nghị công bố giá số 05/ĐQP ngày 15/06/2026	MALAYSIA	Không có thông tin	Tại chân công trình Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 15/06/2026 đến khi có thông báo giá mới	Giá không đổi	6.975.000	6.975.000	6.975.000	6.975.000	6.975.000	6.975.000	6.975.000	6.975.000	6.975.000	6.975.000	6.975.000	6.975.000	6.975.000	6.975.000	6.975.000
983	Vật tư ngành điện	Bộ đèn THGT đi bộ Xanh Đỏ D200 - Taiwan	bộ	*Đọi kín IP55*	*Đọi kín IP55*	Công ty TNHH SX TM và DV Đại Quang Phát. Đc: 17 đường số 11, KP4, P.Linh Xuân, TP.HCM - Đt: 0964.111.278. Công văn đề nghị công bố giá số 05/ĐQP ngày 15/06/2026	MALAYSIA	Không có thông tin	Tại chân công trình Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 15/06/2026 đến khi có thông báo giá mới	Giá không đổi	9.000.000	9.000.000	9.000.000	9.000.000	9.000.000	9.000.000	9.000.000	9.000.000	9.000.000	9.000.000	9.000.000	9.000.000	9.000.000	9.000.000	9.000.000
984	Vật tư ngành điện	Bộ đèn THGT đếm lùi Xanh Đỏ Vàng D300 - Taiwan	bộ	*Đọi kín IP55*	*Đọi kín IP55*	Công ty TNHH SX TM và DV Đại Quang Phát. Đc: 17 đường số 11, KP4, P.Linh Xuân, TP.HCM - Đt: 0964.111.278. Công văn đề nghị công bố giá số 05/ĐQP ngày 15/06/2026	MALAYSIA	Không có thông tin	Tại chân công trình Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 15/06/2026 đến khi có thông báo giá mới	Giá không đổi	14.025.000	14.025.000	14.025.000	14.025.000	14.025.000	14.025.000	14.025.000	14.025.000	14.025.000	14.025.000	14.025.000	14.025.000	14.025.000	14.025.000	14.025.000
985	Vật tư ngành điện	Bộ đèn THGT đếm lùi vuông 500x600 -Taiwan	bộ	*Đọi kín IP55*	*Đọi kín IP55*	Công ty TNHH SX TM và DV Đại Quang Phát. Đc: 17 đường số 11, KP4, P.Linh Xuân, TP.HCM - Đt: 0964.111.278. Công văn đề nghị công bố giá số 05/ĐQP ngày 15/06/2026	MALAYSIA	Không có thông tin	Tại chân công trình Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 15/06/2026 đến khi có thông báo giá mới	Giá không đổi	14.700.000	14.700.000	14.700.000	14.700.000	14.700.000	14.700.000	14.700.000	14.700.000	14.700.000	14.700.000	14.700.000	14.700.000	14.700.000	14.700.000	14.700.000
986	Vật tư ngành điện	Tủ điều khiển THGT 2pha	*tủ*	*Đọi kín IP55*	*Đọi kín IP55*	Công ty TNHH SX TM và DV Đại Quang Phát. Đc: 17 đường số 11, KP4, P.Linh Xuân, TP.HCM - Đt: 0964.111.278. Công văn đề nghị công bố giá số 05/ĐQP ngày 15/06/2026	MALAYSIA	Không có thông tin	Tại chân công trình Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 15/06/2026 đến khi có thông báo giá mới	Giá không đổi	33.825.000	33.825.000	33.825.000	33.825.000	33.825.000	33.825.000	33.825.000	33.825.000	33.825.000	33.825.000	33.825.000	33.825.000	33.825.000	33.825.000	33.825.000
987	Vật tư ngành điện	Tủ điều khiển THGT Thông minh	*tủ*	*Đọi kín IP55*	*Đọi kín IP55*	Công ty TNHH SX TM và DV Đại Quang Phát. Đc: 17 đường số 11, KP4, P.Linh Xuân, TP.HCM - Đt: 0964.111.278. Công văn đề nghị công bố giá số 05/ĐQP ngày 15/06/2026	MALAYSIA	Không có thông tin	Tại chân công trình Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 15/06/2026 đến khi có thông báo giá mới	Giá không đổi	142.500.000	142.500.000	142.500.000	142.500.000	142.500.000	142.500.000	142.500.000	142.500.000	142.500.000	142.500.000	142.500.000	142.500.000	142.500.000	142.500.000	142.500.000
988	Vật tư ngành điện	Dù che tủ điều khiển	*bộ*	*Đọi kín IP55*	*Đọi kín IP55*	Công ty TNHH SX TM và DV Đại Quang Phát. Đc: 17 đường số 11, KP4, P.Linh Xuân, TP.HCM - Đt: 0964.111.278. Công văn đề nghị công bố giá số 05/ĐQP ngày 15/06/2026	MALAYSIA	Không có thông tin	Tại chân công trình Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 15/06/2026 đến khi có thông báo giá mới	Giá không đổi	9.675.000	9.675.000	9.675.000	9.675.000	9.675.000	9.675.000	9.675.000	9.675.000	9.675.000	9.675.000	9.675.000	9.675.000	9.675.000	9.675.000	9.675.000
989	Vật tư ngành điện	Trụ đỡ tủ điều khiển + cần dù	*bộ*	*Đọi kín IP55*	*Đọi kín IP55*	Công ty TNHH SX TM và DV Đại Quang Phát. Đc: 17 đường số 11, KP4, P.Linh Xuân, TP.HCM - Đt: 0964.111.278. Công văn đề nghị công bố giá số 05/ĐQP ngày 15/06/2026	MALAYSIA	Không có thông tin	Tại chân công trình Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 15/06/2026 đến khi có thông báo giá mới	Giá không đổi	4.050.000	4.050.000	4.050.000	4.050.000	4.050.000	4.050.000	4.050.000	4.050.000	4.050.000	4.050.000	4.050.000	4.050.000	4.050.000	4.050.000	4.050.000
990	Vật tư ngành điện	Đèn LED chiếu sáng đường phố MFUHAI LIGHT KMC 30W	*bộ*	TCVN 77221:2017, TCVN 77222-3:2019, ISO 9001:2015, ISO 14001:2015, ISO 50001:2018.	- vỏ đèn hợp kim nhôm đúc ADC1 áp lực cao; - vỏ đèn được đúc nguyên khối; - Vỏ đèn đúc nổi LOGO nhà sản xuất; - Vỏ đèn có chức năng chỉnh góc; - Vỏ đèn đúc nổi vị trí để khoan gắn Nema 7 Bin; - Độ kín ngăn quang học : >= IP67; - Độ kín ngăn linh kiện : > =IP67; - Bảo vệ chống va đập kính đèn: >= IK09; - Bảo vệ chống va đập thân đèn: >= IK09; - Tuổi thọ bộ đèn: >= 100.000 giờ; - Hệ số duy trì quang thông bộ đèn: >= 0.95; - Hiệu suất phát quang của đèn: > =160 lm/W; - Nhiệt độ màu: 3000K - 6000K; - Chỉ số hoàn màu CR1: > 70; - Chip LED: SMD - LM80, tuổi thọ > 100.000 giờ; - Chống xung: >= 20kV thương hiệu EU; - Bộ nguồn: Thương hiệu EU; - Điện áp định danh: 220VAC, 50/60 Hz; - Hệ số công suất > 0.95; - An toàn điện: Cách điện cấp 1; - Bộ Đèn tích hợp Dali/1-10V/0-10V; - Đèn được đăng ký nhãn hiệu; - Chế độ bảo hành: 5 năm	Cty TNHH SX- TM Hưng Phú Hải .Đc: 139 Trần Hưng Đạo, P.Tuy Hòa, Tỉnh Đắk Lắk - ĐT: 02573.88.6868. Công văn đề nghị công bố giá số 05CV/2026 ngày 14/07/2026	Việt Nam	Thanh toán trước khi nhận hàng	Đến tận nơi công trình	Mức giá được thực hiện từ ngày 14/07/2026 đến khi có thông báo giá mới	iá không đ	4.600.000	4.600.000	4.600.000	4.600.000	4.600.000	4.600.000	4.600.000	4.600.000	4.600.000	4.600.000	4.600.000	4.600.000	4.600.000	4.600.000	4.600.000
991	Vật tư ngành điện	Đèn LED chiếu sáng đường phố MFUHAILIGHT KMC 40W	*bộ*	TCVN 77221:2017, TCVN 77222-3:2019, ISO 9001:2015, ISO 14001:2015, ISO 50001:2018.	- vỏ đèn hợp kim nhôm đúc ADC1 áp lực cao; - vỏ đèn được đúc nguyên khối; - Vỏ đèn đúc nổi LOGO nhà sản xuất; - Vỏ đèn có chức năng chỉnh góc; - Vỏ đèn đúc nổi vị trí để khoan gắn Nema 7 Bin; - Độ kín ngăn quang học : >= IP67; - Độ kín ngăn linh kiện : > =IP67; - Bảo vệ chống va đập kính đèn: >= IK09; - Bảo vệ chống va đập thân đèn: >= IK09; - Tuổi thọ bộ đèn: >= 100.000 giờ; - Hệ số duy trì quang thông bộ đèn: >= 0.95; - Hiệu suất phát quang của đèn: > =160 lm/W; - Nhiệt độ màu: 3000K - 6000K; - Chỉ số hoàn màu CR1: > 70; - Chip LED: SMD - LM80, tuổi thọ > 100.000 giờ; - Chống xung: >= 20kV thương hiệu EU; - Bộ nguồn: Thương hiệu EU; - Điện áp định danh: 220VAC, 50/60 Hz; - Hệ số công suất > 0.95; - An toàn điện: Cách điện cấp 1; - Bộ Đèn tích hợp Dali/1-10V/0-10V; - Đèn được đăng ký nhãn hiệu; - Chế độ bảo hành: 5 năm	Cty TNHH SX- TM Hưng Phú Hải .Đc: 139 Trần Hưng Đạo, P.Tuy Hòa, Tỉnh Đắk Lắk - ĐT: 02573.88.6868. Công văn đề nghị công bố giá số 05CV/2026 ngày 14/07/2026	Việt Nam	Thanh toán trước khi nhận hàng	Đến tận nơi công trình	Mức giá được thực hiện từ ngày 14/07/2026 đến khi có thông báo giá mới	iá không đ	4.800.000	4.800.000	4.800.000	4.800.000	4.800.000	4.800.000	4.800.000	4.800.000	4.800.000	4.800.000	4.800.000	4.800.000	4.800.000	4.800.000	4.800.000
992	Vật tư ngành điện	Đèn LED chiếu sáng đường phố MFUHAILIGHT KMC 50W	*bộ*	TCVN 77221:2017, TCVN 77222-3:2019, ISO 9001:2015, ISO 14001:2015, ISO 50001:2018.	- vỏ đèn hợp kim nhôm đúc ADC1 áp lực cao; - vỏ đèn được đúc nguyên khối; - Vỏ đèn đúc nổi LOGO nhà sản xuất; - Vỏ đèn có chức năng chỉnh góc; - Vỏ đèn đúc nổi vị trí để khoan gắn Nema 7 Bin; - Độ kín ngăn quang học : >= IP67; - Độ kín ngăn linh kiện : > =IP67; - Bảo vệ chống va đập kính đèn: >= IK09; - Bảo vệ chống va đập thân đèn: >= IK09; - Tuổi thọ bộ đèn: >= 100.000 giờ; - Hệ số duy trì quang thông bộ đèn: >= 0.95; - Hiệu suất phát quang của đèn: > =160 lm/W; - Nhiệt độ màu: 3000K - 6000K; - Chỉ số hoàn màu CR1: > 70; - Chip LED: SMD - LM80, tuổi thọ > 100.000 giờ; - Chống xung: >= 20kV thương hiệu EU; - Bộ nguồn: Thương hiệu EU; - Điện áp định danh: 220VAC, 50/60 Hz; - Hệ số công suất > 0.95; - An toàn điện: Cách điện cấp 1; - Bộ Đèn tích hợp Dali/1-10V/0-10V; - Đèn được đăng ký nhãn hiệu; - Chế độ bảo hành: 5 năm	Cty TNHH SX- TM Hưng Phú Hải .Đc: 139 Trần Hưng Đạo, P.Tuy Hòa, Tỉnh Đắk Lắk - ĐT: 02573.88.6868. Công văn đề nghị công bố giá số 05CV/2026 ngày 14/07/2026	Việt Nam	Thanh toán trước khi nhận hàng	Đến tận nơi công trình	Mức giá được thực hiện từ ngày 14/07/2026 đến khi có thông báo giá mới	iá không đ	4.909.091	4.909.091	4.909.091	4.909.091	4.909.091	4.909.091	4.909.091	4.909.091	4.909.091	4.909.091	4.909.091	4.909.091	4.909.091	4.909.091	4.909.091

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng) (đồng)														
												Khu vực Tân An	Khu vực Tân Trụ	Khu vực Châu Thành	Khu vực Thủ Thừa	Khu vực Bến Lức	Khu vực Cần Giuộc	Khu vực Cần Đước	Khu vực Tân Thạnh	Khu vực Thạnh Hóa	Khu vực Tân Hưng	Khu vực Vĩnh Hưng	Khu vực Kiến Tường	Khu vực Mộc Hóa	Khu vực Đức Hòa	Khu vực Đức Huệ
993	Vật tư ngành điện	Đèn LED chiếu sáng đường phố MFUHAILIGHT KMC 60W	bộ	TCVN 77221:2017, TCVN 77222-3:2019, ISO 9001:2015, ISO 14001:2015, ISO 50001:2018.	- vỏ đèn hợp kim nhôm đúc ADC1 áp lực cao; - vỏ đèn được đúc nguyên khối; - Vỏ đèn đúc nổi LOGO nhà sản xuất; - Vỏ đèn có chức năng chỉnh góc; - Vỏ đèn đúc nổi vị trí để khoan gắn Nema 7 Bin; - Độ kín ngăn quang học : >= IP67; - Độ kín ngăn linh kiện : > =IP67; - Bảo vệ chống va đập kính đèn: >= IK09; - Bảo vệ chống va đập thân đèn: >= IK09; - Tuổi thọ bộ đèn: >= 100.000 giờ; - Hệ số duy trì quang thông bộ đèn: >= 0.95; - Hiệu suất phát quang của đèn: > =160 lm/W; - Nhiệt độ màu: 3000K - 6000K; - Chỉ số hoàn màu CRI: > 70; - Chip LED: SMD - LM80, tuổi thọ > 100.000 giờ; - Chống xung: >= 20kV thương hiệu EU; - Bộ nguồn: Thương hiệu EU; - Điện áp định danh: 220VAC, 50/60 Hz; - Hệ số công suất > 0.95; - An toàn điện: Cách điện cấp 1; - Bộ Đèn tích hợp Dali/1-10V/0-10V; - Đèn được đăng ký nhãn hiệu; - Chế độ bảo hành: 5 năm	Cty TNHH SX- TM Hưng Phú Hải .Đc: 139 Trần Hưng Đạo, P.Tuy Hòa, Tỉnh Đắk Lắk - ĐT: 02573.88.6868. Công văn đề nghị công bố giá số 05CV/2026 ngày 14/07/2026	Việt Nam	Thanh toán trước khi nhận hàng	Đến tận nơi công trình	Mức giá được thực hiện từ ngày 14/07/2026 đến khi có thông báo giá mới	iá không đ	5.600.000	5.600.000	5.600.000	5.600.000	5.600.000	5.600.000	5.600.000	5.600.000	5.600.000	5.600.000	5.600.000	5.600.000	5.600.000	5.600.000	5.600.000
994	Vật tư ngành điện	Đèn LED chiếu sáng đường phố MFUHAILIGHT KMC 70W	bộ	TCVN 77221:2017, TCVN 77222-3:2019, ISO 9001:2015, ISO 14001:2015, ISO 50001:2018.	- vỏ đèn hợp kim nhôm đúc ADC1 áp lực cao; - vỏ đèn được đúc nguyên khối; - Vỏ đèn đúc nổi LOGO nhà sản xuất; - Vỏ đèn có chức năng chỉnh góc; - Vỏ đèn đúc nổi vị trí để khoan gắn Nema 7 Bin; - Độ kín ngăn quang học : >= IP67; - Độ kín ngăn linh kiện : > =IP67; - Bảo vệ chống va đập kính đèn: >= IK09; - Bảo vệ chống va đập thân đèn: >= IK09; - Tuổi thọ bộ đèn: >= 100.000 giờ; - Hệ số duy trì quang thông bộ đèn: >= 0.95; - Hiệu suất phát quang của đèn: > =160 lm/W; - Nhiệt độ màu: 3000K - 6000K; - Chỉ số hoàn màu CRI: > 70; - Chip LED: SMD - LM80, tuổi thọ > 100.000 giờ; - Chống xung: >= 20kV thương hiệu EU; - Bộ nguồn: Thương hiệu EU; - Điện áp định danh: 220VAC, 50/60 Hz; - Hệ số công suất > 0.95; - An toàn điện: Cách điện cấp 1; - Bộ Đèn tích hợp Dali/1-10V/0-10V; - Đèn được đăng ký nhãn hiệu; - Chế độ bảo hành: 5 năm	Cty TNHH SX- TM Hưng Phú Hải .Đc: 139 Trần Hưng Đạo, P.Tuy Hòa, Tỉnh Đắk Lắk - ĐT: 02573.88.6868. Công văn đề nghị công bố giá số 05CV/2026 ngày 14/07/2026	Việt Nam	Thanh toán trước khi nhận hàng	Đến tận nơi công trình	Mức giá được thực hiện từ ngày 14/07/2026 đến khi có thông báo giá mới	iá không đ	5.909.091	5.909.091	5.909.091	5.909.091	5.909.091	5.909.091	5.909.091	5.909.091	5.909.091	5.909.091	5.909.091	5.909.091	5.909.091	5.909.091	5.909.091
995	Vật tư ngành điện	Đèn LED chiếu sáng đường phố MFUHAILIGHT KMC 80W	bộ	TCVN 77221:2017, TCVN 77222-3:2019, ISO 9001:2015, ISO 14001:2015, ISO 50001:2018.	- vỏ đèn hợp kim nhôm đúc ADC1 áp lực cao; - vỏ đèn được đúc nguyên khối; - Vỏ đèn đúc nổi LOGO nhà sản xuất; - Vỏ đèn có chức năng chỉnh góc; - Vỏ đèn đúc nổi vị trí để khoan gắn Nema 7 Bin; - Độ kín ngăn quang học : >= IP67; - Độ kín ngăn linh kiện : > =IP67; - Bảo vệ chống va đập kính đèn: >= IK09; - Bảo vệ chống va đập thân đèn: >= IK09; - Tuổi thọ bộ đèn: >= 100.000 giờ; - Hệ số duy trì quang thông bộ đèn: >= 0.95; - Hiệu suất phát quang của đèn: > =160 lm/W; - Nhiệt độ màu: 3000K - 6000K; - Chỉ số hoàn màu CRI: > 70; - Chip LED: SMD - LM80, tuổi thọ > 100.000 giờ; - Chống xung: >= 20kV thương hiệu EU; - Bộ nguồn: Thương hiệu EU; - Điện áp định danh: 220VAC, 50/60 Hz; - Hệ số công suất > 0.95; - An toàn điện: Cách điện cấp 1; - Bộ Đèn tích hợp Dali/1-10V/0-10V; - Đèn được đăng ký nhãn hiệu; - Chế độ bảo hành: 5 năm	Cty TNHH SX- TM Hưng Phú Hải .Đc: 139 Trần Hưng Đạo, P.Tuy Hòa, Tỉnh Đắk Lắk - ĐT: 02573.88.6868. Công văn đề nghị công bố giá số 05CV/2026 ngày 14/07/2026	Việt Nam	Thanh toán trước khi nhận hàng	Đến tận nơi công trình	Mức giá được thực hiện từ ngày 14/07/2026 đến khi có thông báo giá mới	iá không đ	6.200.000	6.200.000	6.200.000	6.200.000	6.200.000	6.200.000	6.200.000	6.200.000	6.200.000	6.200.000	6.200.000	6.200.000	6.200.000	6.200.000	6.200.000
996	Vật tư ngành điện	Đèn LED chiếu sáng đường phố MFUHAILIGHT KMC 90W	bộ	TCVN 77221:2017, TCVN 77222-3:2019, ISO 9001:2015, ISO 14001:2015, ISO 50001:2018.	- vỏ đèn hợp kim nhôm đúc ADC1 áp lực cao; - vỏ đèn được đúc nguyên khối; - Vỏ đèn đúc nổi LOGO nhà sản xuất; - Vỏ đèn có chức năng chỉnh góc; - Vỏ đèn đúc nổi vị trí để khoan gắn Nema 7 Bin; - Độ kín ngăn quang học : >= IP67; - Độ kín ngăn linh kiện : > =IP67; - Bảo vệ chống va đập kính đèn: >= IK09; - Bảo vệ chống va đập thân đèn: >= IK09; - Tuổi thọ bộ đèn: >= 100.000 giờ; - Hệ số duy trì quang thông bộ đèn: >= 0.95; - Hiệu suất phát quang của đèn: > =160 lm/W; - Nhiệt độ màu: 3000K - 6000K; - Chỉ số hoàn màu CRI: > 70; - Chip LED: SMD - LM80, tuổi thọ > 100.000 giờ; - Chống xung: >= 20kV thương hiệu EU; - Bộ nguồn: Thương hiệu EU; - Điện áp định danh: 220VAC, 50/60 Hz; - Hệ số công suất > 0.95; - An toàn điện: Cách điện cấp 1; - Bộ Đèn tích hợp Dali/1-10V/0-10V; - Đèn được đăng ký nhãn hiệu; - Chế độ bảo hành: 5 năm	Cty TNHH SX- TM Hưng Phú Hải .Đc: 139 Trần Hưng Đạo, P.Tuy Hòa, Tỉnh Đắk Lắk - ĐT: 02573.88.6868. Công văn đề nghị công bố giá số 05CV/2026 ngày 14/07/2026	Việt Nam	Thanh toán trước khi nhận hàng	Đến tận nơi công trình	Mức giá được thực hiện từ ngày 14/07/2026 đến khi có thông báo giá mới	iá không đ	6.300.000	6.300.000	6.300.000	6.300.000	6.300.000	6.300.000	6.300.000	6.300.000	6.300.000	6.300.000	6.300.000	6.300.000	6.300.000	6.300.000	6.300.000
997	Vật tư ngành điện	Đèn LED chiếu sáng đường phố MFUHAILIGHT KMC 100W	bộ	TCVN 77221:2017, TCVN 77222-3:2019, ISO 9001:2015, ISO 14001:2015, ISO 50001:2018.	- vỏ đèn hợp kim nhôm đúc ADC1 áp lực cao; - vỏ đèn được đúc nguyên khối; - Vỏ đèn đúc nổi LOGO nhà sản xuất; - Vỏ đèn có chức năng chỉnh góc; - Vỏ đèn đúc nổi vị trí để khoan gắn Nema 7 Bin; - Độ kín ngăn quang học : >= IP67; - Độ kín ngăn linh kiện : > =IP67; - Bảo vệ chống va đập kính đèn: >= IK09; - Bảo vệ chống va đập thân đèn: >= IK09; - Tuổi thọ bộ đèn: >= 100.000 giờ; - Hệ số duy trì quang thông bộ đèn: >= 0.95; - Hiệu suất phát quang của đèn: > =160 lm/W; - Nhiệt độ màu: 3000K - 6000K; - Chỉ số hoàn màu CRI: > 70; - Chip LED: SMD - LM80, tuổi thọ > 100.000 giờ; - Chống xung: >= 20kV thương hiệu EU; - Bộ nguồn: Thương hiệu EU; - Điện áp định danh: 220VAC, 50/60 Hz; - Hệ số công suất > 0.95; - An toàn điện: Cách điện cấp 1; - Bộ Đèn tích hợp Dali/1-10V/0-10V; - Đèn được đăng ký nhãn hiệu; - Chế độ bảo hành: 5 năm	Cty TNHH SX- TM Hưng Phú Hải .Đc: 139 Trần Hưng Đạo, P.Tuy Hòa, Tỉnh Đắk Lắk - ĐT: 02573.88.6868. Công văn đề nghị công bố giá số 05CV/2026 ngày 14/07/2026	Việt Nam	Thanh toán trước khi nhận hàng	Đến tận nơi công trình	Mức giá được thực hiện từ ngày 14/07/2026 đến khi có thông báo giá mới	iá không đ	7.000.000	7.000.000	7.000.000	7.000.000	7.000.000	7.000.000	7.000.000	7.000.000	7.000.000	7.000.000	7.000.000	7.000.000	7.000.000	7.000.000	7.000.000

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng) (đồng)														
												Khu vực Tân An	Khu vực Tân Trụ	Khu vực Châu Thành	Khu vực Thủ Thừa	Khu vực Bến Lức	Khu vực Cần Giuộc	Khu vực Cần Đước	Khu vực Tân Thạnh	Khu vực Thạnh Hóa	Khu vực Tân Hưng	Khu vực Vĩnh Hưng	Khu vực Kiến Tường	Khu vực Mộc Hóa	Khu vực Đức Hòa	Khu vực Đức Huệ
998	Vật tư ngành điện	Đèn LED chiếu sáng đường phố MFUHA1LIGHT KMC 120W	bộ	TCVN 77221:2017, TCVN 77222-3:2019, ISO 9001:2015, ISO 14001:2015, ISO 50001:2018.	- vỏ đèn hợp kim nhôm đúc ADC1 áp lực cao; - vỏ đèn được đúc nguyên khối; - Vỏ đèn đúc nổi LOGO nhà sản xuất; - Vỏ đèn có chức năng chỉnh góc; - Vỏ đèn đúc nổi vị trí để khoan gắn Nema 7 Bin; - Độ kín ngăn quang học : >= IP67; - Độ kín ngăn lành kiện : > =IP67; - Bảo vệ chống va đập kính đèn: >= IK09; - Bảo vệ chống va đập thân đèn: >= IK09; - Tuổi thọ bộ đèn: >= 100.000 giờ; - Hệ số duy trì quang thông bộ đèn: >= 0.95; - Hiệu suất phát quang của đèn: > =160 lm/W; - Nhiệt độ màu: 3000K - 6000K; - Chỉ số hoàn màu CR1: > 70; - Chip LED: SMD - LM80, tuổi thọ > 100.000 giờ; - Chống xung: >= 20kV thương hiệu EU; - Bộ nguồn: Thương hiệu EU; - Điện áp định danh: 220VAC, 50/60 Hz; - Hệ số công suất > 0.95; - An toàn điện: Cách điện cấp 1; - Bộ Đèn tích hợp Dali/1-10V/0-10V; - Đèn được đăng ký nhãn hiệu; - Chế độ bảo hành: 5 năm	Cty TNHH SX- TM Hưng Phú Hải .Đc: 139 Trần Hưng Đạo, P.Tuy Hòa, Tỉnh Đắk Lắk - ĐT: 02573.88.6868. Công văn đề nghị công bố giá số 05CV/2026 ngày 14/07/2026	Việt Nam	Thanh toán trước khi nhận hàng	Đến tận nơi công trình	Mức giá được thực hiện từ ngày 14/07/2026 đến khi có thông báo giá mới	iá không đ	7.500.000	7.500.000	7.500.000	7.500.000	7.500.000	7.500.000	7.500.000	7.500.000	7.500.000	7.500.000	7.500.000	7.500.000	7.500.000	7.500.000	7.500.000
999	Vật tư ngành điện	Đèn LED chiếu sáng đường phố MFUHA1LIGHT KMC 140W	bộ	TCVN 77221:2017, TCVN 77222-3:2019, ISO 9001:2015, ISO 14001:2015, ISO 50001:2018.	- vỏ đèn hợp kim nhôm đúc ADC1 áp lực cao; - vỏ đèn được đúc nguyên khối; - Vỏ đèn đúc nổi LOGO nhà sản xuất; - Vỏ đèn có chức năng chỉnh góc; - Vỏ đèn đúc nổi vị trí để khoan gắn Nema 7 Bin; - Độ kín ngăn quang học : >= IP67; - Độ kín ngăn lành kiện : > =IP67; - Bảo vệ chống va đập kính đèn: >= IK09; - Bảo vệ chống va đập thân đèn: >= IK09; - Tuổi thọ bộ đèn: >= 100.000 giờ; - Hệ số duy trì quang thông bộ đèn: >= 0.95; - Hiệu suất phát quang của đèn: > =160 lm/W; - Nhiệt độ màu: 3000K - 6000K; - Chỉ số hoàn màu CR1: > 70; - Chip LED: SMD - LM80, tuổi thọ > 100.000 giờ; - Chống xung: >= 20kV thương hiệu EU; - Bộ nguồn: Thương hiệu EU; - Điện áp định danh: 220VAC, 50/60 Hz; - Hệ số công suất > 0.95; - An toàn điện: Cách điện cấp 1; - Bộ Đèn tích hợp Dali/1-10V/0-10V; - Đèn được đăng ký nhãn hiệu; - Chế độ bảo hành: 5 năm	Cty TNHH SX- TM Hưng Phú Hải .Đc: 139 Trần Hưng Đạo, P.Tuy Hòa, Tỉnh Đắk Lắk - ĐT: 02573.88.6868. Công văn đề nghị công bố giá số 05CV/2026 ngày 14/07/2026	Việt Nam	Thanh toán trước khi nhận hàng	Đến tận nơi công trình	Mức giá được thực hiện từ ngày 14/07/2026 đến khi có thông báo giá mới	iá không đ	9.000.000	9.000.000	9.000.000	9.000.000	9.000.000	9.000.000	9.000.000	9.000.000	9.000.000	9.000.000	9.000.000	9.000.000	9.000.000	9.000.000	9.000.000
1000	Vật tư ngành điện	Đèn LED chiếu sáng đường phố MFUH AI LIGHT KMC 150W	bộ	TCVN 77221:2017, TCVN 77222-3:2019, ISO 9001:2015, ISO 14001:2015, ISO 50001:2018.	- vỏ đèn hợp kim nhôm đúc ADC1 áp lực cao; - vỏ đèn được đúc nguyên khối; - Vỏ đèn đúc nổi LOGO nhà sản xuất; - Vỏ đèn có chức năng chỉnh góc; - Vỏ đèn đúc nổi vị trí để khoan gắn Nema 7 Bin; - Độ kín ngăn quang học : >= IP67; - Độ kín ngăn lành kiện : > =IP67; - Bảo vệ chống va đập kính đèn: >= IK09; - Bảo vệ chống va đập thân đèn: >= IK09; - Tuổi thọ bộ đèn: >= 100.000 giờ; - Hệ số duy trì quang thông bộ đèn: >= 0.95; - Hiệu suất phát quang của đèn: > =160 lm/W; - Nhiệt độ màu: 3000K - 6000K; - Chỉ số hoàn màu CR1: > 70; - Chip LED: SMD - LM80, tuổi thọ > 100.000 giờ; - Chống xung: >= 20kV thương hiệu EU; - Bộ nguồn: Thương hiệu EU; - Điện áp định danh: 220VAC, 50/60 Hz; - Hệ số công suất > 0.95; - An toàn điện: Cách điện cấp 1; - Bộ Đèn tích hợp Dali/1-10V/0-10V; - Đèn được đăng ký nhãn hiệu; - Chế độ bảo hành: 5 năm	Cty TNHH SX- TM Hưng Phú Hải .Đc: 139 Trần Hưng Đạo, P.Tuy Hòa, Tỉnh Đắk Lắk - ĐT: 02573.88.6868. Công văn đề nghị công bố giá số 05CV/2026 ngày 14/07/2026	Việt Nam	Thanh toán trước khi nhận hàng	Đến tận nơi công trình	Mức giá được thực hiện từ ngày 14/07/2026 đến khi có thông báo giá mới	iá không đ	9.090.909	9.090.909	9.090.909	9.090.909	9.090.909	9.090.909	9.090.909	9.090.909	9.090.909	9.090.909	9.090.909	9.090.909	9.090.909	9.090.909	9.090.909
1001	Vật tư ngành điện	Đèn LED chiếu sáng đường phố MFUHAILIGHT KMC 180W	bộ	TCVN 77221:2017, TCVN 77222-3:2019, ISO 9001:2015, ISO 14001:2015, ISO 50001:2018.	- vỏ đèn hợp kim nhôm đúc ADC1 áp lực cao; - vỏ đèn được đúc nguyên khối; - Vỏ đèn đúc nổi LOGO nhà sản xuất; - Vỏ đèn có chức năng chỉnh góc; - Vỏ đèn đúc nổi vị trí để khoan gắn Nema 7 Bin; - Độ kín ngăn quang học : >= IP67; - Độ kín ngăn lành kiện : > =IP67; - Bảo vệ chống va đập kính đèn: >= IK09; - Bảo vệ chống va đập thân đèn: >= IK09; - Tuổi thọ bộ đèn: >= 100.000 giờ; - Hệ số duy trì quang thông bộ đèn: >= 0.95; - Hiệu suất phát quang của đèn: > =160 lm/W; - Nhiệt độ màu: 3000K - 6000K; - Chỉ số hoàn màu CR1: > 70; - Chip LED: SMD - LM80, tuổi thọ > 100.000 giờ; - Chống xung: >= 20kV thương hiệu EU; - Bộ nguồn: Thương hiệu EU; - Điện áp định danh: 220VAC, 50/60 Hz; - Hệ số công suất > 0.95; - An toàn điện: Cách điện cấp 1; - Bộ Đèn tích hợp Dali/1-10V/0-10V; - Đèn được đăng ký nhãn hiệu; - Chế độ bảo hành: 5 năm	Cty TNHH SX- TM Hưng Phú Hải .Đc: 139 Trần Hưng Đạo, P.Tuy Hòa, Tỉnh Đắk Lắk - ĐT: 02573.88.6868. Công văn đề nghị công bố giá số 05CV/2026 ngày 14/07/2026	Việt Nam	Thanh toán trước khi nhận hàng	Đến tận nơi công trình	Mức giá được thực hiện từ ngày 14/07/2026 đến khi có thông báo giá mới	iá không đ	10.000.000	10.000.000	10.000.000	10.000.000	10.000.000	10.000.000	10.000.000	10.000.000	10.000.000	10.000.000	10.000.000	10.000.000	10.000.000	10.000.000	10.000.000
1002	Vật tư ngành điện	Đèn LED chiếu sáng đường phố MFUHAILIGHT KMC 200VV	bộ	TCVN 77221:2017, TCVN 77222-3:2019, ISO 9001:2015, ISO 14001:2015, ISO 50001:2018.	- vỏ đèn hợp kim nhôm đúc ADC1 áp lực cao; - vỏ đèn được đúc nguyên khối; - Vỏ đèn đúc nổi LOGO nhà sản xuất; - Vỏ đèn có chức năng chỉnh góc; - Vỏ đèn đúc nổi vị trí để khoan gắn Nema 7 Bin; - Độ kín ngăn quang học : >= IP67; - Độ kín ngăn lành kiện : > =IP67; - Bảo vệ chống va đập kính đèn: >= IK09; - Bảo vệ chống va đập thân đèn: >= IK09; - Tuổi thọ bộ đèn: >=100.000 giờ; - Hệ số duy trì quang thông bộ đèn: >= 0.95; - Hiệu suất phát quang của đèn: > =160 lm/W; - Nhiệt độ màu: 3000K - 6000K; - Chỉ số hoàn màu CR1: > 70; - Chip LED: SMD - LM80, tuổi thọ > 100.000 giờ; - Chống xung: >= 20kV thương hiệu EU; - Bộ nguồn: Thương hiệu EU; - Điện áp định danh: 220VAC, 50/60 Hz; - Hệ số công suất > 0.95; - An toàn điện: Cách điện cấp 1; - Bộ Đèn tích hợp Dali/1-10V/0-10V; - Đèn được đăng ký nhãn hiệu; - Chế độ bảo hành: 5 năm	Cty TNHH SX- TM Hưng Phú Hải .Đc: 139 Trần Hưng Đạo, P.Tuy Hòa, Tỉnh Đắk Lắk - ĐT: 02573.88.6868. Công văn đề nghị công bố giá số 05CV/2026 ngày 14/07/2026	Việt Nam	Thanh toán trước khi nhận hàng	Đến tận nơi công trình	Mức giá được thực hiện từ ngày 14/07/2026 đến khi có thông báo giá mới	iá không đ	10.909.091	10.909.091	10.909.091	10.909.091	10.909.091	10.909.091	10.909.091	10.909.091	10.909.091	10.909.091	10.909.091	10.909.091	10.909.091	10.909.091	10.909.091
1003	Vật tư ngành điện	MFUHAILIGHT SOLAR E-KMC 40W; MPPT charge controllers 12V, 80W 18V solar panel, 45AH 12,8V Pin Lithium	bộ	TCVN 77221:2017, TCVN 77222-3:2019, ISO 9001:2015, ISO 14001:2015, ISO	- Bộ đèn kết cấu rời, có chỉnh góc lắp đặt ; - Vỏ đèn bằng hợp kim nhôm ADC1 đúc áp lực cao, đúc nổi LOGO nhà sản xuất; - IP67 bộ đèn, IK09 bộ đèn; - Tuổi thọ bộ đèn :>=100.000 giờ - Hệ số duy trì quang thông :>=0,95; - Bộ điều khiển sạc MPPT 1P67; - Hiệu suất phát quang: >= 150 lm/W; - CRI >=70, CCT: 3000K-5000K; - Hệ số xả sâu DOD: >=95% tại điện áp 10.8V(40W-80W)/ 21.6V (100W-150W), dòng 10A; - Tính năng bảo vệ: quá áp, quá nhiệt, ngắn mạch....	Cty TNHH SX- TM Hưng Phú Hải .Đc: 139 Trần Hưng Đạo, P.Tuy Hòa, Tỉnh Đắk Lắk - ĐT: 02573.88.6868. Công văn đề nghị công bố giá số 05CV/2026 ngày 14/07/2026	Việt Nam	Thanh toán trước khi nhận hàng	Đến tận nơi công trình	Mức giá được thực hiện từ ngày 14/07/2026 đến khi có thông báo giá mới	iá không đ	11.200.000	11.200.000	11.200.000	11.200.000	11.200.000	11.200.000	11.200.000	11.200.000	11.200.000	11.200.000	11.200.000	11.200.000	11.200.000	11.200.000	11.200.000

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng) (đồng)														
												Khu vực Tân An	Khu vực Tân Trụ	Khu vực Châu Thành	Khu vực Thủ Thừa	Khu vực Bến Lức	Khu vực Cần Giuộc	Khu vực Cần Đước	Khu vực Tân Thạnh	Khu vực Thạnh Hóa	Khu vực Tân Hưng	Khu vực Vĩnh Hưng	Khu vực Kiến Tường	Khu vực Mộc Hóa	Khu vực Đức Hòa	Khu vực Đức Huệ
1004	Vật tư ngành điện	MFUHA1LIGHT SOLAR E-KMC 60W; MPPT charge controllers 12V, 120W 18V solar panel, 75AH 12.8 V Pin Lithium	*bộ*	TCVN 77221:2017, TCVN 77222-3:2019, ISO 9001:2015, ISO 14001:2015, ISO	- Bộ đèn kết cấu rời, có chỉnh góc lắp đặt ; - Vỏ đèn bằng hợp kim nhôm ADC1 đúc áp lực cao, đúc nổi LOGO nhà sản xuất; - IP67 bộ đèn, IK09 bộ đèn; - Tuổi thọ bộ đèn >=100.000 giờ - Hệ số duy trì quang thông >=0,95; - Bộ điều khiển sạc MPPT IP67; - Hiệu suất phát quang: >= 150 lm/W; - CRI >=70, CCT: 3000K-5000K; - Hệ số xả sâu DOD: >=95% tại điện áp 10.85V(40W-80Wy 21.6V (100W-150W), dòng 10A; - Tính năng bảo vệ: quá áp, quá nhiệt, ngắn mạch…	Cty TNHH SX- TM Hưng Phú Hải .Đc: 139 Trần Hưng Đạo, P.Tuy Hòa, Tỉnh Đắk Lắk - ĐT: 02573.88.6868. Công văn đề nghị công bố giá số 05CV/2026 ngày 14/07/2026	Việt Nam	Thanh toán trước khi nhận hàng	Đến tận nơi công trình	Mức giá được thực hiện từ ngày 14/07/2026 đến khi có thông báo giá mới	iá không đ	14.200.000	14.200.000	14.200.000	14.200.000	14.200.000	14.200.000	14.200.000	14.200.000	14.200.000	14.200.000	14.200.000	14.200.000	14.200.000	14.200.000	14.200.000
1005	Vật tư ngành điện	MFUHAILIGHT SOLAR E-KMC 50W; MPPT charge controllers 12V, 160W 18V solar panel, 90AH 12.8V Pin Lithium	*bộ*	TCVN 77221:2017, TCVN 77222-3:2019, ISO 9001:2015, ISO 14001:2015, ISO	- Bộ đèn kết cấu rời, có chỉnh góc lắp đặt ; - Vỏ đèn bằng hợp kim nhôm ADC1 đúc áp lực cao, đúc nổi LOGO nhà sản xuất; - IP67 bộ đèn, IK09 bộ đèn; - Tuổi thọ bộ đèn >=100.000 giờ - Hệ số duy trì quang thông >=0,95; - Bộ điều khiển sạc MPPT IP67; - Hiệu suất phát quang: >= 150 lm/W; - CRI >=70, CCT: 3000K-5000K; - Hệ số xả sâu DOD: >=95% tại điện áp 10.85V(40W-80Wy 21.6V (100W-150W), dòng 10A; - Tính năng bảo vệ: quá áp, quá nhiệt, ngắn mạch…	Cty TNHH SX- TM Hưng Phú Hải .Đc: 139 Trần Hưng Đạo, P.Tuy Hòa, Tỉnh Đắk Lắk - ĐT: 02573.88.6868. Công văn đề nghị công bố giá số 05CV/2026 ngày 14/07/2026	Việt Nam	Thanh toán trước khi nhận hàng	Đến tận nơi công trình	Mức giá được thực hiện từ ngày 14/07/2026 đến khi có thông báo giá mới	iá không đ	18.600.000	18.600.000	18.600.000	18.600.000	18.600.000	18.600.000	18.600.000	18.600.000	18.600.000	18.600.000	18.600.000	18.600.000	18.600.000	18.600.000	18.600.000
1006	Vật tư ngành điện	MFUHAILIGHT SOLAR E-KMC 80OW, MPPT charge controllers 24V, 200W 36V solar panel, 60AH 25.6V Pin Lithium	*bộ*	TCVN 77221:2017, TCVN 77222-3:2019, ISO 9001:2015, ISO 14001:2015, ISO	- Bộ đèn kết cấu rời, có chỉnh góc lắp đặt ; - Vỏ đèn bằng hợp kim nhôm ADC1 đúc áp lực cao, đúc nổi LOGO nhà sản xuất; - IP67 bộ đèn, IK09 bộ đèn; - Tuổi thọ bộ đèn >=100.000 giờ - Hệ số duy trì quang thông >=0,95; - Bộ điều khiển sạc MPPT IP67; - Hiệu suất phát quang: >= 150 lm/W; - CRI >=70, CCT: 3000K-5000K; - Hệ số xả sâu DOD: >=95% tại điện áp 10.85V(40W-80Wy 21.6V (100W-150W), dòng 10A; - Tính năng bảo vệ: quá áp, quá nhiệt, ngắn mạch…	Cty TNHH SX- TM Hưng Phú Hải .Đc: 139 Trần Hưng Đạo, P.Tuy Hòa, Tỉnh Đắk Lắk - ĐT: 02573.88.6868. Công văn đề nghị công bố giá số 05CV/2026 ngày 14/07/2026	Việt Nam	Thanh toán trước khi nhận hàng	Đến tận nơi công trình	Mức giá được thực hiện từ ngày 14/07/2026 đến khi có thông báo giá mới	Giá không đổi	20.500.000	20.500.000	20.500.000	20.500.000	20.500.000	20.500.000	20.500.000	20.500.000	20.500.000	20.500.000	20.500.000	20.500.000	20.500.000	20.500.000	20.500.000
1007	Vật tư ngành điện	Led Panel Âm trần- Tròn 7W ánh sáng trắng (T)/ trung tính (N)/ vàng (V) RPL3-7T/N/V	Cái	QCVN 19:2019/BKHCN RA > 80; PF > 0.5 Tuổi thọ: 30.000 giờ Chip Led: SMD 2835	1 cái/hộp 60 cái/thùng	Công Ty TNHH TM - DV Điện Mạnh Phương - MPE. Nhà máy sản xuất thiết bị điện: Lô LG14-15-16, Đường số 3, KCN Xuyên Á, Xã Đức Lập, Tỉnh Tây Ninh. (Công văn đề nghị công bố giá số 311/MPE-SXD ngày 01/07/2026)	China	Không có thông tin	Trong phạm vi tỉnh Tây Ninh	CHỨNG NHẬN HỢP QUY SỐ: VIC/23.HQ/18.01.1123 Mức giá được thực hiện từ ngày 01/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	99.630	99.630	99.630	99.630	99.630	99.630	99.630	99.630	99.630	99.630	99.630	99.630	99.630	99.630	99.630
1008	Vật tư ngành điện	Led Panel Âm trần- Tròn 12W ánh sáng trắng (T)/ trung tính (N)/ vàng (V) RPL3-12T/N/V	Cái	QCVN 19:2019/BKHCN RA > 80; PF > 0.5 Tuổi thọ: 30.000 giờ Chip Led: SMD 2835	1 cái/hộp 40 cái/thùng	Công Ty TNHH TM - DV Điện Mạnh Phương - MPE. Nhà máy sản xuất thiết bị điện: Lô LG14-15-16, Đường số 3, KCN Xuyên Á, Xã Đức Lập, Tỉnh Tây Ninh. (Công văn đề nghị công bố giá số 311/MPE-SXD ngày 01/07/2026)	China	Không có thông tin	Trong phạm vi tỉnh Tây Ninh	CHỨNG NHẬN HỢP QUY SỐ: VIC/23.HQ/18.01.1123 Mức giá được thực hiện từ ngày 01/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	142.870	142.870	142.870	142.870	142.870	142.870	142.870	142.870	142.870	142.870	142.870	142.870	142.870	142.870	142.870
1009	Vật tư ngành điện	Led Panel ốp trần- Tròn (DOB) 12W ánh sáng trắng (T)/ vàng (V) SRPL2-12T/V	Cái	QCVN 19:2019/BKHCN RA > 80; PF > 0.5 Tuổi thọ: 30.000 giờ Chip Led: SMD 2835	1 cái/hộp 30 cái/thùng	Công Ty TNHH TM - DV Điện Mạnh Phương - MPE. Nhà máy sản xuất thiết bị điện: Lô LG14-15-16, Đường số 3, KCN Xuyên Á, Xã Đức Lập, Tỉnh Tây Ninh. (Công văn đề nghị công bố giá số 311/MPE-SXD ngày 01/07/2026)	China	Không có thông tin	Trong phạm vi tỉnh Tây Ninh	CHỨNG NHẬN HỢP QUY SỐ: VIC/23.HQ/18.01.1123 Mức giá được thực hiện từ ngày 01/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	112.963	112.963	112.963	112.963	112.963	112.963	112.963	112.963	112.963	112.963	112.963	112.963	112.963	112.963	112.963
1010	Vật tư ngành điện	Led Panel ốp trần- Tròn (DOB) 18W ánh sáng trắng (T)/ vàng (V) SRPL2-18T/V	Cái	QCVN 19:2019/BKHCN RA > 80; PF > 0.5 Tuổi thọ: 30.000 giờ Chip Led: SMD 2835	1 cái/hộp 20 cái/thùng	Công Ty TNHH TM - DV Điện Mạnh Phương - MPE. Nhà máy sản xuất thiết bị điện: Lô LG14-15-16, Đường số 3, KCN Xuyên Á, Xã Đức Lập, Tỉnh Tây Ninh. (Công văn đề nghị công bố giá số 311/MPE-SXD ngày 01/07/2026)	China	Không có thông tin	Trong phạm vi tỉnh Tây Ninh	CHỨNG NHẬN HỢP QUY SỐ: VIC/23.HQ/18.01.1123 Mức giá được thực hiện từ ngày 01/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	154.722	154.722	154.722	154.722	154.722	154.722	154.722	154.722	154.722	154.722	154.722	154.722	154.722	154.722	154.722
1011	Vật tư ngành điện	Đèn led tube thủy tinh 1x28W 1m2,ánh sáng trắng (T) GT3-120T	Cái	QCVN 19:2019/BKHCN RA > 80; PF > 0.5 Tuổi thọ: 30.000 giờ Chip Led: SMD 2835	12 cái/thùng	Công Ty TNHH TM - DV Điện Mạnh Phương - MPE. Nhà máy sản xuất thiết bị điện: Lô LG14-15-16, Đường số 3, KCN Xuyên Á, Xã Đức Lập, Tỉnh Tây Ninh. (Công văn đề nghị công bố giá số 311/MPE-SXD ngày 01/07/2026)	China	Không có thông tin	Trong phạm vi tỉnh Tây Ninh	CHỨNG NHẬN HỢP QUY SỐ: VIC/23.HQ/18.01.1123 Mức giá được thực hiện từ ngày 01/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	90.741	90.741	90.741	90.741	90.741	90.741	90.741	90.741	90.741	90.741	90.741	90.741	90.741	90.741	90.741
1012	Vật tư ngành điện	Led Panel Âm trần- Vuông 6W ánh sáng trắng (T)/ trung tính (N)/ vàng (V) SPL-6T/V	Cái	QCVN 19:2019/BKHCN RA > 80; PF > 0.5 Tuổi thọ: 30.000 giờ Chip Led: SMD 2835	1 cái/hộp 60 cái/thùng	Công Ty TNHH TM - DV Điện Mạnh Phương - MPE. Nhà máy sản xuất thiết bị điện: Lô LG14-15-16, Đường số 3, KCN Xuyên Á, Xã Đức Lập, Tỉnh Tây Ninh. (Công văn đề nghị công bố giá số 311/MPE-SXD ngày 01/07/2026)	China	Không có thông tin	Trong phạm vi tỉnh Tây Ninh	CHỨNG NHẬN HỢP QUY SỐ: VIC/23.HQ/18.01.1123 Mức giá được thực hiện từ ngày 01/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	117.222	117.222	117.222	117.222	117.222	117.222	117.222	117.222	117.222	117.222	117.222	117.222	117.222	117.222	117.222
1013	Vật tư ngành điện	Led Panel Âm trần- Vuông 9W ánh sáng trắng (T)/ trung tính (N)/ vàng (V) SPL-9T/V	Cái	QCVN 19:2019/BKHCN RA > 80; PF > 0.5 Tuổi thọ: 30.000 giờ Chip Led: SMD 2835	1 cái/hộp 40 cái/thùng	Công Ty TNHH TM - DV Điện Mạnh Phương - MPE. Nhà máy sản xuất thiết bị điện: Lô LG14-15-16, Đường số 3, KCN Xuyên Á, Xã Đức Lập, Tỉnh Tây Ninh. (Công văn đề nghị công bố giá số 311/MPE-SXD ngày 01/07/2026)	China	Không có thông tin	Trong phạm vi tỉnh Tây Ninh	CHỨNG NHẬN HỢP QUY SỐ: VIC/23.HQ/18.01.1123 Mức giá được thực hiện từ ngày 01/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	151.852	151.852	151.852	151.852	151.852	151.852	151.852	151.852	151.852	151.852	151.852	151.852	151.852	151.852	151.852
1014	Vật tư ngành điện	Led tấm 36W 600x600x35mm ánh sáng trắng (T)/ trung tính (N) FPD3-6060T/N	Cái	QCVN 19:2019/BKHCN RA > 80; PF > 0.9 Tuổi thọ: 30.000 giờ Chip Led: SMD 2835	1 cái/hộp 5 cái/thùng	Công Ty TNHH TM - DV Điện Mạnh Phương - MPE. Nhà máy sản xuất thiết bị điện: Lô LG14-15-16, Đường số 3, KCN Xuyên Á, Xã Đức Lập, Tỉnh Tây Ninh. (Công văn đề nghị công bố giá số 311/MPE-SXD ngày 01/07/2026)	China	Không có thông tin	Trong phạm vi tỉnh Tây Ninh	CHỨNG NHẬN HỢP QUY SỐ: VIC/23.HQ/18.01.1123 Mức giá được thực hiện từ ngày 01/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	744.630	744.630	744.630	744.630	744.630	744.630	744.630	744.630	744.630	744.630	744.630	744.630	744.630	744.630	744.630
1015	Vật tư ngành điện	Led tấm 36W 120x300x35mm ánh sáng trắng (T)/ trung tính (N) FPD3-12030T/N	Cái	QCVN 19:2019/BKHCN RA > 80; PF > 0.9 Tuổi thọ: 30.000 giờ Chip Led: SMD 2835	1 cái/hộp 5 cái/thùng	Công Ty TNHH TM - DV Điện Mạnh Phương - MPE. Nhà máy sản xuất thiết bị điện: Lô LG14-15-16, Đường số 3, KCN Xuyên Á, Xã Đức Lập, Tỉnh Tây Ninh. (Công văn đề nghị công bố giá số 311/MPE-SXD ngày 01/07/2026)	China	Không có thông tin	Trong phạm vi tỉnh Tây Ninh	CHỨNG NHẬN HỢP QUY SỐ: VIC/23.HQ/18.01.1123 Mức giá được thực hiện từ ngày 01/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	864.352	864.352	864.352	864.352	864.352	864.352	864.352	864.352	864.352	864.352	864.352	864.352	864.352	864.352	864.352
1016	Vật tư ngành điện	Led chiếu sáng đường phố 100W ánh sáng trung tính (N)/ vàng (V) LST2-100N/V	Cái	QCVN 19:2019/BKHCN RA > 80; PF > 0.9 Tuổi thọ: 50.000 giờ Chip Led: SMD 2835	1 Cái/ Thùng	Công Ty TNHH TM - DV Điện Mạnh Phương - MPE. Nhà máy sản xuất thiết bị điện: Lô LG14-15-16, Đường số 3, KCN Xuyên Á, Xã Đức Lập, Tỉnh Tây Ninh. (Công văn đề nghị công bố giá số 311/MPE-SXD ngày 01/07/2026)	China	Không có thông tin	Trong phạm vi tỉnh Tây Ninh	CHỨNG NHẬN HỢP QUY SỐ: VIC/23.HQ/18.01.1123 Mức giá được thực hiện từ ngày 01/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	2.154.630	2.154.630	2.154.630	2.154.630	2.154.630	2.154.630	2.154.630	2.154.630	2.154.630	2.154.630	2.154.630	2.154.630	2.154.630	2.154.630	2.154.630
1017	Vật tư ngành điện	Led chiếu sáng đường phố 150W ánh sáng trung tính (N)/ vàng (V) LST2-150N/V	Cái	QCVN 19:2019/BKHCN RA > 80; PF > 0.9 Tuổi thọ: 50.000 giờ Chip Led: SMD 2835	1 Cái/ Thùng	Công Ty TNHH TM - DV Điện Mạnh Phương - MPE. Nhà máy sản xuất thiết bị điện: Lô LG14-15-16, Đường số 3, KCN Xuyên Á, Xã Đức Lập, Tỉnh Tây Ninh. (Công văn đề nghị công bố giá số 311/MPE-SXD ngày 01/07/2026)	China	Không có thông tin	Trong phạm vi tỉnh Tây Ninh	CHỨNG NHẬN HỢP QUY SỐ: VIC/23.HQ/18.01.1123 Mức giá được thực hiện từ ngày 01/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	2.766.019	2.766.019	2.766.019	2.766.019	2.766.019	2.766.019	2.766.019	2.766.019	2.766.019	2.766.019	2.766.019	2.766.019	2.766.019	2.766.019	2.766.019
1018	Vật tư ngành điện	Led chiếu sáng đường phố 200W ánh sáng trung tính (N)/ vàng (V) LST2-200N/V	Cái	QCVN 19:2019/BKHCN RA > 80; PF > 0.9 Tuổi thọ: 50.000 giờ Chip Led: SMD 2835	1 Cái/ Thùng	Công Ty TNHH TM - DV Điện Mạnh Phương - MPE. Nhà máy sản xuất thiết bị điện: Lô LG14-15-16, Đường số 3, KCN Xuyên Á, Xã Đức Lập, Tỉnh Tây Ninh. (Công văn đề nghị công bố giá số 311/MPE-SXD ngày 01/07/2026)	China	Không có thông tin	Trong phạm vi tỉnh Tây Ninh	CHỨNG NHẬN HỢP QUY SỐ: VIC/23.HQ/18.01.1123 Mức giá được thực hiện từ ngày 01/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	3.688.148	3.688.148	3.688.148	3.688.148	3.688.148	3.688.148	3.688.148	3.688.148	3.688.148	3.688.148	3.688.148	3.688.148	3.688.148	3.688.148	3.688.148

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng) (đồng)														
												Khu vực Tân An	Khu vực Tân Trụ	Khu vực Châu Thành	Khu vực Thủ Thừa	Khu vực Bến Lức	Khu vực Cần Giuộc	Khu vực Cần Đước	Khu vực Tân Thạnh	Khu vực Thạnh Hóa	Khu vực Tân Hưng	Khu vực Vĩnh Hưng	Khu vực Kiến Tường	Khu vực Mộc Hóa	Khu vực Đức Hòa	Khu vực Đức Huệ
1019	Vật tư ngành điện	Led Downlight âm trần 18W ánh sáng trắng (T)/ vàng (V) DLE-18T/V	Cái	QCVN 19:2019/BKHCN RA > 80; PF > 0.5 Tuổi thọ: 30.000 giờ Chip Led: SMD 2835	1 cái/hộp 10 cái/thùng	Công Ty TNHH TM - DV Điện Mạnh Phương - MPE. Nhà máy sản xuất thiết bị điện: Lô LG14-15-16, Đường số 3, KCN Xuyên Á, Xã Đức Lập, Tỉnh Tây Ninh. (Công văn đề nghị công bố giá số 311/MPE-SXD ngày 01/07/2026)	China	Không có thông tin	Trong phạm vi tỉnh Tây Ninh	CHỨNG NHẬN HỢP QUY SỐ: VIC/23.HQ/18.01.1123 Mức giá được thực hiện từ ngày 01/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	190.926	190.926	190.926	190.926	190.926	190.926	190.926	190.926	190.926	190.926	190.926	190.926	190.926	190.926	190.926
1020	Vật tư ngành điện	Đèn led tube thủy tinh 1x18W 1m2,ánh sáng trắng (T)/ánh sáng vàng (V),ánh sáng trung tính (N) GT8-120T/V/N	Cái	QCVN 19:2019/BKHCN RA > 80; PF > 0.5 Tuổi thọ: 30.000 giờ Chip Led: SMD 2835	1 cái/hộp 25 cái/thùng	Công Ty TNHH TM - DV Điện Mạnh Phương - MPE. Nhà máy sản xuất thiết bị điện: Lô LG14-15-16, Đường số 3, KCN Xuyên Á, Xã Đức Lập, Tỉnh Tây Ninh. (Công văn đề nghị công bố giá số 311/MPE-SXD ngày 01/07/2026)	China	Không có thông tin	Trong phạm vi tỉnh Tây Ninh	CHỨNG NHẬN HỢP QUY SỐ: VIC/23.HQ/18.01.1123 Mức giá được thực hiện từ ngày 01/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	67.685	67.685	67.685	67.685	67.685	67.685	67.685	67.685	67.685	67.685	67.685	67.685	67.685	67.685	67.685
1021	Vật tư ngành điện	Đèn led tube thủy tinh 1x9W 1m2,ánh sáng trắng (T)/ánh sáng vàng (V),ánh sáng trung tính (N) GT8-60T/V/N	Cái	QCVN 19:2019/BKHCN RA > 80; PF > 0.5 Tuổi thọ: 30.000 giờ Chip Led: SMD 2835	1 cái/hộp 25 cái/thùng	Công Ty TNHH TM - DV Điện Mạnh Phương - MPE. Nhà máy sản xuất thiết bị điện: Lô LG14-15-16, Đường số 3, KCN Xuyên Á, Xã Đức Lập, Tỉnh Tây Ninh. (Công văn đề nghị công bố giá số 311/MPE-SXD ngày 01/07/2026)	China	Không có thông tin	Trong phạm vi tỉnh Tây Ninh	CHỨNG NHẬN HỢP QUY SỐ: VIC/23.HQ/18.01.1123 Mức giá được thực hiện từ ngày 01/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	57.037	57.037	57.037	57.037	57.037	57.037	57.037	57.037	57.037	57.037	57.037	57.037	57.037	57.037	57.037
1022	Vật tư ngành điện	Đèn downlight ốp trần 1x16W Ø120 x 38, ánh sáng trắng (T)/ánh sáng vàng (V),ánh sáng trung tính (N) SRDL-16T/V/N	Cái	QCVN 19:2019/BKHCN RA > 80; PF > 0.5 Tuổi thọ: 30.000 giờ Chip Led: SMD 2835	1 cái/hộp 40 cái/thùng	Công Ty TNHH TM - DV Điện Mạnh Phương - MPE. Nhà máy sản xuất thiết bị điện: Lô LG14-15-16, Đường số 3, KCN Xuyên Á, Xã Đức Lập, Tỉnh Tây Ninh. (Công văn đề nghị công bố giá số 311/MPE-SXD ngày 01/07/2026)	China	Không có thông tin	Trong phạm vi tỉnh Tây Ninh	CHỨNG NHẬN HỢP QUY SỐ: VIC/23.HQ/18.01.1123 Mức giá được thực hiện từ ngày 01/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	219.259	219.259	219.259	219.259	219.259	219.259	219.259	219.259	219.259	219.259	219.259	219.259	219.259	219.259	219.259
1023	Vật tư ngành điện	Đèn downlight ốp trần 1x24W Ø173x38, ánh sáng trắng (T)/ánh sáng vàng (V),ánh sáng trung tính (N) SRDL-24T/V/N	Cái	QCVN 19:2019/BKHCN RA > 80; PF > 0.5 Tuổi thọ: 30.000 giờ Chip Led: SMD 2835	1 cái/hộp 20 cái/thùng	Công Ty TNHH TM - DV Điện Mạnh Phương - MPE. Nhà máy sản xuất thiết bị điện: Lô LG14-15-16, Đường số 3, KCN Xuyên Á, Xã Đức Lập, Tỉnh Tây Ninh. (Công văn đề nghị công bố giá số 311/MPE-SXD ngày 01/07/2026)	China	Không có thông tin	Trong phạm vi tỉnh Tây Ninh	CHỨNG NHẬN HỢP QUY SỐ: VIC/23.HQ/18.01.1123 Mức giá được thực hiện từ ngày 01/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	305.093	305.093	305.093	305.093	305.093	305.093	305.093	305.093	305.093	305.093	305.093	305.093	305.093	305.093	305.093
1024	Vật tư ngành điện	Led Panel ốp trần- Vuông (DOB) 12W ánh sáng trắng (T)/ vàng (V) SSPL2-12T/V	Cái	QCVN 19:2019/BKHCN RA > 80; PF > 0.5 Tuổi thọ: 30.000 giờ Chip Led: SMD 2835	1 cái/hộp 30 cái/thùng	Công Ty TNHH TM - DV Điện Mạnh Phương - MPE. Nhà máy sản xuất thiết bị điện: Lô LG14-15-16, Đường số 3, KCN Xuyên Á, Xã Đức Lập, Tỉnh Tây Ninh. (Công văn đề nghị công bố giá số 311/MPE-SXD ngày 01/07/2026)	China	Không có thông tin	Trong phạm vi tỉnh Tây Ninh	CHỨNG NHẬN HỢP QUY SỐ: VIC/23.HQ/18.01.1123 Mức giá được thực hiện từ ngày 01/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	126.019	126.019	126.019	126.019	126.019	126.019	126.019	126.019	126.019	126.019	126.019	126.019	126.019	126.019	126.019
1025	Vật tư ngành điện	Led Panel ốp trần- Vuông (DOB) 18W ánh sáng trắng (T)/ vàng (V) SSPL2-18T/V	Cái	QCVN 19:2019/BKHCN RA > 80; PF > 0.5 Tuổi thọ: 30.000 giờ Chip Led: SMD 2835	1 cái/hộp 20 cái/thùng	Công Ty TNHH TM - DV Điện Mạnh Phương - MPE. Nhà máy sản xuất thiết bị điện: Lô LG14-15-16, Đường số 3, KCN Xuyên Á, Xã Đức Lập, Tỉnh Tây Ninh. (Công văn đề nghị công bố giá số 311/MPE-SXD ngày 01/07/2026)	China	Không có thông tin	Trong phạm vi tỉnh Tây Ninh	CHỨNG NHẬN HỢP QUY SỐ: VIC/23.HQ/18.01.1123 Mức giá được thực hiện từ ngày 01/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	168.426	168.426	168.426	168.426	168.426	168.426	168.426	168.426	168.426	168.426	168.426	168.426	168.426	168.426	168.426
1026	Vật tư ngành điện	Led bán nguyệt 48W thân nhựa BN2-48T	Cái	QCVN 19:2019/BKHCN RA > 80; PF > 0.5 Tuổi thọ: 30.000 giờ Chip Led: SMD 2835	1 cái/hộp 12 cái/thùng	Công Ty TNHH TM - DV Điện Mạnh Phương - MPE. Nhà máy sản xuất thiết bị điện: Lô LG14-15-16, Đường số 3, KCN Xuyên Á, Xã Đức Lập, Tỉnh Tây Ninh. (Công văn đề nghị công bố giá số 311/MPE-SXD ngày 01/07/2026)	China	Không có thông tin	Trong phạm vi tỉnh Tây Ninh	CHỨNG NHẬN HỢP QUY SỐ: VIC/23.HQ/18.01.1123 Mức giá được thực hiện từ ngày 01/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	268.148	268.148	268.148	268.148	268.148	268.148	268.148	268.148	268.148	268.148	268.148	268.148	268.148	268.148	268.148
1027	Vật tư ngành điện	Led chiếu điểm (Gắn ray) 8W ánh sáng trắng (T)/ vàng (V) / trung tính (N) TSL2-8T/V/N	Cái	QCVN 19:2019/BKHCN RA > 80; PF > 0.5 Tuổi thọ: 30.000 giờ Chip Led: COB	1 cái/hộp 10 cái/thùng	Công Ty TNHH TM - DV Điện Mạnh Phương - MPE. Nhà máy sản xuất thiết bị điện: Lô LG14-15-16, Đường số 3, KCN Xuyên Á, Xã Đức Lập, Tỉnh Tây Ninh. (Công văn đề nghị công bố giá số 311/MPE-SXD ngày 01/07/2026)	China	Không có thông tin	Trong phạm vi tỉnh Tây Ninh	CHỨNG NHẬN HỢP QUY SỐ: VIC/23.HQ/18.01.1123 Mức giá được thực hiện từ ngày 01/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	254.167	254.167	254.167	254.167	254.167	254.167	254.167	254.167	254.167	254.167	254.167	254.167	254.167	254.167	254.167
1028	Vật tư ngành điện	Led chiếu điểm (Gắn ray) 12W ánh sáng trắng (T)/ vàng (V) / trung tính (N) TSL2-12T/V/N	Cái	QCVN 19:2019/BKHCN RA > 80; PF > 0.5 Tuổi thọ: 30.000 giờ Chip Led: COB	1 cái/hộp 10 cái/thùng	Công Ty TNHH TM - DV Điện Mạnh Phương - MPE. Nhà máy sản xuất thiết bị điện: Lô LG14-15-16, Đường số 3, KCN Xuyên Á, Xã Đức Lập, Tỉnh Tây Ninh. (Công văn đề nghị công bố giá số 311/MPE-SXD ngày 01/07/2026)	China	Không có thông tin	Trong phạm vi tỉnh Tây Ninh	CHỨNG NHẬN HỢP QUY SỐ: VIC/23.HQ/18.01.1123 Mức giá được thực hiện từ ngày 01/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	303.519	303.519	303.519	303.519	303.519	303.519	303.519	303.519	303.519	303.519	303.519	303.519	303.519	303.519	303.519
1029	Vật tư ngành điện	Led ống bơ 18W ánh sáng trắng (T)/ vàng (V) SDL-18T/V	Cái	QCVN 19:2019/BKHCN RA > 80; PF > 0.5 Tuổi thọ: 30.000 giờ Chip Led: COB	1 cái/hộp 12 cái/thùng	Công Ty TNHH TM - DV Điện Mạnh Phương - MPE. Nhà máy sản xuất thiết bị điện: Lô LG14-15-16, Đường số 3, KCN Xuyên Á, Xã Đức Lập, Tỉnh Tây Ninh. (Công văn đề nghị công bố giá số 311/MPE-SXD ngày 01/07/2026)	China	Không có thông tin	Trong phạm vi tỉnh Tây Ninh	CHỨNG NHẬN HỢP QUY SỐ: VIC/23.HQ/18.01.1123 Mức giá được thực hiện từ ngày 01/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	804.907	804.907	804.907	804.907	804.907	804.907	804.907	804.907	804.907	804.907	804.907	804.907	804.907	804.907	804.907
1030	Vật tư ngành điện	Led Downlight âm trần (Dạng hộp, vuông) 2x7W ánh sáng trắng (T)/ trung tính (N)/ vàng (V) DLS-207T/N/V	Cái	QCVN 19:2019/BKHCN RA > 80; PF > 0.5 Tuổi thọ: 30.000 giờ Chip Led: COB	1 cái/hộp 12 cái/thùng	Công Ty TNHH TM - DV Điện Mạnh Phương - MPE. Nhà máy sản xuất thiết bị điện: Lô LG14-15-16, Đường số 3, KCN Xuyên Á, Xã Đức Lập, Tỉnh Tây Ninh. (Công văn đề nghị công bố giá số 311/MPE-SXD ngày 01/07/2026)	China	Không có thông tin	Trong phạm vi tỉnh Tây Ninh	CHỨNG NHẬN HỢP QUY SỐ: VIC/23.HQ/18.01.1123 Mức giá được thực hiện từ ngày 01/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	714.630	714.630	714.630	714.630	714.630	714.630	714.630	714.630	714.630	714.630	714.630	714.630	714.630	714.630	714.630
1031	Vật tư ngành điện	Led pha 100W ánh sáng trắng (T)/ vàng (V) FLD5-100T/V	Cái	QCVN 19:2019/BKHCN RA > 80; PF > 0.9 Tuổi thọ: 30.000 giờ Chip Led: SMD 2835	1 cái/hộp 4 cái/thùng	Công Ty TNHH TM - DV Điện Mạnh Phương - MPE. Nhà máy sản xuất thiết bị điện: Lô LG14-15-16, Đường số 3, KCN Xuyên Á, Xã Đức Lập, Tỉnh Tây Ninh. (Công văn đề nghị công bố giá số 311/MPE-SXD ngày 01/07/2026)	China	Không có thông tin	Trong phạm vi tỉnh Tây Ninh	CHỨNG NHẬN HỢP QUY SỐ: VIC/23.HQ/18.01.1123 Mức giá được thực hiện từ ngày 01/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	1.207.222	1.207.222	1.207.222	1.207.222	1.207.222	1.207.222	1.207.222	1.207.222	1.207.222	1.207.222	1.207.222	1.207.222	1.207.222	1.207.222	1.207.222
1032	Vật tư ngành điện	Led pha 150W ánh sáng trắng (T)/ vàng (V) FLD5-150T/V	Cái	QCVN 19:2019/BKHCN RA > 80; PF > 0.9 Tuổi thọ: 30.000 giờ Chip Led: SMD 2835	1 cái/hộp 4 cái/thùng	Công Ty TNHH TM - DV Điện Mạnh Phương - MPE. Nhà máy sản xuất thiết bị điện: Lô LG14-15-16, Đường số 3, KCN Xuyên Á, Xã Đức Lập, Tỉnh Tây Ninh. (Công văn đề nghị công bố giá số 311/MPE-SXD ngày 01/07/2026)	China	Không có thông tin	Trong phạm vi tỉnh Tây Ninh	CHỨNG NHẬN HỢP QUY SỐ: VIC/23.HQ/18.01.1123 Mức giá được thực hiện từ ngày 01/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	2.245.370	2.245.370	2.245.370	2.245.370	2.245.370	2.245.370	2.245.370	2.245.370	2.245.370	2.245.370	2.245.370	2.245.370	2.245.370	2.245.370	2.245.370
1033	Vật tư ngành điện	Led pha 200W ánh sáng trắng (T)/ vàng (V) FLD5-200T/V	Cái	QCVN 19:2019/BKHCN RA > 80; PF > 0.9 Tuổi thọ: 30.000 giờ Chip Led: SMD 2835	1 cái/hộp 3 cái/thùng	Công Ty TNHH TM - DV Điện Mạnh Phương - MPE. Nhà máy sản xuất thiết bị điện: Lô LG14-15-16, Đường số 3, KCN Xuyên Á, Xã Đức Lập, Tỉnh Tây Ninh. (Công văn đề nghị công bố giá số 311/MPE-SXD ngày 01/07/2026)	China	Không có thông tin	Trong phạm vi tỉnh Tây Ninh	CHỨNG NHẬN HỢP QUY SỐ: VIC/23.HQ/18.01.1123 Mức giá được thực hiện từ ngày 01/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	2.639.630	2.639.630	2.639.630	2.639.630	2.639.630	2.639.630	2.639.630	2.639.630	2.639.630	2.639.630	2.639.630	2.639.630	2.639.630	2.639.630	2.639.630
1034	Vật tư ngành điện	Led highbay Nhà xưởng 100W HBE2-100T	Cái	QCVN 19:2019/BKHCN RA > 80; PF > 0.9 Tuổi thọ: 50.000 giờ Chip Led: SMD 2835	1Cái/ Thùng	Công Ty TNHH TM - DV Điện Mạnh Phương - MPE. Nhà máy sản xuất thiết bị điện: Lô LG14-15-16, Đường số 3, KCN Xuyên Á, Xã Đức Lập, Tỉnh Tây Ninh. (Công văn đề nghị công bố giá số 311/MPE-SXD ngày 01/07/2026)	China	Không có thông tin	Trong phạm vi tỉnh Tây Ninh	CHỨNG NHẬN HỢP QUY SỐ: VIC/23.HQ/18.01.1123 Mức giá được thực hiện từ ngày 01/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	1.860.833	1.860.833	1.860.833	1.860.833	1.860.833	1.860.833	1.860.833	1.860.833	1.860.833	1.860.833	1.860.833	1.860.833	1.860.833	1.860.833	1.860.833
1035	Vật tư ngành điện	Led highbay Nhà xưởng 150W HBE2-150T	Cái	QCVN 19:2019/BKHCN RA > 80; PF > 0.9 Tuổi thọ: 50.000 giờ Chip Led: SMD 2835	1Cái/ Thùng	Công Ty TNHH TM - DV Điện Mạnh Phương - MPE. Nhà máy sản xuất thiết bị điện: Lô LG14-15-16, Đường số 3, KCN Xuyên Á, Xã Đức Lập, Tỉnh Tây Ninh. (Công văn đề nghị công bố giá số 311/MPE-SXD ngày 01/07/2026)	China	Không có thông tin	Trong phạm vi tỉnh Tây Ninh	CHỨNG NHẬN HỢP QUY SỐ: VIC/23.HQ/18.01.1123 Mức giá được thực hiện từ ngày 01/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	3.007.870	3.007.870	3.007.870	3.007.870	3.007.870	3.007.870	3.007.870	3.007.870	3.007.870	3.007.870	3.007.870	3.007.870	3.007.870	3.007.870	3.007.870

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng) (đồng)														
												Khu vực Tân An	Khu vực Tân Trụ	Khu vực Châu Thành	Khu vực Thủ Thừa	Khu vực Bến Lức	Khu vực Cần Giuộc	Khu vực Cần Đước	Khu vực Tân Thạnh	Khu vực Thạnh Hóa	Khu vực Tân Hưng	Khu vực Vĩnh Hưng	Khu vực Kiến Tường	Khu vực Mộc Hóa	Khu vực Đức Hòa	Khu vực Đức Huệ
1036	Vật tư ngành điện	Led highbay Nhà xưởng 200W HBE2-200T	Cái	QCVN 19:2019/BKHCN RA > 80; PF > 0.9 Tuổi thọ: 50.000 giờ Chip Led: SMD 2835	1Cái/ Thùng	Công Ty TNHH TM - DV Điện Mạnh Phương - MPE. Nhà máy sản xuất thiết bị điện: Lô LG14-15-16, Đường số 3, KCN Xuyên Á, Xã Đức Lập, Tỉnh Tây Ninh. (Công văn đề nghị công bố giá số 311/MPE-SXD ngày 01/07/2026)	China	Không có thông tin	Trong phạm vi tỉnh Tây Ninh	CHỨNG NHẬN HỢP QUY SỐ: VIC/23.HQ/18.01.1123 Mức giá được thực hiện từ ngày 01/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	4.009.907	4.009.907	4.009.907	4.009.907	4.009.907	4.009.907	4.009.907	4.009.907	4.009.907	4.009.907	4.009.907	4.009.907	4.009.907	4.009.907	4.009.907
1037	Vật tư ngành điện	Led chiếu điểm (Gắn nổi) 12W SSL-12V	Cái	QCVN 19:2019/BKHCN RA > 80; PF > 0.5 Tuổi thọ: 30.000 giờ Chip Led: COB	1 cái/hộp 40 cái/thùng	Công Ty TNHH TM - DV Điện Mạnh Phương - MPE. Nhà máy sản xuất thiết bị điện: Lô LG14-15-16, Đường số 3, KCN Xuyên Á, Xã Đức Lập, Tỉnh Tây Ninh. (Công văn đề nghị công bố giá số 311/MPE-SXD ngày 01/07/2026)	China	Không có thông tin	Trong phạm vi tỉnh Tây Ninh	CHỨNG NHẬN HỢP QUY SỐ: VIC/23.HQ/18.01.1123 Mức giá được thực hiện từ ngày 01/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	413.333	413.333	413.333	413.333	413.333	413.333	413.333	413.333	413.333	413.333	413.333	413.333	413.333	413.333	413.333
1038	Vật tư ngành điện	Led ống bơ 12W ánh sáng trắng (T)/ vàng (V) SDL-12T/V	Cái	QCVN 19:2019/BKHCN RA > 80; PF > 0.5 Tuổi thọ: 30.000 giờ Chip Led: COB	1 cái/hộp 40 cái/thùng	Công Ty TNHH TM - DV Điện Mạnh Phương - MPE. Nhà máy sản xuất thiết bị điện: Lô LG14-15-16, Đường số 3, KCN Xuyên Á, Xã Đức Lập, Tỉnh Tây Ninh. (Công văn đề nghị công bố giá số 311/MPE-SXD ngày 01/07/2026)	China	Không có thông tin	Trong phạm vi tỉnh Tây Ninh	CHỨNG NHẬN HỢP QUY SỐ: VIC/23.HQ/18.01.1123 Mức giá được thực hiện từ ngày 01/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	478.148	478.148	478.148	478.148	478.148	478.148	478.148	478.148	478.148	478.148	478.148	478.148	478.148	478.148	478.148
1039	Vật tư ngành điện	Led ống bơ 25W ánh sáng trắng (T)/ vàng (V) SDL-25T/V	Cái	QCVN 19:2019/BKHCN RA > 80; PF > 0.5 Tuổi thọ: 30.000 giờ Chip Led: COB	1 cái/hộp 12 cái/thùng	Công Ty TNHH TM - DV Điện Mạnh Phương - MPE. Nhà máy sản xuất thiết bị điện: Lô LG14-15-16, Đường số 3, KCN Xuyên Á, Xã Đức Lập, Tỉnh Tây Ninh. (Công văn đề nghị công bố giá số 311/MPE-SXD ngày 01/07/2026)	China	Không có thông tin	Trong phạm vi tỉnh Tây Ninh	CHỨNG NHẬN HỢP QUY SỐ: VIC/23.HQ/18.01.1123 Mức giá được thực hiện từ ngày 01/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	895.278	895.278	895.278	895.278	895.278	895.278	895.278	895.278	895.278	895.278	895.278	895.278	895.278	895.278	895.278
1040	Vật tư ngành điện	Led tấm 40W 600x600x35mm ánh sáng trắng (T)/ trung tính (N) FPD-6060T/N	Cái	QCVN 19:2019/BKHCN RA > 80; PF > 0.9 Tuổi thọ: 30.000 giờ Chip Led: SMD 2835	1 cái/hộp 5 cái/thùng	Công Ty TNHH TM - DV Điện Mạnh Phương - MPE. Nhà máy sản xuất thiết bị điện: Lô LG14-15-16, Đường số 3, KCN Xuyên Á, Xã Đức Lập, Tỉnh Tây Ninh. (Công văn đề nghị công bố giá số 311/MPE-SXD ngày 01/07/2026)	China	Không có thông tin	Trong phạm vi tỉnh Tây Ninh	CHỨNG NHẬN HỢP QUY SỐ: VIC/23.HQ/18.01.1123 Mức giá được thực hiện từ ngày 01/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	744.630	744.630	744.630	744.630	744.630	744.630	744.630	744.630	744.630	744.630	744.630	744.630	744.630	744.630	744.630
1041	Vật tư ngành điện	Led bán nguyệt 18W thân nhựa ánh sáng trắng (T)/ vàng (V) BN2-18T/V	Cái	QCVN 19:2019/BKHCN RA > 80; PF > 0.5 Tuổi thọ: 30.000 giờ Chip Led: SMD 2835	1 cái/hộp 12 cái/thùng	Công Ty TNHH TM - DV Điện Mạnh Phương - MPE. Nhà máy sản xuất thiết bị điện: Lô LG14-15-16, Đường số 3, KCN Xuyên Á, Xã Đức Lập, Tỉnh Tây Ninh. (Công văn đề nghị công bố giá số 311/MPE-SXD ngày 01/07/2026)	China	Không có thông tin	Trong phạm vi tỉnh Tây Ninh	CHỨNG NHẬN HỢP QUY SỐ: VIC/23.HQ/18.01.1123 Mức giá được thực hiện từ ngày 01/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	116.111	116.111	116.111	116.111	116.111	116.111	116.111	116.111	116.111	116.111	116.111	116.111	116.111	116.111	116.111
1042	Vật tư ngành điện	Led bán nguyệt 36W thân nhựa ánh sáng trắng (T)/ vàng (V) BN2-36T/V	Cái	QCVN 19:2019/BKHCN RA > 80; PF > 0.5 Tuổi thọ: 30.000 giờ Chip Led: SMD 2835	1 cái/hộp 12 cái/thùng	Công Ty TNHH TM - DV Điện Mạnh Phương - MPE. Nhà máy sản xuất thiết bị điện: Lô LG14-15-16, Đường số 3, KCN Xuyên Á, Xã Đức Lập, Tỉnh Tây Ninh. (Công văn đề nghị công bố giá số 311/MPE-SXD ngày 01/07/2026)	China	Không có thông tin	Trong phạm vi tỉnh Tây Ninh	CHỨNG NHẬN HỢP QUY SỐ: VIC/23.HQ/18.01.1123 Mức giá được thực hiện từ ngày 01/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	182.130	182.130	182.130	182.130	182.130	182.130	182.130	182.130	182.130	182.130	182.130	182.130	182.130	182.130	182.130
1043	Vật tư ngành điện	Led hightbay Nhà xưởng 100W HBV2-100T	Cái	QCVN 19:2019/BKHCN RA > 80; PF > 0.5 Tuổi thọ: 30.000 giờ Chip Led: SMD 2835	1 cái/ Hộp 2 Cái/ Thùng	Công Ty TNHH TM - DV Điện Mạnh Phương - MPE. Nhà máy sản xuất thiết bị điện: Lô LG14-15-16, Đường số 3, KCN Xuyên Á, Xã Đức Lập, Tỉnh Tây Ninh. (Công văn đề nghị công bố giá số 311/MPE-SXD ngày 01/07/2026)	China	Không có thông tin	Trong phạm vi tỉnh Tây Ninh	CHỨNG NHẬN HỢP QUY SỐ: VIC/23.HQ/18.01.1123 Mức giá được thực hiện từ ngày 01/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	1.618.056	1.618.056	1.618.056	1.618.056	1.618.056	1.618.056	1.618.056	1.618.056	1.618.056	1.618.056	1.618.056	1.618.056	1.618.056	1.618.056	1.618.056
1044	Vật tư ngành điện	Led highbay Nhà xưởng 150W HBV2-150T	Cái	QCVN 19:2019/BKHCN RA > 80; PF > 0.5 Tuổi thọ: 30.000 giờ Chip Led: SMD 2835	1 cái/ Hộp 2 Cái/ Thùng	Công Ty TNHH TM - DV Điện Mạnh Phương - MPE. Nhà máy sản xuất thiết bị điện: Lô LG14-15-16, Đường số 3, KCN Xuyên Á, Xã Đức Lập, Tỉnh Tây Ninh. (Công văn đề nghị công bố giá số 311/MPE-SXD ngày 01/07/2026)	China	Không có thông tin	Trong phạm vi tỉnh Tây Ninh	CHỨNG NHẬN HỢP QUY SỐ: VIC/23.HQ/18.01.1123 Mức giá được thực hiện từ ngày 01/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	1.971.574	1.971.574	1.971.574	1.971.574	1.971.574	1.971.574	1.971.574	1.971.574	1.971.574	1.971.574	1.971.574	1.971.574	1.971.574	1.971.574	1.971.574
1045	Vật tư ngành điện	Ống PVC D16 320N A9016L	Ống	QCVN 16:2023/BXD Đường kính 16mm Lực nén 320N	2.92m/ống	Công Ty TNHH TM - DV Điện Mạnh Phương - MPE. Nhà máy sản xuất thiết bị điện: Lô LG14-15-16, Đường số 3, KCN Xuyên Á, Xã Đức Lập, Tỉnh Tây Ninh. (Công văn đề nghị công bố giá số 311/MPE-SXD ngày 01/07/2026)	China	Không có thông tin	Trong phạm vi tỉnh Tây Ninh	CHỨNG NHẬN HỢP QUY SỐ: VIC/23.HQ/18.01.1123 Mức giá được thực hiện từ ngày 01/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	16.574	16.574	16.574	16.574	16.574	16.574	16.574	16.574	16.574	16.574	16.574	16.574	16.574	16.574	16.574
1046	Vật tư ngành điện	Ống PVC D20 320N A9020L	Ống	QCVN 16:2023/BXD Đường kính 20mm Lực nén 320N	2.92m/ống	Công Ty TNHH TM - DV Điện Mạnh Phương - MPE. Nhà máy sản xuất thiết bị điện: Lô LG14-15-16, Đường số 3, KCN Xuyên Á, Xã Đức Lập, Tỉnh Tây Ninh. (Công văn đề nghị công bố giá số 311/MPE-SXD ngày 01/07/2026)	China	Không có thông tin	Trong phạm vi tỉnh Tây Ninh	CHỨNG NHẬN HỢP QUY SỐ: VIC/23.HQ/18.01.1123 Mức giá được thực hiện từ ngày 01/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	21.296	21.296	21.296	21.296	21.296	21.296	21.296	21.296	21.296	21.296	21.296	21.296	21.296	21.296	21.296
1047	Vật tư ngành điện	Ống PVC D25 320N A9025L	Ống	QCVN 16:2023/BXD Đường kính 25mm Lực nén 320N	2.92m/ống	Công Ty TNHH TM - DV Điện Mạnh Phương - MPE. Nhà máy sản xuất thiết bị điện: Lô LG14-15-16, Đường số 3, KCN Xuyên Á, Xã Đức Lập, Tỉnh Tây Ninh. (Công văn đề nghị công bố giá số 311/MPE-SXD ngày 01/07/2026)	China	Không có thông tin	Trong phạm vi tỉnh Tây Ninh	CHỨNG NHẬN HỢP QUY SỐ: VIC/23.HQ/18.01.1123 Mức giá được thực hiện từ ngày 01/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	35.185	35.185	35.185	35.185	35.185	35.185	35.185	35.185	35.185	35.185	35.185	35.185	35.185	35.185	35.185
1048	Vật tư ngành điện	Ống PVC D32 320N A9032L	Ống	QCVN 16:2023/BXD Đường kính 32mm Lực nén 320N	2.92m/ống	Công Ty TNHH TM - DV Điện Mạnh Phương - MPE. Nhà máy sản xuất thiết bị điện: Lô LG14-15-16, Đường số 3, KCN Xuyên Á, Xã Đức Lập, Tỉnh Tây Ninh. (Công văn đề nghị công bố giá số 311/MPE-SXD ngày 01/07/2026)	China	Không có thông tin	Trong phạm vi tỉnh Tây Ninh	CHỨNG NHẬN HỢP QUY SỐ: VIC/23.HQ/18.01.1123 Mức giá được thực hiện từ ngày 01/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	56.481	56.481	56.481	56.481	56.481	56.481	56.481	56.481	56.481	56.481	56.481	56.481	56.481	56.481	56.481
1049	Vật tư ngành điện	Ống PVC D16 750N A9016	Ống	QCVN 16:2023/BXD Đường kính 16mm Lực nén 750N	2.92m/ống	Công Ty TNHH TM - DV Điện Mạnh Phương - MPE. Nhà máy sản xuất thiết bị điện: Lô LG14-15-16, Đường số 3, KCN Xuyên Á, Xã Đức Lập, Tỉnh Tây Ninh. (Công văn đề nghị công bố giá số 311/MPE-SXD ngày 01/07/2026)	China	Không có thông tin	Trong phạm vi tỉnh Tây Ninh	CHỨNG NHẬN HỢP QUY SỐ: VIC/23.HQ/18.01.1123 Mức giá được thực hiện từ ngày 01/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	19.815	19.815	19.815	19.815	19.815	19.815	19.815	19.815	19.815	19.815	19.815	19.815	19.815	19.815	19.815
1050	Vật tư ngành điện	Ống PVC D20 750N A9020	Ống	QCVN 16:2023/BXD Đường kính 20mm Lực nén 750N	2.92m/ống	Công Ty TNHH TM - DV Điện Mạnh Phương - MPE. Nhà máy sản xuất thiết bị điện: Lô LG14-15-16, Đường số 3, KCN Xuyên Á, Xã Đức Lập, Tỉnh Tây Ninh. (Công văn đề nghị công bố giá số 311/MPE-SXD ngày 01/07/2026)	China	Không có thông tin	Trong phạm vi tỉnh Tây Ninh	CHỨNG NHẬN HỢP QUY SỐ: VIC/23.HQ/18.01.1123 Mức giá được thực hiện từ ngày 01/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	28.148	28.148	28.148	28.148	28.148	28.148	28.148	28.148	28.148	28.148	28.148	28.148	28.148	28.148	28.148
1051	Vật tư ngành điện	Ống PVC D25 750N A9025	Ống	QCVN 16:2023/BXD Đường kính 25mm Lực nén 750N	2.92m/ống	Công Ty TNHH TM - DV Điện Mạnh Phương - MPE. Nhà máy sản xuất thiết bị điện: Lô LG14-15-16, Đường số 3, KCN Xuyên Á, Xã Đức Lập, Tỉnh Tây Ninh. (Công văn đề nghị công bố giá số 311/MPE-SXD ngày 01/07/2026)	China	Không có thông tin	Trong phạm vi tỉnh Tây Ninh	CHỨNG NHẬN HỢP QUY SỐ: VIC/23.HQ/18.01.1123 Mức giá được thực hiện từ ngày 01/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	40.556	40.556	40.556	40.556	40.556	40.556	40.556	40.556	40.556	40.556	40.556	40.556	40.556	40.556	40.556
1052	Vật tư ngành điện	Ống PVC D32 750N A9032	Ống	QCVN 16:2023/BXD Đường kính 32mm Lực nén 750N	2.92m/ống	Công Ty TNHH TM - DV Điện Mạnh Phương - MPE. Nhà máy sản xuất thiết bị điện: Lô LG14-15-16, Đường số 3, KCN Xuyên Á, Xã Đức Lập, Tỉnh Tây Ninh. (Công văn đề nghị công bố giá số 311/MPE-SXD ngày 01/07/2026)	China	Không có thông tin	Trong phạm vi tỉnh Tây Ninh	CHỨNG NHẬN HỢP QUY SỐ: VIC/23.HQ/18.01.1123 Mức giá được thực hiện từ ngày 01/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	71.204	71.204	71.204	71.204	71.204	71.204	71.204	71.204	71.204	71.204	71.204	71.204	71.204	71.204	71.204

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng) (đồng)														
												Khu vực Tân An	Khu vực Tân Trụ	Khu vực Châu Thành	Khu vực Thủ Thừa	Khu vực Bến Lức	Khu vực Cần Giuộc	Khu vực Cần Đước	Khu vực Tân Thạnh	Khu vực Thạnh Hóa	Khu vực Tân Hưng	Khu vực Vĩnh Hưng	Khu vực Kiến Tường	Khu vực Mộc Hóa	Khu vực Đức Hòa	Khu vực Đức Huệ
1053	Vật tư ngành điện	Ống ruột gà D16 màu trắng A9016CT	Cuộn	QCVN 16:2023/BXD Ống luồn dây hồi màu trắng Ø16	50m/cuộn	Công Ty TNHH TM - DV Điện Mạnh Phương - MPE. Nhà máy sản xuất thiết bị điện: Lô LG14-15-16, Đường số 3, KCN Xuyên Á, Xã Đức Lập, Tỉnh Tây Ninh. (Công văn đề nghị công bố giá số 311/MPE-SXD ngày 01/07/2026)	China	Không có thông tin	Trong phạm vi tỉnh Tây Ninh	CHỨNG NHẬN HỢP QUY SỐ: VIC/23.HQ/18.01.1123 Mức giá được thực hiện từ ngày 01/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	138.056	138.056	138.056	138.056	138.056	138.056	138.056	138.056	138.056	138.056	138.056	138.056	138.056	138.056	138.056
1054	Vật tư ngành điện	Ống ruột gà D20 màu trắng A9020CT	Cuộn	QCVN 16:2023/BXD Ống luồn dây hồi màu trắng Ø20	50m/cuộn	Công Ty TNHH TM - DV Điện Mạnh Phương - MPE. Nhà máy sản xuất thiết bị điện: Lô LG14-15-16, Đường số 3, KCN Xuyên Á, Xã Đức Lập, Tỉnh Tây Ninh. (Công văn đề nghị công bố giá số 311/MPE-SXD ngày 01/07/2026)	China	Không có thông tin	Trong phạm vi tỉnh Tây Ninh	CHỨNG NHẬN HỢP QUY SỐ: VIC/23.HQ/18.01.1123 Mức giá được thực hiện từ ngày 01/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	178.241	178.241	178.241	178.241	178.241	178.241	178.241	178.241	178.241	178.241	178.241	178.241	178.241	178.241	178.241
1055	Vật tư ngành điện	Ống ruột gà D25 màu trắng A9025CT	Cuộn	QCVN 16:2023/BXD Ống luồn dây hồi màu trắng Ø25	40m/cuộn	Công Ty TNHH TM - DV Điện Mạnh Phương - MPE. Nhà máy sản xuất thiết bị điện: Lô LG14-15-16, Đường số 3, KCN Xuyên Á, Xã Đức Lập, Tỉnh Tây Ninh. (Công văn đề nghị công bố giá số 311/MPE-SXD ngày 01/07/2026)	China	Không có thông tin	Trong phạm vi tỉnh Tây Ninh	CHỨNG NHẬN HỢP QUY SỐ: VIC/23.HQ/18.01.1123 Mức giá được thực hiện từ ngày 01/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	191.944	191.944	191.944	191.944	191.944	191.944	191.944	191.944	191.944	191.944	191.944	191.944	191.944	191.944	191.944
1056	Vật tư ngành điện	Ống ruột gà D32 màu trắng A9032CT	Cuộn	QCVN 16:2023/BXD Ống luồn dây hồi màu trắng Ø32	25m/cuộn	Công Ty TNHH TM - DV Điện Mạnh Phương - MPE. Nhà máy sản xuất thiết bị điện: Lô LG14-15-16, Đường số 3, KCN Xuyên Á, Xã Đức Lập, Tỉnh Tây Ninh. (Công văn đề nghị công bố giá số 311/MPE-SXD ngày 01/07/2026)	China	Không có thông tin	Trong phạm vi tỉnh Tây Ninh	CHỨNG NHẬN HỢP QUY SỐ: VIC/23.HQ/18.01.1123 Mức giá được thực hiện từ ngày 01/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	239.444	239.444	239.444	239.444	239.444	239.444	239.444	239.444	239.444	239.444	239.444	239.444	239.444	239.444	239.444
1057	Vật tư ngành nước	Ống PVC-U hệ inch(BS) DN 220 x 5.6mm PN6 - 4m	m	AS/NZS 1477:2006/QCVN 16:2019/BXD/BS EN ISO 1452-2:2009	Ống PVC-U hệ inch(BS) DN 220 x 5.6mm PN6 - 4m	Công ty CP Nhựa Thiếu Niên Tiền Phong phía Nam. Địa chỉ nhà máy sản xuất: Lô C2, Khu CN Đồng An 2, P. Bình Dương, TP.HCM - Sđt: 0933 170 171. (Công văn số 03/CV/TPN-26 ngày 17 tháng 07 năm 2026)	Việt Nam	Giá bán trên địa bàn toàn tỉnh Tây Ninh	Chưa bao gồm chi phí vận chuyển	Giá áp dụng từ ngày 18/06/2026 tới khi có thông báo mới	Giá bán tăng	388.300	388.300	388.300	388.300	388.300	388.300	388.300	388.300	388.300	388.300	388.300	388.300	388.300	388.300	388.300
1058	Vật tư ngành nước	Ống PVC-U hệ inch(BS) DN 168 x 4.5mm PN6 - 4m	m	AS/NZS 1477:2006/QCVN 16:2019/BXD/BS EN ISO 1452-2:2009	Ống PVC-U hệ inch(BS) DN 168 x 4.5mm PN6 - 4m	Công ty CP Nhựa Thiếu Niên Tiền Phong phía Nam. Địa chỉ nhà máy sản xuất: Lô C2, Khu CN Đồng An 2, P. Bình Dương, TP.HCM - Sđt: 0933 170 171. (Công văn số 03/CV/TPN-26 ngày 17 tháng 07 năm 2026)	Việt Nam	Giá bán trên địa bàn toàn tỉnh Tây Ninh	Chưa bao gồm chi phí vận chuyển	Giá áp dụng từ ngày 18/06/2026 tới khi có thông báo mới	Giá bán tăng	243.600	243.600	243.600	243.600	243.600	243.600	243.600	243.600	243.600	243.600	243.600	243.600	243.600	243.600	243.600
1059	Vật tư ngành nước	Ống PVC-U hệ inch(BS) DN 114 x 3.1mm PN6 - 4m	m	AS/NZS 1477:2006/QCVN 16:2019/BXD/BS EN ISO 1452-2:2009	Ống PVC-U hệ inch(BS) DN 114 x 3.1mm PN6 - 4m	Công ty CP Nhựa Thiếu Niên Tiền Phong phía Nam. Địa chỉ nhà máy sản xuất: Lô C2, Khu CN Đồng An 2, P. Bình Dương, TP.HCM - Sđt: 0933 170 171. (Công văn số 03/CV/TPN-26 ngày 17 tháng 07 năm 2026)	Việt Nam	Giá bán trên địa bàn toàn tỉnh Tây Ninh	Chưa bao gồm chi phí vận chuyển	Giá áp dụng từ ngày 18/06/2026 tới khi có thông báo mới	Giá bán tăng	114.400	114.400	114.400	114.400	114.400	114.400	114.400	114.400	114.400	114.400	114.400	114.400	114.400	114.400	114.400
1060	Vật tư ngành nước	Ống PVC-U hệ inch(BS) DN 90 x 2.6mm PN6 - 4m	m	AS/NZS 1477:2006/QCVN 16:2019/BXD/BS EN ISO 1452-2:2009	Ống PVC-U hệ inch(BS) DN 90 x 2.6mm PN6 - 4m	Công ty CP Nhựa Thiếu Niên Tiền Phong phía Nam. Địa chỉ nhà máy sản xuất: Lô C2, Khu CN Đồng An 2, P. Bình Dương, TP.HCM - Sđt: 0933 170 171. (Công văn số 03/CV/TPN-26 ngày 17 tháng 07 năm 2026)	Việt Nam	Giá bán trên địa bàn toàn tỉnh Tây Ninh	Chưa bao gồm chi phí vận chuyển	Giá áp dụng từ ngày 18/06/2026 tới khi có thông báo mới	Giá bán tăng	76.000	76.000	76.000	76.000	76.000	76.000	76.000	76.000	76.000	76.000	76.000	76.000	76.000	76.000	76.000
1061	Vật tư ngành nước	Ống PVC-U hệ inch(BS) DN 60 x 2.5mm PN9 - 4m	m	AS/NZS 1477:2006/QCVN 16:2019/BXD/BS EN ISO 1452-2:2009	Ống PVC-U hệ inch(BS) DN 60 x 2.5mm PN9 - 4m	Công ty CP Nhựa Thiếu Niên Tiền Phong phía Nam. Địa chỉ nhà máy sản xuất: Lô C2, Khu CN Đồng An 2, P. Bình Dương, TP.HCM - Sđt: 0933 170 171. (Công văn số 03/CV/TPN-26 ngày 17 tháng 07 năm 2026)	Việt Nam	Giá bán trên địa bàn toàn tỉnh Tây Ninh	Chưa bao gồm chi phí vận chuyển	Giá áp dụng từ ngày 18/06/2026 tới khi có thông báo mới	Giá bán tăng	48.700	48.700	48.700	48.700	48.700	48.700	48.700	48.700	48.700	48.700	48.700	48.700	48.700	48.700	48.700
1062	Vật tư ngành nước	Ống PVC-U hệ inch(BS) DN 49 x 2.1mm PN9 - 4m	m	AS/NZS 1477:2006/QCVN 16:2019/BXD/BS EN ISO 1452-2:2009	Ống PVC-U hệ inch(BS) DN 49 x 2.1mm PN9 - 4m	Công ty CP Nhựa Thiếu Niên Tiền Phong phía Nam. Địa chỉ nhà máy sản xuất: Lô C2, Khu CN Đồng An 2, P. Bình Dương, TP.HCM - Sđt: 0933 170 171. (Công văn số 03/CV/TPN-26 ngày 17 tháng 07 năm 2026)	Việt Nam	Giá bán trên địa bàn toàn tỉnh Tây Ninh	Chưa bao gồm chi phí vận chuyển	Giá áp dụng từ ngày 18/06/2026 tới khi có thông báo mới	Giá bán tăng	32.400	32.400	32.400	32.400	32.400	32.400	32.400	32.400	32.400	32.400	32.400	32.400	32.400	32.400	32.400
1063	Vật tư ngành nước	Ống PVC-U hệ inch(BS) DN 42 x 1.9mm PN9 - 4m	m	AS/NZS 1477:2006/QCVN 16:2019/BXD/BS EN ISO 1452-2:2009	Ống PVC-U hệ inch(BS) DN 42 x 1.9mm PN9 - 4m	Công ty CP Nhựa Thiếu Niên Tiền Phong phía Nam. Địa chỉ nhà máy sản xuất: Lô C2, Khu CN Đồng An 2, P. Bình Dương, TP.HCM - Sđt: 0933 170 171. (Công văn số 03/CV/TPN-26 ngày 17 tháng 07 năm 2026)	Việt Nam	Giá bán trên địa bàn toàn tỉnh Tây Ninh	Chưa bao gồm chi phí vận chuyển	Giá áp dụng từ ngày 18/06/2026 tới khi có thông báo mới	Giá bán tăng	25.900	25.900	25.900	25.900	25.900	25.900	25.900	25.900	25.900	25.900	25.900	25.900	25.900	25.900	25.900
1064	Vật tư ngành nước	Ống PVC-U hệ inch(BS) DN 34 x 1.6mm PN10 - 4m	m	AS/NZS 1477:2006/QCVN 16:2019/BXD/BS EN ISO 1452-2:2009	Ống PVC-U hệ inch(BS) DN 34 x 1.6mm PN10 - 4m	Công ty CP Nhựa Thiếu Niên Tiền Phong phía Nam. Địa chỉ nhà máy sản xuất: Lô C2, Khu CN Đồng An 2, P. Bình Dương, TP.HCM - Sđt: 0933 170 171. (Công văn số 03/CV/TPN-26 ngày 17 tháng 07 năm 2026)	Việt Nam	Giá bán trên địa bàn toàn tỉnh Tây Ninh	Chưa bao gồm chi phí vận chuyển	Giá áp dụng từ ngày 18/06/2026 tới khi có thông báo mới	Giá bán tăng	17.000	17.000	17.000	17.000	17.000	17.000	17.000	17.000	17.000	17.000	17.000	17.000	17.000	17.000	17.000
1065	Vật tư ngành nước	Ống PVC-U hệ inch(BS) DN 27 x 1.6mm PN12 - 4m	m	AS/NZS 1477:2006/QCVN 16:2019/BXD/BS EN ISO 1452-2:2009	Ống PVC-U hệ inch(BS) DN 27 x 1.6mm PN12 - 4m	Công ty CP Nhựa Thiếu Niên Tiền Phong phía Nam. Địa chỉ nhà máy sản xuất: Lô C2, Khu CN Đồng An 2, P. Bình Dương, TP.HCM - Sđt: 0933 170 171. (Công văn số 03/CV/TPN-26 ngày 17 tháng 07 năm 2026)	Việt Nam	Giá bán trên địa bàn toàn tỉnh Tây Ninh	Chưa bao gồm chi phí vận chuyển	Giá áp dụng từ ngày 18/06/2026 tới khi có thông báo mới	Giá bán tăng	13.700	13.700	13.700	13.700	13.700	13.700	13.700	13.700	13.700	13.700	13.700	13.700	13.700	13.700	13.700
1066	Vật tư ngành nước	Ống PVC-U hệ inch(BS) DN 21 x 1.3mm PN12 - 4m	m	AS/NZS 1477:2006/QCVN 16:2019/BXD/BS EN ISO 1452-2:2009	Ống PVC-U hệ inch(BS) DN 21 x 1.3mm PN12 - 4m	Công ty CP Nhựa Thiếu Niên Tiền Phong phía Nam. Địa chỉ nhà máy sản xuất: Lô C2, Khu CN Đồng An 2, P. Bình Dương, TP.HCM - Sđt: 0933 170 171. (Công văn số 03/CV/TPN-26 ngày 17 tháng 07 năm 2026)	Việt Nam	Giá bán trên địa bàn toàn tỉnh Tây Ninh	Chưa bao gồm chi phí vận chuyển	Giá áp dụng từ ngày 18/06/2026 tới khi có thông báo mới	Giá bán tăng	9.500	9.500	9.500	9.500	9.500	9.500	9.500	9.500	9.500	9.500	9.500	9.500	9.500	9.500	9.500
1067	Vật tư ngành nước	Ống PP-R DN 25 x 2.8mm PN10 - 4m	m	QCVN 16:2019/BXD/DIN 16962-5:2000-04/DIN 8077:2008 & DIN 8078:2008/DIN 8077:2008-09 & DIN 9078:2008-09	Ống PP-R DN 25 x 2.8mm PN10 - 4m	Công ty CP Nhựa Thiếu Niên Tiền Phong phía Nam. Địa chỉ nhà máy sản xuất: Lô C2, Khu CN Đồng An 2, P. Bình Dương, TP.HCM - Sđt: 0933 170 171. (Công văn số 03/CV/TPN-26 ngày 17 tháng 07 năm 2026)	Việt Nam	Giá bán trên địa bàn toàn tỉnh Tây Ninh	Chưa bao gồm chi phí vận chuyển	Giá áp dụng từ ngày 29/06/2026 tới khi có thông báo mới	Giá bán tăng	29.000	29.000	29.000	29.000	29.000	29.000	29.000	29.000	29.000	29.000	29.000	29.000	29.000	29.000	29.000
1068	Vật tư ngành nước	Ống PP-R DN 32 x 2.9mm PN10 - 4m	m	QCVN 16:2019/BXD/DIN 16962-5:2000-04/DIN 8077:2008 & DIN 8078:2008/DIN 8077:2008-09 & DIN 9078:2008-09	Ống PP-R DN 32 x 2.9mm PN10 - 4m	Công ty CP Nhựa Thiếu Niên Tiền Phong phía Nam. Địa chỉ nhà máy sản xuất: Lô C2, Khu CN Đồng An 2, P. Bình Dương, TP.HCM - Sđt: 0933 170 171. (Công văn số 03/CV/TPN-26 ngày 17 tháng 07 năm 2026)	Việt Nam	Giá bán trên địa bàn toàn tỉnh Tây Ninh	Chưa bao gồm chi phí vận chuyển	Giá áp dụng từ ngày 29/06/2026 tới khi có thông báo mới	Giá bán tăng	37.600	37.600	37.600	37.600	37.600	37.600	37.600	37.600	37.600	37.600	37.600	37.600	37.600	37.600	37.600

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng) (đồng)														
												Khu vực Tân An	Khu vực Tân Trụ	Khu vực Châu Thành	Khu vực Thủ Thừa	Khu vực Bến Lức	Khu vực Cần Giuộc	Khu vực Cần Đước	Khu vực Tân Thạnh	Khu vực Thạnh Hóa	Khu vực Tân Hưng	Khu vực Vĩnh Hưng	Khu vực Kiến Tường	Khu vực Mộc Hóa	Khu vực Đức Hòa	Khu vực Đức Huệ
1069	Vật tư ngành nước	Ống PP-R DN 50 x 4.6mm PN10 - 4m	m	QCVN 16:2019/BXD/DIN 16962-5:2000-04/DIN 8077:2008 & DIN 8078:2008/DIN 8077:2008-09 & DIN 9078:2008-09	Ống PP-R DN 50 x 4.6mm PN10 - 4m	Công ty CP Nhựa Thiếu Niên Tiền Phong phía Nam. Địa chỉ nhà máy sản xuất: Lô C2, Khu CN Đồng An 2, P. Bình Dương, TP.HCM - Sđt: 0933 170 171. (Công văn số 03/CV/TPN-26 ngày 17 tháng 07 năm 2026)	Việt Nam	Giá bán trên địa bàn toàn tỉnh Tây Ninh	Chưa bao gồm chi phí vận chuyển	Giá áp dụng từ ngày 29/06/2026 tới khi có thông báo mới	Giá bán tăng	73.900	73.900	73.900	73.900	73.900	73.900	73.900	73.900	73.900	73.900	73.900	73.900	73.900	73.900	73.900
1070	Vật tư ngành nước	Ống PP-R DN 20 x 3.4mm PN20 - 4m	m	QCVN 16:2019/BXD/DIN 16962-5:2000-04/DIN 8077:2008 & DIN 8078:2008/DIN 8077:2008-09 & DIN 9078:2008-09	Ống PP-R DN 20 x 3.4mm PN20 - 4m	Công ty CP Nhựa Thiếu Niên Tiền Phong phía Nam. Địa chỉ nhà máy sản xuất: Lô C2, Khu CN Đồng An 2, P. Bình Dương, TP.HCM - Sđt: 0933 170 171. (Công văn số 03/CV/TPN-26 ngày 17 tháng 07 năm 2026)	Việt Nam	Giá bán trên địa bàn toàn tỉnh Tây Ninh	Chưa bao gồm chi phí vận chuyển	Giá áp dụng từ ngày 29/06/2026 tới khi có thông báo mới	Giá bán tăng	20.100	20.100	20.100	20.100	20.100	20.100	20.100	20.100	20.100	20.100	20.100	20.100	20.100	20.100	20.100
1071	Vật tư ngành nước	Ống PP-R DN 25 x 4.2mm PN20 - 4m	m	QCVN 16:2019/BXD/DIN 16962-5:2000-04/DIN 8077:2008 & DIN 8078:2008/DIN 8077:2008-09 & DIN 9078:2008-09	Ống PP-R DN 25 x 4.2mm PN20 - 4m	Công ty CP Nhựa Thiếu Niên Tiền Phong phía Nam. Địa chỉ nhà máy sản xuất: Lô C2, Khu CN Đồng An 2, P. Bình Dương, TP.HCM - Sđt: 0933 170 171. (Công văn số 03/CV/TPN-26 ngày 17 tháng 07 năm 2026)	Việt Nam	Giá bán trên địa bàn toàn tỉnh Tây Ninh	Chưa bao gồm chi phí vận chuyển	Giá áp dụng từ ngày 29/06/2026 tới khi có thông báo mới	Giá bán tăng	35.200	35.200	35.200	35.200	35.200	35.200	35.200	35.200	35.200	35.200	35.200	35.200	35.200	35.200	35.200
1072	Vật tư ngành nước	Ống PP-R DN 40 x 6.7mm PN20 - 4m	m	QCVN 16:2019/BXD/DIN 16962-5:2000-04/DIN 8077:2008 & DIN 8078:2008/DIN 8077:2008-09 & DIN 9078:2008-09	Ống PP-R DN 40 x 6.7mm PN20 - 4m	Công ty CP Nhựa Thiếu Niên Tiền Phong phía Nam. Địa chỉ nhà máy sản xuất: Lô C2, Khu CN Đồng An 2, P. Bình Dương, TP.HCM - Sđt: 0933 170 171. (Công văn số 03/CV/TPN-26 ngày 17 tháng 07 năm 2026)	Việt Nam	Giá bán trên địa bàn toàn tỉnh Tây Ninh	Chưa bao gồm chi phí vận chuyển	Giá áp dụng từ ngày 29/06/2026 tới khi có thông báo mới	Giá bán tăng	80.300	80.300	80.300	80.300	80.300	80.300	80.300	80.300	80.300	80.300	80.300	80.300	80.300	80.300	80.300
1073	Vật tư ngành nước	Ống PP-R DN 50 x 8.3mm PN20 - 4m	m	QCVN 16:2019/BXD/DIN 16962-5:2000-04/DIN 8077:2008 & DIN 8078:2008/DIN 8077:2008-09 & DIN 9078:2008-09	Ống PP-R DN 50 x 8.3mm PN20 - 4m	Công ty CP Nhựa Thiếu Niên Tiền Phong phía Nam. Địa chỉ nhà máy sản xuất: Lô C2, Khu CN Đồng An 2, P. Bình Dương, TP.HCM - Sđt: 0933 170 171. (Công văn số 03/CV/TPN-26 ngày 17 tháng 07 năm 2026)	Việt Nam	Giá bán trên địa bàn toàn tỉnh Tây Ninh	Chưa bao gồm chi phí vận chuyển	Giá áp dụng từ ngày 29/06/2026 tới khi có thông báo mới	Giá bán tăng	124.700	124.700	124.700	124.700	124.700	124.700	124.700	124.700	124.700	124.700	124.700	124.700	124.700	124.700	124.700
1074	Vật tư ngành nước	Ống PP-R DN 63 x 10.5mm PN20 - 4m	m	QCVN 16:2019/BXD/DIN 16962-5:2000-04/DIN 8077:2008 & DIN 8078:2008/DIN 8077:2008-09 & DIN 9078:2008-09	Ống PP-R DN 63 x 10.5mm PN20 - 4m	Công ty CP Nhựa Thiếu Niên Tiền Phong phía Nam. Địa chỉ nhà máy sản xuất: Lô C2, Khu CN Đồng An 2, P. Bình Dương, TP.HCM - Sđt: 0933 170 171. (Công văn số 03/CV/TPN-26 ngày 17 tháng 07 năm 2026)	Việt Nam	Giá bán trên địa bàn toàn tỉnh Tây Ninh	Chưa bao gồm chi phí vận chuyển	Giá áp dụng từ ngày 29/06/2026 tới khi có thông báo mới	Giá bán tăng	196.600	196.600	196.600	196.600	196.600	196.600	196.600	196.600	196.600	196.600	196.600	196.600	196.600	196.600	196.600
1075	Vật tư ngành nước	Ống PP-R DN 75 x 12.5mm PN20 - 4m	m	QCVN 16:2019/BXD/DIN 16962-5:2000-04/DIN 8077:2008 & DIN 8078:2008/DIN 8077:2008-09 & DIN 9078:2008-09	Ống PP-R DN 75 x 12.5mm PN20 - 4m	Công ty CP Nhựa Thiếu Niên Tiền Phong phía Nam. Địa chỉ nhà máy sản xuất: Lô C2, Khu CN Đồng An 2, P. Bình Dương, TP.HCM - Sđt: 0933 170 171. (Công văn số 03/CV/TPN-26 ngày 17 tháng 07 năm 2026)	Việt Nam	Giá bán trên địa bàn toàn tỉnh Tây Ninh	Chưa bao gồm chi phí vận chuyển	Giá áp dụng từ ngày 29/06/2026 tới khi có thông báo mới	Giá bán tăng	272.300	272.300	272.300	272.300	272.300	272.300	272.300	272.300	272.300	272.300	272.300	272.300	272.300	272.300	272.300
1076	Vật tư ngành nước	Ống PP-R DN 90 x 15mm PN20 - 4m	m	QCVN 16:2019/BXD/DIN 16962-5:2000-04/DIN 8077:2008 & DIN 8078:2008/DIN 8077:2008-09 & DIN 9078:2008-09	Ống PP-R DN 90 x 15mm PN20 - 4m	Công ty CP Nhựa Thiếu Niên Tiền Phong phía Nam. Địa chỉ nhà máy sản xuất: Lô C2, Khu CN Đồng An 2, P. Bình Dương, TP.HCM - Sđt: 0933 170 171. (Công văn số 03/CV/TPN-26 ngày 17 tháng 07 năm 2026)	Việt Nam	Giá bán trên địa bàn toàn tỉnh Tây Ninh	Chưa bao gồm chi phí vận chuyển	Giá áp dụng từ ngày 29/06/2026 tới khi có thông báo mới	Giá bán tăng	407.100	407.100	407.100	407.100	407.100	407.100	407.100	407.100	407.100	407.100	407.100	407.100	407.100	407.100	407.100
1077	Vật tư ngành nước	Ống PP-R DN 110 x 18.3mm PN20 - 4m	m	QCVN 16:2019/BXD/DIN 16962-5:2000-04/DIN 8077:2008 & DIN 8078:2008/DIN 8077:2008-09 & DIN 9078:2008-09	Ống PP-R DN 110 x 18.3mm PN20 - 4m	Công ty CP Nhựa Thiếu Niên Tiền Phong phía Nam. Địa chỉ nhà máy sản xuất: Lô C2, Khu CN Đồng An 2, P. Bình Dương, TP.HCM - Sđt: 0933 170 171. (Công văn số 03/CV/TPN-26 ngày 17 tháng 07 năm 2026)	Việt Nam	Giá bán trên địa bàn toàn tỉnh Tây Ninh	Chưa bao gồm chi phí vận chuyển	Giá áp dụng từ ngày 29/06/2026 tới khi có thông báo mới	Giá bán tăng	573.100	573.100	573.100	573.100	573.100	573.100	573.100	573.100	573.100	573.100	573.100	573.100	573.100	573.100	573.100
1078	Vật tư ngành nước	Ống PP-R DN 125 x 20.8mm PN20 - 4m	m	QCVN 16:2019/BXD/DIN 16962-5:2000-04/DIN 8077:2008 & DIN 8078:2008/DIN 8077:2008-09 & DIN 9078:2008-09	Ống PP-R DN 125 x 20.8mm PN20 - 4m	Công ty CP Nhựa Thiếu Niên Tiền Phong phía Nam. Địa chỉ nhà máy sản xuất: Lô C2, Khu CN Đồng An 2, P. Bình Dương, TP.HCM - Sđt: 0933 170 171. (Công văn số 03/CV/TPN-26 ngày 17 tháng 07 năm 2026)	Việt Nam	Giá bán trên địa bàn toàn tỉnh Tây Ninh	Chưa bao gồm chi phí vận chuyển	Giá áp dụng từ ngày 29/06/2026 tới khi có thông báo mới	Giá bán tăng	771.200	771.200	771.200	771.200	771.200	771.200	771.200	771.200	771.200	771.200	771.200	771.200	771.200	771.200	771.200
1079	Vật tư ngành nước	Ống PP-R DN 140 x 23.3mm PN20 - 4m	m	QCVN 16:2019/BXD/DIN 16962-5:2000-04/DIN 8077:2008 & DIN 8078:2008/DIN 8077:2008-09 & DIN 9078:2008-09	Ống PP-R DN 140 x 23.3mm PN20 - 4m	Công ty CP Nhựa Thiếu Niên Tiền Phong phía Nam. Địa chỉ nhà máy sản xuất: Lô C2, Khu CN Đồng An 2, P. Bình Dương, TP.HCM - Sđt: 0933 170 171. (Công văn số 03/CV/TPN-26 ngày 17 tháng 07 năm 2026)	Việt Nam	Giá bán trên địa bàn toàn tỉnh Tây Ninh	Chưa bao gồm chi phí vận chuyển	Giá áp dụng từ ngày 29/06/2026 tới khi có thông báo mới	Giá bán tăng	979.500	979.500	979.500	979.500	979.500	979.500	979.500	979.500	979.500	979.500	979.500	979.500	979.500	979.500	979.500
1080	Vật tư ngành nước	Ống PP-R DN 160 x 26.6mm PN20 - 4m	m	QCVN 16:2019/BXD/DIN 16962-5:2000-04/DIN 8077:2008 & DIN 8078:2008/DIN 8077:2008-09 & DIN 9078:2008-09	Ống PP-R DN 160 x 26.6mm PN20 - 4m	Công ty CP Nhựa Thiếu Niên Tiền Phong phía Nam. Địa chỉ nhà máy sản xuất: Lô C2, Khu CN Đồng An 2, P. Bình Dương, TP.HCM - Sđt: 0933 170 171. (Công văn số 03/CV/TPN-26 ngày 17 tháng 07 năm 2026)	Việt Nam	Giá bán trên địa bàn toàn tỉnh Tây Ninh	Chưa bao gồm chi phí vận chuyển	Giá áp dụng từ ngày 29/06/2026 tới khi có thông báo mới	Giá bán tăng	1.302.600	1.302.600	1.302.600	1.302.600	1.302.600	1.302.600	1.302.600	1.302.600	1.302.600	1.302.600	1.302.600	1.302.600	1.302.600	1.302.600	1.302.600

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng) (đồng)														
												Khu vực Tân An	Khu vực Tân Trụ	Khu vực Châu Thành	Khu vực Thủ Thừa	Khu vực Bến Lức	Khu vực Cần Giuộc	Khu vực Cần Đước	Khu vực Tân Thạnh	Khu vực Thạnh Hóa	Khu vực Tân Hưng	Khu vực Vĩnh Hưng	Khu vực Kiến Tường	Khu vực Mộc Hóa	Khu vực Đức Hòa	Khu vực Đức Huệ
1081	Vật tư ngành nước	Ống PP-R DN 180 x 24.6mm PN16 - 4m	m	QCVN 16:2019/BXD/DIN 16962-5:2000-04/DIN 8077:2008 & DIN 8078:2008/DIN 8077:2008-09 & DIN 9078:2008-09	Ống PP-R DN 180 x 24.6mm PN16 - 4m	Công ty CP Nhựa Thiếu Niên Tiền Phong phía Nam. Địa chỉ nhà máy sản xuất: Lô C2, Khu CN Đồng An 2, P. Bình Dương, TP.HCM - Sđt: 0933 170 171. (Công văn số 03/CV/TPN-26 ngày 17 tháng 07 năm 2026)	Việt Nam	Giá bán trên địa bàn toàn tỉnh Tây Ninh	Chưa bao gồm chi phí vận chuyển	Giá áp dụng từ ngày 29/06/2026 tới khi có thông báo mới	Giá bán tăng	1.742.300	1.742.300	1.742.300	1.742.300	1.742.300	1.742.300	1.742.300	1.742.300	1.742.300	1.742.300	1.742.300	1.742.300	1.742.300	1.742.300	1.742.300
1082	Vật tư ngành nước	Ống PP-R DN 200 x 33.2mm PN20 - 4m	m	QCVN 16:2019/BXD/DIN 16962-5:2000-04/DIN 8077:2008 & DIN 8078:2008/DIN 8077:2008-09 & DIN 9078:2008-09	Ống PP-R DN 200 x 33.2mm PN20 - 4m	Công ty CP Nhựa Thiếu Niên Tiền Phong phía Nam. Địa chỉ nhà máy sản xuất: Lô C2, Khu CN Đồng An 2, P. Bình Dương, TP.HCM - Sđt: 0933 170 171. (Công văn số 03/CV/TPN-26 ngày 17 tháng 07 năm 2026)	Việt Nam	Giá bán trên địa bàn toàn tỉnh Tây Ninh	Chưa bao gồm chi phí vận chuyển	Giá áp dụng từ ngày 29/06/2026 tới khi có thông báo mới	Giá bán tăng	2.521.800	2.521.800	2.521.800	2.521.800	2.521.800	2.521.800	2.521.800	2.521.800	2.521.800	2.521.800	2.521.800	2.521.800	2.521.800	2.521.800	2.521.800
1083	Vật tư ngành nước	Ống PP-R-UV DN 25 x 4.2mm PN20 - 4m	m	QCVN 16:2019/BXD/DIN 16962-5:2000-04/DIN 8077:2008 & DIN 8078:2008/DIN 8077:2008-09 & DIN 9078:2008-09	Ống PP-R-UV DN 25 x 4.2mm PN20 - 4m	Công ty CP Nhựa Thiếu Niên Tiền Phong phía Nam. Địa chỉ nhà máy sản xuất: Lô C2, Khu CN Đồng An 2, P. Bình Dương, TP.HCM - Sđt: 0933 170 171. (Công văn số 03/CV/TPN-26 ngày 17 tháng 07 năm 2026)	Việt Nam	Giá bán trên địa bàn toàn tỉnh Tây Ninh	Chưa bao gồm chi phí vận chuyển	Giá áp dụng từ ngày 29/06/2026 tới khi có thông báo mới	Giá bán tăng	42.300	42.300	42.300	42.300	42.300	42.300	42.300	42.300	42.300	42.300	42.300	42.300	42.300	42.300	42.300
1084	Vật tư ngành nước	Ống PP-R-UV DN 32 x 5.4mm PN20 - 4m	m	QCVN 16:2019/BXD/DIN 16962-5:2000-04/DIN 8077:2008 & DIN 8078:2008/DIN 8077:2008-09 & DIN 9078:2008-09	Ống PP-R-UV DN 32 x 5.4mm PN20 - 4m	Công ty CP Nhựa Thiếu Niên Tiền Phong phía Nam. Địa chỉ nhà máy sản xuất: Lô C2, Khu CN Đồng An 2, P. Bình Dương, TP.HCM - Sđt: 0933 170 171. (Công văn số 03/CV/TPN-26 ngày 17 tháng 07 năm 2026)	Việt Nam	Giá bán trên địa bàn toàn tỉnh Tây Ninh	Chưa bao gồm chi phí vận chuyển	Giá áp dụng từ ngày 29/06/2026 tới khi có thông báo mới	Giá bán tăng	62.200	62.200	62.200	62.200	62.200	62.200	62.200	62.200	62.200	62.200	62.200	62.200	62.200	62.200	62.200
1085	Vật tư ngành nước	Ống PP-R-UV DN 40 x 6.7mm PN20 - 4m	m	QCVN 16:2019/BXD/DIN 16962-5:2000-04/DIN 8077:2008 & DIN 8078:2008/DIN 8077:2008-09 & DIN 9078:2008-09	Ống PP-R-UV DN 40 x 6.7mm PN20 - 4m	Công ty CP Nhựa Thiếu Niên Tiền Phong phía Nam. Địa chỉ nhà máy sản xuất: Lô C2, Khu CN Đồng An 2, P. Bình Dương, TP.HCM - Sđt: 0933 170 171. (Công văn số 03/CV/TPN-26 ngày 17 tháng 07 năm 2026)	Việt Nam	Giá bán trên địa bàn toàn tỉnh Tây Ninh	Chưa bao gồm chi phí vận chuyển	Giá áp dụng từ ngày 29/06/2026 tới khi có thông báo mới	Giá bán tăng	96.300	96.300	96.300	96.300	96.300	96.300	96.300	96.300	96.300	96.300	96.300	96.300	96.300	96.300	96.300
1086	Vật tư ngành nước	Ống PP-R-UV DN 50 x 8.3mm PN20 - 4m	m	QCVN 16:2019/BXD/DIN 16962-5:2000-04/DIN 8077:2008 & DIN 8078:2008/DIN 8077:2008-09 & DIN 9078:2008-09	Ống PP-R-UV DN 50 x 8.3mm PN20 - 4m	Công ty CP Nhựa Thiếu Niên Tiền Phong phía Nam. Địa chỉ nhà máy sản xuất: Lô C2, Khu CN Đồng An 2, P. Bình Dương, TP.HCM - Sđt: 0933 170 171. (Công văn số 03/CV/TPN-26 ngày 17 tháng 07 năm 2026)	Việt Nam	Giá bán trên địa bàn toàn tỉnh Tây Ninh	Chưa bao gồm chi phí vận chuyển	Giá áp dụng từ ngày 29/06/2026 tới khi có thông báo mới	Giá bán tăng	149.600	149.600	149.600	149.600	149.600	149.600	149.600	149.600	149.600	149.600	149.600	149.600	149.600	149.600	149.600
1087	Vật tư ngành nước	Ống PP-R-UV DN 63 x 10.5mm PN20 - 4m	m	QCVN 16:2019/BXD/DIN 16962-5:2000-04/DIN 8077:2008 & DIN 8078:2008/DIN 8077:2008-09 & DIN 9078:2008-09	Ống PP-R-UV DN 63 x 10.5mm PN20 - 4m	Công ty CP Nhựa Thiếu Niên Tiền Phong phía Nam. Địa chỉ nhà máy sản xuất: Lô C2, Khu CN Đồng An 2, P. Bình Dương, TP.HCM - Sđt: 0933 170 171. (Công văn số 03/CV/TPN-26 ngày 17 tháng 07 năm 2026)	Việt Nam	Giá bán trên địa bàn toàn tỉnh Tây Ninh	Chưa bao gồm chi phí vận chuyển	Giá áp dụng từ ngày 29/06/2026 tới khi có thông báo mới	Giá bán tăng	235.900	235.900	235.900	235.900	235.900	235.900	235.900	235.900	235.900	235.900	235.900	235.900	235.900	235.900	235.900
1088	Vật tư ngành nước	Ống HDPE (PE100) DN 25 x 2.3mm PN16	m	ASTM F714-13/ISO 1452-2:2009/ISO 4427-2:2019/AS/NZS 4130:2018/QCVN 16:2019/BXD/DIN 8074:2011-12 & DIN 8075:2011-12	Ống HDPE (PE100) DN 25 x 2.3mm PN16	Công ty CP Nhựa Thiếu Niên Tiền Phong phía Nam. Địa chỉ nhà máy sản xuất: Lô C2, Khu CN Đồng An 2, P. Bình Dương, TP.HCM - Sđt: 0933 170 171. (Công văn số 03/CV/TPN-26 ngày 17 tháng 07 năm 2026)	Việt Nam	Giá bán trên địa bàn toàn tỉnh Tây Ninh	Chưa bao gồm chi phí vận chuyển	Giá áp dụng từ ngày 17/07/2026 tới khi có thông báo mới	Giá bán tăng	13.200	13.200	13.200	13.200	13.200	13.200	13.200	13.200	13.200	13.200	13.200	13.200	13.200	13.200	13.200
1089	Vật tư ngành nước	Ống HDPE (PE100) DN 50 x 3.0mm PN10	m	ASTM F714-13/ISO 1452-2:2009/ISO 4427-2:2019/AS/NZS 4130:2018/QCVN 16:2019/BXD/DIN 8074:2011-12 & DIN 8075:2011-12	Ống HDPE (PE100) DN 50 x 3.0mm PN10	Công ty CP Nhựa Thiếu Niên Tiền Phong phía Nam. Địa chỉ nhà máy sản xuất: Lô C2, Khu CN Đồng An 2, P. Bình Dương, TP.HCM - Sđt: 0933 170 171. (Công văn số 03/CV/TPN-26 ngày 17 tháng 07 năm 2026)	Việt Nam	Giá bán trên địa bàn toàn tỉnh Tây Ninh	Chưa bao gồm chi phí vận chuyển	Giá áp dụng từ ngày 17/07/2026 tới khi có thông báo mới	Giá bán tăng	34.700	34.700	34.700	34.700	34.700	34.700	34.700	34.700	34.700	34.700	34.700	34.700	34.700	34.700	34.700
1090	Vật tư ngành nước	Ống HDPE (PE100) DN 63 x 3.0mm PN8	m	ASTM F714-13/ISO 1452-2:2009/ISO 4427-2:2019/AS/NZS 4130:2018/QCVN 16:2019/BXD/DIN 8074:2011-12 & DIN 8075:2011-12	Ống HDPE (PE100) DN 63 x 3.0mm PN8	Công ty CP Nhựa Thiếu Niên Tiền Phong phía Nam. Địa chỉ nhà máy sản xuất: Lô C2, Khu CN Đồng An 2, P. Bình Dương, TP.HCM - Sđt: 0933 170 171. (Công văn số 03/CV/TPN-26 ngày 17 tháng 07 năm 2026)	Việt Nam	Giá bán trên địa bàn toàn tỉnh Tây Ninh	Chưa bao gồm chi phí vận chuyển	Giá áp dụng từ ngày 17/07/2026 tới khi có thông báo mới	Giá bán tăng	45.100	45.100	45.100	45.100	45.100	45.100	45.100	45.100	45.100	45.100	45.100	45.100	45.100	45.100	45.100
1091	Vật tư ngành nước	Ống HDPE (PE100) DN 90 x 5.4mm PN10	m	ASTM F714-13/ISO 1452-2:2009/ISO 4427-2:2019/AS/NZS 4130:2018/QCVN 16:2019/BXD/DIN 8074:2011-12 & DIN 8075:2011-12	Ống HDPE (PE100) DN 90 x 5.4mm PN 10	Công ty CP Nhựa Thiếu Niên Tiền Phong phía Nam. Địa chỉ nhà máy sản xuất: Lô C2, Khu CN Đồng An 2, P. Bình Dương, TP.HCM - Sđt: 0933 170 171. (Công văn số 03/CV/TPN-26 ngày 17 tháng 07 năm 2026)	Việt Nam	Giá bán trên địa bàn toàn tỉnh Tây Ninh	Chưa bao gồm chi phí vận chuyển	Giá áp dụng từ ngày 17/07/2026 tới khi có thông báo mới	Giá bán tăng	112.200	112.200	112.200	112.200	112.200	112.200	112.200	112.200	112.200	112.200	112.200	112.200	112.200	112.200	112.200
1092	Vật tư ngành nước	Ống HDPE (PE100) DN 110 x 6.6mm PN10	m	ASTM F714-13/ISO 1452-2:2009/ISO 4427-2:2019/AS/NZS 4130:2018/QCVN 16:2019/BXD/DIN 8074:2011-12 & DIN 8075:2011-12	Ống HDPE (PE100) DN 110 x 6.6mm PN 10	Công ty CP Nhựa Thiếu Niên Tiền Phong phía Nam. Địa chỉ nhà máy sản xuất: Lô C2, Khu CN Đồng An 2, P. Bình Dương, TP.HCM - Sđt: 0933 170 171. (Công văn số 03/CV/TPN-26 ngày 17 tháng 07 năm 2026)	Việt Nam	Giá bán trên địa bàn toàn tỉnh Tây Ninh	Chưa bao gồm chi phí vận chuyển	Giá áp dụng từ ngày 17/07/2026 tới khi có thông báo mới	Giá bán tăng	170.000	170.000	170.000	170.000	170.000	170.000	170.000	170.000	170.000	170.000	170.000	170.000	170.000	170.000	170.000

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng) (đồng)														
												Khu vực Tân An	Khu vực Tân Trụ	Khu vực Châu Thành	Khu vực Thủ Thừa	Khu vực Bến Lức	Khu vực Cần Giuộc	Khu vực Cần Đước	Khu vực Tân Thạnh	Khu vực Thạnh Hóa	Khu vực Tân Hưng	Khu vực Vĩnh Hưng	Khu vực Kiến Tường	Khu vực Mộc Hóa	Khu vực Đức Hòa	Khu vực Đức Huệ
1093	Vật tư ngành nước	Ống HDPE (PE100) DN 125 x 7.4mm PN10	m	ASTM F714-13/ISO 1452-2:2009/ISO 4427-2:2019/AS/NZS 4130:2018/QCVN 16:2019/BXD/DIN 8074:2011-12 & DIN 8075:2011-12	Ống HDPE (PE100) DN 125 x 7.4mm PN 10	Công ty CP Nhựa Thiếu Niên Tiền Phong phía Nam. Địa chỉ nhà máy sản xuất: Lô C2, Khu CN Đồng An 2, P. Bình Dương, TP.HCM - Sđt: 0933 170 171. (Công văn số 03/CV/TPN-26 ngày 17 tháng 07 năm 2026)	Việt Nam	Giá bán trên địa bàn toàn tỉnh Tây Ninh	Chưa bao gồm chi phí vận chuyển	Giá áp dụng từ ngày 17/07/2026 tới khi có thông báo mới	Giá bán tăng	214.600	214.600	214.600	214.600	214.600	214.600	214.600	214.600	214.600	214.600	214.600	214.600	214.600	214.600	214.600
1094	Vật tư ngành nước	Ống HDPE (PE100) DN 140 x 8.3mm PN10	m	ASTM F714-13/ISO 1452-2:2009/ISO 4427-2:2019/AS/NZS 4130:2018/QCVN 16:2019/BXD/DIN 8074:2011-12 & DIN 8075:2011-12	Ống HDPE (PE100) DN 140 x 8.3mm PN 10	Công ty CP Nhựa Thiếu Niên Tiền Phong phía Nam. Địa chỉ nhà máy sản xuất: Lô C2, Khu CN Đồng An 2, P. Bình Dương, TP.HCM - Sđt: 0933 170 171. (Công văn số 03/CV/TPN-26 ngày 17 tháng 07 năm 2026)	Việt Nam	Giá bán trên địa bàn toàn tỉnh Tây Ninh	Chưa bao gồm chi phí vận chuyển	Giá áp dụng từ ngày 17/07/2026 tới khi có thông báo mới	Giá bán tăng	267.900	267.900	267.900	267.900	267.900	267.900	267.900	267.900	267.900	267.900	267.900	267.900	267.900	267.900	267.900
1095	Vật tư ngành nước	Ống HDPE (PE100) DN 160 x 9.5mm PN10	m	ASTM F714-13/ISO 1452-2:2009/ISO 4427-2:2019/AS/NZS 4130:2018/QCVN 16:2019/BXD/DIN 8074:2011-12 & DIN 8075:2011-12	Ống HDPE (PE100) DN 160 x 9.5mm PN 10	Công ty CP Nhựa Thiếu Niên Tiền Phong phía Nam. Địa chỉ nhà máy sản xuất: Lô C2, Khu CN Đồng An 2, P. Bình Dương, TP.HCM - Sđt: 0933 170 171. (Công văn số 03/CV/TPN-26 ngày 17 tháng 07 năm 2026)	Việt Nam	Giá bán trên địa bàn toàn tỉnh Tây Ninh	Chưa bao gồm chi phí vận chuyển	Giá áp dụng từ ngày 17/07/2026 tới khi có thông báo mới	Giá bán tăng	352.000	352.000	352.000	352.000	352.000	352.000	352.000	352.000	352.000	352.000	352.000	352.000	352.000	352.000	352.000
1096	Vật tư ngành nước	Ống HDPE (PE100) DN 180 x 10.7mm PN10 - 6m	m	ASTM F714-13/ISO 1452-2:2009/ISO 4427-2:2019/AS/NZS 4130:2018/QCVN 16:2019/BXD/DIN 8074:2011-12 & DIN 8075:2011-12	Ống HDPE (PE100) DN 180 x 10.7mm PN 10	Công ty CP Nhựa Thiếu Niên Tiền Phong phía Nam. Địa chỉ nhà máy sản xuất: Lô C2, Khu CN Đồng An 2, P. Bình Dương, TP.HCM - Sđt: 0933 170 171. (Công văn số 03/CV/TPN-26 ngày 17 tháng 07 năm 2026)	Việt Nam	Giá bán trên địa bàn toàn tỉnh Tây Ninh	Chưa bao gồm chi phí vận chuyển	Giá áp dụng từ ngày 17/07/2026 tới khi có thông báo mới	Giá bán tăng	443.100	443.100	443.100	443.100	443.100	443.100	443.100	443.100	443.100	443.100	443.100	443.100	443.100	443.100	443.100
1097	Vật tư ngành nước	Ống HDPE (PE100) DN 200 x 11.9mm PN10	m	ASTM F714-13/ISO 1452-2:2009/ISO 4427-2:2019/AS/NZS 4130:2018/QCVN 16:2019/BXD/DIN 8074:2011-12 & DIN 8075:2011-12	Ống HDPE (PE100) DN 200 x 11.9mm PN 10	Công ty CP Nhựa Thiếu Niên Tiền Phong phía Nam. Địa chỉ nhà máy sản xuất: Lô C2, Khu CN Đồng An 2, P. Bình Dương, TP.HCM - Sđt: 0933 170 171. (Công văn số 03/CV/TPN-26 ngày 17 tháng 07 năm 2026)	Việt Nam	Giá bán trên địa bàn toàn tỉnh Tây Ninh	Chưa bao gồm chi phí vận chuyển	Giá áp dụng từ ngày 17/07/2026 tới khi có thông báo mới	Giá bán tăng	555.300	555.300	555.300	555.300	555.300	555.300	555.300	555.300	555.300	555.300	555.300	555.300	555.300	555.300	555.300
1098	Vật tư ngành nước	Ống HDPE (PE100) DN 225 x 13.4mm PN10	m	ASTM F714-13/ISO 1452-2:2009/ISO 4427-2:2019/AS/NZS 4130:2018/QCVN 16:2019/BXD/DIN 8074:2011-12 & DIN 8075:2011-12	Ống HDPE (PE100) DN 225 x 13.4mm PN 10	Công ty CP Nhựa Thiếu Niên Tiền Phong phía Nam. Địa chỉ nhà máy sản xuất: Lô C2, Khu CN Đồng An 2, P. Bình Dương, TP.HCM - Sđt: 0933 170 171. (Công văn số 03/CV/TPN-26 ngày 17 tháng 07 năm 2026)	Việt Nam	Giá bán trên địa bàn toàn tỉnh Tây Ninh	Chưa bao gồm chi phí vận chuyển	Giá áp dụng từ ngày 17/07/2026 tới khi có thông báo mới	Giá bán tăng	682.600	682.600	682.600	682.600	682.600	682.600	682.600	682.600	682.600	682.600	682.600	682.600	682.600	682.600	682.600
1099	Vật tư ngành nước	Ống HDPE (PE100) DN 250 x 14.8mm PN10	m	ASTM F714-13/ISO 1452-2:2009/ISO 4427-2:2019/AS/NZS 4130:2018/QCVN 16:2019/BXD/DIN 8074:2011-12 & DIN 8075:2011-12	Ống HDPE (PE100) DN 250 x 14.8mm PN 10	Công ty CP Nhựa Thiếu Niên Tiền Phong phía Nam. Địa chỉ nhà máy sản xuất: Lô C2, Khu CN Đồng An 2, P. Bình Dương, TP.HCM - Sđt: 0933 170 171. (Công văn số 03/CV/TPN-26 ngày 17 tháng 07 năm 2026)	Việt Nam	Giá bán trên địa bàn toàn tỉnh Tây Ninh	Chưa bao gồm chi phí vận chuyển	Giá áp dụng từ ngày 17/07/2026 tới khi có thông báo mới	Giá bán tăng	845.700	845.700	845.700	845.700	845.700	845.700	845.700	845.700	845.700	845.700	845.700	845.700	845.700	845.700	845.700
1100	Vật tư ngành nước	Ống HDPE (PE100) DN 280 x 16.6mm PN10 - 6m	m	ASTM F714-13/ISO 1452-2:2009/ISO 4427-2:2019/AS/NZS 4130:2018/QCVN 16:2019/BXD/DIN 8074:2011-12 & DIN 8075:2011-12	Ống HDPE (PE100) DN 280 x 16.6mm PN 10	Công ty CP Nhựa Thiếu Niên Tiền Phong phía Nam. Địa chỉ nhà máy sản xuất: Lô C2, Khu CN Đồng An 2, P. Bình Dương, TP.HCM - Sđt: 0933 170 171. (Công văn số 03/CV/TPN-26 ngày 17 tháng 07 năm 2026)	Việt Nam	Giá bán trên địa bàn toàn tỉnh Tây Ninh	Chưa bao gồm chi phí vận chuyển	Giá áp dụng từ ngày 17/07/2026 tới khi có thông báo mới	Giá bán tăng	1.053.800	1.053.800	1.053.800	1.053.800	1.053.800	1.053.800	1.053.800	1.053.800	1.053.800	1.053.800	1.053.800	1.053.800	1.053.800	1.053.800	1.053.800
1101	Vật tư ngành nước	Ống HDPE (PE100) DN 315 x 18.7mm PN10	m	ASTM F714-13/ISO 1452-2:2009/ISO 4427-2:2019/AS/NZS 4130:2018/QCVN 16:2019/BXD/DIN 8074:2011-12 & DIN 8075:2011-12	Ống HDPE (PE100) DN 315 x 18.7mm PN 10	Công ty CP Nhựa Thiếu Niên Tiền Phong phía Nam. Địa chỉ nhà máy sản xuất: Lô C2, Khu CN Đồng An 2, P. Bình Dương, TP.HCM - Sđt: 0933 170 171. (Công văn số 03/CV/TPN-26 ngày 17 tháng 07 năm 2026)	Việt Nam	Giá bán trên địa bàn toàn tỉnh Tây Ninh	Chưa bao gồm chi phí vận chuyển	Giá áp dụng từ ngày 17/07/2026 tới khi có thông báo mới	Giá bán tăng	1.341.800	1.341.800	1.341.800	1.341.800	1.341.800	1.341.800	1.341.800	1.341.800	1.341.800	1.341.800	1.341.800	1.341.800	1.341.800	1.341.800	1.341.800
1102	Vật tư ngành nước	Ống HDPE (PE100) DN 355 x 21.1mm PN10	m	ASTM F714-13/ISO 1452-2:2009/ISO 4427-2:2019/AS/NZS 4130:2018/QCVN 16:2019/BXD/DIN 8074:2011-12 & DIN 8075:2011-12	Ống HDPE (PE100) DN 355 x 21.1mm PN 10	Công ty CP Nhựa Thiếu Niên Tiền Phong phía Nam. Địa chỉ nhà máy sản xuất: Lô C2, Khu CN Đồng An 2, P. Bình Dương, TP.HCM - Sđt: 0933 170 171. (Công văn số 03/CV/TPN-26 ngày 17 tháng 07 năm 2026)	Việt Nam	Giá bán trên địa bàn toàn tỉnh Tây Ninh	Chưa bao gồm chi phí vận chuyển	Giá áp dụng từ ngày 17/07/2026 tới khi có thông báo mới	Giá bán tăng	1.705.200	1.705.200	1.705.200	1.705.200	1.705.200	1.705.200	1.705.200	1.705.200	1.705.200	1.705.200	1.705.200	1.705.200	1.705.200	1.705.200	1.705.200
1103	Vật tư ngành nước	Ống HDPE (PE100) DN 400 x 23.7mm PN10	m	ASTM F714-13/ISO 1452-2:2009/ISO 4427-2:2019/AS/NZS 4130:2018/QCVN 16:2019/BXD/DIN 8074:2011-12 & DIN 8075:2011-12	Ống HDPE (PE100) DN 400 x 23.7mm PN 10	Công ty CP Nhựa Thiếu Niên Tiền Phong phía Nam. Địa chỉ nhà máy sản xuất: Lô C2, Khu CN Đồng An 2, P. Bình Dương, TP.HCM - Sđt: 0933 170 171. (Công văn số 03/CV/TPN-26 ngày 17 tháng 07 năm 2026)	Việt Nam	Giá bán trên địa bàn toàn tỉnh Tây Ninh	Chưa bao gồm chi phí vận chuyển	Giá áp dụng từ ngày 17/07/2026 tới khi có thông báo mới	Giá bán tăng	2.166.800	2.166.800	2.166.800	2.166.800	2.166.800	2.166.800	2.166.800	2.166.800	2.166.800	2.166.800	2.166.800	2.166.800	2.166.800	2.166.800	2.166.800
1104	Vật tư ngành nước	Ống HDPE (PE100) DN 450 x 26.7mm PN10 - 6m	m	ASTM F714-13/ISO 1452-2:2009/ISO 4427-2:2019/AS/NZS 4130:2018/QCVN 16:2019/BXD/DIN 8074:2011-12 & DIN 8075:2011-12	Ống HDPE (PE100) DN 450 x 26.7mm PN 10	Công ty CP Nhựa Thiếu Niên Tiền Phong phía Nam. Địa chỉ nhà máy sản xuất: Lô C2, Khu CN Đồng An 2, P. Bình Dương, TP.HCM - Sđt: 0933 170 171. (Công văn số 03/CV/TPN-26 ngày 17 tháng 07 năm 2026)	Việt Nam	Giá bán trên địa bàn toàn tỉnh Tây Ninh	Chưa bao gồm chi phí vận chuyển	Giá áp dụng từ ngày 17/07/2026 tới khi có thông báo mới	Giá bán tăng	2.373.900	2.373.900	2.373.900	2.373.900	2.373.900	2.373.900	2.373.900	2.373.900	2.373.900	2.373.900	2.373.900	2.373.900	2.373.900	2.373.900	2.373.900

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng) (đồng)														
												Khu vực Tân An	Khu vực Tân Trụ	Khu vực Châu Thành	Khu vực Thủ Thừa	Khu vực Bến Lức	Khu vực Cần Giuộc	Khu vực Cần Đước	Khu vực Tân Thạnh	Khu vực Thạnh Hóa	Khu vực Tân Hưng	Khu vực Vĩnh Hưng	Khu vực Kiến Tường	Khu vực Mộc Hóa	Khu vực Đức Hòa	Khu vực Đức Huệ
1105	Vật tư ngành nước	Ống HDPE (PE100) DN 500 x 29.7mm PN10 - 6m	m	ASTM F714-13/ISO 1452-2:2009/ISO 4427-2:2019/AS/NZS 4130:2018/QCVN 16:2019/BXD/DIN 8074:2011-12 & DIN 8075:2011-12	Ống HDPE (PE100) DN 500 x 29.7mm PN 10	Công ty CP Nhựa Thiếu Niên Tiền Phong phía Nam. Địa chỉ nhà máy sản xuất: Lô C2, Khu CN Đồng An 2, P. Bình Dương, TP.HCM - Sđt: 0933 170 171. (Công văn số 03/CV/TPN-26 ngày 17 tháng 07 năm 2026)	Việt Nam	Giá bán trên địa bàn toàn tỉnh Tây Ninh	Chưa bao gồm chi phí vận chuyển	Giá áp dụng từ ngày 17/07/2026 tới khi có thông báo mới	Giá bán tăng	3.404.800	3.404.800	3.404.800	3.404.800	3.404.800	3.404.800	3.404.800	3.404.800	3.404.800	3.404.800	3.404.800	3.404.800	3.404.800	3.404.800	3.404.800
1106	Vật tư ngành nước	Ống HDPE (PE100) DN 1000 x 59.3mm PN10 - 6m	m	ASTM F714-13/ISO 1452-2:2009/ISO 4427-2:2019/AS/NZS 4130:2018/QCVN 16:2019/BXD/DIN 8074:2011-12 & DIN 8075:2011-12	Ống HDPE (PE100) DN 1000 x 59.3mm PN 10	Công ty CP Nhựa Thiếu Niên Tiền Phong phía Nam. Địa chỉ nhà máy sản xuất: Lô C2, Khu CN Đồng An 2, P. Bình Dương, TP.HCM - Sđt: 0933 170 171. (Công văn số 03/CV/TPN-26 ngày 17 tháng 07 năm 2026)	Việt Nam	Giá bán trên địa bàn toàn tỉnh Tây Ninh	Chưa bao gồm chi phí vận chuyển	Giá áp dụng từ ngày 17/07/2026 tới khi có thông báo mới	Giá bán tăng	14.688.400	14.688.400	14.688.400	14.688.400	14.688.400	14.688.400	14.688.400	14.688.400	14.688.400	14.688.400	14.688.400	14.688.400	14.688.400	14.688.400	14.688.400
1107	Vật tư ngành nước	Ống gân sóng HDPE 2 lớp DN 200 SN 4 - 6m	m	QCVN 16:2019/BXD/TCVN 11821-3:2017 / ISO 21138-3:2007	Ống HDPE gân sóng 2 lớp Ø200 SN4	Công ty CP Nhựa Thiếu Niên Tiền Phong phía Nam. Địa chỉ nhà máy sản xuất: Lô C2, Khu CN Đồng An 2, P. Bình Dương, TP.HCM - Sđt: 0933 170 171. (Công văn số 03/CV/TPN-26 ngày 17 tháng 07 năm 2026)	Việt Nam	Giá bán trên địa bàn toàn tỉnh Tây Ninh	Chưa bao gồm chi phí vận chuyển	Giá áp dụng từ ngày 17/07/2026 tới khi có thông báo mới	Giá bán tăng	511.900	511.900	511.900	511.900	511.900	511.900	511.900	511.900	511.900	511.900	511.900	511.900	511.900	511.900	511.900
1108	Vật tư ngành nước	Ống gân sóng HDPE 2 lớp DN 300 SN 4 - 6m	m	QCVN 16:2019/BXD/TCVN 11821-3:2017 / ISO 21138-3:2007	Ống HDPE gân sóng 2 lớp Ø300 SN4	Công ty CP Nhựa Thiếu Niên Tiền Phong phía Nam. Địa chỉ nhà máy sản xuất: Lô C2, Khu CN Đồng An 2, P. Bình Dương, TP.HCM - Sđt: 0933 170 171. (Công văn số 03/CV/TPN-26 ngày 17 tháng 07 năm 2026)	Việt Nam	Giá bán trên địa bàn toàn tỉnh Tây Ninh	Chưa bao gồm chi phí vận chuyển	Giá áp dụng từ ngày 17/07/2026 tới khi có thông báo mới	Giá bán tăng	725.700	725.700	725.700	725.700	725.700	725.700	725.700	725.700	725.700	725.700	725.700	725.700	725.700	725.700	725.700
1109	Vật tư ngành nước	Hộp kiểm soát kỹ thuật hai nhánh PVC-U ST 110-160	cái	TCVN 12755:2020	Hộp kiểm soát kỹ thuật hai nhánh PVC-U ST 110-160	Công ty CP Nhựa Thiếu Niên Tiền Phong phía Nam. Địa chỉ nhà máy sản xuất: Lô C2, Khu CN Đồng An 2, P. Bình Dương, TP.HCM - Sđt: 0933 170 171. (Công văn số 03/CV/TPN-26 ngày 17 tháng 07 năm 2026)	Việt Nam	Giá bán trên địa bàn toàn tỉnh Tây Ninh	Chưa bao gồm chi phí vận chuyển	Giá áp dụng từ ngày 18/06/2026 tới khi có thông báo mới	Giá bán tăng	598.300	598.300	598.300	598.300	598.300	598.300	598.300	598.300	598.300	598.300	598.300	598.300	598.300	598.300	598.300
1110	Vật tư ngành nước	Hộp kiểm soát kỹ thuật hai nhánh PVC-U SE DN 110x110P-225	cái	TCVN 12755:2020	Hộp kiểm soát kỹ thuật hai nhánh PVC-U SE DN 110x110P-225	Công ty CP Nhựa Thiếu Niên Tiền Phong phía Nam. Địa chỉ nhà máy sản xuất: Lô C2, Khu CN Đồng An 2, P. Bình Dương, TP.HCM - Sđt: 0933 170 171. (Công văn số 03/CV/TPN-26 ngày 17 tháng 07 năm 2026)	Việt Nam	Giá bán trên địa bàn toàn tỉnh Tây Ninh	Chưa bao gồm chi phí vận chuyển	Giá áp dụng từ ngày 18/06/2026 tới khi có thông báo mới	Giá bán tăng	800.900	800.900	800.900	800.900	800.900	800.900	800.900	800.900	800.900	800.900	800.900	800.900	800.900	800.900	800.900
1111	Vật tư ngành nước	Hộp kiểm soát kỹ thuật bốn nhánh PVC-U (ISO-JIS) 90WY 110x160-200	cái	TCVN 12755:2020	Hộp kiểm soát kỹ thuật bốn nhánh PVC-U (ISO-JIS) 90WY 110x160-200	Công ty CP Nhựa Thiếu Niên Tiền Phong phía Nam. Địa chỉ nhà máy sản xuất: Lô C2, Khu CN Đồng An 2, P. Bình Dương, TP.HCM - Sđt: 0933 170 171. (Công văn số 03/CV/TPN-26 ngày 17 tháng 07 năm 2026)	Việt Nam	Giá bán trên địa bàn toàn tỉnh Tây Ninh	Chưa bao gồm chi phí vận chuyển	Giá áp dụng từ ngày 18/06/2026 tới khi có thông báo mới	Giá bán tăng	1.307.300	1.307.300	1.307.300	1.307.300	1.307.300	1.307.300	1.307.300	1.307.300	1.307.300	1.307.300	1.307.300	1.307.300	1.307.300	1.307.300	1.307.300
1112	Vật tư ngành nước	Hộp kiểm soát kỹ thuật bốn nhánh PVC-U (ISO-JIS) 90WY 160x160-200	cái	TCVN 12755:2020	Hộp kiểm soát kỹ thuật bốn nhánh PVC-U (ISO-JIS) 90WY 160x160-200	Công ty CP Nhựa Thiếu Niên Tiền Phong phía Nam. Địa chỉ nhà máy sản xuất: Lô C2, Khu CN Đồng An 2, P. Bình Dương, TP.HCM - Sđt: 0933 170 171. (Công văn số 03/CV/TPN-26 ngày 17 tháng 07 năm 2026)	Việt Nam	Giá bán trên địa bàn toàn tỉnh Tây Ninh	Chưa bao gồm chi phí vận chuyển	Giá áp dụng từ ngày 18/06/2026 tới khi có thông báo mới	Giá bán tăng	1.617.600	1.617.600	1.617.600	1.617.600	1.617.600	1.617.600	1.617.600	1.617.600	1.617.600	1.617.600	1.617.600	1.617.600	1.617.600	1.617.600	1.617.600
1113	Vật tư ngành nước	Nắp hố ga (hộp kiểm soát) nhựa màu xám AO 200G	cái	TCVN 12755:2020	Nắp hố ga (hộp kiểm soát) nhựa màu xám AO 200G	Công ty CP Nhựa Thiếu Niên Tiền Phong phía Nam. Địa chỉ nhà máy sản xuất: Lô C2, Khu CN Đồng An 2, P. Bình Dương, TP.HCM - Sđt: 0933 170 171. (Công văn số 03/CV/TPN-26 ngày 17 tháng 07 năm 2026)	Việt Nam	Giá bán trên địa bàn toàn tỉnh Tây Ninh	Chưa bao gồm chi phí vận chuyển	Giá áp dụng từ ngày 18/06/2026 tới khi có thông báo mới	Giá bán tăng	1.026.300	1.026.300	1.026.300	1.026.300	1.026.300	1.026.300	1.026.300	1.026.300	1.026.300	1.026.300	1.026.300	1.026.300	1.026.300	1.026.300	1.026.300
1114	Vật tư ngành nước	Keo dán PVC-U 500gr(có chổi)	cái	QCVN 16:2019/BXD	Keo dán uPVC 500gr(có chổi)	Công ty CP Nhựa Thiếu Niên Tiền Phong phía Nam. Địa chỉ nhà máy sản xuất: Lô C2, Khu CN Đồng An 2, P. Bình Dương, TP.HCM - Sđt: 0933 170 171. (Công văn số 03/CV/TPN-26 ngày 17 tháng 07 năm 2026)	Việt Nam	Giá bán trên địa bàn toàn tỉnh Tây Ninh	Chưa bao gồm chi phí vận chuyển	Giá áp dụng từ ngày 18/06/2026 tới khi có thông báo mới	Giá bán tăng	86.400	86.400	86.400	86.400	86.400	86.400	86.400	86.400	86.400	86.400	86.400	86.400	86.400	86.400	86.400
1115	Vật tư ngành nước	Keo dán PVC-U 1000gr(có chổi)	cái	QCVN 16:2019/BXD	Keo dán uPVC 1000gr(có chổi)	Công ty CP Nhựa Thiếu Niên Tiền Phong phía Nam. Địa chỉ nhà máy sản xuất: Lô C2, Khu CN Đồng An 2, P. Bình Dương, TP.HCM - Sđt: 0933 170 171. (Công văn số 03/CV/TPN-26 ngày 17 tháng 07 năm 2026)	Việt Nam	Giá bán trên địa bàn toàn tỉnh Tây Ninh	Chưa bao gồm chi phí vận chuyển	Giá áp dụng từ ngày 18/06/2026 tới khi có thông báo mới	Giá bán tăng	173.000	173.000	173.000	173.000	173.000	173.000	173.000	173.000	173.000	173.000	173.000	173.000	173.000	173.000	173.000
1116	Vật tư ngành nước	Van cầu nhựa PVC-U BS DN 21	cái	QCVN 16:2019/BXD/BS EN ISO 1452-3:2009	Van cầu nhựa uPVC BS DN 21	Công ty CP Nhựa Thiếu Niên Tiền Phong phía Nam. Địa chỉ nhà máy sản xuất: Lô C2, Khu CN Đồng An 2, P. Bình Dương, TP.HCM - Sđt: 0933 170 171. (Công văn số 03/CV/TPN-26 ngày 17 tháng 07 năm 2026)	Việt Nam	Giá bán trên địa bàn toàn tỉnh Tây Ninh	Chưa bao gồm chi phí vận chuyển	Giá áp dụng từ ngày 18/06/2026 tới khi có thông báo mới	Giá bán tăng	22.500	22.500	22.500	22.500	22.500	22.500	22.500	22.500	22.500	22.500	22.500	22.500	22.500	22.500	22.500
1117	Vật tư ngành nước	Van cầu nhựa PVC-U BS DN 27	cái	QCVN 16:2019/BXD/BS EN ISO 1452-3:2009	Van cầu nhựa uPVC BS DN 27	Công ty CP Nhựa Thiếu Niên Tiền Phong phía Nam. Địa chỉ nhà máy sản xuất: Lô C2, Khu CN Đồng An 2, P. Bình Dương, TP.HCM - Sđt: 0933 170 171. (Công văn số 03/CV/TPN-26 ngày 17 tháng 07 năm 2026)	Việt Nam	Giá bán trên địa bàn toàn tỉnh Tây Ninh	Chưa bao gồm chi phí vận chuyển	Giá áp dụng từ ngày 18/06/2026 tới khi có thông báo mới	Giá bán tăng	26.200	26.200	26.200	26.200	26.200	26.200	26.200	26.200	26.200	26.200	26.200	26.200	26.200	26.200	26.200
1118	Vật tư ngành nước	Van cầu nhựa PVC-U BS DN 34	cái	QCVN 16:2019/BXD/BS EN ISO 1452-3:2009	Van cầu nhựa uPVC BS DN 34	Công ty CP Nhựa Thiếu Niên Tiền Phong phía Nam. Địa chỉ nhà máy sản xuất: Lô C2, Khu CN Đồng An 2, P. Bình Dương, TP.HCM - Sđt: 0933 170 171. (Công văn số 03/CV/TPN-26 ngày 17 tháng 07 năm 2026)	Việt Nam	Giá bán trên địa bàn toàn tỉnh Tây Ninh	Chưa bao gồm chi phí vận chuyển	Giá áp dụng từ ngày 18/06/2026 tới khi có thông báo mới	Giá bán tăng	44.700	44.700	44.700	44.700	44.700	44.700	44.700	44.700	44.700	44.700	44.700	44.700	44.700	44.700	44.700
1119	Vật tư ngành nước	Ống nhựa PPR-PN10 (Ống hàn nhiệt) Φ20mm	m	TC DIN 8077 - 8078, ISO 15874	dày 2,3mm	Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	36.000	36.000	36.000	36.000	36.000	36.000	36.000	36.000	36.000	36.000	36.000	36.000	36.000	36.000	36.000
1120	Vật tư ngành nước	Ống nhựa PPR-PN10 (Ống hàn nhiệt) Φ25mm	m	TC DIN 8077 - 8078, ISO 15874	dày 2,8mm	Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	64.200	64.200	64.200	64.200	64.200	64.200	64.200	64.200	64.200	64.200	64.200	64.200	64.200	64.200	64.200

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng) (đồng)														
												Khu vực Tân An	Khu vực Tân Trụ	Khu vực Châu Thành	Khu vực Thủ Thừa	Khu vực Bến Lức	Khu vực Cần Giuộc	Khu vực Cần Đước	Khu vực Tân Thạnh	Khu vực Thạnh Hóa	Khu vực Tân Hưng	Khu vực Vĩnh Hưng	Khu vực Kiến Tường	Khu vực Mộc Hóa	Khu vực Đức Hòa	Khu vực Đức Huệ
1121	Vật tư ngành nước	Ống nhựa PPR-PN10 (Ống hàn nhiệt)Φ32mm	m	TC DIN 8077 - 8078, ISO 15874	dày 2,9mm	Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	83.500	83.500	83.500	83.500	83.500	83.500	83.500	83.500	83.500	83.500	83.500	83.500	83.500	83.500	83.500
1122	Vật tư ngành nước	Ống nhựa PPR-PN10 (Ống hàn nhiệt)Φ40mm	m	TC DIN 8077 - 8078, ISO 15874	dày 3,7mm	Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	111.900	111.900	111.900	111.900	111.900	111.900	111.900	111.900	111.900	111.900	111.900	111.900	111.900	111.900	111.900
1123	Vật tư ngành nước	Ống nhựa PPR-PN10 (Ống hàn nhiệt)Φ50mm	m	TC DIN 8077 - 8078, ISO 15874	dày 4,6mm	Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	164.200	164.200	164.200	164.200	164.200	164.200	164.200	164.200	164.200	164.200	164.200	164.200	164.200	164.200	164.200
1124	Vật tư ngành nước	Ống nhựa PPR-PN10 (Ống hàn nhiệt)Φ63mm	m	TC DIN 8077 - 8078, ISO 15874	dày 5,8mm	Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	261.800	261.800	261.800	261.800	261.800	261.800	261.800	261.800	261.800	261.800	261.800	261.800	261.800	261.800	261.800
1125	Vật tư ngành nước	Ống nhựa PPR-PN10 (Ống hàn nhiệt)Φ75mm	m	TC DIN 8077 - 8078, ISO 15874	dày 6,8mm	Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	365.400	365.400	365.400	365.400	365.400	365.400	365.400	365.400	365.400	365.400	365.400	365.400	365.400	365.400	365.400
1126	Vật tư ngành nước	Ống nhựa PPR-PN10 (Ống hàn nhiệt)Φ90mm	m	TC DIN 8077 - 8078, ISO 15874	dày 8,2mm	Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	530.000	530.000	530.000	530.000	530.000	530.000	530.000	530.000	530.000	530.000	530.000	530.000	530.000	530.000	530.000
1127	Vật tư ngành nước	Ống nhựa PPR-PN10 (Ống hàn nhiệt)Φ110mm	m	TC DIN 8077 - 8078, ISO 15874	dày 10mm	Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	847.900	847.900	847.900	847.900	847.900	847.900	847.900	847.900	847.900	847.900	847.900	847.900	847.900	847.900	847.900
1128	Vật tư ngành nước	Ống nhựa PPR-PN10 (Ống hàn nhiệt)Φ125mm	m	TC DIN 8077 - 8078, ISO 15874	dày 11,4mm	Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	1.049.800	1.049.800	1.049.800	1.049.800	1.049.800	1.049.800	1.049.800	1.049.800	1.049.800	1.049.800	1.049.800	1.049.800	1.049.800	1.049.800	1.049.800
1129	Vật tư ngành nước	Ống nhựa PPR-PN10 (Ống hàn nhiệt)Φ140mm	m	TC DIN 8077 - 8078, ISO 15874	dày 12,7mm	Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	1.296.000	1.296.000	1.296.000	1.296.000	1.296.000	1.296.000	1.296.000	1.296.000	1.296.000	1.296.000	1.296.000	1.296.000	1.296.000	1.296.000	1.296.000
1130	Vật tư ngành nước	Ống nhựa PPR-PN10 (Ống hàn nhiệt)Φ160mm	m	TC DIN 8077 - 8078, ISO 15874	dày 14,6mm	Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	1.761.400	1.761.400	1.761.400	1.761.400	1.761.400	1.761.400	1.761.400	1.761.400	1.761.400	1.761.400	1.761.400	1.761.400	1.761.400	1.761.400	1.761.400
1131	Vật tư ngành nước	Ống nhựa PPR-PN10 (Ống hàn nhiệt)Φ180mm	m	TC DIN 8077 - 8078, ISO 15874	dày 16,4mm	Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	2.785.000	2.785.000	2.785.000	2.785.000	2.785.000	2.785.000	2.785.000	2.785.000	2.785.000	2.785.000	2.785.000	2.785.000	2.785.000	2.785.000	2.785.000
1132	Vật tư ngành nước	Ống nhựa PPR-PN10 (Ống hàn nhiệt)Φ200mm	m	TC DIN 8077 - 8078, ISO 15874	dày 18,2mm	Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	3.379.200	3.379.200	3.379.200	3.379.200	3.379.200	3.379.200	3.379.200	3.379.200	3.379.200	3.379.200	3.379.200	3.379.200	3.379.200	3.379.200	3.379.200
1133	Vật tư ngành nước	Ống nhựa PPR-PN16 (Ống hàn nhiệt)Φ20mm	m	TC DIN 8077 - 8078, ISO 15874	dày 2,8mm	Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	40.200	40.200	40.200	40.200	40.200	40.200	40.200	40.200	40.200	40.200	40.200	40.200	40.200	40.200	40.200
1134	Vật tư ngành nước	Ống nhựa PPR-PN16 (Ống hàn nhiệt)Φ25mm	m	TC DIN 8077 - 8078, ISO 15874	dày 4,2mm	Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	74.100	74.100	74.100	74.100	74.100	74.100	74.100	74.100	74.100	74.100	74.100	74.100	74.100	74.100	74.100
1135	Vật tư ngành nước	Ống nhựa PPR-PN16 (Ống hàn nhiệt)Φ32mm	m	TC DIN 8077 - 8078, ISO 15874	dày 4,4mm	Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	100.400	100.400	100.400	100.400	100.400	100.400	100.400	100.400	100.400	100.400	100.400	100.400	100.400	100.400	100.400
1136	Vật tư ngành nước	Ống nhựa PPR-PN16 (Ống hàn nhiệt)Φ40mm	m	TC DIN 8077 - 8078, ISO 15874	dày 5,5mm	Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	135.900	135.900	135.900	135.900	135.900	135.900	135.900	135.900	135.900	135.900	135.900	135.900	135.900	135.900	135.900
1137	Vật tư ngành nước	Ống nhựa PPR-PN16 (Ống hàn nhiệt)Φ50mm	m	TC DIN 8077 - 8078, ISO 15874	dày 6,9mm	Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	216.200	216.200	216.200	216.200	216.200	216.200	216.200	216.200	216.200	216.200	216.200	216.200	216.200	216.200	216.200
1138	Vật tư ngành nước	Ống nhựa PPR-PN16 (Ống hàn nhiệt)Φ63mm	m	TC DIN 8077 - 8078, ISO 15874	dày 8,6mm	Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	339.700	339.700	339.700	339.700	339.700	339.700	339.700	339.700	339.700	339.700	339.700	339.700	339.700	339.700	339.700

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng) (đồng)														
												Khu vực Tân An	Khu vực Tân Trụ	Khu vực Châu Thành	Khu vực Thủ Thừa	Khu vực Bến Lức	Khu vực Cần Giuộc	Khu vực Cần Đước	Khu vực Tân Thạnh	Khu vực Thạnh Hóa	Khu vực Tân Hưng	Khu vực Vĩnh Hưng	Khu vực Kiến Tường	Khu vực Mộc Hóa	Khu vực Đức Hòa	Khu vực Đức Huệ
1139	Vật tư ngành nước	Ống nhựa PPR-PN16 (Ống hàn nhiệt)Φ75mm	m	TC DIN 8077 - 8078, ISO 15874	dày 10,3mm	Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	463.200	463.200	463.200	463.200	463.200	463.200	463.200	463.200	463.200	463.200	463.200	463.200	463.200	463.200
1140	Vật tư ngành nước	Ống nhựa PPR-PN16 (Ống hàn nhiệt)Φ90mm	m	TC DIN 8077 - 8078, ISO 15874	dày 12,3mm	Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	648.400	648.400	648.400	648.400	648.400	648.400	648.400	648.400	648.400	648.400	648.400	648.400	648.400	648.400
1141	Vật tư ngành nước	Ống nhựa PPR-PN16 (Ống hàn nhiệt)Φ110mm	m	TC DIN 8077 - 8078, ISO 15874	dày 15,1mm	Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	988.000	988.000	988.000	988.000	988.000	988.000	988.000	988.000	988.000	988.000	988.000	988.000	988.000	988.000
1142	Vật tư ngành nước	Ống nhựa PPR-PN16 (Ống hàn nhiệt)Φ125mm	m	TC DIN 8077 - 8078, ISO 15874	dày 17,1mm	Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	1.281.400	1.281.400	1.281.400	1.281.400	1.281.400	1.281.400	1.281.400	1.281.400	1.281.400	1.281.400	1.281.400	1.281.400	1.281.400	1.281.400
1143	Vật tư ngành nước	Ống nhựa PPR-PN16 (Ống hàn nhiệt)Φ140mm	m	TC DIN 8077 - 8078, ISO 15874	dày 19,2mm	Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	1.559.200	1.559.200	1.559.200	1.559.200	1.559.200	1.559.200	1.559.200	1.559.200	1.559.200	1.559.200	1.559.200	1.559.200	1.559.200	1.559.200
1144	Vật tư ngành nước	Ống nhựa PPR-PN16 (Ống hàn nhiệt)Φ160mm	m	TC DIN 8077 - 8078, ISO 15874	dày 21,9mm	Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	2.161.300	2.161.300	2.161.300	2.161.300	2.161.300	2.161.300	2.161.300	2.161.300	2.161.300	2.161.300	2.161.300	2.161.300	2.161.300	2.161.300
1145	Vật tư ngành nước	Ống nhựa PPR-PN16 (Ống hàn nhiệt)Φ180mm	m	TC DIN 8077 - 8078, ISO 15874	dày 24,5mm	Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	3.871.800	3.871.800	3.871.800	3.871.800	3.871.800	3.871.800	3.871.800	3.871.800	3.871.800	3.871.800	3.871.800	3.871.800	3.871.800	3.871.800
1146	Vật tư ngành nước	Ống nhựa PPR-PN16 (Ống hàn nhiệt)Φ200mm	m	TC DIN 8077 - 8078, ISO 15874	dày 27,4mm	Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	4.788.700	4.788.700	4.788.700	4.788.700	4.788.700	4.788.700	4.788.700	4.788.700	4.788.700	4.788.700	4.788.700	4.788.700	4.788.700	4.788.700
1147	Vật tư ngành nước	Ống nhựa PPR -PN20(Ống hàn nhiệt)Φ20mm	m	TC DIN 8077 - 8078, ISO 15874	dày 3,4mm	Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	44.600	44.600	44.600	44.600	44.600	44.600	44.600	44.600	44.600	44.600	44.600	44.600	44.600	44.600
1148	Vật tư ngành nước	Ống nhựa PPR -PN20(Ống hàn nhiệt)Φ25mm	m	TC DIN 8077 - 8078, ISO 15874	dày 4,2mm	Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	78.900	78.900	78.900	78.900	78.900	78.900	78.900	78.900	78.900	78.900	78.900	78.900	78.900	78.900
1149	Vật tư ngành nước	Ống nhựa PPR -PN20(Ống hàn nhiệt)Φ32mm	m	TC DIN 8077 - 8078, ISO 15874	dày 5,4mm	Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	115.200	115.200	115.200	115.200	115.200	115.200	115.200	115.200	115.200	115.200	115.200	115.200	115.200	115.200
1150	Vật tư ngành nước	Ống nhựa PPR -PN20(Ống hàn nhiệt)Φ40mm	m	TC DIN 8077 - 8078, ISO 15874	dày 6,7mm	Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	178.400	178.400	178.400	178.400	178.400	178.400	178.400	178.400	178.400	178.400	178.400	178.400	178.400	178.400
1151	Vật tư ngành nước	Ống nhựa PPR -PN20(Ống hàn nhiệt)Φ50mm	m	TC DIN 8077 - 8078, ISO 15874	dày 8,3mm	Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	277.300	277.300	277.300	277.300	277.300	277.300	277.300	277.300	277.300	277.300	277.300	277.300	277.300	277.300
1152	Vật tư ngành nước	Ống nhựa PPR -PN20(Ống hàn nhiệt)Φ63mm	m	TC DIN 8077 - 8078, ISO 15874	dày 10,5mm	Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	437.700	437.700	437.700	437.700	437.700	437.700	437.700	437.700	437.700	437.700	437.700	437.700	437.700	437.700
1153	Vật tư ngành nước	Ống nhựa PPR -PN20(Ống hàn nhiệt)Φ75mm	m	TC DIN 8077 - 8078, ISO 15874	dày 12,5mm	Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	620.600	620.600	620.600	620.600	620.600	620.600	620.600	620.600	620.600	620.600	620.600	620.600	620.600	620.600
1154	Vật tư ngành nước	Ống nhựa PPR -PN20(Ống hàn nhiệt)Φ90mm	m	TC DIN 8077 - 8078, ISO 15874	dày 15,0mm	Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	904.400	904.400	904.400	904.400	904.400	904.400	904.400	904.400	904.400	904.400	904.400	904.400	904.400	904.400
1155	Vật tư ngành nước	Ống nhựa PPR -PN20(Ống hàn nhiệt)Φ110mm	m	TC DIN 8077 - 8078, ISO 15874	dày 18,3mm	Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	1.338.900	1.338.900	1.338.900	1.338.900	1.338.900	1.338.900	1.338.900	1.338.900	1.338.900	1.338.900	1.338.900	1.338.900	1.338.900	1.338.900
1156	Vật tư ngành nước	Ống nhựa PPR -PN20(Ống hàn nhiệt)Φ125mm	m	TC DIN 8077 - 8078, ISO 15874	dày 20,8mm	Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	1.726.500	1.726.500	1.726.500	1.726.500	1.726.500	1.726.500	1.726.500	1.726.500	1.726.500	1.726.500	1.726.500	1.726.500	1.726.500	1.726.500

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng) (đồng)														
												Khu vực Tân An	Khu vực Tân Trụ	Khu vực Châu Thành	Khu vực Thủ Thừa	Khu vực Bến Lức	Khu vực Cần Giuộc	Khu vực Cần Đước	Khu vực Tân Thạnh	Khu vực Thạnh Hóa	Khu vực Tân Hưng	Khu vực Vĩnh Hưng	Khu vực Kiến Tường	Khu vực Mộc Hóa	Khu vực Đức Hòa	Khu vực Đức Huệ
1157	Vật tư ngành nước	Ống nhựa PPR -PN20(Ống hàn nhiệt)Φ140mm	m	TC DIN 8077 - 8078, ISO 15874	dày 23,3mm	Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	2.177.600	2.177.600	2.177.600	2.177.600	2.177.600	2.177.600	2.177.600	2.177.600	2.177.600	2.177.600	2.177.600	2.177.600	2.177.600	2.177.600	2.177.600
1158	Vật tư ngành nước	Ống nhựa PPR -PN20(Ống hàn nhiệt)Φ160mm	m	TC DIN 8077 - 8078, ISO 15874	dày 26,6mm	Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	2.891.200	2.891.200	2.891.200	2.891.200	2.891.200	2.891.200	2.891.200	2.891.200	2.891.200	2.891.200	2.891.200	2.891.200	2.891.200	2.891.200	2.891.200
1159	Vật tư ngành nước	Ống nhựa PPR -PN20(Ống hàn nhiệt)Φ180mm	m	TC DIN 8077 - 8078, ISO 15874	dày 29,0mm	Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	4.736.600	4.736.600	4.736.600	4.736.600	4.736.600	4.736.600	4.736.600	4.736.600	4.736.600	4.736.600	4.736.600	4.736.600	4.736.600	4.736.600	4.736.600
1160	Vật tư ngành nước	Ống nhựa PPR -PN20(Ống hàn nhiệt)Φ200mm	m	TC DIN 8077 - 8078, ISO 15874	dày 33,2mm	Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	5.884.200	5.884.200	5.884.200	5.884.200	5.884.200	5.884.200	5.884.200	5.884.200	5.884.200	5.884.200	5.884.200	5.884.200	5.884.200	5.884.200	5.884.200
1161	Vật tư ngành nước	ống tránh Φ20mm	cái	TC DIN 8077 - 8078, ISO 15874		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	23.100	23.100	23.100	23.100	23.100	23.100	23.100	23.100	23.100	23.100	23.100	23.100	23.100	23.100	23.100
1162	Vật tư ngành nước	ống tránh Φ25mm	cái	TC DIN 8077 - 8078, ISO 15874		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	38.600	38.600	38.600	38.600	38.600	38.600	38.600	38.600	38.600	38.600	38.600	38.600	38.600	38.600	38.600
1163	Vật tư ngành nước	Cút 90° Φ20mm	cái	TC DIN 8077 - 8078, ISO 15874		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	9.000	9.000	9.000	9.000	9.000	9.000	9.000	9.000	9.000	9.000	9.000	9.000	9.000	9.000	9.000
1164	Vật tư ngành nước	Cút 90° Φ25mm	cái	TC DIN 8077 - 8078, ISO 15874		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	12.000	12.000	12.000	12.000	12.000	12.000	12.000	12.000	12.000	12.000	12.000	12.000	12.000	12.000	12.000
1165	Vật tư ngành nước	Cút 90° Φ32mm	cái	TC DIN 8077 - 8078, ISO 15874		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	20.700	20.700	20.700	20.700	20.700	20.700	20.700	20.700	20.700	20.700	20.700	20.700	20.700	20.700	20.700
1166	Vật tư ngành nước	Cút 90° Φ40mm	cái	TC DIN 8077 - 8078, ISO 15874		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	34.300	34.300	34.300	34.300	34.300	34.300	34.300	34.300	34.300	34.300	34.300	34.300	34.300	34.300	34.300
1167	Vật tư ngành nước	Cút 90° Φ50mm	cái	TC DIN 8077 - 8078, ISO 15874		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	59.700	59.700	59.700	59.700	59.700	59.700	59.700	59.700	59.700	59.700	59.700	59.700	59.700	59.700	59.700
1168	Vật tư ngành nước	Cút 90° Φ63mm	cái	TC DIN 8077 - 8078, ISO 15874		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	182.700	182.700	182.700	182.700	182.700	182.700	182.700	182.700	182.700	182.700	182.700	182.700	182.700	182.700	182.700
1169	Vật tư ngành nước	Cút 90° Φ75mm	cái	TC DIN 8077 - 8078, ISO 15874		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	237.600	237.600	237.600	237.600	237.600	237.600	237.600	237.600	237.600	237.600	237.600	237.600	237.600	237.600	237.600
1170	Vật tư ngành nước	Cút 90° Φ90mm	cái	TC DIN 8077 - 8078, ISO 15874		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	373.900	373.900	373.900	373.900	373.900	373.900	373.900	373.900	373.900	373.900	373.900	373.900	373.900	373.900	373.900
1171	Vật tư ngành nước	Cút 90° Φ110mm	cái	TC DIN 8077 - 8078, ISO 15874		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	675.100	675.100	675.100	675.100	675.100	675.100	675.100	675.100	675.100	675.100	675.100	675.100	675.100	675.100	675.100
1172	Vật tư ngành nước	Măng sông Φ20mm	cái	TC DIN 8077 - 8078, ISO 15874		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	4.700	4.700	4.700	4.700	4.700	4.700	4.700	4.700	4.700	4.700	4.700	4.700	4.700	4.700	4.700
1173	Vật tư ngành nước	Măng sông Φ25mm	cái	TC DIN 8077 - 8078, ISO 15874		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	7.900	7.900	7.900	7.900	7.900	7.900	7.900	7.900	7.900	7.900	7.900	7.900	7.900	7.900	7.900
1174	Vật tư ngành nước	Măng sông Φ32mm	cái	TC DIN 8077 - 8078, ISO 15874		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	12.400	12.400	12.400	12.400	12.400	12.400	12.400	12.400	12.400	12.400	12.400	12.400	12.400	12.400	12.400

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng) (đồng)														
												Khu vực Tân An	Khu vực Tân Trụ	Khu vực Châu Thành	Khu vực Thủ Thừa	Khu vực Bến Lức	Khu vực Cần Giuộc	Khu vực Cần Đước	Khu vực Tân Thạnh	Khu vực Thạnh Hóa	Khu vực Tân Hưng	Khu vực Vĩnh Hưng	Khu vực Kiến Tường	Khu vực Mộc Hóa	Khu vực Đức Hòa	Khu vực Đức Huệ
1175	Vật tư ngành nước	Măng sông Φ40mm	cái	TC DIN 8077 - 8078, ISO 15874		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	19.800	19.800	19.800	19.800	19.800	19.800	19.800	19.800	19.800	19.800	19.800	19.800	19.800	19.800	19.800
1176	Vật tư ngành nước	Măng sông Φ50mm	cái	TC DIN 8077 - 8078, ISO 15874		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	35.900	35.900	35.900	35.900	35.900	35.900	35.900	35.900	35.900	35.900	35.900	35.900	35.900	35.900	35.900
1177	Vật tư ngành nước	Măng sông Φ63mm	cái	TC DIN 8077 - 8078, ISO 15874		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	75.100	75.100	75.100	75.100	75.100	75.100	75.100	75.100	75.100	75.100	75.100	75.100	75.100	75.100	75.100
1178	Vật tư ngành nước	Măng sông Φ75mm	cái	TC DIN 8077 - 8078, ISO 15874		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	119.100	119.100	119.100	119.100	119.100	119.100	119.100	119.100	119.100	119.100	119.100	119.100	119.100	119.100	119.100
1179	Vật tư ngành nước	Măng sông Φ90mm	cái	TC DIN 8077 - 8078, ISO 15874		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	201.500	201.500	201.500	201.500	201.500	201.500	201.500	201.500	201.500	201.500	201.500	201.500	201.500	201.500	201.500
1180	Vật tư ngành nước	Măng sông Φ110mm	cái	TC DIN 8077 - 8078, ISO 15874		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	326.800	326.800	326.800	326.800	326.800	326.800	326.800	326.800	326.800	326.800	326.800	326.800	326.800	326.800	326.800
1181	Vật tư ngành nước	Chếch 45° Φ20mm	cái	TC DIN 8077 - 8078, ISO 15874		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	7.400	7.400	7.400	7.400	7.400	7.400	7.400	7.400	7.400	7.400	7.400	7.400	7.400	7.400	7.400
1182	Vật tư ngành nước	Chếch 45° Φ25mm	cái	TC DIN 8077 - 8078, ISO 15874		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	12.000	12.000	12.000	12.000	12.000	12.000	12.000	12.000	12.000	12.000	12.000	12.000	12.000	12.000	12.000
1183	Vật tư ngành nước	Chếch 45° Φ32mm	cái	TC DIN 8077 - 8078, ISO 15874		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	18.100	18.100	18.100	18.100	18.100	18.100	18.100	18.100	18.100	18.100	18.100	18.100	18.100	18.100	18.100
1184	Vật tư ngành nước	Chếch 45° Φ40mm	cái	TC DIN 8077 - 8078, ISO 15874		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	35.600	35.600	35.600	35.600	35.600	35.600	35.600	35.600	35.600	35.600	35.600	35.600	35.600	35.600	35.600
1185	Vật tư ngành nước	Chếch 45° Φ50mm	cái	TC DIN 8077 - 8078, ISO 15874		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	68.100	68.100	68.100	68.100	68.100	68.100	68.100	68.100	68.100	68.100	68.100	68.100	68.100	68.100	68.100
1186	Vật tư ngành nước	Chếch 45° Φ63mm	cái	TC DIN 8077 - 8078, ISO 15874		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	158.000	158.000	158.000	158.000	158.000	158.000	158.000	158.000	158.000	158.000	158.000	158.000	158.000	158.000	158.000
1187	Vật tư ngành nước	Chếch 45° Φ750mm	cái	TC DIN 8077 - 8078, ISO 15874		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	239.700	239.700	239.700	239.700	239.700	239.700	239.700	239.700	239.700	239.700	239.700	239.700	239.700	239.700	239.700
1188	Vật tư ngành nước	Chếch 45° Φ90mm	cái	TC DIN 8077 - 8078, ISO 15874		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	299.000	299.000	299.000	299.000	299.000	299.000	299.000	299.000	299.000	299.000	299.000	299.000	299.000	299.000	299.000
1189	Vật tư ngành nước	Chếch 45° Φ110mm	cái	TC DIN 8077 - 8078, ISO 15874		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	497.300	497.300	497.300	497.300	497.300	497.300	497.300	497.300	497.300	497.300	497.300	497.300	497.300	497.300	497.300
1190	Vật tư ngành nước	Tê Φ20mm	cái	TC DIN 8077 - 8078, ISO 15874		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	10.500	10.500	10.500	10.500	10.500	10.500	10.500	10.500	10.500	10.500	10.500	10.500	10.500	10.500	10.500
1191	Vật tư ngành nước	Tê Φ25mm	cái	TC DIN 8077 - 8078, ISO 15874		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	16.300	16.300	16.300	16.300	16.300	16.300	16.300	16.300	16.300	16.300	16.300	16.300	16.300	16.300	16.300
1192	Vật tư ngành nước	Tê Φ32mm	cái	TC DIN 8077 - 8078, ISO 15874		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	26.800	26.800	26.800	26.800	26.800	26.800	26.800	26.800	26.800	26.800	26.800	26.800	26.800	26.800	26.800

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng) (đồng)														
												Khu vực Tân An	Khu vực Tân Trụ	Khu vực Châu Thành	Khu vực Thủ Thừa	Khu vực Bến Lức	Khu vực Cần Giuộc	Khu vực Cần Đước	Khu vực Tân Thạnh	Khu vực Thạnh Hóa	Khu vực Tân Hưng	Khu vực Vĩnh Hưng	Khu vực Kiến Tường	Khu vực Mộc Hóa	Khu vực Đức Hòa	Khu vực Đức Huệ
1193	Vật tư ngành nước	Tê Φ40mm	cái	TC DIN 8077 - 8078, ISO 15874		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	42.900	42.900	42.900	42.900	42.900	42.900	42.900	42.900	42.900	42.900	42.900	42.900	42.900	42.900	42.900
1194	Vật tư ngành nước	Tê Φ50mm	cái	TC DIN 8077 - 8078, ISO 15874		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	85.500	85.500	85.500	85.500	85.500	85.500	85.500	85.500	85.500	85.500	85.500	85.500	85.500	85.500	85.500
1195	Vật tư ngành nước	Tê Φ63mm	cái	TC DIN 8077 - 8078, ISO 15874		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	205.400	205.400	205.400	205.400	205.400	205.400	205.400	205.400	205.400	205.400	205.400	205.400	205.400	205.400	205.400
1196	Vật tư ngành nước	Tê Φ75mm	cái	TC DIN 8077 - 8078, ISO 15874		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	256.900	256.900	256.900	256.900	256.900	256.900	256.900	256.900	256.900	256.900	256.900	256.900	256.900	256.900	256.900
1197	Vật tư ngành nước	Tê Φ90mm	cái	TC DIN 8077 - 8078, ISO 15874		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	406.000	406.000	406.000	406.000	406.000	406.000	406.000	406.000	406.000	406.000	406.000	406.000	406.000	406.000	406.000
1198	Vật tư ngành nước	Tê Φ110mm	cái	TC DIN 8077 - 8078, ISO 15874		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	717.900	717.900	717.900	717.900	717.900	717.900	717.900	717.900	717.900	717.900	717.900	717.900	717.900	717.900	717.900
1199	Vật tư ngành nước	Côn thu Φ25mm	cái	TC DIN 8077 - 8078, ISO 15874		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	7.400	7.400	7.400	7.400	7.400	7.400	7.400	7.400	7.400	7.400	7.400	7.400	7.400	7.400	7.400
1200	Vật tư ngành nước	Côn thu Φ32mm	cái	TC DIN 8077 - 8078, ISO 15874		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	10.500	10.500	10.500	10.500	10.500	10.500	10.500	10.500	10.500	10.500	10.500	10.500	10.500	10.500	10.500
1201	Vật tư ngành nước	Côn thu Φ40mm	cái	TC DIN 8077 - 8078, ISO 15874		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	16.300	16.300	16.300	16.300	16.300	16.300	16.300	16.300	16.300	16.300	16.300	16.300	16.300	16.300	16.300
1202	Vật tư ngành nước	Côn thu Φ50mm	cái	TC DIN 8077 - 8078, ISO 15874		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	29.300	29.300	29.300	29.300	29.300	29.300	29.300	29.300	29.300	29.300	29.300	29.300	29.300	29.300	29.300
1203	Vật tư ngành nước	Côn thu Φ63mm	cái	TC DIN 8077 - 8078, ISO 15874		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	56.600	56.600	56.600	56.600	56.600	56.600	56.600	56.600	56.600	56.600	56.600	56.600	56.600	56.600	56.600
1204	Vật tư ngành nước	Côn thu Φ75mm	cái	TC DIN 8077 - 8078, ISO 15874		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	98.700	98.700	98.700	98.700	98.700	98.700	98.700	98.700	98.700	98.700	98.700	98.700	98.700	98.700	98.700
1205	Vật tư ngành nước	Côn thu Φ90mm	cái	TC DIN 8077 - 8078, ISO 15874		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	160.200	160.200	160.200	160.200	160.200	160.200	160.200	160.200	160.200	160.200	160.200	160.200	160.200	160.200	160.200
1206	Vật tư ngành nước	Côn thu Φ110mm	cái	TC DIN 8077 - 8078, ISO 15874		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	283.500	283.500	283.500	283.500	283.500	283.500	283.500	283.500	283.500	283.500	283.500	283.500	283.500	283.500	283.500
1207	Vật tư ngành nước	Tê thu Φ25mm	cái	TC DIN 8077 - 8078, ISO 15874		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	16.300	16.300	16.300	16.300	16.300	16.300	16.300	16.300	16.300	16.300	16.300	16.300	16.300	16.300	16.300
1208	Vật tư ngành nước	Tê thu Φ32mm	cái	TC DIN 8077 - 8078, ISO 15874		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	28.600	28.600	28.600	28.600	28.600	28.600	28.600	28.600	28.600	28.600	28.600	28.600	28.600	28.600	28.600
1209	Vật tư ngành nước	Tê thu Φ40mm	cái	TC DIN 8077 - 8078, ISO 15874		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	62.900	62.900	62.900	62.900	62.900	62.900	62.900	62.900	62.900	62.900	62.900	62.900	62.900	62.900	62.900
1210	Vật tư ngành nước	Tê thu Φ50mm	cái	TC DIN 8077 - 8078, ISO 15874		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	111.500	111.500	111.500	111.500	111.500	111.500	111.500	111.500	111.500	111.500	111.500	111.500	111.500	111.500	111.500

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng) (đồng)														
												Khu vực Tân An	Khu vực Tân Trụ	Khu vực Châu Thành	Khu vực Thủ Thừa	Khu vực Bến Lức	Khu vực Cần Giuộc	Khu vực Cần Đước	Khu vực Tân Thạnh	Khu vực Thạnh Hóa	Khu vực Tân Hưng	Khu vực Vĩnh Hưng	Khu vực Kiến Tường	Khu vực Mộc Hóa	Khu vực Đức Hòa	Khu vực Đức Huệ
1211	Vật tư ngành nước	Tê thu Φ63mm	cái	TC DIN 8077 - 8078, ISO 15874		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	194.100	194.100	194.100	194.100	194.100	194.100	194.100	194.100	194.100	194.100	194.100	194.100	194.100	194.100	194.100
1212	Vật tư ngành nước	Tê thu Φ75mm	cái	TC DIN 8077 - 8078, ISO 15874		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	265.600	265.600	265.600	265.600	265.600	265.600	265.600	265.600	265.600	265.600	265.600	265.600	265.600	265.600	265.600
1213	Vật tư ngành nước	Tê thu Φ90mm	cái	TC DIN 8077 - 8078, ISO 15874		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	414.100	414.100	414.100	414.100	414.100	414.100	414.100	414.100	414.100	414.100	414.100	414.100	414.100	414.100	414.100
1214	Vật tư ngành nước	Tê thu Φ110mm	cái	TC DIN 8077 - 8078, ISO 15874		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	699.100	699.100	699.100	699.100	699.100	699.100	699.100	699.100	699.100	699.100	699.100	699.100	699.100	699.100	699.100
1215	Vật tư ngành nước	Bịt Φ20mm	cái	TC DIN 8077 - 8078, ISO 15874		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	4.400	4.400	4.400	4.400	4.400	4.400	4.400	4.400	4.400	4.400	4.400	4.400	4.400	4.400	4.400
1216	Vật tư ngành nước	Bịt Φ25mm	cái	TC DIN 8077 - 8078, ISO 15874		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	7.700	7.700	7.700	7.700	7.700	7.700	7.700	7.700	7.700	7.700	7.700	7.700	7.700	7.700	7.700
1217	Vật tư ngành nước	Bịt Φ32mm	cái	TC DIN 8077 - 8078, ISO 15874		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	10.500	10.500	10.500	10.500	10.500	10.500	10.500	10.500	10.500	10.500	10.500	10.500	10.500	10.500	10.500
1218	Vật tư ngành nước	Bịt Φ40mm	cái	TC DIN 8077 - 8078, ISO 15874		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	15.200	15.200	15.200	15.200	15.200	15.200	15.200	15.200	15.200	15.200	15.200	15.200	15.200	15.200	15.200
1219	Vật tư ngành nước	Bịt Φ50mm	cái	TC DIN 8077 - 8078, ISO 15874		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	28.600	28.600	28.600	28.600	28.600	28.600	28.600	28.600	28.600	28.600	28.600	28.600	28.600	28.600	28.600
1220	Vật tư ngành nước	Mặt Bích Φ50mm	cái	TC DIN 8077 - 8078, ISO 15874		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	46.400	46.400	46.400	46.400	46.400	46.400	46.400	46.400	46.400	46.400	46.400	46.400	46.400	46.400	46.400
1221	Vật tư ngành nước	Mặt Bích Φ63mm	cái	TC DIN 8077 - 8078, ISO 15874		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	59.200	59.200	59.200	59.200	59.200	59.200	59.200	59.200	59.200	59.200	59.200	59.200	59.200	59.200	59.200
1222	Vật tư ngành nước	Mặt Bích Φ75mm	cái	TC DIN 8077 - 8078, ISO 15874		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	97.500	97.500	97.500	97.500	97.500	97.500	97.500	97.500	97.500	97.500	97.500	97.500	97.500	97.500	97.500
1223	Vật tư ngành nước	Mặt Bích Φ90mm	cái	TC DIN 8077 - 8078, ISO 15874		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	152.600	152.600	152.600	152.600	152.600	152.600	152.600	152.600	152.600	152.600	152.600	152.600	152.600	152.600	152.600
1224	Vật tư ngành nước	Mặt Bích Φ110mm	cái	TC DIN 8077 - 8078, ISO 15874		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	226.200	226.200	226.200	226.200	226.200	226.200	226.200	226.200	226.200	226.200	226.200	226.200	226.200	226.200	226.200
1225	Vật tư ngành nước	Cút ren trong 90° Φ20*1/2mm	cái	TC DIN 8077 - 8078, ISO 15874		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	74.600	74.600	74.600	74.600	74.600	74.600	74.600	74.600	74.600	74.600	74.600	74.600	74.600	74.600	74.600
1226	Vật tư ngành nước	Cút ren trong 90° Φ25*1/2mm	cái	TC DIN 8077 - 8078, ISO 15874		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	84.800	84.800	84.800	84.800	84.800	84.800	84.800	84.800	84.800	84.800	84.800	84.800	84.800	84.800	84.800
1227	Vật tư ngành nước	Cút ren trong 90° Φ25*3/4mm	cái	TC DIN 8077 - 8078, ISO 15874		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	114.100	114.100	114.100	114.100	114.100	114.100	114.100	114.100	114.100	114.100	114.100	114.100	114.100	114.100	114.100
1228	Vật tư ngành nước	Cút ren trong 90° Φ32*1mm	cái	TC DIN 8077 - 8078, ISO 15874		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	21.900	21.900	21.900	21.900	21.900	21.900	21.900	21.900	21.900	21.900	21.900	21.900	21.900	21.900	21.900

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng) (đồng)														
												Khu vực Tân An	Khu vực Tân Trụ	Khu vực Châu Thành	Khu vực Thủ Thừa	Khu vực Bến Lức	Khu vực Cần Giuộc	Khu vực Cần Đước	Khu vực Tân Thạnh	Khu vực Thạnh Hóa	Khu vực Tân Hưng	Khu vực Vĩnh Hưng	Khu vực Kiến Tường	Khu vực Mộc Hóa	Khu vực Đức Hòa	Khu vực Đức Huệ
1229	Vật tư ngành nước	Cút ren ngoài 90° Φ20*1/2mm	cái	TC DIN 8077 - 8078, ISO 15874		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	105.000	105.000	105.000	105.000	105.000	105.000	105.000	105.000	105.000	105.000	105.000	105.000	105.000	105.000	105.000
1230	Vật tư ngành nước	Cút ren ngoài 90° Φ25*1/2mm	cái	TC DIN 8077 - 8078, ISO 15874		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	118.700	118.700	118.700	118.700	118.700	118.700	118.700	118.700	118.700	118.700	118.700	118.700	118.700	118.700	118.700
1231	Vật tư ngành nước	Cút ren ngoài 90° Φ25*3/4mm	cái	TC DIN 8077 - 8078, ISO 15874		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	140.300	140.300	140.300	140.300	140.300	140.300	140.300	140.300	140.300	140.300	140.300	140.300	140.300	140.300	140.300
1232	Vật tư ngành nước	Cút ren ngoài 90° Φ32*1mm	cái	TC DIN 8077 - 8078, ISO 15874		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	223.300	223.300	223.300	223.300	223.300	223.300	223.300	223.300	223.300	223.300	223.300	223.300	223.300	223.300	223.300
1233	Vật tư ngành nước	Măng sông ren trong Φ20*1/2mm	cái	TC DIN 8077 - 8078, ISO 15874		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	67.100	67.100	67.100	67.100	67.100	67.100	67.100	67.100	67.100	67.100	67.100	67.100	67.100	67.100	67.100
1234	Vật tư ngành nước	Măng sông ren trong Φ25*1/2mm	cái	TC DIN 8077 - 8078, ISO 15874		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	82.000	82.000	82.000	82.000	82.000	82.000	82.000	82.000	82.000	82.000	82.000	82.000	82.000	82.000	82.000
1235	Vật tư ngành nước	Măng sông ren trong Φ25*3/4mm	cái	TC DIN 8077 - 8078, ISO 15874		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	91.500	91.500	91.500	91.500	91.500	91.500	91.500	91.500	91.500	91.500	91.500	91.500	91.500	91.500	91.500
1236	Vật tư ngành nước	Măng sông ren trong Φ32*1mm	cái	TC DIN 8077 - 8078, ISO 15874		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	149.200	149.200	149.200	149.200	149.200	149.200	149.200	149.200	149.200	149.200	149.200	149.200	149.200	149.200	149.200
1237	Vật tư ngành nước	Măng sông ren trong Φ40*11/4mm	cái	TC DIN 8077 - 8078, ISO 15874		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	369.700	369.700	369.700	369.700	369.700	369.700	369.700	369.700	369.700	369.700	369.700	369.700	369.700	369.700	369.700
1238	Vật tư ngành nước	Măng sông ren trong Φ50*11/2mm	cái	TC DIN 8077 - 8078, ISO 15874		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	490.500	490.500	490.500	490.500	490.500	490.500	490.500	490.500	490.500	490.500	490.500	490.500	490.500	490.500	490.500
1239	Vật tư ngành nước	Măng sông ren trong Φ63*2mm	cái	TC DIN 8077 - 8078, ISO 15874		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	992.600	992.600	992.600	992.600	992.600	992.600	992.600	992.600	992.600	992.600	992.600	992.600	992.600	992.600	992.600
1240	Vật tư ngành nước	Măng sông ren ngoài Φ20*1/2mm	cái	TC DIN 8077 - 8078, ISO 15874		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	84.900	84.900	84.900	84.900	84.900	84.900	84.900	84.900	84.900	84.900	84.900	84.900	84.900	84.900	84.900
1241	Vật tư ngành nước	Măng sông ren ngoài Φ20*1/2mm	cái	TC DIN 8077 - 8078, ISO 15874		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	97.900	97.900	97.900	97.900	97.900	97.900	97.900	97.900	97.900	97.900	97.900	97.900	97.900	97.900	97.900
1242	Vật tư ngành nước	Măng sông ren ngoài Φ25*3/4mm	cái	TC DIN 8077 - 8078, ISO 15874		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	118.200	118.200	118.200	118.200	118.200	118.200	118.200	118.200	118.200	118.200	118.200	118.200	118.200	118.200	118.200
1243	Vật tư ngành nước	Măng sông ren ngoài Φ32*1mm	cái	TC DIN 8077 - 8078, ISO 15874		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	174.700	174.700	174.700	174.700	174.700	174.700	174.700	174.700	174.700	174.700	174.700	174.700	174.700	174.700	174.700
1244	Vật tư ngành nước	Măng sông re ngoài Φ40*11/4mm	cái	TC DIN 8077 - 8078, ISO 15874		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	508.200	508.200	508.200	508.200	508.200	508.200	508.200	508.200	508.200	508.200	508.200	508.200	508.200	508.200	508.200
1245	Vật tư ngành nước	Măng sông ren ngoài Φ50*11/2mm	cái	TC DIN 8077 - 8078, ISO 15874		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	635.200	635.200	635.200	635.200	635.200	635.200	635.200	635.200	635.200	635.200	635.200	635.200	635.200	635.200	635.200
1246	Vật tư ngành nước	Măng sông ren ngoài Φ63*2mm	cái	TC DIN 8077 - 8078, ISO 15874		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	1.076.300	1.076.300	1.076.300	1.076.300	1.076.300	1.076.300	1.076.300	1.076.300	1.076.300	1.076.300	1.076.300	1.076.300	1.076.300	1.076.300	1.076.300
1247	Vật tư ngành nước	Tê ren trong Φ20*1/2mm	cái	TC DIN 8077 - 8078, ISO 15874		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	75.300	75.300	75.300	75.300	75.300	75.300	75.300	75.300	75.300	75.300	75.300	75.300	75.300	75.300	75.300

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng) (đồng)														
												Khu vực Tân An	Khu vực Tân Trụ	Khu vực Châu Thành	Khu vực Thủ Thừa	Khu vực Bến Lức	Khu vực Cần Giuộc	Khu vực Cần Đước	Khu vực Tân Thạnh	Khu vực Thạnh Hóa	Khu vực Tân Hưng	Khu vực Vĩnh Hưng	Khu vực Kiến Tường	Khu vực Mộc Hóa	Khu vực Đức Hòa	Khu vực Đức Huệ
1248	Vật tư ngành nước	Tê ren trong Φ25*1/2mm	cái	TC DIN 8077 - 8078, ISO 15874		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - dt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	80.500	80.500	80.500	80.500	80.500	80.500	80.500	80.500	80.500	80.500	80.500	80.500	80.500	80.500	80.500
1249	Vật tư ngành nước	Tê ren trong Φ25*3/4mm	cái	TC DIN 8077 - 8078, ISO 15874		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - dt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	117.400	117.400	117.400	117.400	117.400	117.400	117.400	117.400	117.400	117.400	117.400	117.400	117.400	117.400	117.400
1250	Vật tư ngành nước	Tê ren ngoài Φ20*1/2mm	cái	TC DIN 8077 - 8078, ISO 15874		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - dt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	92.700	92.700	92.700	92.700	92.700	92.700	92.700	92.700	92.700	92.700	92.700	92.700	92.700	92.700	92.700
1251	Vật tư ngành nước	Tê ren ngoài Φ25*1/2mm	cái	TC DIN 8077 - 8078, ISO 15874		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - dt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	100.600	100.600	100.600	100.600	100.600	100.600	100.600	100.600	100.600	100.600	100.600	100.600	100.600	100.600	100.600
1252	Vật tư ngành nước	Tê ren ngoài Φ25*3/4mm	cái	TC DIN 8077 - 8078, ISO 15874		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - dt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	121.700	121.700	121.700	121.700	121.700	121.700	121.700	121.700	121.700	121.700	121.700	121.700	121.700	121.700	121.700
1253	Vật tư ngành nước	Rắc co ren ngoài Φ20*1/2mm	cái	TC DIN 8077 - 8078, ISO 15874		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - dt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	179.000	179.000	179.000	179.000	179.000	179.000	179.000	179.000	179.000	179.000	179.000	179.000	179.000	179.000	179.000
1254	Vật tư ngành nước	Rắc co ren ngoài Φ25*1/2mm	cái	TC DIN 8077 - 8078, ISO 15874		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - dt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	277.900	277.900	277.900	277.900	277.900	277.900	277.900	277.900	277.900	277.900	277.900	277.900	277.900	277.900	277.900
1255	Vật tư ngành nước	Rắc co ren ngoài Φ25*3/4mm	cái	TC DIN 8077 - 8078, ISO 15874		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - dt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	384.200	384.200	384.200	384.200	384.200	384.200	384.200	384.200	384.200	384.200	384.200	384.200	384.200	384.200	384.200
1256	Vật tư ngành nước	Rắc co ren ngoài Φ32*1mm	cái	TC DIN 8077 - 8078, ISO 15874		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - dt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	438.200	438.200	438.200	438.200	438.200	438.200	438.200	438.200	438.200	438.200	438.200	438.200	438.200	438.200	438.200
1257	Vật tư ngành nước	Rắc co ren ngoài Φ40*11/4mm	cái	TC DIN 8077 - 8078, ISO 15874		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - dt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	650.300	650.300	650.300	650.300	650.300	650.300	650.300	650.300	650.300	650.300	650.300	650.300	650.300	650.300	650.300
1258	Vật tư ngành nước	Rắc co ren ngoài Φ50*11/2mm	cái	TC DIN 8077 - 8078, ISO 15874		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - dt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	1.147.600	1.147.600	1.147.600	1.147.600	1.147.600	1.147.600	1.147.600	1.147.600	1.147.600	1.147.600	1.147.600	1.147.600	1.147.600	1.147.600	1.147.600
1259	Vật tư ngành nước	Rắc co ren trong Φ20*1/2mm	cái	TC DIN 8077 - 8078, ISO 15874		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - dt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	167.800	167.800	167.800	167.800	167.800	167.800	167.800	167.800	167.800	167.800	167.800	167.800	167.800	167.800	167.800
1260	Vật tư ngành nước	Rắc co ren trong Φ25*3/4mm	cái	TC DIN 8077 - 8078, ISO 15874		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - dt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	268.600	268.600	268.600	268.600	268.600	268.600	268.600	268.600	268.600	268.600	268.600	268.600	268.600	268.600	268.600
1261	Vật tư ngành nước	Rắc co ren trong Φ32*1mm	cái	TC DIN 8077 - 8078, ISO 15874		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - dt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	393.800	393.800	393.800	393.800	393.800	393.800	393.800	393.800	393.800	393.800	393.800	393.800	393.800	393.800	393.800
1262	Vật tư ngành nước	Rắc co ren trong Φ40*11/4mm	cái	TC DIN 8077 - 8078, ISO 15874		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - dt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	616.900	616.900	616.900	616.900	616.900	616.900	616.900	616.900	616.900	616.900	616.900	616.900	616.900	616.900	616.900
1263	Vật tư ngành nước	Rắc co ren trong Φ50*11/2mm	cái	TC DIN 8077 - 8078, ISO 15874		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - dt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	1.074.500	1.074.500	1.074.500	1.074.500	1.074.500	1.074.500	1.074.500	1.074.500	1.074.500	1.074.500	1.074.500	1.074.500	1.074.500	1.074.500	1.074.500
1264	Vật tư ngành nước	Van cửa hàm ếch tay nhựa Φ20mm	cái	TC DIN 8077 - 8078, ISO 15874		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - dt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	262.900	262.900	262.900	262.900	262.900	262.900	262.900	262.900	262.900	262.900	262.900	262.900	262.900	262.900	262.900
1265	Vật tư ngành nước	Van cửa hàm ếch tay nhựa Φ25mm	cái	TC DIN 8077 - 8078, ISO 15874		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - dt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	356.500	356.500	356.500	356.500	356.500	356.500	356.500	356.500	356.500	356.500	356.500	356.500	356.500	356.500	356.500
1266	Vật tư ngành nước	Van cửa hàm ếch tay nhựa Φ32mm	cái	TC DIN 8077 - 8078, ISO 15874		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - dt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	411.100	411.100	411.100	411.100	411.100	411.100	411.100	411.100	411.100	411.100	411.100	411.100	411.100	411.100	411.100
1267	Vật tư ngành nước	Van cửa hàm ếch tay nhựa Φ40mm	cái	TC DIN 8077 - 8078, ISO 15874		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - dt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	636.900	636.900	636.900	636.900	636.900	636.900	636.900	636.900	636.900	636.900	636.900	636.900	636.900	636.900	636.900

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng) (đồng)														
												Khu vực Tân An	Khu vực Tân Trụ	Khu vực Châu Thành	Khu vực Thủ Thừa	Khu vực Bến Lức	Khu vực Cần Giuộc	Khu vực Cần Đước	Khu vực Tân Thạnh	Khu vực Thạnh Hóa	Khu vực Tân Hưng	Khu vực Vĩnh Hưng	Khu vực Kiến Tường	Khu vực Mộc Hóa	Khu vực Đức Hòa	Khu vực Đức Huệ
1268	Vật tư ngành nước	Van cửa hàm ếch tay nhựa Φ50mm	cái	TC DIN 8077 - 8078, ISO 15874		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	1.085.100	1.085.100	1.085.100	1.085.100	1.085.100	1.085.100	1.085.100	1.085.100	1.085.100	1.085.100	1.085.100	1.085.100	1.085.100	1.085.100	1.085.100
1269	Vật tư ngành nước	Van cửa đồng tay nhựa Φ20mm	cái	TC DIN 8077 - 8078, ISO 15874		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	352.800	352.800	352.800	352.800	352.800	352.800	352.800	352.800	352.800	352.800	352.800	352.800	352.800	352.800	352.800
1270	Vật tư ngành nước	Van cửa đồng tay nhựa Φ25mm	cái	TC DIN 8077 - 8078, ISO 15874		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	405.900	405.900	405.900	405.900	405.900	405.900	405.900	405.900	405.900	405.900	405.900	405.900	405.900	405.900	405.900
1271	Vật tư ngành nước	**Van bi tay ba cạnh**		TC DIN 8077 - 8078, ISO 15874		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
1272	Vật tư ngành nước	Ø20 mm	cái	TC DIN 8077 - 8078, ISO 15874		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	701.400	701.400	701.400	701.400	701.400	701.400	701.400	701.400	701.400	701.400	701.400	701.400	701.400	701.400	701.400
1273	Vật tư ngành nước	Ø25 mm	cái	TC DIN 8077 - 8078, ISO 15874		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	740.600	740.600	740.600	740.600	740.600	740.600	740.600	740.600	740.600	740.600	740.600	740.600	740.600	740.600	740.600
1274	Vật tư ngành nước	**Van bi nhựa**		TC DIN 8077 - 8078, ISO 15874		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
1275	Vật tư ngành nước	Ø20 mm	cái	TC DIN 8077 - 8078, ISO 15874		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	329.700	329.700	329.700	329.700	329.700	329.700	329.700	329.700	329.700	329.700	329.700	329.700	329.700	329.700	329.700
1276	Vật tư ngành nước	Ø25 mm	cái	TC DIN 8077 - 8078, ISO 15874		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	405.900	405.900	405.900	405.900	405.900	405.900	405.900	405.900	405.900	405.900	405.900	405.900	405.900	405.900	405.900
1277	Vật tư ngành nước	**Rắc co**		TC DIN 8077 - 8078, ISO 15874		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
1278	Vật tư ngành nước	Ø20 mm	cái	TC DIN 8077 - 8078, ISO 15874		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	58.800	58.800	58.800	58.800	58.800	58.800	58.800	58.800	58.800	58.800	58.800	58.800	58.800	58.800	58.800
1279	Vật tư ngành nước	Ø25 mm	cái	TC DIN 8077 - 8078, ISO 15874		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	86.500	86.500	86.500	86.500	86.500	86.500	86.500	86.500	86.500	86.500	86.500	86.500	86.500	86.500	86.500
1280	Vật tư ngành nước	Ø32 mm	cái	TC DIN 8077 - 8078, ISO 15874		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	124.400	124.400	124.400	124.400	124.400	124.400	124.400	124.400	124.400	124.400	124.400	124.400	124.400	124.400	124.400
1281	Vật tư ngành nước	Ø40 mm	cái	TC DIN 8077 - 8078, ISO 15874		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	142.900	142.900	142.900	142.900	142.900	142.900	142.900	142.900	142.900	142.900	142.900	142.900	142.900	142.900	142.900
1282	Vật tư ngành nước	Ø50 mm	cái	TC DIN 8077 - 8078, ISO 15874		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	214.600	214.600	214.600	214.600	214.600	214.600	214.600	214.600	214.600	214.600	214.600	214.600	214.600	214.600	214.600
1283	Vật tư ngành nước	**Bộ máy hàn**		TC DIN 8077 - 8078, ISO 15874		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
1284	Vật tư ngành nước	Ø20 mm - Ø50 mm	cái	TC DIN 8077 - 8078, ISO 15874		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	1.200.000	1.200.000	1.200.000	1.200.000	1.200.000	1.200.000	1.200.000	1.200.000	1.200.000	1.200.000	1.200.000	1.200.000	1.200.000	1.200.000	1.200.000
1285	Vật tư ngành nước	Ø63 mm - Ø110 mm	cái	TC DIN 8077 - 8078, ISO 15874		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	2.200.000	2.200.000	2.200.000	2.200.000	2.200.000	2.200.000	2.200.000	2.200.000	2.200.000	2.200.000	2.200.000	2.200.000	2.200.000	2.200.000	2.200.000
1286	Vật tư ngành nước	**Dầu hàn**		TC DIN 8077 - 8078, ISO 15874		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
1287	Vật tư ngành nước	Ø20 mm - Ø25 mm	cái	TC DIN 8077 - 8078, ISO 15874		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	26.000	26.000	26.000	26.000	26.000	26.000	26.000	26.000	26.000	26.000	26.000	26.000	26.000	26.000	26.000
1288	Vật tư ngành nước	Ø32 mm - Ø40 mm	cái	TC DIN 8077 - 8078, ISO 15874		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	52.000	52.000	52.000	52.000	52.000	52.000	52.000	52.000	52.000	52.000	52.000	52.000	52.000	52.000	52.000

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng) (đồng)													
												Khu vực Tân An	Khu vực Tân Trụ	Khu vực Châu Thành	Khu vực Thủ Thừa	Khu vực Bến Lức	Khu vực Cần Giuộc	Khu vực Cần Đước	Khu vực Tân Thạnh	Khu vực Thạnh Hóa	Khu vực Tân Hưng	Khu vực Vĩnh Hưng	Khu vực Kiến Tường	Khu vực Mộc Hóa	Khu vực Đức Hòa	Khu vực Đức Huệ
1289	Vật tư ngành nước	Ø50 mm	cái	TC DIN 8077 - 8078, ISO 15874		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	65.000	65.000	65.000	65.000	65.000	65.000	65.000	65.000	65.000	65.000	65.000	65.000	65.000	65.000
1290	Vật tư ngành nước	Ø63 mm	cái	TC DIN 8077 - 8078, ISO 15874		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	104.000	104.000	104.000	104.000	104.000	104.000	104.000	104.000	104.000	104.000	104.000	104.000	104.000	104.000
1291	Vật tư ngành nước	Ø75 mm	cái	TC DIN 8077 - 8078, ISO 15874		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	156.000	156.000	156.000	156.000	156.000	156.000	156.000	156.000	156.000	156.000	156.000	156.000	156.000	156.000
1292	Vật tư ngành nước	Ø90 mm	cái	TC DIN 8077 - 8078, ISO 15874		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	195.000	195.000	195.000	195.000	195.000	195.000	195.000	195.000	195.000	195.000	195.000	195.000	195.000	195.000
1293	Vật tư ngành nước	Ø110 mm	cái	TC DIN 8077 - 8078, ISO 15874		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	221.000	221.000	221.000	221.000	221.000	221.000	221.000	221.000	221.000	221.000	221.000	221.000	221.000	221.000
1294	Vật tư ngành nước	**Ống nhựa HDPE PN8**				Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
1295	Vật tư ngành nước	Ø 40	m	T/C DIN 8074-8075	dày 1,9mm	Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	27.100	27.100	27.100	27.100	27.100	27.100	27.100	27.100	27.100	27.100	27.100	27.100	27.100	27.100
1296	Vật tư ngành nước	Ø 50	m	T/C DIN 8074-8075	dày 2,4mm	Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	42.000	42.000	42.000	42.000	42.000	42.000	42.000	42.000	42.000	42.000	42.000	42.000	42.000	42.000
1297	Vật tư ngành nước	Ø 63	m	T/C DIN 8074-8075	dày 3mm	Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	65.100	65.100	65.100	65.100	65.100	65.100	65.100	65.100	65.100	65.100	65.100	65.100	65.100	65.100
1298	Vật tư ngành nước	Ø 75	m	T/C DIN 8074-8075	dày 3,5mm	Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	92.700	92.700	92.700	92.700	92.700	92.700	92.700	92.700	92.700	92.700	92.700	92.700	92.700	92.700
1299	Vật tư ngành nước	Ø 90	m	T/C DIN 8074-8075	dày 4,5mm	Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	146.300	146.300	146.300	146.300	146.300	146.300	146.300	146.300	146.300	146.300	146.300	146.300	146.300	146.300
1300	Vật tư ngành nước	Ø 110	m	T/C DIN 8074-8075	dày 5,3mm	Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	196.300	196.300	196.300	196.300	196.300	196.300	196.300	196.300	196.300	196.300	196.300	196.300	196.300	196.300
1301	Vật tư ngành nước	Ø 125	m	T/C DIN 8074-8075	dày 6mm	Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	253.500	253.500	253.500	253.500	253.500	253.500	253.500	253.500	253.500	253.500	253.500	253.500	253.500	253.500
1302	Vật tư ngành nước	Ø 140	m	T/C DIN 8074-8075	dày 6,7mm	Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	315.700	315.700	315.700	315.700	315.700	315.700	315.700	315.700	315.700	315.700	315.700	315.700	315.700	315.700
1303	Vật tư ngành nước	Ø 160	m	T/C DIN 8074-8075	dày 7,7mm	Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	414.600	414.600	414.600	414.600	414.600	414.600	414.600	414.600	414.600	414.600	414.600	414.600	414.600	414.600
1304	Vật tư ngành nước	Ø 180	m	T/C DIN 8074-8075	dày 8,6mm	Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	521.900	521.900	521.900	521.900	521.900	521.900	521.900	521.900	521.900	521.900	521.900	521.900	521.900	521.900
1305	Vật tư ngành nước	Ø 200	m	T/C DIN 8074-8075	dày 9,6mm	Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	650.100	650.100	650.100	650.100	650.100	650.100	650.100	650.100	650.100	650.100	650.100	650.100	650.100	650.100
1306	Vật tư ngành nước	Ø 225	m	T/C DIN 8074-8075	dày 10,8mm	Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	818.800	818.800	818.800	818.800	818.800	818.800	818.800	818.800	818.800	818.800	818.800	818.800	818.800	818.800
1307	Vật tư ngành nước	Ø 250	m	T/C DIN 8074-8075	dày 11,9mm	Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	999.100	999.100	999.100	999.100	999.100	999.100	999.100	999.100	999.100	999.100	999.100	999.100	999.100	999.100
1308	Vật tư ngành nước	Ø 280	m	T/C DIN 8074-8075	dày 13,4mm	Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	1.274.500	1.274.500	1.274.500	1.274.500	1.274.500	1.274.500	1.274.500	1.274.500	1.274.500	1.274.500	1.274.500	1.274.500	1.274.500	1.274.500
1309	Vật tư ngành nước	Ø 315	m	T/C DIN 8074-8075	dày 15mm	Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	1.596.500	1.596.500	1.596.500	1.596.500	1.596.500	1.596.500	1.596.500	1.596.500	1.596.500	1.596.500	1.596.500	1.596.500	1.596.500	1.596.500

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng) (đồng)														
												Khu vực Tân An	Khu vực Tân Trụ	Khu vực Châu Thành	Khu vực Thủ Thừa	Khu vực Bến Lức	Khu vực Cần Giuộc	Khu vực Cần Đước	Khu vực Tân Thạnh	Khu vực Thạnh Hóa	Khu vực Tân Hưng	Khu vực Vĩnh Hưng	Khu vực Kiến Tường	Khu vực Mộc Hóa	Khu vực Đức Hòa	Khu vực Đức Huệ
1310	Vật tư ngành nước	Ø 355	m	T/C DIN 8074-8075	dày 16,9mm	Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	2.007.700	2.007.700	2.007.700	2.007.700	2.007.700	2.007.700	2.007.700	2.007.700	2.007.700	2.007.700	2.007.700	2.007.700	2.007.700	2.007.700	2.007.700
1311	Vật tư ngành nước	Ø 400	m	T/C DIN 8074-8075	dày 19,1mm	Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	2.574.600	2.574.600	2.574.600	2.574.600	2.574.600	2.574.600	2.574.600	2.574.600	2.574.600	2.574.600	2.574.600	2.574.600	2.574.600	2.574.600	2.574.600
1312	Vật tư ngành nước	Ø 450	m	T/C DIN 8074-8075	dày 21,5mm	Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	3.231.700	3.231.700	3.231.700	3.231.700	3.231.700	3.231.700	3.231.700	3.231.700	3.231.700	3.231.700	3.231.700	3.231.700	3.231.700	3.231.700	3.231.700
1313	Vật tư ngành nước	Ø 500	m	T/C DIN 8074-8075	dày 23,9mm	Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	4.009.100	4.009.100	4.009.100	4.009.100	4.009.100	4.009.100	4.009.100	4.009.100	4.009.100	4.009.100	4.009.100	4.009.100	4.009.100	4.009.100	4.009.100
1314	Vật tư ngành nước	Ø 560	m	T/C DIN 8074-8075	dày 26,7mm	Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	5.415.700	5.415.700	5.415.700	5.415.700	5.415.700	5.415.700	5.415.700	5.415.700	5.415.700	5.415.700	5.415.700	5.415.700	5.415.700	5.415.700	5.415.700
1315	Vật tư ngành nước	Ø 630	m	T/C DIN 8074-8075	dày 30,0mm	Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	6.842.700	6.842.700	6.842.700	6.842.700	6.842.700	6.842.700	6.842.700	6.842.700	6.842.700	6.842.700	6.842.700	6.842.700	6.842.700	6.842.700	6.842.700
1316	Vật tư ngành nước	Ø 710	m	T/C DIN 8074-8075	dày 33,9mm	Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	8.724.800	8.724.800	8.724.800	8.724.800	8.724.800	8.724.800	8.724.800	8.724.800	8.724.800	8.724.800	8.724.800	8.724.800	8.724.800	8.724.800	8.724.800
1317	Vật tư ngành nước	Ø 800	m	T/C DIN 8074-8075	dày 38,1mm	Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	11.058.900	11.058.900	11.058.900	11.058.900	11.058.900	11.058.900	11.058.900	11.058.900	11.058.900	11.058.900	11.058.900	11.058.900	11.058.900	11.058.900	11.058.900
1318	Vật tư ngành nước	Ø 900	m	T/C DIN 8074-8075	dày 42,9mm	Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	13.992.700	13.992.700	13.992.700	13.992.700	13.992.700	13.992.700	13.992.700	13.992.700	13.992.700	13.992.700	13.992.700	13.992.700	13.992.700	13.992.700	13.992.700
1319	Vật tư ngành nước	Ø 1000	m	T/C DIN 8074-8075	dày 47,7mm	Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	21.216.600	21.216.600	21.216.600	21.216.600	21.216.600	21.216.600	21.216.600	21.216.600	21.216.600	21.216.600	21.216.600	21.216.600	21.216.600	21.216.600	21.216.600
1320	Vật tư ngành nước	Ø 1200	m	T/C DIN 8074-8075	dày 57,2mm	Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	24.883.200	24.883.200	24.883.200	24.883.200	24.883.200	24.883.200	24.883.200	24.883.200	24.883.200	24.883.200	24.883.200	24.883.200	24.883.200	24.883.200	24.883.200
1321	Vật tư ngành nước	**Ống nhựa HDPE PN10**		T/C DIN 8074-8075		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
1322	Vật tư ngành nước	Ø 32	m	T/C DIN 8074-8075	dày 1,9mm	Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	16.480	16.480	16.480	16.480	16.480	16.480	16.480	16.480	16.480	16.480	16.480	16.480	16.480	16.480	16.480
1323	Vật tư ngành nước	Ø 40	m	T/C DIN 8074-8075	dày 2,4mm	Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	25.090	25.090	25.090	25.090	25.090	25.090	25.090	25.090	25.090	25.090	25.090	25.090	25.090	25.090	25.090
1324	Vật tư ngành nước	Ø 50	m	T/C DIN 8074-8075	dày 3,0mm	Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	38.520	38.520	38.520	38.520	38.520	38.520	38.520	38.520	38.520	38.520	38.520	38.520	38.520	38.520	38.520
1325	Vật tư ngành nước	Ø 63	m	T/C DIN 8074-8075	dày 3,8mm	Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	61.570	61.570	61.570	61.570	61.570	61.570	61.570	61.570	61.570	61.570	61.570	61.570	61.570	61.570	61.570
1326	Vật tư ngành nước	Ø 75	m	T/C DIN 8074-8075	dày 4,5mm	Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	87.870	87.870	87.870	87.870	87.870	87.870	87.870	87.870	87.870	87.870	87.870	87.870	87.870	87.870	87.870
1327	Vật tư ngành nước	Ø 90	m	T/C DIN 8074-8075	dày 5,4mm	Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	124.630	124.630	124.630	124.630	124.630	124.630	124.630	124.630	124.630	124.630	124.630	124.630	124.630	124.630	124.630
1328	Vật tư ngành nước	Ø 110	m	T/C DIN 8074-8075	dày 6,6mm	Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	188.890	188.890	188.890	188.890	188.890	188.890	188.890	188.890	188.890	188.890	188.890	188.890	188.890	188.890	188.890
1329	Vật tư ngành nước	Ø 125	m	T/C DIN 8074-8075	dày 7,4mm	Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	238.430	238.430	238.430	238.430	238.430	238.430	238.430	238.430	238.430	238.430	238.430	238.430	238.430	238.430	238.430
1330	Vật tư ngành nước	Ø 140	m	T/C DIN 8074-8075	dày 8,3mm	Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	297.590	297.590	297.590	297.590	297.590	297.590	297.590	297.590	297.590	297.590	297.590	297.590	297.590	297.590	297.590

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng) (đồng)														
												Khu vực Tân An	Khu vực Tân Trụ	Khu vực Châu Thành	Khu vực Thủ Thừa	Khu vực Bến Lức	Khu vực Cần Giuộc	Khu vực Cần Đước	Khu vực Tân Thạnh	Khu vực Thạnh Hóa	Khu vực Tân Hưng	Khu vực Vĩnh Hưng	Khu vực Kiến Tường	Khu vực Mộc Hóa	Khu vực Đức Hòa	Khu vực Đức Huệ
1331	Vật tư ngành nước	Ø 160	m	T/C DIN 8074-8075	dày 9,5mm	Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	391.110	391.110	391.110	391.110	391.110	391.110	391.110	391.110	391.110	391.110	391.110	391.110	391.110	391.110	391.110
1332	Vật tư ngành nước	Ø 180	m	T/C DIN 8074-8075	dày 10,7mm	Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	492.410	492.410	492.410	492.410	492.410	492.410	492.410	492.410	492.410	492.410	492.410	492.410	492.410	492.410	492.410
1333	Vật tư ngành nước	Ø 200	m	T/C DIN 8074-8075	dày 11,9mm	Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	617.040	617.040	617.040	617.040	617.040	617.040	617.040	617.040	617.040	617.040	617.040	617.040	617.040	617.040	617.040
1334	Vật tư ngành nước	Ø 225	m	T/C DIN 8074-8075	dày 13,4mm	Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	758.430	758.430	758.430	758.430	758.430	758.430	758.430	758.430	758.430	758.430	758.430	758.430	758.430	758.430	758.430
1335	Vật tư ngành nước	Ø 250	m	T/C DIN 8074-8075	dày 14,8mm	Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	939.630	939.630	939.630	939.630	939.630	939.630	939.630	939.630	939.630	939.630	939.630	939.630	939.630	939.630	939.630
1336	Vật tư ngành nước	Ø 280	m	T/C DIN 8074-8075	dày 16,6mm	Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	1.170.830	1.170.830	1.170.830	1.170.830	1.170.830	1.170.830	1.170.830	1.170.830	1.170.830	1.170.830	1.170.830	1.170.830	1.170.830	1.170.830	1.170.830
1337	Vật tư ngành nước	Ø 315	m	T/C DIN 8074-8075	dày 18,7mm	Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	1.490.930	1.490.930	1.490.930	1.490.930	1.490.930	1.490.930	1.490.930	1.490.930	1.490.930	1.490.930	1.490.930	1.490.930	1.490.930	1.490.930	1.490.930
1338	Vật tư ngành nước	Ø 355	m	T/C DIN 8074-8075	dày 21,1mm	Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	1.894.630	1.894.630	1.894.630	1.894.630	1.894.630	1.894.630	1.894.630	1.894.630	1.894.630	1.894.630	1.894.630	1.894.630	1.894.630	1.894.630	1.894.630
1339	Vật tư ngành nước	Ø 400	m	T/C DIN 8074-8075	dày 23,7mm	Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	2.407.500	2.407.500	2.407.500	2.407.500	2.407.500	2.407.500	2.407.500	2.407.500	2.407.500	2.407.500	2.407.500	2.407.500	2.407.500	2.407.500	2.407.500
1340	Vật tư ngành nước	Ø 450	m	T/C DIN 8074-8075	dày 26,7mm	Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	3.042.130	3.042.130	3.042.130	3.042.130	3.042.130	3.042.130	3.042.130	3.042.130	3.042.130	3.042.130	3.042.130	3.042.130	3.042.130	3.042.130	3.042.130
1341	Vật tư ngành nước	Ø 500	m	T/C DIN 8074-8075	dày 29,7mm	Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	3.783.060	3.783.060	3.783.060	3.783.060	3.783.060	3.783.060	3.783.060	3.783.060	3.783.060	3.783.060	3.783.060	3.783.060	3.783.060	3.783.060	3.783.060
1342	Vật tư ngành nước	Ø 560	m	T/C DIN 8074-8075	dày 33,2mm	Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	5.114.820	5.114.820	5.114.820	5.114.820	5.114.820	5.114.820	5.114.820	5.114.820	5.114.820	5.114.820	5.114.820	5.114.820	5.114.820	5.114.820	5.114.820
1343	Vật tư ngành nước	Ø 630	m	T/C DIN 8074-8075	dày 37,4mm	Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	6.478.430	6.478.430	6.478.430	6.478.430	6.478.430	6.478.430	6.478.430	6.478.430	6.478.430	6.478.430	6.478.430	6.478.430	6.478.430	6.478.430	6.478.430
1344	Vật tư ngành nước	Ø 710	m	T/C DIN 8074-8075	dày 42.1mm	Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	8.232.960	8.232.960	8.232.960	8.232.960	8.232.960	8.232.960	8.232.960	8.232.960	8.232.960	8.232.960	8.232.960	8.232.960	8.232.960	8.232.960	8.232.960
1345	Vật tư ngành nước	Ø 800	m	T/C DIN 8074-8075	dày 47,4mm	Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	10.439.820	10.439.820	10.439.820	10.439.820	10.439.820	10.439.820	10.439.820	10.439.820	10.439.820	10.439.820	10.439.820	10.439.820	10.439.820	10.439.820	10.439.820
1346	Vật tư ngành nước	Ø 900	m	T/C DIN 8074-8075	dày 53,3mm	Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	13.205.650	13.205.650	13.205.650	13.205.650	13.205.650	13.205.650	13.205.650	13.205.650	13.205.650	13.205.650	13.205.650	13.205.650	13.205.650	13.205.650	13.205.650
1347	Vật tư ngành nước	Ø 1000	m	T/C DIN 8074-8075	dày 59,3mm	Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	16.320.460	16.320.460	16.320.460	16.320.460	16.320.460	16.320.460	16.320.460	16.320.460	16.320.460	16.320.460	16.320.460	16.320.460	16.320.460	16.320.460	16.320.460
1348	Vật tư ngành nước	Ø 1200	m	T/C DIN 8074-8075	dày 67,9mm	Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	22.481.850	22.481.850	22.481.850	22.481.850	22.481.850	22.481.850	22.481.850	22.481.850	22.481.850	22.481.850	22.481.850	22.481.850	22.481.850	22.481.850	22.481.850
1349	Vật tư ngành nước	**Ống nhựa HDPE PN12,5**		T/C DIN 8074-8075		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
1350	Vật tư ngành nước	Ø 25	m	T/C DIN 8074-8075	dày 1,9mm	Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	16.000	16.000	16.000	16.000	16.000	16.000	16.000	16.000	16.000	16.000	16.000	16.000	16.000	16.000	16.000
1351	Vật tư ngành nước	Ø 32	m	T/C DIN 8074-8075	dày 2,4mm	Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	26.100	26.100	26.100	26.100	26.100	26.100	26.100	26.100	26.100	26.100	26.100	26.100	26.100	26.100	26.100

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng) (đồng)														
												Khu vực Tân An	Khu vực Tân Trụ	Khu vực Châu Thành	Khu vực Thủ Thừa	Khu vực Bến Lức	Khu vực Cần Giuộc	Khu vực Cần Đước	Khu vực Tân Thạnh	Khu vực Thạnh Hóa	Khu vực Tân Hưng	Khu vực Vĩnh Hưng	Khu vực Kiến Tường	Khu vực Mộc Hóa	Khu vực Đức Hòa	Khu vực Đức Huệ
1352	Vật tư ngành nước	Ø 40	m	T/C DIN 8074-8075	dày 3,0mm	Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	39.500	39.500	39.500	39.500	39.500	39.500	39.500	39.500	39.500	39.500	39.500	39.500	39.500	39.500
1353	Vật tư ngành nước	Ø 50	m	T/C DIN 8074-8075	dày 3,7mm	Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	60.300	60.300	60.300	60.300	60.300	60.300	60.300	60.300	60.300	60.300	60.300	60.300	60.300	60.300	60.300
1354	Vật tư ngành nước	Ø 63	m	T/C DIN 8074-8075	dày 4,7mm	Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	97.000	97.000	97.000	97.000	97.000	97.000	97.000	97.000	97.000	97.000	97.000	97.000	97.000	97.000	97.000
1355	Vật tư ngành nước	Ø 75	m	T/C DIN 8074-8075	dày 5,6mm	Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	137.700	137.700	137.700	137.700	137.700	137.700	137.700	137.700	137.700	137.700	137.700	137.700	137.700	137.700	137.700
1356	Vật tư ngành nước	Ø 90	m	T/C DIN 8074-8075	dày 6,7mm	Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	195.800	195.800	195.800	195.800	195.800	195.800	195.800	195.800	195.800	195.800	195.800	195.800	195.800	195.800	195.800
1357	Vật tư ngành nước	Ø 110	m	T/C DIN 8074-8075	dày 8,1mm	Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	293.300	293.300	293.300	293.300	293.300	293.300	293.300	293.300	293.300	293.300	293.300	293.300	293.300	293.300	293.300
1358	Vật tư ngành nước	Ø 125	m	T/C DIN 8074-8075	dày 9,2mm	Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	377.700	377.700	377.700	377.700	377.700	377.700	377.700	377.700	377.700	377.700	377.700	377.700	377.700	377.700	377.700
1359	Vật tư ngành nước	Ø 140	m	T/C DIN 8074-8075	dày 10,3mm	Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	468.600	468.600	468.600	468.600	468.600	468.600	468.600	468.600	468.600	468.600	468.600	468.600	468.600	468.600	468.600
1360	Vật tư ngành nước	Ø 160	m	T/C DIN 8074-8075	dày 11,8mm	Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	611.500	611.500	611.500	611.500	611.500	611.500	611.500	611.500	611.500	611.500	611.500	611.500	611.500	611.500	611.500
1361	Vật tư ngành nước	Ø 180	m	T/C DIN 8074-8075	dày 13,3mm	Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	779.500	779.500	779.500	779.500	779.500	779.500	779.500	779.500	779.500	779.500	779.500	779.500	779.500	779.500	779.500
1362	Vật tư ngành nước	Ø 200	m	T/C DIN 8074-8075	dày 14,7mm	Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	955.300	955.300	955.300	955.300	955.300	955.300	955.300	955.300	955.300	955.300	955.300	955.300	955.300	955.300	955.300
1363	Vật tư ngành nước	Ø 225	m	T/C DIN 8074-8075	dày 16,6mm	Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	1.207.600	1.207.600	1.207.600	1.207.600	1.207.600	1.207.600	1.207.600	1.207.600	1.207.600	1.207.600	1.207.600	1.207.600	1.207.600	1.207.600	1.207.600
1364	Vật tư ngành nước	Ø 250	m	T/C DIN 8074-8075	dày 18,4mm	Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	1.501.400	1.501.400	1.501.400	1.501.400	1.501.400	1.501.400	1.501.400	1.501.400	1.501.400	1.501.400	1.501.400	1.501.400	1.501.400	1.501.400	1.501.400
1365	Vật tư ngành nước	Ø 280	m	T/C DIN 8074-8075	dày 20,6mm	Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	1.882.300	1.882.300	1.882.300	1.882.300	1.882.300	1.882.300	1.882.300	1.882.300	1.882.300	1.882.300	1.882.300	1.882.300	1.882.300	1.882.300	1.882.300
1366	Vật tư ngành nước	Ø 315	m	T/C DIN 8074-8075	dày 23,2mm	Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	2.354.300	2.354.300	2.354.300	2.354.300	2.354.300	2.354.300	2.354.300	2.354.300	2.354.300	2.354.300	2.354.300	2.354.300	2.354.300	2.354.300	2.354.300
1367	Vật tư ngành nước	Ø 355	m	T/C DIN 8074-8075	dày 26,1mm	Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	2.986.000	2.986.000	2.986.000	2.986.000	2.986.000	2.986.000	2.986.000	2.986.000	2.986.000	2.986.000	2.986.000	2.986.000	2.986.000	2.986.000	2.986.000
1368	Vật tư ngành nước	Ø 400	m	T/C DIN 8074-8075	dày 29,4mm	Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	3.780.300	3.780.300	3.780.300	3.780.300	3.780.300	3.780.300	3.780.300	3.780.300	3.780.300	3.780.300	3.780.300	3.780.300	3.780.300	3.780.300	3.780.300
1369	Vật tư ngành nước	Ø 450	m	T/C DIN 8074-8075	dày 33,1mm	Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	4.779.700	4.779.700	4.779.700	4.779.700	4.779.700	4.779.700	4.779.700	4.779.700	4.779.700	4.779.700	4.779.700	4.779.700	4.779.700	4.779.700	4.779.700
1370	Vật tư ngành nước	Ø 500	m	T/C DIN 8074-8075	dày 36,8mm	Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	5.948.300	5.948.300	5.948.300	5.948.300	5.948.300	5.948.300	5.948.300	5.948.300	5.948.300	5.948.300	5.948.300	5.948.300	5.948.300	5.948.300	5.948.300
1371	Vật tư ngành nước	Ø 560	m	T/C DIN 8074-8075	dày 41,2mm	Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	8.116.100	8.116.100	8.116.100	8.116.100	8.116.100	8.116.100	8.116.100	8.116.100	8.116.100	8.116.100	8.116.100	8.116.100	8.116.100	8.116.100	8.116.100
1372	Vật tư ngành nước	Ø 630	m	T/C DIN 8074-8075	dày 46,3mm	Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	10.258.200	10.258.200	10.258.200	10.258.200	10.258.200	10.258.200	10.258.200	10.258.200	10.258.200	10.258.200	10.258.200	10.258.200	10.258.200	10.258.200	10.258.200

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng) (đồng)														
												Khu vực Tân An	Khu vực Tân Trụ	Khu vực Châu Thành	Khu vực Thủ Thừa	Khu vực Bến Lức	Khu vực Cần Giuộc	Khu vực Cần Đước	Khu vực Tân Thạnh	Khu vực Thạnh Hóa	Khu vực Tân Hưng	Khu vực Vĩnh Hưng	Khu vực Kiến Tường	Khu vực Mộc Hóa	Khu vực Đức Hòa	Khu vực Đức Huệ
1373	Vật tư ngành nước	Ø 710	m	T/C DIN 8074-8075	dày 52,2mm	Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	13.051.800	13.051.800	13.051.800	13.051.800	13.051.800	13.051.800	13.051.800	13.051.800	13.051.800	13.051.800	13.051.800	13.051.800	13.051.800	13.051.800	13.051.800
1374	Vật tư ngành nước	Ø 800	m	T/C DIN 8074-8075	dày 58,8mm	Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	13.939.500	13.939.500	13.939.500	13.939.500	13.939.500	13.939.500	13.939.500	13.939.500	13.939.500	13.939.500	13.939.500	13.939.500	13.939.500	13.939.500	13.939.500
1375	Vật tư ngành nước	Ø 900	m	T/C DIN 8074-8075	dày 66,2mm	Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	20.974.300	20.974.300	20.974.300	20.974.300	20.974.300	20.974.300	20.974.300	20.974.300	20.974.300	20.974.300	20.974.300	20.974.300	20.974.300	20.974.300	20.974.300
1376	Vật tư ngành nước	Ø 1000	m	T/C DIN 8074-8075	dày 72,5mm	Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	25.546.400	25.546.400	25.546.400	25.546.400	25.546.400	25.546.400	25.546.400	25.546.400	25.546.400	25.546.400	25.546.400	25.546.400	25.546.400	25.546.400	25.546.400
1377	Vật tư ngành nước	Ø 1200	m	T/C DIN 8074-8075	dày 88,2mm	Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	37.252.500	37.252.500	37.252.500	37.252.500	37.252.500	37.252.500	37.252.500	37.252.500	37.252.500	37.252.500	37.252.500	37.252.500	37.252.500	37.252.500	37.252.500
1378	Vật tư ngành nước	**Ống nhựa HDPE PN16**		T/C DIN 8074-8075		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
1379	Vật tư ngành nước	Ø 20	m	T/C DIN 8074-8075	dày 1,9mm	Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	12.500	12.500	12.500	12.500	12.500	12.500	12.500	12.500	12.500	12.500	12.500	12.500	12.500	12.500	12.500
1380	Vật tư ngành nước	Ø 25	m	T/C DIN 8074-8075	dày 2,3mm	Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	19.000	19.000	19.000	19.000	19.000	19.000	19.000	19.000	19.000	19.000	19.000	19.000	19.000	19.000	19.000
1381	Vật tư ngành nước	Ø 32	m	T/C DIN 8074-8075	dày 3,0mm	Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	30.600	30.600	30.600	30.600	30.600	30.600	30.600	30.600	30.600	30.600	30.600	30.600	30.600	30.600	30.600
1382	Vật tư ngành nước	Ø 40	m	T/C DIN 8074-8075	dày 3,7mm	Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	47.400	47.400	47.400	47.400	47.400	47.400	47.400	47.400	47.400	47.400	47.400	47.400	47.400	47.400	47.400
1383	Vật tư ngành nước	Ø 50	m	T/C DIN 8074-8075	dày 4,6mm	Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	73.500	73.500	73.500	73.500	73.500	73.500	73.500	73.500	73.500	73.500	73.500	73.500	73.500	73.500	73.500
1384	Vật tư ngành nước	Ø 63	m	T/C DIN 8074-8075	dày 5,8mm	Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	115.700	115.700	115.700	115.700	115.700	115.700	115.700	115.700	115.700	115.700	115.700	115.700	115.700	115.700	115.700
1385	Vật tư ngành nước	Ø 75	m	T/C DIN 8074-8075	dày 6,8mm	Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	164.300	164.300	164.300	164.300	164.300	164.300	164.300	164.300	164.300	164.300	164.300	164.300	164.300	164.300	164.300
1386	Vật tư ngành nước	Ø 90	m	T/C DIN 8074-8075	dày 8,2mm	Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	235.200	235.200	235.200	235.200	235.200	235.200	235.200	235.200	235.200	235.200	235.200	235.200	235.200	235.200	235.200
1387	Vật tư ngành nước	Ø 110	m	T/C DIN 8074-8075	dày 10,0mm	Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	354.300	354.300	354.300	354.300	354.300	354.300	354.300	354.300	354.300	354.300	354.300	354.300	354.300	354.300	354.300
1388	Vật tư ngành nước	Ø 125	m	T/C DIN 8074-8075	dày 11,4mm	Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	458.300	458.300	458.300	458.300	458.300	458.300	458.300	458.300	458.300	458.300	458.300	458.300	458.300	458.300	458.300
1389	Vật tư ngành nước	Ø 140	m	T/C DIN 8074-8075	dày 12,7mm	Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	568.200	568.200	568.200	568.200	568.200	568.200	568.200	568.200	568.200	568.200	568.200	568.200	568.200	568.200	568.200
1390	Vật tư ngành nước	Ø 160	m	T/C DIN 8074-8075	dày 14,6mm	Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	751.300	751.300	751.300	751.300	751.300	751.300	751.300	751.300	751.300	751.300	751.300	751.300	751.300	751.300	751.300
1391	Vật tư ngành nước	Ø 180	m	T/C DIN 8074-8075	dày 16,4mm	Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	945.200	945.200	945.200	945.200	945.200	945.200	945.200	945.200	945.200	945.200	945.200	945.200	945.200	945.200	945.200
1392	Vật tư ngành nước	Ø 200	m	T/C DIN 8074-8075	dày 18,2mm	Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	1.182.500	1.182.500	1.182.500	1.182.500	1.182.500	1.182.500	1.182.500	1.182.500	1.182.500	1.182.500	1.182.500	1.182.500	1.182.500	1.182.500	1.182.500
1393	Vật tư ngành nước	Ø 225	m	T/C DIN 8074-8075	dày 20,5mm	Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	1.445.800	1.445.800	1.445.800	1.445.800	1.445.800	1.445.800	1.445.800	1.445.800	1.445.800	1.445.800	1.445.800	1.445.800	1.445.800	1.445.800	1.445.800

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng) (đồng)														
												Khu vực Tân An	Khu vực Tân Trụ	Khu vực Châu Thành	Khu vực Thủ Thừa	Khu vực Bến Lức	Khu vực Cần Giuộc	Khu vực Cần Đước	Khu vực Tân Thạnh	Khu vực Thạnh Hóa	Khu vực Tân Hưng	Khu vực Vĩnh Hưng	Khu vực Kiến Tường	Khu vực Mộc Hóa	Khu vực Đức Hòa	Khu vực Đức Huệ
1394	Vật tư ngành nước	Ø 250	m	T/C DIN 8074-8075	dày 22,7mm	Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	1.798.700	1.798.700	1.798.700	1.798.700	1.798.700	1.798.700	1.798.700	1.798.700	1.798.700	1.798.700	1.798.700	1.798.700	1.798.700	1.798.700	1.798.700
1395	Vật tư ngành nước	Ø 280	m	T/C DIN 8074-8075	dày 25,4mm	Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	2.254.300	2.254.300	2.254.300	2.254.300	2.254.300	2.254.300	2.254.300	2.254.300	2.254.300	2.254.300	2.254.300	2.254.300	2.254.300	2.254.300	2.254.300
1396	Vật tư ngành nước	Ø 315	m	T/C DIN 8074-8075	dày 28,6mm	Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	2.853.500	2.853.500	2.853.500	2.853.500	2.853.500	2.853.500	2.853.500	2.853.500	2.853.500	2.853.500	2.853.500	2.853.500	2.853.500	2.853.500	2.853.500
1397	Vật tư ngành nước	Ø 355	m	T/C DIN 8074-8075	dày 32,2mm	Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	3.622.500	3.622.500	3.622.500	3.622.500	3.622.500	3.622.500	3.622.500	3.622.500	3.622.500	3.622.500	3.622.500	3.622.500	3.622.500	3.622.500	3.622.500
1398	Vật tư ngành nước	Ø 400	m	T/C DIN 8074-8075	dày 36,3mm	Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	4.616.700	4.616.700	4.616.700	4.616.700	4.616.700	4.616.700	4.616.700	4.616.700	4.616.700	4.616.700	4.616.700	4.616.700	4.616.700	4.616.700	4.616.700
1399	Vật tư ngành nước	Ø 450	m	T/C DIN 8074-8075	dày 40,9mm	Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	5.843.400	5.843.400	5.843.400	5.843.400	5.843.400	5.843.400	5.843.400	5.843.400	5.843.400	5.843.400	5.843.400	5.843.400	5.843.400	5.843.400	5.843.400
1400	Vật tư ngành nước	Ø 500	m	T/C DIN 8074-8075	dày 45,4mm	Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	7.243.500	7.243.500	7.243.500	7.243.500	7.243.500	7.243.500	7.243.500	7.243.500	7.243.500	7.243.500	7.243.500	7.243.500	7.243.500	7.243.500	7.243.500
1401	Vật tư ngành nước	Ø 560	m	T/C DIN 8074-8075	dày 50,8mm	Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	9.803.200	9.803.200	9.803.200	9.803.200	9.803.200	9.803.200	9.803.200	9.803.200	9.803.200	9.803.200	9.803.200	9.803.200	9.803.200	9.803.200	9.803.200
1402	Vật tư ngành nước	Ø 630	m	T/C DIN 8074-8075	dày 57,2mm	Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	11.646.800	11.646.800	11.646.800	11.646.800	11.646.800	11.646.800	11.646.800	11.646.800	11.646.800	11.646.800	11.646.800	11.646.800	11.646.800	11.646.800	11.646.800
1403	Vật tư ngành nước	Ø 710	m	T/C DIN 8074-8075	dày 64,5mm	Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	15.800.900	15.800.900	15.800.900	15.800.900	15.800.900	15.800.900	15.800.900	15.800.900	15.800.900	15.800.900	15.800.900	15.800.900	15.800.900	15.800.900	15.800.900
1404	Vật tư ngành nước	Ø 800	m	T/C DIN 8074-8075	dày 72,0mm	Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	20.161.800	20.161.800	20.161.800	20.161.800	20.161.800	20.161.800	20.161.800	20.161.800	20.161.800	20.161.800	20.161.800	20.161.800	20.161.800	20.161.800	20.161.800
1405	Vật tư ngành nước	**Ống nhựa HDPE PN20**		T/C DIN 8074-8075		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
1406	Vật tư ngành nước	Ø 20	m	T/C DIN 8074-8075	dày 2,3mm	Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	14.800	14.800	14.800	14.800	14.800	14.800	14.800	14.800	14.800	14.800	14.800	14.800	14.800	14.800	14.800
1407	Vật tư ngành nước	Ø 25	m	T/C DIN 8074-8075	dày 2,8mm	Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	22.300	22.300	22.300	22.300	22.300	22.300	22.300	22.300	22.300	22.300	22.300	22.300	22.300	22.300	22.300
1408	Vật tư ngành nước	Ø 32	m	T/C DIN 8074-8075	dày 3,6mm	Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	36.800	36.800	36.800	36.800	36.800	36.800	36.800	36.800	36.800	36.800	36.800	36.800	36.800	36.800	36.800
1409	Vật tư ngành nước	Ø 40	m	T/C DIN 8074-8075	dày 4,5mm	Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	56.300	56.300	56.300	56.300	56.300	56.300	56.300	56.300	56.300	56.300	56.300	56.300	56.300	56.300	56.300
1410	Vật tư ngành nước	Ø 50	m	T/C DIN 8074-8075	dày 5,6mm	Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	87.000	87.000	87.000	87.000	87.000	87.000	87.000	87.000	87.000	87.000	87.000	87.000	87.000	87.000	87.000
1411	Vật tư ngành nước	Ø 63	m	T/C DIN 8074-8075	dày 7,1mm	Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	138.500	138.500	138.500	138.500	138.500	138.500	138.500	138.500	138.500	138.500	138.500	138.500	138.500	138.500	138.500
1412	Vật tư ngành nước	Ø 75	m	T/C DIN 8074-8075	dày 8,4mm	Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	196.200	196.200	196.200	196.200	196.200	196.200	196.200	196.200	196.200	196.200	196.200	196.200	196.200	196.200	196.200
1413	Vật tư ngành nước	Ø 90	m	T/C DIN 8074-8075	dày 10,1mm	Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	281.500	281.500	281.500	281.500	281.500	281.500	281.500	281.500	281.500	281.500	281.500	281.500	281.500	281.500	281.500
1414	Vật tư ngành nước	Ø 110	m	T/C DIN 8074-8075	dày 12,3mm	Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	426.300	426.300	426.300	426.300	426.300	426.300	426.300	426.300	426.300	426.300	426.300	426.300	426.300	426.300	426.300

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng) (đồng)														
												Khu vực Tân An	Khu vực Tân Trụ	Khu vực Châu Thành	Khu vực Thủ Thừa	Khu vực Bến Lức	Khu vực Cần Giuộc	Khu vực Cần Đước	Khu vực Tân Thạnh	Khu vực Thạnh Hóa	Khu vực Tân Hưng	Khu vực Vĩnh Hưng	Khu vực Kiến Tường	Khu vực Mộc Hóa	Khu vực Đức Hòa	Khu vực Đức Huệ
1415	Vật tư ngành nước	Ø 125	m	T/C DIN 8074-8075	dày 14,0mm	Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	546.500	546.500	546.500	546.500	546.500	546.500	546.500	546.500	546.500	546.500	546.500	546.500	546.500	546.500	546.500
1416	Vật tư ngành nước	Ø 140	m	T/C DIN 8074-8075	dày 15,7mm	Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	683.300	683.300	683.300	683.300	683.300	683.300	683.300	683.300	683.300	683.300	683.300	683.300	683.300	683.300	683.300
1417	Vật tư ngành nước	Ø 160	m	T/C DIN 8074-8075	dày 17,9mm	Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	896.400	896.400	896.400	896.400	896.400	896.400	896.400	896.400	896.400	896.400	896.400	896.400	896.400	896.400	896.400
1418	Vật tư ngành nước	Ø 180	m	T/C DIN 8074-8075	dày 20,1mm	Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	1.133.400	1.133.400	1.133.400	1.133.400	1.133.400	1.133.400	1.133.400	1.133.400	1.133.400	1.133.400	1.133.400	1.133.400	1.133.400	1.133.400	1.133.400
1419	Vật tư ngành nước	Ø 200	m	T/C DIN 8074-8075	dày 22,4mm	Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	1.410.000	1.410.000	1.410.000	1.410.000	1.410.000	1.410.000	1.410.000	1.410.000	1.410.000	1.410.000	1.410.000	1.410.000	1.410.000	1.410.000	1.410.000
1420	Vật tư ngành nước	Ø 225	m	T/C DIN 8074-8075	dày 25,2mm	Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	1.743.900	1.743.900	1.743.900	1.743.900	1.743.900	1.743.900	1.743.900	1.743.900	1.743.900	1.743.900	1.743.900	1.743.900	1.743.900	1.743.900	1.743.900
1421	Vật tư ngành nước	Ø 250	m	T/C DIN 8074-8075	dày 27,9mm	Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	2.152.100	2.152.100	2.152.100	2.152.100	2.152.100	2.152.100	2.152.100	2.152.100	2.152.100	2.152.100	2.152.100	2.152.100	2.152.100	2.152.100	2.152.100
1422	Vật tư ngành nước	Ø 280	m	T/C DIN 8074-8075	dày 31,3mm	Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	2.695.600	2.695.600	2.695.600	2.695.600	2.695.600	2.695.600	2.695.600	2.695.600	2.695.600	2.695.600	2.695.600	2.695.600	2.695.600	2.695.600	2.695.600
1423	Vật tư ngành nước	Ø 315	m	T/C DIN 8074-8075	dày 35,2mm	Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	3.433.900	3.433.900	3.433.900	3.433.900	3.433.900	3.433.900	3.433.900	3.433.900	3.433.900	3.433.900	3.433.900	3.433.900	3.433.900	3.433.900	3.433.900
1424	Vật tư ngành nước	Ø 355	m	T/C DIN 8074-8075	dày 39,7mm	Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	4.356.200	4.356.200	4.356.200	4.356.200	4.356.200	4.356.200	4.356.200	4.356.200	4.356.200	4.356.200	4.356.200	4.356.200	4.356.200	4.356.200	4.356.200
1425	Vật tư ngành nước	Ø 400	m	T/C DIN 8074-8075	dày 44,7mm	Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	5.545.000	5.545.000	5.545.000	5.545.000	5.545.000	5.545.000	5.545.000	5.545.000	5.545.000	5.545.000	5.545.000	5.545.000	5.545.000	5.545.000	5.545.000
1426	Vật tư ngành nước	Ø 450	m	T/C DIN 8074-8075	dày 50,3mm	Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	7.012.600	7.012.600	7.012.600	7.012.600	7.012.600	7.012.600	7.012.600	7.012.600	7.012.600	7.012.600	7.012.600	7.012.600	7.012.600	7.012.600	7.012.600
1427	Vật tư ngành nước	Ø 500	m	T/C DIN 8074-8075	dày 55,8mm	Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	8.675.100	8.675.100	8.675.100	8.675.100	8.675.100	8.675.100	8.675.100	8.675.100	8.675.100	8.675.100	8.675.100	8.675.100	8.675.100	8.675.100	8.675.100
1428	Vật tư ngành nước	**Ống nhựa PVC dán keo**		TCVN 8491-2:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
1429	Vật tư ngành nước	Ống thoát Ø 21 dầy 1.0	m	TCVN 8491-2:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	7.900	7.900	7.900	7.900	7.900	7.900	7.900	7.900	7.900	7.900	7.900	7.900	7.900	7.900	7.900
1430	Vật tư ngành nước	Class 0 Ø 21 dầy 1.2	m	TCVN 8491-2:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	9.600	9.600	9.600	9.600	9.600	9.600	9.600	9.600	9.600	9.600	9.600	9.600	9.600	9.600	9.600
1431	Vật tư ngành nước	Class 1 Ø 21 dầy 1.5	m	TCVN 8491-2:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	10.500	10.500	10.500	10.500	10.500	10.500	10.500	10.500	10.500	10.500	10.500	10.500	10.500	10.500	10.500
1432	Vật tư ngành nước	Class 2 Ø 21 dầy 1.6	m	TCVN 8491-2:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	12.600	12.600	12.600	12.600	12.600	12.600	12.600	12.600	12.600	12.600	12.600	12.600	12.600	12.600	12.600
1433	Vật tư ngành nước	Class 3 Ø 21 dầy 2.4	m	TCVN 8491-2:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	14.800	14.800	14.800	14.800	14.800	14.800	14.800	14.800	14.800	14.800	14.800	14.800	14.800	14.800	14.800
1434	Vật tư ngành nước	Ống thoát Ø 27 dầy 1.0	m	TCVN 8491-2:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	9.800	9.800	9.800	9.800	9.800	9.800	9.800	9.800	9.800	9.800	9.800	9.800	9.800	9.800	9.800
1435	Vật tư ngành nước	Class 0 Ø 27 dầy 1.3	m	TCVN 8491-2:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	12.300	12.300	12.300	12.300	12.300	12.300	12.300	12.300	12.300	12.300	12.300	12.300	12.300	12.300	12.300

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng) (đồng)														
												Khu vực Tân An	Khu vực Tân Trụ	Khu vực Châu Thành	Khu vực Thủ Thừa	Khu vực Bến Lức	Khu vực Cần Giuộc	Khu vực Cần Đước	Khu vực Tân Thạnh	Khu vực Thạnh Hóa	Khu vực Tân Hưng	Khu vực Vĩnh Hưng	Khu vực Kiến Tường	Khu vực Mộc Hóa	Khu vực Đức Hòa	Khu vực Đức Huệ
1436	Vật tư ngành nước	Class 1 Ø 27 dầy 1.6	m	TCVN 8491-2:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - dt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	14.400	14.400	14.400	14.400	14.400	14.400	14.400	14.400	14.400	14.400	14.400	14.400	14.400	14.400
1437	Vật tư ngành nước	Class 2 Ø 27 dầy 2.0	m	TCVN 8491-2:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - dt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	16.000	16.000	16.000	16.000	16.000	16.000	16.000	16.000	16.000	16.000	16.000	16.000	16.000	16.000
1438	Vật tư ngành nước	Class 3 Ø 27 dầy 3.0	m	TCVN 8491-2:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - dt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	22.600	22.600	22.600	22.600	22.600	22.600	22.600	22.600	22.600	22.600	22.600	22.600	22.600	22.600
1439	Vật tư ngành nước	Ống thoát Ø 34 dầy 1.0	m	TCVN 8491-2:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - dt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	12.600	12.600	12.600	12.600	12.600	12.600	12.600	12.600	12.600	12.600	12.600	12.600	12.600	12.600
1440	Vật tư ngành nước	Class 0 Ø 34 dầy 1.5	m	TCVN 8491-2:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - dt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	14.800	14.800	14.800	14.800	14.800	14.800	14.800	14.800	14.800	14.800	14.800	14.800	14.800	14.800
1441	Vật tư ngành nước	Class 1 Ø 34 dầy 1.7	m	TCVN 8491-2:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - dt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	18.100	18.100	18.100	18.100	18.100	18.100	18.100	18.100	18.100	18.100	18.100	18.100	18.100	18.100
1442	Vật tư ngành nước	Class 2 Ø 34 dầy 2.0	m	TCVN 8491-2:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - dt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	22.100	22.100	22.100	22.100	22.100	22.100	22.100	22.100	22.100	22.100	22.100	22.100	22.100	22.100
1443	Vật tư ngành nước	Class 3 Ø 34 dầy 2.6	m	TCVN 8491-2:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - dt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	25.100	25.100	25.100	25.100	25.100	25.100	25.100	25.100	25.100	25.100	25.100	25.100	25.100	25.100
1444	Vật tư ngành nước	Class 4 Ø 34 dầy 3.8	m	TCVN 8491-2:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - dt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	37.300	37.300	37.300	37.300	37.300	37.300	37.300	37.300	37.300	37.300	37.300	37.300	37.300	37.300
1445	Vật tư ngành nước	Ống thoát Ø 42 dầy 1.2	m	TCVN 8491-2:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - dt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	18.900	18.900	18.900	18.900	18.900	18.900	18.900	18.900	18.900	18.900	18.900	18.900	18.900	18.900
1446	Vật tư ngành nước	Class 0 Ø 42 dầy 1.5	m	TCVN 8491-2:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - dt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	21.100	21.100	21.100	21.100	21.100	21.100	21.100	21.100	21.100	21.100	21.100	21.100	21.100	21.100
1447	Vật tư ngành nước	Class 1 Ø 42 dầy 1.7	m	TCVN 8491-2:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - dt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	24.900	24.900	24.900	24.900	24.900	24.900	24.900	24.900	24.900	24.900	24.900	24.900	24.900	24.900
1448	Vật tư ngành nước	Class 2 Ø 42 dầy 2.0	m	TCVN 8491-2:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - dt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	28.300	28.300	28.300	28.300	28.300	28.300	28.300	28.300	28.300	28.300	28.300	28.300	28.300	28.300
1449	Vật tư ngành nước	Class 3 Ø 42 dầy 2.5	m	TCVN 8491-2:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - dt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	33.300	33.300	33.300	33.300	33.300	33.300	33.300	33.300	33.300	33.300	33.300	33.300	33.300	33.300
1450	Vật tư ngành nước	Class 4 Ø 42 dầy 3.2	m	TCVN 8491-2:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - dt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	41.100	41.100	41.100	41.100	41.100	41.100	41.100	41.100	41.100	41.100	41.100	41.100	41.100	41.100
1451	Vật tư ngành nước	Class 5 Ø 42 dầy 4.7	m	TCVN 8491-2:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - dt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	55.400	55.400	55.400	55.400	55.400	55.400	55.400	55.400	55.400	55.400	55.400	55.400	55.400	55.400
1452	Vật tư ngành nước	Ống thoát Ø 48 dầy 1.4	m	TCVN 8491-2:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - dt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	22.100	22.100	22.100	22.100	22.100	22.100	22.100	22.100	22.100	22.100	22.100	22.100	22.100	22.100
1453	Vật tư ngành nước	Class 0 Ø 48 dầy 1.6	m	TCVN 8491-2:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - dt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	25.900	25.900	25.900	25.900	25.900	25.900	25.900	25.900	25.900	25.900	25.900	25.900	25.900	25.900
1454	Vật tư ngành nước	Class 1 Ø 48 dầy 1.9	m	TCVN 8491-2:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - dt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	29.600	29.600	29.600	29.600	29.600	29.600	29.600	29.600	29.600	29.600	29.600	29.600	29.600	29.600
1455	Vật tư ngành nước	Class 2 Ø 48 dầy 2.3	m	TCVN 8491-2:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - dt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	34.100	34.100	34.100	34.100	34.100	34.100	34.100	34.100	34.100	34.100	34.100	34.100	34.100	34.100
1456	Vật tư ngành nước	Class 3 Ø 48 dầy 2.9	m	TCVN 8491-2:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - dt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	41.300	41.300	41.300	41.300	41.300	41.300	41.300	41.300	41.300	41.300	41.300	41.300	41.300	41.300

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng) (đồng)														
												Khu vực Tân An	Khu vực Tân Trụ	Khu vực Châu Thành	Khu vực Thủ Thừa	Khu vực Bến Lức	Khu vực Cần Giuộc	Khu vực Cần Đước	Khu vực Tân Thạnh	Khu vực Thạnh Hóa	Khu vực Tân Hưng	Khu vực Vĩnh Hưng	Khu vực Kiến Tường	Khu vực Mộc Hóa	Khu vực Đức Hòa	Khu vực Đức Huệ
1457	Vật tư ngành nước	Class 4 Ø 48 dầy 3.6	m	TCVN 8491-2:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - dt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	51.800	51.800	51.800	51.800	51.800	51.800	51.800	51.800	51.800	51.800	51.800	51.800	51.800	51.800	51.800
1458	Vật tư ngành nước	Class 5 Ø 48 dầy 5.4	m	TCVN 8491-2:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - dt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	74.300	74.300	74.300	74.300	74.300	74.300	74.300	74.300	74.300	74.300	74.300	74.300	74.300	74.300	74.300
1459	Vật tư ngành nước	Ống thoát Ø 60 dầy 1.4	m	TCVN 8491-2:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - dt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	28.800	28.800	28.800	28.800	28.800	28.800	28.800	28.800	28.800	28.800	28.800	28.800	28.800	28.800	28.800
1460	Vật tư ngành nước	Class 0 Ø 60 dầy 1.5	m	TCVN 8491-2:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - dt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	34.400	34.400	34.400	34.400	34.400	34.400	34.400	34.400	34.400	34.400	34.400	34.400	34.400	34.400	34.400
1461	Vật tư ngành nước	Class 1 Ø 60 dầy 1.8	m	TCVN 8491-2:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - dt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	41.900	41.900	41.900	41.900	41.900	41.900	41.900	41.900	41.900	41.900	41.900	41.900	41.900	41.900	41.900
1462	Vật tư ngành nước	Class 2 Ø 60 dầy 2.3	m	TCVN 8491-2:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - dt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	48.800	48.800	48.800	48.800	48.800	48.800	48.800	48.800	48.800	48.800	48.800	48.800	48.800	48.800	48.800
1463	Vật tư ngành nước	Class 3 Ø 60 dầy 2.9	m	TCVN 8491-2:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - dt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	59.000	59.000	59.000	59.000	59.000	59.000	59.000	59.000	59.000	59.000	59.000	59.000	59.000	59.000	59.000
1464	Vật tư ngành nước	Class 4 Ø 60 dầy 3.6	m	TCVN 8491-2:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - dt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	74.000	74.000	74.000	74.000	74.000	74.000	74.000	74.000	74.000	74.000	74.000	74.000	74.000	74.000	74.000
1465	Vật tư ngành nước	Class 5 Ø 60 dầy 4.5	m	TCVN 8491-2:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - dt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	88.900	88.900	88.900	88.900	88.900	88.900	88.900	88.900	88.900	88.900	88.900	88.900	88.900	88.900	88.900
1466	Vật tư ngành nước	Ống thoát Ø 75 dầy 1.5	m	TCVN 8491-2:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - dt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	40.300	40.300	40.300	40.300	40.300	40.300	40.300	40.300	40.300	40.300	40.300	40.300	40.300	40.300	40.300
1467	Vật tư ngành nước	Class 0 Ø 75 dầy 1.9	m	TCVN 8491-2:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - dt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	47.000	47.000	47.000	47.000	47.000	47.000	47.000	47.000	47.000	47.000	47.000	47.000	47.000	47.000	47.000
1468	Vật tư ngành nước	Class 1 Ø 75 dầy 2.2	m	TCVN 8491-2:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - dt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	53.300	53.300	53.300	53.300	53.300	53.300	53.300	53.300	53.300	53.300	53.300	53.300	53.300	53.300	53.300
1469	Vật tư ngành nước	Class 2 Ø 75 dầy 2.9	m	TCVN 8491-2:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - dt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	69.400	69.400	69.400	69.400	69.400	69.400	69.400	69.400	69.400	69.400	69.400	69.400	69.400	69.400	69.400
1470	Vật tư ngành nước	Class 3 Ø 75 dầy 3.6	m	TCVN 8491-2:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - dt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	86.000	86.000	86.000	86.000	86.000	86.000	86.000	86.000	86.000	86.000	86.000	86.000	86.000	86.000	86.000
1471	Vật tư ngành nước	Class 4 Ø 75 dầy 4.5	m	TCVN 8491-2:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - dt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	108.100	108.100	108.100	108.100	108.100	108.100	108.100	108.100	108.100	108.100	108.100	108.100	108.100	108.100	108.100
1472	Vật tư ngành nước	Class 5 Ø 75 dầy 5.6	m	TCVN 8491-2:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - dt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	130.500	130.500	130.500	130.500	130.500	130.500	130.500	130.500	130.500	130.500	130.500	130.500	130.500	130.500	130.500
1473	Vật tư ngành nước	Ống thoát Ø 90 dầy 1.5	m	TCVN 8491-2:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - dt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	49.100	49.100	49.100	49.100	49.100	49.100	49.100	49.100	49.100	49.100	49.100	49.100	49.100	49.100	49.100
1474	Vật tư ngành nước	Class 0 Ø 90 dầy 1.9	m	TCVN 8491-2:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - dt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	56.100	56.100	56.100	56.100	56.100	56.100	56.100	56.100	56.100	56.100	56.100	56.100	56.100	56.100	56.100
1475	Vật tư ngành nước	Class 1 Ø 90 dầy 2.2	m	TCVN 8491-2:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - dt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	65.800	65.800	65.800	65.800	65.800	65.800	65.800	65.800	65.800	65.800	65.800	65.800	65.800	65.800	65.800
1476	Vật tư ngành nước	Class 2 Ø 90 dầy 2.7	m	TCVN 8491-2:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - dt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	76.000	76.000	76.000	76.000	76.000	76.000	76.000	76.000	76.000	76.000	76.000	76.000	76.000	76.000	76.000
1477	Vật tư ngành nước	Class 3 Ø 90 dầy 3.5	m	TCVN 8491-2:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - dt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	99.600	99.600	99.600	99.600	99.600	99.600	99.600	99.600	99.600	99.600	99.600	99.600	99.600	99.600	99.600

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng) (đồng)														
												Khu vực Tân An	Khu vực Tân Trụ	Khu vực Châu Thành	Khu vực Thủ Thừa	Khu vực Bến Lức	Khu vực Cần Giuộc	Khu vực Cần Đước	Khu vực Tân Thạnh	Khu vực Thạnh Hóa	Khu vực Tân Hưng	Khu vực Vĩnh Hưng	Khu vực Kiến Tường	Khu vực Mộc Hóa	Khu vực Đức Hòa	Khu vực Đức Huệ
1478	Vật tư ngành nước	Class 4 Ø 90 dầy 4.3	m	TCVN 8491-2:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - dt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	123.800	123.800	123.800	123.800	123.800	123.800	123.800	123.800	123.800	123.800	123.800	123.800	123.800	123.800	123.800
1479	Vật tư ngành nước	Class 5 Ø 90 dầy 5.4	m	TCVN 8491-2:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - dt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	153.800	153.800	153.800	153.800	153.800	153.800	153.800	153.800	153.800	153.800	153.800	153.800	153.800	153.800	153.800
1480	Vật tư ngành nước	Ống thoát Ø 110 dầy 1.5	m	TCVN 8491-2:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - dt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	74.300	74.300	74.300	74.300	74.300	74.300	74.300	74.300	74.300	74.300	74.300	74.300	74.300	74.300	74.300
1481	Vật tư ngành nước	Class 0 Ø 110 dầy 2.2	m	TCVN 8491-2:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - dt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	84.000	84.000	84.000	84.000	84.000	84.000	84.000	84.000	84.000	84.000	84.000	84.000	84.000	84.000	84.000
1482	Vật tư ngành nước	Class 1 Ø 110 dầy 2.7	m	TCVN 8491-2:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - dt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	97.900	97.900	97.900	97.900	97.900	97.900	97.900	97.900	97.900	97.900	97.900	97.900	97.900	97.900	97.900
1483	Vật tư ngành nước	Class 2 Ø 110 dầy 3.2	m	TCVN 8491-2:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - dt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	111.400	111.400	111.400	111.400	111.400	111.400	111.400	111.400	111.400	111.400	111.400	111.400	111.400	111.400	111.400
1484	Vật tư ngành nước	Class 3 Ø 110 dầy 4.2	m	TCVN 8491-2:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - dt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	156.000	156.000	156.000	156.000	156.000	156.000	156.000	156.000	156.000	156.000	156.000	156.000	156.000	156.000	156.000
1485	Vật tư ngành nước	Class 4 Ø 110 dầy 5.3	m	TCVN 8491-2:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - dt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	186.800	186.800	186.800	186.800	186.800	186.800	186.800	186.800	186.800	186.800	186.800	186.800	186.800	186.800	186.800
1486	Vật tư ngành nước	Class 5 Ø 110 dầy 6.6	m	TCVN 8491-2:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - dt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	230.500	230.500	230.500	230.500	230.500	230.500	230.500	230.500	230.500	230.500	230.500	230.500	230.500	230.500	230.500
1487	Vật tư ngành nước	Ống thoát Ø 125 dầy 2.0	m	TCVN 8491-2:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - dt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	82.000	82.000	82.000	82.000	82.000	82.000	82.000	82.000	82.000	82.000	82.000	82.000	82.000	82.000	82.000
1488	Vật tư ngành nước	Class 0 Ø 125 dầy 2.5	m	TCVN 8491-2:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - dt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	103.400	103.400	103.400	103.400	103.400	103.400	103.400	103.400	103.400	103.400	103.400	103.400	103.400	103.400	103.400
1489	Vật tư ngành nước	Class 1 Ø 125 dầy 3.1	m	TCVN 8491-2:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - dt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	121.000	121.000	121.000	121.000	121.000	121.000	121.000	121.000	121.000	121.000	121.000	121.000	121.000	121.000	121.000
1490	Vật tư ngành nước	Class 2 Ø 125 dầy 3.7	m	TCVN 8491-2:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - dt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	143.400	143.400	143.400	143.400	143.400	143.400	143.400	143.400	143.400	143.400	143.400	143.400	143.400	143.400	143.400
1491	Vật tư ngành nước	Class 3 Ø 125 dầy 4.8	m	TCVN 8491-2:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - dt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	181.900	181.900	181.900	181.900	181.900	181.900	181.900	181.900	181.900	181.900	181.900	181.900	181.900	181.900	181.900
1492	Vật tư ngành nước	Class 4 Ø 125 dầy 6.0	m	TCVN 8491-2:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - dt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	229.100	229.100	229.100	229.100	229.100	229.100	229.100	229.100	229.100	229.100	229.100	229.100	229.100	229.100	229.100
1493	Vật tư ngành nước	Class 5 Ø 125 dầy 7.4	m	TCVN 8491-2:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - dt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	280.900	280.900	280.900	280.900	280.900	280.900	280.900	280.900	280.900	280.900	280.900	280.900	280.900	280.900	280.900
1494	Vật tư ngành nước	Ống thoát Ø 140 dầy 2.2	m	TCVN 8491-2:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - dt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	101.000	101.000	101.000	101.000	101.000	101.000	101.000	101.000	101.000	101.000	101.000	101.000	101.000	101.000	101.000
1495	Vật tư ngành nước	Class 0 Ø 140 dầy 2.8	m	TCVN 8491-2:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - dt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	128.500	128.500	128.500	128.500	128.500	128.500	128.500	128.500	128.500	128.500	128.500	128.500	128.500	128.500	128.500
1496	Vật tư ngành nước	Class 1 Ø 140 dầy 3.5	m	TCVN 8491-2:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - dt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	151.300	151.300	151.300	151.300	151.300	151.300	151.300	151.300	151.300	151.300	151.300	151.300	151.300	151.300	151.300
1497	Vật tư ngành nước	Class 2 Ø 140 dầy 4.1	m	TCVN 8491-2:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - dt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	178.300	178.300	178.300	178.300	178.300	178.300	178.300	178.300	178.300	178.300	178.300	178.300	178.300	178.300	178.300
1498	Vật tư ngành nước	Class 3 Ø 140 dầy 5.4	m	TCVN 8491-2:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - dt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	238.500	238.500	238.500	238.500	238.500	238.500	238.500	238.500	238.500	238.500	238.500	238.500	238.500	238.500	238.500

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng) (đồng)														
												Khu vực Tân An	Khu vực Tân Trụ	Khu vực Châu Thành	Khu vực Thủ Thừa	Khu vực Bến Lức	Khu vực Cần Giuộc	Khu vực Cần Đước	Khu vực Tân Thạnh	Khu vực Thạnh Hóa	Khu vực Tân Hưng	Khu vực Vĩnh Hưng	Khu vực Kiến Tường	Khu vực Mộc Hóa	Khu vực Đức Hòa	Khu vực Đức Huệ
1499	Vật tư ngành nước	Class 4 Ø 140 dầy 6.7	m	TCVN 8491-2:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - dt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	291.900	291.900	291.900	291.900	291.900	291.900	291.900	291.900	291.900	291.900	291.900	291.900	291.900	291.900
1500	Vật tư ngành nước	Class 5 Ø 140 dầy 8.3	m	TCVN 8491-2:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - dt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	359.000	359.000	359.000	359.000	359.000	359.000	359.000	359.000	359.000	359.000	359.000	359.000	359.000	359.000
1501	Vật tư ngành nước	Ống thoát Ø 160 dầy 2.5	m	TCVN 8491-2:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - dt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	131.100	131.100	131.100	131.100	131.100	131.100	131.100	131.100	131.100	131.100	131.100	131.100	131.100	131.100
1502	Vật tư ngành nước	Class 0 Ø 160 dầy 3.2	m	TCVN 8491-2:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - dt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	171.600	171.600	171.600	171.600	171.600	171.600	171.600	171.600	171.600	171.600	171.600	171.600	171.600	171.600
1503	Vật tư ngành nước	Class 1 Ø 160 dầy 4.0	m	TCVN 8491-2:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - dt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	200.000	200.000	200.000	200.000	200.000	200.000	200.000	200.000	200.000	200.000	200.000	200.000	200.000	200.000
1504	Vật tư ngành nước	Class 2 Ø 160 dầy 4.7	m	TCVN 8491-2:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - dt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	230.900	230.900	230.900	230.900	230.900	230.900	230.900	230.900	230.900	230.900	230.900	230.900	230.900	230.900
1505	Vật tư ngành nước	Class 3 Ø 160 dầy 6.2	m	TCVN 8491-2:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - dt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	298.600	298.600	298.600	298.600	298.600	298.600	298.600	298.600	298.600	298.600	298.600	298.600	298.600	298.600
1506	Vật tư ngành nước	Class 4 Ø 160 dầy 7.7	m	TCVN 8491-2:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - dt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	378.900	378.900	378.900	378.900	378.900	378.900	378.900	378.900	378.900	378.900	378.900	378.900	378.900	378.900
1507	Vật tư ngành nước	Class 5 Ø 160 dầy 9.5	m	TCVN 8491-2:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - dt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	465.100	465.100	465.100	465.100	465.100	465.100	465.100	465.100	465.100	465.100	465.100	465.100	465.100	465.100
1508	Vật tư ngành nước	Ống thoát Ø 200 dầy 3.2	m	TCVN 8491-2:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - dt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	245.900	245.900	245.900	245.900	245.900	245.900	245.900	245.900	245.900	245.900	245.900	245.900	245.900	245.900
1509	Vật tư ngành nước	Class 0 Ø 200 dầy 3.9	m	TCVN 8491-2:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - dt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	257.800	257.800	257.800	257.800	257.800	257.800	257.800	257.800	257.800	257.800	257.800	257.800	257.800	257.800
1510	Vật tư ngành nước	Class 1 Ø 200 dầy 4.9	m	TCVN 8491-2:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - dt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	311.500	311.500	311.500	311.500	311.500	311.500	311.500	311.500	311.500	311.500	311.500	311.500	311.500	311.500
1511	Vật tư ngành nước	Class 2 Ø 200 dầy 5.9	m	TCVN 8491-2:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - dt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	362.300	362.300	362.300	362.300	362.300	362.300	362.300	362.300	362.300	362.300	362.300	362.300	362.300	362.300
1512	Vật tư ngành nước	Class 3 Ø 200 dầy 7.7	m	TCVN 8491-2:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - dt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	462.300	462.300	462.300	462.300	462.300	462.300	462.300	462.300	462.300	462.300	462.300	462.300	462.300	462.300
1513	Vật tư ngành nước	Class 4 Ø 200 dầy 9.6	m	TCVN 8491-2:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - dt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	592.400	592.400	592.400	592.400	592.400	592.400	592.400	592.400	592.400	592.400	592.400	592.400	592.400	592.400
1514	Vật tư ngành nước	Class 5 Ø 200 dầy 11.9	m	TCVN 8491-2:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - dt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	730.100	730.100	730.100	730.100	730.100	730.100	730.100	730.100	730.100	730.100	730.100	730.100	730.100	730.100
1515	Vật tư ngành nước	Ống thoát Ø 225 dầy 3.5	m	TCVN 8491-2:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - dt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	255.400	255.400	255.400	255.400	255.400	255.400	255.400	255.400	255.400	255.400	255.400	255.400	255.400	255.400
1516	Vật tư ngành nước	Class 0 Ø 225 dầy 4.4	m	TCVN 8491-2:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - dt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	316.000	316.000	316.000	316.000	316.000	316.000	316.000	316.000	316.000	316.000	316.000	316.000	316.000	316.000
1517	Vật tư ngành nước	Class 1 Ø 225 dầy 5.5	m	TCVN 8491-2:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - dt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	379.800	379.800	379.800	379.800	379.800	379.800	379.800	379.800	379.800	379.800	379.800	379.800	379.800	379.800
1518	Vật tư ngành nước	Class 2 Ø 225 dầy 6.6	m	TCVN 8491-2:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - dt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	450.100	450.100	450.100	450.100	450.100	450.100	450.100	450.100	450.100	450.100	450.100	450.100	450.100	450.100
1519	Vật tư ngành nước	Class 3 Ø 225 dầy 8.6	m	TCVN 8491-2:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - dt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	584.600	584.600	584.600	584.600	584.600	584.600	584.600	584.600	584.600	584.600	584.600	584.600	584.600	584.600

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng) (đồng)														
												Khu vực Tân An	Khu vực Tân Trụ	Khu vực Châu Thành	Khu vực Thủ Thừa	Khu vực Bến Lức	Khu vực Cần Giuộc	Khu vực Cần Đước	Khu vực Tân Thạnh	Khu vực Thạnh Hóa	Khu vực Tân Hưng	Khu vực Vĩnh Hưng	Khu vực Kiến Tường	Khu vực Mộc Hóa	Khu vực Đức Hòa	Khu vực Đức Huệ
1520	Vật tư ngành nước	Class 4 Ø 225 dầy 10.8	m	TCVN 8491-2:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - dt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	749.800	749.800	749.800	749.800	749.800	749.800	749.800	749.800	749.800	749.800	749.800	749.800	749.800	749.800
1521	Vật tư ngành nước	Class 5 Ø 225 dầy 13.4	m	TCVN 8491-2:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - dt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	926.800	926.800	926.800	926.800	926.800	926.800	926.800	926.800	926.800	926.800	926.800	926.800	926.800	926.800	926.800
1522	Vật tư ngành nước	Ống thoát Ø 250 dầy 3.9	m	TCVN 8491-2:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - dt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	332.300	332.300	332.300	332.300	332.300	332.300	332.300	332.300	332.300	332.300	332.300	332.300	332.300	332.300	332.300
1523	Vật tư ngành nước	Class 0 Ø 250 dầy 4.9	m	TCVN 8491-2:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - dt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	414.300	414.300	414.300	414.300	414.300	414.300	414.300	414.300	414.300	414.300	414.300	414.300	414.300	414.300	414.300
1524	Vật tư ngành nước	Class 1 Ø 250 dầy 6.2	m	TCVN 8491-2:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - dt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	799.500	799.500	799.500	799.500	799.500	799.500	799.500	799.500	799.500	799.500	799.500	799.500	799.500	799.500	799.500
1525	Vật tư ngành nước	Class 2 Ø 250 dầy 7.3	m	TCVN 8491-2:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - dt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	582.900	582.900	582.900	582.900	582.900	582.900	582.900	582.900	582.900	582.900	582.900	582.900	582.900	582.900	582.900
1526	Vật tư ngành nước	Class 3 Ø 250 dầy 9.6	m	TCVN 8491-2:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - dt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	753.400	753.400	753.400	753.400	753.400	753.400	753.400	753.400	753.400	753.400	753.400	753.400	753.400	753.400	753.400
1527	Vật tư ngành nước	Class 4 Ø 250 dầy 11.9	m	TCVN 8491-2:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - dt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	952.400	952.400	952.400	952.400	952.400	952.400	952.400	952.400	952.400	952.400	952.400	952.400	952.400	952.400	952.400
1528	Vật tư ngành nước	Class 5 Ø 250 dầy 14.8	m	TCVN 8491-2:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - dt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	1.179.500	1.179.500	1.179.500	1.179.500	1.179.500	1.179.500	1.179.500	1.179.500	1.179.500	1.179.500	1.179.500	1.179.500	1.179.500	1.179.500	1.179.500
1529	Vật tư ngành nước	Ống thoát Ø 315 dầy 5.3	m	TCVN 8491-2:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - dt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	541.900	541.900	541.900	541.900	541.900	541.900	541.900	541.900	541.900	541.900	541.900	541.900	541.900	541.900	541.900
1530	Vật tư ngành nước	Class 0 Ø 315 dầy 6.2	m	TCVN 8491-2:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - dt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	627.900	627.900	627.900	627.900	627.900	627.900	627.900	627.900	627.900	627.900	627.900	627.900	627.900	627.900	627.900
1531	Vật tư ngành nước	Class 1 Ø 315 dầy 7.7	m	TCVN 8491-2:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - dt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	745.400	745.400	745.400	745.400	745.400	745.400	745.400	745.400	745.400	745.400	745.400	745.400	745.400	745.400	745.400
1532	Vật tư ngành nước	Class 2 Ø 315 dầy 9.2	m	TCVN 8491-2:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - dt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	894.300	894.300	894.300	894.300	894.300	894.300	894.300	894.300	894.300	894.300	894.300	894.300	894.300	894.300	894.300
1533	Vật tư ngành nước	Class 3 Ø 315 dầy 12.1	m	TCVN 8491-2:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - dt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	1.123.600	1.123.600	1.123.600	1.123.600	1.123.600	1.123.600	1.123.600	1.123.600	1.123.600	1.123.600	1.123.600	1.123.600	1.123.600	1.123.600	1.123.600
1534	Vật tư ngành nước	Class 4 Ø 315 dầy 15.0	m	TCVN 8491-2:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - dt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	1.555.600	1.555.600	1.555.600	1.555.600	1.555.600	1.555.600	1.555.600	1.555.600	1.555.600	1.555.600	1.555.600	1.555.600	1.555.600	1.555.600	1.555.600
1535	Vật tư ngành nước	Class 5 Ø 315 dầy 18.7	m	TCVN 8491-2:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - dt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	1.792.500	1.792.500	1.792.500	1.792.500	1.792.500	1.792.500	1.792.500	1.792.500	1.792.500	1.792.500	1.792.500	1.792.500	1.792.500	1.792.500	1.792.500
1536	Vật tư ngành nước	Class 0 Ø 355 dầy 7.0	m	TCVN 8491-2:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - dt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	793.100	793.100	793.100	793.100	793.100	793.100	793.100	793.100	793.100	793.100	793.100	793.100	793.100	793.100	793.100
1537	Vật tư ngành nước	Class 1 Ø 355 dầy 8.7	m	TCVN 8491-2:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - dt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	973.900	973.900	973.900	973.900	973.900	973.900	973.900	973.900	973.900	973.900	973.900	973.900	973.900	973.900	973.900
1538	Vật tư ngành nước	Class 2 Ø 355 dầy 10.4	m	TCVN 8491-2:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - dt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	1.158.600	1.158.600	1.158.600	1.158.600	1.158.600	1.158.600	1.158.600	1.158.600	1.158.600	1.158.600	1.158.600	1.158.600	1.158.600	1.158.600	1.158.600
1539	Vật tư ngành nước	Class 3 Ø 355 dầy 13.6	m	TCVN 8491-2:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - dt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	1.503.500	1.503.500	1.503.500	1.503.500	1.503.500	1.503.500	1.503.500	1.503.500	1.503.500	1.503.500	1.503.500	1.503.500	1.503.500	1.503.500	1.503.500
1540	Vật tư ngành nước	Class 4 Ø 355 dầy 16.9	m	TCVN 8491-2:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - dt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	1.848.800	1.848.800	1.848.800	1.848.800	1.848.800	1.848.800	1.848.800	1.848.800	1.848.800	1.848.800	1.848.800	1.848.800	1.848.800	1.848.800	1.848.800

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng) (đồng)														
												Khu vực Tân An	Khu vực Tân Trụ	Khu vực Châu Thành	Khu vực Thủ Thừa	Khu vực Bến Lức	Khu vực Cần Giuộc	Khu vực Cần Đước	Khu vực Tân Thạnh	Khu vực Thạnh Hóa	Khu vực Tân Hưng	Khu vực Vĩnh Hưng	Khu vực Kiến Tường	Khu vực Mộc Hóa	Khu vực Đức Hòa	Khu vực Đức Huệ
1541	Vật tư ngành nước	Class 5 Ø 355 dầy 21.1	m	TCVN 8491-2:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - dt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	2.281.500	2.281.500	2.281.500	2.281.500	2.281.500	2.281.500	2.281.500	2.281.500	2.281.500	2.281.500	2.281.500	2.281.500	2.281.500	2.281.500	2.281.500
1542	Vật tư ngành nước	Class 0 Ø 400 dầy 7.8	m	TCVN 8491-2:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - dt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	995.400	995.400	995.400	995.400	995.400	995.400	995.400	995.400	995.400	995.400	995.400	995.400	995.400	995.400	995.400
1543	Vật tư ngành nước	Class 1 Ø 400 dầy 9.8	m	TCVN 8491-2:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - dt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	1.237.600	1.237.600	1.237.600	1.237.600	1.237.600	1.237.600	1.237.600	1.237.600	1.237.600	1.237.600	1.237.600	1.237.600	1.237.600	1.237.600	1.237.600
1544	Vật tư ngành nước	Class 2 Ø 400 dầy 11.7	m	TCVN 8491-2:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - dt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	1.471.800	1.471.800	1.471.800	1.471.800	1.471.800	1.471.800	1.471.800	1.471.800	1.471.800	1.471.800	1.471.800	1.471.800	1.471.800	1.471.800	1.471.800
1545	Vật tư ngành nước	Class 3 Ø 400 dầy 15.3	m	TCVN 8491-2:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - dt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	1.905.500	1.905.500	1.905.500	1.905.500	1.905.500	1.905.500	1.905.500	1.905.500	1.905.500	1.905.500	1.905.500	1.905.500	1.905.500	1.905.500	1.905.500
1546	Vật tư ngành nước	Class 4 Ø 400 dầy 19.1	m	TCVN 8491-2:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - dt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	2.352.900	2.352.900	2.352.900	2.352.900	2.352.900	2.352.900	2.352.900	2.352.900	2.352.900	2.352.900	2.352.900	2.352.900	2.352.900	2.352.900	2.352.900
1547	Vật tư ngành nước	Class 5 Ø 400 dầy 23.7	m	TCVN 8491-2:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - dt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	2.886.000	2.886.000	2.886.000	2.886.000	2.886.000	2.886.000	2.886.000	2.886.000	2.886.000	2.886.000	2.886.000	2.886.000	2.886.000	2.886.000	2.886.000
1548	Vật tư ngành nước	Class 0 Ø 450 dầy 8.8	m	TCVN 8491-2:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - dt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	1.263.100	1.263.100	1.263.100	1.263.100	1.263.100	1.263.100	1.263.100	1.263.100	1.263.100	1.263.100	1.263.100	1.263.100	1.263.100	1.263.100	1.263.100
1549	Vật tư ngành nước	Class 1 Ø 450 dầy 11.0	m	TCVN 8491-2:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - dt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	1.565.400	1.565.400	1.565.400	1.565.400	1.565.400	1.565.400	1.565.400	1.565.400	1.565.400	1.565.400	1.565.400	1.565.400	1.565.400	1.565.400	1.565.400
1550	Vật tư ngành nước	Class 2 Ø 450 dầy 13.2	m	TCVN 8491-2:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - dt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	1.866.400	1.866.400	1.866.400	1.866.400	1.866.400	1.866.400	1.866.400	1.866.400	1.866.400	1.866.400	1.866.400	1.866.400	1.866.400	1.866.400	1.866.400
1551	Vật tư ngành nước	Class 3 Ø 450 dầy 17.2	m	TCVN 8491-2:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - dt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	2.410.000	2.410.000	2.410.000	2.410.000	2.410.000	2.410.000	2.410.000	2.410.000	2.410.000	2.410.000	2.410.000	2.410.000	2.410.000	2.410.000	2.410.000
1552	Vật tư ngành nước	Class 4 Ø 450 dầy 21.5	m	TCVN 8491-2:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - dt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	2.985.500	2.985.500	2.985.500	2.985.500	2.985.500	2.985.500	2.985.500	2.985.500	2.985.500	2.985.500	2.985.500	2.985.500	2.985.500	2.985.500	2.985.500
1553	Vật tư ngành nước	Class 0 Ø 500 dầy 9.8	m	TCVN 8491-2:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - dt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	1.656.600	1.656.600	1.656.600	1.656.600	1.656.600	1.656.600	1.656.600	1.656.600	1.656.600	1.656.600	1.656.600	1.656.600	1.656.600	1.656.600	1.656.600
1554	Vật tư ngành nước	Class 1 Ø 500 dầy 12.3	m	TCVN 8491-2:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - dt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	1.975.400	1.975.400	1.975.400	1.975.400	1.975.400	1.975.400	1.975.400	1.975.400	1.975.400	1.975.400	1.975.400	1.975.400	1.975.400	1.975.400	1.975.400
1555	Vật tư ngành nước	Class 2 Ø 500 dầy 14.6	m	TCVN 8491-2:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - dt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	2.285.800	2.285.800	2.285.800	2.285.800	2.285.800	2.285.800	2.285.800	2.285.800	2.285.800	2.285.800	2.285.800	2.285.800	2.285.800	2.285.800	2.285.800
1556	Vật tư ngành nước	Class 3 Ø 500 dầy 19.1	m	TCVN 8491-2:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - dt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	2.955.300	2.955.300	2.955.300	2.955.300	2.955.300	2.955.300	2.955.300	2.955.300	2.955.300	2.955.300	2.955.300	2.955.300	2.955.300	2.955.300	2.955.300
1557	Vật tư ngành nước	Class 4 Ø 500 dầy 23.9	m	TCVN 8491-2:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - dt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	3.502.800	3.502.800	3.502.800	3.502.800	3.502.800	3.502.800	3.502.800	3.502.800	3.502.800	3.502.800	3.502.800	3.502.800	3.502.800	3.502.800	3.502.800
1558	Vật tư ngành nước	Class 5 Ø 500 dầy 29.7	m	TCVN 8491-2:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - dt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	4.453.500	4.453.500	4.453.500	4.453.500	4.453.500	4.453.500	4.453.500	4.453.500	4.453.500	4.453.500	4.453.500	4.453.500	4.453.500	4.453.500	4.453.500
1559	Vật tư ngành nước	**Phụ kiện nhựa dán keo**		TCVN 8491-3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - dt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
1560	Vật tư ngành nước	**Cút nhựa 90^0**		TCVN 8491-3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - dt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
1561	Vật tư ngành nước	Ø 21 PN10	cái	TCVN 8491-3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - dt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	1.600	1.600	1.600	1.600	1.600	1.600	1.600	1.600	1.600	1.600	1.600	1.600	1.600	1.600	1.600

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng) (đồng)														
												Khu vực Tân An	Khu vực Tân Trụ	Khu vực Châu Thành	Khu vực Thủ Thừa	Khu vực Bến Lức	Khu vực Cần Giuộc	Khu vực Cần Đước	Khu vực Tân Thạnh	Khu vực Thạnh Hóa	Khu vực Tân Hưng	Khu vực Vĩnh Hưng	Khu vực Kiến Tường	Khu vực Mộc Hóa	Khu vực Đức Hòa	Khu vực Đức Huệ
1562	Vật tư ngành nước	Ø 27 PN10	cái	TCVN 8491-3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	2.600	2.600	2.600	2.600	2.600	2.600	2.600	2.600	2.600	2.600	2.600	2.600	2.600	2.600	2.600
1563	Vật tư ngành nước	Ø 34 PN10	cái	TCVN 8491-3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	3.900	3.900	3.900	3.900	3.900	3.900	3.900	3.900	3.900	3.900	3.900	3.900	3.900	3.900	3.900
1564	Vật tư ngành nước	Ø 42 PN10	cái	TCVN 8491-3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	6.400	6.400	6.400	6.400	6.400	6.400	6.400	6.400	6.400	6.400	6.400	6.400	6.400	6.400	6.400
1565	Vật tư ngành nước	Ø 48 PN10	cái	TCVN 8491-3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	10.000	10.000	10.000	10.000	10.000	10.000	10.000	10.000	10.000	10.000	10.000	10.000	10.000	10.000	10.000
1566	Vật tư ngành nước	Ø 60 PN8	cái	TCVN 8491-3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	14.800	14.800	14.800	14.800	14.800	14.800	14.800	14.800	14.800	14.800	14.800	14.800	14.800	14.800	14.800
1567	Vật tư ngành nước	Ø 60 PN10	cái	TCVN 8491-3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	20.400	20.400	20.400	20.400	20.400	20.400	20.400	20.400	20.400	20.400	20.400	20.400	20.400	20.400	20.400
1568	Vật tư ngành nước	Ø 75 PN8	cái	TCVN 8491-3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	26.500	26.500	26.500	26.500	26.500	26.500	26.500	26.500	26.500	26.500	26.500	26.500	26.500	26.500	26.500
1569	Vật tư ngành nước	Ø 75 PN10	cái	TCVN 8491-3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	47.800	47.800	47.800	47.800	47.800	47.800	47.800	47.800	47.800	47.800	47.800	47.800	47.800	47.800	47.800
1570	Vật tư ngành nước	Ø 90 PN8	cái	TCVN 8491-3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	34.800	34.800	34.800	34.800	34.800	34.800	34.800	34.800	34.800	34.800	34.800	34.800	34.800	34.800	34.800
1571	Vật tư ngành nước	Ø 90 PN10	cái	TCVN 8491-3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	55.900	55.900	55.900	55.900	55.900	55.900	55.900	55.900	55.900	55.900	55.900	55.900	55.900	55.900	55.900
1572	Vật tư ngành nước	Ø 110 PN8	cái	TCVN 8491-3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	55.600	55.600	55.600	55.600	55.600	55.600	55.600	55.600	55.600	55.600	55.600	55.600	55.600	55.600	55.600
1573	Vật tư ngành nước	Ø 110 PN10	cái	TCVN 8491-3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	86.600	86.600	86.600	86.600	86.600	86.600	86.600	86.600	86.600	86.600	86.600	86.600	86.600	86.600	86.600
1574	Vật tư ngành nước	Ø 125 PN6	cái	TCVN 8491-3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	97.500	97.500	97.500	97.500	97.500	97.500	97.500	97.500	97.500	97.500	97.500	97.500	97.500	97.500	97.500
1575	Vật tư ngành nước	Ø 125 PN10	cái	TCVN 8491-3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	147.100	147.100	147.100	147.100	147.100	147.100	147.100	147.100	147.100	147.100	147.100	147.100	147.100	147.100	147.100
1576	Vật tư ngành nước	Ø 140 PN6	cái	TCVN 8491-3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	141.400	141.400	141.400	141.400	141.400	141.400	141.400	141.400	141.400	141.400	141.400	141.400	141.400	141.400	141.400
1577	Vật tư ngành nước	Ø 140 PN10	cái	TCVN 8491-3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	182.300	182.300	182.300	182.300	182.300	182.300	182.300	182.300	182.300	182.300	182.300	182.300	182.300	182.300	182.300
1578	Vật tư ngành nước	Ø 160 PN6	cái	TCVN 8491-3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	170.500	170.500	170.500	170.500	170.500	170.500	170.500	170.500	170.500	170.500	170.500	170.500	170.500	170.500	170.500
1579	Vật tư ngành nước	Ø 160 PN10	cái	TCVN 8491-3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	342.500	342.500	342.500	342.500	342.500	342.500	342.500	342.500	342.500	342.500	342.500	342.500	342.500	342.500	342.500
1580	Vật tư ngành nước	Ø 200 PN6	cái	TCVN 8491-3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	349.300	349.300	349.300	349.300	349.300	349.300	349.300	349.300	349.300	349.300	349.300	349.300	349.300	349.300	349.300
1581	Vật tư ngành nước	Ø 200 PN10	cái	TCVN 8491-3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	469.000	469.000	469.000	469.000	469.000	469.000	469.000	469.000	469.000	469.000	469.000	469.000	469.000	469.000	469.000
1582	Vật tư ngành nước	Ø 225 PN10	cái	TCVN 8491-3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	812.000	812.000	812.000	812.000	812.000	812.000	812.000	812.000	812.000	812.000	812.000	812.000	812.000	812.000	812.000

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng) (đồng)														
												Khu vực Tân An	Khu vực Tân Trụ	Khu vực Châu Thành	Khu vực Thủ Thừa	Khu vực Bến Lức	Khu vực Cần Giuộc	Khu vực Cần Đước	Khu vực Tân Thạnh	Khu vực Thạnh Hóa	Khu vực Tân Hưng	Khu vực Vĩnh Hưng	Khu vực Kiến Tường	Khu vực Mộc Hóa	Khu vực Đức Hòa	Khu vực Đức Huệ
1583	Vật tư ngành nước	Ø 250 PN10	cái	TCVN 8491-3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	1.307.500	1.307.500	1.307.500	1.307.500	1.307.500	1.307.500	1.307.500	1.307.500	1.307.500	1.307.500	1.307.500	1.307.500	1.307.500	1.307.500	1.307.500
1584	Vật tư ngành nước	Ø 315 PN10	cái	TCVN 8491-3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	3.644.500	3.644.500	3.644.500	3.644.500	3.644.500	3.644.500	3.644.500	3.644.500	3.644.500	3.644.500	3.644.500	3.644.500	3.644.500	3.644.500	3.644.500
1585	Vật tư ngành nước	**Tê nhựa 90^0**	cái	TCVN 8491-3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
1586	Vật tư ngành nước	Ø 21 PN10	cái	TCVN 8491-3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	2.600	2.600	2.600	2.600	2.600	2.600	2.600	2.600	2.600	2.600	2.600	2.600	2.600	2.600	2.600
1587	Vật tư ngành nước	Ø 27 PN10	cái	TCVN 8491-3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	4.400	4.400	4.400	4.400	4.400	4.400	4.400	4.400	4.400	4.400	4.400	4.400	4.400	4.400	4.400
1588	Vật tư ngành nước	Ø 34 PN10	cái	TCVN 8491-3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	5.900	5.900	5.900	5.900	5.900	5.900	5.900	5.900	5.900	5.900	5.900	5.900	5.900	5.900	5.900
1589	Vật tư ngành nước	Ø 42 PN10	cái	TCVN 8491-3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	8.400	8.400	8.400	8.400	8.400	8.400	8.400	8.400	8.400	8.400	8.400	8.400	8.400	8.400	8.400
1590	Vật tư ngành nước	Ø 48 PN10	cái	TCVN 8491-3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	12.500	12.500	12.500	12.500	12.500	12.500	12.500	12.500	12.500	12.500	12.500	12.500	12.500	12.500	12.500
1591	Vật tư ngành nước	Ø 60 PN8	cái	TCVN 8491-3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	19.800	19.800	19.800	19.800	19.800	19.800	19.800	19.800	19.800	19.800	19.800	19.800	19.800	19.800	19.800
1592	Vật tư ngành nước	Ø 60 PN10	cái	TCVN 8491-3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	29.800	29.800	29.800	29.800	29.800	29.800	29.800	29.800	29.800	29.800	29.800	29.800	29.800	29.800	29.800
1593	Vật tư ngành nước	Ø 75 PN8	cái	TCVN 8491-3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	33.600	33.600	33.600	33.600	33.600	33.600	33.600	33.600	33.600	33.600	33.600	33.600	33.600	33.600	33.600
1594	Vật tư ngành nước	Ø 75 PN10	cái	TCVN 8491-3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	50.600	50.600	50.600	50.600	50.600	50.600	50.600	50.600	50.600	50.600	50.600	50.600	50.600	50.600	50.600
1595	Vật tư ngành nước	Ø 90 PN8	cái	TCVN 8491-3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	46.400	46.400	46.400	46.400	46.400	46.400	46.400	46.400	46.400	46.400	46.400	46.400	46.400	46.400	46.400
1596	Vật tư ngành nước	Ø 90 PN10	cái	TCVN 8491-3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	80.000	80.000	80.000	80.000	80.000	80.000	80.000	80.000	80.000	80.000	80.000	80.000	80.000	80.000	80.000
1597	Vật tư ngành nước	Ø 110 PN8	cái	TCVN 8491-3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	78.600	78.600	78.600	78.600	78.600	78.600	78.600	78.600	78.600	78.600	78.600	78.600	78.600	78.600	78.600
1598	Vật tư ngành nước	Ø 110 PN10	cái	TCVN 8491-3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	109.300	109.300	109.300	109.300	109.300	109.300	109.300	109.300	109.300	109.300	109.300	109.300	109.300	109.300	109.300
1599	Vật tư ngành nước	Ø 125 PN6	cái	TCVN 8491-3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	129.900	129.900	129.900	129.900	129.900	129.900	129.900	129.900	129.900	129.900	129.900	129.900	129.900	129.900	129.900
1600	Vật tư ngành nước	Ø 125 PN10	cái	TCVN 8491-3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	163.900	163.900	163.900	163.900	163.900	163.900	163.900	163.900	163.900	163.900	163.900	163.900	163.900	163.900	163.900
1601	Vật tư ngành nước	Ø 140 PN6	cái	TCVN 8491-3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	210.500	210.500	210.500	210.500	210.500	210.500	210.500	210.500	210.500	210.500	210.500	210.500	210.500	210.500	210.500
1602	Vật tư ngành nước	Ø 140 PN10	cái	TCVN 8491-3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	243.800	243.800	243.800	243.800	243.800	243.800	243.800	243.800	243.800	243.800	243.800	243.800	243.800	243.800	243.800
1603	Vật tư ngành nước	Ø 160 PN6	cái	TCVN 8491-3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	223.900	223.900	223.900	223.900	223.900	223.900	223.900	223.900	223.900	223.900	223.900	223.900	223.900	223.900	223.900

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng) (đồng)														
												Khu vực Tân An	Khu vực Tân Trụ	Khu vực Châu Thành	Khu vực Thủ Thừa	Khu vực Bến Lức	Khu vực Cần Giuộc	Khu vực Cần Đước	Khu vực Tân Thạnh	Khu vực Thạnh Hóa	Khu vực Tân Hưng	Khu vực Vĩnh Hưng	Khu vực Kiến Tường	Khu vực Mộc Hóa	Khu vực Đức Hòa	Khu vực Đức Huệ
1604	Vật tư ngành nước	Ø 160 PN10	cái	TCVN 8491-3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận		Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	360.100	360.100	360.100	360.100	360.100	360.100	360.100	360.100	360.100	360.100	360.100	360.100	360.100	360.100
1605	Vật tư ngành nước	Ø 200 PN6	cái	TCVN 8491-3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận		Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	526.400	526.400	526.400	526.400	526.400	526.400	526.400	526.400	526.400	526.400	526.400	526.400	526.400	526.400
1606	Vật tư ngành nước	Ø 200 PN10	cái	TCVN 8491-3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận		Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	822.100	822.100	822.100	822.100	822.100	822.100	822.100	822.100	822.100	822.100	822.100	822.100	822.100	822.100
1607	Vật tư ngành nước	Ø 225 PN10	cái	TCVN 8491-3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận		Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	1.008.600	1.008.600	1.008.600	1.008.600	1.008.600	1.008.600	1.008.600	1.008.600	1.008.600	1.008.600	1.008.600	1.008.600	1.008.600	1.008.600
1608	Vật tư ngành nước	Ø 250 PN10	cái	TCVN 8491-3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận		Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	1.906.800	1.906.800	1.906.800	1.906.800	1.906.800	1.906.800	1.906.800	1.906.800	1.906.800	1.906.800	1.906.800	1.906.800	1.906.800	1.906.800
1609	Vật tư ngành nước	Ø 315 PN10	cái	TCVN 8491-3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận		Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	3.656.400	3.656.400	3.656.400	3.656.400	3.656.400	3.656.400	3.656.400	3.656.400	3.656.400	3.656.400	3.656.400	3.656.400	3.656.400	3.656.400
1610	Vật tư ngành nước	**Măng sông nhựa**		TCVN 8491-3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận		Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
1611	Vật tư ngành nước	Ø 21 PN10	cái	TCVN 8491-3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận		Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	1.500	1.500	1.500	1.500	1.500	1.500	1.500	1.500	1.500	1.500	1.500	1.500	1.500	1.500
1612	Vật tư ngành nước	Ø 27 PN10	cái	TCVN 8491-3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận		Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	2.000	2.000	2.000	2.000	2.000	2.000	2.000	2.000	2.000	2.000	2.000	2.000	2.000	2.000
1613	Vật tư ngành nước	Ø 34 PN10	cái	TCVN 8491-3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận		Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	2.300	2.300	2.300	2.300	2.300	2.300	2.300	2.300	2.300	2.300	2.300	2.300	2.300	2.300
1614	Vật tư ngành nước	Ø 42 PN10	cái	TCVN 8491-3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận		Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	3.900	3.900	3.900	3.900	3.900	3.900	3.900	3.900	3.900	3.900	3.900	3.900	3.900	3.900
1615	Vật tư ngành nước	Ø 48 PN10	cái	TCVN 8491-3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận		Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	5.000	5.000	5.000	5.000	5.000	5.000	5.000	5.000	5.000	5.000	5.000	5.000	5.000	5.000
1616	Vật tư ngành nước	Ø 60 PN8	cái	TCVN 8491-3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận		Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	8.600	8.600	8.600	8.600	8.600	8.600	8.600	8.600	8.600	8.600	8.600	8.600	8.600	8.600
1617	Vật tư ngành nước	Ø 75 PN8	cái	TCVN 8491-3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận		Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	11.800	11.800	11.800	11.800	11.800	11.800	11.800	11.800	11.800	11.800	11.800	11.800	11.800	11.800
1618	Vật tư ngành nước	Ø 75 PN10	cái	TCVN 8491-3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận		Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	12.100	12.100	12.100	12.100	12.100	12.100	12.100	12.100	12.100	12.100	12.100	12.100	12.100	12.100
1619	Vật tư ngành nước	Ø 90 PN8	cái	TCVN 8491-3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận		Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	16.400	16.400	16.400	16.400	16.400	16.400	16.400	16.400	16.400	16.400	16.400	16.400	16.400	16.400
1620	Vật tư ngành nước	Ø 90 PN10	cái	TCVN 8491-3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận		Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	38.100	38.100	38.100	38.100	38.100	38.100	38.100	38.100	38.100	38.100	38.100	38.100	38.100	38.100
1621	Vật tư ngành nước	Ø 110 PN6	cái	TCVN 8491-3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận		Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	20.300	20.300	20.300	20.300	20.300	20.300	20.300	20.300	20.300	20.300	20.300	20.300	20.300	20.300
1622	Vật tư ngành nước	Ø 110 PN10	cái	TCVN 8491-3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận		Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	56.400	56.400	56.400	56.400	56.400	56.400	56.400	56.400	56.400	56.400	56.400	56.400	56.400	56.400
1623	Vật tư ngành nước	Ø 125 PN6	cái	TCVN 8491-3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận		Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	45.500	45.500	45.500	45.500	45.500	45.500	45.500	45.500	45.500	45.500	45.500	45.500	45.500	45.500
1624	Vật tư ngành nước	Ø 125 PN10	cái	TCVN 8491-3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận		Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	80.900	80.900	80.900	80.900	80.900	80.900	80.900	80.900	80.900	80.900	80.900	80.900	80.900	80.900

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng) (đồng)														
												Khu vực Tân An	Khu vực Tân Trụ	Khu vực Châu Thành	Khu vực Thủ Thừa	Khu vực Bến Lức	Khu vực Cần Giuộc	Khu vực Cần Đước	Khu vực Tân Thạnh	Khu vực Thạnh Hóa	Khu vực Tân Hưng	Khu vực Vĩnh Hưng	Khu vực Kiến Tường	Khu vực Mộc Hóa	Khu vực Đức Hòa	Khu vực Đức Huệ
1625	Vật tư ngành nước	Ø 140 PN6	cái	TCVN 8491-3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	65.400	65.400	65.400	65.400	65.400	65.400	65.400	65.400	65.400	65.400	65.400	65.400	65.400	65.400	65.400
1626	Vật tư ngành nước	Ø 140 PN10	cái	TCVN 8491-3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	93.500	93.500	93.500	93.500	93.500	93.500	93.500	93.500	93.500	93.500	93.500	93.500	93.500	93.500	93.500
1627	Vật tư ngành nước	Ø 160 PN6	cái	TCVN 8491-3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	93.100	93.100	93.100	93.100	93.100	93.100	93.100	93.100	93.100	93.100	93.100	93.100	93.100	93.100	93.100
1628	Vật tư ngành nước	Ø 160 PN10	cái	TCVN 8491-3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	147.500	147.500	147.500	147.500	147.500	147.500	147.500	147.500	147.500	147.500	147.500	147.500	147.500	147.500	147.500
1629	Vật tư ngành nước	Ø 200 PN6	cái	TCVN 8491-3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	205.900	205.900	205.900	205.900	205.900	205.900	205.900	205.900	205.900	205.900	205.900	205.900	205.900	205.900	205.900
1630	Vật tư ngành nước	Ø 200 PN10	cái	TCVN 8491-3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	247.100	247.100	247.100	247.100	247.100	247.100	247.100	247.100	247.100	247.100	247.100	247.100	247.100	247.100	247.100
1631	Vật tư ngành nước	Ø 225 PN10	cái	TCVN 8491-3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	339.400	339.400	339.400	339.400	339.400	339.400	339.400	339.400	339.400	339.400	339.400	339.400	339.400	339.400	339.400
1632	Vật tư ngành nước	Ø 250 PN10	cái	TCVN 8491-3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	453.100	453.100	453.100	453.100	453.100	453.100	453.100	453.100	453.100	453.100	453.100	453.100	453.100	453.100	453.100
1633	Vật tư ngành nước	**Cút nhựa 45°**		TCVN 8491-3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
1634	Vật tư ngành nước	Ø 21 PN10	cái	TCVN 8491-3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	1.600	1.600	1.600	1.600	1.600	1.600	1.600	1.600	1.600	1.600	1.600	1.600	1.600	1.600	1.600
1635	Vật tư ngành nước	Ø 27 PN10	cái	TCVN 8491-3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	2.100	2.100	2.100	2.100	2.100	2.100	2.100	2.100	2.100	2.100	2.100	2.100	2.100	2.100	2.100
1636	Vật tư ngành nước	Ø 34 PN10	cái	TCVN 8491-3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	3.300	3.300	3.300	3.300	3.300	3.300	3.300	3.300	3.300	3.300	3.300	3.300	3.300	3.300	3.300
1637	Vật tư ngành nước	Ø 42 PN10	cái	TCVN 8491-3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	4.900	4.900	4.900	4.900	4.900	4.900	4.900	4.900	4.900	4.900	4.900	4.900	4.900	4.900	4.900
1638	Vật tư ngành nước	Ø 48 PN10	cái	TCVN 8491-3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	7.800	7.800	7.800	7.800	7.800	7.800	7.800	7.800	7.800	7.800	7.800	7.800	7.800	7.800	7.800
1639	Vật tư ngành nước	Ø 60 PN8	cái	TCVN 8491-3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	12.600	12.600	12.600	12.600	12.600	12.600	12.600	12.600	12.600	12.600	12.600	12.600	12.600	12.600	12.600
1640	Vật tư ngành nước	Ø 60 PN10	cái	TCVN 8491-3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	17.800	17.800	17.800	17.800	17.800	17.800	17.800	17.800	17.800	17.800	17.800	17.800	17.800	17.800	17.800
1641	Vật tư ngành nước	Ø 75 PN8	cái	TCVN 8491-3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	21.900	21.900	21.900	21.900	21.900	21.900	21.900	21.900	21.900	21.900	21.900	21.900	21.900	21.900	21.900
1642	Vật tư ngành nước	Ø 75 PN10	cái	TCVN 8491-3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	29.000	29.000	29.000	29.000	29.000	29.000	29.000	29.000	29.000	29.000	29.000	29.000	29.000	29.000	29.000
1643	Vật tư ngành nước	Ø 90 PN8	cái	TCVN 8491-3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	28.600	28.600	28.600	28.600	28.600	28.600	28.600	28.600	28.600	28.600	28.600	28.600	28.600	28.600	28.600
1644	Vật tư ngành nước	Ø 90 PN10	cái	TCVN 8491-3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	39.800	39.800	39.800	39.800	39.800	39.800	39.800	39.800	39.800	39.800	39.800	39.800	39.800	39.800	39.800
1645	Vật tư ngành nước	Ø 110 PN8	cái	TCVN 8491-3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	43.800	43.800	43.800	43.800	43.800	43.800	43.800	43.800	43.800	43.800	43.800	43.800	43.800	43.800	43.800

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng) (đồng)														
												Khu vực Tân An	Khu vực Tân Trụ	Khu vực Châu Thành	Khu vực Thủ Thừa	Khu vực Bến Lức	Khu vực Cần Giuộc	Khu vực Cần Đước	Khu vực Tân Thạnh	Khu vực Thạnh Hóa	Khu vực Tân Hưng	Khu vực Vĩnh Hưng	Khu vực Kiến Tường	Khu vực Mộc Hóa	Khu vực Đức Hòa	Khu vực Đức Huệ
1646	Vật tư ngành nước	Ø 110 PN10	cái	TCVN 8491-3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	74.800	74.800	74.800	74.800	74.800	74.800	74.800	74.800	74.800	74.800	74.800	74.800	74.800	74.800	74.800
1647	Vật tư ngành nước	Ø 125 PN6	cái	TCVN 8491-3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	77.300	77.300	77.300	77.300	77.300	77.300	77.300	77.300	77.300	77.300	77.300	77.300	77.300	77.300	77.300
1648	Vật tư ngành nước	Ø 125 PN10	cái	TCVN 8491-3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	98.300	98.300	98.300	98.300	98.300	98.300	98.300	98.300	98.300	98.300	98.300	98.300	98.300	98.300	98.300
1649	Vật tư ngành nước	Ø 140 PN6	cái	TCVN 8491-3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	84.300	84.300	84.300	84.300	84.300	84.300	84.300	84.300	84.300	84.300	84.300	84.300	84.300	84.300	84.300
1650	Vật tư ngành nước	Ø 140 PN10	cái	TCVN 8491-3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	119.900	119.900	119.900	119.900	119.900	119.900	119.900	119.900	119.900	119.900	119.900	119.900	119.900	119.900	119.900
1651	Vật tư ngành nước	Ø 160 PN6	cái	TCVN 8491-3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	127.500	127.500	127.500	127.500	127.500	127.500	127.500	127.500	127.500	127.500	127.500	127.500	127.500	127.500	127.500
1652	Vật tư ngành nước	Ø 160 PN10	cái	TCVN 8491-3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	186.300	186.300	186.300	186.300	186.300	186.300	186.300	186.300	186.300	186.300	186.300	186.300	186.300	186.300	186.300
1653	Vật tư ngành nước	Ø 200 PN6	cái	TCVN 8491-3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	244.400	244.400	244.400	244.400	244.400	244.400	244.400	244.400	244.400	244.400	244.400	244.400	244.400	244.400	244.400
1654	Vật tư ngành nước	Ø 200 PN10	cái	TCVN 8491-3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	353.100	353.100	353.100	353.100	353.100	353.100	353.100	353.100	353.100	353.100	353.100	353.100	353.100	353.100	353.100
1655	Vật tư ngành nước	Ø 225 PN10	cái	TCVN 8491-3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	654.500	654.500	654.500	654.500	654.500	654.500	654.500	654.500	654.500	654.500	654.500	654.500	654.500	654.500	654.500
1656	Vật tư ngành nước	Ø 250 PN10	cái	TCVN 8491-3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	997.300	997.300	997.300	997.300	997.300	997.300	997.300	997.300	997.300	997.300	997.300	997.300	997.300	997.300	997.300
1657	Vật tư ngành nước	Ø 315 PN10	cái	TCVN 8491-3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	2.051.600	2.051.600	2.051.600	2.051.600	2.051.600	2.051.600	2.051.600	2.051.600	2.051.600	2.051.600	2.051.600	2.051.600	2.051.600	2.051.600	2.051.600
1658	Vật tư ngành nước	**Tê nhựa 45^0**		TCVN 8491-3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới															
1659	Vật tư ngành nước	Ø 60 PN8	cái	TCVN 8491-3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	24.400	24.400	24.400	24.400	24.400	24.400	24.400	24.400	24.400	24.400	24.400	24.400	24.400	24.400	24.400
1660	Vật tư ngành nước	Ø 60 PN10	cái	TCVN 8491-3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	32.300	32.300	32.300	32.300	32.300	32.300	32.300	32.300	32.300	32.300	32.300	32.300	32.300	32.300	32.300
1661	Vật tư ngành nước	Ø 75 PN8	cái	TCVN 8491-3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	46.900	46.900	46.900	46.900	46.900	46.900	46.900	46.900	46.900	46.900	46.900	46.900	46.900	46.900	46.900
1662	Vật tư ngành nước	Ø 75 PN10	cái	TCVN 8491-3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	58.800	58.800	58.800	58.800	58.800	58.800	58.800	58.800	58.800	58.800	58.800	58.800	58.800	58.800	58.800
1663	Vật tư ngành nước	Ø 90 PN8	cái	TCVN 8491-3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	57.400	57.400	57.400	57.400	57.400	57.400	57.400	57.400	57.400	57.400	57.400	57.400	57.400	57.400	57.400
1664	Vật tư ngành nước	Ø 90 PN10	cái	TCVN 8491-3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	85.300	85.300	85.300	85.300	85.300	85.300	85.300	85.300	85.300	85.300	85.300	85.300	85.300	85.300	85.300
1665	Vật tư ngành nước	Ø 110 PN8	cái	TCVN 8491-3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	86.600	86.600	86.600	86.600	86.600	86.600	86.600	86.600	86.600	86.600	86.600	86.600	86.600	86.600	86.600
1666	Vật tư ngành nước	Ø 110 PN10	cái	TCVN 8491-3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	130.500	130.500	130.500	130.500	130.500	130.500	130.500	130.500	130.500	130.500	130.500	130.500	130.500	130.500	130.500

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng) (đồng)														
												Khu vực Tân An	Khu vực Tân Trụ	Khu vực Châu Thành	Khu vực Thủ Thừa	Khu vực Bến Lức	Khu vực Cần Giuộc	Khu vực Cần Đước	Khu vực Tân Thạnh	Khu vực Thạnh Hóa	Khu vực Tân Hưng	Khu vực Vĩnh Hưng	Khu vực Kiến Tường	Khu vực Mộc Hóa	Khu vực Đức Hòa	Khu vực Đức Huệ
1667	Vật tư ngành nước	Ø 125 PN6	cái	TCVN 8491-3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	170.800	170.800	170.800	170.800	170.800	170.800	170.800	170.800	170.800	170.800	170.800	170.800	170.800	170.800	170.800
1668	Vật tư ngành nước	Ø 125 PN10	cái	TCVN 8491-3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	266.500	266.500	266.500	266.500	266.500	266.500	266.500	266.500	266.500	266.500	266.500	266.500	266.500	266.500	266.500
1669	Vật tư ngành nước	Ø 140 PN6	cái	TCVN 8491-3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	277.100	277.100	277.100	277.100	277.100	277.100	277.100	277.100	277.100	277.100	277.100	277.100	277.100	277.100	277.100
1670	Vật tư ngành nước	Ø 140 PN10	cái	TCVN 8491-3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	419.900	419.900	419.900	419.900	419.900	419.900	419.900	419.900	419.900	419.900	419.900	419.900	419.900	419.900	419.900
1671	Vật tư ngành nước	Ø 160 PN6	cái	TCVN 8491-3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	393.100	393.100	393.100	393.100	393.100	393.100	393.100	393.100	393.100	393.100	393.100	393.100	393.100	393.100	393.100
1672	Vật tư ngành nước	Ø 160 PN10	cái	TCVN 8491-3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	591.500	591.500	591.500	591.500	591.500	591.500	591.500	591.500	591.500	591.500	591.500	591.500	591.500	591.500	591.500
1673	Vật tư ngành nước	Ø 200 PN6	cái	TCVN 8491-3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	733.000	733.000	733.000	733.000	733.000	733.000	733.000	733.000	733.000	733.000	733.000	733.000	733.000	733.000	733.000
1674	Vật tư ngành nước	Ø 200 PN10	cái	TCVN 8491-3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	1.119.100	1.119.100	1.119.100	1.119.100	1.119.100	1.119.100	1.119.100	1.119.100	1.119.100	1.119.100	1.119.100	1.119.100	1.119.100	1.119.100	1.119.100
1675	Vật tư ngành nước	**Nút bịt nhựa**	cái	TCVN 8491-3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
1676	Vật tư ngành nước	Ø 42 PN10	cái	TCVN 8491-3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	2.600	2.600	2.600	2.600	2.600	2.600	2.600	2.600	2.600	2.600	2.600	2.600	2.600	2.600	2.600
1677	Vật tư ngành nước	Ø 48 PN10	cái	TCVN 8491-3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	3.900	3.900	3.900	3.900	3.900	3.900	3.900	3.900	3.900	3.900	3.900	3.900	3.900	3.900	3.900
1678	Vật tư ngành nước	Ø 60 PN10	cái	TCVN 8491-3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	12.100	12.100	12.100	12.100	12.100	12.100	12.100	12.100	12.100	12.100	12.100	12.100	12.100	12.100	12.100
1679	Vật tư ngành nước	Ø 75 PN10	cái	TCVN 8491-3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	16.000	16.000	16.000	16.000	16.000	16.000	16.000	16.000	16.000	16.000	16.000	16.000	16.000	16.000	16.000
1680	Vật tư ngành nước	Ø 90 PN10	cái	TCVN 8491-3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	26.800	26.800	26.800	26.800	26.800	26.800	26.800	26.800	26.800	26.800	26.800	26.800	26.800	26.800	26.800
1681	Vật tư ngành nước	Ø 110 PN10	cái	TCVN 8491-3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	40.000	40.000	40.000	40.000	40.000	40.000	40.000	40.000	40.000	40.000	40.000	40.000	40.000	40.000	40.000
1682	Vật tư ngành nước	Ø 125 PN10	cái	TCVN 8491-3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	46.100	46.100	46.100	46.100	46.100	46.100	46.100	46.100	46.100	46.100	46.100	46.100	46.100	46.100	46.100
1683	Vật tư ngành nước	Ø 140 PN10	cái	TCVN 8491-3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	74.900	74.900	74.900	74.900	74.900	74.900	74.900	74.900	74.900	74.900	74.900	74.900	74.900	74.900	74.900
1684	Vật tư ngành nước	Ø 160 PN10	cái	TCVN 8491-3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	91.500	91.500	91.500	91.500	91.500	91.500	91.500	91.500	91.500	91.500	91.500	91.500	91.500	91.500	91.500
1685	Vật tư ngành nước	Ø 200 PN10	cái	TCVN 8491-3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	282.900	282.900	282.900	282.900	282.900	282.900	282.900	282.900	282.900	282.900	282.900	282.900	282.900	282.900	282.900
1686	Vật tư ngành nước	Ø 225 PN10	cái	TCVN 8491-3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	379.300	379.300	379.300	379.300	379.300	379.300	379.300	379.300	379.300	379.300	379.300	379.300	379.300	379.300	379.300
1687	Vật tư ngành nước	Ø 250 PN10	cái	TCVN 8491-3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	514.300	514.300	514.300	514.300	514.300	514.300	514.300	514.300	514.300	514.300	514.300	514.300	514.300	514.300	514.300

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng) (đồng)														
												Khu vực Tân An	Khu vực Tân Trụ	Khu vực Châu Thành	Khu vực Thủ Thừa	Khu vực Bến Lức	Khu vực Cần Giuộc	Khu vực Cần Đước	Khu vực Tân Thạnh	Khu vực Thạnh Hóa	Khu vực Tân Hưng	Khu vực Vĩnh Hưng	Khu vực Kiến Tường	Khu vực Mộc Hóa	Khu vực Đức Hòa	Khu vực Đức Huệ
1688	Vật tư ngành nước	Ø 315 PN10	cái	TCVN 8491-3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	1.089.800	1.089.800	1.089.800	1.089.800	1.089.800	1.089.800	1.089.800	1.089.800	1.089.800	1.089.800	1.089.800	1.089.800	1.089.800	1.089.800	1.089.800
1689	Vật tư ngành nước	**Tê cong nhựa**		TCVN 8491-3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
1690	Vật tư ngành nước	Ø 90 PN10	cái	TCVN 8491-3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	88.100	88.100	88.100	88.100	88.100	88.100	88.100	88.100	88.100	88.100	88.100	88.100	88.100	88.100	88.100
1691	Vật tư ngành nước	Ø 110 PN10	cái	TCVN 8491-3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	174.100	174.100	174.100	174.100	174.100	174.100	174.100	174.100	174.100	174.100	174.100	174.100	174.100	174.100	174.100
1692	Vật tư ngành nước	**Ren trong nhựa**		TCVN 8491-3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
1693	Vật tư ngành nước	Ø 21 PN10	cái	TCVN 8491-3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	1.500	1.500	1.500	1.500	1.500	1.500	1.500	1.500	1.500	1.500	1.500	1.500	1.500	1.500	1.500
1694	Vật tư ngành nước	Ø 27 PN10	cái	TCVN 8491-3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	1.900	1.900	1.900	1.900	1.900	1.900	1.900	1.900	1.900	1.900	1.900	1.900	1.900	1.900	1.900
1695	Vật tư ngành nước	Ø 34 PN10	cái	TCVN 8491-3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	3.400	3.400	3.400	3.400	3.400	3.400	3.400	3.400	3.400	3.400	3.400	3.400	3.400	3.400	3.400
1696	Vật tư ngành nước	Ø 42 PN10	cái	TCVN 8491-3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	4.600	4.600	4.600	4.600	4.600	4.600	4.600	4.600	4.600	4.600	4.600	4.600	4.600	4.600	4.600
1697	Vật tư ngành nước	Ø 48 PN10	cái	TCVN 8491-3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	6.800	6.800	6.800	6.800	6.800	6.800	6.800	6.800	6.800	6.800	6.800	6.800	6.800	6.800	6.800
1698	Vật tư ngành nước	Ø 60 PN10	cái	TCVN 8491-3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	10.600	10.600	10.600	10.600	10.600	10.600	10.600	10.600	10.600	10.600	10.600	10.600	10.600	10.600	10.600
1699	Vật tư ngành nước	**Ren ngoài nhựa**		TCVN 8491-3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
1700	Vật tư ngành nước	Ø 21 PN10	cái	TCVN 8491-3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	1.500	1.500	1.500	1.500	1.500	1.500	1.500	1.500	1.500	1.500	1.500	1.500	1.500	1.500	1.500
1701	Vật tư ngành nước	Ø 27 PN10	cái	TCVN 8491-3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	1.900	1.900	1.900	1.900	1.900	1.900	1.900	1.900	1.900	1.900	1.900	1.900	1.900	1.900	1.900
1702	Vật tư ngành nước	Ø 34 PN10	cái	TCVN 8491-3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	3.400	3.400	3.400	3.400	3.400	3.400	3.400	3.400	3.400	3.400	3.400	3.400	3.400	3.400	3.400
1703	Vật tư ngành nước	Ø 42 PN10	cái	TCVN 8491-3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	4.800	4.800	4.800	4.800	4.800	4.800	4.800	4.800	4.800	4.800	4.800	4.800	4.800	4.800	4.800
1704	Vật tư ngành nước	Ø 48 PN10	cái	TCVN 8491-3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	6.800	6.800	6.800	6.800	6.800	6.800	6.800	6.800	6.800	6.800	6.800	6.800	6.800	6.800	6.800
1705	Vật tư ngành nước	Ø 60 PN10	cái	TCVN 8491-3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	10.800	10.800	10.800	10.800	10.800	10.800	10.800	10.800	10.800	10.800	10.800	10.800	10.800	10.800	10.800
1706	Vật tư ngành nước	**Tê giảm nhựa**		TCVN 8491-3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
1707	Vật tư ngành nước	Ø 27/21 PN10	cái	TCVN 8491-3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	3.400	3.400	3.400	3.400	3.400	3.400	3.400	3.400	3.400	3.400	3.400	3.400	3.400	3.400	3.400
1708	Vật tư ngành nước	Ø 34/21 PN10	cái	TCVN 8491-3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	4.400	4.400	4.400	4.400	4.400	4.400	4.400	4.400	4.400	4.400	4.400	4.400	4.400	4.400	4.400

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng) (đồng)														
												Khu vực Tân An	Khu vực Tân Trụ	Khu vực Châu Thành	Khu vực Thủ Thừa	Khu vực Bến Lức	Khu vực Cần Giuộc	Khu vực Cần Đước	Khu vực Tân Thạnh	Khu vực Thạnh Hóa	Khu vực Tân Hưng	Khu vực Vĩnh Hưng	Khu vực Kiến Tường	Khu vực Mộc Hóa	Khu vực Đức Hòa	Khu vực Đức Huệ
1709	Vật tư ngành nước	Ø 34/27 PN10	cái	TCVN 8491-3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	4.600	4.600	4.600	4.600	4.600	4.600	4.600	4.600	4.600	4.600	4.600	4.600	4.600	4.600	4.600
1710	Vật tư ngành nước	Ø 42/21 PN10	cái	TCVN 8491-3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	5.800	5.800	5.800	5.800	5.800	5.800	5.800	5.800	5.800	5.800	5.800	5.800	5.800	5.800	5.800
1711	Vật tư ngành nước	Ø 42/27 PN10	cái	TCVN 8491-3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	6.400	6.400	6.400	6.400	6.400	6.400	6.400	6.400	6.400	6.400	6.400	6.400	6.400	6.400	6.400
1712	Vật tư ngành nước	Ø 42/34 PN10	cái	TCVN 8491-3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	7.800	7.800	7.800	7.800	7.800	7.800	7.800	7.800	7.800	7.800	7.800	7.800	7.800	7.800	7.800
1713	Vật tư ngành nước	Ø 48/21 PN10	cái	TCVN 8491-3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	9.400	9.400	9.400	9.400	9.400	9.400	9.400	9.400	9.400	9.400	9.400	9.400	9.400	9.400	9.400
1714	Vật tư ngành nước	Ø 48/27 PN10	cái	TCVN 8491-3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	9.500	9.500	9.500	9.500	9.500	9.500	9.500	9.500	9.500	9.500	9.500	9.500	9.500	9.500	9.500
1715	Vật tư ngành nước	Ø 48/34 PN10	cái	TCVN 8491-3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	10.000	10.000	10.000	10.000	10.000	10.000	10.000	10.000	10.000	10.000	10.000	10.000	10.000	10.000	10.000
1716	Vật tư ngành nước	Ø 48/42 PN10	cái	TCVN 8491-3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	12.900	12.900	12.900	12.900	12.900	12.900	12.900	12.900	12.900	12.900	12.900	12.900	12.900	12.900	12.900
1717	Vật tư ngành nước	Ø 60/21 PN8	cái	TCVN 8491-3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	11.600	11.600	11.600	11.600	11.600	11.600	11.600	11.600	11.600	11.600	11.600	11.600	11.600	11.600	11.600
1718	Vật tư ngành nước	Ø 60/27 PN8	cái	TCVN 8491-3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	13.100	13.100	13.100	13.100	13.100	13.100	13.100	13.100	13.100	13.100	13.100	13.100	13.100	13.100	13.100
1719	Vật tư ngành nước	Ø 60/34 PN8	cái	TCVN 8491-3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	14.400	14.400	14.400	14.400	14.400	14.400	14.400	14.400	14.400	14.400	14.400	14.400	14.400	14.400	14.400
1720	Vật tư ngành nước	Ø 60/42 PN8	cái	TCVN 8491-3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	15.900	15.900	15.900	15.900	15.900	15.900	15.900	15.900	15.900	15.900	15.900	15.900	15.900	15.900	15.900
1721	Vật tư ngành nước	Ø 60/48 PN8	cái	TCVN 8491-3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	16.600	16.600	16.600	16.600	16.600	16.600	16.600	16.600	16.600	16.600	16.600	16.600	16.600	16.600	16.600
1722	Vật tư ngành nước	Ø 75/34 PN8	cái	TCVN 8491-3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	21.900	21.900	21.900	21.900	21.900	21.900	21.900	21.900	21.900	21.900	21.900	21.900	21.900	21.900	21.900
1723	Vật tư ngành nước	Ø 75/42 PN8	cái	TCVN 8491-3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	23.400	23.400	23.400	23.400	23.400	23.400	23.400	23.400	23.400	23.400	23.400	23.400	23.400	23.400	23.400
1724	Vật tư ngành nước	Ø 75/48 PN8	cái	TCVN 8491-3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	26.500	26.500	26.500	26.500	26.500	26.500	26.500	26.500	26.500	26.500	26.500	26.500	26.500	26.500	26.500
1725	Vật tư ngành nước	Ø 75/60 PN8	cái	TCVN 8491-3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	29.600	29.600	29.600	29.600	29.600	29.600	29.600	29.600	29.600	29.600	29.600	29.600	29.600	29.600	29.600
1726	Vật tư ngành nước	Ø 90/34 PN8	cái	TCVN 8491-3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	37.800	37.800	37.800	37.800	37.800	37.800	37.800	37.800	37.800	37.800	37.800	37.800	37.800	37.800	37.800
1727	Vật tư ngành nước	Ø 90/42 PN8	cái	TCVN 8491-3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	30.800	30.800	30.800	30.800	30.800	30.800	30.800	30.800	30.800	30.800	30.800	30.800	30.800	30.800	30.800
1728	Vật tư ngành nước	Ø 90/48 PN8	cái	TCVN 8491-3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	35.500	35.500	35.500	35.500	35.500	35.500	35.500	35.500	35.500	35.500	35.500	35.500	35.500	35.500	35.500
1729	Vật tư ngành nước	Ø 90/60 PN8	cái	TCVN 8491-3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	45.600	45.600	45.600	45.600	45.600	45.600	45.600	45.600	45.600	45.600	45.600	45.600	45.600	45.600	45.600

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng) (đồng)														
												Khu vực Tân An	Khu vực Tân Trụ	Khu vực Châu Thành	Khu vực Thủ Thừa	Khu vực Bến Lức	Khu vực Cần Giuộc	Khu vực Cần Đước	Khu vực Tân Thạnh	Khu vực Thạnh Hóa	Khu vực Tân Hưng	Khu vực Vĩnh Hưng	Khu vực Kiến Tường	Khu vực Mộc Hóa	Khu vực Đức Hòa	Khu vực Đức Huệ
1730	Vật tư ngành nước	Ø 90/75 PN8	cái	TCVN 8491-3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	52.600	52.600	52.600	52.600	52.600	52.600	52.600	52.600	52.600	52.600	52.600	52.600	52.600	52.600
1731	Vật tư ngành nước	Ø 110/34 PN8	cái	TCVN 8491-3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	55.600	55.600	55.600	55.600	55.600	55.600	55.600	55.600	55.600	55.600	55.600	55.600	55.600	55.600	55.600
1732	Vật tư ngành nước	Ø 110/42 PN8	cái	TCVN 8491-3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	56.500	56.500	56.500	56.500	56.500	56.500	56.500	56.500	56.500	56.500	56.500	56.500	56.500	56.500	56.500
1733	Vật tư ngành nước	Ø 110/48 PN8	cái	TCVN 8491-3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	50.100	50.100	50.100	50.100	50.100	50.100	50.100	50.100	50.100	50.100	50.100	50.100	50.100	50.100	50.100
1734	Vật tư ngành nước	Ø 110/60 PN8	cái	TCVN 8491-3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	52.900	52.900	52.900	52.900	52.900	52.900	52.900	52.900	52.900	52.900	52.900	52.900	52.900	52.900	52.900
1735	Vật tư ngành nước	Ø 110/75 PN8	cái	TCVN 8491-3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	58.300	58.300	58.300	58.300	58.300	58.300	58.300	58.300	58.300	58.300	58.300	58.300	58.300	58.300	58.300
1736	Vật tư ngành nước	Ø 110/90 PN8	cái	TCVN 8491-3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	67.000	67.000	67.000	67.000	67.000	67.000	67.000	67.000	67.000	67.000	67.000	67.000	67.000	67.000	67.000
1737	Vật tư ngành nước	Ø 125/75 PN10	cái	TCVN 8491-3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	205.800	205.800	205.800	205.800	205.800	205.800	205.800	205.800	205.800	205.800	205.800	205.800	205.800	205.800	205.800
1738	Vật tư ngành nước	Ø 125/90 PN10	cái	TCVN 8491-3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	205.000	205.000	205.000	205.000	205.000	205.000	205.000	205.000	205.000	205.000	205.000	205.000	205.000	205.000	205.000
1739	Vật tư ngành nước	Ø 125/110 PN10	cái	TCVN 8491-3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	234.400	234.400	234.400	234.400	234.400	234.400	234.400	234.400	234.400	234.400	234.400	234.400	234.400	234.400	234.400
1740	Vật tư ngành nước	Ø 140/90 PN10	cái	TCVN 8491-3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	249.000	249.000	249.000	249.000	249.000	249.000	249.000	249.000	249.000	249.000	249.000	249.000	249.000	249.000	249.000
1741	Vật tư ngành nước	Ø 140/110 PN10	cái	TCVN 8491-3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	293.600	293.600	293.600	293.600	293.600	293.600	293.600	293.600	293.600	293.600	293.600	293.600	293.600	293.600	293.600
1742	Vật tư ngành nước	Ø 160/75 PN10	cái	TCVN 8491-3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	418.000	418.000	418.000	418.000	418.000	418.000	418.000	418.000	418.000	418.000	418.000	418.000	418.000	418.000	418.000
1743	Vật tư ngành nước	Ø 160/90 PN10	cái	TCVN 8491-3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	418.000	418.000	418.000	418.000	418.000	418.000	418.000	418.000	418.000	418.000	418.000	418.000	418.000	418.000	418.000
1744	Vật tư ngành nước	Ø 160/110 PN10	cái	TCVN 8491-3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	418.000	418.000	418.000	418.000	418.000	418.000	418.000	418.000	418.000	418.000	418.000	418.000	418.000	418.000	418.000
1745	Vật tư ngành nước	Ø 160/125 PN10	cái	TCVN 8491-3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	428.600	428.600	428.600	428.600	428.600	428.600	428.600	428.600	428.600	428.600	428.600	428.600	428.600	428.600	428.600
1746	Vật tư ngành nước	Ø 160/140 PN10	cái	TCVN 8491-3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	447.600	447.600	447.600	447.600	447.600	447.600	447.600	447.600	447.600	447.600	447.600	447.600	447.600	447.600	447.600
1747	Vật tư ngành nước	Ø 200/110 PN10	cái	TCVN 8491-3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	580.300	580.300	580.300	580.300	580.300	580.300	580.300	580.300	580.300	580.300	580.300	580.300	580.300	580.300	580.300
1748	Vật tư ngành nước	**Côn giảm nhựa**		TCVN 8491-3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới		0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
1749	Vật tư ngành nước	Ø 27/21 PN10	cái	TCVN 8491-3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	1.500	1.500	1.500	1.500	1.500	1.500	1.500	1.500	1.500	1.500	1.500	1.500	1.500	1.500	1.500
1750	Vật tư ngành nước	Ø 34/21 PN10	cái	TCVN 8491-3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	2.100	2.100	2.100	2.100	2.100	2.100	2.100	2.100	2.100	2.100	2.100	2.100	2.100	2.100	2.100

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng) (đồng)														
												Khu vực Tân An	Khu vực Tân Trụ	Khu vực Châu Thành	Khu vực Thủ Thừa	Khu vực Bến Lức	Khu vực Cần Giuộc	Khu vực Cần Đước	Khu vực Tân Thạnh	Khu vực Thạnh Hóa	Khu vực Tân Hưng	Khu vực Vĩnh Hưng	Khu vực Kiến Tường	Khu vực Mộc Hóa	Khu vực Đức Hòa	Khu vực Đức Huệ
1751	Vật tư ngành nước	Ø 34/27 PN10	cái	TCVN 8491-3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	2.800	2.800	2.800	2.800	2.800	2.800	2.800	2.800	2.800	2.800	2.800	2.800	2.800	2.800	2.800
1752	Vật tư ngành nước	Ø 42/21 PN10	cái	TCVN 8491-3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	3.300	3.300	3.300	3.300	3.300	3.300	3.300	3.300	3.300	3.300	3.300	3.300	3.300	3.300	3.300
1753	Vật tư ngành nước	Ø 42/27 PN10	cái	TCVN 8491-3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	3.400	3.400	3.400	3.400	3.400	3.400	3.400	3.400	3.400	3.400	3.400	3.400	3.400	3.400	3.400
1754	Vật tư ngành nước	Ø 42/34 PN10	cái	TCVN 8491-3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	3.600	3.600	3.600	3.600	3.600	3.600	3.600	3.600	3.600	3.600	3.600	3.600	3.600	3.600	3.600
1755	Vật tư ngành nước	Ø 48/21 PN10	cái	TCVN 8491-3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	4.400	4.400	4.400	4.400	4.400	4.400	4.400	4.400	4.400	4.400	4.400	4.400	4.400	4.400	4.400
1756	Vật tư ngành nước	Ø 48/27 PN10	cái	TCVN 8491-3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	4.500	4.500	4.500	4.500	4.500	4.500	4.500	4.500	4.500	4.500	4.500	4.500	4.500	4.500	4.500
1757	Vật tư ngành nước	Ø 48/34 PN10	cái	TCVN 8491-3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	4.600	4.600	4.600	4.600	4.600	4.600	4.600	4.600	4.600	4.600	4.600	4.600	4.600	4.600	4.600
1758	Vật tư ngành nước	Ø 48/42 PN10	cái	TCVN 8491-3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	4.800	4.800	4.800	4.800	4.800	4.800	4.800	4.800	4.800	4.800	4.800	4.800	4.800	4.800	4.800
1759	Vật tư ngành nước	Ø 60/21 PN8	cái	TCVN 8491-3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	6.000	6.000	6.000	6.000	6.000	6.000	6.000	6.000	6.000	6.000	6.000	6.000	6.000	6.000	6.000
1760	Vật tư ngành nước	Ø 60/27 PN8	cái	TCVN 8491-3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	7.300	7.300	7.300	7.300	7.300	7.300	7.300	7.300	7.300	7.300	7.300	7.300	7.300	7.300	7.300
1761	Vật tư ngành nước	Ø 60/34 PN8	cái	TCVN 8491-3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	7.300	7.300	7.300	7.300	7.300	7.300	7.300	7.300	7.300	7.300	7.300	7.300	7.300	7.300	7.300
1762	Vật tư ngành nước	Ø 60/42 PN8	cái	TCVN 8491-3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	7.300	7.300	7.300	7.300	7.300	7.300	7.300	7.300	7.300	7.300	7.300	7.300	7.300	7.300	7.300
1763	Vật tư ngành nước	Ø 60/48 PN8	cái	TCVN 8491-3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	7.600	7.600	7.600	7.600	7.600	7.600	7.600	7.600	7.600	7.600	7.600	7.600	7.600	7.600	7.600
1764	Vật tư ngành nước	Ø 75/34 PN8	cái	TCVN 8491-3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	11.500	11.500	11.500	11.500	11.500	11.500	11.500	11.500	11.500	11.500	11.500	11.500	11.500	11.500	11.500
1765	Vật tư ngành nước	Ø 75/42 PN8	cái	TCVN 8491-3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	11.500	11.500	11.500	11.500	11.500	11.500	11.500	11.500	11.500	11.500	11.500	11.500	11.500	11.500	11.500
1766	Vật tư ngành nước	Ø 75/48 PN8	cái	TCVN 8491-3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	11.500	11.500	11.500	11.500	11.500	11.500	11.500	11.500	11.500	11.500	11.500	11.500	11.500	11.500	11.500
1767	Vật tư ngành nước	Ø 75/60 PN8	cái	TCVN 8491-3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	12.000	12.000	12.000	12.000	12.000	12.000	12.000	12.000	12.000	12.000	12.000	12.000	12.000	12.000	12.000
1768	Vật tư ngành nước	Ø 90/34 PN8	cái	TCVN 8491-3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	15.400	15.400	15.400	15.400	15.400	15.400	15.400	15.400	15.400	15.400	15.400	15.400	15.400	15.400	15.400
1769	Vật tư ngành nước	Ø 90/42 PN8	cái	TCVN 8491-3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	16.600	16.600	16.600	16.600	16.600	16.600	16.600	16.600	16.600	16.600	16.600	16.600	16.600	16.600	16.600
1770	Vật tư ngành nước	Ø 90/48 PN8	cái	TCVN 8491-3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	16.800	16.800	16.800	16.800	16.800	16.800	16.800	16.800	16.800	16.800	16.800	16.800	16.800	16.800	16.800
1771	Vật tư ngành nước	Ø 90/60 PN8	cái	TCVN 8491-3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	17.900	17.900	17.900	17.900	17.900	17.900	17.900	17.900	17.900	17.900	17.900	17.900	17.900	17.900	17.900

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng) (đồng)														
												Khu vực Tân An	Khu vực Tân Trụ	Khu vực Châu Thành	Khu vực Thủ Thừa	Khu vực Bến Lức	Khu vực Cần Giuộc	Khu vực Cần Đước	Khu vực Tân Thạnh	Khu vực Thạnh Hóa	Khu vực Tân Hưng	Khu vực Vĩnh Hưng	Khu vực Kiến Tường	Khu vực Mộc Hóa	Khu vực Đức Hòa	Khu vực Đức Huệ
1772	Vật tư ngành nước	Ø 90/75 PN8	cái	TCVN 8491-3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	18.600	18.600	18.600	18.600	18.600	18.600	18.600	18.600	18.600	18.600	18.600	18.600	18.600	18.600
1773	Vật tư ngành nước	Ø 110/34 PN8	cái	TCVN 8491-3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	25.100	25.100	25.100	25.100	25.100	25.100	25.100	25.100	25.100	25.100	25.100	25.100	25.100	25.100
1774	Vật tư ngành nước	Ø 110/42 PN8	cái	TCVN 8491-3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	24.100	24.100	24.100	24.100	24.100	24.100	24.100	24.100	24.100	24.100	24.100	24.100	24.100	24.100
1775	Vật tư ngành nước	Ø 110/48 PN8	cái	TCVN 8491-3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	24.100	24.100	24.100	24.100	24.100	24.100	24.100	24.100	24.100	24.100	24.100	24.100	24.100	24.100
1776	Vật tư ngành nước	Ø 110/60 PN8	cái	TCVN 8491-3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	25.300	25.300	25.300	25.300	25.300	25.300	25.300	25.300	25.300	25.300	25.300	25.300	25.300	25.300
1777	Vật tư ngành nước	Ø 110/75 PN8	cái	TCVN 8491-3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	25.500	25.500	25.500	25.500	25.500	25.500	25.500	25.500	25.500	25.500	25.500	25.500	25.500	25.500
1778	Vật tư ngành nước	Ø 110/90 PN8	cái	TCVN 8491-3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	26.300	26.300	26.300	26.300	26.300	26.300	26.300	26.300	26.300	26.300	26.300	26.300	26.300	26.300
1779	Vật tư ngành nước	Ø 125/75 PN10	cái	TCVN 8491-3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	74.100	74.100	74.100	74.100	74.100	74.100	74.100	74.100	74.100	74.100	74.100	74.100	74.100	74.100
1780	Vật tư ngành nước	Ø 125/90 PN10	cái	TCVN 8491-3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	82.900	82.900	82.900	82.900	82.900	82.900	82.900	82.900	82.900	82.900	82.900	82.900	82.900	82.900
1781	Vật tư ngành nước	Ø 125/110 PN10	cái	TCVN 8491-3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	116.100	116.100	116.100	116.100	116.100	116.100	116.100	116.100	116.100	116.100	116.100	116.100	116.100	116.100
1782	Vật tư ngành nước	Ø 140/90 PN10	cái	TCVN 8491-3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	123.300	123.300	123.300	123.300	123.300	123.300	123.300	123.300	123.300	123.300	123.300	123.300	123.300	123.300
1783	Vật tư ngành nước	Ø 140/110 PN10	cái	TCVN 8491-3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	126.400	126.400	126.400	126.400	126.400	126.400	126.400	126.400	126.400	126.400	126.400	126.400	126.400	126.400
1784	Vật tư ngành nước	Ø 160/90 PN10	cái	TCVN 8491-3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	133.800	133.800	133.800	133.800	133.800	133.800	133.800	133.800	133.800	133.800	133.800	133.800	133.800	133.800
1785	Vật tư ngành nước	Ø 160/110 PN10	cái	TCVN 8491-3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	151.900	151.900	151.900	151.900	151.900	151.900	151.900	151.900	151.900	151.900	151.900	151.900	151.900	151.900
1786	Vật tư ngành nước	Ø 160/125 PN10	cái	TCVN 8491-3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	184.600	184.600	184.600	184.600	184.600	184.600	184.600	184.600	184.600	184.600	184.600	184.600	184.600	184.600
1787	Vật tư ngành nước	Ø 160/140 PN10	cái	TCVN 8491-3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	228.300	228.300	228.300	228.300	228.300	228.300	228.300	228.300	228.300	228.300	228.300	228.300	228.300	228.300
1788	Vật tư ngành nước	Ø 200/110 PN10	cái	TCVN 8491-3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	286.100	286.100	286.100	286.100	286.100	286.100	286.100	286.100	286.100	286.100	286.100	286.100	286.100	286.100
1789	Vật tư ngành nước	Ø 200/160 PN10	cái	TCVN 8491-3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	324.400	324.400	324.400	324.400	324.400	324.400	324.400	324.400	324.400	324.400	324.400	324.400	324.400	324.400
1790	Vật tư ngành nước	Ø 225/160 PN10	cái	TCVN 8491-3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	445.400	445.400	445.400	445.400	445.400	445.400	445.400	445.400	445.400	445.400	445.400	445.400	445.400	445.400
1791	Vật tư ngành nước	Ø 225/200 PN10	cái	TCVN 8491-3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	385.600	385.600	385.600	385.600	385.600	385.600	385.600	385.600	385.600	385.600	385.600	385.600	385.600	385.600
1792	Vật tư ngành nước	Ø 250/110 PN10	cái	TCVN 8491-3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	444.100	444.100	444.100	444.100	444.100	444.100	444.100	444.100	444.100	444.100	444.100	444.100	444.100	444.100

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng) (đồng)														
												Khu vực Tân An	Khu vực Tân Trụ	Khu vực Châu Thành	Khu vực Thủ Thừa	Khu vực Bến Lức	Khu vực Cần Giuộc	Khu vực Cần Đước	Khu vực Tân Thạnh	Khu vực Thạnh Hóa	Khu vực Tân Hưng	Khu vực Vĩnh Hưng	Khu vực Kiến Tường	Khu vực Mộc Hóa	Khu vực Đức Hòa	Khu vực Đức Huệ
1793	Vật tư ngành nước	Ø 250/160 PN10	cái	TCVN 8491-3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận		Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	468.900	468.900	468.900	468.900	468.900	468.900	468.900	468.900	468.900	468.900	468.900	468.900	468.900	468.900
1794	Vật tư ngành nước	Ø 250/200 PN10	cái	TCVN 8491-3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận		Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	541.600	541.600	541.600	541.600	541.600	541.600	541.600	541.600	541.600	541.600	541.600	541.600	541.600	541.600
1795	Vật tư ngành nước	Ø 315/160 PN10	cái	TCVN 8491-3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận		Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	990.400	990.400	990.400	990.400	990.400	990.400	990.400	990.400	990.400	990.400	990.400	990.400	990.400	990.400
1796	Vật tư ngành nước	Ø 315/200 PN10	cái	TCVN 8491-3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận		Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	1.027.100	1.027.100	1.027.100	1.027.100	1.027.100	1.027.100	1.027.100	1.027.100	1.027.100	1.027.100	1.027.100	1.027.100	1.027.100	1.027.100
1797	Vật tư ngành nước	Ø 315/250 PN10	cái	TCVN 8491-3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận		Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	1.057.600	1.057.600	1.057.600	1.057.600	1.057.600	1.057.600	1.057.600	1.057.600	1.057.600	1.057.600	1.057.600	1.057.600	1.057.600	1.057.600
1798	Vật tư ngành nước	**Bạc chuyển bậc**		TCVN 8491-3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận		Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
1799	Vật tư ngành nước	Ø 75/34 PN10	cái	TCVN 8491-3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận		Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	11.100	11.100	11.100	11.100	11.100	11.100	11.100	11.100	11.100	11.100	11.100	11.100	11.100	11.100
1800	Vật tư ngành nước	Ø 75/42 PN10	cái	TCVN 8491-3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận		Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	11.100	11.100	11.100	11.100	11.100	11.100	11.100	11.100	11.100	11.100	11.100	11.100	11.100	11.100
1801	Vật tư ngành nước	Ø 75/48 PN10	cái	TCVN 8491-3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận		Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	11.100	11.100	11.100	11.100	11.100	11.100	11.100	11.100	11.100	11.100	11.100	11.100	11.100	11.100
1802	Vật tư ngành nước	Ø 75/60 PN10	cái	TCVN 8491-3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận		Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	11.100	11.100	11.100	11.100	11.100	11.100	11.100	11.100	11.100	11.100	11.100	11.100	11.100	11.100
1803	Vật tư ngành nước	Ø 90/34 PN10	cái	TCVN 8491-3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận		Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	17.000	17.000	17.000	17.000	17.000	17.000	17.000	17.000	17.000	17.000	17.000	17.000	17.000	17.000
1804	Vật tư ngành nước	Ø 90/42 PN10	cái	TCVN 8491-3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận		Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	17.100	17.100	17.100	17.100	17.100	17.100	17.100	17.100	17.100	17.100	17.100	17.100	17.100	17.100
1805	Vật tư ngành nước	Ø 90/48 PN10	cái	TCVN 8491-3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận		Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	18.000	18.000	18.000	18.000	18.000	18.000	18.000	18.000	18.000	18.000	18.000	18.000	18.000	18.000
1806	Vật tư ngành nước	Ø 90/60 PN10	cái	TCVN 8491-3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận		Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	19.400	19.400	19.400	19.400	19.400	19.400	19.400	19.400	19.400	19.400	19.400	19.400	19.400	19.400
1807	Vật tư ngành nước	Ø 90/75 PN10	cái	TCVN 8491-3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận		Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	17.300	17.300	17.300	17.300	17.300	17.300	17.300	17.300	17.300	17.300	17.300	17.300	17.300	17.300
1808	Vật tư ngành nước	Ø 110/42 PN10	cái	TCVN 8491-3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận		Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	30.400	30.400	30.400	30.400	30.400	30.400	30.400	30.400	30.400	30.400	30.400	30.400	30.400	30.400
1809	Vật tư ngành nước	Ø 110/48 PN10	cái	TCVN 8491-3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận		Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	33.900	33.900	33.900	33.900	33.900	33.900	33.900	33.900	33.900	33.900	33.900	33.900	33.900	33.900
1810	Vật tư ngành nước	Ø 110/60 PN10	cái	TCVN 8491-3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận		Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	35.300	35.300	35.300	35.300	35.300	35.300	35.300	35.300	35.300	35.300	35.300	35.300	35.300	35.300
1811	Vật tư ngành nước	Ø 110/75 PN10	cái	TCVN 8491-3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận		Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	37.600	37.600	37.600	37.600	37.600	37.600	37.600	37.600	37.600	37.600	37.600	37.600	37.600	37.600
1812	Vật tư ngành nước	Ø 110/90 PN10	cái	TCVN 8491-3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận		Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	39.800	39.800	39.800	39.800	39.800	39.800	39.800	39.800	39.800	39.800	39.800	39.800	39.800	39.800
1813	Vật tư ngành nước	Ø 125/75 PN10	cái	TCVN 8491-3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận		Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	54.300	54.300	54.300	54.300	54.300	54.300	54.300	54.300	54.300	54.300	54.300	54.300	54.300	54.300

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng) (đồng)														
												Khu vực Tân An	Khu vực Tân Trụ	Khu vực Châu Thành	Khu vực Thủ Thừa	Khu vực Bến Lức	Khu vực Cần Giuộc	Khu vực Cần Đước	Khu vực Tân Thạnh	Khu vực Thạnh Hóa	Khu vực Tân Hưng	Khu vực Vĩnh Hưng	Khu vực Kiến Tường	Khu vực Mộc Hóa	Khu vực Đức Hòa	Khu vực Đức Huệ
1814	Vật tư ngành nước	Ø 125/90 PN10	cái	TCVN 8491-3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	54.300	54.300	54.300	54.300	54.300	54.300	54.300	54.300	54.300	54.300	54.300	54.300	54.300	54.300
1815	Vật tư ngành nước	Ø 125/110 PN10	cái	TCVN 8491-3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	54.300	54.300	54.300	54.300	54.300	54.300	54.300	54.300	54.300	54.300	54.300	54.300	54.300	54.300	54.300
1816	Vật tư ngành nước	Ø 140/75 PN10	cái	TCVN 8491-3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	47.000	47.000	47.000	47.000	47.000	47.000	47.000	47.000	47.000	47.000	47.000	47.000	47.000	47.000	47.000
1817	Vật tư ngành nước	Ø 140/90 PN10	cái	TCVN 8491-3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	62.300	62.300	62.300	62.300	62.300	62.300	62.300	62.300	62.300	62.300	62.300	62.300	62.300	62.300	62.300
1818	Vật tư ngành nước	Ø 140/110 PN10	cái	TCVN 8491-3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	62.300	62.300	62.300	62.300	62.300	62.300	62.300	62.300	62.300	62.300	62.300	62.300	62.300	62.300	62.300
1819	Vật tư ngành nước	Ø 140/125 PN10	cái	TCVN 8491-3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	62.300	62.300	62.300	62.300	62.300	62.300	62.300	62.300	62.300	62.300	62.300	62.300	62.300	62.300	62.300
1820	Vật tư ngành nước	Ø 160/90 PN10	cái	TCVN 8491-3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	93.300	93.300	93.300	93.300	93.300	93.300	93.300	93.300	93.300	93.300	93.300	93.300	93.300	93.300	93.300
1821	Vật tư ngành nước	Ø 160/110 PN10	cái	TCVN 8491-3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	102.500	102.500	102.500	102.500	102.500	102.500	102.500	102.500	102.500	102.500	102.500	102.500	102.500	102.500	102.500
1822	Vật tư ngành nước	Ø 160/125 PN10	cái	TCVN 8491-3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	102.500	102.500	102.500	102.500	102.500	102.500	102.500	102.500	102.500	102.500	102.500	102.500	102.500	102.500	102.500
1823	Vật tư ngành nước	Ø 160/140 PN10	cái	TCVN 8491-3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	102.500	102.500	102.500	102.500	102.500	102.500	102.500	102.500	102.500	102.500	102.500	102.500	102.500	102.500	102.500
1824	Vật tư ngành nước	Ø 200/110 PN10	cái	TCVN 8491-3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	182.000	182.000	182.000	182.000	182.000	182.000	182.000	182.000	182.000	182.000	182.000	182.000	182.000	182.000	182.000
1825	Vật tư ngành nước	Ø 200/125 PN10	cái	TCVN 8491-3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	182.000	182.000	182.000	182.000	182.000	182.000	182.000	182.000	182.000	182.000	182.000	182.000	182.000	182.000	182.000
1826	Vật tư ngành nước	Ø 200/140 PN10	cái	TCVN 8491-3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	182.000	182.000	182.000	182.000	182.000	182.000	182.000	182.000	182.000	182.000	182.000	182.000	182.000	182.000	182.000
1827	Vật tư ngành nước	Ø 200/160 PN10	cái	TCVN 8491-3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	182.000	182.000	182.000	182.000	182.000	182.000	182.000	182.000	182.000	182.000	182.000	182.000	182.000	182.000	182.000
1828	Vật tư ngành nước	Ø 225/200 PN10	cái	TCVN 8491-3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	688.100	688.100	688.100	688.100	688.100	688.100	688.100	688.100	688.100	688.100	688.100	688.100	688.100	688.100	688.100
1829	Vật tư ngành nước	**Tê giảm nhựa 45[6]**		TCVN 8491-3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
1830	Vật tư ngành nước	Ø 75/60 PN10	cái	TCVN 8491-3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	53.600	53.600	53.600	53.600	53.600	53.600	53.600	53.600	53.600	53.600	53.600	53.600	53.600	53.600	53.600
1831	Vật tư ngành nước	Ø 90/60 PN10	cái	TCVN 8491-3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	74.900	74.900	74.900	74.900	74.900	74.900	74.900	74.900	74.900	74.900	74.900	74.900	74.900	74.900	74.900
1832	Vật tư ngành nước	Ø 90/75 PN10	cái	TCVN 8491-3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	89.300	89.300	89.300	89.300	89.300	89.300	89.300	89.300	89.300	89.300	89.300	89.300	89.300	89.300	89.300
1833	Vật tư ngành nước	Ø 110/60 PN10	cái	TCVN 8491-3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	102.400	102.400	102.400	102.400	102.400	102.400	102.400	102.400	102.400	102.400	102.400	102.400	102.400	102.400	102.400
1834	Vật tư ngành nước	Ø 110/75 PN10	cái	TCVN 8491-3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	115.400	115.400	115.400	115.400	115.400	115.400	115.400	115.400	115.400	115.400	115.400	115.400	115.400	115.400	115.400

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng) (đồng)														
												Khu vực Tân An	Khu vực Tân Trụ	Khu vực Châu Thành	Khu vực Thủ Thừa	Khu vực Bến Lức	Khu vực Cần Giuộc	Khu vực Cần Đước	Khu vực Tân Thạnh	Khu vực Thạnh Hóa	Khu vực Tân Hưng	Khu vực Vĩnh Hưng	Khu vực Kiến Tường	Khu vực Mộc Hóa	Khu vực Đức Hòa	Khu vực Đức Huệ
1835	Vật tư ngành nước	Ø 110/90 PN10	cái	TCVN 8491-3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	121.600	121.600	121.600	121.600	121.600	121.600	121.600	121.600	121.600	121.600	121.600	121.600	121.600	121.600	121.600
1836	Vật tư ngành nước	Ø 125/75 PN10	cái	TCVN 8491-3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	173.300	173.300	173.300	173.300	173.300	173.300	173.300	173.300	173.300	173.300	173.300	173.300	173.300	173.300	173.300
1837	Vật tư ngành nước	Ø 125/90 PN10	cái	TCVN 8491-3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	171.500	171.500	171.500	171.500	171.500	171.500	171.500	171.500	171.500	171.500	171.500	171.500	171.500	171.500	171.500
1838	Vật tư ngành nước	Ø 125/110 PN10	cái	TCVN 8491-3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	226.600	226.600	226.600	226.600	226.600	226.600	226.600	226.600	226.600	226.600	226.600	226.600	226.600	226.600	226.600
1839	Vật tư ngành nước	Ø 140/75 PN10	cái	TCVN 8491-3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	198.000	198.000	198.000	198.000	198.000	198.000	198.000	198.000	198.000	198.000	198.000	198.000	198.000	198.000	198.000
1840	Vật tư ngành nước	Ø 140/90 PN10	cái	TCVN 8491-3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	270.000	270.000	270.000	270.000	270.000	270.000	270.000	270.000	270.000	270.000	270.000	270.000	270.000	270.000	270.000
1841	Vật tư ngành nước	Ø 140/110 PN10	cái	TCVN 8491-3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	290.600	290.600	290.600	290.600	290.600	290.600	290.600	290.600	290.600	290.600	290.600	290.600	290.600	290.600	290.600
1842	Vật tư ngành nước	Ø 160/90 PN10	cái	TCVN 8491-3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	315.300	315.300	315.300	315.300	315.300	315.300	315.300	315.300	315.300	315.300	315.300	315.300	315.300	315.300	315.300
1843	Vật tư ngành nước	Ø 160/110 PN10	cái	TCVN 8491-3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	352.000	352.000	352.000	352.000	352.000	352.000	352.000	352.000	352.000	352.000	352.000	352.000	352.000	352.000	352.000
1844	Vật tư ngành nước	**Bít xả thông tắc**		TCVN 8491-3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới		0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
1845	Vật tư ngành nước	Ø60	cái	TCVN 8491-3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	13.300	13.300	13.300	13.300	13.300	13.300	13.300	13.300	13.300	13.300	13.300	13.300	13.300	13.300	13.300
1846	Vật tư ngành nước	Ø75	cái	TCVN 8491-3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	19.300	19.300	19.300	19.300	19.300	19.300	19.300	19.300	19.300	19.300	19.300	19.300	19.300	19.300	19.300
1847	Vật tư ngành nước	Ø90	cái	TCVN 8491-3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	28.000	28.000	28.000	28.000	28.000	28.000	28.000	28.000	28.000	28.000	28.000	28.000	28.000	28.000	28.000
1848	Vật tư ngành nước	Ø110	cái	TCVN 8491-3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	37.300	37.300	37.300	37.300	37.300	37.300	37.300	37.300	37.300	37.300	37.300	37.300	37.300	37.300	37.300
1849	Vật tư ngành nước	Ø125	cái	TCVN 8491-3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	53.400	53.400	53.400	53.400	53.400	53.400	53.400	53.400	53.400	53.400	53.400	53.400	53.400	53.400	53.400
1850	Vật tư ngành nước	Ø140	cái	TCVN 8491-3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	70.600	70.600	70.600	70.600	70.600	70.600	70.600	70.600	70.600	70.600	70.600	70.600	70.600	70.600	70.600
1851	Vật tư ngành nước	Ø160	cái	TCVN 8491-3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	94.600	94.600	94.600	94.600	94.600	94.600	94.600	94.600	94.600	94.600	94.600	94.600	94.600	94.600	94.600
1852	Vật tư ngành nước	Ø200	cái	TCVN 8491-3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	332.300	332.300	332.300	332.300	332.300	332.300	332.300	332.300	332.300	332.300	332.300	332.300	332.300	332.300	332.300
1853	Vật tư ngành nước	**Xi phông (con thỏ)**	cái	TCVN 8491-3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
1854	Vật tư ngành nước	Ø60	cái	TCVN 8491-3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	35.000	35.000	35.000	35.000	35.000	35.000	35.000	35.000	35.000	35.000	35.000	35.000	35.000	35.000	35.000
1855	Vật tư ngành nước	Ø75	cái	TCVN 8491-3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	66.900	66.900	66.900	66.900	66.900	66.900	66.900	66.900	66.900	66.900	66.900	66.900	66.900	66.900	66.900

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng) (đồng)														
												Khu vực Tân An	Khu vực Tân Trụ	Khu vực Châu Thành	Khu vực Thủ Thừa	Khu vực Bến Lức	Khu vực Cần Giuộc	Khu vực Cần Đước	Khu vực Tân Thạnh	Khu vực Thạnh Hóa	Khu vực Tân Hưng	Khu vực Vĩnh Hưng	Khu vực Kiến Tường	Khu vực Mộc Hóa	Khu vực Đức Hòa	Khu vực Đức Huệ
1856	Vật tư ngành nước	Ø90	cái	TCVN 8491-3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	88.400	88.400	88.400	88.400	88.400	88.400	88.400	88.400	88.400	88.400	88.400	88.400	88.400	88.400	88.400
1857	Vật tư ngành nước	Ø110	cái	TCVN 8491-3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	147.100	147.100	147.100	147.100	147.100	147.100	147.100	147.100	147.100	147.100	147.100	147.100	147.100	147.100	147.100
1858	Vật tư ngành nước	**Keo dán**				Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
1859	Vật tư ngành nước	15g	hộp			Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	4.000	4.000	4.000	4.000	4.000	4.000	4.000	4.000	4.000	4.000	4.000	4.000	4.000	4.000	4.000
1860	Vật tư ngành nước	30g	hộp			Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	9.600	9.600	9.600	9.600	9.600	9.600	9.600	9.600	9.600	9.600	9.600	9.600	9.600	9.600	9.600
1861	Vật tư ngành nước	50g	hộp			Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	86.400	86.400	86.400	86.400	86.400	86.400	86.400	86.400	86.400	86.400	86.400	86.400	86.400	86.400	86.400
1862	Vật tư ngành nước	1000g	hộp			Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	173.000	173.000	173.000	173.000	173.000	173.000	173.000	173.000	173.000	173.000	173.000	173.000	173.000	173.000	173.000
1863	Vật tư ngành nước	**Hố ga**				Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
1864	Vật tư ngành nước	Hố ga 2 đầu ngang thân 225/MS lệch 110	đ/cái	TCVN 12755:2020		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	861.800	861.800	861.800	861.800	861.800	861.800	861.800	861.800	861.800	861.800	861.800	861.800	861.800	861.800	861.800
1865	Vật tư ngành nước	Hố ga 2 đầu ngang thân 225/MS lệch 110	đ/cái	TCVN 12755:2020		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	861.800	861.800	861.800	861.800	861.800	861.800	861.800	861.800	861.800	861.800	861.800	861.800	861.800	861.800	861.800
1866	Vật tư ngành nước	Hố ga 2 đầu đứng tê cong 160/110	đ/cái	TCVN 12755:2020		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	280.200	280.200	280.200	280.200	280.200	280.200	280.200	280.200	280.200	280.200	280.200	280.200	280.200	280.200	280.200
1867	Vật tư ngành nước	Hố ga 2 đầu ngang thân 200/cút 160	đ/cái	TCVN 12755:2020		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	978.100	978.100	978.100	978.100	978.100	978.100	978.100	978.100	978.100	978.100	978.100	978.100	978.100	978.100	978.100
1868	Vật tư ngành nước	Hố ga 4 đầu thân 200/thập lệch 160/110	đ/cái	TCVN 12755:2020		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	1.566.900	1.566.900	1.566.900	1.566.900	1.566.900	1.566.900	1.566.900	1.566.900	1.566.900	1.566.900	1.566.900	1.566.900	1.566.900	1.566.900	1.566.900
1869	Vật tư ngành nước	Hố ga 4 đầu thân 200/thập lệch 160/110	đ/cái	TCVN 12755:2020		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	2.290.800	2.290.800	2.290.800	2.290.800	2.290.800	2.290.800	2.290.800	2.290.800	2.290.800	2.290.800	2.290.800	2.290.800	2.290.800	2.290.800	2.290.800
1870	Vật tư ngành nước	Nắp đậy hố ga 200 Composite (tải trọng 1.5 tấn)	đ/cái	TCVN 12755:2020		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	1.346.300	1.346.300	1.346.300	1.346.300	1.346.300	1.346.300	1.346.300	1.346.300	1.346.300	1.346.300	1.346.300	1.346.300	1.346.300	1.346.300	1.346.300
1871	Vật tư ngành nước	Nắp đậy hố ga 225 Composite (tải trọng 1.5 tấn)	đ/cái	TCVN 12755:2020		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	1.346.300	1.346.300	1.346.300	1.346.300	1.346.300	1.346.300	1.346.300	1.346.300	1.346.300	1.346.300	1.346.300	1.346.300	1.346.300	1.346.300	1.346.300
1872	Vật tư ngành nước	Nắp đậy hố ga 160 nhựa	đ/cái	TCVN 12755:2020		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	887.300	887.300	887.300	887.300	887.300	887.300	887.300	887.300	887.300	887.300	887.300	887.300	887.300	887.300	887.300
1873	Vật tư ngành nước	Nút bịt hố ga 110 nhựa	đ/cái	TCVN 12755:2020		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	44.500	44.500	44.500	44.500	44.500	44.500	44.500	44.500	44.500	44.500	44.500	44.500	44.500	44.500	44.500
1874	Vật tư ngành nước	Ống PVC - U - Ø21	m	QCVN 16:2023/BXD ISO 9001:2015	21 x 1.3mm	Công ty TNHH SX TM Nhựa Bình Minh Phát. Đc: Lô E1-E2 đường số 2, KCN Hải Sơn, GD 3+4, ấp Bình Tiền 2, Đức Hoà, Tây Ninh - Đt: 0867 763192	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 20/04/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	8.082	8.082	8.082	8.082	8.082	8.082	8.082	8.082	8.082	8.082	8.082	8.082	8.082	8.082	8.082
1875	Vật tư ngành nước	Ống PVC - U - Ø21	m	QCVN 16:2023/BXD ISO 9001:2015	21 x 1.7mm	Công ty TNHH SX TM Nhựa Bình Minh Phát. Đc: Lô E1-E2 đường số 2, KCN Hải Sơn, GD 3+4, ấp Bình Tiền 2, Đức Hoà, Tây Ninh - Đt: 0867 763192	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 20/04/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	9.439	9.439	9.439	9.439	9.439	9.439	9.439	9.439	9.439	9.439	9.439	9.439	9.439	9.439	9.439
1876	Vật tư ngành nước	Ống PVC - U - Ø21	m	QCVN 16:2023/BXD ISO 9001:2015	21 x 3.0mm	Công ty TNHH SX TM Nhựa Bình Minh Phát. Đc: Lô E1-E2 đường số 2, KCN Hải Sơn, GD 3+4, ấp Bình Tiền 2, Đức Hoà, Tây Ninh - Đt: 0867 763192	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 20/04/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	14.763	14.763	14.763	14.763	14.763	14.763	14.763	14.763	14.763	14.763	14.763	14.763	14.763	14.763	14.763

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng) (đồng)														
												Khu vực Tân An	Khu vực Tân Trụ	Khu vực Châu Thành	Khu vực Thủ Thừa	Khu vực Bến Lức	Khu vực Cần Giuộc	Khu vực Cần Đước	Khu vực Tân Thạnh	Khu vực Thạnh Hóa	Khu vực Tân Hưng	Khu vực Vĩnh Hưng	Khu vực Kiến Tường	Khu vực Mộc Hóa	Khu vực Đức Hòa	Khu vực Đức Huệ
1877	Vật tư ngành nước	Ống PVC - U - Ø27	m	QCVN 16:2023/BXD ISO 9001:2015	27 x 1.3mm	Công ty TNHH SX TM Nhựa Bình Minh Phát. Đc: Lô E1-E2 đường số 2, KCN Hải Sơn, GD 3+4, ấp Bình Tiền 2, Đức Hoà, Tây Ninh - Dt: 0867 763192	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 20/04/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	9.595	9.595	9.595	9.595	9.595	9.595	9.595	9.595	9.595	9.595	9.595	9.595	9.595	9.595	9.595
1878	Vật tư ngành nước	Ống PVC - U - Ø27	m	QCVN 16:2023/BXD ISO 9001:2015	27 x 1.6mm	Công ty TNHH SX TM Nhựa Bình Minh Phát. Đc: Lô E1-E2 đường số 2, KCN Hải Sơn, GD 3+4, ấp Bình Tiền 2, Đức Hoà, Tây Ninh - Dt: 0867 763192	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 20/04/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	11.515	11.515	11.515	11.515	11.515	11.515	11.515	11.515	11.515	11.515	11.515	11.515	11.515	11.515	11.515
1879	Vật tư ngành nước	Ống PVC - U - Ø27	m	QCVN 16:2023/BXD ISO 9001:2015	27 x 1.9mm	Công ty TNHH SX TM Nhựa Bình Minh Phát. Đc: Lô E1-E2 đường số 2, KCN Hải Sơn, GD 3+4, ấp Bình Tiền 2, Đức Hoà, Tây Ninh - Dt: 0867 763192	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 20/04/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	13.286	13.286	13.286	13.286	13.286	13.286	13.286	13.286	13.286	13.286	13.286	13.286	13.286	13.286	13.286
1880	Vật tư ngành nước	Ống PVC - U - Ø27	m	QCVN 16:2023/BXD ISO 9001:2015	27 x 3.0mm	Công ty TNHH SX TM Nhựa Bình Minh Phát. Đc: Lô E1-E2 đường số 2, KCN Hải Sơn, GD 3+4, ấp Bình Tiền 2, Đức Hoà, Tây Ninh - Dt: 0867 763192	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 20/04/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	20.328	20.328	20.328	20.328	20.328	20.328	20.328	20.328	20.328	20.328	20.328	20.328	20.328	20.328	20.328
1881	Vật tư ngành nước	Ống PVC - U - Ø34	m	QCVN 16:2023/BXD ISO 9001:2015	34 x 1.4mm	Công ty TNHH SX TM Nhựa Bình Minh Phát. Đc: Lô E1-E2 đường số 2, KCN Hải Sơn, GD 3+4, ấp Bình Tiền 2, Đức Hoà, Tây Ninh - Dt: 0867 763192	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 20/04/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	13.139	13.139	13.139	13.139	13.139	13.139	13.139	13.139	13.139	13.139	13.139	13.139	13.139	13.139	13.139
1882	Vật tư ngành nước	Ống PVC - U - Ø34	m	QCVN 16:2023/BXD ISO 9001:2015	34 x 1.9mm	Công ty TNHH SX TM Nhựa Bình Minh Phát. Đc: Lô E1-E2 đường số 2, KCN Hải Sơn, GD 3+4, ấp Bình Tiền 2, Đức Hoà, Tây Ninh - Dt: 0867 763192	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 20/04/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	17.425	17.425	17.425	17.425	17.425	17.425	17.425	17.425	17.425	17.425	17.425	17.425	17.425	17.425	17.425
1883	Vật tư ngành nước	Ống PVC - U - Ø34	m	QCVN 16:2023/BXD ISO 9001:2015	34 x 2.2mm	Công ty TNHH SX TM Nhựa Bình Minh Phát. Đc: Lô E1-E2 đường số 2, KCN Hải Sơn, GD 3+4, ấp Bình Tiền 2, Đức Hoà, Tây Ninh - Dt: 0867 763192	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 20/04/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	19.929	19.929	19.929	19.929	19.929	19.929	19.929	19.929	19.929	19.929	19.929	19.929	19.929	19.929	19.929
1884	Vật tư ngành nước	Ống PVC - U - Ø34	m	QCVN 16:2023/BXD ISO 9001:2015	34 x 3.0mm	Công ty TNHH SX TM Nhựa Bình Minh Phát. Đc: Lô E1-E2 đường số 2, KCN Hải Sơn, GD 3+4, ấp Bình Tiền 2, Đức Hoà, Tây Ninh - Dt: 0867 763192	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 20/04/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	25.096	25.096	25.096	25.096	25.096	25.096	25.096	25.096	25.096	25.096	25.096	25.096	25.096	25.096	25.096
1885	Vật tư ngành nước	Ống PVC - U - Ø42	m	QCVN 16:2023/BXD ISO 9001:2015	42 x 1.4mm	Công ty TNHH SX TM Nhựa Bình Minh Phát. Đc: Lô E1-E2 đường số 2, KCN Hải Sơn, GD 3+4, ấp Bình Tiền 2, Đức Hoà, Tây Ninh - Dt: 0867 763192	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 20/04/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	16.829	16.829	16.829	16.829	16.829	16.829	16.829	16.829	16.829	16.829	16.829	16.829	16.829	16.829	16.829
1886	Vật tư ngành nước	Ống PVC - U - Ø42	m	QCVN 16:2023/BXD ISO 9001:2015	42 x 1.9mm	Công ty TNHH SX TM Nhựa Bình Minh Phát. Đc: Lô E1-E2 đường số 2, KCN Hải Sơn, GD 3+4, ấp Bình Tiền 2, Đức Hoà, Tây Ninh - Dt: 0867 763192	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 20/04/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	22.144	22.144	22.144	22.144	22.144	22.144	22.144	22.144	22.144	22.144	22.144	22.144	22.144	22.144	22.144
1887	Vật tư ngành nước	Ống PVC - U - Ø42	m	QCVN 16:2023/BXD ISO 9001:2015	42 x 2.2mm	Công ty TNHH SX TM Nhựa Bình Minh Phát. Đc: Lô E1-E2 đường số 2, KCN Hải Sơn, GD 3+4, ấp Bình Tiền 2, Đức Hoà, Tây Ninh - Dt: 0867 763192	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 20/04/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	25.096	25.096	25.096	25.096	25.096	25.096	25.096	25.096	25.096	25.096	25.096	25.096	25.096	25.096	25.096
1888	Vật tư ngành nước	Ống PVC - U - Ø42	m	QCVN 16:2023/BXD ISO 9001:2015	42 x 3.0mm	Công ty TNHH SX TM Nhựa Bình Minh Phát. Đc: Lô E1-E2 đường số 2, KCN Hải Sơn, GD 3+4, ấp Bình Tiền 2, Đức Hoà, Tây Ninh - Dt: 0867 763192	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 20/04/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	32.477	32.477	32.477	32.477	32.477	32.477	32.477	32.477	32.477	32.477	32.477	32.477	32.477	32.477	32.477
1889	Vật tư ngành nước	Ống PVC - U - Ø49	m	QCVN 16:2023/BXD ISO 9001:2015	49 x 1.5mm	Công ty TNHH SX TM Nhựa Bình Minh Phát. Đc: Lô E1-E2 đường số 2, KCN Hải Sơn, GD 3+4, ấp Bình Tiền 2, Đức Hoà, Tây Ninh - Dt: 0867 763192	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 20/04/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	21.006	21.006	21.006	21.006	21.006	21.006	21.006	21.006	21.006	21.006	21.006	21.006	21.006	21.006	21.006
1890	Vật tư ngành nước	Ống PVC - U - Ø49	m	QCVN 16:2023/BXD ISO 9001:2015	49 x 1.8mm	Công ty TNHH SX TM Nhựa Bình Minh Phát. Đc: Lô E1-E2 đường số 2, KCN Hải Sơn, GD 3+4, ấp Bình Tiền 2, Đức Hoà, Tây Ninh - Dt: 0867 763192	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 20/04/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	24.607	24.607	24.607	24.607	24.607	24.607	24.607	24.607	24.607	24.607	24.607	24.607	24.607	24.607	24.607
1891	Vật tư ngành nước	Ống PVC - U - Ø49	m	QCVN 16:2023/BXD ISO 9001:2015	49 x 2.1mm	Công ty TNHH SX TM Nhựa Bình Minh Phát. Đc: Lô E1-E2 đường số 2, KCN Hải Sơn, GD 3+4, ấp Bình Tiền 2, Đức Hoà, Tây Ninh - Dt: 0867 763192	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 20/04/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	28.048	28.048	28.048	28.048	28.048	28.048	28.048	28.048	28.048	28.048	28.048	28.048	28.048	28.048	28.048
1892	Vật tư ngành nước	Ống PVC - U - Ø49	m	QCVN 16:2023/BXD ISO 9001:2015	49 x 2.5mm	Công ty TNHH SX TM Nhựa Bình Minh Phát. Đc: Lô E1-E2 đường số 2, KCN Hải Sơn, GD 3+4, ấp Bình Tiền 2, Đức Hoà, Tây Ninh - Dt: 0867 763192	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 20/04/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	33.009	33.009	33.009	33.009	33.009	33.009	33.009	33.009	33.009	33.009	33.009	33.009	33.009	33.009	33.009
1893	Vật tư ngành nước	Ống PVC - U - Ø49	m	QCVN 16:2023/BXD ISO 9001:2015	49 x 3.0mm	Công ty TNHH SX TM Nhựa Bình Minh Phát. Đc: Lô E1-E2 đường số 2, KCN Hải Sơn, GD 3+4, ấp Bình Tiền 2, Đức Hoà, Tây Ninh - Dt: 0867 763192	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 20/04/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	38.561	38.561	38.561	38.561	38.561	38.561	38.561	38.561	38.561	38.561	38.561	38.561	38.561	38.561	38.561
1894	Vật tư ngành nước	Ống PVC - U - Ø60	m	QCVN 16:2023/BXD ISO 9001:2015	60 x 1.6mm	Công ty TNHH SX TM Nhựa Bình Minh Phát. Đc: Lô E1-E2 đường số 2, KCN Hải Sơn, GD 3+4, ấp Bình Tiền 2, Đức Hoà, Tây Ninh - Dt: 0867 763192	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 20/04/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	28.508	28.508	28.508	28.508	28.508	28.508	28.508	28.508	28.508	28.508	28.508	28.508	28.508	28.508	28.508
1895	Vật tư ngành nước	Ống PVC - U - Ø60	m	QCVN 16:2023/BXD ISO 9001:2015	60 x 1.8mm	Công ty TNHH SX TM Nhựa Bình Minh Phát. Đc: Lô E1-E2 đường số 2, KCN Hải Sơn, GD 3+4, ấp Bình Tiền 2, Đức Hoà, Tây Ninh - Dt: 0867 763192	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 20/04/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	31.739	31.739	31.739	31.739	31.739	31.739	31.739	31.739	31.739	31.739	31.739	31.739	31.739	31.739	31.739
1896	Vật tư ngành nước	Ống PVC - U - Ø60	m	QCVN 16:2023/BXD ISO 9001:2015	60 x 2.0mm	Công ty TNHH SX TM Nhựa Bình Minh Phát. Đc: Lô E1-E2 đường số 2, KCN Hải Sơn, GD 3+4, ấp Bình Tiền 2, Đức Hoà, Tây Ninh - Dt: 0867 763192	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 20/04/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	34.510	34.510	34.510	34.510	34.510	34.510	34.510	34.510	34.510	34.510	34.510	34.510	34.510	34.510	34.510
1897	Vật tư ngành nước	Ống PVC - U - Ø60	m	QCVN 16:2023/BXD ISO 9001:2015	60 x 2.3mm	Công ty TNHH SX TM Nhựa Bình Minh Phát. Đc: Lô E1-E2 đường số 2, KCN Hải Sơn, GD 3+4, ấp Bình Tiền 2, Đức Hoà, Tây Ninh - Dt: 0867 763192	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 20/04/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	39.120	39.120	39.120	39.120	39.120	39.120	39.120	39.120	39.120	39.120	39.120	39.120	39.120	39.120	39.120

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng) (đồng)														
												Khu vực Tân An	Khu vực Tân Trụ	Khu vực Châu Thành	Khu vực Thủ Thừa	Khu vực Bến Lức	Khu vực Cần Giuộc	Khu vực Cần Đước	Khu vực Tân Thạnh	Khu vực Thạnh Hóa	Khu vực Tân Hưng	Khu vực Vĩnh Hưng	Khu vực Kiến Tường	Khu vực Mộc Hóa	Khu vực Đức Hòa	Khu vực Đức Huệ
1898	Vật tư ngành nước	Ống PVC - U - Ø60	m	QCVN 16:2023/BXD ISO 9001:2015	60 x 2.5mm	Công ty TNHH SX TM Nhựa Bình Minh Phát. Đc: Lô E1-E2 đường số 2, KCN Hải Sơn, GD 3+4, ấp Bình Tiền 2, Đức Hoà, Tây Ninh - Dt: 0867 763192	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 20/04/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	42.663	42.663	42.663	42.663	42.663	42.663	42.663	42.663	42.663	42.663	42.663	42.663	42.663	42.663	42.663
1899	Vật tư ngành nước	Ống PVC - U - Ø60	m	QCVN 16:2023/BXD ISO 9001:2015	60 x 3.0mm	Công ty TNHH SX TM Nhựa Bình Minh Phát. Đc: Lô E1-E2 đường số 2, KCN Hải Sơn, GD 3+4, ấp Bình Tiền 2, Đức Hoà, Tây Ninh - Dt: 0867 763192	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 20/04/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	49.369	49.369	49.369	49.369	49.369	49.369	49.369	49.369	49.369	49.369	49.369	49.369	49.369	49.369	49.369
1900	Vật tư ngành nước	Ống PVC - U - Ø76	m	QCVN 16:2023/BXD ISO 9001:2015	76 x 1.8mm	Công ty TNHH SX TM Nhựa Bình Minh Phát. Đc: Lô E1-E2 đường số 2, KCN Hải Sơn, GD 3+4, ấp Bình Tiền 2, Đức Hoà, Tây Ninh - Dt: 0867 763192	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 20/04/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	39.461	39.461	39.461	39.461	39.461	39.461	39.461	39.461	39.461	39.461	39.461	39.461	39.461	39.461	39.461
1901	Vật tư ngành nước	Ống PVC - U - Ø76	m	QCVN 16:2023/BXD ISO 9001:2015	76 x 2.2mm	Công ty TNHH SX TM Nhựa Bình Minh Phát. Đc: Lô E1-E2 đường số 2, KCN Hải Sơn, GD 3+4, ấp Bình Tiền 2, Đức Hoà, Tây Ninh - Dt: 0867 763192	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 20/04/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	47.563	47.563	47.563	47.563	47.563	47.563	47.563	47.563	47.563	47.563	47.563	47.563	47.563	47.563	47.563
1902	Vật tư ngành nước	Ống PVC - U - Ø76	m	QCVN 16:2023/BXD ISO 9001:2015	76 x 3.6mm	Công ty TNHH SX TM Nhựa Bình Minh Phát. Đc: Lô E1-E2 đường số 2, KCN Hải Sơn, GD 3+4, ấp Bình Tiền 2, Đức Hoà, Tây Ninh - Dt: 0867 763192	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 20/04/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	75.022	75.022	75.022	75.022	75.022	75.022	75.022	75.022	75.022	75.022	75.022	75.022	75.022	75.022	75.022
1903	Vật tư ngành nước	Ống PVC - U - Ø90	m	QCVN 16:2023/BXD ISO 9001:2015	90 x 1.7mm	Công ty TNHH SX TM Nhựa Bình Minh Phát. Đc: Lô E1-E2 đường số 2, KCN Hải Sơn, GD 3+4, ấp Bình Tiền 2, Đức Hoà, Tây Ninh - Dt: 0867 763192	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 20/04/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	42.463	42.463	42.463	42.463	42.463	42.463	42.463	42.463	42.463	42.463	42.463	42.463	42.463	42.463	42.463
1904	Vật tư ngành nước	Ống PVC - U - Ø90	m	QCVN 16:2023/BXD ISO 9001:2015	90 x 2.0mm	Công ty TNHH SX TM Nhựa Bình Minh Phát. Đc: Lô E1-E2 đường số 2, KCN Hải Sơn, GD 3+4, ấp Bình Tiền 2, Đức Hoà, Tây Ninh - Dt: 0867 763192	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 20/04/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	51.014	51.014	51.014	51.014	51.014	51.014	51.014	51.014	51.014	51.014	51.014	51.014	51.014	51.014	51.014
1905	Vật tư ngành nước	Ống PVC - U - Ø90	m	QCVN 16:2023/BXD ISO 9001:2015	90 x 2.6mm	Công ty TNHH SX TM Nhựa Bình Minh Phát. Đc: Lô E1-E2 đường số 2, KCN Hải Sơn, GD 3+4, ấp Bình Tiền 2, Đức Hoà, Tây Ninh - Dt: 0867 763192	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 20/04/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	65.269	65.269	65.269	65.269	65.269	65.269	65.269	65.269	65.269	65.269	65.269	65.269	65.269	65.269	65.269
1906	Vật tư ngành nước	Ống PVC - U - Ø90	m	QCVN 16:2023/BXD ISO 9001:2015	90 x 3.0mm	Công ty TNHH SX TM Nhựa Bình Minh Phát. Đc: Lô E1-E2 đường số 2, KCN Hải Sơn, GD 3+4, ấp Bình Tiền 2, Đức Hoà, Tây Ninh - Dt: 0867 763192	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 20/04/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	75.022	75.022	75.022	75.022	75.022	75.022	75.022	75.022	75.022	75.022	75.022	75.022	75.022	75.022	75.022
1907	Vật tư ngành nước	Ống PVC - U - Ø90	m	QCVN 16:2023/BXD ISO 9001:2015	90 x 3.5mm	Công ty TNHH SX TM Nhựa Bình Minh Phát. Đc: Lô E1-E2 đường số 2, KCN Hải Sơn, GD 3+4, ấp Bình Tiền 2, Đức Hoà, Tây Ninh - Dt: 0867 763192	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 20/04/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	84.774	84.774	84.774	84.774	84.774	84.774	84.774	84.774	84.774	84.774	84.774	84.774	84.774	84.774	84.774
1908	Vật tư ngành nước	Ống PVC - U - Ø114	m	QCVN 16:2023/BXD ISO 9001:2015	114 x 2.0mm	Công ty TNHH SX TM Nhựa Bình Minh Phát. Đc: Lô E1-E2 đường số 2, KCN Hải Sơn, GD 3+4, ấp Bình Tiền 2, Đức Hoà, Tây Ninh - Dt: 0867 763192	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 20/04/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	65.871	65.871	65.871	65.871	65.871	65.871	65.871	65.871	65.871	65.871	65.871	65.871	65.871	65.871	65.871
1909	Vật tư ngành nước	Ống PVC - U - Ø114	m	QCVN 16:2023/BXD ISO 9001:2015	114 x 2.2mm	Công ty TNHH SX TM Nhựa Bình Minh Phát. Đc: Lô E1-E2 đường số 2, KCN Hải Sơn, GD 3+4, ấp Bình Tiền 2, Đức Hoà, Tây Ninh - Dt: 0867 763192	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 20/04/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	74.271	74.271	74.271	74.271	74.271	74.271	74.271	74.271	74.271	74.271	74.271	74.271	74.271	74.271	74.271
1910	Vật tư ngành nước	Ống PVC - U - Ø114	m	QCVN 16:2023/BXD ISO 9001:2015	114 x 2.6mm	Công ty TNHH SX TM Nhựa Bình Minh Phát. Đc: Lô E1-E2 đường số 2, KCN Hải Sơn, GD 3+4, ấp Bình Tiền 2, Đức Hoà, Tây Ninh - Dt: 0867 763192	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 20/04/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	86.274	86.274	86.274	86.274	86.274	86.274	86.274	86.274	86.274	86.274	86.274	86.274	86.274	86.274	86.274
1911	Vật tư ngành nước	Ống PVC - U - Ø114	m	QCVN 16:2023/BXD ISO 9001:2015	114 x 3.1mm	Công ty TNHH SX TM Nhựa Bình Minh Phát. Đc: Lô E1-E2 đường số 2, KCN Hải Sơn, GD 3+4, ấp Bình Tiền 2, Đức Hoà, Tây Ninh - Dt: 0867 763192	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 20/04/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	101.279	101.279	101.279	101.279	101.279	101.279	101.279	101.279	101.279	101.279	101.279	101.279	101.279	101.279	101.279
1912	Vật tư ngành nước	Ống PVC - U - Ø114	m	QCVN 16:2023/BXD ISO 9001:2015	114 x 3.8mm	Công ty TNHH SX TM Nhựa Bình Minh Phát. Đc: Lô E1-E2 đường số 2, KCN Hải Sơn, GD 3+4, ấp Bình Tiền 2, Đức Hoà, Tây Ninh - Dt: 0867 763192	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 20/04/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	120.485	120.485	120.485	120.485	120.485	120.485	120.485	120.485	120.485	120.485	120.485	120.485	120.485	120.485	120.485
1913	Vật tư ngành nước	Ống PVC - U - Ø114	m	QCVN 16:2023/BXD ISO 9001:2015	114 x 4.5mm	Công ty TNHH SX TM Nhựa Bình Minh Phát. Đc: Lô E1-E2 đường số 2, KCN Hải Sơn, GD 3+4, ấp Bình Tiền 2, Đức Hoà, Tây Ninh - Dt: 0867 763192	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 20/04/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	141.791	141.791	141.791	141.791	141.791	141.791	141.791	141.791	141.791	141.791	141.791	141.791	141.791	141.791	141.791
1914	Vật tư ngành nước	Ống PVC - U - Ø130	m	QCVN 16:2023/BXD ISO 9001:2015	130 x 4.0mm	Công ty TNHH SX TM Nhựa Bình Minh Phát. Đc: Lô E1-E2 đường số 2, KCN Hải Sơn, GD 3+4, ấp Bình Tiền 2, Đức Hoà, Tây Ninh - Dt: 0867 763192	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 20/04/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	144.491	144.491	144.491	144.491	144.491	144.491	144.491	144.491	144.491	144.491	144.491	144.491	144.491	144.491	144.491
1915	Vật tư ngành nước	Ống PVC - U - Ø130	m	QCVN 16:2023/BXD ISO 9001:2015	130 x 5.0mm	Công ty TNHH SX TM Nhựa Bình Minh Phát. Đc: Lô E1-E2 đường số 2, KCN Hải Sơn, GD 3+4, ấp Bình Tiền 2, Đức Hoà, Tây Ninh - Dt: 0867 763192	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 20/04/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	178.551	178.551	178.551	178.551	178.551	178.551	178.551	178.551	178.551	178.551	178.551	178.551	178.551	178.551	178.551
1916	Vật tư ngành nước	Ống PVC - U - Ø130	m	QCVN 16:2023/BXD ISO 9001:2015	140 x 3.5mm	Công ty TNHH SX TM Nhựa Bình Minh Phát. Đc: Lô E1-E2 đường số 2, KCN Hải Sơn, GD 3+4, ấp Bình Tiền 2, Đức Hoà, Tây Ninh - Dt: 0867 763192	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 20/04/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	141.483	141.483	141.483	141.483	141.483	141.483	141.483	141.483	141.483	141.483	141.483	141.483	141.483	141.483	141.483
1917	Vật tư ngành nước	Ống PVC - U - Ø130	m	QCVN 16:2023/BXD ISO 9001:2015	140 x 4.1mm	Công ty TNHH SX TM Nhựa Bình Minh Phát. Đc: Lô E1-E2 đường số 2, KCN Hải Sơn, GD 3+4, ấp Bình Tiền 2, Đức Hoà, Tây Ninh - Dt: 0867 763192	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 20/04/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	164.657	164.657	164.657	164.657	164.657	164.657	164.657	164.657	164.657	164.657	164.657	164.657	164.657	164.657	164.657
1918	Vật tư ngành nước	Ống PVC - U - Ø130	m	QCVN 16:2023/BXD ISO 9001:2015	140 x 5.1mm	Công ty TNHH SX TM Nhựa Bình Minh Phát. Đc: Lô E1-E2 đường số 2, KCN Hải Sơn, GD 3+4, ấp Bình Tiền 2, Đức Hoà, Tây Ninh - Dt: 0867 763192	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 20/04/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	201.248	201.248	201.248	201.248	201.248	201.248	201.248	201.248	201.248	201.248	201.248	201.248	201.248	201.248	201.248

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng) (đồng)														
												Khu vực Tân An	Khu vực Tân Trụ	Khu vực Châu Thành	Khu vực Thủ Thừa	Khu vực Bến Lức	Khu vực Cần Giuộc	Khu vực Cần Đước	Khu vực Tân Thạnh	Khu vực Thạnh Hóa	Khu vực Tân Hưng	Khu vực Vĩnh Hưng	Khu vực Kiến Tường	Khu vực Mộc Hóa	Khu vực Đức Hòa	Khu vực Đức Huệ
1919	Vật tư ngành nước	Ống PVC - U - Ø130	m	QCVN 16:2023/BXD ISO 9001:2015	140 x 6.7mm	Công ty TNHH SX TM Nhựa Bình Minh Phát. Đc: Lô E1-E2 đường số 2, KCN Hải Sơn, GD 3+4, ấp Bình Tiền 2, Đức Hoà, Tây Ninh - Dt: 0867 763192	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 20/04/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	263.756	263.756	263.756	263.756	263.756	263.756	263.756	263.756	263.756	263.756	263.756	263.756	263.756	263.756	263.756
1920	Vật tư ngành nước	Ống PVC - U - Ø130	m	QCVN 16:2023/BXD ISO 9001:2015	168 x 3.2mm	Công ty TNHH SX TM Nhựa Bình Minh Phát. Đc: Lô E1-E2 đường số 2, KCN Hải Sơn, GD 3+4, ấp Bình Tiền 2, Đức Hoà, Tây Ninh - Dt: 0867 763192	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 20/04/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	159.473	159.473	159.473	159.473	159.473	159.473	159.473	159.473	159.473	159.473	159.473	159.473	159.473	159.473	159.473
1921	Vật tư ngành nước	Ống PVC - U - Ø130	m	QCVN 16:2023/BXD ISO 9001:2015	168 x 4.5mm	Công ty TNHH SX TM Nhựa Bình Minh Phát. Đc: Lô E1-E2 đường số 2, KCN Hải Sơn, GD 3+4, ấp Bình Tiền 2, Đức Hoà, Tây Ninh - Dt: 0867 763192	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 20/04/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	214.359	214.359	214.359	214.359	214.359	214.359	214.359	214.359	214.359	214.359	214.359	214.359	214.359	214.359	214.359
1922	Vật tư ngành nước	Ống PVC - U - Ø130	m	QCVN 16:2023/BXD ISO 9001:2015	168 x 5.0mm	Công ty TNHH SX TM Nhựa Bình Minh Phát. Đc: Lô E1-E2 đường số 2, KCN Hải Sơn, GD 3+4, ấp Bình Tiền 2, Đức Hoà, Tây Ninh - Dt: 0867 763192	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 20/04/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	239.057	239.057	239.057	239.057	239.057	239.057	239.057	239.057	239.057	239.057	239.057	239.057	239.057	239.057	239.057
1923	Vật tư ngành nước	Ống PVC - U - Ø130	m	QCVN 16:2023/BXD ISO 9001:2015	168 x 6.6mm	Công ty TNHH SX TM Nhựa Bình Minh Phát. Đc: Lô E1-E2 đường số 2, KCN Hải Sơn, GD 3+4, ấp Bình Tiền 2, Đức Hoà, Tây Ninh - Dt: 0867 763192	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 20/04/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	309.799	309.799	309.799	309.799	309.799	309.799	309.799	309.799	309.799	309.799	309.799	309.799	309.799	309.799	309.799
1924	Vật tư ngành nước	Ống PVC - U - Ø200	m	QCVN 16:2023/BXD ISO 9001:2015	200 x 5.1mm	Công ty TNHH SX TM Nhựa Bình Minh Phát. Đc: Lô E1-E2 đường số 2, KCN Hải Sơn, GD 3+4, ấp Bình Tiền 2, Đức Hoà, Tây Ninh - Dt: 0867 763192	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 20/04/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	291.351	291.351	291.351	291.351	291.351	291.351	291.351	291.351	291.351	291.351	291.351	291.351	291.351	291.351	291.351
1925	Vật tư ngành nước	Ống PVC - U - Ø200	m	QCVN 16:2023/BXD ISO 9001:2015	200 x 5.9mm	Công ty TNHH SX TM Nhựa Bình Minh Phát. Đc: Lô E1-E2 đường số 2, KCN Hải Sơn, GD 3+4, ấp Bình Tiền 2, Đức Hoà, Tây Ninh - Dt: 0867 763192	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 20/04/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	334.345	334.345	334.345	334.345	334.345	334.345	334.345	334.345	334.345	334.345	334.345	334.345	334.345	334.345	334.345
1926	Vật tư ngành nước	Ống PVC - U - Ø200	m	QCVN 16:2023/BXD ISO 9001:2015	200 x 9.6mm	Công ty TNHH SX TM Nhựa Bình Minh Phát. Đc: Lô E1-E2 đường số 2, KCN Hải Sơn, GD 3+4, ấp Bình Tiền 2, Đức Hoà, Tây Ninh - Dt: 0867 763192	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 20/04/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	526.292	526.292	526.292	526.292	526.292	526.292	526.292	526.292	526.292	526.292	526.292	526.292	526.292	526.292	526.292
1927	Vật tư ngành nước	Ống PVC - U -Ø220	m	QCVN 16:2023/BXD ISO 9001:2015	220 x 4.2mm	Công ty TNHH SX TM Nhựa Bình Minh Phát. Đc: Lô E1-E2 đường số 2, KCN Hải Sơn, GD 3+4, ấp Bình Tiền 2, Đức Hoà, Tây Ninh - Dt: 0867 763192	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 20/04/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	265.951	265.951	265.951	265.951	265.951	265.951	265.951	265.951	265.951	265.951	265.951	265.951	265.951	265.951	265.951
1928	Vật tư ngành nước	Ống PVC - U -Ø220	m	QCVN 16:2023/BXD ISO 9001:2015	220 x 5.6mm	Công ty TNHH SX TM Nhựa Bình Minh Phát. Đc: Lô E1-E2 đường số 2, KCN Hải Sơn, GD 3+4, ấp Bình Tiền 2, Đức Hoà, Tây Ninh - Dt: 0867 763192	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 20/04/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	348.829	348.829	348.829	348.829	348.829	348.829	348.829	348.829	348.829	348.829	348.829	348.829	348.829	348.829	348.829
1929	Vật tư ngành nước	Ống PVC - U - Ø220	m	QCVN 16:2023/BXD ISO 9001:2015	220 x 6.5mm	Công ty TNHH SX TM Nhựa Bình Minh Phát. Đc: Lô E1-E2 đường số 2, KCN Hải Sơn, GD 3+4, ấp Bình Tiền 2, Đức Hoà, Tây Ninh - Dt: 0867 763192	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 20/04/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	401.732	401.732	401.732	401.732	401.732	401.732	401.732	401.732	401.732	401.732	401.732	401.732	401.732	401.732	401.732
1930	Vật tư ngành nước	Ống PVC - U - Ø220	m	QCVN 16:2023/BXD ISO 9001:2015	220 x 8.3mm	Công ty TNHH SX TM Nhựa Bình Minh Phát. Đc: Lô E1-E2 đường số 2, KCN Hải Sơn, GD 3+4, ấp Bình Tiền 2, Đức Hoà, Tây Ninh - Dt: 0867 763192	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 20/04/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	503.119	503.119	503.119	503.119	503.119	503.119	503.119	503.119	503.119	503.119	503.119	503.119	503.119	503.119	503.119
1931	Vật tư ngành nước	Ống PVC - U - Ø250	m	QCVN 16:2023/BXD ISO 9001:2015	250 x 6.5mm	Công ty TNHH SX TM Nhựa Bình Minh Phát. Đc: Lô E1-E2 đường số 2, KCN Hải Sơn, GD 3+4, ấp Bình Tiền 2, Đức Hoà, Tây Ninh - Dt: 0867 763192	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 20/04/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	468.210	468.210	468.210	468.210	468.210	468.210	468.210	468.210	468.210	468.210	468.210	468.210	468.210	468.210	468.210
1932	Vật tư ngành nước	Ống PVC - U - Ø250	m	QCVN 16:2023/BXD ISO 9001:2015	250 x 7.3mm	Công ty TNHH SX TM Nhựa Bình Minh Phát. Đc: Lô E1-E2 đường số 2, KCN Hải Sơn, GD 3+4, ấp Bình Tiền 2, Đức Hoà, Tây Ninh - Dt: 0867 763192	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 20/04/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	523.503	523.503	523.503	523.503	523.503	523.503	523.503	523.503	523.503	523.503	523.503	523.503	523.503	523.503	523.503
1933	Vật tư ngành nước	Ống PVC - U - Ø250	m	QCVN 16:2023/BXD ISO 9001:2015	250 x 9.6mm	Công ty TNHH SX TM Nhựa Bình Minh Phát. Đc: Lô E1-E2 đường số 2, KCN Hải Sơn, GD 3+4, ấp Bình Tiền 2, Đức Hoà, Tây Ninh - Dt: 0867 763192	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 20/04/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	678.076	678.076	678.076	678.076	678.076	678.076	678.076	678.076	678.076	678.076	678.076	678.076	678.076	678.076	678.076
1934	Vật tư ngành nước	Ống PVC - U - Ø250	m	QCVN 16:2023/BXD ISO 9001:2015	250 x 11.9mm	Công ty TNHH SX TM Nhựa Bình Minh Phát. Đc: Lô E1-E2 đường số 2, KCN Hải Sơn, GD 3+4, ấp Bình Tiền 2, Đức Hoà, Tây Ninh - Dt: 0867 763192	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 20/04/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	828.622	828.622	828.622	828.622	828.622	828.622	828.622	828.622	828.622	828.622	828.622	828.622	828.622	828.622	828.622
1935	Vật tư ngành nước	Ống PVC - U - Ø280	m	QCVN 16:2023/BXD ISO 9001:2015	280 x 8.2mm	Công ty TNHH SX TM Nhựa Bình Minh Phát. Đc: Lô E1-E2 đường số 2, KCN Hải Sơn, GD 3+4, ấp Bình Tiền 2, Đức Hoà, Tây Ninh - Dt: 0867 763192	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 20/04/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	657.168	657.168	657.168	657.168	657.168	657.168	657.168	657.168	657.168	657.168	657.168	657.168	657.168	657.168	657.168
1936	Vật tư ngành nước	Ống PVC - U - Ø280	m	QCVN 16:2023/BXD ISO 9001:2015	280 x 13.4mm	Công ty TNHH SX TM Nhựa Bình Minh Phát. Đc: Lô E1-E2 đường số 2, KCN Hải Sơn, GD 3+4, ấp Bình Tiền 2, Đức Hoà, Tây Ninh - Dt: 0867 763192	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 20/04/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	1.046.697	1.046.697	1.046.697	1.046.697	1.046.697	1.046.697	1.046.697	1.046.697	1.046.697	1.046.697	1.046.697	1.046.697	1.046.697	1.046.697	1.046.697
1937	Vật tư ngành nước	Ống PVC - U - Ø315	m	QCVN 16:2023/BXD ISO 9001:2015	315 x 7.7mm	Công ty TNHH SX TM Nhựa Bình Minh Phát. Đc: Lô E1-E2 đường số 2, KCN Hải Sơn, GD 3+4, ấp Bình Tiền 2, Đức Hoà, Tây Ninh - Dt: 0867 763192	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 20/04/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	702.392	702.392	702.392	702.392	702.392	702.392	702.392	702.392	702.392	702.392	702.392	702.392	702.392	702.392	702.392
1938	Vật tư ngành nước	Ống PVC - U - Ø315	m	QCVN 16:2023/BXD ISO 9001:2015	315 x 9.2mm	Công ty TNHH SX TM Nhựa Bình Minh Phát. Đc: Lô E1-E2 đường số 2, KCN Hải Sơn, GD 3+4, ấp Bình Tiền 2, Đức Hoà, Tây Ninh - Dt: 0867 763192	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 20/04/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	832.495	832.495	832.495	832.495	832.495	832.495	832.495	832.495	832.495	832.495	832.495	832.495	832.495	832.495	832.495
1939	Vật tư ngành nước	Ống PVC - U - Ø315	m	QCVN 16:2023/BXD ISO 9001:2015	315 x 12.1mm	Công ty TNHH SX TM Nhựa Bình Minh Phát. Đc: Lô E1-E2 đường số 2, KCN Hải Sơn, GD 3+4, ấp Bình Tiền 2, Đức Hoà, Tây Ninh - Dt: 0867 763192	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 20/04/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	1.079.532	1.079.532	1.079.532	1.079.532	1.079.532	1.079.532	1.079.532	1.079.532	1.079.532	1.079.532	1.079.532	1.079.532	1.079.532	1.079.532	1.079.532

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng) (đồng)														
												Khu vực Tân An	Khu vực Tân Trụ	Khu vực Châu Thành	Khu vực Thủ Thừa	Khu vực Bến Lức	Khu vực Cần Giuộc	Khu vực Cần Đước	Khu vực Tân Thạnh	Khu vực Thạnh Hóa	Khu vực Tân Hưng	Khu vực Vĩnh Hưng	Khu vực Kiến Tường	Khu vực Mộc Hóa	Khu vực Đức Hòa	Khu vực Đức Huệ
1940	Vật tư ngành nước	Ống PVC - U - Ø315	m	QCVN 16:2023/BXD ISO 9001:2015	315 x 15.0mm	Công ty TNHH SX TM Nhựa Bình Minh Phát. Đc: Lô E1-E2 đường số 2, KCN Hải Sơn, GD 3+4, ấp Bình Tiền 2, Đức Hoà, Tây Ninh - Dt: 0867 763192	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 20/04/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	1.324.246	1.324.246	1.324.246	1.324.246	1.324.246	1.324.246	1.324.246	1.324.246	1.324.246	1.324.246	1.324.246	1.324.246	1.324.246	1.324.246	1.324.246
1941	Vật tư ngành nước	Ống PVC - U - Ø400	m	QCVN 16:2023/BXD ISO 9001:2015	400 x 9.8mm	Công ty TNHH SX TM Nhựa Bình Minh Phát. Đc: Lô E1-E2 đường số 2, KCN Hải Sơn, GD 3+4, ấp Bình Tiền 2, Đức Hoà, Tây Ninh - Dt: 0867 763192	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 20/04/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	1.130.644	1.130.644	1.130.644	1.130.644	1.130.644	1.130.644	1.130.644	1.130.644	1.130.644	1.130.644	1.130.644	1.130.644	1.130.644	1.130.644	1.130.644
1942	Vật tư ngành nước	Ống PVC - U - Ø400	m	QCVN 16:2023/BXD ISO 9001:2015	400 x 11.7mm	Công ty TNHH SX TM Nhựa Bình Minh Phát. Đc: Lô E1-E2 đường số 2, KCN Hải Sơn, GD 3+4, ấp Bình Tiền 2, Đức Hoà, Tây Ninh - Dt: 0867 763192	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 20/04/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	1.338.186	1.338.186	1.338.186	1.338.186	1.338.186	1.338.186	1.338.186	1.338.186	1.338.186	1.338.186	1.338.186	1.338.186	1.338.186	1.338.186	1.338.186
1943	Vật tư ngành nước	Ống PVC - U - Ø400	m	QCVN 16:2023/BXD ISO 9001:2015	400 x 15.3mm	Công ty TNHH SX TM Nhựa Bình Minh Phát. Đc: Lô E1-E2 đường số 2, KCN Hải Sơn, GD 3+4, ấp Bình Tiền 2, Đức Hoà, Tây Ninh - Dt: 0867 763192	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 20/04/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	1.726.941	1.726.941	1.726.941	1.726.941	1.726.941	1.726.941	1.726.941	1.726.941	1.726.941	1.726.941	1.726.941	1.726.941	1.726.941	1.726.941	1.726.941
1944	Vật tư ngành nước	Ống PVC - U - Ø400	m	QCVN 16:2023/BXD ISO 9001:2015	400 x 19.1mm	Công ty TNHH SX TM Nhựa Bình Minh Phát. Đc: Lô E1-E2 đường số 2, KCN Hải Sơn, GD 3+4, ấp Bình Tiền 2, Đức Hoà, Tây Ninh - Dt: 0867 763192	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 20/04/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	2.129.636	2.129.636	2.129.636	2.129.636	2.129.636	2.129.636	2.129.636	2.129.636	2.129.636	2.129.636	2.129.636	2.129.636	2.129.636	2.129.636	2.129.636
1945	Vật tư ngành nước	Ống PVC - U - Ø500	m	QCVN 16:2023/BXD ISO 9001:2015	500 x 12.3mm	Công ty TNHH SX TM Nhựa Bình Minh Phát. Đc: Lô E1-E2 đường số 2, KCN Hải Sơn, GD 3+4, ấp Bình Tiền 2, Đức Hoà, Tây Ninh - Dt: 0867 763192	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 20/04/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	1.892.522	1.892.522	1.892.522	1.892.522	1.892.522	1.892.522	1.892.522	1.892.522	1.892.522	1.892.522	1.892.522	1.892.522	1.892.522	1.892.522	1.892.522
1946	Vật tư ngành nước	Ống PVC - U - Ø500	m	QCVN 16:2023/BXD ISO 9001:2015	500 x 15.3mm	Công ty TNHH SX TM Nhựa Bình Minh Phát. Đc: Lô E1-E2 đường số 2, KCN Hải Sơn, GD 3+4, ấp Bình Tiền 2, Đức Hoà, Tây Ninh - Dt: 0867 763192	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 20/04/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	2.331.916	2.331.916	2.331.916	2.331.916	2.331.916	2.331.916	2.331.916	2.331.916	2.331.916	2.331.916	2.331.916	2.331.916	2.331.916	2.331.916	2.331.916
1947	Vật tư ngành nước	Ống PVC - U - Ø500	m	QCVN 16:2023/BXD ISO 9001:2015	500 x 19.1mm	Công ty TNHH SX TM Nhựa Bình Minh Phát. Đc: Lô E1-E2 đường số 2, KCN Hải Sơn, GD 3+4, ấp Bình Tiền 2, Đức Hoà, Tây Ninh - Dt: 0867 763192	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 20/04/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	2.879.925	2.879.925	2.879.925	2.879.925	2.879.925	2.879.925	2.879.925	2.879.925	2.879.925	2.879.925	2.879.925	2.879.925	2.879.925	2.879.925	2.879.925
1948	Vật tư ngành nước	Ống PVC - U - Ø630	m	QCVN 16:2023/BXD ISO 9001:2015	630 x 15.4mm	Công ty TNHH SX TM Nhựa Bình Minh Phát. Đc: Lô E1-E2 đường số 2, KCN Hải Sơn, GD 3+4, ấp Bình Tiền 2, Đức Hoà, Tây Ninh - Dt: 0867 763192	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 20/04/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	3.062.970	3.062.970	3.062.970	3.062.970	3.062.970	3.062.970	3.062.970	3.062.970	3.062.970	3.062.970	3.062.970	3.062.970	3.062.970	3.062.970	3.062.970
1949	Vật tư ngành nước	Ống PVC - U - Ø630	m	QCVN 16:2023/BXD ISO 9001:2015	630 x 19.3mm	Công ty TNHH SX TM Nhựa Bình Minh Phát. Đc: Lô E1-E2 đường số 2, KCN Hải Sơn, GD 3+4, ấp Bình Tiền 2, Đức Hoà, Tây Ninh - Dt: 0867 763192	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 20/04/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	3.799.912	3.799.912	3.799.912	3.799.912	3.799.912	3.799.912	3.799.912	3.799.912	3.799.912	3.799.912	3.799.912	3.799.912	3.799.912	3.799.912	3.799.912
1950	Vật tư ngành nước	Ống PVC - U - Ø630	m	QCVN 16:2023/BXD ISO 9001:2015	630 x 24.1mm	Công ty TNHH SX TM Nhựa Bình Minh Phát. Đc: Lô E1-E2 đường số 2, KCN Hải Sơn, GD 3+4, ấp Bình Tiền 2, Đức Hoà, Tây Ninh - Dt: 0867 763192	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 20/04/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	4.692.713	4.692.713	4.692.713	4.692.713	4.692.713	4.692.713	4.692.713	4.692.713	4.692.713	4.692.713	4.692.713	4.692.713	4.692.713	4.692.713	4.692.713
1951	Bê tông đúc sẵn	Hố thu nước mưa và ngăn mùi hợp khối; Kt 780x380x1000mm(Lắp đặt cho hệ thống thoát nước đường hèm)	bộ	TCVN 10333-1:2014	- Hệ thống hố ga thu nước mưa và ngăn mùi kiểu mới: (Chưa bao gồm ống PVC và các phụ kiện co, cút kèm theo).	Công ty Cổ phần Khoa học Công nghệ Việt Nam. Đc: số 06, đường 3/2, P.Tam Thắng, TP.HCM Dt: 02543.853.125. (Công văn đề nghị công bố giá số 08/CV-KHCNVN ngày 08/06/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giá đã bao gồm chi phí vận chuyển đến địa điểm tập trung tại chân công trình theo yêu cầu của bên mua tại thành phố Tân An, tỉnh Long An. Giá bán chưa bao gồm ống PVC và các phụ kiện co, cút kèm	(Báo giá có hiệu lực từ quý II/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá không đổi	8.561.000	8.561.000	8.561.000	8.561.000	8.561.000	8.561.000	8.561.000	8.561.000	8.561.000	8.561.000	8.561.000	8.561.000	8.561.000	8.561.000
1952	Bê tông đúc sẵn	Hố thu nước mưa và ngăn mùi hợp khối; Kt 780x380x1250mm(Lắp đặt cho hệ thống thoát nước vỉa hè)	bộ	TCVN 10333-1:2014	- Hệ thống hố ga thu nước mưa và ngăn mùi kiểu mới: (Chưa bao gồm ống PVC và các phụ kiện co, cút kèm theo).	Công ty Cổ phần Khoa học Công nghệ Việt Nam. Đc: số 06, đường 3/2, P.Tam Thắng, TP.HCM Dt: 02543.853.125. (Công văn đề nghị công bố giá số 08/CV-KHCNVN ngày 08/06/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giá đã bao gồm chi phí vận chuyển đến địa điểm tập trung tại chân công trình theo yêu cầu của bên mua tại thành phố Tân An, tỉnh Long An. Giá bán chưa bao gồm ống PVC và các phụ kiện co, cút kèm	(Báo giá có hiệu lực từ quý II/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá không đổi	8.741.000	8.741.000	8.741.000	8.741.000	8.741.000	8.741.000	8.741.000	8.741.000	8.741.000	8.741.000	8.741.000	8.741.000	8.741.000	8.741.000
1953	Bê tông đúc sẵn	Hố thu nước mưa và ngăn mùi hợp khối; Kt 780x380x1470mm(Lắp đặt cho hệ thống thoát nước lòng đường)	bộ	TCVN 10333-1:2014	- Hệ thống hố ga thu nước mưa và ngăn mùi kiểu mới: (Chưa bao gồm ống PVC và các phụ kiện co, cút kèm theo).	Công ty Cổ phần Khoa học Công nghệ Việt Nam. Đc: số 06, đường 3/2, P.Tam Thắng, TP.HCM Dt: 02543.853.125. (Công văn đề nghị công bố giá số 08/CV-KHCNVN ngày 08/06/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giá đã bao gồm chi phí vận chuyển đến địa điểm tập trung tại chân công trình theo yêu cầu của bên mua tại thành phố Tân An, tỉnh Long An. Giá bán chưa bao gồm ống PVC và các phụ kiện co, cút kèm	(Báo giá có hiệu lực từ quý II/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá không đổi	8.921.000	8.921.000	8.921.000	8.921.000	8.921.000	8.921.000	8.921.000	8.921.000	8.921.000	8.921.000	8.921.000	8.921.000	8.921.000	8.921.000
1954	Bê tông đúc sẵn	Hào kỹ thuật BTCS 2 ngăn thành mỏng đúc sẵn - Vỉa hè, KT: B400x400-H500-L1000mm	m	TCVN 10332:2014	- Giá hào kỹ thuật bê tông cốt sợi (BTCS), Bê tông cốt thép (BTCT):	Công ty Cổ phần Khoa học Công nghệ Việt Nam. Đc: số 06, đường 3/2, P.Tam Thắng, TP.HCM Dt: 02543.853.125. (Công văn đề nghị công bố giá số 08/CV-KHCNVN ngày 08/06/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giá đã bao gồm chi phí vận chuyển đến địa điểm tập trung tại chân công trình theo yêu cầu của bên mua tại thành phố Tân An, tỉnh Long An.	(Báo giá có hiệu lực từ quý II/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá không đổi	3.087.963	3.087.963	3.087.963	3.087.963	3.087.963	3.087.963	3.087.963	3.087.963	3.087.963	3.087.963	3.087.963	3.087.963	3.087.963	3.087.963
1955	Bê tông đúc sẵn	Hào kỹ thuật BTCT 2 ngăn thành mỏng đúc sẵn - Vỉa hè, KT: B300x300-H500-L1000mm	m	TCVN 10332:2014	- Giá hào kỹ thuật bê tông cốt sợi (BTCS), Bê tông cốt thép (BTCT):	Công ty Cổ phần Khoa học Công nghệ Việt Nam. Đc: số 06, đường 3/2, P.Tam Thắng, TP.HCM Dt: 02543.853.125. (Công văn đề nghị công bố giá số 08/CV-KHCNVN ngày 08/06/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giá đã bao gồm chi phí vận chuyển đến địa điểm tập trung tại chân công trình theo yêu cầu của bên mua tại thành phố Tân An, tỉnh Long An.	(Báo giá có hiệu lực từ quý II/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá không đổi	2.894.444	2.894.444	2.894.444	2.894.444	2.894.444	2.894.444	2.894.444	2.894.444	2.894.444	2.894.444	2.894.444	2.894.444	2.894.444	2.894.444
1956	Bê tông đúc sẵn	Hào kỹ thuật BTCT 2 ngăn thành mỏng đúc sẵn - Vỉa hè, KT: B400x300-H500-L1000mm (có gờ đỡ cáp)	m	TCVN 10332:2014	- Giá hào kỹ thuật bê tông cốt sợi (BTCS), Bê tông cốt thép (BTCT):	Công ty Cổ phần Khoa học Công nghệ Việt Nam. Đc: số 06, đường 3/2, P.Tam Thắng, TP.HCM Dt: 02543.853.125. (Công văn đề nghị công bố giá số 08/CV-KHCNVN ngày 08/06/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giá đã bao gồm chi phí vận chuyển đến địa điểm tập trung tại chân công trình theo yêu cầu của bên mua tại thành phố Tân An, tỉnh Long An.	(Báo giá có hiệu lực từ quý II/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá không đổi	3.388.889	3.388.889	3.388.889	3.388.889	3.388.889	3.388.889	3.388.889	3.388.889	3.388.889	3.388.889	3.388.889	3.388.889	3.388.889	3.388.889
1957	Bê tông đúc sẵn	Hào kỹ thuật BTCT 3 ngăn thành mỏng đúc sẵn - Vỉa hè, KT: B300x300x300-H500-L1000mm	m	TCVN 10332:2014	- Giá hào kỹ thuật bê tông cốt sợi (BTCS), Bê tông cốt thép (BTCT):	Công ty Cổ phần Khoa học Công nghệ Việt Nam. Đc: số 06, đường 3/2, P.Tam Thắng, TP.HCM Dt: 02543.853.125. (Công văn đề nghị công bố giá số 08/CV-KHCNVN ngày 08/06/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giá đã bao gồm chi phí vận chuyển đến địa điểm tập trung tại chân công trình theo yêu cầu của bên mua tại thành phố Tân An, tỉnh Long An.	(Báo giá có hiệu lực từ quý II/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá không đổi	3.901.852	3.901.852	3.901.852	3.901.852	3.901.852	3.901.852	3.901.852	3.901.852	3.901.852	3.901.852	3.901.852	3.901.852	3.901.852	3.901.852
1958	Bê tông đúc sẵn	Cấu kiện kè bê tông cốt sợi (BTCS) H=2,0m - L=2,0m, B=1,4m	cấu kiện	TCVN 11736:2017 & TC.VCA 009-2015	1,4mm	Công ty Cổ phần Khoa học Công nghệ Việt Nam. Đc: số 06, đường 3/2, P.Tam Thắng, TP.HCM Dt: 02543.853.125. (Công văn đề nghị công bố giá số 08/CV-KHCNVN ngày 08/06/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giá đã bao gồm chi phí vận chuyển đến địa điểm tập trung tại chân công trình theo yêu cầu của bên mua tại thành phố Tân An, tỉnh Long An.	(Báo giá có hiệu lực từ quý II/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá không đổi	13.254.000	13.254.000	13.254.000	13.254.000	13.254.000	13.254.000	13.254.000	13.254.000	13.254.000	13.254.000	13.254.000	13.254.000	13.254.000	13.254.000
1959	Bê tông đúc sẵn	Cấu kiện kè bê tông cốt sợi (BTCS) H=3,0m - L=2,0m, B=1,92m	cấu kiện	TCVN 11736:2017 & TC.VCA 009-2015	1,92mm	Công ty Cổ phần Khoa học Công nghệ Việt Nam. Đc: số 06, đường 3/2, P.Tam Thắng, TP.HCM Dt: 02543.853.125. (Công văn đề nghị công bố giá số 08/CV-KHCNVN ngày 08/06/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giá đã bao gồm chi phí vận chuyển đến địa điểm tập trung tại chân công trình theo yêu cầu của bên mua tại thành phố Tân An, tỉnh Long An.	(Báo giá có hiệu lực từ quý II/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá không đổi	28.716.000	28.716.000	28.716.000	28.716.000	28.716.000	28.716.000	28.716.000	28.716.000	28.716.000	28.716.000	28.716.000	28.716.000	28.716.000	28.716.000

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng) (đồng)															
												Khu vực Tân An	Khu vực Tân Trụ	Khu vực Châu Thành	Khu vực Thủ Thừa	Khu vực Bến Lức	Khu vực Cần Giuộc	Khu vực Cần Đước	Khu vực Tân Thạnh	Khu vực Thạnh Hóa	Khu vực Tân Hưng	Khu vực Vĩnh Hưng	Khu vực Kiến Tường	Khu vực Mộc Hóa	Khu vực Đức Hòa	Khu vực Đức Huệ
1960	Bê tông đúc sẵn	Hệ thống hố ga của hệ thống thoát nước thải (Hệ thống hố ga thu nước ngăn mùi chong muỗi) -SIGEN-01B (lắp đặt cho hệ thống thoát nước có vỉa hè và không có vỉa hè)	Bộ	- TCVN 10333-1:2014 - TCVN 10333- 2:2014 - TCVN 10333-3:2014 - TCCS cập nhật 01:2025 TCCS.02:2020/Sigen	Hệ thống cấu thành gồm: - Hố ga cho hệ thống thoát nước 01B kích thước ngoài 840x440x670mm, kích thước trong 700x300x600mm; bê tông đá 1 X 2 M300 - Song chắn rác không khung (gang cầu, chống trộm) kích thước 760x360x45mm - Cơ cấu ngăn mùi cho hố ga SG-08 (vật liệu nhựa ABS) kích thước ngoài 330x600x85. Kích thước trong 230x465x80mm - Tấm lọc nước (nhựa PPR) SG-08 kích thước 694x294x1 OOmm, chiều dày 5mm	Công ty TNHH SiGen. Đc: 106 Huyền Trân Công Chúa, P.Tam Thắng, TP.HCM - Đt: 0913687227. Công văn đề nghị công bố giá số 84-TN/2026/CBG ngày 19/06/2026	Việt Nam	Cung cấp và giao hàng theo khối lượng yêu cầu	Giao trên phương tiện bên bán, giao tại chân công trình, nếu đảm bảo xe chở hàng có thể vào được	Giá kê khai chưa bao gồm thuế GTGT, chi phí lắp đặt, ống nhựa các co nối và đã bao gồm phí vận chuyển . Áp dụng từ 01/01/2026 đến 31/12/2026.	Giá không đổi	10.300.000	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
1961	Bê tông đúc sẵn	Hệ thống hố ga của hệ thống thoát nước thải (Hệ thống ho ga thu nước ngăn mùi chống muỗi) -SIGEN-02C	Bộ	- TCVN 10333-1:2014 -TCVN 10333-2:2014 - TCVN 10333-3:2014 -TCCS 02:2020/SIGEN (sửa đổi lần 2)	Hệ thống cấu thành gồm: - Hố ga cho hệ thống thoát nước 02C: KT ngoài 840x440x 1200mm, KT trong 700x300x1130mm; (BTCT M300) - Song chắn rác (gang cầu) KT 760x360x45mm - Cơ cấu ngăn mùi cho hố ga inox sus 316L hoặc nhựa ABS - Tấm lọc nước (nhựa PPR) SG-08 KT 694x294x1 OOmm, chiều dày 5mm	Công ty TNHH SiGen. Đc: 106 Huyền Trân Công Chúa, P.Tam Thắng, TP.HCM - Đt: 0913687227. Công văn đề nghị công bố giá số 84-TN/2026/CBG ngày 19/06/2026	Việt Nam	Cung cấp và giao hàng theo khối lượng yêu cầu	Giao trên phương tiện bên bán, giao tại chân công trình, nếu đảm bảo xe chở hàng có thể vào được	Giá kê khai chưa bao gồm thuế GTGT, chi phí lắp đặt, ống nhựa các co nối và đã bao gồm phí vận chuyển . Áp dụng từ 01/01/2026 đến 31/12/2026.	Giá không đổi	11.100.000	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
1962	Bê tông đúc sẵn	Hệ thống hố ga của hệ thống thoát nước thải (Hệ thống hố ga thu nước ngăn mùi chống muỗi) -SIGEN-03B (lắp đặt cho hệ thống thoát nước có vỉa hè và không có vỉa hè)	Bộ	-TCVN 10333-1:2014 -TCVN 10333- 2:2014 - TCVN 10333-3:2014 - TCCS cập nhật 01:2025 TCCS.02:2020/Sigen	Hệ thống cấu thành gồm: - Hố ga cho hệ thống thoát nước 03B + kích thước ngoài 840x440x540mm; + kích thước trong 700x300x470mm; (bê tông đá 1 X 2 M300) - Song chắn rác không khung (gang cầu, chống trộm), kích thước 760x360x45mm - Cơ cấu ngăn mùi cho hố ga SG-08 (vật liệu nhựa ABS) kích thước ngoài 330x600x85. Kích thước trong 230x465x80mm	Công ty TNHH SiGen. Đc: 106 Huyền Trân Công Chúa, P.Tam Thắng, TP.HCM - Đt: 0913687227. Công văn đề nghị công bố giá số 84-TN/2026/CBG ngày 19/06/2026	Việt Nam	Giao trên phương tiện bên bán, giao tại chân công trình, nếu đảm bảo xe chở hàng có thể vào được	Giá kê khai chưa bao gồm thuế GTGT, chi phí lắp đặt, ống nhựa các co nối và đã bao gồm phí vận chuyển . Áp dụng từ 01/01/2026 đến 31/12/2026.	Giá kê khai chưa bao gồm thuế GTGT, chi phí lắp đặt, ống nhựa các co nối và đã bao gồm phí vận chuyển . Áp dụng từ 01/01/2026 đến 31/12/2026.	Giá không đổi	7.800.000	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
1963	Bê tông đúc sẵn	Hệ thống hố ga của hệ thống thoát nước thải (Hệ thống hố ga thu nước ngăn mùi chống muỗi) SIGEN-04A	Bộ	-TCVN 10333-1:2014 - TCVN 10333-2:2014 - TCVN 10333-3:2014 -TCCS 02:2020/SIGEN (sửa đổi lần 2)	Hệ thống cấu thành gồm: - Hố ga cho hệ thống thoát nước 04A: KT ngoài 580x1000x670mm; KT trong 440x860x600mm; (BTCT M300) - Song chắn rác (gang cầu), KT 920x500x45mm - Cơ cấu ngăn mùi cho hố ga SG-09, vật liệu nhựa ABS - Tấm lọc nước (nhựa PPR) SG-09 kích thước 854x432x1 OOmm, chiều dày 5mm - Logo: Đừng bỏ rác nơi đây, rác làm tắc cống gây ngập nước	Công ty TNHH SiGen. Đc: 106 Huyền Trân Công Chúa, P.Tam Thắng, TP.HCM - Đt: 0913687227. Công văn đề nghị công bố giá số 84-TN/2026/CBG ngày 19/06/2026	Việt Nam	Cung cấp và giao hàng theo khối lượng yêu cầu	Giao trên phương tiện bên bán, giao tại chân công trình, nếu đảm bảo xe chở hàng có thể vào được	Giá kê khai chưa bao gồm thuế GTGT, chi phí lắp đặt, ống nhựa các co nối và đã bao gồm phí vận chuyển . Áp dụng từ 01/01/2026 đến 31/12/2026.	Giá không đổi	13.300.000	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
1964	Bê tông đúc sẵn	Hệ thống hố ga của hệ thống thoát nước thải (Hệ thống ho ga thu nước ngăn mùi chong muỗi) SIGEN-04A-BVHĐ (bó vỉa hè đứng)	Bộ	- TCVN 10333-1:2014 -TCVN 10333- 2:2014 - TCVN 10333-3:2014 -TCCS 02:2020/SIGEN (sửa đổi lần 2)	Hệ thống cấu thành gồm: - Hố ga cho hệ thống thoát nước 04A: KT ngoài 580x1000x670mm; KT trong 440x860x600mm; (BTCT M300) - Song chắn rác (gang cầu), KT 920x360x45mm song chắn rác bó vỉa hè đứng KT: 1000x200x160mm - Cơ cấu ngăn mùi cho hố ga SG-09, vật liệu nhựa ABS - Tấm lọc nước (nhựa PPR) SG-09 kích thước 854x432x1 OOmm. chiều dày 5mm - Logo: Đừng bỏ rác nơi đây, rác làm tắc cống gây ngập nước	Công ty TNHH SiGen. Đc: 106 Huyền Trân Công Chúa, P.Tam Thắng, TP.HCM - Đt: 0913687227. Công văn đề nghị công bố giá số 84-TN/2026/CBG ngày 19/06/2026	Việt Nam	Cung cấp và giao hàng theo khối lượng yêu cầu	Giao trên phương tiện bên bán, giao tại chân công trình, nếu đảm bảo xe chở hàng có thể vào được	Giá kê khai chưa bao gồm thuế GTGT, chi phí lắp đặt, ống nhựa các co nối và đã bao gồm phí vận chuyển . Áp dụng từ 01/01/2026 đến 31/12/2026.	Giá không đổi	13.300.000	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
1965	Bê tông đúc sẵn	Hệ thống hố ga của hệ thống thoát nước thải (Hệ thống hố ga thu nước ngăn mùi chống muỗi) SIGEN-04A-BVHX (bó vỉa hè xiên)	Bộ	- TCVN 10333-1:2014 - TCVN 10333- 2:2014 - TCVN 10333-3:2014 -TCCS 02:2020/SIGEN (sửa đổi lần 2)	Hệ thống cấu thành gồm: - Hố ga cho hệ thống thoát nước 04A: KT ngoài 580x1000x670mm; KT trong 440x860x600mm; (BTCT M300) - Song chắn rác (gang cầu), KT 920x360x45mm song chắn rác bó vỉa hè xiên KT: 1000x300x160mm - Cơ cấu ngăn mùi cho hố ga SG-09, vật liệu nhựa ABS - Tấm lọc nước (nhựa PPR) SG-09 kích thước 854x432x1 OOmm, chiều dày 5mm - Logo: Đừng bỏ rác nơi đây, rác làm tắc cống gây ngập nước	Công ty TNHH SiGen. Đc: 106 Huyền Trân Công Chúa, P.Tam Thắng, TP.HCM - Đt: 0913687227. Công văn đề nghị công bố giá số 84-TN/2026/CBG ngày 19/06/2026	Việt Nam	Cung cấp và giao hàng theo khối lượng yêu cầu	Giao trên phương tiện bên bán, giao tại chân công trình, nếu đảm bảo xe chở hàng có thể vào được	Giá kê khai chưa bao gồm thuế GTGT, chi phí lắp đặt, ống nhựa các co nối và đã bao gồm phí vận chuyển . Áp dụng từ 01/01/2026 đến 31/12/2026.	Giá không đổi	13.300.000	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
1966	Bê tông đúc sẵn	Hệ thống hố ga của hệ thống thoát nước thải (Hệ thống hố ga thu nước ngăn mùi chống muỗi) SIGEN-07A	Bộ	-TCVN 10333-1:2014 - TCVN 10333-2:2014 - TCVN 10333-3:2014 -TCCS 02:2020/SIGEN (sửa đổi lần 2)	Hệ thống cấu thành gồm: - Hố ga cho hệ thống thoát nước 07A: KT ngoài 440x1240x600mm, KT trong 300x1100x530mm; (BTCT M300) - Song chắn rác (gang cầu): KT 760x360x45mm - Tấm lọc nước (nhựa PPR) SG-08 kích thước 694x294x1OOmm - Cơ cấu ngăn mùi cho hố ga SG-09, nhựa ABS	Công ty TNHH SiGen. Đc: 106 Huyền Trân Công Chúa, P.Tam Thắng, TP.HCM - Đt: 0913687227. Công văn đề nghị công bố giá số 84-TN/2026/CBG ngày 19/06/2026	Việt Nam	Cung cấp và giao hàng theo khối lượng yêu cầu	Giao trên phương tiện bên bán, giao tại chân công trình, nếu đảm bảo xe chở hàng có thể vào được	Giá kê khai chưa bao gồm thuế GTGT, chi phí lắp đặt, ống nhựa các co nối và đã bao gồm phí vận chuyển . Áp dụng từ 01/01/2026 đến 31/12/2026.	Giá không đổi	9.800.000	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
1967	Bê tông đúc sẵn	Hệ thống hố ga của hệ thống thoát nước thải (Hệ thống hố ga thu nước ngăn mùi chống muỗi) SIGEN-07A (bó vỉa hè đứng)	Bộ	-TCVN 10333-1:2014 -TCVN 10333-2:2014 - TCVN 10333-3:2014 -TCCS 02:2020/SIGEN (sửa đổi lần 2)	Hệ thống cấu thành gồm: - Hố ga cho hệ thống thoát nước 07A: KT ngoài 440x1240x600mm, KT trong 300x1100x530mm; (BTCT M300) - Song chắn rác (gang cau): KT 760x360x45mm - Tấm lọc nước (nhựa PPR) SG-08 kích thước 694x294x1 OOmm - Cơ cấu ngăn mùi cho hố ga SG-09, nhựa ABS	Công ty TNHH SiGen. Đc: 106 Huyền Trân Công Chúa, P.Tam Thắng, TP.HCM - Đt: 0913687227. Công văn đề nghị công bố giá số 84-TN/2026/CBG ngày 19/06/2026	Việt Nam	Cung cấp và giao hàng theo khối lượng yêu cầu	Giao trên phương tiện bên bán, giao tại chân công trình, nếu đảm bảo xe chở hàng có thể vào được	Giá kê khai chưa bao gồm thuế GTGT, chi phí lắp đặt, ống nhựa các co nối và đã bao gồm phí vận chuyển . Áp dụng từ 01/01/2026 đến 31/12/2026.	Giá không đổi	11.800.000	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng) (đồng)														
												Khu vực Tân An	Khu vực Tân Trụ	Khu vực Châu Thành	Khu vực Thủ Thừa	Khu vực Bến Lức	Khu vực Cần Giuộc	Khu vực Cần Đước	Khu vực Tân Thạnh	Khu vực Thạnh Hóa	Khu vực Tân Hưng	Khu vực Vĩnh Hưng	Khu vực Kiến Tường	Khu vực Mộc Hóa	Khu vực Đức Hòa	Khu vực Đức Huệ
1968	Bê tông đúc sẵn	Hệ thống hố ga của hệ thống thoát nước thải (Hệ thống hố ga thu nước ngăn mùi chống muỗi) SIGEN-07A (bó vỉa hè xiên)	Bộ	-TCVN 10333-1:2014 -TCVN 10333- 2:2014 -TCVN 10333-3:2014 -TCCS 02:2020/SIGEN (sửa đổi lần 2)	Hệ thống cấu thành gồm: - Hố ga cho hệ thống thoát nước 07A: KT ngoài 440x1240x600mm, KT trong 300x1100x530mm; (BTCT M300) - Song chắn rác (gang cầu): KT 760x360x45mm - Tấm lọc nước (nhựa PPR) SG-08 kích thước 694x294x1 OOmm - Cơ cấu ngăn mùi cho hố ga SG-09, nhựa ABS	Công ty TNHH SiGen. Đc: 106 Huyền Trân Công Chúa, P.Tam Thắng, TP.HCM - Đt: 0913687227. Công văn đề nghị công bố giá số 84-TN/2026/CBG ngày 19/06/2026	Việt Nam	Cung cấp và giao hàng theo khối lượng yêu cầu	Giao trên phương tiện bên bán, giao tại chân công trình, nếu đảm bảo xe chở hàng có thể vào được	Giá kê khai chưa bao gồm thuế GTGT, chi phí lắp đặt, ống nhựa các co nối và đã bao gồm phí vận chuyển . Áp dụng từ 01/01/2026 đến 31/12/2026.	Giá không đổi	11.800.000	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
1969	Bê tông đúc sẵn	Nắp hố ga gang cầu thu nước có van ngăn mùi SIGEN-04TNMM (NGT)	Bộ	- TCCS Cập nhật 01:2025 TCCS 01/2023/SIGEN - TC BS EN 124:2016 (sửa đổi lần 1)	- Kích thước: I200x 1200x75mm, nắp gang 0940 (thông thủy 880), tải trọng 40 tấn, chống ồn, chống trộm, chống ngập. - Cơ cấu ngăn mùi cho hố ga inox SUS 316L hoặc nhựa ABS	Công ty TNHH SiGen. Đc: 106 Huyền Trân Công Chúa, P.Tam Thắng, TP.HCM - Đt: 0913687227. Công văn đề nghị công bố giá số 84-TN/2026/CBG ngày 19/06/2026	Việt Nam	Cung cấp và giao hàng theo khối lượng yêu cầu	Giao trên phương tiện bên bán, giao tại chân công trình, nếu đảm bảo xe chở hàng có thể vào được	Giá kê khai chưa bao gồm thuế GTGT, chi phí lắp đặt, ống nhựa các co nối và đã bao gồm phí vận chuyển . Áp dụng từ 01/01/2026 đến 31/12/2026.	Giá không đổi	12.800.000	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
1970	Bê tông đúc sẵn	Nắp hố ga gang cầu thu nước có van ngăn mùi SIGEN-05TNMM (nắp gang vuông)	Bộ	- TCCS Cập nhật 01:2025 TCCS 01/2023/SIGEN - TC BS EN 124:2016 (sửa đổi lần 1)	- Kích thước: I200x 1200x75mm, nắp gang 0940 (thông thủy 880), tải trọng 40 tấn, chống ồn, chống trộm, chống ngập. - Cơ cấu ngăn mùi cho hố ga inox SUS 316L hoặc nhựa ABS	Công ty TNHH SiGen. Đc: 106 Huyền Trân Công Chúa, P.Tam Thắng, TP.HCM - Đt: 0913687227. Công văn đề nghị công bố giá số 84-TN/2026/CBG ngày 19/06/2026	Việt Nam	Cung cấp và giao hàng theo khối lượng yêu cầu	Giao trên phương tiện bên bán, giao tại chân công trình, nếu đảm bảo xe chở hàng có thể vào được	Giá kê khai chưa bao gồm thuế GTGT, chi phí lắp đặt, ống nhựa các co nối và đã bao gồm phí vận chuyển . Áp dụng từ 01/01/2026 đến 31/12/2026.	Giá không đổi	12.800.000	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
1971	Bê tông thương phẩm	Bê tông thương phẩm M100R28	m3	TCVN 9340:2012 độ sụt (10+-2)	100R28mm	Công ty TNHH SX DV Vận tải Tiến Phát. (CCN Quốc Quang, ấp 5A, xã Thạnh Lợi, tỉnh Tây Ninh - 02726276699 - 0975 188 488)	Việt nam	Không có thông tin	giá đã bao gồm phí vận chuyển tới công trình (khối lượng tối thiểu vận chuyển là 1m3/chuyến)	(Mức giá được thực hiện từ ngày 07/04/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá không đổi	1.388.889	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
1972	Bê tông thương phẩm	Bê tông thương phẩm M150R28	m3	TCVN 9340:2012 độ sụt (10+-2)	150R28mm	Công ty TNHH SX DV Vận tải Tiến Phát. (CCN Quốc Quang, ấp 5A, xã Thạnh Lợi, tỉnh Tây Ninh - 02726276699 - 0975 188 488)	Việt nam	Không có thông tin	giá đã bao gồm phí vận chuyển tới công trình (khối lượng tối thiểu vận chuyển là 1m3/chuyến)	(Mức giá được thực hiện từ ngày 07/04/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá không đổi	1.435.185	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
1973	Bê tông thương phẩm	Bê tông thương phẩm M200R28	m3	TCVN 9340:2012 độ sụt (10+-2)	200R28mm	Công ty TNHH SX DV Vận tải Tiến Phát. (CCN Quốc Quang, ấp 5A, xã Thạnh Lợi, tỉnh Tây Ninh - 02726276699 - 0975 188 488)	Việt nam	Không có thông tin	giá đã bao gồm phí vận chuyển tới công trình (khối lượng tối thiểu vận chuyển là 1m3/chuyến)	(Mức giá được thực hiện từ ngày 07/04/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá không đổi	1.481.481	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
1974	Bê tông thương phẩm	Bê tông thương phẩm M250R28	m3	TCVN 9340:2012 độ sụt (10+-2)	250R28mm	Công ty TNHH SX DV Vận tải Tiến Phát. (CCN Quốc Quang, ấp 5A, xã Thạnh Lợi, tỉnh Tây Ninh - 02726276699 - 0975 188 488)	Việt nam	Không có thông tin	giá đã bao gồm phí vận chuyển tới công trình (khối lượng tối thiểu vận chuyển là 1m3/chuyến)	(Mức giá được thực hiện từ ngày 07/04/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá không đổi	1.527.778	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
1975	Bê tông thương phẩm	Bê tông thương phẩm M300R28	m3	TCVN 9340:2012 độ sụt (10+-2)	300R28mm	Công ty TNHH SX DV Vận tải Tiến Phát. (CCN Quốc Quang, ấp 5A, xã Thạnh Lợi, tỉnh Tây Ninh - 02726276699 - 0975 188 488)	Việt nam	Không có thông tin	giá đã bao gồm phí vận chuyển tới công trình (khối lượng tối thiểu vận chuyển là 1m3/chuyến)	(Mức giá được thực hiện từ ngày 07/04/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá không đổi	1.574.074	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
1976	Bê tông thương phẩm	Bê tông thương phẩm M350R28	m3	TCVN 9340:2012 độ sụt (10+-2)	350R28mm	Công ty TNHH SX DV Vận tải Tiến Phát. (CCN Quốc Quang, ấp 5A, xã Thạnh Lợi, tỉnh Tây Ninh - 02726276699 - 0975 188 488)	Việt nam	Không có thông tin	giá đã bao gồm phí vận chuyển tới công trình (khối lượng tối thiểu vận chuyển là 1m3/chuyến)	(Mức giá được thực hiện từ ngày 07/04/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá không đổi	1.620.370	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
1977	Nhựa đường	Nhựa đường 60/70	tấn	TCVN 13567-1:2022	dạng xá	Công ty TNHH Cung ứng nhựa đường. Bảng niêm yết giá ngày 01/07/2026	Việt nam	Không có thông tin	Giá đã bao gồm vận chuyển đến chân công trình khu vực Bến Lức, Long An	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/07/2026 đến 31/7/2026	Giá bán giảm	18.900.000	18.900.000	18.900.000	18.900.000	18.900.000	18.900.000	18.900.000	18.900.000	18.900.000	18.900.000	18.900.000	18.900.000	18.900.000	18.900.000	18.900.000
1978	Nhựa đường	Nhựa đường 60/70 PG64	tấn	TCVN 13567-1:2022 TCVN 13049-1:2020	dạng xá	Công ty TNHH Cung ứng nhựa đường. Bảng niêm yết giá ngày 01/07/2026	Việt nam	Không có thông tin	Giá đã bao gồm vận chuyển đến chân công trình khu vực Bến Lức, Long An	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/07/2026 đến 31/7/2026	Giá bán giảm	19.100.000	19.100.000	19.100.000	19.100.000	19.100.000	19.100.000	19.100.000	19.100.000	19.100.000	19.100.000	19.100.000	19.100.000	19.100.000	19.100.000	19.100.000
1979	Nhựa đường	Nhựa đường ADCo 60/70 nhiệt 160 độ C (bitum bọt)	tấn	TCVN 13150-2:2020	dạng xá	Công ty TNHH Cung ứng nhựa đường. Bảng niêm yết giá ngày 01/07/2026	Việt nam	Không có thông tin	Giá đã bao gồm vận chuyển đến chân công trình khu vực Bến Lức, Long An	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/07/2026 đến 31/7/2026	Giá bán giảm	19.400.000	19.400.000	19.400.000	19.400.000	19.400.000	19.400.000	19.400.000	19.400.000	19.400.000	19.400.000	19.400.000	19.400.000	19.400.000	19.400.000	19.400.000
1980	Nhựa đường	Nhựa đường 40/50	tấn	TCVN 13567-1:2022	dạng xá	Công ty TNHH Cung ứng nhựa đường. Bảng niêm yết giá ngày 01/07/2026	Việt nam	Không có thông tin	Giá đã bao gồm vận chuyển đến chân công trình khu vực Bến Lức, Long An	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/07/2026 đến 31/7/2026	Giá bán tăng	20.900.000	20.900.000	20.900.000	20.900.000	20.900.000	20.900.000	20.900.000	20.900.000	20.900.000	20.900.000	20.900.000	20.900.000	20.900.000	20.900.000	20.900.000
1981	Nhựa đường	Nhựa đường 40/50 PG 70	tấn	TCVN 13567-1:2022 TCVN 13049-1:2020	dạng xá	Công ty TNHH Cung ứng nhựa đường. Bảng niêm yết giá ngày 01/07/2026	Việt nam	Không có thông tin	Giá đã bao gồm vận chuyển đến chân công trình khu vực Bến Lức, Long An	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/07/2026 đến 31/7/2026	Giá bán tăng	21.900.000	21.900.000	21.900.000	21.900.000	21.900.000	21.900.000	21.900.000	21.900.000	21.900.000	21.900.000	21.900.000	21.900.000	21.900.000	21.900.000	21.900.000
1982	Nhựa đường	Nhựa đường Colflex ®I (PMB-I)	tấn	TCVN 11193:2021	dạng xá	Công ty TNHH Cung ứng nhựa đường. Bảng niêm yết giá ngày 01/07/2026	Việt nam	Không có thông tin	Giá đã bao gồm vận chuyển đến chân công trình khu vực Bến Lức, Long An	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/07/2026 đến 31/7/2026	Giá bán tăng	26.900.000	26.900.000	26.900.000	26.900.000	26.900.000	26.900.000	26.900.000	26.900.000	26.900.000	26.900.000	26.900.000	26.900.000	26.900.000	26.900.000	26.900.000
1983	Nhựa đường	Nhựa đường Colflex ®III (PMB-III)	tấn	TCVN 11193:2021	dạng xá	Công ty TNHH Cung ứng nhựa đường. Bảng niêm yết giá ngày 01/07/2026	Việt nam	Không có thông tin	Giá đã bao gồm vận chuyển đến chân công trình khu vực Bến Lức, Long An	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/07/2026 đến 31/7/2026	Giá không đổi	27.300.000	27.300.000	27.300.000	27.300.000	27.300.000	27.300.000	27.300.000	27.300.000	27.300.000	27.300.000	27.300.000	27.300.000	27.300.000	27.300.000	27.300.000
1984	Nhựa đường	Nhựa đường Colflex ®PG76 (PMB-III PG76)	tấn	TCVN 11193:2021 TCVN 13048-2024	dạng xá	Công ty TNHH Cung ứng nhựa đường. Bảng niêm yết giá ngày 01/07/2026	Việt nam	Không có thông tin	Giá đã bao gồm vận chuyển đến chân công trình khu vực Bến Lức, Long An	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/07/2026 đến 31/7/2026	Giá không đổi	27.500.000	27.500.000	27.500.000	27.500.000	27.500.000	27.500.000	27.500.000	27.500.000	27.500.000	27.500.000	27.500.000	27.500.000	27.500.000	27.500.000	27.500.000
1985	Nhựa đường	Nhựa đường Colflex ®PG82 (PMB-III PG82)	tấn	TCVN 11193:2021	dạng xá	Công ty TNHH Cung ứng nhựa đường. Bảng niêm yết giá ngày 01/07/2026	Việt nam	Không có thông tin	Giá đã bao gồm vận chuyển đến chân công trình khu vực Bến Lức, Long An	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/07/2026 đến 31/7/2026	Giá không đổi	27.900.000	27.900.000	27.900.000	27.900.000	27.900.000	27.900.000	27.900.000	27.900.000	27.900.000	27.900.000	27.900.000	27.900.000	27.900.000	27.900.000	27.900.000
1986	Nhựa đường	Nhựa đường Colflex PA (PMB PA)	tấn	TCVN 13048:2024	dạng xá	Công ty TNHH Cung ứng nhựa đường. Bảng niêm yết giá ngày 01/07/2026	Việt nam	Không có thông tin	Giá đã bao gồm vận chuyển đến chân công trình khu vực Bến Lức, Long An	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/07/2026 đến 31/7/2026	Giá không đổi	27.700.000	27.700.000	27.700.000	27.700.000	27.700.000	27.700.000	27.700.000	27.700.000	27.700.000	27.700.000	27.700.000	27.700.000	27.700.000	27.700.000	27.700.000
1987	Nhựa đường	Nhũ tương CRS-1	tấn	TCVN 8817-1:2011	dạng xá	Công ty TNHH Cung ứng nhựa đường. Bảng niêm yết giá ngày 01/07/2026	Việt nam	Không có thông tin	Giá đã bao gồm vận chuyển đến chân công trình khu vực Bến Lức, Long An	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/07/2026 đến 31/7/2026	Giá bán giảm	15.600.000	15.600.000	15.600.000	15.600.000	15.600.000	15.600.000	15.600.000	15.600.000	15.600.000	15.600.000	15.600.000	15.600.000	15.600.000	15.600.000	15.600.000
1988	Nhựa đường	Nhũ tương CSS-1	tấn	TCVN 8817-1:2011	dạng xá	Công ty TNHH Cung ứng nhựa đường. Bảng niêm yết giá ngày 01/07/2026	Việt nam	Không có thông tin	Giá đã bao gồm vận chuyển đến chân công trình khu vực Bến Lức, Long An	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/07/2026 đến 31/7/2026	Giá bán giảm	16.500.000	16.500.000	16.500.000	16.500.000	16.500.000	16.500.000	16.500.000	16.500.000	16.500.000	16.500.000	16.500.000	16.500.000	16.500.000	16.500.000	16.500.000
1989	Nhựa đường	Nhũ tương CSS-1h	tấn	TCVN 8817-1:2011	dạng xá	Công ty TNHH Cung ứng nhựa đường. Bảng niêm yết giá ngày 01/07/2026	Việt nam	Không có thông tin	Giá đã bao gồm vận chuyển đến chân công trình khu vực Bến Lức, Long An	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/07/2026 đến 31/7/2026	Giá bán giảm	17.000.000	17.000.000	17.000.000	17.000.000	17.000.000	17.000.000	17.000.000	17.000.000	17.000.000	17.000.000	17.000.000	17.000.000	17.000.000	17.000.000	17.000.000
1990	Nhựa đường	Nhũ tương CRS-2	tấn	TCVN 8817-1:2011	dạng xá	Công ty TNHH Cung ứng nhựa đường. Bảng niêm yết giá ngày 01/07/2026	Việt nam	Không có thông tin	Giá đã bao gồm vận chuyển đến chân công trình khu vực Bến Lức, Long An	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/07/2026 đến 31/7/2026	Giá bán giảm	16.800.000	16.800.000	16.800.000	16.800.000	16.800.000	16.800.000	16.800.000	16.800.000	16.800.000	16.800.000	16.800.000	16.800.000	16.800.000	16.800.000	16.800.000
1991	Nhựa đường	Nhũ tương RapidBond ® (CRS-1P)	tấn	TCVN 8816:2011	dạng xá	Công ty TNHH Cung ứng nhựa đường. Bảng niêm yết giá ngày 01/07/2026	Việt nam	Không có thông tin	Giá đã bao gồm vận chuyển đến chân công trình khu vực Bến Lức, Long An	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/07/2026 đến 31/7/2026	Giá bán giảm	22.400.000	22.400.000	22.400.000	22.400.000	22.400.000	22.400.000	22.400.000	22.400.000	22.400.000	22.400.000	22.400.000	22.400.000	22.400.000	22.400.000	22.400.000
1992	Nhựa đường	Nhũ tương RapidBond ® Plus (CRS-2P)	tấn	TCVN 8816:2011	dạng xá	Công ty TNHH Cung ứng nhựa đường. Bảng niêm yết giá ngày 01/07/2026	Việt nam	Không có thông tin	Giá đã bao gồm vận chuyển đến chân công trình khu vực Bến Lức, Long An	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/07/2026 đến 31/7/2026	Giá bán giảm	23.300.000	23.300.000	23.300.000	23.300.000	23.300.000	23.300.000	23.300.000	23.300.000	23.300.000	23.300.000	23.300.000	23.300.000	23.300.000	23.300.000	23.300.000
1993	Nhựa đường	Nhũ tương RapidBond ® Ultra (Novaband®)	tấn	TCVN 12759-1:2019	dạng xá	Công ty TNHH Cung ứng nhựa đường. Bảng niêm yết giá ngày 01/07/2026	Việt nam	Không có thông tin	Giá đã bao gồm vận chuyển đến chân công trình khu vực Bến Lức, Long An	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/07/2026 đến 31/7/2026	Giá bán giảm	22.800.000	22.800.000	22.800.000	22.800.000	22.800.000	22.800.000	22.800.000	22.800.000	22.800.000	22.800.000	22.800.000	22.800.000	22.800.000	22.800.000	22.800.000
1994	Nhựa đường	Nhựa đường lỏng MC-70	tấn	TCVN 8818-1:2011	dạng xá	Công ty TNHH Cung ứng nhựa đường. Bảng niêm yết giá ngày 01/07/2026	Việt nam	Không có thông tin	Giá đã bao gồm vận chuyển đến chân công trình khu vực Bến Lức, Long An	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/07/2026 đến 31/7/2026	Giá bán tăng	31.500.000	31.500.000	31.500.000	31.500.000	31.500.000	31.500.000	31.500.000	31.500.000	31.500.000	31.500.000	31.500.000	31.500.000	31.500.000	31.500.000	31.500.000
1995	Nhựa đường	Nhũ tương thấm bám (EcoPrime®)	tấn	TCCS 27:2019/TCĐBVN	dạng xá	Công ty TNHH Cung ứng nhựa đường. Bảng niêm yết giá ngày 01/07/2026	Việt nam	Không có thông tin	Giá đã bao gồm vận chuyển đến chân công trình khu vực Bến Lức, Long An	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/07/2026 đến 31/7/2026	Giá bán giảm	23.000.000	23.000.000	23.000.000	23.000.000	23.000.000	23.000.000	23.000.000	23.000.000	23.000.000	23.000.000	23.000.000	23.000.000	23.000.000	23.000.000	23.000.000
1996	Nhựa đường	Nhũ tương CSS-1h (EcoStab® cho công nghệ tái chế)	tấn	TCVN 13150-2:2020	dạng xá	Công ty TNHH Cung ứng nhựa đường. Bảng niêm yết giá ngày 01/07/2026	Việt nam	Không có thông tin	Giá đã bao gồm vận chuyển đến chân công trình khu vực Bến Lức, Long An	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/07/2026 đến 31/7/2026	Giá bán tăng	18.600.000	18.600.000	18.600.000	18.600.000	18.600.000	18.600.000	18.600.000	18.600.000	18.600.000	18.600.000	18.600.000	18.600.000	18.600.000	18.600.000	18.600.000

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng) (đồng)														
												Khu vực Tân An	Khu vực Tân Trụ	Khu vực Châu Thành	Khu vực Thủ Thừa	Khu vực Bến Lức	Khu vực Cần Giuộc	Khu vực Cần Đước	Khu vực Tân Thạnh	Khu vực Thạnh Hóa	Khu vực Tân Hưng	Khu vực Vĩnh Hưng	Khu vực Kiến Tường	Khu vực Mộc Hóa	Khu vực Đức Hòa	Khu vực Đức Huệ
1997	Nhựa đường	Nhũ tương CQS-1hP (EcoGrip) cho công nghệ Micro Surfacing	tấn	TCVN 12316:2018	dạng xá	Công ty TNHH Cung ứng nhựa đường. Bảng niêm yết giá ngày 01/07/2026	Việt nam	Không có thông tin	Giá đã bao gồm vận chuyển đến chân công trình khu vực Bến Lức, Long An	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/07/2026 đến 31/7/2026	Giá bán giảm	30.400.000	30.400.000	30.400.000	30.400.000	30.400.000	30.400.000	30.400.000	30.400.000	30.400.000	30.400.000	30.400.000	30.400.000	30.400.000	30.400.000	30.400.000
1998	Nhựa đường	Phụ gia dùng cho công nghệ Micro Surfacing	tấn	TCVN 12316:2018	dạng phuy	Công ty TNHH Cung ứng nhựa đường. Bảng niêm yết giá ngày 01/07/2026	Việt nam	Không có thông tin	Giá đã bao gồm vận chuyển đến chân công trình khu vực Bến Lức, Long An	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/07/2026 đến 31/7/2026	Giá không đổi	73.400.000	73.400.000	73.400.000	73.400.000	73.400.000	73.400.000	73.400.000	73.400.000	73.400.000	73.400.000	73.400.000	73.400.000	73.400.000	73.400.000	73.400.000
1999	Nhựa đường	CarboncorAsphalt-CA 9.5, CA 12.5	tấn	TCCS 09:2024/CĐBVN	bao 25kg	Công ty Cổ phần Carbon Việt Nam - chi nhánh Đồng Nai. Đc nhà máy sản xuất: số 2, đường số 1 KCN Thạnh Phú, P.Tân Triều, tỉnh Đồng Nai. Công văn đề nghị công bố giá số 1702/2026/CV-TGD ngày 20/06/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Đã bao gồm vận chuyển đến các khu vực	Mức giá ngày 01/01/2026 đến ngày 31/12/2026	Giá không đổi	4.280.000	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
2000	Nhựa đường	CarboncorAsphalt-CA 6.7	tấn	TCCS 09:2024/CĐBVN	bao 25kg	Công ty Cổ phần Carbon Việt Nam - chi nhánh Đồng Nai. Đc nhà máy sản xuất: số 2, đường số 1 KCN Thạnh Phú, P.Tân Triều, tỉnh Đồng Nai. Công văn đề nghị công bố giá số 1702/2026/CV-TGD ngày 20/06/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Đã bao gồm vận chuyển đến các khu vực	Mức giá ngày 01/01/2026 đến ngày 31/12/2026	Giá không đổi	4.320.000	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
2001	Nhựa đường	CarboncorAsphalt-CA 19 (bê tông nhựa rỗng Carbon)	tấn	TCCS 09:2024/CĐBVN	bao 25kg	Công ty Cổ phần Carbon Việt Nam - chi nhánh Đồng Nai. Đc nhà máy sản xuất: số 2, đường số 1 KCN Thạnh Phú, P.Tân Triều, tỉnh Đồng Nai. Công văn đề nghị công bố giá số 1702/2026/CV-TGD ngày 20/06/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Đã bao gồm vận chuyển đến các khu vực	Mức giá ngày 01/01/2026 đến ngày 31/12/2026	Giá không đổi	3.425.000	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
2002	Nhựa đường	Bê tông nhựa nóng C19	tấn			Công ty CP XD CT Giao Thông 674. (216 Quốc lộ 1A, P.2, Tân An, Long An - 0913999557)	Việt nam	Không có thông tin	Giá bán tại trạm chân cầu Bến Lức	(Mức giá được thực hiện từ ngày 03/04/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá không đổi	-	-	-	-	1.870.000	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
2003	Nhựa đường	Bê tông nhựa nóng C16	tấn			Công ty CP XD CT Giao Thông 674. (216 Quốc lộ 1A, P.2, Tân An, Long An - 0913999557)	Việt nam	Không có thông tin	Giá bán tại trạm chân cầu Bến Lức	(Mức giá được thực hiện từ ngày 03/04/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá không đổi	-	-	-	-	1.920.000	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
2004	Nhựa đường	Bê tông nhựa nóng C12,5	tấn			Công ty CP XD CT Giao Thông 674. (216 Quốc lộ 1A, P.2, Tân An, Long An - 0913999557)	Việt nam	Không có thông tin	Giá bán tại trạm chân cầu Bến Lức	(Mức giá được thực hiện từ ngày 03/04/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá không đổi	-	-	-	-	1.970.000	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
2005	Nhựa đường	Bê tông nhựa nóng C9,5	tấn			Công ty CP XD CT Giao Thông 674. (216 Quốc lộ 1A, P.2, Tân An, Long An - 0913999557)	Việt nam	Không có thông tin	Giá bán tại trạm chân cầu Bến Lức	(Mức giá được thực hiện từ ngày 03/04/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá không đổi	-	-	-	-	2.010.000	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
2006	Nhựa đường	Bê tông nhựa nóng C9,5	tấn	TCVN 13567-1:2022		Công ty CP ĐT XD TM SIC. Đc: Thanh Mỹ Tây, TP.HCM - Đt: 0911 026 996. Công văn đề nghị công bố giá số 1007.2/2026/SIC-SXD ngày 10/07/2026	Việt Nam	Theo thoả thuận	Giao tại trạm trộn. Tổ 18, Khu phố Tân Lập, P.Phước Tân, TP.Đồng Nai	Mức giá được áp dụng từ ngày 10/07/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	1.442.000	1.442.000	1.442.000	1.442.000	1.442.000	1.442.000	1.442.000	1.442.000	1.442.000	1.442.000	1.442.000	1.442.000	1.442.000	1.442.000	1.442.000
2007	Nhựa đường	Bê tông nhựa nóng C12,5	tấn	TCVN 13567-1:2022		Công ty CP ĐT XD TM SIC. Đc: Thanh Mỹ Tây, TP.HCM - Đt: 0911 026 996. Công văn đề nghị công bố giá số 1007.2/2026/SIC-SXD ngày 10/07/2026	Việt Nam	Theo thoả thuận	Giao tại trạm trộn. Tổ 18, Khu phố Tân Lập, P.Phước Tân, TP.Đồng Nai	Mức giá được áp dụng từ ngày 10/07/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	1.420.000	1.420.000	1.420.000	1.420.000	1.420.000	1.420.000	1.420.000	1.420.000	1.420.000	1.420.000	1.420.000	1.420.000	1.420.000	1.420.000	1.420.000
2008	Nhựa đường	Bê tông nhựa nóng C16	tấn	TCVN 13567-1:2022		Công ty CP ĐT XD TM SIC. Đc: Thanh Mỹ Tây, TP.HCM - Đt: 0911 026 996. Công văn đề nghị công bố giá số 1007.2/2026/SIC-SXD ngày 10/07/2026	Việt Nam	Theo thoả thuận	Giao tại trạm trộn. Tổ 18, Khu phố Tân Lập, P.Phước Tân, TP.Đồng Nai	Mức giá được áp dụng từ ngày 10/07/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	1.404.000	1.404.000	1.404.000	1.404.000	1.404.000	1.404.000	1.404.000	1.404.000	1.404.000	1.404.000	1.404.000	1.404.000	1.404.000	1.404.000	1.404.000
2009	Nhựa đường	Bê tông nhựa nóng C19	tấn	TCVN 13567-1:2022		Công ty CP ĐT XD TM SIC. Đc: Thanh Mỹ Tây, TP.HCM - Đt: 0911 026 996. Công văn đề nghị công bố giá số 1007.2/2026/SIC-SXD ngày 10/07/2026	Việt Nam	Theo thoả thuận	Giao tại trạm trộn. Tổ 18, Khu phố Tân Lập, P.Phước Tân, TP.Đồng Nai	Mức giá được áp dụng từ ngày 10/07/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	1.387.000	1.387.000	1.387.000	1.387.000	1.387.000	1.387.000	1.387.000	1.387.000	1.387.000	1.387.000	1.387.000	1.387.000	1.387.000	1.387.000	1.387.000
2010	Gỗ xây dựng	Cừ tràm D gốc (8-10)cm, D ngọn (4-5)cm; L=5m	cây		5)cm; L=5mm	Công ty TNHH MTV XD TM Kim Hằng	Việt Nam	Không có thông tin	Giá trên được giao tại bãi vật liệu của cty tại TP. Tân An, Long An		Giá không đổi	58.000	58.000	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
2011	Gỗ xây dựng	Cừ tràm D gốc (8-10)cm, D ngọn (4-5)cm; L=4,5m	cây		4,5mm	Công ty TNHH MTV XD TM Kim Hằng	Việt Nam	Không có thông tin	Giá trên được giao tại bãi vật liệu của cty tại TP. Tân An, Long An		Giá không đổi	54.000	54.000	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
2012	Gỗ xây dựng	Cừ tràm D gốc (7-8)cm, D ngọn (4-5)cm; L=4m	cây		5)cm; L=4mm	Công ty TNHH MTV XD TM Kim Hằng	Việt Nam	Không có thông tin	Giá trên được giao tại bãi vật liệu của cty tại TP. Tân An, Long An		Giá không đổi	42.000	42.000	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
2013	Gỗ xây dựng	Cừ tràm D gốc (5-8)cm, D ngọn (3-4)cm; L=3m	cây		4)cm; L=3mm	Công ty TNHH MTV XD TM Kim Hằng	Việt Nam	Không có thông tin	Giá trên được giao tại bãi vật liệu của cty tại TP. Tân An, Long An		Giá không đổi	30.000	30.000	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
2014	Gỗ xây dựng	Cây chống	cây			Công ty TNHH MTV XD TM Kim Hằng	Việt Nam	Không có thông tin	Giá trên được giao tại bãi vật liệu của cty tại TP. Tân An, Long An		Giá không đổi	37.000	37.000	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
2015	Gỗ xây dựng	Cừ tràm D gốc (8-10)cm, D ngọn (4-5)cm; L=5m	cây		5)cm; L=5mm	Công ty TNHH XDTM Kiến Việt Quốc	Việt Nam	Không có thông tin	Giá chưa bao gồm vận chuyển và bốc xếp, giao tại kho cty		Giá không đổi	45.455	45.455	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
2016	Gỗ xây dựng	Cừ tràm D gốc (8-10)cm, D ngọn (4-5)cm; L=4,5m	cây		4,5mm	Công ty TNHH XDTM Kiến Việt Quốc	Việt Nam	Không có thông tin	Giá chưa bao gồm vận chuyển và bốc xếp, giao tại kho cty		Giá không đổi	40.909	40.909	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
2017	Gỗ xây dựng	Cừ tràm D gốc (7-8)cm, D ngọn (4-5)cm; L=4m	cây		5)cm; L=4mm	Công ty TNHH XDTM Kiến Việt Quốc	Việt Nam	Không có thông tin	Giá chưa bao gồm vận chuyển và bốc xếp, giao tại kho cty		Giá không đổi	33.636	33.636	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
2018	Gỗ xây dựng	Cừ tràm D gốc (5-8)cm, D ngọn (3-4)cm; L=3m	cây		4)cm; L=3mm	Công ty TNHH XDTM Kiến Việt Quốc	Việt Nam	Không có thông tin	Giá chưa bao gồm vận chuyển và bốc xếp, giao tại kho cty		Giá không đổi	25.455	25.455	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
2019	Gỗ xây dựng	Cừ dừa, L= 7m	cây		Đường kính gốc D>=20cm	Công ty TNHH TMDV Nguyễn Nhi Long An	Việt Nam	Không có thông tin	Giá chưa bao gồm vận chuyển và bốc xếp, giao tại trong địa bàn TP Tân An cũ, H Châu Thành, Thủ Thừa, Tân Trụ cũ		Giá không đổi	600.000	600.000	600.000	600.000	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
2020	Gỗ xây dựng	Cừ dừa, L= 6m	cây		Đường kính gốc D>=20cm	Công ty TNHH TMDV Nguyễn Nhi Long An	Việt Nam	Không có thông tin	Giá chưa bao gồm vận chuyển và bốc xếp, giao tại trong địa bàn TP Tân An cũ, H Châu Thành, Thủ Thừa, Tân Trụ cũ		Giá không đổi	500.000	500.000	500.000	500.000	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
2021	Gỗ xây dựng	Cừ Bạch Đàn, L= 7m	cây		Đường kính gốc D>=12cm	Công ty TNHH TMDV Nguyễn Nhi Long An	Việt Nam	Không có thông tin	Giá chưa bao gồm vận chuyển và bốc xếp, giao tại trong địa bàn TP Tân An cũ, H Châu Thành, Thủ Thừa, Tân Trụ cũ		Giá không đổi	215.000	215.000	215.000	215.000	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
2022	Gỗ xây dựng	Cừ Bạch Đàn, L= 6m	cây		Đường kính gốc D>=12cm	Công ty TNHH TMDV Nguyễn Nhi Long An	Việt Nam	Không có thông tin	Giá chưa bao gồm vận chuyển và bốc xếp, giao tại trong địa bàn TP Tân An cũ, H Châu Thành, Thủ Thừa, Tân Trụ cũ		Giá không đổi	180.000	180.000	180.000	180.000	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
2023	Gỗ xây dựng	Cừa tràm	cây		Đường kính gốc D>=12cm	Công ty TNHH TMDV Nguyễn Nhi Long An	Việt Nam	Không có thông tin	Giá chưa bao gồm vận chuyển và bốc xếp, giao tại trong địa bàn TP Tân An cũ, H Châu Thành, Thủ Thừa, Tân Trụ cũ		Giá không đổi	160.000	160.000	160.000	160.000	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
2024	Gỗ xây dựng	Cừa tràm	cây		Đường kính gốc D>=12cm	Công ty TNHH TMDV Nguyễn Nhi Long An	Việt Nam	Không có thông tin	Giá chưa bao gồm vận chuyển và bốc xếp, giao tại trong địa bàn TP Tân An cũ, H Châu Thành, Thủ Thừa, Tân Trụ cũ		Giá không đổi	140.000	140.000	140.000	140.000	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
2025	Gỗ xây dựng	Cừ tràm D gốc (8-10)cm, D ngọn (4-5)cm; L=5m	cây		5)cm; L=5mm	Hộ kinh doanh Lưu Thị Thanh Thủy	Việt Nam	Không có thông tin	Giá tại bãi vật liệu của công ty 172 Nguyễn Thông, phường 3. TP.Tân An, Long An		Giá không đổi	50.000	50.000	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
2026	Gỗ xây dựng	Cừ tràm D gốc (8-10)cm, D ngọn (4-5)cm; L=4,5m	cây		4,5mm	Hộ kinh doanh Lưu Thị Thanh Thủy	Việt Nam	Không có thông tin	Giá tại bãi vật liệu của công ty 172 Nguyễn Thông, phường 3. TP.Tân An, Long An		Giá không đổi	45.000	45.000	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
2027	Gỗ xây dựng	Cừ tràm D gốc (7-8)cm, D ngọn (4-5)cm; L=4m	cây		5)cm; L=4mm	Hộ kinh doanh Lưu Thị Thanh Thủy	Việt Nam	Không có thông tin	Giá tại bãi vật liệu của công ty 172 Nguyễn Thông, phường 3. TP.Tân An, Long An		Giá không đổi	37.000	37.000	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
2028	Gỗ xây dựng	Cừ tràm D gốc (5-8)cm, D ngọn (3-4)cm; L=3m	cây		4)cm; L=3mm	Hộ kinh doanh Lưu Thị Thanh Thủy	Việt Nam	Không có thông tin	Giá tại bãi vật liệu của công ty 172 Nguyễn Thông, phường 3. TP.Tân An, Long An		Giá không đổi	28.000	28.000	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
2029	Gỗ xây dựng	Cây chống	cây			Hộ kinh doanh Lưu Thị Thanh Thủy	Việt Nam	Không có thông tin	Giá tại bãi vật liệu của công ty 172 Nguyễn Thông, phường 3. TP.Tân An, Long An		Giá không đổi	34.000	34.000	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng) (đồng)														
												Khu vực Tân An	Khu vực Tân Trụ	Khu vực Châu Thành	Khu vực Thủ Thừa	Khu vực Bến Lức	Khu vực Cần Giuộc	Khu vực Cần Đước	Khu vực Tân Thạnh	Khu vực Thạnh Hóa	Khu vực Tân Hưng	Khu vực Vĩnh Hưng	Khu vực Kiến Tường	Khu vực Mộc Hóa	Khu vực Đức Hòa	Khu vực Đức Huệ
2030	Vật liệu khác	Xăng sinh học E10 RON 95-V	đồng/lít			Công ty Xăng Dầu Long An	Việt Nam	Không có thông tin	không có thông tin	Mức giá mới có hiệu lực từ thời điểm 15 giờ 00 phút ngày 30 tháng 07 năm 2026 Thông cáo báo chí số 43/2026/PLX-TCBC	Giá bán tăng	24.250	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
2031	Vật liệu khác	Xăng sinh học E10 RON 95-III	đồng/lít			Công ty Xăng Dầu Long An	Việt Nam	Không có thông tin	không có thông tin	Mức giá mới có hiệu lực từ thời điểm 15 giờ 00 phút ngày 30 tháng 07 năm 2026 Thông cáo báo chí số 43/2026/PLX-TCBC	Giá bán tăng	22.850	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
2032	Vật liệu khác	Xăng sinh học E5 RON 92-II	đồng/lít			Công ty Xăng Dầu Long An	Việt Nam	Không có thông tin	không có thông tin	Mức giá mới có hiệu lực từ thời điểm 15 giờ 00 phút ngày 30 tháng 07 năm 2026 Thông cáo báo chí số 43/2026/PLX-TCBC	Giá bán tăng	22.380														
2033	Vật liệu khác	Diêzen 0,001S-V	đồng/lít		0,001mm	Công ty Xăng Dầu Long An	Việt Nam	Không có thông tin	không có thông tin	Mức giá mới có hiệu lực từ thời điểm 15 giờ 00 phút ngày 30 tháng 07 năm 2026 Thông cáo báo chí số 43/2026/PLX-TCBC	Giá bán tăng	29.720	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
2034	Vật liệu khác	Diêzen 0,05S-II	đồng/lít		0,05mm	Công ty Xăng Dầu Long An	Việt Nam	Không có thông tin	không có thông tin	Mức giá mới có hiệu lực từ thời điểm 15 giờ 00 phút ngày 30 tháng 07 năm 2026 Thông cáo báo chí số 43/2026/PLX-TCBC	Giá bán tăng	27.620	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
2035	Vật liệu khác	Dầu hỏa 2-K	đồng/lít			Công ty Xăng Dầu Long An	Việt Nam	Không có thông tin	không có thông tin	Mức giá mới có hiệu lực từ thời điểm 15 giờ 00 phút ngày 30 tháng 07 năm 2026 Thông cáo báo chí số 43/2026/PLX-TCBC	Giá bán tăng	27.400	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
2036	Vật liệu khác	Mazut N°2B (3,5S) - Giá bán buôn	đồng/kg			Công ty Xăng Dầu Long An	Việt Nam	Không có thông tin	không có thông tin	Mức giá mới có hiệu lực từ thời điểm 15 giờ 00 phút ngày 30 tháng 07 năm 2026 Thông cáo báo chí số 43/2026/PLX-TCBC	Giá bán tăng	16.470	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
2037	Vật liệu khác	Mazut 180cst - 0,5S (RMG)-Giá bán buôn	đồng/kg			Công ty Xăng Dầu Long An	Việt Nam	Không có thông tin	không có thông tin	Mức giá mới có hiệu lực từ thời điểm 15 giờ 00 phút ngày 30 tháng 07 năm 2026 Thông cáo báo chí số 43/2026/PLX-TCBC	Giá bán tăng	21.890	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
2038	Vật liệu khác	Ô ngăn hình mạng neoweb 330 đáp ứng theo yêu cầu trong TCVN 10544-1:2026	m2	TCVN 10544-1:2026	Ô ngăn hình mạng neoweb 330-50 Khoảng cách mối hàn 330mm; Chiều cao ô ngăn 50mm; Kích thước ô ngăn 250mm X 210mm;	Công ty TNHH PRESTORUS -399071, Liên bang Nga, Lipetskaya oblast, Gryazinskiy rayon, selo Kazinka, «Đặc khu Kinh tế «Lipetsk».	Nga	Không có thông tin	Đơn giá tại chân công trình	Đại diện tại Việt Nam: Công ty cổ phần Khoa học PYTAGO, Địa chỉ: Tầng 4, Tòa nhà Ocean Park, Số 1 Đào Duy Anh, p. Kim Liên, Hà Nội	Giá không đổi	162.530	162.530	162.530	162.530	162.530	162.530	162.530	162.530	162.530	162.530	162.530	162.530	162.530	162.530	162.530
2039	Vật liệu khác	Ô ngăn hình mạng neoweb 330 đáp ứng theo yêu cầu trong TCVN 10544-1:2026	m2	TCVN 10544-1:2026	Ô ngăn hình mạng neoweb 330-75 Khoảng cách mối hàn 330mm; Chiều cao ô ngăn 75mm; Kích thước ô ngăn 250mm X 210mm;	Công ty TNHH PRESTORUS -399071, Liên bang Nga, Lipetskaya oblast, Gryazinskiy rayon, selo Kazinka, «Đặc khu Kinh tế «Lipetsk».	Nga	Không có thông tin	Đơn giá tại chân công trình	Đại diện tại Việt Nam: Công ty cổ phần Khoa học PYTAGO, Địa chỉ: Tầng 4, Tòa nhà Ocean Park, Số 1 Đào Duy Anh, p. Kim Liên, Hà Nội	Giá không đổi	230.778	230.778	230.778	230.778	230.778	230.778	230.778	230.778	230.778	230.778	230.778	230.778	230.778	230.778	230.778
2040	Vật liệu khác	Ô ngăn hình mạng neoweb 330 đáp ứng theo yêu cầu trong TCVN 10544-1:2026	m2	TCVN 10544-1:2026	Ô ngăn hình mạng neoweb 330-100 Khoảng cách mối hàn 330mm; Chiều cao ô ngăn 100mm; Kích thước ô ngăn 250mm X 210mm;	Công ty TNHH PRESTORUS -399071, Liên bang Nga, Lipetskaya oblast, Gryazinskiy rayon, selo Kazinka, «Đặc khu Kinh tế «Lipetsk».	Nga	Không có thông tin	Đơn giá tại chân công trình	Đại diện tại Việt Nam: Công ty cổ phần Khoa học PYTAGO, Địa chỉ: Tầng 4, Tòa nhà Ocean Park, Số 1 Đào Duy Anh, p. Kim Liên, Hà Nội	Giá không đổi	311.917	311.917	311.917	311.917	311.917	311.917	311.917	311.917	311.917	311.917	311.917	311.917	311.917	311.917	311.917
2041	Vật liệu khác	Ô ngăn hình mạng neoweb 330 đáp ứng theo yêu cầu trong TCVN 10544-1:2026	m2	TCVN 10544-1:2026	ô ngăn hình mạng neoweb 330-120 Khoảng cách mối hàn 330mm; Chiều cao ô ngăn 120mm; Kích thước ô ngăn 250mm X 210mm;	Công ty TNHH PRESTORUS -399071, Liên bang Nga, Lipetskaya oblast, Gryazinskiy rayon, selo Kazinka, «Đặc khu Kinh tế «Lipetsk».	Nga	Không có thông tin	Đơn giá tại chân công trình	Đại diện tại Việt Nam: Công ty cổ phần Khoa học PYTAGO, Địa chỉ: Tầng 4, Tòa nhà Ocean Park, Số 1 Đào Duy Anh, p. Kim Liên, Hà Nội	Giá không đổi	389.264	389.264	389.264	389.264	389.264	389.264	389.264	389.264	389.264	389.264	389.264	389.264	389.264	389.264	389.264
2042	Vật liệu khác	Ô ngăn hình mạng neoweb 330 đáp ứng theo yêu cầu trong TCVN 10544-1:2026	m2	TCVN 10544-1:2026	Ô ngăn hình mạng neoweb 330-150 Khoảng cách mối hàn 330mm; Chiều cao ô ngăn 150mm; Kích thước ô ngăn 250mm X 210mm;	Công ty TNHH PRESTORUS -399071, Liên bang Nga, Lipetskaya oblast, Gryazinskiy rayon, selo Kazinka, «Đặc khu Kinh tế «Lipetsk».	Nga	Không có thông tin	Đơn giá tại chân công trình	Đại diện tại Việt Nam: Công ty cổ phần Khoa học PYTAGO, Địa chỉ: Tầng 4, Tòa nhà Ocean Park, Số 1 Đào Duy Anh, p. Kim Liên, Hà Nội	Giá không đổi	451.951	451.951	451.951	451.951	451.951	451.951	451.951	451.951	451.951	451.951	451.951	451.951	451.951	451.951	451.951
2043	Vật liệu khác	ô ngăn hình mạng neoweb 330 đáp ứng theo yêu cầu trong TCVN 10544-1:2026	m2	TCVN 10544-1:2026	Ô ngăn hình mạng neoweb 330-200 Khoảng cách mối hàn 330mm; Chiều cao ô ngăn 200mm; Kích thước ô ngăn 250mm X 210mm;	Công ty TNHH PRESTORUS -399071, Liên bang Nga, Lipetskaya oblast, Gryazinskiy rayon, selo Kazinka, «Đặc khu Kinh tế «Lipetsk».	Nga	Không có thông tin	Đơn giá tại chân công trình	Đại diện tại Việt Nam: Công ty cổ phần Khoa học PYTAGO, Địa chỉ: Tầng 4, Tòa nhà Ocean Park, Số 1 Đào Duy Anh, p. Kim Liên, Hà Nội	Giá không đổi	641.023	641.023	641.023	641.023	641.023	641.023	641.023	641.023	641.023	641.023	641.023	641.023	641.023	641.023	641.023
2044	Vật liệu khác	Ô ngăn hình mạng neoweb 356 đáp ứng theo yêu cầu trong TCVN 10544-1:2026	m2	TCVN 10544-1:2026	Ô ngăn hình mạng neoweb 356-50 Khoảng cách mối hàn 356mm; Chiều cao ô ngăn 50mm; Kích thước ô ngăn 260mm X 224mm;	Công ty TNHH PRESTORUS -399071, Liên bang Nga, Lipetskaya oblast, Gryazinskiy rayon, selo Kazinka, «Đặc khu Kinh tế «Lipetsk».	Nga	Không có thông tin	Đơn giá tại chân công trình	Đại diện tại Việt Nam: Công ty cổ phần Khoa học PYTAGO, Địa chỉ: Tầng 4, Tòa nhà Ocean Park, Số 1 Đào Duy Anh, p. Kim Liên, Hà Nội	Giá không đổi	154.189	154.189	154.189	154.189	154.189	154.189	154.189	154.189	154.189	154.189	154.189	154.189	154.189	154.189	154.189
2045	Vật liệu khác	Ô ngăn hình mạng neoweb 356 đáp ứng theo yêu cầu trong TCVN 10544-1:2026	m2	TCVN 10544-1:2026	ô ngăn hình mạng neoweb 356-75 Khoảng cách mối hàn 356mm; Chiều cao ô ngăn 75mm; Kích thước ô ngăn 260mm X 224mm;	Công ty TNHH PRESTORUS -399071, Liên bang Nga, Lipetskaya oblast, Gryazinskiy rayon, selo Kazinka, «Đặc khu Kinh tế «Lipetsk».	Nga	Không có thông tin	Đơn giá tại chân công trình	Đại diện tại Việt Nam: Công ty cổ phần Khoa học PYTAGO, Địa chỉ: Tầng 4, Tòa nhà Ocean Park, Số 1 Đào Duy Anh, p. Kim Liên, Hà Nội	Giá không đổi	217.408	217.408	217.408	217.408	217.408	217.408	217.408	217.408	217.408	217.408	217.408	217.408	217.408	217.408	217.408
2046	Vật liệu khác	Ô ngăn hình mạng neoweb 356 đáp ứng theo yêu cầu trong TCVN 10544-1:2026	m2	TCVN 10544-1:2026	Ô ngăn hình mạng neoweb 356-100 Khoảng cách mối hàn 356mm; Chiều cao ô ngăn 100mm; Kích thước ô ngăn 260mm X 224mm;	Công ty TNHH PRESTORUS -399071, Liên bang Nga, Lipetskaya oblast, Gryazinskiy rayon, selo Kazinka, «Đặc khu Kinh tế «Lipetsk».	Nga	Không có thông tin	Đơn giá tại chân công trình	Đại diện tại Việt Nam: Công ty cổ phần Khoa học PYTAGO, Địa chỉ: Tầng 4, Tòa nhà Ocean Park, Số 1 Đào Duy Anh, p. Kim Liên, Hà Nội	Giá không đổi	297.257	297.257	297.257	297.257	297.257	297.257	297.257	297.257	297.257	297.257	297.257	297.257	297.257	297.257	297.257
2047	Vật liệu khác	Ô ngăn hình mạng neoweb 356 đáp ứng theo yêu cầu trong TCVN 10544-1:2026	m2	TCVN 10544-1:2026	Ô ngăn hình mạng neoweb 356-120 Khoảng cách mối hàn 356mm; Chiều cao ô ngăn 120mm; Kích thước ô ngăn 260mm X 224mm;	Công ty TNHH PRESTORUS -399071, Liên bang Nga, Lipetskaya oblast, Gryazinskiy rayon, selo Kazinka, «Đặc khu Kinh tế «Lipetsk».	Nga	Không có thông tin	Đơn giá tại chân công trình	Đại diện tại Việt Nam: Công ty cổ phần Khoa học PYTAGO, Địa chỉ: Tầng 4, Tòa nhà Ocean Park, Số 1 Đào Duy Anh, p. Kim Liên, Hà Nội	Giá không đổi	370.560	370.560	370.560	370.560	370.560	370.560	370.560	370.560	370.560	370.560	370.560	370.560	370.560	370.560	370.560
2048	Vật liệu khác	Ô ngăn hình mạng neoweb 356 đáp ứng theo yêu cầu trong TCVN 10544-1:2026	m2	TCVN 10544-1:2026	Ô ngăn hình mạng neoweb 356-150 Khoảng cách mối hàn 356mm; Chiều cao ô ngăn 150mm; Kích thước ô ngăn 260mm X 224mm;	Công ty TNHH PRESTORUS -399071, Liên bang Nga, Lipetskaya oblast, Gryazinskiy rayon, selo Kazinka, «Đặc khu Kinh tế «Lipetsk».	Nga	Không có thông tin	Đơn giá tại chân công trình	Đại diện tại Việt Nam: Công ty cổ phần Khoa học PYTAGO, Địa chỉ: Tầng 4, Tòa nhà Ocean Park, Số 1 Đào Duy Anh, p. Kim Liên, Hà Nội	Giá không đổi	430.466	430.466	430.466	430.466	430.466	430.466	430.466	430.466	430.466	430.466	430.466	430.466	430.466	430.466	430.466

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng) (đồng)														
												Khu vực Tân An	Khu vực Tân Trụ	Khu vực Châu Thành	Khu vực Thủ Thừa	Khu vực Bến Lức	Khu vực Cần Giuộc	Khu vực Cần Đước	Khu vực Tân Thạnh	Khu vực Thạnh Hóa	Khu vực Tân Hưng	Khu vực Vĩnh Hưng	Khu vực Kiến Tường	Khu vực Mộc Hóa	Khu vực Đức Hòa	Khu vực Đức Huệ
2049	Vật liệu khác	Ô ngăn hình mạng neoweb 356 đáp ứng theo yêu cầu trong TCVN 10544-1:2026	m2	TCVN 10544-1:2026	Ô ngăn hình mạng neoweb 356-200 Khoảng cách mối hàn 356mm; Chiều cao ô ngăn 200mm; Kích thước ô ngăn 260mm X 224mm;	Công ty TNHH PRESTORUS -399071, Liên bang Nga, Lipetskaya oblast, Gryazinskiy rayon, selo Kazinka, «Đặc khu Kinh tế «Lipetsk».	Nga	Không có thông tin	Đơn giá tại chân công trình	Đại diện tại Việt Nam: Công ty cổ phần Khoa học PYTAGO, Địa chỉ: Tầng 4, Tòa nhà Ocean Park, Số 1 Đào Duy Anh, p. Kim Liên, Hà Nội	Giá không đổi	593.754	593.754	593.754	593.754	593.754	593.754	593.754	593.754	593.754	593.754	593.754	593.754	593.754	593.754	593.754
2050	Vật liệu khác	Ô ngăn hình mạng ncoweb 445 đáp ứng theo yêu cầu trong TCVN 10544-1:2026	m2	TCVN 10544-1:2026	Ô ngăn hình mạng neoweb 445-50 Khoảng cách mối hàn 445mm; Chiều cao ô ngăn 50mm; Kích thước Ô ngăn 340mm X 290mm;	Công ty TNHH PRESTORUS -399071, Liên bang Nga, Lipetskaya oblast, Gryazinskiy rayon, selo Kazinka, «Đặc khu Kinh tế «Lipetsk».	Nga	Không có thông tin	Đơn giá tại chân công trình	Đại diện tại Việt Nam: Công ty cổ phần Khoa học PYTAGO, Địa chỉ: Tầng 4, Tòa nhà Ocean Park, Số 1 Đào Duy Anh, p. Kim Liên, Hà Nội	Giá không đổi	137.001	137.001	137.001	137.001	137.001	137.001	137.001	137.001	137.001	137.001	137.001	137.001	137.001	137.001	137.001
2051	Vật liệu khác	Ô ngăn hình mạng neoweb 445 đáp ứng theo yêu cầu trong TCVN 10544-1:2026	m2	TCVN 10544-1:2026	Ô ngăn hình mạng neoweb 445-75 Khoảng cách mối hàn 445mm; Chiều cao ô ngăn 75mm; Kích thước ô ngăn 340mm X 290mm;	Công ty TNHH PRESTORUS -399071, Liên bang Nga, Lipetskaya oblast, Gryazinskiy rayon, selo Kazinka, «Đặc khu Kinh tế «Lipetsk».	Nga	Không có thông tin	Đơn giá tại chân công trình	Đại diện tại Việt Nam: Công ty cổ phần Khoa học PYTAGO, Địa chỉ: Tầng 4, Tòa nhà Ocean Park, Số 1 Đào Duy Anh, p. Kim Liên, Hà Nội	Giá không đổi	212.051	212.051	212.051	212.051	212.051	212.051	212.051	212.051	212.051	212.051	212.051	212.051	212.051	212.051	212.051
2052	Vật liệu khác	ô ngăn hình mạng neoweb 445 đáp ứng theo yêu cầu trong TCVN 10544-1:2026	m2	TCVN 10544-1:2026	Ô ngăn hình mạng neoweb 445-100 Khoảng cách mối hàn 445mm; Chiều cao ô ngăn 100mm; Kích thước ô ngăn 340mm X 290mm;	Công ty TNHH PRESTORUS -399071, Liên bang Nga, Lipetskaya oblast, Gryazinskiy rayon, selo Kazinka, «Đặc khu Kinh tế «Lipetsk».	Nga	Không có thông tin	Đơn giá tại chân công trình	Đại diện tại Việt Nam: Công ty cổ phần Khoa học PYTAGO, Địa chỉ: Tầng 4, Tòa nhà Ocean Park, Số 1 Đào Duy Anh, p. Kim Liên, Hà Nội	Giá không đổi	263.133	263.133	263.133	263.133	263.133	263.133	263.133	263.133	263.133	263.133	263.133	263.133	263.133	263.133	263.133
2053	Vật liệu khác	ô ngăn hình mạng ncoweb 445 đáp ứng theo yêu cầu trong TCVN 10544-1:2026	m2	TCVN 10544-1:2026	Ô ngăn hình mạng neoweb 445-120 Khoảng cách mối hàn 445mm; Chiều cao ô ngăn 120mm; Kích thước ô ngăn 340mm X 290mm;	Công ty TNHH PRESTORUS -399071, Liên bang Nga, Lipetskaya oblast, Gryazinskiy rayon, selo Kazinka, «Đặc khu Kinh tế «Lipetsk».	Nga	Không có thông tin	Đơn giá tại chân công trình	Đại diện tại Việt Nam: Công ty cổ phần Khoa học PYTAGO, Địa chỉ: Tầng 4, Tòa nhà Ocean Park, Số 1 Đào Duy Anh, p. Kim Liên, Hà Nội	Giá không đổi	328.852	328.852	328.852	328.852	328.852	328.852	328.852	328.852	328.852	328.852	328.852	328.852	328.852	328.852	328.852
2054	Vật liệu khác	ô ngăn hình mạng ncoweb 445 đáp ứng theo yêu cầu trong TCVN 10544-1:2026	m2	TCVN 10544-1:2026	Ô ngăn hình mạng neoweb 445-150 Khoảng cách mối hàn 445mm; Chiều cao ô ngăn 150mm; Kích thước ô ngăn 340mm X 290mm;	Công ty TNHH PRESTORUS -399071, Liên bang Nga, Lipetskaya oblast, Gryazinskiy rayon, selo Kazinka, «Đặc khu Kinh tế «Lipetsk».	Nga	Không có thông tin	Đơn giá tại chân công trình	Đại diện tại Việt Nam: Công ty cổ phần Khoa học PYTAGO, Địa chỉ: Tầng 4, Tòa nhà Ocean Park, Số 1 Đào Duy Anh, p. Kim Liên, Hà Nội	Giá không đổi	381.682	381.682	381.682	381.682	381.682	381.682	381.682	381.682	381.682	381.682	381.682	381.682	381.682	381.682	381.682
2055	Vật liệu khác	ngăn hình mạng ncoweb 445 đáp ứng theo yêu cầu trong TCVN 10544-1:2026	m2	TCVN 10544-1:2026	Ô ngăn hình mạng neoweb 445-200 Khoảng cách mối hàn 445mm; Chiều cao ô ngăn 200mm; Kích thước ô ngăn 340mm X 290mm;	Công ty TNHH PRESTORUS -399071, Liên bang Nga, Lipetskaya oblast, Gryazinskiy rayon, selo Kazinka, «Đặc khu Kinh tế «Lipetsk».	Nga	Không có thông tin	Đơn giá tại chân công trình	Đại diện tại Việt Nam: Công ty cổ phần Khoa học PYTAGO, Địa chỉ: Tầng 4, Tòa nhà Ocean Park, Số 1 Đào Duy Anh, p. Kim Liên, Hà Nội	Giá không đổi	526.518	526.518	526.518	526.518	526.518	526.518	526.518	526.518	526.518	526.518	526.518	526.518	526.518	526.518	526.518
2056	Vật liệu khác	ô ngăn hình mạng neoweb 660 đáp ứng theo yêu cầu trong TCVN 10544-1:2026	m2	TCVN 10544-1:2026	Ô ngăn hình mạng neoweb 660-50 Khoảng cách mối hàn 660mm; Chiều cao ô ngăn 50mm; Kích thước ô ngăn 500mm X 420mm;	Công ty TNHH PRESTORUS -399071, Liên bang Nga, Lipetskaya oblast, Gryazinskiy rayon, selo Kazinka, «Đặc khu Kinh tế «Lipetsk».	Nga	Không có thông tin	Đơn giá tại chân công trình	Đại diện tại Việt Nam: Công ty cổ phần Khoa học PYTAGO, Địa chỉ: Tầng 4, Tòa nhà Ocean Park, Số 1 Đào Duy Anh, p. Kim Liên, Hà Nội	Giá không đổi	96.811	96.811	96.811	96.811	96.811	96.811	96.811	96.811	96.811	96.811	96.811	96.811	96.811	96.811	96.811
2057	Vật liệu khác	ô ngăn hình mạng neoweb 660 đáp ứng theo yêu cầu trong TCVN 10544-1:2026	m2	TCVN 10544-1:2026	Ô ngăn hình mạng neoweb 660-75 Khoảng cách mối hàn 660mm; Chiều cao ô ngăn 75mm; Kích thước ô ngăn 500mm X 420mm;	Công ty TNHH PRESTORUS -399071, Liên bang Nga, Lipetskaya oblast, Gryazinskiy rayon, selo Kazinka, «Đặc khu Kinh tế «Lipetsk».	Nga	Không có thông tin	Đơn giá tại chân công trình	Đại diện tại Việt Nam: Công ty cổ phần Khoa học PYTAGO, Địa chỉ: Tầng 4, Tòa nhà Ocean Park, Số 1 Đào Duy Anh, p. Kim Liên, Hà Nội	Giá không đổi	138.012	138.012	138.012	138.012	138.012	138.012	138.012	138.012	138.012	138.012	138.012	138.012	138.012	138.012	138.012
2058	Vật liệu khác	ô ngăn hình mạng neoweb 660 đáp ứng theo yêu cầu trong TCVN 10544-1:2026	m2	TCVN 10544-1:2026	Ô ngăn hình mạng neoweb 660-100 Khoảng cách mối hàn 660mm; Chiều cao ô ngăn 100mm; Kích thước ô ngăn 500mm X 420mm;	Công ty TNHH PRESTORUS -399071, Liên bang Nga, Lipetskaya oblast, Gryazinskiy rayon, selo Kazinka, «Đặc khu Kinh tế «Lipetsk».	Nga	Không có thông tin	Đơn giá tại chân công trình	Đại diện tại Việt Nam: Công ty cổ phần Khoa học PYTAGO, Địa chỉ: Tầng 4, Tòa nhà Ocean Park, Số 1 Đào Duy Anh, p. Kim Liên, Hà Nội	Giá không đổi	186.291	186.291	186.291	186.291	186.291	186.291	186.291	186.291	186.291	186.291	186.291	186.291	186.291	186.291	186.291
2059	Vật liệu khác	ô ngăn hình mạng neoweb 660 đáp ứng theo yêu cầu trong TCVN 10544-1:2026	m2	TCVN 10544-1:2026	Ô ngăn hình mạng neoweb 660-120 Khoảng cách mối hàn 660mm; Chiều cao ô ngăn 120mm; Kích thước ô ngăn 500mm X 420mm;	Công ty TNHH PRESTORUS -399071, Liên bang Nga, Lipetskaya oblast, Gryazinskiy rayon, selo Kazinka, «Đặc khu Kinh tế «Lipetsk».	Nga	Không có thông tin	Đơn giá tại chân công trình	Đại diện tại Việt Nam: Công ty cổ phần Khoa học PYTAGO, Địa chỉ: Tầng 4, Tòa nhà Ocean Park, Số 1 Đào Duy Anh, p. Kim Liên, Hà Nội	Giá không đổi	233.053	233.053	233.053	233.053	233.053	233.053	233.053	233.053	233.053	233.053	233.053	233.053	233.053	233.053	233.053
2060	Vật liệu khác	ô ngăn hình mạng neoweb 660 đáp ứng theo yêu cầu trong TCVN 10544-1:2026	m2	TCVN 10544-1:2026	Ô ngăn hình mạng neoweb 660-150 Khoảng cách mối hàn 660mm; Chiều cao ô ngăn 150mm; Kích thước ô ngăn 500mm X 420mm;	Công ty TNHH PRESTORUS -399071, Liên bang Nga, Lipetskaya oblast, Gryazinskiy rayon, selo Kazinka, «Đặc khu Kinh tế «Lipetsk».	Nga	Không có thông tin	Đơn giá tại chân công trình	Đại diện tại Việt Nam: Công ty cổ phần Khoa học PYTAGO, Địa chỉ: Tầng 4, Tòa nhà Ocean Park, Số 1 Đào Duy Anh, p. Kim Liên, Hà Nội	Giá không đổi	270.968	270.968	270.968	270.968	270.968	270.968	270.968	270.968	270.968	270.968	270.968	270.968	270.968	270.968	270.968
2061	Vật liệu khác	ô ngăn hình mạng neoweb 660 đáp ứng theo yêu cầu trong TCVN 10544-1:2026	m2	TCVN 10544-1:2026	Ô ngăn hình mạng neoweb 660-200 Khoảng cách mối hàn 660mm; Chiều cao ô ngăn 200mm; Kích thước ô ngăn 500mm X 420mm;	Công ty TNHH PRESTORUS -399071, Liên bang Nga, Lipetskaya oblast, Gryazinskiy rayon, selo Kazinka, «Đặc khu Kinh tế «Lipetsk».	Nga	Không có thông tin	Đơn giá tại chân công trình	Đại diện tại Việt Nam: Công ty cổ phần Khoa học PYTAGO, Địa chỉ: Tầng 4, Tòa nhà Ocean Park, Số 1 Đào Duy Anh, p. Kim Liên, Hà Nội	Giá không đổi	388.757	388.757	388.757	388.757	388.757	388.757	388.757	388.757	388.757	388.757	388.757	388.757	388.757	388.757	388.757
2062	Vật liệu khác	Ô ngăn hình mạng neoweb 712 đáp ứng theo yêu cầu trong TCVN 10544-1:2026	m2	TCVN 10544-1:2026	Ô ngăn hình mạng neoweb 712-50 Khoảng cách mối hàn 712mm; Chiều cao ô ngăn 50mm; Kích thước ô ngăn 520mm X 480mm;	Công ty TNHH PRESTORUS -399071, Liên bang Nga, Lipetskaya oblast, Gryazinskiy rayon, selo Kazinka, «Đặc khu Kinh tế «Lipetsk».	Nga	Không có thông tin	Đơn giá tại chân công trình	Đại diện tại Việt Nam: Công ty cổ phần Khoa học PYTAGO, Địa chỉ: Tầng 4, Tòa nhà Ocean Park, Số 1 Đào Duy Anh, p. Kim Liên, Hà Nội	Giá không đổi	80.634	80.634	80.634	80.634	80.634	80.634	80.634	80.634	80.634	80.634	80.634	80.634	80.634	80.634	80.634
2063	Vật liệu khác	Ô ngăn hình mạng neoweb 712 đáp ứng theo yêu cầu trong TCVN 10544-1:2026	m2	TCVN 10544-1:2026	Ô ngăn hình mạng neoweb 712-75 Khoảng cách moi hàn 712mm; Chiều cao ô ngăn 75mm; Kích thước ô ngăn 520mm X 480mm;	Công ty TNHH PRESTORUS -399071, Liên bang Nga, Lipetskaya oblast, Gryazinskiy rayon, selo Kazinka, «Đặc khu Kinh tế «Lipetsk».	Nga	Không có thông tin	Đơn giá tại chân công trình	Đại diện tại Việt Nam: Công ty cổ phần Khoa học PYTAGO, Địa chỉ: Tầng 4, Tòa nhà Ocean Park, Số 1 Đào Duy Anh, p. Kim Liên, Hà Nội	Giá không đổi	114.758	114.758	114.758	114.758	114.758	114.758	114.758	114.758	114.758	114.758	114.758	114.758	114.758	114.758	114.758
2064	Vật liệu khác	Ô ngăn hình mạng neoweb 712 đáp ứng theo yêu cầu trong TCVN 10544-1:2026	m2	TCVN 10544-1:2026	Ô ngăn hình mạng neoweb 712-100 Khoảng cách mối hàn 712mm; Chiều cao ô ngăn 100mm; Kích thước ô ngăn 520mm X 480mm;	Công ty TNHH PRESTORUS -399071, Liên bang Nga, Lipetskaya oblast, Gryazinskiy rayon, selo Kazinka, «Đặc khu Kinh tế «Lipetsk».	Nga	Không có thông tin	Đơn giá tại chân công trình	Đại diện tại Việt Nam: Công ty cổ phần Khoa học PYTAGO, Địa chỉ: Tầng 4, Tòa nhà Ocean Park, Số 1 Đào Duy Anh, p. Kim Liên, Hà Nội	Giá không đổi	154.695	154.695	154.695	154.695	154.695	154.695	154.695	154.695	154.695	154.695	154.695	154.695	154.695	154.695	154.695
2065	Vật liệu khác	Ô ngăn hình mạng neoweb 712 đáp ứng theo yêu cầu trong TCVN 10544-1:2026	m2	TCVN 10544-1:2026	Ô ngăn hình mạng neoweb 712-120 Khoảng cách mối hàn 712mm; Chiều cao ô ngăn 120mm; Kích thước ô ngăn 520mm X 480mm;	Công ty TNHH PRESTORUS -399071, Liên bang Nga, Lipetskaya oblast, Gryazinskiy rayon, selo Kazinka, «Đặc khu Kinh tế «Lipetsk».	Nga	Không có thông tin	Đơn giá tại chân công trình	Đại diện tại Việt Nam: Công ty cổ phần Khoa học PYTAGO, Địa chỉ: Tầng 4, Tòa nhà Ocean Park, Số 1 Đào Duy Anh, p. Kim Liên, Hà Nội	Giá không đổi	193.368	193.368	193.368	193.368	193.368	193.368	193.368	193.368	193.368	193.368	193.368	193.368	193.368	193.368	193.368
2066	Vật liệu khác	Ô ngăn hình mạng neoweb 712 đáp ứng theo yêu cầu trong TCVN 10544-1:2026	m2	TCVN 10544-1:2026	Ô ngăn hình mạng neoweb 712-150 Khoảng cách mối hàn 712mm; Chiều cao ô ngăn 150mm; Kích thước ô ngăn 520mm X 480mm;	Công ty TNHH PRESTORUS -399071, Liên bang Nga, Lipetskaya oblast, Gryazinskiy rayon, selo Kazinka, «Đặc khu Kinh tế «Lipetsk».	Nga	Không có thông tin	Đơn giá tại chân công trình	Đại diện tại Việt Nam: Công ty cổ phần Khoa học PYTAGO, Địa chỉ: Tầng 4, Tòa nhà Ocean Park, Số 1 Đào Duy Anh, p. Kim Liên, Hà Nội	Giá không đổi	224.712	224.712	224.712	224.712	224.712	224.712	224.712	224.712	224.712	224.712	224.712	224.712	224.712	224.712	224.712

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng) (đồng)														
												Khu vực Tân An	Khu vực Tân Trụ	Khu vực Châu Thành	Khu vực Thủ Thừa	Khu vực Bến Lức	Khu vực Cần Giuộc	Khu vực Cần Đước	Khu vực Tân Thạnh	Khu vực Thạnh Hóa	Khu vực Tân Hưng	Khu vực Vĩnh Hưng	Khu vực Kiến Tường	Khu vực Mộc Hóa	Khu vực Đức Hòa	Khu vực Đức Huệ
2067	Vật liệu khác	Ô ngăn hình mạng neoweb 712 dập ứng theo yêu cầu trong TCVN 10544-1:2026	m2	TCVN 10544-1:2026	Ô ngăn hình mạng neoweb 712-200 Khoảng cách mối hàn 712mm; Chiều cao ô ngăn 200mm; Kích thước ô ngăn 520mm X 480mm;	Công ty TNHH PRESTORUS -399071, Liên bang Nga, Lipetskaya oblast, Gryazinskiy rayon, selo Kazinka, «Đặc khu Kinh tế «Lipetsk».	Nga	Không có thông tin	Đơn giá tại chân công trình	Đại diện tại Việt Nam: Công ty cổ phần Khoa học PYTAGO, Địa chỉ: Tầng 4, Tòa nhà Ocean Park, Số 1 Đào Duy Anh, p. Kim Liên, Hà Nội	Giá không đổi	309.137	309.137	309.137	309.137	309.137	309.137	309.137	309.137	309.137	309.137	309.137	309.137	309.137	309.137	309.137
2068	Vật liệu khác	Đầu neo clip	cái	TCVN 10544-1:2026	Sản xuất từ HDPE nguyên sinh	Công ty TNHH PRESTORUS -399071, Liên bang Nga, Lipetskaya oblast, Gryazinskiy rayon, selo Kazinka, «Đặc khu Kinh tế «Lipetsk».	Việt Nam	Không có thông tin	Đơn giá tại chân công trình	Đại diện tại Việt Nam: Công ty cổ phần Khoa học PYTAGO, Địa chỉ: Tầng 4, Tòa nhà Ocean Park, Số 1 Đào Duy Anh, p. Kim Liên, Hà Nội	Giá không đổi	5.435	5.435	5.435	5.435	5.435	5.435	5.435	5.435	5.435	5.435	5.435	5.435	5.435	5.435	5.435
2069	Vật liệu khác	Vải địa kỹ thuật không dệt APT 12 (kN/m)	m2	GRI-GM13	4x200	Công ty TNHH Xuất nhập khẩu Thái Châu (đc: Lô F7, đường số 1, KCN Hải Sơn, xã Đức Hoà, tỉnh Tây Ninh - 0939 595 299). Công văn đề nghị công bố giá số 072026/CV -TC ngày 01/07/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến chân công trình	(Mức giá đăng ký này thực hiện từ ngày 01/07/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá không đổi	11.500	11.500	11.500	11.500	11.500	11.500	11.500	11.500	11.500	11.500	11.500	11.500	11.500	11.500	11.500
2070	Vật liệu khác	Vải địa kỹ thuật không dệt APT 15 (kN/m)	m2	TCVN 9844:2013	4x150	Công ty TNHH Xuất nhập khẩu Thái Châu (đc: Lô F7, đường số 1, KCN Hải Sơn, xã Đức Hoà, tỉnh Tây Ninh - 0939 595 299). Công văn đề nghị công bố giá số 072026/CV -TC ngày 01/07/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến chân công trình	(Mức giá đăng ký này thực hiện từ ngày 01/07/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá không đổi	15.000	15.000	15.000	15.000	15.000	15.000	15.000	15.000	15.000	15.000	15.000	15.000	15.000	15.000	15.000
2071	Vật liệu khác	Vải địa kỹ thuật không dệt APT 17 (kN/m)	m2	TCVN 9844:2013	4x150	Công ty TNHH Xuất nhập khẩu Thái Châu (đc: Lô F7, đường số 1, KCN Hải Sơn, xã Đức Hoà, tỉnh Tây Ninh - 0939 595 299). Công văn đề nghị công bố giá số 072026/CV -TC ngày 01/07/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến chân công trình	(Mức giá đăng ký này thực hiện từ ngày 01/07/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá không đổi	17.800	17.800	17.800	17.800	17.800	17.800	17.800	17.800	17.800	17.800	17.800	17.800	17.800	17.800	17.800
2072	Vật liệu khác	Vải địa kỹ thuật không dệt APT 20 (kN/m)	m2	TCVN 9844:2013	4x125	Công ty TNHH Xuất nhập khẩu Thái Châu (đc: Lô F7, đường số 1, KCN Hải Sơn, xã Đức Hoà, tỉnh Tây Ninh - 0939 595 299). Công văn đề nghị công bố giá số 072026/CV -TC ngày 01/07/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến chân công trình	(Mức giá đăng ký này thực hiện từ ngày 01/07/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá không đổi	20.000	20.000	20.000	20.000	20.000	20.000	20.000	20.000	20.000	20.000	20.000	20.000	20.000	20.000	20.000
2073	Vật liệu khác	Vải địa kỹ thuật không dệt APT 25 (kN/m)	m2	TCVN 9844:2013	4x125	Công ty TNHH Xuất nhập khẩu Thái Châu (đc: Lô F7, đường số 1, KCN Hải Sơn, xã Đức Hoà, tỉnh Tây Ninh - 0939 595 299). Công văn đề nghị công bố giá số 072026/CV -TC ngày 01/07/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến chân công trình	(Mức giá đăng ký này thực hiện từ ngày 01/07/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá không đổi	22.600	22.600	22.600	22.600	22.600	22.600	22.600	22.600	22.600	22.600	22.600	22.600	22.600	22.600	22.600
2074	Vật liệu khác	Vải địa kỹ thuật không dệt, sợi dài liên tục APT 7.5SD - Cường độ chịu kéo 7.5kN/m	m2	TCVN 9844:2013	4x250	Công ty TNHH Xuất nhập khẩu Thái Châu (đc: Lô F7, đường số 1, KCN Hải Sơn, xã Đức Hoà, tỉnh Tây Ninh - 0939 595 299). Công văn đề nghị công bố giá số 072026/CV -TC ngày 01/07/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến chân công trình	(Mức giá đăng ký này thực hiện từ ngày 01/07/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá không đổi	13.400	13.400	13.400	13.400	13.400	13.400	13.400	13.400	13.400	13.400	13.400	13.400	13.400	13.400	13.400
2075	Vật liệu khác	Vải địa kỹ thuật không dệt, sợi dài liên tục APT 9.5SD - Cường độ chịu kéo 9.5kN/m	m2	TCVN 9844:2013	4x250	Công ty TNHH Xuất nhập khẩu Thái Châu (đc: Lô F7, đường số 1, KCN Hải Sơn, xã Đức Hoà, tỉnh Tây Ninh - 0939 595 299). Công văn đề nghị công bố giá số 072026/CV -TC ngày 01/07/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến chân công trình	(Mức giá đăng ký này thực hiện từ ngày 01/07/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá không đổi	13.900	13.900	13.900	13.900	13.900	13.900	13.900	13.900	13.900	13.900	13.900	13.900	13.900	13.900	13.900
2076	Vật liệu khác	Vải địa kỹ thuật không dệt, sợi dài liên tục APT 11.5SD - Cường độ chịu kéo 11.5kN/m	m2	TCVN 9844:2013	4x200	Công ty TNHH Xuất nhập khẩu Thái Châu (đc: Lô F7, đường số 1, KCN Hải Sơn, xã Đức Hoà, tỉnh Tây Ninh - 0939 595 299). Công văn đề nghị công bố giá số 072026/CV -TC ngày 01/07/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến chân công trình	(Mức giá đăng ký này thực hiện từ ngày 01/07/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá không đổi	14.900	14.900	14.900	14.900	14.900	14.900	14.900	14.900	14.900	14.900	14.900	14.900	14.900	14.900	14.900
2077	Vật liệu khác	Vải địa kỹ thuật không dệt, sợi dài liên tục APT 13.5SD - Cường độ chịu kéo 13.5kN/m	m2	TCVN 9844:2013	4x150	Công ty TNHH Xuất nhập khẩu Thái Châu (đc: Lô F7, đường số 1, KCN Hải Sơn, xã Đức Hoà, tỉnh Tây Ninh - 0939 595 299). Công văn đề nghị công bố giá số 072026/CV -TC ngày 01/07/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến chân công trình	(Mức giá đăng ký này thực hiện từ ngày 01/07/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá không đổi	17.600	17.600	17.600	17.600	17.600	17.600	17.600	17.600	17.600	17.600	17.600	17.600	17.600	17.600	17.600
2078	Vật liệu khác	Vải địa kỹ thuật không dệt, sợi dài liên tục APT 15 SD - Cường độ chịu kéo 15kN/m	m2	TCVN 9844:2013	4x150	Công ty TNHH Xuất nhập khẩu Thái Châu (đc: Lô F7, đường số 1, KCN Hải Sơn, xã Đức Hoà, tỉnh Tây Ninh - 0939 595 299). Công văn đề nghị công bố giá số 072026/CV -TC ngày 01/07/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến chân công trình	(Mức giá đăng ký này thực hiện từ ngày 01/07/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá không đổi	19.400	19.400	19.400	19.400	19.400	19.400	19.400	19.400	19.400	19.400	19.400	19.400	19.400	19.400	19.400
2079	Vật liệu khác	Vải địa kỹ thuật không dệt, sợi dài liên tục APT 19 SD - Cường độ chịu kéo 19kN/m	m2	TCVN 9844:2013	4x125	Công ty TNHH Xuất nhập khẩu Thái Châu (đc: Lô F7, đường số 1, KCN Hải Sơn, xã Đức Hoà, tỉnh Tây Ninh - 0939 595 299). Công văn đề nghị công bố giá số 072026/CV -TC ngày 01/07/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến chân công trình	(Mức giá đăng ký này thực hiện từ ngày 01/07/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá không đổi	25.000	25.000	25.000	25.000	25.000	25.000	25.000	25.000	25.000	25.000	25.000	25.000	25.000	25.000	25.000
2080	Vật liệu khác	Vải địa kỹ thuật không dệt, sợi dài liên tục APT 21.5 SD - Cường độ chịu kéo 21.5kN/m	m2	TCVN 9844:2013	4x125	Công ty TNHH Xuất nhập khẩu Thái Châu (đc: Lô F7, đường số 1, KCN Hải Sơn, xã Đức Hoà, tỉnh Tây Ninh - 0939 595 299). Công văn đề nghị công bố giá số 072026/CV -TC ngày 01/07/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến chân công trình	(Mức giá đăng ký này thực hiện từ ngày 01/07/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá không đổi	27.000	27.000	27.000	27.000	27.000	27.000	27.000	27.000	27.000	27.000	27.000	27.000	27.000	27.000	27.000
2081	Vật liệu khác	Vải địa kỹ thuật không dệt, sợi dài liên tục APT 24 SD - Cường độ chịu kéo 24kN/m	m2	TCVN 9844:2013	4x125	Công ty TNHH Xuất nhập khẩu Thái Châu (đc: Lô F7, đường số 1, KCN Hải Sơn, xã Đức Hoà, tỉnh Tây Ninh - 0939 595 299). Công văn đề nghị công bố giá số 072026/CV -TC ngày 01/07/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến chân công trình	(Mức giá đăng ký này thực hiện từ ngày 01/07/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá bán giảm	28.200	28.200	28.200	28.200	28.200	28.200	28.200	28.200	28.200	28.200	28.200	28.200	28.200	28.200	28.200
2082	Vật liệu khác	Vải địa kỹ thuật không dệt, sợi dài liên tục APT 28 SD - Cường độ chịu kéo 28kN/m	m2	TCVN 9844:2013	4x100	Công ty TNHH Xuất nhập khẩu Thái Châu (đc: Lô F7, đường số 1, KCN Hải Sơn, xã Đức Hoà, tỉnh Tây Ninh - 0939 595 299). Công văn đề nghị công bố giá số 072026/CV -TC ngày 01/07/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến chân công trình	(Mức giá đăng ký này thực hiện từ ngày 01/07/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá không đổi	34.000	34.000	34.000	34.000	34.000	34.000	34.000	34.000	34.000	34.000	34.000	34.000	34.000	34.000	34.000
2083	Vật liệu khác	Vải địa kỹ thuật dệt DML 10 (100/50 kN/m)	m2	TCVN 9844:2013	3,6x600 hoặc 5,3x800	Công ty TNHH Xuất nhập khẩu Thái Châu (đc: Lô F7, đường số 1, KCN Hải Sơn, xã Đức Hoà, tỉnh Tây Ninh - 0939 595 299). Công văn đề nghị công bố giá số 072026/CV -TC ngày 01/07/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến chân công trình	(Mức giá đăng ký này thực hiện từ ngày 01/07/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá không đổi	17.800	17.800	17.800	17.800	17.800	17.800	17.800	17.800	17.800	17.800	17.800	17.800	17.800	17.800	17.800

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng) (đồng)														
												Khu vực Tân An	Khu vực Tân Trụ	Khu vực Châu Thành	Khu vực Thủ Thừa	Khu vực Bến Lức	Khu vực Cần Giuộc	Khu vực Cần Đước	Khu vực Tân Thạnh	Khu vực Thạnh Hóa	Khu vực Tân Hưng	Khu vực Vĩnh Hưng	Khu vực Kiến Tường	Khu vực Mộc Hóa	Khu vực Đức Hòa	Khu vực Đức Huệ
2084	Vật liệu khác	Vải địa kỹ thuật dệt DM 10 (100/100 kN/m)	m2	TCVN 9844:2013	3,6x600 hoặc 5,3x400	Công ty TNHH Xuất nhập khẩu Thái Châu (đc: Lô F7, đường số 1, KCN Hải Sơn, xã Đức Hoà, tỉnh Tây Ninh - 0939 595 299). Công văn đề nghị công bố giá số 072026/CV -TC ngày 01/07/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến chân công trình	(Mức giá đăng ký này thực hiện từ ngày 01/07/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá không đổi	21.000	21.000	21.000	21.000	21.000	21.000	21.000	21.000	21.000	21.000	21.000	21.000	21.000	21.000	21.000
2085	Vật liệu khác	Vải địa kỹ thuật dệt DML 20 (200/50 kN/m)	m2	TCVN 9844:2013	3,6x580 hoặc 5,3x450	Công ty TNHH Xuất nhập khẩu Thái Châu (đc: Lô F7, đường số 1, KCN Hải Sơn, xã Đức Hoà, tỉnh Tây Ninh - 0939 595 299). Công văn đề nghị công bố giá số 072026/CV -TC ngày 01/07/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến chân công trình	(Mức giá đăng ký này thực hiện từ ngày 01/07/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá không đổi	25.200	25.200	25.200	25.200	25.200	25.200	25.200	25.200	25.200	25.200	25.200	25.200	25.200	25.200	25.200
2086	Vật liệu khác	Vải địa kỹ thuật dệt DM 20 (200/200 kN/m)	m2	TCVN 9844:2013	3,6x300	Công ty TNHH Xuất nhập khẩu Thái Châu (đc: Lô F7, đường số 1, KCN Hải Sơn, xã Đức Hoà, tỉnh Tây Ninh - 0939 595 299). Công văn đề nghị công bố giá số 072026/CV -TC ngày 01/07/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến chân công trình	(Mức giá đăng ký này thực hiện từ ngày 01/07/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá không đổi	40.000	40.000	40.000	40.000	40.000	40.000	40.000	40.000	40.000	40.000	40.000	40.000	40.000	40.000	40.000
2087	Vật liệu khác	Vải địa kỹ thuật dệt DML 30 (300/50 kN/m)	m2	TCVN 9844:2013	3,6x400 hoặc 5,3x350	Công ty TNHH Xuất nhập khẩu Thái Châu (đc: Lô F7, đường số 1, KCN Hải Sơn, xã Đức Hoà, tỉnh Tây Ninh - 0939 595 299). Công văn đề nghị công bố giá số 072026/CV -TC ngày 01/07/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến chân công trình	(Mức giá đăng ký này thực hiện từ ngày 01/07/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá không đổi	35.000	35.000	35.000	35.000	35.000	35.000	35.000	35.000	35.000	35.000	35.000	35.000	35.000	35.000	35.000
2088	Vật liệu khác	Vải địa kỹ thuật dệt DM 30 (300/300 kN/m)	m2	TCVN 9844:2013	3,6x200	Công ty TNHH Xuất nhập khẩu Thái Châu (đc: Lô F7, đường số 1, KCN Hải Sơn, xã Đức Hoà, tỉnh Tây Ninh - 0939 595 299). Công văn đề nghị công bố giá số 072026/CV -TC ngày 01/07/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến chân công trình	(Mức giá đăng ký này thực hiện từ ngày 01/07/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá không đổi	57.000	57.000	57.000	57.000	57.000	57.000	57.000	57.000	57.000	57.000	57.000	57.000	57.000	57.000	57.000

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng) (đồng)														
												Khu vực Tân An	Khu vực Tân Trụ	Khu vực Châu Thành	Khu vực Thủ Thừa	Khu vực Bến Lức	Khu vực Cần Giuộc	Khu vực Cần Đước	Khu vực Tân Thạnh	Khu vực Thạnh Hóa	Khu vực Tân Hưng	Khu vực Vĩnh Hưng	Khu vực Kiến Tường	Khu vực Mộc Hóa	Khu vực Đức Hòa	Khu vực Đức Huệ
2089	Vật liệu khác	Vải địa kỹ thuật dệt DM 40 (400/400 kN/m)	m2	TCVN 9844:2013	3,6x100 hoặc 5,3x150	Công ty TNHH Xuất nhập khẩu Thái Châu (đc: Lô F7, đường số 1, KCN Hải Sơn, xã Đức Hoà, tỉnh Tây Ninh - 0939 595 299). Công văn đề nghị công bố giá số 072026/CV -TC ngày 01/07/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến chân công trình	(Mức giá đăng ký này thực hiện từ ngày 01/07/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá không đổi	84.000	84.000	84.000	84.000	84.000	84.000	84.000	84.000	84.000	84.000	84.000	84.000	84.000	84.000
2090	Vật liệu khác	Vải địa kỹ thuật dệt DML 40 (400/50 kN/m)	m2	TCVN 9844:2013	3,6x300 hoặc 5,3x250	Công ty TNHH Xuất nhập khẩu Thái Châu (đc: Lô F7, đường số 1, KCN Hải Sơn, xã Đức Hoà, tỉnh Tây Ninh - 0939 595 299). Công văn đề nghị công bố giá số 072026/CV -TC ngày 01/07/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến chân công trình	(Mức giá đăng ký này thực hiện từ ngày 01/07/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá không đổi	43.000	43.000	43.000	43.000	43.000	43.000	43.000	43.000	43.000	43.000	43.000	43.000	43.000	43.000
2091	Vật liệu khác	Lưới địa kỹ thuật PET cường độ 100/100 k N/m	m2	TCCS 01:2021	5x100	Công ty TNHH Xuất nhập khẩu Thái Châu (đc: Lô F7, đường số 1, KCN Hải Sơn, xã Đức Hoà, tỉnh Tây Ninh - 0939 595 299). Công văn đề nghị công bố giá số 072026/CV -TC ngày 01/07/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến chân công trình	(Mức giá đăng ký này thực hiện từ ngày 01/07/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	45.000	45.000	45.000	45.000	45.000	45.000	45.000	45.000	45.000	45.000	45.000	45.000	45.000	45.000
2092	Vật liệu khác	Lưới địa kỹ thuật PET cường độ 200/200 k N/m	m2	TCCS 01:2021	5x100	Công ty TNHH Xuất nhập khẩu Thái Châu (đc: Lô F7, đường số 1, KCN Hải Sơn, xã Đức Hoà, tỉnh Tây Ninh - 0939 595 299). Công văn đề nghị công bố giá số 072026/CV -TC ngày 01/07/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến chân công trình	(Mức giá đăng ký này thực hiện từ ngày 01/07/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	85.400	85.400	85.400	85.400	85.400	85.400	85.400	85.400	85.400	85.400	85.400	85.400	85.400	85.400
2093	Vật liệu khác	Lưới địa kỹ thuật PET cường độ 300/300 k N/m	m2	TCCS 01:2021	5x100	Công ty TNHH Xuất nhập khẩu Thái Châu (đc: Lô F7, đường số 1, KCN Hải Sơn, xã Đức Hoà, tỉnh Tây Ninh - 0939 595 299). Công văn đề nghị công bố giá số 072026/CV -TC ngày 01/07/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến chân công trình	(Mức giá đăng ký này thực hiện từ ngày 01/07/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	135.000	135.000	135.000	135.000	135.000	135.000	135.000	135.000	135.000	135.000	135.000	135.000	135.000	135.000
2094	Vật liệu khác	Lưới địa kỹ thuật PET cường độ 400/400 k N/m	m2	TCCS 01:2021	5x50	Công ty TNHH Xuất nhập khẩu Thái Châu (đc: Lô F7, đường số 1, KCN Hải Sơn, xã Đức Hoà, tỉnh Tây Ninh - 0939 595 299). Công văn đề nghị công bố giá số 072026/CV -TC ngày 01/07/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến chân công trình	(Mức giá đăng ký này thực hiện từ ngày 01/07/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	182.000	182.000	182.000	182.000	182.000	182.000	182.000	182.000	182.000	182.000	182.000	182.000	182.000	182.000
2095	Vật liệu khác	Lưới địa kỹ thuật PET cường độ 100/50 k N/m	m2	TCCS 01:2021	5x200	Công ty TNHH Xuất nhập khẩu Thái Châu (đc: Lô F7, đường số 1, KCN Hải Sơn, xã Đức Hoà, tỉnh Tây Ninh - 0939 595 299). Công văn đề nghị công bố giá số 072026/CV -TC ngày 01/07/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến chân công trình	(Mức giá đăng ký này thực hiện từ ngày 01/07/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	35.400	35.400	35.400	35.400	35.400	35.400	35.400	35.400	35.400	35.400	35.400	35.400	35.400	35.400
2096	Vật liệu khác	Lưới địa kỹ thuật PET cường độ 200/50 k N/m	m2	TCCS 01:2021	5x100	Công ty TNHH Xuất nhập khẩu Thái Châu (đc: Lô F7, đường số 1, KCN Hải Sơn, xã Đức Hoà, tỉnh Tây Ninh - 0939 595 299). Công văn đề nghị công bố giá số 072026/CV -TC ngày 01/07/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến chân công trình	(Mức giá đăng ký này thực hiện từ ngày 01/07/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	56.000	56.000	56.000	56.000	56.000	56.000	56.000	56.000	56.000	56.000	56.000	56.000	56.000	56.000
2097	Vật liệu khác	Lưới địa kỹ thuật PET cường độ 300/50 k N/m	m2	TCCS 01:2021	5x100	Công ty TNHH Xuất nhập khẩu Thái Châu (đc: Lô F7, đường số 1, KCN Hải Sơn, xã Đức Hoà, tỉnh Tây Ninh - 0939 595 299). Công văn đề nghị công bố giá số 072026/CV -TC ngày 01/07/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến chân công trình	(Mức giá đăng ký này thực hiện từ ngày 01/07/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	89.000	89.000	89.000	89.000	89.000	89.000	89.000	89.000	89.000	89.000	89.000	89.000	89.000	89.000
2098	Vật liệu khác	Lưới địa kỹ thuật PET cường độ 400/50 k N/m	m2	TCCS 01:2021	5x100	Công ty TNHH Xuất nhập khẩu Thái Châu (đc: Lô F7, đường số 1, KCN Hải Sơn, xã Đức Hoà, tỉnh Tây Ninh - 0939 595 299). Công văn đề nghị công bố giá số 072026/CV -TC ngày 01/07/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến chân công trình	(Mức giá đăng ký này thực hiện từ ngày 01/07/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	110.000	110.000	110.000	110.000	110.000	110.000	110.000	110.000	110.000	110.000	110.000	110.000	110.000	110.000
2099	Vật liệu khác	Lưới địa cốt sợi thuỷ tinh cường độ 50/50 k N/m	m2	TCCS 38:2022	5x200	Công ty TNHH Xuất nhập khẩu Thái Châu (đc: Lô F7, đường số 1, KCN Hải Sơn, xã Đức Hoà, tỉnh Tây Ninh - 0939 595 299). Công văn đề nghị công bố giá số 072026/CV -TC ngày 01/07/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến chân công trình	(Mức giá đăng ký này thực hiện từ ngày 01/07/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	21.700	21.700	21.700	21.700	21.700	21.700	21.700	21.700	21.700	21.700	21.700	21.700	21.700	21.700
2100	Vật liệu khác	Lưới địa cốt sợi thuỷ tinh cường độ 100/100 k N/m	m2	TCCS 38:2022	5x100	Công ty TNHH Xuất nhập khẩu Thái Châu (đc: Lô F7, đường số 1, KCN Hải Sơn, xã Đức Hoà, tỉnh Tây Ninh - 0939 595 299). Công văn đề nghị công bố giá số 072026/CV -TC ngày 01/07/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến chân công trình	(Mức giá đăng ký này thực hiện từ ngày 01/07/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	32.200	32.200	32.200	32.200	32.200	32.200	32.200	32.200	32.200	32.200	32.200	32.200	32.200	32.200
2101	Vật liệu khác	Lưới địa cốt sợi thuỷ tinh cường độ 200/200 k N/m	m2	TCCS 38:2022	5x100	Công ty TNHH Xuất nhập khẩu Thái Châu (đc: Lô F7, đường số 1, KCN Hải Sơn, xã Đức Hoà, tỉnh Tây Ninh - 0939 595 299). Công văn đề nghị công bố giá số 072026/CV -TC ngày 01/07/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến chân công trình	(Mức giá đăng ký này thực hiện từ ngày 01/07/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	84.000	84.000	84.000	84.000	84.000	84.000	84.000	84.000	84.000	84.000	84.000	84.000	84.000	84.000
2102	Vật liệu khác	Bấc thấm đứng APT-T7A	m	TCVN 9844:2013	300m	Công ty TNHH Xuất nhập khẩu Thái Châu (đc: Lô F7, đường số 1, KCN Hải Sơn, xã Đức Hoà, tỉnh Tây Ninh - 0939 595 299). Công văn đề nghị công bố giá số 072026/CV -TC ngày 01/07/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến chân công trình	(Mức giá đăng ký này thực hiện từ ngày 01/07/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá bán tăng	3.600	3.600	3.600	3.600	3.600	3.600	3.600	3.600	3.600	3.600	3.600	3.600	3.600	3.600
2103	Vật liệu khác	Bấc thấm đứng APT-T7A	m	TCVN 9355:2013	300m	Công ty TNHH Xuất nhập khẩu Thái Châu (đc: Lô F7, đường số 1, KCN Hải Sơn, xã Đức Hoà, tỉnh Tây Ninh - 0939 595 299). Công văn đề nghị công bố giá số 072026/CV -TC ngày 01/07/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến chân công trình	(Mức giá đăng ký này thực hiện từ ngày 01/07/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá không đổi	3.700	3.700	3.700	3.700	3.700	3.700	3.700	3.700	3.700	3.700	3.700	3.700	3.700	3.700
2104	Vật liệu khác	Bấc thấm ngang APT-T200	m	TCVN 9355:2013	50m	Công ty TNHH Xuất nhập khẩu Thái Châu (đc: Lô F7, đường số 1, KCN Hải Sơn, xã Đức Hoà, tỉnh Tây Ninh - 0939 595 299). Công văn đề nghị công bố giá số 072026/CV -TC ngày 01/07/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến chân công trình	(Mức giá đăng ký này thực hiện từ ngày 01/07/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá không đổi	25.300	25.300	25.300	25.300	25.300	25.300	25.300	25.300	25.300	25.300	25.300	25.300	25.300	25.300
2105	Vật liệu khác	Bấc thấm ngang APT-T300	m	TCVN 9355:2013	50m	Công ty TNHH Xuất nhập khẩu Thái Châu (đc: Lô F7, đường số 1, KCN Hải Sơn, xã Đức Hoà, tỉnh Tây Ninh - 0939 595 299). Công văn đề nghị công bố giá số 072026/CV -TC ngày 01/07/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến chân công trình	(Mức giá đăng ký này thực hiện từ ngày 01/07/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá không đổi	33.000	33.000	33.000	33.000	33.000	33.000	33.000	33.000	33.000	33.000	33.000	33.000	33.000	33.000

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng) (đồng)														
												Khu vực Tân An	Khu vực Tân Trụ	Khu vực Châu Thành	Khu vực Thủ Thừa	Khu vực Bến Lức	Khu vực Cần Giuộc	Khu vực Cần Đước	Khu vực Tân Thạnh	Khu vực Thạnh Hóa	Khu vực Tân Hưng	Khu vực Vĩnh Hưng	Khu vực Kiến Tường	Khu vực Mộc Hóa	Khu vực Đức Hòa	Khu vực Đức Huệ
2106	Vật liệu khác	Ống địa kỹ thuật Geotube APT G135 chu vi 9,42m2	m	TCVN 9355:2013	chu vi 9,42m2	Công ty TNHH Xuất nhập khẩu Thái Châu (đc: Lô F7, đường số 1, KCN Hải Sơn, xã Đức Hoà, tỉnh Tây Ninh - 0939 595 299). Công văn đề nghị công bố giá số 072026/CV -TC ngày 01/07/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến chân công trình	(Mức giá đăng ký này thực hiện từ ngày 01/07/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá bán tăng	1.950.000	1.950.000	1.950.000	1.950.000	1.950.000	1.950.000	1.950.000	1.950.000	1.950.000	1.950.000	1.950.000	1.950.000	1.950.000	1.950.000	1.950.000
2107	Vật liệu khác	Ống địa kỹ thuật Geotube APT G135 chu vi 12,6m2	m	TCVN 13565:2022	chu vi 1,26m2	Công ty TNHH Xuất nhập khẩu Thái Châu (đc: Lô F7, đường số 1, KCN Hải Sơn, xã Đức Hoà, tỉnh Tây Ninh - 0939 595 299). Công văn đề nghị công bố giá số 072026/CV -TC ngày 01/07/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến chân công trình	(Mức giá đăng ký này thực hiện từ ngày 01/07/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá không đổi	2.925.000	2.925.000	2.925.000	2.925.000	2.925.000	2.925.000	2.925.000	2.925.000	2.925.000	2.925.000	2.925.000	2.925.000	2.925.000	2.925.000	2.925.000
2108	Vật liệu khác	Ống địa kỹ thuật Geotube APT G200 chu vi 15,7m2	m	TCVN 13565:2022	chu vi 15,7m2	Công ty TNHH Xuất nhập khẩu Thái Châu (đc: Lô F7, đường số 1, KCN Hải Sơn, xã Đức Hoà, tỉnh Tây Ninh - 0939 595 299). Công văn đề nghị công bố giá số 072026/CV -TC ngày 01/07/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến chân công trình	(Mức giá đăng ký này thực hiện từ ngày 01/07/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá không đổi	4.875.000	4.875.000	4.875.000	4.875.000	4.875.000	4.875.000	4.875.000	4.875.000	4.875.000	4.875.000	4.875.000	4.875.000	4.875.000	4.875.000	4.875.000
2109	Vật liệu khác	Bao địa kỹ thuật Geobag 300GR (0.8mx0.8m)	cái	TCVN 13565:2022	0,8m*0,8m	Công ty TNHH Xuất nhập khẩu Thái Châu (đc: Lô F7, đường số 1, KCN Hải Sơn, xã Đức Hoà, tỉnh Tây Ninh - 0939 595 299). Công văn đề nghị công bố giá số 072026/CV -TC ngày 01/07/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến chân công trình	(Mức giá đăng ký này thực hiện từ ngày 01/07/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá bán tăng	166.400	166.400	166.400	166.400	166.400	166.400	166.400	166.400	166.400	166.400	166.400	166.400	166.400	166.400	166.400
2110	Vật liệu khác	Bao địa kỹ thuật Geobag 600GR (1.5mx2.5m)	cái	TCVN 9844:2013	1,5m*2,5m	Công ty TNHH Xuất nhập khẩu Thái Châu (đc: Lô F7, đường số 1, KCN Hải Sơn, xã Đức Hoà, tỉnh Tây Ninh - 0939 595 299). Công văn đề nghị công bố giá số 072026/CV -TC ngày 01/07/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến chân công trình	(Mức giá đăng ký này thực hiện từ ngày 01/07/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá không đổi	1.445.000	1.445.000	1.445.000	1.445.000	1.445.000	1.445.000	1.445.000	1.445.000	1.445.000	1.445.000	1.445.000	1.445.000	1.445.000	1.445.000	1.445.000
2111	Vật liệu khác	Ô địa kỹ thuật APT Geocell 330	m2	TCVN 9844:2013	H-100	Công ty TNHH Xuất nhập khẩu Thái Châu (đc: Lô F7, đường số 1, KCN Hải Sơn, xã Đức Hoà, tỉnh Tây Ninh - 0939 595 299). Công văn đề nghị công bố giá số 072026/CV -TC ngày 01/07/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến chân công trình	(Mức giá đăng ký này thực hiện từ ngày 01/07/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá không đổi	105.300	105.300	105.300	105.300	105.300	105.300	105.300	105.300	105.300	105.300	105.300	105.300	105.300	105.300	105.300
2112	Vật liệu khác	Ô địa kỹ thuật APT Geocell 445	m2	TCVN 10544:2014	H-150	Công ty TNHH Xuất nhập khẩu Thái Châu (đc: Lô F7, đường số 1, KCN Hải Sơn, xã Đức Hoà, tỉnh Tây Ninh - 0939 595 299). Công văn đề nghị công bố giá số 072026/CV -TC ngày 01/07/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến chân công trình	(Mức giá đăng ký này thực hiện từ ngày 01/07/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá không đổi	105.300	105.300	105.300	105.300	105.300	105.300	105.300	105.300	105.300	105.300	105.300	105.300	105.300	105.300	105.300
2113	Vật liệu khác	Ô địa kỹ thuật APT Geocell 660	m2	TCVN 10544:2014	H-100	Công ty TNHH Xuất nhập khẩu Thái Châu (đc: Lô F7, đường số 1, KCN Hải Sơn, xã Đức Hoà, tỉnh Tây Ninh - 0939 595 299). Công văn đề nghị công bố giá số 072026/CV -TC ngày 01/07/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến chân công trình	(Mức giá đăng ký này thực hiện từ ngày 01/07/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá không đổi	52.000	52.000	52.000	52.000	52.000	52.000	52.000	52.000	52.000	52.000	52.000	52.000	52.000	52.000	52.000
2114	Vật liệu khác	Màng HDPE khổ 6x50m/8x50m(RxD) dày 0.3mm	m2	GRI-GCL3	0,3mm	Công ty TNHH Xuất nhập khẩu Thái Châu (đc: Lô F7, đường số 1, KCN Hải Sơn, xã Đức Hoà, tỉnh Tây Ninh - 0939 595 299). Công văn đề nghị công bố giá số 072026/CV -TC ngày 01/07/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến chân công trình	(Mức giá đăng ký này thực hiện từ ngày 01/07/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá không đổi	18.000	18.000	18.000	18.000	18.000	18.000	18.000	18.000	18.000	18.000	18.000	18.000	18.000	18.000	18.000

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng) (đồng)														
												Khu vực Tân An	Khu vực Tân Trụ	Khu vực Châu Thành	Khu vực Thủ Thừa	Khu vực Bến Lức	Khu vực Cần Giuộc	Khu vực Cần Đước	Khu vực Tân Thạnh	Khu vực Thạnh Hóa	Khu vực Tân Hưng	Khu vực Vĩnh Hưng	Khu vực Kiến Tường	Khu vực Mộc Hóa	Khu vực Đức Hòa	Khu vực Đức Huệ
2115	Vật liệu khác	Màng HDPE khổ 6x50m/8x50m(RxD) dày 0.4mm	m2	GRI-GM13	0,4mm	Công ty TNHH Xuất nhập khẩu Thái Châu (đc: Lô F7, đường số 1, KCN Hải Sơn, xã Đức Hoà, tỉnh Tây Ninh - 0939 595 299). Công văn đề nghị công bố giá số 072026/CV -TC ngày 01/07/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến chân công trình	(Mức giá đăng ký này thực hiện từ ngày 01/07/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá không đổi	23.700	23.700	23.700	23.700	23.700	23.700	23.700	23.700	23.700	23.700	23.700	23.700	23.700	23.700
2116	Vật liệu khác	Màng HDPE khổ 6x50m/8x50m(RxD) dày 0.5mm	m2	GRI-GM13	0.5mm	Công ty TNHH Xuất nhập khẩu Thái Châu (đc: Lô F7, đường số 1, KCN Hải Sơn, xã Đức Hoà, tỉnh Tây Ninh - 0939 595 299). Công văn đề nghị công bố giá số 072026/CV -TC ngày 01/07/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến chân công trình	(Mức giá đăng ký này thực hiện từ ngày 01/07/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá không đổi	30.000	30.000	30.000	30.000	30.000	30.000	30.000	30.000	30.000	30.000	30.000	30.000	30.000	30.000
2117	Vật liệu khác	Màng HDPE khổ 6x50m/8x50m(RxD) dày 0.75mm	m2	GRI-GM13	0.75mm	Công ty TNHH Xuất nhập khẩu Thái Châu (đc: Lô F7, đường số 1, KCN Hải Sơn, xã Đức Hoà, tỉnh Tây Ninh - 0939 595 299). Công văn đề nghị công bố giá số 072026/CV -TC ngày 01/07/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến chân công trình	(Mức giá đăng ký này thực hiện từ ngày 01/07/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá bán tăng	45.200	45.200	45.200	45.200	45.200	45.200	45.200	45.200	45.200	45.200	45.200	45.200	45.200	45.200
2118	Vật liệu khác	Màng HDPE khổ 7x210m/8x50m(RxD) dày 1.0mm	m2	GRI-GM13	1.0mm	Công ty TNHH Xuất nhập khẩu Thái Châu (đc: Lô F7, đường số 1, KCN Hải Sơn, xã Đức Hoà, tỉnh Tây Ninh - 0939 595 299). Công văn đề nghị công bố giá số 072026/CV -TC ngày 01/07/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến chân công trình	(Mức giá đăng ký này thực hiện từ ngày 01/07/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá không đổi	61.200	61.200	61.200	61.200	61.200	61.200	61.200	61.200	61.200	61.200	61.200	61.200	61.200	61.200
2119	Vật liệu khác	Màng HDPE khổ 7x140m(RxD) dày 1.5mm	m2	GRI-GM13	1.5mm	Công ty TNHH Xuất nhập khẩu Thái Châu (đc: Lô F7, đường số 1, KCN Hải Sơn, xã Đức Hoà, tỉnh Tây Ninh - 0939 595 299). Công văn đề nghị công bố giá số 072026/CV -TC ngày 01/07/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến chân công trình	(Mức giá đăng ký này thực hiện từ ngày 01/07/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá không đổi	92.000	92.000	92.000	92.000	92.000	92.000	92.000	92.000	92.000	92.000	92.000	92.000	92.000	92.000
2120	Vật liệu khác	Màng HDPE khổ 7x105(RxD) dày 2mm	m2	GRI-GM13	2mm	Công ty TNHH Xuất nhập khẩu Thái Châu (đc: Lô F7, đường số 1, KCN Hải Sơn, xã Đức Hoà, tỉnh Tây Ninh - 0939 595 299). Công văn đề nghị công bố giá số 072026/CV -TC ngày 01/07/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến chân công trình	(Mức giá đăng ký này thực hiện từ ngày 01/07/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá không đổi	122.200	122.200	122.200	122.200	122.200	122.200	122.200	122.200	122.200	122.200	122.200	122.200	122.200	122.200
2121	Vật liệu khác	Vải địa kỹ thuật không dệt sợi dài liên tục - Polyfelt TS 20 cường độ chịu kéo 9,5kN/m	m²	ISO/IEC 17025, TCVN 8871:2011	4m x 250m	Công Ty Cổ Phần Sản Xuất Thương Mại Liên Phát. Địa chỉ nhà máy sản xuất: số 648 đường Thanh Niên, ấp 74 xã Vĩnh Lộc, TP. Hồ Chí Minh - Đt: 0906 740 499 - 0962486010. (Công văn đề nghị công bố giá số 260601-02/LP-CV, ngày 01 tháng 06 năm 2026)	Malaysia	Giá đã bao gồm chi phí vận chuyển; chưa bao gồm và chi phí thí nghiệm, áp dụng cho số lượng nguyên cuộn, nếu cắt lẻ thì đơn giá trên được cộng	Đơn giá đã bao gồm chi phí vận chuyển; chưa bao gồm chi phí thí nghiệm	Mức giá kê khai này thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	21.542	21.542	21.542	21.542	21.542	21.542	21.542	21.542	21.542	21.542	21.542	21.542	21.542	21.542
2122	Vật liệu khác	Vải địa kỹ thuật không dệt sợi dài liên tục - Polyfelt TS 30 cường độ chịu kéo 11,5kN/m	m²	ISO/IEC 17025, TCVN 8871:2011	4m x 225m	Công Ty Cổ Phần Sản Xuất Thương Mại Liên Phát. Địa chỉ nhà máy sản xuất: số 648 đường Thanh Niên, ấp 74 xã Vĩnh Lộc, TP. Hồ Chí Minh - Đt: 0906 740 499 - 0962486010. (Công văn đề nghị công bố giá số 260601-02/LP-CV, ngày 01 tháng 06 năm 2026)	Malaysia	Giá đã bao gồm chi phí vận chuyển; chưa bao gồm và chi phí thí nghiệm, áp dụng cho số lượng nguyên cuộn, nếu cắt lẻ thì đơn giá trên được cộng thêm 1.000đ/m²	Đơn giá đã bao gồm chi phí vận chuyển; chưa bao gồm chi phí thí nghiệm	Mức giá kê khai này thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	24.434	24.434	24.434	24.434	24.434	24.434	24.434	24.434	24.434	24.434	24.434	24.434	24.434	24.434
2123	Vật liệu khác	Vải địa kỹ thuật không dệt sợi dài liên tục - Polyfelt TS 40 cường độ chịu kéo 13,5kN/m	m²	ISO/IEC 17025, TCVN 8871:2011	4m x 200m	Công Ty Cổ Phần Sản Xuất Thương Mại Liên Phát. Địa chỉ nhà máy sản xuất: số 648 đường Thanh Niên, ấp 74 xã Vĩnh Lộc, TP. Hồ Chí Minh - Đt: 0906 740 499 - 0962486010. (Công văn đề nghị công bố giá số 260601-02/LP-CV, ngày 01 tháng 06 năm 2026)	Malaysia	Giá đã bao gồm chi phí vận chuyển; chưa bao gồm và chi phí thí nghiệm, áp dụng cho số lượng nguyên cuộn, nếu cắt lẻ thì đơn giá trên được cộng thêm 1.000đ/m²	Đơn giá đã bao gồm chi phí vận chuyển; chưa bao gồm chi phí thí nghiệm	Mức giá kê khai này thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	27.183	27.183	27.183	27.183	27.183	27.183	27.183	27.183	27.183	27.183	27.183	27.183	27.183	27.183
2124	Vật liệu khác	Vải địa kỹ thuật không dệt sợi dài liên tục - Polyfelt TS 50 cường độ chịu kéo 15,0kN/m	m²	ISO/IEC 17025, TCVN 8871:2011	4m x 175m	Công Ty Cổ Phần Sản Xuất Thương Mại Liên Phát. Địa chỉ nhà máy sản xuất: số 648 đường Thanh Niên, ấp 74 xã Vĩnh Lộc, TP. Hồ Chí Minh - Đt: 0906 740 499 - 0962486010. (Công văn đề nghị công bố giá số 260601-02/LP-CV, ngày 01 tháng 06 năm 2026)	Malaysia	Giá đã bao gồm chi phí vận chuyển; chưa bao gồm và chi phí thí nghiệm, áp dụng cho số lượng nguyên cuộn, nếu cắt lẻ thì đơn giá trên được cộng thêm 1.000đ/m²	Đơn giá đã bao gồm chi phí vận chuyển; chưa bao gồm chi phí thí nghiệm	Mức giá kê khai này thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	30.658	30.658	30.658	30.658	30.658	30.658	30.658	30.658	30.658	30.658	30.658	30.658	30.658	30.658
2125	Vật liệu khác	Vải địa kỹ thuật không dệt sợi dài liên tục - Polyfelt TS 60 cường độ chịu kéo 19,0kN/m	m²	ISO/IEC 17025, TCVN 8871:2011	4m x 135m	Công Ty Cổ Phần Sản Xuất Thương Mại Liên Phát. Địa chỉ nhà máy sản xuất: số 648 đường Thanh Niên, ấp 74 xã Vĩnh Lộc, TP. Hồ Chí Minh - Đt: 0906 740 499 - 0962486010. (Công văn đề nghị công bố giá số 260601-02/LP-CV, ngày 01 tháng 06 năm 2026)	Malaysia	Giá đã bao gồm chi phí vận chuyển; chưa bao gồm và chi phí thí nghiệm, áp dụng cho số lượng nguyên cuộn, nếu cắt lẻ thì đơn giá trên được cộng thêm 1.000đ/m²	Đơn giá đã bao gồm chi phí vận chuyển; chưa bao gồm chi phí thí nghiệm	Mức giá kê khai này thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	38.954	38.954	38.954	38.954	38.954	38.954	38.954	38.954	38.954	38.954	38.954	38.954	38.954	38.954
2126	Vật liệu khác	Vải địa kỹ thuật không dệt sợi dài liên tục - Polyfelt TS 65 cường độ chịu kéo 21,5kN/m	m²	ISO/IEC 17025, TCVN 8871:2011	4m x 125m	Công Ty Cổ Phần Sản Xuất Thương Mại Liên Phát. Địa chỉ nhà máy sản xuất: số 648 đường Thanh Niên, ấp 74 xã Vĩnh Lộc, TP. Hồ Chí Minh - Đt: 0906 740 499 - 0962486010. (Công văn đề nghị công bố giá số 260601-02/LP-CV, ngày 01 tháng 06 năm 2026)	Malaysia	Giá đã bao gồm chi phí vận chuyển; chưa bao gồm và chi phí thí nghiệm, áp dụng cho số lượng nguyên cuộn, nếu cắt lẻ thì đơn giá trên được cộng thêm 1.000đ/m²	Đơn giá đã bao gồm chi phí vận chuyển; chưa bao gồm chi phí thí nghiệm	Mức giá kê khai này thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	40.862	40.862	40.862	40.862	40.862	40.862	40.862	40.862	40.862	40.862	40.862	40.862	40.862	40.862
2127	Vật liệu khác	Vải địa kỹ thuật không dệt sợi dài liên tục - Polyfelt TS 70 cường độ chịu kéo 24,0kN/m	m²	ISO/IEC 17025, TCVN 8871:2011	4m x 100m	Công Ty Cổ Phần Sản Xuất Thương Mại Liên Phát. Địa chỉ nhà máy sản xuất: số 648 đường Thanh Niên, ấp 74 xã Vĩnh Lộc, TP. Hồ Chí Minh - Đt: 0906 740 499 - 0962486010. (Công văn đề nghị công bố giá số 260601-02/LP-CV, ngày 01 tháng 06 năm 2026)	Malaysia	Giá đã bao gồm chi phí vận chuyển; chưa bao gồm và chi phí thí nghiệm, áp dụng cho số lượng nguyên cuộn, nếu cắt lẻ thì đơn giá trên được cộng thêm 1.000đ/m²	Đơn giá đã bao gồm chi phí vận chuyển; chưa bao gồm chi phí thí nghiệm	Mức giá kê khai này thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	47.261	47.261	47.261	47.261	47.261	47.261	47.261	47.261	47.261	47.261	47.261	47.261	47.261	47.261

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng) (đồng)													
												Khu vực Tân An	Khu vực Tân Trụ	Khu vực Châu Thành	Khu vực Thủ Thừa	Khu vực Bến Lức	Khu vực Cần Giuộc	Khu vực Cần Đước	Khu vực Tân Thạnh	Khu vực Thạnh Hóa	Khu vực Tân Hưng	Khu vực Vĩnh Hưng	Khu vực Kiến Tường	Khu vực Mộc Hóa	Khu vực Đức Hòa	Khu vực Đức Huệ
2128	Vật liệu khác	Vải địa kỹ thuật không dệt sợi dài liên tục - Polyfelt TS 80 cường độ chịu kéo 28,0kN/m	m²	ISO/IEC 17025, TCVN 8871:2011	4m x 90m	Công Ty Cổ Phần Sản Xuất Thương Mại Liên Phát. Địa chỉ nhà máy sản xuất: số 648 đường Thanh Niên, ấp 74 xã Vĩnh Lộc, TP. Hồ Chí Minh - Đt: 0906 740 499 - 0962486010. (Công văn đề nghị công bố giá số 260601-02/LP-CV, ngày 01 tháng 06 năm 2026)	Malaysia	Giá đã bao gồm chi phí vận chuyển; chưa bao gồm và chi phí thí nghiệm, áp dụng cho số lượng nguyên cuộn, nếu cắt lẻ thì đơn giá trên được cộng thêm 1.000đ/m²	Đơn giá đã bao gồm chi phí vận chuyển; chưa bao gồm chi phí thí nghiệm	Mức giá kê khai này thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	60.882	60.882	60.882	60.882	60.882	60.882	60.882	60.882	60.882	60.882	60.882	60.882	60.882	60.882
2129	Vật liệu khác	Rọ và thảm đá bọc nhựa PVC, loại P8(8x10)cm - Dây đan 2.2/3.2 mm-Dây viền 2.7/3.7 mm	m²	TCVN 10335:2014 và TCVN 2053:1993		Công Ty Cổ Phần Sản Xuất Thương Mại Liên Phát. Địa chỉ nhà máy sản xuất: số 648 đường Thanh Niên, ấp 74 xã Vĩnh Lộc, TP. Hồ Chí Minh - Đt: 0906 740 499 - 0962486010. (Công văn đề nghị công bố giá số 260601-02/LP-CV, ngày 01 tháng 06 năm 2026)	Việt Nam	Giá đã bao gồm chi phí vận chuyển; chưa bao gồm và chi phí thí nghiệm, áp dụng cho số lượng nguyên cuộn, nếu cắt lẻ thì đơn giá trên được cộng thêm 1.000đ/m²	Đơn giá đã bao gồm chi phí vận chuyển; chưa bao gồm chi phí thí nghiệm	Mức giá kê khai này thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	50.317	50.317	50.317	50.317	50.317	50.317	50.317	50.317	50.317	50.317	50.317	50.317	50.317	50.317
2130	Vật liệu khác	Rọ và thảm đá bọc nhựa PVC, loại P8(8x10)cm- Dây đan 2.4/3.4 mm-Dây viền 3.0/4.0 mm	m²	TCVN 10335:2014 và TCVN 2053:1993		Công Ty Cổ Phần Sản Xuất Thương Mại Liên Phát. Địa chỉ nhà máy sản xuất: số 648 đường Thanh Niên, ấp 74 xã Vĩnh Lộc, TP. Hồ Chí Minh - Đt: 0906 740 499 - 0962486010. (Công văn đề nghị công bố giá số 260601-02/LP-CV, ngày 01 tháng 06 năm 2026)	Việt Nam	Giá đã bao gồm chi phí vận chuyển; chưa bao gồm và chi phí thí nghiệm, áp dụng cho số lượng nguyên cuộn, nếu cắt lẻ thì đơn giá trên được cộng thêm 1.000đ/m²	Đơn giá đã bao gồm chi phí vận chuyển; chưa bao gồm chi phí thí nghiệm	Mức giá kê khai này thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	53.621	53.621	53.621	53.621	53.621	53.621	53.621	53.621	53.621	53.621	53.621	53.621	53.621	53.621
2131	Vật liệu khác	Rọ và thảm đá bọc nhựa PVC, loại P8(8x10)cm- Dây đan 2.7/3.7 mm-Dây viền 3.4/4.4 mm	m²	TCVN 10335:2014 và TCVN 2053:1993		Công Ty Cổ Phần Sản Xuất Thương Mại Liên Phát. Địa chỉ nhà máy sản xuất: số 648 đường Thanh Niên, ấp 74 xã Vĩnh Lộc, TP. Hồ Chí Minh - Đt: 0906 740 499 - 0962486010. (Công văn đề nghị công bố giá số 260601-02/LP-CV, ngày 01 tháng 06 năm 2026)	Việt Nam	Giá đã bao gồm chi phí vận chuyển; chưa bao gồm và chi phí thí nghiệm, áp dụng cho số lượng nguyên cuộn, nếu cắt lẻ thì đơn giá trên được cộng thêm 1.000đ/m²	Đơn giá đã bao gồm chi phí vận chuyển; chưa bao gồm chi phí thí nghiệm	Mức giá kê khai này thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	63.019	63.019	63.019	63.019	63.019	63.019	63.019	63.019	63.019	63.019	63.019	63.019	63.019	63.019
2132	Vật liệu khác	Rọ và thảm đá bọc nhựa PVC, loại P10(10x12)cm - Dây đan 2.2/3.2 mm-Dây viền 2.7/3.7 mm	m²	TCVN 10335:2014 và TCVN 2053:1993		Công Ty Cổ Phần Sản Xuất Thương Mại Liên Phát. Địa chỉ nhà máy sản xuất: số 648 đường Thanh Niên, ấp 74 xã Vĩnh Lộc, TP. Hồ Chí Minh - Đt: 0906 740 499 - 0962486010. (Công văn đề nghị công bố giá số 260601-02/LP-CV, ngày 01 tháng 06 năm 2026)	Việt Nam	Giá đã bao gồm chi phí vận chuyển; chưa bao gồm và chi phí thí nghiệm, áp dụng cho số lượng nguyên cuộn, nếu cắt lẻ thì đơn giá trên được cộng thêm 1.000đ/m²	Đơn giá đã bao gồm chi phí vận chuyển; chưa bao gồm chi phí thí nghiệm	Mức giá kê khai này thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	46.998	46.998	46.998	46.998	46.998	46.998	46.998	46.998	46.998	46.998	46.998	46.998	46.998	46.998
2133	Vật liệu khác	Rọ và thảm đá bọc nhựa PVC, loại P10(10x12)cm- Dây đan 2.4/3.4 mm-Dây viền 2.7/3.7 mm	m²	TCVN 10335:2014 và TCVN 2053:1993		Công Ty Cổ Phần Sản Xuất Thương Mại Liên Phát. Địa chỉ nhà máy sản xuất: số 648 đường Thanh Niên, ấp 74 xã Vĩnh Lộc, TP. Hồ Chí Minh - Đt: 0906 740 499 - 0962486010. (Công văn đề nghị công bố giá số 260601-02/LP-CV, ngày 01 tháng 06 năm 2026)	Việt Nam	Giá đã bao gồm chi phí vận chuyển; chưa bao gồm và chi phí thí nghiệm, áp dụng cho số lượng nguyên cuộn, nếu cắt lẻ thì đơn giá trên được cộng thêm 1.000đ/m²	Đơn giá đã bao gồm chi phí vận chuyển; chưa bao gồm chi phí thí nghiệm	Mức giá kê khai này thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	50.414	50.414	50.414	50.414	50.414	50.414	50.414	50.414	50.414	50.414	50.414	50.414	50.414	50.414
2134	Vật liệu khác	Rọ và thảm đá bọc nhựa PVC, loại P10(10x12)cm- Dây đan 2.7/3.7 mm-Dây viền 3.4/4.4 mm	m²	TCVN 10335:2014 và TCVN 2053:1993		Công Ty Cổ Phần Sản Xuất Thương Mại Liên Phát. Địa chỉ nhà máy sản xuất: số 648 đường Thanh Niên, ấp 74 xã Vĩnh Lộc, TP. Hồ Chí Minh - Đt: 0906 740 499 - 0962486010. (Công văn đề nghị công bố giá số 260601-02/LP-CV, ngày 01 tháng 06 năm 2026)	Việt Nam	Giá đã bao gồm chi phí vận chuyển; chưa bao gồm và chi phí thí nghiệm, áp dụng cho số lượng nguyên cuộn, nếu cắt lẻ thì đơn giá trên được cộng thêm 1.000đ/m²	Đơn giá đã bao gồm chi phí vận chuyển; chưa bao gồm chi phí thí nghiệm	Mức giá kê khai này thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	55.453	55.453	55.453	55.453	55.453	55.453	55.453	55.453	55.453	55.453	55.453	55.453	55.453	55.453
2135	Vật liệu khác	**CỬA DI, CỬA SỔ (NHÔM ĐẠI TÂN THÀNH).Phụ kiện DTTLUX. Kính cường lực 8ly**				Công ty TNHH SX TM Xuất nhập khẩu Đại Tân Thành. địa chỉ: Lô R1-R2-R41 Đường số 7, KCN Hải Sơn (GĐ 3+4) mở rộng, xã Đức Hòa , tỉnh Tây Ninh Công văn đề nghị công bố giá số 01/2026/SXDTN/DTT ngày 25 tháng 6 năm 2026	Việt Nam	(Giá áp dụng đối với kính cường lực 8mm; độ dày tăng thêm 2mm cộng thêm 120.000đ/m2. Giá chưa bao gồm chi phí thi công lắp đặt)	Chân công trình trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá kê khai này thực hiện từ ngày 25 / 6 / 2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
2136	Vật liệu khác	Cửa đi 1 cánh mở quay trong/ngoài biên dạng hệ ĐTT - 55 liền nẹp,	m2	TCVN 9366:2012	đô dày trung bình cánh 2mm, khung bao 2mm. Màu sơn tĩnh điện (Nâu cà phê, xám, trắng sữa, đen,….)	Công ty TNHH SX TM Xuất nhập khẩu Đại Tân Thành. địa chỉ: Lô R1-R2-R41 Đường số 7, KCN Hải Sơn (GĐ 3+4) mở rộng, xã Đức Hòa , tỉnh Tây Ninh Công văn đề nghị công bố giá số 01/2026/SXDTN/DTT ngày 25 tháng 6 năm 2026	Việt Nam	(Giá áp dụng đối với kính cường lực 8mm; độ dày tăng thêm 2mm cộng thêm 120.000đ/m2. Giá chưa bao gồm chi phí thi công lắp đặt)	Chân công trình trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá kê khai này thực hiện từ ngày 25 / 6 / 2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	2.730.000	2.730.000	2.730.000	2.730.000	2.730.000	2.730.000	2.730.000	2.730.000	2.730.000	2.730.000	2.730.000	2.730.000	2.730.000	2.730.000
2137	Vật liệu khác	Cửa đi 1 cánh mở quay trong/ngoài biên dạng hệ ĐTT - 55 liền nẹp,	m2	TCVN 9366:2012	đô dày trung bình cánh 2mm, khung bao 2mm. Màu Sơn Vân Gỗ	Công ty TNHH SX TM Xuất nhập khẩu Đại Tân Thành. địa chỉ: Lô R1-R2-R41 Đường số 7, KCN Hải Sơn (GĐ 3+4) mở rộng, xã Đức Hòa , tỉnh Tây Ninh Công văn đề nghị công bố giá số 01/2026/SXDTN/DTT ngày 25 tháng 6 năm 2026	Việt Nam	(Giá áp dụng đối với kính cường lực 8mm; độ dày tăng thêm 2mm cộng thêm 120.000đ/m2. Giá chưa bao gồm chi phí thi công lắp đặt)	Chân công trình trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá kê khai này thực hiện từ ngày 25 / 6 / 2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	3.120.000	3.120.000	3.120.000	3.120.000	3.120.000	3.120.000	3.120.000	3.120.000	3.120.000	3.120.000	3.120.000	3.120.000	3.120.000	3.120.000
2138	Vật liệu khác	Cửa đi 2 cánh mở quay trong/ngoài biên dạng hệ ĐTT - 55 liền nẹp,	m2	TCVN 9366:2012	đô dày trung bình cánh 2mm, khung bao 2mm. Màu sơn tĩnh điện (Nâu cà phê, xám, trắng sữa, đen,….)	Công ty TNHH SX TM Xuất nhập khẩu Đại Tân Thành. địa chỉ: Lô R1-R2-R41 Đường số 7, KCN Hải Sơn (GĐ 3+4) mở rộng, xã Đức Hòa , tỉnh Tây Ninh Công văn đề nghị công bố giá số 01/2026/SXDTN/DTT ngày 25 tháng 6 năm 2026	Việt Nam	(Giá áp dụng đối với kính cường lực 8mm; độ dày tăng thêm 2mm cộng thêm 120.000đ/m2. Giá chưa bao gồm chi phí thi công lắp đặt)	Chân công trình trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá kê khai này thực hiện từ ngày 25 / 6 / 2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	2.795.000	2.795.000	2.795.000	2.795.000	2.795.000	2.795.000	2.795.000	2.795.000	2.795.000	2.795.000	2.795.000	2.795.000	2.795.000	2.795.000
2139	Vật liệu khác	Cửa đi 2 cánh mở quay trong/ngoài biên dạng hệ ĐTT - 55 liền nẹp,	m2	TCVN 9366:2012	đô dày trung bình cánh 2mm, khung bao 2mm. Màu Sơn Vân Gỗ	Công ty TNHH SX TM Xuất nhập khẩu Đại Tân Thành. địa chỉ: Lô R1-R2-R41 Đường số 7, KCN Hải Sơn (GĐ 3+4) mở rộng, xã Đức Hòa , tỉnh Tây Ninh Công văn đề nghị công bố giá số 01/2026/SXDTN/DTT ngày 25 tháng 6 năm 2026	Việt Nam	(Giá áp dụng đối với kính cường lực 8mm; độ dày tăng thêm 2mm cộng thêm 120.000đ/m2. Giá chưa bao gồm chi phí thi công lắp đặt)	Chân công trình trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá kê khai này thực hiện từ ngày 25 / 6 / 2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	3.185.000	3.185.000	3.185.000	3.185.000	3.185.000	3.185.000	3.185.000	3.185.000	3.185.000	3.185.000	3.185.000	3.185.000	3.185.000	3.185.000

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng) (đồng)														
												Khu vực Tân An	Khu vực Tân Trụ	Khu vực Châu Thành	Khu vực Thủ Thừa	Khu vực Bến Lức	Khu vực Cần Giuộc	Khu vực Cần Đước	Khu vực Tân Thạnh	Khu vực Thạnh Hóa	Khu vực Tân Hưng	Khu vực Vĩnh Hưng	Khu vực Kiến Tường	Khu vực Mộc Hóa	Khu vực Đức Hòa	Khu vực Đức Huệ
2140	Vật liệu khác	Cửa đi 4 cánh mở quay trong/ngoài biên dạng hệ ĐTT - 55 liền nẹp, đ	m2	TCVN 9366:2012	ô dày trung bình cánh 2mm, khung bao 2mm. Màu sơn tinh điện (Nâu cà phê, xám, trắng sữa, đen,….)	Công ty TNHH SX TM Xuất nhập khẩu Đại Tân Thành. địa chỉ: Lô R1-R2-R41 Đường số 7, KCN Hải Sơn (GĐ 3+4) mở rộng, xã Đức Hòa , tỉnh Tây Ninh Công văn đề nghị công bố giá số 01/2026/SXDTN/DTT ngày 25 tháng 6 năm 2026	Việt Nam	(Giá áp dụng đối với kính cường lực 8mm; độ dày tăng thêm 2mm cộng thêm 120.000đ/m2. Giá chưa bao gồm chi phí thi công lắp đặt)	Chân công trình trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá kê khai này thực hiện từ ngày 25 / 6 / 2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	2.860.000	2.860.000	2.860.000	2.860.000	2.860.000	2.860.000	2.860.000	2.860.000	2.860.000	2.860.000	2.860.000	2.860.000	2.860.000	2.860.000	2.860.000
2141	Vật liệu khác	Cửa đi 4 cánh mở quay trong/ngoài biên dạng hệ ĐTT - 55 liền nẹp,	m2	TCVN 9366:2012	độ dày trung bình cánh 2mm, khung bao 2mm. Màu Sơn Vân Gỗ	Công ty TNHH SX TM Xuất nhập khẩu Đại Tân Thành. địa chỉ: Lô R1-R2-R41 Đường số 7, KCN Hải Sơn (GĐ 3+4) mở rộng, xã Đức Hòa , tỉnh Tây Ninh Công văn đề nghị công bố giá số 01/2026/SXDTN/DTT ngày 25 tháng 6 năm 2026	Việt Nam	(Giá áp dụng đối với kính cường lực 8mm; độ dày tăng thêm 2mm cộng thêm 120.000đ/m2. Giá chưa bao gồm chi phí thi công lắp đặt)	Chân công trình trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá kê khai này thực hiện từ ngày 25 / 6 / 2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	3.250.000	3.250.000	3.250.000	3.250.000	3.250.000	3.250.000	3.250.000	3.250.000	3.250.000	3.250.000	3.250.000	3.250.000	3.250.000	3.250.000	3.250.000
2142	Vật liệu khác	Cửa sổ 1 cánh mở quay biên dạng hệ ĐTT - 55 liền nẹp,	m2	TCVN 9366:2012	độ dày trung bình cánh 1.4mm, khung bao 1.4mm. Màu sơn tinh điện (Nâu cà phê, xám, trắng sữa, đen,….)	Công ty TNHH SX TM Xuất nhập khẩu Đại Tân Thành. địa chỉ: Lô R1-R2-R41 Đường số 7, KCN Hải Sơn (GĐ 3+4) mở rộng, xã Đức Hòa , tỉnh Tây Ninh Công văn đề nghị công bố giá số 01/2026/SXDTN/DTT ngày 25 tháng 6 năm 2026	Việt Nam	(Giá áp dụng đối với kính cường lực 8mm; độ dày tăng thêm 2mm cộng thêm 120.000đ/m2. Giá chưa bao gồm chi phí thi công lắp đặt)	Chân công trình trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá kê khai này thực hiện từ ngày 25 / 6 / 2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	2.548.000	2.548.000	2.548.000	2.548.000	2.548.000	2.548.000	2.548.000	2.548.000	2.548.000	2.548.000	2.548.000	2.548.000	2.548.000	2.548.000	2.548.000
2143	Vật liệu khác	Cửa sổ 1 cánh mở quay biên dạng hệ ĐTT - 55 liền nẹp,	m2	TCVN 9366:2012	độ dày trung bình cánh 1.4mm, khung bao 1.4mm. Màu Sơn Vân Gỗ	Công ty TNHH SX TM Xuất nhập khẩu Đại Tân Thành. địa chỉ: Lô R1-R2-R41 Đường số 7, KCN Hải Sơn (GĐ 3+4) mở rộng, xã Đức Hòa , tỉnh Tây Ninh Công văn đề nghị công bố giá số 01/2026/SXDTN/DTT ngày 25 tháng 6 năm 2026	Việt Nam	(Giá áp dụng đối với kính cường lực 8mm; độ dày tăng thêm 2mm cộng thêm 120.000đ/m2. Giá chưa bao gồm chi phí thi công lắp đặt)	Chân công trình trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá kê khai này thực hiện từ ngày 25 / 6 / 2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	2.938.000	2.938.000	2.938.000	2.938.000	2.938.000	2.938.000	2.938.000	2.938.000	2.938.000	2.938.000	2.938.000	2.938.000	2.938.000	2.938.000	2.938.000
2144	Vật liệu khác	Cửa sổ 2 cánh mở quay biên dạng hệ ĐTT - 55 liền nẹp,	m2	TCVN 9366:2012	độ dày trung bình cánh 1.4mm, khung bao 1.4mm. Màu sơn tinh điện (Nâu cà phê, xám, trắng sữa, đen,….)	Công ty TNHH SX TM Xuất nhập khẩu Đại Tân Thành. địa chỉ: Lô R1-R2-R41 Đường số 7, KCN Hải Sơn (GĐ 3+4) mở rộng, xã Đức Hòa , tỉnh Tây Ninh Công văn đề nghị công bố giá số 01/2026/SXDTN/DTT ngày 25 tháng 6 năm 2026	Việt Nam	(Giá áp dụng đối với kính cường lực 8mm; độ dày tăng thêm 2mm cộng thêm 120.000đ/m2. Giá chưa bao gồm chi phí thi công lắp đặt)	Chân công trình trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá kê khai này thực hiện từ ngày 25 / 6 / 2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	2.613.000	2.613.000	2.613.000	2.613.000	2.613.000	2.613.000	2.613.000	2.613.000	2.613.000	2.613.000	2.613.000	2.613.000	2.613.000	2.613.000	2.613.000
2145	Vật liệu khác	Cửa sổ 2 cánh mở quay biên dạng hệ ĐTT - 55 liền nẹp,	m2	TCVN 9366:2012	độ dày trung bình cánh 1.4mm, khung bao 1.4mm. Màu Sơn Vân Gỗ	Công ty TNHH SX TM Xuất nhập khẩu Đại Tân Thành. địa chỉ: Lô R1-R2-R41 Đường số 7, KCN Hải Sơn (GĐ 3+4) mở rộng, xã Đức Hòa , tỉnh Tây Ninh Công văn đề nghị công bố giá số 01/2026/SXDTN/DTT ngày 25 tháng 6 năm 2026	Việt Nam	(Giá áp dụng đối với kính cường lực 8mm; độ dày tăng thêm 2mm cộng thêm 120.000đ/m2. Giá chưa bao gồm chi phí thi công lắp đặt)	Chân công trình trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá kê khai này thực hiện từ ngày 25 / 6 / 2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	3.003.000	3.003.000	3.003.000	3.003.000	3.003.000	3.003.000	3.003.000	3.003.000	3.003.000	3.003.000	3.003.000	3.003.000	3.003.000	3.003.000	3.003.000
2146	Vật liệu khác	Cửa sổ 4 cánh mở quay biên dạng hệ ĐTT - 55 liền nẹp,	m2	TCVN 9366:2012	độ dày trung bình cánh 1.4mm, khung bao 1.4mm. Màu sơn tinh điện (Nâu cà phê, xám, trắng sữa, đen,….)	Công ty TNHH SX TM Xuất nhập khẩu Đại Tân Thành. địa chỉ: Lô R1-R2-R41 Đường số 7, KCN Hải Sơn (GĐ 3+4) mở rộng, xã Đức Hòa , tỉnh Tây Ninh Công văn đề nghị công bố giá số 01/2026/SXDTN/DTT ngày 25 tháng 6 năm 2026	Việt Nam	(Giá áp dụng đối với kính cường lực 8mm; độ dày tăng thêm 2mm cộng thêm 120.000đ/m2. Giá chưa bao gồm chi phí thi công lắp đặt)	Chân công trình trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá kê khai này thực hiện từ ngày 25 / 6 / 2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	2.678.000	2.678.000	2.678.000	2.678.000	2.678.000	2.678.000	2.678.000	2.678.000	2.678.000	2.678.000	2.678.000	2.678.000	2.678.000	2.678.000	2.678.000
2147	Vật liệu khác	Cửa sổ 4 cánh mở quay biên dạng hệ ĐTT - 55 liền nẹp,	m2	TCVN 9366:2012	độ dày trung bình cánh 1.4mm, khung bao 1.4mm. Màu Sơn Vân Gỗ	Công ty TNHH SX TM Xuất nhập khẩu Đại Tân Thành. địa chỉ: Lô R1-R2-R41 Đường số 7, KCN Hải Sơn (GĐ 3+4) mở rộng, xã Đức Hòa , tỉnh Tây Ninh Công văn đề nghị công bố giá số 01/2026/SXDTN/DTT ngày 25 tháng 6 năm 2026	Việt Nam	(Giá áp dụng đối với kính cường lực 8mm; độ dày tăng thêm 2mm cộng thêm 120.000đ/m2. Giá chưa bao gồm chi phí thi công lắp đặt)	Chân công trình trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá kê khai này thực hiện từ ngày 25 / 6 / 2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	3.068.000	3.068.000	3.068.000	3.068.000	3.068.000	3.068.000	3.068.000	3.068.000	3.068.000	3.068.000	3.068.000	3.068.000	3.068.000	3.068.000	3.068.000
2148	Vật liệu khác	Cửa sổ lùa 2 cánh biên dạng hệ ĐTT - 55 liền nẹp,	m2	TCVN 9366:2012	độ dày trung bình cánh 1.4mm, khung bao 1.4mm. Màu sơn tinh điện (Nâu cà phê, xám, trắng sữa, đen,….)	Công ty TNHH SX TM Xuất nhập khẩu Đại Tân Thành. địa chỉ: Lô R1-R2-R41 Đường số 7, KCN Hải Sơn (GĐ 3+4) mở rộng, xã Đức Hòa , tỉnh Tây Ninh Công văn đề nghị công bố giá số 01/2026/SXDTN/DTT ngày 25 tháng 6 năm 2026	Việt Nam	(Giá áp dụng đối với kính cường lực 8mm; độ dày tăng thêm 2mm cộng thêm 120.000đ/m2. Giá chưa bao gồm chi phí thi công lắp đặt)	Chân công trình trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá kê khai này thực hiện từ ngày 25 / 6 / 2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	2.366.000	2.366.000	2.366.000	2.366.000	2.366.000	2.366.000	2.366.000	2.366.000	2.366.000	2.366.000	2.366.000	2.366.000	2.366.000	2.366.000	2.366.000
2149	Vật liệu khác	Cửa sổ lùa 2 cánh biên dạng hệ ĐTT - 55 liền nẹp,	m2	TCVN 9366:2012	độ dày trung bình cánh 1.4mm, khung bao 1.4mm. Màu Sơn Vân Gỗ	Công ty TNHH SX TM Xuất nhập khẩu Đại Tân Thành. địa chỉ: Lô R1-R2-R41 Đường số 7, KCN Hải Sơn (GĐ 3+4) mở rộng, xã Đức Hòa , tỉnh Tây Ninh Công văn đề nghị công bố giá số 01/2026/SXDTN/DTT ngày 25 tháng 6 năm 2026	Việt Nam	(Giá áp dụng đối với kính cường lực 8mm; độ dày tăng thêm 2mm cộng thêm 120.000đ/m2. Giá chưa bao gồm chi phí thi công lắp đặt)	Chân công trình trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá kê khai này thực hiện từ ngày 25 / 6 / 2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	2.756.000	2.756.000	2.756.000	2.756.000	2.756.000	2.756.000	2.756.000	2.756.000	2.756.000	2.756.000	2.756.000	2.756.000	2.756.000	2.756.000	2.756.000
2150	Vật liệu khác	Cửa sổ lùa 4 cánh biên dạng hệ ĐTT - 55 liền nẹp,	m2	TCVN 9366:2012	độ dày trung bình cánh 1.4mm, khung bao 1.4mm. Màu sơn tinh điện (Nâu cà phê, xám, trắng sữa, đen,….)	Công ty TNHH SX TM Xuất nhập khẩu Đại Tân Thành. địa chỉ: Lô R1-R2-R41 Đường số 7, KCN Hải Sơn (GĐ 3+4) mở rộng, xã Đức Hòa , tỉnh Tây Ninh Công văn đề nghị công bố giá số 01/2026/SXDTN/DTT ngày 25 tháng 6 năm 2026	Việt Nam	(Giá áp dụng đối với kính cường lực 8mm; độ dày tăng thêm 2mm cộng thêm 120.000đ/m2. Giá chưa bao gồm chi phí thi công lắp đặt)	Chân công trình trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá kê khai này thực hiện từ ngày 25 / 6 / 2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	2.431.000	2.431.000	2.431.000	2.431.000	2.431.000	2.431.000	2.431.000	2.431.000	2.431.000	2.431.000	2.431.000	2.431.000	2.431.000	2.431.000	2.431.000
2151	Vật liệu khác	Cửa sổ lùa 4 cánh biên dạng hệ ĐTT - 55 liền nẹp,	m2	TCVN 9366:2012	độ dày trung bình cánh 1.4mm, khung bao 1.4mm. Màu Sơn Vân Gỗ	Công ty TNHH SX TM Xuất nhập khẩu Đại Tân Thành. địa chỉ: Lô R1-R2-R41 Đường số 7, KCN Hải Sơn (GĐ 3+4) mở rộng, xã Đức Hòa , tỉnh Tây Ninh Công văn đề nghị công bố giá số 01/2026/SXDTN/DTT ngày 25 tháng 6 năm 2026	Việt Nam	(Giá áp dụng đối với kính cường lực 8mm; độ dày tăng thêm 2mm cộng thêm 120.000đ/m2. Giá chưa bao gồm chi phí thi công lắp đặt)	Chân công trình trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá kê khai này thực hiện từ ngày 25 / 6 / 2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	2.821.000	2.821.000	2.821.000	2.821.000	2.821.000	2.821.000	2.821.000	2.821.000	2.821.000	2.821.000	2.821.000	2.821.000	2.821.000	2.821.000	2.821.000
2152	Vật liệu khác	**HỆ VÁCH KÍNH ĐTT - 55 VÀ HỆ MẶT DỰNG ĐTT - 65 (NHÔM ĐẠI TÂN THÀNH). Phụ kiện ĐTTLUX. Kính cường lực 8ly**		TCVN 9366:2012		Công ty TNHH SX TM Xuất nhập khẩu Đại Tân Thành. địa chỉ: Lô R1-R2-R41 Đường số 7, KCN Hải Sơn (GĐ 3+4) mở rộng, xã Đức Hòa , tỉnh Tây Ninh Công văn đề nghị công bố giá số 01/2026/SXDTN/DTT ngày 25 tháng 6 năm 2026	Việt Nam	(Giá áp dụng đối với kính cường lực 8mm; độ dày tăng thêm 2mm cộng thêm 120.000đ/m2. Giá chưa bao gồm chi phí thi công lắp đặt)	Chân công trình trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá kê khai này thực hiện từ ngày 25 / 6 / 2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
2153	Vật liệu khác	Vách kính ĐTT - 55, độ dày trung bình khung bao 1.4mm.	m2	TCVN 9366:2012	Màu sơn tinh điện (Nâu cà phê, xám, trắng sữa, đen,….)	Công ty TNHH SX TM Xuất nhập khẩu Đại Tân Thành. địa chỉ: Lô R1-R2-R41 Đường số 7, KCN Hải Sơn (GĐ 3+4) mở rộng, xã Đức Hòa , tỉnh Tây Ninh Công văn đề nghị công bố giá số 01/2026/SXDTN/DTT ngày 25 tháng 6 năm 2026	Việt Nam	(Giá áp dụng đối với kính cường lực 8mm; độ dày tăng thêm 2mm cộng thêm 120.000đ/m2. Giá chưa bao gồm chi phí thi công lắp đặt)	Chân công trình trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá kê khai này thực hiện từ ngày 25 / 6 / 2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	2.145.000	2.145.000	2.145.000	2.145.000	2.145.000	2.145.000	2.145.000	2.145.000	2.145.000	2.145.000	2.145.000	2.145.000	2.145.000	2.145.000	2.145.000
2154	Vật liệu khác	Vách kính ĐTT - 55, độ dày trung bình khung bao 1.4mm.	m2	TCVN 9366:2012	Màu Sơn Vân Gỗ	Công ty TNHH SX TM Xuất nhập khẩu Đại Tân Thành. địa chỉ: Lô R1-R2-R41 Đường số 7, KCN Hải Sơn (GĐ 3+4) mở rộng, xã Đức Hòa , tỉnh Tây Ninh Công văn đề nghị công bố giá số 01/2026/SXDTN/DTT ngày 25 tháng 6 năm 2026	Việt Nam	(Giá áp dụng đối với kính cường lực 8mm; độ dày tăng thêm 2mm cộng thêm 120.000đ/m2. Giá chưa bao gồm chi phí thi công lắp đặt)	Chân công trình trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá kê khai này thực hiện từ ngày 25 / 6 / 2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	2.535.000	2.535.000	2.535.000	2.535.000	2.535.000	2.535.000	2.535.000	2.535.000	2.535.000	2.535.000	2.535.000	2.535.000	2.535.000	2.535.000	2.535.000

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng) (đồng)														
												Khu vực Tân An	Khu vực Tân Trụ	Khu vực Châu Thành	Khu vực Thủ Thừa	Khu vực Bến Lức	Khu vực Cần Giuộc	Khu vực Cần Đước	Khu vực Tân Thạnh	Khu vực Thạnh Hóa	Khu vực Tân Hưng	Khu vực Vĩnh Hưng	Khu vực Kiến Tường	Khu vực Mộc Hóa	Khu vực Đức Hòa	Khu vực Đức Huệ
2155	Vật liệu khác	Mặt dựng ĐTT - 65 (65 x 77 mm), độ dày 2.5 mm.	m2	TCVN 9366:2012	Màu sơn tĩnh điện (Nâu cà phê, xám, trắng sữa, đen,….)	Công ty TNHH SX TM Xuất nhập khẩu Đại Tân Thành. địa chỉ: Lô R1-R2-R41 Đường số 7, KCN Hải Sơn (GĐ 3+4) mở rộng, xã Đức Hòa , tỉnh Tây Ninh Công văn đề nghị công bố giá số 01/2026/SXDTN/DTT ngày 25 tháng 6 năm 2026	Việt Nam	(Giá áp dụng đối với kính cường lực 8mm; độ dày tăng thêm 2mm cộng thêm 120.000đ/m2. Giá chưa bao gồm chi phí thi công lắp đặt)	Chân công trình trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá kê khai này thực hiện từ ngày 25 / 6 / 2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	3.484.000	3.484.000	3.484.000	3.484.000	3.484.000	3.484.000	3.484.000	3.484.000	3.484.000	3.484.000	3.484.000	3.484.000	3.484.000	3.484.000	3.484.000
2156	Vật liệu khác	Mặt dựng ĐTT - 65 (65 x 77 mm), độ dày 2.5 mm.	m2	TCVN 9366:2012	Màu Sơn Vân Gỗ	Công ty TNHH SX TM Xuất nhập khẩu Đại Tân Thành. địa chỉ: Lô R1-R2-R41 Đường số 7, KCN Hải Sơn (GĐ 3+4) mở rộng, xã Đức Hòa , tỉnh Tây Ninh Công văn đề nghị công bố giá số 01/2026/SXDTN/DTT ngày 25 tháng 6 năm 2026	Việt Nam	(Giá áp dụng đối với kính cường lực 8mm; độ dày tăng thêm 2mm cộng thêm 120.000đ/m2. Giá chưa bao gồm chi phí thi công lắp đặt)	Chân công trình trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá kê khai này thực hiện từ ngày 25 / 6 / 2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	3.874.000	3.874.000	3.874.000	3.874.000	3.874.000	3.874.000	3.874.000	3.874.000	3.874.000	3.874.000	3.874.000	3.874.000	3.874.000	3.874.000	3.874.000
2157	Vật liệu khác	**CỬA LÙA ĐTT - 93. Phụ kiện DTTLUX. Kính cường lực 8ly**		TCVN 9366:2012		Công ty TNHH SX TM Xuất nhập khẩu Đại Tân Thành. địa chỉ: Lô R1-R2-R41 Đường số 7, KCN Hải Sơn (GĐ 3+4) mở rộng, xã Đức Hòa , tỉnh Tây Ninh Công văn đề nghị công bố giá số 01/2026/SXDTN/DTT ngày 25 tháng 6 năm 2026	Việt Nam	(Giá áp dụng đối với kính cường lực 8mm; độ dày tăng thêm 2mm cộng thêm 120.000đ/m2. Giá chưa bao gồm chi phí thi công lắp đặt)	Chân công trình trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá kê khai này thực hiện từ ngày 25 / 6 / 2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
2158	Vật liệu khác	Cửa đi lùa 2 cánh biên dạng hệ ĐTT - 93 liền nẹp, độ dày trung bình cánh 2mm, khung bao 2mm.	m2	TCVN 9366:2012	Màu sơn tĩnh điện (Nâu cà phê, xám, trắng sữa, đen,….)	Công ty TNHH SX TM Xuất nhập khẩu Đại Tân Thành. địa chỉ: Lô R1-R2-R41 Đường số 7, KCN Hải Sơn (GĐ 3+4) mở rộng, xã Đức Hòa , tỉnh Tây Ninh Công văn đề nghị công bố giá số 01/2026/SXDTN/DTT ngày 25 tháng 6 năm 2026	Việt Nam	(Giá áp dụng đối với kính cường lực 8mm; độ dày tăng thêm 2mm cộng thêm 120.000đ/m2. Giá chưa bao gồm chi phí thi công lắp đặt)	Chân công trình trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá kê khai này thực hiện từ ngày 25 / 6 / 2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	2.600.000	2.600.000	2.600.000	2.600.000	2.600.000	2.600.000	2.600.000	2.600.000	2.600.000	2.600.000	2.600.000	2.600.000	2.600.000	2.600.000	2.600.000
2159	Vật liệu khác	Cửa đi lùa 2 cánh biên dạng hệ ĐTT - 93 liền nẹp, độ dày trung bình cánh 2mm, khung bao 2mm.	m2	TCVN 9366:2012	Màu Sơn Vân Gỗ	Công ty TNHH SX TM Xuất nhập khẩu Đại Tân Thành. địa chỉ: Lô R1-R2-R41 Đường số 7, KCN Hải Sơn (GĐ 3+4) mở rộng, xã Đức Hòa , tỉnh Tây Ninh Công văn đề nghị công bố giá số 01/2026/SXDTN/DTT ngày 25 tháng 6 năm 2026	Việt Nam	(Giá áp dụng đối với kính cường lực 8mm; độ dày tăng thêm 2mm cộng thêm 120.000đ/m2. Giá chưa bao gồm chi phí thi công lắp đặt)	Chân công trình trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá kê khai này thực hiện từ ngày 25 / 6 / 2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	2.990.000	2.990.000	2.990.000	2.990.000	2.990.000	2.990.000	2.990.000	2.990.000	2.990.000	2.990.000	2.990.000	2.990.000	2.990.000	2.990.000	2.990.000
2160	Vật liệu khác	Cửa đi lùa 4 cánh biên dạng hệ ĐTT - 93 liền nẹp, độ dày trung bình cánh 2mm, khung bao 2mm.	m2	TCVN 9366:2012	Màu sơn tĩnh điện (Nâu cà phê, xám, trắng sữa, đen,….)	Công ty TNHH SX TM Xuất nhập khẩu Đại Tân Thành. địa chỉ: Lô R1-R2-R41 Đường số 7, KCN Hải Sơn (GĐ 3+4) mở rộng, xã Đức Hòa , tỉnh Tây Ninh Công văn đề nghị công bố giá số 01/2026/SXDTN/DTT ngày 25 tháng 6 năm 2026	Việt Nam	(Giá áp dụng đối với kính cường lực 8mm; độ dày tăng thêm 2mm cộng thêm 120.000đ/m2. Giá chưa bao gồm chi phí thi công lắp đặt)	Chân công trình trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá kê khai này thực hiện từ ngày 25 / 6 / 2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	2.665.000	2.665.000	2.665.000	2.665.000	2.665.000	2.665.000	2.665.000	2.665.000	2.665.000	2.665.000	2.665.000	2.665.000	2.665.000	2.665.000	2.665.000
2161	Vật liệu khác	Cửa đi lùa 4 cánh biên dạng hệ ĐTT - 93 liền nẹp, độ dày trung bình cánh 2mm, khung bao 2mm.	m2	TCVN 9366:2012	Màu Sơn Vân Gỗ	Công ty TNHH SX TM Xuất nhập khẩu Đại Tân Thành. địa chỉ: Lô R1-R2-R41 Đường số 7, KCN Hải Sơn (GĐ 3+4) mở rộng, xã Đức Hòa , tỉnh Tây Ninh Công văn đề nghị công bố giá số 01/2026/SXDTN/DTT ngày 25 tháng 6 năm 2026	Việt Nam	(Giá áp dụng đối với kính cường lực 8mm; độ dày tăng thêm 2mm cộng thêm 120.000đ/m2. Giá chưa bao gồm chi phí thi công lắp đặt)	Chân công trình trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá kê khai này thực hiện từ ngày 25 / 6 / 2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	3.055.000	3.055.000	3.055.000	3.055.000	3.055.000	3.055.000	3.055.000	3.055.000	3.055.000	3.055.000	3.055.000	3.055.000	3.055.000	3.055.000	3.055.000
2162	Vật liệu khác	**CỬA ĐI, CỬA SỔ HỆ ĐTT - 55 tiêu chuẩn (NHÔM ĐẠI TÂN THÀNH).Phụ kiện DTTLUX. Kính cường lực 8ly**		TCVN 9366:2012		Công ty TNHH SX TM Xuất nhập khẩu Đại Tân Thành. địa chỉ: Lô R1-R2-R41 Đường số 7, KCN Hải Sơn (GĐ 3+4) mở rộng, xã Đức Hòa , tỉnh Tây Ninh Công văn đề nghị công bố giá số 01/2026/SXDTN/DTT ngày 25 tháng 6 năm 2026	Việt Nam	(Giá áp dụng đối với kính cường lực 8mm; độ dày tăng thêm 2mm cộng thêm 120.000đ/m2. Giá chưa bao gồm chi phí thi công lắp đặt)	Chân công trình trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá kê khai này thực hiện từ ngày 25 / 6 / 2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
2163	Vật liệu khác	Cửa đi 1 cánh mở quay trong/ngoài biên dạng hệ ĐTT - 55, độ dày trung bình cánh 1.8mm, khung bao 1.8mm.	m2	TCVN 9366:2012	Màu sơn tĩnh điện (Nâu cà phê, xám, trắng sữa, đen,….)	Công ty TNHH SX TM Xuất nhập khẩu Đại Tân Thành. địa chỉ: Lô R1-R2-R41 Đường số 7, KCN Hải Sơn (GĐ 3+4) mở rộng, xã Đức Hòa , tỉnh Tây Ninh Công văn đề nghị công bố giá số 01/2026/SXDTN/DTT ngày 25 tháng 6 năm 2026	Việt Nam	(Giá áp dụng đối với kính cường lực 8mm; độ dày tăng thêm 2mm cộng thêm 120.000đ/m2. Giá chưa bao gồm chi phí thi công lắp đặt)	Chân công trình trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá kê khai này thực hiện từ ngày 25 / 6 / 2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	2.665.000	2.665.000	2.665.000	2.665.000	2.665.000	2.665.000	2.665.000	2.665.000	2.665.000	2.665.000	2.665.000	2.665.000	2.665.000	2.665.000	2.665.000
2164	Vật liệu khác	Cửa đi 1 cánh mở quay trong/ngoài biên dạng hệ ĐTT - 55, độ dày trung bình cánh 1.8mm, khung bao 1.8mm.	m2	TCVN 9366:2012	Màu Sơn Vân Gỗ	Công ty TNHH SX TM Xuất nhập khẩu Đại Tân Thành. địa chỉ: Lô R1-R2-R41 Đường số 7, KCN Hải Sơn (GĐ 3+4) mở rộng, xã Đức Hòa , tỉnh Tây Ninh Công văn đề nghị công bố giá số 01/2026/SXDTN/DTT ngày 25 tháng 6 năm 2026	Việt Nam	(Giá áp dụng đối với kính cường lực 8mm; độ dày tăng thêm 2mm cộng thêm 120.000đ/m2. Giá chưa bao gồm chi phí thi công lắp đặt)	Chân công trình trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá kê khai này thực hiện từ ngày 25 / 6 / 2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	3.055.000	3.055.000	3.055.000	3.055.000	3.055.000	3.055.000	3.055.000	3.055.000	3.055.000	3.055.000	3.055.000	3.055.000	3.055.000	3.055.000	3.055.000
2165	Vật liệu khác	Cửa đi 2 cánh mở quay trong/ngoài biên dạng hệ ĐTT - 55, độ dày trung bình cánh 1.8mm, khung bao 1.8mm.	m2	TCVN 9366:2012	Màu sơn tĩnh điện (Nâu cà phê, xám, trắng sữa, đen,….)	Công ty TNHH SX TM Xuất nhập khẩu Đại Tân Thành. địa chỉ: Lô R1-R2-R41 Đường số 7, KCN Hải Sơn (GĐ 3+4) mở rộng, xã Đức Hòa , tỉnh Tây Ninh Công văn đề nghị công bố giá số 01/2026/SXDTN/DTT ngày 25 tháng 6 năm 2026	Việt Nam	(Giá áp dụng đối với kính cường lực 8mm; độ dày tăng thêm 2mm cộng thêm 120.000đ/m2. Giá chưa bao gồm chi phí thi công lắp đặt)	Chân công trình trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá kê khai này thực hiện từ ngày 25 / 6 / 2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	2.730.000	2.730.000	2.730.000	2.730.000	2.730.000	2.730.000	2.730.000	2.730.000	2.730.000	2.730.000	2.730.000	2.730.000	2.730.000	2.730.000	2.730.000
2166	Vật liệu khác	Cửa đi 2 cánh mở quay trong/ngoài biên dạng hệ ĐTT - 55, độ dày trung bình cánh 1.8mm, khung bao 1.8mm.	m2	TCVN 9366:2012	Màu Sơn Vân Gỗ	Công ty TNHH SX TM Xuất nhập khẩu Đại Tân Thành. địa chỉ: Lô R1-R2-R41 Đường số 7, KCN Hải Sơn (GĐ 3+4) mở rộng, xã Đức Hòa , tỉnh Tây Ninh Công văn đề nghị công bố giá số 01/2026/SXDTN/DTT ngày 25 tháng 6 năm 2026	Việt Nam	(Giá áp dụng đối với kính cường lực 8mm; độ dày tăng thêm 2mm cộng thêm 120.000đ/m2. Giá chưa bao gồm chi phí thi công lắp đặt)	Chân công trình trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá kê khai này thực hiện từ ngày 25 / 6 / 2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	3.120.000	3.120.000	3.120.000	3.120.000	3.120.000	3.120.000	3.120.000	3.120.000	3.120.000	3.120.000	3.120.000	3.120.000	3.120.000	3.120.000	3.120.000
2167	Vật liệu khác	Cửa đi 4 cánh mở quay trong/ngoài biên dạng hệ ĐTT - 55, độ dày trung bình cánh 1.8mm, khung bao 1.8mm.	m2	TCVN 9366:2012	Màu sơn tĩnh điện (Nâu cà phê, xám, trắng sữa, đen,….)	Công ty TNHH SX TM Xuất nhập khẩu Đại Tân Thành. địa chỉ: Lô R1-R2-R41 Đường số 7, KCN Hải Sơn (GĐ 3+4) mở rộng, xã Đức Hòa , tỉnh Tây Ninh Công văn đề nghị công bố giá số 01/2026/SXDTN/DTT ngày 25 tháng 6 năm 2026	Việt Nam	(Giá áp dụng đối với kính cường lực 8mm; độ dày tăng thêm 2mm cộng thêm 120.000đ/m2. Giá chưa bao gồm chi phí thi công lắp đặt)	Chân công trình trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá kê khai này thực hiện từ ngày 25 / 6 / 2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	2.795.000	2.795.000	2.795.000	2.795.000	2.795.000	2.795.000	2.795.000	2.795.000	2.795.000	2.795.000	2.795.000	2.795.000	2.795.000	2.795.000	2.795.000
2168	Vật liệu khác	Cửa đi 4 cánh mở quay trong/ngoài biên dạng hệ ĐTT - 55, độ dày trung bình cánh 1.8mm, khung bao 1.8mm.	m2	TCVN 9366:2012	Màu Sơn Vân Gỗ	Công ty TNHH SX TM Xuất nhập khẩu Đại Tân Thành. địa chỉ: Lô R1-R2-R41 Đường số 7, KCN Hải Sơn (GĐ 3+4) mở rộng, xã Đức Hòa , tỉnh Tây Ninh Công văn đề nghị công bố giá số 01/2026/SXDTN/DTT ngày 25 tháng 6 năm 2026	Việt Nam	(Giá áp dụng đối với kính cường lực 8mm; độ dày tăng thêm 2mm cộng thêm 120.000đ/m2. Giá chưa bao gồm chi phí thi công lắp đặt)	Chân công trình trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá kê khai này thực hiện từ ngày 25 / 6 / 2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	3.185.000	3.185.000	3.185.000	3.185.000	3.185.000	3.185.000	3.185.000	3.185.000	3.185.000	3.185.000	3.185.000	3.185.000	3.185.000	3.185.000	3.185.000
2169	Vật liệu khác	Cửa sổ 1 cánh mở quay biên dạng hệ ĐTT - 55, độ dày trung bình cánh 2mm, khung bao 2mm.	m2	TCVN 9366:2012	Màu sơn tĩnh điện (Nâu cà phê, xám, trắng sữa, đen,….)	Công ty TNHH SX TM Xuất nhập khẩu Đại Tân Thành. địa chỉ: Lô R1-R2-R41 Đường số 7, KCN Hải Sơn (GĐ 3+4) mở rộng, xã Đức Hòa , tỉnh Tây Ninh Công văn đề nghị công bố giá số 01/2026/SXDTN/DTT ngày 25 tháng 6 năm 2026	Việt Nam	(Giá áp dụng đối với kính cường lực 8mm; độ dày tăng thêm 2mm cộng thêm 120.000đ/m2. Giá chưa bao gồm chi phí thi công lắp đặt)	Chân công trình trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá kê khai này thực hiện từ ngày 25 / 6 / 2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	2.730.000	2.730.000	2.730.000	2.730.000	2.730.000	2.730.000	2.730.000	2.730.000	2.730.000	2.730.000	2.730.000	2.730.000	2.730.000	2.730.000	2.730.000

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng) (đồng)														
												Khu vực Tân An	Khu vực Tân Trụ	Khu vực Châu Thành	Khu vực Thủ Thừa	Khu vực Bến Lức	Khu vực Cần Giuộc	Khu vực Cần Đước	Khu vực Tân Thạnh	Khu vực Thạnh Hóa	Khu vực Tân Hưng	Khu vực Vĩnh Hưng	Khu vực Kiến Tường	Khu vực Mộc Hóa	Khu vực Đức Hòa	Khu vực Đức Huệ
2170	Vật liệu khác	Cửa sổ 1 cánh mở quay biên dạng hệ ĐTT - 55, độ dày trung bình cánh 2mm, khung bao 2mm.	m2	TCVN 9366:2012	Màu Sơn Vân Gỗ	Công ty TNHH SX TM Xuất nhập khẩu Đại Tân Thành. địa chỉ: Lô R1-R2-R41 Đường số 7, KCN Hải Sơn (GĐ 3+4) mở rộng, xã Đức Hòa , tỉnh Tây Ninh Công văn đề nghị công bố giá số 01/2026/SXDTN/DTT ngày 25 tháng 6 năm 2026	Việt Nam	(Giá áp dụng đối với kính cường lực 8mm; độ dày tăng thêm 2mm cộng thêm 120.000đ/m2. Giá chưa bao gồm chi phí thi công lắp đặt)	Chân công trình trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá kê khai này thực hiện từ ngày 25 / 6 / 2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	3.120.000	3.120.000	3.120.000	3.120.000	3.120.000	3.120.000	3.120.000	3.120.000	3.120.000	3.120.000	3.120.000	3.120.000	3.120.000	3.120.000	3.120.000
2171	Vật liệu khác	Cửa sổ 2 cánh mở quay biên dạng hệ ĐTT - 55, độ dày trung bình cánh 2mm, khung bao 2mm.	m2	TCVN 9366:2012	Màu sơn tĩnh điện (Nâu cà phê, xám, trắng sữa, đen,….)	Công ty TNHH SX TM Xuất nhập khẩu Đại Tân Thành. địa chỉ: Lô R1-R2-R41 Đường số 7, KCN Hải Sơn (GĐ 3+4) mở rộng, xã Đức Hòa , tỉnh Tây Ninh Công văn đề nghị công bố giá số 01/2026/SXDTN/DTT ngày 25 tháng 6 năm 2026	Việt Nam	(Giá áp dụng đối với kính cường lực 8mm; độ dày tăng thêm 2mm cộng thêm 120.000đ/m2. Giá chưa bao gồm chi phí thi công lắp đặt)	Chân công trình trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá kê khai này thực hiện từ ngày 25 / 6 / 2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	2.795.000	2.795.000	2.795.000	2.795.000	2.795.000	2.795.000	2.795.000	2.795.000	2.795.000	2.795.000	2.795.000	2.795.000	2.795.000	2.795.000	2.795.000
2172	Vật liệu khác	Cửa sổ 2 cánh mở quay biên dạng hệ ĐTT - 55, độ dày trung bình cánh 2mm, khung bao 2mm.	m2	TCVN 9366:2012	Màu Sơn Vân Gỗ	Công ty TNHH SX TM Xuất nhập khẩu Đại Tân Thành. địa chỉ: Lô R1-R2-R41 Đường số 7, KCN Hải Sơn (GĐ 3+4) mở rộng, xã Đức Hòa , tỉnh Tây Ninh Công văn đề nghị công bố giá số 01/2026/SXDTN/DTT ngày 25 tháng 6 năm 2026	Việt Nam	(Giá áp dụng đối với kính cường lực 8mm; độ dày tăng thêm 2mm cộng thêm 120.000đ/m2. Giá chưa bao gồm chi phí thi công lắp đặt)	Chân công trình trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá kê khai này thực hiện từ ngày 25 / 6 / 2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	3.185.000	3.185.000	3.185.000	3.185.000	3.185.000	3.185.000	3.185.000	3.185.000	3.185.000	3.185.000	3.185.000	3.185.000	3.185.000	3.185.000	3.185.000
2173	Vật liệu khác	Cửa sổ 4 cánh mở quay biên dạng hệ ĐTT - 55, độ dày trung bình cánh 2mm, khung bao 2mm.	m2	TCVN 9366:2012	Màu sơn tĩnh điện (Nâu cà phê, xám, trắng sữa, đen,….)	Công ty TNHH SX TM Xuất nhập khẩu Đại Tân Thành. địa chỉ: Lô R1-R2-R41 Đường số 7, KCN Hải Sơn (GĐ 3+4) mở rộng, xã Đức Hòa , tỉnh Tây Ninh Công văn đề nghị công bố giá số 01/2026/SXDTN/DTT ngày 25 tháng 6 năm 2026	Việt Nam	(Giá áp dụng đối với kính cường lực 8mm; độ dày tăng thêm 2mm cộng thêm 120.000đ/m2. Giá chưa bao gồm chi phí thi công lắp đặt)	Chân công trình trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá kê khai này thực hiện từ ngày 25 / 6 / 2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	2.860.000	2.860.000	2.860.000	2.860.000	2.860.000	2.860.000	2.860.000	2.860.000	2.860.000	2.860.000	2.860.000	2.860.000	2.860.000	2.860.000	2.860.000
2174	Vật liệu khác	Cửa sổ 4 cánh mở quay biên dạng hệ ĐTT - 55, độ dày trung bình cánh 2mm, khung bao 2mm.	m2	TCVN 9366:2012	Màu Sơn Vân Gỗ	Công ty TNHH SX TM Xuất nhập khẩu Đại Tân Thành. địa chỉ: Lô R1-R2-R41 Đường số 7, KCN Hải Sơn (GĐ 3+4) mở rộng, xã Đức Hòa , tỉnh Tây Ninh Công văn đề nghị công bố giá số 01/2026/SXDTN/DTT ngày 25 tháng 6 năm 2026	Việt Nam	(Giá áp dụng đối với kính cường lực 8mm; độ dày tăng thêm 2mm cộng thêm 120.000đ/m2. Giá chưa bao gồm chi phí thi công lắp đặt)	Chân công trình trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá kê khai này thực hiện từ ngày 25 / 6 / 2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	3.250.000	3.250.000	3.250.000	3.250.000	3.250.000	3.250.000	3.250.000	3.250.000	3.250.000	3.250.000	3.250.000	3.250.000	3.250.000	3.250.000	3.250.000
2175	Vật liệu khác	Lam nhôm hộp 200x500mm (bao gồm cả công lắp dựng và phụ kiện hoàn thiện)	m2	TCVN 9366:2012	Màu Sơn Vân Gỗ	Công ty TNHH SX TM Xuất nhập khẩu Đại Tân Thành. địa chỉ: Lô R1-R2-R41 Đường số 7, KCN Hải Sơn (GĐ 3+4) mở rộng, xã Đức Hòa , tỉnh Tây Ninh Công văn đề nghị công bố giá số 01/2026/SXDTN/DTT ngày 25 tháng 6 năm 2026	Việt Nam	(Giá áp dụng đối với kính cường lực 8mm; độ dày tăng thêm 2mm cộng thêm 120.000đ/m2. Giá chưa bao gồm chi phí thi công lắp đặt)	Chân công trình trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá kê khai này thực hiện từ ngày 25 / 6 / 2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	4.700.000	4.700.000	4.700.000	4.700.000	4.700.000	4.700.000	4.700.000	4.700.000	4.700.000	4.700.000	4.700.000	4.700.000	4.700.000	4.700.000	4.700.000
2176	Vật liệu khác	Lam nhôm hộp 200x600mm (bao gồm cả công lắp dựng và phụ kiện hoàn thiện)	m2	TCVN 9366:2012	Màu Sơn Vân Gỗ	Công ty TNHH SX TM Xuất nhập khẩu Đại Tân Thành. địa chỉ: Lô R1-R2-R41 Đường số 7, KCN Hải Sơn (GĐ 3+4) mở rộng, xã Đức Hòa , tỉnh Tây Ninh Công văn đề nghị công bố giá số 01/2026/SXDTN/DTT ngày 25 tháng 6 năm 2026	Việt Nam	(Giá áp dụng đối với kính cường lực 8mm; độ dày tăng thêm 2mm cộng thêm 120.000đ/m2. Giá chưa bao gồm chi phí thi công lắp đặt)	Chân công trình trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá kê khai này thực hiện từ ngày 25 / 6 / 2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	4.700.000	4.700.000	4.700.000	4.700.000	4.700.000	4.700.000	4.700.000	4.700.000	4.700.000	4.700.000	4.700.000	4.700.000	4.700.000	4.700.000	4.700.000

*** Ghi chú: danh sách phường/xã tại các huyện, thị xã, thành phố trên địa bàn tỉnh Long An (cũ) trước sáp nhập tại Nghị quyết 1682/NQ-UBTVQH15 năm 2025 ngày 16/6/2025 của Ủy ban thường vụ Quốc hội**

1 Khu vực Tân An (phường Long An, phường Tân An, phường Khánh Hậu)
2 Khu vực Tân Trụ (xã Vàm Cỏ, xã Tân Trụ, xã Nhựt Tảo)
3 Khu vực Châu Thành (xã An Lục Long, xã Tầm Vu, xã Vĩnh Công, xã Thuận Mỹ)
4 Khu vực Thủ Thừa (xã Mỹ An, xã Thủ Thừa,xã Mỹ Thạnh, xã Tân Long)
5 Khu vực Bến Lức (xã Thạnh Lợi, xã Bình Đức, xã Lương Hòa, xã Bến Lức,xã Mỹ Yên)
6 Khu vực Cần Giuộc (xã Phước Lý, xã Mỹ Lộc, xã Cần Giuộc, xã Phước Vĩnh Tây, xã Tân Lập)
7 Khu vực Cần Đước (xã Long Cang, xã Rạch Kiến, xã Mỹ Lệ, xã Tân Lân, xã Cần Đước, xã Long Hựu)
8 Khu vực Tân Thạnh (xã Hậu Thạnh, xã Nhơn Hòa Lập, xã Nhơn Ninh, xã Tân Thạnh)
9 Khu vực Thạnh Hóa (xã Thạnh Hóa, xã Tân Tây, xã Bình Thành, xã Thạnh Phước)
10 Khu vực Tân Hưng (xã Vĩnh Thạnh, xã Hưng Điền, xã Tân Hưng, xã Vĩnh Châu)
11 Khu vực Vĩnh Hưng (xã Tuyên Bình, xã Vĩnh Hưng, xã Khánh Hưng)
12 Khu vực Kiến Tường (xã Bình Hiệp, phường Kiến Tường, xã Tuyên Thạnh)
13 Khu vực Mộc Hóa (xã Bình Hòa, xã Mộc Hóa)
14 Khu vực Đức Hòa(xã Đức Hòa, xã Hòa Khánh, xã Hiệp Hòa, xã An Ninh, xã Hậu Nghĩa, xã Đức Lập, xã Mỹ Hạnh)
15 Khu vực Đức Huệ (xã Đức Huệ, xã Đông Thành,xã Mỹ Quý)

GIÁ VẬT LIỆU XÂY DỰNG CÔNG BỐ THÁNG 07/2026

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)(đồng)								
												Khu vực TP. Tây Ninh	Khu vực TX.Trảng Bàng	Khu vực TX. Hoà Thành	Khu vực H.Tân Biên	Khu vực H.Tân Châu	Khu vực H. Châu Thành	Khu vực H.Dương Minh Châu	Khu vực H. Bến Cầu	Khu vực H. Gò Dầu
1	Xi măng	Xi măng Hà Tiên Miền Đông PCB40	bao	QCVN 16:2019/BXD	bao 50 kg	Công ty TNHH kinh doanh tiếp thị XM FICO-YTL	Việt Nam	Không có thông tin	Đã bao gồm chi phí vận chuyển trong KV Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	84.000	84.000	84.000	84.000	84.000	84.000	84.000	84.000	84.000
2	Xi măng	Xi măng Supreme Standard PCB40	bao	QCVN 16:2019/BXD	bao 50 kg	Công ty TNHH kinh doanh tiếp thị XM FICO-YTL	Việt Nam	Không có thông tin	Đã bao gồm chi phí vận chuyển trong KV Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	85.800	85.800	85.800	85.800	85.800	85.800	85.800	85.800	85.800
3	Xi măng	Xi măng Biceco	bao	QCVN 16:2019/BXD	bao 50 kg	Công ty TNHH kinh doanh tiếp thị XM FICO-YTL	Việt Nam	Không có thông tin	Đã bao gồm chi phí vận chuyển trong KV Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	84.000	84.000	84.000	84.000	84.000	84.000	84.000	84.000	84.000
4	Xi măng	Xi măng Pooc lăng hỗn hợp bền sunfat PCB40-MS	bao	QCVN 16:2019/BXD	bao 50 kg	Công ty TNHH kinh doanh tiếp thị XM FICO-YTL	Việt Nam	Không có thông tin	Đã bao gồm chi phí vận chuyển trong KV Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	97.500	97.500	97.500	97.500	97.500	97.500	97.500	97.500	97.500
5	Xi măng	Xi măng Phoenix	bao	QCVN 16:2019/BXD	dạng rời	Công ty TNHH kinh doanh tiếp thị XM FICO-YTL	Việt Nam	Không có thông tin	Giá đã bao gồm chi phí vận chuyển, giao tại khu vực Long An	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	85.800	85.800	85.800	85.800	85.800	85.800	85.800	85.800	85.800
6	Xi măng	Xi măng Prernium Phoenix	bao	QCVN 16:2019/BXD	dạng rời	Công ty TNHH kinh doanh tiếp thị XM FICO-YTL	Việt Nam	Không có thông tin	Giá đã bao gồm chi phí vận chuyển, giao tại khu vực Long An	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	88.600	88.600	88.600	88.600	88.600	88.600	88.600	88.600	88.600
7	Xi măng	Xi măng pooc lăng hỗn hợp bền sun phát PCB 40-MS	bao	QCVN 16:2019/BXD	dạng rời	Công ty TNHH kinh doanh tiếp thị XM FICO-YTL	Việt Nam	Không có thông tin	Giá đã bao gồm chi phí vận chuyển, giao tại khu vực Long An	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	97.500	97.500	97.500	97.500	97.500	97.500	97.500	97.500	97.500
8	Xi măng	Xi măng pooc lăng hỗn hợp bền sun phát PCB BFS40-HS xá	bao	QCVN 16:2019/BXD	dạng rời	Công ty TNHH kinh doanh tiếp thị XM FICO-YTL	Việt Nam	Không có thông tin	Giá đã bao gồm chi phí vận chuyển, giao tại khu vực Long An	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	95.000	95.000	95.000	95.000	95.000	95.000	95.000	95.000	95.000
9	Xi măng	Xi măng pooc lăng xi lò cao loại 1 (PCBBFS50)	bao	QCVN 16:2019/BXD	dạng rời	Công ty TNHH kinh doanh tiếp thị XM FICO-YTL	Việt Nam	Không có thông tin	Giá đã bao gồm chi phí vận chuyển, giao tại khu vực Long An	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	91.545	91.545	91.545	91.545	91.545	91.545	91.545	91.545	91.545
10	Xi măng	Xi măng pooc lăng xi lò cao loại 1 (PCBBFS40)	bao	QCVN 16:2019/BXD	dạng rời	Công ty TNHH kinh doanh tiếp thị XM FICO-YTL	Việt Nam	Không có thông tin	Giá đã bao gồm chi phí vận chuyển, giao tại khu vực Long An	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	91.545	91.545	91.545	91.545	91.545	91.545	91.545	91.545	91.545
11	Xi măng	Xi măng pooc lăng xi lò cao loại 2 (PCBBFS50)	bao	QCVN 16:2019/BXD	dạng rời	Công ty TNHH kinh doanh tiếp thị XM FICO-YTL	Việt Nam	Không có thông tin	Giá đã bao gồm chi phí vận chuyển, giao tại khu vực Long An	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	91.545	91.545	91.545	91.545	91.545	91.545	91.545	91.545	91.545
12	Xi măng	Xi măng pooc lăng xi lò cao loại 2 (PCBBFS40)	bao	QCVN 16:2019/BXD	dạng rời	Công ty TNHH kinh doanh tiếp thị XM FICO-YTL	Việt Nam	Không có thông tin	Giá đã bao gồm chi phí vận chuyển, giao tại khu vực Long An	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	91.545	91.545	91.545	91.545	91.545	91.545	91.545	91.545	91.545
13	Xi măng	Xi măng pooc lăng hỗn hợp PCB 50-MS dạng xá	bao	QCVN 16:2019/BXD	dạng rời	Công ty TNHH kinh doanh tiếp thị XM FICO-YTL	Việt Nam	Không có thông tin	Giá đã bao gồm chi phí vận chuyển, giao tại khu vực Long An	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	90.045	90.045	90.045	90.045	90.045	90.045	90.045	90.045	90.045
14	Xi măng	Xi măng pooc lăng hỗn hợp PCB 40-MS dạng xá	bao	QCVN 16:2019/BXD	dạng rời	Công ty TNHH kinh doanh tiếp thị XM FICO-YTL	Việt Nam	Không có thông tin	Giá đã bao gồm chi phí vận chuyển, giao tại khu vực Long An	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	90.045	90.045	90.045	90.045	90.045	90.045	90.045	90.045	90.045
15	Xi măng	Xi măng Fico PCB50 dạng xá	bao	QCVN 16:2019/BXD	dạng rời	Công ty TNHH kinh doanh tiếp thị XM FICO-YTL	Việt Nam	Không có thông tin	Giá đã bao gồm chi phí vận chuyển, giao tại khu vực Long An	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	94.000	94.000	94.000	94.000	94.000	94.000	94.000	94.000	94.000
16	Xi măng	Xi măng pooc lăng hỗn hợp bền sun phát PCMSR 50	bao	QCVN 16:2019/BXD	dạng rời	Công ty TNHH kinh doanh tiếp thị XM FICO-YTL	Việt Nam	Không có thông tin	Giá đã bao gồm chi phí vận chuyển, giao tại khu vực Long An	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	96.500	96.500	96.500	96.500	96.500	96.500	96.500	96.500	96.500
17	Xi măng	Xi măng pooc lăng hỗn hợp bền sun phát PCMSR 40	bao	QCVN 16:2019/BXD	dạng rời	Công ty TNHH kinh doanh tiếp thị XM FICO-YTL	Việt Nam	Không có thông tin	Giá đã bao gồm chi phí vận chuyển, giao tại khu vực Long An	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	96.500	96.500	96.500	96.500	96.500	96.500	96.500	96.500	96.500
18	Xi măng	Xi măng pooc lăng hỗn hợp bền sun phát PCB40-MS	bao	QCVN 16:2019/BXD	dạng rời	Công ty TNHH kinh doanh tiếp thị XM FICO-YTL	Việt Nam	Không có thông tin	Giá đã bao gồm chi phí vận chuyển, giao tại khu vực Long An	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	91.045	91.045	91.045	91.045	91.045	91.045	91.045	91.045	91.045
19	Xi măng	Xi măng pooc lăng hỗn hợp bền sun phát PCB50-MS	bao	QCVN 16:2019/BXD	dạng rời	Công ty TNHH kinh doanh tiếp thị XM FICO-YTL	Việt Nam	Không có thông tin	Giá đã bao gồm chi phí vận chuyển, giao tại khu vực Long An	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	91.045	91.045	91.045	91.045	91.045	91.045	91.045	91.045	91.045
20	Xi măng	Vicem Hà Tiên PCB40 (vỏ bao KPK)	bao	TCVN 6260:2020	Bao 50kg	Công ty CP Xi măng Vicem Hà Tiên. Đc: Lầu 3, số 9-19 Hồ Tùng Mậu, P.Sài Gòn, TP.HCM -Đt: 028.39151617. Công văn đề nghị công bố giá số 237/TTDV-PTT ngày 7/5/2026.	Việt Nam	Bên mua chịu chi phí vận chuyển	Giao trên phương tiện bên mua tại nhà máy Bình Phước	Mức giá được thực hiện từ ngày 10/05/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán giảm	75.463	-	-	-	-	-	-	-	-
21	Xi măng	Vicem Hà Tiên Đa dụng - PCB40 (vỏ bao KPK)	bao	TCVN 6260:2020	Bao 50kg	Công ty CP Xi măng Vicem Hà Tiên. Đc: Lầu 3, số 9-19 Hồ Tùng Mậu, P.Sài Gòn, TP.HCM -Đt: 028.39151617. Công văn đề nghị công bố giá số 237/TTDV-PTT ngày 7/5/2026.	Việt Nam	Bên mua chịu chi phí vận chuyển	Giao trên phương tiện bên mua tại nhà máy Bình Phước	Mức giá được thực hiện từ ngày 10/05/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán giảm	73.148	-	-	-	-	-	-	-	-
22	Xi măng	Vicem Hà Tiên PCB40 (vỏ bao KPK)	bao	TCVN 6260:2020	Bao 50kg	Công ty CP Xi măng Vicem Hà Tiên. Đc: Lầu 3, số 9-19 Hồ Tùng Mậu, P.Sài Gòn, TP.HCM -Đt: 028.39151617. Công văn đề nghị công bố giá số 237/TTDV-PTT ngày 7/5/2026.	Việt Nam	Bên mua chịu chi phí vận chuyển	Giao trên phương tiện bên mua tại nhà máy Bình Phước	Mức giá được thực hiện từ ngày 10/05/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán giảm	-	-	-	70.741	-	-	-	-	70.741
23	Xi măng	Vicem Hà Tiên PCB40 (vỏ bao KPK)	bao	TCVN 6260:2020	Bao 50kg	Công ty CP Xi măng Vicem Hà Tiên. Đc: Lầu 3, số 9-19 Hồ Tùng Mậu, P.Sài Gòn, TP.HCM -Đt: 028.39151617. Công văn đề nghị công bố giá số 237/TTDV-PTT ngày 7/5/2026.	Việt Nam	Bên mua chịu chi phí vận chuyển	Giao trên phương tiện bên mua tại Trạm nghiền Long An (xuất bộ)	Mức giá được thực hiện từ ngày 10/05/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán giảm	71.582	-	-	-	-	-	-	-	-
24	Xi măng	Vicem Hà Tiên PCB40 (vỏ bao KPK)	bao	TCVN 6260:2020	Bao 50kg	Công ty CP Xi măng Vicem Hà Tiên. Đc: Lầu 3, số 9-19 Hồ Tùng Mậu, P.Sài Gòn, TP.HCM -Đt: 028.39151617. Công văn đề nghị công bố giá số 237/TTDV-PTT ngày 7/5/2026.	Việt Nam	Bên mua chịu chi phí vận chuyển	Giao trên phương tiện bên mua tại Trạm nghiền Long An (xuất thủy)	Mức giá được thực hiện từ ngày 10/05/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán giảm	70.741	-	-	-	-	-	-	-	-
25	Xi măng	Xi măng Power cement	bao	TCVN 6260:2020	Bao 50kg	Công ty CP Xi măng Vicem Hà Tiên. Đc: Lầu 3, số 9-19 Hồ Tùng Mậu, P.Sài Gòn, TP.HCM -Đt: 028.39151617. Công văn đề nghị công bố giá số 237/TTDV-PTT ngày 7/5/2026.	Việt Nam	Bên mua chịu chi phí vận chuyển	Giao trên phương tiện bên mua tại nhà máy Bình Phước, trạm nghiền Long An	Mức giá được thực hiện từ ngày 10/05/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán giảm	60.185	-	-	-	-	-	-	-	-
26	Xi măng	Xi măng Hà Tiên 1	bao	TCVN 6260:2020	Bao 50kg	Công ty CP Xi măng Vicem Hà Tiên. Đc: Lầu 3, số 9-19 Hồ Tùng Mậu, P.Sài Gòn, TP.HCM -Đt: 028.39151617. Công văn đề nghị công bố giá số 237/TTDV-PTT ngày 7/5/2026.	Việt Nam	Bên mua chịu chi phí vận chuyển	Giao trên phương tiện bên mua tại nhà máy Bình Phước	Mức giá được thực hiện từ ngày 10/05/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán giảm	75.463	-	-	75.463	-	-	-	-	75.463
27	Xi măng	Xi măng Vicem Hà Tiên công nghiệp PCB40	tấn	TCVN 6260:2020	dạng rời	Công ty CP Xi măng Vicem Hà Tiên. Đc: Lầu 3, số 9-19 Hồ Tùng Mậu, P.Sài Gòn, TP.HCM -Đt: 028.39151617. Công văn đề nghị công bố giá số 237/TTDV-PTT ngày 7/5/2026.	Việt Nam	Bên mua chịu chi phí vận chuyển	Giao trên phương tiện bên mua tại nhà máy Bình Phước	Mức giá được thực hiện từ ngày 10/05/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	1.407.407	-	-	-	-	-	-	-	-
28	Xi măng	Xi măng Vicem Hà Tiên công nghiệp PCB40	tấn	TCVN 6260:2020	dạng rời	Công ty CP Xi măng Vicem Hà Tiên. Đc: Lầu 3, số 9-19 Hồ Tùng Mậu, P.Sài Gòn, TP.HCM -Đt: 028.39151617. Công văn đề nghị công bố giá số 237/TTDV-PTT ngày 7/5/2026.	Việt Nam	Bên mua chịu chi phí vận chuyển	Giao trên phương tiện bên mua tại Trạm nghiền Long An	Mức giá được thực hiện từ ngày 10/05/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	1.384.259	-	-	-	-	-	-	-	-
29	Xi măng	Xi măng Vicem Hà Tiên công nghiệp PCB40	tấn	TCVN 6260:2020	dạng rời	Công ty CP Xi măng Vicem Hà Tiên. Đc: Lầu 3, số 9-19 Hồ Tùng Mậu, P.Sài Gòn, TP.HCM -Đt: 028.39151617. Công văn đề nghị công bố giá số 237/TTDV-PTT ngày 7/5/2026	Việt Nam	Bên mua chịu chi phí vận chuyển	Giao trên phương tiện bên mua tại Trạm nghiền Phú Hữu	Mức giá được thực hiện từ ngày 10/05/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	1.407.407	-	-	-	-	-	-	-	-
30	Xi măng	Xi măng Vicem gia cố nền	tấn	TCVN 4316:2007	dạng rời	Công ty CP Xi măng Vicem Hà Tiên. Đc: Lầu 3, số 9-19 Hồ Tùng Mậu, P.Sài Gòn, TP.HCM -Đt: 028.39151617. Công văn đề nghị công bố giá số 237/TTDV-PTT ngày 7/5/2026.	Việt Nam	Bên mua chịu chi phí vận chuyển	Giao trên phương tiện bên mua tại Trjam nghiền Phú Hữu	Mức giá được thực hiện từ ngày 10/05/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	1.324.074	-	-	-	-	-	-	-	-
31	Xi măng	Xi măng Fico	bao		bao 50 kg	phiếu khảo sát tại các cửa hàng khu vực Châu Thành, Tây Ninh (cũ): Cửa hàng VLXD Phú Thịnh, DNTN Toàn Tâm.	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại cửa hàng	Mức giá đăng ký này thực hiện từ ngày 21/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	-	-	-	-	-	99.500	-	-	-
32	Xi măng	Xi măng Thăng Long	bao		50kg	Công ty VLXD TTNT Phú Quý (đc: ấp Tân Trung, Tân Phú, Tân Châu). Phiếu khảo sát tại cửa hàng	Việt Nam	Không có thông tin	Chưa bao gồm chi phí vận chuyển	Mức giá được áp dụng từ ngày 17/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	-	-	-	88.000	-	-	-	-	-
33	Xi măng	Xi măng Fico PCB40	bao		bao 50 kg	Công ty TNHH Toàn Tâm Tây Ninh. KP4, TT.Châu Thành, Tây Ninh. (phiếu khảo sát tại các cửa hàng)	Việt Nam	Giá bán tại trung tâm huyện Châu Thành	Không bao gồm chi phí vận chuyển	Mức giá ngày 21/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	-	-	-	-	-	96.000	-	-	-
34	Xi măng	Xi măng Fico	bao		bao 50 kg	phiếu khảo sát tại các cửa hàng khu vực Tân Biên, Tây Ninh cũ (Cty TNHH MTV TMXD Tòng Thành Đạt, Cty TNHH ĐT XD và VL Cường Thịnh, Cửa hàng VLXD An Nguyên	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại cửa hàng	Mức giá từ ngày 20/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	-	-	-	97.000	-	-	-	-	-
35	Xi măng	Xi măng Fico xanh lá	bao		bao 50 kg	Công ty TNHH ĐT XD và VL Cường Thịnh. (Đc: 573 Tân Tiến, Tân Lập, Tân Biên, Tây Ninh - Đt: 0966020720). Phiếu khảo sát tại cửa hàng	Việt Nam	Không có thông tin	Giá tại cửa hàng	Mức giá được áp dụng từ ngày 20/7/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	-	-	-	95.000	-	-	-	-	-
36	Xi măng	Xi măng Fico xanh dương	bao		bao 50 kg	Công ty TNHH ĐT XD và VL Cường Thịnh. (Đc: 573 Tân Tiến, Tân Lập, Tân Biên, Tây Ninh - Đt: 0966020720). Phiếu khảo sát tại cửa hàng	Việt Nam	Không có thông tin	Giá tại cửa hàng	Mức giá được áp dụng từ ngày 20/7/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	-	-	-	93.000	-	-	-	-	-
37	Xi măng	Xi măng Hà Tiên Miền Đông	bao		bao 50 kg	Công ty TNHH ĐT XD và VL Cường Thịnh. (Đc: 573 Tân Tiến, Tân Lập, Tân Biên, Tây Ninh - Đt: 0966020720). Phiếu khảo sát tại cửa hàng	Việt Nam	Không có thông tin	Giá tại cửa hàng	Mức giá được áp dụng từ ngày 20/7/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	-	-	-	90.000	-	-	-	-	-

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)(đồng)								
												Khu vực TP. Tây Ninh	Khu vực TX.Trảng Bàng	Khu vực TX. Hoà Thành	Khu vực H.Tân Biên	Khu vực H.Tân Châu	Khu vực H. Châu Thành	Khu vực H.Dương Minh Châu	Khu vực H. Bến Cầu	Khu vực H. Gò Dầu
38	Xi măng	Xi măng đại bàng	bao		bao 50 kg	Công ty TNHH ĐT XD và VL Cường Thịnh. (Đc: 573 Tân Tiến, Tân Lập, Tân Biên, Tây Ninh - Đt: 0966020720). Phiếu khảo sát tại cửa hàng	Việt Nam	Không có thông tin	Giá tại cửa hàng	Mức giá được áp dụng từ ngày 20/7/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	-	-	-	88.000	-	-	-	-	-
39	Xi măng	Xi măng Hà Tiên Vicem	bao		bao 50 kg	Công ty TNHH ĐT XD và VL Cường Thịnh. (Đc: 573 Tân Tiến, Tân Lập, Tân Biên, Tây Ninh - Đt: 0966020720). Phiếu khảo sát tại cửa hàng	Việt Nam	Không có thông tin	Giá tại cửa hàng	Mức giá được áp dụng từ ngày 20/7/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	-	-	-	90.000	-	-	-	-	-
40	Xi măng	Xi măng Fico PCB40	bao		bao 50 kg	Công ty CPXD và VLXD Hội Ngộ (Đc: Số 981, CMT8, P.Tân Ninh, Tây Ninh) - Phiếu khảo sát tại các cửa hàng	Việt Nam	Không bao gồm chi phí vận chuyển	Giá tại cửa hàng. Không bao gồm chi phí vận chuyển	Mức giá được áp dụng từ ngày 14/05/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	95.000	-	-	-	-	-	-	-	-
41	Xi măng	Xi măng bao PCB 40	bao	Phù hợp QCVN 16:2019/BXD; TCVN 6260:2009	bao 50 kg	Chi nhánh CTCP Xi Măng Thăng Long. Đc: Lô A3, KCN Hiệp Phước, xã Hiệp Phước, TP.HCM - Đt: 0915335821. Công văn đề nghị công bố giá số 17/2026/CV-CNTL-TT ngày 22/06/2026	Việt Nam	Giá bán tại khu vực TP Tây Ninh	Giá bao gồm vận chuyển trong tỉnh Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/07/2026 đến 31/12/2026	Giá không đổi	80.000	80.000	80.000	80.000	80.000	80.000	80.000	80.000	80.000
42	Xi măng	Xi măng rời PCB50	tấn	Phù hợp QCVN 16:2019/BXD; TCVN 6260:2009	dạng xá rời	Chi nhánh CTCP Xi Măng Thăng Long. Đc: Lô A3, KCN Hiệp Phước, xã Hiệp Phước, TP.HCM - Đt: 0915335821. Công văn đề nghị công bố giá số 17/2026/CV-CNTL-TT ngày 22/06/2026	Việt Nam	Giá bán tại khu vực TP Tây Ninh	Giá bao gồm vận chuyển trong tỉnh Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/07/2026 đến 31/12/2026	Giá không đổi	1.670.000	1.670.000	1.670.000	1.670.000	1.670.000	1.670.000	1.670.000	1.670.000	1.670.000
43	Cát xây dựng	Cát xây	m3			Phiếu khảo sát tại các cửa hàng khu vực Tân Châu, Tây Ninh: VLXD Quốc Toàn, Cty TNHH Quang Vinh Tây Ninh	Việt Nam	Không có thông tin	Giá tại cửa hàng	Mức giá từ ngày 17/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	-	-	-	-	387.500	-	-	-	-
44	Cát xây dựng	Cát xây	m3			Phiếu khảo sát tại các cửa hàng khu vực Châu Thành, Tây Ninh (cũ): Cửa hàng VLXD Phú Thịnh, DNTN Toàn Tâm.	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại cửa hàng	Mức giá đăng ký này thực hiện từ ngày 21/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	-	-	-	-	-	540.000	-	-	-
45	Cát xây dựng	Cát vàng				Phiếu khảo sát tại các cửa hàng khu vựcTân Biên, Tây Ninh (cũ): Cty TNHH MTV TM XD Tông Thành Đạt, Cửa hàng VLXD An Nguyên, Cty TNHH ĐT XD và VL Cường Thịnh	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại cửa hàng	Mức giá đăng ký này thực hiện từ ngày 21/07/2026 đến khi có thông báo mới		-	-	-	413.333	-	-	-	-	-
46	Cát xây dựng	Cát vàng	m3			Phiếu khảo sát tại các cửa hàng khu vực Trảng Bàng, Tây Ninh (cũ): Cửa hàng VLXD TTNT Phát Đạt, DNTN Lê Thành Công.	Việt Nam	Không có thông tin	Vận chuyển đến chân công trình	Mức giá được áp dụng từ ngày 16/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	-	480.000	-	-	-	-	-	-	-
47	Cát xây dựng	Cát xây	m3			Phiếu khảo sát tại các cửa hàng khu vực Dương Minh Châu, Tây Ninh (cũ): Cửa hàng VLXD Minh Hoài,Cty TNHH TM DV Phú Quân, Công ty TNHH	Việt Nam	Không có thông tin	giá tại cửa hàng	Mức giá ngày 17/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	-	-	-	-	-	-	331.512	-	-
48	Cát xây dựng	Cát xây	m3			Công ty CPXD và VLXD Hội Ngộ (Đc: Số 981, CMT8, P.Tân Ninh, Tây Ninh) - Phiếu khảo sát tại các cửa hàng	Việt Nam	Không có thông tin	Giá tại cửa hàng. Không bao gồm chi phí vận chuyển	Mức giá được áp dụng từ ngày 14/05/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	420.000	-	-	-	-	-	-	-	-
49	Đá xây dựng	Đá 1x2	m3			Phiếu khảo sát tại các cửa hàng khu vực Châu Thành, Tây Ninh (cũ): Cửa hàng VLXD Phú Thịnh, DNTN Toàn Tâm.	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại cửa hàng	Mức giá đăng ký này thực hiện từ ngày 21/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán giảm	-	-	-	-	-	775.000	-	-	-
50	Đá xây dựng	Đá 4x6	m3			Phiếu khảo sát tại các cửa hàng khu vực Châu Thành, Tây Ninh (cũ): Cửa hàng VLXD Phú Thịnh, DNTN Toàn Tâm.	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại cửa hàng	Mức giá đăng ký này thực hiện từ ngày 21/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	-	-	-	-	-	775.000	-	-	-
51	Đá xây dựng	Đá 1x2	m3			Phiếu khảo sát tại các cửa hàng khu vực Trảng Bàng, Tây Ninh (cũ): Cửa hàng VLXD Phát Đạt, DNTN Lê Thành Công.	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại cửa hàng	Mức giá đăng ký này thực hiện từ ngày 21/07/2026 đến khi có thông báo mới		-	735.000	-	-	-	-	-	-	-
52	Đá xây dựng	Đá 1x2	m3			Công ty TNHH MTV VLXD Phi Châu (Gò Dầu, Tây Ninh). Phiếu khảo sát tại cửa hàng	Việt Nam	Không có thông tin	Chưa bao gồm chi phí vận chuyển	Mức giá được thực hiện từ ngày 16/07/2026 đến khi có thông báo khác	Giá không đổi	-	-	-	-	-	-	-	-	800.000
53	Đá xây dựng	Đá 4x6	m3			Công ty TNHH MTV VLXD Phi Châu (Gò Dầu, Tây Ninh). Phiếu khảo sát tại cửa hàng	Việt Nam	Không có thông tin	Chưa bao gồm chi phí vận chuyển	Mức giá được thực hiện từ ngày 16/07/2026 đến khi có thông báo khác	Giá không đổi	-	-	-	-	-	-	-	-	650.000
54	Đá xây dựng	Đá 0x4	m3			Công ty TNHH MTV VLXD Phi Châu (Gò Dầu, Tây Ninh). Phiếu khảo sát tại cửa hàng	Việt Nam	Không có thông tin	Chưa bao gồm chi phí vận chuyển	Mức giá được thực hiện từ ngày 16/07/2026 đến khi có thông báo khác	Giá không đổi	-	-	-	-	-	-	-	-	650.000
55	Đá xây dựng	Đá 0x4	m3			Phiếu khảo sát tại các cửa hàng khu vực Châu Thành, Tây Ninh (cũ): Cửa hàng VLXD Phú Thịnh, DNTN Toàn Tâm.	việt Nam	không có thông tin	Chưa bao gồm chi phí vận chuyển	Mức giá được thực hiện từ ngày 21/07/2026 đến khi có thông báo khác		-	-	-	-	-	675.000	-	-	-
56	Đá xây dựng	Đá 0x4	m3			Phiếu khảo sát tại các cửa hàng khu vực Tân Biên, Tây Ninh cũ (Cty TNHH MTV TMXD Tông Thành Đạt, Cty TNHH ĐT XD và VL Cường Thịnh, Cửa hàng VLXD An Nguyên)	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại cửa hàng	Mức giá từ ngày 20/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	-	-	-	665.000	-	-	-	-	-
57	Đá xây dựng	Đá mi	m3			Phiếu khảo sát tại các cửa hàng khu vực Tân Biên, Tây Ninh cũ (Cty TNHH MTV TMXD Tông Thành Đạt, Cty TNHH ĐT XD và VL Cường Thịnh, Cửa hàng VLXD An Nguyên)	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại cửa hàng	Mức giá từ ngày 20/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán giảm	-	-	-	775.000	-	-	-	-	-
58	Đá xây dựng	Đá 1x2	m3			Công ty TNHH ĐT XD và VL Cường Thịnh. (Đc: 573 Tân Tiến, Tân Lập, Tân Biên, Tây Ninh - Đt: 0966020720). Phiếu khảo sát tại cửa hàng	Việt Nam	Không có thông tin	Giá tại cửa hàng	Mức giá được áp dụng từ ngày 20/7/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	-	-	-	796.667	-	-	-	-	-
59	Đá xây dựng	Đá 4x6	m3			Công ty TNHH ĐT XD và VL Cường Thịnh. (Đc: 573 Tân Tiến, Tân Lập, Tân Biên, Tây Ninh - Đt: 0966020720). Phiếu khảo sát tại cửa hàng	Việt Nam	Không có thông tin	Giá tại cửa hàng	Mức giá được áp dụng từ ngày 20/7/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	-	-	-	733.333	-	-	-	-	-
60	Đá xây dựng	Đá 1x2 Bình Phước	m3			Công ty CPXD và VLXD Hội Ngộ (Đc: Số 981, CMT8, P.Tân Ninh, Tây Ninh) - Phiếu khảo sát tại các cửa hàng	Việt Nam	Không bao gồm chi phí vận chuyển	Giá tại cửa hàng. Không bao gồm chi phí vận chuyển	Mức giá được áp dụng từ ngày 14/05/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	760.000	-	-	-	-	-	-	-	-
61	Đá xây dựng	Đá 4x6 Bình Phước	m3			Công ty CPXD và VLXD Hội Ngộ (Đc: Số 981, CMT8, P.Tân Ninh, Tây Ninh) - Phiếu khảo sát tại các cửa hàng	Việt Nam	Không bao gồm chi phí vận chuyển	Giá tại cửa hàng. Không bao gồm chi phí vận chuyển	Mức giá được áp dụng từ ngày 14/05/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	680.000	-	-	-	-	-	-	-	-
62	Đá xây dựng	Đá mi	m3			Công ty CPXD và VLXD Hội Ngộ (Đc: Số 981, CMT8, P.Tân Ninh, Tây Ninh) - Phiếu khảo sát tại các cửa hàng	Việt Nam	Không bao gồm chi phí vận chuyển	Giá tại cửa hàng. Không bao gồm chi phí vận chuyển	Mức giá được áp dụng từ ngày 14/05/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	660.000	-	-	-	-	-	-	-	-
63	Vật liệu san lấp	Sỏi đỏ	m3			Công ty TNHH TM XNK Tân Hưng Cường. (Đc: Tổ 6, ấp Tân Tiến, Xã Tân Lập, Huyện Tân Biên, Tỉnh Tây Ninh). Phiếu khảo sát tại đơn vị	Việt Nam	Không có thông tin	Giá tại mỏ, chưa bao gồm chi phí nhân công bốc xếp và vận chuyển	Mức giá ngày 21/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	-	-	-	-	168.000	-	-	-	-
64	Vật liệu san lấp	Sỏi đỏ	m3			Phiếu khảo sát các cửa hàng tại khu vực Châu Thành, Tây Ninh: Cty TNHH MTV Như Mai, cty TNHH khoáng sản Ngọc Phát Tài, Cty TNHH Khoáng sản Tam Hiệp Phát	Việt Nam	Không có thông tin	Giá tại mỏ, chưa bao gồm chi phí nhân công bốc xếp và vận chuyển	Mức giá ngày 21/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	-	-	-	-	-	174.000	-	-	-
65	Vật liệu san lấp	Đất san lấp	m3			Doanh nghiệp tư nhân Quí Tài (Đc: ấp Xóm Mới 2, xã Trí Bình, huyện Châu Thành, Tây Ninh - Đt: 0983.158.598). Bảng báo giá ngày 01/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Giá tại mỏ, chưa bao gồm chi phí nhân công bốc xếp và vận chuyển	Mức giá ngày 01/05/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	-	-	-	-	-	170.000	-	-	-
66	Vật liệu san lấp	Cát san lấp	m3			VLXD Quốc Toàn. Đc: Khu phố 3, Tân Châu, Tây Ninh. Phiếu khảo sát tại cửa hàng.	Việt Nam	Không có thông tin	Giá tại cửa hàng	Mức giá từ ngày 17/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	-	-	-	-	350.000	-	-	-	-
67	Vật liệu san lấp	Cát san lấp	m3			Cửa hàng VLXD và TTNT Phát Đạt. Ấp Phước Đông, Xã Phước Chỉ, Trảng Bàng, Tây Ninh. (Phiếu khảo sát tại cửa hàng)	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán chưa bao gồm chi phí vận chuyển	Mức giá từ ngày 16/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	-	350.000	-	-	-	-	-	-	-
68	Vật liệu san lấp	Đất sét gạch ngói	m3			Công ty TNHH TM XNK Tân Hưng Cường. (Đc: Tổ 6, ấp Tân Tiến, Xã Tân Lập, Huyện Tân Biên, Tỉnh Tây Ninh). Phiếu khảo sát tại đơn vị	Việt Nam	Không có thông tin	Giá tại mỏ, chưa bao gồm chi phí nhân công bốc xếp và vận chuyển	Mức giá ngày 21/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	-	-	-	178.500	-	-	-	-	-
69	Vật liệu san lấp	Đất san lấp	m3			Công ty TNHH Thiên Phúc (Đc: Tổ 8, ấp B, Xã Bến Cầu, Tây Ninh - Đt: 0968.836.556)	Việt Nam	Không có thông tin	Giá tại mỏ, bao gồm cước lên xe	Mức giá ngày 14/05/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	-	-	-	-	-	-	-	190.000	
70	Vật liệu san lấp	Cát san lấp	m3			Công ty TNHH MTV VLXD Phi Châu (Gò Dầu, Tây Ninh). Phiếu khảo sát tại cửa hàng	Việt Nam	Không có thông tin	Chưa bao gồm chi phí vận chuyển	Mức giá được thực hiện từ ngày 16/07/2026 đến khi có thông báo khác	Giá không đổi	-	-	-	-	-	-	-	-	350.000

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)(đồng)								
												Khu vực TP. Tây Ninh	Khu vực TX.Trảng Bàng	Khu vực TX. Hoà Thành	Khu vực H.Tân Biên	Khu vực H.Tân Châu	Khu vực H. Châu Thành	Khu vực H.Dương Minh Châu	Khu vực H. Bến Cầu	Khu vực H. Gò Dầu
71	Vật liệu san lấp	Cát san lấp	m3			Cửa hàng VLXD Minh Hoài. (Đc: xã Dương Minh Châu, Tây Ninh). Phiếu khảo sát tại cửa hàng	Việt Nam	Không có thông tin	Giá tại cửa hàng. Không bao gồm chi phí vận chuyển	Mức giá được áp dụng từ ngày 17/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	-	-	-	-	-	-	350.000	-	-
72	Đá xây dựng	Đá 4x6	m3			phiếu khảo sát tại các cửa hàng khu vực Tân Biên, Tây Ninh cũ (Cty TNHH MTV TMXD Tòng Thành Đạt, Cty TNHH ĐT XD và VL Cường Thịnh, Cửa hàng VLXD An Nguyên)	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại cửa hàng	Mức giá từ ngày 20/07/2026 đến khi có thông báo mới					733.333					
73	Vật liệu san lấp	Đất san lấp	m3			Phiếu khảo sát tại các cửa hàng khu vực Tân Biên, Tây Ninh: Công ty TNHH MTV TM XD Tòng Thành Đạt, Tân Hưng Cường, Cty TNHH MTV Đức Chi Tây Ninh	Việt Nam	Không có thông tin	Giá tại mỏ, chưa bao gồm chi phí nhân công bốc xếp và vận chuyển	Mức giá từ ngày 20/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	-	-	-	152.000	-	-	-	-	-
74	Vật liệu san lấp	Sỏi	m3			Công ty TNHH MTV Nguyễn Thanh Cảnh. Xã Tân Đông, Tây Ninh. (Phiếu khảo sát tại cửa hàng)	Việt Nam	Không có thông tin	Giá tại mỏ (ấp Tân Dũng, xã Tân Hà, huyện Tân Châu, Tây Ninh),Chưa bao gồm chi phí vận chuyển	Mức giá được thực hiện từ ngày 17/06/2026 đến khi có thông báo khác	Giá không đổi	-	-	-	-	168.000	-	-	-	-
75	Vật liệu san lấp	Sỏi đỏ	m3			Phiếu khảo sát tại các cửa hàng khu vực Tân Biên, Tây Ninh: Cty TNHH TM XNK Tân Hưng Cường. Cty TNHH MTV Đức Chi Tây Ninh	Việt Nam	Không có thông tin	Giá tại mỏ, chưa bao gồm chi phí nhân công bốc xếp và vận chuyển	Mức giá ngày 21/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	-	-	-	179.000	-	-	-	-	-
76	Vật liệu san lấp	Đất sét gạch ngói	m3			Phiếu khảo sát các cửa hàng tại khu vực Châu Thành, Tây Ninh: Cty TNHH MTV Như Mai, cty TNHH khoáng sản Ngọc Phát Tài, Cty TNHH Khoáng sản Tam Hiệp Phát	Việt Nam	Không có thông tin	Giá tại mỏ, chưa bao gồm chi phí nhân công bốc xếp và vận chuyển	Mức giá ngày 27/7/2026/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	-	-	-	-	-	170.000	-	-	-
77	Vật liệu san lấp	Cát san lấp	m3			Phiếu khảo sát tại các cửa hàng khu vực Tân Biên, Tây Ninh: Cty TNHH ĐT XD và VL Cường Thịnh, Cty TNHH MTV Đức Chi Tây Ninh	Việt Nam	Không có thông tin	Giá tại mỏ, chưa bao gồm chi phí nhân công bốc xếp và vận chuyển	Mức giá ngày 14/05/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	-	-	-	305.000	-	-	-	-	-
78	Vật liệu san lấp	Đất sét gạch ngói	m3			Phiếu khảo sát tại các cửa hàng khu vực Châu Thành, Tây Ninh:Cty TNHH MTV Như Mai, Cty TNHH Khoáng sản Ngọc Phát Tài, Cty TNHH	Việt Nam	Không có thông tin	Giá tại mỏ	Mức giá ngày 21/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán giảm	-	-	-	-	-	170.000	-	-	-
79	Vật liệu san lấp	Sỏi đỏ	m3			Công ty TNHH Đồng Thuận Hà. (Đc: 124 đường Nguyễn Thái Học, Tân Ninh, Tây Ninh). Phiếu khảo sát tại đơn vị	Việt Nam	Không có thông tin	Chưa bao gồm chi phí vận chuyển	Mức giá được thực hiện từ ngày 15/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	271.000	-	-	-	-	-	-	-	-
80	Vật liệu san lấp	Đất san lấp	m3			Công ty TNHH Đồng Thuận Hà. (Đc: 124 đường Nguyễn Thái Học, Tân Ninh, Tây Ninh). Phiếu khảo sát tại đơn vị	Việt Nam	Không có thông tin	Giá tại mỏ, chưa bao gồm chi phí nhân công bốc xếp và vận chuyển	Mức giá được thực hiện từ ngày 15/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	250.000	-	-	-	-	-	-	-	-
81	Vật liệu san lấp	Cát long nền	m3			Công ty CPXD và VLXD Hội Ngộ (Đc: Số 981, CMT8, P.Tân Ninh, Tây Ninh) - Phiếu khảo sát tại các cửa hàng	Việt Nam	Không có thông tin	Giá tại cửa hàng. Không bao gồm chi phí vận chuyển	Mức giá được áp dụng từ ngày 14/05/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	340.000	-	-	-	-	-	-	-	-
82	Vật liệu san lấp	Sỏi phún	m3			Công ty TNHH Đầu tư An Nguyên. Đc: ấp Thạnh Hiệp, xã Tân Lập, Tân Biên, Tây Ninh. Công văn số 06/026/BG-CTY ngày 1/06/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Giá tại mỏ. Không bao gồm chi phí vận chuyển	Mức giá được áp dụng từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	-	-	-	180.000	-	-	-	-	-
83	Gạch xây	Gạch ống Hưng Thịnh	viên			Cửa hàng VLXD và TTNT Phát Đạt. Ấp Phước Đông, Xã Phước Chỉ, Trảng Bàng, Tây Ninh. (Phiếu khảo sát tại cửa hàng)	Việt Nam	Giá bán trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Giá bán chưa bao gồm chi phí vận chuyển	Mức giá từ ngày 16/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	-	1.600	-	-	-	-	-	-	-
84	Gạch xây	Gạch thẻ Lộc Giang	viên			Cửa hàng VLXD và TTNT Phát Đạt. Ấp Phước Đông, Xã Phước Chỉ, Trảng Bàng, Tây Ninh. (Phiếu khảo sát tại cửa hàng)	Việt Nam	Giá bán trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Giá bán chưa bao gồm chi phí vận chuyển	Mức giá từ ngày 16/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	-	1.600	-	-	-	-	-	-	-
85	Gạch xây	Gạch xây Phước Vinh	viên			Công ty VLXD TTNT Phú Quý (đc: ấp Tân Trung, Tân Phú, Tân Châu). Phiếu khảo sát tại cửa hàng	Việt Nam	Không có thông tin	Chưa bao gồm chi phí vận chuyển	Mức giá được áp dụng từ ngày 17/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	-	-	-	-	1.350	-	-	-	-
86	Gạch xây	Gạch ống	viên			Phiếu khảo sát tại các cửa hàng khu vực Châu Thành, Tây Ninh (cũ): Cửa hàng VLXD Phú Thịnh, DNTN Toàn Tâm.	Việt Nam	Giá bán ở khu vực huyện Châu Thành	Không bao gồm chi phí vận chuyển	Mức giá ngày 21/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	-	-	-	-	-	1.400	-	-	-
87	Gạch xây	Gạch thẻ	viên			Phiếu khảo sát tại các cửa hàng khu vực Châu Thành, Tây Ninh (cũ): Cửa hàng VLXD Phú Thịnh, DNTN Toàn Tâm.	Việt Nam	Giá bán ở khu vực huyện Châu Thành	Không bao gồm chi phí vận chuyển	Mức giá ngày 21/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	-	-	-	-	-	1.300	-	-	-
88	Gạch xây	Gạch ống	viên			Công ty TNHH MTV VLXD Phi Châu (Gò Dầu, Tây Ninh). Phiếu khảo sát tại cửa hàng	Việt Nam	Không có thông tin	Chưa bao gồm chi phí vận chuyển	Mức giá được thực hiện từ ngày 16/07/2026 đến khi có thông báo khác	Giá không đổi	-	-	-	-	-	-	-	-	1.500
89	Gạch xây	Gạch thẻ	viên			Công ty TNHH MTV VLXD Phi Châu (Gò Dầu, Tây Ninh). Phiếu khảo sát tại cửa hàng	Việt Nam	Không có thông tin	Chưa bao gồm chi phí vận chuyển	Mức giá được thực hiện từ ngày 16/07/2026 đến khi có thông báo khác	Giá không đổi	-	-	-	-	-	-	-	-	1.500
90	Gạch xây	Gạch mi	viên			Công ty TNHH MTV VLXD Phi Châu (Gò Dầu, Tây Ninh). Phiếu khảo sát tại cửa hàng	Việt Nam	Không có thông tin	Chưa bao gồm chi phí vận chuyển	Mức giá được thực hiện từ ngày 16/07/2026 đến khi có thông báo khác	Giá không đổi	-	-	-	-	-	-	-	-	750
91	Gạch xây	Gạch thẻ	viên			phiếu khảo sát tại các cửa hàng khu vực Tân Biên, Tây Ninh cũ (Cty TNHH MTV TMXD Tòng Thành Đạt, Cty TNHH ĐT XD và VL Cường Thịnh, Cửa hàng VLXD An Nguyên)	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại cửa hàng	Mức giá từ ngày 20/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	-	-	-	1.450	-	-	-	-	-
92	Gạch xây	Gạch ống	viên			phiếu khảo sát tại các cửa hàng khu vực Tân Biên, Tây Ninh cũ (Cty TNHH MTV TMXD Tòng Thành Đạt, Cty TNHH ĐT XD và VL Cường Thịnh, Cửa hàng VLXD An Nguyên)	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại cửa hàng	Mức giá từ ngày 20/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	-	-	-	1.450	-	-	-	-	-
93	Gạch xây	Gạch Demi - Trung Dân	viên			Công ty TNHH ĐT XD và VL Cường Thịnh. (Đc: 573 Tân Tiến, Tân Lập, Tân Biên, Tây Ninh - Dt: 0966020720). Phiếu khảo sát tại cửa hàng	Việt Nam	Không có thông tin	Giá tại cửa hàng	Mức giá được áp dụng từ ngày 20/7/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	-	-	-	700	-	-	-	-	-
94	Thép xây dựng	Thép dây mạ kẽm Z08 phủ CR: 0.58mmx 1200mm TCT SGC 340	kg	JIS G3302.	340.0mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sông Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Dt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa Long An	Giá bán đã bao gồm vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá bán tăng	24.350	24.350	24.350	24.350	24.350	24.350	24.350	24.350	24.350
95	Thép xây dựng	Thép dây mạ kẽm Z08 phủ CR: 0.75mmx1200mm TCT SGC 340	kg	JIS G3302.	340.0mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sông Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Dt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa Long An	Giá bán đã bao gồm vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá bán tăng	23.850	23.850	23.850	23.850	23.850	23.850	23.850	23.850	23.850
96	Thép xây dựng	Thép dây mạ kẽm Z08 phủ CR: 0.95mmx 1200mm TCT SGC 340	kg	JIS G3302.	340.0mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sông Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Dt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa Long An	Giá bán đã bao gồm vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá bán tăng	23.400	23.400	23.400	23.400	23.400	23.400	23.400	23.400	23.400
97	Thép xây dựng	Thép dây mạ kẽm Z08 phủ CR: 1 15mmx 1200mm TCT SGC 340	kg	JISG33O2.	340.0mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sông Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Dt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa Long An	Giá bán đã bao gồm vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá bán tăng	23.050	23.050	23.050	23.050	23.050	23.050	23.050	23.050	23.050
98	Thép xây dựng	Thép dây mạ kẽm Z08 phủ CR: 0.58mmx 1200mm TCT SGC 340 (mạ không bông)	kg	JISG3302.	340.0mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sông Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Dt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa Long An	Giá bán đã bao gồm vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá bán tăng	25.350	25.350	25.350	25.350	25.350	25.350	25.350	25.350	25.350
99	Thép xây dựng	Thép dây mạ kẽm Z08 phủ CR: 0.75mmx 1200mm TCT SGC 340 (mạ không bông)	kg	JISG3302.	340.0mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sông Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Dt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa Long An	Giá bán đã bao gồm vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá bán tăng	24.850	24.850	24.850	24.850	24.850	24.850	24.850	24.850	24.850

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)(đồng)								
												Khu vực TP. Tây Ninh	Khu vực TX.Trảng Bàng	Khu vực TX. Hoà Thành	Khu vực H.Tân Biên	Khu vực H.Tân Châu	Khu vực H. Châu Thành	Khu vực H.Dương Minh Châu	Khu vực H. Bến Cầu	Khu vực H. Gò Dầu
100	Thép xây dựng	Thép dây mạ kẽm Z08 phủ CR: 0.95mmx 1200mm TCT SGC 340 (mạ không bông)	kg	JIS G3302.	340.0mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Dc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sông Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Dt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa Long An	Giá bán đã bao gồm vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá bán tăng	24.400	24.400	24.400	24.400	24.400	24.400	24.400	24.400	24.400
101	Thép xây dựng	Thép dây mạ kẽm Z08 phủ CR: 1.15mmx 1200mm TCT SGC 340 (mạ không bông)	kg	JIS G3302.	340.0mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Dc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sông Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Dt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa Long An	Giá bán đã bao gồm vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá bán tăng	24.050	24.050	24.050	24.050	24.050	24.050	24.050	24.050	24.050
102	Thép xây dựng	Thép ống nhúng kẽm: 21.2mmx 1.90mmx6.0m	kg	TCCS HS03:2021	0.0mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Dc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sông Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Dt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa Long An	Giá bán đã bao gồm vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá bán tăng	26.260	26.260	26.260	26.260	26.260	26.260	26.260	26.260	26.260
103	Thép xây dựng	Thép ống nhúng kẽm: 21.2mmx2.10mmx6.0m	kg	TCCS HS03:2021	0.0mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Dc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sông Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Dt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa Long An	Giá bán đã bao gồm vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá bán tăng	25.460	25.460	25.460	25.460	25.460	25.460	25.460	25.460	25.460
104	Thép xây dựng	Thép ống nhúng kẽm: 21.2mmx2.30mmx6.0m	kg	TCCS HS03:2021	0.0mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Dc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sông Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Dt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa Long An	Giá bán đã bao gồm vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá bán tăng	25.460	25.460	25.460	25.460	25.460	25.460	25.460	25.460	25.460
105	Thép xây dựng	Thép ống nhúng kẽm: 21.2mmx2.60mmx6.0m	kg	TCCS HS03:2021	0.0mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Dc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sông Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Dt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa Long An	Giá bán đã bao gồm vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá bán tăng	25.160	25.160	25.160	25.160	25.160	25.160	25.160	25.160	25.160
106	Thép xây dựng	Thép ống nhúng kẽm: 26.65mmx1.60mmx6.0m	kg	TCCS HS03:2021	0.0mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Dc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sông Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Dt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa Long An	Giá bán đã bao gồm vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá bán tăng	27.160	27.160	27.160	27.160	27.160	27.160	27.160	27.160	27.160
107	Thép xây dựng	Thép ống nhúng kẽm: 26.65mmx1.90mmx6.0m	kg	TCCS HS03:2021	0.0mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Dc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sông Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Dt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa Long An	Giá bán đã bao gồm vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá bán tăng	26.260	26.260	26.260	26.260	26.260	26.260	26.260	26.260	26.260
108	Thép xây dựng	Thép ống nhúng kẽm: 26.65mmx2.10mmx6.0m	kg	TCCS HS03:2021	0.0mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Dc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sông Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Dt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa Long An	Giá bán đã bao gồm vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá bán tăng	25.460	25.460	25.460	25.460	25.460	25.460	25.460	25.460	25.460
109	Thép xây dựng	Thép ống nhúng kẽm: 26.65mmx2.30mmx6.0m	kg	TCCS HS03:2021	0.0mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Dc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sông Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Dt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa Long An	Giá bán đã bao gồm vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá bán tăng	25.460	25.460	25.460	25.460	25.460	25.460	25.460	25.460	25.460
110	Thép xây dựng	Thép ống nhúng kẽm: 26.65mmx2.60mmx6.0m	kg	TCCS HS03:2021	0.0mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Dc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sông Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Dt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa Long An	Giá bán đã bao gồm vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá bán tăng	25.160	25.160	25.160	25.160	25.160	25.160	25.160	25.160	25.160
111	Thép xây dựng	Thép ống nhúng kẽm: 33.5mmx1.90mmx6.0m	kg	TCCS HS03:2021	0.0mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Dc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sông Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Dt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa Long An	Giá bán đã bao gồm vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá bán tăng	26.260	26.260	26.260	26.260	26.260	26.260	26.260	26.260	26.260
112	Thép xây dựng	Thép ống nhúng kẽm. 33.5mmx2. 10mmx6.0m	kg	TCCS HS03:2021	0.0mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Dc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sông Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Dt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa Long An	Giá bán đã bao gồm vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá bán tăng	25.460	25.460	25.460	25.460	25.460	25.460	25.460	25.460	25.460
113	Thép xây dựng	Thép ống nhúng kẽm: 33.5mmx2.30mmx6.0m	kg	TCCS HS03:2021	0.0mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Dc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sông Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Dt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa Long An	Giá bán đã bao gồm vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá bán tăng	25.460	25.460	25.460	25.460	25.460	25.460	25.460	25.460	25.460
114	Thép xây dựng	thép ống nhúng kẽm: 33.5mmx2.60mmx6.0m	kg	TCCS HS03:2021	0.0mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Dc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sông Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Dt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa Long An	Giá bán đã bao gồm vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá bán tăng	25.160	25.160	25.160	25.160	25.160	25.160	25.160	25.160	25.160
115	Thép xây dựng	thép ống nhúng kẽm: 33.5mmx3.20mmx6.0m	kg	TCCS HS03:2021	0.0mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Dc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sông Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Dt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa Long An	Giá bán đã bao gồm vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá bán tăng	25.160	25.160	25.160	25.160	25.160	25.160	25.160	25.160	25.160
116	Thép xây dựng	thép ống nhúng kẽm: 33.5mmx4.00mmx6.0m	kg	TCCS HS03:2021	0.0mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Dc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sông Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Dt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa Long An	Giá bán đã bao gồm vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá bán tăng	25.160	25.160	25.160	25.160	25.160	25.160	25.160	25.160	25.160
117	Thép xây dựng	thép ống nhúng kẽm: 42.2mmx1 .90mmx6.0m	kg	TCCS HS03:2021	0.0mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Dc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sông Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Dt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa Long An	Giá bán đã bao gồm vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá bán tăng	26.260	26.260	26.260	26.260	26.260	26.260	26.260	26.260	26.260
118	Thép xây dựng	thép ống nhúng kẽm: 42.2mmx2. 10mmx6.0m	kg	TCCS HS03:2021	0.0mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Dc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sông Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Dt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa Long An	Giá bán đã bao gồm vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá bán tăng	25.460	25.460	25.460	25.460	25.460	25.460	25.460	25.460	25.460
119	Thép xây dựng	thép ống nhúng kẽm: 42.2mmx2.30mmx6.0m	kg	TCCS HS03:2021	0.0mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Dc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sông Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Dt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa Long An	Giá bán đã bao gồm vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá bán tăng	25.460	25.460	25.460	25.460	25.460	25.460	25.460	25.460	25.460
120	Thép xây dựng	thép ống nhúng kẽm: 42.2mmx2.60mmx6.0m	kg	TCCS HS03:2021	0.0mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Dc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sông Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Dt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa Long An	Giá bán đã bao gồm vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá bán tăng	25.160	25.160	25.160	25.160	25.160	25.160	25.160	25.160	25.160

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)(đồng)								
												Khu vực TP. Tây Ninh	Khu vực TX.Trảng Bàng	Khu vực TX. Hoà Thành	Khu vực H.Tân Biên	Khu vực H.Tân Châu	Khu vực H. Châu Thành	Khu vực H.Dương Minh Châu	Khu vực H. Bến Cầu	Khu vực H. Gò Dầu
121	Thép xây dựng	thép ống nhúng kẽm: 42.2mmx3.20mmx6.0m	kg	TCCS HS03:2021	0.0mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Dt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa Long An	Giá bán đã bao gồm vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá bán tăng	25.160	25.160	25.160	25.160	25.160	25.160	25.160	25.160	25.160
122	Thép xây dựng	thép ống nhúng kẽm: 42.2mmx3.60mmx6.0m	kg	TCCS HS03:2021	0.0mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Dt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa Long An	Giá bán đã bao gồm vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá bán tăng	25.160	25.160	25.160	25.160	25.160	25.160	25.160	25.160	25.160
123	Thép xây dựng	thép ống nhúng kẽm: 48.1mmxl.90mmx6.0m	kg	TCCS HS03:2021	0.0mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Dt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa Long An	Giá bán đã bao gồm vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá bán tăng	26.260	26.260	26.260	26.260	26.260	26.260	26.260	26.260	26.260
124	Thép xây dựng	thép ống nhúng kẽm: 48.1mmx2.10mmx6.0m	kg	TCCS HS03:2021	0.0mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Dt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa Long An	Giá bán đã bao gồm vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá bán tăng	25.460	25.460	25.460	25.460	25.460	25.460	25.460	25.460	25.460
125	Thép xây dựng	Thép ống nhúng kẽm: 48. 1mmx2.60mmx6.0m	kg	TCCS HS03:2021	0.0mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Dt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa Long An	Giá bán đã bao gồm vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá bán tăng	25.160	25.160	25.160	25.160	25.160	25.160	25.160	25.160	25.160
126	Thép xây dựng	Thép ống nhúng kẽm: 48.1mmx2.90mmx6.0m	kg	TCCS HS03:2021	0.0mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Dt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa Long An	Giá bán đã bao gồm vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá bán tăng	25.160	25.160	25.160	25.160	25.160	25.160	25.160	25.160	25.160
127	Thép xây dựng	Thép ống nhúng kẽm: 48.1mmx3.20mmx6.0m	kg	TCCS HS03:2021	0.0mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Dt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa Long An	Giá bán đã bao gồm vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá bán tăng	25.160	25.160	25.160	25.160	25.160	25.160	25.160	25.160	25.160
128	Thép xây dựng	Thép ống nhúng kẽm. 48.1mmx3.60mmx6.0m	kg	TCCS HS03:2021	0.0mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Dt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa Long An	Giá bán đã bao gồm vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá bán tăng	25.160	25.160	25.160	25.160	25.160	25.160	25.160	25.160	25.160
129	Thép xây dựng	Thép ống nhúng kẽm: 59.9mmx1.90mmx6.0m	kg	TCCS HS03:2021	0.0mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Dt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa Long An	Giá bán đã bao gồm vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá bán tăng	26.260	26.260	26.260	26.260	26.260	26.260	26.260	26.260	26.260
130	Thép xây dựng	Thép ống nhúng kẽm: 59.9mmx2. 10mmx6.0m	kg	TCCS HS03:2021	0.0mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Dt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa Long An	Giá bán đã bao gồm vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá bán tăng	25.460	25.460	25.460	25.460	25.460	25.460	25.460	25.460	25.460
131	Thép xây dựng	Thép ống nhúng kẽm: 59.9mmx2.30mmx6.0m	kg	TCCS HS03:2021	0.0mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Dt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa Long An	Giá bán đã bao gồm vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá bán tăng	25.460	25.460	25.460	25.460	25.460	25.460	25.460	25.460	25.460
132	Thép xây dựng	Thép ống nhúng kẽm: 59.9mmx2.60mmx6.0m	kg	TCCS HS03.2021	0.0mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Dt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa Long An	Giá bán đã bao gồm vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá bán tăng	25.160	25.160	25.160	25.160	25.160	25.160	25.160	25.160	25.160
133	Thép xây dựng	Thép ống nhúng kẽm: 59.9mmx2.90mmx6.0m	kg	TCCS HS03:2021	0.0mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Dt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa Long An	Giá bán đã bao gồm vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá bán tăng	25.160	25.160	25.160	25.160	25.160	25.160	25.160	25.160	25.160
134	Thép xây dựng	Thép ống nhúng kẽm: 59.9mmx3.20mmx6.0m	kg	TCCS HSO3:2O21	0.0mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Dt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa Long An	Giá bán đã bao gồm vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá bán tăng	25.160	25.160	25.160	25.160	25.160	25.160	25.160	25.160	25.160
135	Thép xây dựng	Thép ống nhúng kẽm: 59.9mmx3.60mmx6.0m	kg	TCCS HS03:2021	0.0mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Dt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa Long An	Giá bán đã bao gồm vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá bán tăng	25.160	25.160	25.160	25.160	25.160	25.160	25.160	25.160	25.160
136	Thép xây dựng	Thép ống nhúng kẽm: 75.6mmx2. 10mmx6.0m	kg	TCCS HS03:2021	0.0mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Dt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa Long An	Giá bán đã bao gồm vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá bán tăng	25.460	25.460	25.460	25.460	25.460	25.460	25.460	25.460	25.460
137	Thép xây dựng	Thép ống nhúng kẽm: 75.6mmx2.60mmx6.0m	kg	TCCS HS03 2021	0.0mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Dt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa Long An	Giá bán đã bao gồm vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá bán tăng	25.160	25.160	25.160	25.160	25.160	25.160	25.160	25.160	25.160
138	Thép xây dựng	Thép ống nhúng kẽm: 75.6mmx2.90mmx6.0m	kg	TCCS HS03:2021	0.0mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Dt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa Long An	Giá bán đã bao gồm vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá bán tăng	25.160	25.160	25.160	25.160	25.160	25.160	25.160	25.160	25.160
139	Thép xây dựng	Thép ống nhúng kẽm: 75.6mmx3.20mmx6.0m	kg	TCCS HS03:2021	0.0mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Dt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa Long An	Giá bán đã bao gồm vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá bán tăng	25.160	25.160	25.160	25.160	25.160	25.160	25.160	25.160	25.160
140	Thép xây dựng	Thép ống nhúng kẽm: 75.6mmx3.60mmx6.0m	kg	TCCS HS03:2021	0.0mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Dt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa Long An	Giá bán đã bao gồm vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá bán tăng	25.160	25.160	25.160	25.160	25.160	25.160	25.160	25.160	25.160
141	Thép xây dựng	Thép ống nhúng kẽm: 88.3mmx2.10mmx6.0m	kg	TCCS HS03:2021	0.0mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Dt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa Long An	Giá bán đã bao gồm vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá bán tăng	25.460	25.460	25.460	25.460	25.460	25.460	25.460	25.460	25.460

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)(đồng)								
												Khu vực TP. Tây Ninh	Khu vực TX.Trảng Bàng	Khu vực TX. Hoà Thành	Khu vực H.Tân Biên	Khu vực H.Tân Châu	Khu vực H. Châu Thành	Khu vực H.Dương Minh Châu	Khu vực H. Bến Cầu	Khu vực H. Gò Dầu
142	Thép xây dựng	Thép ống nhúng kẽm: 88.3mmx2.60mmx6.0m	kg	TCCS HS03:2021	0.0mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Dc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sông Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Dt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa Long An	Giá bán đã bao gồm vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá bán tăng	25.160	25.160	25.160	25.160	25.160	25.160	25.160	25.160	25.160
143	Thép xây dựng	Thép ống nhúng kẽm: 88.3mm.x2.90mmx6.0m	kg	TCCS HS03:2021	0.0mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Dc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sông Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Dt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa Long An	Giá bán đã bao gồm vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá bán tăng	25.160	25.160	25.160	25.160	25.160	25.160	25.160	25.160	25.160
144	Thép xây dựng	Thép ống nhúng kẽm: 88.3mmx3.20mmx6.0m	kg	TCCS HS03:2021	0.0mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Dc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sông Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Dt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa Long An	Giá bán đã bao gồm vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá bán tăng	25.160	25.160	25.160	25.160	25.160	25.160	25.160	25.160	25.160
145	Thép xây dựng	Thép ống nhúng kẽm: 88.3mmx4.00mmx6.0m	kg	TCCS HS03:2021	0.0mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Dc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sông Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Dt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa Long An	Giá bán đã bao gồm vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá bán tăng	25.160	25.160	25.160	25.160	25.160	25.160	25.160	25.160	25.160
146	Thép xây dựng	Thép ống nhúng kẽm: 113.5mmx2.60mmx6.0m	kg	TCCS HS03 2021	0.0mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Dc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sông Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Dt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa Long An	Giá bán đã bao gồm vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá bán tăng	25.160	25.160	25.160	25.160	25.160	25.160	25.160	25.160	25.160
147	Thép xây dựng	Thép ống nhúng kẽm: 113.5mmx2.90mmx6.0m	kg	TCCS HS03:2021	0.0mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Dc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sông Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Dt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa Long An	Giá bán đã bao gồm vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá bán tăng	25.160	25.160	25.160	25.160	25.160	25.160	25.160	25.160	25.160
148	Thép xây dựng	thép ống nhúng kẽm: 113.5mmx3.20mmx6.0m	kg	CCS HS03:2021	0.0mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Dc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sông Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Dt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa Long An	Giá bán đã bao gồm vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá bán tăng	25.160	25.160	25.160	25.160	25.160	25.160	25.160	25.160	25.160
149	Thép xây dựng	thép ống nhúng kẽm: 113.5mmx3.60mmx6.0m	kg	CCCS HS03:2021	0.0mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Dc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sông Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Dt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa Long An	Giá bán đã bao gồm vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá bán tăng	25.160	25.160	25.160	25.160	25.160	25.160	25.160	25.160	25.160
150	Thép xây dựng	Thép ống nhúng kẽm: 113.5mmx4.00mmx6.0m	kg	CCCS HS03:2021	0.0mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Dc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sông Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Dt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa Long An	Giá bán đã bao gồm vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá bán tăng	25.160	25.160	25.160	25.160	25.160	25.160	25.160	25.160	25.160
151	Thép xây dựng	Thép ống nhúng kẽm: 113.5mmx4.50mmx6.0m	kg	CCCS HS03:2021	0.0mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Dc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sông Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Dt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa Long An	Giá bán đã bao gồm vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá bán tăng	25.160	25.160	25.160	25.160	25.160	25.160	25.160	25.160	25.160
152	Thép xây dựng	thép ống nhúng kẽm: 113.5mmx4.60mmx6.0m	kg	CCCS HS03:2021	0.0mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Dc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sông Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Dt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa Long An	Giá bán đã bao gồm vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá bán tăng	25.160	25.160	25.160	25.160	25.160	25.160	25.160	25.160	25.160
153	Thép xây dựng	thép ống nhúng kẽm: 141.3mmx3.96mmx6.0m	kg	CCCS HS03:2021	0.0mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Dc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sông Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Dt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa Long An	Giá bán đã bao gồm vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá bán tăng	25.360	25.360	25.360	25.360	25.360	25.360	25.360	25.360	25.360
154	Thép xây dựng	thép ống nhúng kẽm: 141.3mmx4.78mmx6.0m	kg	CCCS HS03:2021	0.0mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Dc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sông Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Dt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa Long An	Giá bán đã bao gồm vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá bán tăng	25.360	25.360	25.360	25.360	25.360	25.360	25.360	25.360	25.360
155	Thép xây dựng	Thép ống nhúng kẽm: 168.3mmx3.96mmx6.0m	kg	CCCS HS03:2021	0.0mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Dc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sông Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Dt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa Long An	Giá bán đã bao gồm vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá bán tăng	25.360	25.360	25.360	25.360	25.360	25.360	25.360	25.360	25.360
156	Thép xây dựng	Thép ống nhúng kẽm: 168.3mmx4.78mmx6.0m	kg	CCCS HS03:2021	0.0mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Dc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sông Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Dt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa Long An	Giá bán đã bao gồm vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá bán tăng	25.360	25.360	25.360	25.360	25.360	25.360	25.360	25.360	25.360
157	Thép xây dựng	thép hộp mạ kẽm Z080: 13mmx26mmx0.80mmx6.0m	kg	ASTM A500/A500M	0.0mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Dc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sông Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Dt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa Long An	Giá bán đã bao gồm vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá bán tăng	22.190	22.190	22.190	22.190	22.190	22.190	22.190	22.190	22.190
158	Thép xây dựng	thép hộp mạ kẽm Z080: 13mmx26mmx0.90mmx6.0m	kg	ASTM A500/A500M	0.0mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Dc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sông Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Dt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa Long An	Giá bán đã bao gồm vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá bán tăng	22.190	22.190	22.190	22.190	22.190	22.190	22.190	22.190	22.190
159	Thép xây dựng	thép hộp mạ kẽm Z080: l3mmx26mmxl.00mmx6.0m	kg	ASTM A500/A500M	0.0mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Dc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sông Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Dt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa Long An	Giá bán đã bao gồm vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá bán tăng	22.000	22.000	22.000	22.000	22.000	22.000	22.000	22.000	22.000
160	Thép xây dựng	Thép hộp mạ kẽm Z080: 13mmx26mmx1.10mmx6.0m	kg	ASTM A500/A500M	0.0mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Dc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sông Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Dt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa Long An	Giá bán đã bao gồm vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá bán tăng	22.000	22.000	22.000	22.000	22.000	22.000	22.000	22.000	22.000
161	Thép xây dựng	Thép hộp mạ kẽm Z080: 14mmxl4mmx0.80mmx6.0m	kg	ASTM A500/A500M	0.0mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Dc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sông Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Dt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa Long An	Giá bán đã bao gồm vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá bán tăng	22.190	22.190	22.190	22.190	22.190	22.190	22.190	22.190	22.190
162	Thép xây dựng	Thép hộp mạ kẽm Z080: 14mmxl4mmx0.90mmx6.0m	kg	ASTM A500/A500M	0.0mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Dc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sông Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Dt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa Long An	Giá bán đã bao gồm vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá bán tăng	22.190	22.190	22.190	22.190	22.190	22.190	22.190	22.190	22.190

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)(đồng)							
												Khu vực TP. Tây Ninh	Khu vực TX.Trảng Bàng	Khu vực TX. Hoà Thành	Khu vực H.Tân Biên	Khu vực H.Tân Châu	Khu vực H. Châu Thành	Khu vực H.Dương Minh Châu	Khu vực H. Bến Cầu	Khu vực H. Gò Dầu
163	Thép xây dựng	Thép hộp mạ kẽm Z080: 14mmx14mmx1.00mmx6.0m	kg	ASTM A500/A500M	0.0mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Dt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa Long An	Giá bán đã bao gồm vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá bán tăng	22.000	22.000	22.000	22.000	22.000	22.000	22.000	22.000	22.000
164	Thép xây dựng	Thép hộp mạ kẽm Z080: 14mmx14mmx1.10mmx6.0m	kg	ASTM A500/A500M	0.0mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Dt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa Long An	Giá bán đã bao gồm vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá bán tăng	22.000	22.000	22.000	22.000	22.000	22.000	22.000	22.000	22.000
165	Thép xây dựng	Thép hộp mạ kẽm Z080: 20mmx20mmx0.90mmx6.0m	kg	ASTM A500/A500M	0.0mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Dt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa Long An	Giá bán đã bao gồm vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá bán tăng	22.190	22.190	22.190	22.190	22.190	22.190	22.190	22.190	22.190
166	Thép xây dựng	Thép hộp mạ kẽm Z080: 20mmx20mmx1.00mmx6.0m	kg	ASTM A500/A500M	0.0mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Dt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa Long An	Giá bán đã bao gồm vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá bán tăng	22.000	22.000	22.000	22.000	22.000	22.000	22.000	22.000	22.000
167	Thép xây dựng	Thép hộp mạkẽmZ080: 20mmx20mmx 1.10mmx6.0m	kg	ASTM A500/A500M	0.0mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Dt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa Long An	Giá bán đã bao gồm vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá bán tăng	22.000	22.000	22.000	22.000	22.000	22.000	22.000	22.000	22.000
168	Thép xây dựng	Thép hộp mạ kẽm Z080: 20mmx20mmx1.20mmx6.0m	kg	ASTM A500/A500M	0.0mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Dt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa Long An	Giá bán đã bao gồm vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá bán tăng	22.000	22.000	22.000	22.000	22.000	22.000	22.000	22.000	22.000
169	Thép xây dựng	Thép hộp mạ kẽm Z080: 20mmx20mmx1.40mmx6.0m	kg	ASTM A500/A500M	0.0mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Dt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa Long An	Giá bán đã bao gồm vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá bán tăng	22.000	22.000	22.000	22.000	22.000	22.000	22.000	22.000	22.000
170	Thép xây dựng	Thép hộp mạ kẽm Z080: 25mmx25mmx0.80mmx6.0m	kg	ASTM A500/A500M	0.0mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Dt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa Long An	Giá bán đã bao gồm vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá bán tăng	22.190	22.190	22.190	22.190	22.190	22.190	22.190	22.190	22.190
171	Thép xây dựng	Thép hộp mạ kẽm Z080. 25mmx25mmx1.00mmx6.0m	kg	ASTM A500/A500M	0.0mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Dt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa Long An	Giá bán đã bao gồm vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá bán tăng	22.000	22.000	22.000	22.000	22.000	22.000	22.000	22.000	22.000
172	Thép xây dựng	Thép hộp mạ kẽm Z080: 25mmx25mmx1.10mmx6.0m	kg	ASTM A500/A500M	0.0mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Dt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa Long An	Giá bán đã bao gồm vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá bán tăng	22.000	22.000	22.000	22.000	22.000	22.000	22.000	22.000	22.000
173	Thép xây dựng	Thép hộp mạ kẽm Z080: 25mmx25mmx1.20mmx6.0m	kg	ASTM A500/A500M	0.0mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Dt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa Long An	Giá bán đã bao gồm vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá bán tăng	22.000	22.000	22.000	22.000	22.000	22.000	22.000	22.000	22.000
174	Thép xây dựng	Thép hộp mạ kẽm Z080: 25mmx25mmx1.40mmx6.0m	kg	ASTM A500/A500M	0.0mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Dt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa Long An	Giá bán đã bao gồm vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá bán tăng	22.000	22.000	22.000	22.000	22.000	22.000	22.000	22.000	22.000
175	Thép xây dựng	Thép hộp mạ kẽm Z080: 20mmx40mmx0.80mmx6.0m	kg	ASTM A500/A500M	0.0mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Dt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa Long An	Giá bán đã bao gồm vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá bán tăng	21.790	21.790	21.790	21.790	21.790	21.790	21.790	21.790	21.790
176	Thép xây dựng	Thep hộp mạ kẽm Z080: 20mmx40mmx1.00mmx6.0m	kg	ASTM A500/A500M	0.0mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Dt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa Long An	Giá bán đã bao gồm vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá bán tăng	21.600	21.600	21.600	21.600	21.600	21.600	21.600	21.600	21.600
177	Thép xây dựng	Thép hộp mạ kẽm Z080: 20mmx40mmx 1. 10mmx6.0m	kg	ASTM A500/A500M	0.0mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Dt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa Long An	Giá bán đã bao gồm vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá bán tăng	21.600	21.600	21.600	21.600	21.600	21.600	21.600	21.600	21.600
178	Thép xây dựng	Thép hộp mạ kẽm Z080: 20mmx40mmx1 .20mmx6.0m	kg	ASTM A500/A500M	0.0mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Dt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa Long An	Giá bán đã bao gồm vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá bán tăng	21.600	21.600	21.600	21.600	21.600	21.600	21.600	21.600	21.600
179	Thép xây dựng	thép hộp mạ kẽm Z080. 20mmx40mmx1.40mmx6.0m	kg	ASTM A500/A500M	0.0mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Dt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa Long An	Giá bán đã bao gồm vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá bán tăng	21.600	21.600	21.600	21.600	21.600	21.600	21.600	21.600	21.600
180	Thép xây dựng	Thép hộp mạ kẽm Z080. 25mmx50mmx0.90mmx6.0m	kg	ASTM A500/A500M	0.0mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Dt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa Long An	Giá bán đã bao gồm vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá bán tăng	21.790	21.790	21.790	21.790	21.790	21.790	21.790	21.790	21.790
181	Thép xây dựng	thép hộp mạ kẽm Z080: 25x1x50mmx1.00mmx6.0m	kg	ASTM A500/A500M	0.0mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Dt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa Long An	Giá bán đã bao gồm vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá bán tăng	21.600	21.600	21.600	21.600	21.600	21.600	21.600	21.600	21.600
182	Thép xây dựng	thép hộp mạ kẽm Z080: 25mmx50mmx1.10mmx6.0m	kg	ASTM A500/A500M	0.0mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Dt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa Long An	Giá bán đã bao gồm vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá bán tăng	21.600	21.600	21.600	21.600	21.600	21.600	21.600	21.600	21.600
183	Thép xây dựng	Thép hộp mạ kẽm Z080: 25mmx50mmx1.20mmx6.0m	kg	ASTM A500/A500M	0.0mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Dt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa Long An	Giá bán đã bao gồm vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá bán tăng	21.600	21.600	21.600	21.600	21.600	21.600	21.600	21.600	21.600

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)(đồng)								
												Khu vực TP. Tây Ninh	Khu vực TX.Trảng Bàng	Khu vực TX. Hoà Thành	Khu vực H.Tân Biên	Khu vực H.Tân Châu	Khu vực H. Châu Thành	Khu vực H.Dương Minh Châu	Khu vực H. Bến Cầu	Khu vực H. Gò Dầu
184	Thép xây dựng	thép hộp mạ kẽm Z080: 25mmx50mmx1.40mmx6.0m	kg	ASTM A500/A500M	0.0mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Dt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa Long An	Giá bán đã bao gồm vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá bán tăng	21.600	21.600	21.600	21.600	21.600	21.600	21.600	21.600	21.600
185	Thép xây dựng	Thép hộp mạ kẽm Z080: 30mmx30mmx0.90mmx6.0m	kg	ASTM A500/A500M	0.0mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Dt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa Long An	Giá bán đã bao gồm vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá bán tăng	21.790	21.790	21.790	21.790	21.790	21.790	21.790	21.790	21.790
186	Thép xây dựng	Thép hộp mạ kẽm Z080; 30mmx30mmx1.00mmx6.0m	kg	ASTM A500/A500M	0.0mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Dt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa Long An	Giá bán đã bao gồm vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá bán tăng	21.600	21.600	21.600	21.600	21.600	21.600	21.600	21.600	21.600
187	Thép xây dựng	thép hộp mạ kẽm Z080: 30mmx30mmx1.10mmx6.0m	kg	ASTM A500/A500M	0.0mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Dt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa Long An	Giá bán đã bao gồm vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá bán tăng	21.600	21.600	21.600	21.600	21.600	21.600	21.600	21.600	21.600
188	Thép xây dựng	thép hộp mạ kẽm Z080: 30mmx30mmx1.20mmx6.0m	kg	ASTM A500/A500M	0.0mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Dt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa Long An	Giá bán đã bao gồm vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá bán tăng	21.600	21.600	21.600	21.600	21.600	21.600	21.600	21.600	21.600
189	Thép xây dựng	Thép hộp mạ kẽm Z080: 30mmx30mmx1.40mmx6.0m	kg	ASTM A500/A500M	0.0mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Dt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa Long An	Giá bán đã bao gồm vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá bán tăng	21.600	21.600	21.600	21.600	21.600	21.600	21.600	21.600	21.600
190	Thép xây dựng	thép hộp mạ kẽm Z080: 30mmx60mmx0.90mmx6.0m	kg	ASTM A500/A500M	0.0mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Dt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa Long An	Giá bán đã bao gồm vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá bán tăng	21.790	21.790	21.790	21.790	21.790	21.790	21.790	21.790	21.790
191	Thép xây dựng	thép hộp mạ kẽm Z080: 30mmx60mmx1.00mmx6.0m	kg	ASTM A500/A500M	0.0mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Dt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa Long An	Giá bán đã bao gồm vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá bán tăng	21.600	21.600	21.600	21.600	21.600	21.600	21.600	21.600	21.600
192	Thép xây dựng	thép hộp mạ kẽm Z080: 30mmx60mmx1.10mmx6.0m	kg	ASTM A500/A500M	0.0mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Dt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa Long An	Giá bán đã bao gồm vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá bán tăng	21.600	21.600	21.600	21.600	21.600	21.600	21.600	21.600	21.600
193	Thép xây dựng	Thép hộp mạ kẽm Z080: 30mmx60mmx1.20mmx6.0m	kg	ASTM A500/A500M	0.0mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Dt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa Long An	Giá bán đã bao gồm vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá bán tăng	21.600	21.600	21.600	21.600	21.600	21.600	21.600	21.600	21.600
194	Thép xây dựng	Thép hộp mạ kẽm Z080: 30mmx60mmx1.40mmx6.0m	kg	ASTM A500/A500M	0.0mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Dt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa Long An	Giá bán đã bao gồm vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá bán tăng	21.600	21.600	21.600	21.600	21.600	21.600	21.600	21.600	21.600
195	Thép xây dựng	thép hộp mạ kẽm Z120: 30mmx60mmx1.80mmx6.0m	kg	ASTM A500/A500M	0.0mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Dt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa Long An	Giá bán đã bao gồm vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá bán tăng	21.400	21.400	21.400	21.400	21.400	21.400	21.400	21.400	21.400
196	Thép xây dựng	Thép hộp mạ kẽm Z080: 30mmx90mmx 1.1 ommx6.0m	kg	ASTM A500/A500M	0.0mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Dt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa Long An	Giá bán đã bao gồm vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá bán tăng	21.600	21.600	21.600	21.600	21.600	21.600	21.600	21.600	21.600
197	Thép xây dựng	Thép hộp mạ kẽm Z080: 30mmx90mmx1.20mmx6.0m	kg	ASTM A500/A500M	0.0mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Dt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa Long An	Giá bán đã bao gồm vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá bán tăng	21.600	21.600	21.600	21.600	21.600	21.600	21.600	21.600	21.600
198	Thép xây dựng	Thép hộp mạ kẽm Z080: 30mmx90mmx1.40mmx6.0m	kg	ASTM A500/A500M	0.0mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Dt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa Long An	Giá bán đã bao gồm vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá bán tăng	21.600	21.600	21.600	21.600	21.600	21.600	21.600	21.600	21.600
199	Thép xây dựng	Thép hộp mạ kẽm Z080: 40mmx40mmx100mmx6.0m	kg	ASTM A500/A500M	0.0mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Dt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa Long An	Giá bán đã bao gồm vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá bán tăng	21.600	21.600	21.600	21.600	21.600	21.600	21.600	21.600	21.600
200	Thép xây dựng	Thép hộp mạ kẽm Z080: 40mmx40mmx1.10mmx6.0m	kg	ASTM A500/A500M	0.0mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Dt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa Long An	Giá bán đã bao gồm vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá bán tăng	21.600	21.600	21.600	21.600	21.600	21.600	21.600	21.600	21.600
201	Thép xây dựng	Thép hộp mạ kẽm Z080: 40mmx40mmx1.20mmx6.0m	kg	ASTM A500/A500M	0.0mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Dt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa Long An	Giá bán đã bao gồm vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá bán tăng	21.600	21.600	21.600	21.600	21.600	21.600	21.600	21.600	21.600
202	Thép xây dựng	Thép hộp mạ kẽm Z080: 40mmx40mmx1.40mmx6.0m	kg	ASTM A500/A500M	0.0mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Dt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa Long An	Giá bán đã bao gồm vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá bán tăng	21.600	21.600	21.600	21.600	21.600	21.600	21.600	21.600	21.600
203	Thép xây dựng	Thép hộp mạ kẽm Z080: 40mmx80mmx1.00mmx6.0m	kg	ASTM A500/A500M	0.0mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Dt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa Long An	Giá bán đã bao gồm vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá bán tăng	21.600	21.600	21.600	21.600	21.600	21.600	21.600	21.600	21.600
204	Thép xây dựng	Thép hộp mạ kẽm 7.080: 40mmx80mmx1.10mmx6.0m	kg	ASTM A500/A500M	0.0mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Dt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa Long An	Giá bán đã bao gồm vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá bán tăng	21.600	21.600	21.600	21.600	21.600	21.600	21.600	21.600	21.600

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)(đồng)								
												Khu vực TP. Tây Ninh	Khu vực TX.Trảng Bàng	Khu vực TX. Hoà Thành	Khu vực H.Tân Biên	Khu vực H.Tân Châu	Khu vực H. Châu Thành	Khu vực H.Dương Minh Châu	Khu vực H. Bến Cầu	Khu vực H. Gò Dầu
205	Thép xây dựng	Thép hộp mạ kẽm Z080: 40mmx80mmx1.20mmx6.0m	kg	ASTM A500/A500M	0.0mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Dc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Dt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa Long An	Giá bán đã bao gồm vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá bán tăng	21.600	21.600	21.600	21.600	21.600	21.600	21.600	21.600	21.600
206	Thép xây dựng	Thép hộp mạ kẽm Z080: 40mmx80mmx1.40mmx6.0m	kg	ASTM A500/A500M	0.0mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Dc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Dt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa Long An	Giá bán đã bao gồm vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá bán tăng	21.600	21.600	21.600	21.600	21.600	21.600	21.600	21.600	21.600
207	Thép xây dựng	Thép hộp mạ kẽm z 120: 40mmx80mmx1.80mmx6.0m	kg	ASTM A500/A500M	0.0mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Dc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Dt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa Long An	Giá bán đã bao gồm vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá bán tăng	21.400	21.400	21.400	21.400	21.400	21.400	21.400	21.400	21.400
208	Thép xây dựng	Thép hộp mạ kẽm Z080: 50mmx50mmx1.10mmx6.0m	kg	ASTM A500/A500M	0.0mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Dc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Dt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa Long An	Giá bán đã bao gồm vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá bán tăng	21.600	21.600	21.600	21.600	21.600	21.600	21.600	21.600	21.600
209	Thép xây dựng	Thép hộp mạ kẽm Z080: 50mmx50mmx1.20mmx6.0m	kg	ASTM A500/A500M	0.0mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Dc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Dt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa Long An	Giá bán đã bao gồm vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá bán tăng	21.600	21.600	21.600	21.600	21.600	21.600	21.600	21.600	21.600
210	Thép xây dựng	Thép hộp mạ kẽm Z080: 50mmx50mmx1.40mmx6.0m	kg	ASTM A500/A500M	0.0mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Dc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Dt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa Long An	Giá bán đã bao gồm vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá bán tăng	21.600	21.600	21.600	21.600	21.600	21.600	21.600	21.600	21.600
211	Thép xây dựng	Thép hộp mạ kẽm Z120: 50mmx50mmx1.80mmx6.0m	kg	ASTM A500/A500M	0.0mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Dc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Dt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa Long An	Giá bán đã bao gồm vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá bán tăng	21.400	21.400	21.400	21.400	21.400	21.400	21.400	21.400	21.400
212	Thép xây dựng	Thép hộp mạ kẽm Z080: 50mmx100mmx1.10mmx6.0m	kg	ASTM A500/A500M	0.0mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Dc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Dt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa Long An	Giá bán đã bao gồm vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá bán tăng	21.600	21.600	21.600	21.600	21.600	21.600	21.600	21.600	21.600
213	Thép xây dựng	thép hộp mạ kẽm Z080: 50mmx100mmx1.20mmx6.0m	kg	ASTM A500/A500M	0.0mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Dc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Dt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa Long An	Giá bán đã bao gồm vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá bán tăng	21.600	21.600	21.600	21.600	21.600	21.600	21.600	21.600	21.600
214	Thép xây dựng	thép hộp mạ kẽm ZC80: 50mmx100mmx1.40mmx6.0m	kg	ASTM A500/A500M	0.0mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Dc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Dt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa Long An	Giá bán đã bao gồm vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá bán tăng	21.600	21.600	21.600	21.600	21.600	21.600	21.600	21.600	21.600
215	Thép xây dựng	thép hộp mạ kẽm Z120: 50mmx100mmx1.80mmx6.0m	kg	ASTM A500/A500M	0.0mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Dc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Dt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa Long An	Giá bán đã bao gồm vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá bán tăng	21.400	21.400	21.400	21.400	21.400	21.400	21.400	21.400	21.400
216	Thép xây dựng	Thép hộp mạ kẽm Z080: 60mmx120mmx1.40mmx6.0m	kg	ASTM A500/A500M	0.0mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Dc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Dt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa Long An	Giá bán đã bao gồm vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá bán tăng	21.400	21.400	21.400	21.400	21.400	21.400	21.400	21.400	21.400
217	Thép xây dựng	thép hộp mạ kẽm Z120: 60mmx120mmx1.80mmx6.0m	kg	ASTM A500/A500M	0.0mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Dc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Dt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa Long An	Giá bán đã bao gồm vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá bán tăng	21.600	21.600	21.600	21.600	21.600	21.600	21.600	21.600	21.600
218	Thép xây dựng	Thép hộp mạ kẽm z 120: 60mmx120mmx2.00mmx6.0m	kg	ASTM A500/A500M	0.0mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Dc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Dt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa Long An	Giá bán đã bao gồm vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá bán tăng	21.600	21.600	21.600	21.600	21.600	21.600	21.600	21.600	21.600
219	Thép xây dựng	Thép hộp mạ kẽm Z080: 75mmx75mmx1.40mmx6.0m	kg	ASTM A500/A500M	0.0mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Dc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Dt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa Long An	Giá bán đã bao gồm vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá bán tăng	21.400	21.400	21.400	21.400	21.400	21.400	21.400	21.400	21.400
220	Thép xây dựng	Thép hộp mạ kẽm Z120: 75mmx75mmx1.80mmx6.0m	kg	ASTM A500/A500M	0.0mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Dc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Dt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa Long An	Giá bán đã bao gồm vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá bán tăng	21.600	21.600	21.600	21.600	21.600	21.600	21.600	21.600	21.600
221	Thép xây dựng	thép hộp mạ kẽm Z080: 90mmx90mmx1.40mmx6.0m	kg	ASTM A500/A500M	0.0mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Dc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Dt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa Long An	Giá bán đã bao gồm vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá bán tăng	21.400	21.400	21.400	21.400	21.400	21.400	21.400	21.400	21.400
222	Thép xây dựng	thép hộp mạ kẽm Z120: 90mmx90mmx1.80mmx6.0m	kg	ASTM A500/A500M	0.0mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Dc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Dt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa Long An	Giá bán đã bao gồm vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá bán tăng	21.600	21.600	21.600	21.600	21.600	21.600	21.600	21.600	21.600
223	Thép xây dựng	thép hộp mạ kẽm Z080: 100mmx100mmx1.40mmx6.0m	kg	ASTM A500/A500M	0.0mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Dc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Dt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa Long An	Giá bán đã bao gồm vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá bán tăng	21.400	21.400	21.400	21.400	21.400	21.400	21.400	21.400	21.400
224	Thép xây dựng	Thép hộp mạ kẽm Z120: 100mmx100mmx1.80mmx6.0m	kg	ASTM A500/A500M	0.0mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Dc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Dt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa Long An	Giá bán đã bao gồm vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá bán tăng	22.000	22.000	22.000	22.000	22.000	22.000	22.000	22.000	22.000
225	Thép xây dựng	thép ống mạ kẽm Z080: 21mmx 1. 10mmx6.0m	kg	ASTM A500/A500M	0.0mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Dc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Dt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa Long An	Giá bán đã bao gồm vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá bán tăng	22.000	22.000	22.000	22.000	22.000	22.000	22.000	22.000	22.000

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)(đồng)							
												Khu vực TP. Tây Ninh	Khu vực TX.Trảng Bàng	Khu vực TX. Hoà Thành	Khu vực H.Tân Biên	Khu vực H.Tân Châu	Khu vực H. Châu Thành	Khu vực H.Dương Minh Châu	Khu vực H. Bến Cầu	Khu vực H. Gò Dầu
226	Thép xây dựng	thép ống mạ kẽm Z080: 21mmx1.40mmx6.0m	kg	ASTM A500/A500M	0.0mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Dt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa Long An	Giá bán đã bao gồm vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá bán tăng	22.000	22.000	22.000	22.000	22.000	22.000	22.000	22.000
227	Thép xây dựng	thép ống mạ kẽm Z080: 27mmx 1.10mmx6.0m	kg	ASTM A500/A500M	0.0mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Dt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa Long An	Giá bán đã bao gồm vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá bán tăng	22.000	22.000	22.000	22.000	22.000	22.000	22.000	22.000
228	Thép xây dựng	Thép ống mạ kẽm Z080: 27mmx1.40mmx6.0m	kg	ASTM A500/A500M	0.0mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Dt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa Long An	Giá bán đã bao gồm vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá bán tăng	22.000	22.000	22.000	22.000	22.000	22.000	22.000	22.000
229	Thép xây dựng	Thép ống mạ kẽm Z080: 34mmx1.10mmx6.0m	kg	ASTM A500/A500M	0.0mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Dt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa Long An	Giá bán đã bao gồm vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá bán tăng	22.000	22.000	22.000	22.000	22.000	22.000	22.000	22.000
230	Thép xây dựng	Thép ống mạ kẽm Z080: 34mmx1.40mmx6.0m	kg	ASTM A500/A500M	0.0mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Dt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa Long An	Giá bán đã bao gồm vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá bán tăng	21.600	21.600	21.600	21.600	21.600	21.600	21.600	21.600
231	Thép xây dựng	Thép ống mạ kẽm Z080: 42mmx1.10mmx6.0m	kg	ASTM A500/A500M	0.0mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Dt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa Long An	Giá bán đã bao gồm vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá bán tăng	21.600	21.600	21.600	21.600	21.600	21.600	21.600	21.600
232	Thép xây dựng	Thép ống mạ kẽm Z080: 42mmx1.40mmx6.0m	kg	ASTM A500/A500M	0.0mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Dt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa Long An	Giá bán đã bao gồm vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá bán tăng	21.600	21.600	21.600	21.600	21.600	21.600	21.600	21.600
233	Thép xây dựng	Thép ống mạ kẽm Z080: 49mmx1.10mmx6.0m	kg	ASTM A500/A500M	0.0mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Dt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa Long An	Giá bán đã bao gồm vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá bán tăng	21.600	21.600	21.600	21.600	21.600	21.600	21.600	21.600
234	Thép xây dựng	Thép ống mạ kẽm Z080: 49mmx1.40mmx6.0m	kg	ASTM A500/A500M	0.0mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Dt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa Long An	Giá bán đã bao gồm vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá bán tăng	21.600	21.600	21.600	21.600	21.600	21.600	21.600	21.600
235	Thép xây dựng	Thép ống mạ kẽm Z080: 60mmx1.10mmx6.0m	kg	ASTM A500/A500M	0.0mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Dt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa Long An	Giá bán đã bao gồm vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá bán tăng	21.600	21.600	21.600	21.600	21.600	21.600	21.600	21.600
236	Thép xây dựng	Thép ống mạ kẽm Z080: 60mmx1 ,40mmx6.0m	kg	ASTM A500/A500M	0.0mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Dt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa Long An	Giá bán đã bao gồm vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá bán tăng	21.600	21.600	21.600	21.600	21.600	21.600	21.600	21.600
237	Thép xây dựng	Thép ống mạ kẽm Z080: 76mmx1.10mmx6.0m	kg	ASTM A500/A500M	0.0mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Dt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa Long An	Giá bán đã bao gồm vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá bán tăng	21.600	21.600	21.600	21.600	21.600	21.600	21.600	21.600
238	Thép xây dựng	Thép ống mạ kẽm Z080: 76mmx 1.40mmx6.0m	kg	ASTM A500/A500M	0.0mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Dt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa Long An	Giá bán đã bao gồm vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá bán tăng	21.600	21.600	21.600	21.600	21.600	21.600	21.600	21.600
239	Thép xây dựng	Thép ống mạ kẽm Z080: 90mmx1.40mmx6.0m	kg	ASTM A500/A500M	0.0mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Dt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa Long An	Giá bán đã bao gồm vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá bán tăng	21.400	21.400	21.400	21.400	21.400	21.400	21.400	21.400
240	Thép xây dựng	Thép ống mạ kẽm Z120: 90mmx1.80mmx6.0m	kg	ASTM A500/A500M	0.0mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Dt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa Long An	Giá bán đã bao gồm vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá bán tăng	21.600	21.600	21.600	21.600	21.600	21.600	21.600	21.600
241	Thép xây dựng	Thép ống mạ kẽm Z080: 1 14mmx1.40mmx6.0m	kg	ASTM A500/A500M	0.0mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Dt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa Long An	Giá bán đã bao gồm vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá bán tăng	21.400	21.400	21.400	21.400	21.400	21.400	21.400	21.400
242	Thép xây dựng	Thép ống mạ kẽm z 120: 114mmx1.80mmx6.0m	kg	ASTM A500/A500M	0.0mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Dt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa Long An	Giá bán đã bao gồm vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá bán tăng	20.810	20.810	20.810	20.810	20.810	20.810	20.810	20.810
243	Thép xây dựng	thép ống đen: độ dày 1.60mmx6.0m	kg	ASTM A500/A500M	0.0mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Dt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa Long An	Giá bán đã bao gồm vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá bán tăng	19.710	19.710	19.710	19.710	19.710	19.710	19.710	19.710
244	Thép xây dựng	Thép ống đen: độ dày > 1.80 - < 2.00mmx6.0m	kg	ASTM A500/A500M	0.0mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Dt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa Long An	Giá bán đã bao gồm vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá bán tăng	19.110	19.110	19.110	19.110	19.110	19.110	19.110	19.110
245	Thép xây dựng	Thép ống đen. độ dày > 2.00mmx6.0m	kg	ASTM A500/A500M	0.0mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Dt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa Long An	Giá bán đã bao gồm vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá bán tăng	16.850	16.850	16.850	16.850	16.850	16.850	16.850	16.850
246	Thép xây dựng	Thép xây dựng dạng bẻ đai VAS 06 CB240-T	kg	JIS G3112	240.0mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Dt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa Long An	Giá bán đã bao gồm vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá bán tăng	16.850	16.850	16.850	16.850	16.850	16.850	16.850	16.850

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)(đồng)								
												Khu vực TP. Tây Ninh	Khu vực TX.Trảng Bàng	Khu vực TX. Hoà Thành	Khu vực H.Tân Biên	Khu vực H.Tân Châu	Khu vực H. Châu Thành	Khu vực H.Dương Minh Châu	Khu vực H. Bến Cầu	Khu vực H. Gò Dầu
247	Thép xây dựng	Thép xây dựng dạng bẻ đai VAS 08 CB240-T	kg	JIS G3112	240.0mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sông Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Dt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa Long An	Giá bán đã bao gồm vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá bán tăng	15.850	15.850	15.850	15.850	15.850	15.850	15.850	15.850	15.850
248	Thép xây dựng	Thép xây dựng dạng cuộn VAS 06 CB240-T	kg	JIS 03112	240.0mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sông Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Dt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa Long An	Giá bán đã bao gồm vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá bán tăng	15.850	15.850	15.850	15.850	15.850	15.850	15.850	15.850	15.850
249	Thép xây dựng	Thép xây dựng dạng cuộn VAS 08 CB240-T	kg	JIS 03112	240.0mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sông Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Dt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa Long An	Giá bán đã bao gồm vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá bán tăng	15.950	15.950	15.950	15.950	15.950	15.950	15.950	15.950	15.950
250	Thép xây dựng	Thép xây dựng dạng cuộn VAS 08 CB300	kg	JIS 03112	300.0mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sông Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Dt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa Long An	Giá bán đã bao gồm vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá bán tăng	16.370	16.370	16.370	16.370	16.370	16.370	16.370	16.370	16.370
251	Thép xây dựng	Thép xây dựng dạng thanh vằn gập VAS D10 CB300, Grade 40	kg	JIS 03112	40.0mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sông Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Dt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa Long An	Giá bán đã bao gồm vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá bán tăng	16.170	16.170	16.170	16.170	16.170	16.170	16.170	16.170	16.170
252	Thép xây dựng	Thép xây dựng dạng thanh vằn gập VKS D12 CB300 Grade 40	kg	JIS 03112	40.0mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sông Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Dt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa Long An	Giá bán đã bao gồm vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá bán tăng	16.170	16.170	16.170	16.170	16.170	16.170	16.170	16.170	16.170
253	Thép xây dựng	Thép xây dựng dạng thanh vằn THS D14 CB300/Grade 40	kg	IS G3112	40.0mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sông Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Dt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa Long An	Giá bán đã bao gồm vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá bán tăng	16.170	16.170	16.170	16.170	16.170	16.170	16.170	16.170	16.170
254	Thép xây dựng	Thép xây dựng dạng thanh vằn VAS D16 CB300/Grade 40	kg	ISG3112	40.0mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sông Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Dt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa Long An	Giá bán đã bao gồm vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá bán tăng	24.600	24.600	24.600	24.600	24.600	24.600	24.600	24.600	24.600
255	Thép xây dựng	Thép dây Hoa Sen Mag Shield ZM080 phủ CR: .58mmx 1200mm G350 TC1	kg	TCCS 01:2015/HSG	1.0mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sông Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Dt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa Long An	Giá bán đã bao gồm vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá bán tăng	24.000	24.000	24.000	24.000	24.000	24.000	24.000	24.000	24.000
256	Thép xây dựng	thép dây Hoa Sen Mag Shield ZM080 phủ CR: 0.75mmx 1200mm G350 TC1	kg	TCCS 01:2015/HSG	1.0mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sông Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Dt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa Long An	Giá bán đã bao gồm vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá bán tăng	23.500	23.500	23.500	23.500	23.500	23.500	23.500	23.500	23.500
257	Thép xây dựng	Thép dây Hoa Sen Mag Shield ZM080 phủCR: 0.95mmx1200mm G350 TC1	kg	TCCS 01:2015/HSG	1.0mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sông Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Dt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa Long An	Giá bán đã bao gồm vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá bán tăng	23.150	23.150	23.150	23.150	23.150	23.150	23.150	23.150	23.150
258	Thép xây dựng	thép dây Hoa Sen Mag Shield ZM080 phủ CR: 1.15mmx1200mm G350 TC1	kg	TCCS 01:2015/HSG	1.0mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sông Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Dt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa Long An	Giá bán đã bao gồm vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá bán tăng	22.350	22.350	22.350	22.350	22.350	22.350	22.350	22.350	22.350
259	Thép xây dựng	thép hộp Hoa Sen Mag Shield ZM080: 0mmx40mmx1.40mmx6.0m TC1	kg	ASTM A500/A500M	1.0mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sông Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Dt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa Long An	Giá bán đã bao gồm vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá bán tăng	22.350	22.350	22.350	22.350	22.350	22.350	22.350	22.350	22.350
260	Thép xây dựng	Thép hộp Hoa Sen Mag Shield ZM080: 30mmx60mmx1 .40mmx6.0m TC1	kg	ASTM A500/A500M	1.0mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sông Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Dt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa Long An	Giá bán đã bao gồm vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá bán tăng	22.350	22.350	22.350	22.350	22.350	22.350	22.350	22.350	22.350
261	Thép xây dựng	Thép hộp Hoa Sen Mag Shield ZM080: 0mmx80mmx1 ,40mmx6.0m TC1	kg	ASTM A500/A500M	1.0mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sông Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Dt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa Long An	Giá bán đã bao gồm vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá bán tăng	22.350	22.350	22.350	22.350	22.350	22.350	22.350	22.350	22.350
262	Thép xây dựng	Thép hộp Hoa Sen Mag Shield ZM080: 30mmx30mmx1.40mmx6.0m TC1	kg	ASTM A5OO/A5OOM	1.0mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sông Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Dt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa Long An	Giá bán đã bao gồm vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá bán tăng	22.750	22.750	22.750	22.750	22.750	22.750	22.750	22.750	22.750
263	Thép xây dựng	Thép hộp Hoa Sen Mag Shield ZM080: 20mmx20mmx 1.40mmx6.0m TC1	kg	ASTM A500/A500M	1.0mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sông Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Dt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa Long An	Giá bán đã bao gồm vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá bán tăng	22.750	22.750	22.750	22.750	22.750	22.750	22.750	22.750	22.750
264	Thép xây dựng	Thép ống Hoa Sen Mag Shield ZM080: 21mmx1.40mmx6.0m TC1	kg	ASTM A500/A500M	1.0mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sông Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Dt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa Long An	Giá bán đã bao gồm vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá bán tăng	22.750	22.750	22.750	22.750	22.750	22.750	22.750	22.750	22.750
265	Thép xây dựng	Thép hộp Hoa Sen Mag Shield ZM080: 13mmx26mmx 1.40mmx6.0m TC1	kg	ASTM A500/A500M	1.0mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sông Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Dt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa Long An	Giá bán đã bao gồm vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá bán tăng	22.750	22.750	22.750	22.750	22.750	22.750	22.750	22.750	22.750
266	Thép xây dựng	Thép hộp Hoa Sen Mag Shield ZM080: 14mmx14mmx1.40mmx6.0m TC1	kg	ASTM A5OO/A5OOM	0.0mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sông Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Dt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa Long An	Giá bán đã bao gồm vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá bán tăng	22.750	22.750	22.750	22.750	22.750	22.750	22.750	22.750	22.750
267	Thép xây dựng	Thép hộp Hoa Sen Mag Shield ZM080: 16mmx16mmx1.40mmx6.0m TC1	kg	ASTM A500/A500M	1.0mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sông Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Dt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa Long An	Giá bán đã bao gồm vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá bán tăng	22.750	22.750	22.750	22.750	22.750	22.750	22.750	22.750	22.750

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)(đồng)								
												Khu vực TP. Tây Ninh	Khu vực TX.Trảng Bàng	Khu vực TX. Hoà Thành	Khu vực H.Tân Biên	Khu vực H.Tân Châu	Khu vực H. Châu Thành	Khu vực H.Dương Minh Châu	Khu vực H. Bến Cầu	Khu vực H. Gò Dầu
268	Thép xây dựng	Thép hộp Hoa Sen Mag Shield ZM080: 25mmx25mmx1.40mmx6.0m TC1	kg	ASTM A500/A500M	1.0mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Dc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sông Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Dt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa Long An	Giá bán đã bao gồm vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá bán tăng	22.350	22.350	22.350	22.350	22.350	22.350	22.350	22.350	22.350
269	Thép xây dựng	Thép hộp Hoa Sen Mag Shield ZM080: 25mmx50mmx1.40mmx6.0m TC1	kg	ASTM A5OO/A5OOM	1.0mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Dc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sông Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Dt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa Long An	Giá bán đã bao gồm vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá bán tăng	22.350	22.350	22.350	22.350	22.350	22.350	22.350	22.350	22.350
270	Thép xây dựng	Thép hộp Hoa Sen Mag Shield ZM080: 40mmx40mmx1.40mmx6.0m TC1	kg	ASTM A500/A500M	1.0mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Dc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sông Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Dt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa Long An	Giá bán đã bao gồm vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá bán tăng	22.350	22.350	22.350	22.350	22.350	22.350	22.350	22.350	22.350
271	Thép xây dựng	Thép hộp Hoa Sen Mag Shield ZM080: 50mmx50mmx 1.40mmx6.0m TC1	kg	ASTM A5OO/A5OOM	1.0mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Dc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sông Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Dt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa Long An	Giá bán đã bao gồm vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá bán tăng	22.350	22.350	22.350	22.350	22.350	22.350	22.350	22.350	22.350
272	Thép xây dựng	Thép hộp Hoa Sen Mag Shield ZM080: 50mmx 100mmx 1.40mmx6.0m TC1	kg	ASTM A500/A500M	1.0mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Dc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sông Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Dt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa Long An	Giá bán đã bao gồm vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá bán tăng	22.750	22.750	22.750	22.750	22.750	22.750	22.750	22.750	22.750
273	Thép xây dựng	Thép ống Hoa Sen Mag Shield ZM080: 27mmx1.40mmx6.0m TC1	kg	ASTM A500/A500M	1.0mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Dc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sông Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Dt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa Long An	Giá bán đã bao gồm vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá bán tăng	22.750	22.750	22.750	22.750	22.750	22.750	22.750	22.750	22.750
274	Thép xây dựng	Thép ống Hoa Sen Mag Shield ZM080: 34mmx1.40mmx6.0m TC1	kg	ASTM A5OO/A5OOM	0.0mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Dc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sông Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Dt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa Long An	Giá bán đã bao gồm vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá bán tăng	22.350	22.350	22.350	22.350	22.350	22.350	22.350	22.350	22.350
275	Thép xây dựng	Thép ống Hoa Sen Mag Shield ZM080: 42mm.x1.40mmx6.0m TC1	kg	ASTM A500/A500M	1.0mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Dc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sông Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Dt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa Long An	Giá bán đã bao gồm vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá bán tăng	22.350	22.350	22.350	22.350	22.350	22.350	22.350	22.350	22.350
276	Thép xây dựng	Thép ống hoa Sen Mag Shield ZM080: 49mmx 1,40mmx6.0m TC1	kg	ASTM A500/A500M	1.0mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Dc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sông Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Dt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa Long An	Giá bán đã bao gồm vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá bán tăng	22.350	22.350	22.350	22.350	22.350	22.350	22.350	22.350	22.350
277	Thép xây dựng	Thép ống Hoa Sen Mag Shield ZM080: 60mmx1.40mmx6.0m TC1	kg	ASTM A500/A500M	1.0mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Dc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sông Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Dt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa Long An	Giá bán đã bao gồm vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá bán tăng	22.350	22.350	22.350	22.350	22.350	22.350	22.350	22.350	22.350
278	Thép xây dựng	Thép ống Hoa Sen Mag Shield ZM080: 76mmx 1,40mmx6.0m TC1	kg	ASTM A500/A500M	1.0mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Dc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sông Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Dt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa Long An	Giá bán đã bao gồm vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá bán tăng	22.350	22.350	22.350	22.350	22.350	22.350	22.350	22.350	22.350
279	Thép xây dựng	Thép ống Hoa Sen Mag Shield ZM080: 90mmx 1 40mm.x6.0m TC1	kg	ASTM A5OO/A5OOM	1.0mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Dc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sông Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Dt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa Long An	Giá bán đã bao gồm vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá bán tăng	22.350	22.350	22.350	22.350	22.350	22.350	22.350	22.350	22.350
280	Thép xây dựng	Thép hộp Hoa Sen Mag Shield ZM080: 30mmx30mmx1.10mmx6.0m TC1	kg	ASTM A500/A500M	1.0mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Dc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sông Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Dt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa Long An	Giá bán đã bao gồm vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá bán tăng	22.350	22.350	22.350	22.350	22.350	22.350	22.350	22.350	22.350
281	Thép xây dựng	Thép hộp Hoa Sen Mag Shield ZM080: 30mmx60mmx1.10mmx6.0mTC1	kg	ASTM A500/A500M	1.0mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Dc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sông Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Dt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa Long An	Giá bán đã bao gồm vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá bán tăng	22.350	22.350	22.350	22.350	22.350	22.350	22.350	22.350	22.350
282	Thép xây dựng	Thép hộp Hoa Sen Mag Shield ZM080: 40mmx80mmx 1.10mmx6.0m TC1	kg	ASTM A500/A500M	1.0mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Dc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sông Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Dt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa Long An	Giá bán đã bao gồm vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá bán tăng	22.350	22.350	22.350	22.350	22.350	22.350	22.350	22.350	22.350
283	Thép xây dựng	Thép hộp Hoa Sen Mag Shield ZM080: 50mmx100mmx 1. 10mmx6.0m TC1	kg	ASTM A500/A500M	1.0mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Dc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sông Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Dt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa Long An	Giá bán đã bao gồm vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá bán tăng	22.350	22.350	22.350	22.350	22.350	22.350	22.350	22.350	22.350
284	Thép xây dựng	Thép hộp Hoa Sen Mag Shield ZM080: 20mmx40mmx 1. 10mmx6.0m TC1	kg	ASTM A500/A500M	1.0mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Dc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sông Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Dt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa Long An	Giá bán đã bao gồm vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá bán tăng	22.350	22.350	22.350	22.350	22.350	22.350	22.350	22.350	22.350
285	Thép xây dựng	Thép hộp Hoa Sen Mag Shield ZM080: 20mmx40mmx 1,20mmx6.0m TC1	kg	ASTM A500/A500M	1.0mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Dc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sông Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Dt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa Long An	Giá bán đã bao gồm vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá bán tăng	22.350	22.350	22.350	22.350	22.350	22.350	22.350	22.350	22.350
286	Thép xây dựng	Thép hộp Hoa Sen Mag Shield ZM080: 30mmx30mx1.20mmx6.0m TC1	kg	ASTM A500/A500M	1.0mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Dc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sông Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Dt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa Long An	Giá bán đã bao gồm vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá bán tăng	22.350	22.350	22.350	22.350	22.350	22.350	22.350	22.350	22.350
287	Thép xây dựng	Thép hộp Hoa Sen Mag Shield ZM080 30mmx60mmx1.20mmx6.0m TC1	kg	ASTM A500/A500M	1.0mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Dc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sông Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Dt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa Long An	Giá bán đã bao gồm vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá bán tăng	22.350	22.350	22.350	22.350	22.350	22.350	22.350	22.350	22.350
288	Thép xây dựng	thép hộp Hoa Sen Mag Shield ZM080: 40mm.x80mmx 1.20mmx6.0m TC1	Kg	ASTM A500/A500M	1.0mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Dc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sông Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Dt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa Long An	Giá bán đã bao gồm vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá bán tăng	22.350	22.350	22.350	22.350	22.350	22.350	22.350	22.350	22.350

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)(đồng)								
												Khu vực TP. Tây Ninh	Khu vực TX.Trảng Bàng	Khu vực TX. Hoà Thành	Khu vực H.Tân Biên	Khu vực H.Tân Châu	Khu vực H. Châu Thành	Khu vực H.Dương Minh Châu	Khu vực H. Bến Cầu	Khu vực H. Gò Dầu
289	Thép xây dựng	thép hộp Hoa Sen Mag Shield ZM080: 50mmx 100mmx 1.20mmx6.0m TC1	Kg	ASTM A500/A500M	1.0mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sông Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Dt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa Long An	Giá bán đã bao gồm vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá bán tăng	22.350	22.350	22.350	22.350	22.350	22.350	22.350	22.350	22.350
290	Thép xây dựng	thép hộp Hoa Sen Mag Shield ZM080: 60mmx 120mmx 1.40mmx6.0m TC1	Kg	ASTM A500/A500M	1.0mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sông Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Dt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa Long An	Giá bán đã bao gồm vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá bán tăng	23.500	23.500	23.500	23.500	23.500	23.500	23.500	23.500	23.500
291	Thép xây dựng	thép hộp Hoa Sen Mag Shield Z1M080: 14mmx 14mmx0.80mmx6.0m TC1	Kg	ASTM A500/A500M	1.0mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sông Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Dt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa Long An	Giá bán đã bao gồm vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá bán tăng	23.500	23.500	23.500	23.500	23.500	23.500	23.500	23.500	23.500
292	Thép xây dựng	Thép hộp Hoa Sen Mag Shield ZM080: 16mmx16mmx0.80mmx6.0m TC1	Kg	ASTM A500/A500M	1.0mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sông Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Dt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa Long An	Giá bán đã bao gồm vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá bán tăng	23.500	23.500	23.500	23.500	23.500	23.500	23.500	23.500	23.500
293	Thép xây dựng	thép hộp Hoa Sen Mag Shield ZM080: 20mmx20mmx0.80mmx6.0m TC1	Kg	ASTM A500/A500M	1.0mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sông Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Dt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa Long An	Giá bán đã bao gồm vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá bán tăng	23.500	23.500	23.500	23.500	23.500	23.500	23.500	23.500	23.500
294	Thép xây dựng	Thép hộp Hoa Sen Mag Shield ZM080: 25mmx25mmx0.80mmx6.0m TC1	Kg	ASTM A500/A500M	1.0mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sông Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Dt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa Long An	Giá bán đã bao gồm vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá bán tăng	23.100	23.100	23.100	23.100	23.100	23.100	23.100	23.100	23.100
295	Thép xây dựng	thép hộp Hoa Sen Mag Shield ZM080: 30mmx30mmx0.80mmx6.0mi TC1	Kg	ASTM A500/A500M	1.0mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sông Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Dt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa Long An	Giá bán đã bao gồm vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá bán tăng	23.100	23.100	23.100	23.100	23.100	23.100	23.100	23.100	23.100
296	Thép xây dựng	Thép hộp Hoa Sen Mag Shield ZM080: 40mmx40mmx0.80mmx6.0m TC1	Kg	ASTM A500/A500M	1.0mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sông Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Dt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa Long An	Giá bán đã bao gồm vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá bán tăng	23.100	23.100	23.100	23.100	23.100	23.100	23.100	23.100	23.100
297	Thép xây dựng	thép hộp Hoa Sen Mag Shield ZM080: 50mmx50mmx0.80mmx6.0m TC1	Kg	ASTM A500/A500M	1.0mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sông Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Dt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa Long An	Giá bán đã bao gồm vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá bán tăng	23.100	23.100	23.100	23.100	23.100	23.100	23.100	23.100	23.100
298	Thép xây dựng	thép hộp Hoa Sen Mag Shield ZM080: 13mmx26mmx0.80mmx6.0m TC1	Kg	ASTM A500/A500M	1.0mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sông Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Dt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa Long An	Giá bán đã bao gồm vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá bán tăng	23.500	23.500	23.500	23.500	23.500	23.500	23.500	23.500	23.500
299	Thép xây dựng	Thép hộp Hoa Sen Mag Shield ZM080: 20mmx40mmx0.80mmx6.0m TC1	Kg	ASTM A500/A500M	1.0mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sông Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Dt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa Long An	Giá bán đã bao gồm vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá bán tăng	23.500	23.500	23.500	23.500	23.500	23.500	23.500	23.500	23.500
300	Thép xây dựng	Thép hộp Hoa Sen Mag Shield ZM080: 25mmx50mmx0.80mmx6.0m TC1	Kg	ASTM A500/A500M	1.0mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sông Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Dt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa Long An	Giá bán đã bao gồm vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá bán tăng	23.100	23.100	23.100	23.100	23.100	23.100	23.100	23.100	23.100
301	Thép xây dựng	Thép hộp Hoa Sen Mag Shield ZM080: 30mmx60mmx0.80mmx6.0m TC1	Kg	ASTM A500/A500M	1.0mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sông Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Dt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa Long An	Giá bán đã bao gồm vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá bán tăng	23.100	23.100	23.100	23.100	23.100	23.100	23.100	23.100	23.100
302	Thép xây dựng	Thép hộp Hoa Sen Mag Shield ZM080. 14mmx 14mmx 1.00mmx6.0m TC1	Kg	ASTM A500/A500M	1.0mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sông Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Dt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa Long An	Giá bán đã bao gồm vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá bán tăng	22.750	22.750	22.750	22.750	22.750	22.750	22.750	22.750	22.750
303	Thép xây dựng	Thép hộp Hoa Sen Mag Shield ZM080: 16mmx16mmx1.00mmx6.0m TC1	Kg	ASTM A500/A500M	0.0mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sông Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Dt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa Long An	Giá bán đã bao gồm vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá bán tăng	22.750	22.750	22.750	22.750	22.750	22.750	22.750	22.750	22.750
304	Thép xây dựng	Thép hộp Hoa Sen Mag Shield ZM080: 20mmx20mmx1.00mmx6.0m TC1	Kg	ASTM A500/A500M	1.0mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sông Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Dt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa Long An	Giá bán đã bao gồm vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá bán tăng	22.750	22.750	22.750	22.750	22.750	22.750	22.750	22.750	22.750
305	Thép xây dựng	Thép hộp Hoa Sen Mag Shield ZM080: 25mmx25mmx 1.00mmx6.0m TC1	Kg	ASTM A500/A500M	1.0mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sông Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Dt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa Long An	Giá bán đã bao gồm vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá bán tăng	22.750	22.750	22.750	22.750	22.750	22.750	22.750	22.750	22.750
306	Thép xây dựng	Thép hộp Hoa Sen Mag Shield ZM080: 30mmx30mmx1.00mmx6.0m TC1	Kg	ASTM A500/A500M	1.0mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sông Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Dt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa Long An	Giá bán đã bao gồm vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá bán tăng	22.350	22.350	22.350	22.350	22.350	22.350	22.350	22.350	22.350
307	Thép xây dựng	Thép hộp Hoa Sen Mag Shield ZM080: 40mmx40mmx 1.00mmx6.0m TC1	Kg	ASTM A500/A500M	1.0mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sông Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Dt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa Long An	Giá bán đã bao gồm vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá bán tăng	22.350	22.350	22.350	22.350	22.350	22.350	22.350	22.350	22.350
308	Thép xây dựng	Thép hộp Hoa Sen Mag Shield ZM080: 50mmx50mmx 1.00mmx6.0m TC1	Kg	ASTM A500/A500M	1.0mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sông Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Dt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa Long An	Giá bán đã bao gồm vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá bán tăng	22.350	22.350	22.350	22.350	22.350	22.350	22.350	22.350	22.350
309	Thép xây dựng	Thép hộp Hoa Sen Mag Shield ZM080: 13mmx26mmx 1.00mm.x6.0m TC1	Kg	ASTM A500/A500M	1.0mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sông Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Dt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa Long An	Giá bán đã bao gồm vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá bán tăng	22.750	22.750	22.750	22.750	22.750	22.750	22.750	22.750	22.750

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)(đồng)								
												Khu vực TP. Tây Ninh	Khu vực TX.Trảng Bàng	Khu vực TX. Hoà Thành	Khu vực H.Tân Biên	Khu vực H.Tân Châu	Khu vực H. Châu Thành	Khu vực H.Dương Minh Châu	Khu vực H. Bến Cầu	Khu vực H. Gò Dầu
310	Thép xây dựng	Thép hộp Hoa Sen Mag Shield ZM080: 20mmx40mmx 1.00mmx6.0m TC1	Kg	ASTM A500/A500M	1.0mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sông Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Dt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa Long An	Giá bán đã bao gồm vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá bán tăng	22.350	22.350	22.350	22.350	22.350	22.350	22.350	22.350	22.350
311	Thép xây dựng	Thép hộp Hoa Sen Mag Shield ZM080: 25mmx50mmx1.00mmx6.0m TC1	Kg	ASTM A500/A500M	1.0mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sông Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Dt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa Long An	Giá bán đã bao gồm vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá bán tăng	22.350	22.350	22.350	22.350	22.350	22.350	22.350	22.350	22.350
312	Thép xây dựng	Thép hộp Hoa Sen Mag Shield ZM080: 30mmx60mmx 1.00mmx6.0m TC1	Kg	ASTM A500/A500M	1.0mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sông Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Dt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa Long An	Giá bán đã bao gồm vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá bán tăng	22.350	22.350	22.350	22.350	22.350	22.350	22.350	22.350	22.350
313	Thép xây dựng	Thép hộp Hoa Sen Mag Shield ZM080: 40mmx80mmx 1.00mmx6.0m TC1	Kg	ASTM A500/A500M	1.0mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sông Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Dt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa Long An	Giá bán đã bao gồm vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá bán tăng	22.350	22.350	22.350	22.350	22.350	22.350	22.350	22.350	22.350
314	Thép xây dựng	Thép hộp Hoa Sen Mag Shield ZM080: 50mmx100mmx1.00mmx6.0m TC1	Kg	ASTM A500/A500M	1.0mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sông Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Dt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa Long An	Giá bán đã bao gồm vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá bán tăng	22.350	22.350	22.350	22.350	22.350	22.350	22.350	22.350	22.350
315	Thép xây dựng	Thép hộp Hoa Sen Mag Shield ZM080: 14mmx14mmx1.10mmx6.0m TC1	Kg	ASTM A500/A500M	1.0mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sông Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Dt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa Long An	Giá bán đã bao gồm vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá bán tăng	22.750	22.750	22.750	22.750	22.750	22.750	22.750	22.750	22.750
316	Thép xây dựng	Thép hộp Hoa Sen Mag Shield ZM080: 16mmx 16mmx 1.10mmx6.0m TC1	Kg	ASTM A500/A500M	1.0mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sông Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Dt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa Long An	Giá bán đã bao gồm vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá bán tăng	22.750	22.750	22.750	22.750	22.750	22.750	22.750	22.750	22.750
317	Thép xây dựng	Thép hộp Hoa Sen Mag Shield ZM080: 20mmx20mmx 1.1 0mmx6.0m TC1	Kg	ASTM A500/A500M	1.0mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sông Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Dt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa Long An	Giá bán đã bao gồm vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá bán tăng	22.750	22.750	22.750	22.750	22.750	22.750	22.750	22.750	22.750
318	Thép xây dựng	Thép hộp Hoa Sen Mag Shield ZM080: 25mmx25mmx1.10mmx6.0m TC1	Kg	ASTM A500/A500M	1.0mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sông Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Dt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa Long An	Giá bán đã bao gồm vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá bán tăng	22.750	22.750	22.750	22.750	22.750	22.750	22.750	22.750	22.750
319	Thép xây dựng	Thép hộp Hoa Sen Mag Shield ZM080. 40mmx40mmx 1.10mm.x6.0m TC1	Kg	ASTM A500/A500M	1.0mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sông Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Dt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa Long An	Giá bán đã bao gồm vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá bán tăng	22.350	22.350	22.350	22.350	22.350	22.350	22.350	22.350	22.350
320	Thép xây dựng	Thép hộp Hoa Sen Mag Shield ZM080: 50mmx50mmx1.10mmx6.0m TC1	Kg	ASTM A500/A500M	1.0mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sông Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Dt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa Long An	Giá bán đã bao gồm vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá bán tăng	22.350	22.350	22.350	22.350	22.350	22.350	22.350	22.350	22.350
321	Thép xây dựng	thép hộp Hoa Sen Mag Shield ZM080: 13mmx26mmx 1.10mx6.0m TC1	Kg	ASTM A500/A500M	1.0mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sông Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Dt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa Long An	Giá bán đã bao gồm vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá bán tăng	22.750	22.750	22.750	22.750	22.750	22.750	22.750	22.750	22.750
322	Thép xây dựng	thép hộp Hoa Sen Mag Shield ZM080: 25mmx50mmx1.10mmx6.0m TC1	Kg.	ASTM A500/A500M	1.0mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sông Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Dt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa Long An	Giá bán đã bao gồm vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá bán tăng	22.350	22.350	22.350	22.350	22.350	22.350	22.350	22.350	22.350
323	Thép xây dựng	thép hộp Hoa Sen Mag Shield ZM080. 4mmx14mmx 1.20mmx6.0m TC1	Kg	ASTM A500/A500M	1.0mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sông Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Dt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa Long An	Giá bán đã bao gồm vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá bán tăng	22.750	22.750	22.750	22.750	22.750	22.750	22.750	22.750	22.750
324	Thép xây dựng	Thép hộp hoa Sen Mag Shield ZM080: 6mmx 16mmx 1.20mmx6.0m TC1	Kg	ASTM A500/A500M	1.0mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sông Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Dt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa Long An	Giá bán đã bao gồm vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá bán tăng	22.750	22.750	22.750	22.750	22.750	22.750	22.750	22.750	22.750
325	Thép xây dựng	thép hộp hoa Sen Mag Shield ZM080: 20mmx20mmx 1.20mmx6.0m TC1	Kg	ASTM A500/A500M	1.0mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sông Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Dt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa Long An	Giá bán đã bao gồm vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá bán tăng	22.750	22.750	22.750	22.750	22.750	22.750	22.750	22.750	22.750
326	Thép xây dựng	thép hộp Hoa Sen Mag Shield ZM080: 5mmx25mmx 1.20mmx6.0m TC1	Kg	ASTM A500/A500M	1.0mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sông Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Dt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa Long An	Giá bán đã bao gồm vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá bán tăng	22.750	22.750	22.750	22.750	22.750	22.750	22.750	22.750	22.750
327	Thép xây dựng	Thép hộp Hoa Sen Mag Shield ZM080: 10mmx40mmx 1.20mmx6.0m TC1	Kg	ASTM A500/A500M	1.0mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sông Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Dt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa Long An	Giá bán đã bao gồm vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá bán tăng	22.350	22.350	22.350	22.350	22.350	22.350	22.350	22.350	22.350
328	Thép xây dựng	Thép hộp Hoa Sen Mag Shield ZM080: 50mmx50mmx1.20mmx6.0m TC1	Kg	ASTM A500/A500M	1.0mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sông Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Dt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa Long An	Giá bán đã bao gồm vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá bán tăng	22.350	22.350	22.350	22.350	22.350	22.350	22.350	22.350	22.350
329	Thép xây dựng	Thép hộp Hoa Sen Mag Shield ZM080: 3mmx26mmx 1.20mmx6.0m TC1	Kg	ASTM A500/A500M	1.0mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sông Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Dt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa Long An	Giá bán đã bao gồm vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá bán tăng	22.750	22.750	22.750	22.750	22.750	22.750	22.750	22.750	22.750
330	Thép xây dựng	thép hộp Hoa Sen Mag Shield ZM080: 25mmx50mmx1.20mmx6.0m TC1	Kg	ASTM A500/A500M	1.0mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sông Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Dt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa Long An	Giá bán đã bao gồm vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá bán tăng	22.350	22.350	22.350	22.350	22.350	22.350	22.350	22.350	22.350

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)(đồng)								
												Khu vực TP. Tây Ninh	Khu vực TX.Trảng Bàng	Khu vực TX. Hoà Thành	Khu vực H.Tân Biên	Khu vực H.Tân Châu	Khu vực H. Châu Thành	Khu vực H.Dương Minh Châu	Khu vực H. Bến Cầu	Khu vực H. Gò Dầu
331	Thép xây dựng	thép ống Hoa Sen Mag Shield ZM080: 21mmx1.00mmx6.0m TC1	Kg	ASTM A500/A500M	1.0mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Dc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sông Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Dt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa Long An	Giá bán đã bao gồm vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá bán tăng	22.750	22.750	22.750	22.750	22.750	22.750	22.750	22.750	22.750
332	Thép xây dựng	Thép ống Hoa Sen Mag Shield ZM080: 27mmx1.00mmx6.0m TC1	Kg	ASTM A500/A500M	1.0mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Dc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sông Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Dt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa Long An	Giá bán đã bao gồm vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá bán tăng	22.750	22.750	22.750	22.750	22.750	22.750	22.750	22.750	22.750
333	Thép xây dựng	Thép ống Hoa Sen Mag Shield ZM080: 34mmx1.00mmx6.0m TC1	Kg	ASTM A500/A500M	1.0mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Dc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sông Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Dt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa Long An	Giá bán đã bao gồm vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá bán tăng	22.750	22.750	22.750	22.750	22.750	22.750	22.750	22.750	22.750
334	Thép xây dựng	Thép ống Hoa Sen Mag Shield ZM080: 42mmx1.00mmx6.0m TC1	Kg	ASTM A500/A500M	1.0mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Dc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sông Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Dt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa Long An	Giá bán đã bao gồm vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá bán tăng	22.350	22.350	22.350	22.350	22.350	22.350	22.350	22.350	22.350
335	Thép xây dựng	Thép Ống Hoa Sen Mag Shield ZM080: 49mmx1.00mmx6.0m TC1	Kg	ASTM A500/A500M	1.0mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Dc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sông Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Dt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa Long An	Giá bán đã bao gồm vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá bán tăng	22.350	22.350	22.350	22.350	22.350	22.350	22.350	22.350	22.350
336	Thép xây dựng	Thép ống Hoa Sen Mag Shield ZM080: 60mmx1.00mmx6.0m TC1	Kg	ASTM A500/A500M	1.0mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Dc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sông Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Dt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa Long An	Giá bán đã bao gồm vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá bán tăng	22.350	22.350	22.350	22.350	22.350	22.350	22.350	22.350	22.350
337	Thép xây dựng	Thép ống Hoa Sen Mag Shield ZM080: 76mmx1.00mmx6.0m TC1	Kg	ASTM A500/A500M	1.0mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Dc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sông Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Dt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa Long An	Giá bán đã bao gồm vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá bán tăng	22.350	22.350	22.350	22.350	22.350	22.350	22.350	22.350	22.350
338	Thép xây dựng	Thép ống Hoa Sen Mag Shield ZM080: 90mmx1.00mmx6.0m TC1	Kg	ASTM A500/A500M	1.0mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Dc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sông Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Dt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa Long An	Giá bán đã bao gồm vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá bán tăng	22.350	22.350	22.350	22.350	22.350	22.350	22.350	22.350	22.350
339	Thép xây dựng	Thép ống Hoa Sen Mag Shield ZM080: 21 mmx 1.10mmx6.0m TC1	Kg	ASTM A500/A500M	1.0mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Dc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sông Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Dt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa Long An	Giá bán đã bao gồm vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá bán tăng	22.750	22.750	22.750	22.750	22.750	22.750	22.750	22.750	22.750
340	Thép xây dựng	Thép ống Hoa Sen Mag Shield ZM080: 27mmx1.10mm.x6.0m TC1	Kg	ASTM A500/A500M	1.0mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Dc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sông Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Dt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa Long An	Giá bán đã bao gồm vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá bán tăng	22.750	22.750	22.750	22.750	22.750	22.750	22.750	22.750	22.750
341	Thép xây dựng	Thép ống Hoa Sen Mag Shield ZM080: 34mmx1.10mmx6.0m TC1	Kg	ASTM A500/A500M	1.0mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Dc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sông Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Dt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa Long An	Giá bán đã bao gồm vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá bán tăng	22.750	22.750	22.750	22.750	22.750	22.750	22.750	22.750	22.750
342	Thép xây dựng	Thép ống Hoa Sen Mag Shield ZM080: 42mmx1.10mmx6.0m TC1	Kg	ASTM A500/A500M	1.0mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Dc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sông Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Dt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa Long An	Giá bán đã bao gồm vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá bán tăng	22.350	22.350	22.350	22.350	22.350	22.350	22.350	22.350	22.350
343	Thép xây dựng	Thép ống Hoa Sen Mag Shield ZM080. 49mmx1.10mmx6.0m TC1	Kg	ASTM A500/A500M	1.0mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Dc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sông Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Dt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa Long An	Giá bán đã bao gồm vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá bán tăng	22.350	22.350	22.350	22.350	22.350	22.350	22.350	22.350	22.350
344	Thép xây dựng	Thép ống hoa Sen Mag Shield ZM080: 60mmx 1.10mmx6.0m TC1	Kg	ASTM A500/A500M	1.0mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Dc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sông Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Dt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa Long An	Giá bán đã bao gồm vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá bán tăng	22.350	22.350	22.350	22.350	22.350	22.350	22.350	22.350	22.350
345	Thép xây dựng	Thép ống Hoa Sen Mag Shield ZM080: 76mmx 1.10mm.x6.0m TC1	Kg	ASTM A500/A500M	1.0mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Dc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sông Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Dt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa Long An	Giá bán đã bao gồm vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá bán tăng	22.350	22.350	22.350	22.350	22.350	22.350	22.350	22.350	22.350
346	Thép xây dựng	Thép ống Hoa Sen Mag Shield ZM080: 90mmx1.10mmx6.0m TC1	Kg	ASTM A500/A500M	1.0mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Dc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sông Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Dt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa Long An	Giá bán đã bao gồm vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá bán tăng	22.350	22.350	22.350	22.350	22.350	22.350	22.350	22.350	22.350
347	Thép xây dựng	Thép ống hoa Sen Mag Shield ZM080: 21mmx 1.20mmx6.0m TC1	Kg	ASTM A500/A500M	1.0mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Dc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sông Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Dt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa Long An	Giá bán đã bao gồm vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá bán tăng	22.750	22.750	22.750	22.750	22.750	22.750	22.750	22.750	22.750
348	Thép xây dựng	Thép ống hoa Sen Mag Shield ZM080: 27mmx1.20mmx6.0m TC1	Kg	ASTM A5OO/A5OOM	1.0mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Dc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sông Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Dt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa Long An	Giá bán đã bao gồm vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá bán tăng	22.750	22.750	22.750	22.750	22.750	22.750	22.750	22.750	22.750
349	Thép xây dựng	Thép ống Hoa Sen Mag Shield ZM080: 34mmx1.20mmx6.0m TC1	Kg	ASTM A500/A500M	1.0mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Dc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sông Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Dt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa Long An	Giá bán đã bao gồm vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá bán tăng	22.750	22.750	22.750	22.750	22.750	22.750	22.750	22.750	22.750
350	Thép xây dựng	Thép ống Hoa Sen Mag Shield ZM080. 42mmx 1.20mmx6.0m TC1	Kg	ASTM A500/A500M	1.0mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Dc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sông Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Dt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa Long An	Giá bán đã bao gồm vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá bán tăng	22.350	22.350	22.350	22.350	22.350	22.350	22.350	22.350	22.350
351	Thép xây dựng	Thép ống Hoa Sen Mag Shield ZM080: 49mmx1.20mmx6.0m TC1	Kg	ASTM A5OO/A5OOM	1.0mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Dc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sông Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Dt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa Long An	Giá bán đã bao gồm vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá bán tăng	22.350	22.350	22.350	22.350	22.350	22.350	22.350	22.350	22.350

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)(đồng)								
												Khu vực TP. Tây Ninh	Khu vực TX.Trảng Bàng	Khu vực TX. Hoà Thành	Khu vực H.Tân Biên	Khu vực H.Tân Châu	Khu vực H. Châu Thành	Khu vực H.Dương Minh Châu	Khu vực H. Bến Cầu	Khu vực H. Gò Dầu
352	Thép xây dựng	Thép ống hoa Sen Mag Shield ZM080: 60mmx1.20mmx6.0m TC1	Kg	ASTM A500/A500M	1.0mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sông Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Dt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa Long An	Giá bán đã bao gồm vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá bán tăng	22.350	22.350	22.350	22.350	22.350	22.350	22.350	22.350	22.350
353	Thép xây dựng	Thép ống Hoa Sen Mag Shield ZM080: 76mmx1.20mmx6.0m TC1	Kg	ASTM A5OO/A5OOM	1.0mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sông Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Dt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa Long An	Giá bán đã bao gồm vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá bán tăng	22.350	22.350	22.350	22.350	22.350	22.350	22.350	22.350	22.350
354	Thép xây dựng	thép ống hoa Sen Mag Shield ZM080 90mmx 1.20mmx6.0m TC1	Kg	ASTM A500/A500M	1.0mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sông Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Dt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa Long An	Giá bán đã bao gồm vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá bán tăng	22.350	22.350	22.350	22.350	22.350	22.350	22.350	22.350	22.350
355	Thép xây dựng	Kẽm cột	kg		1.0mm	Công ty TNHH XNK TM CN DV Hùng Duy. Đc: KCN Phú Mỹ 1, P. Phú Mỹ, TP.HCM - Dt: 0977.679.564. (Nhà phân phối Vina Kyoei). Công văn đề nghị công bố giá số 49/2026/CV-HD ngày 15/07/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Đã bao gồm chi phí vận chuyển toàn tỉnh	Mức giá được thực hiện từ ngày 15/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	17.627	17.627	17.627	17.627	17.627	17.627	17.627	17.627	17.627
356	Thép xây dựng	Sắt Φ 6 Nhật Vina Kyoei	kg	TCVN 1651-1:2008	6.0 mm	Công ty TNHH XNK TM CN DV Hùng Duy. Đc: KCN Phú Mỹ 1, P. Phú Mỹ, TP.HCM - Dt: 0977.679.564. (Nhà phân phối Vina Kyoei). Công văn đề nghị công bố giá số 49/2026/CV-HD ngày 15/07/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Đã bao gồm chi phí vận chuyển toàn tỉnh	Mức giá được thực hiện từ ngày 15/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	16.909	16.909	16.909	16.909	16.909	16.909	16.909	16.909	16.909
357	Thép xây dựng	Sắt Φ 8 Nhật Vina Kyoei	kg	TCVN 1651-1:2008	8.0 mm	Công ty TNHH XNK TM CN DV Hùng Duy. Đc: KCN Phú Mỹ 1, P. Phú Mỹ, TP.HCM - Dt: 0977.679.564. (Nhà phân phối Vina Kyoei). Công văn đề nghị công bố giá số 49/2026/CV-HD ngày 15/07/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Đã bao gồm chi phí vận chuyển toàn tỉnh	Mức giá được thực hiện từ ngày 15/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	16.909	16.909	16.909	16.909	16.909	16.909	16.909	16.909	16.909
358	Thép xây dựng	Sắt Φ 10 gân Nhật Vina Kyoei CB3	cây	TCVN 1651-2:2018	11m70	Công ty TNHH XNK TM CN DV Hùng Duy. Đc: KCN Phú Mỹ 1, P. Phú Mỹ, TP.HCM - Dt: 0977.679.564. (Nhà phân phối Vina Kyoei). Công văn đề nghị công bố giá số 49/2026/CV-HD ngày 15/07/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Đã bao gồm chi phí vận chuyển toàn tỉnh	Mức giá được thực hiện từ ngày 15/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	120.364	120.364	120.364	120.364	120.364	120.364	120.364	120.364	120.364
359	Thép xây dựng	Sắt Φ 12 gân Nhật Vina Kyoei CB3	cây	TCVN 1651-2:2018	11m70	Công ty TNHH XNK TM CN DV Hùng Duy. Đc: KCN Phú Mỹ 1, P. Phú Mỹ, TP.HCM - Dt: 0977.679.564. (Nhà phân phối Vina Kyoei). Công văn đề nghị công bố giá số 49/2026/CV-HD ngày 15/07/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Đã bao gồm chi phí vận chuyển toàn tỉnh	Mức giá được thực hiện từ ngày 15/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	171.273	171.273	171.273	171.273	171.273	171.273	171.273	171.273	171.273
360	Thép xây dựng	Sắt Φ 14 gân Nhật Vina Kyoei CB3	cây	TCVN 1651-2:2018	11m70	Công ty TNHH XNK TM CN DV Hùng Duy. Đc: KCN Phú Mỹ 1, P. Phú Mỹ, TP.HCM - Dt: 0977.679.564. (Nhà phân phối Vina Kyoei). Công văn đề nghị công bố giá số 49/2026/CV-HD ngày 15/07/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Đã bao gồm chi phí vận chuyển toàn tỉnh	Mức giá được thực hiện từ ngày 15/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	232.909	232.909	232.909	232.909	232.909	232.909	232.909	232.909	232.909
361	Thép xây dựng	Sắt Φ 16 gân Nhật Vina Kyoei CB3	cây	TCVN 1651-2:2018	11m70	Công ty TNHH XNK TM CN DV Hùng Duy. Đc: KCN Phú Mỹ 1, P. Phú Mỹ, TP.HCM - Dt: 0977.679.564. (Nhà phân phối Vina Kyoei). Công văn đề nghị công bố giá số 49/2026/CV-HD ngày 15/07/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Đã bao gồm chi phí vận chuyển toàn tỉnh	Mức giá được thực hiện từ ngày 15/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	304.545	304.545	304.545	304.545	304.545	304.545	304.545	304.545	304.545
362	Thép xây dựng	Sắt Φ 18 gân Nhật Vina Kyoei CB3	cây	TCVN 1651-2:2018	11m70	Công ty TNHH XNK TM CN DV Hùng Duy. Đc: KCN Phú Mỹ 1, P. Phú Mỹ, TP.HCM - Dt: 0977.679.564. (Nhà phân phối Vina Kyoei). Công văn đề nghị công bố giá số 49/2026/CV-HD ngày 15/07/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Đã bao gồm chi phí vận chuyển toàn tỉnh	Mức giá được thực hiện từ ngày 15/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	385.364	385.364	385.364	385.364	385.364	385.364	385.364	385.364	385.364
363	Thép xây dựng	Sắt Φ 20 gân Nhật Vina Kyoei CB3	cây	TCVN 1651-2:2018	11m70	Công ty TNHH XNK TM CN DV Hùng Duy. Đc: KCN Phú Mỹ 1, P. Phú Mỹ, TP.HCM - Dt: 0977.679.564. (Nhà phân phối Vina Kyoei). Công văn đề nghị công bố giá số 49/2026/CV-HD ngày 15/07/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Đã bao gồm chi phí vận chuyển toàn tỉnh	Mức giá được thực hiện từ ngày 15/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	475.636	475.636	475.636	475.636	475.636	475.636	475.636	475.636	475.636
364	Thép xây dựng	Sắt Φ 22 gân Nhật Vina Kyoei CB3	cây	TCVN 1651-2:2018	11m70	Công ty TNHH XNK TM CN DV Hùng Duy. Đc: KCN Phú Mỹ 1, P. Phú Mỹ, TP.HCM - Dt: 0977.679.564. (Nhà phân phối Vina Kyoei). Công văn đề nghị công bố giá số 49/2026/CV-HD ngày 15/07/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Đã bao gồm chi phí vận chuyển toàn tỉnh	Mức giá được thực hiện từ ngày 15/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	575.364	575.364	575.364	575.364	575.364	575.364	575.364	575.364	575.364
365	Thép xây dựng	Sắt Φ 25 gân Nhật Vina Kyoei CB3	cây	TCVN 1651-2:2018	11m70	Công ty TNHH XNK TM CN DV Hùng Duy. Đc: KCN Phú Mỹ 1, P. Phú Mỹ, TP.HCM - Dt: 0977.679.564. (Nhà phân phối Vina Kyoei). Công văn đề nghị công bố giá số 49/2026/CV-HD ngày 15/07/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Đã bao gồm chi phí vận chuyển toàn tỉnh	Mức giá được thực hiện từ ngày 15/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	749.091	749.091	749.091	749.091	749.091	749.091	749.091	749.091	749.091
366	Thép xây dựng	Sắt Φ 10 gân Nhật SD295	cây	JIS G 3112:2020	11m70	Công ty TNHH XNK TM CN DV Hùng Duy. Đc: KCN Phú Mỹ 1, P. Phú Mỹ, TP.HCM - Dt: 0977.679.564. (Nhà phân phối Vina Kyoei). Công văn đề nghị công bố giá số 49/2026/CV-HD ngày 15/07/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Đã bao gồm chi phí vận chuyển toàn tỉnh	Mức giá được thực hiện từ ngày 15/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	108.091	108.091	108.091	108.091	108.091	108.091	108.091	108.091	108.091
367	Thép xây dựng	Sắt Φ 16 gân Nhật SD295	cây	JIS G 3112:2020	11m70	Công ty TNHH XNK TM CN DV Hùng Duy. Đc: KCN Phú Mỹ 1, P. Phú Mỹ, TP.HCM - Dt: 0977.679.564. (Nhà phân phối Vina Kyoei). Công văn đề nghị công bố giá số 49/2026/CV-HD ngày 15/07/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Đã bao gồm chi phí vận chuyển toàn tỉnh	Mức giá được thực hiện từ ngày 15/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	301.455	301.455	301.455	301.455	301.455	301.455	301.455	301.455	301.455
368	Thép xây dựng	Sắt Φ 14 tron Nhật	cây	TCVN 1651-1:2018	12m00	Công ty TNHH XNK TM CN DV Hùng Duy. Đc: KCN Phú Mỹ 1, P. Phú Mỹ, TP.HCM - Dt: 0977.679.564. (Nhà phân phối Vina Kyoei). Công văn đề nghị công bố giá số 49/2026/CV-HD ngày 15/07/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Đã bao gồm chi phí vận chuyển toàn tỉnh	Mức giá được thực hiện từ ngày 15/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	263.455	263.455	263.455	263.455	263.455	263.455	263.455	263.455	263.455
369	Thép xây dựng	Sắt Φ 16 tron Nhật	cây	TCVN 1651-1:2018	12m00	Công ty TNHH XNK TM CN DV Hùng Duy. Đc: KCN Phú Mỹ 1, P. Phú Mỹ, TP.HCM - Dt: 0977.679.564. (Nhà phân phối Vina Kyoei). Công văn đề nghị công bố giá số 49/2026/CV-HD ngày 15/07/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Đã bao gồm chi phí vận chuyển toàn tỉnh	Mức giá được thực hiện từ ngày 15/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	343.545	343.545	343.545	343.545	343.545	343.545	343.545	343.545	343.545
370	Thép xây dựng	Sắt Φ 18 tron Nhật	cây	TCVN 1651-1:2018	12m00	Công ty TNHH XNK TM CN DV Hùng Duy. Đc: KCN Phú Mỹ 1, P. Phú Mỹ, TP.HCM - Dt: 0977.679.564. (Nhà phân phối Vina Kyoei). Công văn đề nghị công bố giá số 49/2026/CV-HD ngày 15/07/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Đã bao gồm chi phí vận chuyển toàn tỉnh	Mức giá được thực hiện từ ngày 15/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	434.636	434.636	434.636	434.636	434.636	434.636	434.636	434.636	434.636
371	Thép xây dựng	Sắt Φ 20 tron Nhật	cây	TCVN 1651-1:2018	11m70	Công ty TNHH XNK TM CN DV Hùng Duy. Đc: KCN Phú Mỹ 1, P. Phú Mỹ, TP.HCM - Dt: 0977.679.564. (Nhà phân phối Vina Kyoei). Công văn đề nghị công bố giá số 49/2026/CV-HD ngày 15/07/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Đã bao gồm chi phí vận chuyển toàn tỉnh	Mức giá được thực hiện từ ngày 15/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	269.909	269.909	269.909	269.909	269.909	269.909	269.909	269.909	269.909
372	Thép xây dựng	Sắt Φ 22 tron Nhật	cây	TCVN 1651-1:2018	11m70	Công ty TNHH XNK TM CN DV Hùng Duy. Đc: KCN Phú Mỹ 1, P. Phú Mỹ, TP.HCM - Dt: 0977.679.564. (Nhà phân phối Vina Kyoei). Công văn đề nghị công bố giá số 49/2026/CV-HD ngày 15/07/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Đã bao gồm chi phí vận chuyển toàn tỉnh	Mức giá được thực hiện từ ngày 15/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	326.182	326.182	326.182	326.182	326.182	326.182	326.182	326.182	326.182
373	Thép xây dựng	Thép cuộn 6 Pomina	kg	TCVN 1651-1:2018	6.0mm	Công ty TNHH XNK TM CN DV Hùng Duy. Đc: KCN Phú Mỹ 1, P. Phú Mỹ, TP.HCM - Dt: 0977.679.564. (Nhà phân phối Vina Kyoei). Công văn đề nghị công bố giá số 49/2026/CV-HD ngày 15/07/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Đã bao gồm chi phí vận chuyển toàn tỉnh	Mức giá được thực hiện từ ngày 15/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán giảm	15.945	16.209	16.209	16.209	16.209	16.209	16.209	16.209	16.209
374	Thép xây dựng	Thép cuộn 8 Pomina	kg	TCVN 1651-1:2018	8.0mm	Công ty TNHH XNK TM CN DV Hùng Duy. Đc: KCN Phú Mỹ 1, P. Phú Mỹ, TP.HCM - Dt: 0977.679.564. (Nhà phân phối Vina Kyoei). Công văn đề nghị công bố giá số 49/2026/CV-HD ngày 15/07/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Đã bao gồm chi phí vận chuyển toàn tỉnh	Mức giá được thực hiện từ ngày 15/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán giảm	15.900	16.164	16.164	16.164	16.164	16.164	16.164	16.164	16.164

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)(đồng)							
												Khu vực TP. Tây Ninh	Khu vực TX.Trảng Bàng	Khu vực TX. Hoà Thành	Khu vực H.Tân Biên	Khu vực H.Tân Châu	Khu vực H. Châu Thành	Khu vực H.Dương Minh Châu	Khu vực H. Bến Cầu	Khu vực H. Gò Dầu
375	Thép xây dựng	Thép gân 10 Pomina SD295	cây	TCVN 1651-2:2018	11m70	Công ty TNHH XNK TM CN DV Hùng Duy. Đc: KCN Phú Mỹ 1, P. Phú Mỹ, TP.HCM - Dt: 0977.679.564. (Nhà phân phối Vina Kyoei). Công văn đề nghị công bố giá số 49/2026/CV-HD ngày 15/07/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Đã bao gồm chi phí vận chuyển toàn tỉnh	Mức giá được thực hiện từ ngày 15/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán giảm	101.182	103.091	103.091	103.091	103.091	103.091	103.091	103.091	103.091
376	Thép xây dựng	Thép gân 12 Pomina CB3	cây	TCVN 1651-2:2018	11m70	Công ty TNHH XNK TM CN DV Hùng Duy. Đc: KCN Phú Mỹ 1, P. Phú Mỹ, TP.HCM - Dt: 0977.679.564. (Nhà phân phối Vina Kyoei). Công văn đề nghị công bố giá số 49/2026/CV-HD ngày 15/07/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Đã bao gồm chi phí vận chuyển toàn tỉnh	Mức giá được thực hiện từ ngày 15/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán giảm	156.818	165.455	165.455	165.455	165.455	165.455	165.455	165.455	165.455
377	Thép xây dựng	Thép gân 14 Pomina CB3	cây	TCVN 1651-2:2018	11m70	Công ty TNHH XNK TM CN DV Hùng Duy. Đc: KCN Phú Mỹ 1, P. Phú Mỹ, TP.HCM - Dt: 0977.679.564. (Nhà phân phối Vina Kyoei). Công văn đề nghị công bố giá số 49/2026/CV-HD ngày 15/07/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Đã bao gồm chi phí vận chuyển toàn tỉnh	Mức giá được thực hiện từ ngày 15/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán giảm	215.909	226.636	226.636	226.636	226.636	226.636	226.636	226.636	226.636
378	Thép xây dựng	Thép gân 16 Pomina CB3	cây	TCVN 1651-2:2018	11m70	Công ty TNHH XNK TM CN DV Hùng Duy. Đc: KCN Phú Mỹ 1, P. Phú Mỹ, TP.HCM - Dt: 0977.679.564. (Nhà phân phối Vina Kyoei). Công văn đề nghị công bố giá số 49/2026/CV-HD ngày 15/07/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Đã bao gồm chi phí vận chuyển toàn tỉnh	Mức giá được thực hiện từ ngày 15/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán giảm	281.909	295.909	295.909	295.909	295.909	295.909	295.909	295.909	295.909
379	Thép xây dựng	Thép gân 18 Pomina CB3	cây	TCVN 1651-2:2018	11m70	Công ty TNHH XNK TM CN DV Hùng Duy. Đc: KCN Phú Mỹ 1, P. Phú Mỹ, TP.HCM - Dt: 0977.679.564. (Nhà phân phối Vina Kyoei). Công văn đề nghị công bố giá số 49/2026/CV-HD ngày 15/07/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Đã bao gồm chi phí vận chuyển toàn tỉnh	Mức giá được thực hiện từ ngày 15/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán giảm	356.818	374.545	374.545	374.545	374.545	374.545	374.545	374.545	374.545
380	Thép xây dựng	Thép gân 20 Pomina CB3	cây	TCVN 1651-2:2018	11m70	Công ty TNHH XNK TM CN DV Hùng Duy. Đc: KCN Phú Mỹ 1, P. Phú Mỹ, TP.HCM - Dt: 0977.679.564. (Nhà phân phối Vina Kyoei). Công văn đề nghị công bố giá số 49/2026/CV-HD ngày 15/07/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Đã bao gồm chi phí vận chuyển toàn tỉnh	Mức giá được thực hiện từ ngày 15/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán giảm	44.636	462.545	462.545	462.545	462.545	462.545	462.545	462.545	462.545
381	Thép xây dựng	Sắt 6 Thiên thai	kg	TCVN 1651-1:2018	6.0mm	Công ty TNHH XNK TM CN DV Hùng Duy. Đc: KCN Phú Mỹ 1, P. Phú Mỹ, TP.HCM - Dt: 0977.679.564. (Nhà phân phối Vina Kyoei). Công văn đề nghị công bố giá số 49/2026/CV-HD ngày 15/07/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Đã bao gồm chi phí vận chuyển toàn tỉnh	Mức giá được thực hiện từ ngày 15/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán giảm	14.573	15.591	15.591	15.591	15.591	15.591	15.591	15.591	15.591
382	Thép xây dựng	Sắt 8 Thiên thai	kg	TCVN 1651-1:2018	8.0mm	Công ty TNHH XNK TM CN DV Hùng Duy. Đc: KCN Phú Mỹ 1, P. Phú Mỹ, TP.HCM - Dt: 0977.679.564. (Nhà phân phối Vina Kyoei). Công văn đề nghị công bố giá số 49/2026/CV-HD ngày 15/07/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Đã bao gồm chi phí vận chuyển toàn tỉnh	Mức giá được thực hiện từ ngày 15/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán giảm	14.573	15.591	15.591	15.591	15.591	15.591	15.591	15.591	15.591
383	Thép xây dựng	Sắt 10 gân	cây	TCVN 1651-2:2018	11m70	Công ty TNHH XNK TM CN DV Hùng Duy. Đc: KCN Phú Mỹ 1, P. Phú Mỹ, TP.HCM - Dt: 0977.679.564. (Nhà phân phối Vina Kyoei). Công văn đề nghị công bố giá số 49/2026/CV-HD ngày 15/07/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Đã bao gồm chi phí vận chuyển toàn tỉnh	Mức giá được thực hiện từ ngày 15/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán giảm	72.273	74.364	74.364	74.364	74.364	74.364	74.364	74.364	74.364
384	Thép xây dựng	Sắt 12 gân	cây	TCVN 1651-2:2018	11m70	Công ty TNHH XNK TM CN DV Hùng Duy. Đc: KCN Phú Mỹ 1, P. Phú Mỹ, TP.HCM - Dt: 0977.679.564. (Nhà phân phối Vina Kyoei). Công văn đề nghị công bố giá số 49/2026/CV-HD ngày 15/07/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Đã bao gồm chi phí vận chuyển toàn tỉnh	Mức giá được thực hiện từ ngày 15/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán giảm	101.636	104.727	104.727	104.727	104.727	104.727	104.727	104.727	104.727
385	Thép xây dựng	Sắt 14 gân	cây	TCVN 1651-2:2018	11m70	Công ty TNHH XNK TM CN DV Hùng Duy. Đc: KCN Phú Mỹ 1, P. Phú Mỹ, TP.HCM - Dt: 0977.679.564. (Nhà phân phối Vina Kyoei). Công văn đề nghị công bố giá số 49/2026/CV-HD ngày 15/07/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Đã bao gồm chi phí vận chuyển toàn tỉnh	Mức giá được thực hiện từ ngày 15/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán giảm	132.000	136.000	136.000	136.000	136.000	136.000	136.000	136.000	136.000
386	Thép xây dựng	Sắt 16 gân	cây	TCVN 1651-2:2018	11m70	Công ty TNHH XNK TM CN DV Hùng Duy. Đc: KCN Phú Mỹ 1, P. Phú Mỹ, TP.HCM - Dt: 0977.679.564. (Nhà phân phối Vina Kyoei). Công văn đề nghị công bố giá số 49/2026/CV-HD ngày 15/07/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Đã bao gồm chi phí vận chuyển toàn tỉnh	Mức giá được thực hiện từ ngày 15/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán giảm	182.000	187.545	187.545	187.545	187.545	187.545	187.545	187.545	187.545
387	Thép xây dựng	Dây mạ 3 ly	kg	TCVN 2053-1993	2.7*3mm	Công ty TNHH XNK TM CN DV Hùng Duy. Đc: KCN Phú Mỹ 1, P. Phú Mỹ, TP.HCM - Dt: 0977.679.564. (Nhà phân phối Vina Kyoei). Công văn đề nghị công bố giá số 49/2026/CV-HD ngày 15/07/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Đã bao gồm chi phí vận chuyển toàn tỉnh	Mức giá được thực hiện từ ngày 15/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán giảm	23.573	24.691	24.691	24.691	24.691	24.691	24.691	24.691	24.691
388	Thép xây dựng	Kẽm gai	kg	JIS G 3533-1993	70*70mm	Công ty TNHH XNK TM CN DV Hùng Duy. Đc: KCN Phú Mỹ 1, P. Phú Mỹ, TP.HCM - Dt: 0977.679.564. (Nhà phân phối Vina Kyoei). Công văn đề nghị công bố giá số 49/2026/CV-HD ngày 15/07/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Đã bao gồm chi phí vận chuyển toàn tỉnh	Mức giá được thực hiện từ ngày 15/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán giảm	23.718	24.836	24.836	24.836	24.836	24.836	24.836	24.836	24.836
389	Thép xây dựng	Sắt phi 6 Pomina	kg			Công ty TNHH Tân Ngọc Lực.(đc: 304/4 đường 30/4 Bình Minh, Tây Ninh)	Việt Nam	Thanh toán 100% giá trị đơn hàng trước khi vận chuyển	Đã bao gồm chi phí vận chuyển	Mức giá được thực hiện từ ngày 02/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	16.091	-	-	-	-	-	-	-	-
390	Thép xây dựng	Sắt phi 8 Pomina	kg			Công ty TNHH Tân Ngọc Lực.(đc: 304/4 đường 30/4 Bình Minh, Tây Ninh)	Việt Nam	Thanh toán 100% giá trị đơn hàng trước khi vận chuyển	Đã bao gồm chi phí vận chuyển	Mức giá được thực hiện từ ngày 02/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	16.091	-	-	-	-	-	-	-	-
391	Thép xây dựng	Sắt phi 10 Pomina SD295	cây			Công ty TNHH Tân Ngọc Lực.(đc: 304/4 đường 30/4 Bình Minh, Tây Ninh)	Việt Nam	Thanh toán 100% giá trị đơn hàng trước khi vận chuyển	Đã bao gồm chi phí vận chuyển	Mức giá được thực hiện từ ngày 02/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	101.818	-	-	-	-	-	-	-	-
392	Thép xây dựng	Sắt phi 12 Pomina CB300	cây			Công ty TNHH Tân Ngọc Lực.(đc: 304/4 đường 30/4 Bình Minh, Tây Ninh)	Việt Nam	Thanh toán 100% giá trị đơn hàng trước khi vận chuyển	Đã bao gồm chi phí vận chuyển	Mức giá được thực hiện từ ngày 02/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	158.182	-	-	-	-	-	-	-	-
393	Thép xây dựng	Sắt phi 14 Pomina CB300	cây			Công ty TNHH Tân Ngọc Lực.(đc: 304/4 đường 30/4 Bình Minh, Tây Ninh)	Việt Nam	Thanh toán 100% giá trị đơn hàng trước khi vận chuyển	Đã bao gồm chi phí vận chuyển	Mức giá được thực hiện từ ngày 02/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	217.273	-	-	-	-	-	-	-	-
394	Thép xây dựng	Sắt phi 16 Pomina CB300	cây			Công ty TNHH Tân Ngọc Lực.(đc: 304/4 đường 30/4 Bình Minh, Tây Ninh)	Việt Nam	Thanh toán 100% giá trị đơn hàng trước khi vận chuyển	Đã bao gồm chi phí vận chuyển	Mức giá được thực hiện từ ngày 02/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	283.636	-	-	-	-	-	-	-	-
395	Thép xây dựng	Sắt phi 18 Pomina CB300	cây			Công ty TNHH Tân Ngọc Lực.(đc: 304/4 đường 30/4 Bình Minh, Tây Ninh)	Việt Nam	Thanh toán 100% giá trị đơn hàng trước khi vận chuyển	Đã bao gồm chi phí vận chuyển	Mức giá được thực hiện từ ngày 02/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	359.091	-	-	-	-	-	-	-	-
396	Thép xây dựng	Sắt phi 20 Pomina CB400	cây			Công ty TNHH Tân Ngọc Lực.(đc: 304/4 đường 30/4 Bình Minh, Tây Ninh)	Việt Nam	Thanh toán 100% giá trị đơn hàng trước khi vận chuyển	Đã bao gồm chi phí vận chuyển	Mức giá được thực hiện từ ngày 02/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	444.545	-	-	-	-	-	-	-	-
397	Thép xây dựng	Sắt phi 22 Pomina CB400	cây			Công ty TNHH Tân Ngọc Lực.(đc: 304/4 đường 30/4 Bình Minh, Tây Ninh)	Việt Nam	Thanh toán 100% giá trị đơn hàng trước khi vận chuyển	Đã bao gồm chi phí vận chuyển	Mức giá được thực hiện từ ngày 02/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	536.364	-	-	-	-	-	-	-	-
398	Thép xây dựng	Sắt phi 25 Pomina CB400	cây			Công ty TNHH Tân Ngọc Lực.(đc: 304/4 đường 30/4 Bình Minh, Tây Ninh)	Việt Nam	Thanh toán 100% giá trị đơn hàng trước khi vận chuyển	Đã bao gồm chi phí vận chuyển	Mức giá được thực hiện từ ngày 02/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	701.818	-	-	-	-	-	-	-	-
399	Thép xây dựng	Sắt phi 6 Hoà Phát	kg			Công ty TNHH Tân Ngọc Lực.(đc: 304/4 đường 30/4 Bình Minh, Tây Ninh)	Việt Nam	Thanh toán 100% giá trị đơn hàng trước khi vận chuyển	Đã bao gồm chi phí vận chuyển	Mức giá được thực hiện từ ngày 02/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	15.636	-	-	-	-	-	-	-	-
400	Thép xây dựng	Sắt phi 8 Hoà Phát	kg			Công ty TNHH Tân Ngọc Lực.(đc: 304/4 đường 30/4 Bình Minh, Tây Ninh)	Việt Nam	Thanh toán 100% giá trị đơn hàng trước khi vận chuyển	Đã bao gồm chi phí vận chuyển	Mức giá được thực hiện từ ngày 02/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	15.636	-	-	-	-	-	-	-	-
401	Thép xây dựng	Sắt phi 10 Hoà Phát Gr40	cây			Công ty TNHH Tân Ngọc Lực.(đc: 304/4 đường 30/4 Bình Minh, Tây Ninh)	Việt Nam	Thanh toán 100% giá trị đơn hàng trước khi vận chuyển	Đã bao gồm chi phí vận chuyển	Mức giá được thực hiện từ ngày 02/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	100.000	-	-	-	-	-	-	-	-

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)(đồng)								
												Khu vực TP. Tây Ninh	Khu vực TX.Trảng Bàng	Khu vực TX. Hoà Thành	Khu vực H.Tân Biên	Khu vực H.Tân Châu	Khu vực H. Châu Thành	Khu vực H.Dương Minh Châu	Khu vực H. Bến Cầu	Khu vực H. Gò Dầu
402	Thép xây dựng	Sắt phi 16 Hoà Phát Gr40	cây			Công ty TNHH Tân Ngọc Lực.(đc: 304/4 đường 30/4 Bình Minh, Tây Ninh)	Việt Nam	Thanh toán 100% giá trị đơn hàng trước khi vận chuyển	Đã bao gồm chi phí vận chuyển	Mức giá được thực hiện từ ngày 02/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	277.273	-	-	-	-	-	-	-	-
403	Thép xây dựng	Sắt phi 12 Hoà Phát CB300	cây			Công ty TNHH Tân Ngọc Lực.(đc: 304/4 đường 30/4 Bình Minh, Tây Ninh)	Việt Nam	Thanh toán 100% giá trị đơn hàng trước khi vận chuyển	Đã bao gồm chi phí vận chuyển	Mức giá được thực hiện từ ngày 02/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	158.182	-	-	-	-	-	-	-	-
404	Thép xây dựng	Sắt phi 14 Hoà Phát CB300	cây			Công ty TNHH Tân Ngọc Lực.(đc: 304/4 đường 30/4 Bình Minh, Tây Ninh)	Việt Nam	Thanh toán 100% giá trị đơn hàng trước khi vận chuyển	Đã bao gồm chi phí vận chuyển	Mức giá được thực hiện từ ngày 02/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	216.364	-	-	-	-	-	-	-	-
405	Thép xây dựng	Sắt phi 18 Hoà Phát CB300	cây			Công ty TNHH Tân Ngọc Lực.(đc: 304/4 đường 30/4 Bình Minh, Tây Ninh)	Việt Nam	Thanh toán 100% giá trị đơn hàng trước khi vận chuyển	Đã bao gồm chi phí vận chuyển	Mức giá được thực hiện từ ngày 02/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	357.273	-	-	-	-	-	-	-	-
406	Thép xây dựng	Sắt phi 20 Hoà Phát CB300	cây			Công ty TNHH Tân Ngọc Lực.(đc: 304/4 đường 30/4 Bình Minh, Tây Ninh)	Việt Nam	Thanh toán 100% giá trị đơn hàng trước khi vận chuyển	Đã bao gồm chi phí vận chuyển	Mức giá được thực hiện từ ngày 02/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	441.818	-	-	-	-	-	-	-	-
407	Thép xây dựng	Sắt phi 6 Pomina (Ý)	kg			Công ty TNHH Tân Ngọc Lực.(đc: 304/4 đường 30/4 Bình Minh, Tây Ninh)	Việt Nam	Thanh toán 100% giá trị đơn hàng trước khi vận chuyển	Đã bao gồm chi phí vận chuyển	Mức giá được thực hiện từ ngày 02/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	16.091	-	-	-	-	-	-	-	-
408	Thép xây dựng	Sắt phi 8 Pomina (Ý)	kg			Công ty TNHH Tân Ngọc Lực.(đc: 304/4 đường 30/4 Bình Minh, Tây Ninh)	Việt Nam	Thanh toán 100% giá trị đơn hàng trước khi vận chuyển	Đã bao gồm chi phí vận chuyển	Mức giá được thực hiện từ ngày 02/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	16.091	-	-	-	-	-	-	-	-
409	Thép xây dựng	Sắt phi 10 Pomina (Ý) CB400	cây			Công ty TNHH Tân Ngọc Lực.(đc: 304/4 đường 30/4 Bình Minh, Tây Ninh)	Việt Nam	Thanh toán 100% giá trị đơn hàng trước khi vận chuyển	Đã bao gồm chi phí vận chuyển	Mức giá được thực hiện từ ngày 02/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	111.818	-	-	-	-	-	-	-	-
410	Thép xây dựng	Sắt phi 12 Pomina (Ý) CB400	cây			Công ty TNHH Tân Ngọc Lực.(đc: 304/4 đường 30/4 Bình Minh, Tây Ninh)	Việt Nam	Thanh toán 100% giá trị đơn hàng trước khi vận chuyển	Đã bao gồm chi phí vận chuyển	Mức giá được thực hiện từ ngày 02/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	160.000	-	-	-	-	-	-	-	-
411	Thép xây dựng	Sắt phi 14 Pomina (Ý) CB400	cây			Công ty TNHH Tân Ngọc Lực.(đc: 304/4 đường 30/4 Bình Minh, Tây Ninh)	Việt Nam	Thanh toán 100% giá trị đơn hàng trước khi vận chuyển	Đã bao gồm chi phí vận chuyển	Mức giá được thực hiện từ ngày 02/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	218.182	-	-	-	-	-	-	-	-
412	Thép xây dựng	Sắt phi 16 Pomina (Ý) CB400	cây			Công ty TNHH Tân Ngọc Lực.(đc: 304/4 đường 30/4 Bình Minh, Tây Ninh)	Việt Nam	Thanh toán 100% giá trị đơn hàng trước khi vận chuyển	Đã bao gồm chi phí vận chuyển	Mức giá được thực hiện từ ngày 02/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	284.545	-	-	-	-	-	-	-	-
413	Thép xây dựng	Sắt phi 18 Pomina (Ý) CB400	cây			Công ty TNHH Tân Ngọc Lực.(đc: 304/4 đường 30/4 Bình Minh, Tây Ninh)	Việt Nam	Thanh toán 100% giá trị đơn hàng trước khi vận chuyển	Đã bao gồm chi phí vận chuyển	Mức giá được thực hiện từ ngày 02/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	360.000	-	-	-	-	-	-	-	-
414	Thép xây dựng	Sắt phi 20 Pomina (Ý) CB400	cây			Công ty TNHH Tân Ngọc Lực.(đc: 304/4 đường 30/4 Bình Minh, Tây Ninh)	Việt Nam	Thanh toán 100% giá trị đơn hàng trước khi vận chuyển	Đã bao gồm chi phí vận chuyển	Mức giá được thực hiện từ ngày 02/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	444.545	-	-	-	-	-	-	-	-
415	Thép xây dựng	Sắt phi 22 Pomina (Ý) CB400	cây			Công ty TNHH Tân Ngọc Lực.(đc: 304/4 đường 30/4 Bình Minh, Tây Ninh)	Việt Nam	Thanh toán 100% giá trị đơn hàng trước khi vận chuyển	Đã bao gồm chi phí vận chuyển	Mức giá được thực hiện từ ngày 02/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	536.364	-	-	-	-	-	-	-	-
416	Thép xây dựng	Sắt phi 25 Pomina (Ý) CB400	cây			Công ty TNHH Tân Ngọc Lực.(đc: 304/4 đường 30/4 Bình Minh, Tây Ninh)	Việt Nam	Thanh toán 100% giá trị đơn hàng trước khi vận chuyển	Đã bao gồm chi phí vận chuyển	Mức giá được thực hiện từ ngày 02/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	701.818	-	-	-	-	-	-	-	-
417	Thép xây dựng	Sắt phi 6 Nhật	kg			Công ty TNHH Tân Ngọc Lực.(đc: 304/4 đường 30/4 Bình Minh, Tây Ninh)	Việt Nam	Thanh toán 100% giá trị đơn hàng trước khi vận chuyển	Đã bao gồm chi phí vận chuyển	Mức giá được thực hiện từ ngày 02/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	17.000	-	-	-	-	-	-	-	-
418	Thép xây dựng	Sắt phi 8 Nhật	kg			Công ty TNHH Tân Ngọc Lực.(đc: 304/4 đường 30/4 Bình Minh, Tây Ninh)	Việt Nam	Thanh toán 100% giá trị đơn hàng trước khi vận chuyển	Đã bao gồm chi phí vận chuyển	Mức giá được thực hiện từ ngày 02/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	17.000	-	-	-	-	-	-	-	-
419	Thép xây dựng	Sắt phi 10 Nhật	cây			Công ty TNHH Tân Ngọc Lực.(đc: 304/4 đường 30/4 Bình Minh, Tây Ninh)	Việt Nam	Thanh toán 100% giá trị đơn hàng trước khi vận chuyển	Đã bao gồm chi phí vận chuyển	Mức giá được thực hiện từ ngày 02/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	119.091	-	-	-	-	-	-	-	-
420	Thép xây dựng	Sắt phi 12 Nhật	cây			Công ty TNHH Tân Ngọc Lực.(đc: 304/4 đường 30/4 Bình Minh, Tây Ninh)	Việt Nam	Thanh toán 100% giá trị đơn hàng trước khi vận chuyển	Đã bao gồm chi phí vận chuyển	Mức giá được thực hiện từ ngày 02/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	170.000	-	-	-	-	-	-	-	-
421	Thép xây dựng	Sắt phi 14 Nhật	cây			Công ty TNHH Tân Ngọc Lực.(đc: 304/4 đường 30/4 Bình Minh, Tây Ninh)	Việt Nam	Thanh toán 100% giá trị đơn hàng trước khi vận chuyển	Đã bao gồm chi phí vận chuyển	Mức giá được thực hiện từ ngày 02/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	230.909	-	-	-	-	-	-	-	-
422	Thép xây dựng	Sắt phi 16 Nhật	cây			Công ty TNHH Tân Ngọc Lực.(đc: 304/4 đường 30/4 Bình Minh, Tây Ninh)	Việt Nam	Thanh toán 100% giá trị đơn hàng trước khi vận chuyển	Đã bao gồm chi phí vận chuyển	Mức giá được thực hiện từ ngày 02/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	299.091	-	-	-	-	-	-	-	-
423	Thép xây dựng	Sắt phi 18 Nhật	cây			Công ty TNHH Tân Ngọc Lực.(đc: 304/4 đường 30/4 Bình Minh, Tây Ninh)	Việt Nam	Thanh toán 100% giá trị đơn hàng trước khi vận chuyển	Đã bao gồm chi phí vận chuyển	Mức giá được thực hiện từ ngày 02/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	382.727	-	-	-	-	-	-	-	-
424	Thép xây dựng	Xà gồ kẽm	m	50*100	1.5 ly	Công ty TNHH Tân Ngọc Lực.(đc: 304/4 đường 30/4 Bình Minh, Tây Ninh)	Việt Nam	Thanh toán 100% giá trị đơn hàng trước khi vận chuyển	Đã bao gồm vận chuyển	Mức giá đăng ký này thực hiện từ ngày 02/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	46.364	-	-	-	-	-	-	-	-
425	Thép xây dựng	Xà gồ kẽm	m	50*100	1.8 ly	Công ty TNHH Tân Ngọc Lực.(đc: 304/4 đường 30/4 Bình Minh, Tây Ninh)	Việt Nam	Thanh toán 100% giá trị đơn hàng trước khi vận chuyển	Đã bao gồm vận chuyển	Mức giá đăng ký này thực hiện từ ngày 02/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	53.636	-	-	-	-	-	-	-	-
426	Thép xây dựng	Xà gồ kẽm	m	50*100	2.0 ly	Công ty TNHH Tân Ngọc Lực.(đc: 304/4 đường 30/4 Bình Minh, Tây Ninh)	Việt Nam	Thanh toán 100% giá trị đơn hàng trước khi vận chuyển	Đã bao gồm vận chuyển	Mức giá đăng ký này thực hiện từ ngày 02/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	59.091	-	-	-	-	-	-	-	-
427	Thép xây dựng	Xà gồ kẽm	m	50*120	1.5 ly	Công ty TNHH Tân Ngọc Lực.(đc: 304/4 đường 30/4 Bình Minh, Tây Ninh)	Việt Nam	Thanh toán 100% giá trị đơn hàng trước khi vận chuyển	Đã bao gồm vận chuyển	Mức giá đăng ký này thực hiện từ ngày 02/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	50.000	-	-	-	-	-	-	-	-
428	Thép xây dựng	Xà gồ kẽm	m	50*120	1.5 ly	Công ty TNHH Tân Ngọc Lực.(đc: 304/4 đường 30/4 Bình Minh, Tây Ninh)	Việt Nam	Thanh toán 100% giá trị đơn hàng trước khi vận chuyển	Đã bao gồm vận chuyển	Mức giá đăng ký này thực hiện từ ngày 02/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	58.182	-	-	-	-	-	-	-	-
429	Thép xây dựng	Xà gồ kẽm	m	50*120	1.8 ly	Công ty TNHH Tân Ngọc Lực.(đc: 304/4 đường 30/4 Bình Minh, Tây Ninh)	Việt Nam	Thanh toán 100% giá trị đơn hàng trước khi vận chuyển	Đã bao gồm vận chuyển	Mức giá đăng ký này thực hiện từ ngày 02/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	64.545	-	-	-	-	-	-	-	-
430	Thép xây dựng	Xà gồ kẽm	m	50*125	2.0 ly	Công ty TNHH Tân Ngọc Lực.(đc: 304/4 đường 30/4 Bình Minh, Tây Ninh)	Việt Nam	Thanh toán 100% giá trị đơn hàng trước khi vận chuyển	Đã bao gồm vận chuyển	Mức giá đăng ký này thực hiện từ ngày 02/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	52.727	-	-	-	-	-	-	-	-
431	Thép xây dựng	Xà gồ kẽm	m	50*125	1.5 ly	Công ty TNHH Tân Ngọc Lực.(đc: 304/4 đường 30/4 Bình Minh, Tây Ninh)	Việt Nam	Thanh toán 100% giá trị đơn hàng trước khi vận chuyển	Đã bao gồm vận chuyển	Mức giá đăng ký này thực hiện từ ngày 02/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	60.000	-	-	-	-	-	-	-	-
432	Thép xây dựng	Xà gồ kẽm	m	50*125	1.8 ly	Công ty TNHH Tân Ngọc Lực.(đc: 304/4 đường 30/4 Bình Minh, Tây Ninh)	Việt Nam	Thanh toán 100% giá trị đơn hàng trước khi vận chuyển	Đã bao gồm vận chuyển	Mức giá đăng ký này thực hiện từ ngày 02/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	66.364	-	-	-	-	-	-	-	-
433	Thép xây dựng	Xà gồ kẽm	m	50*150	2.0 ly	Công ty TNHH Tân Ngọc Lực.(đc: 304/4 đường 30/4 Bình Minh, Tây Ninh)	Việt Nam	Thanh toán 100% giá trị đơn hàng trước khi vận chuyển	Đã bao gồm vận chuyển	Mức giá đăng ký này thực hiện từ ngày 02/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	56.364	-	-	-	-	-	-	-	-

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)(đồng)								
												Khu vực TP. Tây Ninh	Khu vực TX.Trảng Bàng	Khu vực TX. Hoà Thành	Khu vực H.Tân Biên	Khu vực H.Tân Châu	Khu vực H. Châu Thành	Khu vực H.Dương Minh Châu	Khu vực H. Bến Cầu	Khu vực H. Gò Dầu
434	Thép xây dựng	Xà gồ kẽm	m	50*150	1.5 ly	Công ty TNHH Tân Ngọc Lực.(đc: 304/4 đường 30/4 Bình Minh, Tây Ninh)	Việt Nam	Thanh toán 100% giá trị đơn hàng trước khi vận chuyển	Đã bao gồm vận chuyển	Mức giá đăng ký này thực hiện từ ngày 02/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	65.455	-	-	-	-	-	-	-	-
435	Thép xây dựng	Xà gồ kẽm	m	50*150	1.8 ly	Công ty TNHH Tân Ngọc Lực.(đc: 304/4 đường 30/4 Bình Minh, Tây Ninh)	Việt Nam	Thanh toán 100% giá trị đơn hàng trước khi vận chuyển	Đã bao gồm vận chuyển	Mức giá đăng ký này thực hiện từ ngày 02/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	71.818	-	-	-	-	-	-	-	-
436	Thép xây dựng	Xà gồ kẽm	m	50*180	2.0 ly	Công ty TNHH Tân Ngọc Lực.(đc: 304/4 đường 30/4 Bình Minh, Tây Ninh)	Việt Nam	Thanh toán 100% giá trị đơn hàng trước khi vận chuyển	Đã bao gồm vận chuyển	Mức giá đăng ký này thực hiện từ ngày 02/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	72.727	-	-	-	-	-	-	-	-
437	Thép xây dựng	Xà gồ kẽm	m	50*180	1.8 ly	Công ty TNHH Tân Ngọc Lực.(đc: 304/4 đường 30/4 Bình Minh, Tây Ninh)	Việt Nam	Thanh toán 100% giá trị đơn hàng trước khi vận chuyển	Đã bao gồm vận chuyển	Mức giá đăng ký này thực hiện từ ngày 02/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	80.909	-	-	-	-	-	-	-	-
438	Thép xây dựng	Xà gồ kẽm	m	50*200	2.0 ly	Công ty TNHH Tân Ngọc Lực.(đc: 304/4 đường 30/4 Bình Minh, Tây Ninh)	Việt Nam	Thanh toán 100% giá trị đơn hàng trước khi vận chuyển	Đã bao gồm vận chuyển	Mức giá đăng ký này thực hiện từ ngày 02/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	77.273	-	-	-	-	-	-	-	-
439	Thép xây dựng	Xà gồ kẽm	m	50*200	1.8 ly	Công ty TNHH Tân Ngọc Lực.(đc: 304/4 đường 30/4 Bình Minh, Tây Ninh)	Việt Nam	Thanh toán 100% giá trị đơn hàng trước khi vận chuyển	Đã bao gồm vận chuyển	Mức giá đăng ký này thực hiện từ ngày 02/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	85.455	-	-	-	-	-	-	-	-
440	Thép xây dựng	Xà gồ kẽm	m	65*200	2.0 ly	Công ty TNHH Tân Ngọc Lực.(đc: 304/4 đường 30/4 Bình Minh, Tây Ninh)	Việt Nam	Thanh toán 100% giá trị đơn hàng trước khi vận chuyển	Đã bao gồm vận chuyển	Mức giá đăng ký này thực hiện từ ngày 02/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	86.364	-	-	-	-	-	-	-	-
441	Thép xây dựng	Xà gồ kẽm	m	65*200	1.8 ly	Công ty TNHH Tân Ngọc Lực.(đc: 304/4 đường 30/4 Bình Minh, Tây Ninh)	Việt Nam	Thanh toán 100% giá trị đơn hàng trước khi vận chuyển	Đã bao gồm vận chuyển	Mức giá đăng ký này thực hiện từ ngày 02/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	95.455	-	-	-	-	-	-	-	-
442	Thép xây dựng	Xà gồ kẽm	m	65*250	2.0 ly	Công ty TNHH Tân Ngọc Lực.(đc: 304/4 đường 30/4 Bình Minh, Tây Ninh)	Việt Nam	Thanh toán 100% giá trị đơn hàng trước khi vận chuyển	Đã bao gồm vận chuyển	Mức giá đăng ký này thực hiện từ ngày 02/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	97.273	-	-	-	-	-	-	-	-
443	Thép xây dựng	Xà gồ kẽm	m	65*250	1.8 ly	Công ty TNHH Tân Ngọc Lực.(đc: 304/4 đường 30/4 Bình Minh, Tây Ninh)	Việt Nam	Thanh toán 100% giá trị đơn hàng trước khi vận chuyển	Đã bao gồm vận chuyển	Mức giá đăng ký này thực hiện từ ngày 02/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	107.273	-	-	-	-	-	-	-	-
444	Thép xây dựng	Sắt tráng kẽm	cây		30x30x1.2	Hoa Sen Home - Cửa hàng Bình Minh.(Đc: Trần Văn Trà, Bình Minh, TP.Tây Ninh. Phiếu khảo sát tại cửa hàng	Việt Nam	Giá bán tại khu vực TP. Tây Ninh	Giá bán tại cửa hàng	Mức giá ngày 16/06/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán giảm	149.300	-	-	-	-	-	-	-	-
445	Thép xây dựng	Sắt tráng kẽm	cây		30x30x1.4	Hoa Sen Home - Cửa hàng Bình Minh.(Đc: Trần Văn Trà, Bình Minh, TP.Tây Ninh. Phiếu khảo sát tại cửa hàng	Việt Nam	Giá bán tại khu vực TP. Tây Ninh	Giá bán tại cửa hàng	Mức giá ngày 16/06/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán giảm	172.600	-	-	-	-	-	-	-	-
446	Thép xây dựng	Sắt tráng kẽm	cây		40x80x1.2	Hoa Sen Home - Cửa hàng Bình Minh.(Đc: Trần Văn Trà, Bình Minh, TP.Tây Ninh. Phiếu khảo sát tại cửa hàng	Việt Nam	Giá bán tại khu vực TP. Tây Ninh	Giá bán tại cửa hàng	Mức giá ngày 16/06/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	305.900	-	-	-	-	-	-	-	-
447	Thép xây dựng	Sắt tráng kẽm	cây		40x80x1.4	Hoa Sen Home - Cửa hàng Bình Minh.(Đc: Trần Văn Trà, Bình Minh, TP.Tây Ninh. Phiếu khảo sát tại cửa hàng	Việt Nam	Giá bán tại khu vực TP. Tây Ninh	Giá bán tại cửa hàng	Mức giá ngày 16/06/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	355.300	-	-	-	-	-	-	-	-
448	Thép xây dựng	Sắt tráng kẽm	cây		50x50x1.2	Hoa Sen Home - Cửa hàng Bình Minh.(Đc: Trần Văn Trà, Bình Minh, TP.Tây Ninh. Phiếu khảo sát tại cửa hàng	Việt Nam	Giá bán tại khu vực TP. Tây Ninh	Giá bán tại cửa hàng	Mức giá ngày 16/06/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán giảm	253.700	-	-	-	-	-	-	-	-
449	Thép xây dựng	Sắt tráng kẽm	cây		50x50x1.4	Hoa Sen Home - Cửa hàng Bình Minh.(Đc: Trần Văn Trà, Bình Minh, TP.Tây Ninh. Phiếu khảo sát tại cửa hàng	Việt Nam	Giá bán tại khu vực TP. Tây Ninh	Giá bán tại cửa hàng	Mức giá ngày 16/06/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán giảm	294.300	-	-	-	-	-	-	-	-
450	Thép xây dựng	Sắt tráng kẽm	cây		50x100x1.2	Hoa Sen Home - Cửa hàng Bình Minh.(Đc: Trần Văn Trà, Bình Minh, TP.Tây Ninh. Phiếu khảo sát tại cửa hàng	Việt Nam	Giá bán tại khu vực TP. Tây Ninh	Giá bán tại cửa hàng	Mức giá ngày 16/06/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán giảm	384.200	-	-	-	-	-	-	-	-
451	Thép xây dựng	Sắt tráng kẽm	cây		50x100x1.4	Hoa Sen Home - Cửa hàng Bình Minh.(Đc: Trần Văn Trà, Bình Minh, TP.Tây Ninh. Phiếu khảo sát tại cửa hàng	Việt Nam	Giá bán tại khu vực TP. Tây Ninh	Giá bán tại cửa hàng	Mức giá ngày 16/06/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán giảm	446.600	-	-	-	-	-	-	-	-
452	Thép xây dựng	Sắt tráng kẽm	cây		100x100x1.4	Hoa Sen Home - Cửa hàng Bình Minh.(Đc: Trần Văn Trà, Bình Minh, TP.Tây Ninh. Phiếu khảo sát tại cửa hàng	Việt Nam	Giá bán tại khu vực TP. Tây Ninh	Giá bán tại cửa hàng	Mức giá ngày 16/06/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán giảm	590.900	-	-	-	-	-	-	-	-
453	Thép xây dựng	Thép cuộn 6mm (CB240T)	kg	TCVN 1651-1:2008		Công ty Cổ phần tập đoàn Nghi Sơn. Đc: Khu liên hợp gang thép Nghi Sơn - Khu kinh tế Nghi Sơn, P.Nghi Sơn, tỉnh Thanh Hoá - Đt: 036.324.7375. Công văn đề nghị công bố giá số 021/CV.26/VASG-PKD ngày 24/06/2026)	Việt Nam	Giá bán tính từ trong lượng thực tế, điều kiện thanh toán 30 ngày	không có thông tin	Mức giá được thực hiện từ 24/06/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán giảm	15.510	15.510	15.510	15.510	15.510	15.510	15.510	15.510	15.510
454	Thép xây dựng	Thép cuộn 8mm (CB240T)	kg	TCVN 1651-1:2008		Công ty Cổ phần tập đoàn Nghi Sơn. Đc: Khu liên hợp gang thép Nghi Sơn - Khu kinh tế Nghi Sơn, P.Nghi Sơn, tỉnh Thanh Hoá - Đt: 036.324.7375. Công văn đề nghị công bố giá số 021/CV.26/VASG-PKD ngày 24/06/2026)	Việt Nam	Giá bán tính từ trong lượng thực tế, điều kiện thanh toán 30 ngày	không có thông tin	Mức giá được thực hiện từ 24/06/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán giảm	15.510	15.510	15.510	15.510	15.510	15.510	15.510	15.510	15.510
455	Thép xây dựng	Thép thanh vằn 10mm (Gr40)	kg	TCVN 1651-2:2018 ASTM A615/A615M-20		Công ty Cổ phần tập đoàn Nghi Sơn. Đc: Khu liên hợp gang thép Nghi Sơn - Khu kinh tế Nghi Sơn, P.Nghi Sơn, tỉnh Thanh Hoá - Đt: 036.324.7375. Công văn đề nghị công bố giá số 021/CV.26/VASG-PKD ngày 24/06/2026)	Việt Nam	Giá bán tính từ trong lượng thực tế, điều kiện thanh toán 30 ngày	không có thông tin	Mức giá được thực hiện từ 24/06/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán giảm	16.030	16.030	16.030	16.030	16.030	16.030	16.030	16.030	16.030
456	Thép xây dựng	Thép thanh vằn 12-20mm (CB300V/Gr40)	kg	TCVN 1651-2:2018 ASTM A615/A615M-20		Công ty Cổ phần tập đoàn Nghi Sơn. Đc: Khu liên hợp gang thép Nghi Sơn - Khu kinh tế Nghi Sơn, P.Nghi Sơn, tỉnh Thanh Hoá - Đt: 036.324.7375. Công văn đề nghị công bố giá số 021/CV.26/VASG-PKD ngày 24/06/2026)	Việt Nam	Giá bán tính từ trong lượng thực tế, điều kiện thanh toán 30 ngày	không có thông tin	Mức giá được thực hiện từ 24/06/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán giảm	15.830	15.830	15.830	15.830	15.830	15.830	15.830	15.830	15.830
457	Thép xây dựng	Thép thanh vằn 10mm (CB400V/CB500)	kg	TCVN 1651-2:2018 ASTM A615/A615M-20		Công ty Cổ phần tập đoàn Nghi Sơn. Đc: Khu liên hợp gang thép Nghi Sơn - Khu kinh tế Nghi Sơn, P.Nghi Sơn, tỉnh Thanh Hoá - Đt: 036.324.7375. Công văn đề nghị công bố giá số 021/CV.26/VASG-PKD ngày 24/06/2026)	Việt Nam	Giá bán tính từ trong lượng thực tế, điều kiện thanh toán 30 ngày	không có thông tin	Mức giá được thực hiện từ 24/06/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán giảm	16.110	16.110	16.110	16.110	16.110	16.110	16.110	16.110	16.110
458	Thép xây dựng	Thép thanh vằn 12-32mm (CB400V/CB500)	kg	TCVN 1651-2:2018 ASTM A615/A615M-20		Công ty Cổ phần tập đoàn Nghi Sơn. Đc: Khu liên hợp gang thép Nghi Sơn - Khu kinh tế Nghi Sơn, P.Nghi Sơn, tỉnh Thanh Hoá - Đt: 036.324.7375. Công văn đề nghị công bố giá số 021/CV.26/VASG-PKD ngày 24/06/2026)	Việt Nam	Giá bán tính từ trong lượng thực tế, điều kiện thanh toán 30 ngày	không có thông tin	Mức giá được thực hiện từ 24/06/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán giảm	15.910	15.910	15.910	15.910	15.910	15.910	15.910	15.910	15.910
459	Thép xây dựng	Thép thanh vằn 36 - 40mm (CB400V/CB500)	kg	TCVN 1651-2:2018 ASTM A615/A615M-20		Công ty Cổ phần tập đoàn Nghi Sơn. Đc: Khu liên hợp gang thép Nghi Sơn - Khu kinh tế Nghi Sơn, P.Nghi Sơn, tỉnh Thanh Hoá - Đt: 036.324.7375. Công văn đề nghị công bố giá số 021/CV.26/VASG-PKD ngày 24/06/2026)	Việt Nam	Giá bán tính từ trong lượng thực tế, điều kiện thanh toán 30 ngày	không có thông tin	Mức giá được thực hiện từ 24/06/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán giảm	16.210	16.210	16.210	16.210	16.210	16.210	16.210	16.210	16.210
460	Thép xây dựng	Sắt Việt Nhật 6-8	kg		8.0mm	Phiếu khảo sát tại các cửa hàng khu vực Châu Thành, Tây Ninh (cũ): Cửa hàng VLXD Phú Thịnh, DNTN Toàn Tâm.	Việt Nam	Giá bán tính từ trong lượng thực tế, điều kiện thanh toán 30 ngày	Không bao gồm chi phí vận chuyển	Mức giá ngày 21/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	-	-	-	-	-	19.150	-	-	-
461	Thép xây dựng	Sắt 10 Việt Nhật	cây		10.0mm	Phiếu khảo sát tại các cửa hàng khu vực Châu Thành, Tây Ninh (cũ): Cửa hàng VLXD Phú Thịnh, DNTN Toàn Tâm.	Việt Nam	Giá bán tính từ trong lượng thực tế, điều kiện thanh toán 30 ngày	Không bao gồm chi phí vận chuyển	Mức giá ngày 21/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	-	-	-	-	-	111.500	-	-	-
462	Thép xây dựng	Sắt 12 Việt Nhật	cây		12.0mm	Phiếu khảo sát tại các cửa hàng khu vực Châu Thành, Tây Ninh (cũ): Cửa hàng VLXD Phú Thịnh, DNTN Toàn Tâm.	Việt Nam	Giá bán tính từ trong lượng thực tế, điều kiện thanh toán 30 ngày	Không bao gồm chi phí vận chuyển	Mức giá ngày 21/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	-	-	-	-	-	156.000	-	-	-
463	Thép xây dựng	Sắt 14 Việt Nhật	cây		14.0mm	Phiếu khảo sát tại các cửa hàng khu vực Châu Thành, Tây Ninh (cũ): Cửa hàng VLXD Phú Thịnh, DNTN Toàn Tâm.	Việt Nam	Giá bán tính từ trong lượng thực tế, điều kiện thanh toán 30 ngày	Không bao gồm chi phí vận chuyển	Mức giá ngày 21/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	-	-	-	-	-	217.500	-	-	-
464	Thép xây dựng	Sắt Φ 6, 8 Nhật	kg		8.0mm	Công ty TNHH MTV TM XD Tông Thành Đạt (Đc: 168 Phạm Hùng, tổ 1, KP1, TT.Tân Biên, Tây Ninh). Phiếu khảo sát tại các cửa hàng	Việt Nam	Giá bán tại bãi Công Ty VLXD Tông Thành Đạt (168 Phạm Hùng (QL 22B), KP1, thị	Giá bán tại cửa hàng	Mức giá từ ngày 20/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	-	-	-	15.455	-	-	-	-	-

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)(đồng)								
												Khu vực TP. Tây Ninh	Khu vực TX.Trảng Bàng	Khu vực TX. Hoà Thành	Khu vực H.Tân Biên	Khu vực H.Tân Châu	Khu vực H. Châu Thành	Khu vực H.Dương Minh Châu	Khu vực H. Bến Cầu	Khu vực H. Gò Dầu
465	Thép xây dựng	Sắt Φ 10 gân Nhật	cây		10.0mm	Công ty TNHH MTV TM XD Tông Thành Đạt (Đc: 168 Phạm Hùng, tổ 1, KP1, TT.Tân Biên, Tây Ninh). Phiếu khảo sát tại các cửa hàng	Việt Nam	Giá bán tại bãi Công Ty VLXD Tông Thành Đạt (168 Phạm Hùng (QL 22B) KP1 phi	Giá bán tại cửa hàng	Mức giá từ ngày 20/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	-	-	-	106.677	-	-	-	-	-
466	Thép xây dựng	Sắt Φ 12 gân Nhật	cây		12.0mm	Công ty TNHH MTV TM XD Tông Thành Đạt (Đc: 168 Phạm Hùng, tổ 1, KP1, TT.Tân Biên, Tây Ninh). Phiếu khảo sát tại các cửa hàng	Việt Nam	Giá bán tại bãi Công Ty VLXD Tông Thành Đạt (168 Phạm Hùng (QL 22B) KP1 phi	Giá bán tại cửa hàng	Mức giá từ ngày 20/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	-	-	-	153.336	-	-	-	-	-
467	Thép xây dựng	Sắt Φ 14 gân Nhật	cây		14.0mm	Công ty TNHH MTV TM XD Tông Thành Đạt (Đc: 168 Phạm Hùng, tổ 1, KP1, TT.Tân Biên, Tây Ninh). Phiếu khảo sát tại các cửa hàng	Việt Nam	Giá bán tại bãi Công Ty VLXD Tông Thành Đạt (168 Phạm Hùng (QL 22B) KP1 phi	Giá bán tại cửa hàng	Mức giá từ ngày 20/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	-	-	-	208.095	-	-	-	-	-
468	Thép xây dựng	Sắt Φ 16 gân Nhật	cây		16.0mm	Công ty TNHH MTV TM XD Tông Thành Đạt (Đc: 168 Phạm Hùng, tổ 1, KP1, TT.Tân Biên, Tây Ninh). Phiếu khảo sát tại các cửa hàng	Việt Nam	Giá bán tại bãi Công Ty VLXD Tông Thành Đạt (168 Phạm Hùng (QL 22B) KP1 phi	Giá bán tại cửa hàng	Mức giá từ ngày 20/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	-	-	-	271.555	-	-	-	-	-
469	Thép xây dựng	Sắt Φ 18 gân Nhật	cây		18.0mm	Công ty TNHH MTV TM XD Tông Thành Đạt (Đc: 168 Phạm Hùng, tổ 1, KP1, TT.Tân Biên, Tây Ninh). Phiếu khảo sát tại các cửa hàng	Việt Nam	Giá bán tại bãi Công Ty VLXD Tông Thành Đạt (168 Phạm Hùng (QL 22B) KP1 phi	Giá bán tại cửa hàng	Mức giá từ ngày 20/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	-	-	-	344.023	-	-	-	-	-
470	Thép xây dựng	Sắt hộp kẽm 40x40x1.1	cây		6m/cây	Công ty TNHH Minh Phú Thịnh Phát. (Đc: 302 Lý Thường Kiệt, KP4, P.Long Hoa, Tây Ninh). Phiếu khảo sát tại cửa hàng	Việt Nam	Giá bán trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Giá bán chưa bao gồm vận chuyển	Mức giá ngày 10/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán giảm	158.000	-	-	-	-	-	-	-	-
471	Thép xây dựng	Sắt hộp kẽm 40x40x1.2	cây		6m/cây	Công ty TNHH Minh Phú Thịnh Phát. (Đc: 302 Lý Thường Kiệt, KP4, P.Long Hoa, Tây Ninh). Phiếu khảo sát tại cửa hàng	Việt Nam	Giá bán trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Giá bán chưa bao gồm vận chuyển	Mức giá ngày 10/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán giảm	174.000	-	-	-	-	-	-	-	-
472	Thép xây dựng	Sắt hộp kẽm 40x40x1.4	cây		6m/cây	Công ty TNHH Minh Phú Thịnh Phát. (Đc: 302 Lý Thường Kiệt, KP4, P.Long Hoa, Tây Ninh). Phiếu khảo sát tại cửa hàng	Việt Nam	Giá bán trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Giá bán chưa bao gồm vận chuyển	Mức giá ngày 10/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán giảm	205.000	-	-	-	-	-	-	-	-
473	Thép xây dựng	Sắt hộp kẽm 50x50x1.2	cây		6m/cây	Công ty TNHH Minh Phú Thịnh Phát. (Đc: 302 Lý Thường Kiệt, KP4, P.Long Hoa, Tây Ninh). Phiếu khảo sát tại cửa hàng	Việt Nam	Giá bán trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Giá bán chưa bao gồm vận chuyển	Mức giá ngày 10/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán giảm	219.000	-	-	-	-	-	-	-	-
474	Thép xây dựng	Sắt hộp kẽm 50x50x1.8	cây		6m/cây	Công ty TNHH Minh Phú Thịnh Phát. (Đc: 302 Lý Thường Kiệt, KP4, P.Long Hoa, Tây Ninh). Phiếu khảo sát tại cửa hàng	Việt Nam	Giá bán trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Giá bán chưa bao gồm vận chuyển	Mức giá ngày 10/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán giảm	258.000	-	-	-	-	-	-	-	-
475	Thép xây dựng	Sắt hộp kẽm 75x75x1.4	cây		6m/cây	Công ty TNHH Minh Phú Thịnh Phát. (Đc: 302 Lý Thường Kiệt, KP4, P.Long Hoa, Tây Ninh). Phiếu khảo sát tại cửa hàng	Việt Nam	Giá bán trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Giá bán chưa bao gồm vận chuyển	Mức giá ngày 10/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán giảm	389.000	-	-	-	-	-	-	-	-
476	Thép xây dựng	Sắt hộp kẽm 90x90x1.4	cây		6m/cây	Công ty TNHH Minh Phú Thịnh Phát. (Đc: 302 Lý Thường Kiệt, KP4, P.Long Hoa, Tây Ninh). Phiếu khảo sát tại cửa hàng	Việt Nam	Giá bán trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Giá bán chưa bao gồm vận chuyển	Mức giá ngày 10/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán giảm	467.000	-	-	-	-	-	-	-	-
477	Thép xây dựng	Sắt hộp k100x100x1.4	cây		6m/cây	Công ty TNHH Minh Phú Thịnh Phát. (Đc: 302 Lý Thường Kiệt, KP4, P.Long Hoa, Tây Ninh). Phiếu khảo sát tại cửa hàng	Việt Nam	Giá bán trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Giá bán chưa bao gồm vận chuyển	Mức giá ngày 10/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán giảm	520.000	-	-	-	-	-	-	-	-
478	Thép xây dựng	Sắt Φ 21x6x1.1	cây		6m/cây	Công ty TNHH Minh Phú Thịnh Phát. (Đc: 302 Lý Thường Kiệt, KP4, P.Long Hoa, Tây Ninh). Phiếu khảo sát tại cửa hàng	Việt Nam	Giá bán trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Giá bán chưa bao gồm vận chuyển	Mức giá ngày 10/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán giảm	65.000	-	-	-	-	-	-	-	-
479	Thép xây dựng	Sắt Φ 21x6x1.4	cây		6m/cây	Công ty TNHH Minh Phú Thịnh Phát. (Đc: 302 Lý Thường Kiệt, KP4, P.Long Hoa, Tây Ninh). Phiếu khảo sát tại cửa hàng	Việt Nam	Giá bán trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Giá bán chưa bao gồm vận chuyển	Mức giá ngày 10/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán giảm	90.000	-	-	-	-	-	-	-	-
480	Thép xây dựng	Sắt Φ 27x6x1.1	cây		6m/cây	Công ty TNHH Minh Phú Thịnh Phát. (Đc: 302 Lý Thường Kiệt, KP4, P.Long Hoa, Tây Ninh). Phiếu khảo sát tại cửa hàng	Việt Nam	Giá bán trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Giá bán chưa bao gồm vận chuyển	Mức giá ngày 10/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán giảm	115.000	-	-	-	-	-	-	-	-
481	Thép xây dựng	Sắt hộp kẽm 50x100x1.2	cây		6m/cây	Công ty TNHH Minh Phú Thịnh Phát. (Đc: 302 Lý Thường Kiệt, KP4, P.Long Hoa, Tây Ninh). Phiếu khảo sát tại cửa hàng	Việt Nam	Giá bán trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Giá bán chưa bao gồm vận chuyển	Mức giá ngày 10/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán giảm	330.000	-	-	-	-	-	-	-	-
482	Thép xây dựng	Sắt hộp kẽm 50x100x1.4	cây		6m/cây	Công ty TNHH Minh Phú Thịnh Phát. (Đc: 302 Lý Thường Kiệt, KP4, P.Long Hoa, Tây Ninh). Phiếu khảo sát tại cửa hàng	Việt Nam	Giá bán trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Giá bán chưa bao gồm vận chuyển	Mức giá ngày 10/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán giảm	389.000	-	-	-	-	-	-	-	-
483	Thép xây dựng	Sắt hộp kẽm 60x120x1.4	cây		6m/cây	Công ty TNHH Minh Phú Thịnh Phát. (Đc: 302 Lý Thường Kiệt, KP4, P.Long Hoa, Tây Ninh). Phiếu khảo sát tại cửa hàng	Việt Nam	Giá bán trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Giá bán chưa bao gồm vận chuyển	Mức giá ngày 10/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán giảm	467.000	-	-	-	-	-	-	-	-
484	Thép xây dựng	Sắt Φ 60x6x1.1	cây		6m/cây	Công ty TNHH Minh Phú Thịnh Phát. (Đc: 302 Lý Thường Kiệt, KP4, P.Long Hoa, Tây Ninh). Phiếu khảo sát tại cửa hàng	Việt Nam	Giá bán trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Giá bán chưa bao gồm vận chuyển	Mức giá ngày 10/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán giảm	189.000	-	-	-	-	-	-	-	-
485	Thép xây dựng	Sắt Φ 60x6x1.4	cây		6m/cây	Công ty TNHH Minh Phú Thịnh Phát. (Đc: 302 Lý Thường Kiệt, KP4, P.Long Hoa, Tây Ninh). Phiếu khảo sát tại cửa hàng	Việt Nam	Giá bán trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Giá bán chưa bao gồm vận chuyển	Mức giá ngày 10/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán giảm	369.000	-	-	-	-	-	-	-	-
486	Thép xây dựng	Sắt Φ 76x6x1.1	cây		6m/cây	Công ty TNHH Minh Phú Thịnh Phát. (Đc: 302 Lý Thường Kiệt, KP4, P.Long Hoa, Tây Ninh). Phiếu khảo sát tại cửa hàng	Việt Nam	Giá bán trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Giá bán chưa bao gồm vận chuyển	Mức giá ngày 10/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán giảm	250.000	-	-	-	-	-	-	-	-
487	Thép xây dựng	Sắt Φ 90x6x1.4	cây		6m/cây	Công ty TNHH Minh Phú Thịnh Phát. (Đc: 302 Lý Thường Kiệt, KP4, P.Long Hoa, Tây Ninh). Phiếu khảo sát tại cửa hàng	Việt Nam	Giá bán trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Giá bán chưa bao gồm vận chuyển	Mức giá ngày 10/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán giảm	368.000	-	-	-	-	-	-	-	-
488	Thép xây dựng	Sắt Φ 114x6x1.4	cây		6m/cây	Công ty TNHH Minh Phú Thịnh Phát. (Đc: 302 Lý Thường Kiệt, KP4, P.Long Hoa, Tây Ninh). Phiếu khảo sát tại cửa hàng	Việt Nam	Giá bán trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Giá bán chưa bao gồm vận chuyển	Mức giá ngày 10/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán giảm	467.000	-	-	-	-	-	-	-	-
489	Thép xây dựng	Sắt Φ 10 Việt Úc	cây		10.0mm	Công ty TNHH ĐT XD và VL Cường Thịnh. (Đc: 573 Tân Tiến, Tân Lập, Tân Biên, Tây Ninh - Đt: 0966020720). Phiếu khảo sát tại cửa hàng	Việt Nam	Không có thông tin	Giá tại cửa hàng	Mức giá được áp dụng từ ngày 20/7/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	-	-	-	90.000	-	-	-	-	-
490	Thép xây dựng	Sắt Φ 12 Việt Úc	cây		12.0mm	Công ty TNHH ĐT XD và VL Cường Thịnh. (Đc: 573 Tân Tiến, Tân Lập, Tân Biên, Tây Ninh - Đt: 0966020720). Phiếu khảo sát tại cửa hàng	Việt Nam	Không có thông tin	Giá tại cửa hàng	Mức giá được áp dụng từ ngày 20/7/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	-	-	-	120.000	-	-	-	-	-
491	Thép xây dựng	Sắt Φ 14 Việt Úc	cây		14.0mm	Công ty TNHH ĐT XD và VL Cường Thịnh. (Đc: 573 Tân Tiến, Tân Lập, Tân Biên, Tây Ninh - Đt: 0966020720). Phiếu khảo sát tại cửa hàng	Việt Nam	Không có thông tin	Giá tại cửa hàng	Mức giá được áp dụng từ ngày 20/7/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	-	-	-	155.000	-	-	-	-	-
492	Thép xây dựng	Sắt Φ 16 Việt Úc	cây		16.0mm	Công ty TNHH ĐT XD và VL Cường Thịnh. (Đc: 573 Tân Tiến, Tân Lập, Tân Biên, Tây Ninh - Đt: 0966020720). Phiếu khảo sát tại cửa hàng	Việt Nam	Không có thông tin	Giá tại cửa hàng	Mức giá được áp dụng từ ngày 20/7/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	-	-	-	203.000	-	-	-	-	-
493	Thép xây dựng	Thép Φ 6-8 Việt Úc CB300	kg		300.0mm	Công ty TNHH ĐT XD và VL Cường Thịnh. (Đc: 573 Tân Tiến, Tân Lập, Tân Biên, Tây Ninh - Đt: 0966020720). Phiếu khảo sát tại cửa hàng	Việt Nam	Không có thông tin	Giá tại cửa hàng	Mức giá được áp dụng từ ngày 20/7/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	-	-	-	18.000	-	-	-	-	-
494	Thép xây dựng	Thép Φ 10 Việt Nhật CB300	cây		300.0mm	Công ty TNHH ĐT XD và VL Cường Thịnh. (Đc: 573 Tân Tiến, Tân Lập, Tân Biên, Tây Ninh - Đt: 0966020720). Phiếu khảo sát tại cửa hàng	Việt Nam	Không có thông tin	Giá tại cửa hàng	Mức giá được áp dụng từ ngày 20/7/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	-	-	-	137.000	-	-	-	-	-
495	Thép xây dựng	Thép Φ 12 Việt Nhật CB300	cây		300.0mm	Công ty TNHH ĐT XD và VL Cường Thịnh. (Đc: 573 Tân Tiến, Tân Lập, Tân Biên, Tây Ninh - Đt: 0966020720). Phiếu khảo sát tại cửa hàng	Việt Nam	Không có thông tin	Giá tại cửa hàng	Mức giá được áp dụng từ ngày 20/7/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	-	-	-	195.000	-	-	-	-	-
496	Thép xây dựng	Thép Φ 14 Việt Nhật CB300	cây		300.0mm	Công ty TNHH ĐT XD và VL Cường Thịnh. (Đc: 573 Tân Tiến, Tân Lập, Tân Biên, Tây Ninh - Đt: 0966020720). Phiếu khảo sát tại cửa hàng	Việt Nam	Không có thông tin	Giá tại cửa hàng	Mức giá được áp dụng từ ngày 20/7/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	-	-	-	203.000	-	-	-	-	-
497	Thép xây dựng	Thép Φ 16 Việt Nhật CB300	cây		300.0mm	Công ty TNHH ĐT XD và VL Cường Thịnh. (Đc: 573 Tân Tiến, Tân Lập, Tân Biên, Tây Ninh - Đt: 0966020720). Phiếu khảo sát tại cửa hàng	Việt Nam	Không có thông tin	Giá tại cửa hàng	Mức giá được áp dụng từ ngày 20/7/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	-	-	-	336.000	-	-	-	-	-

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)(đồng)								
												Khu vực TP. Tây Ninh	Khu vực TX.Trảng Bàng	Khu vực TX. Hoà Thành	Khu vực H.Tân Biên	Khu vực H.Tân Châu	Khu vực H. Châu Thành	Khu vực H.Dương Minh Châu	Khu vực H. Bến Cầu	Khu vực H. Gò Dầu
498	Thép xây dựng	Thép Φ 6-8 Việt Nhật CB300	kg		300.0mm	Công ty TNHH ĐT XD và VL Cường Thinh. (Đc: 573 Tân Tiến, Tân Lập, Tân Biên, Tây Ninh - Đt: 0966020720). Phiếu khảo sát tại cửa hàng	Việt Nam	Không có thông tin	Giá tại cửa hàng	Mức giá được áp dụng từ ngày 20/7/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	-	-	-	23.000	-	-	-	-	-
499	Gạch xây	Gạch ống 4 lỗ	viên	QCVN 16:2023/BXD	80x80x180 (mm)	Công ty TNHH SX VLXD Đại Thắng.Công văn đề nghị công bố giá số 04/2026-CBG ngày 19 tháng 06 năm 2026	Việt Nam	Không có thông tin	Giá giao gạch trong khu vực Phường Long Hoa	Từ ngày 19/06/2026 cho đến khi có bảng đăng ký mới thay đổi	Giá không đổi	-	-	1.545	-	-	-	-	-	-
500	Gạch xây	Gạch thẻ đặc	viên	QCVN 16:2023/BXD	40x80x180 (mm)	Công ty TNHH SX VLXD Đại Thắng.Công văn đề nghị công bố giá số 04/2026-CBG ngày 19 tháng 06 năm 2026	Việt Nam	Không có thông tin	Giá giao gạch trong khu vực Phường Long Hoa	Từ ngày 19/06/2026 cho đến khi có bảng đăng ký mới thay đổi	Giá không đổi	-	-	1.455	-	-	-	-	-	-
501	Gạch xây	Gạch xây dựng Block T10	viên	QCVN 16:2023/BXD	90x190x390 (mm)	Công ty TNHH SX VLXD Đại Thắng.Công văn đề nghị công bố giá số 04/2026-CBG ngày 19 tháng 06 năm 2026	Việt Nam	Không có thông tin	Giá giao gạch trong khu vực Phường Long Hoa	Từ ngày 19/06/2026 cho đến khi có bảng đăng ký mới thay đổi	Giá không đổi	-	-	7.273	-	-	-	-	-	-
502	Gạch xây	Gạch xây dựng Block T20	viên	QCVN 16:2023/BXD	190x190x390 (mm)	Công ty TNHH SX VLXD Đại Thắng.Công văn đề nghị công bố giá số 04/2026-CBG ngày 19 tháng 06 năm 2026	Việt Nam	Không có thông tin	Giá giao gạch trong khu vực Phường Long Hoa	Từ ngày 19/06/2026 cho đến khi có bảng đăng ký mới thay đổi	Giá không đổi	-	-	14.545	-	-	-	-	-	-
503	Gạch xây	Gạch 2 lỗ	viên	QCVN 16:2023/BXD	80x80x180 (mm)	Công ty TNHH SX VLXD Đại Thắng.Công văn đề nghị công bố giá số 04/2026-CBG ngày 19 tháng 06 năm 2026	Việt Nam	Không có thông tin	Giá giao gạch trong khu vực Phường Long Hoa	Từ ngày 19/06/2026 cho đến khi có bảng đăng ký mới thay đổi	Giá không đổi	-	-	1.364	-	-	-	-	-	-
504	Gạch ốp lát	Gạch Terrazzo ngoại thất, 2 lớp loại 1, màu xám và màu đỏ	m2	TCVN 7744:2013	400x400x30 (mm)	Công ty TNHH SX VLXD Đại Thắng.Công văn đề nghị công bố giá số 04/2026-CBG ngày 19 tháng 06 năm 2026	Việt Nam	Không có thông tin	Giá giao gạch trong khu vực Phường Long Hoa	Từ ngày 19/06/2026 cho đến khi có bảng đăng ký mới thay đổi	Giá không đổi	-	-	77.273	-	-	-	-	-	-
505	Gạch ốp lát	Gạch Terrazzo ngoại thất, 2 lớp loại 1, màu xanh và màu vàng	m2	TCVN 7744:2013	400x400x30 (mm)	Công ty TNHH SX VLXD Đại Thắng.Công văn đề nghị công bố giá số 04/2026-CBG ngày 19 tháng 06 năm 2026	Việt Nam	Không có thông tin	Giá giao gạch trong khu vực Phường Long Hoa	Từ ngày 19/06/2026 cho đến khi có bảng đăng ký mới thay đổi	Giá không đổi	-	-	81.818	-	-	-	-	-	-
506	Gạch ốp lát	Gạch Terrazzo ngoại thất, 2 lớp loại 1, màu xám và màu đỏ	m2	TCVN 7744:2013	600x300x30 (mm)	Công ty TNHH SX VLXD Đại Thắng.Công văn đề nghị công bố giá số 04/2026-CBG ngày 19 tháng 06 năm 2026	Việt Nam	Không có thông tin	Giá giao gạch trong khu vực Phường Long Hoa	Từ ngày 19/06/2026 cho đến khi có bảng đăng ký mới thay đổi	Giá không đổi	-	-	100.000	-	-	-	-	-	-
507	Gạch ốp lát	Gạch Terrazzo ngoại thất, 2 lớp loại 1, màu xanh và màu vàng	m2	TCVN 7744:2013	600x300x30 (mm)	Công ty TNHH SX VLXD Đại Thắng.Công văn đề nghị công bố giá số 04/2026-CBG ngày 19 tháng 06 năm 2026	Việt Nam	Không có thông tin	Giá giao gạch trong khu vực Phường Long Hoa	Từ ngày 19/06/2026 cho đến khi có bảng đăng ký mới thay đổi	Giá không đổi	-	-	104.545	-	-	-	-	-	-
508	Gạch ốp lát	Gạch Terrazzo ngoại thất, 2 lớp loại 1, màu xám và màu đỏ	m2	TCVN 7744:2013	500x500x30 (mm)	Công ty TNHH SX VLXD Đại Thắng.Công văn đề nghị công bố giá số 04/2026-CBG ngày 19 tháng 06 năm 2026	Việt Nam	Không có thông tin	Giá giao gạch trong khu vực Phường Long Hoa	Từ ngày 19/06/2026 cho đến khi có bảng đăng ký mới thay đổi	Giá không đổi	-	-	100.000	-	-	-	-	-	-
509	Gạch ốp lát	Gạch Terrazzo ngoại thất, 2 lớp loại 1, màu xanh và màu vàng	m2	TCVN 7744:2013	500x500x30 (mm)	Công ty TNHH SX VLXD Đại Thắng.Công văn đề nghị công bố giá số 04/2026-CBG ngày 19 tháng 06 năm 2026	Việt Nam	Không có thông tin	Giá giao gạch trong khu vực Phường Long Hoa	Từ ngày 19/06/2026 cho đến khi có bảng đăng ký mới thay đổi	Giá không đổi	-	-	104.545	-	-	-	-	-	-
510	Gạch ốp lát	Gạch Terrazzo ngoại thất, 2 lớp loại 1, màu xám và màu đỏ	m2	TCVN 7744:2013	300x300x30 (mm)	Công ty TNHH SX VLXD Đại Thắng.Công văn đề nghị công bố giá số 04/2026-CBG ngày 19 tháng 06 năm 2026	Việt Nam	Không có thông tin	Giá giao gạch trong khu vực Phường Long Hoa	Từ ngày 19/06/2026 cho đến khi có bảng đăng ký mới thay đổi	Giá không đổi	-	-	86.364	-	-	-	-	-	-
511	Gạch ốp lát	Gạch Terrazzo ngoại thất, 2 lớp loại 1, màu xanh và màu vàng	m2	TCVN 7744:2013	300x300x30 (mm)	Công ty TNHH SX VLXD Đại Thắng.Công văn đề nghị công bố giá số 04/2026-CBG ngày 19 tháng 06 năm 2026	Việt Nam	Không có thông tin	Giá giao gạch trong khu vực Phường Long Hoa	Từ ngày 19/06/2026 cho đến khi có bảng đăng ký mới thay đổi	Giá không đổi	-	-	90.909	-	-	-	-	-	-
512	Gạch ốp lát	Gạch Terrazzo đá mài ngoại thất cao cấp, 2 lớp loại 1, màu xám và màu đỏ	m2	TCVN 7744:2013	400x400x30 (mm)	Công ty TNHH SX VLXD Đại Thắng.Công văn đề nghị công bố giá số 04/2026-CBG ngày 19 tháng 06 năm 2026 (Mức giá áp dụng từ ngày 19/06/2026 cho đến khi có bảng đăng ký mới thay đổi	Việt Nam	Không có thông tin	Giá giao gạch trong khu vực Phường Long Hoa	Bề mặt gạch được mài bóng sáng	Giá không đổi	-	-	127.273	-	-	-	-	-	-
513	Gạch ốp lát	Gạch Terrazzo đá mài ngoại thất cao cấp, 2 lớp loại 1, màu xanh và màu vàng	m2	TCVN 7744:2013	400x400x30 (mm)	Công ty TNHH SX VLXD Đại Thắng.Công văn đề nghị công bố giá số 04/2026-CBG ngày 19 tháng 06 năm 2026 (Mức giá áp dụng từ ngày 19/06/2026 cho đến khi có bảng đăng ký mới thay đổi	Việt Nam	Không có thông tin	Giá giao gạch trong khu vực Phường Long Hoa	Bề mặt gạch được mài bóng sáng	Giá không đổi	-	-	136.364	-	-	-	-	-	-
514	Gạch ốp lát	Gạch Terrazzo đá mài ngoại thất cao cấp, 2 lớp loại 1, màu trắng	m2	TCVN 7744:2013	400x400x30 (mm)	Công ty TNHH SX VLXD Đại Thắng.Công văn đề nghị công bố giá số 04/2026-CBG ngày 19 tháng 06 năm 2026 (Mức giá áp dụng từ ngày 19/06/2026 cho đến khi có bảng đăng ký mới thay đổi	Việt Nam	Không có thông tin	Giá giao gạch trong khu vực Phường Long Hoa	Bề mặt gạch được mài bóng sáng	Giá không đổi	-	-	163.636	-	-	-	-	-	-
515	Gạch ốp lát	Gạch Terrazzo đá mài ngoại thất cao cấp, 2 lớp loại 1, màu xám và màu đỏ	m2	TCVN 7744:2013	600x300x30 (mm)	Công ty TNHH SX VLXD Đại Thắng.Công văn đề nghị công bố giá số 04/2026-CBG ngày 19 tháng 06 năm 2026 (Mức giá áp dụng từ ngày 19/06/2026 cho đến khi có bảng đăng ký mới thay đổi	Việt Nam	Không có thông tin	Giá giao gạch trong khu vực Phường Long Hoa	Bề mặt gạch được mài bóng sáng	Giá không đổi	-	-	145.455	-	-	-	-	-	-
516	Gạch ốp lát	Gạch Terrazzo đá mài ngoại thất cao cấp, 2 lớp loại 1, màu xanh và màu vàng	m2	TCVN 7744:2013	600x300x30 (mm)	Công ty TNHH SX VLXD Đại Thắng.Công văn đề nghị công bố giá số 04/2026-CBG ngày 19 tháng 06 năm 2026 (Mức giá áp dụng từ ngày 19/06/2026 cho đến khi có bảng đăng ký mới thay đổi	Việt Nam	Không có thông tin	Giá giao gạch trong khu vực Phường Long Hoa	Bề mặt gạch được mài bóng sáng	Giá không đổi	-	-	154.545	-	-	-	-	-	-
517	Gạch ốp lát	Gạch Terrazzo đá mài ngoại thất cao cấp, 2 lớp loại 1, màu trắng	m2	TCVN 7744:2013	600x300x30 (mm)	Công ty TNHH SX VLXD Đại Thắng.Công văn đề nghị công bố giá số 04/2026-CBG ngày 19 tháng 06 năm 2026 (Mức giá áp dụng từ ngày 19/06/2026 cho đến khi có bảng đăng ký mới thay đổi	Việt Nam	Không có thông tin	Giá giao gạch trong khu vực Phường Long Hoa	Bề mặt gạch được mài bóng sáng	Giá không đổi	-	-	172.727	-	-	-	-	-	-
518	Gạch ốp lát	Gạch Terrazzo đá mài ngoại thất cao cấp, 2 lớp loại 1, màu xám và màu đỏ	m2	TCVN 7744:2013	500x500x30 (mm)	Công ty TNHH SX VLXD Đại Thắng.Công văn đề nghị công bố giá số 04/2026-CBG ngày 19 tháng 06 năm 2026 (Mức giá áp dụng từ ngày 19/06/2026 cho đến khi có bảng đăng ký mới thay đổi	Việt Nam	Không có thông tin	Giá giao gạch trong khu vực Phường Long Hoa	Bề mặt gạch được mài bóng sáng	Giá không đổi	-	-	145.455	-	-	-	-	-	-
519	Gạch ốp lát	Gạch Terrazzo đá mài ngoại thất cao cấp, 2 lớp loại 1, màu xanh và màu vàng	m2	TCVN 7744:2013	500x500x30 (mm)	Công ty TNHH SX VLXD Đại Thắng.Công văn đề nghị công bố giá số 04/2026-CBG ngày 19 tháng 06 năm 2026 (Mức giá áp dụng từ ngày 19/06/2026 cho đến khi có bảng đăng ký mới thay đổi	Việt Nam	Không có thông tin	Giá giao gạch trong khu vực Phường Long Hoa	Bề mặt gạch được mài bóng sáng	Giá không đổi	-	-	154.545	-	-	-	-	-	-
520	Gạch ốp lát	Gạch Terrazzo đá mài ngoại thất cao cấp, 2 lớp loại 1, màu trắng	m2	TCVN 7744:2013	500x500x30 (mm)	Công ty TNHH SX VLXD Đại Thắng.Công văn đề nghị công bố giá số 04/2026-CBG ngày 19 tháng 06 năm 2026 (Mức giá áp dụng từ ngày 19/06/2026 cho đến khi có bảng đăng ký mới thay đổi	Việt Nam	Không có thông tin	Giá giao gạch trong khu vực Phường Long Hoa	Bề mặt gạch được mài bóng sáng	Giá không đổi	-	-	181.818	-	-	-	-	-	-
521	Gạch ốp lát	Gạch Terrazzo đá mài nội thất cao cấp, 1 lớp loại 1, màu xám và màu đỏ	m2	TCVN 7744:2013	400x400x20 (mm)	Công ty TNHH SX VLXD Đại Thắng.Công văn đề nghị công bố giá số 04/2026-CBG ngày 19 tháng 06 năm 2026 (Mức giá áp dụng từ ngày 19/06/2026 cho đến khi có bảng đăng ký mới thay đổi	Việt Nam	Không có thông tin	Giá giao gạch trong khu vực Phường Long Hoa	Có thể thay đổi màu sắc hạt đá và độ bóng nhám trên bề mặt gạch mài theo yêu cầu	Giá không đổi	-	-	254.545	-	-	-	-	-	-
522	Gạch ốp lát	Gạch Terrazzo đá mài nội thất cao cấp, 1 lớp loại 1, màu xanh và màu vàng	m2	TCVN 7744:2013	400x400x20 (mm)	Công ty TNHH SX VLXD Đại Thắng.Công văn đề nghị công bố giá số 04/2026-CBG ngày 19 tháng 06 năm 2026 (Mức giá áp dụng từ ngày 19/06/2026 cho đến khi có bảng đăng ký mới thay đổi	Việt Nam	Không có thông tin	Giá giao gạch trong khu vực Phường Long Hoa	Có thể thay đổi màu sắc hạt đá và độ bóng nhám trên bề mặt gạch mài theo yêu cầu	Giá không đổi	-	-	272.727	-	-	-	-	-	-
523	Gạch ốp lát	Gạch Terrazzo đá mài nội thất cao cấp, 1 lớp loại 1, màu trắng	m2	TCVN 7744:2013	400x400x20 (mm)	Công ty TNHH SX VLXD Đại Thắng.Công văn đề nghị công bố giá số 04/2026-CBG ngày 19 tháng 06 năm 2026 (Mức giá áp dụng từ ngày 19/06/2026 cho đến khi có bảng đăng ký mới thay đổi	Việt Nam	Không có thông tin	Giá giao gạch trong khu vực Phường Long Hoa	Có thể thay đổi màu sắc hạt đá và độ bóng nhám trên bề mặt gạch mài theo yêu cầu	Giá không đổi	-	-	290.909	-	-	-	-	-	-

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)(đồng)								
												Khu vực TP. Tây Ninh	Khu vực TX.Trảng Bàng	Khu vực TX. Hoà Thành	Khu vực H.Tân Biên	Khu vực H.Tân Châu	Khu vực H. Châu Thành	Khu vực H.Dương Minh Châu	Khu vực H. Bến Cầu	Khu vực H. Gò Dầu
524	Gạch ốp lát	Gạch Terrazzo đá mài nội thất cao cấp, 1 lớp loại 1, màu xám và màu đỏ	m2	TCVN 7744:2013	600x300x20 (mm)	Công ty TNHH SX VLXD Đại Thắng.Công văn đề nghị công bố giá số 04/2026-CBG ngày 19 tháng 06 năm 2026 (Mức giá áp dụng từ ngày 19/06/2026 cho đến khi có bảng đăng ký mới thay đổi	Việt Nam	Không có thông tin	Giá giao gạch trong khu vực Phường Long Hoa	Có thể thay đổi màu sắc hạt đá và độ bóng nhám trên bề mặt gạch mài theo yêu cầu	Giá không đổi	-	-	263.636	-	-	-	-	-	-
525	Gạch ốp lát	Gạch Terrazzo đá mài nội thất cao cấp, 1 lớp loại 1, màu xanh và màu vàng	m2	TCVN 7744:2013	600x300x20 (mm)	Công ty TNHH SX VLXD Đại Thắng.Công văn đề nghị công bố giá số 04/2026-CBG ngày 19 tháng 06 năm 2026 (Mức giá áp dụng từ ngày 19/06/2026 cho đến khi có bảng đăng ký mới thay đổi	Việt Nam	Không có thông tin	Giá giao gạch trong khu vực Phường Long Hoa	Có thể thay đổi màu sắc hạt đá và độ bóng nhám trên bề mặt gạch mài theo yêu cầu	Giá không đổi	-	-	290.909	-	-	-	-	-	-
526	Gạch ốp lát	Gạch Terrazzo đá mài nội thất cao cấp, 1 lớp loại 1, màu trắng	m2	TCVN 7744:2013	600x300x20 (mm)	Công ty TNHH SX VLXD Đại Thắng.Công văn đề nghị công bố giá số 04/2026-CBG ngày 19 tháng 06 năm 2026 (Mức giá áp dụng từ ngày 19/06/2026 cho đến khi có bảng đăng ký mới thay đổi	Việt Nam	Không có thông tin	Giá giao gạch trong khu vực Phường Long Hoa	Có thể thay đổi màu sắc hạt đá và độ bóng nhám trên bề mặt gạch mài theo yêu cầu	Giá không đổi	-	-	318.182	-	-	-	-	-	-
527	Gạch ốp lát	Gạch Terrazzo đá mài nội thất cao cấp, 1 lớp loại 1, màu xám và màu đỏ	m2	TCVN 7744:2013	500x500x20 (mm)	Công ty TNHH SX VLXD Đại Thắng.Công văn đề nghị công bố giá số 04/2026-CBG ngày 19 tháng 06 năm 2026 (Mức giá áp dụng từ ngày 19/06/2026 cho đến khi có bảng đăng ký mới thay đổi	Việt Nam	Không có thông tin	Giá giao gạch trong khu vực Phường Long Hoa	Có thể thay đổi màu sắc hạt đá và độ bóng nhám trên bề mặt gạch mài theo yêu cầu	Giá không đổi	-	-	263.636	-	-	-	-	-	-
528	Gạch ốp lát	Gạch Terrazzo đá mài nội thất cao cấp, 1 lớp loại 1, màu xanh và màu vàng	m2	TCVN 7744:2013	500x500x20 (mm)	Công ty TNHH SX VLXD Đại Thắng.Công văn đề nghị công bố giá số 04/2026-CBG ngày 19 tháng 06 năm 2026 (Mức giá áp dụng từ ngày 19/06/2026 cho đến khi có bảng đăng ký mới thay đổi	Việt Nam	Không có thông tin	Giá giao gạch trong khu vực Phường Long Hoa	Có thể thay đổi màu sắc hạt đá và độ bóng nhám trên bề mặt gạch mài theo yêu cầu	Giá không đổi	-	-	290.909	-	-	-	-	-	-
529	Gạch ốp lát	Gạch Terrazzo đá mài nội thất cao cấp, 1 lớp loại 1, màu trắng	m2	TCVN 7744:2013	500x500x20 (mm)	Công ty TNHH SX VLXD Đại Thắng.Công văn đề nghị công bố giá số 04/2026-CBG ngày 19 tháng 06 năm 2026 (Mức giá áp dụng từ ngày 19/06/2026 cho đến khi có bảng đăng ký mới thay đổi	Việt Nam	Không có thông tin	Giá giao gạch trong khu vực Phường Long Hoa	Có thể thay đổi màu sắc hạt đá và độ bóng nhám trên bề mặt gạch mài theo yêu cầu	Giá không đổi	-	-	345.455	-	-	-	-	-	-
530	Gạch ốp lát	Gạch thạch anh (granite nhân tạo) 30x30cm_Màu nhạt	m2	TCVN 7745:2007	30x30	Chi nhánh công ty cổ phần công nghiệp gốm sứ Taicera tại Cần Thơ. Công văn đề nghị công bố giá số 003/2026/CV-TCR ngày 04/06/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Đơn giá đã bao gồm vận chuyển đến công trình trong khu vực tỉnh Long An	(Báo giá ngày 04/06/2026 đến khi có thông báo giá mới)	Giá không đổi	197.000	197.000	197.000	197.000	197.000	197.000	197.000	197.000	197.000
531	Gạch ốp lát	Gạch thạch anh (granite nhân tạo) 40x40cm màu nhạt	m2	TCVN 7745:2007	40x40	Chi nhánh công ty cổ phần công nghiệp gốm sứ Taicera tại Cần Thơ. Công văn đề nghị công bố giá số 003/2026/CV-TCR ngày 04/06/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Đơn giá đã bao gồm vận chuyển đến công trình trong khu vực tỉnh Long An	(Báo giá ngày 04/06/2026 đến khi có thông báo giá mới)	Giá không đổi	187.000	187.000	187.000	187.000	187.000	187.000	187.000	187.000	187.000
532	Gạch ốp lát	Gạch men (ceramic) 30x60cm	m2	TCVN 7745:2007	30x60	Chi nhánh công ty cổ phần công nghiệp gốm sứ Taicera tại Cần Thơ. Công văn đề nghị công bố giá số 003/2026/CV-TCR ngày 04/06/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Đơn giá đã bao gồm vận chuyển đến công trình trong khu vực tỉnh Long An	(Báo giá ngày 04/06/2026 đến khi có thông báo giá mới)	Giá không đổi	187.000	187.000	187.000	187.000	187.000	187.000	187.000	187.000	187.000

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)(đồng)								
												Khu vực TP. Tây Ninh	Khu vực TX.Trảng Bàng	Khu vực TX. Hoà Thành	Khu vực H.Tân Biên	Khu vực H.Tân Châu	Khu vực H. Châu Thành	Khu vực H.Dương Minh Châu	Khu vực H. Bến Cầu	Khu vực H. Gò Dầu
533	Gạch ốp lát	Gạch thạch anh (granite nhân tạo) 60x30cm_Màu nhạt	m2	TCVN 7745:2007	30x60	Chi nhánh công ty cổ phần công nghiệp gốm sứ Taicera tại Cần Thơ. Công văn đề nghị công bố giá số 003/2026/CV-TCR ngày 04/06/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Đơn giá đã bao gồm vận chuyển đến công trình trong khu vực tỉnh Long An	(Báo giá ngày 04/06/2026 đến khi có thông báo giá mới)	Giá không đổi	257.000	257.000	257.000	257.000	257.000	257.000	257.000	257.000	257.000
534	Gạch ốp lát	Gạch thạch anh (granite nhân tạo) 60x30cm_Màu đậm	m2	TCVN 7745:2007	30x60	Chi nhánh công ty cổ phần công nghiệp gốm sứ Taicera tại Cần Thơ. Công văn đề nghị công bố giá số 003/2026/CV-TCR ngày 04/06/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Đơn giá đã bao gồm vận chuyển đến công trình trong khu vực tỉnh Long An	(Báo giá ngày 04/06/2026 đến khi có thông báo giá mới)	Giá không đổi	277.000	277.000	277.000	277.000	277.000	277.000	277.000	277.000	277.000
535	Gạch ốp lát	Gạch thạch anh (granite nhân tạo) 60x60cm_Màu nhạt	m2	TCVN 7745:2007	(4 viên /thùng/1,44 m2)	Chi nhánh công ty cổ phần công nghiệp gốm sứ Taicera tại Cần Thơ. Công văn đề nghị công bố giá số 003/2026/CV-TCR ngày 04/06/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Đơn giá đã bao gồm vận chuyển đến công trình trong khu vực tỉnh Long An	(Báo giá ngày 04/06/2026 đến khi có thông báo giá mới)	Giá không đổi	257.000	257.000	257.000	257.000	257.000	257.000	257.000	257.000	257.000
536	Gạch ốp lát	Gạch thạch anh (granite nhân tạo) 80x80cm_Màu đậm	m2	TCVN 7745:2007	(3 viên /thùng/1,92 m2)	Chi nhánh công ty cổ phần công nghiệp gốm sứ Taicera tại Cần Thơ. Công văn đề nghị công bố giá số 003/2026/CV-TCR ngày 04/06/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Đơn giá đã bao gồm vận chuyển đến công trình trong khu vực tỉnh Long An	(Báo giá ngày 04/06/2026 đến khi có thông báo giá mới)	Giá không đổi	277.000	277.000	277.000	277.000	277.000	277.000	277.000	277.000	277.000
537	Gạch ốp lát	Gạch thạch anh (granite nhân tạo) 60x60cm_Màu nhạt	m2	TCVN 7745:2007	(4 viên /thùng/1,44 m2)	Chi nhánh công ty cổ phần công nghiệp gốm sứ Taicera tại Cần Thơ. Công văn đề nghị công bố giá số 003/2026/CV-TCR ngày 04/06/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Đơn giá đã bao gồm vận chuyển đến công trình trong khu vực tỉnh Long An	(Báo giá ngày 04/06/2026 đến khi có thông báo giá mới)	Giá không đổi	257.000	257.000	257.000	257.000	257.000	257.000	257.000	257.000	257.000
538	Gạch ốp lát	Gạch thạch anh (granite nhân tạo) 60x60cm_Màu đậm	m2	TCVN 7745:2007	(4 viên /thùng/1,44 m2)	Chi nhánh công ty cổ phần công nghiệp gốm sứ Taicera tại Cần Thơ. Công văn đề nghị công bố giá số 003/2026/CV-TCR ngày 04/06/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Đơn giá đã bao gồm vận chuyển đến công trình trong khu vực tỉnh Long An	(Báo giá ngày 04/06/2026 đến khi có thông báo giá mới)	Giá không đổi	277.000	277.000	277.000	277.000	277.000	277.000	277.000	277.000	277.000
539	Gạch ốp lát	Gạch thạch anh (granite nhân tạo) 120x60cm_Màu nhạt	m2	TCVN 7745:2007	(2 viên /thùng/1,44 m2)	Chi nhánh công ty cổ phần công nghiệp gốm sứ Taicera tại Cần Thơ. Công văn đề nghị công bố giá số 003/2026/CV-TCR ngày 04/06/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Đơn giá đã bao gồm vận chuyển đến công trình trong khu vực tỉnh Long An	(Báo giá ngày 04/06/2026 đến khi có thông báo giá mới)	Giá không đổi	357.000	357.000	357.000	357.000	357.000	357.000	357.000	357.000	357.000
540	Gạch ốp lát	Gạch bóng toàn phần cao cấp 60x30cm màu nhạt	m2	TCVN 7745:2007	(8 viên /thùng/1,44 m^2)	Chi nhánh công ty cổ phần công nghiệp gốm sứ Taicera tại Cần Thơ. Công văn đề nghị công bố giá số 003/2026/CV-TCR ngày 04/06/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Đơn giá đã bao gồm vận chuyển đến công trình trong khu vực tỉnh Long An	(Báo giá ngày 04/06/2026 đến khi có thông báo giá mới)	Giá không đổi	237.000	237.000	237.000	237.000	237.000	237.000	237.000	237.000	237.000
541	Gạch ốp lát	Gạch bóng toàn phần cao cấp 60x30cm màu đậm	m2	TCVN 7745:2007	(8 viên /thùng/1,44 m^2)	Chi nhánh công ty cổ phần công nghiệp gốm sứ Taicera tại Cần Thơ. Công văn đề nghị công bố giá số 003/2026/CV-TCR ngày 04/06/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Đơn giá đã bao gồm vận chuyển đến công trình trong khu vực tỉnh Long An	(Báo giá ngày 04/06/2026 đến khi có thông báo giá mới)	Giá không đổi	287.000	287.000	287.000	287.000	287.000	287.000	287.000	287.000	287.000
542	Gạch ốp lát	Gạch bóng toàn phần cao cấp 60x60cm màu nhạt	m2	TCVN 7745:2007	(4 viên/ thùng/1,44 m^2)	Chi nhánh công ty cổ phần công nghiệp gốm sứ Taicera tại Cần Thơ. Công văn đề nghị công bố giá số 003/2026/CV-TCR ngày 04/06/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Đơn giá đã bao gồm vận chuyển đến công trình trong khu vực tỉnh Long An	(Báo giá ngày 04/06/2026 đến khi có thông báo giá mới)	Giá không đổi	237.000	237.000	237.000	237.000	237.000	237.000	237.000	237.000	237.000
543	Gạch ốp lát	Gạch bóng toàn phần cao cấp 60x60cm màu đậm	m2	TCVN 7745:2007	(4 viên/ thùng/1,44 m^2)	Chi nhánh công ty cổ phần công nghiệp gốm sứ Taicera tại Cần Thơ. Công văn đề nghị công bố giá số 003/2026/CV-TCR ngày 04/06/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Đơn giá đã bao gồm vận chuyển đến công trình trong khu vực tỉnh Long An	(Báo giá ngày 04/06/2026 đến khi có thông báo giá mới)	Giá không đổi	287.000	287.000	287.000	287.000	287.000	287.000	287.000	287.000	287.000
544	Gạch ốp lát	Gạch bóng toàn phần cao cấp 80x80cm _Màu nhạt	m2	TCVN 7745:2007	(3 viên /thùng/1,92 m2)	Chi nhánh công ty cổ phần công nghiệp gốm sứ Taicera tại Cần Thơ. Công văn đề nghị công bố giá số 003/2026/CV-TCR ngày 04/06/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Đơn giá đã bao gồm vận chuyển đến công trình trong khu vực tỉnh Long An	(Báo giá ngày 04/06/2026 đến khi có thông báo giá mới)	Giá không đổi	337.000	337.000	337.000	337.000	337.000	337.000	337.000	337.000	337.000
545	Gạch ốp lát	Gạch bóng toàn phần cao cấp 120x60cm _Màu nhạt	m2	TCVN 7745:2007	(2 viên /thùng/1,92 m2)	Chi nhánh công ty cổ phần công nghiệp gốm sứ Taicera tại Cần Thơ. Công văn đề nghị công bố giá số 003/2026/CV-TCR ngày 04/06/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Đơn giá đã bao gồm vận chuyển đến công trình trong khu vực tỉnh Long An	(Báo giá ngày 04/06/2026 đến khi có thông báo giá mới)	Giá không đổi	387.000	387.000	387.000	387.000	387.000	387.000	387.000	387.000	387.000
546	Gạch ốp lát	Gạch thạch anh bóng kinh P 60x60cm _Màu nhạt	m2	TCVN 7745:2007	60x60	Chi nhánh công ty cổ phần công nghiệp gốm sứ Taicera tại Cần Thơ. Công văn đề nghị công bố giá số 003/2026/CV-TCR ngày 04/06/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Đơn giá đã bao gồm vận chuyển đến công trình trong khu vực tỉnh Long An	(Báo giá ngày 04/06/2026 đến khi có thông báo giá mới)	Giá không đổi	267.000	267.000	267.000	267.000	267.000	267.000	267.000	267.000	267.000
547	Gạch ốp lát	Gạch thạch anh bóng kinh P 60x60cm _Màu đậm	m2	TCVN 7745:2007	60x60	Chi nhánh công ty cổ phần công nghiệp gốm sứ Taicera tại Cần Thơ. Công văn đề nghị công bố giá số 003/2026/CV-TCR ngày 04/06/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Đơn giá đã bao gồm vận chuyển đến công trình trong khu vực tỉnh Long An	(Báo giá ngày 04/06/2026 đến khi có thông báo giá mới)	Giá không đổi	297.000	297.000	297.000	297.000	297.000	297.000	297.000	297.000	297.000
548	Gạch ốp lát	Gạch thạch anh bóng kinh P 80x80cm _Màu nhạt	m2	TCVN 7745:2007	80x80	Chi nhánh công ty cổ phần công nghiệp gốm sứ Taicera tại Cần Thơ. Công văn đề nghị công bố giá số 003/2026/CV-TCR ngày 04/06/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Đơn giá đã bao gồm vận chuyển đến công trình trong khu vực tỉnh Long An	(Báo giá ngày 04/06/2026 đến khi có thông báo giá mới)	Giá không đổi	317.000	317.000	317.000	317.000	317.000	317.000	317.000	317.000	317.000
549	Gạch ốp lát	Gạch thạch anh bóng kinh P 80x80cm _Màu đậm	m2	TCVN 7745:2007	80x80	Chi nhánh công ty cổ phần công nghiệp gốm sứ Taicera tại Cần Thơ. Công văn đề nghị công bố giá số 003/2026/CV-TCR ngày 04/06/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Đơn giá đã bao gồm vận chuyển đến công trình trong khu vực tỉnh Long An	(Báo giá ngày 04/06/2026 đến khi có thông báo giá mới)	Giá không đổi	337.000	337.000	337.000	337.000	337.000	337.000	337.000	337.000	337.000
550	Gạch ốp lát	Gạch ốp đá bóng - mờ	m2		30x60	Công ty TNHH XD TM & DV Tây Âu. (Đc: 72 Lý Thường Kiệt, KP Hiệp Định, P.Thnah Đên, Tây Ninh - 027263631431). Khảo sát tại cửa hàng	Việt Nam	Giá bán trên toàn tỉnh	Giá tại cửa hàng, chưa bao gồm vận chuyển	Từ ngày 17/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	180.000	180.000	180.000	180.000	180.000	180.000	180.000	180.000	180.000
551	Gạch ốp lát	Gạch ốp đá bóng	m2		30x60	Công ty TNHH XD TM & DV Tây Âu. (Đc: 72 Lý Thường Kiệt, KP Hiệp Định, P.Thnah Đên, Tây Ninh - 027263631431). Khảo sát tại cửa hàng	Việt Nam	Giá bán trên toàn tỉnh	Giá tại cửa hàng, chưa bao gồm vận chuyển	Từ ngày 17/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	180.000	180.000	180.000	180.000	180.000	180.000	180.000	180.000	180.000
552	Gạch ốp lát	Gạch ốp men bóng	m2		40x80	Công ty TNHH XD TM & DV Tây Âu. (Đc: 72 Lý Thường Kiệt, KP Hiệp Định, P.Thnah Đên, Tây Ninh - 027263631431). Khảo sát tại cửa hàng	Việt Nam	Giá bán trên toàn tỉnh	Giá tại cửa hàng, chưa bao gồm vận chuyển	Từ ngày 17/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	240.000	240.000	240.000	240.000	240.000	240.000	240.000	240.000	240.000
553	Gạch ốp lát	Gạch ốp men mờ	m2		60x60	Công ty TNHH XD TM & DV Tây Âu. (Đc: 72 Lý Thường Kiệt, KP Hiệp Định, P.Thnah Đên, Tây Ninh - 027263631431). Khảo sát tại cửa hàng	Việt Nam	Giá bán trên toàn tỉnh	Giá tại cửa hàng, chưa bao gồm vận chuyển	Từ ngày 17/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	220.000	220.000	220.000	220.000	220.000	220.000	220.000	220.000	220.000
554	Gạch ốp lát	Gạch ốp men bóng	m2		60x60	Công ty TNHH XD TM & DV Tây Âu. (Đc: 72 Lý Thường Kiệt, KP Hiệp Định, P.Thnah Đên, Tây Ninh - 027263631431). Khảo sát tại cửa hàng	Việt Nam	Giá bán trên toàn tỉnh	Giá tại cửa hàng, chưa bao gồm vận chuyển	Từ ngày 17/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	160.000	160.000	160.000	160.000	160.000	160.000	160.000	160.000	160.000
555	Gạch ốp lát	Gạch lát nền đá	m2		60x60	Công ty TNHH XD TM & DV Tây Âu. (Đc: 72 Lý Thường Kiệt, KP Hiệp Định, P.Thnah Đên, Tây Ninh - 027263631431). Khảo sát tại cửa hàng	Việt Nam	Giá bán trên toàn tỉnh	Giá tại cửa hàng, chưa bao gồm vận chuyển	Từ ngày 17/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	240.000	240.000	240.000	240.000	240.000	240.000	240.000	240.000	240.000
556	Gạch ốp lát	Gạch lát nền đá	m2		80x80	Công ty TNHH XD TM & DV Tây Âu. (Đc: 72 Lý Thường Kiệt, KP Hiệp Định, P.Thnah Đên, Tây Ninh - 027263631431). Khảo sát tại cửa hàng	Việt Nam	Giá bán trên toàn tỉnh	Giá tại cửa hàng, chưa bao gồm vận chuyển	Từ ngày 17/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	200.000	200.000	200.000	200.000	200.000	200.000	200.000	200.000	200.000
557	Gạch ốp lát	Gạch men nhập khẩu Lustra thân: bề mặt Glossy	m2	300x600	9mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sông Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Không có thông tin	Giá vận chuyển đến KH	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	198.000	198.000	198.000	198.000	198.000	198.000	198.000	198.000	198.000
558	Gạch ốp lát	Gạch men nhập khẩu Lustra thân: bề mặt Matt	m2	300x600	9mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sông Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Không có thông tin	Giá vận chuyển đến KH	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	198.000	198.000	198.000	198.000	198.000	198.000	198.000	198.000	198.000
559	Gạch ốp lát	Gạch men nhập khẩu Lustra thân: bề mặt Glue	m2	300x600	9mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sông Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Không có thông tin	Giá vận chuyển đến KH	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	270.000	270.000	270.000	270.000	270.000	270.000	270.000	270.000	270.000
560	Gạch ốp lát	Gạch men nhập khẩu Lustra thân: bề mặt Matt	m2	300x600	10mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sông Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Không có thông tin	Giá vận chuyển đến KH	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	310.000	310.000	310.000	310.000	310.000	310.000	310.000	310.000	310.000
561	Gạch ốp lát	Gạch men nhập khẩu Lustra thân: bề mặt Glitter	m2	300x600	10mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sông Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Không có thông tin	Giá vận chuyển đến KH	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	310.000	310.000	310.000	310.000	310.000	310.000	310.000	310.000	310.000
562	Gạch ốp lát	Gạch men nhập khẩu Lustra nền: bề mặt Satin	m2	200x1000	9mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sông Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Không có thông tin	Giá vận chuyển đến KH	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	292.000	292.000	292.000	292.000	292.000	292.000	292.000	292.000	292.000
563	Gạch ốp lát	Gạch men nhập khẩu Lustra nền: bề mặt Rustic	m2	200x1000	9mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sông Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Không có thông tin	Giá vận chuyển đến KH	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	292.000	292.000	292.000	292.000	292.000	292.000	292.000	292.000	292.000
564	Gạch ốp lát	Gạch men nhập khẩu Lustra nền: bề mặt Glossy	m2	600x1200	8,8mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sông Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Không có thông tin	Giá vận chuyển đến KH	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	294.000	294.000	294.000	294.000	294.000	294.000	294.000	294.000	294.000
565	Gạch ốp lát	Gạch men nhập khẩu Lusha nền: bề mặt Matt	m2	600x1200	8,8mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sông Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Không có thông tin	Giá vận chuyển đến KH	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	294.000	294.000	294.000	294.000	294.000	294.000	294.000	294.000	294.000

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)(đồng)								
												Khu vực TP. Tây Ninh	Khu vực TX.Trảng Bàng	Khu vực TX. Hoà Thành	Khu vực H.Tân Biên	Khu vực H.Tân Châu	Khu vực H. Châu Thành	Khu vực H.Dương Minh Châu	Khu vực H. Bến Cầu	Khu vực H. Gò Dầu
566	Gạch ốp lát	Gạch men nhập khẩu Lustra nền: bề mặt Carving	m2	600x1200	8,8mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sông Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Dt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Không có thông tin	Giá vận chuyển đến KH	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	304.000	304.000	304.000	304.000	304.000	304.000	304.000	304.000	304.000
567	Gạch ốp lát	Gạch men nhập khẩu Lustra nền: bề mặt High Glossy	m2	600x1200	8,8mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sông Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Dt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Không có thông tin	Giá vận chuyển đến KH	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	328.000	328.000	328.000	328.000	328.000	328.000	328.000	328.000	328.000
568	Gạch ốp lát	Gạch men nhập khẩu Lustra nền: bề mặt Special Glossy	m2	600x1200	8,8mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sông Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Dt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Không có thông tin	Giá vận chuyển đến KH	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	418.000	418.000	418.000	418.000	418.000	418.000	418.000	418.000	418.000
569	Gạch ốp lát	Gạch men nhập khẩu Lustra nền: bề mặt Glossy	m2	600x1200	8,5mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sông Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Dt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Không có thông tin	Giá vận chuyển đến KH	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	294.000	294.000	294.000	294.000	294.000	294.000	294.000	294.000	294.000
570	Gạch ốp lát	Gạch men nhập khẩu Lustra nền: bề mặt Matt	m2	600x1200	8,5mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sông Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Dt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Không có thông tin	Giá vận chuyển đến KH	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	294.000	294.000	294.000	294.000	294.000	294.000	294.000	294.000	294.000
571	Gạch ốp lát	Gạch men nhập khẩu Lustra nền: bề mặt Carving	m2	600x1200	8,5mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sông Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Dt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Không có thông tin	Giá vận chuyển đến KH	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	304.000	304.000	304.000	304.000	304.000	304.000	304.000	304.000	304.000
572	Gạch ốp lát	Gạch men nhập khẩu Lustra nền: bề mặt Glossy	m2	600x1200	9,4mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sông Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Dt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Không có thông tin	Giá vận chuyển đến KH	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	309.000	309.000	309.000	309.000	309.000	309.000	309.000	309.000	309.000
573	Gạch ốp lát	Gạch men nhập khẩu Lustra nền: bề mặt Matt	m2	600x1200	9,4mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sông Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Dt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Không có thông tin	Giá vận chuyển đến KH	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	309.000	309.000	309.000	309.000	309.000	309.000	309.000	309.000	309.000
574	Gạch ốp lát	Gạch men nhập khẩu Lustra nền: bề mặt Satin	m2	600x1200	9,4mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sông Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Dt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Không có thông tin	Giá vận chuyển đến KH	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	284.000	284.000	284.000	284.000	284.000	284.000	284.000	284.000	284.000
575	Gạch ốp lát	Gạch men nhập khẩu Lustra nền: bề mặt Carving	m2	600x1200	9,4mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sông Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Dt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Không có thông tin	Giá vận chuyển đến KH	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	330.000	330.000	330.000	330.000	330.000	330.000	330.000	330.000	330.000
576	Gạch ốp lát	Gạch men nhập khẩu Lustra nền: bề mặt Glossy	m2	800x1600	9,4mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sông Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Dt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Không có thông tin	Giá vận chuyển đến KH	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	423.000	423.000	423.000	423.000	423.000	423.000	423.000	423.000	423.000
577	Gạch ốp lát	Gạch men nhập khẩu Lustra nền: bề mặt Satin	m2	800x1600	9,4mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sông Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Dt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Không có thông tin	Giá vận chuyển đến KH	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	423.000	423.000	423.000	423.000	423.000	423.000	423.000	423.000	423.000
578	Gạch ốp lát	Gạch men nhập khẩu Lustra nền: bề mặt High Glossy	m2	800x1600	9,4mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sông Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Dt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Không có thông tin	Giá vận chuyển đến KH	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	4.710.000	4.710.000	4.710.000	4.710.000	4.710.000	4.710.000	4.710.000	4.710.000	4.710.000
579	Gạch ốp lát	Gạch men nhập khẩu Lustra nền: bề mặt Glossy	m2	1000x1000	9,4mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sông Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Dt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Không có thông tin	Giá vận chuyển đến KH	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	380.000	380.000	380.000	380.000	380.000	380.000	380.000	380.000	380.000
580	Gạch ốp lát	Gạch men nhập khẩu Lustra nền: bề mặt Satin	m2	1000x1000	9,4mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sông Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Dt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Không có thông tin	Giá vận chuyển đến KH	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	380.000	380.000	380.000	380.000	380.000	380.000	380.000	380.000	380.000
581	Gạch ốp lát	Gạch men nhập khẩu Lustra nền: bề mặt High Glossy	m2	1000x1000	9,4mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sông Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Dt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Không có thông tin	Giá vận chuyển đến KH	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	455.000	455.000	455.000	455.000	455.000	455.000	455.000	455.000	455.000
582	Gạch ốp lát	Gạch men nhập khẩu Lustra nền: bề mặt Glossy	m2	1200x1200	9,4mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sông Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Dt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Không có thông tin	Giá vận chuyển đến KH	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	423.000	423.000	423.000	423.000	423.000	423.000	423.000	423.000	423.000
583	Gạch ốp lát	Gạch men nhập khẩu Lustra nền: bề mặt Satin	m2	1200x1200	9,4mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sông Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Dt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Không có thông tin	Giá vận chuyển đến KH	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	423.000	423.000	423.000	423.000	423.000	423.000	423.000	423.000	423.000
584	Gạch ốp lát	Gạch men nhập khẩu Lustra nền: bề mặt High Glossy	m2	1200x1200	9,4mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sông Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Dt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Không có thông tin	Giá vận chuyển đến KH	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	480.000	480.000	480.000	480.000	480.000	480.000	480.000	480.000	480.000
585	Gạch ốp lát	Gạch men Lustile nền	m2	300x300	9,5mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sông Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Dt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Không có thông tin	Giá vận chuyển đến KH	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	480.000	480.000	480.000	480.000	480.000	480.000	480.000	480.000	480.000
586	Gạch ốp lát	Gạch men Lustile nền	m2	300x300	8.9mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sông Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Dt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Không có thông tin	Giá vận chuyển đến KH	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	186.000	186.000	186.000	186.000	186.000	186.000	186.000	186.000	186.000
587	Gạch ốp lát	Gạch men Lustile nền	m2	300x600	9,3mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sông Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Dt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Không có thông tin	Giá vận chuyển đến KH	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	140.000	140.000	140.000	140.000	140.000	140.000	140.000	140.000	140.000
588	Gạch ốp lát	Gạch men Lustile thân	m2	300x600	8,7mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sông Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Dt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Không có thông tin	Giá vận chuyển đến KH	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	143.000	143.000	143.000	143.000	143.000	143.000	143.000	143.000	143.000
589	Gạch ốp lát	Gạch men Lustile thân	m2	300x600	8mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sông Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Dt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Không có thông tin	Giá vận chuyển đến KH	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	156.000	156.000	156.000	156.000	156.000	156.000	156.000	156.000	156.000

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)(đồng)								
												Khu vực TP. Tây Ninh	Khu vực TX.Trảng Bàng	Khu vực TX. Hoà Thành	Khu vực H.Tân Biên	Khu vực H.Tân Châu	Khu vực H. Châu Thành	Khu vực H.Dương Minh Châu	Khu vực H. Bến Cầu	Khu vực H. Gò Dầu
590	Gạch ốp lát	Gạch men Lustile thân	m2	400x800	10,3mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sông Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Không có thông tin	Giá vận chuyển đến KH	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	175.000	175.000	175.000	175.000	175.000	175.000	175.000	175.000	175.000
591	Gạch ốp lát	Gạch men Lustile thân	m2	400x800	9,5mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sông Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Không có thông tin	Giá vận chuyển đến KH	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	170.000	170.000	170.000	170.000	170.000	170.000	170.000	170.000	170.000
592	Gạch ốp lát	Gạch men Lustile thân	m2	300x600	9mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sông Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Không có thông tin	Giá vận chuyển đến KH	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	421.000	421.000	421.000	421.000	421.000	421.000	421.000	421.000	421.000
593	Gạch ốp lát	Gạch men Lustile thân	m2	300x600	8,8mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sông Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Không có thông tin	Giá vận chuyển đến KH	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	185.000	185.000	185.000	185.000	185.000	185.000	185.000	185.000	185.000
594	Gạch ốp lát	Gạch men Lustile thân	m2	400x800	9,4mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sông Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Không có thông tin	Giá vận chuyển đến KH	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	215.000	215.000	215.000	215.000	215.000	215.000	215.000	215.000	215.000
595	Gạch ốp lát	Gạch men Lustile thân	m2	400x800	9mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sông Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Không có thông tin	Giá vận chuyển đến KH	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	214.000	214.000	214.000	214.000	214.000	214.000	214.000	214.000	214.000
596	Gạch ốp lát	Gạch men Lustile nền	m2	500x500	9mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sông Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Không có thông tin	Giá vận chuyển đến KH	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	144.000	144.000	144.000	144.000	144.000	144.000	144.000	144.000	144.000
597	Gạch ốp lát	Gạch men Lustile nền	m2	500x500	10mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sông Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Không có thông tin	Giá vận chuyển đến KH	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	153.000	153.000	153.000	153.000	153.000	153.000	153.000	153.000	153.000
598	Gạch ốp lát	Gạch men Lustile nền	m2	600x600	9mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sông Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Không có thông tin	Giá vận chuyển đến KH	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	183.000	183.000	183.000	183.000	183.000	183.000	183.000	183.000	183.000
599	Gạch ốp lát	Gạch men Lustile nền .	m2	600x600	10mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sông Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Không có thông tin	Giá vận chuyển đến KH	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	185.000	185.000	185.000	185.000	185.000	185.000	185.000	185.000	185.000
600	Gạch ốp lát	Gạch men Lustlie thân	m2	400x800	9,4mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sông Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Không có thông tin	Giá vận chuyển đến KH	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	245.000	245.000	245.000	245.000	245.000	245.000	245.000	245.000	245.000
601	Gạch ốp lát	Gạch men Lustile thân	m2	400x800	10mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sông Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Không có thông tin	Giá vận chuyển đến KH	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	230.000	230.000	230.000	230.000	230.000	230.000	230.000	230.000	230.000
602	Gạch ốp lát	Gạch men Lustile nền	m2	600x600	9mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sông Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Không có thông tin	Giá vận chuyển đến KH	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	201.000	201.000	201.000	201.000	201.000	201.000	201.000	201.000	201.000
603	Gạch ốp lát	Gạch men Lustile nền	m2	800x800	9.4	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sông Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Không có thông tin	Giá vận chuyển đến KH	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	239.000	239.000	239.000	239.000	239.000	239.000	239.000	239.000	239.000
604	Gạch ốp lát	Gạch men Lustile nền	m2	800x800	10	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sông Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Không có thông tin	Giá vận chuyển đến KH	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	219.000	219.000	219.000	219.000	219.000	219.000	219.000	219.000	219.000
605	Gạch ốp lát	Gạch men Lustile nền	m2	600x1200	9.8	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sông Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Không có thông tin	Giá vận chuyển đến KH	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	275.000	275.000	275.000	275.000	275.000	275.000	275.000	275.000	275.000
606	Gạch ốp lát	Gạch men Lustile nền	m2	198x900	9.5	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sông Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Không có thông tin	Giá vận chuyển đến KH	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	257.000	257.000	257.000	257.000	257.000	257.000	257.000	257.000	257.000
607	Gạch ốp lát	Gạch xi măng bông gió Lustile Không chấn mưa	viên	190x190		Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sông Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Không có thông tin	Giá vận chuyển đến KH	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	24.600	24.600	24.600	24.600	24.600	24.600	24.600	24.600	24.600
608	Gạch ốp lát	Gạch xi măng bông gió Lustile Có chấn mưa	viên	190x190		Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sông Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Không có thông tin	Giá vận chuyển đến KH	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	28.700	28.700	28.700	28.700	28.700	28.700	28.700	28.700	28.700
609	Gạch ốp lát	Bán sứ in KTS, dòng sản phẩm trang trí men matt, hiệu ứng Glugrit 200x200mm- Nhóm BIb	m2	QCVN 16:2023/BXD, TCVN 7745 2007	(Hộp =6 viên = 0.24m2)	Công ty cổ phần Prime Yên Bình	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại chân công trình	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	313.720	313.720	313.720	313.720	313.720	313.720	313.720	313.720	313.720
610	Gạch ốp lát	Bán sứ in KTS, men matt, mài cạnh 150x800mm- Nhóm BIb	m2	QCVN 16 2023/BXD, TCVN 7745:2007	(Hộp = 08 viên = 0,96m2)	Công ty cổ phần Prime Yên Bình	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại chân công trình	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	250.756	250.756	250.756	250.756	250.756	250.756	250.756	250.756	250.756
611	Gạch ốp lát	Bán sứ in KTS, khuôn mài cạnh men matt. 300x300mm- Nhóm BIb	m2	QCVN 162023/BXD, TCVN 7745:2007	(Hộp = 11 viên = 0 99m2)	Công ty cổ phần Prime Yên Bình	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại chân công trình	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	150.000	150.000	150.000	150.000	150.000	150.000	150.000	150.000	150.000
612	Gạch ốp lát	Gạch lát Ceramic in KTS khuôn mài cạnh, men Matt, hiệu ứng Glugrit 400x400mm- Nhóm BIb	m2	QCVN 162023/BXD, TCVN 7745:2007	(Hộp = 6 viên = 0 96m2)	Công ty cổ phần Prime Yên Bình	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại chân công trình	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	155.190	155.190	155.190	155.190	155.190	155.190	155.190	155.190	155.190
613	Gạch ốp lát	Gạch lát Ceramic in KTS khuôn mài cạnh, men Matt, hiệu ứng Glugrit 400x800mm- Nhóm BIb	m2	QCVN 162023/BXD, TCVN 7745:2007	(Hộp = 6 viên = 0.96m2)	Công ty cổ phần Prime Yên Bình	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại chân công trình	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	190.741	190.741	190.741	190.741	190.741	190.741	190.741	190.741	190.741

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)(đồng)								
												Khu vực TP. Tây Ninh	Khu vực TX.Trảng Bàng	Khu vực TX. Hoà Thành	Khu vực H.Tân Biên	Khu vực H.Tân Châu	Khu vực H. Châu Thành	Khu vực H.Dương Minh Châu	Khu vực H. Bến Cầu	Khu vực H. Gò Dầu
614	Gạch ốp lát	Gạch ốp Ceramic in KTS, mài cạnh 300x600mm- Nhóm BIII	m2	QCVN 1620223/BXD, TCVN 7745:2007	(Hộp = 8 viên = 1.44m2)	Công ty cổ phần Prime Đại việt	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại chân công trình	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	170.930	170.930	170.930	170.930	170.930	170.930	170.930	170.930	170.930
615	Gạch ốp lát	Gạch ốp Ceramic in KTS, Men bóng 500x860mm- Nhóm BIII	m2	QCVN 1620223/BXD, TCVN 7745:2007	(Hộp = 4 viên = 1.08m2)	Công ty cổ phần Prime Đại việt	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại chân công trình	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	175.740	175.740	175.740	175.740	175.740	175.740	175.740	175.740	175.740
616	Gạch ốp lát	Gạch lát Ceramic in KTS, mài cạnh men bóng. Hiệu ứng Sinking 300x450mm- Nhóm BIII	m2	QCVN 16:2023/BXD, TCVN 7745:2007	(Hộp = 11 viên = 0.99m2)	Công ty cổ phần Prime Đại việt	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại chân công trình	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	153.526	153.526	153.526	153.526	153.526	153.526	153.526	153.526	153.526
617	Gạch ốp lát	Gạch lát Ceramic in KTS 500x500mm- Nhóm BIIb	m2	QCVN 1620223/BXD, TCVN 7745:2007	(Hộp = 4 viên = 1m2)	Công ty cổ phần Prime Vĩnh Phúc	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại chân công trình	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	141.480	141.480	141.480	141.480	141.480	141.480	141.480	141.480	141.480
618	Gạch ốp lát	Gạch lát Ceramic in KTS 600x600mm- Nhóm BIIb	m2	QCVN 16:2023/BXD, TCVN 7745 2007	(Hộp = 4 viên = 1.44m2)	Công ty cổ phần Prime Vĩnh Phúc	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại chân công trình	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	147.222	147.222	147.222	147.222	147.222	147.222	147.222	147.222	147.222
619	Gạch ốp lát	Gạch bán sứ in KTS 500x500mm- Nhóm BIb	m2	QCVN 1620223/BXD, TCVN 7745:2007	(Hộp = 4 viên = 1. 44m2)	Công ty cổ phần Prime Phổ Yên	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại chân công trình	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	180.000	180.000	180.000	180.000	180.000	180.000	180.000	180.000	180.000
620	Gạch ốp lát	Gạch Ceramic in KTS 500x800mm- Nhóm BIIb	m2	QCVN 1620223/BXD, TCVN 7745:2007	(Hộp = 4 viên = 1 .44m2)	công ty cổ phần Prime Phổ Yên	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại chân công trình	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	189.446	189.446	189.446	189.446	189.446	189.446	189.446	189.446	189.446
621	Gạch ốp lát	Gạch Porcelain in KTS Men matt. 200x1200mm- Nhóm Bla	m2	QCVN 1620223/BXD	(Hộp = 06 viên = 1.44m2)	Công ty cổ phần Prime Tiền Phong	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại chân công trình	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	341.664	341.664	341.664	341.664	341.664	341.664	341.664	341.664	341.664
622	Gạch ốp lát	Gạch Porcelain in KTS 300x600mm- NHóm Bla	m2	QCVN 1620223/BXD	(Hộp = 8 viên = 1.44m2)	Công ty cổ phần Prime Tiền Phong	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại chân công trình	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	236.944	236.944	236.944	236.944	236.944	236.944	236.944	236.944	236.944
623	Gạch ốp lát	Gạch Bán sứ in KTS 75x300 (mm)- Nhóm Bla	m2	QCVN 1620223/BXD	(Hộp = 08 viên = 1.08m2)	công ty cổ phần Prime Tiền Phong	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại chân công trình	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	395.000	395.000	395.000	395.000	395.000	395.000	395.000	395.000	395.000
624	Gạch ốp lát	Gạch Porcelain in KTS, Anti-slip/ Chống trơn 600x600mm- Nhóm Bla Xương 10mm	m2	QCVN 1620223/BXD	(Hộp = 4 viên = 1.44m2)	Công ty cổ phần Prime Tiền Phong	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại chân công trình	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	244.720	244.720	244.720	244.720	244.720	244.720	244.720	244.720	244.720
625	Gạch ốp lát	Gạch Granite in KTS 600x600mm- Nhóm Bla	m2	QCVN 1620223/BXD	(Hộp = 4 viên = 1.44m2)	Công ty cổ phần Prime Tiền Phong	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại chân công trình	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	286.849	286.849	286.849	286.849	286.849	286.849	286.849	286.849	286.849
626	Gạch ốp lát	Gạch Porcelain in KTS 600x900mm- Nhóm Bla	m2	QCVN 1620223/BXD	(Hộp = 3 viên = 1 .62m2)	Công ty cổ phần Prime Tiền Phong	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại chân công trình	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	287.666	287.666	287.666	287.666	287.666	287.666	287.666	287.666	287.666
627	Gạch ốp lát	Gạch Porcelain in KTS 800x800mm- NHóm Bla xương 11mm	m2	QCVN 1620223/BXD	(Hộp = 3 viên = 1. 92m2)	Công ty cổ phần Prime Tiền Phong	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại chân công trình	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	385.417	385.417	385.417	385.417	385.417	385.417	385.417	385.417	385.417
628	Gạch ốp lát	Gạch Granite in KTS 800xx800mm- NHóm Bla	m2	QCVN 1620223/BXD	(Hộp = 3 viên = 1.92m2)	Công ty cổ phần Prime Tiền Phong	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại chân công trình	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	385.417	385.417	385.417	385.417	385.417	385.417	385.417	385.417	385.417
629	Gạch ốp lát	Gạch Porcelain in KTS, xương mỏng 9.5mm 600x1200mm- Nhóm Bla	m2	QCVN 1620223/BXD	(Hộp = 2 viên = 1 .44m2)	Công ty cổ phần Prime Tiền Phong	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại chân công trình	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	449.999	449.999	449.999	449.999	449.999	449.999	449.999	449.999	449.999
630	Gạch ốp lát	Gạch Porcelain in KTS 1000x1 OOOmm- Hiệu ứng Carving Nhóm Bla	m2	QCVN 1620223/BXD	(Hộp-02viên-2m2)	Công ty cổ phần Prime Tiền Phong	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại chân công trình	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	664.444	664.444	664.444	664.444	664.444	664.444	664.444	664.444	664.444
631	Gạch ốp lát	Gạch Porcelain in KTS 1200x1200mm- Nhóm Bla	m2	QCVN 1620223/BXD	(Hộp - 02 viên = 2m2)	Công ty cổ phần Prime Tiền Phong	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại chân công trình	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	791.250	791.250	791.250	791.250	791.250	791.250	791.250	791.250	791.250
632	Gạch ốp lát	Gạch Porcelain in KTS 800x1600mm- Nhóm Bla	m2	QCVN 1620223/BXD	(Hộp - 02 viên =2m2)	Công ty cổ phần Prime Tiền Phong	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại chân công trình	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	802.575	802.575	802.575	802.575	802.575	802.575	802.575	802.575	802.575
633	Gạch ốp lát	Gạch ceramic Xương đỏ, máii cạnh 300x300mm	m2	QCVN 16:2019/BXD, TCVN 7745:2009	11 viên =0.99m2)	Công ty cổ phần Prime Đại Lộc	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại chân công trình	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	120.020	120.020	120.020	120.020	120.020	120.020	120.020	120.020	120.020
634	Gạch ốp lát	Gạch ceramic xương đỏ, mài cạnh 600x600mm	m2	QCVN 162019/BXD, TCVN 7745:2009	4 viên - 1.44m2)	Công ty cổ phần Prime Đại Lộc	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại chân công trình	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	155.400	155.400	155.400	155.400	155.400	155.400	155.400	155.400	155.400
635	Gạch ốp lát	Gạch ceramic xương đỏ, mài cạnh 300x600mm	m2	QCVN 16:2019/BXD, TCVN 7745:2009	8 viên- 1.44m2)	Công ty cổ phần Prime Đại Lộc	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại chân công trình	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	154.200	154.200	154.200	154.200	154.200	154.200	154.200	154.200	154.200
636	Gạch ốp lát	Gạch ceramic sân vườn, không mài cạnh 400x400mm	m2	QCVN 16:2019/BXD, TCVN 7745:2009	6 viên - 0.96m2)	Công ty cổ phần Prime Đại Lộc	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại chân công trình	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	125.200	125.200	125.200	125.200	125.200	125.200	125.200	125.200	125.200
637	Gạch ốp lát	Gạch ceramic in KTS.mài cạnh 400x400mm	m2	QCVN 16:2019/BXD, TCVN 7745 2009	6 viên = 0.96m2)	Công ty cổ phần Prime Đại Lộc	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại chân công trình	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	117.300	117.300	117.300	117.300	117.300	117.300	117.300	117.300	117.300

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)(đồng)								
												Khu vực TP. Tây Ninh	Khu vực TX.Trảng Bàng	Khu vực TX. Hoà Thành	Khu vực H.Tân Biên	Khu vực H.Tân Châu	Khu vực H. Châu Thành	Khu vực H.Dương Minh Châu	Khu vực H. Bến Cầu	Khu vực H. Gò Dầu
638	Gạch ốp lát	Gạch ceramic in KTS.mái cạnh 500x500mm	m2	QCVN 162019/BXD, TCVN 7745:2009	4 viên - 1.0m2)	Công ty cổ phần Prime Đại Lộc	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại chân công trình	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	128.000	128.000	128.000	128.000	128.000	128.000	128.000	128.000	128.000
639	Gạch ốp lát	Gạch bán sứ , nhóm Blb 800x800mm	m2	QCVN 16:2019/BXD, TCVN 7745:2008	3 viên-1.92m2)	Công ty cổ phần Prime Đại Lộc	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại chân công trình	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	198.800	198.800	198.800	198.800	198.800	198.800	198.800	198.800	198.800
640	Gạch ốp lát	Gạch bán sứ , nhóm Blb 600x600mm	m2	QCVN 16:2019/BXD, TCVN 7745:2009	4 viên - 1.44m2)	Công ty cổ phần Prime Đại Lộc	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại chân công trình	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	177.100	177.100	177.100	177.100	177.100	177.100	177.100	177.100	177.100
641	Gạch ốp lát	Gạch bán sứ , nhóm Bib 300x600mm	m2	QCVN 16:2019/BXD, TCVN 7745:2009	8 viên -1.44m2)	Công ty cổ phần Prime Đại Lộc	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại chân công trình	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	186.200	186.200	186.200	186.200	186.200	186.200	186.200	186.200	186.200
642	Gạch ốp lát	Gạch bán sứ , nhóm Bib 400x800mm	m2	QCVN 16:2019/BXD, TCVN 7745:2010	4 viên =1.28m2)	Công ty cổ phần Prime Đại Lộc	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại chân công trình	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	198.800	198.800	198.800	198.800	198.800	198.800	198.800	198.800	198.800
643	Gạch ốp lát	Gạch ceramic xương đỏ, mái cạnh 400x800mm	m2	QCVN 16:2019/BXD, TCVN 7745:2009	4 viên - 1.28m2)	Công ty cổ phần Prime Đại Lộc	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại chân công trình	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	174.021	174.021	174.021	174.021	174.021	174.021	174.021	174.021	174.021
644	Bê tông đúc sẵn	Hệ thống hố ga của hệ thống thoát nước thải (Hệ thống hố ga thu nước ngăn mùi chống muỗi) -SIGEN-01B (lắp đặt cho hệ thống thoát nước có vỉa hè và không có vỉa hè)	Bộ	- TCVN 10333- 1:2014 - TCVN 10333- 2:2014 - TCVN 10333-3:2014 - TCCS cập nhật 01:2025 TCCS.02:2020/Sig en	Hệ thống cấu thành gồm: - Hố ga cho hệ thống thoát nước 01B kích thước ngoài 840x440x670mm, kích thước trong 700x300x600mm; bê tông đá 1 X 2 M300 - Song chắn rác không khung (gang cầu, chống trộm) kích thước 760x360x45mm - Cơ cấu ngăn mùi cho hố ga SG-08 (vật liệu nhựa ABS) kích thước ngoài 330x600x85. Kích thước trong 230x465x80mm - Tấm lọc nước (nhựa PPR) SG-08 kích thước 694x294x100mm, chiều dày 5mm	Công ty TNHH SiGen. Đc: 106 Huyền Trân Công Chúa, P.Tam Thắng, TP.HCM - Đt: 0913687227. Công văn đề nghị công bố giá số 84-TN/2026/CBG ngày 19/06/2026	Việt Nam	Cung cấp và giao hàng theo khối lượng yêu cầu	Giao trên phương tiện bên bán, giao tại chân công trình, nếu đảm bảo xe chở hàng có thể vào được	Giá kê khai chưa bao gồm thuế GTGT, chi phí lắp đặt, ống nhựa các co nối và đã bao gồm phí vận chuyển . Áp dụng từ 01/01/2026 đến 31/12/2026.	Giá không đổi	10.300.000	10.300.000	10.300.000	10.300.000	10.300.000	10.300.000	10.300.000	10.300.000	10.300.000
645	Bê tông đúc sẵn	Hệ thống hố ga của hệ thống thoát nước thải (Hệ thống ho ga thu nước ngăn mùi chống muỗi) SIGEN-02C	Bộ	- TCVN 10333-1:2014 -TCVN 10333-2:2014 - TCVN 10333-3:2014 -TCCS 02:2020/SIGEN (sửa đổi lần 2)	Hệ thống cấu thành gồm: - Hố ga cho hệ thống thoát nước 02C: KT ngoài 840x440x 1200mm, KT trong 700x300x1130mm; (BTCT M300) - Song chắn rác (gang cầu) KT 760x360x45mm - Cơ cấu ngăn mùi cho hố ga inox sus 316L hoặc nhựa ABS - Tấm lọc nước (nhựa PPR) SG-08 KT 694x294x100mm, chiều dày 5mm	Công ty TNHH SiGen. Đc: 106 Huyền Trân Công Chúa, P.Tam Thắng, TP.HCM - Đt: 0913687227. Công văn đề nghị công bố giá số 84-TN/2026/CBG ngày 19/06/2026	Việt Nam	Cung cấp và giao hàng theo khối lượng yêu cầu	Giao trên phương tiện bên bán, giao tại chân công trình, nếu đảm bảo xe chở hàng có thể vào được	giá chưa bao gồm thuế GTGT, chi phí lắp đặt, ống nhựa các co nối và đã bao gồm phí vận chuyển	Giá không đổi	11.100.000	1.110.000	1.110.000	1.110.000	1.110.000	1.110.000	1.110.000	1.110.000	1.110.000
646	Bê tông đúc sẵn	Hệ thống hố ga của hệ thống thoát nước thải (Hệ thống hố ga thu nước ngăn mùi chống muỗi) -SIGEN-03B (lắp đặt cho hệ thống thoát nước có vỉa hè và không có vỉa hè)	Bộ	-TCVN 10333- 1:2014 -TCVN 10333-2:2014 - TCVN 10333-3:2014 - TCCS cập nhật 01:2025 TCCS.02:2020/Sig en	Hệ thống cấu thành gồm: - Hố ga cho hệ thống thoát nước 03B + kích thước ngoài 840x440x540mm; + kích thước trong 700x300x470mm; (bê tông đá 1 X 2 M300) - Song chắn rác không khung (gang cầu, chống trộm), kích thước 760x360x45mm - Cơ cấu ngăn mùi cho hố ga SG-08 (vật liệu nhựa ABS) kích thước ngoài 330x600x85. Kích thước trong 230x465x80mm	Công ty TNHH SiGen. Đc: 106 Huyền Trân Công Chúa, P.Tam Thắng, TP.HCM - Đt: 0913687227. Công văn đề nghị công bố giá số 84-TN/2026/CBG ngày 19/06/2026	Việt Nam	Cung cấp và giao hàng theo khối lượng yêu cầu	Giao trên phương tiện bên bán, giao tại chân công trình, nếu đảm bảo xe chở hàng có thể vào được	Giá kê khai chưa bao gồm thuế GTGT, chi phí lắp đặt, ống nhựa các co nối và đã bao gồm phí vận chuyển . Áp dụng từ 01/01/2026 đến 31/12/2026.	Giá không đổi	7.800.000	7.800.000	7.800.000	7.800.000	7.800.000	7.800.000	7.800.000	7.800.000	7.800.000
647	Bê tông đúc sẵn	Hệ thống hố ga của hệ thống thoát nước thải (Hệ thống hố ga thu nước ngăn mùi chống muỗi) SIGEN-04A	Bộ	-TCVN 10333- 1:2014 - TCVN 10333-2:2014 - TCVN 10333-3:2014 -TCCS 02:2020/SIGEN (sửa đổi lần 2)	Hệ thống cấu thành gồm: - Hố ga cho hệ thống thoát nước 04A: KT ngoài 580x1000x670mm; KT trong 440x860x600mm; (BTCT M300) - Song chắn rác (gang cầu), KT 920x500x45mm - Cơ cấu ngăn mùi cho hố ga SG-09, vật liệu nhựa ABS - Tấm lọc nước (nhựa PPR) SG-09 kích thước 854x432x100mm, chiều dày 5mm - Logo: Đừng bỏ rác nơi đây, rác làm tắc cống gây ngập nước	Công ty TNHH SiGen. Đc: 106 Huyền Trân Công Chúa, P.Tam Thắng, TP.HCM - Đt: 0913687227. Công văn đề nghị công bố giá số 84-TN/2026/CBG ngày 19/06/2026	Việt Nam	Cung cấp và giao hàng theo khối lượng yêu cầu	Giao trên phương tiện bên bán, giao tại chân công trình, nếu đảm bảo xe chở hàng có thể vào được	Giá kê khai chưa bao gồm thuế GTGT, chi phí lắp đặt, ống nhựa các co nối và đã bao gồm phí vận chuyển . Áp dụng từ 01/01/2026 đến 31/12/2026.	Giá không đổi	13.300.000	13.300.000	13.300.000	13.300.000	13.300.000	13.300.000	13.300.000	13.300.000	13.300.000
648	Bê tông đúc sẵn	Hệ thống hố ga của hệ thống thoát nước thải (Hệ thống ho ga thu nước ngăn mùi chong muỗi) SIGEN-04A-BVHD (bò vỉa hè đứng)	Bộ	- TCVN 10333-1:2014 -TCVN 10333- 2:2014 - TCVN 10333-3:2014 -TCCS 02:2020/SIGEN (sửa đổi lần 2)	Hệ thống cấu thành gồm: - Hố ga cho hệ thống thoát nước 04A: KT ngoài 580x1000x670mm; KT trong 440x860x600mm; (BTCT M300) - Song chắn rác (gang cầu) KT: 1000x200x160mm - Cơ cấu ngăn mùi cho hố ga SG-09, vật liệu nhựa ABS - Tấm lọc nước (nhựa PPR) SG-09 kích thước 854x432x100mm. chiều dày 5mm - Logo: Đừng bỏ rác nơi đây, rác làm tắc cống gây ngập nước	Công ty TNHH SiGen. Đc: 106 Huyền Trân Công Chúa, P.Tam Thắng, TP.HCM - Đt: 0913687227. Công văn đề nghị công bố giá số 84-TN/2026/CBG ngày 19/06/2026	Việt Nam	Cung cấp và giao hàng theo khối lượng yêu cầu	Giao trên phương tiện bên bán, giao tại chân công trình, nếu đảm bảo xe chở hàng có thể vào được	Giá kê khai chưa bao gồm thuế GTGT, chi phí lắp đặt, ống nhựa các co nối và đã bao gồm phí vận chuyển . Áp dụng từ 01/01/2026 đến 31/12/2026.	Giá không đổi	13.300.000	13.300.000	13.300.000	13.300.000	13.300.000	13.300.000	13.300.000	13.300.000	13.300.000
649	Bê tông đúc sẵn	Hệ thống hố ga của hệ thống thoát nước thải (Hệ thống ho ga thu nước ngăn mùi chống muỗi) SIGEN-04A-BVHX (bò vỉa hè xiên)	Bộ	- TCVN 10333- 1:2014 - TCVN 10333- 2:2014 -TCCS 02:2020/SIGEN (sửa đổi lần 2)	Hệ thống cấu thành gồm: - Hố ga cho hệ thống thoát nước 04A: KT ngoài 580x1000x670mm; KT trong 440x860x600mm; (BTCT M300) - Song chắn rác (gang cầu), KT 920x360x45mm song chắn rác bò vỉa hè xiên KT: 1000x300x160mm - Cơ cấu ngăn mùi cho hố ga SG-09, vật liệu nhựa ABS - Tấm lọc nước (nhựa PPR) SG-09 kích thước 854x432x100mm, chiều dày 5mm - Logo: Đừng bỏ rác nơi đây, rác làm tắc cống gây ngập nước	Công ty TNHH SiGen. Đc: 106 Huyền Trân Công Chúa, P.Tam Thắng, TP.HCM - Đt: 0913687227. Công văn đề nghị công bố giá số 84-TN/2026/CBG ngày 19/06/2026	Việt Nam	Cung cấp và giao hàng theo khối lượng yêu cầu	Giao trên phương tiện bên bán, giao tại chân công trình, nếu đảm bảo xe chở hàng có thể vào được	Giá kê khai chưa bao gồm thuế GTGT, chi phí lắp đặt, ống nhựa các co nối và đã bao gồm phí vận chuyển . Áp dụng từ 01/01/2026 đến 31/12/2026.	Giá không đổi	13.300.000	13.300.000	13.300.000	13.300.000	13.300.000	13.300.000	13.300.000	13.300.000	13.300.000
650	Bê tông đúc sẵn	Hệ thống hố ga của hệ thống thoát nước thải (Hệ thống hố ga thu nước ngăn mùi chống muỗi) SIGEN-07A	Bộ	-TCVN 10333-1:2014 - TCVN 10333-2:2014 - TCVN 10333-3:2014 -TCCS 02:2020/SIGEN (sửa đổi lần 2)	Hệ thống cấu thành gồm: - Hố ga cho hệ thống thoát nước 07A: KT ngoài 440x1240x600mm, KT trong 300x1100x530mm; (BTCT M300) - Song chắn rác (gang cầu): KT 760x360x45mm - Tấm lọc nước (nhựa PPR) SG-08 kích thước 694x294x100mm - Cơ cấu ngăn mùi cho hố ga SG-09, nhựa ABS	Công ty TNHH SiGen. Đc: 106 Huyền Trân Công Chúa, P.Tam Thắng, TP.HCM - Đt: 0913687227. Công văn đề nghị công bố giá số 84-TN/2026/CBG ngày 19/06/2026	Việt Nam	Cung cấp và giao hàng theo khối lượng yêu cầu	Giao trên phương tiện bên bán, giao tại chân công trình, nếu đảm bảo xe chở hàng có thể vào được	Giá kê khai chưa bao gồm thuế GTGT, chi phí lắp đặt, ống nhựa các co nối và đã bao gồm phí vận chuyển . Áp dụng từ 01/01/2026 đến 31/12/2026.	Giá không đổi	9.800.000	9.800.000	9.800.000	9.800.000	9.800.000	9.800.000	9.800.000	9.800.000	9.800.000
651	Bê tông đúc sẵn	Hệ thống hố ga của hệ thống thoát nước thải (Hệ thống hố ga thu nước ngăn mùi chống muỗi) SIGEN-07A (bò vỉa hè đứng)	Bộ	-TCVN 10333- 1:2014 -TCVN 10333-2:2014 - TCVN 10333-3:2014 -TCCS 02:2020/SIGEN (sửa đổi lần 2)	Hệ thống cấu thành gồm: - Hố ga cho hệ thống thoát nước 07A: KT ngoài 440x1240x600mm, KT trong 300x1100x530mm; (BTCT M300) - Song chắn rác (gang cau): KT 760x360x45mm - Tấm lọc nước (nhựa PPR) SG-08 kích thước 694x294x1 mm - Cơ cấu ngăn mùi cho hố ga SG-09, nhựa ABS	Công ty TNHH SiGen. Đc: 106 Huyền Trân Công Chúa, P.Tam Thắng, TP.HCM - Đt: 0913687227. Công văn đề nghị công bố giá số 84-TN/2026/CBG ngày 19/06/2026	Việt Nam	Cung cấp và giao hàng theo khối lượng yêu cầu	Giao trên phương tiện bên bán, giao tại chân công trình, nếu đảm bảo xe chở hàng có thể vào được	Giá kê khai chưa bao gồm thuế GTGT, chi phí lắp đặt, ống nhựa các co nối và đã bao gồm phí vận chuyển . Áp dụng từ 01/01/2026 đến 31/12/2026.	Giá không đổi	11.800.000	11.800.000	11.800.000	11.800.000	11.800.000	11.800.000	11.800.000	11.800.000	11.800.000
652	Bê tông đúc sẵn	Hệ thống hố ga của hệ thống thoát nước thải (Hệ thống hố ga thu nước ngăn mùi chống muỗi) SIGEN-07A (bò vỉa hè xiên)	Bộ	-TCVN 10333- 1:2014 -TCVN 10333- 2:2014 - TCVN 10333-3:2014 -TCCS 02:2020/SIGEN (sửa đổi lần 2)	Hệ thống cấu thành gồm: - Hố ga cho hệ thống thoát nước 07A: KT ngoài 440x1240x600mm, KT trong 300x1100x530mm; (BTCT M300) - Song chắn rác (gang cầu): KT 760x360x45mm - Tấm lọc nước (nhựa PPR) SG-08 kích thước 694x294x100mm - Cơ cấu ngăn mùi cho hố ga SG-09, nhựa ABS	Công ty TNHH SiGen. Đc: 106 Huyền Trân Công Chúa, P.Tam Thắng, TP.HCM - Đt: 0913687227. Công văn đề nghị công bố giá số 84-TN/2026/CBG ngày 19/06/2026	Việt Nam	Cung cấp và giao hàng theo khối lượng yêu cầu	Giao trên phương tiện bên bán, giao tại chân công trình, nếu đảm bảo xe chở hàng có thể vào được	Giá kê khai chưa bao gồm thuế GTGT, chi phí lắp đặt, ống nhựa các co nối và đã bao gồm phí vận chuyển . Áp dụng từ 01/01/2026 đến 31/12/2026.	Giá không đổi	11.800.000	11.800.000	11.800.000	11.800.000	11.800.000	11.800.000	11.800.000	11.800.000	11.800.000
653	Bê tông đúc sẵn	Nắp hố ga gang cầu thu nước có van ngăn mùi SIGEN-04TNNM (NGT)	Bộ	- TCCS Cập nhật 01:2025 TCCS 01/2023/SIGEN - TC BS EN 124:2016 (sửa đổi lần 1)	- Kích thước: Ø00x 1200x75mm, nắp gang 0940 (thông thủy 880), tải trọng 40 tấn, chống ồn, chống trộm, chống ngập. - Cơ cấu ngăn mùi cho hố ga inox SUS 316L hoặc nhựa ABS	Công ty TNHH SiGen. Đc: 106 Huyền Trân Công Chúa, P.Tam Thắng, TP.HCM - Đt: 0913687227. Công văn đề nghị công bố giá số 84-TN/2026/CBG ngày 19/06/2026	Việt Nam	Cung cấp và giao hàng theo khối lượng yêu cầu	Giao trên phương tiện bên bán, giao tại chân công trình, nếu đảm bảo xe chở hàng có thể vào được	Giá kê khai chưa bao gồm thuế GTGT, chi phí lắp đặt, ống nhựa các co nối và đã bao gồm phí vận chuyển . Áp dụng từ 01/01/2026 đến 31/12/2026.	Giá không đổi	12.800.000	12.800.000	12.800.000	12.800.000	12.800.000	12.800.000	12.800.000	12.800.000	12.800.000
654	Bê tông đúc sẵn	Nắp hố ga gang cầu thu nước có van ngăn mùi SIGEN-05TNNM (nắp gang vuông)	Bộ	- TCCS Cập nhật 01:2025 TCCS 01/2023/SIGEN - TC BS EN 124:2016 (sửa đổi lần 1)	- Kích thước: Ø00x 1200x75mm, nắp gang 0940 (thông thủy 880), tải trọng 40 tấn, chống ồn, chống trộm, chống ngập. - Cơ cấu ngăn mùi cho hố ga inox SUS 316L hoặc nhựa ABS	Công ty TNHH SiGen. Đc: 106 Huyền Trân Công Chúa, P.Tam Thắng, TP.HCM - Đt: 0913687227. Công văn đề nghị công bố giá số 84-TN/2026/CBG ngày 19/06/2026	Việt Nam	Cung cấp và giao hàng theo khối lượng yêu cầu	Giao trên phương tiện bên bán, giao tại chân công trình, nếu đảm bảo xe chở hàng có thể vào được	Giá kê khai chưa bao gồm thuế GTGT, chi phí lắp đặt, ống nhựa các co nối và đã bao gồm phí vận chuyển . Áp dụng từ 01/01/2026 đến 31/12/2026.	Giá không đổi	12.800.000	12.800.000	12.800.000	12.800.000	12.800.000	12.800.000	12.800.000	12.800.000	12.800.000
655	Bê tông đúc sẵn	Cống tròn liền khối **D1000mm**; Thép vòng fi 8, a=10cm; thép dọc fi 10, a=19cm dày 10cm; đá 1*2; M200, Cho phép xe cô Tải trong 8 tấn lưu thông	*m*	TCVN 9113:2012 ISO 9001:2015	5m-11,5m	HTX XD-TM Đoàn Kết	Việt Nam	Vận chuyển đường thủy	Địa điểm sx: ấp 9 xã Tân Long , tỉnh Tây Ninh. Ngoài phạm vi 40km thương lượng thêm chi phí vận chuyển.	Mức giá được thực hiện từ ngày 03/02/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	3.148.148	3.148.148	3.148.148	3.148.148	3.148.148	3.148.148	3.148.148	3.148.148	3.148.148
656	Bê tông đúc sẵn	Cống tròn liền khối **D1000mm**; Thép vòng fi 8, a=10cm; thép dọc fi 12, a=19cm dày 10cm; đá 1*2; M200, Cho phép xe cô tai trong 8 tấn lưu thông	*m*	TCVN 9113:2012 ISO 9001:2016	12m-17m	HTX XD-TM Đoàn Kết	Việt Nam	Vận chuyển đường thủy	Địa điểm sx: ấp 9 xã Tân Long , tỉnh Tây Ninh. Ngoài phạm vi 40km thương lượng thêm chi phí vận chuyển.	Mức giá được thực hiện từ ngày 03/02/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	3.240.741	3.240.741	3.240.741	3.240.741	3.240.741	3.240.741	3.240.741	3.240.741	3.240.741

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)(đồng)								
												Khu vực TP. Tây Ninh	Khu vực TX.Trảng Bàng	Khu vực TX. Hoà Thành	Khu vực H.Tân Biên	Khu vực H.Tân Châu	Khu vực H. Châu Thành	Khu vực H.Dương Minh Châu	Khu vực H. Bến Cầu	Khu vực H. Gò Dầu
657	Bê tông đúc sẵn	Cống tròn liền khối **D1000mm**; Thép vòng fi 8, a=10cm; thép dọc fi 12, a=19cm; có thép tăng cường chống gãy giữa cống; dày 10cm; đá 1*2; M200, Cho phép xe có tải trọng 8 tấn lưu thông	*m*	TCVN 9113:2012 ISO 9001:2017	17,5m-19,5m	HTX XD-TM Đoàn Kết	Việt Nam	Vận chuyển đường thủy	Địa điểm sx: ấp 9 xã Tân Long , tỉnh Tây Ninh. Ngoài phạm vi 40km thương lượng thêm chi phí vận chuyển.	Mức giá được thực hiện từ ngày 03/02/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	3.333.333	3.333.333	3.333.333	3.333.333	3.333.333	3.333.333	3.333.333	3.333.333	3.333.333
658	Bê tông đúc sẵn	Cống tròn liền khối **D1500mm**; Thép vòng fi 8, 2 lớp trong và ngoài, mỗi lớp a=20cm; thép dọc fi 12, a=20cm; dày 14cm; đá 1*2; M200, Cho phép xe có tải trọng 8 tấn lưu thông	*m*	TCVN 9113:2012 ISO 9001:2018	10m-16,5m	HTX XD-TM Đoàn Kết	Việt Nam	Vận chuyển đường thủy	Địa điểm sx: ấp 9 xã Tân Long , tỉnh Tây Ninh. Ngoài phạm vi 40km thương lượng thêm chi phí vận chuyển.	Mức giá được thực hiện từ ngày 03/02/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	6.064.815	6.064.815	6.064.815	6.064.815	6.064.815	6.064.815	6.064.815	6.064.815	6.064.815
659	Bê tông đúc sẵn	Cống tròn liền khối **D1500mm**; Thép vòng fi 8, 2 lớp trong và ngoài, mỗi lớp a=20cm; thép dọc fi 14, a=20cm; dày 14cm; đá 1*2; M200, Cho phép xe có tải trọng 8 tấn lưu thông	*m*	TCVN 9113:2012 ISO 9001:2019	17m-21m	HTX XD-TM Đoàn Kết	Việt Nam	Vận chuyển đường thủy	Địa điểm sx: ấp 9 xã Tân Long , tỉnh Tây Ninh. Ngoài phạm vi 40km thương lượng thêm chi phí vận chuyển.	Mức giá được thực hiện từ ngày 03/02/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	6.203.704	6.203.704	6.203.704	6.203.704	6.203.704	6.203.704	6.203.704	6.203.704	6.203.704
660	Bê tông đúc sẵn	Cống tròn liền khối **D1500mm**; Thép vòng fi 8, 2 lớp trong và ngoài, mỗi lớp a=15cm; thép dọc fi 14, a=20cm; dày 14cm; đá 1*2; M250, Cho phép xe có tải trọng 13 tấn lưu thông	*m*	TCVN 9113:2012 ISO 9001:2020	10m-16,5m	HTX XD-TM Đoàn Kết	Việt Nam	Vận chuyển đường thủy	Địa điểm sx: ấp 9 xã Tân Long , tỉnh Tây Ninh. Ngoài phạm vi 40km thương lượng thêm chi phí vận chuyển.	Mức giá được thực hiện từ ngày 03/02/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	6.509.259	6.509.259	6.509.259	6.509.259	6.509.259	6.509.259	6.509.259	6.509.259	6.509.259
661	Bê tông đúc sẵn	Cống tròn liền khối **D1500mm**; Thép vòng fi 8, 2 lớp trong và ngoài, mỗi lớp a=15cm; thép dọc fi 16, a=20cm; dày 14cm; đá 1*2; M250, Cho phép xe có tải trọng 13 tấn lưu thông	*m*	TCVN 9113:2012 ISO 9001:2021	17m-21m	HTX XD-TM Đoàn Kết	Việt Nam	Vận chuyển đường thủy	Địa điểm sx: ấp 9 xã Tân Long , tỉnh Tây Ninh. Ngoài phạm vi 40km thương lượng thêm chi phí vận chuyển.	Mức giá được thực hiện từ ngày 03/02/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	6.694.444	6.694.444	6.694.444	6.694.444	6.694.444	6.694.444	6.694.444	6.694.444	6.694.444
662	Bê tông đúc sẵn	Cống thoát nước D300 (loại L = 2,5 và 3m) Vỉa hè, mác 300, dày 5cm	m	TCVN 9113:2012		Công ty TNHH MTV Bê tông TICCO Tân Phước. Địa chỉ: Ấp 4, xã Tân Phước 3, tỉnh Đồng Tháp - ĐT: 0399 122 506 (Mr. Văn). Công văn đề nghị công bố giá số 078/CV.TCCO.TP ngày 01/06/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Đơn giá đã bao gồm chi phí cẩu bốc sản phẩm lên phương tiện của khách hàng tại nhà máy	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	275.000	275.000	275.000	275.000	275.000	275.000	275.000	275.000	275.000
663	Bê tông đúc sẵn	Cống thoát nước D400 (loại L = 2,5m và 3m) vỉa hè, mác 300, dày 5,5 cm	m	TCVN 9113:2012		Công ty TNHH MTV Bê tông TICCO Tân Phước. Địa chỉ: Ấp 4, xã Tân Phước 3, tỉnh Đồng Tháp - ĐT: 0399 122 506 (Mr. Văn). Công văn đề nghị công bố giá số 078/CV.TCCO.TP ngày 01/06/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Đơn giá đã bao gồm chi phí cẩu bốc sản phẩm lên phương tiện của khách hàng tại nhà máy	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	343.000	343.000	343.000	343.000	343.000	343.000	343.000	343.000	343.000
664	Bê tông đúc sẵn	Cống thoát nước D500 (loại L = 2,5m và 3m) vỉa hè, mác 300, dày 6 cm	m	TCVN 9113:2012		Công ty TNHH MTV Bê tông TICCO Tân Phước. Địa chỉ: Ấp 4, xã Tân Phước 3, tỉnh Đồng Tháp - ĐT: 0399 122 506 (Mr. Văn). Công văn đề nghị công bố giá số 078/CV.TCCO.TP ngày 01/06/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Đơn giá đã bao gồm chi phí cẩu bốc sản phẩm lên phương tiện của khách hàng tại nhà máy	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	440.000	440.000	440.000	440.000	440.000	440.000	440.000	440.000	440.000
665	Bê tông đúc sẵn	Cống thoát nước D600 (loại L = 2,5m và 3m) vỉa hè, mác 300, dày 7 cm	m	TCVN 9113:2012		Công ty TNHH MTV Bê tông TICCO Tân Phước. Địa chỉ: Ấp 4, xã Tân Phước 3, tỉnh Đồng Tháp - ĐT: 0399 122 506 (Mr. Văn). Công văn đề nghị công bố giá số 078/CV.TCCO.TP ngày 01/06/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Đơn giá đã bao gồm chi phí cẩu bốc sản phẩm lên phương tiện của khách hàng tại nhà máy	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	539.000	539.000	539.000	539.000	539.000	539.000	539.000	539.000	539.000
666	Bê tông đúc sẵn	Cống thoát nước D800 (loại L = 2,5m và 3m) vỉa hè, mác 300, dày 8 cm	m	TCVN 9113:2012		Công ty TNHH MTV Bê tông TICCO Tân Phước. Địa chỉ: Ấp 4, xã Tân Phước 3, tỉnh Đồng Tháp - ĐT: 0399 122 506 (Mr. Văn). Công văn đề nghị công bố giá số 078/CV.TCCO.TP ngày 01/06/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Đơn giá đã bao gồm chi phí cẩu bốc sản phẩm lên phương tiện của khách hàng tại nhà máy	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	803.000	803.000	803.000	803.000	803.000	803.000	803.000	803.000	803.000
667	Bê tông đúc sẵn	Cống thoát nước D1.000 (loại L = 2,5m và 3m) vỉa hè, mác 300, dày 10 cm	m	TCVN 9113:2012		Công ty TNHH MTV Bê tông TICCO Tân Phước. Địa chỉ: Ấp 4, xã Tân Phước 3, tỉnh Đồng Tháp - ĐT: 0399 122 506 (Mr. Văn). Công văn đề nghị công bố giá số 078/CV.TCCO.TP ngày 01/06/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Đơn giá đã bao gồm chi phí cẩu bốc sản phẩm lên phương tiện của khách hàng tại nhà máy	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	1.232.000	1.232.000	1.232.000	1.232.000	1.232.000	1.232.000	1.232.000	1.232.000	1.232.000
668	Bê tông đúc sẵn	Cống thoát nước D1.200 (loại L = 2,5m và 3m) vỉa hè, mác 300, dày 12 cm	m	TCVN 9113:2012		Công ty TNHH MTV Bê tông TICCO Tân Phước. Địa chỉ: Ấp 4, xã Tân Phước 3, tỉnh Đồng Tháp - ĐT: 0399 122 506 (Mr. Văn). Công văn đề nghị công bố giá số 078/CV.TCCO.TP ngày 01/06/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Đơn giá đã bao gồm chi phí cẩu bốc sản phẩm lên phương tiện của khách hàng tại nhà máy	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	1.914.000	1.914.000	1.914.000	1.914.000	1.914.000	1.914.000	1.914.000	1.914.000	1.914.000
669	Bê tông đúc sẵn	Cống thoát nước D1.500 (loại L = 2,5m) vỉa hè, mác 300, dày 13 cm	m	TCVN 9113:2012		Công ty TNHH MTV Bê tông TICCO Tân Phước. Địa chỉ: Ấp 4, xã Tân Phước 3, tỉnh Đồng Tháp - ĐT: 0399 122 506 (Mr. Văn). Công văn đề nghị công bố giá số 078/CV.TCCO.TP ngày 01/06/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Đơn giá đã bao gồm chi phí cẩu bốc sản phẩm lên phương tiện của khách hàng tại nhà máy	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	2.695.000	2.695.000	2.695.000	2.695.000	2.695.000	2.695.000	2.695.000	2.695.000	2.695.000
670	Bê tông đúc sẵn	Cống thoát nước D2.000 (loại L = 2,5m) vỉa hè, mác 300, dày 16 cm	m	TCVN 9113:2012		Công ty TNHH MTV Bê tông TICCO Tân Phước. Địa chỉ: Ấp 4, xã Tân Phước 3, tỉnh Đồng Tháp - ĐT: 0399 122 506 (Mr. Văn). Công văn đề nghị công bố giá số 078/CV.TCCO.TP ngày 01/06/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Đơn giá đã bao gồm chi phí cẩu bốc sản phẩm lên phương tiện của khách hàng tại nhà máy	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	4.059.000	4.059.000	4.059.000	4.059.000	4.059.000	4.059.000	4.059.000	4.059.000	4.059.000
671	Bê tông đúc sẵn	Cống thoát nước D300 (loại L = 2,5m và 3m) H10-X60, mác 300, dày 5 cm	m	TCVN 9113:2012		Công ty TNHH MTV Bê tông TICCO Tân Phước. Địa chỉ: Ấp 4, xã Tân Phước 3, tỉnh Đồng Tháp - ĐT: 0399 122 506 (Mr. Văn). Công văn đề nghị công bố giá số 078/CV.TCCO.TP ngày 01/06/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Đơn giá đã bao gồm chi phí cẩu bốc sản phẩm lên phương tiện của khách hàng tại nhà máy	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	281.000	281.000	281.000	281.000	281.000	281.000	281.000	281.000	281.000
672	Bê tông đúc sẵn	Cống thoát nước D400 (loại L = 2,5m và 3m) H10-X60, mác 300, dày 5,5 cm	m	TCVN 9113:2012		Công ty TNHH MTV Bê tông TICCO Tân Phước. Địa chỉ: Ấp 4, xã Tân Phước 3, tỉnh Đồng Tháp - ĐT: 0399 122 506 (Mr. Văn). Công văn đề nghị công bố giá số 078/CV.TCCO.TP ngày 01/06/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Đơn giá đã bao gồm chi phí cẩu bốc sản phẩm lên phương tiện của khách hàng tại nhà máy	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	352.000	352.000	352.000	352.000	352.000	352.000	352.000	352.000	352.000
673	Bê tông đúc sẵn	Cống thoát nước D500 (loại L = 2,5m và 3m) H10-X60, mác 300, dày 6 cm	m	TCVN 9113:2012		Công ty TNHH MTV Bê tông TICCO Tân Phước. Địa chỉ: Ấp 4, xã Tân Phước 3, tỉnh Đồng Tháp - ĐT: 0399 122 506 (Mr. Văn). Công văn đề nghị công bố giá số 078/CV.TCCO.TP ngày 01/06/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Đơn giá đã bao gồm chi phí cẩu bốc sản phẩm lên phương tiện của khách hàng tại nhà máy	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	473.000	473.000	473.000	473.000	473.000	473.000	473.000	473.000	473.000
674	Bê tông đúc sẵn	Cống thoát nước D600 (loại L = 2,5m và 3m) H10-X60, mác 300, dày 7 cm	m	TCVN 9113:2012		Công ty TNHH MTV Bê tông TICCO Tân Phước. Địa chỉ: Ấp 4, xã Tân Phước 3, tỉnh Đồng Tháp - ĐT: 0399 122 506 (Mr. Văn). Công văn đề nghị công bố giá số 078/CV.TCCO.TP ngày 01/06/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Đơn giá đã bao gồm chi phí cẩu bốc sản phẩm lên phương tiện của khách hàng tại nhà máy	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	578.000	578.000	578.000	578.000	578.000	578.000	578.000	578.000	578.000
675	Bê tông đúc sẵn	Cống thoát nước D800 (loại L = 2,5m và 3m) H10-X60, mác 300, dày 8 cm	m	TCVN 9113:2012		Công ty TNHH MTV Bê tông TICCO Tân Phước. Địa chỉ: Ấp 4, xã Tân Phước 3, tỉnh Đồng Tháp - ĐT: 0399 122 506 (Mr. Văn). Công văn đề nghị công bố giá số 078/CV.TCCO.TP ngày 01/06/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Đơn giá đã bao gồm chi phí cẩu bốc sản phẩm lên phương tiện của khách hàng tại nhà máy	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	955.000	955.000	955.000	955.000	955.000	955.000	955.000	955.000	955.000
676	Bê tông đúc sẵn	Cống thoát nước D1.000 (loại L = 2,5m và 3m) H10-X60, mác 300, dày 10 cm	m	TCVN 9113:2012		Công ty TNHH MTV Bê tông TICCO Tân Phước. Địa chỉ: Ấp 4, xã Tân Phước 3, tỉnh Đồng Tháp - ĐT: 0399 122 506 (Mr. Văn). Công văn đề nghị công bố giá số 078/CV.TCCO.TP ngày 01/06/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Đơn giá đã bao gồm chi phí cẩu bốc sản phẩm lên phương tiện của khách hàng tại nhà máy	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	1.375.000	1.375.000	1.375.000	1.375.000	1.375.000	1.375.000	1.375.000	1.375.000	1.375.000
677	Bê tông đúc sẵn	Cống thoát nước D1.200 (loại L = 2,5m và 3m) H10-X60, mác 300, dày 12 cm	m	TCVN 9113:2012		Công ty TNHH MTV Bê tông TICCO Tân Phước. Địa chỉ: Ấp 4, xã Tân Phước 3, tỉnh Đồng Tháp - ĐT: 0399 122 506 (Mr. Văn). Công văn đề nghị công bố giá số 078/CV.TCCO.TP ngày 01/06/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Đơn giá đã bao gồm chi phí cẩu bốc sản phẩm lên phương tiện của khách hàng tại nhà máy	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	2.222.000	2.222.000	2.222.000	2.222.000	2.222.000	2.222.000	2.222.000	2.222.000	2.222.000
678	Bê tông đúc sẵn	Cống thoát nước D1.500 (loại L = 2,5m) H10-XB60, mác 300, dày 13 cm	m	TCVN 9113:2012		Công ty TNHH MTV Bê tông TICCO Tân Phước. Địa chỉ: Ấp 4, xã Tân Phước 3, tỉnh Đồng Tháp - ĐT: 0399 122 506 (Mr. Văn). Công văn đề nghị công bố giá số 078/CV.TCCO.TP ngày 01/06/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Đơn giá đã bao gồm chi phí cẩu bốc sản phẩm lên phương tiện của khách hàng tại nhà máy	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	3.674.000	3.674.000	3.674.000	3.674.000	3.674.000	3.674.000	3.674.000	3.674.000	3.674.000
679	Bê tông đúc sẵn	Cống thoát nước D2.000 (loại L = 2,5m) H10-XB60, mác 300, dày 16 cm	m	TCVN 9113:2012		Công ty TNHH MTV Bê tông TICCO Tân Phước. Địa chỉ: Ấp 4, xã Tân Phước 3, tỉnh Đồng Tháp - ĐT: 0399 122 506 (Mr. Văn). Công văn đề nghị công bố giá số 078/CV.TCCO.TP ngày 01/06/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Đơn giá đã bao gồm chi phí cẩu bốc sản phẩm lên phương tiện của khách hàng tại nhà máy	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	5.566.000	5.566.000	5.566.000	5.566.000	5.566.000	5.566.000	5.566.000	5.566.000	5.566.000
680	Bê tông đúc sẵn	Cống thoát nước D300 (loại L = 2,5m và 3m) H30-XB 80, mác 300, dày 5 cm	m	TCVN 9113:2012		Công ty TNHH MTV Bê tông TICCO Tân Phước. Địa chỉ: Ấp 4, xã Tân Phước 3, tỉnh Đồng Tháp - ĐT: 0399 122 506 (Mr. Văn). Công văn đề nghị công bố giá số 078/CV.TCCO.TP ngày 01/06/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Đơn giá đã bao gồm chi phí cẩu bốc sản phẩm lên phương tiện của khách hàng tại nhà máy	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	286.000	286.000	286.000	286.000	286.000	286.000	286.000	286.000	286.000

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)(đồng)								
												Khu vực TP. Tây Ninh	Khu vực TX.Trảng Bàng	Khu vực TX. Hoà Thành	Khu vực H.Tân Biên	Khu vực H.Tân Châu	Khu vực H. Châu Thành	Khu vực H.Dương Minh Châu	Khu vực H. Bến Cầu	Khu vực H. Gò Dầu
681	Bê tông đúc sẵn	Cống thoát nước D400 (loại L = 2,5m và 3m) H30-XB 80, mác 300, dày 5,5 cm	m	TCVN 9113:2012		Công ty TNHH MTV Bê tông TICCO Tân Phước. Địa chỉ: Ấp 4, xã Tân Phước 3, tỉnh Đồng Tháp - ĐT: 0399 122 506 (Mr. Văn). Công văn đề nghị công bố giá số 078/CV.TCCO.TP ngày 01/06/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Đơn giá đã bao gồm chi phí cẩu bốc sản phẩm lên phương tiện của khách hàng tại nhà máy	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	369.000	369.000	369.000	369.000	369.000	369.000	369.000	369.000	369.000
682	Bê tông đúc sẵn	Cống thoát nước D500 (loại L = 2,5m và 3m) H30-XB 80, mác 300, dày 6 cm	m	TCVN 9113:2012		Công ty TNHH MTV Bê tông TICCO Tân Phước. Địa chỉ: Ấp 4, xã Tân Phước 3, tỉnh Đồng Tháp - ĐT: 0399 122 506 (Mr. Văn). Công văn đề nghị công bố giá số 078/CV.TCCO.TP ngày 01/06/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Đơn giá đã bao gồm chi phí cẩu bốc sản phẩm lên phương tiện của khách hàng tại nhà máy	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	495.000	495.000	495.000	495.000	495.000	495.000	495.000	495.000	495.000
683	Bê tông đúc sẵn	Cống thoát nước D600 (loại L = 2,5m và 3m) H30-XB 80, mác 300, vỉa 7 cm	m	TCVN 9113:2012		Công ty TNHH MTV Bê tông TICCO Tân Phước. Địa chỉ: Ấp 4, xã Tân Phước 3, tỉnh Đồng Tháp - ĐT: 0399 122 506 (Mr. Văn). Công văn đề nghị công bố giá số 078/CV.TCCO.TP ngày 01/06/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Đơn giá đã bao gồm chi phí cẩu bốc sản phẩm lên phương tiện của khách hàng tại nhà máy	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	594.000	594.000	594.000	594.000	594.000	594.000	594.000	594.000	594.000
684	Bê tông đúc sẵn	Cống thoát nước D800 (loại L = 2,5m và 3m) H30-XB 80, mác 300, dày 8 cm	m	TCVN 9113:2012		Công ty TNHH MTV Bê tông TICCO Tân Phước. Địa chỉ: Ấp 4, xã Tân Phước 3, tỉnh Đồng Tháp - ĐT: 0399 122 506 (Mr. Văn). Công văn đề nghị công bố giá số 078/CV.TCCO.TP ngày 01/06/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Đơn giá đã bao gồm chi phí cẩu bốc sản phẩm lên phương tiện của khách hàng tại nhà máy	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	983.000	983.000	983.000	983.000	983.000	983.000	983.000	983.000	983.000
685	Bê tông đúc sẵn	Cống thoát nước D1.000 (loại L = 2,5m và 3m) H30-XB 80, mác 300, dày 10cm	m	TCVN 9113:2012		Công ty TNHH MTV Bê tông TICCO Tân Phước. Địa chỉ: Ấp 4, xã Tân Phước 3, tỉnh Đồng Tháp - ĐT: 0399 122 506 (Mr. Văn). Công văn đề nghị công bố giá số 078/CV.TCCO.TP ngày 01/06/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Đơn giá đã bao gồm chi phí cẩu bốc sản phẩm lên phương tiện của khách hàng tại nhà máy	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	1.401.000	1.401.000	1.401.000	1.401.000	1.401.000	1.401.000	1.401.000	1.401.000	1.401.000
686	Bê tông đúc sẵn	Cống thoát nước D1.200 (loại L = 2,5m và 3m) H30-XB80, mác 300, dày 12 cm	m	TCVN 9113:2012		Công ty TNHH MTV Bê tông TICCO Tân Phước. Địa chỉ: Ấp 4, xã Tân Phước 3, tỉnh Đồng Tháp - ĐT: 0399 122 506 (Mr. Văn). Công văn đề nghị công bố giá số 078/CV.TCCO.TP ngày 01/06/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Đơn giá đã bao gồm chi phí cẩu bốc sản phẩm lên phương tiện của khách hàng tại nhà máy	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	2.277.000	2.277.000	2.277.000	2.277.000	2.277.000	2.277.000	2.277.000	2.277.000	2.277.000
687	Bê tông đúc sẵn	Cống thoát nước D1.500 (loại L = 2,5m) H30-XB80, mác 300, dày 13 cm	m	TCVN 9113:2012		Công ty TNHH MTV Bê tông TICCO Tân Phước. Địa chỉ: Ấp 4, xã Tân Phước 3, tỉnh Đồng Tháp - ĐT: 0399 122 506 (Mr. Văn). Công văn đề nghị công bố giá số 078/CV.TCCO.TP ngày 01/06/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Đơn giá đã bao gồm chi phí cẩu bốc sản phẩm lên phương tiện của khách hàng tại nhà máy	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	3.773.000	3.773.000	3.773.000	3.773.000	3.773.000	3.773.000	3.773.000	3.773.000	3.773.000
688	Bê tông đúc sẵn	Cống thoát nước D2.000 (loại L = 2,5m) H30-XB80, mác 300, dày 16 cm	m	TCVN 9113:2012		Công ty TNHH MTV Bê tông TICCO Tân Phước. Địa chỉ: Ấp 4, xã Tân Phước 3, tỉnh Đồng Tháp - ĐT: 0399 122 506 (Mr. Văn). Công văn đề nghị công bố giá số 078/CV.TCCO.TP ngày 01/06/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Đơn giá đã bao gồm chi phí cẩu bốc sản phẩm lên phương tiện của khách hàng tại nhà máy	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	5.709.000	5.709.000	5.709.000	5.709.000	5.709.000	5.709.000	5.709.000	5.709.000	5.709.000
689	Bê tông đúc sẵn	Gối cống D300	cái	TCVN 9113:2012		Công ty TNHH MTV Bê tông TICCO Tân Phước. Địa chỉ: Ấp 4, xã Tân Phước 3, tỉnh Đồng Tháp - ĐT: 0399 122 506 (Mr. Văn). Công văn đề nghị công bố giá số 078/CV.TCCO.TP ngày 01/06/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Đơn giá đã bao gồm chi phí cẩu bốc sản phẩm lên phương tiện của khách hàng tại nhà máy	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	100.000	100.000	100.000	100.000	100.000	100.000	100.000	100.000	100.000
690	Bê tông đúc sẵn	Gối cống D400	cái	TCVN 9113:2012		Công ty TNHH MTV Bê tông TICCO Tân Phước. Địa chỉ: Ấp 4, xã Tân Phước 3, tỉnh Đồng Tháp - ĐT: 0399 122 506 (Mr. Văn). Công văn đề nghị công bố giá số 078/CV.TCCO.TP ngày 01/06/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Đơn giá đã bao gồm chi phí cẩu bốc sản phẩm lên phương tiện của khách hàng tại nhà máy	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	111.000	111.000	111.000	111.000	111.000	111.000	111.000	111.000	111.000
691	Bê tông đúc sẵn	Gối cống D500	cái	TCVN 9113:2012		Công ty TNHH MTV Bê tông TICCO Tân Phước. Địa chỉ: Ấp 4, xã Tân Phước 3, tỉnh Đồng Tháp - ĐT: 0399 122 506 (Mr. Văn). Công văn đề nghị công bố giá số 078/CV.TCCO.TP ngày 01/06/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Đơn giá đã bao gồm chi phí cẩu bốc sản phẩm lên phương tiện của khách hàng tại nhà máy	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	143.000	143.000	143.000	143.000	143.000	143.000	143.000	143.000	143.000
692	Bê tông đúc sẵn	Gối cống D600	cái	TCVN 9113:2012		Công ty TNHH MTV Bê tông TICCO Tân Phước. Địa chỉ: Ấp 4, xã Tân Phước 3, tỉnh Đồng Tháp - ĐT: 0399 122 506 (Mr. Văn). Công văn đề nghị công bố giá số 078/CV.TCCO.TP ngày 01/06/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Đơn giá đã bao gồm chi phí cẩu bốc sản phẩm lên phương tiện của khách hàng tại nhà máy	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	161.000	161.000	161.000	161.000	161.000	161.000	161.000	161.000	161.000
693	Bê tông đúc sẵn	Gối cống D800	cái	TCVN 9113:2012		Công ty TNHH MTV Bê tông TICCO Tân Phước. Địa chỉ: Ấp 4, xã Tân Phước 3, tỉnh Đồng Tháp - ĐT: 0399 122 506 (Mr. Văn). Công văn đề nghị công bố giá số 078/CV.TCCO.TP ngày 01/06/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Đơn giá đã bao gồm chi phí cẩu bốc sản phẩm lên phương tiện của khách hàng tại nhà máy	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	204.000	204.000	204.000	204.000	204.000	204.000	204.000	204.000	204.000
694	Bê tông đúc sẵn	Gối cống D1.000	cái	TCVN 9113:2012		Công ty TNHH MTV Bê tông TICCO Tân Phước. Địa chỉ: Ấp 4, xã Tân Phước 3, tỉnh Đồng Tháp - ĐT: 0399 122 506 (Mr. Văn). Công văn đề nghị công bố giá số 078/CV.TCCO.TP ngày 01/06/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Đơn giá đã bao gồm chi phí cẩu bốc sản phẩm lên phương tiện của khách hàng tại nhà máy	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	290.000	290.000	290.000	290.000	290.000	290.000	290.000	290.000	290.000
695	Bê tông đúc sẵn	Gối cống D1.200	cái	TCVN 9113:2012		Công ty TNHH MTV Bê tông TICCO Tân Phước. Địa chỉ: Ấp 4, xã Tân Phước 3, tỉnh Đồng Tháp - ĐT: 0399 122 506 (Mr. Văn). Công văn đề nghị công bố giá số 078/CV.TCCO.TP ngày 01/06/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Đơn giá đã bao gồm chi phí cẩu bốc sản phẩm lên phương tiện của khách hàng tại nhà máy	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	387.000	387.000	387.000	387.000	387.000	387.000	387.000	387.000	387.000
696	Bê tông đúc sẵn	Gối cống D1.500	cái	TCVN 9113:2012		Công ty TNHH MTV Bê tông TICCO Tân Phước. Địa chỉ: Ấp 4, xã Tân Phước 3, tỉnh Đồng Tháp - ĐT: 0399 122 506 (Mr. Văn). Công văn đề nghị công bố giá số 078/CV.TCCO.TP ngày 01/06/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Đơn giá đã bao gồm chi phí cẩu bốc sản phẩm lên phương tiện của khách hàng tại nhà máy	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	493.000	493.000	493.000	493.000	493.000	493.000	493.000	493.000	493.000
697	Bê tông đúc sẵn	Gối cống D2.000	cái	TCVN 9113:2012		Công ty TNHH MTV Bê tông TICCO Tân Phước. Địa chỉ: Ấp 4, xã Tân Phước 3, tỉnh Đồng Tháp - ĐT: 0399 122 506 (Mr. Văn). Công văn đề nghị công bố giá số 078/CV.TCCO.TP ngày 01/06/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Đơn giá đã bao gồm chi phí cẩu bốc sản phẩm lên phương tiện của khách hàng tại nhà máy	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	566.000	566.000	566.000	566.000	566.000	566.000	566.000	566.000	566.000
698	Bê tông đúc sẵn	Ron cống - D300	cái	-		Công ty TNHH MTV Bê tông TICCO Tân Phước. Địa chỉ: Ấp 4, xã Tân Phước 3, tỉnh Đồng Tháp - ĐT: 0399 122 506 (Mr. Văn). Công văn đề nghị công bố giá số 078/CV.TCCO.TP ngày 01/06/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Đơn giá đã bao gồm chi phí cẩu bốc sản phẩm lên phương tiện của khách hàng tại nhà máy	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	30.000	30.000	30.000	30.000	30.000	30.000	30.000	30.000	30.000
699	Bê tông đúc sẵn	Ron cống - D400	cái	-		Công ty TNHH MTV Bê tông TICCO Tân Phước. Địa chỉ: Ấp 4, xã Tân Phước 3, tỉnh Đồng Tháp - ĐT: 0399 122 506 (Mr. Văn). Công văn đề nghị công bố giá số 078/CV.TCCO.TP ngày 01/06/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Đơn giá đã bao gồm chi phí cẩu bốc sản phẩm lên phương tiện của khách hàng tại nhà máy	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	40.000	40.000	40.000	40.000	40.000	40.000	40.000	40.000	40.000
700	Bê tông đúc sẵn	Ron cống - D500	cái	-		Công ty TNHH MTV Bê tông TICCO Tân Phước. Địa chỉ: Ấp 4, xã Tân Phước 3, tỉnh Đồng Tháp - ĐT: 0399 122 506 (Mr. Văn). Công văn đề nghị công bố giá số 078/CV.TCCO.TP ngày 01/06/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Đơn giá đã bao gồm chi phí cẩu bốc sản phẩm lên phương tiện của khách hàng tại nhà máy	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	50.000	50.000	50.000	50.000	50.000	50.000	50.000	50.000	50.000
701	Bê tông đúc sẵn	Ron cống - D600	cái	-		Công ty TNHH MTV Bê tông TICCO Tân Phước. Địa chỉ: Ấp 4, xã Tân Phước 3, tỉnh Đồng Tháp - ĐT: 0399 122 506 (Mr. Văn). Công văn đề nghị công bố giá số 078/CV.TCCO.TP ngày 01/06/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Đơn giá đã bao gồm chi phí cẩu bốc sản phẩm lên phương tiện của khách hàng tại nhà máy	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	60.000	60.000	60.000	60.000	60.000	60.000	60.000	60.000	60.000
702	Bê tông đúc sẵn	Ron cống - D800	cái	-		Công ty TNHH MTV Bê tông TICCO Tân Phước. Địa chỉ: Ấp 4, xã Tân Phước 3, tỉnh Đồng Tháp - ĐT: 0399 122 506 (Mr. Văn). Công văn đề nghị công bố giá số 078/CV.TCCO.TP ngày 01/06/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Đơn giá đã bao gồm chi phí cẩu bốc sản phẩm lên phương tiện của khách hàng tại nhà máy	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	70.000	70.000	70.000	70.000	70.000	70.000	70.000	70.000	70.000
703	Bê tông đúc sẵn	Ron cống - D1000	cái	-		Công ty TNHH MTV Bê tông TICCO Tân Phước. Địa chỉ: Ấp 4, xã Tân Phước 3, tỉnh Đồng Tháp - ĐT: 0399 122 506 (Mr. Văn). Công văn đề nghị công bố giá số 078/CV.TCCO.TP ngày 01/06/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Đơn giá đã bao gồm chi phí cẩu bốc sản phẩm lên phương tiện của khách hàng tại nhà máy	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	90.000	90.000	90.000	90.000	90.000	90.000	90.000	90.000	90.000
704	Bê tông đúc sẵn	Ron cống - D1200	cái	-		Công ty TNHH MTV Bê tông TICCO Tân Phước. Địa chỉ: Ấp 4, xã Tân Phước 3, tỉnh Đồng Tháp - ĐT: 0399 122 506 (Mr. Văn). Công văn đề nghị công bố giá số 078/CV.TCCO.TP ngày 01/06/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Đơn giá đã bao gồm chi phí cẩu bốc sản phẩm lên phương tiện của khách hàng tại nhà máy	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	110.000	110.000	110.000	110.000	110.000	110.000	110.000	110.000	110.000

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)(đồng)								
												Khu vực TP. Tây Ninh	Khu vực TX.Trảng Bàng	Khu vực TX. Hoà Thành	Khu vực H.Tân Biên	Khu vực H.Tân Châu	Khu vực H. Châu Thành	Khu vực H.Dương Minh Châu	Khu vực H. Bến Cầu	Khu vực H. Gò Dầu
705	Bê tông đúc sẵn	Ron cống - D1500	cái	-		Công ty TNHH MTV Bê tông TICCO Tân Phước. Địa chỉ: Ấp 4, xã Tân Phước 3, tỉnh Đồng Tháp - ĐT: 0399 122 506 (Mr. Văn). Công văn đề nghị công bố giá số 078/CV.TCCO.TP ngày 01/06/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Đơn giá đã bao gồm chi phí cẩu bốc sản phẩm lên phương tiện của khách hàng tại nhà máy	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	130.000	130.000	130.000	130.000	130.000	130.000	130.000	130.000	130.000
706	Bê tông đúc sẵn	Ron cống - D2000	cái	-		Công ty TNHH MTV Bê tông TICCO Tân Phước. Địa chỉ: Ấp 4, xã Tân Phước 3, tỉnh Đồng Tháp - ĐT: 0399 122 506 (Mr. Văn). Công văn đề nghị công bố giá số 078/CV.TCCO.TP ngày 01/06/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Đơn giá đã bao gồm chi phí cẩu bốc sản phẩm lên phương tiện của khách hàng tại nhà máy	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	190.000	190.000	190.000	190.000	190.000	190.000	190.000	190.000	190.000
707	Bê tông đúc sẵn	Cống hộp rung ép 1000x1000mm, L = 1,2m mác 300, thép cường độ AII	m	TCVN 9113:2012		Công ty TNHH MTV Bê tông TICCO Tân Phước. Địa chỉ: Ấp 4, xã Tân Phước 3, tỉnh Đồng Tháp - ĐT: 0399 122 506 (Mr. Văn). Công văn đề nghị công bố giá số 078/CV.TCCO.TP ngày 01/06/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Đơn giá đã bao gồm chi phí cẩu bốc sản phẩm lên phương tiện của khách hàng tại nhà máy	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	3.700.000	3.700.000	3.700.000	3.700.000	3.700.000	3.700.000	3.700.000	3.700.000	3.700.000
708	Bê tông đúc sẵn	Cống hộp rung ép 1200x1200mm, L = 1,2m mác 300, thép cường độ AII	m	TCVN 9113:2012		Công ty TNHH MTV Bê tông TICCO Tân Phước. Địa chỉ: Ấp 4, xã Tân Phước 3, tỉnh Đồng Tháp - ĐT: 0399 122 506 (Mr. Văn). Công văn đề nghị công bố giá số 078/CV.TCCO.TP ngày 01/06/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Đơn giá đã bao gồm chi phí cẩu bốc sản phẩm lên phương tiện của khách hàng tại nhà máy	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	4.300.000	4.300.000	4.300.000	4.300.000	4.300.000	4.300.000	4.300.000	4.300.000	4.300.000
709	Bê tông đúc sẵn	Cống hộp rung ép 1600x1600mm, L = 1,2m mác 300, thép cường độ AII	m	TCVN 9113:2012		Công ty TNHH MTV Bê tông TICCO Tân Phước. Địa chỉ: Ấp 4, xã Tân Phước 3, tỉnh Đồng Tháp - ĐT: 0399 122 506 (Mr. Văn). Công văn đề nghị công bố giá số 078/CV.TCCO.TP ngày 01/06/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Đơn giá đã bao gồm chi phí cẩu bốc sản phẩm lên phương tiện của khách hàng tại nhà máy	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	7.200.000	7.200.000	7.200.000	7.200.000	7.200.000	7.200.000	7.200.000	7.200.000	7.200.000
710	Bê tông đúc sẵn	Cống hộp rung ép 2000x2000mm, L = 1,2m mác 300, thép cường độ AII	m	TCVN 9113:2012		Công ty TNHH MTV Bê tông TICCO Tân Phước. Địa chỉ: Ấp 4, xã Tân Phước 3, tỉnh Đồng Tháp - ĐT: 0399 122 506 (Mr. Văn). Công văn đề nghị công bố giá số 078/CV.TCCO.TP ngày 01/06/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Đơn giá đã bao gồm chi phí cẩu bốc sản phẩm lên phương tiện của khách hàng tại nhà máy	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	10.700.000	10.700.000	10.700.000	10.700.000	10.700.000	10.700.000	10.700.000	10.700.000	10.700.000
711	Bê tông đúc sẵn	Cống hộp rung ép 2500x2500mm, L = 1,2m mác 300, thép cường độ AII	m	TCVN 9113:2012		Công ty TNHH MTV Bê tông TICCO Tân Phước. Địa chỉ: Ấp 4, xã Tân Phước 3, tỉnh Đồng Tháp - ĐT: 0399 122 506 (Mr. Văn). Công văn đề nghị công bố giá số 078/CV.TCCO.TP ngày 01/06/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Đơn giá đã bao gồm chi phí cẩu bốc sản phẩm lên phương tiện của khách hàng tại nhà máy	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	15.700.000	15.700.000	15.700.000	15.700.000	15.700.000	15.700.000	15.700.000	15.700.000	15.700.000
712	Bê tông đúc sẵn	Cống hộp rung ép 3000x3000mm, L = 1,2m mác 300, thép cường độ AII	m	TCVN 9113:2012		Công ty TNHH MTV Bê tông TICCO Tân Phước. Địa chỉ: Ấp 4, xã Tân Phước 3, tỉnh Đồng Tháp - ĐT: 0399 122 506 (Mr. Văn). Công văn đề nghị công bố giá số 078/CV.TCCO.TP ngày 01/06/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Đơn giá đã bao gồm chi phí cẩu bốc sản phẩm lên phương tiện của khách hàng tại nhà máy	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	23.200.000	23.200.000	23.200.000	23.200.000	23.200.000	23.200.000	23.200.000	23.200.000	23.200.000
713	Bê tông đúc sẵn	Ron cống hộp 1000x1000	cái	-		Công ty TNHH MTV Bê tông TICCO Tân Phước. Địa chỉ: Ấp 4, xã Tân Phước 3, tỉnh Đồng Tháp - ĐT: 0399 122 506 (Mr. Văn). Công văn đề nghị công bố giá số 078/CV.TCCO.TP ngày 01/06/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Đơn giá đã bao gồm chi phí cẩu bốc sản phẩm lên phương tiện của khách hàng tại nhà máy	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	70.000	70.000	70.000	70.000	70.000	70.000	70.000	70.000	70.000
714	Bê tông đúc sẵn	Ron cống hộp 1200x1200	cái	-		Công ty TNHH MTV Bê tông TICCO Tân Phước. Địa chỉ: Ấp 4, xã Tân Phước 3, tỉnh Đồng Tháp - ĐT: 0399 122 506 (Mr. Văn). Công văn đề nghị công bố giá số 078/CV.TCCO.TP ngày 01/06/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Đơn giá đã bao gồm chi phí cẩu bốc sản phẩm lên phương tiện của khách hàng tại nhà máy	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	85.000	85.000	85.000	85.000	85.000	85.000	85.000	85.000	85.000
715	Bê tông đúc sẵn	Ron cống hộp 1600x1600	cái	-		Công ty TNHH MTV Bê tông TICCO Tân Phước. Địa chỉ: Ấp 4, xã Tân Phước 3, tỉnh Đồng Tháp - ĐT: 0399 122 506 (Mr. Văn). Công văn đề nghị công bố giá số 078/CV.TCCO.TP ngày 01/06/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Đơn giá đã bao gồm chi phí cẩu bốc sản phẩm lên phương tiện của khách hàng tại nhà máy	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	100.000	100.000	100.000	100.000	100.000	100.000	100.000	100.000	100.000
716	Bê tông đúc sẵn	Ron cống hộp 2000x2000	cái	-		Công ty TNHH MTV Bê tông TICCO Tân Phước. Địa chỉ: Ấp 4, xã Tân Phước 3, tỉnh Đồng Tháp - ĐT: 0399 122 506 (Mr. Văn). Công văn đề nghị công bố giá số 078/CV.TCCO.TP ngày 01/06/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Đơn giá đã bao gồm chi phí cẩu bốc sản phẩm lên phương tiện của khách hàng tại nhà máy	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	120.000	120.000	120.000	120.000	120.000	120.000	120.000	120.000	120.000
717	Bê tông đúc sẵn	Ron cống hộp 2500x2500	cái	-		Công ty TNHH MTV Bê tông TICCO Tân Phước. Địa chỉ: Ấp 4, xã Tân Phước 3, tỉnh Đồng Tháp - ĐT: 0399 122 506 (Mr. Văn). Công văn đề nghị công bố giá số 078/CV.TCCO.TP ngày 01/06/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Đơn giá đã bao gồm chi phí cẩu bốc sản phẩm lên phương tiện của khách hàng tại nhà máy	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	150.000	150.000	150.000	150.000	150.000	150.000	150.000	150.000	150.000
718	Bê tông đúc sẵn	Ron cống hộp 3000x3000	cái	-		Công ty TNHH MTV Bê tông TICCO Tân Phước. Địa chỉ: Ấp 4, xã Tân Phước 3, tỉnh Đồng Tháp - ĐT: 0399 122 506 (Mr. Văn). Công văn đề nghị công bố giá số 078/CV.TCCO.TP ngày 01/06/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Đơn giá đã bao gồm chi phí cẩu bốc sản phẩm lên phương tiện của khách hàng tại nhà máy	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	180.000	180.000	180.000	180.000	180.000	180.000	180.000	180.000	180.000
719	Bê tông đúc sẵn	Cọc ống D300 loại A: Thép cường độ cao, thép chủ: 6D7.1, thép đai: D3, Lcọc 12m; Bề dày thành: 60mm, Mặt bích: thép tấm dày 12mm, Manchon: cao 60mm, dày 1.5mm, Cường độ bê tông mác 60 Mpa	m	TCVN 7888:2014		Công ty TNHH MTV Bê tông TICCO Tân Phước. Địa chỉ: Ấp 4, xã Tân Phước 3, tỉnh Đồng Tháp - ĐT: 0399 122 506 (Mr. Văn). Công văn đề nghị công bố giá số 078/CV.TCCO.TP ngày 01/06/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Đơn giá đã bao gồm chi phí cẩu bốc sản phẩm lên phương tiện của khách hàng tại nhà máy	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	270.000	270.000	270.000	270.000	270.000	270.000	270.000	270.000	270.000
720	Bê tông đúc sẵn	Cọc ống D350 loại A: Thép cường độ cao, thép chủ: 7D7.1, thép đai: D3; Lcọc 12m; Bề dày thành: 65mm; Mặt bích thép tấm dày 12mm; Manchon: cao 60mm, dày 1.5mm, Cường độ bê tông mác 60 Mpa	m	TCVN 7888:2014		Công ty TNHH MTV Bê tông TICCO Tân Phước. Địa chỉ: Ấp 4, xã Tân Phước 3, tỉnh Đồng Tháp - ĐT: 0399 122 506 (Mr. Văn). Công văn đề nghị công bố giá số 078/CV.TCCO.TP ngày 01/06/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Đơn giá đã bao gồm chi phí cẩu bốc sản phẩm lên phương tiện của khách hàng tại nhà máy	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	370.000	370.000	370.000	370.000	370.000	370.000	370.000	370.000	370.000
721	Bê tông đúc sẵn	Cọc ống D400 loại A: Thép cường độ cao, thép chủ: 10D7.1, thép đai: D3, Lcọc 12m, Bề dày thành: 80mm, Mặt bích thép tấm dày 12mm, Manchon: cao 60mm, dày 1.5mm, Cường độ bê tông mác 60 Mpa	m	TCVN 7888:2014		Công ty TNHH MTV Bê tông TICCO Tân Phước. Địa chỉ: Ấp 4, xã Tân Phước 3, tỉnh Đồng Tháp - ĐT: 0399 122 506 (Mr. Văn). Công văn đề nghị công bố giá số 078/CV.TCCO.TP ngày 01/06/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Đơn giá đã bao gồm chi phí cẩu bốc sản phẩm lên phương tiện của khách hàng tại nhà máy	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	470.000	470.000	470.000	470.000	470.000	470.000	470.000	470.000	470.000
722	Bê tông đúc sẵn	Cọc ống D500 loại A: Thép cường độ cao, thép chủ: 14D7.1, thép đai: D4, Lcọc 12m, Bề dày thành: 90mm, Mặt bích: thép tấm dày 14mm; Manchon: cao 100mm, dày 2mm, Cường độ bê tông mác 60 Mpa	m	TCVN 7888:2014		Công ty TNHH MTV Bê tông TICCO Tân Phước. Địa chỉ: Ấp 4, xã Tân Phước 3, tỉnh Đồng Tháp - ĐT: 0399 122 506 (Mr. Văn). Công văn đề nghị công bố giá số 078/CV.TCCO.TP ngày 01/06/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Đơn giá đã bao gồm chi phí cẩu bốc sản phẩm lên phương tiện của khách hàng tại nhà máy	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	780.000	780.000	780.000	780.000	780.000	780.000	780.000	780.000	780.000
723	Bê tông đúc sẵn	Cọc ống D600 loại A: Thép cường độ cao, thép chủ: 18D7.1, thép đai: D4, Lcọc=12m; Bề dày thành: 100mm, Mặt bích: thép tấm dày 14mm, Manchon: cao 100mm, dày 2mm, Cường độ bê tông mác 60 Mpa	m	TCVN 7888:2014		Công ty TNHH MTV Bê tông TICCO Tân Phước. Địa chỉ: Ấp 4, xã Tân Phước 3, tỉnh Đồng Tháp - ĐT: 0399 122 506 (Mr. Văn). Công văn đề nghị công bố giá số 078/CV.TCCO.TP ngày 01/06/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Đơn giá đã bao gồm chi phí cẩu bốc sản phẩm lên phương tiện của khách hàng tại nhà máy	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	1.000.000	1.000.000	1.000.000	1.000.000	1.000.000	1.000.000	1.000.000	1.000.000	1.000.000
724	Bê tông đúc sẵn	Cọc ống D300 loại C: Thép cường độ cao, thép chủ: 10D9.0, thép đai: D3; Lcọc=12m; Bề dày thành: 60mm, Mặt bích: thép tấm dày 12mm; Manchon: cao 60mm, dày 6mm, Cường độ bê tông mác 80 Mpa	m	TCVN 7888:2014		Công ty TNHH MTV Bê tông TICCO Tân Phước. Địa chỉ: Ấp 4, xã Tân Phước 3, tỉnh Đồng Tháp - ĐT: 0399 122 506 (Mr. Văn). Công văn đề nghị công bố giá số 078/CV.TCCO.TP ngày 01/06/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Đơn giá đã bao gồm chi phí cẩu bốc sản phẩm lên phương tiện của khách hàng tại nhà máy	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	400.000	400.000	400.000	400.000	400.000	400.000	400.000	400.000	400.000
725	Bê tông đúc sẵn	Cọc ống D350 loại C: Thép cường độ cao, thép chủ: 12D9.0, thép đai: D3, Lcọc 12m, Bề dày thành: 65mm, Mặt bích thép tấm dày 14mm; Manchon: cao 60mm, dày 6mm, Cường độ bê tông mác 80 Mpa	m	TCVN 7888:2014		Công ty TNHH MTV Bê tông TICCO Tân Phước. Địa chỉ: Ấp 4, xã Tân Phước 3, tỉnh Đồng Tháp - ĐT: 0399 122 506 (Mr. Văn). Công văn đề nghị công bố giá số 078/CV.TCCO.TP ngày 01/06/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Đơn giá đã bao gồm chi phí cẩu bốc sản phẩm lên phương tiện của khách hàng tại nhà máy	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	460.000	460.000	460.000	460.000	460.000	460.000	460.000	460.000	460.000
726	Bê tông đúc sẵn	Cọc ống D400 loại C: Thép cường độ cao, thép chủ: 15D9.0, thép đai: D4; Lcọc=12m, Bề dày thành: 80mm, Mặt bích: thép tấm dày 14mm; Manchon: cao 60mm, dày 6mm, Cường độ bê tông mác 80 Mpa	m	TCVN 7888:2014		Công ty TNHH MTV Bê tông TICCO Tân Phước. Địa chỉ: Ấp 4, xã Tân Phước 3, tỉnh Đồng Tháp - ĐT: 0399 122 506 (Mr. Văn). Công văn đề nghị công bố giá số 078/CV.TCCO.TP ngày 01/06/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Đơn giá đã bao gồm chi phí cẩu bốc sản phẩm lên phương tiện của khách hàng tại nhà máy	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	630.000	630.000	630.000	630.000	630.000	630.000	630.000	630.000	630.000
727	Bê tông đúc sẵn	Cọc ống D500 loại C: Thép cường độ cao, thép chủ: 16D10.7, thép đai: D4, Lcọc 12m, Bề dày thành: 90mm, Mặt bích: thép tấm dày 16mm; Manchon: cao 150mm, dày 10mm, Cường độ bê tông mác 80 Mpa	m	TCVN 7888:2014		Công ty TNHH MTV Bê tông TICCO Tân Phước. Địa chỉ: Ấp 4, xã Tân Phước 3, tỉnh Đồng Tháp - ĐT: 0399 122 506 (Mr. Văn). Công văn đề nghị công bố giá số 078/CV.TCCO.TP ngày 01/06/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Đơn giá đã bao gồm chi phí cẩu bốc sản phẩm lên phương tiện của khách hàng tại nhà máy	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	890.000	890.000	890.000	890.000	890.000	890.000	890.000	890.000	890.000

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)(đồng)								
												Khu vực TP. Tây Ninh	Khu vực TX.Trảng Bàng	Khu vực TX. Hoà Thành	Khu vực H.Tân Biên	Khu vực H.Tân Châu	Khu vực H. Châu Thành	Khu vực H.Dương Minh Châu	Khu vực H. Bến Cầu	Khu vực H. Gò Dầu
728	Bê tông đúc sẵn	Cọc ống D600 loại C: Thép cường độ cao, thép chủ: 22D10.7, thép đai: D4; Lcọc=12m, Bề dày thành: 100mm, Mặt bích: thép tấm dày 18mm; Manchon: cao 150mm, dày 10mm, Cường độ bê tông mác 80 Mpa	m	TCVN 7888:2014		Công ty TNHH MTV Bê tông TICCO Tân Phước. Địa chỉ: Ấp 4, xã Tân Phước 3, tỉnh Đồng Tháp - ĐT: 0399 122 506 (Mr. Văn). Công văn đề nghị công bố giá số 078/CV.TCCO.TP ngày 01/06/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Đơn giá đã bao gồm chi phí cẩu bốc sản phẩm lên phương tiện của khách hàng tại nhà máy	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	1.320.000	1.320.000	1.320.000	1.320.000	1.320.000	1.320.000	1.320.000	1.320.000	1.320.000
729	Bê tông đúc sẵn	Cọc vuông BTCT 200x200mm, Thép chủ: 4D14, thép đai: D6, Lcọc 8m, BT mác 300, thép tấm đầu cọc: (200x200x6)mm	m	TCCS 01:2025/TICCO TP		Công ty TNHH MTV Bê tông TICCO Tân Phước. Địa chỉ: Ấp 4, xã Tân Phước 3, tỉnh Đồng Tháp - ĐT: 0399 122 506 (Mr. Văn). Công văn đề nghị công bố giá số 078/CV.TCCO.TP ngày 01/06/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Đơn giá đã bao gồm chi phí cẩu bốc sản phẩm lên phương tiện của khách hàng tại nhà máy	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	320.000	320.000	320.000	320.000	320.000	320.000	320.000	320.000	320.000
730	Bê tông đúc sẵn	Cọc vuông BTCT 250x250mm; Thép chủ: 4D16, thép đai: D6, Lcọc=8m; BT mác 300, Thép tấm đầu nối cọc: (250x250x6)mm	m	TCCS 01:2025/TICCO TP		Công ty TNHH MTV Bê tông TICCO Tân Phước. Địa chỉ: Ấp 4, xã Tân Phước 3, tỉnh Đồng Tháp - ĐT: 0399 122 506 (Mr. Văn). Công văn đề nghị công bố giá số 078/CV.TCCO.TP ngày 01/06/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Đơn giá đã bao gồm chi phí cẩu bốc sản phẩm lên phương tiện của khách hàng tại nhà máy	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	460.000	460.000	460.000	460.000	460.000	460.000	460.000	460.000	460.000
731	Bê tông đúc sẵn	Cọc vuông BTCT 250x250mm, Thép chủ 4D18, thép đai: D6, Lcọc 11.8m, BT mác 300, Thép tấm đầu cọc: (250x250x6)mm	m	TCCS 01:2025/TICCO TP		Công ty TNHH MTV Bê tông TICCO Tân Phước. Địa chỉ: Ấp 4, xã Tân Phước 3, tỉnh Đồng Tháp - ĐT: 0399 122 506 (Mr. Văn). Công văn đề nghị công bố giá số 078/CV.TCCO.TP ngày 01/06/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Đơn giá đã bao gồm chi phí cẩu bốc sản phẩm lên phương tiện của khách hàng tại nhà máy	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	490.000	490.000	490.000	490.000	490.000	490.000	490.000	490.000	490.000
732	Bê tông đúc sẵn	Cọc vuông BTCT 300x300mm, Thép chủ: 4D18, thép đai: D6, Lcọc=8m, BT mác 300, Thép tấm đầu cọc: (300x300x8)mm	m	TCCS 01:2025/TICCO TP		Công ty TNHH MTV Bê tông TICCO Tân Phước. Địa chỉ: Ấp 4, xã Tân Phước 3, tỉnh Đồng Tháp - ĐT: 0399 122 506 (Mr. Văn). Công văn đề nghị công bố giá số 078/CV.TCCO.TP ngày 01/06/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Đơn giá đã bao gồm chi phí cẩu bốc sản phẩm lên phương tiện của khách hàng tại nhà máy	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	610.000	610.000	610.000	610.000	610.000	610.000	610.000	610.000	610.000
733	Bê tông đúc sẵn	Cọc vuông BTCT 300x300mm, Thép chủ: 4D20, thép đai: D6; Lcọc 11.8m; BT mác 300, Thép tấm đầu cọc: (300x300x8)mm	m	TCCS 01:2025/TICCO TP		Công ty TNHH MTV Bê tông TICCO Tân Phước. Địa chỉ: Ấp 4, xã Tân Phước 3, tỉnh Đồng Tháp - ĐT: 0399 122 506 (Mr. Văn). Công văn đề nghị công bố giá số 078/CV.TCCO.TP ngày 01/06/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Đơn giá đã bao gồm chi phí cẩu bốc sản phẩm lên phương tiện của khách hàng tại nhà máy	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	670.000	670.000	670.000	670.000	670.000	670.000	670.000	670.000	670.000
734	Bê tông đúc sẵn	Cọc vuông BTCT 350x350mm, Thép chủ: 4D20, thép đai: D6, Lcọc=8m; BT mác 300, Thép tấm đầu cọc: (350x350x8)mm	m	TCCS 01:2025/TICCO TP		Công ty TNHH MTV Bê tông TICCO Tân Phước. Địa chỉ: Ấp 4, xã Tân Phước 3, tỉnh Đồng Tháp - ĐT: 0399 122 506 (Mr. Văn). Công văn đề nghị công bố giá số 078/CV.TCCO.TP ngày 01/06/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Đơn giá đã bao gồm chi phí cẩu bốc sản phẩm lên phương tiện của khách hàng tại nhà máy	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	790.000	790.000	790.000	790.000	790.000	790.000	790.000	790.000	790.000
735	Bê tông đúc sẵn	Cọc vuông BTCT 350x350mm, Thép chủ: 4D22, thép đai: D6, Lcọc 11.8m; BT mác 300, Thép tấm đầu cọc: (350x350x8)mm	m	TCCS 01:2025/TICCO TP		Công ty TNHH MTV Bê tông TICCO Tân Phước. Địa chỉ: Ấp 4, xã Tân Phước 3, tỉnh Đồng Tháp - ĐT: 0399 122 506 (Mr. Văn). Công văn đề nghị công bố giá số 078/CV.TCCO.TP ngày 01/06/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Đơn giá đã bao gồm chi phí cẩu bốc sản phẩm lên phương tiện của khách hàng tại nhà máy	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	810.000	810.000	810.000	810.000	810.000	810.000	810.000	810.000	810.000
736	Bê tông đúc sẵn	Cọc ván BTCT dự ứng lực W350-A, Cấp cường độ cao: 14D12.7; Lcọc=12m	m	JIS A 5373:2016		Công ty TNHH MTV Bê tông TICCO Tân Phước. Địa chỉ: Ấp 4, xã Tân Phước 3, tỉnh Đồng Tháp - ĐT: 0399 122 506 (Mr. Văn). Công văn đề nghị công bố giá số 078/CV.TCCO.TP ngày 01/06/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Đơn giá đã bao gồm chi phí cẩu bốc sản phẩm lên phương tiện của khách hàng tại nhà máy	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	1.320.000	1.320.000	1.320.000	1.320.000	1.320.000	1.320.000	1.320.000	1.320.000	1.320.000
737	Bê tông đúc sẵn	Cọc ván BTCT dự ứng lực W400-A, Cấp cường độ cao: 16D12.7, Lcọc 14m	m	JIS A 5373:2016		Công ty TNHH MTV Bê tông TICCO Tân Phước. Địa chỉ: Ấp 4, xã Tân Phước 3, tỉnh Đồng Tháp - ĐT: 0399 122 506 (Mr. Văn). Công văn đề nghị công bố giá số 078/CV.TCCO.TP ngày 01/06/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Đơn giá đã bao gồm chi phí cẩu bốc sản phẩm lên phương tiện của khách hàng tại nhà máy	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	1.560.000	1.560.000	1.560.000	1.560.000	1.560.000	1.560.000	1.560.000	1.560.000	1.560.000
738	Bê tông đúc sẵn	Cọc ván BTCT dự ứng lực W400-B, Cấp cường độ cao: 18D12.7, Lcọc 16m	m	JIS A 5373:2016		Công ty TNHH MTV Bê tông TICCO Tân Phước. Địa chỉ: Ấp 4, xã Tân Phước 3, tỉnh Đồng Tháp - ĐT: 0399 122 506 (Mr. Văn). Công văn đề nghị công bố giá số 078/CV.TCCO.TP ngày 01/06/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Đơn giá đã bao gồm chi phí cẩu bốc sản phẩm lên phương tiện của khách hàng tại nhà máy	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	1.630.000	1.630.000	1.630.000	1.630.000	1.630.000	1.630.000	1.630.000	1.630.000	1.630.000
739	Bê tông đúc sẵn	Cọc ván BTCT dự ứng lực W500-A, Cấp cường độ cao: 16D15.2, Lcọc 16m	m	JIS A 5373:2016		Công ty TNHH MTV Bê tông TICCO Tân Phước. Địa chỉ: Ấp 4, xã Tân Phước 3, tỉnh Đồng Tháp - ĐT: 0399 122 506 (Mr. Văn). Công văn đề nghị công bố giá số 078/CV.TCCO.TP ngày 01/06/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Đơn giá đã bao gồm chi phí cẩu bốc sản phẩm lên phương tiện của khách hàng tại nhà máy	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	1.740.000	1.740.000	1.740.000	1.740.000	1.740.000	1.740.000	1.740.000	1.740.000	1.740.000
740	Bê tông đúc sẵn	Cọc ván BTCT dự ứng lực W500-B, Cấp cường độ cao: 20D15.2, Lcọc 18m	m	JIS A 5373:2016		Công ty TNHH MTV Bê tông TICCO Tân Phước. Địa chỉ: Ấp 4, xã Tân Phước 3, tỉnh Đồng Tháp - ĐT: 0399 122 506 (Mr. Văn). Công văn đề nghị công bố giá số 078/CV.TCCO.TP ngày 01/06/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Đơn giá đã bao gồm chi phí cẩu bốc sản phẩm lên phương tiện của khách hàng tại nhà máy	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	1.920.000	1.920.000	1.920.000	1.920.000	1.920.000	1.920.000	1.920.000	1.920.000	1.920.000
741	Bê tông đúc sẵn	Cọc ván BTCT dự ứng lực W600-A, Cấp cường độ cao: 20D15.2, Lcọc=18m	m	JIS A 5373:2016		Công ty TNHH MTV Bê tông TICCO Tân Phước. Địa chỉ: Ấp 4, xã Tân Phước 3, tỉnh Đồng Tháp - ĐT: 0399 122 506 (Mr. Văn). Công văn đề nghị công bố giá số 078/CV.TCCO.TP ngày 01/06/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Đơn giá đã bao gồm chi phí cẩu bốc sản phẩm lên phương tiện của khách hàng tại nhà máy	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	2.000.000	2.000.000	2.000.000	2.000.000	2.000.000	2.000.000	2.000.000	2.000.000	2.000.000
742	Bê tông đúc sẵn	Cọc ván BTCT dự ứng lực W600-B, Cấp cường độ cao: 24D15.2; Lcọc 20m	m	JIS A 5373:2016		Công ty TNHH MTV Bê tông TICCO Tân Phước. Địa chỉ: Ấp 4, xã Tân Phước 3, tỉnh Đồng Tháp - ĐT: 0399 122 506 (Mr. Văn). Công văn đề nghị công bố giá số 078/CV.TCCO.TP ngày 01/06/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Đơn giá đã bao gồm chi phí cẩu bốc sản phẩm lên phương tiện của khách hàng tại nhà máy	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	2.170.000	2.170.000	2.170.000	2.170.000	2.170.000	2.170.000	2.170.000	2.170.000	2.170.000
743	Bê tông đúc sẵn	Cọc ván BTCT dự ứng lực W740-A, Cấp cường độ cao: 20D15.2, Lcọc 22m	m	JIS A 5373:2016		Công ty TNHH MTV Bê tông TICCO Tân Phước. Địa chỉ: Ấp 4, xã Tân Phước 3, tỉnh Đồng Tháp - ĐT: 0399 122 506 (Mr. Văn). Công văn đề nghị công bố giá số 078/CV.TCCO.TP ngày 01/06/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Đơn giá đã bao gồm chi phí cẩu bốc sản phẩm lên phương tiện của khách hàng tại nhà máy	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	2.300.000	2.300.000	2.300.000	2.300.000	2.300.000	2.300.000	2.300.000	2.300.000	2.300.000
744	Bê tông đúc sẵn	Cọc ván BTCT dự ứng lực W740-B, Cấp cường độ cao: 26D15.2, Lcọc=24m	m	JIS A 5373:2016		Công ty TNHH MTV Bê tông TICCO Tân Phước. Địa chỉ: Ấp 4, xã Tân Phước 3, tỉnh Đồng Tháp - ĐT: 0399 122 506 (Mr. Văn). Công văn đề nghị công bố giá số 078/CV.TCCO.TP ngày 01/06/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Đơn giá đã bao gồm chi phí cẩu bốc sản phẩm lên phương tiện của khách hàng tại nhà máy	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	2.470.000	2.470.000	2.470.000	2.470.000	2.470.000	2.470.000	2.470.000	2.470.000	2.470.000
745	Bê tông đúc sẵn	Cọc ván BTCT dự ứng lực W840-A, Cấp cường độ cao: 24D15.2, Lcọc 24m	m	JIS A 5373:2016		Công ty TNHH MTV Bê tông TICCO Tân Phước. Địa chỉ: Ấp 4, xã Tân Phước 3, tỉnh Đồng Tháp - ĐT: 0399 122 506 (Mr. Văn). Công văn đề nghị công bố giá số 078/CV.TCCO.TP ngày 01/06/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Đơn giá đã bao gồm chi phí cẩu bốc sản phẩm lên phương tiện của khách hàng tại nhà máy	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	2.550.000	2.550.000	2.550.000	2.550.000	2.550.000	2.550.000	2.550.000	2.550.000	2.550.000
746	Bê tông đúc sẵn	Cọc ván BTCT dự ứng lực W840-B, Cấp cường độ cao: 30D15.2, Lcọc 24m	m	JIS A 5373:2016		Công ty TNHH MTV Bê tông TICCO Tân Phước. Địa chỉ: Ấp 4, xã Tân Phước 3, tỉnh Đồng Tháp - ĐT: 0399 122 506 (Mr. Văn). Công văn đề nghị công bố giá số 078/CV.TCCO.TP ngày 01/06/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Đơn giá đã bao gồm chi phí cẩu bốc sản phẩm lên phương tiện của khách hàng tại nhà máy	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	2.800.000	2.800.000	2.800.000	2.800.000	2.800.000	2.800.000	2.800.000	2.800.000	2.800.000
747	Bê tông đúc sẵn	Dầm BTCT DUL T280 TT H8; L=6m-9m	m	TCVN 9114:2019		Công ty TNHH MTV Bê tông TICCO Tân Phước. Địa chỉ: Ấp 4, xã Tân Phước 3, tỉnh Đồng Tháp - ĐT: 0399 122 506 (Mr. Văn). Công văn đề nghị công bố giá số 078/CV.TCCO.TP ngày 01/06/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Đơn giá đã bao gồm chi phí cẩu bốc sản phẩm lên phương tiện của khách hàng tại nhà máy	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	650.000	650.000	650.000	650.000	650.000	650.000	650.000	650.000	650.000
748	Bê tông đúc sẵn	Dầm BTCT DUL T400 TT H8; L=9-12m	m	TCVN 9114:2019		Công ty TNHH MTV Bê tông TICCO Tân Phước. Địa chỉ: Ấp 4, xã Tân Phước 3, tỉnh Đồng Tháp - ĐT: 0399 122 506 (Mr. Văn). Công văn đề nghị công bố giá số 078/CV.TCCO.TP ngày 01/06/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Đơn giá đã bao gồm chi phí cẩu bốc sản phẩm lên phương tiện của khách hàng tại nhà máy	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	800.000	800.000	800.000	800.000	800.000	800.000	800.000	800.000	800.000
749	Bê tông đúc sẵn	Dầm BTCT DUL T280 TT 0.5HL93; L=6m-9m	m	TCVN 9114:2019		Công ty TNHH MTV Bê tông TICCO Tân Phước. Địa chỉ: Ấp 4, xã Tân Phước 3, tỉnh Đồng Tháp - ĐT: 0399 122 506 (Mr. Văn). Công văn đề nghị công bố giá số 078/CV.TCCO.TP ngày 01/06/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Đơn giá đã bao gồm chi phí cẩu bốc sản phẩm lên phương tiện của khách hàng tại nhà máy	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	1.380.000	1.380.000	1.380.000	1.380.000	1.380.000	1.380.000	1.380.000	1.380.000	1.380.000
750	Bê tông đúc sẵn	Dầm BTCT DUL T400 TT 0.5HL93; L=9-12m	m	TCVN 9114:2019		Công ty TNHH MTV Bê tông TICCO Tân Phước. Địa chỉ: Ấp 4, xã Tân Phước 3, tỉnh Đồng Tháp - ĐT: 0399 122 506 (Mr. Văn). Công văn đề nghị công bố giá số 078/CV.TCCO.TP ngày 01/06/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Đơn giá đã bao gồm chi phí cẩu bốc sản phẩm lên phương tiện của khách hàng tại nhà máy	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	1.440.000	1.440.000	1.440.000	1.440.000	1.440.000	1.440.000	1.440.000	1.440.000	1.440.000
751	Bê tông đúc sẵn	Dầm BTCT DUL T500 TT 0.5HL93; L=15m	dầm	TCVN 9114:2019		Công ty TNHH MTV Bê tông TICCO Tân Phước. Địa chỉ: Ấp 4, xã Tân Phước 3, tỉnh Đồng Tháp - ĐT: 0399 122 506 (Mr. Văn). Công văn đề nghị công bố giá số 078/CV.TCCO.TP ngày 01/06/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Đơn giá đã bao gồm chi phí cẩu bốc sản phẩm lên phương tiện của khách hàng tại nhà máy	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	25.000.000	25.000.000	25.000.000	25.000.000	25.000.000	25.000.000	25.000.000	25.000.000	25.000.000

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)(đồng)								
												Khu vực TP. Tây Ninh	Khu vực TX.Trảng Bàng	Khu vực TX. Hoà Thành	Khu vực H.Tân Biên	Khu vực H.Tân Châu	Khu vực H. Châu Thành	Khu vực H.Dương Minh Châu	Khu vực H. Bến Cầu	Khu vực H. Gò Dầu
752	Bê tông đúc sẵn	Dầm BTCT DƯL T650 TT 0.5HL93; L=18m	dầm	TCVN 9114:2019		Công ty TNHH MTV Bê tông TICCO Tân Phước. Địa chỉ: Ấp 4, xã Tân Phước 3, tỉnh Đồng Tháp - ĐT: 0399 122 506 (Mr. Văn). Công văn đề nghị công bố giá số 078/CV.TCCO.TP ngày 01/06/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Đơn giá đã bao gồm chi phí cẩu bốc sản phẩm lên phương tiện của khách hàng tại nhà máy	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	30.000.000	30.000.000	30.000.000	30.000.000	30.000.000	30.000.000	30.000.000	30.000.000	30.000.000
753	Bê tông đúc sẵn	Gối cao su bản thép (100x300x28)mm	cái	-		Công ty TNHH MTV Bê tông TICCO Tân Phước. Địa chỉ: Ấp 4, xã Tân Phước 3, tỉnh Đồng Tháp - ĐT: 0399 122 506 (Mr. Văn). Công văn đề nghị công bố giá số 078/CV.TCCO.TP ngày 01/06/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Đơn giá đã bao gồm chi phí cẩu bốc sản phẩm lên phương tiện của khách hàng tại nhà máy	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	230.000	230.000	230.000	230.000	230.000	230.000	230.000	230.000	230.000
754	Bê tông đúc sẵn	Gối cao su bản thép (150x300x39)mm	cái	-		Công ty TNHH MTV Bê tông TICCO Tân Phước. Địa chỉ: Ấp 4, xã Tân Phước 3, tỉnh Đồng Tháp - ĐT: 0399 122 506 (Mr. Văn). Công văn đề nghị công bố giá số 078/CV.TCCO.TP ngày 01/06/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Đơn giá đã bao gồm chi phí cẩu bốc sản phẩm lên phương tiện của khách hàng tại nhà máy	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	470.000	470.000	470.000	470.000	470.000	470.000	470.000	470.000	470.000
755	Bê tông đúc sẵn	Gối cao su bản thép (150x300x42)mm	cái	-		Công ty TNHH MTV Bê tông TICCO Tân Phước. Địa chỉ: Ấp 4, xã Tân Phước 3, tỉnh Đồng Tháp - ĐT: 0399 122 506 (Mr. Văn). Công văn đề nghị công bố giá số 078/CV.TCCO.TP ngày 01/06/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Đơn giá đã bao gồm chi phí cẩu bốc sản phẩm lên phương tiện của khách hàng tại nhà máy	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	490.000	490.000	490.000	490.000	490.000	490.000	490.000	490.000	490.000
756	Bê tông đúc sẵn	Gối cao su bản thép (150x300x44)mm	cái	-		Công ty TNHH MTV Bê tông TICCO Tân Phước. Địa chỉ: Ấp 4, xã Tân Phước 3, tỉnh Đồng Tháp - ĐT: 0399 122 506 (Mr. Văn). Công văn đề nghị công bố giá số 078/CV.TCCO.TP ngày 01/06/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Đơn giá đã bao gồm chi phí cẩu bốc sản phẩm lên phương tiện của khách hàng tại nhà máy	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	505.000	505.000	505.000	505.000	505.000	505.000	505.000	505.000	505.000
757	Bê tông đúc sẵn	Dầm BTCT DƯL I550 TT HL93; L=12.5m	dầm	TCVN 9114:2019		Công ty TNHH MTV Bê tông TICCO Tân Phước. Địa chỉ: Ấp 4, xã Tân Phước 3, tỉnh Đồng Tháp - ĐT: 0399 122 506 (Mr. Văn). Công văn đề nghị công bố giá số 078/CV.TCCO.TP ngày 01/06/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Đơn giá đã bao gồm chi phí cẩu bốc sản phẩm lên phương tiện của khách hàng tại nhà máy	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	30.000.000	30.000.000	30.000.000	30.000.000	30.000.000	30.000.000	30.000.000	30.000.000	30.000.000
758	Bê tông đúc sẵn	Dầm BTCT DƯL I700 TT HL93; L=18.6m	dầm	TCVN 9114:2019		Công ty TNHH MTV Bê tông TICCO Tân Phước. Địa chỉ: Ấp 4, xã Tân Phước 3, tỉnh Đồng Tháp - ĐT: 0399 122 506 (Mr. Văn). Công văn đề nghị công bố giá số 078/CV.TCCO.TP ngày 01/06/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Đơn giá đã bao gồm chi phí cẩu bốc sản phẩm lên phương tiện của khách hàng tại nhà máy	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	60.000.000	60.000.000	60.000.000	60.000.000	60.000.000	60.000.000	60.000.000	60.000.000	60.000.000
759	Bê tông đúc sẵn	Dầm BTCT DƯL I24.54 TT HL93; L=24.54m	dầm	TCVN 9114:2019		Công ty TNHH MTV Bê tông TICCO Tân Phước. Địa chỉ: Ấp 4, xã Tân Phước 3, tỉnh Đồng Tháp - ĐT: 0399 122 506 (Mr. Văn). Công văn đề nghị công bố giá số 078/CV.TCCO.TP ngày 01/06/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Đơn giá đã bao gồm chi phí cẩu bốc sản phẩm lên phương tiện của khách hàng tại nhà máy	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	90.000.000	90.000.000	90.000.000	90.000.000	90.000.000	90.000.000	90.000.000	90.000.000	90.000.000
760	Bê tông đúc sẵn	Dầm BTCT DƯL I33 TT HL93; L=33m	dầm	TCVN 9114:2019		Công ty TNHH MTV Bê tông TICCO Tân Phước. Địa chỉ: Ấp 4, xã Tân Phước 3, tỉnh Đồng Tháp - ĐT: 0399 122 506 (Mr. Văn). Công văn đề nghị công bố giá số 078/CV.TCCO.TP ngày 01/06/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Đơn giá đã bao gồm chi phí cẩu bốc sản phẩm lên phương tiện của khách hàng tại nhà máy	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	150.000.000	150.000.000	150.000.000	150.000.000	150.000.000	150.000.000	150.000.000	150.000.000	150.000.000
761	Bê tông đúc sẵn	Dầm BTCT DƯL Super T L=38.2m	dầm	TCVN 9114:2019		Công ty TNHH MTV Bê tông TICCO Tân Phước. Địa chỉ: Ấp 4, xã Tân Phước 3, tỉnh Đồng Tháp - ĐT: 0399 122 506 (Mr. Văn). Công văn đề nghị công bố giá số 078/CV.TCCO.TP ngày 01/06/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Đơn giá đã bao gồm chi phí cẩu bốc sản phẩm lên phương tiện của khách hàng tại nhà máy	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	340.000.000	340.000.000	340.000.000	340.000.000	340.000.000	340.000.000	340.000.000	340.000.000	340.000.000
762	Bê tông đúc sẵn	Dầm BTCT DƯL T Ngược TT HL93; L=15m	dầm	TCVN 9114:2019		Công ty TNHH MTV Bê tông TICCO Tân Phước. Địa chỉ: Ấp 4, xã Tân Phước 3, tỉnh Đồng Tháp - ĐT: 0399 122 506 (Mr. Văn). Công văn đề nghị công bố giá số 078/CV.TCCO.TP ngày 01/06/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Đơn giá đã bao gồm chi phí cẩu bốc sản phẩm lên phương tiện của khách hàng tại nhà máy	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	50.000.000	50.000.000	50.000.000	50.000.000	50.000.000	50.000.000	50.000.000	50.000.000	50.000.000
763	Bê tông đúc sẵn	Dầm BTCT DƯL T Ngược TT HL93; L=20m	dầm	TCVN 9114:2019		Công ty TNHH MTV Bê tông TICCO Tân Phước. Địa chỉ: Ấp 4, xã Tân Phước 3, tỉnh Đồng Tháp - ĐT: 0399 122 506 (Mr. Văn). Công văn đề nghị công bố giá số 078/CV.TCCO.TP ngày 01/06/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Đơn giá đã bao gồm chi phí cẩu bốc sản phẩm lên phương tiện của khách hàng tại nhà máy	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	70.000.000	70.000.000	70.000.000	70.000.000	70.000.000	70.000.000	70.000.000	70.000.000	70.000.000
764	Bê tông đúc sẵn	Dầm BTCT DƯL T Ngược TT HL93; L=25m	dầm	TCVN 9114:2019		Công ty TNHH MTV Bê tông TICCO Tân Phước. Địa chỉ: Ấp 4, xã Tân Phước 3, tỉnh Đồng Tháp - ĐT: 0399 122 506 (Mr. Văn). Công văn đề nghị công bố giá số 078/CV.TCCO.TP ngày 01/06/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Đơn giá đã bao gồm chi phí cẩu bốc sản phẩm lên phương tiện của khách hàng tại nhà máy	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	90.000.000	90.000.000	90.000.000	90.000.000	90.000.000	90.000.000	90.000.000	90.000.000	90.000.000
765	Bê tông đúc sẵn	Dầm BTCT DƯL T Ngược TT HL93 L=33m	dầm	TCVN 9114:2019		Công ty TNHH MTV Bê tông TICCO Tân Phước. Địa chỉ: Ấp 4, xã Tân Phước 3, tỉnh Đồng Tháp - ĐT: 0399 122 506 (Mr. Văn). Công văn đề nghị công bố giá số 078/CV.TCCO.TP ngày 01/06/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Đơn giá đã bao gồm chi phí cẩu bốc sản phẩm lên phương tiện của khách hàng tại nhà máy	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	150.000.000	150.000.000	150.000.000	150.000.000	150.000.000	150.000.000	150.000.000	150.000.000	150.000.000
766	Bê tông đúc sẵn	Cống rung ép Ø300 T (L=2.5-3.0m) d5cm	m	TCVN 9113:2012		Công ty TNHH XDCT Hùng Vương. Đc: 670-672 Ba Tháng Hai, P.Diên Hồng, TP.HCM. Công văn đề nghị công bố giá số 34A CVHV.26 ngày 01/06/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Tại công trình	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	456.000	456.000	456.000	456.000	456.000	456.000	456.000	456.000	456.000
767	Bê tông đúc sẵn	Cống rung ép Ø400 T (L=2.5-3.0m) d5.5cm	m	TCVN 9113:2012		Công ty TNHH XDCT Hùng Vương. Đc: 670-672 Ba Tháng Hai, P.Diên Hồng, TP.HCM. Công văn đề nghị công bố giá số 34A CVHV.26 ngày 01/06/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Tại công trình	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	555.000	555.000	555.000	555.000	555.000	555.000	555.000	555.000	555.000
768	Bê tông đúc sẵn	Cống rung ép Ø600 T (L=2.5-3.0m) d7cm	m	TCVN 9113:2012		Công ty TNHH XDCT Hùng Vương. Đc: 670-672 Ba Tháng Hai, P.Diên Hồng, TP.HCM. Công văn đề nghị công bố giá số 34A CVHV.26 ngày 01/06/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Tại công trình	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	850.000	850.000	850.000	850.000	850.000	850.000	850.000	850.000	850.000
769	Bê tông đúc sẵn	Cống rung ép Ø800 T (L=2.5-3.0m) d8cm	m	TCVN 9113:2012		Công ty TNHH XDCT Hùng Vương. Đc: 670-672 Ba Tháng Hai, P.Diên Hồng, TP.HCM. Công văn đề nghị công bố giá số 34A CVHV.26 ngày 01/06/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Tại công trình	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	1.368.000	1.368.000	1.368.000	1.368.000	1.368.000	1.368.000	1.368.000	1.368.000	1.368.000
770	Bê tông đúc sẵn	Cống rung ép Ø1000 T (L=2.5-3.0m) d 10cm	m	TCVN 9113:2012		Công ty TNHH XDCT Hùng Vương. Đc: 670-672 Ba Tháng Hai, P.Diên Hồng, TP.HCM. Công văn đề nghị công bố giá số 34A CVHV.26 ngày 01/06/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Tại công trình	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	1.995.000	1.995.000	1.995.000	1.995.000	1.995.000	1.995.000	1.995.000	1.995.000	1.995.000
771	Bê tông đúc sẵn	Cống rung ép Ø1200 T (L=2.5-3.0m) d 12cm	m	TCVN 9113:2012		Công ty TNHH XDCT Hùng Vương. Đc: 670-672 Ba Tháng Hai, P.Diên Hồng, TP.HCM. Công văn đề nghị công bố giá số 34A CVHV.26 ngày 01/06/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Tại công trình	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	3.290.000	3.290.000	3.290.000	3.290.000	3.290.000	3.290.000	3.290.000	3.290.000	3.290.000
772	Bê tông đúc sẵn	Cống rung ép Ø1500 T (L=2.5-3.0m) d14cm	m	TCVN 9113:2012		Công ty TNHH XDCT Hùng Vương. Đc: 670-672 Ba Tháng Hai, P.Diên Hồng, TP.HCM. Công văn đề nghị công bố giá số 34A CVHV.26 ngày 01/06/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Tại công trình	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	4.942.000	4.942.000	4.942.000	4.942.000	4.942.000	4.942.000	4.942.000	4.942.000	4.942.000
773	Bê tông đúc sẵn	Cống rung ép Ø1800 T (L=2.5-3.0m) d155cm	m	TCVN 9113:2012		Công ty TNHH XDCT Hùng Vương. Đc: 670-672 Ba Tháng Hai, P.Diên Hồng, TP.HCM. Công văn đề nghị công bố giá số 34A CVHV.26 ngày 01/06/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Tại công trình	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	6.122.000	6.122.000	6.122.000	6.122.000	6.122.000	6.122.000	6.122.000	6.122.000	6.122.000
774	Bê tông đúc sẵn	Cống rung ép Ø2000 T (L=2.5-3.0m) d16cm	m	TCVN 9113:2012		Công ty TNHH XDCT Hùng Vương. Đc: 670-672 Ba Tháng Hai, P.Diên Hồng, TP.HCM. Công văn đề nghị công bố giá số 34A CVHV.26 ngày 01/06/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Tại công trình	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	7.376.000	7.376.000	7.376.000	7.376.000	7.376.000	7.376.000	7.376.000	7.376.000	7.376.000
775	Bê tông đúc sẵn	Cống rung ép Ø300 TC (L=2.5-3.0m) d5cm	m	TCVN 9113:2012		Công ty TNHH XDCT Hùng Vương. Đc: 670-672 Ba Tháng Hai, P.Diên Hồng, TP.HCM. Công văn đề nghị công bố giá số 34A CVHV.26 ngày 01/06/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Tại công trình	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	462.000	462.000	462.000	462.000	462.000	462.000	462.000	462.000	462.000

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)(đồng)								
												Khu vực TP. Tây Ninh	Khu vực TX.Trảng Bàng	Khu vực TX. Hoà Thành	Khu vực H.Tân Biên	Khu vực H.Tân Châu	Khu vực H. Châu Thành	Khu vực H.Dương Minh Châu	Khu vực H. Bến Cầu	Khu vực H. Gò Dầu
776	Bê tông đúc sẵn	Cống rung ép Ø400 TC (L=2.5-3.0m) d5.5cm	m			Công ty TNHH XDCT Hùng Vương. Đc: 670-672 Ba Tháng Hai, P.Điện Hồng, TP.HCM. Công văn đề nghị công bố giá số 34A CVHV.26 ngày 01/06/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Tại công trình	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	576.000	576.000	576.000	576.000	576.000	576.000	576.000	576.000	576.000
777	Bê tông đúc sẵn	Cống rung ép Ø600 TC (L=2.5-3.0m) d7cm	m	TCVN 9113:2012		Công ty TNHH XDCT Hùng Vương. Đc: 670-672 Ba Tháng Hai, P.Điện Hồng, TP.HCM. Công văn đề nghị công bố giá số 34A CVHV.26 ngày 01/06/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Tại công trình	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	923.000	923.000	923.000	923.000	923.000	923.000	923.000	923.000	923.000
778	Bê tông đúc sẵn	Cống rung ép Ø800 TC (L=2.5-3.0m) d8cm	m	TCVN 9113:2012		Công ty TNHH XDCT Hùng Vương. Đc: 670-672 Ba Tháng Hai, P.Điện Hồng, TP.HCM. Công văn đề nghị công bố giá số 34A CVHV.26 ngày 01/06/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Tại công trình	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	1.504.000	1.504.000	1.504.000	1.504.000	1.504.000	1.504.000	1.504.000	1.504.000	1.504.000
779	Bê tông đúc sẵn	Cống rung ép Ø1000 TC (L=2.5-3.0m) d10cm	m	TCVN 9113:2012		Công ty TNHH XDCT Hùng Vương. Đc: 670-672 Ba Tháng Hai, P.Điện Hồng, TP.HCM. Công văn đề nghị công bố giá số 34A CVHV.26 ngày 01/06/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Tại công trình	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	2.323.000	2.323.000	2.323.000	2.323.000	2.323.000	2.323.000	2.323.000	2.323.000	2.323.000
780	Bê tông đúc sẵn	Cống rung ép Ø1200 TC (L=2.5-3.0m) d12cm	m	TCVN 9113:2012		Công ty TNHH XDCT Hùng Vương. Đc: 670-672 Ba Tháng Hai, P.Điện Hồng, TP.HCM. Công văn đề nghị công bố giá số 34A CVHV.26 ngày 01/06/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Tại công trình	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	3.624.000	3.624.000	3.624.000	3.624.000	3.624.000	3.624.000	3.624.000	3.624.000	3.624.000
781	Bê tông đúc sẵn	Cống rung ép Ø1500 TC (L=2.5-3.0m) d14cm	m	TCVN 9113:2012		Công ty TNHH XDCT Hùng Vương. Đc: 670-672 Ba Tháng Hai, P.Điện Hồng, TP.HCM. Công văn đề nghị công bố giá số 34A CVHV.26 ngày 01/06/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Tại công trình	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	5.422.000	5.422.000	5.422.000	5.422.000	5.422.000	5.422.000	5.422.000	5.422.000	5.422.000
782	Bê tông đúc sẵn	Cống rung ép Ø1800 TC (L=2.5-3.0m) d15cm	m	TCVN 9113:2012		Công ty TNHH XDCT Hùng Vương. Đc: 670-672 Ba Tháng Hai, P.Điện Hồng, TP.HCM. Công văn đề nghị công bố giá số 34A CVHV.26 ngày 01/06/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Tại công trình	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	6.856.000	6.856.000	6.856.000	6.856.000	6.856.000	6.856.000	6.856.000	6.856.000	6.856.000
783	Bê tông đúc sẵn	Cống rung ép Ø2000 TC (L=2.5-3.0m) d16cm	m	TCVN 9113:2012		Công ty TNHH XDCT Hùng Vương. Đc: 670-672 Ba Tháng Hai, P.Điện Hồng, TP.HCM. Công văn đề nghị công bố giá số 34A CVHV.26 ngày 01/06/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Tại công trình	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	8.771.000	8.771.000	8.771.000	8.771.000	8.771.000	8.771.000	8.771.000	8.771.000	8.771.000
784	Bê tông đúc sẵn	Cống rung ép Ø400 c (L=2.5-3.0m) d5.5cm	m	TCVN 9113:2012		Công ty TNHH XDCT Hùng Vương. Đc: 670-672 Ba Tháng Hai, P.Điện Hồng, TP.HCM. Công văn đề nghị công bố giá số 34A CVHV.26 ngày 01/06/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Tại công trình	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	590.000	590.000	590.000	590.000	590.000	590.000	590.000	590.000	590.000
785	Bê tông đúc sẵn	Cống rung ép Ø600 c (L=2.5-3.0m) d7cm	m	TCVN 9113:2012		Công ty TNHH XDCT Hùng Vương. Đc: 670-672 Ba Tháng Hai, P.Điện Hồng, TP.HCM. Công văn đề nghị công bố giá số 34A CVHV.26 ngày 01/06/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Tại công trình	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	963.000	963.000	963.000	963.000	963.000	963.000	963.000	963.000	963.000
786	Bê tông đúc sẵn	Cống rung ép Ø800 c (L=2.5-3.0m) d8cm	m	TCVN 9113:2012		Công ty TNHH XDCT Hùng Vương. Đc: 670-672 Ba Tháng Hai, P.Điện Hồng, TP.HCM. Công văn đề nghị công bố giá số 34A CVHV.26 ngày 01/06/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Tại công trình	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	1.707.000	1.707.000	1.707.000	1.707.000	1.707.000	1.707.000	1.707.000	1.707.000	1.707.000
787	Bê tông đúc sẵn	Cống rung ép Ø1000 c (L=2.5-3.0m) d10cm	m	TCVN 9113:2012		Công ty TNHH XDCT Hùng Vương. Đc: 670-672 Ba Tháng Hai, P.Điện Hồng, TP.HCM. Công văn đề nghị công bố giá số 34A CVHV.26 ngày 01/06/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Tại công trình	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	2.528.000	2.528.000	2.528.000	2.528.000	2.528.000	2.528.000	2.528.000	2.528.000	2.528.000
788	Bê tông đúc sẵn	Cống rung ép Ø1200 c (L=2.5-3.0m) d12cm	m	TCVN 9113:2012		Công ty TNHH XDCT Hùng Vương. Đc: 670-672 Ba Tháng Hai, P.Điện Hồng, TP.HCM. Công văn đề nghị công bố giá số 34A CVHV.26 ngày 01/06/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Tại công trình	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	3.782.000	3.782.000	3.782.000	3.782.000	3.782.000	3.782.000	3.782.000	3.782.000	3.782.000
789	Bê tông đúc sẵn	Cống rung ép Ø1500 c (L=2.5-3.0m) d14cm	m	TCVN 9113:2012		Công ty TNHH XDCT Hùng Vương. Đc: 670-672 Ba Tháng Hai, P.Điện Hồng, TP.HCM. Công văn đề nghị công bố giá số 34A CVHV.26 ngày 01/06/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Tại công trình	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	5.582.000	5.582.000	5.582.000	5.582.000	5.582.000	5.582.000	5.582.000	5.582.000	5.582.000
790	Bê tông đúc sẵn	Cống rung ép Ø1800 c (L=2.5-3.0m) d15cm	m	TCVN 9113:2012		Công ty TNHH XDCT Hùng Vương. Đc: 670-672 Ba Tháng Hai, P.Điện Hồng, TP.HCM. Công văn đề nghị công bố giá số 34A CVHV.26 ngày 01/06/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Tại công trình	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	8.117.000	8.117.000	8.117.000	8.117.000	8.117.000	8.117.000	8.117.000	8.117.000	8.117.000
791	Bê tông đúc sẵn	Cống rung ép Ø2000 c (L=2.5-3.0m) d16cm	m	TCVN 9113:2012		Công ty TNHH XDCT Hùng Vương. Đc: 670-672 Ba Tháng Hai, P.Điện Hồng, TP.HCM. Công văn đề nghị công bố giá số 34A CVHV.26 ngày 01/06/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Tại công trình	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	9.206.000	9.206.000	9.206.000	9.206.000	9.206.000	9.206.000	9.206.000	9.206.000	9.206.000
792	Bê tông đúc sẵn	Cống ly tâm Ø300 T (L=4.0m) d5cm	m	TCVN 9113:2012		Công ty TNHH XDCT Hùng Vương. Đc: 670-672 Ba Tháng Hai, P.Điện Hồng, TP.HCM. Công văn đề nghị công bố giá số 34A CVHV.26 ngày 01/06/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Tại công trình	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	518.000	518.000	518.000	518.000	518.000	518.000	518.000	518.000	518.000
793	Bê tông đúc sẵn	Cống ly tâm Ø400 T (L=4.0m) d5cm	m	TCVN 9113:2012		Công ty TNHH XDCT Hùng Vương. Đc: 670-672 Ba Tháng Hai, P.Điện Hồng, TP.HCM. Công văn đề nghị công bố giá số 34A CVHV.26 ngày 01/06/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Tại công trình	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	627.000	627.000	627.000	627.000	627.000	627.000	627.000	627.000	627.000
794	Bê tông đúc sẵn	Cống ly tâm Ø600 T (L=4.0m) d6cm	m	TCVN 9113:2012		Công ty TNHH XDCT Hùng Vương. Đc: 670-672 Ba Tháng Hai, P.Điện Hồng, TP.HCM. Công văn đề nghị công bố giá số 34A CVHV.26 ngày 01/06/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Tại công trình	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	928.000	928.000	928.000	928.000	928.000	928.000	928.000	928.000	928.000
795	Bê tông đúc sẵn	Cống ly tâm Ø800 T (L=4.0m) d8cm	m	TCVN 9113:2012		Công ty TNHH XDCT Hùng Vương. Đc: 670-672 Ba Tháng Hai, P.Điện Hồng, TP.HCM. Công văn đề nghị công bố giá số 34A CVHV.26 ngày 01/06/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Tại công trình	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	1.475.000	1.475.000	1.475.000	1.475.000	1.475.000	1.475.000	1.475.000	1.475.000	1.475.000
796	Bê tông đúc sẵn	Cống ly tâm Ø1000 T (L=4.0m) d9cm	m	TCVN 9113:2012		Công ty TNHH XDCT Hùng Vương. Đc: 670-672 Ba Tháng Hai, P.Điện Hồng, TP.HCM. Công văn đề nghị công bố giá số 34A CVHV.26 ngày 01/06/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Tại công trình	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	2.245.000	2.245.000	2.245.000	2.245.000	2.245.000	2.245.000	2.245.000	2.245.000	2.245.000
797	Bê tông đúc sẵn	Cống ly tâm Ø1200 T (L=3.0m) d12cm	m	TCVN 9113:2012		Công ty TNHH XDCT Hùng Vương. Đc: 670-672 Ba Tháng Hai, P.Điện Hồng, TP.HCM. Công văn đề nghị công bố giá số 34A CVHV.26 ngày 01/06/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Tại công trình	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	3.744.000	3.744.000	3.744.000	3.744.000	3.744.000	3.744.000	3.744.000	3.744.000	3.744.000
798	Bê tông đúc sẵn	Cống ly tâm Ø1500 T (L=3.0m) d14cm	m	TCVN 9113:2012		Công ty TNHH XDCT Hùng Vương. Đc: 670-672 Ba Tháng Hai, P.Điện Hồng, TP.HCM. Công văn đề nghị công bố giá số 34A CVHV.26 ngày 01/06/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Tại công trình	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	5.526.000	5.526.000	5.526.000	5.526.000	5.526.000	5.526.000	5.526.000	5.526.000	5.526.000
799	Bê tông đúc sẵn	Cống ly tâm Ø1800 T (L=3.0m) d15cm	m	TCVN 9113:2012		Công ty TNHH XDCT Hùng Vương. Đc: 670-672 Ba Tháng Hai, P.Điện Hồng, TP.HCM. Công văn đề nghị công bố giá số 34A CVHV.26 ngày 01/06/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Tại công trình	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	7.000.000	7.000.000	7.000.000	7.000.000	7.000.000	7.000.000	7.000.000	7.000.000	7.000.000

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)(đồng)								
												Khu vực TP. Tây Ninh	Khu vực TX.Trảng Bàng	Khu vực TX. Hoà Thành	Khu vực H.Tân Biên	Khu vực H.Tân Châu	Khu vực H. Châu Thành	Khu vực H.Dương Minh Châu	Khu vực H. Bến Cầu	Khu vực H. Gò Dầu
800	Bê tông đúc sẵn	Cống ly tâm Ø2000 T (L=3.0m) d16cm	m	TCVN 9113:2012		Công ty TNHH XDCT Hùng Vương. Đc: 670-672 Ba Tháng Hai, P.Diên Hồng, TP.HCM. Công văn đề nghị công bố giá số 34A CVHV.26 ngày 01/06/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Tại công trình	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	8.429.000	8.429.000	8.429.000	8.429.000	8.429.000	8.429.000	8.429.000	8.429.000	8.429.000
801	Bê tông đúc sẵn	Cống ly tâm Ø300 TC (L=4.0m) d5cm	m	TCVN 9113:2012		Công ty TNHH XDCT Hùng Vương. Đc: 670-672 Ba Tháng Hai, P.Diên Hồng, TP.HCM. Công văn đề nghị công bố giá số 34A CVHV.26 ngày 01/06/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Tại công trình	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	525.000	525.000	525.000	525.000	525.000	525.000	525.000	525.000	525.000
802	Bê tông đúc sẵn	Cống ly tâm Ø400 TC (L=4.0m) d5cm	m	TCVN 9113:2012		Công ty TNHH XDCT Hùng Vương. Đc: 670-672 Ba Tháng Hai, P.Diên Hồng, TP.HCM. Công văn đề nghị công bố giá số 34A CVHV.26 ngày 01/06/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Tại công trình	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	653.000	653.000	653.000	653.000	653.000	653.000	653.000	653.000	653.000
803	Bê tông đúc sẵn	Cống ly tâm Ø600 TC (L=4.0m) d6cm	m	TCVN 9113:2012		Công ty TNHH XDCT Hùng Vương. Đc: 670-672 Ba Tháng Hai, P.Diên Hồng, TP.HCM. Công văn đề nghị công bố giá số 34A CVHV.26 ngày 01/06/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Tại công trình	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	1.022.000	1.022.000	1.022.000	1.022.000	1.022.000	1.022.000	1.022.000	1.022.000	1.022.000
804	Bê tông đúc sẵn	Cống ly tâm Ø800 TC (L=4.0m) d8cm	m	TCVN 9113:2012		Công ty TNHH XDCT Hùng Vương. Đc: 670-672 Ba Tháng Hai, P.Diên Hồng, TP.HCM. Công văn đề nghị công bố giá số 34A CVHV.26 ngày 01/06/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Tại công trình	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	1.618.000	1.618.000	1.618.000	1.618.000	1.618.000	1.618.000	1.618.000	1.618.000	1.618.000
805	Bê tông đúc sẵn	Cống ly tâm Ø1000 TC (L=4.0m)d9cm	m	TCVN 9113:2012		Công ty TNHH XDCT Hùng Vương. Đc: 670-672 Ba Tháng Hai, P.Diên Hồng, TP.HCM. Công văn đề nghị công bố giá số 34A CVHV.26 ngày 01/06/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Tại công trình	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	2.605.000	2.605.000	2.605.000	2.605.000	2.605.000	2.605.000	2.605.000	2.605.000	2.605.000
806	Bê tông đúc sẵn	Cống ly tâm Ø1200 TC (L=3.0m) d12cm	m	TCVN 9113:2012		Công ty TNHH XDCT Hùng Vương. Đc: 670-672 Ba Tháng Hai, P.Diên Hồng, TP.HCM. Công văn đề nghị công bố giá số 34A CVHV.26 ngày 01/06/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Tại công trình	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	4.093.000	4.093.000	4.093.000	4.093.000	4.093.000	4.093.000	4.093.000	4.093.000	4.093.000
807	Bê tông đúc sẵn	Cống ly tâm Ø1500 TC (L=3.0m) d14cm	m	TCVN 9113:2012		Công ty TNHH XDCT Hùng Vương. Đc: 670-672 Ba Tháng Hai, P.Diên Hồng, TP.HCM. Công văn đề nghị công bố giá số 34A CVHV.26 ngày 01/06/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Tại công trình	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	6.086.000	6.086.000	6.086.000	6.086.000	6.086.000	6.086.000	6.086.000	6.086.000	6.086.000
808	Bê tông đúc sẵn	Cống ly tâm Ø1800 TC (L=3.0m) d15cm	m	TCVN 9113:2012		Công ty TNHH XDCT Hùng Vương. Đc: 670-672 Ba Tháng Hai, P.Diên Hồng, TP.HCM. Công văn đề nghị công bố giá số 34A CVHV.26 ngày 01/06/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Tại công trình	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	8.531.000	8.531.000	8.531.000	8.531.000	8.531.000	8.531.000	8.531.000	8.531.000	8.531.000
809	Bê tông đúc sẵn	Cống ly tâm Ø2000 TC (L=3.0m) d16crn	m	TCVN 9113:2012		Công ty TNHH XDCT Hùng Vương. Đc: 670-672 Ba Tháng Hai, P.Diên Hồng, TP.HCM. Công văn đề nghị công bố giá số 34A CVHV.26 ngày 01/06/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Tại công trình	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	9.717.000	9.717.000	9.717.000	9.717.000	9.717.000	9.717.000	9.717.000	9.717.000	9.717.000
810	Bê tông đúc sẵn	Cống ly tâm Ø400 c (L=4.0m) d5cm	m	TCVN 9113:2012		Công ty TNHH XDCT Hùng Vương. Đc: 670-672 Ba Tháng Hai, P.Diên Hồng, TP.HCM. Công văn đề nghị công bố giá số 34A CVHV.26 ngày 01/06/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Tại công trình	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	670.000	670.000	670.000	670.000	670.000	670.000	670.000	670.000	670.000
811	Bê tông đúc sẵn	Cống ly tâm Ø600 c (L=4.0m) d6cm	m	TCVN 9113:2012		Công ty TNHH XDCT Hùng Vương. Đc: 670-672 Ba Tháng Hai, P.Diên Hồng, TP.HCM. Công văn đề nghị công bố giá số 34A CVHV.26 ngày 01/06/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Tại công trình	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	1.117.000	1.117.000	1.117.000	1.117.000	1.117.000	1.117.000	1.117.000	1.117.000	1.117.000
812	Bê tông đúc sẵn	Cống ly tâm Ø800 c (L=4.0m) d8cm	m	TCVN 9113:2012		Công ty TNHH XDCT Hùng Vương. Đc: 670-672 Ba Tháng Hai, P.Diên Hồng, TP.HCM. Công văn đề nghị công bố giá số 34A CVHV.26 ngày 01/06/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Tại công trình	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	1.832.000	1.832.000	1.832.000	1.832.000	1.832.000	1.832.000	1.832.000	1.832.000	1.832.000
813	Bê tông đúc sẵn	Cống ly tâm Ø1000 c (L=4.0m) d9cm	m	TCVN 9113:2012		Công ty TNHH XDCT Hùng Vương. Đc: 670-672 Ba Tháng Hai, P.Diên Hồng, TP.HCM. Công văn đề nghị công bố giá số 34A CVHV.26 ngày 01/06/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Tại công trình	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	2.821.000	2.821.000	2.821.000	2.821.000	2.821.000	2.821.000	2.821.000	2.821.000	2.821.000
814	Bê tông đúc sẵn	Cống ly tâm Ø1200 c (L=3.0m) d12cm	m	TCVN 9113:2012		Công ty TNHH XDCT Hùng Vương. Đc: 670-672 Ba Tháng Hai, P.Diên Hồng, TP.HCM. Công văn đề nghị công bố giá số 34A CVHV.26 ngày 01/06/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Tại công trình	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	4.258.000	4.258.000	4.258.000	4.258.000	4.258.000	4.258.000	4.258.000	4.258.000	4.258.000
815	Bê tông đúc sẵn	Cống ly tâm Ø1500 c (L=3.0m) d14cm	m	TCVN 9113:2012		Công ty TNHH XDCT Hùng Vương. Đc: 670-672 Ba Tháng Hai, P.Diên Hồng, TP.HCM. Công văn đề nghị công bố giá số 34A CVHV.26 ngày 01/06/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Tại công trình	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	6.330.000	6.330.000	6.330.000	6.330.000	6.330.000	6.330.000	6.330.000	6.330.000	6.330.000
816	Bê tông đúc sẵn	Cống ly tâm Ø1800 c (L=3.0m) d15cm	m	TCVN 9113:2012		Công ty TNHH XDCT Hùng Vương. Đc: 670-672 Ba Tháng Hai, P.Diên Hồng, TP.HCM. Công văn đề nghị công bố giá số 34A CVHV.26 ngày 01/06/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Tại công trình	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	8.850.000	8.850.000	8.850.000	8.850.000	8.850.000	8.850.000	8.850.000	8.850.000	8.850.000
817	Bê tông đúc sẵn	Cống ly tâm Ø2000 c (L=3.0m) d16cm	m	TCVN 9113:2012		Công ty TNHH XDCT Hùng Vương. Đc: 670-672 Ba Tháng Hai, P.Diên Hồng, TP.HCM. Công văn đề nghị công bố giá số 34A CVHV.26 ngày 01/06/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Tại công trình	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	10.392.000	10.392.000	10.392.000	10.392.000	10.392.000	10.392.000	10.392.000	10.392.000	10.392.000
818	Bê tông đúc sẵn	Cống hộp TK 1/18 - 1.0 X 1.0 (L=1 .2m)	m	TCVN 9116:2012		Công ty TNHH XDCT Hùng Vương. Đc: 670-672 Ba Tháng Hai, P.Diên Hồng, TP.HCM. Công văn đề nghị công bố giá số 34A CVHV.26 ngày 01/06/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Tại công trình	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	5.197.000	5.197.000	5.197.000	5.197.000	5.197.000	5.197.000	5.197.000	5.197.000	5.197.000
819	Bê tông đúc sẵn	Cống hộp TK 1/18 - 1.2 X 1.2 (L=1.2m)	m	TCVN 9116:2012		Công ty TNHH XDCT Hùng Vương. Đc: 670-672 Ba Tháng Hai, P.Diên Hồng, TP.HCM. Công văn đề nghị công bố giá số 34A CVHV.26 ngày 01/06/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Tại công trình	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	5.957.000	5.957.000	5.957.000	5.957.000	5.957.000	5.957.000	5.957.000	5.957.000	5.957.000
820	Bê tông đúc sẵn	Cống hộp TK 1/18 - 1.6 X 1.6 (L=1.2m)	m	TCVN 9116:2012		Công ty TNHH XDCT Hùng Vương. Đc: 670-672 Ba Tháng Hai, P.Diên Hồng, TP.HCM. Công văn đề nghị công bố giá số 34A CVHV.26 ngày 01/06/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Tại công trình	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	9.309.000	9.309.000	9.309.000	9.309.000	9.309.000	9.309.000	9.309.000	9.309.000	9.309.000
821	Bê tông đúc sẵn	Cống hộp TK 1/18 - 2.0 X 2.0 (L=1.2m)	m	TCVN 9116:2012		Công ty TNHH XDCT Hùng Vương. Đc: 670-672 Ba Tháng Hai, P.Diên Hồng, TP.HCM. Công văn đề nghị công bố giá số 34A CVHV.26 ngày 01/06/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Tại công trình	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	13.843.000	13.843.000	13.843.000	13.843.000	13.843.000	13.843.000	13.843.000	13.843.000	13.843.000
822	Bê tông đúc sẵn	Cống hộp TK 1/18 - 2.5 X 2.5 (L=1.2m)	m	TCVN 9116:2012		Công ty TNHH XDCT Hùng Vương. Đc: 670-672 Ba Tháng Hai, P.Diên Hồng, TP.HCM. Công văn đề nghị công bố giá số 34A CVHV.26 ngày 01/06/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Tại công trình	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	20.600.000	20.600.000	20.600.000	20.600.000	20.600.000	20.600.000	20.600.000	20.600.000	20.600.000
823	Bê tông đúc sẵn	Cống hộp TK 1/18 - 3.0 X 3.0 (L=1.2m)	m	TCVN 9116:2012		Công ty TNHH XDCT Hùng Vương. Đc: 670-672 Ba Tháng Hai, P.Diên Hồng, TP.HCM. Công văn đề nghị công bố giá số 34A CVHV.26 ngày 01/06/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Tại công trình	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	29.499.000	29.499.000	29.499.000	29.499.000	29.499.000	29.499.000	29.499.000	29.499.000	29.499.000

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)(đồng)								
												Khu vực TP. Tây Ninh	Khu vực TX.Trảng Bàng	Khu vực TX. Hoà Thành	Khu vực H.Tân Biên	Khu vực H.Tân Châu	Khu vực H. Châu Thành	Khu vực H.Dương Minh Châu	Khu vực H. Bến Cầu	Khu vực H. Gò Dầu
824	Bê tông đúc sẵn	Cống hộp TK 1/18 - 2x(1.6 X 1.6) (L=1.2m)	m	TCVN 9116:2012		Công ty TNHH XDCT Hùng Vương. Đc: 670-672 Ba Tháng Hai, P.Điện Hồng, TP.HCM. Công văn đề nghị công bố giá số 34A CVHV.26 ngày 01/06/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Tại công trình	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	16.234.000	16.234.000	16.234.000	16.234.000	16.234.000	16.234.000	16.234.000	16.234.000	16.234.000
825	Bê tông đúc sẵn	Cống hộp TK 1/18 - 2x(2.0 X 2.0) (L=1.2m)	m	TCVN 9116:2012		Công ty TNHH XDCT Hùng Vương. Đc: 670-672 Ba Tháng Hai, P.Điện Hồng, TP.HCM. Công văn đề nghị công bố giá số 34A CVHV.26 ngày 01/06/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Tại công trình	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	24.595.000	24.595.000	24.595.000	24.595.000	24.595.000	24.595.000	24.595.000	24.595.000	24.595.000
826	Bê tông đúc sẵn	Cống hộp TK 1/18 - 2x(2.5 X 2.5) (L=1.2m)	m	TCVN 9116:2012		Công ty TNHH XDCT Hùng Vương. Đc: 670-672 Ba Tháng Hai, P.Điện Hồng, TP.HCM. Công văn đề nghị công bố giá số 34A CVHV.26 ngày 01/06/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Tại công trình	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	34.938.000	34.938.000	34.938.000	34.938.000	34.938.000	34.938.000	34.938.000	34.938.000	34.938.000
827	Bê tông đúc sẵn	Cống hộp TK 1/18 - 2x(3.0 X 3.0) (L=1.2m)	m	TCVN 9116:2012		Công ty TNHH XDCT Hùng Vương. Đc: 670-672 Ba Tháng Hai, P.Điện Hồng, TP.HCM. Công văn đề nghị công bố giá số 34A CVHV.26 ngày 01/06/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Tại công trình	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	48.654.000	48.654.000	48.654.000	48.654.000	48.654.000	48.654.000	48.654.000	48.654.000	48.654.000
828	Bê tông đúc sẵn	Cống hộp (theo TK Sơ GTCC) -1.0 X 1.0 (L=1.2m)	m	TCVN 9116:2012		Công ty TNHH XDCT Hùng Vương. Đc: 670-672 Ba Tháng Hai, P.Điện Hồng, TP.HCM. Công văn đề nghị công bố giá số 34A CVHV.26 ngày 01/06/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Tại công trình	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	5.957.000	5.957.000	5.957.000	5.957.000	5.957.000	5.957.000	5.957.000	5.957.000	5.957.000
829	Bê tông đúc sẵn	Cống hộp (theo TK Sơ GTCC) - 1.2 X 1.2 (L=1.2m)	m	TCVN 9116:2012		Công ty TNHH XDCT Hùng Vương. Đc: 670-672 Ba Tháng Hai, P.Điện Hồng, TP.HCM. Công văn đề nghị công bố giá số 34A CVHV.26 ngày 01/06/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Tại công trình	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	6.802.000	6.802.000	6.802.000	6.802.000	6.802.000	6.802.000	6.802.000	6.802.000	6.802.000
830	Bê tông đúc sẵn	Cống hộp (theo TK Sơ GTCC) -1.6 X 1.6 (L=1.2m)	m	TCVN 9116:2012		Công ty TNHH XDCT Hùng Vương. Đc: 670-672 Ba Tháng Hai, P.Điện Hồng, TP.HCM. Công văn đề nghị công bố giá số 34A CVHV.26 ngày 01/06/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Tại công trình	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	9.926.000	9.926.000	9.926.000	9.926.000	9.926.000	9.926.000	9.926.000	9.926.000	9.926.000
831	Bê tông đúc sẵn	Cống hộp (theo TK Sơ GTCC) - 2.0 X 2.0 (L=1.2m)	m	TCVN 9116:2012		Công ty TNHH XDCT Hùng Vương. Đc: 670-672 Ba Tháng Hai, P.Điện Hồng, TP.HCM. Công văn đề nghị công bố giá số 34A CVHV.26 ngày 01/06/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Tại công trình	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	15.795.000	15.795.000	15.795.000	15.795.000	15.795.000	15.795.000	15.795.000	15.795.000	15.795.000
832	Bê tông đúc sẵn	Cống hộp (theo TK Sơ GTCC) - 2.5 X 2.5 (L=1.2m)	m	TCVN 9116:2012		Công ty TNHH XDCT Hùng Vương. Đc: 670-672 Ba Tháng Hai, P.Điện Hồng, TP.HCM. Công văn đề nghị công bố giá số 34A CVHV.26 ngày 01/06/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Tại công trình	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	24.408.000	24.408.000	24.408.000	24.408.000	24.408.000	24.408.000	24.408.000	24.408.000	24.408.000
833	Bê tông đúc sẵn	Cống hộp (theo TK Sơ GTCC) - 3.0 X 3.0 (L=1 ,2m)	m	TCVN 9116:2012		Công ty TNHH XDCT Hùng Vương. Đc: 670-672 Ba Tháng Hai, P.Điện Hồng, TP.HCM. Công văn đề nghị công bố giá số 34A CVHV.26 ngày 01/06/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Tại công trình	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	31.534.000	31.534.000	31.534.000	31.534.000	31.534.000	31.534.000	31.534.000	31.534.000	31.534.000
834	Bê tông đúc sẵn	Cống hộp (theo TK Sơ GTCC) - 2x(1.6 X 1.6) (L=1.2m)	m	TCVN 9116:2012		Công ty TNHH XDCT Hùng Vương. Đc: 670-672 Ba Tháng Hai, P.Điện Hồng, TP.HCM. Công văn đề nghị công bố giá số 34A CVHV.26 ngày 01/06/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Tại công trình	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	18.651.000	18.651.000	18.651.000	18.651.000	18.651.000	18.651.000	18.651.000	18.651.000	18.651.000
835	Bê tông đúc sẵn	Cống hộp (theo TK Sơ GTCC) - 2x(2.0 X 2.0) (L=1.2m)	m	TCVN 9116:2012		Công ty TNHH XDCT Hùng Vương. Đc: 670-672 Ba Tháng Hai, P.Điện Hồng, TP.HCM. Công văn đề nghị công bố giá số 34A CVHV.26 ngày 01/06/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Tại công trình	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	29.146.000	29.146.000	29.146.000	29.146.000	29.146.000	29.146.000	29.146.000	29.146.000	29.146.000
836	Bê tông đúc sẵn	Cống hộp (theo TK Sơ GTCC) - 2x(2.5 X 2.5) (L=1 ,2m)	m	TCVN 9116:2012		Công ty TNHH XDCT Hùng Vương. Đc: 670-672 Ba Tháng Hai, P.Điện Hồng, TP.HCM. Công văn đề nghị công bố giá số 34A CVHV.26 ngày 01/06/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Tại công trình	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	44.315.000	44.315.000	44.315.000	44.315.000	44.315.000	44.315.000	44.315.000	44.315.000	44.315.000
837	Bê tông đúc sẵn	Cống hộp (theo TK Sơ GTCC) - 2x(3.0 X 3.0) (L=1,2m)	m	TCVN 9116:2012		Công ty TNHH XDCT Hùng Vương. Đc: 670-672 Ba Tháng Hai, P.Điện Hồng, TP.HCM. Công văn đề nghị công bố giá số 34A CVHV.26 ngày 01/06/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Tại công trình	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	62.634.000	62.634.000	62.634.000	62.634.000	62.634.000	62.634.000	62.634.000	62.634.000	62.634.000
838	Bê tông đúc sẵn	Cọc ống Bê Tông - PC A300	m	TCVN 7888:2014 (L=6-12m)		Công ty TNHH XDCT Hùng Vương. Đc: 670-672 Ba Tháng Hai, P.Điện Hồng, TP.HCM. Công văn đề nghị công bố giá số 34A CVHV.26 ngày 01/06/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Tại công trình	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	363.000	363.000	363.000	363.000	363.000	363.000	363.000	363.000	363.000
839	Bê tông đúc sẵn	Cọc ống Bê Tông - PC B300	m	TCVN 7888:2014 (L=6-12m)		Công ty TNHH XDCT Hùng Vương. Đc: 670-672 Ba Tháng Hai, P.Điện Hồng, TP.HCM. Công văn đề nghị công bố giá số 34A CVHV.26 ngày 01/06/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Tại công trình	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	424.000	424.000	424.000	424.000	424.000	424.000	424.000	424.000	424.000
840	Bê tông đúc sẵn	Cọc ống Bê Tông - PC C300	m	TCVN 7888:2014 (L=6-12m)		Công ty TNHH XDCT Hùng Vương. Đc: 670-672 Ba Tháng Hai, P.Điện Hồng, TP.HCM. Công văn đề nghị công bố giá số 34A CVHV.26 ngày 01/06/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Tại công trình	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	486.000	486.000	486.000	486.000	486.000	486.000	486.000	486.000	486.000
841	Bê tông đúc sẵn	Cọc ống Bê Tông - PC A350	m	TCVN 7888:2014 (L=6-12m)		Công ty TNHH XDCT Hùng Vương. Đc: 670-672 Ba Tháng Hai, P.Điện Hồng, TP.HCM. Công văn đề nghị công bố giá số 34A CVHV.26 ngày 01/06/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Tại công trình	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	408.000	408.000	408.000	408.000	408.000	408.000	408.000	408.000	408.000
842	Bê tông đúc sẵn	Cọc ống Bê Tông - PC B350	m	TCVN 7888:2014 (L=6-12m)		Công ty TNHH XDCT Hùng Vương. Đc: 670-672 Ba Tháng Hai, P.Điện Hồng, TP.HCM. Công văn đề nghị công bố giá số 34A CVHV.26 ngày 01/06/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Tại công trình	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	475.000	475.000	475.000	475.000	475.000	475.000	475.000	475.000	475.000
843	Bê tông đúc sẵn	Cọc ống Bê Tông - PC C350	m	TCVN 7888:2014 (L=6-12m)		Công ty TNHH XDCT Hùng Vương. Đc: 670-672 Ba Tháng Hai, P.Điện Hồng, TP.HCM. Công văn đề nghị công bố giá số 34A CVHV.26 ngày 01/06/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Tại công trình	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	554.000	554.000	554.000	554.000	554.000	554.000	554.000	554.000	554.000
844	Bê tông đúc sẵn	Cọc ống Bê Tông - PC A400	m	TCVN 7888:2014 (L=6-14m)		Công ty TNHH XDCT Hùng Vương. Đc: 670-672 Ba Tháng Hai, P.Điện Hồng, TP.HCM. Công văn đề nghị công bố giá số 34A CVHV.26 ngày 01/06/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Tại công trình	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	547.000	547.000	547.000	547.000	547.000	547.000	547.000	547.000	547.000
845	Bê tông đúc sẵn	Cọc ống Bê Tông - PC B400	m	TCVN 7888:2014 (L=6-14m)		Công ty TNHH XDCT Hùng Vương. Đc: 670-672 Ba Tháng Hai, P.Điện Hồng, TP.HCM. Công văn đề nghị công bố giá số 34A CVHV.26 ngày 01/06/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Tại công trình	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	670.000	670.000	670.000	670.000	670.000	670.000	670.000	670.000	670.000
846	Bê tông đúc sẵn	Cọc ống Bê Tông - PC C400	m	TCVN 7888:2014 (L=6-14m)		Công ty TNHH XDCT Hùng Vương. Đc: 670-672 Ba Tháng Hai, P.Điện Hồng, TP.HCM. Công văn đề nghị công bố giá số 34A CVHV.26 ngày 01/06/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Tại công trình	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	718.000	718.000	718.000	718.000	718.000	718.000	718.000	718.000	718.000
847	Bê tông đúc sẵn	Cọc ống Bê Tông - PC A500	m	TCVN 7888:2014 (L=6-15m)		Công ty TNHH XDCT Hùng Vương. Đc: 670-672 Ba Tháng Hai, P.Điện Hồng, TP.HCM. Công văn đề nghị công bố giá số 34A CVHV.26 ngày 01/06/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Tại công trình	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	811.000	811.000	811.000	811.000	811.000	811.000	811.000	811.000	811.000

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)(đồng)								
												Khu vực TP. Tây Ninh	Khu vực TX.Trảng Bàng	Khu vực TX. Hoà Thành	Khu vực H.Tân Biên	Khu vực H.Tân Châu	Khu vực H. Châu Thành	Khu vực H.Dương Minh Châu	Khu vực H. Bến Cầu	Khu vực H. Gò Dầu
848	Bê tông đúc sẵn	Cọc ống Bê Tông - PC B500	m	TCVN 7888:2014 (L=6-15m)		Công ty TNHH XDCT Hùng Vương. Đc: 670-672 Ba Tháng Hai, P.Điên Hồng, TP.HCM. Công văn đề nghị công bố giá số 34A CVHV.26 ngày 01/06/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Tại công trình	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	958.000	958.000	958.000	958.000	958.000	958.000	958.000	958.000	958.000
849	Bê tông đúc sẵn	Cọc ống Bê Tông - PC C500	m	TCVN 7888:2014 (L=6-15m)		Công ty TNHH XDCT Hùng Vương. Đc: 670-672 Ba Tháng Hai, P.Điên Hồng, TP.HCM. Công văn đề nghị công bố giá số 34A CVHV.26 ngày 01/06/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Tại công trình	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	1.085.000	1.085.000	1.085.000	1.085.000	1.085.000	1.085.000	1.085.000	1.085.000	1.085.000
850	Bê tông đúc sẵn	Cọc ống Bê Tông - PC A600	m	TCVN 7888:2014 (L=6-15m)		Công ty TNHH XDCT Hùng Vương. Đc: 670-672 Ba Tháng Hai, P.Điên Hồng, TP.HCM. Công văn đề nghị công bố giá số 34A CVHV.26 ngày 01/06/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Tại công trình	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	1.054.000	1.054.000	1.054.000	1.054.000	1.054.000	1.054.000	1.054.000	1.054.000	1.054.000
851	Bê tông đúc sẵn	Cọc ống Bê Tông - PC B600	m	TCVN 7888:2014 (L=6-15m)		Công ty TNHH XDCT Hùng Vương. Đc: 670-672 Ba Tháng Hai, P.Điên Hồng, TP.HCM. Công văn đề nghị công bố giá số 34A CVHV.26 ngày 01/06/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Tại công trình	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	1.302.000	1.302.000	1.302.000	1.302.000	1.302.000	1.302.000	1.302.000	1.302.000	1.302.000
852	Bê tông đúc sẵn	Cọc ống Bê Tông - PC C600	m	TCVN 7888:2014 (L=6-15m)		Công ty TNHH XDCT Hùng Vương. Đc: 670-672 Ba Tháng Hai, P.Điên Hồng, TP.HCM. Công văn đề nghị công bố giá số 34A CVHV.26 ngày 01/06/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Tại công trình	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	1.469.000	1.469.000	1.469.000	1.469.000	1.469.000	1.469.000	1.469.000	1.469.000	1.469.000
853	Bê tông đúc sẵn	Cọc ống Bê Tông - PHC A300	m	TCVN 7888:2014 (L=6-12m)		Công ty TNHH XDCT Hùng Vương. Đc: 670-672 Ba Tháng Hai, P.Điên Hồng, TP.HCM. Công văn đề nghị công bố giá số 34A CVHV.26 ngày 01/06/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Tại công trình	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	373.000	373.000	373.000	373.000	373.000	373.000	373.000	373.000	373.000
854	Bê tông đúc sẵn	Cọc ống Bê Tông - PHC B300	m	TCVN 7888:2014 (L=6-12m)		Công ty TNHH XDCT Hùng Vương. Đc: 670-672 Ba Tháng Hai, P.Điên Hồng, TP.HCM. Công văn đề nghị công bố giá số 34A CVHV.26 ngày 01/06/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Tại công trình	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	432.000	432.000	432.000	432.000	432.000	432.000	432.000	432.000	432.000
855	Bê tông đúc sẵn	Cọc ống Bê Tông - PHC C300	m	TCVN 7888:2014 (L=6-12m)		Công ty TNHH XDCT Hùng Vương. Đc: 670-672 Ba Tháng Hai, P.Điên Hồng, TP.HCM. Công văn đề nghị công bố giá số 34A CVHV.26 ngày 01/06/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Tại công trình	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	494.000	494.000	494.000	494.000	494.000	494.000	494.000	494.000	494.000
856	Bê tông đúc sẵn	Cọc ống Bê Tông - PHC A350	m	TCVN 7888:2014 (L=6-12m)		Công ty TNHH XDCT Hùng Vương. Đc: 670-672 Ba Tháng Hai, P.Điên Hồng, TP.HCM. Công văn đề nghị công bố giá số 34A CVHV.26 ngày 01/06/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Tại công trình	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	429.000	429.000	429.000	429.000	429.000	429.000	429.000	429.000	429.000
857	Bê tông đúc sẵn	Cọc ống Bê Tông - PHC B350	m	TCVN 7888:2014 (L=6-12m)		Công ty TNHH XDCT Hùng Vương. Đc: 670-672 Ba Tháng Hai, P.Điên Hồng, TP.HCM. Công văn đề nghị công bố giá số 34A CVHV.26 ngày 01/06/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Tại công trình	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	496.000	496.000	496.000	496.000	496.000	496.000	496.000	496.000	496.000
858	Bê tông đúc sẵn	Cọc ống Bê Tông - PHC C350	m	TCVN 7888:2014 (L=6-12m)		Công ty TNHH XDCT Hùng Vương. Đc: 670-672 Ba Tháng Hai, P.Điên Hồng, TP.HCM. Công văn đề nghị công bố giá số 34A CVHV.26 ngày 01/06/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Tại công trình	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	573.000	573.000	573.000	573.000	573.000	573.000	573.000	573.000	573.000
859	Bê tông đúc sẵn	Cọc ống Bê Tông - PHC A400	m	TCVN 7888:2014 (L=6-14m)		Công ty TNHH XDCT Hùng Vương. Đc: 670-672 Ba Tháng Hai, P.Điên Hồng, TP.HCM. Công văn đề nghị công bố giá số 34A CVHV.26 ngày 01/06/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Tại công trình	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	576.000	576.000	576.000	576.000	576.000	576.000	576.000	576.000	576.000
860	Bê tông đúc sẵn	Cọc ống Bê Tông - PHC B400	m	TCVN 7888:2014 (L=6-14m)		Công ty TNHH XDCT Hùng Vương. Đc: 670-672 Ba Tháng Hai, P.Điên Hồng, TP.HCM. Công văn đề nghị công bố giá số 34A CVHV.26 ngày 01/06/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Tại công trình	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	701.000	701.000	701.000	701.000	701.000	701.000	701.000	701.000	701.000
861	Bê tông đúc sẵn	Cọc ống Bê Tông - PHC C400	m	TCVN 7888:2014 (L=6-14m)		Công ty TNHH XDCT Hùng Vương. Đc: 670-672 Ba Tháng Hai, P.Điên Hồng, TP.HCM. Công văn đề nghị công bố giá số 34A CVHV.26 ngày 01/06/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Tại công trình	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	746.000	746.000	746.000	746.000	746.000	746.000	746.000	746.000	746.000
862	Bê tông đúc sẵn	Cọc ống Bê Tông - PHC A500	m	TCVN 7888:2014 (L=6-15m)		Công ty TNHH XDCT Hùng Vương. Đc: 670-672 Ba Tháng Hai, P.Điên Hồng, TP.HCM. Công văn đề nghị công bố giá số 34A CVHV.26 ngày 01/06/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Tại công trình	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	845.000	845.000	845.000	845.000	845.000	845.000	845.000	845.000	845.000
863	Bê tông đúc sẵn	Cọc ống Bê Tông - PHC B500	m	TCVN 7888:2014 (L=6-15m)		Công ty TNHH XDCT Hùng Vương. Đc: 670-672 Ba Tháng Hai, P.Điên Hồng, TP.HCM. Công văn đề nghị công bố giá số 34A CVHV.26 ngày 01/06/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Tại công trình	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	992.000	992.000	992.000	992.000	992.000	992.000	992.000	992.000	992.000
864	Bê tông đúc sẵn	Cọc ống Bê Tông - PHC C500	m	TCVN 7888:2014 (L=6-15m)		Công ty TNHH XDCT Hùng Vương. Đc: 670-672 Ba Tháng Hai, P.Điên Hồng, TP.HCM. Công văn đề nghị công bố giá số 34A CVHV.26 ngày 01/06/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Tại công trình	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	1.120.000	1.120.000	1.120.000	1.120.000	1.120.000	1.120.000	1.120.000	1.120.000	1.120.000
865	Bê tông đúc sẵn	Cọc ống Bê Tông - PHC A600	m	TCVN 7888:2014 (L=6-15m)		Công ty TNHH XDCT Hùng Vương. Đc: 670-672 Ba Tháng Hai, P.Điên Hồng, TP.HCM. Công văn đề nghị công bố giá số 34A CVHV.26 ngày 01/06/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Tại công trình	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	1.099.000	1.099.000	1.099.000	1.099.000	1.099.000	1.099.000	1.099.000	1.099.000	1.099.000
866	Bê tông đúc sẵn	Cọc ống Bê Tông - PHC B600	m	TCVN 7888:2014 (L=6-15m)		Công ty TNHH XDCT Hùng Vương. Đc: 670-672 Ba Tháng Hai, P.Điên Hồng, TP.HCM. Công văn đề nghị công bố giá số 34A CVHV.26 ngày 01/06/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Tại công trình	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	1.349.000	1.349.000	1.349.000	1.349.000	1.349.000	1.349.000	1.349.000	1.349.000	1.349.000
867	Bê tông đúc sẵn	Cọc ống Bê Tông - PHC C600	m	TCVN 7888:2014 (L=6-15m)		Công ty TNHH XDCT Hùng Vương. Đc: 670-672 Ba Tháng Hai, P.Điên Hồng, TP.HCM. Công văn đề nghị công bố giá số 34A CVHV.26 ngày 01/06/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Tại công trình	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	1.517.000	1.517.000	1.517.000	1.517.000	1.517.000	1.517.000	1.517.000	1.517.000	1.517.000
868	Bê tông đúc sẵn	Gối rung ép Ø300-460x250x100	cái	TCVN 10799:2015		Công ty TNHH XDCT Hùng Vương. Đc: 670-672 Ba Tháng Hai, P.Điên Hồng, TP.HCM. Công văn đề nghị công bố giá số 34A CVHV.26 ngày 01/06/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Tại công trình	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	120.000	120.000	120.000	120.000	120.000	120.000	120.000	120.000	120.000
869	Bê tông đúc sẵn	Gối rung ép Ø 400 - 520x250x100	cái	TCVN 10799:2015		Công ty TNHH XDCT Hùng Vương. Đc: 670-672 Ba Tháng Hai, P.Điên Hồng, TP.HCM. Công văn đề nghị công bố giá số 34A CVHV.26 ngày 01/06/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Tại công trình	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	131.000	131.000	131.000	131.000	131.000	131.000	131.000	131.000	131.000
870	Bê tông đúc sẵn	Gối rung ép Ø600-680x300x150	cái	TCVN 10799:2015		Công ty TNHH XDCT Hùng Vương. Đc: 670-672 Ba Tháng Hai, P.Điên Hồng, TP.HCM. Công văn đề nghị công bố giá số 34A CVHV.26 ngày 01/06/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Tại công trình	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	266.000	266.000	266.000	266.000	266.000	266.000	266.000	266.000	266.000
871	Bê tông đúc sẵn	Gối rung ép Ø 800-880x300x150	cái	TCVN 10799:2015		Công ty TNHH XDCT Hùng Vương. Đc: 670-672 Ba Tháng Hai, P.Điên Hồng, TP.HCM. Công văn đề nghị công bố giá số 34A CVHV.26 ngày 01/06/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Tại công trình	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	362.000	362.000	362.000	362.000	362.000	362.000	362.000	362.000	362.000

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)(đồng)								
												Khu vực TP. Tây Ninh	Khu vực TX.Trảng Bàng	Khu vực TX. Hoà Thành	Khu vực H.Tân Biên	Khu vực H.Tân Châu	Khu vực H. Châu Thành	Khu vực H.Dương Minh Châu	Khu vực H. Bến Cầu	Khu vực H. Gò Dầu
872	Bê tông đúc sẵn	Gối rung ép Ø1000 - 1050x300x150	cái	TCVN 10799:2015		Công ty TNHH XDCT Hùng Vương. Đc: 670-672 Ba Tháng Hai, P.Diên Hồng, TP.HCM. Công văn đề nghị công bố giá số 34A CVHV.26 ngày 01/06/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Tại công trình	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	464.000	464.000	464.000	464.000	464.000	464.000	464.000	464.000	464.000
873	Bê tông đúc sẵn	Gối rung ép Ø 1200 - 1300x300x150	cái	TCVN 10799:2015		Công ty TNHH XDCT Hùng Vương. Đc: 670-672 Ba Tháng Hai, P.Diên Hồng, TP.HCM. Công văn đề nghị công bố giá số 34A CVHV.26 ngày 01/06/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Tại công trình	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	730.000	730.000	730.000	730.000	730.000	730.000	730.000	730.000	730.000
874	Bê tông đúc sẵn	Góirungép Ø 1500-1540x300x180	cái	TCVN 10799:2015		Công ty TNHH XDCT Hùng Vương. Đc: 670-672 Ba Tháng Hai, P.Diên Hồng, TP.HCM. Công văn đề nghị công bố giá số 34A CVHV.26 ngày 01/06/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Tại công trình	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	984.000	984.000	984.000	984.000	984.000	984.000	984.000	984.000	984.000
875	Bê tông đúc sẵn	Gối rung ép Ø 1800- 1840x400x200	cái	TCVN 10799:2015		Công ty TNHH XDCT Hùng Vương. Đc: 670-672 Ba Tháng Hai, P.Diên Hồng, TP.HCM. Công văn đề nghị công bố giá số 34A CVHV.26 ngày 01/06/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Tại công trình	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	1.691.000	1.691.000	1.691.000	1.691.000	1.691.000	1.691.000	1.691.000	1.691.000	1.691.000
876	Bê tông đúc sẵn	Gối rung ép Ø 2000 - 2050x400x200	cái	TCVN 10799:2015		Công ty TNHH XDCT Hùng Vương. Đc: 670-672 Ba Tháng Hai, P.Diên Hồng, TP.HCM. Công văn đề nghị công bố giá số 34A CVHV.26 ngày 01/06/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Tại công trình	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	1.941.000	1.941.000	1.941.000	1.941.000	1.941.000	1.941.000	1.941.000	1.941.000	1.941.000
877	Bê tông đúc sẵn	Gối ly tâm Ø 300-460x400x100	cái	TCVN 10799:2015		Công ty TNHH XDCT Hùng Vương. Đc: 670-672 Ba Tháng Hai, P.Diên Hồng, TP.HCM. Công văn đề nghị công bố giá số 34A CVHV.26 ngày 01/06/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Tại công trình	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	179.000	179.000	179.000	179.000	179.000	179.000	179.000	179.000	179.000
878	Bê tông đúc sẵn	Gối ly tâm Ø 400 - 520x400x100	cái	TCVN 10799:2015		Công ty TNHH XDCT Hùng Vương. Đc: 670-672 Ba Tháng Hai, P.Diên Hồng, TP.HCM. Công văn đề nghị công bố giá số 34A CVHV.26 ngày 01/06/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Tại công trình	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	195.000	195.000	195.000	195.000	195.000	195.000	195.000	195.000	195.000
879	Bê tông đúc sẵn	Gối ly tâm Ø 600 - 680x400x150	cái	TCVN 10799:2015		Công ty TNHH XDCT Hùng Vương. Đc: 670-672 Ba Tháng Hai, P.Diên Hồng, TP.HCM. Công văn đề nghị công bố giá số 34A CVHV.26 ngày 01/06/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Tại công trình	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	349.000	349.000	349.000	349.000	349.000	349.000	349.000	349.000	349.000
880	Bê tông đúc sẵn	Gối ly tâm Ø 800-880x400x150	cái	TCVN 10799:2015		Công ty TNHH XDCT Hùng Vương. Đc: 670-672 Ba Tháng Hai, P.Diên Hồng, TP.HCM. Công văn đề nghị công bố giá số 34A CVHV.26 ngày 01/06/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Tại công trình	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	478.000	478.000	478.000	478.000	478.000	478.000	478.000	478.000	478.000
881	Bê tông đúc sẵn	Gối ly tâm Ø 1000 - 1050x400x150	cái	TCVN 10799:2015		Công ty TNHH XDCT Hùng Vương. Đc: 670-672 Ba Tháng Hai, P.Diên Hồng, TP.HCM. Công văn đề nghị công bố giá số 34A CVHV.26 ngày 01/06/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Tại công trình	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	610.000	610.000	610.000	610.000	610.000	610.000	610.000	610.000	610.000
882	Bê tông đúc sẵn	Gối ly tâm Ø 1200 - 1300x400x150	cái	TCVN 10799:2015		Công ty TNHH XDCT Hùng Vương. Đc: 670-672 Ba Tháng Hai, P.Diên Hồng, TP.HCM. Công văn đề nghị công bố giá số 34A CVHV.26 ngày 01/06/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Tại công trình	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	920.000	920.000	920.000	920.000	920.000	920.000	920.000	920.000	920.000
883	Bê tông đúc sẵn	Gối ly tâm Ø 1500 - 1540x400x180	cái	TCVN 10799:2015		Công ty TNHH XDCT Hùng Vương. Đc: 670-672 Ba Tháng Hai, P.Diên Hồng, TP.HCM. Công văn đề nghị công bố giá số 34A CVHV.26 ngày 01/06/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Tại công trình	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	1.256.000	1.256.000	1.256.000	1.256.000	1.256.000	1.256.000	1.256.000	1.256.000	1.256.000
884	Bê tông đúc sẵn	Gối ly tâm Ø 1800 - 1840x400x200	cái	TCVN 10799:2015		Công ty TNHH XDCT Hùng Vương. Đc: 670-672 Ba Tháng Hai, P.Diên Hồng, TP.HCM. Công văn đề nghị công bố giá số 34A CVHV.26 ngày 01/06/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Tại công trình	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	1.691.000	1.691.000	1.691.000	1.691.000	1.691.000	1.691.000	1.691.000	1.691.000	1.691.000
885	Bê tông đúc sẵn	Gối ly tâm Ø2000 - 2050x400x200	cái	TCVN 10799:2015		Công ty TNHH XDCT Hùng Vương. Đc: 670-672 Ba Tháng Hai, P.Diên Hồng, TP.HCM. Công văn đề nghị công bố giá số 34A CVHV.26 ngày 01/06/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Tại công trình	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	1.941.000	1.941.000	1.941.000	1.941.000	1.941.000	1.941.000	1.941.000	1.941.000	1.941.000
886	Bê tông đúc sẵn	Joint cao su Cống Tròn Ø300	cái	ASTM C443-2003		Công ty TNHH XDCT Hùng Vương. Đc: 670-672 Ba Tháng Hai, P.Diên Hồng, TP.HCM. Công văn đề nghị công bố giá số 34A CVHV.26 ngày 01/06/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Tại công trình	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	43.000	43.000	43.000	43.000	43.000	43.000	43.000	43.000	43.000
887	Bê tông đúc sẵn	Joint cao su Cống Tròn Ø400	cái	ASTM C443-2003		Công ty TNHH XDCT Hùng Vương. Đc: 670-672 Ba Tháng Hai, P.Diên Hồng, TP.HCM. Công văn đề nghị công bố giá số 34A CVHV.26 ngày 01/06/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Tại công trình	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	56.000	56.000	56.000	56.000	56.000	56.000	56.000	56.000	56.000
888	Bê tông đúc sẵn	Joint cao su Cống Tròn Ø600	cái	ASTM C443-2003		Công ty TNHH XDCT Hùng Vương. Đc: 670-672 Ba Tháng Hai, P.Diên Hồng, TP.HCM. Công văn đề nghị công bố giá số 34A CVHV.26 ngày 01/06/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Tại công trình	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	77.000	77.000	77.000	77.000	77.000	77.000	77.000	77.000	77.000
889	Bê tông đúc sẵn	Joint cao su cống Tròn Ø800	cái	ASTM C443-2003		Công ty TNHH XDCT Hùng Vương. Đc: 670-672 Ba Tháng Hai, P.Diên Hồng, TP.HCM. Công văn đề nghị công bố giá số 34A CVHV.26 ngày 01/06/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Tại công trình	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	99.000	99.000	99.000	99.000	99.000	99.000	99.000	99.000	99.000
890	Bê tông đúc sẵn	Joint cao su cống Tròn Ø1000	cái	ASTM C443-2003		Công ty TNHH XDCT Hùng Vương. Đc: 670-672 Ba Tháng Hai, P.Diên Hồng, TP.HCM. Công văn đề nghị công bố giá số 34A CVHV.26 ngày 01/06/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Tại công trình	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	211.000	211.000	211.000	211.000	211.000	211.000	211.000	211.000	211.000
891	Bê tông đúc sẵn	Joint cao su cống Tròn Ø1200	cái	ASTM C443-2003		Công ty TNHH XDCT Hùng Vương. Đc: 670-672 Ba Tháng Hai, P.Diên Hồng, TP.HCM. Công văn đề nghị công bố giá số 34A CVHV.26 ngày 01/06/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Tại công trình	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	256.000	256.000	256.000	256.000	256.000	256.000	256.000	256.000	256.000
892	Bê tông đúc sẵn	Joint cao su cống Tròn Ø1500	cái	ASTM C443-2003		Công ty TNHH XDCT Hùng Vương. Đc: 670-672 Ba Tháng Hai, P.Diên Hồng, TP.HCM. Công văn đề nghị công bố giá số 34A CVHV.26 ngày 01/06/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Tại công trình	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	307.000	307.000	307.000	307.000	307.000	307.000	307.000	307.000	307.000
893	Bê tông đúc sẵn	Joint cao su Cống Tròn Ø1800	cái	ASTM C443-2003		Công ty TNHH XDCT Hùng Vương. Đc: 670-672 Ba Tháng Hai, P.Diên Hồng, TP.HCM. Công văn đề nghị công bố giá số 34A CVHV.26 ngày 01/06/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Tại công trình	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	365.000	365.000	365.000	365.000	365.000	365.000	365.000	365.000	365.000
894	Bê tông đúc sẵn	Joint cao su Cống Tròn Ø2000	cái	ASTM C443-2003		Công ty TNHH XDCT Hùng Vương. Đc: 670-672 Ba Tháng Hai, P.Diên Hồng, TP.HCM. Công văn đề nghị công bố giá số 34A CVHV.26 ngày 01/06/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Tại công trình	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	403.000	403.000	403.000	403.000	403.000	403.000	403.000	403.000	403.000
895	Bê tông đúc sẵn	Joint cao su Cống Hộp -1.0 X 1.0 m	cái	ASTM C443-2003		Công ty TNHH XDCT Hùng Vương. Đc: 670-672 Ba Tháng Hai, P.Diên Hồng, TP.HCM. Công văn đề nghị công bố giá số 34A CVHV.26 ngày 01/06/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Tại công trình	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	246.000	246.000	246.000	246.000	246.000	246.000	246.000	246.000	246.000

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)(đồng)								
												Khu vực TP. Tây Ninh	Khu vực TX.Trảng Bàng	Khu vực TX. Hoà Thành	Khu vực H.Tân Biên	Khu vực H.Tân Châu	Khu vực H. Châu Thành	Khu vực H.Dương Minh Châu	Khu vực H. Bến Cầu	Khu vực H. Gò Dầu
896	Bê tông đúc sẵn	Joint cao su Cống Hộp -1.2 X 1.2 m	cái	ASTM C443-2003		Công ty TNHH XDCT Hùng Vương. Đc: 670-672 Ba Tháng Hai, P.Điện Hồng, TP.HCM. Công văn đề nghị công bố giá số 34A CVHV.26 ngày 01/06/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Tại công trình	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	288.000	288.000	288.000	288.000	288.000	288.000	288.000	288.000	288.000
897	Bê tông đúc sẵn	Joint cao su Cống Hộp -1.6 X 1.6 m	cái	ASTM C443-2003		Công ty TNHH XDCT Hùng Vương. Đc: 670-672 Ba Tháng Hai, P.Điện Hồng, TP.HCM. Công văn đề nghị công bố giá số 34A CVHV.26 ngày 01/06/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Tại công trình	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	382.000	382.000	382.000	382.000	382.000	382.000	382.000	382.000	382.000
898	Bê tông đúc sẵn	Joint cao su Cống Hộp - 2.0 X 2.0 m	cái	ASTM C443-2003		Công ty TNHH XDCT Hùng Vương. Đc: 670-672 Ba Tháng Hai, P.Điện Hồng, TP.HCM. Công văn đề nghị công bố giá số 34A CVHV.26 ngày 01/06/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Tại công trình	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	478.000	478.000	478.000	478.000	478.000	478.000	478.000	478.000	478.000
899	Bê tông đúc sẵn	Joint cao su cống Hộp - 2.5 X 2.5 m	cái	ASTM C443-2003		Công ty TNHH XDCT Hùng Vương. Đc: 670-672 Ba Tháng Hai, P.Điện Hồng, TP.HCM. Công văn đề nghị công bố giá số 34A CVHV.26 ngày 01/06/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Tại công trình	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	597.000	597.000	597.000	597.000	597.000	597.000	597.000	597.000	597.000
900	Bê tông đúc sẵn	Joint cao su cống Hộp - 3.0 X 3.0 m	cái	ASTM C443-2003		Công ty TNHH XDCT Hùng Vương. Đc: 670-672 Ba Tháng Hai, P.Điện Hồng, TP.HCM. Công văn đề nghị công bố giá số 34A CVHV.26 ngày 01/06/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Tại công trình	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	709.000	709.000	709.000	709.000	709.000	709.000	709.000	709.000	709.000
901	Bê tông đúc sẵn	Joint cao su cống Hộp - 2x(1.6 X 1.6) m	cái	ASTM C443-2003		Công ty TNHH XDCT Hùng Vương. Đc: 670-672 Ba Tháng Hai, P.Điện Hồng, TP.HCM. Công văn đề nghị công bố giá số 34A CVHV.26 ngày 01/06/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Tại công trình	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	571.000	571.000	571.000	571.000	571.000	571.000	571.000	571.000	571.000
902	Bê tông đúc sẵn	Joint cao su cống Hộp - 2x(2.0 x 2.0) m	cái	ASTM C443-2003		Công ty TNHH XDCT Hùng Vương. Đc: 670-672 Ba Tháng Hai, P.Điện Hồng, TP.HCM. Công văn đề nghị công bố giá số 34A CVHV.26 ngày 01/06/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Tại công trình	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	709.000	709.000	709.000	709.000	709.000	709.000	709.000	709.000	709.000
903	Bê tông đúc sẵn	Joint cao su cống Hộp - 2x(2.5 X 2.5) m	cái	ASTM C443-2003		Công ty TNHH XDCT Hùng Vương. Đc: 670-672 Ba Tháng Hai, P.Điện Hồng, TP.HCM. Công văn đề nghị công bố giá số 34A CVHV.26 ngày 01/06/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Tại công trình	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	842.000	842.000	842.000	842.000	842.000	842.000	842.000	842.000	842.000
904	Bê tông đúc sẵn	Joint cao su cống Hộp - 2x(3.0 X 3.0) m	cái	ASTM C443-2003		Công ty TNHH XDCT Hùng Vương. Đc: 670-672 Ba Tháng Hai, P.Điện Hồng, TP.HCM. Công văn đề nghị công bố giá số 34A CVHV.26 ngày 01/06/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Tại công trình	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	1.008.000	1.008.000	1.008.000	1.008.000	1.008.000	1.008.000	1.008.000	1.008.000	1.008.000
905	Vật liệu tấm lợp, bao che	Tôn mạ cán nóng AZ070 0,4 mm	m		4.0mm	Hoa Sen Home - Cửa hàng Bình Minh.(Đc: Trần Văn Trà, Bình Minh, TP.Tây Ninh. Phiếu khảo sát tại cửa hàng	Việt Nam	Giá bán tại khu vực TP. Tây Ninh	Giá bán tại cửa hàng	Mức giá ngày 16/06/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	109.450	-	-	-	-	-	-	-	-
906	Vật liệu tấm lợp, bao che	Tôn mạ cán nóng AZ070 0,45mm	m		45.0mm	Hoa Sen Home - Cửa hàng Bình Minh.(Đc: Trần Văn Trà, Bình Minh, TP.Tây Ninh. Phiếu khảo sát tại cửa hàng	Việt Nam	Giá bán tại khu vực TP. Tây Ninh	Giá bán tại cửa hàng	Mức giá ngày 16/06/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	121.000	-	-	-	-	-	-	-	-
907	Vật liệu tấm lợp, bao che	Tôn mạ cán nóng AZ070 0,5 mm	m		5.0mm	Hoa Sen Home - Cửa hàng Bình Minh.(Đc: Trần Văn Trà, Bình Minh, TP.Tây Ninh. Phiếu khảo sát tại cửa hàng	Việt Nam	Giá bán tại khu vực TP. Tây Ninh	Giá bán tại cửa hàng	Mức giá ngày 16/06/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	133.100	-	-	-	-	-	-	-	-
908	Vật liệu tấm lợp, bao che	Tôn mạ cán nóng AZ100 0,4 mm	m		4.0mm	Hoa Sen Home - Cửa hàng Bình Minh.(Đc: Trần Văn Trà, Bình Minh, TP.Tây Ninh. Phiếu khảo sát tại cửa hàng	Việt Nam	Giá bán tại khu vực TP. Tây Ninh	Giá bán tại cửa hàng	Mức giá ngày 16/06/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	112.750	-	-	-	-	-	-	-	-
909	Vật liệu tấm lợp, bao che	Tôn mạ cán nóng AZ100 0,45 mm	m		45.0mm	Hoa Sen Home - Cửa hàng Bình Minh.(Đc: Trần Văn Trà, Bình Minh, TP.Tây Ninh. Phiếu khảo sát tại cửa hàng	Việt Nam	Giá bán tại khu vực TP. Tây Ninh	Giá bán tại cửa hàng	Mức giá ngày 16/06/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	124.300	-	-	-	-	-	-	-	-
910	Vật liệu tấm lợp, bao che	Tôn mạ cán nóng AZ100 0,5 mm	m		5.0mm	Hoa Sen Home - Cửa hàng Bình Minh.(Đc: Trần Văn Trà, Bình Minh, TP.Tây Ninh. Phiếu khảo sát tại cửa hàng	Việt Nam	Giá bán tại khu vực TP. Tây Ninh	Giá bán tại cửa hàng	Mức giá ngày 16/06/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	136.400	-	-	-	-	-	-	-	-
911	Vật liệu tấm lợp, bao che	Tôn mạ cán nóng AZ050 0,4 mm	m		4.0mm	Hoa Sen Home - Cửa hàng Bình Minh.(Đc: Trần Văn Trà, Bình Minh, TP.Tây Ninh. Phiếu khảo sát tại cửa hàng	Việt Nam	Giá bán tại khu vực TP. Tây Ninh	Giá bán tại cửa hàng	Mức giá ngày 16/06/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	118.800	-	-	-	-	-	-	-	-
912	Vật liệu tấm lợp, bao che	Tôn mạ cán nóng AZ050 0,45 mm	m		45.0mm	Hoa Sen Home - Cửa hàng Bình Minh.(Đc: Trần Văn Trà, Bình Minh, TP.Tây Ninh. Phiếu khảo sát tại cửa hàng	Việt Nam	Giá bán tại khu vực TP. Tây Ninh	Giá bán tại cửa hàng	Mức giá ngày 16/06/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	132.000	-	-	-	-	-	-	-	-
913	Vật liệu tấm lợp, bao che	Tôn mạ cán nóng AZ050 0,5 mm	m		5.0mm	Hoa Sen Home - Cửa hàng Bình Minh.(Đc: Trần Văn Trà, Bình Minh, TP.Tây Ninh. Phiếu khảo sát tại cửa hàng	Việt Nam	Giá bán tại khu vực TP. Tây Ninh	Giá bán tại cửa hàng	Mức giá ngày 16/06/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	145.750	-	-	-	-	-	-	-	-
914	Vật liệu tấm lợp, bao che	Tôn máng xối xanh dương K598	m		598.0mm	Công ty TNHH Tôn Thép Phú Ích. (Đc: Phường Hoà Thành, Tây Ninh). Khảo sát tại cửa hàng	Việt Nam	Giá bán khu vực thị xã Hòa Thành	Giá tại cửa hàng chưa bao gồm vận chuyển	Từ ngày 16/06/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	-	-	80.000	-	-	-	-	-	-
915	Vật liệu tấm lợp, bao che	Tôn lạnh rộng 1.1x0.25 - Đại Thiên Lộc	m		25.0mm	Công ty TNHH Tôn Thép Phú Ích. (Đc: Phường Hoà Thành, Tây Ninh). Khảo sát tại cửa hàng	Việt Nam	Giá bán khu vực thị xã Hòa Thành	Giá tại cửa hàng chưa bao gồm vận chuyển	Từ ngày 16/06/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	-	-	62.000	-	-	-	-	-	-
916	Vật liệu tấm lợp, bao che	Tôn lạnh rộng 1.07x0.4 - Hoà Phat	m		4.0mm	Công ty TNHH Tôn Thép Phú Ích. (Đc: Phường Hoà Thành, Tây Ninh). Khảo sát tại cửa hàng	Việt Nam	Giá bán khu vực thị xã Hòa Thành	Giá tại cửa hàng chưa bao gồm vận chuyển	Từ ngày 16/06/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	-	-	98.000	-	-	-	-	-	-
917	Vật liệu tấm lợp, bao che	Tôn màu rộng 1.07x0.45 - Hoà Phát	m		45.0mm	Công ty TNHH Tôn Thép Phú Ích. (Đc: Phường Hoà Thành, Tây Ninh). Khảo sát tại cửa hàng	Việt Nam	Giá bán khu vực thị xã Hòa Thành	Giá tại cửa hàng chưa bao gồm vận chuyển	Từ ngày 16/06/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	-	-	110.000	-	-	-	-	-	-
918	Vật liệu tấm lợp, bao che	Tôn xanh ngọc 1.07x0.5 - Hoà Phát	m		5.0mm	Công ty TNHH Tôn Thép Phú Ích. (Đc: Phường Hoà Thành, Tây Ninh). Khảo sát tại cửa hàng	Việt Nam	Giá bán khu vực thị xã Hòa Thành	Giá tại cửa hàng chưa bao gồm vận chuyển	Từ ngày 16/06/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	-	-	120.000	-	-	-	-	-	-
919	Vật liệu tấm lợp, bao che	Tôn xanh ngọc 1.07x0.35 - Hoà Phát	m		35.0mm	Công ty TNHH Tôn Thép Phú Ích. (Đc: Phường Hoà Thành, Tây Ninh). Khảo sát tại cửa hàng	Việt Nam	Giá bán khu vực thị xã Hòa Thành	Giá tại cửa hàng chưa bao gồm vận chuyển	Từ ngày 16/06/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	-	-	89.000	-	-	-	-	-	-
920	Vật liệu tấm lợp, bao che	Tôn kẽm Phương Nam Việt Nhật 2.0 zem	m		1.8-1.9 kg/md	Công ty TNHH Tân Ngọc Lực.(đc: 304/4 đường 30/4 Bình Minh, Tây Ninh)	Việt Nam	Thanh toán 100% giá trị đơn hàng trước khi nhận	Đã bao gồm chi phí vận chuyển	Mức giá được thực hiện từ ngày 02/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	52.727	-	-	-	-	-	-	-	-
921	Vật liệu tấm lợp, bao che	Tôn nhôm 6.3 zem	m		2.0-2.1 kg/md	Công ty TNHH Tân Ngọc Lực.(đc: 304/4 đường 30/4 Bình Minh, Tây Ninh)	Việt Nam	Thanh toán 100% giá trị đơn hàng trước khi nhận	Đã bao gồm chi phí vận chuyển	Mức giá được thực hiện từ ngày 02/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	237.273	-	-	-	-	-	-	-	-
922	Vật liệu tấm lợp, bao che	Tôn nhôm 6.5 zem	m		2.1-2.2 kg/md	Công ty TNHH Tân Ngọc Lực.(đc: 304/4 đường 30/4 Bình Minh, Tây Ninh)	Việt Nam	Thanh toán 100% giá trị đơn hàng trước khi nhận	Đã bao gồm chi phí vận chuyển	Mức giá được thực hiện từ ngày 02/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	247.273	-	-	-	-	-	-	-	-
923	Vật liệu tấm lợp, bao che	Tôn lạnh trắng đông á 4.5 zem	m		3.9-4.0 kg/md	Công ty TNHH Tân Ngọc Lực.(đc: 304/4 đường 30/4 Bình Minh, Tây Ninh)	Việt Nam	Thanh toán 100% giá trị đơn hàng trước khi nhận	Đã bao gồm chi phí vận chuyển	Mức giá được thực hiện từ ngày 02/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	90.909	-	-	-	-	-	-	-	-
924	Vật liệu tấm lợp, bao che	Tôn xanh dương tím/nâu đất/xám lông chuột/trắng sữa Hoa Sen 4.5 zem	m		3.9-4.0 kg/md	Công ty TNHH Tân Ngọc Lực.(đc: 304/4 đường 30/4 Bình Minh, Tây Ninh)	Việt Nam	Thanh toán 100% giá trị đơn hàng trước khi nhận	Đã bao gồm chi phí vận chuyển	Mức giá được thực hiện từ ngày 02/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	101.818	-	-	-	-	-	-	-	-
925	Vật liệu tấm lợp, bao che	Tôn trắng sữa Hoa Sen 4.0 zem	m		3.4-3.5 kg/md	Công ty TNHH Tân Ngọc Lực.(đc: 304/4 đường 30/4 Bình Minh, Tây Ninh)	Việt Nam	Thanh toán 100% giá trị đơn hàng trước khi nhận	Đã bao gồm chi phí vận chuyển	Mức giá được thực hiện từ ngày 02/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	90.909	-	-	-	-	-	-	-	-
926	Vật liệu tấm lợp, bao che	Tôn xanh dương tím Nam Kim 3.0 zem	m		2.4-2.5 kg/md	Công ty TNHH Tân Ngọc Lực.(đc: 304/4 đường 30/4 Bình Minh, Tây Ninh)	Việt Nam	Thanh toán 100% giá trị đơn hàng trước khi nhận	Đã bao gồm chi phí vận chuyển	Mức giá được thực hiện từ ngày 02/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	66.364	-	-	-	-	-	-	-	-

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)(đồng)								
												Khu vực TP. Tây Ninh	Khu vực TX.Trảng Bàng	Khu vực TX. Hoà Thành	Khu vực H.Tân Biên	Khu vực H.Tân Châu	Khu vực H. Châu Thành	Khu vực H.Dương Minh Châu	Khu vực H. Bến Cầu	Khu vực H. Gò Dầu
927	Vật liệu tấm lợp, bao che	Tôn xanh dương tươi/ xám khói Nam Kim 4.5 zem	m		3.8-3.9 kg/md	Công ty TNHH Tân Ngọc Lực.(đc: 304/4 đường 30/4 Bình Minh, Tây Ninh)	Việt Nam	Thanh toán 100% giá trị đơn hàng trước khi nhận hàng	Đã bao gồm chi phí vận chuyển	Mức giá được thực hiện từ ngày 02/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	95.455	-	-	-	-	-	-	-	-
928	Vật liệu tấm lợp, bao che	Tôn xanh dương tươi/ xám lông chuột Đông Á 5.0 zem	m		4.3-4.4 kg/md	Công ty TNHH Tân Ngọc Lực.(đc: 304/4 đường 30/4 Bình Minh, Tây Ninh)	Việt Nam	Thanh toán 100% giá trị đơn hàng trước khi nhận hàng	Đã bao gồm chi phí vận chuyển	Mức giá được thực hiện từ ngày 02/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	106.364	-	-	-	-	-	-	-	-
929	Vật liệu tấm lợp, bao che	Tôn xanh dương đậm BLUE01 AZ100 Phương Nam 3.5 zem	m		2.9-3.0 kg/md	Công ty TNHH Tân Ngọc Lực.(đc: 304/4 đường 30/4 Bình Minh, Tây Ninh)	Việt Nam	Thanh toán 100% giá trị đơn hàng trước khi nhận hàng	Đã bao gồm chi phí vận chuyển	Mức giá được thực hiện từ ngày 02/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	88.182	-	-	-	-	-	-	-	-
930	Vật liệu tấm lợp, bao che	Tôn xanh dương đậm BLUE01 AZ100 Phương Nam 4.5 zem	m		3.8-3.9 kg/md	Công ty TNHH Tân Ngọc Lực.(đc: 304/4 đường 30/4 Bình Minh, Tây Ninh)	Việt Nam	Thanh toán 100% giá trị đơn hàng trước khi nhận hàng	Đã bao gồm chi phí vận chuyển	Mức giá được thực hiện từ ngày 02/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	102.727	-	-	-	-	-	-	-	-
931	Vật liệu tấm lợp, bao che	Tôn vàng kem/ xám sáng Đông Á 4.0 zem	m		3.3-3.4 kg/md	Công ty TNHH Tân Ngọc Lực.(đc: 304/4 đường 30/4 Bình Minh, Tây Ninh)	Việt Nam	Thanh toán 100% giá trị đơn hàng trước khi nhận hàng	Đã bao gồm chi phí vận chuyển	Mức giá được thực hiện từ ngày 02/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	88.182	-	-	-	-	-	-	-	-
932	Vật liệu tấm lợp, bao che	Tôn đỏ đậm Hoa Sen 5.0 zem	m		4.3-4.4 kg/md	Công ty TNHH Tân Ngọc Lực.(đc: 304/4 đường 30/4 Bình Minh, Tây Ninh)	Việt Nam	Thanh toán 100% giá trị đơn hàng trước khi nhận hàng	Đã bao gồm chi phí vận chuyển	Mức giá được thực hiện từ ngày 02/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	114.545	-	-	-	-	-	-	-	-
933	Vật liệu tấm lợp, bao che	Tôn đỏ đậm/vàng kem/xanh dương tím đông Á 4.5zem	m		3.8-3.9 kg/md	Công ty TNHH Tân Ngọc Lực.(đc: 304/4 đường 30/4 Bình Minh, Tây Ninh)	Việt Nam	Thanh toán 100% giá trị đơn hàng trước khi nhận hàng	Đã bao gồm chi phí vận chuyển	Mức giá được thực hiện từ ngày 02/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	97.273	-	-	-	-	-	-	-	-
934	Vật liệu tấm lợp, bao che	Tôn đỏ đậm Nam Kim 3.5 zem	m		2.9-3.0 kg/md	Công ty TNHH Tân Ngọc Lực.(đc: 304/4 đường 30/4 Bình Minh, Tây Ninh)	Việt Nam	Thanh toán 100% giá trị đơn hàng trước khi nhận hàng	Đã bao gồm chi phí vận chuyển	Mức giá được thực hiện từ ngày 02/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	77.273	-	-	-	-	-	-	-	-
935	Vật liệu tấm lợp, bao che	Tôn đỏ đậm Nam Kim 4.0 zem	m		3.3-3.4 kg/md	Công ty TNHH Tân Ngọc Lực.(đc: 304/4 đường 30/4 Bình Minh, Tây Ninh)	Việt Nam	Thanh toán 100% giá trị đơn hàng trước khi nhận hàng	Đã bao gồm chi phí vận chuyển	Mức giá được thực hiện từ ngày 02/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	86.364	-	-	-	-	-	-	-	-
936	Vật liệu tấm lợp, bao che	Tôn đỏ đậm Nam Kim 4.5 zem	m		3.8-3.9 kg/md	Công ty TNHH Tân Ngọc Lực.(đc: 304/4 đường 30/4 Bình Minh, Tây Ninh)	Việt Nam	Thanh toán 100% giá trị đơn hàng trước khi nhận hàng	Đã bao gồm chi phí vận chuyển	Mức giá được thực hiện từ ngày 02/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	95.455	-	-	-	-	-	-	-	-
937	Vật liệu tấm lợp, bao che	Tôn lạnh AZ070 phủ AF: 0.25mmxl200mm G550	m	TCCS 01:2015/HSG.	550.0mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sông Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Không có thông tin	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa,Long An	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá bán tăng	72.000	72.000	72.000	72.000	72.000	72.000	72.000	72.000	72.000
938	Vật liệu tấm lợp, bao che	Tôn lạnh AZ070 phủ AF: 0.30mmxl200mm G550	m	rccs 01:2015/HSG.	550.0mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sông Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Không có thông tin	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa,Long An	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá bán tăng	81.000	81.000	81.000	81.000	81.000	81.000	81.000	81.000	81.000
939	Vật liệu tấm lợp, bao che	Tôn lạnh AZ070 phủ AF: 0.3 5 mm.x 1200mm G550	m	TCCS 01:2015/HSG.	550.0mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sông Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Không có thông tin	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa,Long An	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá bán tăng	90.500	90.500	90.500	90.500	90.500	90.500	90.500	90.500	90.500
940	Vật liệu tấm lợp, bao che	Tôn lạnh AZ070 phủ AF: 0.40mmxl200mm G550	m	TCCS 01:2015/HSG.	550.0mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sông Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Không có thông tin	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa,Long An	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá bán tăng	101.500	101.500	101.500	101.500	101.500	101.500	101.500	101.500	101.500
941	Vật liệu tấm lợp, bao che	Tôn lạnh AZ070 phủ AF: 0.4 5mmx 1200mm G55O	m	TCCS 01:2015/HSG.	55.0mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sông Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Không có thông tin	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa,Long An	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá bán tăng	112.000	112.000	112.000	112.000	112.000	112.000	112.000	112.000	112.000
942	Vật liệu tấm lợp, bao che	Tôn lạnh AZ070 phủ AF: 0.50mmxl200mm G55O	m	TCCS 01:2015/HSG.	55.0mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sông Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Không có thông tin	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa,Long An	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá bán tăng	123.000	123.000	123.000	123.000	123.000	123.000	123.000	123.000	123.000
943	Vật liệu tấm lợp, bao che	Tôn lạnh màu trong AF CL AZ070 00/05: 0.2 5mmx 1200mm G55O	m	TCCS 01:2015/HSG.	55.0mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sông Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày	Việt Nam	Không có thông tin	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa,Long An	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá bán tăng	72.000	72.000	72.000	72.000	72.000	72.000	72.000	72.000	72.000
944	Vật liệu tấm lợp, bao che	Tôn lạnh màu trong AF CL AZ070 00/05: 0.30mmx 1200mm G55O	m	TCCS 01:2015/HSG.	55.0mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sông Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày	Việt Nam	Không có thông tin	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa,Long An	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá bán tăng	81.000	81.000	81.000	81.000	81.000	81.000	81.000	81.000	81.000
945	Vật liệu tấm lợp, bao che	Tôn lạnh màu trong AF CL AZ070 00/05: 0.35mmxl200mm G55O	m	TCCS 01:2015/HSG.	55.0mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sông Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày	Việt Nam	Không có thông tin	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa,Long An	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá bán tăng	90.500	90.500	90.500	90.500	90.500	90.500	90.500	90.500	90.500
946	Vật liệu tấm lợp, bao che	Tôn lạnh màu trong AF CL AZ070 00/05: 0.40mmx 1200mm G55O	m	TCCS O1:2O15/HSG.	55.0mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sông Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Không có thông tin	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa,Long An	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá bán tăng	101.500	101.500	101.500	101.500	101.500	101.500	101.500	101.500	101.500
947	Vật liệu tấm lợp, bao che	Tôn lạnh màu trong AF CL AZ070 00/05: 0.45mmxl200mm G55O	m	TCCS 01:2015/HSG.	55.0mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sông Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Không có thông tin	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa,Long An	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá bán tăng	112.000	112.000	112.000	112.000	112.000	112.000	112.000	112.000	112.000
948	Vật liệu tấm lợp, bao che	Tôn lạnh màu uong AF CL AZ070 00/05: 0.50mmx 1200mm G550	m	TCCS 01:2015/HSG.	550.0mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sông Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Không có thông tin	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa,Long An	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá bán tăng	123.000	123.000	123.000	123.000	123.000	123.000	123.000	123.000	123.000
949	Vật liệu tấm lợp, bao che	Tôn lạnh AZ100 phủ AF: 0.30mmxl200mm G55O	m	TCCS 01:2015/HSG.	55.0mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sông Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Không có thông tin	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa,Long An	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá bán tăng	84.000	84.000	84.000	84.000	84.000	84.000	84.000	84.000	84.000
950	Vật liệu tấm lợp, bao che	Tôn lạnh AZ100 phủ AF: 0.35mmxl200mm G55O	m	TCCS 01:2015/HSG.	55.0mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sông Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Không có thông tin	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa,Long An	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá bán tăng	93.500	93.500	93.500	93.500	93.500	93.500	93.500	93.500	93.500
951	Vật liệu tấm lợp, bao che	Tôn lạnh AZ100 phủ AF: 0.40mmx 1200mm G550	m	TCCS0112015/HSG.	550.0mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sông Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Không có thông tin	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa,Long An	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá bán tăng	104.500	104.500	104.500	104.500	104.500	104.500	104.500	104.500	104.500
952	Vật liệu tấm lợp, bao che	Tôn lạnh AZ100 phủ AF: 0.45mmxl200mm G55O	m	TCCS 01:2015/HSG.	55.0mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sông Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Không có thông tin	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa,Long An	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá bán tăng	115.000	115.000	115.000	115.000	115.000	115.000	115.000	115.000	115.000
953	Vật liệu tấm lợp, bao che	Tôn lạnh AZ100 phủ AF: 0.50mmxl200mm G550	m	TCCS 01:2015/HSG.	550.0mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sông Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Không có thông tin	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa,Long An	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá bán tăng	126.000	126.000	126.000	126.000	126.000	126.000	126.000	126.000	126.000
954	Vật liệu tấm lợp, bao che	Tôn lạnh màu trong AF CL AZ100 00/05: 0.30mmx 1200mm G550	m	TCCSOL2015/HSG.	550.0mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sông Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Không có thông tin	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa,Long An	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá bán tăng	84.000	84.000	84.000	84.000	84.000	84.000	84.000	84.000	84.000
955	Vật liệu tấm lợp, bao che	Tôn lạnh màu trong AF CL AZ100 00/05: 0.35mmxl200mm G55O	m	TCCS 01:2015/HSG.	55.0mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sông Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Không có thông tin	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa,Long An	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá bán tăng	93.500	93.500	93.500	93.500	93.500	93.500	93.500	93.500	93.500

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)(đồng)								
												Khu vực TP. Tây Ninh	Khu vực TX.Trảng Bàng	Khu vực TX. Hoà Thành	Khu vực H.Tân Biên	Khu vực H.Tân Châu	Khu vực H. Châu Thành	Khu vực H.Dương Minh Châu	Khu vực H. Bến Cầu	Khu vực H. Gò Dầu
956	Vật liệu tấm lợp, bao che	Tôn lạnh màu trong AF CL AZ100 00/05: 0.40mmxl200mm G55O	m	TCCS 01:2015/HSG.	55.0mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Dc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Dt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Không có thông tin	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa,Long An	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá bán tăng	104.500	104.500	104.500	104.500	104.500	104.500	104.500	104.500	104.500
957	Vật liệu tấm lợp, bao che	Tôn lạnh màu trong AF CL AZ100 00/05: 0.45mmx 1200mm G550	m	TCCS 01:2015/HSG.	550.0mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Dc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Dt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Không có thông tin	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa,Long An	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá bán tăng	115.000	115.000	115.000	115.000	115.000	115.000	115.000	115.000	115.000
958	Vật liệu tấm lợp, bao che	Tôn lạnh màu trong AF CL AZ100 00/05: 0.50mmx 1200mm G550	m	TCCS 01:2015/HSG.	550.0mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Dc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Dt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Không có thông tin	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa,Long An	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá bán tăng	126.000	126.000	126.000	126.000	126.000	126.000	126.000	126.000	126.000
959	Vật liệu tấm lợp, bao che	Tôn lạnh màu AZ050 17/05: 0.25mmx 1200mm G550	m	TCCS 02:2017/HSG	550.0mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Dc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Dt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Không có thông tin	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa,Long An	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá bán tăng	76.500	76.500	76.500	76.500	76.500	76.500	76.500	76.500	76.500
960	Vật liệu tấm lợp, bao che	Tôn lạnh màu AZ050 17/05: 0.30mmx 1200mm G550	m	TCCS 02;2017/HSG	550.0mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Dc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Dt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Không có thông tin	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa,Long An	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá bán tăng	88.000	88.000	88.000	88.000	88.000	88.000	88.000	88.000	88.000
961	Vật liệu tấm lợp, bao che	Tôn lạnh màu AZ050 17/05: 0.35mmx 1200mm G550	m	TCCS 02:2017/HSG	550.0mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Dc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Dt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Không có thông tin	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa,Long An	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá bán tăng	99.000	99.000	99.000	99.000	99.000	99.000	99.000	99.000	99.000
962	Vật liệu tấm lợp, bao che	Tôn lạnh màu AZ050 17/05: 0.40munx 1200mm G550	m	TCCS 02.2017/HSG	550.0mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Dc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Dt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/7026.	Việt Nam	Không có thông tin	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa,Long An	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá bán tăng	110.000	110.000	110.000	110.000	110.000	110.000	110.000	110.000	110.000
963	Vật liệu tấm lợp, bao che	Tôn lạnh màu AZ050 17/05: 0.45mmxl200mm G550	m	TCCS 02:2017/HSG	550.0mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Dc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Dt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Không có thông tin	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa,Long An	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá bán tăng	122.000	122.000	122.000	122.000	122.000	122.000	122.000	122.000	122.000
964	Vật liệu tấm lợp, bao che	Tôn lạnh màu AZ050 17/05: 0.50mmx 1200mm G550	m	TCCS 02:2017/HSG	550.0mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Dc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Dt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Không có thông tin	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa,Long An	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá bán tăng	134.500	134.500	134.500	134.500	134.500	134.500	134.500	134.500	134.500
965	Vật liệu tấm lợp, bao che	Tôn HOA SEN GOLD màu: 0.50mmx 1200mm	m	ASTM A755M	1200.0mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Dc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Dt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Không có thông tin	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa,Long An	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá bán tăng	142.000	142.000	142.000	142.000	142.000	142.000	142.000	142.000	142.000
966	Vật liệu tấm lợp, bao che	Tôn lạnh màu trong AF CL AZ100 00/05 cách nhiệt PU 16mm: 0.30mmx 1070mm G550	m	TCCS 0L2015/HSG.	550.0mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Dc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Dt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Không có thông tin	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa,Long An	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá bán tăng	154.000	154.000	154.000	154.000	154.000	154.000	154.000	154.000	154.000
967	Vật liệu tấm lợp, bao che	Tôn lạnh màu uong AF CL AZ100 00/05 cách nhiệt PU 16mm: 0.35mmxl070mm G550	m	TCCS 01:2015/HSG.	550.0mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Dc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Dt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Không có thông tin	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa,Long An	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá bán tăng	164.000	164.000	164.000	164.000	164.000	164.000	164.000	164.000	164.000
968	Vật liệu tấm lợp, bao che	Tôn lạnh màu uong AF CL AZ100 00/05 cách nhiệt Pu 16mm: 0.40mmx 1070mm G55O	m	TCCS 01:2015/HSG.	55.0mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Dc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Dt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Không có thông tin	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa,Long An	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá bán tăng	174.000	174.000	174.000	174.000	174.000	174.000	174.000	174.000	174.000
969	Vật liệu tấm lợp, bao che	Tôn lạnh màu trong AF CL AZ100 00/05 cách nhiệt PL" 16mm: 0.45mmx 1070mm G550	m	TCCS 01:2015/HSG.	550.0mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Dc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Dt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Không có thông tin	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa,Long An	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá bán tăng	184.000	184.000	184.000	184.000	184.000	184.000	184.000	184.000	184.000
970	Vật liệu tấm lợp, bao che	Tôn lạnh màu trong AF CL AZ100 00/05 cách nhiệt PL" 16mm: 0.50mmx 1070mm G550	m	TCCS 01:2015/HSG.	550.0mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Dc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Dt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Không có thông tin	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa,Long An	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá bán tăng	194.000	194.000	194.000	194.000	194.000	194.000	194.000	194.000	194.000
971	Vật liệu tấm lợp, bao che	Tôn lạnh màu trong AF CL AZ100 00/05 cách nhiệt Pl' ÏSmm. 0.30mmx 1070mm G55O	m	TCCS 01:2015/HSG.	55.0mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Dc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Dt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Không có thông tin	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa,Long An	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá bán tăng	156.000	156.000	156.000	156.000	156.000	156.000	156.000	156.000	156.000
972	Vật liệu tấm lợp, bao che	Tôn lạnh màu trong AF CL AZ100 00/05 cách nhiệt PU 18mm: .35mmxl070mm G55O	m	rccs 01:2015/HSG.	55.0mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Dc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Dt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Không có thông tin	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa,Long An	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá bán tăng	166.000	166.000	166.000	166.000	166.000	166.000	166.000	166.000	166.000
973	Vật liệu tấm lợp, bao che	Tôn lạnh màu uong AF CL AZ100 00/05 cách nhiệt PU 18mm: ,40mmx 1070mm G550 .	m	rccs 01:2015/HSG.	550.0mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Dc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Dt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Không có thông tin	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa,Long An	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá bán tăng	176.000	176.000	176.000	176.000	176.000	176.000	176.000	176.000	176.000
974	Vật liệu tấm lợp, bao che	Tôn lạnh màu trong AF CL AZ100 00/05 cách nhiệt PLl 18mm: .45mmxl070mm G550	m	TCCS01:2015/HSG.	550.0mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Dc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Dt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Không có thông tin	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa,Long An	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá bán tăng	186.000	186.000	186.000	186.000	186.000	186.000	186.000	186.000	186.000
975	Vật liệu tấm lợp, bao che	Tôn lạnh màu trong AF CL AZ100 00/05 cách nhiệt PU 18mm: .50mmxl070mm G550	m	rccs 01:2015/HSG.	550.0mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Dc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Dt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Không có thông tin	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa,Long An	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá bán tăng	196.000	196.000	196.000	196.000	196.000	196.000	196.000	196.000	196.000
976	Vật liệu tấm lợp, bao che	Tôn lạnh màu AZ050 17/05 cách nhiệt Pu 16mm: .30mmxl070mm G550	m	rccs 02:2017/HSG	550.0mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Dc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Dt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Không có thông tin	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa,Long An	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá bán tăng	161.000	161.000	161.000	161.000	161.000	161.000	161.000	161.000	161.000
977	Vật liệu tấm lợp, bao che	Tôn lạnh màu AZ050 17/05 cách nhiệt Pu 16mm:).35mmxl070mm G55O	m	rccs 02:2017/HSG	55.0mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Dc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Dt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Không có thông tin	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa,Long An	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá bán tăng	171.000	171.000	171.000	171.000	171.000	171.000	171.000	171.000	171.000
978	Vật liệu tấm lợp, bao che	Tôn lạnh màu AZ050 17/05 cách nhiệt PU 16mm:).40mmxl070mm G550	m	TCCS 02:2017/HSG	550.0mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Dc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Dt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Không có thông tin	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa,Long An	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá bán tăng	181.000	181.000	181.000	181.000	181.000	181.000	181.000	181.000	181.000
979	Vật liệu tấm lợp, bao che	Tôn lạnh màu AZ050 17/05 cách nhiệt PU 16mm:).45mmx 1070mm G550	m	TCCS 02:2017/HSG	550.0mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Dc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Dt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Không có thông tin	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa,Long An	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá bán tăng	191.000	191.000	191.000	191.000	191.000	191.000	191.000	191.000	191.000
980	Vật liệu tấm lợp, bao che	Tôn lạnh màu AZ050 17/05 cách nhiệt Pu 16mm: 3.50mmx 1070mm G550	m	TCCS 02:2017/HSG	550.0mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Dc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Dt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Không có thông tin	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa,Long An	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá bán tăng	201.000	201.000	201.000	201.000	201.000	201.000	201.000	201.000	201.000

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)(đồng)								
												Khu vực TP. Tây Ninh	Khu vực TX.Trảng Bàng	Khu vực TX. Hoà Thành	Khu vực H.Tân Biên	Khu vực H.Tân Châu	Khu vực H. Châu Thành	Khu vực H.Dương Minh Châu	Khu vực H. Bến Cầu	Khu vực H. Gò Dầu
981	Vật liệu tấm lợp, bao che	Tôn lạnh màu AZ050 17/05 cách nhiệt PU 18mm: D.30mmxl070mm G550	m	TCCS 02:2017/HSG	550.0mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sông Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Dt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Không có thông tin	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa,Long An	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá bán tăng	163.000	163.000	163.000	163.000	163.000	163.000	163.000	163.000	163.000
982	Vật liệu tấm lợp, bao che	Tôn lạnh màu AZ050 17/05 cách nhiệt Pu 18mm: 0.35mmx 1070mm G550	m	TCCS 02:2017/HSG	550.0mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sông Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Dt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Không có thông tin	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa,Long An	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá bán tăng	173.000	173.000	173.000	173.000	173.000	173.000	173.000	173.000	173.000
983	Vật liệu tấm lợp, bao che	Tôn lạnh màu AZ050 17/05 cách nhiệt PU 18mm: 0.40mmxl070mm G550	m	TCCS 02:2017/HSG	550.0mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sông Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Dt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Không có thông tin	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa,Long An	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá bán tăng	183.000	183.000	183.000	183.000	183.000	183.000	183.000	183.000	183.000
984	Vật liệu tấm lợp, bao che	Tôn lạnh màu AZ050 17/05 cách nhiệt PU 18mm: 0.45mmx 1070mm G550	m	TCCS 02:2017/HSG	550.0mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sông Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Dt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Không có thông tin	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa,Long An	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá bán tăng	193.000	193.000	193.000	193.000	193.000	193.000	193.000	193.000	193.000
985	Vật liệu tấm lợp, bao che	Tôn lạnh màu AZ050 17/05 cách nhiệt Pu 18mm: 0.5()mmxl070mm G55O	m	TCCS 02:2017/HSG	55.0mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sông Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Dt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Không có thông tin	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa,Long An	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá bán tăng	203.000	203.000	203.000	203.000	203.000	203.000	203.000	203.000	203.000
986	Vật liệu tấm lợp, bao che	Ngói chính Lustime màu thường sóng tròn	viên			Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sông Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Dt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Không có thông tin	Giá vận chuyển đến KH	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	25.500	25.500	25.500	25.500	25.500	25.500	25.500	25.500	25.500
987	Vật liệu tấm lợp, bao che	Ngói chính Lustime màu coban sóng tròn	viên			Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sông Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Dt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Không có thông tin	Giá vận chuyển đến KH	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	26.000	26.000	26.000	26.000	26.000	26.000	26.000	26.000	26.000
988	Vật liệu tấm lợp, bao che	Ngói nóc Lustime sóng tròn	viên			Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sông Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Dt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Không có thông tin	Giá vận chuyển đến KH	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	37.300	37.300	37.300	37.300	37.300	37.300	37.300	37.300	37.300
989	Vật liệu tấm lợp, bao che	Ngói cuối nóc Lustime sóng tròn	viên			Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sông Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Dt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Không có thông tin	Giá vận chuyển đến KH	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	70.000	70.000	70.000	70.000	70.000	70.000	70.000	70.000	70.000
990	Vật liệu tấm lợp, bao che	Ngói rìa Lustime sóng tròn	viên			Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sông Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Dt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Không có thông tin	Giá vận chuyển đến KH	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	32.700	32.700	32.700	32.700	32.700	32.700	32.700	32.700	32.700
991	Vật liệu tấm lợp, bao che	Ngói cuối rìa Lustime sóng tròn	viên			Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sông Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Dt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Không có thông tin	Giá vận chuyển đến KH	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	68.700	68.700	68.700	68.700	68.700	68.700	68.700	68.700	68.700
992	Vật liệu tấm lợp, bao che	Ngói chạc 3 Lustime sóng tròn	viên			Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sông Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Dt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Không có thông tin	Giá vận chuyển đến KH	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	162.400	162.400	162.400	162.400	162.400	162.400	162.400	162.400	162.400
993	Vật liệu tấm lợp, bao che	Ngói cuối mái Lustime sóng tròn	viên			Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sông Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Dt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Không có thông tin	Giá vận chuyển đến KH	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	68.300	68.300	68.300	68.300	68.300	68.300	68.300	68.300	68.300
994	Sơn	Bột trét nội thất mịn VETONIC	kg	TCCS 02:2020/DURA-BT	bao 40kg	Công ty TNHH Sơn Dura Việt Nam. Đc: 72 Lê Thánh Tôn, P.Sài Gòn, TP.HCM - Dt: 0909 367 117. Công văn đề nghị công bố giá số CV-SONDURA/06_2026 ngày 03/06/2026	Việt Nam	Giao hàng tới chân công trình toàn tỉnh Tây Ninh	Đã bao gồm vận chuyển tới chân công trình	Mức giá ngày 03/06/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	8.125	8.125	8.125	8.125	8.125	8.125	8.125	8.125	8.125
995	Sơn	Bột trét ngoại thất chống thấm VETONIC	kg	TCCS 02:2020/DURA-BT	bao 40kg	Công ty TNHH Sơn Dura Việt Nam. Đc: 72 Lê Thánh Tôn, P.Sài Gòn, TP.HCM - Dt: 0909 367 117. Công văn đề nghị công bố giá số CV-SONDURA/06_2026 ngày 03/06/2026	Việt Nam	Giao hàng tới chân công trình toàn tỉnh Tây Ninh	Đã bao gồm vận chuyển tới chân công trình	Mức giá ngày 03/06/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	10.450	10.450	10.450	10.450	10.450	10.450	10.450	10.450	10.450
996	Sơn	Bột trét cao cấp nội thất ZURIK CHỐNG NẤM MỐC TỐI ƯU	kg	TCCS 02:2020/DURA-BT	bao 40kg	Công ty TNHH Sơn Dura Việt Nam. Đc: 72 Lê Thánh Tôn, P.Sài Gòn, TP.HCM - Dt: 0909 367 117. Công văn đề nghị công bố giá số CV-SONDURA/06_2026 ngày 03/06/2026	Việt Nam	Giao hàng tới chân công trình toàn tỉnh Tây Ninh	Đã bao gồm vận chuyển tới chân công trình	Mức giá ngày 03/06/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	9.500	9.500	9.500	9.500	9.500	9.500	9.500	9.500	9.500
997	Sơn	Bột trét cao cấp ngoại thất ZURIK CHỐNG THẤM	kg	TCCS 02:2020/DURA-BT	bao 40kg	Công ty TNHH Sơn Dura Việt Nam. Đc: 72 Lê Thánh Tôn, P.Sài Gòn, TP.HCM - Dt: 0909 367 117. Công văn đề nghị công bố giá số CV-SONDURA/06_2026 ngày 03/06/2026	Việt Nam	Giao hàng tới chân công trình toàn tỉnh Tây Ninh	Đã bao gồm vận chuyển tới chân công trình	Mức giá ngày 03/06/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	10.650	10.650	10.650	10.650	10.650	10.650	10.650	10.650	10.650
998	Sơn	Bột trét cao cấp ngoại và nội thất ENRIC ĐA NĂNG	kg	TCCS 02:2020/DURA-BT	bao 40kg	Công ty TNHH Sơn Dura Việt Nam. Đc: 72 Lê Thánh Tôn, P.Sài Gòn, TP.HCM - Dt: 0909 367 117. Công văn đề nghị công bố giá số CV-SONDURA/06_2026 ngày 03/06/2026	Việt Nam	Giao hàng tới chân công trình toàn tỉnh Tây Ninh	Đã bao gồm vận chuyển tới chân công trình	Mức giá ngày 03/06/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	13.200	13.200	13.200	13.200	13.200	13.200	13.200	13.200	13.200
999	Sơn	Sơn nội thất Lavender mịn Eco	lít	QCVN 16:2023/BXD QCVN 08:2020/BCT TCVN ISO 9001:2015/9001:2016	thùng 15lít	Công ty TNHH Sơn Dura Việt Nam. Đc: 72 Lê Thánh Tôn, P.Sài Gòn, TP.HCM - Dt: 0909 367 117. Công văn đề nghị công bố giá số CV-SONDURA/06_2026 ngày 03/06/2026	Việt Nam	Giao hàng tới chân công trình toàn tỉnh Tây Ninh	Đã bao gồm vận chuyển tới chân công trình	Mức giá ngày 03/06/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	47.600	47.600	47.600	47.600	47.600	47.600	47.600	47.600	47.600
1000	Sơn	Sơn nội thất Lavender đa dụng	lít	QCVN 16:2023/BXD QCVN 08:2020/BCT TCVN ISO 9001:2015/9001:2019	thùng 15lít	Công ty TNHH Sơn Dura Việt Nam. Đc: 72 Lê Thánh Tôn, P.Sài Gòn, TP.HCM - Dt: 0909 367 117. Công văn đề nghị công bố giá số CV-SONDURA/06_2026 ngày 03/06/2026	Việt Nam	Giao hàng tới chân công trình toàn tỉnh Tây Ninh	Đã bao gồm vận chuyển tới chân công trình	Mức giá ngày 03/06/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	64.333	64.333	64.333	64.333	64.333	64.333	64.333	64.333	64.333
1001	Sơn	Sơn nội thất Lavender đa dụng	lít	QCVN 16:2023/BXD QCVN 08:2020/BCT TCVN ISO 9001:2015/9001:2020	thùng 18lít	Công ty TNHH Sơn Dura Việt Nam. Đc: 72 Lê Thánh Tôn, P.Sài Gòn, TP.HCM - Dt: 0909 367 117. Công văn đề nghị công bố giá số CV-SONDURA/06_2026 ngày 03/06/2026	Việt Nam	Giao hàng tới chân công trình toàn tỉnh Tây Ninh	Đã bao gồm vận chuyển tới chân công trình	Mức giá ngày 03/06/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	64.278	64.278	64.278	64.278	64.278	64.278	64.278	64.278	64.278
1002	Sơn	Sơn nội thất Vegp bóng mờ cổ điển	lít	QCVN 16:2023/BXD QCVN 08:2020/BCT TCVN ISO 9001:2015/9001:2022	thùng 15lít	Công ty TNHH Sơn Dura Việt Nam. Đc: 72 Lê Thánh Tôn, P.Sài Gòn, TP.HCM - Dt: 0909 367 117. Công văn đề nghị công bố giá số CV-SONDURA/06_2026 ngày 03/06/2026	Việt Nam	Giao hàng tới chân công trình toàn tỉnh Tây Ninh	Đã bao gồm vận chuyển tới chân công trình	Mức giá ngày 03/06/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	96.333	96.333	96.333	96.333	96.333	96.333	96.333	96.333	96.333
1003	Sơn	Sơn nội thất Vegp bóng mờ cổ điển	lít	QCVN 16:2023/BXD QCVN 08:2020/BCT TCVN ISO 9001:2015/9001:2023	thùng 18lít	Công ty TNHH Sơn Dura Việt Nam. Đc: 72 Lê Thánh Tôn, P.Sài Gòn, TP.HCM - Dt: 0909 367 117. Công văn đề nghị công bố giá số CV-SONDURA/06_2026 ngày 03/06/2026	Việt Nam	Giao hàng tới chân công trình toàn tỉnh Tây Ninh	Đã bao gồm vận chuyển tới chân công trình	Mức giá ngày 03/06/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	96.333	96.333	96.333	96.333	96.333	96.333	96.333	96.333	96.333
1004	Sơn	Sơn nội thất Vegp lau chùi vượt trội	lít	QCVN 16:2023/BXD QCVN 08:2020/BCT TCVN ISO 9001:2015/9001:2025	thùng 15lít	Công ty TNHH Sơn Dura Việt Nam. Đc: 72 Lê Thánh Tôn, P.Sài Gòn, TP.HCM - Dt: 0909 367 117. Công văn đề nghị công bố giá số CV-SONDURA/06_2026 ngày 03/06/2026	Việt Nam	Giao hàng tới chân công trình toàn tỉnh Tây Ninh	Đã bao gồm vận chuyển tới chân công trình	Mức giá ngày 03/06/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	143.467	143.467	143.467	143.467	143.467	143.467	143.467	143.467	143.467
1005	Sơn	Sơn nội thất Vegp lau chùi vượt trội	lít	QCVN 16:2023/BXD QCVN 08:2020/BCT TCVN ISO 9001:2015/9001:2026	thùng 18lít	Công ty TNHH Sơn Dura Việt Nam. Đc: 72 Lê Thánh Tôn, P.Sài Gòn, TP.HCM - Dt: 0909 367 117. Công văn đề nghị công bố giá số CV-SONDURA/06_2026 ngày 03/06/2026	Việt Nam	Giao hàng tới chân công trình toàn tỉnh Tây Ninh	Đã bao gồm vận chuyển tới chân công trình	Mức giá ngày 03/06/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	143.444	143.444	143.444	143.444	143.444	143.444	143.444	143.444	143.444
1006	Sơn	Sơn nội thất Venic cao cấp sạch hoàn hảo	lít	QCVN 16:2023/BXD QCVN 08:2020/BCT TCVN ISO 9001:2015/9001:2028	thùng 15lít	Công ty TNHH Sơn Dura Việt Nam. Đc: 72 Lê Thánh Tôn, P.Sài Gòn, TP.HCM - Dt: 0909 367 117. Công văn đề nghị công bố giá số CV-SONDURA/06_2026 ngày 03/06/2026	Việt Nam	Giao hàng tới chân công trình toàn tỉnh Tây Ninh	Đã bao gồm vận chuyển tới chân công trình	Mức giá ngày 03/06/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	148.667	148.667	148.667	148.667	148.667	148.667	148.667	148.667	148.667
1007	Sơn	Sơn nội thất ENRIC HOÀN HẢO SẠCH KHÔNG KHÍ	lít	QCVN 16:2023/BXD QCVN 08:2020/BCT TCVN ISO 9001:2015/9001:2035	thùng 15lít	Công ty TNHH Sơn Dura Việt Nam. Đc: 72 Lê Thánh Tôn, P.Sài Gòn, TP.HCM - Dt: 0909 367 117. Công văn đề nghị công bố giá số CV-SONDURA/06_2026 ngày 03/06/2026	Việt Nam	Giao hàng tới chân công trình toàn tỉnh Tây Ninh	Đã bao gồm vận chuyển tới chân công trình	Mức giá ngày 03/06/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	171.000	171.000	171.000	171.000	171.000	171.000	171.000	171.000	171.000
1008	Sơn	Sơn nội thất ZURRIK DỄ LAU CHÙI	lít	QCVN 16:2023/BXD QCVN 08:2020/BCT TCVN ISO 9001:2015/9001:2030	thùng 15lít	Công ty TNHH Sơn Dura Việt Nam. Đc: 72 Lê Thánh Tôn, P.Sài Gòn, TP.HCM - Dt: 0909 367 117. Công văn đề nghị công bố giá số CV-SONDURA/06_2026 ngày 03/06/2026	Việt Nam	Giao hàng tới chân công trình toàn tỉnh Tây Ninh	Đã bao gồm vận chuyển tới chân công trình	Mức giá ngày 03/06/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	191.600	191.600	191.600	191.600	191.600	191.600	191.600	191.600	191.600

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)(đồng)								
												Khu vực TP. Tây Ninh	Khu vực TX.Trảng Bàng	Khu vực TX. Hoà Thành	Khu vực H.Tân Biên	Khu vực H.Tân Châu	Khu vực H. Châu Thành	Khu vực H.Dương Minh Châu	Khu vực H. Bến Cầu	Khu vực H. Gò Dầu
1009	Sơn	Sơn nội thất ZURRIK DỄ LAU CHÙI	lít	QCVN 16:2023/BXD QCVN 08:2020/BCT TCVN ISO 9001:2015/9001:2031	thùng 18lít	Công ty TNHH Sơn Dura Việt Nam. Đc: 72 Lê Thánh Tôn, P.Sài Gòn, TP.HCM - Đt: 0909 367 117. Công văn đề nghị công bố giá số CV-SONDURA/06_2026 ngày 03/06/2026	Việt Nam	Giao hàng tới chân công trình toàn tỉnh Tây Ninh	Đã bao gồm vận chuyển tới chân công trình	Mức giá ngày 03/06/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	191.611	191.611	191.611	191.611	191.611	191.611	191.611	191.611	191.611
1010	Sơn	Sơn nội thất cao cấp ENRIC CHỐNG BÁM BẨN	lít	QCVN 16:2023/BXD QCVN 08:2020/BCT TCVN ISO 9001:2015/9001:2033	thùng 18lít	Công ty TNHH Sơn Dura Việt Nam. Đc: 72 Lê Thánh Tôn, P.Sài Gòn, TP.HCM - Đt: 0909 367 117. Công văn đề nghị công bố giá số CV-SONDURA/06_2026 ngày 03/06/2026	Việt Nam	Giao hàng tới chân công trình toàn tỉnh Tây Ninh	Đã bao gồm vận chuyển tới chân công trình	Mức giá ngày 03/06/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	217.167	217.167	217.167	217.167	217.167	217.167	217.167	217.167	217.167
1011	Sơn	Sơn nội thất siêu cao cấp ENRIC BÓNG NGỌC TRAI	lít	QCVN 16:2023/BXD QCVN 08:2020/BCT TCVN ISO 9001:2015/9001:2033	thùng 18lít	Công ty TNHH Sơn Dura Việt Nam. Đc: 72 Lê Thánh Tôn, P.Sài Gòn, TP.HCM - Đt: 0909 367 117. Công văn đề nghị công bố giá số CV-SONDURA/06_2026 ngày 03/06/2026	Việt Nam	Giao hàng tới chân công trình toàn tỉnh Tây Ninh	Đã bao gồm vận chuyển tới chân công trình	Mức giá ngày 03/06/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	227.867	227.867	227.867	227.867	227.867	227.867	227.867	227.867	227.867
1012	Sơn	Sơn ngoại thất LAVENDER ĐA DỤNG	lít	QCVN 16:2023/BXD QCVN 08:2020/BCT TCVN ISO 9001:2015/9001:2016	thùng 15lít	Công ty TNHH Sơn Dura Việt Nam. Đc: 72 Lê Thánh Tôn, P.Sài Gòn, TP.HCM - Đt: 0909 367 117. Công văn đề nghị công bố giá số CV-SONDURA/06_2026 ngày 03/06/2026	Việt Nam	Giao hàng tới chân công trình toàn tỉnh Tây Ninh	Đã bao gồm vận chuyển tới chân công trình	Mức giá ngày 03/06/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	113.200	113.200	113.200	113.200	113.200	113.200	113.200	113.200	113.200
1013	Sơn	Sơn ngoại thất LAVENDER ĐA DỤNG	lít	QCVN 16:2023/BXD QCVN 08:2020/BCT TCVN ISO 9001:2015/9001:2017	thùng 18lít	Công ty TNHH Sơn Dura Việt Nam. Đc: 72 Lê Thánh Tôn, P.Sài Gòn, TP.HCM - Đt: 0909 367 117. Công văn đề nghị công bố giá số CV-SONDURA/06_2026 ngày 03/06/2026	Việt Nam	Giao hàng tới chân công trình toàn tỉnh Tây Ninh	Đã bao gồm vận chuyển tới chân công trình	Mức giá ngày 03/06/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	113.222	113.222	113.222	113.222	113.222	113.222	113.222	113.222	113.222
1014	Sơn	Sơn ngoại thất VEGO BÓNG MỜ CỐ ĐIỂN	lít	QCVN 16:2023/BXD QCVN 08:2020/BCT TCVN ISO 9001:2015/9001:2019	thùng 15lít	Công ty TNHH Sơn Dura Việt Nam. Đc: 72 Lê Thánh Tôn, P.Sài Gòn, TP.HCM - Đt: 0909 367 117. Công văn đề nghị công bố giá số CV-SONDURA/06_2026 ngày 03/06/2026	Việt Nam	Giao hàng tới chân công trình toàn tỉnh Tây Ninh	Đã bao gồm vận chuyển tới chân công trình	Mức giá ngày 03/06/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	177.800	177.800	177.800	177.800	177.800	177.800	177.800	177.800	177.800
1015	Sơn	Sơn ngoại thất VEGO BÓNG MỜ CỔ ĐIỂN	lít	QCVN 16:2023/BXD QCVN 08:2020/BCT TCVN ISO 9001:2015/9001:2020	thùng 18lít	Công ty TNHH Sơn Dura Việt Nam. Đc: 72 Lê Thánh Tôn, P.Sài Gòn, TP.HCM - Đt: 0909 367 117. Công văn đề nghị công bố giá số CV-SONDURA/06_2026 ngày 03/06/2026	Việt Nam	Giao hàng tới chân công trình toàn tỉnh Tây Ninh	Đã bao gồm vận chuyển tới chân công trình	Mức giá ngày 03/06/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	177.833	177.833	177.833	177.833	177.833	177.833	177.833	177.833	177.833
1016	Sơn	Sơn ngoại thất ZURIK NGOẠI THẤT BÓNG	lít	QCVN 16:2023/BXD QCVN 08:2020/BCT TCVN ISO 9001:2015/9001:2022	thùng 15lít	Công ty TNHH Sơn Dura Việt Nam. Đc: 72 Lê Thánh Tôn, P.Sài Gòn, TP.HCM - Đt: 0909 367 117. Công văn đề nghị công bố giá số CV-SONDURA/06_2026 ngày 03/06/2026	Việt Nam	Giao hàng tới chân công trình toàn tỉnh Tây Ninh	Đã bao gồm vận chuyển tới chân công trình	Mức giá ngày 03/06/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	251.733	251.733	251.733	251.733	251.733	251.733	251.733	251.733	251.733
1017	Sơn	Sơn ngoại thất ZURIK NGOẠI THẤT BÓNG	lít	QCVN 16:2023/BXD QCVN 08:2020/BCT TCVN ISO 9001:2015/9001:2023	thùng 18lít	Công ty TNHH Sơn Dura Việt Nam. Đc: 72 Lê Thánh Tôn, P.Sài Gòn, TP.HCM - Đt: 0909 367 117. Công văn đề nghị công bố giá số CV-SONDURA/06_2026 ngày 03/06/2026	Việt Nam	Giao hàng tới chân công trình toàn tỉnh Tây Ninh	Đã bao gồm vận chuyển tới chân công trình	Mức giá ngày 03/06/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	251.667	251.667	251.667	251.667	251.667	251.667	251.667	251.667	251.667
1018	Sơn	Sơn ngoại thất cao cấp VENIC MƯA LÀ MỜI	lít	QCVN 16:2023/BXD QCVN 08:2020/BCT TCVN ISO 9001:2015/9001:2025	thùng 15lít	Công ty TNHH Sơn Dura Việt Nam. Đc: 72 Lê Thánh Tôn, P.Sài Gòn, TP.HCM - Đt: 0909 367 117. Công văn đề nghị công bố giá số CV-SONDURA/06_2026 ngày 03/06/2026	Việt Nam	Giao hàng tới chân công trình toàn tỉnh Tây Ninh	Đã bao gồm vận chuyển tới chân công trình	Mức giá ngày 03/06/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	282.067	282.067	282.067	282.067	282.067	282.067	282.067	282.067	282.067
1019	Sơn	Sơn ngoại thất cao cấp ENRIC MÁT LẠNH	lít	QCVN 16:2023/BXD QCVN 08:2020/BCT TCVN ISO 9001:2015/9001:2026	lon 5lít	Công ty TNHH Sơn Dura Việt Nam. Đc: 72 Lê Thánh Tôn, P.Sài Gòn, TP.HCM - Đt: 0909 367 117. Công văn đề nghị công bố giá số CV-SONDURA/06_2026 ngày 03/06/2026	Việt Nam	Giao hàng tới chân công trình toàn tỉnh Tây Ninh	Đã bao gồm vận chuyển tới chân công trình	Mức giá ngày 03/06/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	310.800	310.800	310.800	310.800	310.800	310.800	310.800	310.800	310.800
1020	Sơn	Sơn ngoại thất siêu cao cấp ENRIC HOÀN HẢO	lít	QCVN 16:2023/BXD QCVN 08:2020/BCT TCVN ISO 9001:2015/9001:2019	thùng 15lít	Công ty TNHH Sơn Dura Việt Nam. Đc: 72 Lê Thánh Tôn, P.Sài Gòn, TP.HCM - Đt: 0909 367 117. Công văn đề nghị công bố giá số CV-SONDURA/06_2026 ngày 03/06/2026	Việt Nam	Giao hàng tới chân công trình toàn tỉnh Tây Ninh	Đã bao gồm vận chuyển tới chân công trình	Mức giá ngày 03/06/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	322.800	322.800	322.800	322.800	322.800	322.800	322.800	322.800	322.800
1021	Sơn	Sơn lót nội và ngoại thất LAVENDER ĐA DỤNG	lít	QCVN 16:2023/BXD QCVN 08:2020/BCT TCVN ISO 9001:2015/9001:2016	thùng 15lít	Công ty TNHH Sơn Dura Việt Nam. Đc: 72 Lê Thánh Tôn, P.Sài Gòn, TP.HCM - Đt: 0909 367 117. Công văn đề nghị công bố giá số CV-SONDURA/06_2026 ngày 03/06/2026	Việt Nam	Giao hàng tới chân công trình toàn tỉnh Tây Ninh	Đã bao gồm vận chuyển tới chân công trình	Mức giá ngày 03/06/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	129.933	129.933	129.933	129.933	129.933	129.933	129.933	129.933	129.933
1022	Sơn	Sơn lót nội và ngoại thất LAVENDER ĐA DỤNG	lít	QCVN 16:2023/BXD QCVN 08:2020/BCT TCVN ISO 9001:2015/9001:2017	thùng 18lít	Công ty TNHH Sơn Dura Việt Nam. Đc: 72 Lê Thánh Tôn, P.Sài Gòn, TP.HCM - Đt: 0909 367 117. Công văn đề nghị công bố giá số CV-SONDURA/06_2026 ngày 03/06/2026	Việt Nam	Giao hàng tới chân công trình toàn tỉnh Tây Ninh	Đã bao gồm vận chuyển tới chân công trình	Mức giá ngày 03/06/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	129.944	129.944	129.944	129.944	129.944	129.944	129.944	129.944	129.944
1023	Sơn	Sơn lót nội thất cao cấp ENRIC NANO SEALER NỘI THẤT	lít	QCVN 16:2023/BXD QCVN 08:2020/BCT TCVN ISO 9001:2015/9001:2019	thùng 15lít	Công ty TNHH Sơn Dura Việt Nam. Đc: 72 Lê Thánh Tôn, P.Sài Gòn, TP.HCM - Đt: 0909 367 117. Công văn đề nghị công bố giá số CV-SONDURA/06_2026 ngày 03/06/2026	Việt Nam	Giao hàng tới chân công trình toàn tỉnh Tây Ninh	Đã bao gồm vận chuyển tới chân công trình	Mức giá ngày 03/06/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	122.067	122.067	122.067	122.067	122.067	122.067	122.067	122.067	122.067
1024	Sơn	Sơn lót nội thất cao cấp ENRIC NANO SEALER NỘI THẤT	lít	QCVN 16:2023/BXD QCVN 08:2020/BCT TCVN ISO 9001:2015/9001:2020	thùng 18lít	Công ty TNHH Sơn Dura Việt Nam. Đc: 72 Lê Thánh Tôn, P.Sài Gòn, TP.HCM - Đt: 0909 367 117. Công văn đề nghị công bố giá số CV-SONDURA/06_2026 ngày 03/06/2026	Việt Nam	Giao hàng tới chân công trình toàn tỉnh Tây Ninh	Đã bao gồm vận chuyển tới chân công trình	Mức giá ngày 03/06/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	122.056	122.056	122.056	122.056	122.056	122.056	122.056	122.056	122.056
1025	Sơn	Sơn lót nội ngoại thất ENRIC KHÁNG KIỀM ĐA NĂNG	lít	QCVN 16:2023/BXD QCVN 08:2020/BCT TCVN ISO 9001:2015/9001:2022	thùng 15lít	Công ty TNHH Sơn Dura Việt Nam. Đc: 72 Lê Thánh Tôn, P.Sài Gòn, TP.HCM - Đt: 0909 367 117. Công văn đề nghị công bố giá số CV-SONDURA/06_2026 ngày 03/06/2026	Việt Nam	Giao hàng tới chân công trình toàn tỉnh Tây Ninh	Đã bao gồm vận chuyển tới chân công trình	Mức giá ngày 03/06/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	153.267	153.267	153.267	153.267	153.267	153.267	153.267	153.267	153.267
1026	Sơn	Sơn lót nội ngoại thất ENRIC KHÁNG KIỀM ĐA NĂNG	lít	QCVN 16:2023/BXD QCVN 08:2020/BCT TCVN ISO 9001:2015/9001:2023	thùng 18lít	Công ty TNHH Sơn Dura Việt Nam. Đc: 72 Lê Thánh Tôn, P.Sài Gòn, TP.HCM - Đt: 0909 367 117. Công văn đề nghị công bố giá số CV-SONDURA/06_2026 ngày 03/06/2026	Việt Nam	Giao hàng tới chân công trình toàn tỉnh Tây Ninh	Đã bao gồm vận chuyển tới chân công trình	Mức giá ngày 03/06/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	153.278	153.278	153.278	153.278	153.278	153.278	153.278	153.278	153.278
1027	Sơn	Sơn lót ngoại thất cao cấp ENRIC NANO SEALER NGOẠI THẤT	lít	QCVN 16:2023/BXD QCVN 08:2020/BCT TCVN ISO 9001:2015/9001:2025	thùng 15lít	Công ty TNHH Sơn Dura Việt Nam. Đc: 72 Lê Thánh Tôn, P.Sài Gòn, TP.HCM - Đt: 0909 367 117. Công văn đề nghị công bố giá số CV-SONDURA/06_2026 ngày 03/06/2026	Việt Nam	Giao hàng tới chân công trình toàn tỉnh Tây Ninh	Đã bao gồm vận chuyển tới chân công trình	Mức giá ngày 03/06/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	122.067	122.067	122.067	122.067	122.067	122.067	122.067	122.067	122.067
1028	Sơn	Sơn lót ngoại thất cao cấp ENRIC NANO SEALER NGOẠI THẤT	lít	QCVN 16:2023/BXD QCVN 08:2020/BCT TCVN ISO 9001:2015/9001:2026	thùng 18lít	Công ty TNHH Sơn Dura Việt Nam. Đc: 72 Lê Thánh Tôn, P.Sài Gòn, TP.HCM - Đt: 0909 367 117. Công văn đề nghị công bố giá số CV-SONDURA/06_2026 ngày 03/06/2026	Việt Nam	Giao hàng tới chân công trình toàn tỉnh Tây Ninh	Đã bao gồm vận chuyển tới chân công trình	Mức giá ngày 03/06/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	122.056	122.056	122.056	122.056	122.056	122.056	122.056	122.056	122.056
1029	Sơn	Sơn lót cách nhiệt ngoại thất siêu cao cấp ENRIC HEAT INSULATION	lít	QCVN 16:2023/BXD QCVN 08:2020/BCT TCVN ISO 9001:2015/9001:2028	thùng 18lít	Công ty TNHH Sơn Dura Việt Nam. Đc: 72 Lê Thánh Tôn, P.Sài Gòn, TP.HCM - Đt: 0909 367 117. Công văn đề nghị công bố giá số CV-SONDURA/06_2026 ngày 03/06/2026	Việt Nam	Giao hàng tới chân công trình toàn tỉnh Tây Ninh	Đã bao gồm vận chuyển tới chân công trình	Mức giá ngày 03/06/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	212.500	212.500	212.500	212.500	212.500	212.500	212.500	212.500	212.500
1030	Sơn	Chống thấm thẩm thấu cho tường đứng - ENRIC CHỐNG THẤM ĐA NĂNG	lít	TCCS 03:2020/CT-DR	thùng 15lít	Công ty TNHH Sơn Dura Việt Nam. Đc: 72 Lê Thánh Tôn, P.Sài Gòn, TP.HCM - Đt: 0909 367 117. Công văn đề nghị công bố giá số CV-SONDURA/06_2026 ngày 03/06/2026	Việt Nam	Giao hàng tới chân công trình toàn tỉnh Tây Ninh	Đã bao gồm vận chuyển tới chân công trình	Mức giá ngày 03/06/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	107.667	107.667	107.667	107.667	107.667	107.667	107.667	107.667	107.667
1031	Sơn	Chống thấm thẩm thấu cho tường đứng - ENRIC CHỐNG THẤM ĐA NĂNG	lít	TCCS 03:2020/CT-DR	thùng 18lít	Công ty TNHH Sơn Dura Việt Nam. Đc: 72 Lê Thánh Tôn, P.Sài Gòn, TP.HCM - Đt: 0909 367 117. Công văn đề nghị công bố giá số CV-SONDURA/06_2026 ngày 03/06/2026	Việt Nam	Giao hàng tới chân công trình toàn tỉnh Tây Ninh	Đã bao gồm vận chuyển tới chân công trình	Mức giá ngày 03/06/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	107.667	107.667	107.667	107.667	107.667	107.667	107.667	107.667	107.667
1032	Sơn	Chống thấm 2 thành phần - pha xi măng - ENRIC CHỐNG THẤM 2:1	lít	TCCS 03:2020/CT-DR	thùng 15lít	Công ty TNHH Sơn Dura Việt Nam. Đc: 72 Lê Thánh Tôn, P.Sài Gòn, TP.HCM - Đt: 0909 367 117. Công văn đề nghị công bố giá số CV-SONDURA/06_2026 ngày 03/06/2026	Việt Nam	Giao hàng tới chân công trình toàn tỉnh Tây Ninh	Đã bao gồm vận chuyển tới chân công trình	Mức giá ngày 03/06/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	133.133	133.133	133.133	133.133	133.133	133.133	133.133	133.133	133.133
1033	Sơn	Chống thấm 2 thành phần - pha xi măng - ENRIC CHỐNG THẤM 2:1	lít	TCCS 03:2020/CT-DR	thùng 18lít	Công ty TNHH Sơn Dura Việt Nam. Đc: 72 Lê Thánh Tôn, P.Sài Gòn, TP.HCM - Đt: 0909 367 117. Công văn đề nghị công bố giá số CV-SONDURA/06_2026 ngày 03/06/2026	Việt Nam	Giao hàng tới chân công trình toàn tỉnh Tây Ninh	Đã bao gồm vận chuyển tới chân công trình	Mức giá ngày 03/06/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	133.111	133.111	133.111	133.111	133.111	133.111	133.111	133.111	133.111
1034	Sơn	ENRIC CHỐNG THẤM ĐA MÀU SẮC (Chống thấm pha màu - hiệu ứng lá sen)	lít	TCCS 03:2020/CT-DR	thùng 15lít	Công ty TNHH Sơn Dura Việt Nam. Đc: 72 Lê Thánh Tôn, P.Sài Gòn, TP.HCM - Đt: 0909 367 117. Công văn đề nghị công bố giá số CV-SONDURA/06_2026 ngày 03/06/2026	Việt Nam	Giao hàng tới chân công trình toàn tỉnh Tây Ninh	Đã bao gồm vận chuyển tới chân công trình	Mức giá ngày 03/06/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	169.467	169.467	169.467	169.467	169.467	169.467	169.467	169.467	169.467
1035	Sơn	Chống thấm pha màu - hiệu ứng lá sen - ENRIC CHỐNG THẤM ĐA MÀU SẮC	lít	TCCS 03:2020/CT-DR	thùng 18lít	Công ty TNHH Sơn Dura Việt Nam. Đc: 72 Lê Thánh Tôn, P.Sài Gòn, TP.HCM - Đt: 0909 367 117. Công văn đề nghị công bố giá số CV-SONDURA/06_2026 ngày 03/06/2026	Việt Nam	Giao hàng tới chân công trình toàn tỉnh Tây Ninh	Đã bao gồm vận chuyển tới chân công trình	Mức giá ngày 03/06/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	169.444	169.444	169.444	169.444	169.444	169.444	169.444	169.444	169.444
1036	Sơn	Chống thấm WC & sân thượng ENRIC CHUYÊN DỤNG 7117	kg	TCCS 03:2020/CT-DR	01bộ: 5lít & 15kg	Công ty TNHH Sơn Dura Việt Nam. Đc: 72 Lê Thánh Tôn, P.Sài Gòn, TP.HCM - Đt: 0909 367 117. Công văn đề nghị công bố giá số CV-SONDURA/06_2026 ngày 03/06/2026	Việt Nam	Giao hàng tới chân công trình toàn tỉnh Tây Ninh	Đã bao gồm vận chuyển tới chân công trình	Mức giá ngày 03/06/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	41.550	41.550	41.550	41.550	41.550	41.550	41.550	41.550	41.550
1037	Sơn	Lớp lót chống nóng & chống thấm chuyên dụng Sân Thượng ENRIC PRIMER	kg	TCCS 03:2020/CT-DR	thùng 15kg	Công ty TNHH Sơn Dura Việt Nam. Đc: 72 Lê Thánh Tôn, P.Sài Gòn, TP.HCM - Đt: 0909 367 117. Công văn đề nghị công bố giá số CV-SONDURA/06_2026 ngày 03/06/2026	Việt Nam	Giao hàng tới chân công trình toàn tỉnh Tây Ninh	Đã bao gồm vận chuyển tới chân công trình	Mức giá ngày 03/06/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	110.200	110.200	110.200	110.200	110.200	110.200	110.200	110.200	110.200
1038	Sơn	Lớp phủ sợi thuỷ tinh gia cường siêu bền, chống nóng & chống thấm chuyên dụng Sân Thượng ENRIC SEAL	kg	TCCS 03:2020/CT-DR	thùng 15kg	Công ty TNHH Sơn Dura Việt Nam. Đc: 72 Lê Thánh Tôn, P.Sài Gòn, TP.HCM - Đt: 0909 367 117. Công văn đề nghị công bố giá số CV-SONDURA/06_2026 ngày 03/06/2026	Việt Nam	Giao hàng tới chân công trình toàn tỉnh Tây Ninh	Đã bao gồm vận chuyển tới chân công trình	Mức giá ngày 03/06/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	297.067	297.067	297.067	297.067	297.067	297.067	297.067	297.067	297.067
1039	Sơn	Bột trét ngoại thất cao cấp KOVA CITY	Bao	TCVN 7239:2014	Bao 40kg	Công ty TNHH Kova Nanopro. Đc: Nguyễn Hữu Cảnh, P.Thạnh Mỹ Tây, TP.HCM - Đt: 0985595254. Công văn đề nghị công bố giá số CV-KOVA/0526-05 ngày 15/05/2026	Việt Nam	Bán lẻ	Giao tại chân công trình	Mức giá ngày 01/05/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	671.296	671.296	671.296	671.296	671.296	671.296	671.296	671.296	671.296

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)(đồng)								
												Khu vực TP. Tây Ninh	Khu vực TX.Trảng Bàng	Khu vực TX. Hoà Thành	Khu vực H.Tân Biên	Khu vực H.Tân Châu	Khu vực H. Châu Thành	Khu vực H.Dương Minh Châu	Khu vực H. Bến Cầu	Khu vực H. Gò Dầu
1040	Sơn	Bột trét nội thất cao cấp KOVA CITY	Bao	TCVN 7239:2014	Bao 40kg	Công ty TNHH Kova Nanopro. Đc: Nguyễn Hữu Cảnh, P.Thạnh Mỹ Tây, TP.HCM - Dt: 0985595254. Công văn đề nghị công bố giá số CV-KOVA/0526-05 ngày 15/05/2026	Việt Nam	Bán lẻ	Giao tại chân công trình	Mức giá ngày 01/05/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	507.407	507.407	507.407	507.407	507.407	507.407	507.407	507.407	507.407
1041	Sơn	Bột trét nội thất KOVA DX	Bao	TCVN 7239:2014	Bao 40kg	Công ty TNHH Kova Nanopro. Đc: Nguyễn Hữu Cảnh, P.Thạnh Mỹ Tây, TP.HCM - Dt: 0985595254. Công văn đề nghị công bố giá số CV-KOVA/0526-05 ngày 15/05/2026	Việt Nam	Bán lẻ	Giao tại chân công trình	Mức giá ngày 01/05/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	496.296	496.296	496.296	496.296	496.296	496.296	496.296	496.296	496.296
1042	Sơn	Chất chống thấm cao cấp KOVA CT-11A Plus Sê	Thùng	TCVN 12692:2020	Thùng 22kg	Công ty TNHH Kova Nanopro. Đc: Nguyễn Hữu Cảnh, P.Thạnh Mỹ Tây, TP.HCM - Dt: 0985595254. Công văn đề nghị công bố giá số CV-KOVA/0526-05 ngày 15/05/2026	Việt Nam	Bán lẻ	Giao tại chân công trình	Mức giá ngày 01/05/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	3.842.593	3.842.593	3.842.593	3.842.593	3.842.593	3.842.593	3.842.593	3.842.593	3.842.593
1043	Sơn	Chất chống thấm cao cấp KOVA CT-11A Plus Tu	Thùng	TCVN 12692:2020	Thùng 22kg	Công ty TNHH Kova Nanopro. Đc: Nguyễn Hữu Cảnh, P.Thạnh Mỹ Tây, TP.HCM - Dt: 0985595254. Công văn đề nghị công bố giá số CV-KOVA/0526-05 ngày 15/05/2026	Việt Nam	Bán lẻ	Giao tại chân công trình	Mức giá ngày 01/05/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	3.655.556	3.655.556	3.655.556	3.655.556	3.655.556	3.655.556	3.655.556	3.655.556	3.655.556
1044	Sơn	Chất chống thấm KOVA CT-11A PU Sân mái	Thùng	TCCS262:2024/ KOVANANOPRO	Thùng 22kg	Công ty TNHH Kova Nanopro. Đc: Nguyễn Hữu Cảnh, P.Thạnh Mỹ Tây, TP.HCM - Dt: 0985595254. Công văn đề nghị công bố giá số CV-KOVA/0526-05 ngày 15/05/2026	Việt Nam	Bán lẻ	Giao tại chân công trình	Mức giá ngày 01/05/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	4.250.000	4.250.000	4.250.000	4.250.000	4.250.000	4.250.000	4.250.000	4.250.000	4.250.000
1045	Sơn	Chất chống thấm màu KOVA CT-11A Color	Thùng	TCVN 8652:2020 QCVN 16:2023/BXD QCVN 08:2020/BCT	Thùng 22kg	Công ty TNHH Kova Nanopro. Đc: Nguyễn Hữu Cảnh, P.Thạnh Mỹ Tây, TP.HCM - Dt: 0985595254. Công văn đề nghị công bố giá số CV-KOVA/0526-05 ngày 15/05/2026	Việt Nam	Bán lẻ	Giao tại chân công trình	Mức giá ngày 01/05/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	5.185.185	5.185.185	5.185.185	5.185.185	5.185.185	5.185.185	5.185.185	5.185.185	5.185.185
1046	Sơn	Chất phụ gia chống thấm KOVA CT11B	Thùng	TCCS 15:2018/ KOVANANOPRO	Thùng 4kg	Công ty TNHH Kova Nanopro. Đc: Nguyễn Hữu Cảnh, P.Thạnh Mỹ Tây, TP.HCM - Dt: 0985595254. Công văn đề nghị công bố giá số CV-KOVA/0526-05 ngày 15/05/2026	Việt Nam	Bán lẻ	Giao tại chân công trình	Mức giá ngày 01/05/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	678.704	678.704	678.704	678.704	678.704	678.704	678.704	678.704	678.704
1047	Sơn	Mastic dẻo KOVA Đa năng	Thùng	TCCS204:2023/ KOVANANOPRO	Thùng 25kg	Công ty TNHH Kova Nanopro. Đc: Nguyễn Hữu Cảnh, P.Thạnh Mỹ Tây, TP.HCM - Dt: 0985595254. Công văn đề nghị công bố giá số CV-KOVA/0526-05 ngày 15/05/2026	Việt Nam	Bán lẻ	Giao tại chân công trình	Mức giá ngày 01/05/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	1.144.444	1.144.444	1.144.444	1.144.444	1.144.444	1.144.444	1.144.444	1.144.444	1.144.444
1048	Sơn	Mastic Epoxy KOVA KL-5 sàn	Bộ	TCCS75:2018/ KOVANANOPRO	Bộ 5kg	Công ty TNHH Kova Nanopro. Đc: Nguyễn Hữu Cảnh, P.Thạnh Mỹ Tây, TP.HCM - Dt: 0985595254. Công văn đề nghị công bố giá số CV-KOVA/0526-05 ngày 15/05/2026	Việt Nam	Bán lẻ	Giao tại chân công trình	Mức giá ngày 01/05/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	867.593	867.593	867.593	867.593	867.593	867.593	867.593	867.593	867.593
1049	Sơn	Mastic chịu ẩm KOVA SK-6	Bộ	TCCS86:2018/ KOVANANOPRO	Bộ 10kg	Công ty TNHH Kova Nanopro. Đc: Nguyễn Hữu Cảnh, P.Thạnh Mỹ Tây, TP.HCM - Dt: 0985595254. Công văn đề nghị công bố giá số CV-KOVA/0526-05 ngày 15/05/2026	Việt Nam	Bán lẻ	Giao tại chân công trình	Mức giá ngày 01/05/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	990.741	990.741	990.741	990.741	990.741	990.741	990.741	990.741	990.741
1050	Sơn	Keo KOVA Clear Nano	Lon	TCCS221:2024/ KOVANANOPRO	Lon 1L	Công ty TNHH Kova Nanopro. Đc: Nguyễn Hữu Cảnh, P.Thạnh Mỹ Tây, TP.HCM - Dt: 0985595254. Công văn đề nghị công bố giá số CV-KOVA/0526-05 ngày 15/05/2026	Việt Nam	Bán lẻ	Giao tại chân công trình	Mức giá ngày 01/05/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	350.000	350.000	350.000	350.000	350.000	350.000	350.000	350.000	350.000
1051	Sơn	Keo KOVA Clear	Thùng	TCCS203:2023/ KOVANANOPRO	Thùng 5L	Công ty TNHH Kova Nanopro. Đc: Nguyễn Hữu Cảnh, P.Thạnh Mỹ Tây, TP.HCM - Dt: 0985595254. Công văn đề nghị công bố giá số CV-KOVA/0526-05 ngày 15/05/2026	Việt Nam	Bán lẻ	Giao tại chân công trình	Mức giá ngày 01/05/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	1.458.333	1.458.333	1.458.333	1.458.333	1.458.333	1.458.333	1.458.333	1.458.333	1.458.333
1052	Sơn	Sơn công nghiệp EPOXY KOVA KL-5Tường	Bộ	QCVN 08:2020/BCT TCCS72:2018/ KOVANANOPRO	Bộ 5kg	Công ty TNHH Kova Nanopro. Đc: Nguyễn Hữu Cảnh, P.Thạnh Mỹ Tây, TP.HCM - Dt: 0985595254. Công văn đề nghị công bố giá số CV-KOVA/0526-05 ngày 15/05/2026	Việt Nam	Bán lẻ	Giao tại chân công trình	Mức giá ngày 01/05/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	2.085.185	2.085.185	2.085.185	2.085.185	2.085.185	2.085.185	2.085.185	2.085.185	2.085.185
1053	Sơn	Sơn công nghiệp EPOXY KOVA KL-5Tường kháng khuẩn	Bộ	QCVN 08:2020/BCT TCCS74:2018/ KOVANANOPRO	Bộ 5kg	Công ty TNHH Kova Nanopro. Đc: Nguyễn Hữu Cảnh, P.Thạnh Mỹ Tây, TP.HCM - Dt: 0985595254. Công văn đề nghị công bố giá số CV-KOVA/0526-05 ngày 15/05/2026	Việt Nam	Bán lẻ	Giao tại chân công trình	Mức giá ngày 01/05/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	2.375.000	2.375.000	2.375.000	2.375.000	2.375.000	2.375.000	2.375.000	2.375.000	2.375.000
1054	Sơn	Sơn công nghiệp EPOXY KOVA KL-5 sàn	Bộ	QCVN 08:2020/BCT TCCS71:2018/ KOVANANOPRO	Bộ 5kg	Công ty TNHH Kova Nanopro. Đc: Nguyễn Hữu Cảnh, P.Thạnh Mỹ Tây, TP.HCM - Dt: 0985595254. Công văn đề nghị công bố giá số CV-KOVA/0526-05 ngày 15/05/2026	Việt Nam	Bán lẻ	Giao tại chân công trình	Mức giá ngày 01/05/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	2.085.185	2.085.185	2.085.185	2.085.185	2.085.185	2.085.185	2.085.185	2.085.185	2.085.185
1055	Sơn	Sơn công nghiệp EPOXY KOVA KL-5 sàn kháng khuẩn	Bộ	QCVN 08:2020/BCT TCCS73:2018/ KOVANANOPRO	Bộ 5kg	Công ty TNHH Kova Nanopro. Đc: Nguyễn Hữu Cảnh, P.Thạnh Mỹ Tây, TP.HCM - Dt: 0985595254. Công văn đề nghị công bố giá số CV-KOVA/0526-05 ngày 15/05/2026	Việt Nam	Bán lẻ	Giao tại chân công trình	Mức giá ngày 01/05/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	2.375.000	2.375.000	2.375.000	2.375.000	2.375.000	2.375.000	2.375.000	2.375.000	2.375.000
1056	Sơn	Sơn lót epoxy Tự làm phẳng KOVA Self-levelling - Màu nhạt	Bộ	QCVN 08:2020/BCT TCCS106:2018/ KOVANANOPRO	Bộ 5kg	Công ty TNHH Kova Nanopro. Đc: Nguyễn Hữu Cảnh, P.Thạnh Mỹ Tây, TP.HCM - Dt: 0985595254. Công văn đề nghị công bố giá số CV-KOVA/0526-05 ngày 15/05/2026	Việt Nam	Bán lẻ	Giao tại chân công trình	Mức giá ngày 01/05/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	1.198.148	1.198.148	1.198.148	1.198.148	1.198.148	1.198.148	1.198.148	1.198.148	1.198.148
1057	Sơn	Sơn ngoại thất cao cấp KOVA CT-04 Chống Nón	Thùng	TCVN 8652:2020 QCVN 16:2023/BXD QCVN 08:2020/BCT	Thùng 18 lít	Công ty TNHH Kova Nanopro. Đc: Nguyễn Hữu Cảnh, P.Thạnh Mỹ Tây, TP.HCM - Dt: 0985595254. Công văn đề nghị công bố giá số CV-KOVA/0526-05 ngày 15/05/2026	Việt Nam	Bán lẻ	Giao tại chân công trình	Mức giá ngày 01/05/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	7.770.370	7.770.370	7.770.370	7.770.370	7.770.370	7.770.370	7.770.370	7.770.370	7.770.370
1058	Sơn	sơn chống gỉ hệ nước KOVA KG-01	Thùng	QCVN 08:2020/BCT TCCS79:2018/ KOVANANOPRO	Thùng 5kg	Công ty TNHH Kova Nanopro. Đc: Nguyễn Hữu Cảnh, P.Thạnh Mỹ Tây, TP.HCM - Dt: 0985595254. Công văn đề nghị công bố giá số CV-KOVA/0526-05 ngày 15/05/2026	Việt Nam	Bán lẻ	Giao tại chân công trình	Mức giá ngày 01/05/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	1.770.370	1.770.370	1.770.370	1.770.370	1.770.370	1.770.370	1.770.370	1.770.370	1.770.370
1059	Sơn	Sơn Đá Nghệ Thuật KOVA Art stone	Thùng	QCVN 08:2020/BCT TCCS65:2018/ KOVANANOPRO	Thùng 20kg	Công ty TNHH Kova Nanopro. Đc: Nguyễn Hữu Cảnh, P.Thạnh Mỹ Tây, TP.HCM - Dt: 0985595254. Công văn đề nghị công bố giá số CV-KOVA/0526-05 ngày 15/05/2026	Việt Nam	Bán lẻ	Giao tại chân công trình	Mức giá ngày 01/05/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	5.018.519	5.018.519	5.018.519	5.018.519	5.018.519	5.018.519	5.018.519	5.018.519	5.018.519
1060	Sơn	Sơn lót ngoại thất kháng kiềm KOVA K-207	Thùng	TCVN 8652:2020 QCVN 16:2023/BXD QCVN 08:2020/BCT	Thùng 16 lít	Công ty TNHH Kova Nanopro. Đc: Nguyễn Hữu Cảnh, P.Thạnh Mỹ Tây, TP.HCM - Dt: 0985595254. Công văn đề nghị công bố giá số CV-KOVA/0526-05 ngày 15/05/2026	Việt Nam	Bán lẻ	Giao tại chân công trình	Mức giá ngày 01/05/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	3.043.519	3.043.519	3.043.519	3.043.519	3.043.519	3.043.519	3.043.519	3.043.519	3.043.519
1061	Sơn	Sơn lót ngoại thất kháng kiềm KOVA K-209	Thùng	TCVN 8652:2020 QCVN 16:2023/BXD QCVN 08:2020/BCT	Thùng 16 lít	Công ty TNHH Kova Nanopro. Đc: Nguyễn Hữu Cảnh, P.Thạnh Mỹ Tây, TP.HCM - Dt: 0985595254. Công văn đề nghị công bố giá số CV-KOVA/0526-05 ngày 15/05/2026	Việt Nam	Bán lẻ	Giao tại chân công trình	Mức giá ngày 01/05/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	3.937.963	3.937.963	3.937.963	3.937.963	3.937.963	3.937.963	3.937.963	3.937.963	3.937.963
1062	Sơn	Sơn lót nội thất kháng kiềm KOVA K-109	Thùng	TCVN 8652:2020 QCVN 16:2023/BXD QCVN 08:2020/BCT	Thùng 16 lít	Công ty TNHH Kova Nanopro. Đc: Nguyễn Hữu Cảnh, P.Thạnh Mỹ Tây, TP.HCM - Dt: 0985595254. Công văn đề nghị công bố giá số CV-KOVA/0526-05 ngày 15/05/2026	Việt Nam	Bán lẻ	Giao tại chân công trình	Mức giá ngày 01/05/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	2.110.185	2.110.185	2.110.185	2.110.185	2.110.185	2.110.185	2.110.185	2.110.185	2.110.185
1063	Sơn	Sơn ngoại thất cao cấp KOVA CT-04 Bền Màu	Thùng	TCVN 8652:2020 QCVN 16.-2023/BXD QCVN 08:2020/BCT	Thùng 18 lít	Công ty TNHH Kova Nanopro. Đc: Nguyễn Hữu Cảnh, P.Thạnh Mỹ Tây, TP.HCM - Dt: 0985595254. Công văn đề nghị công bố giá số CV-KOVA/0526-05 ngày 15/05/2026	Việt Nam	Bán lẻ	Giao tại chân công trình	Mức giá ngày 01/05/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	8.724.074	8.724.074	8.724.074	8.724.074	8.724.074	8.724.074	8.724.074	8.724.074	8.724.074
1064	Sơn	Sơn ngoại thất cao cấp KOVA CT-04 Chống Thấm	Thùng	TCVN 8652:2020 QCVN 16:2023/BXD QCVN 08:2020/BCT	Thùng 18 lít	Công ty TNHH Kova Nanopro. Đc: Nguyễn Hữu Cảnh, P.Thạnh Mỹ Tây, TP.HCM - Dt: 0985595254. Công văn đề nghị công bố giá số CV-KOVA/0526-05 ngày 15/05/2026	Việt Nam	Bán lẻ	Giao tại chân công trình	Mức giá ngày 01/05/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	7.138.889	7.138.889	7.138.889	7.138.889	7.138.889	7.138.889	7.138.889	7.138.889	7.138.889
1065	Sơn	Sơn ngoại thất cao cấp KOVA K-5501 Plus	Thùng	TCVN 8652:2020 QCVN 16:2023/BXD QCVN 08:2020/BCT	Thùng 16 lít	Công ty TNHH Kova Nanopro. Đc: Nguyễn Hữu Cảnh, P.Thạnh Mỹ Tây, TP.HCM - Dt: 0985595254. Công văn đề nghị công bố giá số CV-KOVA/0526-05 ngày 15/05/2026	Việt Nam	Bán lẻ	Giao tại chân công trình	Mức giá ngày 01/05/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	5.118.519	5.118.519	5.118.519	5.118.519	5.118.519	5.118.519	5.118.519	5.118.519	5.118.519
1066	Sơn	Sơn ngoại thất KOVA K-261 Plus	Thùng	TCVN 8652:2020 QCVN 16:2023/BXD QCVN 08:2020/BCT	Thùng 16 lít	Công ty TNHH Kova Nanopro. Đc: Nguyễn Hữu Cảnh, P.Thạnh Mỹ Tây, TP.HCM - Dt: 0985595254. Công văn đề nghị công bố giá số CV-KOVA/0526-05 ngày 15/05/2026	Việt Nam	Bán lẻ	Giao tại chân công trình	Mức giá ngày 01/05/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	3.550.000	3.550.000	3.550.000	3.550.000	3.550.000	3.550.000	3.550.000	3.550.000	3.550.000
1067	Sơn	Sơn ngoại thất KOVA K-265 Plus	Thùng	TCVN 8652:2020 QCVN 16:2023/BXD QCVN 08:2020/BCT	Thùng 16 lít	Công ty TNHH Kova Nanopro. Đc: Nguyễn Hữu Cảnh, P.Thạnh Mỹ Tây, TP.HCM - Dt: 0985595254. Công văn đề nghị công bố giá số CV-KOVA/0526-05 ngày 15/05/2026	Việt Nam	Bán lẻ	Giao tại chân công trình	Mức giá ngày 01/05/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	3.112.037	3.112.037	3.112.037	3.112.037	3.112.037	3.112.037	3.112.037	3.112.037	3.112.037
1068	Sơn	Sơn nghệ thuật KOVA Art Metallic	Lon	TCVN 8652:2020 QCVN 16:2023/BXD QCVN 08:2020/BCT	Lon 1kg	Công ty TNHH Kova Nanopro. Đc: Nguyễn Hữu Cảnh, P.Thạnh Mỹ Tây, TP.HCM - Dt: 0985595254. Công văn đề nghị công bố giá số CV-KOVA/0526-05 ngày 15/05/2026	Việt Nam	Bán lẻ	Giao tại chân công trình	Mức giá ngày 01/05/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	600.000	600.000	600.000	600.000	600.000	600.000	600.000	600.000	600.000
1069	Sơn	Sơn nội thất cao cấp KOVA K-5500 Plus	Thùng	TCVN 8652:2020 QCVN 16:2023/BXD QCVN 08:2020/BCT	Thùng 16 lít	Công ty TNHH Kova Nanopro. Đc: Nguyễn Hữu Cảnh, P.Thạnh Mỹ Tây, TP.HCM - Dt: 0985595254. Công văn đề nghị công bố giá số CV-KOVA/0526-05 ngày 15/05/2026	Việt Nam	Bán lẻ	Giao tại chân công trình	Mức giá ngày 01/05/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	4.782.407	4.782.407	4.782.407	4.782.407	4.782.407	4.782.407	4.782.407	4.782.407	4.782.407
1070	Sơn	sơn nội thất cao cấp KOVA K-871 Plus	Thùng	TCVN 8652:2020 QCVN 16:2023/BXD QCVN 08:2020/BCT	Thùng 16 lít	Công ty TNHH Kova Nanopro. Đc: Nguyễn Hữu Cảnh, P.Thạnh Mỹ Tây, TP.HCM - Dt: 0985595254. Công văn đề nghị công bố giá số CV-KOVA/0526-05 ngày 15/05/2026	Việt Nam	Bán lẻ	Giao tại chân công trình	Mức giá ngày 01/05/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	5.060.185	5.060.185	5.060.185	5.060.185	5.060.185	5.060.185	5.060.185	5.060.185	5.060.185
1071	Sơn	Sơn nội thất KOVA FIT	Thùng	TCVN 8652:2020 QCVN 16:2023/BXD QCVN 08:2020/BCT	Thùng 16 lít	Công ty TNHH Kova Nanopro. Đc: Nguyễn Hữu Cảnh, P.Thạnh Mỹ Tây, TP.HCM - Dt: 0985595254. Công văn đề nghị công bố giá số CV-KOVA/0526-05 ngày 15/05/2026	Việt Nam	Bán lẻ	Giao tại chân công trình	Mức giá ngày 01/05/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	1.171.296	1.171.296	1.171.296	1.171.296	1.171.296	1.171.296	1.171.296	1.171.296	1.171.296

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)(đồng)								
												Khu vực TP. Tây Ninh	Khu vực TX.Trảng Bàng	Khu vực TX. Hoà Thành	Khu vực H.Tân Biên	Khu vực H.Tân Châu	Khu vực H. Châu Thành	Khu vực H.Dương Minh Châu	Khu vực H. Bến Cầu	Khu vực H. Gò Dầu
1072	Sơn	Sơn nội thất KOVA Fix Up	Thùng	TCVN 8652:2020 QCVN 16:2023/BXD QCVN 08.-2020/BCT	Thùng 16 lít	Công ty TNHH Kova Nanopro. Đc: Nguyễn Hữu Cảnh, P.Thạnh Mỹ Tây, TP.HCM - Dt: 0985595254. Công văn đề nghị công bố giá số CV-KOVA/0526-05 ngày 15/05/2026	Việt Nam	Bán lẻ	Giao tại chân công trình	Mức giá ngày 01/05/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	2.001.852	2.001.852	2.001.852	2.001.852	2.001.852	2.001.852	2.001.852	2.001.852	2.001.852
1073	Sơn	Sơn nội thất KOVA K-203 Plus	Thùng	TCVN 8652:2020 QCVN 16:2023/BXD QCVN 08:2020/BCT	Thùng 16 lít	Công ty TNHH Kova Nanopro. Đc: Nguyễn Hữu Cảnh, P.Thạnh Mỹ Tây, TP.HCM - Dt: 0985595254. Công văn đề nghị công bố giá số CV-KOVA/0526-05 ngày 15/05/2026	Việt Nam	Bán lẻ	Giao tại chân công trình	Mức giá ngày 01/05/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	1.981.481	1.981.481	1.981.481	1.981.481	1.981.481	1.981.481	1.981.481	1.981.481	1.981.481
1074	Sơn	Sơn nội thất KOVA K-260 Plus	Thùng	TCVN 8652:2020 QCVN 16:2023/BXD QCVN 08:2020/BCT	Thùng 16 lít	Công ty TNHH Kova Nanopro. Đc: Nguyễn Hữu Cảnh, P.Thạnh Mỹ Tây, TP.HCM - Dt: 0985595254. Công văn đề nghị công bố giá số CV-KOVA/0526-05 ngày 15/05/2026	Việt Nam	Bán lẻ	Giao tại chân công trình	Mức giá ngày 01/05/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	2.821.296	2.821.296	2.821.296	2.821.296	2.821.296	2.821.296	2.821.296	2.821.296	2.821.296
1075	Sơn	Sơn nội thất KOVA VISTA++	Thùng	TCVN 8652:2020 QCVN 16:2023/BXD QCVN 08:2020/BCT	Thùng 16 lít	Công ty TNHH Kova Nanopro. Đc: Nguyễn Hữu Cảnh, P.Thạnh Mỹ Tây, TP.HCM - Dt: 0985595254. Công văn đề nghị công bố giá số CV-KOVA/0526-05 ngày 15/05/2026	Việt Nam	Bán lẻ	Giao tại chân công trình	Mức giá ngày 01/05/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	1.533.333	1.533.333	1.533.333	1.533.333	1.533.333	1.533.333	1.533.333	1.533.333	1.533.333
1076	Sơn	Sơn ngoại thất cao cấp KOVA CT-04 Che Lấp vết Nứt	Thùng	TCVN 8652:2020 QCVN 16:2023/BXD QCVN 08:2020/BCT	Thùng 4.5 lít	Công ty TNHH Kova Nanopro. Đc: Nguyễn Hữu Cảnh, P.Thạnh Mỹ Tây, TP.HCM - Dt: 0985595254. Công văn đề nghị công bố giá số CV-KOVA/0526-05 ngày 15/05/2026	Việt Nam	Bán lẻ	Giao tại chân công trình	Mức giá ngày 01/05/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	2.387.963	2.387.963	2.387.963	2.387.963	2.387.963	2.387.963	2.387.963	2.387.963	2.387.963
1077	Sơn	Sơn ngoại thất cao cấp KOVA CT-04 Tự Làm Sạch	Thùng	TCVN 8652:2020 QCVN 16:2023/BXD QCVN 08:2020/BCT	Thùng 4.5 lít	Công ty TNHH Kova Nanopro. Đc: Nguyễn Hữu Cảnh, P.Thạnh Mỹ Tây, TP.HCM - Dt: 0985595254. Công văn đề nghị công bố giá số CV-KOVA/0526-05 ngày 15/05/2026	Việt Nam	Bán lẻ	Giao tại chân công trình	Mức giá ngày 01/05/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	2.819.444	2.819.444	2.819.444	2.819.444	2.819.444	2.819.444	2.819.444	2.819.444	2.819.444
1078	Sơn	sơn nội thất cao cấp KOVA Home Love	Thùng	TCVN 8652:2020 QCVN 16:2023/BXD QCVN 08:2020/BCT	Thùng 16 lít	Công ty TNHH Kova Nanopro. Đc: Nguyễn Hữu Cảnh, P.Thạnh Mỹ Tây, TP.HCM - Dt: 0985595254. Công văn đề nghị công bố giá số CV-KOVA/0526-05 ngày 15/05/2026	Việt Nam	Bán lẻ	Giao tại chân công trình	Mức giá ngày 01/05/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	5.287.037	5.287.037	5.287.037	5.287.037	5.287.037	5.287.037	5.287.037	5.287.037	5.287.037
1079	Sơn	Sơn nội thất KOVA Effective 2inl	Thùng	TCVN 8652:2020 QCVN 16:2023/BXD QCVN 08:2020/BCT	Thùng 16 lít	Công ty TNHH Kova Nanopro. Đc: Nguyễn Hữu Cảnh, P.Thạnh Mỹ Tây, TP.HCM - Dt: 0985595254. Công văn đề nghị công bố giá số CV-KOVA/0526-05 ngày 15/05/2026	Việt Nam	Bán lẻ	Giao tại chân công trình	Mức giá ngày 01/05/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	3.273.148	3.273.148	3.273.148	3.273.148	3.273.148	3.273.148	3.273.148	3.273.148	3.273.148
1080	Sơn	Sơn nội thất KOVA Effective Siêu Dậm Phủ	Thùng	TCVN 8652:2020 QCVN 16:2023/BXD QCVN 08:2020/BCT	Thùng 16 lít	Công ty TNHH Kova Nanopro. Đc: Nguyễn Hữu Cảnh, P.Thạnh Mỹ Tây, TP.HCM - Dt: 0985595254. Công văn đề nghị công bố giá số CV-KOVA/0526-05 ngày 15/05/2026	Việt Nam	Bán lẻ	Giao tại chân công trình	Mức giá ngày 01/05/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	2.245.370	2.245.370	2.245.370	2.245.370	2.245.370	2.245.370	2.245.370	2.245.370	2.245.370
1081	Sơn	Sơn nội thất KOVA Effective Mịn Màng	Thùng	TCVN 8652:2020 QCVN 16:2023/BXD QCVN 08:2020/BCT	Thùng 16 lít	Công ty TNHH Kova Nanopro. Đc: Nguyễn Hữu Cảnh, P.Thạnh Mỹ Tây, TP.HCM - Dt: 0985595254. Công văn đề nghị công bố giá số CV-KOVA/0526-05 ngày 15/05/2026	Việt Nam	Bán lẻ	Giao tại chân công trình	Mức giá ngày 01/05/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	1.917.593	1.917.593	1.917.593	1.917.593	1.917.593	1.917.593	1.917.593	1.917.593	1.917.593
1082	Sơn	Sơn nội thất KOVA Effective Tiện Lợi	Thùng	TCVN 8652:2020 QCVN 16:2023/BXD QCVN 08:2020/BCT	Thùng 16 lít	Công ty TNHH Kova Nanopro. Đc: Nguyễn Hữu Cảnh, P.Thạnh Mỹ Tây, TP.HCM - Dt: 0985595254. Công văn đề nghị công bố giá số CV-KOVA/0526-05 ngày 15/05/2026	Việt Nam	Bán lẻ	Giao tại chân công trình	Mức giá ngày 01/05/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	1.459.259	1.459.259	1.459.259	1.459.259	1.459.259	1.459.259	1.459.259	1.459.259	1.459.259
1083	Sơn	Sơn lót nội thất kháng kiềm KOVA Effective Ultra	Thùng	TCVN 8652:2020 QCVN 16:2023/BXD QCVN 08:2020/BCT	Thùng 16 lít	Công ty TNHH Kova Nanopro. Đc: Nguyễn Hữu Cảnh, P.Thạnh Mỹ Tây, TP.HCM - Dt: 0985595254. Công văn đề nghị công bố giá số CV-KOVA/0526-05 ngày 15/05/2026	Việt Nam	Bán lẻ	Giao tại chân công trình	Mức giá ngày 01/05/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	2.800.926	2.800.926	2.800.926	2.800.926	2.800.926	2.800.926	2.800.926	2.800.926	2.800.926
1084	Sơn	Sơn ngoại thất cao cấp KOVA Home Safe	Thùng	TCVN 8652:2020 QCVN 16:2023/BXD QCVN 08:2020/BCT	Thùng 16 lít	Công ty TNHH Kova Nanopro. Đc: Nguyễn Hữu Cảnh, P.Thạnh Mỹ Tây, TP.HCM - Dt: 0985595254. Công văn đề nghị công bố giá số CV-KOVA/0526-05 ngày 15/05/2026	Việt Nam	Bán lẻ	Giao tại chân công trình	Mức giá ngày 01/05/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	5.211.111	5.211.111	5.211.111	5.211.111	5.211.111	5.211.111	5.211.111	5.211.111	5.211.111
1085	Sơn	Sơn ngoại thất KOVA Effective Màu Lâu Phai	Thùng	TCVN 8652:2020 QCVN 16:2023/BXD QCVN 08:2020/BCT	Thùng 16 lít	Công ty TNHH Kova Nanopro. Đc: Nguyễn Hữu Cảnh, P.Thạnh Mỹ Tây, TP.HCM - Dt: 0985595254. Công văn đề nghị công bố giá số CV-KOVA/0526-05 ngày 15/05/2026	Việt Nam	Bán lẻ	Giao tại chân công trình	Mức giá ngày 01/05/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	4.182.407	4.182.407	4.182.407	4.182.407	4.182.407	4.182.407	4.182.407	4.182.407	4.182.407
1086	Sơn	Sơn ngoại thất KOVA Effective Chuyên dụng	Thùng	TCVN 8652:2020 QCVN 16:2023/BXD QCVN 08:2020/BCT	Thùng 16 lít	Công ty TNHH Kova Nanopro. Đc: Nguyễn Hữu Cảnh, P.Thạnh Mỹ Tây, TP.HCM - Dt: 0985595254. Công văn đề nghị công bố giá số CV-KOVA/0526-05 ngày 15/05/2026	Việt Nam	Bán lẻ	Giao tại chân công trình	Mức giá ngày 01/05/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	3.362.037	3.362.037	3.362.037	3.362.037	3.362.037	3.362.037	3.362.037	3.362.037	3.362.037
1087	Sơn	Sơn lót ngoại thất kháng kiềm KOVA Effective	Thùng	TCVN 8652:2020 QCVN 16:2023/BXD QCVN 08:2020/BCT	Thùng 16 lít	Công ty TNHH Kova Nanopro. Đc: Nguyễn Hữu Cảnh, P.Thạnh Mỹ Tây, TP.HCM - Dt: 0985595254. Công văn đề nghị công bố giá số CV-KOVA/0526-05 ngày 15/05/2026	Việt Nam	Bán lẻ	Giao tại chân công trình	Mức giá ngày 01/05/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	3.339.815	3.339.815	3.339.815	3.339.815	3.339.815	3.339.815	3.339.815	3.339.815	3.339.815
1088	Sơn	Sơn lót ngoại thất kháng kiềm KOVA Effective Ultra	Thùng	TCVN 8652:2020 QCVN 16:2023/BXD QCVN 08:2020/BCT	Thùng 16 lít	Công ty TNHH Kova Nanopro. Đc: Nguyễn Hữu Cảnh, P.Thạnh Mỹ Tây, TP.HCM - Dt: 0985595254. Công văn đề nghị công bố giá số CV-KOVA/0526-05 ngày 15/05/2026	Việt Nam	Bán lẻ	Giao tại chân công trình	Mức giá ngày 01/05/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	4.498.148	4.498.148	4.498.148	4.498.148	4.498.148	4.498.148	4.498.148	4.498.148	4.498.148
1089	Sơn	Sơn công nghiệp đa năng KOVA CT-08 (nhám) - Màu Catalouge	Thùng	QCVN 08:2020/BCT TCCS84:2018/ KOVANANOPRO	Thùng 25kg	Công ty TNHH Kova Nanopro. Đc: Nguyễn Hữu Cảnh, P.Thạnh Mỹ Tây, TP.HCM - Dt: 0985595254. Công văn đề nghị công bố giá số CV-KOVA/0526-05 ngày 15/05/2026	Việt Nam	Bán lẻ	Giao tại chân công trình	Mức giá ngày 01/05/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	7.380.556	7.380.556	7.380.556	7.380.556	7.380.556	7.380.556	7.380.556	7.380.556	7.380.556
1090	Sơn	Sơn công nghiệp đa năng KOVA CT-08 (nhám) - Màu tùy chỉnh ngoài Catalouge	Thùng	QCVN 08:2020/BCT TCCS84:2018/ KOVANANOPRO	Thùng 25kg	Công ty TNHH Kova Nanopro. Đc: Nguyễn Hữu Cảnh, P.Thạnh Mỹ Tây, TP.HCM - Dt: 0985595254. Công văn đề nghị công bố giá số CV-KOVA/0526-05 ngày 15/05/2026	Việt Nam	Bán lẻ	Giao tại chân công trình	Mức giá ngày 01/05/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	8.680.556	8.680.556	8.680.556	8.680.556	8.680.556	8.680.556	8.680.556	8.680.556	8.680.556
1091	Sơn	Sơn công nghiệp đa năng KOVA CT-08 (không nhám) -Màu Catalouge	Thùng	QCVN 08:2020/BCT TCCS84:2018/ KOVANANOPRO	Thùng25kg	Công ty TNHH Kova Nanopro. Đc: Nguyễn Hữu Cảnh, P.Thạnh Mỹ Tây, TP.HCM - Dt: 0985595254. Công văn đề nghị công bố giá số CV-KOVA/0526-05 ngày 15/05/2026	Việt Nam	Bán lẻ	Giao tại chân công trình	Mức giá ngày 01/05/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	10.340.741	10.340.741	10.340.741	10.340.741	10.340.741	10.340.741	10.340.741	10.340.741	10.340.741
1092	Sơn	Sơn công nghiệp đa năng KOVA CT-08 (không nhám) -Màu tùy chỉnh ngoài Catalouge	Thùng	QCVN 08:2020/BCT TCCS84:2018/ KOVANANOPRO	Thùng 25kg	Công ty TNHH Kova Nanopro. Đc: Nguyễn Hữu Cảnh, P.Thạnh Mỹ Tây, TP.HCM - Dt: 0985595254. Công văn đề nghị công bố giá số CV-KOVA/0526-05 ngày 15/05/2026	Việt Nam	Bán lẻ	Giao tại chân công trình	Mức giá ngày 01/05/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	11.415.741	11.415.741	11.415.741	11.415.741	11.415.741	11.415.741	11.415.741	11.415.741	11.415.741
1093	Sơn	Sơn giao thông hệ nước KOVA A9 - Trắng	Thùng	QCVN 08:2020/BCT TCCS80:2018/ KOVANANOPRO	Thùng 25kg	Công ty TNHH Kova Nanopro. Đc: Nguyễn Hữu Cảnh, P.Thạnh Mỹ Tây, TP.HCM - Dt: 0985595254. Công văn đề nghị công bố giá số CV-KOVA/0526-05 ngày 15/05/2026	Việt Nam	Bán lẻ	Giao tại chân công trình	Mức giá ngày 01/05/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	6.060.185	6.060.185	6.060.185	6.060.185	6.060.185	6.060.185	6.060.185	6.060.185	6.060.185
1094	Sơn	Sơn giao thông hệ nước KOVA A9 - Đen/Vàng/Đỏ	Thùng	QCVN 08:2020/BCT TCCS80:2018/ KOVANANOPRO	Thùng25kg	Công ty TNHH Kova Nanopro. Đc: Nguyễn Hữu Cảnh, P.Thạnh Mỹ Tây, TP.HCM - Dt: 0985595254. Công văn đề nghị công bố giá số CV-KOVA/0526-05 ngày 15/05/2026	Việt Nam	Bán lẻ	Giao tại chân công trình	Mức giá ngày 01/05/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	7.316.667	7.316.667	7.316.667	7.316.667	7.316.667	7.316.667	7.316.667	7.316.667	7.316.667
1095	Sơn	Sơn giao thông hệ nước KOVA A9 (có phản quang) -Trắng/Đen/Vàng/Đỏ	Thùng	QCVN 08:2020/BCT TCCS80:2018/ KOVANANOPRO	Thùng 20kg	Công ty TNHH Kova Nanopro. Đc: Nguyễn Hữu Cảnh, P.Thạnh Mỹ Tây, TP.HCM - Dt: 0985595254. Công văn đề nghị công bố giá số CV-KOVA/0526-05 ngày 15/05/2026	Việt Nam	Bán lẻ	Giao tại chân công trình	Mức giá ngày 01/05/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	10.145.370	10.145.370	10.145.370	10.145.370	10.145.370	10.145.370	10.145.370	10.145.370	10.145.370
1096	Sơn	Sơn giao thông hệ nước KOVA A10 (màu Đỏ; dùng để sơn bề mặt kết cấu BT, BTCT)	Thùng	TCVN 8652:2020 QCVN 08:2020/BCT	Thùng 25 kg	Công ty TNHH Kova Nanopro. Đc: Nguyễn Hữu Cảnh, P.Thạnh Mỹ Tây, TP.HCM - Dt: 0985595254. Công văn đề nghị công bố giá số CV-KOVA/0526-05 ngày 15/05/2026	Việt Nam	Bán lẻ	Giao tại chân công trình	Mức giá ngày 01/05/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	3.270.313	3.270.313	3.270.313	3.270.313	3.270.313	3.270.313	3.270.313	3.270.313	3.270.313
1097	Sơn	Sơn giao thông hệ nước KOVA A10 (màu Trắng; dùng để sơn bề mặt kết cấu BT, BTCT)	Thùng	TCVN 8652:2020 QCVN 08:2020/BCT	Thùng 25 kg	Công ty TNHH Kova Nanopro. Đc: Nguyễn Hữu Cảnh, P.Thạnh Mỹ Tây, TP.HCM - Dt: 0985595254. Công văn đề nghị công bố giá số CV-KOVA/0526-05 ngày 15/05/2026	Việt Nam	Bán lẻ	Giao tại chân công trình	Mức giá ngày 01/05/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	2.482.813	2.482.813	2.482.813	2.482.813	2.482.813	2.482.813	2.482.813	2.482.813	2.482.813
1098	Sơn	Sơn lót giao thông KOVA KL-M (dùng làm sơn lót cho sơn vạch kẻ đường)	Can	QCVN 08:2020/BCT TCCS83:2018/KOVANAN OPRO	Can 24 kg	Công ty TNHH Kova Nanopro. Đc: Nguyễn Hữu Cảnh, P.Thạnh Mỹ Tây, TP.HCM - Dt: 0985595254. Công văn đề nghị công bố giá số CV-KOVA/0526-05 ngày 15/05/2026	Việt Nam	Bán lẻ	Giao tại chân công trình	Mức giá ngày 01/05/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	2.335.500	2.335.500	2.335.500	2.335.500	2.335.500	2.335.500	2.335.500	2.335.500	2.335.500
1099	Sơn	Hạt phản quang	Bao	TCCS267:2025/KOVANA NOPRO	Bao 25 kg	Công ty TNHH Kova Nanopro. Đc: Nguyễn Hữu Cảnh, P.Thạnh Mỹ Tây, TP.HCM - Dt: 0985595254. Công văn đề nghị công bố giá số CV-KOVA/0526-05 ngày 15/05/2026	Việt Nam	Bán lẻ	Giao tại chân công trình	Mức giá ngày 01/05/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	597.813	597.813	597.813	597.813	597.813	597.813	597.813	597.813	597.813
1100	Sơn	Sơn giao thông KOVA Hotmelt Jis (màu Trắng; dùng để sơn vạch kẻ đường)	Bao	QCVN 08:2020/BCT TCCS82:2018/KOVANAN OPRO	Bao 25 kg	Công ty TNHH Kova Nanopro. Đc: Nguyễn Hữu Cảnh, P.Thạnh Mỹ Tây, TP.HCM - Dt: 0985595254. Công văn đề nghị công bố giá số CV-KOVA/0526-05 ngày 15/05/2026	Việt Nam	Bán lẻ	Giao tại chân công trình	Mức giá ngày 01/05/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	607.813	607.813	607.813	607.813	607.813	607.813	607.813	607.813	607.813

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)(đồng)								
												Khu vực TP. Tây Ninh	Khu vực TX.Trảng Bàng	Khu vực TX. Hoà Thành	Khu vực H.Tân Biên	Khu vực H.Tân Châu	Khu vực H. Châu Thành	Khu vực H.Dương Minh Châu	Khu vực H. Bến Cầu	Khu vực H. Gò Dầu
1101	Sơn	Sơn giao thông KOVA Hotmelt Jis (màu Vàng; dùng để sơn vạch kẻ đường)	Bao	QCVN 08:2020/BCT TCCS82:2018/KOVANAN OPRO	Bao 25 kg	Công ty TNHH Kova Nanopro. Đc: Nguyễn Hữu Cảnh, P.Thạnh Mỹ Tây, TP.HCM - Dt: 0985595254. Công văn đề nghị công bố giá số CV-KOVA/0526-05 ngày 15/05/2026	Việt Nam	Bán lẻ	Giao tại chân công trình	Mức giá ngày 01/05/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	632.813	632.813	632.813	632.813	632.813	632.813	632.813	632.813	632.813
1102	Sơn	Sơn giao thông KOVA Hotmelt TCVN (màu Trắng; dùng để sơn vạch kẻ đường)	Bao	QCVN 08:2020/BCT TCCS81:2018/KOVANAN OPRO	Bao 25 kg	Công ty TNHH Kova Nanopro. Đc: Nguyễn Hữu Cảnh, P.Thạnh Mỹ Tây, TP.HCM - Dt: 0985595254. Công văn đề nghị công bố giá số CV-KOVA/0526-05 ngày 15/05/2026	Việt Nam	Bán lẻ	Giao tại chân công trình	Mức giá ngày 01/05/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	917.813	917.813	917.813	917.813	917.813	917.813	917.813	917.813	917.813
1103	Sơn	Sơn giao thông KOVA Hotmelt TCVN (màu Vàng; dùng để sơn vạch kẻ đường)	Bao	QCVN 08:2020/BCT TCCS81:2018/KOVANAN OPRO	Bao 25 kg	Công ty TNHH Kova Nanopro. Đc: Nguyễn Hữu Cảnh, P.Thạnh Mỹ Tây, TP.HCM - Dt: 0985595254. Công văn đề nghị công bố giá số CV-KOVA/0526-05 ngày 15/05/2026	Việt Nam	Bán lẻ	Giao tại chân công trình	Mức giá ngày 01/05/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	955.313	955.313	955.313	955.313	955.313	955.313	955.313	955.313	955.313
1104	Sơn	Sơn giao thông KOVA Hotmelt AASHTO (màu Trắng; dùng để sơn vạch kẻ đường)	Bao	QCVN 08:2020/BCT TCCS103:2018/KOVANA NOPRO	Bao 25 kg	Công ty TNHH Kova Nanopro. Đc: Nguyễn Hữu Cảnh, P.Thạnh Mỹ Tây, TP.HCM - Dt: 0985595254. Công văn đề nghị công bố giá số CV-KOVA/0526-05 ngày 15/05/2027	Việt Nam	Bán lẻ	Giao tại chân công trình	Mức giá ngày 01/05/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	1.107.813	1.107.813	1.107.813	1.107.813	1.107.813	1.107.813	1.107.813	1.107.813	1.107.813
1105	Sơn	Sơn giao thông KOVA Hotmelt AASHTO (màu Vàng; dùng để sơn vạch kẻ đường)	Bao	QCVN 08:2020/BCT TCCS103:2018/KOVANA NOPRO	Bao 25 kg	Công ty TNHH Kova Nanopro. Đc: Nguyễn Hữu Cảnh, P.Thạnh Mỹ Tây, TP.HCM - Dt: 0985595254. Công văn đề nghị công bố giá số CV-KOVA/0526-05 ngày 15/05/2028	Việt Nam	Bán lẻ	Giao tại chân công trình	Mức giá ngày 01/05/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	1.145.313	1.145.313	1.145.313	1.145.313	1.145.313	1.145.313	1.145.313	1.145.313	1.145.313
1106	Sơn	Sơn giao thông lót	kg	TN các chỉ tiêu kỹ thuật theo công văn số 4718/GTVT-KHCN về tiêu chuẩn vạch kẻ Đường nhiệt dẻo của Bộ GTVT	04kg/lon 18kg/thùng	Công ty CP L.Q JOTON. Đc; 62/6 ấp 28, xã Xuân Thới Sơn, TP.HCM - Dt: 028.38910224. (Công văn đề nghị công bố giá số 15_08_26/SXD-KTVL ngày 15/07/2026)	Việt Nam	Khối lượng cung cấp: theo yêu cầu của bên mua, giá bán toàn tỉnh	Phương tiện vận chuyển: xe tải. Đã bao gồm chi phí vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh.	Mức giá được thực hiện từ ngày 15/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	94.100	94.100	94.100	94.100	94.100	94.100	94.100	94.100	94.100
1107	Sơn	Sơn giao thông trắng 20% hạt phản quang tiêu chuẩn TCVN (JFPT25)	kg	TCVN 8791:2011	25kg/bao	Công ty CP L.Q JOTON. Đc; 62/6 ấp 28, xã Xuân Thới Sơn, TP.HCM - Dt: 028.38910224. (Công văn đề nghị công bố giá số 15_08_26/SXD-KTVL ngày 15/07/2026)	Việt Nam	Khối lượng cung cấp: theo yêu cầu của bên mua, giá bán toàn tỉnh	Phương tiện vận chuyển: xe tải. Đã bao gồm chi phí vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh.	Mức giá được thực hiện từ ngày 15/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	31.100	31.100	31.100	31.100	31.100	31.100	31.100	31.100	31.100
1108	Sơn	Sơn giao thông vàng 20% hạt phản quang	kg	TCVN 8791:2011	25kg/bao	Công ty CP L.Q JOTON. Đc; 62/6 ấp 28, xã Xuân Thới Sơn, TP.HCM - Dt: 028.38910224. (Công văn đề nghị công bố giá số 15_08_26/SXD-KTVL ngày 15/07/2026)	Việt Nam	Khối lượng cung cấp: theo yêu cầu của bên mua, giá bán toàn tỉnh	Phương tiện vận chuyển: xe tải. Đã bao gồm chi phí vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh.	Mức giá được thực hiện từ ngày 15/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	33.000	33.000	33.000	33.000	33.000	33.000	33.000	33.000	33.000
1109	Sơn	Sơn giao thông trắng 30% hạt phản quang	kg	AASHTO	25kg/bao	Công ty CP L.Q JOTON. Đc; 62/6 ấp 28, xã Xuân Thới Sơn, TP.HCM - Dt: 028.38910224. (Công văn đề nghị công bố giá số 15_08_26/SXD-KTVL ngày 15/07/2026)	Việt Nam	Khối lượng cung cấp: theo yêu cầu của bên mua, giá bán toàn tỉnh	Phương tiện vận chuyển: xe tải. Đã bao gồm chi phí vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh.	Mức giá được thực hiện từ ngày 15/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	44.100	44.100	44.100	44.100	44.100	44.100	44.100	44.100	44.100
1110	Sơn	Sơn giao thông vàng 30% hạt phản quang	kg	AASHTO	25kg/bao	Công ty CP L.Q JOTON. Đc; 62/6 ấp 28, xã Xuân Thới Sơn, TP.HCM - Dt: 028.38910224. (Công văn đề nghị công bố giá số 15_08_26/SXD-KTVL ngày 15/07/2026)	Việt Nam	Khối lượng cung cấp: theo yêu cầu của bên mua, giá bán toàn tỉnh	Phương tiện vận chuyển: xe tải. Đã bao gồm chi phí vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh.	Mức giá được thực hiện từ ngày 15/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	46.500	46.500	46.500	46.500	46.500	46.500	46.500	46.500	46.500
1111	Sơn	Sơn kẻ vạch đường, sơn lạnh (màu trắng, đen) (JOWAY)	kg	TCVN 8791:2011	05 kg/lon 25kg/thùng	Công ty CP L.Q JOTON. Đc; 62/6 ấp 28, xã Xuân Thới Sơn, TP.HCM - Dt: 028.38910224. (Công văn đề nghị công bố giá số 15_08_26/SXD-KTVL ngày 15/07/2026)	Việt Nam	Khối lượng cung cấp: theo yêu cầu của bên mua, giá bán toàn tỉnh	Phương tiện vận chuyển: xe tải. Đã bao gồm chi phí vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh.	Mức giá được thực hiện từ ngày 15/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	153.000	153.000	153.000	153.000	153.000	153.000	153.000	153.000	153.000
1112	Sơn	Sơn kẻ vạch đường, sơn lạnh (màu vàng, đỏ) (JOWAY)	kg	TCVN 8791:2011	05 kg/lon 25kg/thùng	Công ty CP L.Q JOTON. Đc; 62/6 ấp 28, xã Xuân Thới Sơn, TP.HCM - Dt: 028.38910224. (Công văn đề nghị công bố giá số 15_08_26/SXD-KTVL ngày 15/07/2026)	Việt Nam	Khối lượng cung cấp: theo yêu cầu của bên mua, giá bán toàn tỉnh	Phương tiện vận chuyển: xe tải. Đã bao gồm chi phí vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh.	Mức giá được thực hiện từ ngày 15/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	190.500	190.500	190.500	190.500	190.500	190.500	190.500	190.500	190.500
1113	Sơn	Sơn clear phản quang	kg	TCVN 8791:2011	25kg/bao	Công ty CP L.Q JOTON. Đc; 62/6 ấp 28, xã Xuân Thới Sơn, TP.HCM - Dt: 028.38910224. (Công văn đề nghị công bố giá số 15_08_26/SXD-KTVL ngày 15/07/2026)	Việt Nam	Khối lượng cung cấp: theo yêu cầu của bên mua, giá bán toàn tỉnh	Phương tiện vận chuyển: xe tải. Đã bao gồm chi phí vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh.	Mức giá được thực hiện từ ngày 15/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	212.000	212.000	212.000	212.000	212.000	212.000	212.000	212.000	212.000
1114	Sơn	Hạt phản quang	kg	ASSHTOM247-13(2022)-Loại II	25kg/bao	Công ty CP L.Q JOTON. Đc; 62/6 ấp 28, xã Xuân Thới Sơn, TP.HCM - Dt: 028.38910224. (Công văn đề nghị công bố giá số 15_08_26/SXD-KTVL ngày 15/07/2026)	Việt Nam	Khối lượng cung cấp: theo yêu cầu của bên mua, giá bán toàn tỉnh	Phương tiện vận chuyển: xe tải. Đã bao gồm chi phí vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh.	Mức giá được thực hiện từ ngày 15/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	25.000	25.000	25.000	25.000	25.000	25.000	25.000	25.000	25.000
1115	Sơn	Jothiner Joway	kg	TCVN 8787:2011	05lít/lon 01 lít/lon	Công ty CP L.Q JOTON. Đc; 62/6 ấp 28, xã Xuân Thới Sơn, TP.HCM - Dt: 028.38910224. (Công văn đề nghị công bố giá số 15_08_26/SXD-KTVL ngày 15/07/2026)	Việt Nam	Khối lượng cung cấp: theo yêu cầu của bên mua, giá bán toàn tỉnh	Phương tiện vận chuyển: xe tải. Đã bao gồm chi phí vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh.	Mức giá được thực hiện từ ngày 15/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	86.000	86.000	86.000	86.000	86.000	86.000	86.000	86.000	86.000
1116	Sơn	Sơn lót Expoxy gốc dầu	kg	QCVN 16:2019/BXD	04 kg/bộ	Công ty CP L.Q JOTON. Đc; 62/6 ấp 28, xã Xuân Thới Sơn, TP.HCM - Dt: 028.38910224. (Công văn đề nghị công bố giá số 15_08_26/SXD-KTVL ngày 15/07/2026)	Việt Nam	Khối lượng cung cấp: theo yêu cầu của bên mua, giá bán toàn tỉnh	Phương tiện vận chuyển: xe tải. Đã bao gồm chi phí vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh.	Mức giá được thực hiện từ ngày 15/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	178.500	178.500	178.500	178.500	178.500	178.500	178.500	178.500	178.500
1117	Sơn	Sơn phủ Expoxy gốc dầu (trong nhà)	kg	QCVN 16:2019/BXD	04 kg/bộ	Công ty CP L.Q JOTON. Đc; 62/6 ấp 28, xã Xuân Thới Sơn, TP.HCM - Dt: 028.38910224. (Công văn đề nghị công bố giá số 15_08_26/SXD-KTVL ngày 15/07/2026)	Việt Nam	Khối lượng cung cấp: theo yêu cầu của bên mua, giá bán toàn tỉnh	Phương tiện vận chuyển: xe tải. Đã bao gồm chi phí vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh.	Mức giá được thực hiện từ ngày 15/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	414.100	414.100	414.100	414.100	414.100	414.100	414.100	414.100	414.100
1118	Sơn	Sơn lót Expoxy gốc nước	kg	QCVN 16:2019/BXD	04 kg/bộ	Công ty CP L.Q JOTON. Đc; 62/6 ấp 28, xã Xuân Thới Sơn, TP.HCM - Dt: 028.38910224. (Công văn đề nghị công bố giá số 15_08_26/SXD-KTVL ngày 15/07/2026)	Việt Nam	Khối lượng cung cấp: theo yêu cầu của bên mua, giá bán toàn tỉnh	Phương tiện vận chuyển: xe tải. Đã bao gồm chi phí vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh.	Mức giá được thực hiện từ ngày 15/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	185.000	185.000	185.000	185.000	185.000	185.000	185.000	185.000	185.000
1119	Sơn	Matis gốc nước	kg	QCVN 16:2019/BXD	20kg/bộ	Công ty CP L.Q JOTON. Đc; 62/6 ấp 28, xã Xuân Thới Sơn, TP.HCM - Dt: 028.38910224. (Công văn đề nghị công bố giá số 15_08_26/SXD-KTVL ngày 15/07/2026)	Việt Nam	Khối lượng cung cấp: theo yêu cầu của bên mua, giá bán toàn tỉnh	Phương tiện vận chuyển: xe tải. Đã bao gồm chi phí vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh.	Mức giá được thực hiện từ ngày 15/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	74.000	74.000	74.000	74.000	74.000	74.000	74.000	74.000	74.000
1120	Sơn	Sơn phủ Expoxy gốc nước	kg	QCVN 16:2019/BXD	6,5kg/bộ	Công ty CP L.Q JOTON. Đc; 62/6 ấp 28, xã Xuân Thới Sơn, TP.HCM - Dt: 028.38910224. (Công văn đề nghị công bố giá số 15_08_26/SXD-KTVL ngày 15/07/2026)	Việt Nam	Khối lượng cung cấp: theo yêu cầu của bên mua, giá bán toàn tỉnh	Phương tiện vận chuyển: xe tải. Đã bao gồm chi phí vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh.	Mức giá được thực hiện từ ngày 15/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	427.500	427.500	427.500	427.500	427.500	427.500	427.500	427.500	427.500
1121	Sơn	Sơn phủ (LOTUS)	thùng	QCVN 16:2019/BXD JIS K5663:2003	18 lít/thùng	Công ty CP L.Q JOTON. Đc; 62/6 ấp 28, xã Xuân Thới Sơn, TP.HCM - Dt: 028.38910224. (Công văn đề nghị công bố giá số 15_08_26/SXD-KTVL ngày 15/07/2026)	Việt Nam	Khối lượng cung cấp: theo yêu cầu của bên mua, giá bán toàn tỉnh	Phương tiện vận chuyển: xe tải. Đã bao gồm chi phí vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh.	Mức giá được thực hiện từ ngày 15/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	5.755.300	5.755.300	5.755.300	5.755.300	5.755.300	5.755.300	5.755.300	5.755.300	5.755.300
1122	Sơn	Sơn lót (PROS Dự Án)	thùng	TCCS 06:2011/LQJT	18 lít/thùng	Công ty CP L.Q JOTON. Đc; 62/6 ấp 28, xã Xuân Thới Sơn, TP.HCM - Dt: 028.38910224. (Công văn đề nghị công bố giá số 15_08_26/SXD-KTVL ngày 15/07/2026)	Việt Nam	Khối lượng cung cấp: theo yêu cầu của bên mua, giá bán toàn tỉnh	Phương tiện vận chuyển: xe tải. Đã bao gồm chi phí vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh.	Mức giá được thực hiện từ ngày 15/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	2.855.000	2.855.000	2.855.000	2.855.000	2.855.000	2.855.000	2.855.000	2.855.000	2.855.000
1123	Sơn	Bột trét Passion Ext	bao	TCVN 7239:2014	40kg/bao	Công ty CP L.Q JOTON. Đc; 62/6 ấp 28, xã Xuân Thới Sơn, TP.HCM - Dt: 028.38910224. (Công văn đề nghị công bố giá số 15_08_26/SXD-KTVL ngày 15/07/2026)	Việt Nam	Khối lượng cung cấp: theo yêu cầu của bên mua, giá bán toàn tỉnh	Phương tiện vận chuyển: xe tải. Đã bao gồm chi phí vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh.	Mức giá được thực hiện từ ngày 15/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	597.000	597.000	597.000	597.000	597.000	597.000	597.000	597.000	597.000
1124	Sơn	Sơn phủ Peace	thùng	QCVN 16:2019/BXD	18 lít/thùng	Công ty CP L.Q JOTON. Đc; 62/6 ấp 28, xã Xuân Thới Sơn, TP.HCM - Dt: 028.38910224. (Công văn đề nghị công bố giá số 15_08_26/SXD-KTVL ngày 15/07/2026)	Việt Nam	Khối lượng cung cấp: theo yêu cầu của bên mua, giá bán toàn tỉnh	Phương tiện vận chuyển: xe tải. Đã bao gồm chi phí vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh.	Mức giá được thực hiện từ ngày 15/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	2.792.800	2.792.800	2.792.800	2.792.800	2.792.800	2.792.800	2.792.800	2.792.800	2.792.800
1125	Sơn	Sơn lót (PROSIN Dự Án)	thùng	TCCS 06:2011/LQJT	18 lít/thùng	Công ty CP L.Q JOTON. Đc; 62/6 ấp 28, xã Xuân Thới Sơn, TP.HCM - Dt: 028.38910224. (Công văn đề nghị công bố giá số 15_08_26/SXD-KTVL ngày 15/07/2026)	Việt Nam	Khối lượng cung cấp: theo yêu cầu của bên mua, giá bán toàn tỉnh	Phương tiện vận chuyển: xe tải. Đã bao gồm chi phí vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh.	Mức giá được thực hiện từ ngày 15/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	1.786.500	1.786.500	1.786.500	1.786.500	1.786.500	1.786.500	1.786.500	1.786.500	1.786.500
1126	Sơn	Bột trét (PASSION INT)	bao	TCVN 7239:2014	40 kg/bao	Công ty CP L.Q JOTON. Đc; 62/6 ấp 28, xã Xuân Thới Sơn, TP.HCM - Dt: 028.38910224. (Công văn đề nghị công bố giá số 15_08_26/SXD-KTVL ngày 15/07/2026)	Việt Nam	Khối lượng cung cấp: theo yêu cầu của bên mua, giá bán toàn tỉnh	Phương tiện vận chuyển: xe tải. Đã bao gồm chi phí vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh.	Mức giá được thực hiện từ ngày 15/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	451.000	451.000	451.000	451.000	451.000	451.000	451.000	451.000	451.000
1127	Sơn	Bột trét nội thất SP. FILLER Siêu trắng	bao	TCVN 7239:2014	40 kg/bao	Công ty CP L.Q JOTON. Đc; 62/6 ấp 28, xã Xuân Thới Sơn, TP.HCM - Dt: 028.38910224. (Công văn đề nghị công bố giá số 15_08_26/SXD-KTVL ngày 15/07/2026)	Việt Nam	Khối lượng cung cấp: theo yêu cầu của bên mua, giá bán toàn tỉnh	Phương tiện vận chuyển: xe tải. Đã bao gồm chi phí vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh.	Mức giá được thực hiện từ ngày 15/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	331.000	331.000	331.000	331.000	331.000	331.000	331.000	331.000	331.000
1128	Sơn	Bột trét ngoại thất JOTON trắng	bao	TCVN 7239:2014	40 kg/bao	Công ty CP L.Q JOTON. Đc; 62/6 ấp 28, xã Xuân Thới Sơn, TP.HCM - Dt: 028.38910224. (Công văn đề nghị công bố giá số 15_08_26/SXD-KTVL ngày 15/07/2026)	Việt Nam	Khối lượng cung cấp: theo yêu cầu của bên mua, giá bán toàn tỉnh	Phương tiện vận chuyển: xe tải. Đã bao gồm chi phí vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh.	Mức giá được thực hiện từ ngày 15/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	414.000	414.000	414.000	414.000	414.000	414.000	414.000	414.000	414.000
1129	Sơn	Bột trét nội và ngoại thất JOTON BEST COAT	bao	TCVN 7239:2014	40 kg/bao	Công ty CP L.Q JOTON. Đc; 62/6 ấp 28, xã Xuân Thới Sơn, TP.HCM - Dt: 028.38910224. (Công văn đề nghị công bố giá số 15_08_26/SXD-KTVL ngày 15/07/2026)	Việt Nam	Khối lượng cung cấp: theo yêu cầu của bên mua, giá bán toàn tỉnh	Phương tiện vận chuyển: xe tải. Đã bao gồm chi phí vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh.	Mức giá được thực hiện từ ngày 15/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	494.000	494.000	494.000	494.000	494.000	494.000	494.000	494.000	494.000
1130	Vật liệu khác	Keo dán gạch	bao	QCVN 16:2019/BXD J1S K5663:2003	25 kg/bao	Công ty CP L.Q JOTON. Đc; 62/6 ấp 28, xã Xuân Thới Sơn, TP.HCM - Dt: 028.38910224. (Công văn đề nghị công bố giá số 15_08_26/SXD-KTVL ngày 15/07/2026)	Việt Nam	Khối lượng cung cấp: theo yêu cầu của bên mua, giá bán toàn tỉnh	Phương tiện vận chuyển: xe tải. Đã bao gồm chi phí vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh.	Mức giá được thực hiện từ ngày 15/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	285.500	285.500	285.500	285.500	285.500	285.500	285.500	285.500	285.500

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)(đồng)								
												Khu vực TP. Tây Ninh	Khu vực TX.Trảng Bàng	Khu vực TX. Hoà Thành	Khu vực H.Tân Biên	Khu vực H.Tân Châu	Khu vực H. Châu Thành	Khu vực H.Dương Minh Châu	Khu vực H. Bến Cầu	Khu vực H. Gò Dầu
1131	Vật liệu khác	Bột chà ron	hộp	QCVN 16:2019/BXD JIS K5663:2003	05 kg/hộp	Công ty CP L.Q JOTON. Đc; 62/6 ấp 28, xã Xuân Thới Sơn, TP.HCM - Đt: 028.38910224. (Công văn đề nghị công bố giá số 15_08_26/SXD-KTVL ngày 15/07/2026)	Việt Nam	Khối lượng cung cấp: theo yêu cầu của bên mua, giá bán toàn tỉnh	Phương tiện vận chuyển: xe tải. Đã bao gồm chi phí vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh.	Mức giá được thực hiện từ ngày 15/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	75.500	75.500	75.500	75.500	75.500	75.500	75.500	75.500	75.500
1132	Sơn	Sơn nước nội thất SENIOR	thùng	QCVN 16:2019/BXD JIS K5663:2003	18 lít/thùng	Công ty CP L.Q JOTON. Đc; 62/6 ấp 28, xã Xuân Thới Sơn, TP.HCM - Đt: 028.38910224. (Công văn đề nghị công bố giá số 15_08_26/SXD-KTVL ngày 15/07/2026)	Việt Nam	Khối lượng cung cấp: theo yêu cầu của bên mua, giá bán toàn tỉnh	Phương tiện vận chuyển: xe tải. Đã bao gồm chi phí vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh.	Mức giá được thực hiện từ ngày 15/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	1.782.000	1.782.000	1.782.000	1.782.000	1.782.000	1.782.000	1.782.000	1.782.000	1.782.000
1133	sơn	Sơn nước Nội Thất SENIOR	lon	QCVN 16:2019/BXD JIS K5663:2003	05 lít/lon	Công ty CP L.Q JOTON. Đc; 62/6 ấp 28, xã Xuân Thới Sơn, TP.HCM - Đt: 028.38910224. (Công văn đề nghị công bố giá số 15_08_26/SXD-KTVL ngày 15/07/2026)	Việt Nam	Khối lượng cung cấp: theo yêu cầu của bên mua, giá bán toàn tỉnh	Phương tiện vận chuyển: xe tải. Đã bao gồm chi phí vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh.	Mức giá được thực hiện từ ngày 15/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	534.000	534.000	534.000	534.000	534.000	534.000	534.000	534.000	534.000
1134	sơn	Sơn nước Nội Thất EXFA	lon	QCVN 16:2019/BXD JIS K5663:2003	05 lít/lon	Công ty CP L.Q JOTON. Đc; 62/6 ấp 28, xã Xuân Thới Sơn, TP.HCM - Đt: 028.38910224. (Công văn đề nghị công bố giá số 15_08_26/SXD-KTVL ngày 15/07/2026)	Việt Nam	Khối lượng cung cấp: theo yêu cầu của bên mua, giá bán toàn tỉnh	Phương tiện vận chuyển: xe tải. Đã bao gồm chi phí vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh.	Mức giá được thực hiện từ ngày 15/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	973.000	973.000	973.000	973.000	973.000	973.000	973.000	973.000	973.000
1135	sơn	SƠN nước ngoại thất FA NGOÀI CT	thùng	QCVN 16:2019/BXD JIS K5663:2003	18 lít/thùng	Công ty CP L.Q JOTON. Đc; 62/6 ấp 28, xã Xuân Thới Sơn, TP.HCM - Đt: 028.38910224. (Công văn đề nghị công bố giá số 15_08_26/SXD-KTVL ngày 15/07/2026)	Việt Nam	Khối lượng cung cấp: theo yêu cầu của bên mua, giá bán toàn tỉnh	Phương tiện vận chuyển: xe tải. Đã bao gồm chi phí vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh.	Mức giá được thực hiện từ ngày 15/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	4.330.000	4.330.000	4.330.000	4.330.000	4.330.000	4.330.000	4.330.000	4.330.000	4.330.000
1136	sơn	SƠN nước ngoại thất FA NGOÀI CT	lon	QCVN 16:2019/BXD JIS K5663:2003	05 lít/lon	Công ty CP L.Q JOTON. Đc; 62/6 ấp 28, xã Xuân Thới Sơn, TP.HCM - Đt: 028.38910224. (Công văn đề nghị công bố giá số 15_08_26/SXD-KTVL ngày 15/07/2026)	Việt Nam	Khối lượng cung cấp: theo yêu cầu của bên mua, giá bán toàn tỉnh	Phương tiện vận chuyển: xe tải. Đã bao gồm chi phí vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh.	Mức giá được thực hiện từ ngày 15/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	1.266.500	1.266.500	1.266.500	1.266.500	1.266.500	1.266.500	1.266.500	1.266.500	1.266.500
1137	sơn	SƠN nước ngoại thất FA NGOÀI CT	lon	QCVN 16:2019/BXD JIS K5663:2003	01 lít/lon	Công ty CP L.Q JOTON. Đc; 62/6 ấp 28, xã Xuân Thới Sơn, TP.HCM - Đt: 028.38910224. (Công văn đề nghị công bố giá số 15_08_26/SXD-KTVL ngày 15/07/2026)	Việt Nam	Khối lượng cung cấp: theo yêu cầu của bên mua, giá bán toàn tỉnh	Phương tiện vận chuyển: xe tải. Đã bao gồm chi phí vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh.	Mức giá được thực hiện từ ngày 15/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	302.000	302.000	302.000	302.000	302.000	302.000	302.000	302.000	302.000
1138	Sơn	Sơn nước ngoại thất JONY	thùng	QCVN 16:2019/BXD JIS K5663:2003	18 lít/thùng	Công ty CP L.Q JOTON. Đc; 62/6 ấp 28, xã Xuân Thới Sơn, TP.HCM - Đt: 028.38910224. (Công văn đề nghị công bố giá số 15_08_26/SXD-KTVL ngày 15/07/2026)	Việt Nam	Khối lượng cung cấp: theo yêu cầu của bên mua, giá bán toàn tỉnh	Phương tiện vận chuyển: xe tải. Đã bao gồm chi phí vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh.	Mức giá được thực hiện từ ngày 15/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	2.590.000	2.590.000	2.590.000	2.590.000	2.590.000	2.590.000	2.590.000	2.590.000	2.590.000
1139	sơn	Sơn nước thoại thất JONY	lon	QCVN 16:2019/BXD JIS K5663:2003	05 lít/lon	Công ty CP L.Q JOTON. Đc; 62/6 ấp 28, xã Xuân Thới Sơn, TP.HCM - Đt: 028.38910224. (Công văn đề nghị công bố giá số 15_08_26/SXD-KTVL ngày 15/07/2026)	Việt Nam	Khối lượng cung cấp: theo yêu cầu của bên mua, giá bán toàn tỉnh	Phương tiện vận chuyển: xe tải. Đã bao gồm chi phí vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh.	Mức giá được thực hiện từ ngày 15/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	867.500	867.500	867.500	867.500	867.500	867.500	867.500	867.500	867.500
1140	sơn	Sơn chất thấm gốc dầu	lon	TCVN 7239:2014	06 lít/lon	Công ty CP L.Q JOTON. Đc; 62/6 ấp 28, xã Xuân Thới Sơn, TP.HCM - Đt: 028.38910224. (Công văn đề nghị công bố giá số 15_08_26/SXD-KTVL ngày 15/07/2026)	Việt Nam	Khối lượng cung cấp: theo yêu cầu của bên mua, giá bán toàn tỉnh	Phương tiện vận chuyển: xe tải. Đã bao gồm chi phí vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh.	Mức giá được thực hiện từ ngày 15/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	1.693.000	1.693.000	1.693.000	1.693.000	1.693.000	1.693.000	1.693.000	1.693.000	1.693.000
1141	sơn	Sơn chất thấm gốc dầu	thùng	TCVN 7239:2014	18,5 kg/thùng	Công ty CP L.Q JOTON. Đc; 62/6 ấp 28, xã Xuân Thới Sơn, TP.HCM - Đt: 028.38910224. (Công văn đề nghị công bố giá số 15_08_26/SXD-KTVL ngày 15/07/2026)	Việt Nam	Khối lượng cung cấp: theo yêu cầu của bên mua, giá bán toàn tỉnh	Phương tiện vận chuyển: xe tải. Đã bao gồm chi phí vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh.	Mức giá được thực hiện từ ngày 15/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	2.539.500	2.539.500	2.539.500	2.539.500	2.539.500	2.539.500	2.539.500	2.539.500	2.539.500
1142	sơn	Sơn sắt mạ kẽm	thùng	TCCS SD13- 14:2020/LQJT	20 kg/thùng	Công ty CP L.Q JOTON. Đc; 62/6 ấp 28, xã Xuân Thới Sơn, TP.HCM - Đt: 028.38910224. (Công văn đề nghị công bố giá số 15_08_26/SXD-KTVL ngày 15/07/2026)	Việt Nam	Khối lượng cung cấp: theo yêu cầu của bên mua, giá bán toàn tỉnh	Phương tiện vận chuyển: xe tải. Đã bao gồm chi phí vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh.	Mức giá được thực hiện từ ngày 15/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	4.843.000	4.843.000	4.843.000	4.843.000	4.843.000	4.843.000	4.843.000	4.843.000	4.843.000
1143	sơn	Sơn sắt mạ kẽm	lon	TCCS SD13- 14:2020/LQJT	03 lít/lon	Công ty CP L.Q JOTON. Đc; 62/6 ấp 28, xã Xuân Thới Sơn, TP.HCM - Đt: 028.38910224. (Công văn đề nghị công bố giá số 15_08_26/SXD-KTVL ngày 15/07/2026)	Việt Nam	Khối lượng cung cấp: theo yêu cầu của bên mua, giá bán toàn tỉnh	Phương tiện vận chuyển: xe tải. Đã bao gồm chi phí vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh.	Mức giá được thực hiện từ ngày 15/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	812.000	812.000	812.000	812.000	812.000	812.000	812.000	812.000	812.000
1144	sơn	Sơn sắt mạ kẽm	lon	TCCS SD13- 14:2020/LQJT	0,8 lít/lon	Công ty CP L.Q JOTON. Đc; 62/6 ấp 28, xã Xuân Thới Sơn, TP.HCM - Đt: 028.38910224. (Công văn đề nghị công bố giá số 15_08_26/SXD-KTVL ngày 15/07/2026)	Việt Nam	Khối lượng cung cấp: theo yêu cầu của bên mua, giá bán toàn tỉnh	Phương tiện vận chuyển: xe tải. Đã bao gồm chi phí vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh.	Mức giá được thực hiện từ ngày 15/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	217.500	217.500	217.500	217.500	217.500	217.500	217.500	217.500	217.500
1145	sơn	Sơn sắt mạ kẽm	lon	TCCS SD13- 14:2020/LQJT	0,45 lít/lon	Công ty CP L.Q JOTON. Đc; 62/6 ấp 28, xã Xuân Thới Sơn, TP.HCM - Đt: 028.38910224. (Công văn đề nghị công bố giá số 15_08_26/SXD-KTVL ngày 15/07/2026)	Việt Nam	Khối lượng cung cấp: theo yêu cầu của bên mua, giá bán toàn tỉnh	Phương tiện vận chuyển: xe tải. Đã bao gồm chi phí vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh.	Mức giá được thực hiện từ ngày 15/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	131.000	131.000	131.000	131.000	131.000	131.000	131.000	131.000	131.000
1146	Sơn	Bột trét ngoại thất Nippon WeatherGard Skimcoat	kg	TCVN 7329:2014	40kg	Công ty TNHH Nippon Paint (Việt Nam). Đc: số 14, đường 3A, KCN Biên Hoà II, P.Long Hưng, TP.Đồng Nai. Đt: 0251.383.6579 - 0915.736.945. Công văn đề nghị công bố giá số 03/2026/NPV ngày 01/07/2026	Việt Nam	Không có thông tin	không có thông tin	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/07/2026 đến 31/12/2026	Giá bán tăng	16.000	16.000	16.000	16.000	16.000	16.000	16.000	16.000	16.000
1147	Sơn	Bột trét ngoại thất Nippon Exterior Putty	kg	TCVN 7329:2014	40kg	Công ty TNHH Nippon Paint (Việt Nam). Đc: số 14, đường 3A, KCN Biên Hoà II, P.Long Hưng, TP.Đồng Nai. Đt: 0251.383.6579 - 0915.736.945. Công văn đề nghị công bố giá số 03/2026/NPV ngày 01/07/2026	Việt Nam	Không có thông tin	không có thông tin	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/07/2026 đến 31/12/2026	Giá bán tăng	12.700	12.700	12.700	12.700	12.700	12.700	12.700	12.700	12.700
1148	Sơn	Bột trét ngoại thất Nippon Weatherbond Skimcoat	kg	TCVN 7329:2014	40kg	Công ty TNHH Nippon Paint (Việt Nam). Đc: số 14, đường 3A, KCN Biên Hoà II, P.Long Hưng, TP.Đồng Nai. Đt: 0251.383.6579 - 0915.736.945. Công văn đề nghị công bố giá số 03/2026/NPV ngày 01/07/2026	Việt Nam	Không có thông tin	không có thông tin	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/07/2026 đến 31/12/2026	Giá không đổi	11.000	11.000	11.000	11.000	11.000	11.000	11.000	11.000	11.000
1149	Sơn	Bột trét nội thất Nippon Interior Putty	kg	TCVN 7329:2014	40kg	Công ty TNHH Nippon Paint (Việt Nam). Đc: số 14, đường 3A, KCN Biên Hoà II, P.Long Hưng, TP.Đồng Nai. Đt: 0251.383.6579 - 0915.736.945. Công văn đề nghị công bố giá số 03/2026/NPV ngày 01/07/2026	Việt Nam	Không có thông tin	không có thông tin	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/07/2026 đến 31/12/2026	Giá không đổi	9.700	9.700	9.700	9.700	9.700	9.700	9.700	9.700	9.700
1150	Sơn	Bột trét nội thất Nippon Interior Skimcoat	kg	TCVN 7329:2014	40kg	Công ty TNHH Nippon Paint (Việt Nam). Đc: số 14, đường 3A, KCN Biên Hoà II, P.Long Hưng, TP.Đồng Nai. Đt: 0251.383.6579 - 0915.736.945. Công văn đề nghị công bố giá số 03/2026/NPV ngày 01/07/2026	Việt Nam	Không có thông tin	không có thông tin	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/07/2026 đến 31/12/2026	Giá không đổi	9.000	9.000	9.000	9.000	9.000	9.000	9.000	9.000	9.000
1151	Sơn	Sơn lót nội thất cao cấp Nippon Odour-less Sealer	lít	QCVN 16:2023 BXD	18L, 5L	Công ty TNHH Nippon Paint (Việt Nam). Đc: số 14, đường 3A, KCN Biên Hoà II, P.Long Hưng, TP.Đồng Nai. Đt: 0251.383.6579 - 0915.736.945. Công văn đề nghị công bố giá số 03/2026/NPV ngày 01/07/2026	Việt Nam	Không có thông tin	không có thông tin	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/07/2026 đến 31/12/2026	Giá bán tăng	218.400	218.400	218.400	218.400	218.400	218.400	218.400	218.400	218.400
1152	Sơn	Sơn lót nội thất Nippon Easy Wash Sealer	lít	QCVN 16:2023 BXD	15L, 5L	Công ty TNHH Nippon Paint (Việt Nam). Đc: số 14, đường 3A, KCN Biên Hoà II, P.Long Hưng, TP.Đồng Nai. Đt: 0251.383.6579 - 0915.736.945. Công văn đề nghị công bố giá số 03/2026/NPV ngày 01/07/2026	Việt Nam	Không có thông tin	không có thông tin	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/07/2026 đến 31/12/2026	Giá bán tăng	205.800	205.800	205.800	205.800	205.800	205.800	205.800	205.800	205.800
1153	Sơn	Sơn lót nội thất cao cấp Nippon Interior Sealer	lít	QCVN 16:2023 BXD	18L	Công ty TNHH Nippon Paint (Việt Nam). Đc: số 14, đường 3A, KCN Biên Hoà II, P.Long Hưng, TP.Đồng Nai. Đt: 0251.383.6579 - 0915.736.945. Công văn đề nghị công bố giá số 03/2026/NPV ngày 01/07/2026	Việt Nam	Không có thông tin	không có thông tin	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/07/2026 đến 31/12/2026	Giá không đổi	162.000	162.000	162.000	162.000	162.000	162.000	162.000	162.000	162.000
1154	Sơn	Sơn lót nội thất Nippon Matex Sealer	lít	QCVN 16:2023 BXD	17L. 5L	Công ty TNHH Nippon Paint (Việt Nam). Đc: số 14, đường 3A, KCN Biên Hoà II, P.Long Hưng, TP.Đồng Nai. Đt: 0251.383.6579 - 0915.736.945. Công văn đề nghị công bố giá số 03/2026/NPV ngày 01/07/2026	Việt Nam	Không có thông tin	không có thông tin	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/07/2026 đến 31/12/2026	Giá bán tăng	125.800	125.800	125.800	125.800	125.800	125.800	125.800	125.800	125.800
1155	Sơn	Sơn lót ngoại thất cao cấp Nippon WeatherGard Sealer	lít	QCVN 16:2023 BXD	18L, 17L, 5L	Công ty TNHH Nippon Paint (Việt Nam). Đc: số 14, đường 3A, KCN Biên Hoà II, P.Long Hưng, TP.Đồng Nai. Đt: 0251.383.6579 - 0915.736.945. Công văn đề nghị công bố giá số 03/2026/NPV ngày 01/07/2026	Việt Nam	Không có thông tin	không có thông tin	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/07/2026 đến 31/12/2026	Giá bán tăng	316.200	316.200	316.200	316.200	316.200	316.200	316.200	316.200	316.200
1156	Sơn	Sơn lót ngoại thất chống nứt Nippon Weatherbond Flex Sealer	lít	QCVN 16:2023 BXD	18L	Công ty TNHH Nippon Paint (Việt Nam). Đc: số 14, đường 3A, KCN Biên Hoà II, P.Long Hưng, TP.Đồng Nai. Đt: 0251.383.6579 - 0915.736.945. Công văn đề nghị công bố giá số 03/2026/NPV ngày 01/07/2026	Việt Nam	Không có thông tin	không có thông tin	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/07/2026 đến 31/12/2026	Giá không đổi	256.000	256.000	256.000	256.000	256.000	256.000	256.000	256.000	256.000

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)(đồng)								
												Khu vực TP. Tây Ninh	Khu vực TX.Trảng Bàng	Khu vực TX. Hoà Thành	Khu vực H.Tân Biên	Khu vực H.Tân Châu	Khu vực H. Châu Thành	Khu vực H.Dương Minh Châu	Khu vực H. Bến Cầu	Khu vực H. Gò Dầu
1157	Sơn	Sơn lót ngoại thất cao cấp Nippon Weatherbond Sealer	lít	QCVN 16:2023 BXD	18L	Công ty TNHH Nippon Paint (Việt Nam). Đc: số 14, đường 3A, KCN Biên Hoà II, P.Long Hưng, TP.Đồng Nai. Đt: 0251.383.6579 - 0915.736.945. Công văn đề nghị công bố giá số 03/2026/NPV ngày 01/07/2026	Việt Nam	Không có thông tin	không có thông tin	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/07/2026 đến 31/12/2026	Giá không đổi	220.000	220.000	220.000	220.000	220.000	220.000	220.000	220.000	220.000
1158	Sơn	Sơn lót ngoại thất Nippon Super Matex Sealer	lít	QCVN 16:2023 BXD	17L. 5L	Công ty TNHH Nippon Paint (Việt Nam). Đc: số 14, đường 3A, KCN Biên Hoà II, P.Long Hưng, TP.Đồng Nai. Đt: 0251.383.6579 - 0915.736.945. Công văn đề nghị công bố giá số 03/2026/NPV ngày 01/07/2026	Việt Nam	Không có thông tin	không có thông tin	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/07/2026 đến 31/12/2026	Giá bán tăng	208.600	208.600	208.600	208.600	208.600	208.600	208.600	208.600	208.600
1159	Sơn	Sơn phủ nội thất kinh tế Nippon Vatex	lít	QCVN 16:2023 BXD	17L. 4,8kg	Công ty TNHH Nippon Paint (Việt Nam). Đc: số 14, đường 3A, KCN Biên Hoà II, P.Long Hưng, TP.Đồng Nai. Đt: 0251.383.6579 - 0915.736.945. Công văn đề nghị công bố giá số 03/2026/NPV ngày 01/07/2026	Việt Nam	Không có thông tin	không có thông tin	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/07/2026 đến 31/12/2026	Giá bán tăng	74.200	74.200	74.200	74.200	74.200	74.200	74.200	74.200	74.200
1160	Sơn	Sơn phủ nội thất Nippon Matex	lít	QCVN 16:2023 BXD	18L, 5kg	Công ty TNHH Nippon Paint (Việt Nam). Đc: số 14, đường 3A, KCN Biên Hoà II, P.Long Hưng, TP.Đồng Nai. Đt: 0251.383.6579 - 0915.736.945. Công văn đề nghị công bố giá số 03/2026/NPV ngày 01/07/2026	Việt Nam	Không có thông tin	không có thông tin	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/07/2026 đến 31/12/2026	Giá bán tăng	122.000	122.000	122.000	122.000	122.000	122.000	122.000	122.000	122.000
1161	Sơn	Sơn phủ nội thất Nippon Matex Sắc Màu Dịu Mát	lít	QCVN 16:2023 BXD	18L, 5kg	Công ty TNHH Nippon Paint (Việt Nam). Đc: số 14, đường 3A, KCN Biên Hoà II, P.Long Hưng, TP.Đồng Nai. Đt: 0251.383.6579 - 0915.736.945. Công văn đề nghị công bố giá số 03/2026/NPV ngày 01/07/2026	Việt Nam	Không có thông tin	không có thông tin	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/07/2026 đến 31/12/2026	Giá bán tăng	112.200	112.200	112.200	112.200	112.200	112.200	112.200	112.200	112.200
1162	Sơn	Sơn phủ nội thất Nippon Easy Wash lau chùi dễ dàng	lít	QCVN 16:2023 BXD	15L, 5L	Công ty TNHH Nippon Paint (Việt Nam). Đc: số 14, đường 3A, KCN Biên Hoà II, P.Long Hưng, TP.Đồng Nai. Đt: 0251.383.6579 - 0915.736.945. Công văn đề nghị công bố giá số 03/2026/NPV ngày 01/07/2026	Việt Nam	Không có thông tin	không có thông tin	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/07/2026 đến 31/12/2026	Giá bán tăng	217.800	217.800	217.800	217.800	217.800	217.800	217.800	217.800	217.800
1163	Sơn	Sơn phủ nội thất chống nấm mốc Nippon Trắng Trần Toàn Diện	lít	QCVN 16:2023 BXD	15L, 5L	Công ty TNHH Nippon Paint (Việt Nam). Đc: số 14, đường 3A, KCN Biên Hoà II, P.Long Hưng, TP.Đồng Nai. Đt: 0251.383.6579 - 0915.736.945. Công văn đề nghị công bố giá số 03/2026/NPV ngày 01/07/2026	Việt Nam	Không có thông tin	không có thông tin	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/07/2026 đến 31/12/2026	Giá bán tăng	226.800	226.800	226.800	226.800	226.800	226.800	226.800	226.800	226.800
1164	Sơn	Sơn phủ nội thất cao cấp Nippon Odour-less Bóng sang trọng	lít	QCVN 16:2023 BXD	18L, 5L	Công ty TNHH Nippon Paint (Việt Nam). Đc: số 14, đường 3A, KCN Biên Hoà II, P.Long Hưng, TP.Đồng Nai. Đt: 0251.383.6579 - 0915.736.945. Công văn đề nghị công bố giá số 03/2026/NPV ngày 01/07/2026	Việt Nam	Không có thông tin	không có thông tin	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/07/2026 đến 31/12/2026	Giá bán tăng	257.200	257.200	257.200	257.200	257.200	257.200	257.200	257.200	257.200
1165	Sơn	Sơn phủ nội thất cao cấp Nippon Odour-less chùi rửa vượt trội & kháng khuẩn	lít	QCVN 16:2023 BXD	15L, 5L	Công ty TNHH Nippon Paint (Việt Nam). Đc: số 14, đường 3A, KCN Biên Hoà II, P.Long Hưng, TP.Đồng Nai. Đt: 0251.383.6579 - 0915.736.945. Công văn đề nghị công bố giá số 03/2026/NPV ngày 01/07/2026	Việt Nam	Không có thông tin	không có thông tin	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/07/2026 đến 31/12/2026	Giá bán tăng	262.800	262.800	262.800	262.800	262.800	262.800	262.800	262.800	262.800
1166	Sơn	Sơn phủ nội thất cao cấp Nippon Spot-less Plus	lít	QCVN 16:2023 BXD	18L, 5L	Công ty TNHH Nippon Paint (Việt Nam). Đc: số 14, đường 3A, KCN Biên Hoà II, P.Long Hưng, TP.Đồng Nai. Đt: 0251.383.6579 - 0915.736.945. Công văn đề nghị công bố giá số 03/2026/NPV ngày 01/07/2026	Việt Nam	Không có thông tin	không có thông tin	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/07/2026 đến 31/12/2026	Giá bán tăng	399.400	399.400	399.400	399.400	399.400	399.400	399.400	399.400	399.400
1167	Sơn	Sơn phủ nội thất cao cấp Nippon Odour-less All in 1 bóng (không mùi)	lít	QCVN 16:2023 BXD	18L, 5L	Công ty TNHH Nippon Paint (Việt Nam). Đc: số 14, đường 3A, KCN Biên Hoà II, P.Long Hưng, TP.Đồng Nai. Đt: 0251.383.6579 - 0915.736.945. Công văn đề nghị công bố giá số 03/2026/NPV ngày 01/07/2026	Việt Nam	Không có thông tin	không có thông tin	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/07/2026 đến 31/12/2026	Giá bán tăng	431.800	431.800	431.800	431.800	431.800	431.800	431.800	431.800	431.800
1168	Sơn	Sơn phủ nội thất cao cấp Nippon Odour-less All in 1 bóng Siêu Bóng (không mùi)	lít	QCVN 16:2023 BXD	5L	Công ty TNHH Nippon Paint (Việt Nam). Đc: số 14, đường 3A, KCN Biên Hoà II, P.Long Hưng, TP.Đồng Nai. Đt: 0251.383.6579 - 0915.736.945. Công văn đề nghị công bố giá số 03/2026/NPV ngày 01/07/2026	Việt Nam	Không có thông tin	không có thông tin	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/07/2026 đến 31/12/2026	Giá bán tăng	477.200	477.200	477.200	477.200	477.200	477.200	477.200	477.200	477.200
1169	Sơn	Sơn phủ nội thất kinh tế Nippon Litex	lít	QCVN 16:2023 BXD	18L	Công ty TNHH Nippon Paint (Việt Nam). Đc: số 14, đường 3A, KCN Biên Hoà II, P.Long Hưng, TP.Đồng Nai. Đt: 0251.383.6579 - 0915.736.945. Công văn đề nghị công bố giá số 03/2026/NPV ngày 01/07/2026	Việt Nam	Không có thông tin	không có thông tin	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/07/2026 đến 31/12/2026	Giá không đổi	47.000	47.000	47.000	47.000	47.000	47.000	47.000	47.000	47.000
1170	Sơn	Sơn phủ nội thất chống nấm mốc Nippon Matex Light	lít	QCVN 16:2023 BXD	18L	Công ty TNHH Nippon Paint (Việt Nam). Đc: số 14, đường 3A, KCN Biên Hoà II, P.Long Hưng, TP.Đồng Nai. Đt: 0251.383.6579 - 0915.736.945. Công văn đề nghị công bố giá số 03/2026/NPV ngày 01/07/2026	Việt Nam	Không có thông tin	không có thông tin	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/07/2026 đến 31/12/2026	Giá không đổi	105.000	105.000	105.000	105.000	105.000	105.000	105.000	105.000	105.000
1171	Sơn	Sơn phủ nội thất cao cấp chịu chùi rửa vượt trội Nippon Super Easy Wash	lít	QCVN 16:2023 BXD	17L	Công ty TNHH Nippon Paint (Việt Nam). Đc: số 14, đường 3A, KCN Biên Hoà II, P.Long Hưng, TP.Đồng Nai. Đt: 0251.383.6579 - 0915.736.945. Công văn đề nghị công bố giá số 03/2026/NPV ngày 01/07/2026	Việt Nam	Không có thông tin	không có thông tin	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/07/2026 đến 31/12/2026	Giá không đổi	164.000	164.000	164.000	164.000	164.000	164.000	164.000	164.000	164.000
1172	Sơn	Sơn phủ nội thất cao cấp chống bám bẩn kháng khuẩn Nippon Spot-Less Perfect	lít	QCVN 16:2023 BXD	18L	Công ty TNHH Nippon Paint (Việt Nam). Đc: số 14, đường 3A, KCN Biên Hoà II, P.Long Hưng, TP.Đồng Nai. Đt: 0251.383.6579 - 0915.736.945. Công văn đề nghị công bố giá số 03/2026/NPV ngày 01/07/2026	Việt Nam	Không có thông tin	không có thông tin	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/07/2026 đến 31/12/2026	Giá không đổi	211.000	211.000	211.000	211.000	211.000	211.000	211.000	211.000	211.000
1173	Sơn	Sơn phủ ngoại thất Nippon Super Matex	lít	QCVN 16:2023 BXD	18L, 5L	Công ty TNHH Nippon Paint (Việt Nam). Đc: số 14, đường 3A, KCN Biên Hoà II, P.Long Hưng, TP.Đồng Nai. Đt: 0251.383.6579 - 0915.736.945. Công văn đề nghị công bố giá số 03/2026/NPV ngày 01/07/2026	Việt Nam	Không có thông tin	không có thông tin	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/07/2026 đến 31/12/2026	Giá bán tăng	208.600	208.600	208.600	208.600	208.600	208.600	208.600	208.600	208.600
1174	Sơn	Sơn phủ ngoại thất Nippon Super Gard	lít	QCVN 16:2023 BXD	18L, 5L	Công ty TNHH Nippon Paint (Việt Nam). Đc: số 14, đường 3A, KCN Biên Hoà II, P.Long Hưng, TP.Đồng Nai. Đt: 0251.383.6579 - 0915.736.945. Công văn đề nghị công bố giá số 03/2026/NPV ngày 01/07/2026	Việt Nam	Không có thông tin	không có thông tin	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/07/2026 đến 31/12/2026	Giá bán tăng	318.400	318.400	318.400	318.400	318.400	318.400	318.400	318.400	318.400
1175	Sơn	Sơn phủ ngoại thất cao cấp Nippon WeatherGard Hitex	lít	QCVN 16:2023 BXD	15L, 5L	Công ty TNHH Nippon Paint (Việt Nam). Đc: số 14, đường 3A, KCN Biên Hoà II, P.Long Hưng, TP.Đồng Nai. Đt: 0251.383.6579 - 0915.736.945. Công văn đề nghị công bố giá số 03/2026/NPV ngày 01/07/2026	Việt Nam	Không có thông tin	không có thông tin	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/07/2026 đến 31/12/2026	Giá bán tăng	433.800	433.800	433.800	433.800	433.800	433.800	433.800	433.800	433.800
1176	Sơn	Sơn phủ ngoại thất cao cấp Nippon WeatherGard Plux +	lít	QCVN 16:2023 BXD	15L, 5L	Công ty TNHH Nippon Paint (Việt Nam). Đc: số 14, đường 3A, KCN Biên Hoà II, P.Long Hưng, TP.Đồng Nai. Đt: 0251.383.6579 - 0915.736.945. Công văn đề nghị công bố giá số 03/2026/NPV ngày 01/07/2026	Việt Nam	Không có thông tin	không có thông tin	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/07/2026 đến 31/12/2026	Giá bán tăng	568.400	568.400	568.400	568.400	568.400	568.400	568.400	568.400	568.400
1177	Sơn	Sơn phủ ngoại thất cao cấp Nippon WeatherGard Siêu Bóng	lít	QCVN 16:2023 BXD	5L	Công ty TNHH Nippon Paint (Việt Nam). Đc: số 14, đường 3A, KCN Biên Hoà II, P.Long Hưng, TP.Đồng Nai. Đt: 0251.383.6579 - 0915.736.945. Công văn đề nghị công bố giá số 03/2026/NPV ngày 01/07/2026	Việt Nam	Không có thông tin	không có thông tin	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/07/2026 đến 31/12/2026	Giá bán tăng	655.000	655.000	655.000	655.000	655.000	655.000	655.000	655.000	655.000
1178	Sơn	Sơn phủ ngoại thất kinh tế Nippon Super Litex	lít	QCVN 16:2023 BXD	18L	Công ty TNHH Nippon Paint (Việt Nam). Đc: số 14, đường 3A, KCN Biên Hoà II, P.Long Hưng, TP.Đồng Nai. Đt: 0251.383.6579 - 0915.736.945. Công văn đề nghị công bố giá số 03/2026/NPV ngày 01/07/2026	Việt Nam	Không có thông tin	không có thông tin	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/07/2026 đến 31/12/2026	Giá không đổi	148.000	148.000	148.000	148.000	148.000	148.000	148.000	148.000	148.000
1179	Sơn	Sơn phủ ngoại thất chống rêu mốc, chống bong tróc Nippon Superbond	lít	QCVN 16:2023 BXD	18L	Công ty TNHH Nippon Paint (Việt Nam). Đc: số 14, đường 3A, KCN Biên Hoà II, P.Long Hưng, TP.Đồng Nai. Đt: 0251.383.6579 - 0915.736.945. Công văn đề nghị công bố giá số 03/2026/NPV ngày 01/07/2026	Việt Nam	Không có thông tin	không có thông tin	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/07/2026 đến 31/12/2026	Giá không đổi	244.000	244.000	244.000	244.000	244.000	244.000	244.000	244.000	244.000

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)(đồng)								
												Khu vực TP. Tây Ninh	Khu vực TX.Trảng Bàng	Khu vực TX. Hoà Thành	Khu vực H.Tân Biên	Khu vực H.Tân Châu	Khu vực H. Châu Thành	Khu vực H.Dương Minh Châu	Khu vực H. Bến Cầu	Khu vực H. Gò Dầu
1180	Sơn	Sơn phủ ngoại thất cao cấp màng sơn bóng mờ, bền màu Nippon Weatherbond	lít	QCVN 16:2023 BXD	18L	Công ty TNHH Nippon Paint (Việt Nam). Đc: số 14, đường 3A, KCN Biên Hoà II, P.Long Hưng, TP.Đồng Nai. Đt: 0251.383.6579 - 0915.736.945. Công văn đề nghị công bố giá số 03/2026/NPV ngày 01/07/2026	Việt Nam	Không có thông tin	không có thông tin	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/07/2026 đến 31/12/2026	Giá không đổi	352.000	352.000	352.000	352.000	352.000	352.000	352.000	352.000	352.000
1181	Sơn	Sơn phủ ngoại thất cao cấp, che phủ vết nứt Nippon Weatherbond Flex	lít	QCVN 16:2023 BXD	18L	Công ty TNHH Nippon Paint (Việt Nam). Đc: số 14, đường 3A, KCN Biên Hoà II, P.Long Hưng, TP.Đồng Nai. Đt: 0251.383.6579 - 0915.736.945. Công văn đề nghị công bố giá số 03/2026/NPV ngày 01/07/2026	Việt Nam	Không có thông tin	không có thông tin	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/07/2026 đến 31/12/2026	Giá không đổi	440.000	440.000	440.000	440.000	440.000	440.000	440.000	440.000	440.000
1182	Sơn	Sơn phủ ngoại thất cao cấp kháng kiềm và độ đàn hồi cao Nippon Weatherbond CoastPro	lít	QCVN 16:2023 BXD	18L	Công ty TNHH Nippon Paint (Việt Nam). Đc: số 14, đường 3A, KCN Biên Hoà II, P.Long Hưng, TP.Đồng Nai. Đt: 0251.383.6579 - 0915.736.945. Công văn đề nghị công bố giá số 03/2026/NPV ngày 01/07/2026	Việt Nam	Không có thông tin	không có thông tin	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/07/2026 đến 31/12/2026	Giá không đổi	528.000	528.000	528.000	528.000	528.000	528.000	528.000	528.000	528.000
1183	Sơn	Sơn chống thấm Nippon WP 200 Expert	lít	QCVN 16:2023 BXD	18L	Công ty TNHH Nippon Paint (Việt Nam). Đc: số 14, đường 3A, KCN Biên Hoà II, P.Long Hưng, TP.Đồng Nai. Đt: 0251.383.6579 - 0915.736.945. Công văn đề nghị công bố giá số 03/2026/NPV ngày 01/07/2026	Việt Nam	Không có thông tin	không có thông tin	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/07/2026 đến 31/12/2026	Giá không đổi	193.000	193.000	193.000	193.000	193.000	193.000	193.000	193.000	193.000
1184	Sơn	Sơn chống thấm Nippon WP 200	kg	QCVN 16:2023 BXD	20kg	Công ty TNHH Nippon Paint (Việt Nam). Đc: số 14, đường 3A, KCN Biên Hoà II, P.Long Hưng, TP.Đồng Nai. Đt: 0251.383.6579 - 0915.736.945. Công văn đề nghị công bố giá số 03/2026/NPV ngày 01/07/2026	Việt Nam	Không có thông tin	không có thông tin	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/07/2026 đến 31/12/2026	Giá bán tăng	224.600	224.600	224.600	224.600	224.600	224.600	224.600	224.600	224.600
1185	Sơn	Sơn chống thấm Nippon WP 200 Plus	kg	QCVN 16:2023 BXD	18kg	Công ty TNHH Nippon Paint (Việt Nam). Đc: số 14, đường 3A, KCN Biên Hoà II, P.Long Hưng, TP.Đồng Nai. Đt: 0251.383.6579 - 0915.736.945. Công văn đề nghị công bố giá số 03/2026/NPV ngày 01/07/2026	Việt Nam	Không có thông tin	không có thông tin	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/07/2026 đến 31/12/2026	Giá bán tăng	250.000	250.000	250.000	250.000	250.000	250.000	250.000	250.000	250.000
1186	Sơn	Bột bả nội thất Eco Skimcoat For Interior	bao	TCVN 7239:2014	40KG	Công ty TNHH Sơn Kansai Việt Nam. Đc: KCN Phố Nối A, xã Như Quỳnh, tỉnh Hưng Yên - Đt: 02213980456. Công văn đề nghị công bố giá số :2304/KPV-2026 ngày 24/04/2026	Việt Nam	Bán lẻ	Giao tại chân công trình	(Mức giá được thực hiện từ ngày 24/04/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá không đổi	374.074	374.074	374.074	374.074	374.074	374.074	374.074	374.074	374.074
1187	Sơn	Bột trét tường nội ngoại thất Eco Skimcoat for All	bao	TCVN 7239:2014	40KG	Công ty TNHH Sơn Kansai Việt Nam. Đc: KCN Phố Nối A, xã Như Quỳnh, tỉnh Hưng Yên - Đt: 02213980456. Công văn đề nghị công bố giá số :2304/KPV-2026 ngày 24/04/2026	Việt Nam	Bán lẻ	Giao tại chân công trình	(Mức giá được thực hiện từ ngày 24/04/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá không đổi	471.296	471.296	471.296	471.296	471.296	471.296	471.296	471.296	471.296
1188	Sơn	Bột bả nội thất Smart Skimcoat	bao	TCVN 7239:2014	40KG	Công ty TNHH Sơn Kansai Việt Nam. Đc: KCN Phố Nối A, xã Như Quỳnh, tỉnh Hưng Yên - Đt: 02213980456. Công văn đề nghị công bố giá số :2304/KPV-2026 ngày 24/04/2026	Việt Nam	Bán lẻ	Giao tại chân công trình	(Mức giá được thực hiện từ ngày 24/04/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá không đổi	374.074	374.074	374.074	374.074	374.074	374.074	374.074	374.074	374.074
1189	Sơn	Bột trét tường nội ngoại thất Extra Skimcoat	bao	TCVN 7239:2014	40KG	Công ty TNHH Sơn Kansai Việt Nam. Đc: KCN Phố Nối A, xã Như Quỳnh, tỉnh Hưng Yên - Đt: 02213980456. Công văn đề nghị công bố giá số :2304/KPV-2026 ngày 24/04/2026	Việt Nam	Bán lẻ	Giao tại chân công trình	(Mức giá được thực hiện từ ngày 24/04/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá không đổi	471.296	471.296	471.296	471.296	471.296	471.296	471.296	471.296	471.296
1190	Sơn	Sơn lót chống kiềm nội thất Primer for Interior	lon	TCVN 8652:2012	5L	Công ty TNHH Sơn Kansai Việt Nam. Đc: KCN Phố Nối A, xã Như Quỳnh, tỉnh Hưng Yên - Đt: 02213980456. Công văn đề nghị công bố giá số :2304/KPV-2026 ngày 24/04/2026	Việt Nam	Bán lẻ	Giao tại chân công trình	(Mức giá được thực hiện từ ngày 24/04/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá không đổi	1.000.000	1.000.000	1.000.000	1.000.000	1.000.000	1.000.000	1.000.000	1.000.000	1.000.000
1191	Sơn	Sơn lót chống kiềm nội thất Primer for Interior	lon	TCVN 8652:2012	15L	Công ty TNHH Sơn Kansai Việt Nam. Đc: KCN Phố Nối A, xã Như Quỳnh, tỉnh Hưng Yên - Đt: 02213980456. Công văn đề nghị công bố giá số :2304/KPV-2026 ngày 24/04/2026	Việt Nam	Bán lẻ	Giao tại chân công trình	(Mức giá được thực hiện từ ngày 24/04/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá không đổi	2.833.333	2.833.333	2.833.333	2.833.333	2.833.333	2.833.333	2.833.333	2.833.333	2.833.333
1192	Sơn	Sơn lót chống kiềm nội thất Primer for Interior	thùng	TCVN 8652:2012	18L	Công ty TNHH Sơn Kansai Việt Nam. Đc: KCN Phố Nối A, xã Như Quỳnh, tỉnh Hưng Yên - Đt: 02213980456. Công văn đề nghị công bố giá số :2304/KPV-2026 ngày 24/04/2026	Việt Nam	Bán lẻ	Giao tại chân công trình	(Mức giá được thực hiện từ ngày 24/04/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá không đổi	3.231.481	3.231.481	3.231.481	3.231.481	3.231.481	3.231.481	3.231.481	3.231.481	3.231.481
1193	Sơn	Sơn lót chống kiềm nội thất Sealer In	lon	TCVN 8652:2012	5L	Công ty TNHH Sơn Kansai Việt Nam. Đc: KCN Phố Nối A, xã Như Quỳnh, tỉnh Hưng Yên - Đt: 02213980456. Công văn đề nghị công bố giá số :2304/KPV-2026 ngày 24/04/2026	Việt Nam	Bán lẻ	Giao tại chân công trình	(Mức giá được thực hiện từ ngày 24/04/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá không đổi	850.926	850.926	850.926	850.926	850.926	850.926	850.926	850.926	850.926
1194	Sơn	Sơn lót chống kiềm nội thất Sealer In	lon	TCVN 8652:2012	15L	Công ty TNHH Sơn Kansai Việt Nam. Đc: KCN Phố Nối A, xã Như Quỳnh, tỉnh Hưng Yên - Đt: 02213980456. Công văn đề nghị công bố giá số :2304/KPV-2026 ngày 24/04/2026	Việt Nam	Bán lẻ	Giao tại chân công trình	(Mức giá được thực hiện từ ngày 24/04/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá không đổi	2.435.185	2.435.185	2.435.185	2.435.185	2.435.185	2.435.185	2.435.185	2.435.185	2.435.185
1195	Sơn	Sơn lót chống kiềm nội thất Sealer In	thùng	TCVN 8652:2012	I8L	Công ty TNHH Sơn Kansai Việt Nam. Đc: KCN Phố Nối A, xã Như Quỳnh, tỉnh Hưng Yên - Đt: 02213980456. Công văn đề nghị công bố giá số :2304/KPV-2026 ngày 24/04/2026	Việt Nam	Bán lẻ	Giao tại chân công trình	(Mức giá được thực hiện từ ngày 24/04/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá không đổi	2.768.519	2.768.519	2.768.519	2.768.519	2.768.519	2.768.519	2.768.519	2.768.519	2.768.519
1196	Sơn	Sơn lót chống kiềm nội thất siêu hạng Eco-Green Primer	lon	TCVN 8652:2012	5L	Công ty TNHH Sơn Kansai Việt Nam. Đc: KCN Phố Nối A, xã Như Quỳnh, tỉnh Hưng Yên - Đt: 02213980456. Công văn đề nghị công bố giá số :2304/KPV-2026 ngày 24/04/2026	Việt Nam	Bán lẻ	Giao tại chân công trình	(Mức giá được thực hiện từ ngày 24/04/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá không đổi	1.203.704	1.203.704	1.203.704	1.203.704	1.203.704	1.203.704	1.203.704	1.203.704	1.203.704
1197	Sơn	Sơn lót chống kiềm nội thất siêu hạng Eco-Green Primer	thùng	TCVN 8652:2012	18L	Công ty TNHH Sơn Kansai Việt Nam. Đc: KCN Phố Nối A, xã Như Quỳnh, tỉnh Hưng Yên - Đt: 02213980456. Công văn đề nghị công bố giá số :2304/KPV-2026 ngày 24/04/2026	Việt Nam	Bán lẻ	Giao tại chân công trình	(Mức giá được thực hiện từ ngày 24/04/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá không đổi	3.901.852	3.901.852	3.901.852	3.901.852	3.901.852	3.901.852	3.901.852	3.901.852	3.901.852
1198	Sơn	Sơn lót chống kiềm ngoại thất Sealer Ex	lon	TCVN 8652:2012	5L	Công ty TNHH Sơn Kansai Việt Nam. Đc: KCN Phố Nối A, xã Như Quỳnh, tỉnh Hưng Yên - Đt: 02213980456. Công văn đề nghị công bố giá số :2304/KPV-2026 ngày 24/04/2026	Việt Nam	Bán lẻ	Giao tại chân công trình	(Mức giá được thực hiện từ ngày 24/04/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá không đổi	1.416.667	1.416.667	1.416.667	1.416.667	1.416.667	1.416.667	1.416.667	1.416.667	1.416.667
1199	Sơn	Sơn lót chống kiềm ngoại thất Sealer Ex	lon	TCVN 8652:2012	15L	Công ty TNHH Sơn Kansai Việt Nam. Đc: KCN Phố Nối A, xã Như Quỳnh, tỉnh Hưng Yên - Đt: 02213980456. Công văn đề nghị công bố giá số :2304/KPV-2026 ngày 24/04/2026	Việt Nam	Bán lẻ	Giao tại chân công trình	(Mức giá được thực hiện từ ngày 24/04/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá không đổi	4.062.963	4.062.963	4.062.963	4.062.963	4.062.963	4.062.963	4.062.963	4.062.963	4.062.963
1200	Sơn	Sơn lót chống kiềm ngoại thất Sealer Ex	thùng	TCVN 8652:2012	18L	Công ty TNHH Sơn Kansai Việt Nam. Đc: KCN Phố Nối A, xã Như Quỳnh, tỉnh Hưng Yên - Đt: 02213980456. Công văn đề nghị công bố giá số :2304/KPV-2026 ngày 24/04/2026	Việt Nam	Bán lẻ	Giao tại chân công trình	(Mức giá được thực hiện từ ngày 24/04/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá không đổi	4.451.852	4.451.852	4.451.852	4.451.852	4.451.852	4.451.852	4.451.852	4.451.852	4.451.852
1201	Sơn	Sơn lót chống kiềm siêu hạng Primer Sealer 1035	lon	TCVN 8652:2012	5L	Công ty TNHH Sơn Kansai Việt Nam. Đc: KCN Phố Nối A, xã Như Quỳnh, tỉnh Hưng Yên - Đt: 02213980456. Công văn đề nghị công bố giá số :2304/KPV-2026 ngày 24/04/2026	Việt Nam	Bán lẻ	Giao tại chân công trình	(Mức giá được thực hiện từ ngày 24/04/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá không đổi	1.481.481	1.481.481	1.481.481	1.481.481	1.481.481	1.481.481	1.481.481	1.481.481	1.481.481
1202	Sơn	Sơn lót chàng kiềm siêu hạng Primer Sealer 1035	lon	TCVN 8652:2012	15L	Công ty TNHH Sơn Kansai Việt Nam. Đc: KCN Phố Nối A, xã Như Quỳnh, tỉnh Hưng Yên - Đt: 02213980456. Công văn đề nghị công bố giá số :2304/KPV-2026 ngày 24/04/2026	Việt Nam	Bán lẻ	Giao tại chân công trình	(Mức giá được thực hiện từ ngày 24/04/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá không đổi	4.240.741	4.240.741	4.240.741	4.240.741	4.240.741	4.240.741	4.240.741	4.240.741	4.240.741
1203	Sơn	Sơn lót chống kiềm siêu hạng Primer Sealer 1035	thùng	TCVN 8652:2012	18L	Công ty TNHH Sơn Kansai Việt Nam. Đc: KCN Phố Nối A, xã Như Quỳnh, tỉnh Hưng Yên - Đt: 02213980456. Công văn đề nghị công bố giá số :2304/KPV-2026 ngày 24/04/2026	Việt Nam	Bán lẻ	Giao tại chân công trình	(Mức giá được thực hiện từ ngày 24/04/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá không đổi	4.567.593	4.567.593	4.567.593	4.567.593	4.567.593	4.567.593	4.567.593	4.567.593	4.567.593
1204	Sơn	Sơn lót ngoại thất đặc biệt Nano Sealer	lon	TCVN 8652:2012	5L	Công ty TNHH Sơn Kansai Việt Nam. Đc: KCN Phố Nối A, xã Như Quỳnh, tỉnh Hưng Yên - Đt: 02213980456. Công văn đề nghị công bố giá số :2304/KPV-2026 ngày 24/04/2026	Việt Nam	Bán lẻ	Giao tại chân công trình	(Mức giá được thực hiện từ ngày 24/04/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá không đổi	1.722.222	1.722.222	1.722.222	1.722.222	1.722.222	1.722.222	1.722.222	1.722.222	1.722.222
1205	Sơn	Sơn lót ngoại that đặc biệt Nano Sealer	thùng	TCVN 8652:2012	18L	Công ty TNHH Sơn Kansai Việt Nam. Đc: KCN Phố Nối A, xã Như Quỳnh, tỉnh Hưng Yên - Đt: 02213980456. Công văn đề nghị công bố giá số :2304/KPV-2026 ngày 24/04/2026	Việt Nam	Bán lẻ	Giao tại chân công trình	(Mức giá được thực hiện từ ngày 24/04/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá không đổi	5.657.407	5.657.407	5.657.407	5.657.407	5.657.407	5.657.407	5.657.407	5.657.407	5.657.407
1206	Sơn	Sơn nội thất kinh tế Basic	lon	QCVN 16:2019/BXD	4L	Công ty TNHH Sơn Kansai Việt Nam. Đc: KCN Phố Nối A, xã Như Quỳnh, tỉnh Hưng Yên - Đt: 02213980456. Công văn đề nghị công bố giá số :2304/KPV-2026 ngày 24/04/2026	Việt Nam	Bán lẻ	Giao tại chân công trình	(Mức giá được thực hiện từ ngày 24/04/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá không đổi	240.741	240.741	240.741	240.741	240.741	240.741	240.741	240.741	240.741

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)(đồng)								
												Khu vực TP. Tây Ninh	Khu vực TX.Trảng Bàng	Khu vực TX. Hoà Thành	Khu vực H.Tân Biên	Khu vực H.Tân Châu	Khu vực H. Châu Thành	Khu vực H.Dương Minh Châu	Khu vực H. Bến Cầu	Khu vực H. Gò Dầu
1207	Sơn	Sơn nội thất kinh tế Basic	lon	QCVN 16:2019/BXD	5L	Công ty TNHH Sơn Kansai Việt Nam. Đc: KCN Phố Nối A, xã Như Quỳnh, tỉnh Hưng Yên - Đt: 02213980456. Công văn đề nghị công bố giá số :2304/KPV-2026 ngày 24/04/2026	Việt Nam	Bán lẻ	Giao tại chân công trình	(Mức giá được thực hiện từ ngày 24/04/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá không đổi	304.630	304.630	304.630	304.630	304.630	304.630	304.630	304.630	304.630
1208	Sơn	Sơn nội thất kinh tế Basic	lon	QCVN 16:2019/BXD	15L	Công ty TNHH Sơn Kansai Việt Nam. Đc: KCN Phố Nối A, xã Như Quỳnh, tỉnh Hưng Yên - Đt: 02213980456. Công văn đề nghị công bố giá số :2304/KPV-2026 ngày 24/04/2026	Việt Nam	Bán lẻ	Giao tại chân công trình	(Mức giá được thực hiện từ ngày 24/04/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá không đổi	888.889	888.889	888.889	888.889	888.889	888.889	888.889	888.889	888.889
1209	Sơn	Sơn nội thất kinh tế Basic	thùng	QCVN 16:2019/BXD	17L	Công ty TNHH Sơn Kansai Việt Nam. Đc: KCN Phố Nối A, xã Như Quỳnh, tỉnh Hưng Yên - Đt: 02213980456. Công văn đề nghị công bố giá số :2304/KPV-2026 ngày 24/04/2026	Việt Nam	Bán lẻ	Giao tại chân công trình	(Mức giá được thực hiện từ ngày 24/04/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá không đổi	916.667	916.667	916.667	916.667	916.667	916.667	916.667	916.667	916.667
1210	Sơn	Sơn siêu trắng chống ố vàng Idecor	lon	QCVN 16:2019/BXD	5L	Công ty TNHH Sơn Kansai Việt Nam. Đc: KCN Phố Nối A, xã Như Quỳnh, tỉnh Hưng Yên - Đt: 02213980456. Công văn đề nghị công bố giá số :2304/KPV-2026 ngày 24/04/2026	Việt Nam	Bán lẻ	Giao tại chân công trình	(Mức giá được thực hiện từ ngày 24/04/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá không đổi	956.481	956.481	956.481	956.481	956.481	956.481	956.481	956.481	956.481
1211	Sơn	Sơn siêu trắng chống ố vàng Idecor	lon	QCVN 16:2019/BXD	15L	Công ty TNHH Sơn Kansai Việt Nam. Đc: KCN Phố Nối A, xã Như Quỳnh, tỉnh Hưng Yên - Đt: 02213980456. Công văn đề nghị công bố giá số :2304/KPV-2026 ngày 24/04/2026	Việt Nam	Bán lẻ	Giao tại chân công trình	(Mức giá được thực hiện từ ngày 24/04/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá không đổi	2.801.852	2.801.852	2.801.852	2.801.852	2.801.852	2.801.852	2.801.852	2.801.852	2.801.852
1212	Sơn	Sơn siêu trắng chống ố vàng Idecor	thùng	QCVN 16:2O19/BXD	18L	Công ty TNHH Sơn Kansai Việt Nam. Đc: KCN Phố Nối A, xã Như Quỳnh, tỉnh Hưng Yên - Đt: 02213980456. Công văn đề nghị công bố giá số :2304/KPV-2026 ngày 24/04/2026	Việt Nam	Bán lẻ	Giao tại chân công trình	(Mức giá được thực hiện từ ngày 24/04/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá không đổi	3.203.704	3.203.704	3.203.704	3.203.704	3.203.704	3.203.704	3.203.704	3.203.704	3.203.704
1213	Sơn	Sơn siêu trang chống ố vàng Smart White	lon	QCVN 16:2019/BXD	5L	Công ty TNHH Sơn Kansai Việt Nam. Đc: KCN Phố Nối A, xã Như Quỳnh, tỉnh Hưng Yên - Đt: 02213980456. Công văn đề nghị công bố giá số :2304/KPV-2026 ngày 24/04/2026	Việt Nam	Bán lẻ	Giao tại chân công trình	(Mức giá được thực hiện từ ngày 24/04/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá không đổi	916.667	916.667	916.667	916.667	916.667	916.667	916.667	916.667	916.667
1214	Sơn	Sơn siêu trắng chống ố vàng Smart White	lon	QCVN 16:2019/BXD	15L	Công ty TNHH Sơn Kansai Việt Nam. Đc: KCN Phố Nối A, xã Như Quỳnh, tỉnh Hưng Yên - Đt: 02213980456. Công văn đề nghị công bố giá số :2304/KPV-2026 ngày 24/04/2026	Việt Nam	Bán lẻ	Giao tại chân công trình	(Mức giá được thực hiện từ ngày 24/04/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá không đổi	2.601.852	2.601.852	2.601.852	2.601.852	2.601.852	2.601.852	2.601.852	2.601.852	2.601.852
1215	Sơn	Sơn siêu trắng chống 0 vàng Smart White	thùng	QCVN 16:2019/BXD	18L	Công ty TNHH Sơn Kansai Việt Nam. Đc: KCN Phố Nối A, xã Như Quỳnh, tỉnh Hưng Yên - Đt: 02213980456. Công văn đề nghị công bố giá số :2304/KPV-2026 ngày 24/04/2026	Việt Nam	Bán lẻ	Giao tại chân công trình	(Mức giá được thực hiện từ ngày 24/04/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá không đổi	2.977.778	2.977.778	2.977.778	2.977.778	2.977.778	2.977.778	2.977.778	2.977.778	2.977.778
1216	Sơn	Sơn nội thất mờ Smart 2	lon	QCVN 16:2019/BXD	5L	Công ty TNHH Sơn Kansai Việt Nam. Đc: KCN Phố Nối A, xã Như Quỳnh, tỉnh Hưng Yên - Đt: 02213980456. Công văn đề nghị công bố giá số :2304/KPV-2026 ngày 24/04/2026	Việt Nam	Bán lẻ	Giao tại chân công trình	(Mức giá được thực hiện từ ngày 24/04/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá không đổi	607.407	607.407	607.407	607.407	607.407	607.407	607.407	607.407	607.407
1217	Sơn	Sơn nội thất mờ Smart 2	lon	QCVN 16:2019/BXD	15L	Công ty TNHH Sơn Kansai Việt Nam. Đc: KCN Phố Nối A, xã Như Quỳnh, tỉnh Hưng Yên - Đt: 02213980456. Công văn đề nghị công bố giá số :2304/KPV-2026 ngày 24/04/2026	Việt Nam	Bán lẻ	Giao tại chân công trình	(Mức giá được thực hiện từ ngày 24/04/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá không đổi	1.750.000	1.750.000	1.750.000	1.750.000	1.750.000	1.750.000	1.750.000	1.750.000	1.750.000
1218	Sơn	Sơn nội thất mờ Smart 2	thùng	QCVN 16:2019/BXD	18L	Công ty TNHH Sơn Kansai Việt Nam. Đc: KCN Phố Nối A, xã Như Quỳnh, tỉnh Hưng Yên - Đt: 02213980456. Công văn đề nghị công bố giá số :2304/KPV-2026 ngày 24/04/2026	Việt Nam	Bán lẻ	Giao tại chân công trình	(Mức giá được thực hiện từ ngày 24/04/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá không đổi	2.000.000	2.000.000	2.000.000	2.000.000	2.000.000	2.000.000	2.000.000	2.000.000	2.000.000
1219	Sơn	Sơn nội thất mờ Idecor 3	lon	QCVN 16:2019/BXD	5L	Công ty TNHH Sơn Kansai Việt Nam. Đc: KCN Phố Nối A, xã Như Quỳnh, tỉnh Hưng Yên - Đt: 02213980456. Công văn đề nghị công bố giá số :2304/KPV-2026 ngày 24/04/2026	Việt Nam	Bán lẻ	Giao tại chân công trình	(Mức giá được thực hiện từ ngày 24/04/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá không đổi	656.481	656.481	656.481	656.481	656.481	656.481	656.481	656.481	656.481
1220	Sơn	Sơn nội thất mờ Idecor 3	lon	QCVN 16-.2019/BXD	15L	Công ty TNHH Sơn Kansai Việt Nam. Đc: KCN Phố Nối A, xã Như Quỳnh, tỉnh Hưng Yên - Đt: 02213980456. Công văn đề nghị công bố giá số :2304/KPV-2026 ngày 24/04/2026	Việt Nam	Bán lẻ	Giao tại chân công trình	(Mức giá được thực hiện từ ngày 24/04/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá không đổi	1.937.963	1.937.963	1.937.963	1.937.963	1.937.963	1.937.963	1.937.963	1.937.963	1.937.963
1221	Sơn	Sơn nội thất mờ Idecor 3	thùng	QCVN 16:2019/BXD	18L	Công ty TNHH Sơn Kansai Việt Nam. Đc: KCN Phố Nối A, xã Như Quỳnh, tỉnh Hưng Yên - Đt: 02213980456. Công văn đề nghị công bố giá số :2304/KPV-2026 ngày 24/04/2026	Việt Nam	Bán lẻ	Giao tại chân công trình	(Mức giá được thực hiện từ ngày 24/04/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá không đổi	2.166.667	2.166.667	2.166.667	2.166.667	2.166.667	2.166.667	2.166.667	2.166.667	2.166.667
1222	Sơn	Sơn nội thất bóng Smart 6	lon	QCVN 16:2O19/BXD	5L	Công ty TNHH Sơn Kansai Việt Nam. Đc: KCN Phố Nối A, xã Như Quỳnh, tỉnh Hưng Yên - Đt: 02213980456. Công văn đề nghị công bố giá số :2304/KPV-2026 ngày 24/04/2026	Việt Nam	Bán lẻ	Giao tại chân công trình	(Mức giá được thực hiện từ ngày 24/04/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá không đổi	1.762.037	1.762.037	1.762.037	1.762.037	1.762.037	1.762.037	1.762.037	1.762.037	1.762.037
1223	Sơn	Sơn nội thất bóng Smart 6	lon	QCVN 16:2019/BXD	15L	Công ty TNHH Sơn Kansai Việt Nam. Đc: KCN Phố Nối A, xã Như Quỳnh, tỉnh Hưng Yên - Đt: 02213980456. Công văn đề nghị công bố giá số :2304/KPV-2026 ngày 24/04/2026	Việt Nam	Bán lẻ	Giao tại chân công trình	(Mức giá được thực hiện từ ngày 24/04/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá không đổi	4.922.222	4.922.222	4.922.222	4.922.222	4.922.222	4.922.222	4.922.222	4.922.222	4.922.222
1224	Sơn	Sơn nội thất bóng Smart 6	thùng	QCVN 16:2019/BXD	18L	Công ty TNHH Sơn Kansai Việt Nam. Đc: KCN Phố Nối A, xã Như Quỳnh, tỉnh Hưng Yên - Đt: 02213980456. Công văn đề nghị công bố giá số :2304/KPV-2026 ngày 24/04/2026	Việt Nam	Bán lẻ	Giao tại chân công trình	(Mức giá được thực hiện từ ngày 24/04/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá không đổi	5.625.000	5.625.000	5.625.000	5.625.000	5.625.000	5.625.000	5.625.000	5.625.000	5.625.000
1225	Sơn	Sơn nội thất dễ lau chùi Idecor 5	lon	QCVN I6:2O19/BXD	5L	Công ty TNHH Sơn Kansai Việt Nam. Đc: KCN Phố Nối A, xã Như Quỳnh, tỉnh Hưng Yên - Đt: 02213980456. Công văn đề nghị công bố giá số :2304/KPV-2026 ngày 24/04/2026	Việt Nam	Bán lẻ	Giao tại chân công trình	(Mức giá được thực hiện từ ngày 24/04/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá không đổi	1.324.074	1.324.074	1.324.074	1.324.074	1.324.074	1.324.074	1.324.074	1.324.074	1.324.074
1226	Sơn	Sơn nội thất dễ lau chùi Idecor 5	lon	QCVN 16:2O19/BXD	I5L	Công ty TNHH Sơn Kansai Việt Nam. Đc: KCN Phố Nối A, xã Như Quỳnh, tỉnh Hưng Yên - Đt: 02213980456. Công văn đề nghị công bố giá số :2304/KPV-2026 ngày 24/04/2026	Việt Nam	Bán lẻ	Giao tại chân công trình	(Mức giá được thực hiện từ ngày 24/04/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá không đổi	3.944.444	3.944.444	3.944.444	3.944.444	3.944.444	3.944.444	3.944.444	3.944.444	3.944.444
1227	Sơn	Sơn nội thất dễ lau chùi Idecor 5	thùng	QCVN 16:2019/BXD	18L	Công ty TNHH Sơn Kansai Việt Nam. Đc: KCN Phố Nối A, xã Như Quỳnh, tỉnh Hưng Yên - Đt: 02213980456. Công văn đề nghị công bố giá số :2304/KPV-2026 ngày 24/04/2026	Việt Nam	Bán lẻ	Giao tại chân công trình	(Mức giá được thực hiện từ ngày 24/04/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá không đổi	4.287.037	4.287.037	4.287.037	4.287.037	4.287.037	4.287.037	4.287.037	4.287.037	4.287.037
1228	Sơn	Sơn nội thất siêu bóng Smart 8	lon	QCVN 16:2019/BXD	5L	Công ty TNHH Sơn Kansai Việt Nam. Đc: KCN Phố Nối A, xã Như Quỳnh, tỉnh Hưng Yên - Đt: 02213980456. Công văn đề nghị công bố giá số :2304/KPV-2026 ngày 24/04/2026	Việt Nam	Bán lẻ	Giao tại chân công trình	(Mức giá được thực hiện từ ngày 24/04/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá không đổi	1.898.148	1.898.148	1.898.148	1.898.148	1.898.148	1.898.148	1.898.148	1.898.148	1.898.148
1229	Sơn	Sơn nội thất siêu chùi rửa Idecor 7	lon	QCVN 16:2019/BXD	5L	Công ty TNHH Sơn Kansai Việt Nam. Đc: KCN Phố Nối A, xã Như Quỳnh, tỉnh Hưng Yên - Đt: 02213980456. Công văn đề nghị công bố giá số :2304/KPV-2026 ngày 24/04/2026	Việt Nam	Bán lẻ	Giao tại chân công trình	(Mức giá được thực hiện từ ngày 24/04/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá không đổi	1.805.556	1.805.556	1.805.556	1.805.556	1.805.556	1.805.556	1.805.556	1.805.556	1.805.556
1230	Sơn	Sơn nội thất siêu chùi rửa Idecor 7	lon	QCVN 1612019/BXD	15L	Công ty TNHH Sơn Kansai Việt Nam. Đc: KCN Phố Nối A, xã Như Quỳnh, tỉnh Hưng Yên - Đt: 02213980456. Công văn đề nghị công bố giá số :2304/KPV-2026 ngày 24/04/2026	Việt Nam	Bán lẻ	Giao tại chân công trình	(Mức giá được thực hiện từ ngày 24/04/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá không đổi	5.370.370	5.370.370	5.370.370	5.370.370	5.370.370	5.370.370	5.370.370	5.370.370	5.370.370
1231	Sơn	Sơn nội thất siêu chùi rửa Idecor 7	thùng	QCVN 16:2019/BXD	18L	Công ty TNHH Sơn Kansai Việt Nam. Đc: KCN Phố Nối A, xã Như Quỳnh, tỉnh Hưng Yên - Đt: 02213980456. Công văn đề nghị công bố giá số :2304/KPV-2026 ngày 24/04/2026	Việt Nam	Bán lẻ	Giao tại chân công trình	(Mức giá được thực hiện từ ngày 24/04/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá không đổi	6.148.148	6.148.148	6.148.148	6.148.148	6.148.148	6.148.148	6.148.148	6.148.148	6.148.148
1232	Sơn	Sơn nội thất Nano siêu chai cứng Idecor 8	lon	QCVN 16:2019/BXD	5L	Công ty TNHH Sơn Kansai Việt Nam. Đc: KCN Phố Nối A, xã Như Quỳnh, tỉnh Hưng Yên - Đt: 02213980456. Công văn đề nghị công bố giá số :2304/KPV-2026 ngày 24/04/2026	Việt Nam	Bán lẻ	Giao tại chân công trình	(Mức giá được thực hiện từ ngày 24/04/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá không đổi	2.398.148	2.398.148	2.398.148	2.398.148	2.398.148	2.398.148	2.398.148	2.398.148	2.398.148
1233	Sơn	Sơn nội thất thanh lọc không khí Idecor 9	lon	QCVN I6:2O19/BXD	5L	Công ty TNHH Sơn Kansai Việt Nam. Đc: KCN Phố Nối A, xã Như Quỳnh, tỉnh Hưng Yên - Đt: 02213980456. Công văn đề nghị công bố giá số :2304/KPV-2026 ngày 24/04/2026	Việt Nam	Bán lẻ	Giao tại chân công trình	(Mức giá được thực hiện từ ngày 24/04/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá không đổi	2.675.926	2.675.926	2.675.926	2.675.926	2.675.926	2.675.926	2.675.926	2.675.926	2.675.926
1234	Sơn	Sơn ngoại thất mờ Xshield	lon	QCVN 16:2019/BXD	5L	Công ty TNHH Sơn Kansai Việt Nam. Đc: KCN Phố Nối A, xã Như Quỳnh, tỉnh Hưng Yên - Đt: 02213980456. Công văn đề nghị công bố giá số :2304/KPV-2026 ngày 24/04/2026	Việt Nam	Bán lẻ	Giao tại chân công trình	(Mức giá được thực hiện từ ngày 24/04/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá không đổi	1.370.370	1.370.370	1.370.370	1.370.370	1.370.370	1.370.370	1.370.370	1.370.370	1.370.370
1235	Sơn	Sơn ngoại thất mờ Xshield	lon	QCVN 16:2019/BXD	15L	Công ty TNHH Sơn Kansai Việt Nam. Đc: KCN Phố Nối A, xã Như Quỳnh, tỉnh Hưng Yên - Đt: 02213980456. Công văn đề nghị công bố giá số :2304/KPV-2026 ngày 24/04/2026	Việt Nam	Bán lẻ	Giao tại chân công trình	(Mức giá được thực hiện từ ngày 24/04/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá không đổi	4.120.370	4.120.370	4.120.370	4.120.370	4.120.370	4.120.370	4.120.370	4.120.370	4.120.370

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)(đồng)								
												Khu vực TP. Tây Ninh	Khu vực TX.Trảng Bàng	Khu vực TX. Hoà Thành	Khu vực H.Tân Biên	Khu vực H.Tân Châu	Khu vực H. Châu Thành	Khu vực H.Dương Minh Châu	Khu vực H. Bến Cầu	Khu vực H. Gò Dầu
1236	Sơn	Sơn ngoại thất mờ Xshield	thùng	QCVN 16:2019/BXD	18L	Công ty TNHH Sơn Kansai Việt Nam. Đc: KCN Phố Nối A, xã Như Quỳnh, tỉnh Hưng Yên - Đt: 02213980456. Công văn đề nghị công bố giá số :2304/KPV-2026 ngày 24/04/2026	Việt Nam	Bán lẻ	Giao tại chân công trình	(Mức giá được thực hiện từ ngày 24/04/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá không đổi	4.611.111	4.611.111	4.611.111	4.611.111	4.611.111	4.611.111	4.611.111	4.611.111	4.611.111
1237	Sơn	Sơn ngoại thất mờ Extra 3	lon	QCVN 16:2019/BXD	5L	Công ty TNHH Sơn Kansai Việt Nam. Đc: KCN Phố Nối A, xã Như Quỳnh, tỉnh Hưng Yên - Đt: 02213980456. Công văn đề nghị công bố giá số :2304/KPV-2026 ngày 24/04/2026	Việt Nam	Bán lẻ	Giao tại chân công trình	(Mức giá được thực hiện từ ngày 24/04/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá không đổi	1.267.593	1.267.593	1.267.593	1.267.593	1.267.593	1.267.593	1.267.593	1.267.593	1.267.593
1238	Sơn	Sơn ngoại thất mờ Extra 3	lon	QCVN 16:2019/BXD	15L	Công ty TNHH Sơn Kansai Việt Nam. Đc: KCN Phố Nối A, xã Như Quỳnh, tỉnh Hưng Yên - Đt: 02213980456. Công văn đề nghị công bố giá số :2304/KPV-2026 ngày 24/04/2026	Việt Nam	Bán lẻ	Giao tại chân công trình	(Mức giá được thực hiện từ ngày 24/04/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá không đổi	3.625.000	3.625.000	3.625.000	3.625.000	3.625.000	3.625.000	3.625.000	3.625.000	3.625.000
1239	Sơn	Sơn ngoại thất mờ Extra 3	thùng	QCVN 16:2019/BXD	18L	Công ty TNHH Sơn Kansai Việt Nam. Đc: KCN Phố Nối A, xã Như Quỳnh, tỉnh Hưng Yên - Đt: 02213980456. Công văn đề nghị công bố giá số :2304/KPV-2026 ngày 24/04/2026	Việt Nam	Bán lẻ	Giao tại chân công trình	(Mức giá được thực hiện từ ngày 24/04/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá không đổi	4.148.148	4.148.148	4.148.148	4.148.148	4.148.148	4.148.148	4.148.148	4.148.148	4.148.148
1240	Sơn	Sơn ngoại thất bóng Extra 5	lon	QCVN 16:2019/BXD	5L	Công ty TNHH Sơn Kansai Việt Nam. Đc: KCN Phố Nối A, xã Như Quỳnh, tỉnh Hưng Yên - Đt: 02213980456. Công văn đề nghị công bố giá số :2304/KPV-2026 ngày 24/04/2026	Việt Nam	Bán lẻ	Giao tại chân công trình	(Mức giá được thực hiện từ ngày 24/04/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá không đổi	2.527.778	2.527.778	2.527.778	2.527.778	2.527.778	2.527.778	2.527.778	2.527.778	2.527.778
1241	Sơn	Sơn ngoại thất bóng Extra 5	lon	QCVN 16:2019/BXD	15L	Công ty TNHH Sơn Kansai Việt Nam. Đc: KCN Phố Nối A, xã Như Quỳnh, tỉnh Hưng Yên - Đt: 02213980456. Công văn đề nghị công bố giá số :2304/KPV-2026 ngày 24/04/2026	Việt Nam	Bán lẻ	Giao tại chân công trình	(Mức giá được thực hiện từ ngày 24/04/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá không đổi	6.527.778	6.527.778	6.527.778	6.527.778	6.527.778	6.527.778	6.527.778	6.527.778	6.527.778
1242	Sơn	Sơn ngoại thất bóng Extra 5	thùng	QCVN 16:2019/BXD	18L	Công ty TNHH Sơn Kansai Việt Nam. Đc: KCN Phố Nối A, xã Như Quỳnh, tỉnh Hưng Yên - Đt: 02213980456. Công văn đề nghị công bố giá số :2304/KPV-2026 ngày 24/04/2026	Việt Nam	Bán lẻ	Giao tại chân công trình	(Mức giá được thực hiện từ ngày 24/04/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá không đổi	7.394.444	7.394.444	7.394.444	7.394.444	7.394.444	7.394.444	7.394.444	7.394.444	7.394.444
1243	Sơn	Sơn ngoại thất bóng Xshield 6	lon	QCVN 16:2019/BXD	5L	Công ty TNHH Sơn Kansai Việt Nam. Đc: KCN Phố Nối A, xã Như Quỳnh, tỉnh Hưng Yên - Đt: 02213980456. Công văn đề nghị công bố giá số :2304/KPV-2026 ngày 24/04/2026	Việt Nam	Bán lẻ	Giao tại chân công trình	(Mức giá được thực hiện từ ngày 24/04/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá không đổi	2.250.000	2.250.000	2.250.000	2.250.000	2.250.000	2.250.000	2.250.000	2.250.000	2.250.000
1244	Sơn	Sơn ngoại thất bóng Xshicld 6	lon	QCVN I6:2O19/BXD	I5L	Công ty TNHH Sơn Kansai Việt Nam. Đc: KCN Phố Nối A, xã Như Quỳnh, tỉnh Hưng Yên - Đt: 02213980456. Công văn đề nghị công bố giá số :2304/KPV-2026 ngày 24/04/2026	Việt Nam	Bán lẻ	Giao tại chân công trình	(Mức giá được thực hiện từ ngày 24/04/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá không đổi	6.740.741	6.740.741	6.740.741	6.740.741	6.740.741	6.740.741	6.740.741	6.740.741	6.740.741
1245	Sơn	Sơn ngoại thất bóng Xshield 6	thùng	QCVN 16:2Ol9/BXD	18L	Công ty TNHH Sơn Kansai Việt Nam. Đc: KCN Phố Nối A, xã Như Quỳnh, tỉnh Hưng Yên - Đt: 02213980456. Công văn đề nghị công bố giá số :2304/KPV-2026 ngày 24/04/2026	Việt Nam	Bán lẻ	Giao tại chân công trình	(Mức giá được thực hiện từ ngày 24/04/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá không đổi	7.148.148	7.148.148	7.148.148	7.148.148	7.148.148	7.148.148	7.148.148	7.148.148	7.148.148
1246	Sơn	Sơn ngoại thất bóng cao cấp Extra 9	lon	QCVN 16:2019/8X0	5L	Công ty TNHH Sơn Kansai Việt Nam. Đc: KCN Phố Nối A, xã Như Quỳnh, tỉnh Hưng Yên - Đt: 02213980456. Công văn đề nghị công bố giá số :2304/KPV-2026 ngày 24/04/2026	Việt Nam	Bán lẻ	Giao tại chân công trình	(Mức giá được thực hiện từ ngày 24/04/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá không đổi	2.950.000	2.950.000	2.950.000	2.950.000	2.950.000	2.950.000	2.950.000	2.950.000	2.950.000
1247	Sơn	Sơn ngoại that bảo vệ tối đa Xshield 8	lon	QCVN 16:2019/BXD	5L	Công ty TNHH Sơn Kansai Việt Nam. Đc: KCN Phố Nối A, xã Như Quỳnh, tỉnh Hưng Yên - Đt: 02213980456. Công văn đề nghị công bố giá số :2304/KPV-2026 ngày 24/04/2026	Việt Nam	Bán lẻ	Giao tại chân công trình	(Mức giá được thực hiện từ ngày 24/04/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá không đổi	3.231.481	3.231.481	3.231.481	3.231.481	3.231.481	3.231.481	3.231.481	3.231.481	3.231.481
1248	Sơn	Sơn ngoại thất bảo vệ tối đa Xshield 8	thùng	QCVN 16:2019/BXD	18L	Công ty TNHH Sơn Kansai Việt Nam. Đc: KCN Phố Nối A, xã Như Quỳnh, tỉnh Hưng Yên - Đt: 02213980456. Công văn đề nghị công bố giá số :2304/KPV-2026 ngày 24/04/2026	Việt Nam	Bán lẻ	Giao tại chân công trình	(Mức giá được thực hiện từ ngày 24/04/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá không đổi	8.564.815	8.564.815	8.564.815	8.564.815	8.564.815	8.564.815	8.564.815	8.564.815	8.564.815
1249	Sơn	Sơn ngoại thất siêu hạng Xshield 12	lon	QCVN 16:2019/BXD	5L	Công ty TNHH Sơn Kansai Việt Nam. Đc: KCN Phố Nối A, xã Như Quỳnh, tỉnh Hưng Yên - Đt: 02213980456. Công văn đề nghị công bố giá số :2304/KPV-2026 ngày 24/04/2026	Việt Nam	Bán lẻ	Giao tại chân công trình	(Mức giá được thực hiện từ ngày 24/04/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá không đổi	3.694.444	3.694.444	3.694.444	3.694.444	3.694.444	3.694.444	3.694.444	3.694.444	3.694.444
1250	Sơn	Sơn chống thấm pha xi măng Water Proof	lon	QCVN 16:2019/BXD	4 KG	Công ty TNHH Sơn Kansai Việt Nam. Đc: KCN Phố Nối A, xã Như Quỳnh, tỉnh Hưng Yên - Đt: 02213980456. Công văn đề nghị công bố giá số :2304/KPV-2026 ngày 24/04/2026	Việt Nam	Bán lẻ	Giao tại chân công trình	(Mức giá được thực hiện từ ngày 24/04/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá không đổi	1.157.407	1.157.407	1.157.407	1.157.407	1.157.407	1.157.407	1.157.407	1.157.407	1.157.407
1251	Sơn	Sơn chống thấm pha xi măng Water Proof	lon	QCVN 16:2019/BXD	I5KG	Công ty TNHH Sơn Kansai Việt Nam. Đc: KCN Phố Nối A, xã Như Quỳnh, tỉnh Hưng Yên - Đt: 02213980456. Công văn đề nghị công bố giá số :2304/KPV-2026 ngày 24/04/2026	Việt Nam	Bán lẻ	Giao tại chân công trình	(Mức giá được thực hiện từ ngày 24/04/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá không đổi	4.083.333	4.083.333	4.083.333	4.083.333	4.083.333	4.083.333	4.083.333	4.083.333	4.083.333
1252	Sơn	Sơn chống thấm pha xi măng Water Proof	thùng	QCVN 16:2019/BXD	20KG	Công ty TNHH Sơn Kansai Việt Nam. Đc: KCN Phố Nối A, xã Như Quỳnh, tỉnh Hưng Yên - Đt: 02213980456. Công văn đề nghị công bố giá số :2304/KPV-2026 ngày 24/04/2026	Việt Nam	Bán lẻ	Giao tại chân công trình	(Mức giá được thực hiện từ ngày 24/04/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá không đổi	4.805.556	4.805.556	4.805.556	4.805.556	4.805.556	4.805.556	4.805.556	4.805.556	4.805.556
1253	Sơn	Sơn chống thấm một thành phần Aqua Shield	lon	QCVN 16:2019/BXD	5L	Công ty TNHH Sơn Kansai Việt Nam. Đc: KCN Phố Nối A, xã Như Quỳnh, tỉnh Hưng Yên - Đt: 02213980456. Công văn đề nghị công bố giá số :2304/KPV-2026 ngày 24/04/2026	Việt Nam	Bán lẻ	Giao tại chân công trình	(Mức giá được thực hiện từ ngày 24/04/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá không đổi	1.574.074	1.574.074	1.574.074	1.574.074	1.574.074	1.574.074	1.574.074	1.574.074	1.574.074
1254	Sơn	Sơn chống thấm một thành phần Aqua Shield	lon	QCVN 16:2019/BXD	15L	Công ty TNHH Sơn Kansai Việt Nam. Đc: KCN Phố Nối A, xã Như Quỳnh, tỉnh Hưng Yên - Đt: 02213980456. Công văn đề nghị công bố giá số :2304/KPV-2026 ngày 24/04/2026	Việt Nam	Bán lẻ	Giao tại chân công trình	(Mức giá được thực hiện từ ngày 24/04/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá không đổi	4.500.000	4.500.000	4.500.000	4.500.000	4.500.000	4.500.000	4.500.000	4.500.000	4.500.000
1255	Sơn	Sơn chống thấm một thành phần Aqua Shield	thùng	QCVN I6:2Ol9/BXD	18L	Công ty TNHH Sơn Kansai Việt Nam. Đc: KCN Phố Nối A, xã Như Quỳnh, tỉnh Hưng Yên - Đt: 02213980456. Công văn đề nghị công bố giá số :2304/KPV-2026 ngày 24/04/2026	Việt Nam	Bán lẻ	Giao tại chân công trình	(Mức giá được thực hiện từ ngày 24/04/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá không đổi	5.148.148	5.148.148	5.148.148	5.148.148	5.148.148	5.148.148	5.148.148	5.148.148	5.148.148
1256	Sơn	Sơn chống thấm pha xi măng Extra Proof	lon	QCVN 16:2019/BXD	5KG	Công ty TNHH Sơn Kansai Việt Nam. Đc: KCN Phố Nối A, xã Như Quỳnh, tỉnh Hưng Yên - Đt: 02213980456. Công văn đề nghị công bố giá số :2304/KPV-2026 ngày 24/04/2026	Việt Nam	Bán lẻ	Giao tại chân công trình	(Mức giá được thực hiện từ ngày 24/04/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá không đổi	1.270.370	1.270.370	1.270.370	1.270.370	1.270.370	1.270.370	1.270.370	1.270.370	1.270.370
1257	Sơn	Sơn chống thấm pha xi măng Exira Proof	lon	QCVN 16:2019/BXD	15KG	Công ty TNHH Sơn Kansai Việt Nam. Đc: KCN Phố Nối A, xã Như Quỳnh, tỉnh Hưng Yên - Đt: 02213980456. Công văn đề nghị công bố giá số :2304/KPV-2026 ngày 24/04/2026	Việt Nam	Bán lẻ	Giao tại chân công trình	(Mức giá được thực hiện từ ngày 24/04/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá không đổi	3.638.889	3.638.889	3.638.889	3.638.889	3.638.889	3.638.889	3.638.889	3.638.889	3.638.889
1258	Sơn	Sơn chống thấm pha xi măng Extra Proof	thùng	QCVN 16:2019/BXD	18KG	Công ty TNHH Sơn Kansai Việt Nam. Đc: KCN Phố Nối A, xã Như Quỳnh, tỉnh Hưng Yên - Đt: 02213980456. Công văn đề nghị công bố giá số :2304/KPV-2026 ngày 24/04/2026	Việt Nam	Bán lẻ	Giao tại chân công trình	(Mức giá được thực hiện từ ngày 24/04/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá không đổi	4.148.148	4.148.148	4.148.148	4.148.148	4.148.148	4.148.148	4.148.148	4.148.148	4.148.148
1259	Sơn	Sơn chống thấm một thành phần Extra Shield	lon	QCVN 16:2019/BXD	5L	Công ty TNHH Sơn Kansai Việt Nam. Đc: KCN Phố Nối A, xã Như Quỳnh, tỉnh Hưng Yên - Đt: 02213980456. Công văn đề nghị công bố giá số :2304/KPV-2026 ngày 24/04/2026	Việt Nam	Bán lẻ	Giao tại chân công trình	(Mức giá được thực hiện từ ngày 24/04/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá không đổi	1.518.519	1.518.519	1.518.519	1.518.519	1.518.519	1.518.519	1.518.519	1.518.519	1.518.519
1260	Sơn	Sơn chống thấm một thành phần Extra Shield	lon	QCVN 16:2019/BXD	I5L	Công ty TNHH Sơn Kansai Việt Nam. Đc: KCN Phố Nối A, xã Như Quỳnh, tỉnh Hưng Yên - Đt: 02213980456. Công văn đề nghị công bố giá số :2304/KPV-2026 ngày 24/04/2026	Việt Nam	Bán lẻ	Giao tại chân công trình	(Mức giá được thực hiện từ ngày 24/04/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá không đổi	4.342.593	4.342.593	4.342.593	4.342.593	4.342.593	4.342.593	4.342.593	4.342.593	4.342.593
1261	Sơn	Sơn chong thấm một thành phần Extra Shield	thùng	QCVN 16:2019/BXD	18L	Công ty TNHH Sơn Kansai Việt Nam. Đc: KCN Phố Nối A, xã Như Quỳnh, tỉnh Hưng Yên - Đt: 02213980456. Công văn đề nghị công bố giá số :2304/KPV-2026 ngày 24/04/2026	Việt Nam	Bán lẻ	Giao tại chân công trình	(Mức giá được thực hiện từ ngày 24/04/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá không đổi	4.975.000	4.975.000	4.975.000	4.975.000	4.975.000	4.975.000	4.975.000	4.975.000	4.975.000
1262	Sơn	Sơn lót Nội Thất Matex Sealer	thùng		17 lít	Công ty TNHH TTNT Sơn Thiện Long. Khu phố 3 Xã Bến Cầu, Tây Ninh (Phiếu khảo sát tại cửa hàng)	Việt Nam	Giá bán toàn tỉnh Tây Ninh	Đã bao gồm chi phí vận chuyển toàn tỉnh	Mức giá từ ngày 21/7/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	1.986.000	1.986.000	1.986.000	1.986.000	1.986.000	1.986.000	1.986.000	1.986.000	1.986.000
1263	Sơn	Sơn lót ngoài trời Super Latex Sealer	thùng		17 lít	Công ty TNHH TTNT Sơn Thiện Long. Khu phố 3 Xã Bến Cầu, Tây Ninh (Phiếu khảo sát tại cửa hàng)	Việt Nam	Giá bán toàn tỉnh Tây Ninh	Đã bao gồm chi phí vận chuyển toàn tỉnh	Mức giá từ ngày 21/7/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	3.223.000	3.223.000	3.223.000	3.223.000	3.223.000	3.223.000	3.223.000	3.223.000	3.223.000
1264	Sơn	Sơn lót nội thất Odour-less Sealer	thùng		18 lít	Công ty TNHH TTNT Sơn Thiện Long. Khu phố 3 Xã Bến Cầu, Tây Ninh (Phiếu khảo sát tại cửa hàng)	Việt Nam	Giá bán toàn tỉnh Tây Ninh	Đã bao gồm chi phí vận chuyển toàn tỉnh	Mức giá từ ngày 21/7/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	3.694.000	3.694.000	3.694.000	3.694.000	3.694.000	3.694.000	3.694.000	3.694.000	3.694.000
1265	Sơn	Sơn lót ngoại thất WeatherGard Sealer	thùng		18 lít	Công ty TNHH TTNT Sơn Thiện Long. Khu phố 3 Xã Bến Cầu, Tây Ninh (Phiếu khảo sát tại cửa hàng)	Việt Nam	Giá bán toàn tỉnh Tây Ninh	Đã bao gồm chi phí vận chuyển toàn tỉnh	Mức giá từ ngày 21/7/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	4.887.000	4.887.000	4.887.000	4.887.000	4.887.000	4.887.000	4.887.000	4.887.000	4.887.000

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)(đồng)								
												Khu vực TP. Tây Ninh	Khu vực TX.Trảng Bàng	Khu vực TX. Hoà Thành	Khu vực H.Tân Biên	Khu vực H.Tân Châu	Khu vực H. Châu Thành	Khu vực H.Dương Minh Châu	Khu vực H. Bến Cầu	Khu vực H. Gò Dầu
1266	Sơn	Sơn nước Nippon weather grand plase	thùng		5 lít	Công ty TNHH TTNT Sơn Thiện Long. Khu phố 3 Xã Bến Cầu, Tây Ninh (Phiếu khảo sát tại cửa hàng)	Việt Nam	Giá bán toàn tỉnh Tây Ninh	Đã bao gồm chi phí vận chuyển toàn tỉnh	Mức giá từ ngày 21/7/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	1.581.000	1.581.000	1.581.000	1.581.000	1.581.000	1.581.000	1.581.000	1.581.000	1.581.000
1267	Sơn	Bột trét Nippon Exterior Putty	bao		40 kg	Công ty TNHH TTNT Sơn Thiện Long. Khu phố 3 Xã Bến Cầu, Tây Ninh (Phiếu khảo sát tại cửa hàng)	Việt Nam	Giá bán toàn tỉnh Tây Ninh	Đã bao gồm chi phí vận chuyển toàn tỉnh	Mức giá từ ngày 21/7/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	485.000	485.000	485.000	485.000	485.000	485.000	485.000	485.000	485.000
1268	Sơn	Bột trét Nippon Interior Putty	bao		40kg	Công ty TNHH TTNT Sơn Thiện Long. Khu phố 3 Xã Bến Cầu, Tây Ninh (Phiếu khảo sát tại cửa hàng)	Việt Nam	Giá bán toàn tỉnh Tây Ninh	Đã bao gồm chi phí vận chuyển toàn tỉnh	Mức giá từ ngày 21/7/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	369.000	369.000	369.000	369.000	369.000	369.000	369.000	369.000	369.000
1269	Sơn	Bột trét tường ngoại thất MORICHI	kg	TCVN 7239:2014	40kg	Công ty CP Sơn ICHI Việt Nam. Đc: Lô A6, đường số 5 (giai đoạn 3+4) KCN Hải Sơn, xã Đức Hoà, Tỉnh Tây Ninh - 0913.849.006. Công văn đề nghị công bố giá số 06/2026/ICHI-SXD ngày 19/05/2026.	Việt Nam	Không có thông tin	Giao tại Tây Ninh	Mức giá từ ngày 01/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	591.000	591.000	591.000	591.000	591.000	591.000	591.000	591.000	591.000
1270	Sơn	Bột trét tường nội thất MORICHI	kg	TCVN 7239:2014	40kg	Công ty CP Sơn ICHI Việt Nam. Đc: Lô A6, đường số 5 (giai đoạn 3+4) KCN Hải Sơn, xã Đức Hoà, Tỉnh Tây Ninh - 0913.849.006. Công văn đề nghị công bố giá số 06/2026/ICHI-SXD ngày 19/05/2026.	Việt Nam	Không có thông tin	Giao tại Tây Ninh	Mức giá từ ngày 01/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	453.000	453.000	453.000	453.000	453.000	453.000	453.000	453.000	453.000
1271	Sơn	Sơn ngoại thất MORICHI	lít	QCVN 16:2019/BXD GCN HQ Số QC3216 từ ngày 14/09/2023 đến 13/09/2026	05 lít/ lon	Công ty CP Sơn ICHI Việt Nam. Đc: Lô A6, đường số 5 (giai đoạn 3+4) KCN Hải Sơn, xã Đức Hoà, Tỉnh Tây Ninh - 0913.849.006. Công văn đề nghị công bố giá số 06/2026/ICHI-SXD ngày 19/05/2026.	Việt Nam	Không có thông tin	Giao tại Tây Ninh	Mức giá từ ngày 01/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	494.000	494.000	494.000	494.000	494.000	494.000	494.000	494.000	494.000
1272	Sơn	Sơn nội thất MORICHI	lít	QCVN 16:2019/BXD GCN HQ Số QC3216 từ ngày 14/09/2023 đến 13/09/2026	05 lít/ lon	Công ty CP Sơn ICHI Việt Nam. Đc: Lô A6, đường số 5 (giai đoạn 3+4) KCN Hải Sơn, xã Đức Hoà, Tỉnh Tây Ninh - 0913.849.006. Công văn đề nghị công bố giá số 06/2026/ICHI-SXD ngày 19/05/2026.	Việt Nam	Không có thông tin	Giao tại Tây Ninh	Mức giá từ ngày 01/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	376.000	376.000	376.000	376.000	376.000	376.000	376.000	376.000	376.000
1273	Sơn	Sơn phủ nội thất cao cấp MORICHI GARNET kháng khuẩn	lít	QCVN 16:2019/BXD GCN HQ Số QC3216 từ ngày 14/09/2023 đến 13/09/2026	18 lít/ thùng	Công ty CP Sơn ICHI Việt Nam. Đc: Lô A6, đường số 5 (giai đoạn 3+4) KCN Hải Sơn, xã Đức Hoà, Tỉnh Tây Ninh - 0913.849.006. Công văn đề nghị công bố giá số 06/2026/ICHI-SXD ngày 19/05/2026.	Việt Nam	Không có thông tin	Giao tại Tây Ninh	Mức giá từ ngày 01/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	129.000	129.000	129.000	129.000	129.000	129.000	129.000	129.000	129.000
1274	Sơn	Sơn chống thấm đa năng MORICHI LOCK	kg	QCVN 16:2019/BXD GCN HQ Số QC3216 từ ngày 14/09/2023 đến 13/09/2026	20kg/ thùng	Công ty CP Sơn ICHI Việt Nam. Đc: Lô A6, đường số 5 (giai đoạn 3+4) KCN Hải Sơn, xã Đức Hoà, Tỉnh Tây Ninh - 0913.849.006. Công văn đề nghị công bố giá số 06/2026/ICHI-SXD ngày 19/05/2026.	Việt Nam	Không có thông tin	Giao tại Tây Ninh	Mức giá từ ngày 01/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	231.000	231.000	231.000	231.000	231.000	231.000	231.000	231.000	231.000
1275	Sơn	Sơn thép mạ kẽm LUSCOAT VNRON 1TP hệ màu thường	Lon/ Thùn	0.75L		Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sông Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa,Long An	Giá vận chuyển đến KH	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	110.000	110.000	110.000	110.000	110.000	110.000	110.000	110.000	110.000
1276	Sơn	Sơn thép mạ kẽm LUSCOAT VNRON 1TP hệ màu nhũ bạc	Lon/ Thùn	0.75L		Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sông Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa,Long An	Giá vận chuyển đến KH	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	129.000	129.000	129.000	129.000	129.000	129.000	129.000	129.000	129.000
1277	Sơn	Sơn thép mạ kẽm LUSCOAT VNRON 1TP hệ màu nhũ vàng	Lon/ Thùn	0.75L		Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sông Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa,Long An	Giá vận chuyển đến KH	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	166.000	166.000	166.000	166.000	166.000	166.000	166.000	166.000	166.000
1278	Sơn	Sơn thép mạ kẽm LUSCOAT VNHAI 1TP hệ màu thường (không bao gồm màu vàng chanh, vàng nghệ, nhũ vàng)	Lon/ Thùn	0.75L		Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sông Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa,Long An	Giá vận chuyển đến KH	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	107.000	107.000	107.000	107.000	107.000	107.000	107.000	107.000	107.000
1279	Sơn	Sơn thép mạ kẽm LUSCOAT VNHA1 1TP màu nhũ vàng	Lon/ Thùn	0.75L		Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sông Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa,Long An	Giá vận chuyển đến KH	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	161.000	161.000	161.000	161.000	161.000	161.000	161.000	161.000	161.000
1280	Sơn	Sơn thép mạ kẽm LUSCOAT VNRON 1TP hệ màu thường	Lon/ Thùn	2.6L		Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sông Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa,Long An	Giá vận chuyển đến KH	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	381.000	381.000	381.000	381.000	381.000	381.000	381.000	381.000	381.000
1281	Sơn	Sơn thép mạ kẽm LUSCOAT VNRON 1TP hệ màu nhũ bạc	Lon/ Thùn	2.6L		Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sông Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa,Long An	Giá vận chuyển đến KH	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	445.000	445.000	445.000	445.000	445.000	445.000	445.000	445.000	445.000
1282	Sơn	Sơn thép mạ kẽm LUSCOAT VNRON 1TP hệ màu nhũ vàng	Lon/ Thùn	2.6L		Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sông Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa,Long An	Giá vận chuyển đến KH	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	564.000	564.000	564.000	564.000	564.000	564.000	564.000	564.000	564.000
1283	Sơn	Sơn thép mạ kẽm LUSCOAT VNHAI 1TP hệ màu thường (không bao gồm màu vàng chanh, vàng nghệ, nhũ vàng)	Lon/ Thùn	2.6L		Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sông Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa,Long An	Giá vận chuyển đến KH	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	370.000	370.000	370.000	370.000	370.000	370.000	370.000	370.000	370.000
1284	Sơn	Sơn thép mạ kẽm LUSCOAT ?NHAI ITP màu nhũ vàng	Lon/ Thùn	2.6L		Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sông Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa,Long An	Giá vận chuyển đến KH	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	548.000	548.000	548.000	548.000	548.000	548.000	548.000	548.000	548.000
1285	Sơn	Sơn thép mạ kẽm LUSCOAT VNRON 1TP hệ màu thường	l-on/ Thùn	17.0L		Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sông Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa,Long An	Giá vận chuyển đến KH	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	2.347.000	2.347.000	2.347.000	2.347.000	2.347.000	2.347.000	2.347.000	2.347.000	2.347.000
1286	Sơn	Sơn thép mạ kẽm LUSCOAT VNRON 1TP hệ màu nhũ bạc	Lon/ Thùn	17.0L		Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sông Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa,Long An	Giá vận chuyển đến KH	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	2.735.000	2.735.000	2.735.000	2.735.000	2.735.000	2.735.000	2.735.000	2.735.000	2.735.000
1287	Sơn	Sơn thép mạ kẽm LUSCOAT VNRON 1TP hệ màu nhũ vàng	Lon/ Thùn	17.0L		Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sông Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa,Long An	Giá vận chuyển đến KH	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	3.477.000	3.477.000	3.477.000	3.477.000	3.477.000	3.477.000	3.477.000	3.477.000	3.477.000

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)(đồng)								
												Khu vực TP. Tây Ninh	Khu vực TX.Trảng Bàng	Khu vực TX. Hoà Thành	Khu vực H.Tân Biên	Khu vực H.Tân Châu	Khu vực H. Châu Thành	Khu vực H.Dương Minh Châu	Khu vực H. Bến Cầu	Khu vực H. Gò Dầu
1288	Sơn	Sơn thép mạ kẽm LUSCOAT VNHAI 1TP hệ màu thường (không bao gồm màu vàng chanh, vàng nghệ, nhũ vàng)	Lon/ Thùn	17.0L		Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sông Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Dt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa,Long An	Giá vận chuyển đến KH	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	2.279.000	2.279.000	2.279.000	2.279.000	2.279.000	2.279.000	2.279.000	2.279.000	2.279.000
1289	Sơn	Sơn thép mạ kẽm LUSCOAT VNHAI IIP màu nhũ vàng	Lon/ Thùn	17.0L		Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sông Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Dt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa,Long An	Giá vận chuyển đến KH	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	3.376.000	3.376.000	3.376.000	3.376.000	3.376.000	3.376.000	3.376.000	3.376.000	3.376.000
1290	Sơn	Sơn xịt Acrylic LUSCOAT CNAER hệ nâu thường (không bao gồm màu bạc)	lon			Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sông Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Dt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa,Long An	Giá vận chuyển đến KH	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	32.000	32.000	32.000	32.000	32.000	32.000	32.000	32.000	32.000
1291	Sơn	Sơn xịt Acrylic LUSCOAT CNAER hệ màu bạc	lon	0.4L		Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sông Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Dt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa,Long An	Giá vận chuyển đến KH	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	34.000	34.000	34.000	34.000	34.000	34.000	34.000	34.000	34.000
1292	Sơn	Chất chống thấm pha xi măng sàn LUSCOAT VNDON: 5Kg	thùng			Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sông Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Dt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa,Long An	Giá vận chuyển đến KH	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	500.000	500.000	500.000	500.000	500.000	500.000	500.000	500.000	500.000
1293	Sơn	Chất chống thấm pha xi măng tường LUSCOAT VNDON: 5Kg	thùng			Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sông Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Dt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa,Long An	Giá vận chuyển đến KH	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	500.000	500.000	500.000	500.000	500.000	500.000	500.000	500.000	500.000
1294	Sơn	Chất chống thấm pha xi măng sàn LUSCOAT VNDON: 20Kg	thùng			Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sông Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Dt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa,Long An	Giá vận chuyển đến KH	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	1.800.000	1.800.000	1.800.000	1.800.000	1.800.000	1.800.000	1.800.000	1.800.000	1.800.000
1295	Sơn	Chất chống thấm pha xi măng tường LUSCOAT VNDON: 20Kg	thùng			Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sông Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Dt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa,Long An	Giá vận chuyển đến KH	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	1.800.000	1.800.000	1.800.000	1.800.000	1.800.000	1.800.000	1.800.000	1.800.000	1.800.000
1296	Sơn	Chống thấm màu trắng sứ LUSCOAT CNYUH: 5Kg	lon			Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sông Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Dt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa,Long An	Giá vận chuyển đến KH	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	650.000	650.000	650.000	650.000	650.000	650.000	650.000	650.000	650.000
1297	Sơn	Chống thấm màu xám đậm LUSCOAT CNYUH: 5Kg	lon			Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sông Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Dt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa,Long An	Giá vận chuyển đến KH	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	650.000	650.000	650.000	650.000	650.000	650.000	650.000	650.000	650.000
1298	Sơn	Chống thấm màu xám nhạt LUSCOAT CNYUH: 5Kg	lon			Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sông Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Dt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa,Long An	Giá vận chuyển đến KH	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	650.000	650.000	650.000	650.000	650.000	650.000	650.000	650.000	650.000
1299	Sơn	Chống thấm màu trắng sứ LUSCOAT CNYUH: 20Kg	thùng			Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sông Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Dt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa,Long An	Giá vận chuyển đến KH	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	2.000.000	2.000.000	2.000.000	2.000.000	2.000.000	2.000.000	2.000.000	2.000.000	2.000.000
1300	Sơn	Chống thấm màu xám đậm LUSCOAT CNYUH: 20Kg	thùng			Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sông Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Dt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa,Long An	Giá vận chuyển đến KH	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	2.000.000	2.000.000	2.000.000	2.000.000	2.000.000	2.000.000	2.000.000	2.000.000	2.000.000
1301	Sơn	Chống thấm màu xám nhạt LUSCOAT CNYUH: 20Kg	thùng			Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sông Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Dt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa,Long An	Giá vận chuyển đến KH	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	2.000.000	2.000.000	2.000.000	2.000.000	2.000.000	2.000.000	2.000.000	2.000.000	2.000.000
1302	Sơn	Sơn Nội Thất Ilka Mykolor Touch Ilka	lít	QCVN 16:2019/BXD; QCVN 08:2020/BCT	15L/thùng	CÔNG TY 4 ORANGES CO., LTD	CÔNG TY 4 ORANGES CO., LTD	Chưa trừ chiết khấu sản lượng	Giá này chưa bao gồm chi phí vận chuyển. Địa điểm giao nhận hàng từ Công ty TNHH MTV Tường Thơ (Đc Nhà máy sản xuất: Lô C-02-1, KCN Đức Hoà, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, tỉnh Tây Ninh - Dt: 0985.731.759) tới chân công trình trong khu vực tỉnh Tây Ninh	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/07/2026 đến 31/12/2026)	Giá không đổi	117.980	117.980	117.980	117.980	117.980	117.980	117.980	117.980	117.980
1303	Sơn	Sơn Nội thất Lau Chùi Hiệu Quả Mykolor Touch Cleankot	lít	QCVN 16:2019/BXD; QCVN 08:2020/BCT	18L/thùng	CÔNG TY 4 ORANGES CO., LTD	CÔNG TY 4 ORANGES CO., LTD	Chưa trừ chiết khấu sản lượng	Giá này chưa bao gồm chi phí vận chuyển. Địa điểm giao nhận hàng từ Công ty TNHH MTV Tường Thơ (Đc Nhà máy sản xuất: Lô C-02-1, KCN Đức Hoà, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, tỉnh Tây Ninh - Dt: 0985.731.759) tới chân công trình trong khu vực tỉnh Tây Ninh	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/07/2026 đến 31/12/2026)	Giá không đổi	187.424	187.424	187.424	187.424	187.424	187.424	187.424	187.424	187.424
1304	Sơn	Sơn Nội Thất Bóng Mờ Cao Cấp Mykolor Touch Neo Matte For Int	lít	QCVN 16:2019/BXD; QCVN 08:2020/BCT	18L/thùng	CÔNG TY 4 ORANGES CO., LTD	CÔNG TY 4 ORANGES CO., LTD	Chưa trừ chiết khấu sản lượng	Giá này chưa bao gồm chi phí vận chuyển. Địa điểm giao nhận hàng từ Công ty TNHH MTV Tường Thơ (Đc Nhà máy sản xuất: Lô C-02-1, KCN Đức Hoà, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, tỉnh Tây Ninh - Dt: 0985.731.759) tới chân công trình trong khu vực tỉnh Tây Ninh	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/07/2026 đến 31/12/2026)	Giá không đổi	263.636	263.636	263.636	263.636	263.636	263.636	263.636	263.636	263.636
1305	Sơn	Sơn Nước Nội Thất Bóng Semi Mykolor Touch Semigloss For Int	lít	QCVN 16:2019/BXD; QCVN 08:2020/BCT	15L/thùng	CÔNG TY 4 ORANGES CO., LTD	CÔNG TY 4 ORANGES CO., LTD	Chưa trừ chiết khấu sản lượng	Giá này chưa bao gồm chi phí vận chuyển. Địa điểm giao nhận hàng từ Công ty TNHH MTV Tường Thơ (Đc Nhà máy sản xuất: Lô C-02-1, KCN Đức Hoà, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, tỉnh Tây Ninh - Dt: 0985.731.759) tới chân công trình trong khu vực tỉnh Tây Ninh	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/07/2026 đến 31/12/2026)	Giá không đổi	250.202	250.202	250.202	250.202	250.202	250.202	250.202	250.202	250.202
1306	Sơn	Sơn Nước Ngoại Thất Cao Cấp Mykolor Touch Shiny	lít	QCVN 16:2019/BXD; QCVN 08:2020/BCT	15L/thùng	CÔNG TY 4 ORANGES CO., LTD	CÔNG TY 4 ORANGES CO., LTD	Chưa trừ chiết khấu sản lượng	Giá này chưa bao gồm chi phí vận chuyển. Địa điểm giao nhận hàng từ Công ty TNHH MTV Tường Thơ (Đc Nhà máy sản xuất: Lô C-02-1, KCN Đức Hoà, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, tỉnh Tây Ninh - Dt: 0985.731.759) tới chân công trình trong khu vực tỉnh Tây Ninh	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/07/2026 đến 31/12/2026)	Giá không đổi	271.919	271.919	271.919	271.919	271.919	271.919	271.919	271.919	271.919

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)(đồng)								
												Khu vực TP. Tây Ninh	Khu vực TX.Trảng Bàng	Khu vực TX. Hoà Thành	Khu vực H.Tân Biên	Khu vực H.Tân Châu	Khu vực H. Châu Thành	Khu vực H.Dương Minh Châu	Khu vực H. Bến Cầu	Khu vực H. Gò Dầu
1307	Sơn	Sơn Nước Nội Thất Bóng Semi Mykolor Touch Semigloss For Ext	lít	QCVN 16:2019/BXD; QCVN 08:2020/BCT	18L/thùng	CÔNG TY 4 ORANGES CO., LTD	CÔNG TY 4 ORANGES CO., LTD	Chưa trừ chiết khấu sản lượng	Giá này chưa bao gồm chi phí vận chuyển. Địa điểm giao nhận hàng từ Công ty TNHH MTV Tường Thơ (Đc Nhà máy sản xuất: Lô C-02-1, KCN Đức Hoà, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, tỉnh Tây Ninh - Dt: 0985.731.759) tới chân công trình trong khu vực tỉnh Tây Ninh	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/07/2026 đến 31/12/2026)	Giá không đổi	349.747	349.747	349.747	349.747	349.747	349.747	349.747	349.747	349.747
1308	Sơn	Sơn Chống Thấm Màng Dẻo Chuyên Dụng Trực Tiếp Tường Mykolor Touch Water Seal T1000	lít	QCVN 16:2019/BXD; QCVN 08:2020/BCT	15L/thùng	CÔNG TY 4 ORANGES CO., LTD	CÔNG TY 4 ORANGES CO., LTD	Chưa trừ chiết khấu sản lượng	Giá này chưa bao gồm chi phí vận chuyển. Địa điểm giao nhận hàng từ Công ty TNHH MTV Tường Thơ (Đc Nhà máy sản xuất: Lô C-02-1, KCN Đức Hoà, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, tỉnh Tây Ninh - Dt: 0985.731.759) tới chân công trình trong khu vực tỉnh Tây Ninh	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/07/2026 đến 31/12/2026)	Giá không đổi	251.818	251.818	251.818	251.818	251.818	251.818	251.818	251.818	251.818
1309	Sơn	Sơn Chống Thấm Nhà Liền Kề Màu Ghi Ngoại Thất Cao Cấp Mykolor Touch Terraced House Edition For Exterior	lít	QCVN 16:2019/BXD; QCVN 08:2020/BCT	15L/thùng	CÔNG TY 4 ORANGES CO., LTD	CÔNG TY 4 ORANGES CO., LTD	Chưa trừ chiết khấu sản lượng	Giá này chưa bao gồm chi phí vận chuyển. Địa điểm giao nhận hàng từ Công ty TNHH MTV Tường Thơ (Đc Nhà máy sản xuất: Lô C-02-1, KCN Đức Hoà, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, tỉnh Tây Ninh - Dt: 0985.731.759) tới chân công trình trong khu vực tỉnh Tây Ninh	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/07/2026 đến 31/12/2026)	Giá không đổi	204.545	204.545	204.545	204.545	204.545	204.545	204.545	204.545	204.545
1310	Sơn	Sơn Lót Chống Kiềm Nội Thất Cao Cấp Mykolor Touch Alkali Seal For Int	lít	QCVN 08:2020/BCT	18L/thùng	CÔNG TY 4 ORANGES CO., LTD	CÔNG TY 4 ORANGES CO., LTD	Chưa trừ chiết khấu sản lượng	Giá này chưa bao gồm chi phí vận chuyển. Địa điểm giao nhận hàng từ Công ty TNHH MTV Tường Thơ (Đc Nhà máy sản xuất: Lô C-02-1, KCN Đức Hoà, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, tỉnh Tây Ninh - Dt: 0985.731.759) tới chân công trình trong khu vực tỉnh Tây Ninh	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/07/2026 đến 31/12/2026)	Giá không đổi	175.657	175.657	175.657	175.657	175.657	175.657	175.657	175.657	175.657
1311	Sơn	Sơn Lót Chống Kiềm Ngoại Thất Cao Cấp Mykolor Touch Alkali Seal For Ext	lít	QCVN 08:2020/BCT	18L/thùng	CÔNG TY 4 ORANGES CO., LTD	CÔNG TY 4 ORANGES CO., LTD	Chưa trừ chiết khấu sản lượng	Giá này chưa bao gồm chi phí vận chuyển. Địa điểm giao nhận hàng từ Công ty TNHH MTV Tường Thơ (Đc Nhà máy sản xuất: Lô C-02-1, KCN Đức Hoà, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, tỉnh Tây Ninh - Dt: 0985.731.759) tới chân công trình trong khu vực tỉnh Tây Ninh	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/07/2026 đến 31/12/2026)	Giá không đổi	245.404	245.404	245.404	245.404	245.404	245.404	245.404	245.404	245.404
1312	Sơn	Bột Trét Tường Nội Thất Cao Cấp Mykolor Touch Soft Putty For Int	kg	QCVN 08:2020/BCT	40kg/bao	CÔNG TY 4 ORANGES CO., LTD	CÔNG TY 4 ORANGES CO., LTD	Chưa trừ chiết khấu sản lượng	Giá này chưa bao gồm chi phí vận chuyển. Địa điểm giao nhận hàng từ Công ty TNHH MTV Tường Thơ (Đc Nhà máy sản xuất: Lô C-02-1, KCN Đức Hoà, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, tỉnh Tây Ninh - Dt: 0985.731.759) tới chân công trình trong khu vực tỉnh Tây Ninh	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/07/2026 đến 31/12/2026)	Giá không đổi	8.864	8.864	8.864	8.864	8.864	8.864	8.864	8.864	8.864
1313	Sơn	Bột Trét Tường Nội Ngoại Thất Cao Cấp Mykolor Touch Powder Putty For Int & Ext	kg	QCVN 08:2020/BCT	40kg/bao	CÔNG TY 4 ORANGES CO., LTD	CÔNG TY 4 ORANGES CO., LTD	Chưa trừ chiết khấu sản lượng	Giá này chưa bao gồm chi phí vận chuyển. Địa điểm giao nhận hàng từ Công ty TNHH MTV Tường Thơ (Đc Nhà máy sản xuất: Lô C-02-1, KCN Đức Hoà, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, tỉnh Tây Ninh - Dt: 0985.731.759) tới chân công trình trong khu vực tỉnh Tây Ninh	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/07/2026 đến 31/12/2026)	Giá không đổi	10.591	10.591	10.591	10.591	10.591	10.591	10.591	10.591	10.591
1314	Sơn	Sơn Nội Thất Cao Cấp Mờ Sang Trọng Mykolor Nana Bronze For Int	lít	QCVN 16:2019/BXD; QCVN 08:2020/BCT	15L/thùng	CÔNG TY 4 ORANGES CO., LTD	CÔNG TY 4 ORANGES CO., LTD	Chưa trừ chiết khấu sản lượng	Giá này chưa bao gồm chi phí vận chuyển. Địa điểm giao nhận hàng từ Công ty TNHH MTV Tường Thơ (Đc Nhà máy sản xuất: Lô C-02-1, KCN Đức Hoà, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, tỉnh Tây Ninh - Dt: 0985.731.759) tới chân công trình trong khu vực tỉnh Tây Ninh	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/07/2026 đến 31/12/2026)	Giá không đổi	116.919	116.919	116.919	116.919	116.919	116.919	116.919	116.919	116.919
1315	Sơn	Sơn Nội Thất Cao Cấp Bền Đẹp Mykolor Nana Silver For Int	lít	QCVN 16:2019/BXD; QCVN 08:2020/BCT	18L/thùng	CÔNG TY 4 ORANGES CO., LTD	CÔNG TY 4 ORANGES CO., LTD	Chưa trừ chiết khấu sản lượng	Giá này chưa bao gồm chi phí vận chuyển. Địa điểm giao nhận hàng từ Công ty TNHH MTV Tường Thơ (Đc Nhà máy sản xuất: Lô C-02-1, KCN Đức Hoà, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, tỉnh Tây Ninh - Dt: 0985.731.759) tới chân công trình trong khu vực tỉnh Tây Ninh	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/07/2026 đến 31/12/2026)	Giá không đổi	185.808	185.808	185.808	185.808	185.808	185.808	185.808	185.808	185.808
1316	Sơn	Sơn Nội Thất Cao Cấp Bóng, Lau Chùi Hiệu Quả Mykolor Nana Titan For Int	lít	QCVN 16:2019/BXD; QCVN 08:2020/BCT	18L/thùng	CÔNG TY 4 ORANGES CO., LTD	CÔNG TY 4 ORANGES CO., LTD	Chưa trừ chiết khấu sản lượng	Giá này chưa bao gồm chi phí vận chuyển. Địa điểm giao nhận hàng từ Công ty TNHH MTV Tường Thơ (Đc Nhà máy sản xuất: Lô C-02-1, KCN Đức Hoà, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, tỉnh Tây Ninh - Dt: 0985.731.759) tới chân công trình trong khu vực tỉnh Tây Ninh	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/07/2026 đến 31/12/2026)	Giá không đổi	247.626	247.626	247.626	247.626	247.626	247.626	247.626	247.626	247.626
1317	Sơn	Sơn Nội Thất Siêu Trắng Trần Mykolor Nana Ceiling For Int	lít	QCVN 16:2019/BXD; QCVN 08:2020/BCT	18L/thùng	CÔNG TY 4 ORANGES CO., LTD	CÔNG TY 4 ORANGES CO., LTD	Chưa trừ chiết khấu sản lượng	Giá này chưa bao gồm chi phí vận chuyển. Địa điểm giao nhận hàng từ Công ty TNHH MTV Tường Thơ (Đc Nhà máy sản xuất: Lô C-02-1, KCN Đức Hoà, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, tỉnh Tây Ninh - Dt: 0985.731.759) tới chân công trình trong khu vực tỉnh Tây Ninh	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/07/2026 đến 31/12/2026)	Giá không đổi	183.384	183.384	183.384	183.384	183.384	183.384	183.384	183.384	183.384
1318	Sơn	Sơn Ngoại Thất Cao Cấp Bền ĐẹpMykolor Nana Silver For Ext	lít	QCVN 16:2019/BXD; QCVN 08:2020/BCT	15L/thùng	CÔNG TY 4 ORANGES CO., LTD	CÔNG TY 4 ORANGES CO., LTD	Chưa trừ chiết khấu sản lượng	Giá này chưa bao gồm chi phí vận chuyển. Địa điểm giao nhận hàng từ Công ty TNHH MTV Tường Thơ (Đc Nhà máy sản xuất: Lô C-02-1, KCN Đức Hoà, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, tỉnh Tây Ninh - Dt: 0985.731.759) tới chân công trình trong khu vực tỉnh Tây Ninh	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/07/2026 đến 31/12/2026)	Giá không đổi	269.192	269.192	269.192	269.192	269.192	269.192	269.192	269.192	269.192
1319	Sơn	Sơn Ngoại Thất Cao Cấp Bóng, Lau Chùi Hiệu Quả Mykolor Nana Titan For Exterior	lít	QCVN 16:2019/BXD; QCVN 08:2020/BCT	18L/thùng	CÔNG TY 4 ORANGES CO., LTD	CÔNG TY 4 ORANGES CO., LTD	Chưa trừ chiết khấu sản lượng	Giá này chưa bao gồm chi phí vận chuyển. Địa điểm giao nhận hàng từ Công ty TNHH MTV Tường Thơ (Đc Nhà máy sản xuất: Lô C-02-1, KCN Đức Hoà, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, tỉnh Tây Ninh - Dt: 0985.731.759) tới chân công trình trong khu vực tỉnh Tây Ninh	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/07/2026 đến 31/12/2026)	Giá không đổi	346.313	346.313	346.313	346.313	346.313	346.313	346.313	346.313	346.313
1320	Sơn	Sơn Chống Thấm Trực Tiếp Tường Cao Cấp Mykolor Nana HardSeal N01	lít	QCVN 16:2019/BXD; QCVN 08:2020/BCT	15L/thùng	CÔNG TY 4 ORANGES CO., LTD	CÔNG TY 4 ORANGES CO., LTD	Chưa trừ chiết khấu sản lượng	Giá này chưa bao gồm chi phí vận chuyển. Địa điểm giao nhận hàng từ Công ty TNHH MTV Tường Thơ (Đc Nhà máy sản xuất: Lô C-02-1, KCN Đức Hoà, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, tỉnh Tây Ninh - Dt: 0985.731.759) tới chân công trình trong khu vực tỉnh Tây Ninh	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/07/2026 đến 31/12/2026)	Giá không đổi	251.818	251.818	251.818	251.818	251.818	251.818	251.818	251.818	251.818
1321	Sơn	Sơn Chống Thấm Nhà Liền Kề Màu Ghi Ngoại Thất Cao Cấp Mykolor Nana TownHouse Element For Exterior	lít	QCVN 16:2019/BXD; QCVN 08:2020/BCT	15L/thùng	CÔNG TY 4 ORANGES CO., LTD	CÔNG TY 4 ORANGES CO., LTD	Chưa trừ chiết khấu sản lượng	Giá này chưa bao gồm chi phí vận chuyển. Địa điểm giao nhận hàng từ Công ty TNHH MTV Tường Thơ (Đc Nhà máy sản xuất: Lô C-02-1, KCN Đức Hoà, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, tỉnh Tây Ninh - Dt: 0985.731.759) tới chân công trình trong khu vực tỉnh Tây Ninh	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/07/2026 đến 31/12/2026)	Giá không đổi	207.152	207.152	207.152	207.152	207.152	207.152	207.152	207.152	207.152
1322	Sơn	Sơn Lót Chống Kiềm Nội Thất Cao Cấp Mykolor Nana Sealer For Interior	lít	QCVN 08:2020/BCT	18L/thùng	CÔNG TY 4 ORANGES CO., LTD	CÔNG TY 4 ORANGES CO., LTD	Chưa trừ chiết khấu sản lượng	Giá này chưa bao gồm chi phí vận chuyển. Địa điểm giao nhận hàng từ Công ty TNHH MTV Tường Thơ (Đc Nhà máy sản xuất: Lô C-02-1, KCN Đức Hoà, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, tỉnh Tây Ninh - Dt: 0985.731.759) tới chân công trình trong khu vực tỉnh Tây Ninh	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/07/2026 đến 31/12/2026)	Giá không đổi	179.343	179.343	179.343	179.343	179.343	179.343	179.343	179.343	179.343
1323	Sơn	Sơn Lót Chống Kiềm Ngoại Thất Cao Cấp Mykolor Nana Sealer For Exterior	lít	QCVN 08:2020/BCT	18L/thùng	CÔNG TY 4 ORANGES CO., LTD	CÔNG TY 4 ORANGES CO., LTD	Chưa trừ chiết khấu sản lượng	Giá này chưa bao gồm chi phí vận chuyển. Địa điểm giao nhận hàng từ Công ty TNHH MTV Tường Thơ (Đc Nhà máy sản xuất: Lô C-02-1, KCN Đức Hoà, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, tỉnh Tây Ninh - Dt: 0985.731.759) tới chân công trình trong khu vực tỉnh Tây Ninh	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/07/2026 đến 31/12/2026)	Giá không đổi	250.404	250.404	250.404	250.404	250.404	250.404	250.404	250.404	250.404
1324	Sơn	Bột Trét Tường Nội Thất Cao Cấp Mykolor Nana FILLER For Int	kg	QCVN 08:2020/BCT	40kg/bao	CÔNG TY 4 ORANGES CO., LTD	CÔNG TY 4 ORANGES CO., LTD	Chưa trừ chiết khấu sản lượng	Giá này chưa bao gồm chi phí vận chuyển. Địa điểm giao nhận hàng từ Công ty TNHH MTV Tường Thơ (Đc Nhà máy sản xuất: Lô C-02-1, KCN Đức Hoà, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, tỉnh Tây Ninh - Dt: 0985.731.759) tới chân công trình trong khu vực tỉnh Tây Ninh	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/07/2026 đến 31/12/2026)	Giá không đổi	9.341	9.341	9.341	9.341	9.341	9.341	9.341	9.341	9.341

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)(đồng)								
												Khu vực TP. Tây Ninh	Khu vực TX.Trảng Bàng	Khu vực TX. Hoà Thành	Khu vực H.Tân Biên	Khu vực H.Tân Châu	Khu vực H. Châu Thành	Khu vực H.Dương Minh Châu	Khu vực H. Bến Cầu	Khu vực H. Gò Dầu
1325	Sơn	Bột Trét Tường Nội Ngoại Thất Cao Cấp Mykolor Nana FILLER For Int & Ext	kg	QCVN 08:2020/BCT	40kg/bao	CÔNG TY 4 ORANGES CO., LTD	CÔNG TY 4 ORANGES CO., LTD	Chưa trừ chiết khấu sản lượng	Giá này chưa bao gồm chi phí vận chuyển. Địa điểm giao nhận hàng từ Công ty TNHH MTV Tường Thơ (Đc Nhà máy sản xuất: Lô C-02-1, KCN Đức Hoà, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, tỉnh Tây Ninh - Dt: 0985.731.759) tới chân công trình trong khu vực tỉnh Tây Ninh	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/07/2026 đến 31/12/2026)	Giá không đổi	10.841	10.841	10.841	10.841	10.841	10.841	10.841	10.841	10.841
1326	Sơn	Sơn Nội Thất Dự Án Bóng Mờ Sang Trọng Mykolor Walcare Matt For Interior	lít	QCVN 16:2019/BXD; QCVN 08:2020/BCT	18L/thùng	CÔNG TY 4 ORANGES CO., LTD	CÔNG TY 4 ORANGES CO., LTD	Chưa trừ chiết khấu sản lượng	Giá này chưa bao gồm chi phí vận chuyển. Địa điểm giao nhận hàng từ Công ty TNHH MTV Tường Thơ (Đc Nhà máy sản xuất: Lô C-02-1, KCN Đức Hoà, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, tỉnh Tây Ninh - Dt: 0985.731.759) tới chân công trình trong khu vực tỉnh Tây Ninh	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/07/2026 đến 31/12/2026)	Giá không đổi	46.350	46.350	46.350	46.350	46.350	46.350	46.350	46.350	46.350
1327	Sơn	Sơn Nội Thất Bóng Nhẹ Cao Cấp Mykolor Walcare Low - Sheen For Interior	lít	QCVN 16:2019/BXD; QCVN 08:2020/BCT	18L/thùng	CÔNG TY 4 ORANGES CO., LTD	CÔNG TY 4 ORANGES CO., LTD	Chưa trừ chiết khấu sản lượng	Giá này chưa bao gồm chi phí vận chuyển. Địa điểm giao nhận hàng từ Công ty TNHH MTV Tường Thơ (Đc Nhà máy sản xuất: Lô C-02-1, KCN Đức Hoà, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, tỉnh Tây Ninh - Dt: 0985.731.759) tới chân công trình trong khu vực tỉnh Tây Ninh	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/07/2026 đến 31/12/2026)	Giá không đổi	90.074	90.074	90.074	90.074	90.074	90.074	90.074	90.074	90.074
1328	Sơn	Sơn Ngoại Thất Dự Án Mịn Màng Mykolor Walcare Matt For Exterior	lít	QCVN 16:2019/BXD; QCVN 08:2020/BCT	18L/thùng	CÔNG TY 4 ORANGES CO., LTD	CÔNG TY 4 ORANGES CO., LTD	Chưa trừ chiết khấu sản lượng	Giá này chưa bao gồm chi phí vận chuyển. Địa điểm giao nhận hàng từ Công ty TNHH MTV Tường Thơ (Đc Nhà máy sản xuất: Lô C-02-1, KCN Đức Hoà, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, tỉnh Tây Ninh - Dt: 0985.731.759) tới chân công trình trong khu vực tỉnh Tây Ninh	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/07/2026 đến 31/12/2026)	Giá không đổi	90.074	90.074	90.074	90.074	90.074	90.074	90.074	90.074	90.074
1329	Sơn	Sơn Ngoại Thất Dự Án Bóng Cao Cấp Mykolor Walcare Semigloss For Exterior	lít	QCVN 16:2019/BXD; QCVN 08:2020/BCT	18L/thùng	CÔNG TY 4 ORANGES CO., LTD	CÔNG TY 4 ORANGES CO., LTD	Chưa trừ chiết khấu sản lượng	Giá này chưa bao gồm chi phí vận chuyển. Địa điểm giao nhận hàng từ Công ty TNHH MTV Tường Thơ (Đc Nhà máy sản xuất: Lô C-02-1, KCN Đức Hoà, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, tỉnh Tây Ninh - Dt: 0985.731.759) tới chân công trình trong khu vực tỉnh Tây Ninh	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/07/2026 đến 31/12/2026)	Giá không đổi	134.415	134.415	134.415	134.415	134.415	134.415	134.415	134.415	134.415
1330	Sơn	Sơn Lót Chống Kiềm Nội Thất Mykolor Walcare Alkali For Interior	lít	QCVN 08:2020/BCT	18L/thùng	CÔNG TY 4 ORANGES CO., LTD	CÔNG TY 4 ORANGES CO., LTD	Chưa trừ chiết khấu sản lượng	Giá này chưa bao gồm chi phí vận chuyển. Địa điểm giao nhận hàng từ Công ty TNHH MTV Tường Thơ (Đc Nhà máy sản xuất: Lô C-02-1, KCN Đức Hoà, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, tỉnh Tây Ninh - Dt: 0985.731.759) tới chân công trình trong khu vực tỉnh Tây Ninh	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/07/2026 đến 31/12/2026)	Giá không đổi	53.148	53.148	53.148	53.148	53.148	53.148	53.148	53.148	53.148
1331	Sơn	Sơn Lót Chống Kiềm Ngoại Thất Mykolor Walcare Alkali For Exterior	lít	QCVN 08:2020/BCT	18L/thùng	CÔNG TY 4 ORANGES CO., LTD	CÔNG TY 4 ORANGES CO., LTD	Chưa trừ chiết khấu sản lượng	Giá này chưa bao gồm chi phí vận chuyển. Địa điểm giao nhận hàng từ Công ty TNHH MTV Tường Thơ (Đc Nhà máy sản xuất: Lô C-02-1, KCN Đức Hoà, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, tỉnh Tây Ninh - Dt: 0985.731.759) tới chân công trình trong khu vực tỉnh Tây Ninh	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/07/2026 đến 31/12/2026)	Giá không đổi	91.232	91.232	91.232	91.232	91.232	91.232	91.232	91.232	91.232
1332	Sơn	Bột Trét Dự Án Nội Thất Mykolor Walcare Filler For Interior	kg	QCVN 08:2020/BCT	40kg/bao	CÔNG TY 4 ORANGES CO., LTD	CÔNG TY 4 ORANGES CO., LTD	Chưa trừ chiết khấu sản lượng	Giá này chưa bao gồm chi phí vận chuyển. Địa điểm giao nhận hàng từ Công ty TNHH MTV Tường Thơ (Đc Nhà máy sản xuất: Lô C-02-1, KCN Đức Hoà, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, tỉnh Tây Ninh - Dt: 0985.731.759) tới chân công trình trong khu vực tỉnh Tây Ninh	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/07/2026 đến 31/12/2026)	Giá không đổi	6.014	6.014	6.014	6.014	6.014	6.014	6.014	6.014	6.014
1333	Sơn	Bột Trét Dự Án Nội & Ngoại ThấtMykolor W e Filler For Int & Ext	kg	QCVN 08:2020/BCT	40kg/bao	CÔNG TY 4 ORANGES CO., LTD	CÔNG TY 4 ORANGES CO., LTD	Chưa trừ chiết khấu sản lượng	Giá này chưa bao gồm chi phí vận chuyển. Địa điểm giao nhận hàng từ Công ty TNHH MTV Tường Thơ (Đc Nhà máy sản xuất: Lô C-02-1, KCN Đức Hoà, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, tỉnh Tây Ninh - Dt: 0985.731.759) tới chân công trình trong khu vực tỉnh Tây Ninh	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/07/2026 đến 31/12/2026)	Giá không đổi	7.231	7.231	7.231	7.231	7.231	7.231	7.231	7.231	7.231
1334	Sơn	Sơn Nước Nội Thất Láng Mờ Hoàn Hảo Mykolor Grand Quartz Feel	lít	QCVN 16:2019/BXD; QCVN 08:2020/BCT	15L/thùng	CÔNG TY 4 ORANGES CO., LTD	CÔNG TY 4 ORANGES CO., LTD	Chưa trừ chiết khấu sản lượng	Giá này chưa bao gồm chi phí vận chuyển. Địa điểm giao nhận hàng từ Công ty TNHH MTV Tường Thơ (Đc Nhà máy sản xuất: Lô C-02-1, KCN Đức Hoà, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, tỉnh Tây Ninh - Dt: 0985.731.759) tới chân công trình trong khu vực tỉnh Tây Ninh	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/07/2026 đến 31/12/2026)	Giá không đổi	121.605	121.605	121.605	121.605	121.605	121.605	121.605	121.605	121.605
1335	Sơn	Sơn Nước Nội Thất Láng Mờ Hoàn Hảo Mykolor Grand Garnet Feel	lít	QCVN 16:2019/BXD; QCVN 08:2020/BCT	18L/thùng	CÔNG TY 4 ORANGES CO., LTD	CÔNG TY 4 ORANGES CO., LTD	Chưa trừ chiết khấu sản lượng	Giá này chưa bao gồm chi phí vận chuyển. Địa điểm giao nhận hàng từ Công ty TNHH MTV Tường Thơ (Đc Nhà máy sản xuất: Lô C-02-1, KCN Đức Hoà, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, tỉnh Tây Ninh - Dt: 0985.731.759) tới chân công trình trong khu vực tỉnh Tây Ninh	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/07/2026 đến 31/12/2026)	Giá không đổi	185.905	185.905	185.905	185.905	185.905	185.905	185.905	185.905	185.905
1336	Sơn	Sơn Nước Nội Thất Bóng Cao Cấp Mykolor Grand Pearl Feel	lít	QCVN 16:2019/BXD; QCVN 08:2020/BCT	18L/thùng	CÔNG TY 4 ORANGES CO., LTD	CÔNG TY 4 ORANGES CO., LTD	Chưa trừ chiết khấu sản lượng	Giá này chưa bao gồm chi phí vận chuyển. Địa điểm giao nhận hàng từ Công ty TNHH MTV Tường Thơ (Đc Nhà máy sản xuất: Lô C-02-1, KCN Đức Hoà, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, tỉnh Tây Ninh - Dt: 0985.731.759) tới chân công trình trong khu vực tỉnh Tây Ninh	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/07/2026 đến 31/12/2026)	Giá không đổi	257.922	257.922	257.922	257.922	257.922	257.922	257.922	257.922	257.922
1337	Sơn	Sơn Nước Ngoại Thất Bóng Mờ Cao Cấp Mykolor Grand Jade Feel	lít	QCVN 16:2019/BXD; QCVN 08:2020/BCT	15L/thùng	CÔNG TY 4 ORANGES CO., LTD	CÔNG TY 4 ORANGES CO., LTD	Chưa trừ chiết khấu sản lượng	Giá này chưa bao gồm chi phí vận chuyển. Địa điểm giao nhận hàng từ Công ty TNHH MTV Tường Thơ (Đc Nhà máy sản xuất: Lô C-02-1, KCN Đức Hoà, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, tỉnh Tây Ninh - Dt: 0985.731.759) tới chân công trình trong khu vực tỉnh Tây Ninh	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/07/2026 đến 31/12/2026)	Giá không đổi	275.494	275.494	275.494	275.494	275.494	275.494	275.494	275.494	275.494
1338	Sơn	Sơn Nước Ngoại Thất Bóng Láng Cao Cấp Mykolor Grand Ruby Feel	lít	QCVN 16:2019/BXD; QCVN 08:2020/BCT	15L/thùng	CÔNG TY 4 ORANGES CO., LTD	CÔNG TY 4 ORANGES CO., LTD	Chưa trừ chiết khấu sản lượng	Giá này chưa bao gồm chi phí vận chuyển. Địa điểm giao nhận hàng từ Công ty TNHH MTV Tường Thơ (Đc Nhà máy sản xuất: Lô C-02-1, KCN Đức Hoà, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, tỉnh Tây Ninh - Dt: 0985.731.759) tới chân công trình trong khu vực tỉnh Tây Ninh	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/07/2026 đến 31/12/2026)	Giá không đổi	378.025	378.025	378.025	378.025	378.025	378.025	378.025	378.025	378.025
1339	Sơn	Sơn Chống Thấm Cao Cấp Trực Tiếp tường Mykolor Grand Water Proofer G100	lít	QCVN 16:2019/BXD; QCVN 08:2020/BCT	18L/thùng	CÔNG TY 4 ORANGES CO., LTD	CÔNG TY 4 ORANGES CO., LTD	Chưa trừ chiết khấu sản lượng	Giá này chưa bao gồm chi phí vận chuyển. Địa điểm giao nhận hàng từ Công ty TNHH MTV Tường Thơ (Đc Nhà máy sản xuất: Lô C-02-1, KCN Đức Hoà, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, tỉnh Tây Ninh - Dt: 0985.731.759) tới chân công trình trong khu vực tỉnh Tây Ninh	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/07/2026 đến 31/12/2026)	Giá không đổi	244.547	244.547	244.547	244.547	244.547	244.547	244.547	244.547	244.547
1340	Sơn	Sơn Chống Thấm Tuyệt Hảo, Pha Màu Tự Chọn Mykolor Grand Water Proofer G200	lít	QCVN 16:2019/BXD; QCVN 08:2020/BCT	15L/thùng	CÔNG TY 4 ORANGES CO., LTD	CÔNG TY 4 ORANGES CO., LTD	Chưa trừ chiết khấu sản lượng	Giá này chưa bao gồm chi phí vận chuyển. Địa điểm giao nhận hàng từ Công ty TNHH MTV Tường Thơ (Đc Nhà máy sản xuất: Lô C-02-1, KCN Đức Hoà, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, tỉnh Tây Ninh - Dt: 0985.731.759) tới chân công trình trong khu vực tỉnh Tây Ninh	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/07/2026 đến 31/12/2026)	Giá không đổi	278.025	278.025	278.025	278.025	278.025	278.025	278.025	278.025	278.025
1341	Sơn	Sơn Chống Thấm Nhà Liền Kề Cao Cấp Mykolor Grand Terraced House Exclusive For Ext	lít	QCVN 16:2019/BXD; QCVN 08:2020/BCT	15L/thùng	CÔNG TY 4 ORANGES CO., LTD	CÔNG TY 4 ORANGES CO., LTD	Chưa trừ chiết khấu sản lượng	Giá này chưa bao gồm chi phí vận chuyển. Địa điểm giao nhận hàng từ Công ty TNHH MTV Tường Thơ (Đc Nhà máy sản xuất: Lô C-02-1, KCN Đức Hoà, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, tỉnh Tây Ninh - Dt: 0985.731.759) tới chân công trình trong khu vực tỉnh Tây Ninh	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/07/2026 đến 31/12/2026)	Giá không đổi	195.247	195.247	195.247	195.247	195.247	195.247	195.247	195.247	195.247
1342	Sơn	Sơn Lót Chống Kiềm Nội Thất Hoàn Thiện Mykolor Grand Alkali Filter For Int	lít	QCVN 16:2019/BXD; QCVN 08:2020/BCT	15L/thùng	CÔNG TY 4 ORANGES CO., LTD	CÔNG TY 4 ORANGES CO., LTD	Chưa trừ chiết khấu sản lượng	Giá này chưa bao gồm chi phí vận chuyển. Địa điểm giao nhận hàng từ Công ty TNHH MTV Tường Thơ (Đc Nhà máy sản xuất: Lô C-02-1, KCN Đức Hoà, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, tỉnh Tây Ninh - Dt: 0985.731.759) tới chân công trình trong khu vực tỉnh Tây Ninh	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/07/2026 đến 31/12/2026)	Giá không đổi	162.469	162.469	162.469	162.469	162.469	162.469	162.469	162.469	162.469

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)(đồng)								
												Khu vực TP. Tây Ninh	Khu vực TX.Trảng Bàng	Khu vực TX. Hoà Thành	Khu vực H.Tân Biên	Khu vực H.Tân Châu	Khu vực H. Châu Thành	Khu vực H.Dương Minh Châu	Khu vực H. Bến Cầu	Khu vực H. Gò Dầu
1343	Sơn	Sơn Lót Chống Kiềm Ngoại Thất Hoàn Thiện Mykolor Grand Alkali Filter For Ext	lít	QCVN 16:2019/BXD; QCVN 08:2020/BCT	15L/thùng	CÔNG TY 4 ORANGES CO., LTD	CÔNG TY 4 ORANGES CO., LTD	Chưa trừ chiết khấu sản lượng	Giá này chưa bao gồm chi phí vận chuyển. Địa điểm giao nhận hàng từ Công ty TNHH MTV Tường Thơ (Đc Nhà máy sản xuất: Lô C-02-1, KCN Đức Hoà, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, tỉnh Tây Ninh - Dt: 0985.731.759) tới chân công trình trong khu vực tỉnh Tây Ninh	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/07/2026 đến 31/12/2026)	Giá không đổi	225.802	225.802	225.802	225.802	225.802	225.802	225.802	225.802	225.802
1344	Sơn	Bột Trét Nội Thất Hoàn Hảo, Dễ Thi Công Mykolor Grand Crystal Feel For Int	kg	QCVN 08:2020/BCT	40kg/bao	CÔNG TY 4 ORANGES CO., LTD	CÔNG TY 4 ORANGES CO., LTD	Chưa trừ chiết khấu sản lượng	Giá này chưa bao gồm chi phí vận chuyển. Địa điểm giao nhận hàng từ Công ty TNHH MTV Tường Thơ (Đc Nhà máy sản xuất: Lô C-02-1, KCN Đức Hoà, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, tỉnh Tây Ninh - Dt: 0985.731.759) tới chân công trình trong khu vực tỉnh Tây Ninh	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/07/2026 đến 31/12/2026)	Giá không đổi	7.778	7.778	7.778	7.778	7.778	7.778	7.778	7.778	7.778
1345	Sơn	Bột Trét Tường Nội & Ngoại Thất Cao Cấp Mykolor Grand Marble Feel For Int & Ext	kg	QCVN 08:2020/BCT	40kg/bao	CÔNG TY 4 ORANGES CO., LTD	CÔNG TY 4 ORANGES CO., LTD	Chưa trừ chiết khấu sản lượng	Giá này chưa bao gồm chi phí vận chuyển. Địa điểm giao nhận hàng từ Công ty TNHH MTV Tường Thơ (Đc Nhà máy sản xuất: Lô C-02-1, KCN Đức Hoà, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, tỉnh Tây Ninh - Dt: 0985.731.759) tới chân công trình trong khu vực tỉnh Tây Ninh	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/07/2026 đến 31/12/2026)	Giá không đổi	11.042	11.042	11.042	11.042	11.042	11.042	11.042	11.042	11.042
1346	Sơn	Sơn Nước Nội Thất Láng Mờ Hoàn Hảo Mykolor Passion Softsilk	lít	QCVN 16:2019/BXD; QCVN 08:2020/BCT	15L/thùng	CÔNG TY 4 ORANGES CO., LTD	CÔNG TY 4 ORANGES CO., LTD	Chưa trừ chiết khấu sản lượng	Giá này chưa bao gồm chi phí vận chuyển. Địa điểm giao nhận hàng từ Công ty TNHH MTV Tường Thơ (Đc Nhà máy sản xuất: Lô C-02-1, KCN Đức Hoà, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, tỉnh Tây Ninh - Dt: 0985.731.759) tới chân công trình trong khu vực tỉnh Tây Ninh	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/07/2026 đến 31/12/2026)	Giá không đổi	117.099	117.099	117.099	117.099	117.099	117.099	117.099	117.099	117.099
1347	Sơn	Sơn Nước Nội Thất Láng Mịn Hoàn Hảo Mykolor Passion Cashmere	lít	QCVN 16:2019/BXD; QCVN 08:2020/BCT	18L/thùng	CÔNG TY 4 ORANGES CO., LTD	CÔNG TY 4 ORANGES CO., LTD	Chưa trừ chiết khấu sản lượng	Giá này chưa bao gồm chi phí vận chuyển. Địa điểm giao nhận hàng từ Công ty TNHH MTV Tường Thơ (Đc Nhà máy sản xuất: Lô C-02-1, KCN Đức Hoà, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, tỉnh Tây Ninh - Dt: 0985.731.759) tới chân công trình trong khu vực tỉnh Tây Ninh	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/07/2026 đến 31/12/2026)	Giá không đổi	181.893	181.893	181.893	181.893	181.893	181.893	181.893	181.893	181.893
1348	Sơn	Sơn Nước Nội Thất Bóng Cao Cấp, Lau Chùi Hoàn Hảo Mykolor Passion Silky For Interior	lít	QCVN 16:2019/BXD; QCVN 08:2020/BCT	18L/thùng	CÔNG TY 4 ORANGES CO., LTD	CÔNG TY 4 ORANGES CO., LTD	Chưa trừ chiết khấu sản lượng	Giá này chưa bao gồm chi phí vận chuyển. Địa điểm giao nhận hàng từ Công ty TNHH MTV Tường Thơ (Đc Nhà máy sản xuất: Lô C-02-1, KCN Đức Hoà, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, tỉnh Tây Ninh - Dt: 0985.731.759) tới chân công trình trong khu vực tỉnh Tây Ninh	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/07/2026 đến 31/12/2026)	Giá không đổi	252.984	252.984	252.984	252.984	252.984	252.984	252.984	252.984	252.984
1349	Sơn	Sơn Nước Ngoại Thất Bóng Mờ Hoàn Hảo Mykolor Passion Chiffon	lít	QCVN 16:2019/BXD; QCVN 08:2020/BCT	18L/thùng	CÔNG TY 4 ORANGES CO., LTD	CÔNG TY 4 ORANGES CO., LTD	Chưa trừ chiết khấu sản lượng	Giá này chưa bao gồm chi phí vận chuyển. Địa điểm giao nhận hàng từ Công ty TNHH MTV Tường Thơ (Đc Nhà máy sản xuất: Lô C-02-1, KCN Đức Hoà, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, tỉnh Tây Ninh - Dt: 0985.731.759) tới chân công trình trong khu vực tỉnh Tây Ninh	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/07/2026 đến 31/12/2026)	Giá không đổi	256.790	256.790	256.790	256.790	256.790	256.790	256.790	256.790	256.790
1350	Sơn	Sơn Ngoại Thất Bóng Mịn, Chùi Rửa Tuyệt Hảo Mykolor Passion Silky For Exterior	lít	QCVN 16:2019/BXD; QCVN 08:2020/BCT	15L/thùng	CÔNG TY 4 ORANGES CO., LTD	CÔNG TY 4 ORANGES CO., LTD	Chưa trừ chiết khấu sản lượng	Giá này chưa bao gồm chi phí vận chuyển. Địa điểm giao nhận hàng từ Công ty TNHH MTV Tường Thơ (Đc Nhà máy sản xuất: Lô C-02-1, KCN Đức Hoà, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, tỉnh Tây Ninh - Dt: 0985.731.759) tới chân công trình trong khu vực tỉnh Tây Ninh	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/07/2026 đến 31/12/2026)	Giá không đổi	370.556	370.556	370.556	370.556	370.556	370.556	370.556	370.556	370.556
1351	Sơn	Sơn Chống Thấm Chuyên Dụng, Trực Tiếp Tường Mykolor Passion Water Lock P01	lít	QCVN 16:2019/BXD; QCVN 08:2020/BCT	15L/thùng	CÔNG TY 4 ORANGES CO., LTD	CÔNG TY 4 ORANGES CO., LTD	Chưa trừ chiết khấu sản lượng	Giá này chưa bao gồm chi phí vận chuyển. Địa điểm giao nhận hàng từ Công ty TNHH MTV Tường Thơ (Đc Nhà máy sản xuất: Lô C-02-1, KCN Đức Hoà, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, tỉnh Tây Ninh - Dt: 0985.731.759) tới chân công trình trong khu vực tỉnh Tây Ninh	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/07/2026 đến 31/12/2026)	Giá không đổi	252.963	252.963	252.963	252.963	252.963	252.963	252.963	252.963	252.963
1352	Sơn	Sơn Chống Thấm Tuyệt Hảo, Pha Màu Tự Chọn Mykolor Passion Water Seal	lít	QCVN 16:2019/BXD; QCVN 08:2020/BCT	15L/thùng	CÔNG TY 4 ORANGES CO., LTD	CÔNG TY 4 ORANGES CO., LTD	Chưa trừ chiết khấu sản lượng	Giá này chưa bao gồm chi phí vận chuyển. Địa điểm giao nhận hàng từ Công ty TNHH MTV Tường Thơ (Đc Nhà máy sản xuất: Lô C-02-1, KCN Đức Hoà, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, tỉnh Tây Ninh - Dt: 0985.731.759) tới chân công trình trong khu vực tỉnh Tây Ninh	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/07/2026 đến 31/12/2026)	Giá không đổi	285.247	285.247	285.247	285.247	285.247	285.247	285.247	285.247	285.247
1353	Sơn	Sơn Chống Thấm Nhà Liền Kề Cao Cấp Mykolor Passion Townhouse Dynamic For Ext	lít	QCVN 16:2019/BXD; QCVN 08:2020/BCT	15L/thùng	CÔNG TY 4 ORANGES CO., LTD	CÔNG TY 4 ORANGES CO., LTD	Chưa trừ chiết khấu sản lượng	Giá này chưa bao gồm chi phí vận chuyển. Địa điểm giao nhận hàng từ Công ty TNHH MTV Tường Thơ (Đc Nhà máy sản xuất: Lô C-02-1, KCN Đức Hoà, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, tỉnh Tây Ninh - Dt: 0985.731.759) tới chân công trình trong khu vực tỉnh Tây Ninh	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/07/2026 đến 31/12/2026)	Giá không đổi	192.840	192.840	192.840	192.840	192.840	192.840	192.840	192.840	192.840
1354	Sơn	Sơn Lót Chống Kiềm Nội Thất Cao Cấp Mykolor Passion Alkali Primer For Interior	lít	QCVN 16:2019/BXD; QCVN 08:2020/BCT	15L/thùng	CÔNG TY 4 ORANGES CO., LTD	CÔNG TY 4 ORANGES CO., LTD	Chưa trừ chiết khấu sản lượng	Giá này chưa bao gồm chi phí vận chuyển. Địa điểm giao nhận hàng từ Công ty TNHH MTV Tường Thơ (Đc Nhà máy sản xuất: Lô C-02-1, KCN Đức Hoà, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, tỉnh Tây Ninh - Dt: 0985.731.759) tới chân công trình trong khu vực tỉnh Tây Ninh	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/07/2026 đến 31/12/2026)	Giá không đổi	162.284	162.284	162.284	162.284	162.284	162.284	162.284	162.284	162.284
1355	Sơn	Sơn Lót Chống Kiềm Ngoại Thất Cao Cấp Mykolor Passion Alkali Primer For Exterior	lít	QCVN 16:2019/BXD; QCVN 08:2020/BCT	18L/thùng	CÔNG TY 4 ORANGES CO., LTD	CÔNG TY 4 ORANGES CO., LTD	Chưa trừ chiết khấu sản lượng	Giá này chưa bao gồm chi phí vận chuyển. Địa điểm giao nhận hàng từ Công ty TNHH MTV Tường Thơ (Đc Nhà máy sản xuất: Lô C-02-1, KCN Đức Hoà, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, tỉnh Tây Ninh - Dt: 0985.731.759) tới chân công trình trong khu vực tỉnh Tây Ninh	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/07/2026 đến 31/12/2026)	Giá không đổi	261.790	261.790	261.790	261.790	261.790	261.790	261.790	261.790	261.790
1356	Sơn	Bột Trét Tường Nội Thất Hoàn Hảo Mykolor Passion Fast Filler For Interior	kg	QCVN 08:2020/BCT	40kg/bao	CÔNG TY 4 ORANGES CO., LTD	CÔNG TY 4 ORANGES CO., LTD	Chưa trừ chiết khấu sản lượng	Giá này chưa bao gồm chi phí vận chuyển. Địa điểm giao nhận hàng từ Công ty TNHH MTV Tường Thơ (Đc Nhà máy sản xuất: Lô C-02-1, KCN Đức Hoà, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, tỉnh Tây Ninh - Dt: 0985.731.759) tới chân công trình trong khu vực tỉnh Tây Ninh	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/07/2026 đến 31/12/2026)	Giá không đổi	7.778	7.778	7.778	7.778	7.778	7.778	7.778	7.778	7.778
1357	Sơn	Bột Trét Tường Nội Và Ngoại Thất Mykolor Passion Putty For Interior & Exterior	kg	QCVN 08:2020/BCT	40kg/bao	CÔNG TY 4 ORANGES CO., LTD	CÔNG TY 4 ORANGES CO., LTD	Chưa trừ chiết khấu sản lượng	Giá này chưa bao gồm chi phí vận chuyển. Địa điểm giao nhận hàng từ Công ty TNHH MTV Tường Thơ (Đc Nhà máy sản xuất: Lô C-02-1, KCN Đức Hoà, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, tỉnh Tây Ninh - Dt: 0985.731.759) tới chân công trình trong khu vực tỉnh Tây Ninh	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/07/2026 đến 31/12/2026)	Giá không đổi	10.255	10.255	10.255	10.255	10.255	10.255	10.255	10.255	10.255
1358	Sơn	Sơn Nội Thất Láng Mịn Bền Đẹp Mykolor Bisi Low-Satin For Interior	lít	QCVN 16:2019/BXD; QCVN 08:2020/BCT	18L/thùng	CÔNG TY 4 ORANGES CO., LTD	CÔNG TY 4 ORANGES CO., LTD	Chưa trừ chiết khấu sản lượng	Giá này chưa bao gồm chi phí vận chuyển. Địa điểm giao nhận hàng từ Công ty TNHH MTV Tường Thơ (Đc Nhà máy sản xuất: Lô C-02-1, KCN Đức Hoà, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, tỉnh Tây Ninh - Dt: 0985.731.759) tới chân công trình trong khu vực tỉnh Tây Ninh	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/07/2026 đến 31/12/2026)	Giá không đổi	46.350	46.350	46.350	46.350	46.350	46.350	46.350	46.350	46.350
1359	Sơn	Sơn Nội Thất Cao Cấp Bảo Vệ Tối Đa Mykolor Bisi Mid-Satin Silk For Interior	lít	QCVN 16:2019/BXD; QCVN 08:2020/BCT	18L/thùng	CÔNG TY 4 ORANGES CO., LTD	CÔNG TY 4 ORANGES CO., LTD	Chưa trừ chiết khấu sản lượng	Giá này chưa bao gồm chi phí vận chuyển. Địa điểm giao nhận hàng từ Công ty TNHH MTV Tường Thơ (Đc Nhà máy sản xuất: Lô C-02-1, KCN Đức Hoà, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, tỉnh Tây Ninh - Dt: 0985.731.759) tới chân công trình trong khu vực tỉnh Tây Ninh	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/07/2026 đến 31/12/2026)	Giá không đổi	90.074	90.074	90.074	90.074	90.074	90.074	90.074	90.074	90.074
1360	Sơn	Sơn Ngoại Thất Láng Mịn Bền Đẹp Mykolor Bisi Low-Satin For Exterior	kg	TCCS 860.10:2018/4 Oranges	18L/thùng	CÔNG TY 4 ORANGES CO., LTD	CÔNG TY 4 ORANGES CO., LTD	Chưa trừ chiết khấu sản lượng	Giá này chưa bao gồm chi phí vận chuyển. Địa điểm giao nhận hàng từ Công ty TNHH MTV Tường Thơ (Đc Nhà máy sản xuất: Lô C-02-1, KCN Đức Hoà, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, tỉnh Tây Ninh - Dt: 0985.731.759) tới chân công trình trong khu vực tỉnh Tây Ninh	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/07/2026 đến 31/12/2026)	Giá không đổi	90.074	90.074	90.074	90.074	90.074	90.074	90.074	90.074	90.074

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)(đồng)								
												Khu vực TP. Tây Ninh	Khu vực TX.Trảng Bàng	Khu vực TX. Hoà Thành	Khu vực H.Tân Biên	Khu vực H.Tân Châu	Khu vực H. Châu Thành	Khu vực H.Dương Minh Châu	Khu vực H. Bến Cầu	Khu vực H. Gò Dầu
1361	Sơn	Sơn Ngoại Thất Cao Cấp Mykolor Bisi Hi-Satin For Exterior	kg	TCCS 860.10:2018/4 Oranges	18L/thùng	CÔNG TY 4 ORANGES CO., LTD	CÔNG TY 4 ORANGES CO., LTD	Chưa trừ chiết khấu sản lượng	Giá này chưa bao gồm chi phí vận chuyển. Địa điểm giao nhận hàng từ Công ty TNHH MTV Tường Thơ (Đc Nhà máy sản xuất: Lô C-02-1, KCN Đức Hoà, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, tỉnh Tây Ninh - Dt: 0985.731.759) tới chân công trình trong khu vực tỉnh Tây Ninh	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/07/2026 đến 31/12/2026)	Giá không đổi	134.415	134.415	134.415	134.415	134.415	134.415	134.415	134.415	134.415
1362	Sơn	Sơn Lót Nội Thất Chống Kiềm Cao Cấp Mykolor Bisi Alkali Seal For Interior	kg	TCCS 860.10:2018/4 Oranges	18L/thùng	CÔNG TY 4 ORANGES CO., LTD	CÔNG TY 4 ORANGES CO., LTD	Chưa trừ chiết khấu sản lượng	Giá này chưa bao gồm chi phí vận chuyển. Địa điểm giao nhận hàng từ Công ty TNHH MTV Tường Thơ (Đc Nhà máy sản xuất: Lô C-02-1, KCN Đức Hoà, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, tỉnh Tây Ninh - Dt: 0985.731.759) tới chân công trình trong khu vực tỉnh Tây Ninh	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/07/2026 đến 31/12/2026)	Giá không đổi	53.148	53.148	53.148	53.148	53.148	53.148	53.148	53.148	53.148
1363	Sơn	Sơn Lót Ngoại Thất Chống Kiềm Cao Cấp Mykolor Bisi Alkali Seal For Exterior	kg	TCCS 860.10:2018/4 Oranges	18L/thùng	CÔNG TY 4 ORANGES CO., LTD	CÔNG TY 4 ORANGES CO., LTD	Chưa trừ chiết khấu sản lượng	Giá này chưa bao gồm chi phí vận chuyển. Địa điểm giao nhận hàng từ Công ty TNHH MTV Tường Thơ (Đc Nhà máy sản xuất: Lô C-02-1, KCN Đức Hoà, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, tỉnh Tây Ninh - Dt: 0985.731.759) tới chân công trình trong khu vực tỉnh Tây Ninh	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/07/2026 đến 31/12/2026)	Giá không đổi	91.232	91.232	91.232	91.232	91.232	91.232	91.232	91.232	91.232
1364	Sơn	Bột Trét Dự Án Nội Thất Mykolor Bisi Hi-Filler For Interior	kg	QCVN 08:2020/BCT	40kg/bao	CÔNG TY 4 ORANGES CO., LTD	CÔNG TY 4 ORANGES CO., LTD	Chưa trừ chiết khấu sản lượng	Giá này chưa bao gồm chi phí vận chuyển. Địa điểm giao nhận hàng từ Công ty TNHH MTV Tường Thơ (Đc Nhà máy sản xuất: Lô C-02-1, KCN Đức Hoà, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, tỉnh Tây Ninh - Dt: 0985.731.759) tới chân công trình trong khu vực tỉnh Tây Ninh	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/07/2026 đến 31/12/2026)	Giá không đổi	6.014	6.014	6.014	6.014	6.014	6.014	6.014	6.014	6.014
1365	Sơn	Bột Trét Dự Án Ngoại Thất Mykolor Bisi Hi-Filler For Exterior	kg	QCVN 08:2020/BCT	40kg/bao	CÔNG TY 4 ORANGES CO., LTD	CÔNG TY 4 ORANGES CO., LTD	Chưa trừ chiết khấu sản lượng	Giá này chưa bao gồm chi phí vận chuyển. Địa điểm giao nhận hàng từ Công ty TNHH MTV Tường Thơ (Đc Nhà máy sản xuất: Lô C-02-1, KCN Đức Hoà, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, tỉnh Tây Ninh - Dt: 0985.731.759) tới chân công trình trong khu vực tỉnh Tây Ninh	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/07/2026 đến 31/12/2026)	Giá không đổi	7.231	7.231	7.231	7.231	7.231	7.231	7.231	7.231	7.231
1366	Sơn	SOGUN: Sơn nội thất cao cấp	thùng	QCVN 16:2023	đóng thùng	Công ty TNHH SX & TM Sơn Miền Trung. Đc: 01 Lê Trọng Tấn, phường An Khê, Đà Nẵng - Đt: 0935.068.706. Công văn đề nghị công bố giá số 2604191/SMT ngày 19/04/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Giao tận nơi	Mức giá có hiệu lực từ ngày 19/04/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	972.981	972.981	972.981	972.981	972.981	972.981	972.981	972.981	972.981
1367	Sơn	SOGUN: Sơn mịn nội thất cao cấp	thùng	QCVN 16:2023	đóng thùng	Công ty TNHH SX & TM Sơn Miền Trung. Đc: 01 Lê Trọng Tấn, phường An Khê, Đà Nẵng - Đt: 0935.068.706. Công văn đề nghị công bố giá số 2604191/SMT ngày 19/04/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Giao tận nơi	Mức giá có hiệu lực từ ngày 19/04/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	1.648.933	1.648.933	1.648.933	1.648.933	1.648.933	1.648.933	1.648.933	1.648.933	1.648.933
1368	Sơn	SOGUN: Sơn nội thất lau chùi hiệu quả	thùng	QCVN 16:2023	đóng thùng	Công ty TNHH SX & TM Sơn Miền Trung. Đc: 01 Lê Trọng Tấn, phường An Khê, Đà Nẵng - Đt: 0935.068.706. Công văn đề nghị công bố giá số 2604191/SMT ngày 19/04/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Giao tận nơi	Mức giá có hiệu lực từ ngày 19/04/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	2.764.511	2.764.511	2.764.511	2.764.511	2.764.511	2.764.511	2.764.511	2.764.511	2.764.511
1369	Sơn	SOGUN: Sơn siêu trắng trần	thùng	QCVN 16:2023	đóng thùng	Công ty TNHH SX & TM Sơn Miền Trung. Đc: 01 Lê Trọng Tấn, phường An Khê, Đà Nẵng - Đt: 0935.068.706. Công văn đề nghị công bố giá số 2604191/SMT ngày 19/04/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Giao tận nơi	Mức giá có hiệu lực từ ngày 19/04/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	1.805.398	1.805.398	1.805.398	1.805.398	1.805.398	1.805.398	1.805.398	1.805.398	1.805.398
1370	Sơn	SOGUN: Sơn bóng nội thất cao cấp	thùng	QCVN 16:2023	đóng thùng	Công ty TNHH SX & TM Sơn Miền Trung. Đc: 01 Lê Trọng Tấn, phường An Khê, Đà Nẵng - Đt: 0935.068.706. Công văn đề nghị công bố giá số 2604191/SMT ngày 19/04/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Giao tận nơi	Mức giá có hiệu lực từ ngày 19/04/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	3.950.511	3.950.511	3.950.511	3.950.511	3.950.511	3.950.511	3.950.511	3.950.511	3.950.511
1371	Sơn	SOGUN: Sơn lót kháng kiềm nội thất	thùng	QCVN 16:2023	đóng thùng	Công ty TNHH SX & TM Sơn Miền Trung. Đc: 01 Lê Trọng Tấn, phường An Khê, Đà Nẵng - Đt: 0935.068.706. Công văn đề nghị công bố giá số 2604191/SMT ngày 19/04/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Giao tận nơi	Mức giá có hiệu lực từ ngày 19/04/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	2.272.456	2.272.456	2.272.456	2.272.456	2.272.456	2.272.456	2.272.456	2.272.456	2.272.456
1372	Sơn	SOGUN: Sơn mịn ngoại thất cao cấp	thùng	QCVN 16:2023	đóng thùng	Công ty TNHH SX & TM Sơn Miền Trung. Đc: 01 Lê Trọng Tấn, phường An Khê, Đà Nẵng - Đt: 0935.068.706. Công văn đề nghị công bố giá số 2604191/SMT ngày 19/04/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Giao tận nơi	Mức giá có hiệu lực từ ngày 19/04/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	2.497.056	2.497.056	2.497.056	2.497.056	2.497.056	2.497.056	2.497.056	2.497.056	2.497.056
1373	Sơn	SOGUN: Sơn bóng mờ ngoại thất cao cấp	thùng	QCVN 16:2023	đóng thùng	Công ty TNHH SX & TM Sơn Miền Trung. Đc: 01 Lê Trọng Tấn, phường An Khê, Đà Nẵng - Đt: 0935.068.706. Công văn đề nghị công bố giá số 2604191/SMT ngày 19/04/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Giao tận nơi	Mức giá có hiệu lực từ ngày 19/04/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	3.068.000	3.068.000	3.068.000	3.068.000	3.068.000	3.068.000	3.068.000	3.068.000	3.068.000
1374	Sơn	SOGUN: Sơn bóng ngoại thất cao cấp	thùng	QCVN 16:2023	đóng thùng	Công ty TNHH SX & TM Sơn Miền Trung. Đc: 01 Lê Trọng Tấn, phường An Khê, Đà Nẵng - Đt: 0935.068.706. Công văn đề nghị công bố giá số 2604191/SMT ngày 19/04/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Giao tận nơi	Mức giá có hiệu lực từ ngày 19/04/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	4.365.667	4.365.667	4.365.667	4.365.667	4.365.667	4.365.667	4.365.667	4.365.667	4.365.667
1375	Sơn	SOGUN: Sơn chống thấm trong suốt	thùng	QCVN 16:2023	đóng thùng	Công ty TNHH SX & TM Sơn Miền Trung. Đc: 01 Lê Trọng Tấn, phường An Khê, Đà Nẵng - Đt: 0935.068.706. Công văn đề nghị công bố giá số 2604191/SMT ngày 19/04/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Giao tận nơi	Mức giá có hiệu lực từ ngày 19/04/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	5.833.533	5.833.533	5.833.533	5.833.533	5.833.533	5.833.533	5.833.533	5.833.533	5.833.533
1376	Sơn	SOGUN: Sơn chống thấm hệ xi măng đa năng	thùng	QCVN 16:2023	đóng thùng	Công ty TNHH SX & TM Sơn Miền Trung. Đc: 01 Lê Trọng Tấn, phường An Khê, Đà Nẵng - Đt: 0935.068.706. Công văn đề nghị công bố giá số 2604191/SMT ngày 19/04/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Giao tận nơi	Mức giá có hiệu lực từ ngày 19/04/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	3.465.482	3.465.482	3.465.482	3.465.482	3.465.482	3.465.482	3.465.482	3.465.482	3.465.482
1377	Sơn	SOGUN: Sơn chống thấm màu hiệu quả	thùng	QCVN 16:2023	đóng thùng	Công ty TNHH SX & TM Sơn Miền Trung. Đc: 01 Lê Trọng Tấn, phường An Khê, Đà Nẵng - Đt: 0935.068.706. Công văn đề nghị công bố giá số 2604191/SMT ngày 19/04/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Giao tận nơi	Mức giá có hiệu lực từ ngày 19/04/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	4.865.511	4.865.511	4.865.511	4.865.511	4.865.511	4.865.511	4.865.511	4.865.511	4.865.511
1378	Sơn	SOGUN: Sơn lót kháng kiềm ngoại thất	thùng	QCVN 16:2023	đóng thùng	Công ty TNHH SX & TM Sơn Miền Trung. Đc: 01 Lê Trọng Tấn, phường An Khê, Đà Nẵng - Đt: 0935.068.706. Công văn đề nghị công bố giá số 2604191/SMT ngày 19/04/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Giao tận nơi	Mức giá có hiệu lực từ ngày 19/04/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	2.511.778	2.511.778	2.511.778	2.511.778	2.511.778	2.511.778	2.511.778	2.511.778	2.511.778
1379	Sơn	SOGUN: Sơn lót kháng kiềm ngoại thất nano	thùng	QCVN 16:2023	đóng thùng	Công ty TNHH SX & TM Sơn Miền Trung. Đc: 01 Lê Trọng Tấn, phường An Khê, Đà Nẵng - Đt: 0935.068.706. Công văn đề nghị công bố giá số 2604191/SMT ngày 19/04/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Giao tận nơi	Mức giá có hiệu lực từ ngày 19/04/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	3.455.222	3.455.222	3.455.222	3.455.222	3.455.222	3.455.222	3.455.222	3.455.222	3.455.222
1380	Sơn	Bột bả nội thất	bao	TCVN 7239:2014	đóng bao	Công ty TNHH SX & TM Sơn Miền Trung. Đc: 01 Lê Trọng Tấn, phường An Khê, Đà Nẵng - Đt: 0935.068.706. Công văn đề nghị công bố giá số 2604191/SMT ngày 19/04/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Giao tận nơi	Mức giá có hiệu lực từ ngày 19/04/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	538.867	538.867	538.867	538.867	538.867	538.867	538.867	538.867	538.867
1381	Sơn	Bột bả ngoại thất	bao	TCVN 7239:2014	đóng bao	Công ty TNHH SX & TM Sơn Miền Trung. Đc: 01 Lê Trọng Tấn, phường An Khê, Đà Nẵng - Đt: 0935.068.706. Công văn đề nghị công bố giá số 2604191/SMT ngày 19/04/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Giao tận nơi	Mức giá có hiệu lực từ ngày 19/04/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	646.378	646.378	646.378	646.378	646.378	646.378	646.378	646.378	646.378
1382	Sơn	Sơn phủ Nano đa năng bóng cao cấp KN S8-99A	thùng		thùng 15 lít	Công ty TNHH Sơn Kova Nano Quốc Tế. Đc: số 91/22 đường Nguyễn Trung Trực, KP3, xã Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh. Đt: 090 7777 589. Công văn đề nghị công bố giá số 01/KNV	Việt Nam	Không có thông tin	Bao vận chuyển toàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá có hiệu lực từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	6.362.000	6.362.000	6.362.000	6.362.000	6.362.000	6.362.000	6.362.000	6.362.000	6.362.000
1383	Sơn	Sơn phủ Nano đa năng Bóng KN S8-68B	thùng		thùng 15 lít	Công ty TNHH Sơn Kova Nano Quốc Tế. Đc: số 91/22 đường Nguyễn Trung Trực, KP3, xã Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh. Đt: 090 7777 589. Công văn đề nghị công bố giá số 01/KNV	Việt Nam	Không có thông tin	Bao vận chuyển toàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá có hiệu lực từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	5.738.000	5.738.000	5.738.000	5.738.000	5.738.000	5.738.000	5.738.000	5.738.000	5.738.000

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)(đồng)								
												Khu vực TP. Tây Ninh	Khu vực TX.Trảng Bàng	Khu vực TX. Hoà Thành	Khu vực H.Tân Biên	Khu vực H.Tân Châu	Khu vực H. Châu Thành	Khu vực H.Dương Minh Châu	Khu vực H. Bến Cầu	Khu vực H. Gò Dầu
1384	Sơn	Sơn phủ Nano đa năng Bóng mờ KN S8-68M	thùng		thùng 15 lít	Công ty TNHH Sơn Kova Nano Quốc Tế. Đc: số 91/22 đường Nguyễn Trung Trực, KP3, xã Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh. Đt: 090 7777 589. Công văn đề nghị công bố giá số 01/KNV	Việt Nam	Không có thông tin	Bao vận chuyển toàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá có hiệu lực từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	4.897.000	4.897.000	4.897.000	4.897.000	4.897.000	4.897.000	4.897.000	4.897.000	4.897.000
1385	Sơn	Sơn phủ Nano chống thấm pha màu KN S8-88N	thùng		thùng 15 lít	Công ty TNHH Sơn Kova Nano Quốc Tế. Đc: số 91/22 đường Nguyễn Trung Trực, KP3, xã Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh. Đt: 090 7777 589. Công văn đề nghị công bố giá số 01/KNV	Việt Nam	Không có thông tin	Bao vận chuyển toàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá có hiệu lực từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	4.145.000	4.145.000	4.145.000	4.145.000	4.145.000	4.145.000	4.145.000	4.145.000	4.145.000
1386	Sơn	Sơn phủ Nano kháng khuẩn Bóng mờ KN S8-26BM	thùng		thùng 15 lít	Công ty TNHH Sơn Kova Nano Quốc Tế. Đc: số 91/22 đường Nguyễn Trung Trực, KP3, xã Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh. Đt: 090 7777 589. Công văn đề nghị công bố giá số 01/KNV	Việt Nam	Không có thông tin	Bao vận chuyển toàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá có hiệu lực từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	1.791.000	1.791.000	1.791.000	1.791.000	1.791.000	1.791.000	1.791.000	1.791.000	1.791.000
1387	Sơn	Sơn phủ nano đa năng Bóng Nội thất KN S8-99B	thùng		thùng 15 lít	Công ty TNHH Sơn Kova Nano Quốc Tế. Đc: số 91/22 đường Nguyễn Trung Trực, KP3, xã Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh. Đt: 090 7777 589. Công văn đề nghị công bố giá số 01/KNV	Việt Nam	Không có thông tin	Bao vận chuyển toàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá có hiệu lực từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	5.421.000	5.421.000	5.421.000	5.421.000	5.421.000	5.421.000	5.421.000	5.421.000	5.421.000
1388	Sơn	Sơn phủ Nano lau chùi Nội thất KN S8-66E	thùng		thùng 15 lít	Công ty TNHH Sơn Kova Nano Quốc Tế. Đc: số 91/22 đường Nguyễn Trung Trực, KP3, xã Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh. Đt: 090 7777 589. Công văn đề nghị công bố giá số 01/KNV	Việt Nam	Không có thông tin	Bao vận chuyển toàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá có hiệu lực từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	2.474.000	2.474.000	2.474.000	2.474.000	2.474.000	2.474.000	2.474.000	2.474.000	2.474.000
1389	Sơn	Sơn phủ Nano Nội & Ngoại thất Tiêu chuẩn KN S8-22M	thùng		thùng 15 lít	Công ty TNHH Sơn Kova Nano Quốc Tế. Đc: số 91/22 đường Nguyễn Trung Trực, KP3, xã Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh. Đt: 090 7777 589. Công văn đề nghị công bố giá số 01/KNV	Việt Nam	Không có thông tin	Bao vận chuyển toàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá có hiệu lực từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	1.217.000	1.217.000	1.217.000	1.217.000	1.217.000	1.217.000	1.217.000	1.217.000	1.217.000
1390	Sơn	Bột bả tường gốc xi măng pooc lăng - Matit Nano Cao cấp Ngoại thất KN MT-01	bao		25kg/bao	Công ty TNHH Sơn Kova Nano Quốc Tế. Đc: số 91/22 đường Nguyễn Trung Trực, KP3, xã Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh. Đt: 090 7777 589. Công văn đề nghị công bố giá số 01/KNV	Việt Nam	Không có thông tin	Bao vận chuyển toàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá có hiệu lực từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	446.000	446.000	446.000	446.000	446.000	446.000	446.000	446.000	446.000
1391	Sơn	Matit Nano Cao cấp Nội thất KN MT-02	bao		25kg/bao	Công ty TNHH Sơn Kova Nano Quốc Tế. Đc: số 91/22 đường Nguyễn Trung Trực, KP3, xã Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh. Đt: 090 7777 589. Công văn đề nghị công bố giá số 01/KNV	Việt Nam	Không có thông tin	Bao vận chuyển toàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá có hiệu lực từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	406.000	406.000	406.000	406.000	406.000	406.000	406.000	406.000	406.000
1392	Sơn	Mastic dẻo Kova Nano Đa năng KN-D3	thùng		thùng 25 kg	Công ty TNHH Sơn Kova Nano Quốc Tế. Đc: số 91/22 đường Nguyễn Trung Trực, KP3, xã Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh. Đt: 090 7777 589. Công văn đề nghị công bố giá số 01/KNV	Việt Nam	Không có thông tin	Bao vận chuyển toàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá có hiệu lực từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	840.000	840.000	840.000	840.000	840.000	840.000	840.000	840.000	840.000
1393	Sơn	Chống thấm Nano pha xi măng KN CT-16AXM-S				Công ty TNHH Sơn Kova Nano Quốc Tế. Đc: số 91/22 đường Nguyễn Trung Trực, KP3, xã Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh. Đt: 090 7777 589. Công văn đề nghị công bố giá số 01/KNV	Việt Nam	Không có thông tin	Bao vận chuyển toàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá có hiệu lực từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	3.116.000	3.116.000	3.116.000	3.116.000	3.116.000	3.116.000	3.116.000	3.116.000	3.116.000
1394	Sơn	Chống thấm Nano pha xi măng KN CT-16AXM-T	thùng		thùng 15 lít	Công ty TNHH Sơn Kova Nano Quốc Tế. Đc: số 91/22 đường Nguyễn Trung Trực, KP3, xã Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh. Đt: 090 7777 589. Công văn đề nghị công bố giá số 01/KNV	Việt Nam	Không có thông tin	Bao vận chuyển toàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá có hiệu lực từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	3.393.000	3.393.000	3.393.000	3.393.000	3.393.000	3.393.000	3.393.000	3.393.000	3.393.000
1395	Sơn	Chống thấm Nano trong suốt KN CT-16A CLEAR	thùng		thùng 15 lít	Công ty TNHH Sơn Kova Nano Quốc Tế. Đc: số 91/22 đường Nguyễn Trung Trực, KP3, xã Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh. Đt: 090 7777 589. Công văn đề nghị công bố giá số 01/KNV	Việt Nam	Không có thông tin	Bao vận chuyển toàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá có hiệu lực từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	3.275.000	3.275.000	3.275.000	3.275.000	3.275.000	3.275.000	3.275.000	3.275.000	3.275.000
1396	Sơn	Chống thấm Nano trong suốt Đặc biệt KN CT-16A CLEAR- DB	thùng		thùng 15 lít	Công ty TNHH Sơn Kova Nano Quốc Tế. Đc: số 91/22 đường Nguyễn Trung Trực, KP3, xã Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh. Đt: 090 7777 589. Công văn đề nghị công bố giá số 01/KNV	Việt Nam	Không có thông tin	Bao vận chuyển toàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá có hiệu lực từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	3.775.000	3.775.000	3.775.000	3.775.000	3.775.000	3.775.000	3.775.000	3.775.000	3.775.000
1397	Sơn	Sơn lót Nano đa năng KN- SIĐN	thùng		thùng 15 lít	Công ty TNHH Sơn Kova Nano Quốc Tế. Đc: số 91/22 đường Nguyễn Trung Trực, KP3, xã Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh. Đt: 090 7777 589. Công văn đề nghị công bố giá số 01/KNV	Việt Nam	Không có thông tin	Bao vận chuyển toàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá có hiệu lực từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	5.896.000	5.896.000	5.896.000	5.896.000	5.896.000	5.896.000	5.896.000	5.896.000	5.896.000
1398	Sơn	Sơn lót Nano chống kiềm đa năng KN S1-LCK	thùng		thùng 15 lít	Công ty TNHH Sơn Kova Nano Quốc Tế. Đc: số 91/22 đường Nguyễn Trung Trực, KP3, xã Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh. Đt: 090 7777 589. Công văn đề nghị công bố giá số 01/KNV	Việt Nam	Không có thông tin	Bao vận chuyển toàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá có hiệu lực từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	2.750.000	2.750.000	2.750.000	2.750.000	2.750.000	2.750.000	2.750.000	2.750.000	2.750.000
1399	Sơn	Sơn lót Nano Nội & Ngoại thất Tiêu chuẩn KN SI-TC	thùng		thùng 15 lít	Công ty TNHH Sơn Kova Nano Quốc Tế. Đc: số 91/22 đường Nguyễn Trung Trực, KP3, xã Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh. Đt: 090 7777 589. Công văn đề nghị công bố giá số 01/KNV	Việt Nam	Không có thông tin	Bao vận chuyển toàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá có hiệu lực từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	1.950.000	1.950.000	1.950.000	1.950.000	1.950.000	1.950.000	1.950.000	1.950.000	1.950.000
1400	Sơn	Sơn phủ Nano chống nóng- Hệ nước 1 thành phần dùng cho mái tole & tường nhà xưởng KN S6	kg		bộ 5kg	Công ty TNHH Sơn Kova Nano Quốc Tế. Đc: số 91/22 đường Nguyễn Trung Trực, KP3, xã Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh. Đt: 090 7777 589. Công văn đề nghị công bố giá số 01/KNV	Việt Nam	Không có thông tin	Bao vận chuyển toàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá có hiệu lực từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	5.692.000	5.692.000	5.692.000	5.692.000	5.692.000	5.692.000	5.692.000	5.692.000	5.692.000
1401	Sơn	Keo epoxy nano Mastic KL5-01	lít		bộ 5lít	Công ty TNHH Sơn Kova Nano Quốc Tế. Đc: số 91/22 đường Nguyễn Trung Trực, KP3, xã Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh. Đt: 090 7777 589. Công văn đề nghị công bố giá số 01/KNV	Việt Nam	Không có thông tin	Bao vận chuyển toàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá có hiệu lực từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	653.000	653.000	653.000	653.000	653.000	653.000	653.000	653.000	653.000
1402	Sơn	Sơn lót Nano Epoxy tự dàn trải KL5-02	lít		bộ 5lít	Công ty TNHH Sơn Kova Nano Quốc Tế. Đc: số 91/22 đường Nguyễn Trung Trực, KP3, xã Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh. Đt: 090 7777 589. Công văn đề nghị công bố giá số 01/KNV	Việt Nam	Không có thông tin	Bao vận chuyển toàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá có hiệu lực từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	653.000	653.000	653.000	653.000	653.000	653.000	653.000	653.000	653.000
1403	Sơn	Sơn lót Nano chống gỉ Epoxy dành cho bề mặt Sắt, Thép Kim loại KL5-04	lít		bộ 5lít	Công ty TNHH Sơn Kova Nano Quốc Tế. Đc: số 91/22 đường Nguyễn Trung Trực, KP3, xã Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh. Đt: 090 7777 589. Công văn đề nghị công bố giá số 01/KNV	Việt Nam	Không có thông tin	Bao vận chuyển toàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá có hiệu lực từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	1.639.000	1.639.000	1.639.000	1.639.000	1.639.000	1.639.000	1.639.000	1.639.000	1.639.000
1404	Sơn	Sơn phủ Nano Epoxy kim loại & tàu biển KL5-05	lít		bộ 5lít	Công ty TNHH Sơn Kova Nano Quốc Tế. Đc: số 91/22 đường Nguyễn Trung Trực, KP3, xã Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh. Đt: 090 7777 589. Công văn đề nghị công bố giá số 01/KNV	Việt Nam	Không có thông tin	Bao vận chuyển toàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá có hiệu lực từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	1.787.000	1.787.000	1.787.000	1.787.000	1.787.000	1.787.000	1.787.000	1.787.000	1.787.000
1405	Sơn	Sơn Nano giao thông không phản quang KN-GT02 (vàng, đỏ)	lít		thùng 15 lít	Công ty TNHH Sơn Kova Nano Quốc Tế. Đc: số 91/22 đường Nguyễn Trung Trực, KP3, xã Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh. Đt: 090 7777 589. Công văn đề nghị công bố giá số 01/KNV	Việt Nam	Không có thông tin	Bao vận chuyển toàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá có hiệu lực từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	5.380.000	5.380.000	5.380.000	5.380.000	5.380.000	5.380.000	5.380.000	5.380.000	5.380.000
1406	Sơn	Sơn Nano viết bảng KN-WB	kg		Thùng 5kg	Công ty TNHH Sơn Kova Nano Quốc Tế. Đc: số 91/22 đường Nguyễn Trung Trực, KP3, xã Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh. Đt: 090 7777 589. Công văn đề nghị công bố giá số 01/KNV	Việt Nam	Không có thông tin	Bao vận chuyển toàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá có hiệu lực từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	2.572.000	2.572.000	2.572.000	2.572.000	2.572.000	2.572.000	2.572.000	2.572.000	2.572.000
1407	Sơn	Sơn Phủ nano Kháng khuẩn KN DB-KK	lít		thùng 15 lít	Công ty TNHH Sơn Kova Nano Quốc Tế. Đc: số 91/22 đường Nguyễn Trung Trực, KP3, xã Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh. Đt: 090 7777 589. Công văn đề nghị công bố giá số 01/KNV	Việt Nam	Không có thông tin	Bao vận chuyển toàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá có hiệu lực từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	6.173.000	6.173.000	6.173.000	6.173.000	6.173.000	6.173.000	6.173.000	6.173.000	6.173.000
1408	Sơn	Sơn phủ Nano Tự làm sạch KN DB-TLS	lít		thùng 15 lít	Công ty TNHH Sơn Kova Nano Quốc Tế. Đc: số 91/22 đường Nguyễn Trung Trực, KP3, xã Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh. Đt: 090 7777 589. Công văn đề nghị công bố giá số 01/KNV	Việt Nam	Không có thông tin	Bao vận chuyển toàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá có hiệu lực từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	6.173.000	6.173.000	6.173.000	6.173.000	6.173.000	6.173.000	6.173.000	6.173.000	6.173.000

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)(đồng)								
												Khu vực TP. Tây Ninh	Khu vực TX.Trảng Bàng	Khu vực TX. Hoà Thành	Khu vực H.Tân Biên	Khu vực H.Tân Châu	Khu vực H. Châu Thành	Khu vực H.Dương Minh Châu	Khu vực H. Bến Cầu	Khu vực H. Gò Dầu
1409	Sơn	Sơn giao thông phản quang nhiệt dẻo (nhãn hiệu SIC)- Màu trắng	kg	TCVN 8791:2011	bao 25kg	Công ty CP ĐT XD TM SIC. Đc: Thanh Mỹ Tây, TP.HCM - Dt: 0911 026 996. Công văn đề nghị công bố giá số 1007.2/2026/SIC-SXD ngày 10/07/2026	Việt Nam	Theo thoả thuận	Giá bán tại nhà máy, địa chỉ: 1488 Đồng Khởi, P.Trảng Dài, TP.Đồng Nai	Mức giá có hiệu lực từ ngày 10/07/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	25.500	25.500	25.500	25.500	25.500	25.500	25.500	25.500	25.500
1410	Sơn	Sơn giao thông phản quang nhiệt dẻo (nhãn hiệu SIC)- Màu vàng	kg	TCVN 8791:2011	bao 25kg	Công ty CP ĐT XD TM SIC. Đc: Thanh Mỹ Tây, TP.HCM - Dt: 0911 026 996. Công văn đề nghị công bố giá số 1007.2/2026/SIC-SXD ngày 10/07/2026	Việt Nam	Theo thoả thuận	Giá bán tại nhà máy, địa chỉ: 1488 Đồng Khởi, P.Trảng Dài, TP.Đồng Nai	Mức giá có hiệu lực từ ngày 10/07/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	26.000	26.000	26.000	26.000	26.000	26.000	26.000	26.000	26.000
1411	Sơn	Sơn giao thông phản quang nhiệt dẻo làm gờ giảm tốc /sơn gỗ (nhãn hiệu SIC)- Màu trắng	kg	TCVN 8791:2011	bao 25kg	Công ty CP ĐT XD TM SIC. Đc: Thanh Mỹ Tây, TP.HCM - Dt: 0911 026 996. Công văn đề nghị công bố giá số 1007.2/2026/SIC-SXD ngày 10/07/2026	Việt Nam	Theo thoả thuận	Giá bán tại nhà máy, địa chỉ: 1488 Đồng Khởi, P.Trảng Dài, TP.Đồng Nai	Mức giá có hiệu lực từ ngày 10/07/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	25.500	25.500	25.500	25.500	25.500	25.500	25.500	25.500	25.500
1412	Sơn	Sơn giao thông phản quang nhiệt dẻo làm gờ giảm tốc /sơn gỗ (nhãn hiệu SIC)- Màu vàng	kg	TCVN 8791:2011	bao 25kg	Công ty CP ĐT XD TM SIC. Đc: Thanh Mỹ Tây, TP.HCM - Dt: 0911 026 996. Công văn đề nghị công bố giá số 1007.2/2026/SIC-SXD ngày 10/07/2026	Việt Nam	Theo thoả thuận	Giá bán tại nhà máy, địa chỉ: 1488 Đồng Khởi, P.Trảng Dài, TP.Đồng Nai	Mức giá có hiệu lực từ ngày 10/07/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	26.000	26.000	26.000	26.000	26.000	26.000	26.000	26.000	26.000
1413	Sơn	Sơn giao thông hệ nước W02 (thần hiệu SIC)	kg	TCVN 8786:2011	thùng 5kg, 20kg	Công ty CP ĐT XD TM SIC. Đc: Thanh Mỹ Tây, TP.HCM - Dt: 0911 026 996. Công văn đề nghị công bố giá số 1007.2/2026/SIC-SXD ngày 10/07/2026	Việt Nam	Theo thoả thuận	Giá bán tại nhà máy, địa chỉ: 1488 Đồng Khởi, P.Trảng Dài, TP.Đồng Nai	Mức giá có hiệu lực từ ngày 10/07/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	85.000	85.000	85.000	85.000	85.000	85.000	85.000	85.000	85.000
1414	Sơn	Keo lót cho sơn kẻ đường (nhãn hiệu SIC)	kg	TCVN 8787:2011	thùng 16 kg	Công ty CP ĐT XD TM SIC. Đc: Thanh Mỹ Tây, TP.HCM - Dt: 0911 026 996. Công văn đề nghị công bố giá số 1007.2/2026/SIC-SXD ngày 10/07/2026	Việt Nam	Theo thoả thuận	Giá bán tại nhà máy, địa chỉ: 1488 Đồng Khởi, P.Trảng Dài, TP.Đồng Nai	Mức giá có hiệu lực từ ngày 10/07/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	80.000	80.000	80.000	80.000	80.000	80.000	80.000	80.000	80.000
1415	Sơn	Bột trét tường nội thất cao cấp	kg	TCVN 7239:2014	bao 40kg	Công ty CP ĐT XD TM SIC. Đc: Thanh Mỹ Tây, TP.HCM - Dt: 0911 026 996. Công văn đề nghị công bố giá số 1007.2/2026/SIC-SXD ngày 10/07/2026	Việt Nam	Theo thoả thuận	Giá bán tại nhà máy, địa chỉ: 1488 Đồng Khởi, P.Trảng Dài, TP.Đồng Nai	Mức giá có hiệu lực từ ngày 10/07/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	4.700	4.700	4.700	4.700	4.700	4.700	4.700	4.700	4.700
1416	Sơn	Bột trét tường ngoại thất cao cấp	kg	TCVN 7239:2014	bao 40kg	Công ty CP ĐT XD TM SIC. Đc: Thanh Mỹ Tây, TP.HCM - Dt: 0911 026 996. Công văn đề nghị công bố giá số 1007.2/2026/SIC-SXD ngày 10/07/2026	Việt Nam	Theo thoả thuận	Giá bán tại nhà máy, địa chỉ: 1488 Đồng Khởi, P.Trảng Dài, TP.Đồng Nai	Mức giá có hiệu lực từ ngày 10/07/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	5.000	5.000	5.000	5.000	5.000	5.000	5.000	5.000	5.000
1417	Sơn	Sơn lót chống kiềm nội thất	lít	QCVN 16:2019/BXD	thùng 5L, 18L	Công ty CP ĐT XD TM SIC. Đc: Thanh Mỹ Tây, TP.HCM - Dt: 0911 026 996. Công văn đề nghị công bố giá số 1007.2/2026/SIC-SXD ngày 10/07/2026	Việt Nam	Theo thoả thuận	Giá bán tại nhà máy, địa chỉ: 1488 Đồng Khởi, P.Trảng Dài, TP.Đồng Nai	Mức giá có hiệu lực từ ngày 10/07/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	44.000	44.000	44.000	44.000	44.000	44.000	44.000	44.000	44.000
1418	Sơn	Sơn lót chống kiềm ngoại thất	lít	QCVN 16:2019/BXD	thùng 5L, 18L	Công ty CP ĐT XD TM SIC. Đc: Thanh Mỹ Tây, TP.HCM - Dt: 0911 026 996. Công văn đề nghị công bố giá số 1007.2/2026/SIC-SXD ngày 10/07/2026	Việt Nam	Theo thoả thuận	Giá bán tại nhà máy, địa chỉ: 1488 Đồng Khởi, P.Trảng Dài, TP.Đồng Nai	Mức giá có hiệu lực từ ngày 10/07/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	50.000	50.000	50.000	50.000	50.000	50.000	50.000	50.000	50.000
1419	Sơn	Sơn nước nội thất S-Light chống nấm mốc	lít	QCVN 16:2019/BXD	thùng 5L, 18L	Công ty CP ĐT XD TM SIC. Đc: Thanh Mỹ Tây, TP.HCM - Dt: 0911 026 996. Công văn đề nghị công bố giá số 1007.2/2026/SIC-SXD ngày 10/07/2026	Việt Nam	Theo thoả thuận	Giá bán tại nhà máy, địa chỉ: 1488 Đồng Khởi, P.Trảng Dài, TP.Đồng Nai	Mức giá có hiệu lực từ ngày 10/07/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	40.000	40.000	40.000	40.000	40.000	40.000	40.000	40.000	40.000
1420	Sơn	Sơn nước nội thất cao cấp SIC INTERIOR dễ lau chùi	lít	QCVN 16:2019/BXD	thùng 5L, 18L	Công ty CP ĐT XD TM SIC. Đc: Thanh Mỹ Tây, TP.HCM - Dt: 0911 026 996. Công văn đề nghị công bố giá số 1007.2/2026/SIC-SXD ngày 10/07/2026	Việt Nam	Theo thoả thuận	Giá bán tại nhà máy, địa chỉ: 1488 Đồng Khởi, P.Trảng Dài, TP.Đồng Nai	Mức giá có hiệu lực từ ngày 10/07/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	70.000	70.000	70.000	70.000	70.000	70.000	70.000	70.000	70.000
1421	Sơn	Sơn nước ngoại thất cao cấp SIC EXTERIOR che phủ vết nứt	lít	QCVN 16:2019/BXD	thùng 5L, 18L	Công ty CP ĐT XD TM SIC. Đc: Thanh Mỹ Tây, TP.HCM - Dt: 0911 026 996. Công văn đề nghị công bố giá số 1007.2/2026/SIC-SXD ngày 10/07/2026	Việt Nam	Theo thoả thuận	Giá bán tại nhà máy, địa chỉ: 1488 Đồng Khởi, P.Trảng Dài, TP.Đồng Nai	Mức giá có hiệu lực từ ngày 10/07/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	117.000	117.000	117.000	117.000	117.000	117.000	117.000	117.000	117.000
1422	Sơn	Sơn nước ngoại thất cao cấp SIC SUPER EXTERIOR sạch vượt trội	lít	QCVN 16:2019/BXD	thùng 5L, 18L	Công ty CP ĐT XD TM SIC. Đc: Thanh Mỹ Tây, TP.HCM - Dt: 0911 026 996. Công văn đề nghị công bố giá số 1007.2/2026/SIC-SXD ngày 10/07/2026	Việt Nam	Theo thoả thuận	Giá bán tại nhà máy, địa chỉ: 1488 Đồng Khởi, P.Trảng Dài, TP.Đồng Nai	Mức giá có hiệu lực từ ngày 10/07/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	80.000	80.000	80.000	80.000	80.000	80.000	80.000	80.000	80.000
1423	Sơn	Sơn nước ngoại thất cao cấp SIC WEATHER SHIELD bền màu tối ưu	lít	QCVN 16:2019/BXD	thùng 5L, 18L	Công ty CP ĐT XD TM SIC. Đc: Thanh Mỹ Tây, TP.HCM - Dt: 0911 026 996. Công văn đề nghị công bố giá số 1007.2/2026/SIC-SXD ngày 10/07/2026	Việt Nam	Theo thoả thuận	Giá bán tại nhà máy, địa chỉ: 1488 Đồng Khởi, P.Trảng Dài, TP.Đồng Nai	Mức giá có hiệu lực từ ngày 10/07/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	129.000	129.000	129.000	129.000	129.000	129.000	129.000	129.000	129.000
1424	Sơn	Bột bả nội thất cao cấp J01	kg	TCVN 7239:2019	bao 40kg	Công ty CP Công nghệ xanh JINI Việt Nam. Đc nhà máy sản xuất ấp Bình Tiền 2, xã Đức Hoà, Tây Ninh -Dt: 0965413319. Công văn đề nghị công bố giá số 107/TPHCM-JINI ngày 10/07/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Đơn giá tại nhà máy	Từ ngày 10/07/2026 đến 10/01/2027	Bổ sung mới	8.300	8.300	8.300	8.300	8.300	8.300	8.300	8.300	8.300
1425	Sơn	Bột bả ngoại thất cao cấp J02	kg	TCVN 7239:2019	bao 40kg	Công ty CP Công nghệ xanh JINI Việt Nam. Đc nhà máy sản xuất ấp Bình Tiền 2, xã Đức Hoà, Tây Ninh -Dt: 0965413319. Công văn đề nghị công bố giá số 107/TPHCM-JINI ngày 10/07/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Đơn giá tại nhà máy	Từ ngày 10/07/2026 đến 10/01/2027	Bổ sung mới	10.900	10.900	10.900	10.900	10.900	10.900	10.900	10.900	10.900
1426	Sơn	Sơn siêu mịn nội thất cao cấp N800	lít	QCVN 16:2023/BXD	thùng 18 lít	Công ty CP Công nghệ xanh JINI Việt Nam. Đc nhà máy sản xuất ấp Bình Tiền 2, xã Đức Hoà, Tây Ninh -Dt: 0965413319. Công văn đề nghị công bố giá số 107/TPHCM-JINI ngày 10/07/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Đơn giá tại nhà máy	Từ ngày 10/07/2026 đến 10/01/2027	Bổ sung mới	55.400	55.400	55.400	55.400	55.400	55.400	55.400	55.400	55.400
1427	Sơn	Sơn siêu mịn nội thất lau chùi cao cấp J67	lít	QCVN 16:2023/BXD	thùng 18 lít	Công ty CP Công nghệ xanh JINI Việt Nam. Đc nhà máy sản xuất ấp Bình Tiền 2, xã Đức Hoà, Tây Ninh -Dt: 0965413319. Công văn đề nghị công bố giá số 107/TPHCM-JINI ngày 10/07/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Đơn giá tại nhà máy	Từ ngày 10/07/2026 đến 10/01/2027	Bổ sung mới	138.500	138.500	138.500	138.500	138.500	138.500	138.500	138.500	138.500
1428	Sơn	Sơn bóng semi nội thất cao cấp J68	lít	QCVN 16:2023/BXD	thùng 18 lít	Công ty CP Công nghệ xanh JINI Việt Nam. Đc nhà máy sản xuất ấp Bình Tiền 2, xã Đức Hoà, Tây Ninh -Dt: 0965413319. Công văn đề nghị công bố giá số 107/TPHCM-JINI ngày 10/07/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Đơn giá tại nhà máy	Từ ngày 10/07/2026 đến 10/01/2027	Bổ sung mới	199.200	199.200	199.200	199.200	199.200	199.200	199.200	199.200	199.200
1429	Sơn	Sơn siêu bóng nội thất cao cấp 7 in 1 men sứ J69	lít	QCVN 16:2023/BXD	thùng 18 lít	Công ty CP Công nghệ xanh JINI Việt Nam. Đc nhà máy sản xuất ấp Bình Tiền 2, xã Đức Hoà, Tây Ninh -Dt: 0965413319. Công văn đề nghị công bố giá số 107/TPHCM-JINI ngày 10/07/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Đơn giá tại nhà máy	Từ ngày 10/07/2026 đến 10/01/2027	Bổ sung mới	265.000	265.000	265.000	265.000	265.000	265.000	265.000	265.000	265.000
1430	Sơn	Sơn siêu trắng trần nội thất cao cấp J66	lít	QCVN 16:2023/BXD	thùng 18 lít	Công ty CP Công nghệ xanh JINI Việt Nam. Đc nhà máy sản xuất ấp Bình Tiền 2, xã Đức Hoà, Tây Ninh -Dt: 0965413319. Công văn đề nghị công bố giá số 107/TPHCM-JINI ngày 10/07/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Đơn giá tại nhà máy	Từ ngày 10/07/2026 đến 10/01/2027	Bổ sung mới	106.100	106.100	106.100	106.100	106.100	106.100	106.100	106.100	106.100
1431	Sơn	Sơn siêu mịn ngoại thất cao cấp N810	lít	QCVN 16:2023/BXD	thùng 18 lít	Công ty CP Công nghệ xanh JINI Việt Nam. Đc nhà máy sản xuất ấp Bình Tiền 2, xã Đức Hoà, Tây Ninh -Dt: 0965413319. Công văn đề nghị công bố giá số 107/TPHCM-JINI ngày 10/07/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Đơn giá tại nhà máy	Từ ngày 10/07/2026 đến 10/01/2027	Bổ sung mới	123.800	123.800	123.800	123.800	123.800	123.800	123.800	123.800	123.800
1432	Sơn	Sơn bóng ngoại thất cao cấp J35	lít	QCVN 16:2023/BXD	thùng 18 lít	Công ty CP Công nghệ xanh JINI Việt Nam. Đc nhà máy sản xuất ấp Bình Tiền 2, xã Đức Hoà, Tây Ninh -Dt: 0965413319. Công văn đề nghị công bố giá số 107/TPHCM-JINI ngày 10/07/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Đơn giá tại nhà máy	Từ ngày 10/07/2026 đến 10/01/2027	Bổ sung mới	258.900	258.900	258.900	258.900	258.900	258.900	258.900	258.900	258.900
1433	Sơn	Sơn siêu bóng ngoại thất cao cấp 8 in 1 men sứ J86	lít	QCVN 16:2023/BXD	thùng 18 lít	Công ty CP Công nghệ xanh JINI Việt Nam. Đc nhà máy sản xuất ấp Bình Tiền 2, xã Đức Hoà, Tây Ninh -Dt: 0965413319. Công văn đề nghị công bố giá số 107/TPHCM-JINI ngày 10/07/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Đơn giá tại nhà máy	Từ ngày 10/07/2026 đến 10/01/2027	Bổ sung mới	304.800	304.800	304.800	304.800	304.800	304.800	304.800	304.800	304.800

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)(đồng)								
												Khu vực TP. Tây Ninh	Khu vực TX.Trảng Bàng	Khu vực TX. Hoà Thành	Khu vực H.Tân Biên	Khu vực H.Tân Châu	Khu vực H. Châu Thành	Khu vực H.Dương Minh Châu	Khu vực H. Bến Cầu	Khu vực H. Gò Dầu
1434	Sơn	Sơn lau chùi hiệu quả ngoại thất cao cấp J87	lít	QCVN 16:2023/BXD	thùng 15 lít	Công ty CP Công nghệ xanh JINI Việt Nam. Đc nhà máy sản xuất ấp Bình Tiền 2, xã Đức Hoà, Tây Ninh -Đt: 0965413319. Công văn đề nghị công bố giá số 107/TPHCM-JINI ngày 10/07/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Đơn giá tại nhà máy	Từ ngày 10/07/2026 đến 10/01/2027	Bổ sung mới	206.200	206.200	206.200	206.200	206.200	206.200	206.200	206.200	206.200
1435	Sơn	Sơn chống thấm đa năng pha xi măng J11A	lít	QCVN 16:2023/BXD	thùng 18 lít	Công ty CP Công nghệ xanh JINI Việt Nam. Đc nhà máy sản xuất ấp Bình Tiền 2, xã Đức Hoà, Tây Ninh -Đt: 0965413319. Công văn đề nghị công bố giá số 107/TPHCM-JINI ngày 10/07/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Đơn giá tại nhà máy	Từ ngày 10/07/2026 đến 10/01/2027	Bổ sung mới	174.700	174.700	174.700	174.700	174.700	174.700	174.700	174.700	174.700
1436	Sơn	Sơn chống thấm pha màu cao cấp J11M	lít	QCVN 16:2023/BXD	thùng 18 lít	Công ty CP Công nghệ xanh JINI Việt Nam. Đc nhà máy sản xuất ấp Bình Tiền 2, xã Đức Hoà, Tây Ninh -Đt: 0965413319. Công văn đề nghị công bố giá số 107/TPHCM-JINI ngày 10/07/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Đơn giá tại nhà máy	Từ ngày 10/07/2026 đến 10/01/2027	Bổ sung mới	219.100	219.100	219.100	219.100	219.100	219.100	219.100	219.100	219.100
1437	Sơn	Sơn lót nội thất siêu mịn cao cấp N500	lít	TCVN 8652:2020	thùng 18 lít	Công ty CP Công nghệ xanh JINI Việt Nam. Đc nhà máy sản xuất ấp Bình Tiền 2, xã Đức Hoà, Tây Ninh -Đt: 0965413319. Công văn đề nghị công bố giá số 107/TPHCM-JINI ngày 10/07/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Đơn giá tại nhà máy	Từ ngày 10/07/2026 đến 10/01/2027	Bổ sung mới	55.200	55.200	55.200	55.200	55.200	55.200	55.200	55.200	55.200
1438	Sơn	Sơn lót ngoại thất siêu mịn cao cấp N805	lít	TCVN 8652:2020	thùng 18 lít	Công ty CP Công nghệ xanh JINI Việt Nam. Đc nhà máy sản xuất ấp Bình Tiền 2, xã Đức Hoà, Tây Ninh -Đt: 0965413319. Công văn đề nghị công bố giá số 107/TPHCM-JINI ngày 10/07/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Đơn giá tại nhà máy	Từ ngày 10/07/2026 đến 10/01/2027	Bổ sung mới	94.000	94.000	94.000	94.000	94.000	94.000	94.000	94.000	94.000
1439	Sơn	Sơn lót kháng kiềm nội thất cao cấp J65	lít	TCVN 8652:2020	thùng 18 lít	Công ty CP Công nghệ xanh JINI Việt Nam. Đc nhà máy sản xuất ấp Bình Tiền 2, xã Đức Hoà, Tây Ninh -Đt: 0965413319. Công văn đề nghị công bố giá số 107/TPHCM-JINI ngày 10/07/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Đơn giá tại nhà máy	Từ ngày 10/07/2026 đến 10/01/2027	Bổ sung mới	113.700	113.700	113.700	113.700	113.700	113.700	113.700	113.700	113.700
1440	Sơn	Sơn lót kháng kiềm ngoại thất cao cấp J85	lít	TCVN 8652:2020	thùng 18 lít	Công ty CP Công nghệ xanh JINI Việt Nam. Đc nhà máy sản xuất ấp Bình Tiền 2, xã Đức Hoà, Tây Ninh -Đt: 0965413319. Công văn đề nghị công bố giá số 107/TPHCM-JINI ngày 10/07/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Đơn giá tại nhà máy	Từ ngày 10/07/2026 đến 10/01/2027	Bổ sung mới	189.400	189.400	189.400	189.400	189.400	189.400	189.400	189.400	189.400
1441	Vật tư ngành điện	LV-ABC 2x50 -0.6/1KV	m		cáp nhôm vặn xoắn 2 lõi	Công ty TNHH TMSX dây cáp điện Đại Long	Việt Nam	Không có thông tin	Hàng giao tại kho người mua	Từ ngày 02/02/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	39.000	39.000	39.000	39.000	39.000	39.000	39.000	39.000	39.000
1442	Vật tư ngành điện	LV-ABC 2x70 - 0.6 1kV	m		cáp nhôm vặn xoắn 2 lõi	Công ty TNHH TMSX dây cáp điện Đại Long	Việt Nam	Không có thông tin	Hàng giao tại kho người mua	Từ ngày 02/02/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	54.500	54.500	54.500	54.500	54.500	54.500	54.500	54.500	54.500
1443	Vật tư ngành điện	LV-ABC 2x95-0,6/1 kV	m		cáp nhôm vặn xoắn 2 lõi	Công ty TNHH TMSX dây cáp điện Đại Long	Việt Nam	Không có thông tin	Hàng giao tại kho người mua	Từ ngày 02/02/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	73.900	73.900	73.900	73.900	73.900	73.900	73.900	73.900	73.900
1444	Vật tư ngành điện	LV-ABC 2x120 - 0.6/1kV	m		cáp nhôm vặn xoắn 2 lõi	Công ty TNHH TMSX dây cáp điện Đại Long	Việt Nam	Không có thông tin	Hàng giao tại kho người mua	Từ ngày 02/02/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	91.900	91.900	91.900	91.900	91.900	91.900	91.900	91.900	91.900
1445	Vật tư ngành điện	LV-ABC 2x150 - 0,6 /1kV	m		cáp nhôm vặn xoắn 2 lõi	Công ty TNHH TMSX dây cáp điện Đại Long	Việt Nam	Không có thông tin	Hàng giao tại kho người mua	Từ ngày 02/02/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	115.100	115.100	115.100	115.100	115.100	115.100	115.100	115.100	115.100
1446	Vật tư ngành điện	LV-ABC 3x50- 0,6/ 1kV	m		Cáp nhôm vặn xoắn 3 lõi	Công ty TNHH TMSX dây cáp điện Đại Long	Việt Nam	Không có thông tin	Hàng giao tại kho người mua	Từ ngày 02/02/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	58.000	58.000	58.000	58.000	58.000	58.000	58.000	58.000	58.000
1447	Vật tư ngành điện	LV-ABC 3x70-0,6/1kV	m		Cáp nhôm vặn xoắn 3 lõi	Công ty TNHH TMSX dây cáp điện Đại Long	Việt Nam	Không có thông tin	Hàng giao tại kho người mua	Từ ngày 02/02/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	81.100	81.100	81.100	81.100	81.100	81.100	81.100	81.100	81.100
1448	Vật tư ngành điện	LV-ABC 3x95-0,6/1kV	m		Cáp nhôm vặn xoắn 3 lõi	Công ty TNHH TMSX dây cáp điện Đại Long	Việt Nam	Không có thông tin	Hàng giao tại kho người mua	Từ ngày 02/02/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	109.900	109.900	109.900	109.900	109.900	109.900	109.900	109.900	109.900
1449	Vật tư ngành điện	LV-ABC 3x120-0,6/1 kV	m		Cáp nhôm vặn xoắn 3 lõi	Công ty TNHH TMSX dây cáp điện Đại Long	Việt Nam	Không có thông tin	Hàng giao tại kho người mua	Từ ngày 02/02/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	136.700	136.700	136.700	136.700	136.700	136.700	136.700	136.700	136.700
1450	Vật tư ngành điện	LV-ABC 3x150 - 0,6/1kV	m		Cáp nhôm vặn xoắn 3 lõi	Công ty TNHH TMSX dây cáp điện Đại Long	Việt Nam	Không có thông tin	Hàng giao tại kho người mua	Từ ngày 02/02/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	172.000	172.000	172.000	172.000	172.000	172.000	172.000	172.000	172.000
1451	Vật tư ngành điện	LV-ABC 4x50-0.6/1kV	m		Cáp nhôm vặn xoắn 4 lõi	Công ty TNHH TMSX dây cáp điện Đại Long	Việt Nam	Không có thông tin	Hàng giao tại kho người mua	Từ ngày 02/02/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	77.000	77.000	77.000	77.000	77.000	77.000	77.000	77.000	77.000
1452	Vật tư ngành điện	LV-ABC 4x70 - 0,6/1 kV	m		Cáp nhôm vặn xoắn 4 lõi	Công ty TNHH TMSX dây cáp điện Đại Long	Việt Nam	Không có thông tin	Hàng giao tại kho người mua	Từ ngày 02/02/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	107.900	107.900	107.900	107.900	107.900	107.900	107.900	107.900	107.900
1453	Vật tư ngành điện	LV-ABC 1x95- 0,6/ 1kV	m		Cáp nhôm vặn xoắn 4 lõi	Công ty TNHH TMSX dây cáp điện Đại Long	Việt Nam	Không có thông tin	Hàng giao tại kho người mua	Từ ngày 02/02/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	145.800	145.800	145.800	145.800	145.800	145.800	145.800	145.800	145.800
1454	Vật tư ngành điện	LV-ABC 4x120 - 0,6/1 kv	m		Cáp nhôm vặn xoắn 4 lõi	Công ty TNHH TMSX dây cáp điện Đại Long	Việt Nam	Không có thông tin	Hàng giao tại kho người mua	Từ ngày 02/02/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	181.800	181.800	181.800	181.800	181.800	181.800	181.800	181.800	181.800
1455	Vật tư ngành điện	LV-ABC 4x150-0,6/1 kv	m		Cáp nhôm vặn xoắn 4 lõi	Công ty TNHH TMSX dây cáp điện Đại Long	Việt Nam	Không có thông tin	Hàng giao tại kho người mua	Từ ngày 02/02/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	226.600	226.600	226.600	226.600	226.600	226.600	226.600	226.600	226.600
1456	Vật tư ngành điện	CX/HDPE-W25 -12,7/22(24)kV	m		Dây đồng chống thấm, cách điện XLPE, vỏ HPDE (CXH)	Công ty TNHH TMSX dây cáp điện Đại Long	Việt Nam	Không có thông tin	Hàng giao tại kho người mua	Từ ngày 02/02/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	139.200	139.200	139.200	139.200	139.200	139.200	139.200	139.200	139.200
1457	Vật tư ngành điện	CX/HDPE-W35 -12,7/22(24)kV	m		Dây đồng chống thấm, cách điện XLPE, vỏ HPDE (CXH)	Công ty TNHH TMSX dây cáp điện Đại Long	Việt Nam	Không có thông tin	Hàng giao tại kho người mua	Từ ngày 02/02/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	186.600	186.600	186.600	186.600	186.600	186.600	186.600	186.600	186.600
1458	Vật tư ngành điện	CX/HDPE-W 50 -12,7/22(24)kV	m		Dây đồng chống thấm, cách điện XLPE, vỏ HPDE (CXH)	Công ty TNHH TMSX dây cáp điện Đại Long	Việt Nam	Không có thông tin	Hàng giao tại kho người mua	Từ ngày 02/02/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	254.100	254.100	254.100	254.100	254.100	254.100	254.100	254.100	254.100
1459	Vật tư ngành điện	CX/HDPE-W 70 -12,7/22(24)kV	m		Dây đồng chống thấm, cách điện XLPE, vỏ HPDE (CXH)	Công ty TNHH TMSX dây cáp điện Đại Long	Việt Nam	Không có thông tin	Hàng giao tại kho người mua	Từ ngày 02/02/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	351.300	351.300	351.300	351.300	351.300	351.300	351.300	351.300	351.300
1460	Vật tư ngành điện	CX/HDPE-W 95 -12,7/22(24)kV	m		Dây đồng chống thấm, cách điện XLPE, vỏ HPDE (CXH)	Công ty TNHH TMSX dây cáp điện Đại Long	Việt Nam	Không có thông tin	Hàng giao tại kho người mua	Từ ngày 02/02/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	479.700	479.700	479.700	479.700	479.700	479.700	479.700	479.700	479.700
1461	Vật tư ngành điện	CX/HDPE-W 120 -12,7/22(24)kV	m		Dây đồng chống thấm, cách điện XLPE, vỏ HPDE (CXH)	Công ty TNHH TMSX dây cáp điện Đại Long	Việt Nam	Không có thông tin	Hàng giao tại kho người mua	Từ ngày 02/02/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	602.500	602.500	602.500	602.500	602.500	602.500	602.500	602.500	602.500
1462	Vật tư ngành điện	CX/HDPE-W150-12,7/22(24)kV	m		Dây đồng chống thấm, cách điện XLPE, vỏ HPDE (CXH)	Công ty TNHH TMSX dây cáp điện Đại Long	Việt Nam	Không có thông tin	Hàng giao tại kho người mua	Từ ngày 02/02/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	766.400	766.400	766.400	766.400	766.400	766.400	766.400	766.400	766.400
1463	Vật tư ngành điện	CX/HDPE-W185-12,7/22(24)kV	m		Dây đồng chống thấm, cách điện XLPE, vỏ HPDE (CXH)	Công ty TNHH TMSX dây cáp điện Đại Long	Việt Nam	Không có thông tin	Hàng giao tại kho người mua	Từ ngày 02/02/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	915.200	915.200	915.200	915.200	915.200	915.200	915.200	915.200	915.200
1464	Vật tư ngành điện	CX/HDPE-W 240 -12,7/22(24)kV	m		Dây đồng chống thấm, cách điện XLPE, vỏ HPDE (CXH)	Công ty TNHH TMSX dây cáp điện Đại Long	Việt Nam	Không có thông tin	Hàng giao tại kho người mua	Từ ngày 02/02/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	1.196.600	1.196.600	1.196.600	1.196.600	1.196.600	1.196.600	1.196.600	1.196.600	1.196.600
1465	Vật tư ngành điện	CX/HDPE-W 300-12,7/22(24)Kv	m		Dây đồng chống thấm, cách điện XLPE, vỏ HPDE (CXH)	Công ty TNHH TMSX dây cáp điện Đại Long	Việt Nam	Không có thông tin	Hàng giao tại kho người mua	Từ ngày 02/02/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	1.494.400	1.494.400	1.494.400	1.494.400	1.494.400	1.494.400	1.494.400	1.494.400	1.494.400
1466	Vật tư ngành điện	ACX/HDPE-W 50/8 - 12,7/22(24)kV	m		Dây nhôm lõi thép bọc chống thấm cách điện XLPE vỏ HDPE (ACXH) 24kV	Công ty TNHH TMSX dây cáp điện Đại Long	Việt Nam	Không có thông tin	Hàng giao tại kho người mua	Từ ngày 02/02/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	49.400	49.400	49.400	49.400	49.400	49.400	49.400	49.400	49.400
1467	Vật tư ngành điện	ACX/HDPE-VV 70/1 1 - 12,7/22(24)kV	m		Dây nhôm lõi thép bọc chống thấm cách điện XLPE vỏ HDPE (ACXH) 24kV	Công ty TNHH TMSX dây cáp điện Đại Long	Việt Nam	Không có thông tin	Hàng giao tại kho người mua	Từ ngày 02/02/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	61.600	61.600	61.600	61.600	61.600	61.600	61.600	61.600	61.600
1468	Vật tư ngành điện	ACX/HDPE-w 95/16 - 12,7/22(24)kV	m		Dây nhôm lõi thép bọc chống thấm cách điện XLPE vỏ HDPE (ACXH) 24kV	Công ty TNHH TMSX dây cáp điện Đại Long	Việt Nam	Không có thông tin	Hàng giao tại kho người mua	Từ ngày 02/02/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	77.900	77.900	77.900	77.900	77.900	77.900	77.900	77.900	77.900
1469	Vật tư ngành điện	ACX/HDPE-W 120/19- 12,7/22(24)kV	m		Dây nhôm lõi thép bọc chống thấm cách điện XLPE vỏ HDPE (ACXH) 24kV	Công ty TNHH TMSX dây cáp điện Đại Long	Việt Nam	Không có thông tin	Hàng giao tại kho người mua	Từ ngày 02/02/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	91.600	91.600	91.600	91.600	91.600	91.600	91.600	91.600	91.600
1470	Vật tư ngành điện	ACX/HDPE-W 150/19- 12,7/22(24)kV	m		Dây nhôm lõi thép bọc chống thấm cách điện XLPE vỏ HDPE (ACXH) 24kV	Công ty TNHH TMSX dây cáp điện Đại Long	Việt Nam	Không có thông tin	Hàng giao tại kho người mua	Từ ngày 02/02/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	106.400	106.400	106.400	106.400	106.400	106.400	106.400	106.400	106.400
1471	Vật tư ngành điện	ACX/HDPE-W 185/24 - 12,7/22(24)kv	m		Dây nhôm lõi thép bọc chống thấm cách điện XLPE vỏ HDPE (ACXH) 24kV	Công ty TNHH TMSX dây cáp điện Đại Long	Việt Nam	Không có thông tin	Hàng giao tại kho người mua	Từ ngày 02/02/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	127.500	127.500	127.500	127.500	127.500	127.500	127.500	127.500	127.500

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)(đồng)								
												Khu vực TP. Tây Ninh	Khu vực TX.Trảng Bàng	Khu vực TX. Hoà Thành	Khu vực H.Tân Biên	Khu vực H.Tân Châu	Khu vực H. Châu Thành	Khu vực H.Dương Minh Châu	Khu vực H. Bến Cầu	Khu vực H. Gò Dầu
1472	Vật tư ngành điện	ACX/IHDPE-W 240/32 - 12,7/22(24)kV	m		Dây nhôm lõi thép bọc chống thấm cách điện XLPE vỏ HDPE (ACXH) 24kV	Công ty TNHH TMSX dây cáp điện Đại Long	Việt Nam	Không có thông tin	Hàng giao tại kho người mua	Từ ngày 02/02/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	158.200	158.200	158.200	158.200	158.200	158.200	158.200	158.200	158.200
1473	Vật tư ngành điện	ACSR 35/6,2	kg		Các loại dây dẫn trần	Công ty TNHH TMSX dây cáp điện Đại Long	Việt Nam	Không có thông tin	Hàng giao tại kho người mua	Từ ngày 02/02/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	96.300	96.300	96.300	96.300	96.300	96.300	96.300	96.300	96.300
1474	Vật tư ngành điện	ACSR 50/8	kg		Các loại dây dẫn trần	Công ty TNHH TMSX dây cáp điện Đại Long	Việt Nam	Không có thông tin	Hàng giao tại kho người mua	Từ ngày 02/02/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	95.600	95.600	95.600	95.600	95.600	95.600	95.600	95.600	95.600
1475	Vật tư ngành điện	ACSR 70/11	kg		Các loại dây dẫn trần	Công ty TNHH TMSX dây cáp điện Đại Long	Việt Nam	Không có thông tin	Hàng giao tại kho người mua	Từ ngày 02/02/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	95.600	95.600	95.600	95.600	95.600	95.600	95.600	95.600	95.600
1476	Vật tư ngành điện	ACSR95/l6	kg		Các loại dây dẫn trần	Công ty TNHH TMSX dây cáp điện Đại Long	Việt Nam	Không có thông tin	Hàng giao tại kho người mua	Từ ngày 02/02/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	95.300	95.300	95.300	95.300	95.300	95.300	95.300	95.300	95.300
1477	Vật tư ngành điện	ACSR 120/19	kg		Các loại dây dẫn trần	Công ty TNHH TMSX dây cáp điện Đại Long	Việt Nam	Không có thông tin	Hàng giao tại kho người mua	Từ ngày 02/02/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	97.200	97.200	97.200	97.200	97.200	97.200	97.200	97.200	97.200
1478	Vật tư ngành điện	ACSR 150/19	kg		Các loại dây dẫn trần	Công ty TNHH TMSX dây cáp điện Đại Long	Việt Nam	Không có thông tin	Hàng giao tại kho người mua	Từ ngày 02/02/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	101.400	101.400	101.400	101.400	101.400	101.400	101.400	101.400	101.400
1479	Vật tư ngành điện	ACSR 185/24	kg		Các loại dây dẫn trần	Công ty TNHH TMSX dây cáp điện Đại Long	Việt Nam	Không có thông tin	Hàng giao tại kho người mua	Từ ngày 02/02/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	99.900	99.900	99.900	99.900	99.900	99.900	99.900	99.900	99.900
1480	Vật tư ngành điện	ACSR 185/29	kg		Các loại dây dẫn trần	Công ty TNHH TMSX dây cáp điện Đại Long	Việt Nam	Không có thông tin	Hàng giao tại kho người mua	Từ ngày 02/02/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	95.900	95.900	95.900	95.900	95.900	95.900	95.900	95.900	95.900
1481	Vật tư ngành điện	ACSR 240/32	kg		Các loại dây dẫn trần	Công ty TNHH TMSX dây cáp điện Đại Long	Việt Nam	Không có thông tin	Hàng giao tại kho người mua	Từ ngày 02/02/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	100.200	100.200	100.200	100.200	100.200	100.200	100.200	100.200	100.200
1482	Vật tư ngành điện	ACSR 300/39	kg		Các loại dây dẫn trần	Công ty TNHH TMSX dây cáp điện Đại Long	Việt Nam	Không có thông tin	Hàng giao tại kho người mua	Từ ngày 02/02/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	100.700	100.700	100.700	100.700	100.700	100.700	100.700	100.700	100.700
1483	Vật tư ngành điện	ACSR 400/51	kg		Các loại dây dẫn trần	Công ty TNHH TMSX dây cáp điện Đại Long	Việt Nam	Không có thông tin	Hàng giao tại kho người mua	Từ ngày 02/02/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	100.700	100.700	100.700	100.700	100.700	100.700	100.700	100.700	100.700
1484	Vật tư ngành điện	TK70	kg		Các loại dây dẫn trần	Công ty TNHH TMSX dây cáp điện Đại Long	Việt Nam	Không có thông tin	Hàng giao tại kho người mua	Từ ngày 02/02/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	42.500	42.500	42.500	42.500	42.500	42.500	42.500	42.500	42.500
1485	Vật tư ngành điện	TK 50	kg		Các loại dây dẫn trần	Công ty TNHH TMSX dây cáp điện Đại Long	Việt Nam	Không có thông tin	Hàng giao tại kho người mua	Từ ngày 02/02/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	43.900	43.900	43.900	43.900	43.900	43.900	43.900	43.900	43.900
1486	Vật tư ngành điện	TK 35	kg		Các loại dây dẫn trần	Công ty TNHH TMSX dây cáp điện Đại Long	Việt Nam	Không có thông tin	Hàng giao tại kho người mua	Từ ngày 02/02/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	40.900	40.900	40.900	40.900	40.900	40.900	40.900	40.900	40.900
1487	Vật tư ngành điện	S/HDPE 35	kg		Các loại dây dẫn trần	Công ty TNHH TMSX dây cáp điện Đại Long	Việt Nam	Không có thông tin	Hàng giao tại kho người mua	Từ ngày 02/02/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	22.300	22.300	22.300	22.300	22.300	22.300	22.300	22.300	22.300
1488	Vật tư ngành điện	DC-TK 35	kg		Các loại dây dẫn trần	Công ty TNHH TMSX dây cáp điện Đại Long	Việt Nam	Không có thông tin	Hàng giao tại kho người mua	Từ ngày 02/02/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	43.200	43.200	43.200	43.200	43.200	43.200	43.200	43.200	43.200
1489	Vật tư ngành điện	DC-TK 50	kg		Các loại dây dẫn trần	Công ty TNHH TMSX dây cáp điện Đại Long	Việt Nam	Không có thông tin	Hàng giao tại kho người mua	Từ ngày 02/02/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	42.600	42.600	42.600	42.600	42.600	42.600	42.600	42.600	42.600
1490	Vật tư ngành điện	CXV/S/DATA-W 50 - 12,7/22(24)kV	m		Cáp ngầm trung thế	Công ty TNHH TMSX dây cáp điện Đại Long	Việt Nam	Không có thông tin	Hàng giao tại kho người mua	Từ ngày 02/02/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	334.700	334.700	334.700	334.700	334.700	334.700	334.700	334.700	334.700
1491	Vật tư ngành điện	CXV/S/DATA-W 70 - 12,7/22(24)kv	m		Cáp ngầm trung thế	Công ty TNHH TMSX dây cáp điện Đại Long	Việt Nam	Không có thông tin	Hàng giao tại kho người mua	Từ ngày 02/02/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	437.400	437.400	437.400	437.400	437.400	437.400	437.400	437.400	437.400
1492	Vật tư ngành điện	CXV/S/DATA-W 95 - 12,7/22(24)kV	m		Cáp ngầm trung thế	Công ty TNHH TMSX dây cáp điện Đại Long	Việt Nam	Không có thông tin	Hàng giao tại kho người mua	Từ ngày 02/02/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	566.900	566.900	566.900	566.900	566.900	566.900	566.900	566.900	566.900
1493	Vật tư ngành điện	CXV/S/DATA W 120 - 12,7/22(24)kv	m		Cáp ngầm trung thế	Công ty TNHH TMSX dây cáp điện Đại Long	Việt Nam	Không có thông tin	Hàng giao tại kho người mua	Từ ngày 02/02/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	682.100	682.100	682.100	682.100	682.100	682.100	682.100	682.100	682.100
1494	Vật tư ngành điện	CXV/S/DATA-W 150- 12,7/22(24)kV	m		Cáp ngầm trung thế	Công ty TNHH TMSX dây cáp điện Đại Long	Việt Nam	Không có thông tin	Hàng giao tại kho người mua	Từ ngày 02/02/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	829.500	829.500	829.500	829.500	829.500	829.500	829.500	829.500	829.500
1495	Vật tư ngành điện	CXV/S/DATA-W 185 - 12,7/22(24)kv	m		Cáp ngầm trung thế	Công ty TNHH TMSX dây cáp điện Đại Long	Việt Nam	Không có thông tin	Hàng giao tại kho người mua	Từ ngày 02/02/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	992.500	992.500	992.500	992.500	992.500	992.500	992.500	992.500	992.500
1496	Vật tư ngành điện	CXV/S/DATA-W 240 - 12,7/22(24)kv	m		Cáp ngầm trung thế	Công ty TNHH TMSX dây cáp điện Đại Long	Việt Nam	Không có thông tin	Hàng giao tại kho người mua	Từ ngày 02/02/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	1.254.700	1.254.700	1.254.700	1.254.700	1.254.700	1.254.700	1.254.700	1.254.700	1.254.700
1497	Vật tư ngành điện	CXV/S/DATA-W 300 - 12,7/22(24)kV	m		Cáp ngầm trung thế	Công ty TNHH TMSX dây cáp điện Đại Long	Việt Nam	Không có thông tin	Hàng giao tại kho người mua	Từ ngày 02/02/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	1.540.600	1.540.600	1.540.600	1.540.600	1.540.600	1.540.600	1.540.600	1.540.600	1.540.600
1498	Vật tư ngành điện	CXV/S/DATA-W 400 - 12,7/22(24)kV	m		Cáp ngầm trung thế	Công ty TNHH TMSX dây cáp điện Đại Long	Việt Nam	Không có thông tin	Hàng giao tại kho người mua	Từ ngày 02/02/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	1.980.100	1.980.100	1.980.100	1.980.100	1.980.100	1.980.100	1.980.100	1.980.100	1.980.100
1499	Vật tư ngành điện	CXV/S/DATA-VV 500 - 1 2,7/22(24)kV	m		24.0mm	Công ty TNHH TMSX dây cáp điện Đại Long	Việt Nam	Không có thông tin	Hàng giao tại kho người mua	Từ ngày 02/02/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	2.466.600	2.466.600	2.466.600	2.466.600	2.466.600	2.466.600	2.466.600	2.466.600	2.466.600
1500	Vật tư ngành điện	CXV/DSTA-W 3x50 - 12,7/22(24)kv	m		24.0mm	Công ty TNHH TMSX dây cáp điện Đại Long	Việt Nam	Không có thông tin	Hàng giao tại kho người mua	Từ ngày 02/02/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	983.600	983.600	983.600	983.600	983.600	983.600	983.600	983.600	983.600
1501	Vật tư ngành điện	CXV/DSTA-VV 3x70 - 12,7/22(24)kV	m		24.0mm	Công ty TNHH TMSX dây cáp điện Đại Long	Việt Nam	Không có thông tin	Hàng giao tại kho người mua	Từ ngày 02/02/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	1.293.200	1.293.200	1.293.200	1.293.200	1.293.200	1.293.200	1.293.200	1.293.200	1.293.200
1502	Vật tư ngành điện	CXV/DSTA-W 3x95 - 1 2,7/22(2 4)kV	m		4.0mm	Công ty TNHH TMSX dây cáp điện Đại Long	Việt Nam	Không có thông tin	Hàng giao tại kho người mua	Từ ngày 02/02/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	1.683.900	1.683.900	1.683.900	1.683.900	1.683.900	1.683.900	1.683.900	1.683.900	1.683.900
1503	Vật tư ngành điện	CXV/DSTA-W 3x120 - 1 2,7/22(2'1)kv	m		1.0mm	Công ty TNHH TMSX dây cáp điện Đại Long	Việt Nam	Không có thông tin	Hàng giao tại kho người mua	Từ ngày 02/02/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	2.035.200	2.035.200	2.035.200	2.035.200	2.035.200	2.035.200	2.035.200	2.035.200	2.035.200
1504	Vật tư ngành điện	CXV/DSTA-W 3x240 - 12,7/22(24)kV	m		24.0mm	Công ty TNHH TMSX dây cáp điện Đại Long	Việt Nam	Không có thông tin	Hàng giao tại kho người mua	Từ ngày 02/02/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	3.802.900	3.802.900	3.802.900	3.802.900	3.802.900	3.802.900	3.802.900	3.802.900	3.802.900
1505	Vật tư ngành điện	CXV/DSTA-VV 3x300 - 12,7/22(2'1)kv	m		1.0mm	Công ty TNHH TMSX dây cáp điện Đại Long	Việt Nam	Không có thông tin	Hàng giao tại kho người mua	Từ ngày 02/02/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	4.675.500	4.675.500	4.675.500	4.675.500	4.675.500	4.675.500	4.675.500	4.675.500	4.675.500
1506	Vật tư ngành điện	CXV/Sehh/DSTA-W 3x50 - 12,7/22(24)kv	m		24.0mm	Công ty TNHH TMSX dây cáp điện Đại Long	Việt Nam	Không có thông tin	Hàng giao tại kho người mua	Từ ngày 02/02/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	1.179.800	1.179.800	1.179.800	1.179.800	1.179.800	1.179.800	1.179.800	1.179.800	1.179.800
1507	Vật tư ngành điện	CXV/Sehh/DSTA-W 3x70 - 12,7/22(24)kV	m		24.0mm	Công ty TNHH TMSX dây cáp điện Đại Long	Việt Nam	Không có thông tin	Hàng giao tại kho người mua	Từ ngày 02/02/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	1.506.300	1.506.300	1.506.300	1.506.300	1.506.300	1.506.300	1.506.300	1.506.300	1.506.300
1508	Vật tư ngành điện	CXV/Sehh/DSTA-W3x95 - 12,7/22(24)kv	m		24.0mm	Công ty TNHH TMSX dây cáp điện Đại Long	Việt Nam	Không có thông tin	Hàng giao tại kho người mua	Từ ngày 02/02/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	2.060.600	2.060.600	2.060.600	2.060.600	2.060.600	2.060.600	2.060.600	2.060.600	2.060.600
1509	Vật tư ngành điện	CXV/Srhh/DSTA-W3X120 - 1 2,7/22(24 kV	m		24.0mm	Công ty TNHH TMSX dây cáp điện Đại Long	Việt Nam	Không có thông tin	Hàng giao tại kho người mua	Từ ngày 02/02/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	2.510.800	2.510.800	2.510.800	2.510.800	2.510.800	2.510.800	2.510.800	2.510.800	2.510.800
1510	Vật tư ngành điện	CXV/Sehh/DSTA-W 3x150 12,7/22(24 kv	m		24.0mm	Công ty TNHH TMSX dây cáp điện Đại Long	Việt Nam	Không có thông tin	Hàng giao tại kho người mua	Từ ngày 02/02/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	3.093.900	3.093.900	3.093.900	3.093.900	3.093.900	3.093.900	3.093.900	3.093.900	3.093.900
1511	Vật tư ngành điện	CXV/Sehh/DSTA-W 3x240 - 12,7/22(24)kv	m		24.0mm	Công ty TNHH TMSX dây cáp điện Đại Long	Việt Nam	Không có thông tin	Hàng giao tại kho người mua	Từ ngày 02/02/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	4.587.100	4.587.100	4.587.100	4.587.100	4.587.100	4.587.100	4.587.100	4.587.100	4.587.100
1512	Vật tư ngành điện	CXV 16-0,6/lkV	m		Cáp ngầm ha thế	Công ty TNHH TMSX dây cáp điện Đại Long	Việt Nam	Không có thông tin	Hàng giao tại kho người mua	Từ ngày 02/02/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	69.600	69.600	69.600	69.600	69.600	69.600	69.600	69.600	69.600
1513	Vật tư ngành điện	CXV 185 - 0,6/1kV	m		Cáp ngầm ha thế	Công ty TNHH TMSX dây cáp điện Đại Long	Việt Nam	Không có thông tin	Hàng giao tại kho người mua	Từ ngày 02/02/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	777.500	777.500	777.500	777.500	777.500	777.500	777.500	777.500	777.500
1514	Vật tư ngành điện	cxv 400-0,6/lkV	m		Cáp ngầm ha thế	Công ty TNHH TMSX dây cáp điện Đại Long	Việt Nam	Không có thông tin	Hàng giao tại kho người mua	Từ ngày 02/02/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	1.664.600	1.664.600	1.664.600	1.664.600	1.664.600	1.664.600	1.664.600	1.664.600	1.664.600
1515	Vật tư ngành điện	cxv 3x50-1-1x25-0,6/1 kv	m		Cáp ngầm ha thế	Công ty TNHH TMSX dây cáp điện Đại Long	Việt Nam	Không có thông tin	Hàng giao tại kho người mua	Từ ngày 02/02/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	730.000	730.000	730.000	730.000	730.000	730.000	730.000	730.000	730.000
1516	Vật tư ngành điện	cxv 3x1204 1x70 - 0,6/1kV	m		Cáp ngầm ha thế	Công ty TNHH TMSX dây cáp điện Đại Long	Việt Nam	Không có thông tin	Hàng giao tại kho người mua	Từ ngày 02/02/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	1.836.700	1.836.700	1.836.700	1.836.700	1.836.700	1.836.700	1.836.700	1.836.700	1.836.700
1517	Vật tư ngành điện	CXV3.J50I 1x95 - 0,6/1kv	m		Cáp ngầm ha thế	Công ty TNHH TMSX dây cáp điện Đại Long	Việt Nam	Không có thông tin	Hàng giao tại kho người mua	Từ ngày 02/02/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	2.345.100	2.345.100	2.345.100	2.345.100	2.345.100	2.345.100	2.345.100	2.345.100	2.345.100
1518	Vật tư ngành điện	CXV 3x240. 1X120 - 0,6/1 Kv	m		Cáp ngầm ha thế	Công ty TNHH TMSX dây cáp điện Đại Long	Việt Nam	Không có thông tin	Hàng giao tại kho người mua	Từ ngày 02/02/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	3.621.500	3.621.500	3.621.500	3.621.500	3.621.500	3.621.500	3.621.500	3.621.500	3.621.500
1519	Vật tư ngành điện	CXV/DSTA-VV 3x25+1x1 6 - 0,6/1 kv	m		Cáp ngầm ha thế	Công ty TNHH TMSX dây cáp điện Đại Long	Việt Nam	Không có thông tin	Hàng giao tại kho người mua	Từ ngày 02/02/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	408.500	408.500	408.500	408.500	408.500	408.500	408.500	408.500	408.500
1520	Vật tư ngành điện	CXV/DSTA-VV 3x50+1x25 - 0,6/1 kv	m		Cáp ngầm ha thế	Công ty TNHH TMSX dây cáp điện Đại Long	Việt Nam	Không có thông tin	Hàng giao tại kho người mua	Từ ngày 02/02/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	737.000	737.000	737.000	737.000	737.000	737.000	737.000	737.000	737.000
1521	Vật tư ngành điện	CXV/DSTA-W 3x70+1 x35 - 0,6/ 1 kv	m		Cáp ngầm ha thế	Công ty TNHH TMSX dây cáp điện Đại Long	Việt Nam	Không có thông tin	Hàng giao tại kho người mua	Từ ngày 02/02/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	1.051.100	1.051.100	1.051.100	1.051.100	1.051.100	1.051.100	1.051.100	1.051.100	1.051.100
1522	Vật tư ngành điện	CXV/DSTA-W 3x95 +1x50 - 0,6/1kV	m		Cáp ngầm ha thế	Công ty TNHH TMSX dây cáp điện Đại Long	Việt Nam	Không có thông tin	Hàng giao tại kho người mua	Từ ngày 02/02/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	1.458.100	1.458.100	1.458.100	1.458.100	1.458.100	1.458.100	1.458.100	1.458.100	1.458.100
1523	Vật tư ngành điện	CXV/DSTA-W 3x120+1x70-0,6/1 kv	m		Cáp ngầm ha thế	Công ty TNHH TMSX dây cáp điện Đại Long	Việt Nam	Không có thông tin	Hàng giao tại kho người mua	Từ ngày 02/02/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	1.861.300	1.861.300	1.861.300	1.861.300	1.861.300	1.861.300	1.861.300	1.861.300	1.861.300
1524	Vật tư ngành điện	CXV/DSTA-W 3x 150+ 1 x95 -0,6/ 1 kv	m		Cáp ngầm ha thế	Công ty TNHH TMSX dây cáp điện Đại Long	Việt Nam	Không có thông tin	Hàng giao tại kho người mua	Từ ngày 02/02/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	2.372.700	2.372.700	2.372.700	2.372.700	2.372.700	2.372.700	2.372.700	2.372.700	2.372.700
1525	Vật tư ngành điện	CXV/DSTA-W 3x240+ 1x120 - 0,6/lkV	m		Cáp ngầm ha thế	Công ty TNHH TMSX dây cáp điện Đại Long	Việt Nam	Không có thông tin	Hàng giao tại kho người mua	Từ ngày 02/02/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	3.655.800	3.655.800	3.655.800	3.655.800	3.655.800	3.655.800	3.655.800	3.655.800	3.655.800
1526	Vật tư ngành điện	AXV/DSTA-W 3x25+ 1X16 - 0,6/1 kv	m		Cáp ngầm ha thế	Công ty TNHH TMSX dây cáp điện Đại Long	Việt Nam	Không có thông tin	Hàng giao tại kho người mua	Từ ngày 02/02/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	58.300	58.300	58.300	58.300	58.300	58.300	58.300	58.300	58.300
1527	Vật tư ngành điện	AXV/DSTA-W 3x35+ 1x16 - 0,6/1 kV	m		Cáp ngầm ha thế	Công ty TNHH TMSX dây cáp điện Đại Long	Việt Nam	Không có thông tin	Hàng giao tại kho người mua	Từ ngày 02/02/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	69.600	69.600	69.600	69.600	69.600	69.600	69.600	69.600	69.600
1528	Vật tư ngành điện	AXV/DSTA-W 3x70+ 1x35 - 0,6/lkV	m		Cáp ngầm ha thế	Công ty TNHH TMSX dây cáp điện Đại Long	Việt Nam	Không có thông tin	Hàng giao tại kho người mua	Từ ngày 02/02/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	126.000	126.000	126.000	126.000	126.000	126.000	126.000	126.000	126.000
1529	Vật tư ngành điện	AXV/DSTA-3x95+1x50 - 0.6/1 kV	m		Cáp ngầm ha thế	Công ty TNHH TMSX dây cáp điện Đại Long	Việt Nam	Không có thông tin	Hàng giao tại kho người mua	Từ ngày 02/02/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	180.800	180.800	180.800	180.800	180.800	180.800	180.800	180.800	180.800
1530	Vật tư ngành điện	AXV/HSTA-VV 3x120+ 1x70 - 0,6/1kV	m		Cáp ngầm ha thế	Công ty TNHH TMSX dây cáp điện Đại Long	Việt Nam	Không có thông tin	Hàng giao tại kho người mua	Từ ngày 02/02/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	224.900	224.900	224.900	224.900	224.900	224.900	224.900	224.900	224.900
1531	Vật tư ngành điện	AXV/DSTA-W 3x 150+ 1 x95 - 0,6/ 1 kv	m		Cáp ngầm ha thế	Công ty TNHH TMSX dây cáp điện Đại Long	Việt Nam	Không có thông tin	Hàng giao tại kho người mua	Từ ngày 02/02/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	280.400	280.400	280.400	280.400	280.400	280.400	280.400	280.400	280.400
1532	Vật tư ngành điện	AV 35 - 0,6/ 1 kV	m		Dây nhôm cách nhiệt	Công ty TNHH TMSX dây cáp điện Đại Long	Việt Nam	Không có thông tin	Hàng giao tại kho người mua	Từ ngày 02/02/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	15.300	15.300	15.300	15.300	15.300	15.300	15.300	15.300	15.300
1533	Vật tư ngành điện	AV50 - 06/ikv	m		Dây nhôm cách nhiệt	Công ty TNHH TMSX dây cáp điện Đại Long	Việt Nam	Không có thông tin	Hàng giao tại kho người mua	Từ ngày 02/02/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	21.300	21.300	21.300	21.300	21.300	21.300	21.300	21.300	21.300
1534	Vật tư ngành điện	Trụ đèn cao 6m dày 3mm Đường kính đáy: D150, đường kính đỉnh: D60	cột	BS5649:1995/BS EN 40-5:2002		Công ty CP Tập đoàn MDC GROUP.Đc: Phòng 411, Tầng 4, Tòa nhà văn phòng Detech, số 8, Tôn Thất Thuyết, Phường Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam - Đt: 0987 898 605. Công văn Số: 01.180526/CVLS-MDC ngày 18/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Tại chân công trình trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Áp dụng từ ngày 18/05/2026 đến khi có bảng báo giá mới	Bổ sung mới	4.950.000	4.950.000	4.950.000	4.950.000	4.950.000	4.950.000	4.950.000	4.950.000	4.950.000

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)(đồng)								
												Khu vực TP. Tây Ninh	Khu vực TX.Trảng Bàng	Khu vực TX. Hoà Thành	Khu vực H.Tân Biên	Khu vực H.Tân Châu	Khu vực H. Châu Thành	Khu vực H.Dương Minh Châu	Khu vực H. Bến Cầu	Khu vực H. Gò Dầu
1535	Vật tư ngành điện	Trụ đèn cao 7m dày 3mm Đường kính đáy: D160, đường kính đỉnh: D60	cột	BS5649:1995/BS EN 40-5:2002		Công ty CP Tập đoàn MDC GROUP.Đc: Phòng 411, Tầng 4, Tòa nhà văn phòng Detech, số 8, Tôn Thất Thuyết, Phường Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam - Đt: 0987 898 605. Công văn Số: 01.180526/CVLS-MDC ngày 18/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Tại chân công trình trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Áp dụng từ ngày 18/05/2026 đến khi có bảng báo giá mới	Bổ sung mới	5.450.000	5.450.000	5.450.000	5.450.000	5.450.000	5.450.000	5.450.000	5.450.000	5.450.000
1536	Vật tư ngành điện	Trụ đèn cao 8m dày 4mm Đường kính đáy: D170, đường kính đỉnh: D60	cột	BS5649:1995/BS EN 40-5:2002		Công ty CP Tập đoàn MDC GROUP.Đc: Phòng 411, Tầng 4, Tòa nhà văn phòng Detech, số 8, Tôn Thất Thuyết, Phường Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam - Đt: 0987 898 605. Công văn Số: 01.180526/CVLS-MDC ngày 18/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Tại chân công trình trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Áp dụng từ ngày 18/05/2026 đến khi có bảng báo giá mới	Bổ sung mới	5.590.000	5.590.000	5.590.000	5.590.000	5.590.000	5.590.000	5.590.000	5.590.000	5.590.000
1537	Vật tư ngành điện	Trụ đèn cao 9m dày 4mm Đường kính đáy: D180, đường kính đỉnh: D60	cột	BS5649:1995/BS EN 40-5:2002		Công ty CP Tập đoàn MDC GROUP.Đc: Phòng 411, Tầng 4, Tòa nhà văn phòng Detech, số 8, Tôn Thất Thuyết, Phường Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam - Đt: 0987 898 605. Công văn Số: 01.180526/CVLS-MDC ngày 18/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Tại chân công trình trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Áp dụng từ ngày 18/05/2026 đến khi có bảng báo giá mới	Bổ sung mới	6.750.000	6.750.000	6.750.000	6.750.000	6.750.000	6.750.000	6.750.000	6.750.000	6.750.000
1538	Vật tư ngành điện	Trụ đèn cao 10m dày 4mmĐường kính đáy: D190, đường kính đỉnh: D60	cột	BS5649:1995/BS EN 40-5:2002		Công ty CP Tập đoàn MDC GROUP.Đc: Phòng 411, Tầng 4, Tòa nhà văn phòng Detech, số 8, Tôn Thất Thuyết, Phường Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam - Đt: 0987 898 605. Công văn Số: 01.180526/CVLS-MDC ngày 18/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Tại chân công trình trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Áp dụng từ ngày 18/05/2026 đến khi có bảng báo giá mới	Bổ sung mới	8.350.000	8.350.000	8.350.000	8.350.000	8.350.000	8.350.000	8.350.000	8.350.000	8.350.000
1539	Vật tư ngành điện	Cần đèn đơn cao 2m vươn xa 1.5mx3mm	cái	BS5649:1995/BS EN 40-5:2002		Công ty CP Tập đoàn MDC GROUP.Đc: Phòng 411, Tầng 4, Tòa nhà văn phòng Detech, số 8, Tôn Thất Thuyết, Phường Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam - Đt: 0987 898 605. Công văn Số: 01.180526/CVLS-MDC ngày 18/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Tại chân công trình trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Áp dụng từ ngày 18/05/2026 đến khi có bảng báo giá mới	Bổ sung mới	1.750.000	1.750.000	1.750.000	1.750.000	1.750.000	1.750.000	1.750.000	1.750.000	1.750.000
1540	Vật tư ngành điện	Cần đèn đôi cao 2m vươn xa 1.5mx3mm	cái	BS5649:1995/BS EN 40-5:2002		Công ty CP Tập đoàn MDC GROUP.Đc: Phòng 411, Tầng 4, Tòa nhà văn phòng Detech, số 8, Tôn Thất Thuyết, Phường Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam - Đt: 0987 898 605. Công văn Số: 01.180526/CVLS-MDC ngày 18/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Tại chân công trình trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Áp dụng từ ngày 18/05/2026 đến khi có bảng báo giá mới	Bổ sung mới	2.550.000	2.550.000	2.550.000	2.550.000	2.550.000	2.550.000	2.550.000	2.550.000	2.550.000
1541	Vật tư ngành điện	Cần đèn ba cao 2m vươn xa 1.5mx3mm	cái	BS5649:1995/BS EN 40-5:2002		Công ty CP Tập đoàn MDC GROUP.Đc: Phòng 411, Tầng 4, Tòa nhà văn phòng Detech, số 8, Tôn Thất Thuyết, Phường Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam - Đt: 0987 898 605. Công văn Số: 01.180526/CVLS-MDC ngày 18/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Tại chân công trình trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Áp dụng từ ngày 18/05/2026 đến khi có bảng báo giá mới	Bổ sung mới	3.250.000	3.250.000	3.250.000	3.250.000	3.250.000	3.250.000	3.250.000	3.250.000	3.250.000
1542	Vật tư ngành điện	Cột 14m: Cột đa giác xả bắt đèn pha	cột	BS5649:1995/BS EN 40-5:2002		Công ty CP Tập đoàn MDC GROUP.Đc: Phòng 411, Tầng 4, Tòa nhà văn phòng Detech, số 8, Tôn Thất Thuyết, Phường Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam - Đt: 0987 898 605. Công văn Số: 01.180526/CVLS-MDC ngày 18/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Tại chân công trình trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Áp dụng từ ngày 18/05/2026 đến khi có bảng báo giá mới	Bổ sung mới	22.500.000	22.500.000	22.500.000	22.500.000	22.500.000	22.500.000	22.500.000	22.500.000	22.500.000
1543	Vật tư ngành điện	Cột 17m: Cột đa giác + giàn di động nâng hạ	cột	BS5649:1995/BS EN 40-5:2002		Công ty CP Tập đoàn MDC GROUP.Đc: Phòng 411, Tầng 4, Tòa nhà văn phòng Detech, số 8, Tôn Thất Thuyết, Phường Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam - Đt: 0987 898 605. Công văn Số: 01.180526/CVLS-MDC ngày 18/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Tại chân công trình trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Áp dụng từ ngày 18/05/2026 đến khi có bảng báo giá mới	Bổ sung mới	115.000.000	115.000.000	115.000.000	115.000.000	115.000.000	115.000.000	115.000.000	115.000.000	115.000.000
1544	Vật tư ngành điện	Cột 20m: Cột đa giác động nâng hạ (20m dày 5mm + giàn di động nâng hạ)	cột	BS5649:1995/BS EN 40-5:2003		Công ty CP Tập đoàn MDC GROUP.Đc: Phòng 411, Tầng 4, Tòa nhà văn phòng Detech, số 8, Tôn Thất Thuyết, Phường Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam - Đt: 0987 898 605. Công văn Số: 01.180526/CVLS-MDC ngày 18/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Tại chân công trình trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Áp dụng từ ngày 18/05/2026 đến khi có bảng báo giá mới	Bổ sung mới	160.000.000	160.000.000	160.000.000	160.000.000	160.000.000	160.000.000	160.000.000	160.000.000	160.000.000
1545	Vật tư ngành điện	Cột 30m: Cột đa giác động nâng hạ (30m dày 5mm + giàn di động nâng hạ)	cột	BS5649:1995/BS EN 40-5:2004		Công ty CP Tập đoàn MDC GROUP.Đc: Phòng 411, Tầng 4, Tòa nhà văn phòng Detech, số 8, Tôn Thất Thuyết, Phường Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam - Đt: 0987 898 605. Công văn Số: 01.180526/CVLS-MDC ngày 18/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Tại chân công trình trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Áp dụng từ ngày 18/05/2026 đến khi có bảng báo giá mới	Bổ sung mới	225.050.000	225.050.000	225.050.000	225.050.000	225.050.000	225.050.000	225.050.000	225.050.000	225.050.000
1546	Vật tư ngành điện	ĐÈN LED MDC LACHONG 80W	cái	TCVN 7722-2-3:2019 TCVN ISO 9001-2015 ISO 14001:2015	Kích thước: 667x290x128mm	Công ty CP Tập đoàn MDC GROUP.Đc: Phòng 411, Tầng 4, Tòa nhà văn phòng Detech, số 8, Tôn Thất Thuyết, Phường Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam - Đt: 0987 898 605. Công văn Số: 01.180526/CVLS-MDC ngày 18/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Tại chân công trình trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Áp dụng từ ngày 18/05/2026 đến khi có bảng báo giá mới	Bổ sung mới	9.330.000	9.330.000	9.330.000	9.330.000	9.330.000	9.330.000	9.330.000	9.330.000	9.330.000
1547	Vật tư ngành điện	Đèn MDC LACHONG 100W	cái	TCVN 7722-2-3:2019 TCVN ISO 9001-2015 ISO 14001:2015	Kích thước: 667x290x128mm	Công ty CP Tập đoàn MDC GROUP.Đc: Phòng 411, Tầng 4, Tòa nhà văn phòng Detech, số 8, Tôn Thất Thuyết, Phường Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam - Đt: 0987 898 605. Công văn Số: 01.180526/CVLS-MDC ngày 18/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Tại chân công trình trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Áp dụng từ ngày 18/05/2026 đến khi có bảng báo giá mới	Bổ sung mới	10.150.000	10.150.000	10.150.000	10.150.000	10.150.000	10.150.000	10.150.000	10.150.000	10.150.000
1548	Vật tư ngành điện	Đèn MDC LACHONG 120W	cái	TCVN 7722-2-3:2019 TCVN ISO 9001-2015 ISO 14001:2015	Kích thước: 667x290x128mm	Công ty CP Tập đoàn MDC GROUP.Đc: Phòng 411, Tầng 4, Tòa nhà văn phòng Detech, số 8, Tôn Thất Thuyết, Phường Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam - Đt: 0987 898 605. Công văn Số: 01.180526/CVLS-MDC ngày 18/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Tại chân công trình trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Áp dụng từ ngày 18/05/2026 đến khi có bảng báo giá mới	Bổ sung mới	11.268.000	11.268.000	11.268.000	11.268.000	11.268.000	11.268.000	11.268.000	11.268.000	11.268.000
1549	Vật tư ngành điện	Đèn MDC LACHONG 150W	cái	TCVN 7722-2-3:2019 TCVN ISO 9001-2015 ISO 14001:2015	Kích thước: 667x290x128mm	Công ty CP Tập đoàn MDC GROUP.Đc: Phòng 411, Tầng 4, Tòa nhà văn phòng Detech, số 8, Tôn Thất Thuyết, Phường Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam - Đt: 0987 898 605. Công văn Số: 01.180526/CVLS-MDC ngày 18/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Tại chân công trình trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Áp dụng từ ngày 18/05/2026 đến khi có bảng báo giá mới	Bổ sung mới	12.465.000	12.465.000	12.465.000	12.465.000	12.465.000	12.465.000	12.465.000	12.465.000	12.465.000
1550	Vật tư ngành điện	Đèn MDC THANGLONG 80W	cái	TCVN 7722-2-3:2019 TCVN ISO 9001-2015 ISO 14001:2015	Kích thước: 591x222x92mm	Công ty CP Tập đoàn MDC GROUP.Đc: Phòng 411, Tầng 4, Tòa nhà văn phòng Detech, số 8, Tôn Thất Thuyết, Phường Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam - Đt: 0987 898 605. Công văn Số: 01.180526/CVLS-MDC ngày 18/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Tại chân công trình trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Áp dụng từ ngày 18/05/2026 đến khi có bảng báo giá mới	Bổ sung mới	8.150.000	8.150.000	8.150.000	8.150.000	8.150.000	8.150.000	8.150.000	8.150.000	8.150.000
1551	Vật tư ngành điện	Đèn MDC THANGLONG 100W	cái	TCVN 7722-2-3:2019 TCVN ISO 9001-2015 ISO 14001:2015	Kích thước: 591x222x92mm	Công ty CP Tập đoàn MDC GROUP.Đc: Phòng 411, Tầng 4, Tòa nhà văn phòng Detech, số 8, Tôn Thất Thuyết, Phường Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam - Đt: 0987 898 605. Công văn Số: 01.180526/CVLS-MDC ngày 18/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Tại chân công trình trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Áp dụng từ ngày 18/05/2026 đến khi có bảng báo giá mới	Bổ sung mới	8.200.000	8.200.000	8.200.000	8.200.000	8.200.000	8.200.000	8.200.000	8.200.000	8.200.000
1552	Vật tư ngành điện	Đèn MDC THANGLONG 120W	cái	TCVN 7722-2-3:2019 TCVN ISO 9001-2015 ISO 14001:2015	Kích thước: 712x300x97mm	Công ty CP Tập đoàn MDC GROUP.Đc: Phòng 411, Tầng 4, Tòa nhà văn phòng Detech, số 8, Tôn Thất Thuyết, Phường Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam - Đt: 0987 898 605. Công văn Số: 01.180526/CVLS-MDC ngày 18/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Tại chân công trình trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Áp dụng từ ngày 18/05/2026 đến khi có bảng báo giá mới	Bổ sung mới	9.150.000	9.150.000	9.150.000	9.150.000	9.150.000	9.150.000	9.150.000	9.150.000	9.150.000
1553	Vật tư ngành điện	Đèn MDC THANGLONG 150W	cái	TCVN 7722-2-3:2019 TCVN ISO 9001-2015 ISO 14001:2015	Kích thước: 712x300x97mm	Công ty CP Tập đoàn MDC GROUP.Đc: Phòng 411, Tầng 4, Tòa nhà văn phòng Detech, số 8, Tôn Thất Thuyết, Phường Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam - Đt: 0987 898 605. Công văn Số: 01.180526/CVLS-MDC ngày 18/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Tại chân công trình trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Áp dụng từ ngày 18/05/2026 đến khi có bảng báo giá mới	Bổ sung mới	10.550.000	10.550.000	10.550.000	10.550.000	10.550.000	10.550.000	10.550.000	10.550.000	10.550.000
1554	Vật tư ngành điện	Đèn MDC SAIGON 80W	cái	TCVN 7722-2-3:2019 TCVN ISO 9001-2015 ISO 14001:2015	Kích thước: 594x260x93mm	Công ty CP Tập đoàn MDC GROUP.Đc: Phòng 411, Tầng 4, Tòa nhà văn phòng Detech, số 8, Tôn Thất Thuyết, Phường Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam - Đt: 0987 898 605. Công văn Số: 01.180526/CVLS-MDC ngày 18/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Tại chân công trình trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Áp dụng từ ngày 18/05/2026 đến khi có bảng báo giá mới	Bổ sung mới	7.550.000	7.550.000	7.550.000	7.550.000	7.550.000	7.550.000	7.550.000	7.550.000	7.550.000
1555	Vật tư ngành điện	Đèn MDC SAIGON 100W	cái	TCVN 7722-2-3:2019 TCVN ISO 9001-2015 ISO 14001:2015	Kích thước: 594x260x93mm	Công ty CP Tập đoàn MDC GROUP.Đc: Phòng 411, Tầng 4, Tòa nhà văn phòng Detech, số 8, Tôn Thất Thuyết, Phường Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam - Đt: 0987 898 605. Công văn Số: 01.180526/CVLS-MDC ngày 18/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Tại chân công trình trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Áp dụng từ ngày 18/05/2026 đến khi có bảng báo giá mới	Bổ sung mới	7.630.000	7.630.000	7.630.000	7.630.000	7.630.000	7.630.000	7.630.000	7.630.000	7.630.000
1556	Vật tư ngành điện	Đèn MDC SAIGON 120W	cái	TCVN 7722-2-3:2019 TCVN ISO 9001-2015 ISO 14001:2015	Kích thước: 594x260x93mm	Công ty CP Tập đoàn MDC GROUP.Đc: Phòng 411, Tầng 4, Tòa nhà văn phòng Detech, số 8, Tôn Thất Thuyết, Phường Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam - Đt: 0987 898 605. Công văn Số: 01.180526/CVLS-MDC ngày 18/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Tại chân công trình trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Áp dụng từ ngày 18/05/2026 đến khi có bảng báo giá mới	Bổ sung mới	8.050.000	8.050.000	8.050.000	8.050.000	8.050.000	8.050.000	8.050.000	8.050.000	8.050.000
1557	Vật tư ngành điện	Đèn MDC SAIGON 150W	cái	TCVN 7722-2-3:2019 TCVN ISO 9001-2015 ISO 14001:2015	Kích thước: 806x320x106mm	Công ty CP Tập đoàn MDC GROUP.Đc: Phòng 411, Tầng 4, Tòa nhà văn phòng Detech, số 8, Tôn Thất Thuyết, Phường Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam - Đt: 0987 898 605. Công văn Số: 01.180526/CVLS-MDC ngày 18/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Tại chân công trình trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Áp dụng từ ngày 18/05/2026 đến khi có bảng báo giá mới	Bổ sung mới	8.560.000	8.560.000	8.560.000	8.560.000	8.560.000	8.560.000	8.560.000	8.560.000	8.560.000

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)(đồng)								
												Khu vực TP. Tây Ninh	Khu vực TX.Trảng Bàng	Khu vực TX. Hoà Thành	Khu vực H.Tân Biên	Khu vực H.Tân Châu	Khu vực H. Châu Thành	Khu vực H.Dương Minh Châu	Khu vực H. Bến Cầu	Khu vực H. Gò Dầu
1558	Vật tư ngành điện	Đèn MDC DRACO 80W	cái	TCVN 7722-2-3:2019 TCVN ISO 9001-2015 ISO 14001:2015	Kích thước: 616x259x186mm	Công ty CP Tập đoàn MDC GROUP.Đc: Phòng 411, Tầng 4, Tòa nhà văn phòng Detech, số 8, Tôn Thất Thuyết, Phường Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam - Đt: 0987 898 605. Công văn Số: 01.180526/CVLS-MDC ngày 18/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Tại chân công trình trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Áp dụng từ ngày 18/05/2026 đến khi có bảng báo giá mới	Bổ sung mới	6.250.000	6.250.000	6.250.000	6.250.000	6.250.000	6.250.000	6.250.000	6.250.000	6.250.000
1559	Vật tư ngành điện	Đèn MDC DRACO 100W	cái	TCVN 7722-2-3:2019 TCVN ISO 9001-2015 ISO 14001:2015	Kích thước: 616x259x186mm	Công ty CP Tập đoàn MDC GROUP.Đc: Phòng 411, Tầng 4, Tòa nhà văn phòng Detech, số 8, Tôn Thất Thuyết, Phường Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam - Đt: 0987 898 605. Công văn Số: 01.180526/CVLS-MDC ngày 18/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Tại chân công trình trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Áp dụng từ ngày 18/05/2026 đến khi có bảng báo giá mới	Bổ sung mới	6.350.000	6.350.000	6.350.000	6.350.000	6.350.000	6.350.000	6.350.000	6.350.000	6.350.000
1560	Vật tư ngành điện	Đèn MDC DRACO 120W	cái	TCVN 7722-2-3:2019 TCVN ISO 9001-2015 ISO 14001:2015	Kích thước: 676x305x187mm	Công ty CP Tập đoàn MDC GROUP.Đc: Phòng 411, Tầng 4, Tòa nhà văn phòng Detech, số 8, Tôn Thất Thuyết, Phường Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam - Đt: 0987 898 605. Công văn Số: 01.180526/CVLS-MDC ngày 18/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Tại chân công trình trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Áp dụng từ ngày 18/05/2026 đến khi có bảng báo giá mới	Bổ sung mới	6.500.000	6.500.000	6.500.000	6.500.000	6.500.000	6.500.000	6.500.000	6.500.000	6.500.000
1561	Vật tư ngành điện	Đèn MDC DRACO 150W	cái	TCVN 7722-2-3:2019 TCVN ISO 9001-2015 ISO 14001:2015	Kích thước: 676x305x187mm	Công ty CP Tập đoàn MDC GROUP.Đc: Phòng 411, Tầng 4, Tòa nhà văn phòng Detech, số 8, Tôn Thất Thuyết, Phường Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam - Đt: 0987 898 605. Công văn Số: 01.180526/CVLS-MDC ngày 18/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Tại chân công trình trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Áp dụng từ ngày 18/05/2026 đến khi có bảng báo giá mới	Bổ sung mới	7.550.000	7.550.000	7.550.000	7.550.000	7.550.000	7.550.000	7.550.000	7.550.000	7.550.000
1562	Vật tư ngành điện	Đèn MDC TITAN công suất 80W	cái	TCVN 7722-2-3:2019 TCVN ISO 9001-2015 ISO 14001:2015	Kích thước: 422x320x140mm	Công ty CP Tập đoàn MDC GROUP.Đc: Phòng 411, Tầng 4, Tòa nhà văn phòng Detech, số 8, Tôn Thất Thuyết, Phường Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam - Đt: 0987 898 605. Công văn Số: 01.180526/CVLS-MDC ngày 18/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Tại chân công trình trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Áp dụng từ ngày 18/05/2026 đến khi có bảng báo giá mới	Bổ sung mới	5.250.000	5.250.000	5.250.000	5.250.000	5.250.000	5.250.000	5.250.000	5.250.000	5.250.000
1563	Vật tư ngành điện	Đèn MDC TITAN công suất 100W	cái	TCVN 7722-2-3:2019 TCVN ISO 9001-2015 ISO 14001:2015	Kích thước: 422x320x140mm	Công ty CP Tập đoàn MDC GROUP.Đc: Phòng 411, Tầng 4, Tòa nhà văn phòng Detech, số 8, Tôn Thất Thuyết, Phường Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam - Đt: 0987 898 605. Công văn Số: 01.180526/CVLS-MDC ngày 18/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Tại chân công trình trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Áp dụng từ ngày 18/05/2026 đến khi có bảng báo giá mới	Bổ sung mới	5.370.000	5.370.000	5.370.000	5.370.000	5.370.000	5.370.000	5.370.000	5.370.000	5.370.000
1564	Vật tư ngành điện	Đèn MDC TITAN công suất 120W	cái	TCVN 7722-2-3:2019 TCVN ISO 9001-2015 ISO 14001:2015	Kích thước: 422x320x140mm	Công ty CP Tập đoàn MDC GROUP.Đc: Phòng 411, Tầng 4, Tòa nhà văn phòng Detech, số 8, Tôn Thất Thuyết, Phường Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam - Đt: 0987 898 605. Công văn Số: 01.180526/CVLS-MDC ngày 18/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Tại chân công trình trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Áp dụng từ ngày 18/05/2026 đến khi có bảng báo giá mới	Bổ sung mới	5.860.000	5.860.000	5.860.000	5.860.000	5.860.000	5.860.000	5.860.000	5.860.000	5.860.000
1565	Vật tư ngành điện	Đèn MDC TITAN công suất 150W	cái	TCVN 7722-2-3:2019 TCVN ISO 9001-2015 ISO 14001:2015	Kích thước: 422x320x140mm	Công ty CP Tập đoàn MDC GROUP.Đc: Phòng 411, Tầng 4, Tòa nhà văn phòng Detech, số 8, Tôn Thất Thuyết, Phường Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam - Đt: 0987 898 605. Công văn Số: 01.180526/CVLS-MDC ngày 18/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Tại chân công trình trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Áp dụng từ ngày 18/05/2026 đến khi có bảng báo giá mới	Bổ sung mới	6.550.000	6.550.000	6.550.000	6.550.000	6.550.000	6.550.000	6.550.000	6.550.000	6.550.000
1566	Vật tư ngành điện	Đèn MDC - S01	cái	TCVN 7722-2-3:2019 TCVN ISO 9001-2015 ISO 14001:2015		Công ty CP Tập đoàn MDC GROUP.Đc: Phòng 411, Tầng 4, Tòa nhà văn phòng Detech, số 8, Tôn Thất Thuyết, Phường Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam - Đt: 0987 898 605. Công văn Số: 01.180526/CVLS-MDC ngày 18/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Tại chân công trình trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Áp dụng từ ngày 18/05/2026 đến khi có bảng báo giá mới	Bổ sung mới	10.500.000	10.500.000	10.500.000	10.500.000	10.500.000	10.500.000	10.500.000	10.500.000	10.500.000
1567	Vật tư ngành điện	Đèn MDC - S03	cái	TCVN 7722-2-3:2019 TCVN ISO 9001-2015 ISO 14001:2015		Công ty CP Tập đoàn MDC GROUP.Đc: Phòng 411, Tầng 4, Tòa nhà văn phòng Detech, số 8, Tôn Thất Thuyết, Phường Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam - Đt: 0987 898 605. Công văn Số: 01.180526/CVLS-MDC ngày 18/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Tại chân công trình trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Áp dụng từ ngày 18/05/2026 đến khi có bảng báo giá mới	Bổ sung mới	9.300.000	9.300.000	9.300.000	9.300.000	9.300.000	9.300.000	9.300.000	9.300.000	9.300.000
1568	Vật tư ngành điện	Đèn MDC NLMT - 80W	cái	TCVN 7722-2-3:2019 TCVN ISO 9001-2015 ISO 14001:2015		Công ty CP Tập đoàn MDC GROUP.Đc: Phòng 411, Tầng 4, Tòa nhà văn phòng Detech, số 8, Tôn Thất Thuyết, Phường Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam - Đt: 0987 898 605. Công văn Số: 01.180526/CVLS-MDC ngày 18/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Tại chân công trình trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Áp dụng từ ngày 18/05/2026 đến khi có bảng báo giá mới	Bổ sung mới	11.500.000	11.500.000	11.500.000	11.500.000	11.500.000	11.500.000	11.500.000	11.500.000	11.500.000
1569	Vật tư ngành điện	Đèn MDC NLMT liền thể 60W	cái	TCVN 7722-2-3:2019 TCVN ISO 9001-2015 ISO 14001:2015		Công ty CP Tập đoàn MDC GROUP.Đc: Phòng 411, Tầng 4, Tòa nhà văn phòng Detech, số 8, Tôn Thất Thuyết, Phường Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam - Đt: 0987 898 605. Công văn Số: 01.180526/CVLS-MDC ngày 18/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Tại chân công trình trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Áp dụng từ ngày 18/05/2026 đến khi có bảng báo giá mới	Bổ sung mới	11.650.000	11.650.000	11.650.000	11.650.000	11.650.000	11.650.000	11.650.000	11.650.000	11.650.000
1570	Vật tư ngành điện	Đèn MDC NLMT liền thể 80W	cái	TCVN 7722-2-3:2019 TCVN ISO 9001-2015 ISO 14001:2015		Công ty CP Tập đoàn MDC GROUP.Đc: Phòng 411, Tầng 4, Tòa nhà văn phòng Detech, số 8, Tôn Thất Thuyết, Phường Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam - Đt: 0987 898 605. Công văn Số: 01.180526/CVLS-MDC ngày 18/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Tại chân công trình trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Áp dụng từ ngày 18/05/2026 đến khi có bảng báo giá mới	Bổ sung mới	12.050.000	12.050.000	12.050.000	12.050.000	12.050.000	12.050.000	12.050.000	12.050.000	12.050.000
1571	Vật tư ngành điện	Đèn MDC NLMT liền thể 120W	cái	TCVN 7722-2-3:2019 TCVN ISO 9001-2015 ISO 14001:2015		Công ty CP Tập đoàn MDC GROUP.Đc: Phòng 411, Tầng 4, Tòa nhà văn phòng Detech, số 8, Tôn Thất Thuyết, Phường Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam - Đt: 0987 898 605. Công văn Số: 01.180526/CVLS-MDC ngày 18/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Tại chân công trình trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Áp dụng từ ngày 18/05/2026 đến khi có bảng báo giá mới	Bổ sung mới	15.150.000	15.150.000	15.150.000	15.150.000	15.150.000	15.150.000	15.150.000	15.150.000	15.150.000
1572	Vật tư ngành điện	Đèn MDC BLUECACBON 2.0 NLMT 36W-70AH	cái	TCVN 7722-2-3:2019 TCVN ISO 9001-2015 ISO 14001:2015		Công ty CP Tập đoàn MDC GROUP.Đc: Phòng 411, Tầng 4, Tòa nhà văn phòng Detech, số 8, Tôn Thất Thuyết, Phường Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam - Đt: 0987 898 605. Công văn Số: 01.180526/CVLS-MDC ngày 18/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Tại chân công trình trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Áp dụng từ ngày 18/05/2026 đến khi có bảng báo giá mới	Bổ sung mới	6.000.000	6.000.000	6.000.000	6.000.000	6.000.000	6.000.000	6.000.000	6.000.000	6.000.000
1573	Vật tư ngành điện	Đèn MDC BLUECACBON 2.0 NLMT 50W-70AH	cái	TCVN 7722-2-3:2019 TCVN ISO 9001-2015 ISO 14001:2015		Công ty CP Tập đoàn MDC GROUP.Đc: Phòng 411, Tầng 4, Tòa nhà văn phòng Detech, số 8, Tôn Thất Thuyết, Phường Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam - Đt: 0987 898 605. Công văn Số: 01.180526/CVLS-MDC ngày 18/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Tại chân công trình trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Áp dụng từ ngày 18/05/2026 đến khi có bảng báo giá mới	Bổ sung mới	7.150.000	7.150.000	7.150.000	7.150.000	7.150.000	7.150.000	7.150.000	7.150.000	7.150.000
1574	Vật tư ngành điện	Đèn MDC BLUECACBON 2.0 NLMT 56W-90AH	cái	TCVN 7722-2-3:2019 TCVN ISO 9001-2015 ISO 14001:2015		Công ty CP Tập đoàn MDC GROUP.Đc: Phòng 411, Tầng 4, Tòa nhà văn phòng Detech, số 8, Tôn Thất Thuyết, Phường Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam - Đt: 0987 898 605. Công văn Số: 01.180526/CVLS-MDC ngày 18/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Tại chân công trình trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Áp dụng từ ngày 18/05/2026 đến khi có bảng báo giá mới	Bổ sung mới	7.200.000	7.200.000	7.200.000	7.200.000	7.200.000	7.200.000	7.200.000	7.200.000	7.200.000
1575	Vật tư ngành điện	Đèn MDC BLUECACBON 2.0 NLMT 70W-140AH	cái	TCVN 7722-2-3:2019 TCVN ISO 9001-2015 ISO 14001:2015		Công ty CP Tập đoàn MDC GROUP.Đc: Phòng 411, Tầng 4, Tòa nhà văn phòng Detech, số 8, Tôn Thất Thuyết, Phường Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam - Đt: 0987 898 605. Công văn Số: 01.180526/CVLS-MDC ngày 18/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Tại chân công trình trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Áp dụng từ ngày 18/05/2026 đến khi có bảng báo giá mới	Bổ sung mới	9.150.000	9.150.000	9.150.000	9.150.000	9.150.000	9.150.000	9.150.000	9.150.000	9.150.000
1576	Vật tư ngành điện	Đèn MDC BLUECACBON 3.0 NLMT 80W-160AH	cái	TCVN 7722-2-3:2019 TCVN ISO 9001-2015 ISO 14001:2015		Công ty CP Tập đoàn MDC GROUP.Đc: Phòng 411, Tầng 4, Tòa nhà văn phòng Detech, số 8, Tôn Thất Thuyết, Phường Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam - Đt: 0987 898 605. Công văn Số: 01.180526/CVLS-MDC ngày 18/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Tại chân công trình trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Áp dụng từ ngày 18/05/2026 đến khi có bảng báo giá mới	Bổ sung mới	11.700.000	11.700.000	11.700.000	11.700.000	11.700.000	11.700.000	11.700.000	11.700.000	11.700.000
1577	Vật tư ngành điện	Đèn MDC BLUECACBON 2.0 NLMT 100W-200AH	cái	TCVN 7722-2-3:2019 TCVN ISO 9001-2015 ISO 14001:2015		Công ty CP Tập đoàn MDC GROUP.Đc: Phòng 411, Tầng 4, Tòa nhà văn phòng Detech, số 8, Tôn Thất Thuyết, Phường Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam - Đt: 0987 898 605. Công văn Số: 01.180526/CVLS-MDC ngày 18/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Tại chân công trình trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Áp dụng từ ngày 18/05/2026 đến khi có bảng báo giá mới	Bổ sung mới	10.950.000	10.950.000	10.950.000	10.950.000	10.950.000	10.950.000	10.950.000	10.950.000	10.950.000
1578	Vật tư ngành điện	Đèn MDC BLUECACBON 3.0 NLMT 120W-200AH	cái	TCVN 7722-2-3:2019 TCVN ISO 9001-2015 ISO 14001:2015		Công ty CP Tập đoàn MDC GROUP.Đc: Phòng 411, Tầng 4, Tòa nhà văn phòng Detech, số 8, Tôn Thất Thuyết, Phường Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam - Đt: 0987 898 605. Công văn Số: 01.180526/CVLS-MDC ngày 18/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Tại chân công trình trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Áp dụng từ ngày 18/05/2026 đến khi có bảng báo giá mới	Bổ sung mới	13.000.000	13.000.000	13.000.000	13.000.000	13.000.000	13.000.000	13.000.000	13.000.000	13.000.000
1579	Vật tư ngành điện	Led Panel Âm trần- Tròn 7W ánh sáng trắng (T)/ trung tính (N)/ vàng (V) RPL3-7T/N/V	Cái	QCVN 19:2019/BKHCN RA > 80; PF > 0.5 Tuổi thọ: 30.000 giờ Chip Led: SMD 2835	1 cái/hộp 60 cái/thùng	Công Ty TNHH TM - DV Điện Mạnh Phương - MPE. Nhà máy sản xuất thiết bị điện: Lô LG14-15-16, Đường số 3, KCN Xuyên Á, Xã Đức Lập, Tỉnh Tây Ninh. (Công văn đề nghị công bố giá số 311/MPE-SXD ngày 01/07/2026)	China	Không có thông tin	Trong phạm vi tỉnh Tây Ninh	CHỨNG NHẬN HỢP QUY SỐ: VIC/23.HQ/18.01.1123 Mức giá được thực hiện từ ngày 01/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	99.630	99.630	99.630	99.630	99.630	99.630	99.630	99.630	99.630
1580	Vật tư ngành điện	Led Panel Âm trần- Tròn 12W ánh sáng trắng (T)/ trung tính (N)/ vàng (V) RPL3-12T/N/V	Cái	QCVN 19:2019/BKHCN RA > 80; PF > 0.5 Tuổi thọ: 30.000 giờ Chip Led: SMD 2835	1 cái/hộp 40 cái/thùng	Công Ty TNHH TM - DV Điện Mạnh Phương - MPE. Nhà máy sản xuất thiết bị điện: Lô LG14-15-16, Đường số 3, KCN Xuyên Á, Xã Đức Lập, Tỉnh Tây Ninh. (Công văn đề nghị công bố giá số 311/MPE-SXD ngày 01/07/2026)	China	Không có thông tin	Trong phạm vi tỉnh Tây Ninh	CHỨNG NHẬN HỢP QUY SỐ: VIC/23.HQ/18.01.1123 Mức giá được thực hiện từ ngày 01/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	142.870	142.870	142.870	142.870	142.870	142.870	142.870	142.870	142.870

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)(đồng)								
												Khu vực TP. Tây Ninh	Khu vực TX.Trảng Bàng	Khu vực TX. Hoà Thành	Khu vực H.Tân Biên	Khu vực H.Tân Châu	Khu vực H. Châu Thành	Khu vực H.Dương Minh Châu	Khu vực H. Bến Cầu	Khu vực H. Gò Dầu
1581	Vật tư ngành điện	Led Panel ốp trần- Tròn (DOB) 12W ánh sáng trắng (T)/ vàng (V) SRPL2-12T/V	Cái	QCVN 19:2019/BKHCN RA > 80; PF > 0.5 Tuổi thọ: 30.000 giờ Chip Led: SMD 2835	1 cái/hộp 30 cái/thùng	Công Ty TNHH TM - DV Điện Mạnh Phương - MPE. Nhà máy sản xuất thiết bị điện: Lô LG14-15-16, Đường số 3, KCN Xuyên Á, Xã Đức Lập, Tỉnh Tây Ninh. (Công văn đề nghị công bố giá số 311/MPE-SXD ngày 01/07/2026)	China	Không có thông tin	Trong phạm vi tỉnh Tây Ninh	CHỨNG NHẬN HỢP QUY SỐ: VIC/23.HQ/18.01.1123 Mức giá được thực hiện từ ngày 01/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	112.963	112.963	112.963	112.963	112.963	112.963	112.963	112.963	112.963
1582	Vật tư ngành điện	Led Panel ốp trần- Tròn (DOB) 18W ánh sáng trắng (T)/ vàng (V) SRPL2-18T/V	Cái	QCVN 19:2019/BKHCN RA > 80; PF > 0.5 Tuổi thọ: 30.000 giờ Chip Led: SMD 2835	1 cái/hộp 20 cái/thùng	Công Ty TNHH TM - DV Điện Mạnh Phương - MPE. Nhà máy sản xuất thiết bị điện: Lô LG14-15-16, Đường số 3, KCN Xuyên Á, Xã Đức Lập, Tỉnh Tây Ninh. (Công văn đề nghị công bố giá số 311/MPE-SXD ngày 01/07/2026)	China	Không có thông tin	Trong phạm vi tỉnh Tây Ninh	CHỨNG NHẬN HỢP QUY SỐ: VIC/23.HQ/18.01.1123 Mức giá được thực hiện từ ngày 01/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	154.722	154.722	154.722	154.722	154.722	154.722	154.722	154.722	154.722
1583	Vật tư ngành điện	Đèn led tube thủy tinh 1x28W 1m2,ánh sáng trắng (T) GT3-120T	Cái	QCVN 19:2019/BKHCN RA > 80; PF > 0.5 Tuổi thọ: 30.000 giờ Chip Led: SMD 2835	12 cái/thùng	Công Ty TNHH TM - DV Điện Mạnh Phương - MPE. Nhà máy sản xuất thiết bị điện: Lô LG14-15-16, Đường số 3, KCN Xuyên Á, Xã Đức Lập, Tỉnh Tây Ninh. (Công văn đề nghị công bố giá số 311/MPE-SXD ngày 01/07/2026)	China	Không có thông tin	Trong phạm vi tỉnh Tây Ninh	CHỨNG NHẬN HỢP QUY SỐ: VIC/23.HQ/18.01.1123 Mức giá được thực hiện từ ngày 01/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	90.741	90.741	90.741	90.741	90.741	90.741	90.741	90.741	90.741
1584	Vật tư ngành điện	Led Panel Âm trần- Vuông 6W ánh sáng trắng (T)/ trung tính (N)/ vàng (V) SPL-6T/V	Cái	QCVN 19:2019/BKHCN RA > 80; PF > 0.5 Tuổi thọ: 30.000 giờ Chip Led: SMD 2835	1 cái/hộp 60 cái/thùng	Công Ty TNHH TM - DV Điện Mạnh Phương - MPE. Nhà máy sản xuất thiết bị điện: Lô LG14-15-16, Đường số 3, KCN Xuyên Á, Xã Đức Lập, Tỉnh Tây Ninh. (Công văn đề nghị công bố giá số 311/MPE-SXD ngày 01/07/2026)	China	Không có thông tin	Trong phạm vi tỉnh Tây Ninh	CHỨNG NHẬN HỢP QUY SỐ: VIC/23.HQ/18.01.1123 Mức giá được thực hiện từ ngày 01/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	117.222	117.222	117.222	117.222	117.222	117.222	117.222	117.222	117.222
1585	Vật tư ngành điện	Led Panel Âm trần- Vuông 9W ánh sáng trắng (T)/ trung tính (N)/ vàng (V) SPL-9T/V	Cái	QCVN 19:2019/BKHCN RA > 80; PF > 0.5 Tuổi thọ: 30.000 giờ Chip Led: SMD 2835	1 cái/hộp 40 cái/thùng	Công Ty TNHH TM - DV Điện Mạnh Phương - MPE. Nhà máy sản xuất thiết bị điện: Lô LG14-15-16, Đường số 3, KCN Xuyên Á, Xã Đức Lập, Tỉnh Tây Ninh. (Công văn đề nghị công bố giá số 311/MPE-SXD ngày 01/07/2026)	China	Không có thông tin	Trong phạm vi tỉnh Tây Ninh	CHỨNG NHẬN HỢP QUY SỐ: VIC/23.HQ/18.01.1123 Mức giá được thực hiện từ ngày 01/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	151.852	151.852	151.852	151.852	151.852	151.852	151.852	151.852	151.852
1586	Vật tư ngành điện	Led tấm 36W 600x600x35mm ánh sáng trắng (T)/ trung tính (N) FPD3-6060T/N	Cái	QCVN 19:2019/BKHCN RA > 80; PF > 0.9 Tuổi thọ: 30.000 giờ Chip Led: SMD 2835	1 cái/hộp 5 cái/thùng	Công Ty TNHH TM - DV Điện Mạnh Phương - MPE. Nhà máy sản xuất thiết bị điện: Lô LG14-15-16, Đường số 3, KCN Xuyên Á, Xã Đức Lập, Tỉnh Tây Ninh. (Công văn đề nghị công bố giá số 311/MPE-SXD ngày 01/07/2026)	China	Không có thông tin	Trong phạm vi tỉnh Tây Ninh	CHỨNG NHẬN HỢP QUY SỐ: VIC/23.HQ/18.01.1123 Mức giá được thực hiện từ ngày 01/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	744.630	744.630	744.630	744.630	744.630	744.630	744.630	744.630	744.630
1587	Vật tư ngành điện	Led tấm 36W 120x300x35mm ánh sáng trắng (T)/ trung tính (N) FPD3-12030T/N	Cái	QCVN 19:2019/BKHCN RA > 80; PF > 0.9 Tuổi thọ: 30.000 giờ Chip Led: SMD 2835	1 cái/hộp 5 cái/thùng	Công Ty TNHH TM - DV Điện Mạnh Phương - MPE. Nhà máy sản xuất thiết bị điện: Lô LG14-15-16, Đường số 3, KCN Xuyên Á, Xã Đức Lập, Tỉnh Tây Ninh. (Công văn đề nghị công bố giá số 311/MPE-SXD ngày 01/07/2026)	China	Không có thông tin	Trong phạm vi tỉnh Tây Ninh	CHỨNG NHẬN HỢP QUY SỐ: VIC/23.HQ/18.01.1123 Mức giá được thực hiện từ ngày 01/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	864.352	97.407	97.407	97.407	97.407	97.407	97.407	97.407	97.407
1588	Vật tư ngành điện	Led chiếu sáng đường phố 100W ánh sáng trung tính (N)/ vàng (V) LST2-100N/V	Cái	QCVN 19:2019/BKHCN RA > 80; PF > 0.9 Tuổi thọ: 50.000 giờ Chip Led: SMD 2835	1 Cái/ Thùng	Công Ty TNHH TM - DV Điện Mạnh Phương - MPE. Nhà máy sản xuất thiết bị điện: Lô LG14-15-16, Đường số 3, KCN Xuyên Á, Xã Đức Lập, Tỉnh Tây Ninh. (Công văn đề nghị công bố giá số 311/MPE-SXD ngày 01/07/2026)	China	Không có thông tin	Trong phạm vi tỉnh Tây Ninh	CHỨNG NHẬN HỢP QUY SỐ: VIC/23.HQ/18.01.1123 Mức giá được thực hiện từ ngày 01/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	2.154.630	2.154.630	2.154.630	2.154.630	2.154.630	2.154.630	2.154.630	2.154.630	2.154.630
1589	Vật tư ngành điện	Led chiếu sáng đường phố 150W ánh sáng trung tính (N)/ vàng (V) LST2-150N/V	Cái	QCVN 19:2019/BKHCN RA > 80; PF > 0.9 Tuổi thọ: 50.000 giờ Chip Led: SMD 2835	1 Cái/ Thùng	Công Ty TNHH TM - DV Điện Mạnh Phương - MPE. Nhà máy sản xuất thiết bị điện: Lô LG14-15-16, Đường số 3, KCN Xuyên Á, Xã Đức Lập, Tỉnh Tây Ninh. (Công văn đề nghị công bố giá số 311/MPE-SXD ngày 01/07/2026)	China	Không có thông tin	Trong phạm vi tỉnh Tây Ninh	CHỨNG NHẬN HỢP QUY SỐ: VIC/23.HQ/18.01.1123 Mức giá được thực hiện từ ngày 01/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	2.766.019	2.766.019	2.766.019	2.766.019	2.766.019	2.766.019	2.766.019	2.766.019	2.766.019
1590	Vật tư ngành điện	Led chiếu sáng đường phố 200W ánh sáng trung tính (N)/ vàng (V) LST2-200N/V	Cái	QCVN 19:2019/BKHCN RA > 80; PF > 0.9 Tuổi thọ: 50.000 giờ Chip Led: SMD 2835	1 Cái/ Thùng	Công Ty TNHH TM - DV Điện Mạnh Phương - MPE. Nhà máy sản xuất thiết bị điện: Lô LG14-15-16, Đường số 3, KCN Xuyên Á, Xã Đức Lập, Tỉnh Tây Ninh. (Công văn đề nghị công bố giá số 311/MPE-SXD ngày 01/07/2026)	China	Không có thông tin	Trong phạm vi tỉnh Tây Ninh	CHỨNG NHẬN HỢP QUY SỐ: VIC/23.HQ/18.01.1123 Mức giá được thực hiện từ ngày 01/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	3.688.148	3.688.148	3.688.148	3.688.148	3.688.148	3.688.148	3.688.148	3.688.148	3.688.148
1591	Vật tư ngành điện	Led Downlight âm trần 18W ánh sáng trắng (T)/ vàng (V) DLE-18T/V	Cái	QCVN 19:2019/BKHCN RA > 80; PF > 0.5 Tuổi thọ: 30.000 giờ Chip Led: SMD 2835	1 cái/hộp 10 cái/thùng	Công Ty TNHH TM - DV Điện Mạnh Phương - MPE. Nhà máy sản xuất thiết bị điện: Lô LG14-15-16, Đường số 3, KCN Xuyên Á, Xã Đức Lập, Tỉnh Tây Ninh. (Công văn đề nghị công bố giá số 311/MPE-SXD ngày 01/07/2026)	China	Không có thông tin	Trong phạm vi tỉnh Tây Ninh	CHỨNG NHẬN HỢP QUY SỐ: VIC/23.HQ/18.01.1123 Mức giá được thực hiện từ ngày 01/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	190.926	190.926	190.926	190.926	190.926	190.926	190.926	190.926	190.926
1592	Vật tư ngành điện	Đèn led tube thủy tinh 1x18W 1m2,ánh sáng trắng (T)/ánh sáng vàng (V),ánh sáng trung tính (N) GTB-120T/V/N	Cái	QCVN 19:2019/BKHCN RA > 80; PF > 0.5 Tuổi thọ: 30.000 giờ Chip Led: SMD 2835	1 cái/hộp 25 cái/thùng	Công Ty TNHH TM - DV Điện Mạnh Phương - MPE. Nhà máy sản xuất thiết bị điện: Lô LG14-15-16, Đường số 3, KCN Xuyên Á, Xã Đức Lập, Tỉnh Tây Ninh. (Công văn đề nghị công bố giá số 311/MPE-SXD ngày 01/07/2026)	China	Không có thông tin	Trong phạm vi tỉnh Tây Ninh	CHỨNG NHẬN HỢP QUY SỐ: VIC/23.HQ/18.01.1123 Mức giá được thực hiện từ ngày 01/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	67.685	67.685	67.685	67.685	67.685	67.685	67.685	67.685	67.685
1593	Vật tư ngành điện	Đèn led tube thủy tinh 1x9W 1m2,ánh sáng trắng (T)/ánh sáng vàng (V),ánh sáng trung tính (N) GTB-60T/V/N	Cái	QCVN 19:2019/BKHCN RA > 80; PF > 0.5 Tuổi thọ: 30.000 giờ Chip Led: SMD 2835	1 cái/hộp 25 cái/thùng	Công Ty TNHH TM - DV Điện Mạnh Phương - MPE. Nhà máy sản xuất thiết bị điện: Lô LG14-15-16, Đường số 3, KCN Xuyên Á, Xã Đức Lập, Tỉnh Tây Ninh. (Công văn đề nghị công bố giá số 311/MPE-SXD ngày 01/07/2026)	China	Không có thông tin	Trong phạm vi tỉnh Tây Ninh	CHỨNG NHẬN HỢP QUY SỐ: VIC/23.HQ/18.01.1123 Mức giá được thực hiện từ ngày 01/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	57.037	57.037	57.037	57.037	57.037	57.037	57.037	57.037	57.037
1594	Vật tư ngành điện	Đèn downlight ốp trần 1x16W Ø120 x 38, ánh sáng trắng (T)/ánh sáng vàng (V),ánh sáng trung tính (N) SRDL-16T/V/N	Cái	QCVN 19:2019/BKHCN RA > 80; PF > 0.5 Tuổi thọ: 30.000 giờ Chip Led: SMD 2835	1 cái/hộp 40 cái/thùng	Công Ty TNHH TM - DV Điện Mạnh Phương - MPE. Nhà máy sản xuất thiết bị điện: Lô LG14-15-16, Đường số 3, KCN Xuyên Á, Xã Đức Lập, Tỉnh Tây Ninh. (Công văn đề nghị công bố giá số 311/MPE-SXD ngày 01/07/2026)	China	Không có thông tin	Trong phạm vi tỉnh Tây Ninh	CHỨNG NHẬN HỢP QUY SỐ: VIC/23.HQ/18.01.1123 Mức giá được thực hiện từ ngày 01/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	219.259	219.259	219.259	219.259	219.259	219.259	219.259	219.259	219.259
1595	Vật tư ngành điện	Đèn downlight ốp trần 1x24W Ø173x38, ánh sáng trắng (T)/ánh sáng vàng (V),ánh sáng trung tính (N) SRDL-24T/V/N	Cái	QCVN 19:2019/BKHCN RA > 80; PF > 0.5 Tuổi thọ: 30.000 giờ Chip Led: SMD 2835	1 cái/hộp 20 cái/thùng	Công Ty TNHH TM - DV Điện Mạnh Phương - MPE. Nhà máy sản xuất thiết bị điện: Lô LG14-15-16, Đường số 3, KCN Xuyên Á, Xã Đức Lập, Tỉnh Tây Ninh. (Công văn đề nghị công bố giá số 311/MPE-SXD ngày 01/07/2026)	China	Không có thông tin	Trong phạm vi tỉnh Tây Ninh	CHỨNG NHẬN HỢP QUY SỐ: VIC/23.HQ/18.01.1123 Mức giá được thực hiện từ ngày 01/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	305.093	305.093	305.093	305.093	305.093	305.093	305.093	305.093	305.093
1596	Vật tư ngành điện	Led Panel ốp trần- Vuông (DOB) 12W ánh sáng trắng (T)/ vàng (V) SSPL2-12T/V	Cái	QCVN 19:2019/BKHCN RA > 80; PF > 0.5 Tuổi thọ: 30.000 giờ Chip Led: SMD 2835	1 cái/hộp 30 cái/thùng	Công Ty TNHH TM - DV Điện Mạnh Phương - MPE. Nhà máy sản xuất thiết bị điện: Lô LG14-15-16, Đường số 3, KCN Xuyên Á, Xã Đức Lập, Tỉnh Tây Ninh. (Công văn đề nghị công bố giá số 311/MPE-SXD ngày 01/07/2026)	China	Không có thông tin	Trong phạm vi tỉnh Tây Ninh	CHỨNG NHẬN HỢP QUY SỐ: VIC/23.HQ/18.01.1123 Mức giá được thực hiện từ ngày 01/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	126.019	126.019	126.019	126.019	126.019	126.019	126.019	126.019	126.019
1597	Vật tư ngành điện	Led Panel ốp trần- Vuông (DOB) 18W ánh sáng trắng (T)/ vàng (V) SSPL2-18T/V	Cái	QCVN 19:2019/BKHCN RA > 80; PF > 0.5 Tuổi thọ: 30.000 giờ Chip Led: SMD 2835	1 cái/hộp 20 cái/thùng	Công Ty TNHH TM - DV Điện Mạnh Phương - MPE. Nhà máy sản xuất thiết bị điện: Lô LG14-15-16, Đường số 3, KCN Xuyên Á, Xã Đức Lập, Tỉnh Tây Ninh. (Công văn đề nghị công bố giá số 311/MPE-SXD ngày 01/07/2026)	China	Không có thông tin	Trong phạm vi tỉnh Tây Ninh	CHỨNG NHẬN HỢP QUY SỐ: VIC/23.HQ/18.01.1123 Mức giá được thực hiện từ ngày 01/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	168.426	168.426	168.426	168.426	168.426	168.426	168.426	168.426	168.426
1598	Vật tư ngành điện	Led bán nguyệt 48W thân nhựa BN2-48T	Cái	QCVN 19:2019/BKHCN RA > 80; PF > 0.5 Tuổi thọ: 30.000 giờ Chip Led: SMD 2835	1 cái/hộp 12 cái/thùng	Công Ty TNHH TM - DV Điện Mạnh Phương - MPE. Nhà máy sản xuất thiết bị điện: Lô LG14-15-16, Đường số 3, KCN Xuyên Á, Xã Đức Lập, Tỉnh Tây Ninh. (Công văn đề nghị công bố giá số 311/MPE-SXD ngày 01/07/2026)	China	Không có thông tin	Trong phạm vi tỉnh Tây Ninh	CHỨNG NHẬN HỢP QUY SỐ: VIC/23.HQ/18.01.1123 Mức giá được thực hiện từ ngày 01/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	268.148	268.148	268.148	268.148	268.148	268.148	268.148	268.148	268.148
1599	Vật tư ngành điện	Led chiếu điểm (Gắn ray) 8W ánh sáng trắng (T)/ vàng (V) / trung tính (N) TSL2-8T/V/N	Cái	QCVN 19:2019/BKHCN RA > 80; PF > 0.5 Tuổi thọ: 30.000 giờ Chip Led: COB	1 cái/hộp 10 cái/thùng	Công Ty TNHH TM - DV Điện Mạnh Phương - MPE. Nhà máy sản xuất thiết bị điện: Lô LG14-15-16, Đường số 3, KCN Xuyên Á, Xã Đức Lập, Tỉnh Tây Ninh. (Công văn đề nghị công bố giá số 311/MPE-SXD ngày 01/07/2026)	China	Không có thông tin	Trong phạm vi tỉnh Tây Ninh	CHỨNG NHẬN HỢP QUY SỐ: VIC/23.HQ/18.01.1123 Mức giá được thực hiện từ ngày 01/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	254.167	254.167	254.167	254.167	254.167	254.167	254.167	254.167	254.167
1600	Vật tư ngành điện	Led chiếu điểm (Gắn ray) 12W ánh sáng trắng (T)/ vàng (V) / trung tính (N) TSL2-12T/V/N	Cái	QCVN 19:2019/BKHCN RA > 80; PF > 0.5 Tuổi thọ: 30.000 giờ Chip Led: COB	1 cái/hộp 10 cái/thùng	Công Ty TNHH TM - DV Điện Mạnh Phương - MPE. Nhà máy sản xuất thiết bị điện: Lô LG14-15-16, Đường số 3, KCN Xuyên Á, Xã Đức Lập, Tỉnh Tây Ninh. (Công văn đề nghị công bố giá số 311/MPE-SXD ngày 01/07/2026)	China	Không có thông tin	Trong phạm vi tỉnh Tây Ninh	CHỨNG NHẬN HỢP QUY SỐ: VIC/23.HQ/18.01.1123 Mức giá được thực hiện từ ngày 01/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	303.519	303.519	303.519	303.519	303.519	303.519	303.519	303.519	303.519
1601	Vật tư ngành điện	Led ống bơ 18W ánh sáng trắng (T)/ vàng (V) SDL-18T/V	Cái	QCVN 19:2019/BKHCN RA > 80; PF > 0.5 Tuổi thọ: 30.000 giờ Chip Led: COB	1 cái/hộp 12 cái/thùng	Công Ty TNHH TM - DV Điện Mạnh Phương - MPE. Nhà máy sản xuất thiết bị điện: Lô LG14-15-16, Đường số 3, KCN Xuyên Á, Xã Đức Lập, Tỉnh Tây Ninh. (Công văn đề nghị công bố giá số 311/MPE-SXD ngày 01/07/2026)	China	Không có thông tin	Trong phạm vi tỉnh Tây Ninh	CHỨNG NHẬN HỢP QUY SỐ: VIC/23.HQ/18.01.1123 Mức giá được thực hiện từ ngày 01/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	804.907	804.907	804.907	804.907	804.907	804.907	804.907	804.907	804.907
1602	Vật tư ngành điện	Led Downlight âm trần (Dạng hộp, vuông) 2x7W ánh sáng trắng (T)/ trung tính (N)/ vàng (V) DLS-207T/N/V	Cái	QCVN 19:2019/BKHCN RA > 80; PF > 0.5 Tuổi thọ: 30.000 giờ Chip Led: COB	1 cái/hộp 12 cái/thùng	Công Ty TNHH TM - DV Điện Mạnh Phương - MPE. Nhà máy sản xuất thiết bị điện: Lô LG14-15-16, Đường số 3, KCN Xuyên Á, Xã Đức Lập, Tỉnh Tây Ninh. (Công văn đề nghị công bố giá số 311/MPE-SXD ngày 01/07/2026)	China	Không có thông tin	Trong phạm vi tỉnh Tây Ninh	CHỨNG NHẬN HỢP QUY SỐ: VIC/23.HQ/18.01.1123 Mức giá được thực hiện từ ngày 01/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	714.630	714.630	714.630	714.630	714.630	714.630	714.630	714.630	714.630
1603	Vật tư ngành điện	Led pha 100W ánh sáng trắng (T)/ vàng (V) FLD5-100T/V	Cái	QCVN 19:2019/BKHCN RA > 80; PF > 0.9 Tuổi thọ: 30.000 giờ Chip Led: SMD 2835	1 cái/hộp 4 cái/thùng	Công Ty TNHH TM - DV Điện Mạnh Phương - MPE. Nhà máy sản xuất thiết bị điện: Lô LG14-15-16, Đường số 3, KCN Xuyên Á, Xã Đức Lập, Tỉnh Tây Ninh. (Công văn đề nghị công bố giá số 311/MPE-SXD ngày 01/07/2026)	China	Không có thông tin	Trong phạm vi tỉnh Tây Ninh	CHỨNG NHẬN HỢP QUY SỐ: VIC/23.HQ/18.01.1123 Mức giá được thực hiện từ ngày 01/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	1.207.222	1.207.222	1.207.222	1.207.222	1.207.222	1.207.222	1.207.222	1.207.222	1.207.222
1604	Vật tư ngành điện	Led pha 150W ánh sáng trắng (T)/ vàng (V) FLD5-150T/V	Cái	QCVN 19:2019/BKHCN RA > 80; PF > 0.9 Tuổi thọ: 30.000 giờ Chip Led: SMD 2835	1 cái/hộp 4 cái/thùng	Công Ty TNHH TM - DV Điện Mạnh Phương - MPE. Nhà máy sản xuất thiết bị điện: Lô LG14-15-16, Đường số 3, KCN Xuyên Á, Xã Đức Lập, Tỉnh Tây Ninh. (Công văn đề nghị công bố giá số 311/MPE-SXD ngày 01/07/2026)	China	Không có thông tin	Trong phạm vi tỉnh Tây Ninh	CHỨNG NHẬN HỢP QUY SỐ: VIC/23.HQ/18.01.1123 Mức giá được thực hiện từ ngày 01/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	2.245.370	2.245.370	2.245.370	2.245.370	2.245.370	2.245.370	2.245.370	2.245.370	2.245.370

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)(đồng)								
												Khu vực TP. Tây Ninh	Khu vực TX.Trảng Bàng	Khu vực TX. Hoà Thành	Khu vực H.Tân Biên	Khu vực H.Tân Châu	Khu vực H. Châu Thành	Khu vực H.Dương Minh Châu	Khu vực H. Bến Cầu	Khu vực H. Gò Dầu
1605	Vật tư ngành điện	Led pha 200W ánh sáng trắng (T)/ vàng (V) FLD5-200T/V	Cái	QCVN 19:2019/BKHCN RA > 80; PF > 0.9 Tuổi thọ: 50.000 giờ Chip Led: SMD 2835	1 cái/hộp 3 cái/thùng	Công Ty TNHH TM - DV Điện Mạnh Phương - MPE. Nhà máy sản xuất thiết bị điện: Lô LG14-15-16, Đường số 3, KCN Xuyên Á, Xã Đức Lập, Tỉnh Tây Ninh. (Công văn đề nghị công bố giá số 311/MPE-SXD ngày 01/07/2026)	China	Không có thông tin	Trong phạm vi tỉnh Tây Ninh	CHỨNG NHẬN HỢP QUY SỐ: VIC/23.HQ/18.01.1123 Mức giá được thực hiện từ ngày 01/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	2.639.630	2.639.630	2.639.630	2.639.630	2.639.630	2.639.630	2.639.630	2.639.630	2.639.630
1606	Vật tư ngành điện	Led highbay Nhà xưởng 100W HBE2-100T	Cái	QCVN 19:2019/BKHCN RA > 80; PF > 0.9 Tuổi thọ: 50.000 giờ Chip Led: SMD 2835	1Cái/ Thùng	Công Ty TNHH TM - DV Điện Mạnh Phương - MPE. Nhà máy sản xuất thiết bị điện: Lô LG14-15-16, Đường số 3, KCN Xuyên Á, Xã Đức Lập, Tỉnh Tây Ninh. (Công văn đề nghị công bố giá số 311/MPE-SXD ngày 01/07/2026)	China	Không có thông tin	Trong phạm vi tỉnh Tây Ninh	CHỨNG NHẬN HỢP QUY SỐ: VIC/23.HQ/18.01.1123 Mức giá được thực hiện từ ngày 01/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	1.860.833	1.860.833	1.860.833	1.860.833	1.860.833	1.860.833	1.860.833	1.860.833	1.860.833
1607	Vật tư ngành điện	Led highbay Nhà xưởng 150W HBE2-150T	Cái	QCVN 19:2019/BKHCN RA > 80; PF > 0.9 Tuổi thọ: 50.000 giờ Chip Led: SMD 2835	1Cái/ Thùng	Công Ty TNHH TM - DV Điện Mạnh Phương - MPE. Nhà máy sản xuất thiết bị điện: Lô LG14-15-16, Đường số 3, KCN Xuyên Á, Xã Đức Lập, Tỉnh Tây Ninh. (Công văn đề nghị công bố giá số 311/MPE-SXD ngày 01/07/2026)	China	Không có thông tin	Trong phạm vi tỉnh Tây Ninh	CHỨNG NHẬN HỢP QUY SỐ: VIC/23.HQ/18.01.1123 Mức giá được thực hiện từ ngày 01/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	3.007.870	3.007.870	3.007.870	3.007.870	3.007.870	3.007.870	3.007.870	3.007.870	3.007.870
1608	Vật tư ngành điện	Led highbay Nhà xưởng 200W HBE2-200T	Cái	QCVN 19:2019/BKHCN RA > 80; PF > 0.9 Tuổi thọ: 50.000 giờ Chip Led: SMD 2835	1Cái/ Thùng	Công Ty TNHH TM - DV Điện Mạnh Phương - MPE. Nhà máy sản xuất thiết bị điện: Lô LG14-15-16, Đường số 3, KCN Xuyên Á, Xã Đức Lập, Tỉnh Tây Ninh. (Công văn đề nghị công bố giá số 311/MPE-SXD ngày 01/07/2026)	China	Không có thông tin	Trong phạm vi tỉnh Tây Ninh	CHỨNG NHẬN HỢP QUY SỐ: VIC/23.HQ/18.01.1123 Mức giá được thực hiện từ ngày 01/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	4.009.907	4.009.907	4.009.907	4.009.907	4.009.907	4.009.907	4.009.907	4.009.907	4.009.907
1609	Vật tư ngành điện	Led chiếu điểm (Gắn nổi) 12W SSL-12V	Cái	QCVN 19:2019/BKHCN RA > 80; PF > 0.5 Tuổi thọ: 30.000 giờ Chip Led: COB	1 cái/hộp 40 cái/thùng	Công Ty TNHH TM - DV Điện Mạnh Phương - MPE. Nhà máy sản xuất thiết bị điện: Lô LG14-15-16, Đường số 3, KCN Xuyên Á, Xã Đức Lập, Tỉnh Tây Ninh. (Công văn đề nghị công bố giá số 311/MPE-SXD ngày 01/07/2026)	China	Không có thông tin	Trong phạm vi tỉnh Tây Ninh	CHỨNG NHẬN HỢP QUY SỐ: VIC/23.HQ/18.01.1123 Mức giá được thực hiện từ ngày 01/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	413.333	413.333	413.333	413.333	413.333	413.333	413.333	413.333	413.333
1610	Vật tư ngành điện	Led ống bơ 12W ánh sáng trắng (T)/ vàng (V) SDL-12T/V	Cái	QCVN 19:2019/BKHCN RA > 80; PF > 0.5 Tuổi thọ: 30.000 giờ Chip Led: COB	1 cái/hộp 40 cái/thùng	Công Ty TNHH TM - DV Điện Mạnh Phương - MPE. Nhà máy sản xuất thiết bị điện: Lô LG14-15-16, Đường số 3, KCN Xuyên Á, Xã Đức Lập, Tỉnh Tây Ninh. (Công văn đề nghị công bố giá số 311/MPE-SXD ngày 01/07/2026)	China	Không có thông tin	Trong phạm vi tỉnh Tây Ninh	CHỨNG NHẬN HỢP QUY SỐ: VIC/23.HQ/18.01.1123 Mức giá được thực hiện từ ngày 01/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	478.148	478.148	478.148	478.148	478.148	478.148	478.148	478.148	478.148
1611	Vật tư ngành điện	Led ống bơ 25W ánh sáng trắng (T)/ vàng (V) SDL-25T/V	Cái	QCVN 19:2019/BKHCN RA > 80; PF > 0.5 Tuổi thọ: 30.000 giờ Chip Led: COB	1 cái/hộp 12 cái/thùng	Công Ty TNHH TM - DV Điện Mạnh Phương - MPE. Nhà máy sản xuất thiết bị điện: Lô LG14-15-16, Đường số 3, KCN Xuyên Á, Xã Đức Lập, Tỉnh Tây Ninh. (Công văn đề nghị công bố giá số 311/MPE-SXD ngày 01/07/2026)	China	Không có thông tin	Trong phạm vi tỉnh Tây Ninh	CHỨNG NHẬN HỢP QUY SỐ: VIC/23.HQ/18.01.1123 Mức giá được thực hiện từ ngày 01/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	895.278	895.278	895.278	895.278	895.278	895.278	895.278	895.278	895.278
1612	Vật tư ngành điện	Led tấm 40W 600x600x35mm ánh sáng trắng (T)/ trung tính (N) FPD-6060T/N	Cái	QCVN 19:2019/BKHCN RA > 80; PF > 0.9 Tuổi thọ: 30.000 giờ Chip Led: SMD 2835	1 cái/hộp 5 cái/thùng	Công Ty TNHH TM - DV Điện Mạnh Phương - MPE. Nhà máy sản xuất thiết bị điện: Lô LG14-15-16, Đường số 3, KCN Xuyên Á, Xã Đức Lập, Tỉnh Tây Ninh. (Công văn đề nghị công bố giá số 311/MPE-SXD ngày 01/07/2026)	China	Không có thông tin	Trong phạm vi tỉnh Tây Ninh	CHỨNG NHẬN HỢP QUY SỐ: VIC/23.HQ/18.01.1123 Mức giá được thực hiện từ ngày 01/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	744.630	744.630	744.630	744.630	744.630	744.630	744.630	744.630	744.630
1613	Vật tư ngành điện	Led bán nguyệt 18W thân nhựa ánh sáng trắng (T)/ vàng (V) BN2-18T/V	Cái	QCVN 19:2019/BKHCN RA > 80; PF > 0.5 Tuổi thọ: 30.000 giờ Chip Led: SMD 2835	1 cái/hộp 12 cái/thùng	Công Ty TNHH TM - DV Điện Mạnh Phương - MPE. Nhà máy sản xuất thiết bị điện: Lô LG14-15-16, Đường số 3, KCN Xuyên Á, Xã Đức Lập, Tỉnh Tây Ninh. (Công văn đề nghị công bố giá số 311/MPE-SXD ngày 01/07/2026)	China	Không có thông tin	Trong phạm vi tỉnh Tây Ninh	CHỨNG NHẬN HỢP QUY SỐ: VIC/23.HQ/18.01.1123 Mức giá được thực hiện từ ngày 01/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	116.111	116.111	116.111	116.111	116.111	116.111	116.111	116.111	116.111
1614	Vật tư ngành điện	Led bán nguyệt 36W thân nhựa ánh sáng trắng (T)/ vàng (V) BN2-36T/V	Cái	QCVN 19:2019/BKHCN RA > 80; PF > 0.5 Tuổi thọ: 30.000 giờ Chip Led: SMD 2835	1 cái/hộp 12 cái/thùng	Công Ty TNHH TM - DV Điện Mạnh Phương - MPE. Nhà máy sản xuất thiết bị điện: Lô LG14-15-16, Đường số 3, KCN Xuyên Á, Xã Đức Lập, Tỉnh Tây Ninh. (Công văn đề nghị công bố giá số 311/MPE-SXD ngày 01/07/2026)	China	Không có thông tin	Trong phạm vi tỉnh Tây Ninh	CHỨNG NHẬN HỢP QUY SỐ: VIC/23.HQ/18.01.1123 Mức giá được thực hiện từ ngày 01/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	182.130	182.130	182.130	182.130	182.130	182.130	182.130	182.130	182.130
1615	Vật tư ngành điện	Led highbay Nhà xưởng 100W HBV2-100T	Cái	QCVN 19:2019/BKHCN RA > 80; PF > 0.5 Tuổi thọ: 30.000 giờ Chip Led: SMD 2835	1 cái/ Hộp 2 Cái/ Thùng	Công Ty TNHH TM - DV Điện Mạnh Phương - MPE. Nhà máy sản xuất thiết bị điện: Lô LG14-15-16, Đường số 3, KCN Xuyên Á, Xã Đức Lập, Tỉnh Tây Ninh. (Công văn đề nghị công bố giá số 311/MPE-SXD ngày 01/07/2026)	China	Không có thông tin	Trong phạm vi tỉnh Tây Ninh	CHỨNG NHẬN HỢP QUY SỐ: VIC/23.HQ/18.01.1123 Mức giá được thực hiện từ ngày 01/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	1.618.056	1.618.056	1.618.056	1.618.056	1.618.056	1.618.056	1.618.056	1.618.056	1.618.056
1616	Vật tư ngành điện	Led highbay Nhà xưởng 150W HBV2-150T	Cái	QCVN 19:2019/BKHCN RA > 80; PF > 0.5 Tuổi thọ: 30.000 giờ Chip Led: SMD 2835	1 cái/ Hộp 2 Cái/ Thùng	Công Ty TNHH TM - DV Điện Mạnh Phương - MPE. Nhà máy sản xuất thiết bị điện: Lô LG14-15-16, Đường số 3, KCN Xuyên Á, Xã Đức Lập, Tỉnh Tây Ninh. (Công văn đề nghị công bố giá số 311/MPE-SXD ngày 01/07/2026)	China	Không có thông tin	Trong phạm vi tỉnh Tây Ninh	CHỨNG NHẬN HỢP QUY SỐ: VIC/23.HQ/18.01.1123 Mức giá được thực hiện từ ngày 01/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	1.971.574	1.971.574	1.971.574	1.971.574	1.971.574	1.971.574	1.971.574	1.971.574	1.971.574
1617	Vật tư ngành điện	Ống PVC D16 320N A9016L	Ống	QCVN 16:2023/BXD Đường kính 16mm Lực nén 320N	2.92m/ống	Công Ty TNHH TM - DV Điện Mạnh Phương - MPE. Nhà máy sản xuất thiết bị điện: Lô LG14-15-16, Đường số 3, KCN Xuyên Á, Xã Đức Lập, Tỉnh Tây Ninh. (Công văn đề nghị công bố giá số 311/MPE-SXD ngày 01/07/2026)	China	Không có thông tin	Trong phạm vi tỉnh Tây Ninh	CHỨNG NHẬN HỢP QUY SỐ: VIC/23.HQ/18.01.1123 Mức giá được thực hiện từ ngày 01/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	16.574	16.574	16.574	16.574	16.574	16.574	16.574	16.574	16.574
1618	Vật tư ngành điện	Ống PVC D20 320N A9020L	Ống	QCVN 16:2023/BXD Đường kính 20mm Lực nén 320N	2.92m/ống	Công Ty TNHH TM - DV Điện Mạnh Phương - MPE. Nhà máy sản xuất thiết bị điện: Lô LG14-15-16, Đường số 3, KCN Xuyên Á, Xã Đức Lập, Tỉnh Tây Ninh. (Công văn đề nghị công bố giá số 311/MPE-SXD ngày 01/07/2026)	China	Không có thông tin	Trong phạm vi tỉnh Tây Ninh	CHỨNG NHẬN HỢP QUY SỐ: VIC/23.HQ/18.01.1123 Mức giá được thực hiện từ ngày 01/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	21.296	21.296	21.296	21.296	21.296	21.296	21.296	21.296	21.296
1619	Vật tư ngành điện	Ống PVC D25 320N A9025L	Ống	QCVN 16:2023/BXD Đường kính 25mm Lực nén 320N	2.92m/ống	Công Ty TNHH TM - DV Điện Mạnh Phương - MPE. Nhà máy sản xuất thiết bị điện: Lô LG14-15-16, Đường số 3, KCN Xuyên Á, Xã Đức Lập, Tỉnh Tây Ninh. (Công văn đề nghị công bố giá số 311/MPE-SXD ngày 01/07/2026)	China	Không có thông tin	Trong phạm vi tỉnh Tây Ninh	CHỨNG NHẬN HỢP QUY SỐ: VIC/23.HQ/18.01.1123 Mức giá được thực hiện từ ngày 01/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	35.185	35.185	35.185	35.185	35.185	35.185	35.185	35.185	35.185
1620	Vật tư ngành điện	Ống PVC D32 320N A9032L	Ống	QCVN 16:2023/BXD Đường kính 32mm Lực nén 320N	2.92m/ống	Công Ty TNHH TM - DV Điện Mạnh Phương - MPE. Nhà máy sản xuất thiết bị điện: Lô LG14-15-16, Đường số 3, KCN Xuyên Á, Xã Đức Lập, Tỉnh Tây Ninh. (Công văn đề nghị công bố giá số 311/MPE-SXD ngày 01/07/2026)	China	Không có thông tin	Trong phạm vi tỉnh Tây Ninh	CHỨNG NHẬN HỢP QUY SỐ: VIC/23.HQ/18.01.1123 Mức giá được thực hiện từ ngày 01/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	56.481	56.481	56.481	56.481	56.481	56.481	56.481	56.481	56.481
1621	Vật tư ngành điện	Ống PVC D16 750N A9016	Ống	QCVN 16:2023/BXD Đường kính 16mm Lực nén 750N	2.92m/ống	Công Ty TNHH TM - DV Điện Mạnh Phương - MPE. Nhà máy sản xuất thiết bị điện: Lô LG14-15-16, Đường số 3, KCN Xuyên Á, Xã Đức Lập, Tỉnh Tây Ninh. (Công văn đề nghị công bố giá số 311/MPE-SXD ngày 01/07/2026)	China	Không có thông tin	Trong phạm vi tỉnh Tây Ninh	CHỨNG NHẬN HỢP QUY SỐ: VIC/23.HQ/18.01.1123 Mức giá được thực hiện từ ngày 01/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	19.815	19.815	19.815	19.815	19.815	19.815	19.815	19.815	19.815
1622	Vật tư ngành điện	Ống PVC D20 750N A9020	Ống	QCVN 16:2023/BXD Đường kính 20mm Lực nén 750N	2.92m/ống	Công Ty TNHH TM - DV Điện Mạnh Phương - MPE. Nhà máy sản xuất thiết bị điện: Lô LG14-15-16, Đường số 3, KCN Xuyên Á, Xã Đức Lập, Tỉnh Tây Ninh. (Công văn đề nghị công bố giá số 311/MPE-SXD ngày 01/07/2026)	China	Không có thông tin	Trong phạm vi tỉnh Tây Ninh	CHỨNG NHẬN HỢP QUY SỐ: VIC/23.HQ/18.01.1123 Mức giá được thực hiện từ ngày 01/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	28.148	28.148	28.148	28.148	28.148	28.148	28.148	28.148	28.148
1623	Vật tư ngành điện	Ống PVC D25 750N A9025	Ống	QCVN 16:2023/BXD Đường kính 25mm Lực nén 750N	2.92m/ống	Công Ty TNHH TM - DV Điện Mạnh Phương - MPE. Nhà máy sản xuất thiết bị điện: Lô LG14-15-16, Đường số 3, KCN Xuyên Á, Xã Đức Lập, Tỉnh Tây Ninh. (Công văn đề nghị công bố giá số 311/MPE-SXD ngày 01/07/2026)	China	Không có thông tin	Trong phạm vi tỉnh Tây Ninh	CHỨNG NHẬN HỢP QUY SỐ: VIC/23.HQ/18.01.1123 Mức giá được thực hiện từ ngày 01/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	40.556	40.556	40.556	40.556	40.556	40.556	40.556	40.556	40.556
1624	Vật tư ngành điện	Ống PVC D32 750N A9032	Ống	QCVN 16:2023/BXD Đường kính 32mm Lực nén 750N	2.92m/ống	Công Ty TNHH TM - DV Điện Mạnh Phương - MPE. Nhà máy sản xuất thiết bị điện: Lô LG14-15-16, Đường số 3, KCN Xuyên Á, Xã Đức Lập, Tỉnh Tây Ninh. (Công văn đề nghị công bố giá số 311/MPE-SXD ngày 01/07/2026)	China	Không có thông tin	Trong phạm vi tỉnh Tây Ninh	CHỨNG NHẬN HỢP QUY SỐ: VIC/23.HQ/18.01.1123 Mức giá được thực hiện từ ngày 01/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	71.204	71.204	71.204	71.204	71.204	71.204	71.204	71.204	71.204
1625	Vật tư ngành điện	Ống ruột gà D16 màu trắng A9016CT	Cuộn	QCVN 16:2023/BXD Ống luồn dẫn hồi màu trắng Ø16	50m/cuộn	Công Ty TNHH TM - DV Điện Mạnh Phương - MPE. Nhà máy sản xuất thiết bị điện: Lô LG14-15-16, Đường số 3, KCN Xuyên Á, Xã Đức Lập, Tỉnh Tây Ninh. (Công văn đề nghị công bố giá số 311/MPE-SXD ngày 01/07/2026)	China	Không có thông tin	Trong phạm vi tỉnh Tây Ninh	CHỨNG NHẬN HỢP QUY SỐ: VIC/23.HQ/18.01.1123 Mức giá được thực hiện từ ngày 01/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	138.056	138.056	138.056	138.056	138.056	138.056	138.056	138.056	138.056
1626	Vật tư ngành điện	Ống ruột gà D20 màu trắng A9020CT	Cuộn	QCVN 16:2023/BXD Ống luồn dẫn hồi màu trắng Ø20	50m/cuộn	Công Ty TNHH TM - DV Điện Mạnh Phương - MPE. Nhà máy sản xuất thiết bị điện: Lô LG14-15-16, Đường số 3, KCN Xuyên Á, Xã Đức Lập, Tỉnh Tây Ninh. (Công văn đề nghị công bố giá số 311/MPE-SXD ngày 01/07/2026)	China	Không có thông tin	Trong phạm vi tỉnh Tây Ninh	CHỨNG NHẬN HỢP QUY SỐ: VIC/23.HQ/18.01.1123 Mức giá được thực hiện từ ngày 01/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	178.241	178.241	178.241	178.241	178.241	178.241	178.241	178.241	178.241
1627	Vật tư ngành điện	Ống ruột gà D25 màu trắng A9025CT	Cuộn	QCVN 16:2023/BXD Ống luồn dẫn hồi màu trắng Ø25	40m/cuộn	Công Ty TNHH TM - DV Điện Mạnh Phương - MPE. Nhà máy sản xuất thiết bị điện: Lô LG14-15-16, Đường số 3, KCN Xuyên Á, Xã Đức Lập, Tỉnh Tây Ninh. (Công văn đề nghị công bố giá số 311/MPE-SXD ngày 01/07/2026)	China	Không có thông tin	Trong phạm vi tỉnh Tây Ninh	CHỨNG NHẬN HỢP QUY SỐ: VIC/23.HQ/18.01.1123 Mức giá được thực hiện từ ngày 01/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	191.944	191.944	191.944	191.944	191.944	191.944	191.944	191.944	191.944
1628	Vật tư ngành điện	Ống ruột gà D32 màu trắng A9032CT	Cuộn	QCVN 16:2023/BXD Ống luồn dẫn hồi màu trắng Ø32	25m/cuộn	Công Ty TNHH TM - DV Điện Mạnh Phương - MPE. Nhà máy sản xuất thiết bị điện: Lô LG14-15-16, Đường số 3, KCN Xuyên Á, Xã Đức Lập, Tỉnh Tây Ninh. (Công văn đề nghị công bố giá số 311/MPE-SXD ngày 01/07/2026)	China	Không có thông tin	Trong phạm vi tỉnh Tây Ninh	CHỨNG NHẬN HỢP QUY SỐ: VIC/23.HQ/18.01.1123 Mức giá được thực hiện từ ngày 01/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	239.444	239.444	239.444	239.444	239.444	239.444	239.444	239.444	239.444

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)(đồng)									
												Khu vực TP. Tây Ninh	Khu vực TX.Trảng Bàng	Khu vực TX. Hoà Thành	Khu vực H.Tân Biên	Khu vực H.Tân Châu	Khu vực H. Châu Thành	Khu vực H.Dương Minh Châu	Khu vực H. Bến Cầu	Khu vực H. Gò Dầu	
1629	Vật tư ngành điện	Cáp Cadivi CV 1.0	m			Cửa hàng Nguyên Vũ. (Đc: Khu phố 7, P3, TP.Tây Ninh). Phiếu khảo sát tại các cửa hàng bán lẻ	Việt Nam	Giá bán ở TP. Tây Ninh	Giá bán tại cửa hàng chưa bao gồm chi phí vận chuyển	Từ ngày 17/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	7.301	-	-	-	-	-	-	-	-	-
1630	Vật tư ngành điện	Cáp Cadivi CV 1.5	m			Cửa hàng Nguyên Vũ. (Đc: Khu phố 7, P3, TP.Tây Ninh). Phiếu khảo sát tại các cửa hàng bán lẻ	Việt Nam	Giá bán ở TP. Tây Ninh	Giá bán tại cửa hàng chưa bao gồm chi phí vận chuyển	Từ ngày 17/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	10.002	-	-	-	-	-	-	-	-	-
1631	Vật tư ngành điện	Cáp Cadivi CV 2.0	m			Cửa hàng Nguyên Vũ. (Đc: Khu phố 7, P3, TP.Tây Ninh). Phiếu khảo sát tại các cửa hàng bán lẻ	Việt Nam	Giá bán ở TP. Tây Ninh	Giá bán tại cửa hàng chưa bao gồm chi phí vận chuyển	Từ ngày 17/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	12.971	-	-	-	-	-	-	-	-	-
1632	Vật tư ngành điện	Cáp Cadivi CV 2.5	m			Cửa hàng Nguyên Vũ. (Đc: Khu phố 7, P3, TP.Tây Ninh). Phiếu khảo sát tại các cửa hàng bán lẻ	Việt Nam	Giá bán ở TP. Tây Ninh	Giá bán tại cửa hàng chưa bao gồm chi phí vận chuyển	Từ ngày 17/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	16.300	-	-	-	-	-	-	-	-	-
1633	Vật tư ngành điện	Cáp Cadivi CV 3.5	m			Cửa hàng Nguyên Vũ. (Đc: Khu phố 7, P3, TP.Tây Ninh). Phiếu khảo sát tại các cửa hàng bán lẻ	Việt Nam	Giá bán ở TP. Tây Ninh	Giá bán tại cửa hàng chưa bao gồm chi phí vận chuyển	Từ ngày 17/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	21.956	-	-	-	-	-	-	-	-	-
1634	Vật tư ngành điện	Cáp Cadivi CV 4.0	m			Cửa hàng Nguyên Vũ. (Đc: Khu phố 7, P3, TP.Tây Ninh). Phiếu khảo sát tại các cửa hàng bán lẻ	Việt Nam	Giá bán ở TP. Tây Ninh	Giá bán tại cửa hàng chưa bao gồm chi phí vận chuyển	Từ ngày 17/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	24.700	-	-	-	-	-	-	-	-	-
1635	Vật tư ngành điện	Cáp Cadivi CV 6.0	m			Cửa hàng Nguyên Vũ. (Đc: Khu phố 7, P3, TP.Tây Ninh). Phiếu khảo sát tại các cửa hàng bán lẻ	Việt Nam	Giá bán ở TP. Tây Ninh	Giá bán tại cửa hàng chưa bao gồm chi phí vận chuyển	Từ ngày 17/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	36.266	-	-	-	-	-	-	-	-	-
1636	Vật tư ngành điện	Cáp Cadivi CV 8.0	m			Cửa hàng Nguyên Vũ. (Đc: Khu phố 7, P3, TP.Tây Ninh). Phiếu khảo sát tại các cửa hàng bán lẻ	Việt Nam	Giá bán ở TP. Tây Ninh	Giá bán tại cửa hàng chưa bao gồm chi phí vận chuyển	Từ ngày 17/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	48.708	-	-	-	-	-	-	-	-	-
1637	Vật tư ngành điện	Cáp Cadivi CV 10.0	m			Cửa hàng Nguyên Vũ. (Đc: Khu phố 7, P3, TP.Tây Ninh). Phiếu khảo sát tại các cửa hàng bán lẻ	Việt Nam	Giá bán ở TP. Tây Ninh	Giá bán tại cửa hàng chưa bao gồm chi phí vận chuyển	Từ ngày 17/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	60.080	-	-	-	-	-	-	-	-	-
1638	Vật tư ngành điện	Dây điện bọc nhựa PVC - 450/750V	m	TCVN 6610-3	VCm-1.5 (1x30/0.25)- 450/750V	Công ty CP Dây Cáp Điện Việt Thái. Công văn đề nghị công bố giá số số 10720261N/CV-VT ngày 01/07/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Hàng giao tại kho người mua	Mức giá ngày 01/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	8.200	8.200	8.200	8.200	8.200	8.200	8.200	8.200	8.200	8.200
1639	Vật tư ngành điện	Dây điện bọc nhựa PVC - 450/750V	m	TCVN 6610-3	VCm-2.5 (1x50/0,25)- 450/750V	Công ty CP Dây Cáp Điện Việt Thái. Công văn đề nghị công bố giá số số 10720261N/CV-VT ngày 01/07/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Hàng giao tại kho người mua	Mức giá ngày 01/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	13.000	13.000	13.000	13.000	13.000	13.000	13.000	13.000	13.000	13.000
1640	Vật tư ngành điện	Dây điện mềm bọc nhựa PVC -300/500V	m	TCVN 6610-5	VCmo-2xO,75 (2x24/0,2) - 300/500V	Công ty CP Dây Cáp Điện Việt Thái. Công văn đề nghị công bố giá số số 10720261N/CV-VT ngày 01/07/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Hàng giao tại kho người mua	Mức giá ngày 01/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	10.300	10.300	10.300	10.300	10.300	10.300	10.300	10.300	10.300	10.300
1641	Vật tư ngành điện	Dây điện mềm bọc nhựa PVC -300/500V	m	TCVN 6610-5	VCmo-2xl.O (2x32/0,2)/ 300/500V	Công ty CP Dây Cáp Điện Việt Thái. Công văn đề nghị công bố giá số số 10720261N/CV-VT ngày 01/07/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Hàng giao tại kho người mua	Mức giá ngày 01/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	12.900	12.900	12.900	12.900	12.900	12.900	12.900	12.900	12.900	12.900
1642	Vật tư ngành điện	Dây điện mềm bọc nhựa PVC -300/500V	m	TCVN 6610-5	VCmo-2xl.5 (2x30/0.25) - 300/500V	Công ty CP Dây Cáp Điện Việt Thái. Công văn đề nghị công bố giá số số 10720261N/CV-VT ngày 01/07/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Hàng giao tại kho người mua	Mức giá ngày 01/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	18.100	18.100	18.100	18.100	18.100	18.100	18.100	18.100	18.100	18.100
1643	Vật tư ngành điện	Dây điện mềm bọc nhựa PVC -300/500V	m	TCVN 6610-5	VCmo-2x2,5 (2x50/0,25) - 3OO/SOOV	Công ty CP Dây Cáp Điện Việt Thái. Công văn đề nghị công bố giá số số 10720261N/CV-VT ngày 01/07/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Hàng giao tại kho người mua	Mức giá ngày 01/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	29.100	29.100	29.100	29.100	29.100	29.100	29.100	29.100	29.100	29.100
1644	Vật tư ngành điện	Dây điện mềm bọc nhựa PVC -300/500V	m	TCVN 6610-5	VCmo-2x4,0 (2x56/0,3) 300/500V	Công ty CP Dây Cáp Điện Việt Thái. Công văn đề nghị công bố giá số số 10720261N/CV-VT ngày 01/07/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Hàng giao tại kho người mua	Mức giá ngày 01/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	44.100	44.100	44.100	44.100	44.100	44.100	44.100	44.100	44.100	44.100
1645	Vật tư ngành điện	Dây điện mềm bọc nhựa PVC -300/500V	m	TCVN 6610-5	VCmo-2x6,0 (2x84/0,3) 300/500V	Công ty CP Dây Cáp Điện Việt Thái. Công văn đề nghị công bố giá số số 10720261N/CV-VT ngày 01/07/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Hàng giao tại kho người mua	Mức giá ngày 01/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	65.800	65.800	65.800	65.800	65.800	65.800	65.800	65.800	65.800	65.800
1646	Vật tư ngành điện	Dây đôi mềm bọc nhựa pvc - VCmd 0,6/1 kV	m	AS/NZS 5000.1	VCmd-2x0.5 (2x16/0.2) 0,6/1 kV	Công ty CP Dây Cáp Điện Việt Thái. Công văn đề nghị công bố giá số số 10720261N/CV-VT ngày 01/07/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Hàng giao tại kho người mua	Mức giá ngày 01/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	6.200	6.200	6.200	6.200	6.200	6.200	6.200	6.200	6.200	6.200
1647	Vật tư ngành điện	Dây đôi mềm bọc nhựa PVC - VCmd 0,6/1 kV	m	AS/NZS 5000.1	VCmd-2x0.75 (2x24/0,2)-0,6/1 kV	Công ty CP Dây Cáp Điện Việt Thái. Công văn đề nghị công bố giá số số 10720261N/CV-VT ngày 01/07/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Hàng giao tại kho người mua	Mức giá ngày 01/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	8.700	8.700	8.700	8.700	8.700	8.700	8.700	8.700	8.700	8.700
1648	Vật tư ngành điện	Dây đôi mềm bọc nhựa pvc - VCmd 0,6/1 kV	m	AS/NZS 5000.1	VCmd-2xl (2x32/0,2)- 0,6/ikV	Công ty CP Dây Cáp Điện Việt Thái. Công văn đề nghị công bố giá số số 10720261N/CV-VT ngày 01/07/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Hàng giao tại kho người mua	Mức giá ngày 01/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	11.200	11.200	11.200	11.200	11.200	11.200	11.200	11.200	11.200	11.200
1649	Vật tư ngành điện	Dây đôi mềm bọc nhựa pvc - VCmd 0,6/1 kV	m	AS/NZS 5000.1	VCmd-2xl,5 (2x30/0,25)-0,6/IkV	Công ty CP Dây Cáp Điện Việt Thái. Công văn đề nghị công bố giá số số 10720261N/CV-VT ngày 01/07/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Hàng giao tại kho người mua	Mức giá ngày 01/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	16.000	16.000	16.000	16.000	16.000	16.000	16.000	16.000	16.000	16.000
1650	Vật tư ngành điện	Dây đôi mềm bọc nhựa pvc - VCmd 0,6/1 kV	m	AS/NZS 5000.1	VCmd-2x2,5 (2x50/0,25)-0,6/IkV	Công ty CP Dây Cáp Điện Việt Thái. Công văn đề nghị công bố giá số số 10720261N/CV-VT ngày 01/07/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Hàng giao tại kho người mua	Mức giá ngày 01/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	25.900	25.900	25.900	25.900	25.900	25.900	25.900	25.900	25.900	25.900
1651	Vật tư ngành điện	Dây điện mềm bọc nhựa PVC - VCmt 2 lõi - 300/500V	m	TCVN 6610-5	VCmt-2xO,75 (2x24/0,2) - 300/500V	Công ty CP Dây Cáp Điện Việt Thái. Công văn đề nghị công bố giá số số 10720261N/CV-VT ngày 01/07/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Hàng giao tại kho người mua	Mức giá ngày 01/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	10.800	10.800	10.800	10.800	10.800	10.800	10.800	10.800	10.800	10.800
1652	Vật tư ngành điện	Dây điện mềm bọc nhựa PVC - VCmt 2 lõi - 300/500V	m	TCVN 6610-5	VCmt-2xl (2x32/0,2)- 300/500V	Công ty CP Dây Cáp Điện Việt Thái. Công văn đề nghị công bố giá số số 10720261N/CV-VT ngày 01/07/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Hàng giao tại kho người mua	Mức giá ngày 01/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	13.400	13.400	13.400	13.400	13.400	13.400	13.400	13.400	13.400	13.400
1653	Vật tư ngành điện	Dây điện mềm bọc nhựa PVC - VCmt 2 lõi - 300/500V	m	TCVN 6610-5	VCmt-2xl,5 (2x30/0,25) - 300/500V	Công ty CP Dây Cáp Điện Việt Thái. Công văn đề nghị công bố giá số số 10720261N/CV-VT ngày 01/07/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Hàng giao tại kho người mua	Mức giá ngày 01/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	18.700	18.700	18.700	18.700	18.700	18.700	18.700	18.700	18.700	18.700
1654	Vật tư ngành điện	Dây điện mềm bọc nhựa PVC - VCmt 2 lõi - 300/500V	m	TCVN 6610-5	VCmt-2x2,5 (2x50/0,25) - 300/500V	Công ty CP Dây Cáp Điện Việt Thái. Công văn đề nghị công bố giá số số 10720261N/CV-VT ngày 01/07/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Hàng giao tại kho người mua	Mức giá ngày 01/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	29.900	29.900	29.900	29.900	29.900	29.900	29.900	29.900	29.900	29.900
1655	Vật tư ngành điện	Dây điện mềm bọc nhựa PVC - VCmt 2 lõi - 300/500V	m	TCVN 6610-5	VCmt-2x4 (2x56/0,3) - 300/500V	Công ty CP Dây Cáp Điện Việt Thái. Công văn đề nghị công bố giá số số 10720261N/CV-VT ngày 01/07/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Hàng giao tại kho người mua	Mức giá ngày 01/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	43.700	43.700	43.700	43.700	43.700	43.700	43.700	43.700	43.700	43.700
1656	Vật tư ngành điện	Dây điện mềm bọc nhựa PVC - VCmt 2 lõi - 300/500V	m	TCVN 6610-5	VCmt-2x6 (2x84/0.3) - 300/500V	Công ty CP Dây Cáp Điện Việt Thái. Công văn đề nghị công bố giá số số 10720261N/CV-VT ngày 01/07/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Hàng giao tại kho người mua	Mức giá ngày 01/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	64.700	64.700	64.700	64.700	64.700	64.700	64.700	64.700	64.700	64.700
1657	Vật tư ngành điện	Dây điện mềm bọc nhựa PVC - VCmt 3 lõi - 300/500V	m	TCVN 6610-5	VCmt-3x0,75 (2x24/0,2) - 300/500V	Công ty CP Dây Cáp Điện Việt Thái. Công văn đề nghị công bố giá số số 10720261N/CV-VT ngày 01/07/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Hàng giao tại kho người mua	Mức giá ngày 01/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	14.600	14.600	14.600	14.600	14.600	14.600	14.600	14.600	14.600	14.600
1658	Vật tư ngành điện	Dây điện mềm bọc nhựa PVC - VCmt 3 lõi - 300/500V	m	TCVN 6610-5	VCmt-3x1 (2x32/0,2) - 300/500V	Công ty CP Dây Cáp Điện Việt Thái. Công văn đề nghị công bố giá số số 10720261N/CV-VT ngày 01/07/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Hàng giao tại kho người mua	Mức giá ngày 01/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	18.100	18.100	18.100	18.100	18.100	18.100	18.100	18.100	18.100	18.100
1659	Vật tư ngành điện	Dây điện mềm bọc nhựa PVC - VCmt 3 lõi - 300/500V	m	TCVN 6610-5	VCmt-3xl,5 (2x30/0.25) - 300/500V	Công ty CP Dây Cáp Điện Việt Thái. Công văn đề nghị công bố giá số số 10720261N/CV-VT ngày 01/07/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Hàng giao tại kho người mua	Mức giá ngày 01/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	25.900	25.900	25.900	25.900	25.900	25.900	25.900	25.900	25.900	25.900
1660	Vật tư ngành điện	Dây điện mềm bọc nhựa PVC - VCmt 3 lõi - 300/500V	m	TCVN 6610-5	VCmt-3x2.5 (2x50/0,25) - 300/500V	Công ty CP Dây Cáp Điện Việt Thái. Công văn đề nghị công bố giá số số 10720261N/CV-VT ngày 01/07/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Hàng giao tại kho người mua	Mức giá ngày 01/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	40.800	40.800	40.800	40.800	40.800	40.800	40.800	40.800	40.800	40.800
1661	Vật tư ngành điện	Dây điện mềm bọc nhựa PVC - VCmt 3 lõi - 300/500V	m	TCVN 6610-5	VCmt-3x4 (2x56/0,3) - 300/500V	Công ty CP Dây Cáp Điện Việt Thái. Công văn đề nghị công bố giá số số 10720261N/CV-VT ngày 01/07/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Hàng giao tại kho người mua	Mức giá ngày 01/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	61.100	61.100	61.100	61.100	61.100	61.100	61.100	61.100	61.100	61.100
1662	Vật tư ngành điện	Dây điện mềm bọc nhựa PVC - VCmt 3 lõi - 300/500V	m	TCVN 6610-5	VCmt-3x6 (2x84/0,3) - 300/500V	Công ty CP Dây Cáp Điện Việt Thái. Công văn đề nghị công bố giá số số 10720261N/CV-VT ngày 01/07/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Hàng giao tại kho người mua	Mức giá ngày 01/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	92.700	92.700	92.700	92.700	92.700	92.700	92.700	92.700	92.700	92.700
1663	Vật tư ngành điện	Dây điện mềm bọc nhựa PVC - VCmt 4 lõi - 300/500V	m	TCVN 6610-5	VCmt-4xO,75 (2x24/0,2) - 300/500V	Công ty CP Dây Cáp Điện Việt Thái. Công văn đề nghị công bố giá số số 10720261N/CV-VT ngày 01/07/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Hàng giao tại kho người mua	Mức giá ngày 01/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	18.700	18.700	18.700	18.700	18.700	18.700	18.700	18.700	18.700	18.700
1664	Vật tư ngành điện	Dây điện mềm bọc nhựa PVC - VCmt 4 lõi - 300/500V	m	TCVN 6610-5	VCmt-4xl (2x32/0,2) - 300/500V	Công ty CP Dây Cáp Điện Việt Thái. Công văn đề nghị công bố giá số số 10720261N/CV-VT ngày 01/07/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Hàng giao tại kho người mua	Mức giá ngày 01/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	23.700	23.700	23.700	23.700	23.700	23.700	23.700	23.700	23.700	23.700
1665	Vật tư ngành điện	Dây điện mềm bọc nhựa PVC - VCmt 4 lõi - 300/500V	m	TCVN 6610-5	VCmt-4xl,5 (2x30/0.25) - 300/500V	Công ty CP Dây Cáp Điện Việt Thái. Công văn đề nghị công bố giá số số 10720261N/CV-VT ngày 01/07/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Hàng giao tại kho người mua	Mức giá ngày 01/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	33.500	33.500	33.500	33.500	33.500	33.500	33.500	33.500	33.500	33.500
1666	Vật tư ngành điện	Dây điện mềm bọc nhựaPVC-VCmt 4 lõi - 300/500V	m	TCVN 6610-5	VCmt-4x2,5 (2x50/0,25) - 300/500V	Công ty CP Dây Cáp Điện Việt Thái. Công văn đề nghị công bố giá số số 10720261N/CV-VT ngày 01/07/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Hàng giao tại kho người mua	Mức giá ngày 01/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	52.800	52.800	52.800	52.800	52.800	52.800	52.800	52.800	52.800	52.800
1667	Vật tư ngành điện	Dây điện mềm bọc nhựa PVC - VCmt 4 lõi - 300/500V	m	TCVN 6610-5	VCmt-4x4 (2x56/0,3) - 300/500V	Công ty CP Dây Cáp Điện Việt Thái. Công văn đề nghị công bố giá số số 10720261N/CV-VT ngày 01/07/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Hàng giao tại kho người mua	Mức giá ngày 01/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	80.000	80.000	80.000	80.000	80.000	80.000	80.000	80.000	80.000	80.000

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)(đồng)								
												Khu vực TP. Tây Ninh	Khu vực TX.Trảng Bàng	Khu vực TX. Hoà Thành	Khu vực H.Tân Biên	Khu vực H.Tân Châu	Khu vực H. Châu Thành	Khu vực H.Dương Minh Châu	Khu vực H. Bến Cầu	Khu vực H. Gò Dầu
1668	Vật tư ngành điện	Dây điện mềm bọc nhựa PVC - VCmt 4 lõi - 300/500V	m	TCVN 6610-5	VCmt-4x6 (2x84/0,3) - 300/500V	Công ty CP Dây Cáp Điện Việt Thái. Công văn đề nghị công bố giá số số 1072026TN/CV-VT ngày 01/07/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Hàng giao tại kho người mua	Mức giá ngày 01/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	120.600	120.600	120.600	120.600	120.600	120.600	120.600	120.600	120.600
1669	Vật tư ngành điện	Dây điện lực ha thế-0,6/lkV	m	Tiêu chuẩn AS/NZS 5000.1	CV-1,5 - 0,6/1 kV	Công ty CP Dây Cáp Điện Việt Thái. Công văn đề nghị công bố giá số số 1072026TN/CV-VT ngày 01/07/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Hàng giao tại kho người mua	Mức giá ngày 01/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	8.300	8.300	8.300	8.300	8.300	8.300	8.300	8.300	8.300
1670	Vật tư ngành điện	Dây điện lực ha the-0,6/ikV	m	Tiêu chuẩn AS/NZS 5000.1	CV-2,5 -0,6/1 kV	Công ty CP Dây Cáp Điện Việt Thái. Công văn đề nghị công bố giá số số 1072026TN/CV-VT ngày 01/07/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Hàng giao tại kho người mua	Mức giá ngày 01/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	13.500	13.500	13.500	13.500	13.500	13.500	13.500	13.500	13.500
1671	Vật tư ngành điện	Dây điện lực ha thế-06/lkV	m	Tiêu chuẩn AS/NZS 5000.1	CV-4-0.6/lkV	Công ty CP Dây Cáp Điện Việt Thái. Công văn đề nghị công bố giá số số 1072026TN/CV-VT ngày 01/07/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Hàng giao tại kho người mua	Mức giá ngày 01/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	20.400	20.400	20.400	20.400	20.400	20.400	20.400	20.400	20.400
1672	Vật tư ngành điện	Dây điện lực ha thế-0,6/1 kV	m	Tiêu chuẩn AS/NZS 5000.1	CV-6-0.6/lkV	Công ty CP Dây Cáp Điện Việt Thái. Công văn đề nghị công bố giá số số 1072026TN/CV-VT ngày 01/07/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Hàng giao tại kho người mua	Mức giá ngày 01/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	30.000	30.000	30.000	30.000	30.000	30.000	30.000	30.000	30.000
1673	Vật tư ngành điện	Dây điện lực ha thế - 0,6/1 kv	m	Tiêu chuẩn AS/NZS 5000.1	CV-10 - 0,6/lkV	Công ty CP Dây Cáp Điện Việt Thái. Công văn đề nghị công bố giá số số 1072026TN/CV-VT ngày 01/07/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Hàng giao tại kho người mua	Mức giá ngày 01/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	49.700	49.700	49.700	49.700	49.700	49.700	49.700	49.700	49.700
1674	Vật tư ngành điện	Dây điện lực ha thế - 0,6/1 kv	m	Tiêu chuẩn AS/NZS 5000.1	CV-16 - 0,6/lkV	Công ty CP Dây Cáp Điện Việt Thái. Công văn đề nghị công bố giá số số 1072026TN/CV-VT ngày 01/07/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Hàng giao tại kho người mua	Mức giá ngày 01/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	75.700	75.700	75.700	75.700	75.700	75.700	75.700	75.700	75.700
1675	Vật tư ngành điện	Dây điện lực ha thế - 0,6/1 kV	m	Tiêu chuẩn AS/NZS 5000.1	CV-25 - 0,6/lkV	Công ty CP Dây Cáp Điện Việt Thái. Công văn đề nghị công bố giá số số 1072026TN/CV-VT ngày 01/07/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Hàng giao tại kho người mua	Mức giá ngày 01/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	115.700	115.700	115.700	115.700	115.700	115.700	115.700	115.700	115.700
1676	Vật tư ngành điện	Dây điện lực ha thế-0,6/1 kv	m	Tiêu chuẩn AS/NZS 5000.1	CV-35 - 0,6/lkV	Công ty CP Dây Cáp Điện Việt Thái. Công văn đề nghị công bố giá số số 1072026TN/CV-VT ngày 01/07/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Hàng giao tại kho người mua	Mức giá ngày 01/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	160.000	160.000	160.000	160.000	160.000	160.000	160.000	160.000	160.000
1677	Vật tư ngành điện	Dây điện lực ha thế-Ó,6/ikV	m	Tiêu chuẩn AS/NZS 5000.1	CV-50 - 0,6/1 kV	Công ty CP Dây Cáp Điện Việt Thái. Công văn đề nghị công bố giá số số 1072026TN/CV-VT ngày 01/07/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Hàng giao tại kho người mua	Mức giá ngày 01/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	219.100	219.100	219.100	219.100	219.100	219.100	219.100	219.100	219.100
1678	Vật tư ngành điện	Cáp điện lực ha thế - 300/500V (2 lõi. ruột đồng, cách điện PVC, vỏ PVC)	m	TCVN 6610-4	cvv-2x 1,5 - 300/500V	Công ty CP Dây Cáp Điện Việt Thái. Công văn đề nghị công bố giá số số 1072026TN/CV-VT ngày 01/07/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Hàng giao tại kho người mua	Mức giá ngày 01/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	25.900	25.900	25.900	25.900	25.900	25.900	25.900	25.900	25.900
1679	Vật tư ngành điện	Cáp điện lực ha thế - 300/500V (2 lõi, ruột đồng, cách điện PVC, vỏ PVC)	m	TCVN 6610-4	CVV-2x2,5 - 300/500V	Công ty CP Dây Cáp Điện Việt Thái. Công văn đề nghị công bố giá số số 1072026TN/CV-VT ngày 01/07/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Hàng giao tại kho người mua	Mức giá ngày 01/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	38.700	38.700	38.700	38.700	38.700	38.700	38.700	38.700	38.700
1680	Vật tư ngành điện	Cáp điện lực ha thế - 300/500V (2 lõi, ruột đồng, cách điện PVC, vỏ PVC)	m	TCVN 6610-4	CW-2x4 - 3OO/5OOV	Công ty CP Dây Cáp Điện Việt Thái. Công văn đề nghị công bố giá số số 1072026TN/CV-VT ngày 01/07/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Hàng giao tại kho người mua	Mức giá ngày 01/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	56.200	56.200	56.200	56.200	56.200	56.200	56.200	56.200	56.200
1681	Vật tư ngành điện	Cáp điện lực ha thế - 300/500V (2 lõi, ruột đồng, cách điện PVC, vỏ PVC)	m	TCVN 6610-4	CVV-2x6 - 3OO/5OOV	Công ty CP Dây Cáp Điện Việt Thái. Công văn đề nghị công bố giá số số 1072026TN/CV-VT ngày 01/07/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Hàng giao tại kho người mua	Mức giá ngày 01/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	77.500	77.500	77.500	77.500	77.500	77.500	77.500	77.500	77.500
1682	Vật tư ngành điện	Cáp điện lực ha thế - 300/500V (2 lõi, ruột đồng, cách điện PVC, vỏ PVC)	m	TCVN 6610-4	CW-2X10 - 300/500V	Công ty CP Dây Cáp Điện Việt Thái. Công văn đề nghị công bố giá số số 1072026TN/CV-VT ngày 01/07/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Hàng giao tại kho người mua	Mức giá ngày 01/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	125.200	125.200	125.200	125.200	125.200	125.200	125.200	125.200	125.200
1683	Vật tư ngành điện	Cáp điện lực ha thế - 300/500V(3 lõi. ruột đồng, cách điện PVC, vỏ PVC)	m	TCVN 6610-4	CVV-3X1.5 - 300/500V	Công ty CP Dây Cáp Điện Việt Thái. Công văn đề nghị công bố giá số số 1072026TN/CV-VT ngày 01/07/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Hàng giao tại kho người mua	Mức giá ngày 01/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	34.200	34.200	34.200	34.200	34.200	34.200	34.200	34.200	34.200
1684	Vật tư ngành điện	Cáp điện lực ha thế - 300/500V(3 lõi, ruột đồng, cách điện PVC, vỏ PVC)	m	TCVN 6610-4	CVV-3x2.5 - 3OO/5OOV	Công ty CP Dây Cáp Điện Việt Thái. Công văn đề nghị công bố giá số số 1072026TN/CV-VT ngày 01/07/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Hàng giao tại kho người mua	Mức giá ngày 01/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	51.600	51.600	51.600	51.600	51.600	51.600	51.600	51.600	51.600
1685	Vật tư ngành điện	Cáp điện lực ha thế - 300/500V(3 lõi. ruột đồng, cách điện PVC, vỏ PVC)	m	TCVN 6610-4	CW-3x4 - 3OO/5OOV	Công ty CP Dây Cáp Điện Việt Thái. Công văn đề nghị công bố giá số số 1072026TN/CV-VT ngày 01/07/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Hàng giao tại kho người mua	Mức giá ngày 01/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	74.200	74.200	74.200	74.200	74.200	74.200	74.200	74.200	74.200
1686	Vật tư ngành điện	Cáp điện lực ha thế - 300/500V(3 lõi, ruột đồng, cách điện PVC, vỏ PVC)	m	TCVN 6610-4	CVV-3x6 - 3OO/5OOV	Công ty CP Dây Cáp Điện Việt Thái. Công văn đề nghị công bố giá số số 1072026TN/CV-VT ngày 01/07/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Hàng giao tại kho người mua	Mức giá ngày 01/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	105.700	105.700	105.700	105.700	105.700	105.700	105.700	105.700	105.700
1687	Vật tư ngành điện	Cáp điện lực ha thế - 300/500V(3 lõi, ruột đồng, cách điện PVC, vỏ PVC)	m	TCVN 6610-4	CW-3.X10 - 3OO/5OOV	Công ty CP Dây Cáp Điện Việt Thái. Công văn đề nghị công bố giá số số 1072026TN/CV-VT ngày 01/07/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Hàng giao tại kho người mua	Mức giá ngày 01/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	174.100	174.100	174.100	174.100	174.100	174.100	174.100	174.100	174.100
1688	Vật tư ngành điện	Cáp điện lực ha thế - 300/500V (4 lõi, ruột đồng, cách điện PVC, vỏ PVC)	m	TCVN 6610-4	CW-4x1,5 - 300/500V	Công ty CP Dây Cáp Điện Việt Thái. Công văn đề nghị công bố giá số số 1072026TN/CV-VT ngày 01/07/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Hàng giao tại kho người mua	Mức giá ngày 01/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	43.600	43.600	43.600	43.600	43.600	43.600	43.600	43.600	43.600
1689	Vật tư ngành điện	Cáp điện lực ha thế - 300/500V (4 lõi. ruột đồng, cách điện PVC, vỏ PVC)	m	TCVN 6610-4	CW-4x2,5 - 300/500V	Công ty CP Dây Cáp Điện Việt Thái. Công văn đề nghị công bố giá số số 1072026TN/CV-VT ngày 01/07/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Hàng giao tại kho người mua	Mức giá ngày 01/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	65.800	65.800	65.800	65.800	65.800	65.800	65.800	65.800	65.800
1690	Vật tư ngành điện	Cáp điện lực ha thế - 300/500V (4 lõi, ruột đồng, cách điện PVC, vỏ PVC)	m	TCVN 6610-4	CVV-4x4 - 3OO/5OOV	Công ty CP Dây Cáp Điện Việt Thái. Công văn đề nghị công bố giá số số 1072026TN/CV-VT ngày 01/07/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Hàng giao tại kho người mua	Mức giá ngày 01/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	96.900	96.900	96.900	96.900	96.900	96.900	96.900	96.900	96.900
1691	Vật tư ngành điện	Cáp điện lực ha thế - 3OO/5OOV (4 lõi, ruột đồng, cách điện PVC, vỏ PVC)	m	TCVN 6610-4	CVV-4XÓ - 300/500V	Công ty CP Dây Cáp Điện Việt Thái. Công văn đề nghị công bố giá số số 1072026TN/CV-VT ngày 01/07/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Hàng giao tại kho người mua	Mức giá ngày 01/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	138.800	138.800	138.800	138.800	138.800	138.800	138.800	138.800	138.800
1692	Vật tư ngành điện	Cáp điện lực ha thế - 300/500V (4 lõi, ruột đồng, cách điện PVC, vỏ PVC)	m	TCVN 6610-4	CVV-4X10 - 300/500V	Công ty CP Dây Cáp Điện Việt Thái. Công văn đề nghị công bố giá số số 1072026TN/CV-VT ngày 01/07/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Hàng giao tại kho người mua	Mức giá ngày 01/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	226.600	226.600	226.600	226.600	226.600	226.600	226.600	226.600	226.600
1693	Vật tư ngành điện	Cáp điện lực ha thế - 0,6/1 kV(1 lõi, ruột đồng, cách điện XLPE, vỏ PVC)	m	TCVN 5935-1	CXV-1.5 - 0,6/lkV	Công ty CP Dây Cáp Điện Việt Thái. Công văn đề nghị công bố giá số số 1072026TN/CV-VT ngày 01/07/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Hàng giao tại kho người mua	Mức giá ngày 01/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	11.200	11.200	11.200	11.200	11.200	11.200	11.200	11.200	11.200
1694	Vật tư ngành điện	Cáp điện lực ha thế - 0,6/1 kV (1 lõi, ruột đồng, cách điện XLPE. Vỏ PVC)	m	TCVN 5935-1	CXV-2,5 - 0.6/1 kV	Công ty CP Dây Cáp Điện Việt Thái. Công văn đề nghị công bố giá số số 1072026TN/CV-VT ngày 01/07/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Hàng giao tại kho người mua	Mức giá ngày 01/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	16.800	16.800	16.800	16.800	16.800	16.800	16.800	16.800	16.800
1695	Vật tư ngành điện	Cáp điện lực ha thế - 0,6/1 kV (1 lõi, ruột đồng, cách điện XLPE, vỏ PVC)	m	TCVN 5935-1	CXV-4 - 0,6/lkV	Công ty CP Dây Cáp Điện Việt Thái. Công văn đề nghị công bố giá số số 1072026TN/CV-VT ngày 01/07/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Hàng giao tại kho người mua	Mức giá ngày 01/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	23.900	23.900	23.900	23.900	23.900	23.900	23.900	23.900	23.900
1696	Vật tư ngành điện	Cáp điện lực ha thế - 0,6/lkV (1 lõi, ruột đồng, cách điện XLPE. Vỏ PVC)	m	TCVN 5935-1	CXV-6 - 0,6/1 kV	Công ty CP Dây Cáp Điện Việt Thái. Công văn đề nghị công bố giá số số 1072026TN/CV-VT ngày 01/07/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Hàng giao tại kho người mua	Mức giá ngày 01/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	33.700	33.700	33.700	33.700	33.700	33.700	33.700	33.700	33.700
1697	Vật tư ngành điện	Cáp điện lực ha thế -0,6/lkV(1 lõi, ruột đồng, cách điện XLPE, vỏ PVC)	m	TCVN 5935-1	CXV-10 - 0,6/lkV	Công ty CP Dây Cáp Điện Việt Thái. Công văn đề nghị công bố giá số số 1072026TN/CV-VT ngày 01/07/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Hàng giao tại kho người mua	Mức giá ngày 01/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	53.300	53.300	53.300	53.300	53.300	53.300	53.300	53.300	53.300
1698	Vật tư ngành điện	Cáp điện lực ha thế - 0,6/lkV (1 lõi, ruột đồng, cách điện XLPE, vỏ PVC)	m	TCVN 5935-1	CXV-16 - 0,6/lkV	Công ty CP Dây Cáp Điện Việt Thái. Công văn đề nghị công bố giá số số 1072026TN/CV-VT ngày 01/07/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Hàng giao tại kho người mua	Mức giá ngày 01/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	79.800	79.800	79.800	79.800	79.800	79.800	79.800	79.800	79.800
1699	Vật tư ngành điện	Cáp điện lực ha thế - 0,6/1 kV(1 lõi, ruột đồng, cách điện XLPE, vỏ PVC)	m	TCVN 5935-1	CXV-25 - 0,6/lkV	Công ty CP Dây Cáp Điện Việt Thái. Công văn đề nghị công bố giá số số 1072026TN/CV-VT ngày 01/07/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Hàng giao tại kho người mua	Mức giá ngày 01/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	123.900	123.900	123.900	123.900	123.900	123.900	123.900	123.900	123.900
1700	Vật tư ngành điện	Cáp điện lực ha thế - 0,6/lkV (1 lõi, ruột đồng, cách điện XLPE, vỏ PVC)	m	TCVN 5935-1	CXV-35 -0,6/1 kv	Công ty CP Dây Cáp Điện Việt Thái. Công văn đề nghị công bố giá số số 1072026TN/CV-VT ngày 01/07/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Hàng giao tại kho người mua	Mức giá ngày 01/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	169.700	169.700	169.700	169.700	169.700	169.700	169.700	169.700	169.700
1701	Vật tư ngành điện	Cáp điện lực ha thế - 0,6/1 kV(1 lõi, ruột đồng, cách điện XLPE, vỏ PVC)	m	TCVN 5935-1	CXV-50 - 0,6/1 kV	Công ty CP Dây Cáp Điện Việt Thái. Công văn đề nghị công bố giá số số 1072026TN/CV-VT ngày 01/07/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Hàng giao tại kho người mua	Mức giá ngày 01/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	230.400	230.400	230.400	230.400	230.400	230.400	230.400	230.400	230.400
1702	Vật tư ngành điện	Cáp điện lực ha thế - 0,6/lkV (2 lõi, ruột đồng, cách điện XLPE, vỏ PVC)	m	TCVN 5935-1	CXV-2x50 - 0,6/lkV	Công ty CP Dây Cáp Điện Việt Thái. Công văn đề nghị công bố giá số số 1072026TN/CV-VT ngày 01/07/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Hàng giao tại kho người mua	Mức giá ngày 01/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	492.400	492.400	492.400	492.400	492.400	492.400	492.400	492.400	492.400
1703	Vật tư ngành điện	Cáp điện lực ha thế - 0.6/lkV (3 lõi, ruột đồng, cách điện XLPE, vỏ PVC)	m	TCVN 5935-1	CXV-3x50 - 0,6/1 kV	Công ty CP Dây Cáp Điện Việt Thái. Công văn đề nghị công bố giá số số 1072026TN/CV-VT ngày 01/07/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Hàng giao tại kho người mua	Mức giá ngày 01/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	714.200	714.200	714.200	714.200	714.200	714.200	714.200	714.200	714.200
1704	Vật tư ngành điện	Cáp điện lực ha thế - 0,6/lkV (4 lõi, ruột đồng, cách điện XLPE, vỏ PVC)	m	TCVN 5935-1	CXV-4x50 - 0,6/1 kV	Công ty CP Dây Cáp Điện Việt Thái. Công văn đề nghị công bố giá số số 1072026TN/CV-VT ngày 01/07/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Hàng giao tại kho người mua	Mức giá ngày 01/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	941.600	941.600	941.600	941.600	941.600	941.600	941.600	941.600	941.600

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)(đồng)								
												Khu vực TP. Tây Ninh	Khu vực TX.Trảng Bàng	Khu vực TX. Hoà Thành	Khu vực H.Tân Biên	Khu vực H.Tân Châu	Khu vực H. Châu Thành	Khu vực H.Dương Minh Châu	Khu vực H. Bến Cầu	Khu vực H. Gò Dầu
1705	Vật tư ngành điện	Cáp điện lực ha thế có giáp bảo vệ -0,6/1kV (2 lõi, ruột đồng, cách điện XLPE, giáp băng thép bảo vệ, vỏ PVC)	m	TCVN 5935-1	CXV/DSTA-2x16- 0,6/1kV	Công ty CP Dây Cáp Điện Việt Thái. Công văn đề nghị công bố giá số số 1072026TN/CV-VT ngày 01/07/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Hàng giao tại kho người mua	Mức giá ngày 01/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	212.000	212.000	212.000	212.000	212.000	212.000	212.000	212.000	212.000
1706	Vật tư ngành điện	Cáp điện lực ha thế có giáp bảo vệ -0,6/1kV (3 lõi, ruột đồng, cách điện XLPE, giáp băng thép bảo vệ, vỏ PVC)	m	TCVN 5935-1	CXV/DSTA-3X16 - 0,6/1kV	Công ty CP Dây Cáp Điện Việt Thái. Công văn đề nghị công bố giá số số 1072026TN/CV-VT ngày 01/07/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Hàng giao tại kho người mua	Mức giá ngày 01/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	290.200	290.200	290.200	290.200	290.200	290.200	290.200	290.200	290.200
1707	Vật tư ngành điện	Cáp điện lực ha thế có giáp bảo vệ - 0,6/1kV (4 lõi, ruột đồng, cách điện XLPE, giáp băng thép bảo vệ, vỏ PVC)	m	TCVN 5935-1	CXV/DSTA-4X16- 0,6/1kV	Công ty CP Dây Cáp Điện Việt Thái. Công văn đề nghị công bố giá số số 1072026TN/CV-VT ngày 01/07/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Hàng giao tại kho người mua	Mức giá ngày 01/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	369.700	369.700	369.700	369.700	369.700	369.700	369.700	369.700	369.700
1708	Vật tư ngành điện	Dây điện lực (AV) 0.6/1kV	m	Tiêu chuẩn AS/NZS 5000.1	AV-16 - 0,6/1kV	Công ty CP Dây Cáp Điện Việt Thái. Công văn đề nghị công bố giá số số 1072026TN/CV-VT ngày 01/07/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Hàng giao tại kho người mua	Mức giá ngày 01/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	10.500	10.500	10.500	10.500	10.500	10.500	10.500	10.500	10.500
1709	Vật tư ngành điện	Dây điện lực (AV) 0.6/1kV	m	Tiêu chuẩn AS/NZS 5000.1	AV-50 - 0,6/1 kV	Công ty CP Dây Cáp Điện Việt Thái. Công văn đề nghị công bố giá số số 1072026TN/CV-VT ngày 01/07/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Hàng giao tại kho người mua	Mức giá ngày 01/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	27.000	27.000	27.000	27.000	27.000	27.000	27.000	27.000	27.000
1710	Vật tư ngành điện	Dây điện lực (AV) 0,6/1kV	m	Tiêu chuẩn AS/NZS 5000.1	AV-70 - 0,6/1kV	Công ty CP Dây Cáp Điện Việt Thái. Công văn đề nghị công bố giá số số 1072026TN/CV-VT ngày 01/07/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Hàng giao tại kho người mua	Mức giá ngày 01/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	36.500	36.500	36.500	36.500	36.500	36.500	36.500	36.500	36.500
1711	Vật tư ngành điện	Cáp vặn xoắn hạ thế - 0.6/1kV (2 lõi. ruột nhôm, cách điện XLPE)	m	TCVN 6447/AS 3560-1	LV-ABC-2X16- 0,6/1kV	Công ty CP Dây Cáp Điện Việt Thái. Công văn đề nghị công bố giá số số 1072026TN/CV-VT ngày 01/07/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Hàng giao tại kho người mua	Mức giá ngày 01/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	22.100	22.100	22.100	22.100	22.100	22.100	22.100	22.100	22.100
1712	Vật tư ngành điện	Cáp vặn xoắn ha thế - 0,6/1 kv (3 lõi, ruột nhôm, cách điện XLPE)	m	TCVN 6447/AS 3560-1	LV-ABC-3X16- 0,6/1kV	Công ty CP Dây Cáp Điện Việt Thái. Công văn đề nghị công bố giá số số 1072026TN/CV-VT ngày 01/07/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Hàng giao tại kho người mua	Mức giá ngày 01/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	32.000	32.000	32.000	32.000	32.000	32.000	32.000	32.000	32.000
1713	Vật tư ngành điện	Cáp vặn xoắn ha thế-0,6/1 kV (4 lõi, ruột nhôm, cách điện XLPE)	m	TCVN 6447/AS 3560-1	LV-ABC-4x50 - 0,6/1 kv	Công ty CP Dây Cáp Điện Việt Thái. Công văn đề nghị công bố giá số số 1072026TN/CV-VT ngày 01/07/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Hàng giao tại kho người mua	Mức giá ngày 01/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	97.400	97.400	97.400	97.400	97.400	97.400	97.400	97.400	97.400
1714	Vật tư ngành điện	Cáp vặn xoắn ha thế - 0,6/1kV (4 lõi, ruột nhôm, cách điện XLPE)	m	TCVN 6447/AS 3560-1	LV-ABC-4x95 - 0.6/1kV	Công ty CP Dây Cáp Điện Việt Thái. Công văn đề nghị công bố giá số số 1072026TN/CV-VT ngày 01/07/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Hàng giao tại kho người mua	Mức giá ngày 01/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	179.700	179.700	179.700	179.700	179.700	179.700	179.700	179.700	179.700
1715	Vật tư ngành điện	Cáp trung thế treo - 12/20 (24)kV hoặc 12,7/22 (24)kV (1 lõi, ruột nhôm, lõi thép, có chống thấm, băn dẫn nước dẫn. cách điện XLPE.vỏ HDPE)	m	TCVN 5935-2/IEC 60502-1995	ACXH/WBC-50/8 - 12.7/22 (24)kV	Công ty CP Dây Cáp Điện Việt Thái. Công văn đề nghị công bố giá số số 1072026TN/CV-VT ngày 01/07/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Hàng giao tại kho người mua	Mức giá ngày 01/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	101.800	101.800	101.800	101.800	101.800	101.800	101.800	101.800	101.800
1716	Vật tư ngành điện	Cáp trung thế treo - 12/20 (24)kV hoặc 12,7/22 (24)kV (1 lõi, ruột nhôm, lõi thép, có chống thấm, băn dẫn nước dẫn. cách điện XLPE, vỏ HDPE)	m	TCVN 5935-2/IEC 60502-1995	ACXH/WBC-70/11 -12,7/22 (24)kV	Công ty CP Dây Cáp Điện Việt Thái. Công văn đề nghị công bố giá số số 1072026TN/CV-VT ngày 01/07/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Hàng giao tại kho người mua	Mức giá ngày 01/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	114.100	114.100	114.100	114.100	114.100	114.100	114.100	114.100	114.100
1717	Vật tư ngành điện	Cáp trung thế treo - 12/20 (24)kV hoặc 12,7/22 (24)kV (1 lõi, ruột nhôm, lõi thép, có chống thấm, băn dẫn nước dẫn. cách điện XLPE, vỏ HDPE)	m	TCVN 5935-2/IEC 60502-1995	ACXH/WBC-95/16 -12,7/22 (24)kV	Công ty CP Dây Cáp Điện Việt Thái. Công văn đề nghị công bố giá số số 1072026TN/CV-VT ngày 01/07/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Hàng giao tại kho người mua	Mức giá ngày 01/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	139.900	139.900	139.900	139.900	139.900	139.900	139.900	139.900	139.900
1718	Vật tư ngành điện	Cáp trung thế treo • 12/20 (24)kV hoặc 12,7/22 (24)kV (1 lõi, ruột nhôm, lõi thép, có chống thấm, băn dẫn nước dẫn. cách điện XLPE.VO HDPE)	m	TCVN 5935-2/IEC 60502-1995	ACXH/WBC-240/32 - 12,7/22 (24)kV	Công ty CP Dây Cáp Điện Việt Thái. Công văn đề nghị công bố giá số số 1072026TN/CV-VT ngày 01/07/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Hàng giao tại kho người mua	Mức giá ngày 01/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	260.700	260.700	260.700	260.700	260.700	260.700	260.700	260.700	260.700
1719	Vật tư ngành điện	Cáp điện lực ha thế chống cháy - 0.6/1kV (1 lõi. ruột đồng, Băng Mica, cách điện FR- PVC)	m	ASNZS 5000.1/IEC 60331-21, IEC 60332-3 CAT c, BS 6387 CAT c	CV/FR-1,5 - 0,6/1 kV	Công ty CP Dây Cáp Điện Việt Thái. Công văn đề nghị công bố giá số số 1072026TN/CV-VT ngày 01/07/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Hàng giao tại kho người mua	Mức giá ngày 01/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	12.700	12.700	12.700	12.700	12.700	12.700	12.700	12.700	12.700
1720	Vật tư ngành điện	Cáp điện lực ha thế chống cháy -0,6/1kV (1 lõi, ruột đồng, Băng Mica, cách điện FR-PVC)	m	ASNZS 5000.1/IEC 60331-21, IEC 60332-3 CAT c, BS 6387 CAT c	CV/FR-2.5 - 0,6/1kV	Công ty CP Dây Cáp Điện Việt Thái. Công văn đề nghị công bố giá số số 1072026TN/CV-VT ngày 01/07/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Hàng giao tại kho người mua	Mức giá ngày 01/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	17.200	17.200	17.200	17.200	17.200	17.200	17.200	17.200	17.200
1721	Vật tư ngành điện	Cáp điện lực ha thế chống cháy - 0.6/1 kV (1 lõi, ruột đồng, Băng Mica, cách điện FR-PVC)	m	ASNZS 5000.1/IEC 60331-21, IEC 60332-3 CAT c, BS 6387 CAT c	CV/FR-4 - 0,6/1 kv	Công ty CP Dây Cáp Điện Việt Thái. Công văn đề nghị công bố giá số số 1072026TN/CV-VT ngày 01/07/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Hàng giao tại kho người mua	Mức giá ngày 01/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	26.000	26.000	26.000	26.000	26.000	26.000	26.000	26.000	26.000
1722	Vật tư ngành điện	Cáp điện lực ha thế chống cháy - 0,6/1kV (1 lõi. ruột đồng, Băng Mica, cách điện FR-PVC)	m	ASNZS 5000.1/IEC 60331-21, IEC 60332-3 CAT c, BS 6387 CAT c	CV/FR-6 - 0,6/1kV	Công ty CP Dây Cáp Điện Việt Thái. Công văn đề nghị công bố giá số số 1072026TN/CV-VT ngày 01/07/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Hàng giao tại kho người mua	Mức giá ngày 01/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	35.200	35.200	35.200	35.200	35.200	35.200	35.200	35.200	35.200
1723	Vật tư ngành điện	Cáp điện lực ha thế chống cháy - 0,6/1 kV (2 lõi. ruột đồng, Băng Mica, cách điện XLPE, vỏ FR-PVC)	m	TCVN 5935-1/IEC 60502-1 1EC 60332 3 CAT c. BS6387 CATC	CXV/FR-2X1.5 - 0,6/1 kV	Công ty CP Dây Cáp Điện Việt Thái. Công văn đề nghị công bố giá số số 1072026TN/CV-VT ngày 01/07/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Hàng giao tại kho người mua	Mức giá ngày 01/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	46.300	46.300	46.300	46.300	46.300	46.300	46.300	46.300	46.300
1724	Vật tư ngành điện	Cáp điện lực ha thế chống cháy - 0,6/1 kV (2 lõi, ruột đồng, Băng Mica, cách điện XLPE, vỏ FR-PVC)	m	TCVN 5935-1/IEC 60502-1, IEC 60332 3 CAT c, BS 6387 CATC	CXV/FR-2x2.5 - 0.6/1 kV	Công ty CP Dây Cáp Điện Việt Thái. Công văn đề nghị công bố giá số số 1072026TN/CV-VT ngày 01/07/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Hàng giao tại kho người mua	Mức giá ngày 01/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	57.500	57.500	57.500	57.500	57.500	57.500	57.500	57.500	57.500
1725	Vật tư ngành điện	Cáp điện lực ha thế chống cháy - 0,6/1 kV (2 lõi, ruột đồng, Băng Mica, cách điện XLPE, vỏ FR-PVC)	m	TCVN 5935-1/IEC 60502-1, IEC 60332 3 CAT c, BS 6387 CATC	CXV/FR-2x4 - 0,6/1 kV	Công ty CP Dây Cáp Điện Việt Thái. Công văn đề nghị công bố giá số số 1072026TN/CV-VT ngày 01/07/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Hàng giao tại kho người mua	Mức giá ngày 01/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	77.700	77.700	77.700	77.700	77.700	77.700	77.700	77.700	77.700
1726	Vật tư ngành điện	Cáp điện lực ha thế chống cháy - 0,6/1 kV (2 lõi. ruột đồng, Băng Mica, cách điện XLPE, voFR-PVC)	m	TCVN 5935-1/IEC 60502-1, IEC 60332 3 CAT c, BS 6387 CAT c	CXV/FR-2x6 - 0,6/1 kV	Công ty CP Dây Cáp Điện Việt Thái. Công văn đề nghị công bố giá số số 1072026TN/CV-VT ngày 01/07/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Hàng giao tại kho người mua	Mức giá ngày 01/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	98.900	98.900	98.900	98.900	98.900	98.900	98.900	98.900	98.900
1727	Vật tư ngành điện	Dây nhôm lõi thép As hoặc ACSR	m	TCVN 5064	ACSR-50/8	Công ty CP Dây Cáp Điện Việt Thái. Công văn đề nghị công bố giá số số 1072026TN/CV-VT ngày 01/07/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Hàng giao tại kho người mua	Mức giá ngày 01/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	23.800	23.800	23.800	23.800	23.800	23.800	23.800	23.800	23.800
1728	Vật tư ngành điện	Dây nhôm lõi thép As hoặc ACSR	m	TCVN 5064	ACSR-70/11	Công ty CP Dây Cáp Điện Việt Thái. Công văn đề nghị công bố giá số số 1072026TN/CV-VT ngày 01/07/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Hàng giao tại kho người mua	Mức giá ngày 01/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	33.300	33.300	33.300	33.300	33.300	33.300	33.300	33.300	33.300
1729	Vật tư ngành điện	Dây nhôm lõi thép As hoặc ACSR	m	TCVN 5064	ACSR-95/16	Công ty CP Dây Cáp Điện Việt Thái. Công văn đề nghị công bố giá số số 1072026TN/CV-VT ngày 01/07/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Hàng giao tại kho người mua	Mức giá ngày 01/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	46.200	46.200	46.200	46.200	46.200	46.200	46.200	46.200	46.200
1730	Vật tư ngành điện	Dây nhôm lõi thép As hoặc ACSR	m	TCVN 5064	ACSR-120/19	Công ty CP Dây Cáp Điện Việt Thái. Công văn đề nghị công bố giá số số 1072026TN/CV-VT ngày 01/07/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Hàng giao tại kho người mua	Mức giá ngày 01/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	61.000	61.000	61.000	61.000	61.000	61.000	61.000	61.000	61.000
1731	Vật tư ngành điện	Dây đồng trần xoắn:c	m		C-25	Công ty CP Dây Cáp Điện Việt Thái. Công văn đề nghị công bố giá số số 1072026TN/CV-VT ngày 01/07/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Hàng giao tại kho người mua	Mức giá ngày 01/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	111.000	111.000	111.000	111.000	111.000	111.000	111.000	111.000	111.000
1732	Vật tư ngành điện	Dây đồng trần xoắn:c	m		C-50	Công ty CP Dây Cáp Điện Việt Thái. Công văn đề nghị công bố giá số số 1072026TN/CV-VT ngày 01/07/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Hàng giao tại kho người mua	Mức giá ngày 01/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	224.900	224.900	224.900	224.900	224.900	224.900	224.900	224.900	224.900
1733	Vật tư ngành điện	Cáp năng lượng mặt trời (DC Solar cable): H1Z2Z2-K-4- 1.5kV DC	m	TC EN 50168	H1Z2Z2-K-4- 1.5kV DC	Công ty CP Dây Cáp Điện Việt Thái. Công văn đề nghị công bố giá số số 1072026TN/CV-VT ngày 01/07/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Hàng giao tại kho người mua	Mức giá ngày 01/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	29.000	29.000	29.000	29.000	29.000	29.000	29.000	29.000	29.000
1734	Vật tư ngành điện	Cáp năng lượng mặt trời (DC Solar cable): H1Z2Z2-K-6- 1.5kV DC	m	TC EN 50168	H1Z2Z2-K-6- 1.5kV DC	Công ty CP Dây Cáp Điện Việt Thái. Công văn đề nghị công bố giá số số 1072026TN/CV-VT ngày 01/07/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Hàng giao tại kho người mua	Mức giá ngày 01/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	41.300	41.300	41.300	41.300	41.300	41.300	41.300	41.300	41.300
1735	Vật tư ngành điện	Cáp Duplex: DuCV-2R-0,6/1kV (2 lõi. ruột đồng, cách điện PVC)	m	TCVN 5935	Du-CV-2x4 - 0.6/1kV	Công ty CP Dây Cáp Điện Việt Thái. Công văn đề nghị công bố giá số số 1072026TN/CV-VT ngày 01/07/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Hàng giao tại kho người mua	Mức giá ngày 01/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	41.600	41.600	41.600	41.600	41.600	41.600	41.600	41.600	41.600
1736	Vật tư ngành điện	Cáp Duplex: DuCV-2R-0,6/1kV (2 lõi. ruột đồng, cách điện PVC)	m	TCVN 5935	Du-CV-2x6 - 0.6/1kV	Công ty CP Dây Cáp Điện Việt Thái. Công văn đề nghị công bố giá số số 1072026TN/CV-VT ngày 01/07/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Hàng giao tại kho người mua	Mức giá ngày 01/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	60.600	60.600	60.600	60.600	60.600	60.600	60.600	60.600	60.600
1737	Vật tư ngành điện	Cáp Duplex: DuCV-2R-0,6/1kV (2 lõi, ruột đồng, cách điện PVC)	m	TCVN 5935	Du-CV-2x10 - 0.6/1kV	Công ty CP Dây Cáp Điện Việt Thái. Công văn đề nghị công bố giá số số 1072026TN/CV-VT ngày 01/07/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Hàng giao tại kho người mua	Mức giá ngày 01/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	98.500	98.500	98.500	98.500	98.500	98.500	98.500	98.500	98.500
1738	Vật tư ngành điện	Đèn đường Led Nákkon Mura (M) 80W dimming 5 cấp, điều khiển chiếu sáng thông minh không dây ILCS - Malaysia	bộ	*TCVN 7722-1:2009 (IEC 60598-1:2008) TCVN7722-2:2009 (IEC 60598-2- 3:2002)*	*IP 66, Chống sét 20KA 10KV, Chip LED 5050 chuẩn LM80, bộ đèn chuẩn LM79*	Công ty TNHH SX TM và DV Đại Quang Phát. Đc: 17 đường số 11, KP4, P.Linh Xuân, TP.HCM - Dt: 0964.111.278. Công văn đề nghị công bố giá số 06/DQP ngày 15/07/2026	MALAYSIA	Không có thông tin	Tại chân công trình Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 15/07/2026 đến khi có thông báo giá mới	Giá không đổi	8.100.000	8.100.000	8.100.000	8.100.000	8.100.000	8.100.000	8.100.000	8.100.000	8.100.000
1739	Vật tư ngành điện	Đèn đường Led Nákkon Mura (M) 85W - I05W dimming 5 cấp, điều khiển chiếu sáng thông minh không dây ILCS -Malaysia	bộ	*TCVN7722-1:2009 (IEC 60598-1:2008) TCVN7722-2:2009 (IEC 60598-2- 3:2002)*	*IP 66, Chống sét 20KA 10KV, Chip LED 5050 chuẩn LM80, bộ đèn chuẩn LM79*	Công ty TNHH SX TM và DV Đại Quang Phát. Đc: 17 đường số 11, KP4, P.Linh Xuân, TP.HCM - Dt: 0964.111.278. Công văn đề nghị công bố giá số 06/DQP ngày 15/07/2026	MALAYSIA	Không có thông tin	Tại chân công trình Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 15/07/2026 đến khi có thông báo giá mới	Giá không đổi	8.625.000	8.625.000	8.625.000	8.625.000	8.625.000	8.625.000	8.625.000	8.625.000	8.625.000

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)(đồng)								
												Khu vực TP. Tây Ninh	Khu vực TX.Trảng Bàng	Khu vực TX. Hoà Thành	Khu vực H.Tân Biên	Khu vực H.Tân Châu	Khu vực H. Châu Thành	Khu vực H.Dương Minh Châu	Khu vực H. Bến Cầu	Khu vực H. Gò Dầu
1740	Vật tư ngành điện	Đèn đường Led Nikkon Mura (L) HOW - 125W dimming 5 cấp, điều khiển chiếu sáng thông minh không dây ILCS - Malaysia	bộ	*TCVN7722-1:2009 (IEC 60598-1:2008) TCVN 7722-2:2009 (IEC 60598-2-3:2002)*	*IP 66, Chống sét 20KA 10KV, Chip LED 5050 chuẩn LM80, bộ đèn chuẩn LM79*	Công ty TNHH SX TM và DV Đại Quang Phát. Đc: 17 đường số 11, KP4, P.Linh Xuân, TP.HCM - Dt: 0964.111.278. Công văn đề nghị công bố giá số 06/ĐQP ngày 15/07/2026	MALAYSIA	Không có thông tin	Tại chân công trình Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 15/07/2026 đến khi có thông báo giá mới	Giá không đổi	10.350.000	10.350.000	10.350.000	10.350.000	10.350.000	10.350.000	10.350.000	10.350.000	10.350.000
1741	Vật tư ngành điện	Đèn đường Led Nikkon Mura (L) 130W-155W dimming 5 cấp, điều khiển chiếu sáng thông minh không dây ILCS - Malaysia	bộ	*TCVN7722-1:2009 (IEC 60598-1:2008)TCVN 7722-2:2009 (IEC 60598-2- 3:2002)*	*IP 66, Chống sét 20KA 10KV, Chip LED 5050chuẩn LM80, bộ đèn chuẩn LM79*	Công ty TNHH SX TM và DV Đại Quang Phát. Đc: 17 đường số 11, KP4, P.Linh Xuân, TP.HCM - Dt: 0964.111.278. Công văn đề nghị công bố giá số 06/ĐQP ngày 15/07/2026	MALAYSIA	Không có thông tin	Tại chân công trình Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 15/07/2026 đến khi có thông báo giá mới	Giá không đổi	11.850.000	11.850.000	11.850.000	11.850.000	11.850.000	11.850.000	11.850.000	11.850.000	11.850.000
1742	Vật tư ngành điện	Đèn đường Led Nikkon Mura (L) 160W-185W dimming 5 cấp, điều khiển chiếu sáng thông minh không dây ILCS - Malaysia	bộ	*TCVN7722-1:2009 (IEC 60598-1:2008) TCVN7722-2:2009 (IEC 60598-2-3:2002)*	*IP 66, Chống sét 20KA 10KV Chip LED 5050 chuẩn LM80, bộ đèn chuẩn LM79*	Công ty TNHH SX TM và DV Đại Quang Phát. Đc: 17 đường số 11, KP4, P.Linh Xuân, TP.HCM - Dt: 0964.111.278. Công văn đề nghị công bố giá số 06/ĐQP ngày 15/07/2026	MALAYSIA	Không có thông tin	Tại chân công trình Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 15/07/2026 đến khi có thông báo giá mới	Giá không đổi	14.250.000	14.250.000	14.250.000	14.250.000	14.250.000	14.250.000	14.250.000	14.250.000	14.250.000
1743	Vật tư ngành điện	Đèn pha Led Nikkon Cervelli 100W-250W dimming 5 cấp, điều khiển chiếu sáng thông minh không dây ILCS - Malaysia	bộ	*Độ kín IP 66*	*IP 66, Chống sét 20KA 10KV, Chip LED 5050 chuẩn LM80, bộ đèn chuẩn LM79*	Công ty TNHH SX TM và DV Đại Quang Phát. Đc: 17 đường số 11, KP4, P.Linh Xuân, TP.HCM - Dt: 0964.111.278. Công văn đề nghị công bố giá số 06/ĐQP ngày 15/07/2026	MALAYSIA	Không có thông tin	Tại chân công trình Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 15/07/2026 đến khi có thông báo giá mới	Giá không đổi	20.250.000	20.250.000	20.250.000	20.250.000	20.250.000	20.250.000	20.250.000	20.250.000	20.250.000
1744	Vật tư ngành điện	Đèn pha Led Nikkon Cervelli 300W -350W dimming 5 cấp, điều khiển chiếu sáng thông minh không dây ILCS - Malaysia	bộ	*Độ kín IP 66*	*IP 66, Chống sét 20KA 10KV Chip LED 5050 chuẩn LM8O, bộ đèn chuẩn LM79*	Công ty TNHH SX TM và DV Đại Quang Phát. Đc: 17 đường số 11, KP4, P.Linh Xuân, TP.HCM - Dt: 0964.111.278. Công văn đề nghị công bố giá số 06/ĐQP ngày 15/07/2026	MALAYSIA	Không có thông tin	Tại chân công trình Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 15/07/2026 đến khi có thông báo giá mới	Giá không đổi	25.575.000	25.575.000	25.575.000	25.575.000	25.575.000	25.575.000	25.575.000	25.575.000	25.575.000
1745	Vật tư ngành điện	Đèn đường Led năng lượng mặt trời Nikkon RA365 30W -Malaysia	bộ	*Độ kín IP 66*	*TÍCH HỢP PIN LiFeP 04 SẠC ĐẦY VỚI 6H NĂNG/ NLMT*	Công ty TNHH SX TM và DV Đại Quang Phát. Đc: 17 đường số 11, KP4, P.Linh Xuân, TP.HCM - Dt: 0964.111.278. Công văn đề nghị công bố giá số 06/ĐQP ngày 15/07/2026	MALAYSIA	Không có thông tin	Tại chân công trình Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 15/07/2026 đến khi có thông báo giá mới	Giá không đổi	14.625.000	14.625.000	14.625.000	14.625.000	14.625.000	14.625.000	14.625.000	14.625.000	14.625.000
1746	Vật tư ngành điện	Đèn đường Led năng lượng mặt trời Nikkon RA365 60W - Malaysia	bộ	*Độ kín IP 66*	*TÍCH HỢP PIN LiFePO4 SẠC ĐẦY VỚI 6 H NĂNG/ NLMT*	Công ty TNHH SX TM và DV Đại Quang Phát. Đc: 17 đường số 11, KP4, P.Linh Xuân, TP.HCM - Dt: 0964.111.278. Công văn đề nghị công bố giá số 06/ĐQP ngày 15/07/2026	MALAYSIA	Không có thông tin	Tại chân công trình Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 15/07/2026 đến khi có thông báo giá mới	Giá không đổi	23.250.000	23.250.000	23.250.000	23.250.000	23.250.000	23.250.000	23.250.000	23.250.000	23.250.000
1747	Vật tư ngành điện	Đèn đường Led năng lượng mặt trời Nikkon RA365 80 w - Malaysia	bộ	*Độ kín IP 66*	*TÍCH HỢP PIN LiFePO4 SẠC ĐẦY VỚI 6 H NĂNG/ NLMT*	Công ty TNHH SX TM và DV Đại Quang Phát. Đc: 17 đường số 11, KP4, P.Linh Xuân, TP.HCM - Dt: 0964.111.278. Công văn đề nghị công bố giá số 06/ĐQP ngày 15/07/2026	MALAYSIA	Không có thông tin	Tại chân công trình Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 15/07/2026 đến khi có thông báo giá mới	Giá không đổi	28.425.000	28.425.000	28.425.000	28.425.000	28.425.000	28.425.000	28.425.000	28.425.000	28.425.000
1748	Vật tư ngành điện	Đèn đường Led năng lượng mặt trời Nikkon RA365 120W - Malaysia	bộ	*Độ kín IP 66*	*TÍCH HỢP PIN LiFePO4 SẠC ĐẦY VỚI 6 H NĂNG/ NLMT*	Công ty TNHH SX TM và DV Đại Quang Phát. Đc: 17 đường số 11, KP4, P.Linh Xuân, TP.HCM - Dt: 0964.111.278. Công văn đề nghị công bố giá số 06/ĐQP ngày 15/07/2026	MALAYSIA	Không có thông tin	Tại chân công trình Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 15/07/2026 đến khi có thông báo giá mới	Giá không đổi	59.250.000	59.250.000	59.250.000	59.250.000	59.250.000	59.250.000	59.250.000	59.250.000	59.250.000
1749	Vật tư ngành điện	Đèn đường Led Nikkon Sigma (M) 60W dimming 5 cấp, điều khiển chiếu sáng thông minh không dây ILCS - Malaysia	bộ	*Độ kín IP 66*	*IP 66. Chống sét 20KA 10KV Chip LED 5050 chuẩn LM80, bộ đèn chuẩn LM79*	Công ty TNHH SX TM và DV Đại Quang Phát. Đc: 17 đường số 11, KP4, P.Linh Xuân, TP.HCM - Dt: 0964.111.278. Công văn đề nghị công bố giá số 06/ĐQP ngày 15/07/2026	MALAYSIA	Không có thông tin	Tại chân công trình Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 15/07/2026 đến khi có thông báo giá mới	Giá không đổi	7.575.000	7.575.000	7.575.000	7.575.000	7.575.000	7.575.000	7.575.000	7.575.000	7.575.000
1750	Vật tư ngành điện	Đèn đường Led Nikkon Sigma (M) 90W dimming 5 cấp, điều khiển chiếu sáng thông minh không dây ILCS - Malaysia	bộ	*Độ kín IP 66*	*IP 66, Chống sét 20KA 10KV, Chip LED 5050 chuẩn LM80, bộ đèn chuẩn LM79*	Công ty TNHH SX TM và DV Đại Quang Phát. Đc: 17 đường số 11, KP4, P.Linh Xuân, TP.HCM - Dt: 0964.111.278. Công văn đề nghị công bố giá số 06/ĐQP ngày 15/07/2026	MALAYSIA	Không có thông tin	Tại chân công trình Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 15/07/2026 đến khi có thông báo giá mới	Giá không đổi	8.400.000	8.400.000	8.400.000	8.400.000	8.400.000	8.400.000	8.400.000	8.400.000	8.400.000
1751	Vật tư ngành điện	Đèn đường Led Nikkon Sigma (M) 120W dimming 5 cấp, điều khiển chiếu sáng thông minh không dây ILCS - Malaysia	bộ	*Độ kín IP 66*	*IP 66, Chống sét 20KA 10KV, Chip LED 5050 chuẩn LM80, bộ đèn chuẩn LM79*	Công ty TNHH SX TM và DV Đại Quang Phát. Đc: 17 đường số 11, KP4, P.Linh Xuân, TP.HCM - Dt: 0964.111.278. Công văn đề nghị công bố giá số 06/ĐQP ngày 15/07/2026	MALAYSIA	Không có thông tin	Tại chân công trình Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 15/07/2026 đến khi có thông báo giá mới	Giá không đổi	9.825.000	9.825.000	9.825.000	9.825.000	9.825.000	9.825.000	9.825.000	9.825.000	9.825.000
1752	Vật tư ngành điện	Đèn đường Led Nikkon Sigma (M) 150W dimming 5 cấp, điều khiển chiếu sáng thông minh không dây ILCS - Malaysia	bộ	*Độ kín IP 66*	*IP 66, Chống sét 20KA 10KV, Chip LED 5050 chuẩn LM80, bộ đèn chuẩn LM79*	Công ty TNHH SX TM và DV Đại Quang Phát. Đc: 17 đường số 11, KP4, P.Linh Xuân, TP.HCM - Dt: 0964.111.278. Công văn đề nghị công bố giá số 06/ĐQP ngày 15/07/2026	MALAYSIA	Không có thông tin	Tại chân công trình Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 15/07/2026 đến khi có thông báo giá mới	Giá không đổi	11.475.000	11.475.000	11.475.000	11.475.000	11.475.000	11.475.000	11.475.000	11.475.000	11.475.000
1753	Vật tư ngành điện	Đèn đường Led Nikkon Sigma (L) 180W dimming 5 cấp, điều khiển chiếu sáng thông minh không dây ILCS - Malaysia	bộ	*Độ kín IP 66*	*IP 66, Chống sét 20KA 10KV Chip LED 5050 chuẩn LM80, bộ đèn chuẩn LM79*	Công ty TNHH SX TM và DV Đại Quang Phát. Đc: 17 đường số 11, KP4, P.Linh Xuân, TP.HCM - Dt: 0964.111.278. Công văn đề nghị công bố giá số 06/ĐQP ngày 15/07/2026	MALAYSIA	Không có thông tin	Tại chân công trình Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 15/07/2026 đến khi có thông báo giá mới	Giá không đổi	13.125.000	13.125.000	13.125.000	13.125.000	13.125.000	13.125.000	13.125.000	13.125.000	13.125.000
1754	Vật tư ngành điện	Đèn đường Led Nikkon Sigma (L)200W dimming 5 cấp, điều khiển chiếu sáng thông minh không dây ILCS - Malaysia	bộ	*Độ kín IP 66*	*IP 66, Chống sét 20KA 10KV, Chip LED 5050 chuẩn LM80, bộ đèn chuẩn LM79*	Công ty TNHH SX TM và DV Đại Quang Phát. Đc: 17 đường số 11, KP4, P.Linh Xuân, TP.HCM - Dt: 0964.111.278. Công văn đề nghị công bố giá số 06/ĐQP ngày 15/07/2026	MALAYSIA	Không có thông tin	Tại chân công trình Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 15/07/2026 đến khi có thông báo giá mới	Giá không đổi	13.875.000	13.875.000	13.875.000	13.875.000	13.875.000	13.875.000	13.875.000	13.875.000	13.875.000
1755	Vật tư ngành điện	Bộ điều khiển chiếu sáng LCU	cái	*EN55015, EN60598-1, EN61000-3-2, EN61000-3-3, EN61547, EN61347-1, EN61347-2-11, MCMC MTSFB TC T007-2014, ETSI*	*Bảo vệ sự xâm nhập IP66 Bảo vệ tác động IK09*	Công ty TNHH SX TM và DV Đại Quang Phát. Đc: 17 đường số 11, KP4, P.Linh Xuân, TP.HCM - Dt: 0964.111.278. Công văn đề nghị công bố giá số 06/ĐQP ngày 15/07/2026	MALAYSIA	Không có thông tin	Tại chân công trình Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 15/07/2026 đến khi có thông báo giá mới	Giá không đổi	9.204.000	9.204.000	9.204.000	9.204.000	9.204.000	9.204.000	9.204.000	9.204.000	9.204.000
1756	Vật tư ngành điện	Tủ điều khiển chiếu sáng thông minh DCU	tủ	*EN55022, EN55024, EN61326-1, EN61000-3-2, EN61000-3-3, MCMC MTSFB TC T007:2014, ETSI 300328*	*Bảo vệ sự xâm nhập IP66 Bảo vệ tác động 1K08 Lắp đặt tùy chọn Tủ điều khiển IP54*	Công ty TNHH SX TM và DV Đại Quang Phát. Đc: 17 đường số 11, KP4, P.Linh Xuân, TP.HCM - Dt: 0964.111.278. Công văn đề nghị công bố giá số 06/ĐQP ngày 15/07/2026	MALAYSIA	Không có thông tin	Tại chân công trình Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 15/07/2026 đến khi có thông báo giá mới	Giá không đổi	165.600.000	165.600.000	165.600.000	165.600.000	165.600.000	165.600.000	165.600.000	165.600.000	165.600.000
1757	Vật tư ngành điện	Bộ cảm biến thời tiết	bộ	*ETSI EN 303413 V1. 1.1 ETSI EN 300328 V2.1.1 ETSI EN 301489-1 V2.1.1*	*Bảo vệ sự xâm nhập 1P65 Bảo vệ tác động IK08*	Công ty TNHH SX TM và DV Đại Quang Phát. Đc: 17 đường số 11, KP4, P.Linh Xuân, TP.HCM - Dt: 0964.111.278. Công văn đề nghị công bố giá số 06/ĐQP ngày 15/07/2026	MALAYSIA	Không có thông tin	Tại chân công trình Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 15/07/2026 đến khi có thông báo giá mới	Giá không đổi	226.200.000	226.200.000	226.200.000	226.200.000	226.200.000	226.200.000	226.200.000	226.200.000	226.200.000
1758	Vật tư ngành điện	Bộ cảm biến phân tích giao thông	bộ	*UNI11248*	#NAME?	Công ty TNHH SX TM và DV Đại Quang Phát. Đc: 17 đường số 11, KP4, P.Linh Xuân, TP.HCM - Dt: 0964.111.278. Công văn đề nghị công bố giá số 06/ĐQP ngày 15/07/2026	MALAYSIA	Không có thông tin	Tại chân công trình Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 15/07/2026 đến khi có thông báo giá mới	Giá không đổi	49.920.000	49.920.000	49.920.000	49.920.000	49.920.000	49.920.000	49.920.000	49.920.000	49.920.000
1759	Vật tư ngành điện	Tủ điều khiển chiếu sáng thông minh 3 pha	tủ	*EN55022, EN55024,EN61326-1. EN61000-3-2, EN61000-3-3, MCMC MTSFB TC T007-.2014, ETSI 300328*	*Nguồn điện 100-305 VAC50760Hz Dòng cắt ngắn mạch 6kA -50 kA Dòng điện tối đa 10A - 630 A , Cấp bảo vệ IP43 - IP55 Độ tăng nhiệt tối đa: 50 độ c. Công suất tiêu thụ < 12W*	Công ty TNHH SX TM và DV Đại Quang Phát. Đc: 17 đường số 11, KP4, P.Linh Xuân, TP.HCM - Dt: 0964.111.278. Công văn đề nghị công bố giá số 06/ĐQP ngày 15/07/2026	MALAYSIA	Không có thông tin	Tại chân công trình Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 15/07/2026 đến khi có thông báo giá mới	Giá không đổi	174.000.000	174.000.000	174.000.000	174.000.000	174.000.000	174.000.000	174.000.000	174.000.000	174.000.000
1760	Vật tư ngành điện	Bộ đèn THGT Xanh Đỏ Vàng D200 - Taiwan	bộ	*Độ kín IP55*	*Độ kín IP55*	Công ty TNHH SX TM và DV Đại Quang Phát. Đc: 17 đường số 11, KP4, P.Linh Xuân, TP.HCM - Dt: 0964.111.278. Công văn đề nghị công bố giá số 06/ĐQP ngày 15/07/2026	MALAYSIA	Không có thông tin	Tại chân công trình Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 15/07/2026 đến khi có thông báo giá mới	Giá không đổi	12.225.000	12.225.000	12.225.000	12.225.000	12.225.000	12.225.000	12.225.000	12.225.000	12.225.000
1761	Vật tư ngành điện	Bộ đèn THGT Xanh Đỏ Vàng D300 -Taiwan	bộ	*Độ kín IP55*	*Độ kín IP55*	Công ty TNHH SX TM và DV Đại Quang Phát. Đc: 17 đường số 11, KP4, P.Linh Xuân, TP.HCM - Dt: 0964.111.278. Công văn đề nghị công bố giá số 06/ĐQP ngày 15/07/2026	MALAYSIA	Không có thông tin	Tại chân công trình Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 15/07/2026 đến khi có thông báo giá mới	Giá không đổi	14.850.000	14.850.000	14.850.000	14.850.000	14.850.000	14.850.000	14.850.000	14.850.000	14.850.000
1762	Vật tư ngành điện	Bộ đèn THGT chữ thập Đỏ D200 -Taiwan	bộ	*Độ kín IP 55*	*Độ kín IP55*	Công ty TNHH SX TM và DV Đại Quang Phát. Đc: 17 đường số 11, KP4, P.Linh Xuân, TP.HCM - Dt: 0964.111.278. Công văn đề nghị công bố giá số 06/ĐQP ngày 15/07/2026	MALAYSIA	Không có thông tin	Tại chân công trình Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 15/07/2026 đến khi có thông báo giá mới	Giá không đổi	4.125.000	4.125.000	4.125.000	4.125.000	4.125.000	4.125.000	4.125.000	4.125.000	4.125.000
1763	Vật tư ngành điện	Bộ đèn THGT chữ thập Đỏ D300 -Taiwan	bộ	*Độ kín IP55*	*Độ kín IP55*	Công ty TNHH SX TM và DV Đại Quang Phát. Đc: 17 đường số 11, KP4, P.Linh Xuân, TP.HCM - Dt: 0964.111.278. Công văn đề nghị công bố giá số 06/ĐQP ngày 15/07/2026	MALAYSIA	Không có thông tin	Tại chân công trình Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 15/07/2026 đến khi có thông báo giá mới	Giá không đổi	4.425.000	4.425.000	4.425.000	4.425.000	4.425.000	4.425.000	4.425.000	4.425.000	4.425.000
1764	Vật tư ngành điện	Bộ đèn THGT nhắc lại DI00 - Taiwan	bộ	*Độ kín IP55*	*Độ kín IP55*	Công ty TNHH SX TM và DV Đại Quang Phát. Đc: 17 đường số 11, KP4, P.Linh Xuân, TP.HCM - Dt: 0964.111.278. Công văn đề nghị công bố giá số 06/ĐQP ngày 15/07/2026	MALAYSIA	Không có thông tin	Tại chân công trình Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 15/07/2026 đến khi có thông báo giá mới	Giá không đổi	6.975.000	6.975.000	6.975.000	6.975.000	6.975.000	6.975.000	6.975.000	6.975.000	6.975.000
1765	Vật tư ngành điện	Bộ đèn THGT đi bộ Xanh Đỏ D200 - Taiwan	bộ	*Độ kín IP55*	*Độ kín IP55*	Công ty TNHH SX TM và DV Đại Quang Phát. Đc: 17 đường số 11, KP4, P.Linh Xuân, TP.HCM - Dt: 0964.111.278. Công văn đề nghị công bố giá số 06/ĐQP ngày 15/07/2026	MALAYSIA	Không có thông tin	Tại chân công trình Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 15/07/2026 đến khi có thông báo giá mới	Giá không đổi	9.000.000	9.000.000	9.000.000	9.000.000	9.000.000	9.000.000	9.000.000	9.000.000	9.000.000

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)(đồng)								
												Khu vực TP. Tây Ninh	Khu vực TX.Trảng Bàng	Khu vực TX. Hoà Thành	Khu vực H.Tân Biên	Khu vực H.Tân Châu	Khu vực H. Châu Thành	Khu vực H.Dương Minh Châu	Khu vực H. Bến Cầu	Khu vực H. Gò Dầu
1766	Vật tư ngành điện	Bộ đèn THGT đếm lùi Xanh Đỏ Vàng D300 - Taiwan	bộ	*Độ kín IP55*	*Độ kín IP55*	Công ty TNHH SX TM và DV Đại Quang Phát. Đc: 17 đường số 11, KP4, P.Linh Xuân, TP.HCM - Đt: 0964.111.278. Công văn đề nghị công bố giá số 06/DQP ngày 15/07/2026	MALAYSIA	Không có thông tin	Tại chân công trình Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 15/07/2026 đến khi có thông báo giá mới	Giá không đổi	14.025.000	14.025.000	14.025.000	14.025.000	14.025.000	14.025.000	14.025.000	14.025.000	14.025.000
1767	Vật tư ngành điện	Bộ đèn THGT đếm lùi vuông 500x600 -Taiwan	bộ	*Độ kín IP55*	*Độ kín IP55*	Công ty TNHH SX TM và DV Đại Quang Phát. Đc: 17 đường số 11, KP4, P.Linh Xuân, TP.HCM - Đt: 0964.111.278. Công văn đề nghị công bố giá số 06/DQP ngày 15/07/2026	MALAYSIA	Không có thông tin	Tại chân công trình Tây Ninh		Giá không đổi	14.700.000	14.700.000	14.700.000	14.700.000	14.700.000	14.700.000	14.700.000	14.700.000	14.700.000
1768	Vật tư ngành điện	Tủ điều khiển THGT 2pha	*tủ*	*Độ kín IP55*	*Độ kín IP55*	Công ty TNHH SX TM và DV Đại Quang Phát. Đc: 17 đường số 11, KP4, P.Linh Xuân, TP.HCM - Đt: 0964.111.278. Công văn đề nghị công bố giá số 06/DQP ngày 15/07/2026	MALAYSIA	Không có thông tin	Tại chân công trình Tây Ninh		Giá không đổi	33.825.000	33.825.000	33.825.000	33.825.000	33.825.000	33.825.000	33.825.000	33.825.000	33.825.000
1769	Vật tư ngành điện	Tủ điều khiển THGT Thông minh	*tủ*	*Độ kín IP55*	*Độ kín IP55*	Công ty TNHH SX TM và DV Đại Quang Phát. Đc: 17 đường số 11, KP4, P.Linh Xuân, TP.HCM - Đt: 0964.111.278. Công văn đề nghị công bố giá số 06/DQP ngày 15/07/2026	MALAYSIA	Không có thông tin	Tại chân công trình Tây Ninh		Giá không đổi	142.500.000	142.500.000	142.500.000	142.500.000	142.500.000	142.500.000	142.500.000	142.500.000	142.500.000
1770	Vật tư ngành điện	Dù che tủ điều khiển	*bộ*	*Độ kín IP55*	*Độ kín IP55*	Công ty TNHH SX TM và DV Đại Quang Phát. Đc: 17 đường số 11, KP4, P.Linh Xuân, TP.HCM - Đt: 0964.111.278. Công văn đề nghị công bố giá số 06/DQP ngày 15/07/2026	MALAYSIA	Không có thông tin	Tại chân công trình Tây Ninh		Giá không đổi	9.675.000	9.675.000	9.675.000	9.675.000	9.675.000	9.675.000	9.675.000	9.675.000	9.675.000
1771	Vật tư ngành điện	Trụ đỡ tủ điều khiển + cần dù	*bộ*	*Độ kín IP55*	*Độ kín IP55*	Công ty TNHH SX TM và DV Đại Quang Phát. Đc: 17 đường số 11, KP4, P.Linh Xuân, TP.HCM - Đt: 0964.111.278. Công văn đề nghị công bố giá số 06/DQP ngày 15/07/2026	MALAYSIA	Không có thông tin	Tại chân công trình Tây Ninh		Giá không đổi	4.050.000	4.050.000	4.050.000	4.050.000	4.050.000	4.050.000	4.050.000	4.050.000	4.050.000
1772	Vật tư ngành điện	Đèn LED chiếu sáng đường phố MFUHAI LIGHT KMC 30W	*bộ*	TCVN 77221:2017, TCVN 77222-3:2019, ISO 9001:2015, ISO 14001:2015, ISO 50001:2018.	- vỏ đèn hợp kim nhôm đúc ADC1 áp lực cao; - vỏ đèn được đúc nguyên khối; - Vỏ đèn đúc nổi LOGO nhà sản xuất; - Vỏ đèn có chức năng chỉnh góc; - Vỏ đèn đúc nổi vị trí để khoan gắn Nema 7 Bin; - Độ kín ngăn quang học : >= IP67; - Độ kín ngăn linh kiện : >=IP67; - Bảo vệ chống va đập kinh điển: >= IK09; - Bảo vệ chống va đập thân đèn: >= IK09; - Tuổi thọ bộ đèn: >= 100.000 giờ; - Hệ số duy trì quang thông bộ đèn: >= 0.95; - Hiệu suất phát quang của đèn: > =160 lm/W; - Nhiệt độ màu: 3000K - 6000K; - Chỉ số hoàn màu CRI: > 70; - Chip LED: SMD - LM80, tuổi thọ > 100.000 giờ; - Chống xung: >= 20kV thương hiệu EU; - Bộ nguồn: Thương hiệu EU; - Điện áp định danh: 220VAC, 50/60 Hz; - Hệ số công suất > 0.95; - An toàn điện: Cách điện cấp 1; -Bộ Điều tích hợp Dali/1-10V/0-10V; - Đèn được đăng ký nhãn hiệu; - Chế độ bảo hành: 5 năm	Cty TNHH SX- TM Hưng Phú Hải .Đc: 139 Trần Hưng Đạo, P.Tuy Hòa, Tỉnh Đắk Lắk - ĐT: 02573.88.6868. Công văn đề nghị công bố giá số 05CV/2026 ngày 20/06/2026	Việt Nam	Thanh toán trước khi nhận hàng	Đến tận nơi công trình	Mức giá được thực hiện từ ngày 20/06/2026 đến khi có thông báo giá mới	Giá không đổi	4.600.000	4.600.000	4.600.000	4.600.000	4.600.000	4.600.000	4.600.000	4.600.000	4.600.000
1773	Vật tư ngành điện	Đèn LED chiếu sáng đường phố MFUHAILIGHT KMC 40W	*bộ*	TCVN 77221:2017, TCVN 77222-3:2019, ISO 9001:2015, ISO 14001:2015, ISO 50001:2018.	- vỏ đèn hợp kim nhôm đúc ADC1 áp lực cao; - vỏ đèn được đúc nguyên khối; - Vỏ đèn đúc nổi LOGO nhà sản xuất; - Vỏ đèn có chức năng chỉnh góc; - Vỏ đèn đúc nổi vị trí để khoan gắn Nema 7 Bin; - Độ kín ngăn quang học : >= IP67; - Độ kín ngăn linh kiện : >=IP67; - Bảo vệ chống va đập kinh điển: >= IK09; - Bảo vệ chống va đập thân đèn: >= IK09; - Tuổi thọ bộ đèn: >= 100.000 giờ; - Hệ số duy trì quang thông bộ đèn: >= 0.95; - Hiệu suất phát quang của đèn: > =160 lm/W; - Nhiệt độ màu: 3000K - 6000K; - Chỉ số hoàn màu CRI: > 70; - Chip LED: SMD - LM80, tuổi thọ > 100.000 giờ; - Chống xung: >= 20kV thương hiệu EU; - Bộ nguồn: Thương hiệu EU; - Điện áp định danh: 220VAC, 50/60 Hz; - Hệ số công suất > 0.95; - An toàn điện: Cách điện cấp 1; - Bộ Điều tích hợp Dali/1-10V/0-10V; - Đèn được đăng ký nhãn hiệu; - Chế độ bảo hành: 5 năm	Cty TNHH SX- TM Hưng Phú Hải .Đc: 139 Trần Hưng Đạo, P.Tuy Hòa, Tỉnh Đắk Lắk - ĐT: 02573.88.6868. Công văn đề nghị công bố giá số 05CV/2026 ngày 20/06/2026	Việt Nam	Thanh toán trước khi nhận hàng	Đến tận nơi công trình	Mức giá được thực hiện từ ngày 20/06/2026 đến khi có thông báo giá mới	Giá không đổi	4.800.000	4.800.000	4.800.000	4.800.000	4.800.000	4.800.000	4.800.000	4.800.000	4.800.000
1774	Vật tư ngành điện	Đèn LED chiếu sáng đường phố MFUHAILIGHT KMC 50W	*bộ*	TCVN 77221:2017, TCVN 77222-3:2019, ISO 9001:2015, ISO 14001:2015, ISO 50001:2018.	- vỏ đèn hợp kim nhôm đúc ADC1 áp lực cao; - vỏ đèn được đúc nguyên khối; - Vỏ đèn đúc nổi LOGO nhà sản xuất; - Vỏ đèn có chức năng chỉnh góc; - Vỏ đèn đúc nổi vị trí để khoan gắn Nema 7 Bin; - Độ kín ngăn quang học : >= IP67; - Độ kín ngăn linh kiện : >=IP67; - Bảo vệ chống va đập kinh điển: >= IK09; - Bảo vệ chống va đập thân đèn: >= IK09; - Tuổi thọ bộ đèn: >= 100.000 giờ; - Hệ số duy trì quang thông bộ đèn: >= 0.95; - Hiệu suất phát quang của đèn: > =160 lm/W; - Nhiệt độ màu: 3000K - 6000K; - Chỉ số hoàn màu CRI: > 70; - Chip LED: SMD - LM80, tuổi thọ > 100.000 giờ; - Chống xung: >= 20kV thương hiệu EU; - Bộ nguồn: Thương hiệu EU; - Điện áp định danh: 220VAC, 50/60 Hz; - Hệ số công suất > 0.95; - An toàn điện: Cách điện cấp 1; - Bộ Điều tích hợp Dali/1-10V/0-10V; - Đèn được đăng ký nhãn hiệu; - Chế độ bảo hành: 5 năm	Cty TNHH SX- TM Hưng Phú Hải .Đc: 139 Trần Hưng Đạo, P.Tuy Hòa, Tỉnh Đắk Lắk - ĐT: 02573.88.6868. Công văn đề nghị công bố giá số 05CV/2026 ngày 14/07/2026	Việt Nam	Thanh toán trước khi nhận hàng	Đến tận nơi công trình	Mức giá được thực hiện từ ngày 14/07/2026 đến khi có thông báo giá mới	Giá không đổi	4.909.091	4.909.091	4.909.091	4.909.091	4.909.091	4.909.091	4.909.091	4.909.091	4.909.091
1775	Vật tư ngành điện	Đèn LED chiếu sáng đường phố MFUHAILIGHT KMC 60W	*bộ*	TCVN 77221:2017, TCVN 77222-3:2019, ISO 9001:2015, ISO 14001:2015, ISO 50001:2018.	- vỏ đèn hợp kim nhôm đúc ADC1 áp lực cao; - vỏ đèn được đúc nguyên khối; - Vỏ đèn đúc nổi LOGO nhà sản xuất; - Vỏ đèn có chức năng chỉnh góc; - Vỏ đèn đúc nổi vị trí để khoan gắn Nema 7 Bin; - Độ kín ngăn quang học : >= IP67; - Độ kín ngăn linh kiện : >=IP67; - Bảo vệ chống va đập kinh điển: >= IK09; - Bảo vệ chống va đập thân đèn: >= IK09; - Tuổi thọ bộ đèn: >= 100.000 giờ; - Hệ số duy trì quang thông bộ đèn: >= 0.95; - Hiệu suất phát quang của đèn: > =160 lm/W; - Nhiệt độ màu: 3000K - 6000K; - Chỉ số hoàn màu CRI: > 70; - Chip LED: SMD - LM80, tuổi thọ > 100.000 giờ; - Chống xung: >= 20kV thương hiệu EU; - Bộ nguồn: Thương hiệu EU; - Điện áp định danh: 220VAC, 50/60 Hz; - Hệ số công suất > 0.95; - An toàn điện: Cách điện cấp 1; - Bộ Điều tích hợp Dali/1-10V/0-10V; - Đèn được đăng ký nhãn hiệu; - Chế độ bảo hành: 5 năm	Cty TNHH SX- TM Hưng Phú Hải .Đc: 139 Trần Hưng Đạo, P.Tuy Hòa, Tỉnh Đắk Lắk - ĐT: 02573.88.6868. Công văn đề nghị công bố giá số 05CV/2026 ngày 14/07/2026	Việt Nam	Thanh toán trước khi nhận hàng	Đến tận nơi công trình	Mức giá được thực hiện từ ngày 14/07/2026 đến khi có thông báo giá mới	Giá không đổi	5.600.000	5.600.000	5.600.000	5.600.000	5.600.000	5.600.000	5.600.000	5.600.000	5.600.000

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)(đồng)								
												Khu vực TP. Tây Ninh	Khu vực TX.Trảng Bàng	Khu vực TX. Hoà Thành	Khu vực H.Tân Biên	Khu vực H.Tân Châu	Khu vực H. Châu Thành	Khu vực H.Dương Minh Châu	Khu vực H. Bến Cầu	Khu vực H. Gò Dầu
1776	Vật tư ngành điện	Đèn LED chiếu sáng đường phố MFUHAILIGHT KMC 70W	bộ	TCVN 77221:2017, TCVN 77222-3:2019, ISO 9001:2015, ISO 14001:2015, ISO 50001:2018.	- vỏ đèn hợp kim nhôm đúc ADC1 áp lực cao; - vỏ đèn được đúc nguyên khối; - Vỏ đèn đúc nổi LOGO nhà sản xuất; - Vỏ đèn có chức năng chỉnh góc; - Vỏ đèn đúc nối vị trí để khoan gắn Nema 7 Bin; - Độ kín ngăn quang học : >= IP67; - Độ kín ngăn linh kiện : > =IP67; - Bảo vệ chống va đập kính đèn: >= IK09; - Bảo vệ chống va đập thân đèn: >= IK09; - Tuổi thọ bộ đèn: >= 100.000 giờ; - Hệ số duy trì quang thông bộ đèn: >= 0.95; - Hiệu suất phát quang của đèn: > =160 lm/W; - Nhiệt độ màu: 3000K - 6000K; - Chỉ số hoàn màu CRI: > 70; - Chip LED: SMD - LM80, tuổi thọ > 100.000 giờ; - Chống xung: >= 20kV thương hiệu EU; - Bộ nguồn: Thương hiệu EU; - Điện áp định danh: 220VAC, 50/60 Hz; - Hệ số công suất > 0.95; - An toàn điện: Cách điện cấp 1; - Bộ Đèn tích hợp Dali/1-10V/0-10V; - Đèn được đăng ký nhãn hiệu; - Chế độ bảo hành: 5 năm	Cty TNHH SX- TM Hưng Phú Hải .Đc: 139 Trần Hưng Đạo, P.Tuy Hòa, Tỉnh Đắk Lắk - ĐT: 02573.88.6868. Công văn đề nghị công bố giá số 05CV/2026 ngày 14/07/2026	Việt Nam	Thanh toán trước khi nhận hàng	Đến tận nơi công trình	Mức giá được thực hiện từ ngày 14/07/2026 đến khi có thông báo giá mới	Giá không đổi	5.909.091	5.909.091	5.909.091	5.909.091	5.909.091	5.909.091	5.909.091	5.909.091	5.909.091
1777	Vật tư ngành điện	Đèn LED chiếu sáng đường phố MFUHA1LIGHT KMC 80W	bộ	TCVN 77221:2017, TCVN 77222-3:2019, ISO 9001:2015, ISO 14001:2015, ISO 50001:2018.	- vỏ đèn hợp kim nhôm đúc ADC1 áp lực cao; - vỏ đèn được đúc nguyên khối; - Vỏ đèn đúc nổi LOGO nhà sản xuất; - Vỏ đèn có chức năng chỉnh góc; - Vỏ đèn đúc nối vị trí để khoan gắn Nema 7 Bin; - Độ kín ngăn quang học : >= IP67; - Độ kín ngăn linh kiện : > =IP67; - Bảo vệ chống va đập kính đèn: >= IK09; - Bảo vệ chống va đập thân đèn: >= IK09; - Tuổi thọ bộ đèn: >= 100.000 giờ; - Hệ số duy trì quang thông bộ đèn: >= 0.95; - Hiệu suất phát quang của đèn: > =160 lm/W; - Nhiệt độ màu: 3000K - 6000K; - Chỉ số hoàn màu CRI: > 70; - Chip LED: SMD - LM80, tuổi thọ > 100.000 giờ; - Chống xung: >= 20kV thương hiệu EU; - Bộ nguồn: Thương hiệu EU; - Điện áp định danh: 220VAC, 50/60 Hz; - Hệ số công suất > 0.95; - An toàn điện: Cách điện cấp 1; - Bộ Đèn tích hợp Dali/1-10V/0-10V; - Đèn được đăng ký nhãn hiệu; - Chế độ bảo hành: 5 năm	Cty TNHH SX- TM Hưng Phú Hải .Đc: 139 Trần Hưng Đạo, P.Tuy Hòa, Tỉnh Đắk Lắk - ĐT: 02573.88.6868. Công văn đề nghị công bố giá số 05CV/2026 ngày 14/07/2026	Việt Nam	Thanh toán trước khi nhận hàng	Đến tận nơi công trình	Mức giá được thực hiện từ ngày 14/07/2026 đến khi có thông báo giá mới	Giá không đổi	6.200.000	6.200.000	6.200.000	6.200.000	6.200.000	6.200.000	6.200.000	6.200.000	6.200.000
1778	Vật tư ngành điện	Đèn LED chiếu sáng đường phố MFUHAILIGHT KMC 90W	bộ	TCVN 77221:2017, TCVN 77222-3:2019, ISO 9001:2015, ISO 14001:2015, ISO 50001:2018.	- vỏ đèn hợp kim nhôm đúc ADC1 áp lực cao; - vỏ đèn được đúc nguyên khối; - Vỏ đèn đúc nổi LOGO nhà sản xuất; - Vỏ đèn có chức năng chỉnh góc; - Vỏ đèn đúc nối vị trí để khoan gắn Nema 7 Bin; - Độ kín ngăn quang học : >= IP67; - Độ kín ngăn linh kiện : > =IP67; - Bảo vệ chống va đập kính đèn: >= IK09; - Bảo vệ chống va đập thân đèn: >= IK09; - Tuổi thọ bộ đèn: >= 100.000 giờ; - Hệ số duy trì quang thông bộ đèn: >= 0.95; - Hiệu suất phát quang của đèn: > =160 lm/W; - Nhiệt độ màu: 3000K - 6000K; - Chỉ số hoàn màu CRI: > 70; - Chip LED: SMD - LM80, tuổi thọ > 100.000 giờ; - Chống xung: >= 20kV thương hiệu EU; - Bộ nguồn: Thương hiệu EU; - Điện áp định danh: 220VAC, 50/60 Hz; - Hệ số công suất > 0.95; - An toàn điện: Cách điện cấp 1; - Bộ Đèn tích hợp Dali/1-10V/0-10V; - Đèn được đăng ký nhãn hiệu; - Chế độ bảo hành: 5 năm	Cty TNHH SX- TM Hưng Phú Hải .Đc: 139 Trần Hưng Đạo, P.Tuy Hòa, Tỉnh Đắk Lắk - ĐT: 02573.88.6868. Công văn đề nghị công bố giá số 05CV/2026 ngày 14/07/2026	Việt Nam	Thanh toán trước khi nhận hàng	Đến tận nơi công trình	Mức giá được thực hiện từ ngày 14/07/2026 đến khi có thông báo giá mới	Giá không đổi	6.300.000	6.300.000	6.300.000	6.300.000	6.300.000	6.300.000	6.300.000	6.300.000	6.300.000
1779	Vật tư ngành điện	Đèn LED chiếu sáng đường phố MFUHAILIGHT KMC 100W	bộ	TCVN 77221:2017, TCVN 77222-3:2019, ISO 9001:2015, ISO 14001:2015, ISO 50001:2018.	- vỏ đèn hợp kim nhôm đúc ADC1 áp lực cao; - vỏ đèn được đúc nguyên khối; - Vỏ đèn đúc nổi LOGO nhà sản xuất; - Vỏ đèn có chức năng chỉnh góc; - Vỏ đèn đúc nối vị trí để khoan gắn Nema 7 Bin; - Độ kín ngăn quang học : >= IP67; - Độ kín ngăn linh kiện : > =IP67; - Bảo vệ chống va đập kính đèn: >= IK09; - Bảo vệ chống va đập thân đèn: >= IK09; - Tuổi thọ bộ đèn: >= 100.000 giờ; - Hệ số duy trì quang thông bộ đèn: >= 0.95; - Hiệu suất phát quang của đèn: > =160 lm/W; - Nhiệt độ màu: 3000K - 6000K; - Chỉ số hoàn màu CRI: > 70; - Chip LED: SMD - LM80, tuổi thọ > 100.000 giờ; - Chống xung: >= 20kV thương hiệu EU; - Bộ nguồn: Thương hiệu EU; - Điện áp định danh: 220VAC, 50/60 Hz; - Hệ số công suất > 0.95; - An toàn điện: Cách điện cấp 1; - Bộ Đèn tích hợp Dali/1-10V/0-10V; - Đèn được đăng ký nhãn hiệu; - Chế độ bảo hành: 5 năm	Cty TNHH SX- TM Hưng Phú Hải .Đc: 139 Trần Hưng Đạo, P.Tuy Hòa, Tỉnh Đắk Lắk - ĐT: 02573.88.6868. Công văn đề nghị công bố giá số 05CV/2026 ngày 14/07/2026	Việt Nam	Thanh toán trước khi nhận hàng	Đến tận nơi công trình	Mức giá được thực hiện từ ngày 14/07/2026 đến khi có thông báo giá mới	Giá không đổi	7.000.000	7.000.000	7.000.000	7.000.000	7.000.000	7.000.000	7.000.000	7.000.000	7.000.000
1780	Vật tư ngành điện	Đèn LED chiếu sáng đường phố MFUHA1L1GHT KMC 120W	bộ	TCVN 77221:2017, TCVN 77222-3:2019, ISO 9001:2015, ISO 14001:2015, ISO 50001:2018.	- vỏ đèn hợp kim nhôm đúc ADC1 áp lực cao; - vỏ đèn được đúc nguyên khối; - Vỏ đèn đúc nổi LOGO nhà sản xuất; - Vỏ đèn có chức năng chỉnh góc; - Vỏ đèn đúc nối vị trí để khoan gắn Nema 7 Bin; - Độ kín ngăn quang học : >= IP67; - Độ kín ngăn linh kiện : > =IP67; - Bảo vệ chống va đập kính đèn: >= IK09; - Bảo vệ chống va đập thân đèn: >= IK09; - Tuổi thọ bộ đèn: >= 100.000 giờ; - Hệ số duy trì quang thông bộ đèn: >= 0.95; - Hiệu suất phát quang của đèn: > =160 lm/W; - Nhiệt độ màu: 3000K - 6000K; - Chỉ số hoàn màu CRI: > 70; - Chip LED: SMD - LM80, tuổi thọ > 100.000 giờ; - Chống xung: >= 20kV thương hiệu EU; - Bộ nguồn: Thương hiệu EU; - Điện áp định danh: 220VAC, 50/60 Hz; - Hệ số công suất > 0.95; - An toàn điện: Cách điện cấp 1; - Bộ Đèn tích hợp Dali/1-10V/0-10V; - Đèn được đăng ký nhãn hiệu; - Chế độ bảo hành: 5 năm	Cty TNHH SX- TM Hưng Phú Hải .Đc: 139 Trần Hưng Đạo, P.Tuy Hòa, Tỉnh Đắk Lắk - ĐT: 02573.88.6868. Công văn đề nghị công bố giá số 05CV/2026 ngày 14/07/2026	Việt Nam	Thanh toán trước khi nhận hàng	Đến tận nơi công trình	Mức giá được thực hiện từ ngày 14/07/2026 đến khi có thông báo giá mới	Giá không đổi	7.500.000	7.500.000	7.500.000	7.500.000	7.500.000	7.500.000	7.500.000	7.500.000	7.500.000

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá hàn (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)(đồng)								
												Khu vực TP. Tây Ninh	Khu vực TX.Trảng Bàng	Khu vực TX. Hoà Thành	Khu vực H.Tân Biên	Khu vực H.Tân Châu	Khu vực H. Châu Thành	Khu vực H.Dương Minh Châu	Khu vực H. Bến Cầu	Khu vực H. Gò Dầu
1781	Vật tư ngành điện	Đèn LED chiếu sáng đường phố MFUHA1LIGHT KMC 140W	bộ	TCVN 77221:2017, TCVN 77222-3:2019, ISO 9001:2015, ISO 14001:2015, ISO 50001:2018.	- vỏ đèn hợp kim nhôm đúc ADC1 áp lực cao; - vỏ đèn được đúc nguyên khối; - Vỏ đèn đúc nổi LOGO nhà sản xuất; - Vỏ đèn có chức năng chỉnh góc; - Vỏ đèn đúc nối vị trí để khoan gắn Nema 7 Bin; - Độ kín ngăn quang học : >= IP67; - Độ kín ngăn linh kiện : > =IP67; - Bảo vệ chống va đập kính đèn: >= IK09; - Bảo vệ chống va đập thân đèn: >= IK09; - Tuổi thọ bộ đèn: >= 100.000 giờ; - Hệ số duy trì quang thông bộ đèn: >= 0.95; - Hiệu suất phát quang của đèn: > =160 lm/W; - Nhiệt độ màu: 3000K - 6000K, - Chỉ số hoàn màu CRI: > 70; - Chip LED: SMD - LM80, tuổi thọ > 100.000 giờ; - Chống xung: >= 20kV thương hiệu EU; - Bộ nguồn: Thương hiệu EU; - Điện áp định danh: 220VAC, 50/60 Hz; - Hệ số công suất > 0.95; - An toàn điện: Cách điện cấp 1; - Bộ Đèn tích hợp Dali/1-10V/0-10V; - Đèn được đăng ký nhãn hiệu; - Chế độ bảo hành: 5 năm	Cty TNHH SX- TM Hưng Phú Hải .Đc: 139 Trần Hưng Đạo, P.Tuy Hòa, Tỉnh Đắk Lắk - DT: 02573.88.6868. Công văn đề nghị công bố giá số 05CV/2026 ngày 14/07/2026	Việt Nam	Thanh toán trước khi nhận hàng	Đến tận nơi công trình	Mức giá được thực hiện từ ngày 14/07/2026 đến khi có thông báo giá mới	Giá không đổi	9.000.000	9.000.000	9.000.000	9.000.000	9.000.000	9.000.000	9.000.000	9.000.000	9.000.000
1782	Vật tư ngành điện	Đèn LED chiếu sáng đường phố MFUH AI LIGHT KMC 150W	bộ	TCVN 77221:2017, TCVN 77222-3:2019, ISO 9001:2015, ISO 14001:2015, ISO 50001:2018.	- vỏ đèn hợp kim nhôm đúc ADC1 áp lực cao; - vỏ đèn được đúc nguyên khối; - Vỏ đèn đúc nổi LOGO nhà sản xuất; - Vỏ đèn có chức năng chỉnh góc; - Vỏ đèn đúc nối vị trí để khoan gắn Nema 7 Bin; - Độ kín ngăn quang học : >= IP67; - Độ kín ngăn linh kiện : > =IP67; - Bảo vệ chống va đập kính đèn: >= IK09; - Bảo vệ chống va đập thân đèn: >= IK09; - Tuổi thọ bộ đèn: >= 100.000 giờ; - Hệ số duy trì quang thông bộ đèn: >= 0.95; - Hiệu suất phát quang của đèn: > =160 lm/W; - Nhiệt độ màu: 3000K - 6000K, - Chỉ số hoàn màu CRI: > 70; - Chip LED: SMD - LM80, tuổi thọ > 100.000 giờ; - Chống xung: >= 20kV thương hiệu EU; - Bộ nguồn: Thương hiệu EU; - Điện áp định danh: 220VAC, 50/60 Hz; - Hệ số công suất > 0.95; - An toàn điện: Cách điện cấp 1; - Bộ Đèn tích hợp Dali/1-10V/0-10V; - Đèn được đăng ký nhãn hiệu; - Chế độ bảo hành: 5 năm	Cty TNHH SX- TM Hưng Phú Hải .Đc: 139 Trần Hưng Đạo, P.Tuy Hòa, Tỉnh Đắk Lắk - DT: 02573.88.6868. Công văn đề nghị công bố giá số 05CV/2026 ngày 14/07/2026	Việt Nam	Thanh toán trước khi nhận hàng	Đến tận nơi công trình	Mức giá được thực hiện từ ngày 14/07/2026 đến khi có thông báo giá mới	Giá không đổi	9.090.909	9.090.909	9.090.909	9.090.909	9.090.909	9.090.909	9.090.909	9.090.909	9.090.909
1783	Vật tư ngành điện	Đèn LED chiếu sáng đường phố MFUHAILIGHT KMC 180W	bộ	TCVN 77221:2017, TCVN 77222-3:2019, ISO 9001:2015, ISO 14001:2015, ISO 50001:2018.	- vỏ đèn hợp kim nhôm đúc ADC1 áp lực cao; - vỏ đèn được đúc nguyên khối; - Vỏ đèn đúc nổi LOGO nhà sản xuất; - Vỏ đèn có chức năng chỉnh góc; - Vỏ đèn đúc nối vị trí để khoan gắn Nema 7 Bin; - Độ kín ngăn quang học : >= IP67; - Độ kín ngăn linh kiện : > =IP67; - Bảo vệ chống va đập kính đèn: >= IK09; - Bảo vệ chống va đập thân đèn: >= IK09; - Tuổi thọ bộ đèn: >= 100.000 giờ; - Hệ số duy trì quang thông bộ đèn: >= 0.95; - Hiệu suất phát quang của đèn: > =160 lm/W; - Nhiệt độ màu: 3000K - 6000K, - Chỉ số hoàn màu CRI: > 70; - Chip LED: SMD - LM80, tuổi thọ > 100.000 giờ; - Chống xung: >= 20kV thương hiệu EU; - Bộ nguồn: Thương hiệu EU; - Điện áp định danh: 220VAC, 50/60 Hz; - Hệ số công suất > 0.95; - An toàn điện: Cách điện cấp 1; - Bộ Đèn tích hợp Dali/1-10V/0-10V; - Đèn được đăng ký nhãn hiệu; - Chế độ bảo hành: 5 năm	Cty TNHH SX- TM Hưng Phú Hải .Đc: 139 Trần Hưng Đạo, P.Tuy Hòa, Tỉnh Đắk Lắk - DT: 02573.88.6868. Công văn đề nghị công bố giá số 05CV/2026 ngày 14/07/2026	Việt Nam	Thanh toán trước khi nhận hàng	Đến tận nơi công trình	Mức giá được thực hiện từ ngày 14/07/2026 đến khi có thông báo giá mới	Giá không đổi	10.000.000	10.000.000	10.000.000	10.000.000	10.000.000	10.000.000	10.000.000	10.000.000	10.000.000
1784	Vật tư ngành điện	Đèn LED chiếu sáng đường phố MFUHAILIGHT KMC 200VV	bộ	TCVN 77221:2017, TCVN 77222-3:2019, ISO 9001:2015, ISO 14001:2015, ISO 50001:2018.	- vỏ đèn hợp kim nhôm đúc ADC1 áp lực cao; - vỏ đèn được đúc nguyên khối; - Vỏ đèn đúc nổi LOGO nhà sản xuất; - Vỏ đèn có chức năng chỉnh góc; - Vỏ đèn đúc nối vị trí để khoan gắn Nema 7 Bin; - Độ kín ngăn quang học : >= IP67; - Độ kín ngăn linh kiện : > =IP67; - Bảo vệ chống va đập kính đèn: >= IK09; - Bảo vệ chống va đập thân đèn: >= IK09; - Tuổi thọ bộ đèn: >= 100.000 giờ; - Hệ số duy trì quang thông bộ đèn: >= 0.95; - Hiệu suất phát quang của đèn: > =160 lm/W; - Nhiệt độ màu: 3000K - 6000K, - Chỉ số hoàn màu CRI: > 70; - Chip LED: SMD - LM80, tuổi thọ > 100.000 giờ; - Chống xung: >= 20kV thương hiệu EU; - Bộ nguồn: Thương hiệu EU; - Điện áp định danh: 220VAC, 50/60 Hz; - Hệ số công suất > 0.95; - An toàn điện: Cách điện cấp 1; - Bộ Đèn tích hợp Dali/1-10V/0-10V; - Đèn được đăng ký nhãn hiệu; - Chế độ bảo hành: 5 năm	Cty TNHH SX- TM Hưng Phú Hải .Đc: 139 Trần Hưng Đạo, P.Tuy Hòa, Tỉnh Đắk Lắk - DT: 02573.88.6868. Công văn đề nghị công bố giá số 05CV/2026 ngày 14/07/2026	Việt Nam	Thanh toán trước khi nhận hàng	Đến tận nơi công trình	Mức giá được thực hiện từ ngày 14/07/2026 đến khi có thông báo giá mới	Giá không đổi	10.909.091	10.909.091	10.909.091	10.909.091	10.909.091	10.909.091	10.909.091	10.909.091	10.909.091
1785	Vật tư ngành điện	MFUHAILIGHT SOLAR E-KMC 40W; MPPT charge controllers 12V, 80W 18V solar panel, 45AH 12,8V Pin Lithium	bộ	TCVN 77221:2017, TCVN 77222-3:2019, ISO 9001:2015, ISO 14001:2015, ISO	- Bộ đèn kết cấu rời, có chỉnh góc lắp đặt ; - Vỏ đèn bằng hợp kim nhôm ADC1 đúc áp lực cao, đúc nổi LOGO nhà sản xuất; - IP67 bộ đèn, IK09 bộ đèn; - Tuổi thọ bộ đèn >=100.000 giờ - Hệ số duy trì quang thông>=0,95; - Bộ điều khiển sạc MPPT IP67; - Hiệu suất phát quang: >= 150 1m/W; - CRI >=70, CCT: 3000K-5000K; - Hệ số xả sâu DOD: >=95% tại điện áp 10.8V(40W-80Wy 21.6V (100W-150W), dòng 10A; - Tính năng bảo vệ: quá áp, quá nhiệt, ngắn mạch…	Cty TNHH SX- TM Hưng Phú Hải .Đc: 139 Trần Hưng Đạo, P.Tuy Hòa, Tỉnh Đắk Lắk - DT: 02573.88.6868. Công văn đề nghị công bố giá số 05CV/2026 ngày 14/07/2026	Việt Nam	Thanh toán trước khi nhận hàng	Đến tận nơi công trình	Mức giá được thực hiện từ ngày 14/07/2026 đến khi có thông báo giá mới	Giá không đổi	11.200.000	11.200.000	11.200.000	11.200.000	11.200.000	11.200.000	11.200.000	11.200.000	11.200.000
1786	Vật tư ngành điện	MFUHA1LIGHT SOLAR E-KMC 60W; MPPT charge controllers 12V, 120W 18V solar panel, 75AH 12.8 V Pin Lithium	bộ	TCVN 77221:2017, TCVN 77222-3:2019, ISO 9001:2015, ISO 14001:2015, ISO	- Bộ đèn kết cấu rời, có chỉnh góc lắp đặt ; - Vỏ đèn bằng hợp kim nhôm ADC1 đúc áp lực cao, đúc nổi LOGO nhà sản xuất; - IP67 bộ đèn, IK09 bộ đèn; - Tuổi thọ bộ đèn >=100.000 giờ - Hệ số duy trì quang thông >=0,95; - Bộ điều khiển sạc MPPT IP67; - Hiệu suất phát quang: >= 150 1m/W; - CRI >=70, CCT: 3000K-5000K, - Hệ số xả sâu DOD: >=95% tại điện áp 10.8V(40W-80Wy 21.6V (100W-150W), dòng 10A; - Tính năng bảo vệ: quá áp, quá nhiệt, ngắn mạch…	Cty TNHH SX- TM Hưng Phú Hải .Đc: 139 Trần Hưng Đạo, P.Tuy Hòa, Tỉnh Đắk Lắk - DT: 02573.88.6868. Công văn đề nghị công bố giá số 05CV/2026 ngày 14/07/2026	Việt Nam	Thanh toán trước khi nhận hàng	Đến tận nơi công trình	Mức giá được thực hiện từ ngày 14/07/2026 đến khi có thông báo giá mới	Giá không đổi	14.200.000	14.200.000	14.200.000	14.200.000	14.200.000	14.200.000	14.200.000	14.200.000	14.200.000
1787	Vật tư ngành điện	MFUHAILIGHT SOLAR E-KMC SOW; MPPT charge controllers I2V, 160W 18V solar panel, 90AH 12.8V Pin Lithium	bộ	TCVN 77221:2017, TCVN 77222-3:2019, ISO 9001:2015, ISO 14001:2015, ISO	- Bộ đèn kết cấu rời, có chỉnh góc lắp đặt ; - Vỏ đèn bằng hợp kim nhôm ADC1 đúc áp lực cao, đúc nổi LOGO nhà sản xuất; - IP67 bộ đèn, IK09 bộ đèn; - Tuổi thọ bộ đèn >=100.000 giờ - Hệ số duy trì quang thông >=0,95; - Bộ điều khiển sạc MPPT IP67; - Hiệu suất phát quang: >= 150 1m/W; - CRI >=70, CCT: 3000K-5000K, - Hệ số xả sâu DOD: >=95% tại điện áp 10.8V(40W-80Wy 21.6V (100W-150W), dòng 10A; - Tính năng bảo vệ: quá áp, quá nhiệt, ngắn mạch…	Cty TNHH SX- TM Hưng Phú Hải .Đc: 139 Trần Hưng Đạo, P.Tuy Hòa, Tỉnh Đắk Lắk - DT: 02573.88.6868. Công văn đề nghị công bố giá số 05CV/2026 ngày 14/07/2026	Việt Nam	Thanh toán trước khi nhận hàng	Đến tận nơi công trình	Mức giá được thực hiện từ ngày 14/07/2026 đến khi có thông báo giá mới	Giá không đổi	18.600.000	18.600.000	18.600.000	18.600.000	18.600.000	18.600.000	18.600.000	18.600.000	18.600.000

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)(đồng)								
												Khu vực TP. Tây Ninh	Khu vực TX.Trảng Bàng	Khu vực TX. Hoà Thành	Khu vực H.Tân Biên	Khu vực H.Tân Châu	Khu vực H. Châu Thành	Khu vực H.Dương Minh Châu	Khu vực H. Bến Cầu	Khu vực H. Gò Dầu
1788	Vật tư ngành điện	MFUHAILIGHT SOLAR E-KMC IOOW, MPPT charge controllers 24V, 200W 36V solar panel, 60AH 25.6V Pin Lithium	*bộ*	TCVN 77221:2017, TCVN 77222-3:2019, ISO 9001:2015, ISO 14001:2015, ISO	- Bộ đèn kết cấu sin, có chỉnh góc lắp đặt ; - Vỏ đèn bằng hợp kim nhôm ADC1 đúc áp lực cao, đúc nổi LOGO nhà sản xuất; - IP67 bộ đèn, IK09 bộ điều; - Tuổi thọ bộ đèn >=100.000 giờ - Hệ số duy trì quang thông >=0.95; - Bộ điều khiển sạc MPPT IP67; - Hiệu suất phát quang: >= 150 lm/W, - CRI >=70, CCT: 3000K-5000K; - Hệ số xả sâu DOD: >=95% tại điện áp 10.8V(40W-80Wy 21.6V (100W-150W), dòng 10A; - Tính năng bảo vệ: quá áp, quá nhiệt, ngắn mạch....	Cty TNHH SX- TM Hưng Phú Hải .Đc: 139 Trần Hưng Đạo, P.Tuy Hòa, Tỉnh Đắk Lắk - DT: 02573.88.6868. Công văn đề nghị công bố giá số 05CV/2026 ngày 14/07/2026	Việt Nam	Thanh toán trước khi nhận hàng	Đến tận nơi công trình	Mức giá được thực hiện từ ngày 14/07/2026 đến khi có thông báo giá mới	Giá không đổi	20.500.000	20.500.000	20.500.000	20.500.000	20.500.000	20.500.000	20.500.000	20.500.000	20.500.000
1789	Vật tư ngành điện	Đèn Led Bulb (trụ nhựa, đuôi E27) LBP-3T LUSCOM CNYAN: 3W ánh sáng trắng	cái			Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Dt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Không có thông tin	Giá vận chuyển đến KH	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	19.000	19.000	19.000	19.000	19.000	19.000	19.000	19.000	19.000
1790	Vật tư ngành điện	Đèn Led Bulb (trụ nhựa, đuôi E27) LBP-3V LUSCOM CNYAN: 3W ánh sáng vàng	cái			Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Dt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Không có thông tin	Giá vận chuyển đến KH	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	19.000	19.000	19.000	19.000	19.000	19.000	19.000	19.000	19.000
1791	Vật tư ngành điện	Đèn Led Bulb (trụ nhựa, đuôi E27) LBP-5T LUSCOM CNYAN: 5W ánh sáng trắng	cái			Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Dt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Không có thông tin	Giá vận chuyển đến KH	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	22.000	22.000	22.000	22.000	22.000	22.000	22.000	22.000	22.000
1792	Vật tư ngành điện	Đèn Led Bulb (trụ nhựa, đuôi E27) LBP-5V LUSCOM CNYAN: 5W ánh sáng vàng	cái			Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Dt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Không có thông tin	Giá vận chuyển đến KH	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	22.000	22.000	22.000	22.000	22.000	22.000	22.000	22.000	22.000
1793	Vật tư ngành điện	Đèn Led Bulb (trụ nhựa, đuôi E27) LBP-7T LUSCOM CNYAN: 7W ánh sáng trắng	cái			Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Dt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Không có thông tin	Giá vận chuyển đến KH	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	27.000	27.000	27.000	27.000	27.000	27.000	27.000	27.000	27.000
1794	Vật tư ngành điện	Đèn Led Bulb (trụ nhựa, đuôi E27) LBP-7V LUSCOM CNYAN: 7W ánh sáng vàng	cái			Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Dt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Không có thông tin	Giá vận chuyển đến KH	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	27.000	27.000	27.000	27.000	27.000	27.000	27.000	27.000	27.000
1795	Vật tư ngành điện	Đèn Led Bulb (trụ nhựa, đuôi E27) LBP-9T LUSCOM CNYAN: 9W ánh sáng trắng	cái			Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Dt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Không có thông tin	Giá vận chuyển đến KH	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	32.000	32.000	32.000	32.000	32.000	32.000	32.000	32.000	32.000
1796	Vật tư ngành điện	Đèn Led Bulb (trụ nhựa, đuôi E27) LBP-9V LUSCOM CNYAN: 9W ánh sáng vàng	cái			Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Dt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Không có thông tin	Giá vận chuyển đến KH	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	32.000	32.000	32.000	32.000	32.000	32.000	32.000	32.000	32.000
1797	Vật tư ngành điện	Đèn Led Bulb (trụ nhựa, đuôi E27) LBP-12T LUSCOM CNYAN: 12W ánh sáng trắng	cái			Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Dt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Không có thông tin	Giá vận chuyển đến KH	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	39.000	39.000	39.000	39.000	39.000	39.000	39.000	39.000	39.000
1798	Vật tư ngành điện	Đèn Led Bulb (trụ nhựa, đuôi E27) LBP-12V LUSCOM CNYAN: 12W ánh sáng vàng	cái			Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Dt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Không có thông tin	Giá vận chuyển đến KH	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	39.000	39.000	39.000	39.000	39.000	39.000	39.000	39.000	39.000
1799	Vật tư ngành điện	Đèn Led Bulb (trụ nhựa, đuôi E27) LBP-15T LUSCOM CNYAN: 15W ánh sáng trắng	cái			Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Dt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Không có thông tin	Giá vận chuyển đến KH	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	52.000	52.000	52.000	52.000	52.000	52.000	52.000	52.000	52.000
1800	Vật tư ngành điện	Đèn Led Bulb (trụ nhựa, đuôi E27) LBP-15V LUSCOM CNYAN: 15W ánh sáng vàng	cái			Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Dt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Không có thông tin	Giá vận chuyển đến KH	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	52.000	52.000	52.000	52.000	52.000	52.000	52.000	52.000	52.000
1801	Vật tư ngành điện	Đèn Led Bulb (trụ nhựa, đuôi E27) LBP-20T LUSCOM CNYAN: 20W ánh sáng trắng	cái			Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Dt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Không có thông tin	Giá vận chuyển đến KH	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	63.000	63.000	63.000	63.000	63.000	63.000	63.000	63.000	63.000
1802	Vật tư ngành điện	Đèn Led Bulb (trụ nhựa, đuôi E27) LBP-20V LUSCOM CNYAN: 20W ánh sáng vàng	cái			Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Dt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Không có thông tin	Giá vận chuyển đến KH	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	63.000	63.000	63.000	63.000	63.000	63.000	63.000	63.000	63.000
1803	Vật tư ngành điện	Đèn Led Bulb (trụ nhựa, đuôi E27) LBP-30T LUSCOM CNYAN: 30W ánh sáng trắng	cái			Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Dt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Không có thông tin	Giá vận chuyển đến KH	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	94.000	94.000	94.000	94.000	94.000	94.000	94.000	94.000	94.000
1804	Vật tư ngành điện	Đèn Led Bulb (trụ nhựa, đuôi E27) LBP-30V LUSCOM CNYAN: 30W ánh sáng vàng	cái			Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Dt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Không có thông tin	Giá vận chuyển đến KH	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	94.000	94.000	94.000	94.000	94.000	94.000	94.000	94.000	94.000
1805	Vật tư ngành điện	Đèn Led Bulb (trụ nhựa, đuôi E27) LBP-40T LUSCOM CNYAN: 40W ánh sáng trắng	cái			Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Dt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Không có thông tin	Giá vận chuyển đến KH	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	125.000	125.000	125.000	125.000	125.000	125.000	125.000	125.000	125.000
1806	Vật tư ngành điện	Đèn Led Bulb (trụ nhựa, đuôi E27) LBP-40V LUSCOM CNYAN: 40W ánh sáng vàng	cái			Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Dt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Không có thông tin	Giá vận chuyển đến KH	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	125.000	125.000	125.000	125.000	125.000	125.000	125.000	125.000	125.000
1807	Vật tư ngành điện	Đèn Led Bulb (trụ nhựa, đuôi E27) LBP-50T LUSCOM CNYAN: 50W ánh sáng trắng	cái			Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Dt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Không có thông tin	Giá vận chuyển đến KH	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	150.000	150.000	150.000	150.000	150.000	150.000	150.000	150.000	150.000
1808	Vật tư ngành điện	Đèn Led Bulb (trụ nhựa, đuôi E27) LBP-50V LUSCOM CNYAN: 50W ánh sáng vàng	cái			Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Dt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Không có thông tin	Giá vận chuyển đến KH	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	150.000	150.000	150.000	150.000	150.000	150.000	150.000	150.000	150.000
1809	Vật tư ngành điện	Đèn Led Bulb (trụ nhôm, đuôi E27) LBN-30T LUSCOM CNYAN: 30W ánh sáng trắng	cái			Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Dt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Không có thông tin	Giá vận chuyển đến KH	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	101.000	101.000	101.000	101.000	101.000	101.000	101.000	101.000	101.000

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)(đồng)								
												Khu vực TP. Tây Ninh	Khu vực TX.Trảng Bàng	Khu vực TX. Hoà Thành	Khu vực H.Tân Biên	Khu vực H.Tân Châu	Khu vực H. Châu Thành	Khu vực H.Dương Minh Châu	Khu vực H. Bến Cầu	Khu vực H. Gò Dầu
1810	Vật tư ngành điện	Đèn Led Bulb (trụ nhôm, đuôi E27) LBN-30V LUSCOM CNYAN: 30W ánh sáng vàng	cái			Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Dt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Không có thông tin	Giá vận chuyển đến KH	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	101.000	101.000	101.000	101.000	101.000	101.000	101.000	101.000	101.000
1811	Vật tư ngành điện	Đèn Led Bulb (trụ nhôm, đuôi E27) LBN-40T LUSCOM CNYAN: 40W ánh sáng trắng	cái			Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Dt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Không có thông tin	Giá vận chuyển đến KH	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	152.000	152.000	152.000	152.000	152.000	152.000	152.000	152.000	152.000
1812	Vật tư ngành điện	Đèn Led Bulb (trụ nhôm, đuôi E27) LBN-40V LUSCOM CNYAN: 40W ánh sáng vàng	cái			Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Dt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Không có thông tin	Giá vận chuyển đến KH	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	152.000	152.000	152.000	152.000	152.000	152.000	152.000	152.000	152.000
1813	Vật tư ngành điện	Đèn Led Bulb (trụ nhôm, đuôi E27) LBN-50T LUSCOM CNYAN: 50W ánh sáng trắng	cái			Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Dt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Không có thông tin	Giá vận chuyển đến KH	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	180.000	180.000	180.000	180.000	180.000	180.000	180.000	180.000	180.000
1814	Vật tư ngành điện	Đèn Led Bulb (trụ nhôm, đuôi E27) LBN-50V LUSCOM CNYAN: 50W ánh sáng vàng	cái			Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Dt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Không có thông tin	Giá vận chuyển đến KH	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	180.000	180.000	180.000	180.000	180.000	180.000	180.000	180.000	180.000
1815	Vật tư ngành điện	Đèn Led Bulb (trụ nhôm, đuôi E27) LBN-60T LUSCOM CNYAN: 60W ánh sáng trắng	cái			Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Dt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Không có thông tin	Giá vận chuyển đến KH	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	270.000	270.000	270.000	270.000	270.000	270.000	270.000	270.000	270.000
1816	Vật tư ngành điện	Đèn Led Bulb (trụ nhôm, đuôi E27) LBN-80T LUSCOM CNYAN: 80W ánh sáng trắng	cái			Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Dt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Không có thông tin	Giá vận chuyển đến KH	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	366.000	366.000	366.000	366.000	366.000	366.000	366.000	366.000	366.000
1817	Vật tư ngành điện	Đèn Led Panel âm trần (đổi màu) RP-7CC LUSCOM CNTWI: 7W/3CCT	cái			Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Dt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Không có thông tin	Giá vận chuyển đến KH	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	100.000	100.000	100.000	100.000	100.000	100.000	100.000	100.000	100.000
1818	Vật tư ngành điện	Đèn Led Panel âm trần (đổi màu) RP-9CC LUSCOM CNTWI: 9W/3CCT	cái			Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Dt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Không có thông tin	Giá vận chuyển đến KH	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	105.000	105.000	105.000	105.000	105.000	105.000	105.000	105.000	105.000
1819	Vật tư ngành điện	Đèn Led Panel âm trần (đổi màu) RP-12CC LUSCOM CNTWI: 12W/3CCT	cái			Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Dt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Không có thông tin	Giá vận chuyển đến KH	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	120.000	120.000	120.000	120.000	120.000	120.000	120.000	120.000	120.000
1820	Vật tư ngành điện	Đèn Led Panel âm trần (đổi màu, viền vàng) RP-7CC/G LUSCOM CNTWI: 7W/3CCT	cái			Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Dt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Không có thông tin	Giá vận chuyển đến KH	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	105.000	105.000	105.000	105.000	105.000	105.000	105.000	105.000	105.000
1821	Vật tư ngành điện	Đèn Led Panel âm trần (đổi màu, viền vàng) RP-9CC/G LUSCOM CNTWI: 9W/3CCT	cái			Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Dt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Không có thông tin	Giá vận chuyển đến KH	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	120.000	120.000	120.000	120.000	120.000	120.000	120.000	120.000	120.000
1822	Vật tư ngành điện	Đèn Led Panel âm trần (đổi màu, viền vàng) RP-12CC/G LUSCOM CNTWI: 12W/3CCT	cái			Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Dt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Không có thông tin	Giá vận chuyển đến KH	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	125.000	125.000	125.000	125.000	125.000	125.000	125.000	125.000	125.000
1823	Vật tư ngành điện	Đèn Led Panel âm trần (đổi màu, viền bạc) RP-7CC/S LUSCOM CNTWI: 7W/3CCT	cái			Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Dt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Không có thông tin	Giá vận chuyển đến KH	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	10.500	10.500	10.500	10.500	10.500	10.500	10.500	10.500	10.500
1824	Vật tư ngành điện	Đèn Led Panel âm trần (đổi màu, viền bạc) RP-9CC/S LUSCOM CNTWI: 9W/3CCT	cái			Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Dt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Không có thông tin	Giá vận chuyển đến KH	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	120.000	120.000	120.000	120.000	120.000	120.000	120.000	120.000	120.000
1825	Vật tư ngành điện	Đèn Led Panel âm trần (đổi màu, viền bạc) RP-12CC/S LUSCOM CNTWI: 12W/3CCT	cái			Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Dt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Không có thông tin	Giá vận chuyển đến KH	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	125.000	125.000	125.000	125.000	125.000	125.000	125.000	125.000	125.000
1826	Vật tư ngành điện	Đèn Led Panel âm trần RP-7V LUSCOM CNTWI: 7W ánh sáng vàng	cái			Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Dt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Không có thông tin	Giá vận chuyển đến KH	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	75.000	75.000	75.000	75.000	75.000	75.000	75.000	75.000	75.000
1827	Vật tư ngành điện	Đèn Led Panel âm trần RP-7T LUSCOM CNTWI: 7W ánh sáng trắng	cái			Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Dt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Không có thông tin	Giá vận chuyển đến KH	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	75.000	75.000	75.000	75.000	75.000	75.000	75.000	75.000	75.000
1828	Vật tư ngành điện	Đèn Led Panel âm trần RP-9V LUSCOM CNTWI: 9W ánh sáng vàng	cái			Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Dt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Không có thông tin	Giá vận chuyển đến KH	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	85.000	85.000	85.000	85.000	85.000	85.000	85.000	85.000	85.000
1829	Vật tư ngành điện	Đèn Led Panel âm trần RP-9T LUSCOM CNTWI: 9W ánh sáng trắng	cái			Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Dt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Không có thông tin	Giá vận chuyển đến KH	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	85.000	85.000	85.000	85.000	85.000	85.000	85.000	85.000	85.000
1830	Vật tư ngành điện	Đèn Led Panel âm trần RP-12V LUSCOM CNTWI: 12W ánh sáng vàng	cái			Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Dt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Không có thông tin	Giá vận chuyển đến KH	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	115.000	115.000	115.000	115.000	115.000	115.000	115.000	115.000	115.000
1831	Vật tư ngành điện	Đèn Led Panel âm trần RP-12T LUSCOM CNTWI: 12W ánh sáng trắng	cái			Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Dt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Không có thông tin	Giá vận chuyển đến KH	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	115.000	115.000	115.000	115.000	115.000	115.000	115.000	115.000	115.000
1832	Vật tư ngành điện	Mặt 1 công tắc 1 chiều (nút lớn) MCTV11 LUSCOM CNGOG	cái			Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Dt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Không có thông tin	Giá vận chuyển đến KH	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	49.000	49.000	49.000	49.000	49.000	49.000	49.000	49.000	49.000

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)(đồng)								
												Khu vực TP. Tây Ninh	Khu vực TX.Trảng Bàng	Khu vực TX. Hoà Thành	Khu vực H.Tân Biên	Khu vực H.Tân Châu	Khu vực H. Châu Thành	Khu vực H.Dương Minh Châu	Khu vực H. Bến Cầu	Khu vực H. Gò Dầu
1833	Vật tư ngành điện	Mặt 1 công tắc 2 chiều (nút lớn) MCTV12 LUSCOM CNGOG	cái			Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Dt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Không có thông tin	Giá vận chuyển đến KH	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	52.000	52.000	52.000	52.000	52.000	52.000	52.000	52.000	52.000
1834	Vật tư ngành điện	Mặt 2 công tắc 1 chiều (nút lớn, 1 vào, 2 ra) MCTV2112 LUSCOM CNGOG	cái			Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Dt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Không có thông tin	Giá vận chuyển đến KH	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	63.000	63.000	63.000	63.000	63.000	63.000	63.000	63.000	63.000
1835	Vật tư ngành điện	Mặt 2 công tắc 2 chiều (nút lớn) MCTV22 LUSCOM CNGOG	cái			Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Dt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Không có thông tin	Giá vận chuyển đến KH	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	65.000	65.000	65.000	65.000	65.000	65.000	65.000	65.000	65.000
1836	Vật tư ngành điện	Mặt 2 công tắc 1 chiều (nút lớn, 2 vào, 2 ra) MCTV2122 LUSCOM CNGOG	cái			Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Dt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Không có thông tin	Giá vận chuyển đến KH	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	63.000	63.000	63.000	63.000	63.000	63.000	63.000	63.000	63.000
1837	Vật tư ngành điện	Mặt 3 công tắc 1 chiều (nút lớn) MCTV31 LUSCOM CNGOG	cái			Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Dt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Không có thông tin	Giá vận chuyển đến KH	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	69.000	69.000	69.000	69.000	69.000	69.000	69.000	69.000	69.000
1838	Vật tư ngành điện	Mặt 3 công tắc 2 chiều (nút lớn) MCTV32 LUSCOM CNGOG	cái			Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Dt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Không có thông tin	Giá vận chuyển đến KH	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	73.000	73.000	73.000	73.000	73.000	73.000	73.000	73.000	73.000
1839	Vật tư ngành điện	Mặt công tắc chuông cửa MVCC LUSCOM CNGOG	cái			Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Dt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Không có thông tin	Giá vận chuyển đến KH	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	76.000	76.000	76.000	76.000	76.000	76.000	76.000	76.000	76.000
1840	Vật tư ngành điện	Mặt 1 ổ cắm 3 chấu, 1 công tắc MF (đèn) MOC3CTN LUSCOM CNGOG	cái			Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Dt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Không có thông tin	Giá vận chuyển đến KH	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	62.000	62.000	62.000	62.000	62.000	62.000	62.000	62.000	62.000
1841	Vật tư ngành điện	Mặt 2 ổ cắm 3 chấu 2 chấu, 1 công tắc MF (đèn) MOC3-2CTN LUSCOM CNGOG	cái			Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Dt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Không có thông tin	Giá vận chuyển đến KH	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	185.000	185.000	185.000	185.000	185.000	185.000	185.000	185.000	185.000
1842	Vật tư ngành điện	Ổ cắm TV MVTV LUSCOM CNGOG	cái			Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Dt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Không có thông tin	Giá vận chuyển đến KH	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	56.000	56.000	56.000	56.000	56.000	56.000	56.000	56.000	56.000
1843	Vật tư ngành điện	Ổ cắm mạng MVOI LUSCOM CNGOG	cái			Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Dt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Không có thông tin	Giá vận chuyển đến KH	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	79.000	79.000	79.000	79.000	79.000	79.000	79.000	79.000	79.000
1844	Vật tư ngành điện	Nút điều chỉnh quạt (cao cấp) MVDF LUSCOM CNGOG	cái			Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Dt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Không có thông tin	Giá vận chuyển đến KH	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	203.000	203.000	203.000	203.000	203.000	203.000	203.000	203.000	203.000
1845	Vật tư ngành điện	Nút điều chỉnh đèn led MVDL LUSCOM CNGOG	cái			Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Dt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Không có thông tin	Giá vận chuyển đến KH	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	203.000	203.000	203.000	203.000	203.000	203.000	203.000	203.000	203.000
1846	Vật tư ngành điện	Mặt 1 công tắc 1 chiều ACT11 LUSCOM CNGOG	cái			Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Dt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Không có thông tin	Giá vận chuyển đến KH	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	26.000	26.000	26.000	26.000	26.000	26.000	26.000	26.000	26.000
1847	Vật tư ngành điện	Mặt 1 công tắc 2 chiều ACT12 LUSCOM CNGOG	cái			Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Dt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Không có thông tin	Giá vận chuyển đến KH	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	35.000	35.000	35.000	35.000	35.000	35.000	35.000	35.000	35.000
1848	Vật tư ngành điện	Mặt 2 công tắc 1 chiều ACT21 LUSCOM CNGOG	cái			Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Dt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Không có thông tin	Giá vận chuyển đến KH	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	37.000	37.000	37.000	37.000	37.000	37.000	37.000	37.000	37.000
1849	Vật tư ngành điện	Mặt 1 công tắc 1 chiều, 1 công tắc 2 chiều ACT1112 LUSCOM CNGOG	cái			Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Dt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Không có thông tin	Giá vận chuyển đến KH	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	47.000	47.000	47.000	47.000	47.000	47.000	47.000	47.000	47.000
1850	Vật tư ngành điện	Mặt 2 công tắc 2 chiều ACT22 LUSCOM CNGOG	cái			Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Dt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Không có thông tin	Giá vận chuyển đến KH	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	59.000	59.000	59.000	59.000	59.000	59.000	59.000	59.000	59.000
1851	Vật tư ngành điện	Mặt 3 công tắc 1 chiều ACT31 LUSCOM CNGOG	cái			Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Dt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Không có thông tin	Giá vận chuyển đến KH	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	48.000	48.000	48.000	48.000	48.000	48.000	48.000	48.000	48.000
1852	Vật tư ngành điện	Mặt 2 công tắc 1 chiều, 1 công tắc 2 chiều ACT2112 LUSCOM CNGOG	cái			Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Dt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Không có thông tin	Giá vận chuyển đến KH	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	58.000	58.000	58.000	58.000	58.000	58.000	58.000	58.000	58.000
1853	Vật tư ngành điện	Mặt 2 công tắc 2 chiều, 1 công tắc 1 chiều ACT2211 LUSCOM CNGOG	cái			Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Dt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Không có thông tin	Giá vận chuyển đến KH	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	69.000	69.000	69.000	69.000	69.000	69.000	69.000	69.000	69.000
1854	Vật tư ngành điện	Mặt 2 ổ cắm 2 chấu AOC22 LUSCOM CNGOG	cái			Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Dt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Không có thông tin	Giá vận chuyển đến KH	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	55.000	55.000	55.000	55.000	55.000	55.000	55.000	55.000	55.000
1855	Vật tư ngành điện	Mặt 2 ổ cắm 3 chấu AOC23 LUSCOM CNGOG	cái			Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Dt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Không có thông tin	Giá vận chuyển đến KH	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	61.000	61.000	61.000	61.000	61.000	61.000	61.000	61.000	61.000

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)(đồng)								
												Khu vực TP. Tây Ninh	Khu vực TX.Trảng Bàng	Khu vực TX. Hoà Thành	Khu vực H.Tân Biên	Khu vực H.Tân Châu	Khu vực H. Châu Thành	Khu vực H.Dương Minh Châu	Khu vực H. Bến Cầu	Khu vực H. Gò Dầu
1856	Vật tư ngành điện	Mặt 1 ổ cắm 2 chấu, 1 ổ cắm 3 chấu đa năng AOC1213 LUSCOM CNGOG	cái			Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Dt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Không có thông tin	Giá vận chuyển đến KH	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	65.000	65.000	65.000	65.000	65.000	65.000	65.000	65.000	65.000
1857	Vật tư ngành điện	Mặt 2 ổ cắm 2 chấu, 1 công tắc 1 chiều AOC22CT11 LUSCOM CNGOG	cái			Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Dt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Không có thông tin	Giá vận chuyển đến KH	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	65.000	65.000	65.000	65.000	65.000	65.000	65.000	65.000	65.000
1858	Vật tư ngành điện	Mặt 1 ổ cắm 2 chấu, 1 ổ cắm TV AOC121TV LUSCOM CNGOG	cái			Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Dt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Không có thông tin	Giá vận chuyển đến KH	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	78.000	78.000	78.000	78.000	78.000	78.000	78.000	78.000	78.000
1859	Vật tư ngành điện	Mặt 1 ổ cắm 2 chấu, 1 công tắc 1 chiều AOC12CT11 LUSCOM CNGOG	cái			Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Dt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Không có thông tin	Giá vận chuyển đến KH	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	45.000	45.000	45.000	45.000	45.000	45.000	45.000	45.000	45.000
1860	Vật tư ngành điện	Mặt 1 ổ cắm 2 chấu, 1 công tắc 2 chiều AOC12CT12 LUSCOM CNGOG	cái			Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Dt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Không có thông tin	Giá vận chuyển đến KH	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	58.000	58.000	58.000	58.000	58.000	58.000	58.000	58.000	58.000
1861	Vật tư ngành điện	Mặt 1 ổ cắm 3 chấu, 1 công tắc 1 chiều AOC13CT11 LUSCOM CNGOG	cái			Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Dt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Không có thông tin	Giá vận chuyển đến KH	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	58.000	58.000	58.000	58.000	58.000	58.000	58.000	58.000	58.000
1862	Vật tư ngành điện	Mặt 1 ổ cắm 3 chấu, 1 công tắc 2 chiều AOC13CT12 LUSCOM CNGOG	cái			Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Dt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Không có thông tin	Giá vận chuyển đến KH	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	69.000	69.000	69.000	69.000	69.000	69.000	69.000	69.000	69.000
1863	Vật tư ngành điện	Mặt 1 ổ cắm 2 chấu, 2 công tắc 1 chiều AOC12CT21 LUSCOM CNGOG	cái			Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Dt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Không có thông tin	Giá vận chuyển đến KH	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	52.000	52.000	52.000	52.000	52.000	52.000	52.000	52.000	52.000
1864	Vật tư ngành điện	Mặt 1 ổ cắm 2 chấu, 2 công tắc 2 chiều AOC12CT22 LUSCOM CNGOG	cái			Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Dt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Không có thông tin	Giá vận chuyển đến KH	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	75.000	75.000	75.000	75.000	75.000	75.000	75.000	75.000	75.000
1865	Vật tư ngành điện	Công tắc đơn 1 chiều CT11 LUSCOM CNGOG	cái			Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Dt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Không có thông tin	Giá vận chuyển đến KH	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	12.000	12.000	12.000	12.000	12.000	12.000	12.000	12.000	12.000
1866	Vật tư ngành điện	Công tắc đơn 2 chiều CT12 LUSCOM CNGOG	cái			Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Dt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Không có thông tin	Giá vận chuyển đến KH	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	12.000	12.000	12.000	12.000	12.000	12.000	12.000	12.000	12.000
1867	Vật tư ngành điện	Công tắc đảo chiều CT13 LUSCOM CNGOG	cái			Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Dt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Không có thông tin	Giá vận chuyển đến KH	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	25.000	25.000	25.000	25.000	25.000	25.000	25.000	25.000	25.000
1868	Vật tư ngành điện	Chuông cửa DB LUSCOM CNGOG	cái			Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Dt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Không có thông tin	Giá vận chuyển đến KH	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	40.000	40.000	40.000	40.000	40.000	40.000	40.000	40.000	40.000
1869	Vật tư ngành điện	Ổ cắm 2 chấu nhỏ OC2 LUSCOM CNGOG	cái			Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Dt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Không có thông tin	Giá vận chuyển đến KH	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	23.000	23.000	23.000	23.000	23.000	23.000	23.000	23.000	23.000
1870	Vật tư ngành điện	Ổ cắm 3 chấu nhỏ OC3 LUSCOM CNGOG	cái			Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Dt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Không có thông tin	Giá vận chuyển đến KH	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	39.000	39.000	39.000	39.000	39.000	39.000	39.000	39.000	39.000
1871	Vật tư ngành điện	Ổ cắm 3 chấu đa năng nhỏ OC3ĐN LUSCOM CNGOG	cái			Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Dt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Không có thông tin	Giá vận chuyển đến KH	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	33.000	33.000	33.000	33.000	33.000	33.000	33.000	33.000	33.000
1872	Vật tư ngành điện	Ổ cắm đôi 3 chấu OC23 LUSCOM CNGOG	cái			Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Dt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Không có thông tin	Giá vận chuyển đến KH	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	58.000	58.000	58.000	58.000	58.000	58.000	58.000	58.000	58.000
1873	Vật tư ngành điện	Mặt 1 thiết bị vừa MCN1TB LUSCOM CNGOG	cái			Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Dt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Không có thông tin	Giá vận chuyển đến KH	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	14.000	14.000	14.000	14.000	14.000	14.000	14.000	14.000	14.000
1874	Vật tư ngành điện	Mặt 1 thiết bị nhỏ MCN1TBN LUSCOM CNGOG	cái			Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Dt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Không có thông tin	Giá vận chuyển đến KH	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	14.000	14.000	14.000	14.000	14.000	14.000	14.000	14.000	14.000
1875	Vật tư ngành điện	Mặt 2 thiết bị nhỏ MCN2TB LUSCOM CNGOG	cái			Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Dt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Không có thông tin	Giá vận chuyển đến KH	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	14.000	14.000	14.000	14.000	14.000	14.000	14.000	14.000	14.000
1876	Vật tư ngành điện	Mặt 3 thiết bị nhỏ MCN3TB LUSCOM CNGOG	cái			Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Dt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Không có thông tin	Giá vận chuyển đến KH	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	14.000	14.000	14.000	14.000	14.000	14.000	14.000	14.000	14.000
1877	Vật tư ngành điện	Đế âm vuông DAV LUSCOM CNGOG	cái			Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Dt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Không có thông tin	Giá vận chuyển đến KH	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	8.000	8.000	8.000	8.000	8.000	8.000	8.000	8.000	8.000
1878	Vật tư ngành điện	Đế nổi vuông DNV LUSCOM CNGOG	cái			Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Dt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Không có thông tin	Giá vận chuyển đến KH	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	6.000	6.000	6.000	6.000	6.000	6.000	6.000	6.000	6.000

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)(đồng)								
												Khu vực TP. Tây Ninh	Khu vực TX.Trảng Bàng	Khu vực TX. Hoà Thành	Khu vực H.Tân Biên	Khu vực H.Tân Châu	Khu vực H. Châu Thành	Khu vực H.Dương Minh Châu	Khu vực H. Bến Cầu	Khu vực H. Gò Dầu
1879	Vật tư ngành điện	Đế âm chữ nhật DACN LUSCOM CNGOG	cái			Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sông Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Dt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Không có thông tin	Giá vận chuyển đến KH	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	9.000	9.000	9.000	9.000	9.000	9.000	9.000	9.000	9.000
1880	Vật tư ngành điện	Đế nổi chữ nhật DNCN LUSCOM CNGOG	cái			Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sông Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Dt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Không có thông tin	Giá vận chuyển đến KH	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	11.000	11.000	11.000	11.000	11.000	11.000	11.000	11.000	11.000
1881	Vật tư ngành nước	Ống PVC-U hệ inch(BS) DN 220 x 5.6mm PN6 - 4m	m	AS/NZS 1477:2006/QCVN 16:2019/BXD/BS EN ISO 1452-2:2009	Ống PVC-U hệ inch(BS) DN 220 x 5.6mm PN6 - 4m	Công ty CP Nhựa Thiếu Niên Tiền Phong phía Nam. Địa chỉ nhà máy sản xuất: Lô C2, Khu CN Đồng An 2, P. Bình Dương, TP.HCM - Sđt: 0933 170 171. (Công văn số 03/CV/TPN-26 ngày 17 tháng 07 năm 2026)	Việt Nam	Giá bán trên địa bàn toàn tỉnh Tây Ninh	Chưa bao gồm chi phí vận chuyển	Giá áp dụng từ ngày 18/06/2026 tới khi có thông báo mới	Giá bán tăng	388.300	388.300	388.300	388.300	388.300	388.300	388.300	388.300	388.300
1882	Vật tư ngành nước	Ống PVC-U hệ inch(BS) DN 168 x 4.5mm PN6 - 4m	m	AS/NZS 1477:2006/QCVN 16:2019/BXD/BS EN ISO 1452-2:2009	Ống PVC-U hệ inch(BS) DN 168 x 4.5mm PN6 - 4m	Công ty CP Nhựa Thiếu Niên Tiền Phong phía Nam. Địa chỉ nhà máy sản xuất: Lô C2, Khu CN Đồng An 2, P. Bình Dương, TP.HCM - Sđt: 0933 170 171. (Công văn số 03/CV/TPN-26 ngày 17 tháng 07 năm 2026)	Việt Nam	Giá bán trên địa bàn toàn tỉnh Tây Ninh	Chưa bao gồm chi phí vận chuyển	Giá áp dụng từ ngày 18/06/2026 tới khi có thông báo mới	Giá bán tăng	243.600	243.600	243.600	243.600	243.600	243.600	243.600	243.600	243.600
1883	Vật tư ngành nước	Ống PVC-U hệ inch(BS) DN 114 x 3.1mm PN6 - 4m	m	AS/NZS 1477:2006/QCVN 16:2019/BXD/BS EN ISO 1452-2:2009	Ống PVC-U hệ inch(BS) DN 114 x 3.1mm PN6 - 4m	Công ty CP Nhựa Thiếu Niên Tiền Phong phía Nam. Địa chỉ nhà máy sản xuất: Lô C2, Khu CN Đồng An 2, P. Bình Dương, TP.HCM - Sđt: 0933 170 171. (Công văn số 03/CV/TPN-26 ngày 17 tháng 07 năm 2026)	Việt Nam	Giá bán trên địa bàn toàn tỉnh Tây Ninh	Chưa bao gồm chi phí vận chuyển	Giá áp dụng từ ngày 18/06/2026 tới khi có thông báo mới	Giá bán tăng	114.400	114.400	114.400	114.400	114.400	114.400	114.400	114.400	114.400
1884	Vật tư ngành nước	Ống PVC-U hệ inch(BS) DN 90 x 2.6mm PN6 - 4m	m	AS/NZS 1477:2006/QCVN 16:2019/BXD/BS EN ISO 1452-2:2009	Ống PVC-U hệ inch(BS) DN 90 x 2.6mm PN6 - 4m	Công ty CP Nhựa Thiếu Niên Tiền Phong phía Nam. Địa chỉ nhà máy sản xuất: Lô C2, Khu CN Đồng An 2, P. Bình Dương, TP.HCM - Sđt: 0933 170 171. (Công văn số 03/CV/TPN-26 ngày 17 tháng 07 năm 2026)	Việt Nam	Giá bán trên địa bàn toàn tỉnh Tây Ninh	Chưa bao gồm chi phí vận chuyển	Giá áp dụng từ ngày 18/06/2026 tới khi có thông báo mới	Giá bán tăng	76.000	76.000	76.000	76.000	76.000	76.000	76.000	76.000	76.000
1885	Vật tư ngành nước	Ống PVC-U hệ inch(BS) DN 60 x 2.5mm PN9 - 4m	m	AS/NZS 1477:2006/QCVN 16:2019/BXD/BS EN ISO 1452-2:2009	Ống PVC-U hệ inch(BS) DN 60 x 2.5mm PN9 - 4m	Công ty CP Nhựa Thiếu Niên Tiền Phong phía Nam. Địa chỉ nhà máy sản xuất: Lô C2, Khu CN Đồng An 2, P. Bình Dương, TP.HCM - Sđt: 0933 170 171. (Công văn số 03/CV/TPN-26 ngày 17 tháng 07 năm 2026)	Việt Nam	Giá bán trên địa bàn toàn tỉnh Tây Ninh	Chưa bao gồm chi phí vận chuyển	Giá áp dụng từ ngày 18/06/2026 tới khi có thông báo mới	Giá bán tăng	48.700	48.700	48.700	48.700	48.700	48.700	48.700	48.700	48.700
1886	Vật tư ngành nước	Ống PVC-U hệ inch(BS) DN 49 x 2.1mm PN9 - 4m	m	AS/NZS 1477:2006/QCVN 16:2019/BXD/BS EN ISO 1452-2:2009	Ống PVC-U hệ inch(BS) DN 49 x 2.1mm PN9 - 4m	Công ty CP Nhựa Thiếu Niên Tiền Phong phía Nam. Địa chỉ nhà máy sản xuất: Lô C2, Khu CN Đồng An 2, P. Bình Dương, TP.HCM - Sđt: 0933 170 171. (Công văn số 03/CV/TPN-26 ngày 17 tháng 07 năm 2026)	Việt Nam	Giá bán trên địa bàn toàn tỉnh Tây Ninh	Chưa bao gồm chi phí vận chuyển	Giá áp dụng từ ngày 18/06/2026 tới khi có thông báo mới	Giá bán tăng	32.400	32.400	32.400	32.400	32.400	32.400	32.400	32.400	32.400
1887	Vật tư ngành nước	Ống PVC-U hệ inch(BS) DN 42 x 1.9mm PN9 - 4m	m	AS/NZS 1477:2006/QCVN 16:2019/BXD/BS EN ISO 1452-2:2009	Ống PVC-U hệ inch(BS) DN 42 x 1.9mm PN9 - 4m	Công ty CP Nhựa Thiếu Niên Tiền Phong phía Nam. Địa chỉ nhà máy sản xuất: Lô C2, Khu CN Đồng An 2, P. Bình Dương, TP.HCM - Sđt: 0933 170 171. (Công văn số 03/CV/TPN-26 ngày 17 tháng 07 năm 2026)	Việt Nam	Giá bán trên địa bàn toàn tỉnh Tây Ninh	Chưa bao gồm chi phí vận chuyển	Giá áp dụng từ ngày 18/06/2026 tới khi có thông báo mới	Giá bán tăng	25.900	25.900	25.900	25.900	25.900	25.900	25.900	25.900	25.900
1888	Vật tư ngành nước	Ống PVC-U hệ inch(BS) DN 34 x 1.6mm PN10 - 4m	m	AS/NZS 1477:2006/QCVN 16:2019/BXD/BS EN ISO 1452-2:2009	Ống PVC-U hệ inch(BS) DN 34 x 1.6mm PN10 - 4m	Công ty CP Nhựa Thiếu Niên Tiền Phong phía Nam. Địa chỉ nhà máy sản xuất: Lô C2, Khu CN Đồng An 2, P. Bình Dương, TP.HCM - Sđt: 0933 170 171. (Công văn số 03/CV/TPN-26 ngày 17 tháng 07 năm 2026)	Việt Nam	Giá bán trên địa bàn toàn tỉnh Tây Ninh	Chưa bao gồm chi phí vận chuyển	Giá áp dụng từ ngày 18/06/2026 tới khi có thông báo mới	Giá bán tăng	17.000	17.000	17.000	17.000	17.000	17.000	17.000	17.000	17.000
1889	Vật tư ngành nước	Ống PVC-U hệ inch(BS) DN 27 x 1.6mm PN12 - 4m	m	AS/NZS 1477:2006/QCVN 16:2019/BXD/BS EN ISO 1452-2:2009	Ống PVC-U hệ inch(BS) DN 27 x 1.6mm PN12 - 4m	Công ty CP Nhựa Thiếu Niên Tiền Phong phía Nam. Địa chỉ nhà máy sản xuất: Lô C2, Khu CN Đồng An 2, P. Bình Dương, TP.HCM - Sđt: 0933 170 171. (Công văn số 03/CV/TPN-26 ngày 17 tháng 07 năm 2026)	Việt Nam	Giá bán trên địa bàn toàn tỉnh Tây Ninh	Chưa bao gồm chi phí vận chuyển	Giá áp dụng từ ngày 18/06/2026 tới khi có thông báo mới	Giá bán tăng	13.700	13.700	13.700	13.700	13.700	13.700	13.700	13.700	13.700
1890	Vật tư ngành nước	Ống PVC-U hệ inch(BS) DN 21 x 1.3mm PN12 - 4m	m	AS/NZS 1477:2006/QCVN 16:2019/BXD/BS EN ISO 1452-2:2009	Ống PVC-U hệ inch(BS) DN 21 x 1.3mm PN12 - 4m	Công ty CP Nhựa Thiếu Niên Tiền Phong phía Nam. Địa chỉ nhà máy sản xuất: Lô C2, Khu CN Đồng An 2, P. Bình Dương, TP.HCM - Sđt: 0933 170 171. (Công văn số 03/CV/TPN-26 ngày 17 tháng 07 năm 2026)	Việt Nam	Giá bán trên địa bàn toàn tỉnh Tây Ninh	Chưa bao gồm chi phí vận chuyển	Giá áp dụng từ ngày 18/06/2026 tới khi có thông báo mới	Giá bán tăng	9.500	9.500	9.500	9.500	9.500	9.500	9.500	9.500	9.500
1891	Vật tư ngành nước	Ống PP-R DN 25 x 2.8mm PN10 - 4m	m	QCVN 16:2019/BXD/DIN 16962-5:2000-04/DIN 8077:2008 & DIN 8078:2008/DIN 8077:2008-09 & DIN 9078:2008-09	Ống PP-R DN 25 x 2.8mm PN10 - 4m	Công ty CP Nhựa Thiếu Niên Tiền Phong phía Nam. Địa chỉ nhà máy sản xuất: Lô C2, Khu CN Đồng An 2, P. Bình Dương, TP.HCM - Sđt: 0933 170 171. (Công văn số 03/CV/TPN-26 ngày 17 tháng 07 năm 2026)	Việt Nam	Giá bán trên địa bàn toàn tỉnh Tây Ninh	Chưa bao gồm chi phí vận chuyển	Giá áp dụng từ ngày 29/06/2026 tới khi có thông báo mới	Giá bán tăng	29.000	29.000	29.000	29.000	29.000	29.000	29.000	29.000	29.000
1892	Vật tư ngành nước	Ống PP-R DN 32 x 2.9mm PN10 - 4m	m	QCVN 16:2019/BXD/DIN 16962-5:2000-04/DIN 8077:2008 & DIN 8078:2008/DIN 8077:2008-09 & DIN 9078:2008-09	Ống PP-R DN 32 x 2.9mm PN10 - 4m	Công ty CP Nhựa Thiếu Niên Tiền Phong phía Nam. Địa chỉ nhà máy sản xuất: Lô C2, Khu CN Đồng An 2, P. Bình Dương, TP.HCM - Sđt: 0933 170 171. (Công văn số 03/CV/TPN-26 ngày 17 tháng 07 năm 2026)	Việt Nam	Giá bán trên địa bàn toàn tỉnh Tây Ninh	Chưa bao gồm chi phí vận chuyển	Giá áp dụng từ ngày 29/06/2026 tới khi có thông báo mới	Giá bán tăng	37.600	37.600	37.600	37.600	37.600	37.600	37.600	37.600	37.600
1893	Vật tư ngành nước	Ống PP-R DN 50 x 4.6mm PN10 - 4m	m	QCVN 16:2019/BXD/DIN 16962-5:2000-04/DIN 8077:2008 & DIN 8078:2008/DIN 8077:2008-09 & DIN 9078:2008-09	Ống PP-R DN 50 x 4.6mm PN10 - 4m	Công ty CP Nhựa Thiếu Niên Tiền Phong phía Nam. Địa chỉ nhà máy sản xuất: Lô C2, Khu CN Đồng An 2, P. Bình Dương, TP.HCM - Sđt: 0933 170 171. (Công văn số 03/CV/TPN-26 ngày 17 tháng 07 năm 2026)	Việt Nam	Giá bán trên địa bàn toàn tỉnh Tây Ninh	Chưa bao gồm chi phí vận chuyển	Giá áp dụng từ ngày 29/06/2026 tới khi có thông báo mới	Giá bán tăng	73.900	73.900	73.900	73.900	73.900	73.900	73.900	73.900	73.900
1894	Vật tư ngành nước	Ống PP-R DN 20 x 3.4mm PN20 - 4m	m	QCVN 16:2019/BXD/DIN 16962-5:2000-04/DIN 8077:2008 & DIN 8078:2008/DIN 8077:2008-09 & DIN 9078:2008-09	Ống PP-R DN 20 x 3.4mm PN20 - 4m	Công ty CP Nhựa Thiếu Niên Tiền Phong phía Nam. Địa chỉ nhà máy sản xuất: Lô C2, Khu CN Đồng An 2, P. Bình Dương, TP.HCM - Sđt: 0933 170 171. (Công văn số 03/CV/TPN-26 ngày 17 tháng 07 năm 2026)	Việt Nam	Giá bán trên địa bàn toàn tỉnh Tây Ninh	Chưa bao gồm chi phí vận chuyển	Giá áp dụng từ ngày 29/06/2026 tới khi có thông báo mới	Giá bán tăng	20.100	20.100	20.100	20.100	20.100	20.100	20.100	20.100	20.100
1895	Vật tư ngành nước	Ống PP-R DN 25 x 4.2mm PN20 - 4m	m	QCVN 16:2019/BXD/DIN 16962-5:2000-04/DIN 8077:2008 & DIN 8078:2008/DIN 8077:2008-09 & DIN 9078:2008-09	Ống PP-R DN 25 x 4.2mm PN20 - 4m	Công ty CP Nhựa Thiếu Niên Tiền Phong phía Nam. Địa chỉ nhà máy sản xuất: Lô C2, Khu CN Đồng An 2, P. Bình Dương, TP.HCM - Sđt: 0933 170 171. (Công văn số 03/CV/TPN-26 ngày 17 tháng 07 năm 2026)	Việt Nam	Giá bán trên địa bàn toàn tỉnh Tây Ninh	Chưa bao gồm chi phí vận chuyển	Giá áp dụng từ ngày 29/06/2026 tới khi có thông báo mới	Giá bán tăng	35.200	35.200	35.200	35.200	35.200	35.200	35.200	35.200	35.200
1896	Vật tư ngành nước	Ống PP-R DN 40 x 6.7mm PN20 - 4m	m	QCVN 16:2019/BXD/DIN 16962-5:2000-04/DIN 8077:2008 & DIN 8078:2008/DIN 8077:2008-09 & DIN 9078:2008-09	Ống PP-R DN 40 x 6.7mm PN20 - 4m	Công ty CP Nhựa Thiếu Niên Tiền Phong phía Nam. Địa chỉ nhà máy sản xuất: Lô C2, Khu CN Đồng An 2, P. Bình Dương, TP.HCM - Sđt: 0933 170 171. (Công văn số 03/CV/TPN-26 ngày 17 tháng 07 năm 2026)	Việt Nam	Giá bán trên địa bàn toàn tỉnh Tây Ninh	Chưa bao gồm chi phí vận chuyển	Giá áp dụng từ ngày 29/06/2026 tới khi có thông báo mới	Giá bán tăng	80.300	80.300	80.300	80.300	80.300	80.300	80.300	80.300	80.300
1897	Vật tư ngành nước	Ống PP-R DN 50 x 8.3mm PN20 - 4m	m	QCVN 16:2019/BXD/DIN 16962-5:2000-04/DIN 8077:2008 & DIN 8078:2008/DIN 8077:2008-09 & DIN 9078:2008-09	Ống PP-R DN 50 x 8.3mm PN20 - 4m	Công ty CP Nhựa Thiếu Niên Tiền Phong phía Nam. Địa chỉ nhà máy sản xuất: Lô C2, Khu CN Đồng An 2, P. Bình Dương, TP.HCM - Sđt: 0933 170 171. (Công văn số 03/CV/TPN-26 ngày 17 tháng 07 năm 2026)	Việt Nam	Giá bán trên địa bàn toàn tỉnh Tây Ninh	Chưa bao gồm chi phí vận chuyển	Giá áp dụng từ ngày 29/06/2026 tới khi có thông báo mới	Giá bán tăng	124.700	124.700	124.700	124.700	124.700	124.700	124.700	124.700	124.700
1898	Vật tư ngành nước	Ống PP-R DN 63 x 10.5mm PN20 - 4m	m	QCVN 16:2019/BXD/DIN 16962-5:2000-04/DIN 8077:2008 & DIN 8078:2008/DIN 8077:2008-09 & DIN 9078:2008-09	Ống PP-R DN 63 x 10.5mm PN20 - 4m	Công ty CP Nhựa Thiếu Niên Tiền Phong phía Nam. Địa chỉ nhà máy sản xuất: Lô C2, Khu CN Đồng An 2, P. Bình Dương, TP.HCM - Sđt: 0933 170 171. (Công văn số 03/CV/TPN-26 ngày 17 tháng 07 năm 2026)	Việt Nam	Giá bán trên địa bàn toàn tỉnh Tây Ninh	Chưa bao gồm chi phí vận chuyển	Giá áp dụng từ ngày 29/06/2026 tới khi có thông báo mới	Giá bán tăng	196.600	196.600	196.600	196.600	196.600	196.600	196.600	196.600	196.600
1899	Vật tư ngành nước	Ống PP-R DN 75 x 12.5mm PN20 - 4m	m	QCVN 16:2019/BXD/DIN 16962-5:2000-04/DIN 8077:2008 & DIN 8078:2008/DIN 8077:2008-09 & DIN 9078:2008-09	Ống PP-R DN 75 x 12.5mm PN20 - 4m	Công ty CP Nhựa Thiếu Niên Tiền Phong phía Nam. Địa chỉ nhà máy sản xuất: Lô C2, Khu CN Đồng An 2, P. Bình Dương, TP.HCM - Sđt: 0933 170 171. (Công văn số 03/CV/TPN-26 ngày 17 tháng 07 năm 2026)	Việt Nam	Giá bán trên địa bàn toàn tỉnh Tây Ninh	Chưa bao gồm chi phí vận chuyển	Giá áp dụng từ ngày 29/06/2026 tới khi có thông báo mới	Giá bán tăng	272.300	272.300	272.300	272.300	272.300	272.300	272.300	272.300	272.300
1900	Vật tư ngành nước	Ống PP-R DN 90 x 15mm PN20 - 4m	m	QCVN 16:2019/BXD/DIN 16962-5:2000-04/DIN 8077:2008 & DIN 8078:2008/DIN 8077:2008-09 & DIN 9078:2008-09	Ống PP-R DN 90 x 15mm PN20 - 4m	Công ty CP Nhựa Thiếu Niên Tiền Phong phía Nam. Địa chỉ nhà máy sản xuất: Lô C2, Khu CN Đồng An 2, P. Bình Dương, TP.HCM - Sđt: 0933 170 171. (Công văn số 03/CV/TPN-26 ngày 17 tháng 07 năm 2026)	Việt Nam	Giá bán trên địa bàn toàn tỉnh Tây Ninh	Chưa bao gồm chi phí vận chuyển	Giá áp dụng từ ngày 29/06/2026 tới khi có thông báo mới	Giá bán tăng	407.100	407.100	407.100	407.100	407.100	407.100	407.100	407.100	407.100
1901	Vật tư ngành nước	Ống PP-R DN 110 x 18.3mm PN20 - 4m	m	QCVN 16:2019/BXD/DIN 16962-5:2000-04/DIN 8077:2008 & DIN 8078:2008/DIN 8077:2008-09 & DIN 9078:2008-09	Ống PP-R DN 110 x 18.3mm PN20 - 4m	Công ty CP Nhựa Thiếu Niên Tiền Phong phía Nam. Địa chỉ nhà máy sản xuất: Lô C2, Khu CN Đồng An 2, P. Bình Dương, TP.HCM - Sđt: 0933 170 171. (Công văn số 03/CV/TPN-26 ngày 17 tháng 07 năm 2026)	Việt Nam	Giá bán trên địa bàn toàn tỉnh Tây Ninh	Chưa bao gồm chi phí vận chuyển	Giá áp dụng từ ngày 29/06/2026 tới khi có thông báo mới	Giá bán tăng	573.100	573.100	573.100	573.100	573.100	573.100	573.100	573.100	573.100
1902	Vật tư ngành nước	Ống PP-R DN 125 x 20.8mm PN20 - 4m	m	QCVN 16:2019/BXD/DIN 16962-5:2000-04/DIN 8077:2008 & DIN 8078:2008/DIN 8077:2008-09 & DIN 9078:2008-09	Ống PP-R DN 125 x 20.8mm PN20 - 4m	Công ty CP Nhựa Thiếu Niên Tiền Phong phía Nam. Địa chỉ nhà máy sản xuất: Lô C2, Khu CN Đồng An 2, P. Bình Dương, TP.HCM - Sđt: 0933 170 171. (Công văn số 03/CV/TPN-26 ngày 17 tháng 07 năm 2026)	Việt Nam	Giá bán trên địa bàn toàn tỉnh Tây Ninh	Chưa bao gồm chi phí vận chuyển	Giá áp dụng từ ngày 29/06/2026 tới khi có thông báo mới	Giá bán tăng	771.200	771.200	771.200	771.200	771.200	771.200	771.200	771.200	771.200

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)(đồng)								
												Khu vực TP. Tây Ninh	Khu vực TX.Trảng Bàng	Khu vực TX. Hoà Thành	Khu vực H.Tân Biên	Khu vực H.Tân Châu	Khu vực H. Châu Thành	Khu vực H.Dương Minh Châu	Khu vực H. Bến Cầu	Khu vực H. Gò Dầu
1903	Vật tư ngành nước	Ống PP-R DN 140 x 23.3mm PN20 - 4m	m	QCVN 16:2019/BXD/DIN 16962-5:2000-04/DIN 8077:2008 & DIN 8078:2008/DIN 8077:2008-09 & DIN 9078:2008-09	Ống PP-R DN 140 x 23.3mm PN20 - 4m	Công ty CP Nhựa Thiếu Niên Tiền Phong phía Nam. Địa chỉ nhà máy sản xuất: Lô C2, Khu CN Đồng An 2, P. Bình Dương, TP.HCM - Sđt: 0933 170 171. (Công văn số 03/CV/TPN-26 ngày 17 tháng 07 năm 2026)	Việt Nam	Giá bán trên địa bàn toàn tỉnh Tây Ninh	Chưa bao gồm chi phí vận chuyển	Giá áp dụng từ ngày 29/06/2026 tới khi có thông báo mới	Giá bán tăng	979.500	979.500	979.500	979.500	979.500	979.500	979.500	979.500	979.500
1904	Vật tư ngành nước	Ống PP-R DN 160 x 26.6mm PN20 - 4m	m	QCVN 16:2019/BXD/DIN 16962-5:2000-04/DIN 8077:2008 & DIN 8078:2008/DIN 8077:2008-09 & DIN 9078:2008-09	Ống PP-R DN 160 x 26.6mm PN20 - 4m	Công ty CP Nhựa Thiếu Niên Tiền Phong phía Nam. Địa chỉ nhà máy sản xuất: Lô C2, Khu CN Đồng An 2, P. Bình Dương, TP.HCM - Sđt: 0933 170 171. (Công văn số 03/CV/TPN-26 ngày 17 tháng 07 năm 2026)	Việt Nam	Giá bán trên địa bàn toàn tỉnh Tây Ninh	Chưa bao gồm chi phí vận chuyển	Giá áp dụng từ ngày 29/06/2026 tới khi có thông báo mới	Giá bán tăng	1.302.600	1.302.600	1.302.600	1.302.600	1.302.600	1.302.600	1.302.600	1.302.600	1.302.600
1905	Vật tư ngành nước	Ống PP-R DN 180 x 24.6mm PN16 - 4m	m	QCVN 16:2019/BXD/DIN 16962-5:2000-04/DIN 8077:2008 & DIN 8078:2008/DIN 8077:2008-09 & DIN 9078:2008-09	Ống PP-R DN 180 x 24.6mm PN16 - 4m	Công ty CP Nhựa Thiếu Niên Tiền Phong phía Nam. Địa chỉ nhà máy sản xuất: Lô C2, Khu CN Đồng An 2, P. Bình Dương, TP.HCM - Sđt: 0933 170 171. (Công văn số 03/CV/TPN-26 ngày 17 tháng 07 năm 2026)	Việt Nam	Giá bán trên địa bàn toàn tỉnh Tây Ninh	Chưa bao gồm chi phí vận chuyển	Giá áp dụng từ ngày 29/06/2026 tới khi có thông báo mới	Giá bán tăng	1.742.300	1.742.300	1.742.300	1.742.300	1.742.300	1.742.300	1.742.300	1.742.300	1.742.300
1906	Vật tư ngành nước	Ống PP-R DN 200 x 33.2mm PN20 - 4m	m	QCVN 16:2019/BXD/DIN 16962-5:2000-04/DIN 8077:2008 & DIN 8078:2008/DIN 8077:2008-09 & DIN 9078:2008-09	Ống PP-R DN 200 x 33.2mm PN20 - 4m	Công ty CP Nhựa Thiếu Niên Tiền Phong phía Nam. Địa chỉ nhà máy sản xuất: Lô C2, Khu CN Đồng An 2, P. Bình Dương, TP.HCM - Sđt: 0933 170 171. (Công văn số 03/CV/TPN-26 ngày 17 tháng 07 năm 2026)	Việt Nam	Giá bán trên địa bàn toàn tỉnh Tây Ninh	Chưa bao gồm chi phí vận chuyển	Giá áp dụng từ ngày 29/06/2026 tới khi có thông báo mới	Giá bán tăng	2.521.800	2.521.800	2.521.800	2.521.800	2.521.800	2.521.800	2.521.800	2.521.800	2.521.800
1907	Vật tư ngành nước	Ống PP-R-UV DN 25 x 4.2mm PN20 - 4m	m	QCVN 16:2019/BXD/DIN 16962-5:2000-04/DIN 8077:2008 & DIN 8078:2008/DIN 8077:2008-09 & DIN 9078:2008-09	Ống PP-R-UV DN 25 x 4.2mm PN20 - 4m	Công ty CP Nhựa Thiếu Niên Tiền Phong phía Nam. Địa chỉ nhà máy sản xuất: Lô C2, Khu CN Đồng An 2, P. Bình Dương, TP.HCM - Sđt: 0933 170 171. (Công văn số 03/CV/TPN-26 ngày 17 tháng 07 năm 2026)	Việt Nam	Giá bán trên địa bàn toàn tỉnh Tây Ninh	Chưa bao gồm chi phí vận chuyển	Giá áp dụng từ ngày 29/06/2026 tới khi có thông báo mới	Giá bán tăng	42.300	42.300	42.300	42.300	42.300	42.300	42.300	42.300	42.300
1908	Vật tư ngành nước	Ống PP-R-UV DN 32 x 5.4mm PN20 - 4m	m	QCVN 16:2019/BXD/DIN 16962-5:2000-04/DIN 8077:2008 & DIN 8078:2008/DIN 8077:2008-09 & DIN 9078:2008-09	Ống PP-R-UV DN 32 x 5.4mm PN20 - 4m	Công ty CP Nhựa Thiếu Niên Tiền Phong phía Nam. Địa chỉ nhà máy sản xuất: Lô C2, Khu CN Đồng An 2, P. Bình Dương, TP.HCM - Sđt: 0933 170 171. (Công văn số 03/CV/TPN-26 ngày 17 tháng 07 năm 2026)	Việt Nam	Giá bán trên địa bàn toàn tỉnh Tây Ninh	Chưa bao gồm chi phí vận chuyển	Giá áp dụng từ ngày 29/06/2026 tới khi có thông báo mới	Giá bán tăng	62.200	62.200	62.200	62.200	62.200	62.200	62.200	62.200	62.200
1909	Vật tư ngành nước	Ống PP-R-UV DN 40 x 6.7mm PN20 - 4m	m	QCVN 16:2019/BXD/DIN 16962-5:2000-04/DIN 8077:2008 & DIN 8078:2008/DIN 8077:2008-09 & DIN 9078:2008-09	Ống PP-R-UV DN 40 x 6.7mm PN20 - 4m	Công ty CP Nhựa Thiếu Niên Tiền Phong phía Nam. Địa chỉ nhà máy sản xuất: Lô C2, Khu CN Đồng An 2, P. Bình Dương, TP.HCM - Sđt: 0933 170 171. (Công văn số 03/CV/TPN-26 ngày 17 tháng 07 năm 2026)	Việt Nam	Giá bán trên địa bàn toàn tỉnh Tây Ninh	Chưa bao gồm chi phí vận chuyển	Giá áp dụng từ ngày 29/06/2026 tới khi có thông báo mới	Giá bán tăng	96.300	96.300	96.300	96.300	96.300	96.300	96.300	96.300	96.300
1910	Vật tư ngành nước	Ống PP-R-UV DN 50 x 8.3mm PN20 - 4m	m	QCVN 16:2019/BXD/DIN 16962-5:2000-04/DIN 8077:2008 & DIN 8078:2008/DIN 8077:2008-09 & DIN 9078:2008-09	Ống PP-R-UV DN 50 x 8.3mm PN20 - 4m	Công ty CP Nhựa Thiếu Niên Tiền Phong phía Nam. Địa chỉ nhà máy sản xuất: Lô C2, Khu CN Đồng An 2, P. Bình Dương, TP.HCM - Sđt: 0933 170 171. (Công văn số 03/CV/TPN-26 ngày 17 tháng 07 năm 2026)	Việt Nam	Giá bán trên địa bàn toàn tỉnh Tây Ninh	Chưa bao gồm chi phí vận chuyển	Giá áp dụng từ ngày 29/06/2026 tới khi có thông báo mới	Giá bán tăng	149.600	149.600	149.600	149.600	149.600	149.600	149.600	149.600	149.600
1911	Vật tư ngành nước	Ống PP-R-UV DN 63 x 10.5mm PN20 - 4m	m	QCVN 16:2019/BXD/DIN 16962-5:2000-04/DIN 8077:2008 & DIN 8078:2008/DIN 8077:2008-09 & DIN 9078:2008-09	Ống PP-R-UV DN 63 x 10.5mm PN20 - 4m	Công ty CP Nhựa Thiếu Niên Tiền Phong phía Nam. Địa chỉ nhà máy sản xuất: Lô C2, Khu CN Đồng An 2, P. Bình Dương, TP.HCM - Sđt: 0933 170 171. (Công văn số 03/CV/TPN-26 ngày 17 tháng 07 năm 2026)	Việt Nam	Giá bán trên địa bàn toàn tỉnh Tây Ninh	Chưa bao gồm chi phí vận chuyển	Giá áp dụng từ ngày 29/06/2026 tới khi có thông báo mới	Giá bán tăng	235.900	235.900	235.900	235.900	235.900	235.900	235.900	235.900	235.900
1912	Vật tư ngành nước	Ống HDPE (PE100) DN 25 x 2.3mm PN16	m	ASTM F714-13/ISO 1452-2:2009/ISO 4427-2:2019/AS/NZS 4130:2018/QCVN 16:2019/BXD/DIN 8074:2011-12 & DIN 8075:2011-12	Ống HDPE (PE100) DN 25 x 2.3mm PN16	Công ty CP Nhựa Thiếu Niên Tiền Phong phía Nam. Địa chỉ nhà máy sản xuất: Lô C2, Khu CN Đồng An 2, P. Bình Dương, TP.HCM - Sđt: 0933 170 171. (Công văn số 03/CV/TPN-26 ngày 17 tháng 07 năm 2026)	Việt Nam	Giá bán trên địa bàn toàn tỉnh Tây Ninh	Chưa bao gồm chi phí vận chuyển	Giá áp dụng từ ngày 17/07/2026 tới khi có thông báo mới	Giá bán tăng	13.200	13.200	13.200	13.200	13.200	13.200	13.200	13.200	13.200
1913	Vật tư ngành nước	Ống HDPE (PE100) DN 50 x 3.0mm PN10	m	ASTM F714-13/ISO 1452-2:2009/ISO 4427-2:2019/AS/NZS 4130:2018/QCVN 16:2019/BXD/DIN 8074:2011-12 & DIN 8075:2011-12	Ống HDPE (PE100) DN 50 x 3.0mm PN10	Công ty CP Nhựa Thiếu Niên Tiền Phong phía Nam. Địa chỉ nhà máy sản xuất: Lô C2, Khu CN Đồng An 2, P. Bình Dương, TP.HCM - Sđt: 0933 170 171. (Công văn số 03/CV/TPN-26 ngày 17 tháng 07 năm 2026)	Việt Nam	Giá bán trên địa bàn toàn tỉnh Tây Ninh	Chưa bao gồm chi phí vận chuyển	Giá áp dụng từ ngày 17/07/2026 tới khi có thông báo mới	Giá bán tăng	34.700	34.700	34.700	34.700	34.700	34.700	34.700	34.700	34.700
1914	Vật tư ngành nước	Ống HDPE (PE100) DN 63 x 3.0mm PN8	m	ASTM F714-13/ISO 1452-2:2009/ISO 4427-2:2019/AS/NZS 4130:2018/QCVN 16:2019/BXD/DIN 8074:2011-12 & DIN 8075:2011-12	Ống HDPE (PE100) DN 63 x 3.0mm PN8	Công ty CP Nhựa Thiếu Niên Tiền Phong phía Nam. Địa chỉ nhà máy sản xuất: Lô C2, Khu CN Đồng An 2, P. Bình Dương, TP.HCM - Sđt: 0933 170 171. (Công văn số 03/CV/TPN-26 ngày 17 tháng 07 năm 2026)	Việt Nam	Giá bán trên địa bàn toàn tỉnh Tây Ninh	Chưa bao gồm chi phí vận chuyển	Giá áp dụng từ ngày 17/07/2026 tới khi có thông báo mới	Giá bán tăng	45.100	45.100	45.100	45.100	45.100	45.100	45.100	45.100	45.100
1915	Vật tư ngành nước	Ống HDPE (PE100) DN 90 x 5.4mm PN10	m	ASTM F714-13/ISO 1452-2:2009/ISO 4427-2:2019/AS/NZS 4130:2018/QCVN 16:2019/BXD/DIN 8074:2011-12 & DIN 8075:2011-12	Ống HDPE (PE100) DN 90 x 5.4mm PN 10	Công ty CP Nhựa Thiếu Niên Tiền Phong phía Nam. Địa chỉ nhà máy sản xuất: Lô C2, Khu CN Đồng An 2, P. Bình Dương, TP.HCM - Sđt: 0933 170 171. (Công văn số 03/CV/TPN-26 ngày 17 tháng 07 năm 2026)	Việt Nam	Giá bán trên địa bàn toàn tỉnh Tây Ninh	Chưa bao gồm chi phí vận chuyển	Giá áp dụng từ ngày 17/07/2026 tới khi có thông báo mới	Giá bán tăng	112.200	112.200	112.200	112.200	112.200	112.200	112.200	112.200	112.200
1916	Vật tư ngành nước	Ống HDPE (PE100) DN 110 x 6.6mm PN10	m	ASTM F714-13/ISO 1452-2:2009/ISO 4427-2:2019/AS/NZS 4130:2018/QCVN 16:2019/BXD/DIN 8074:2011-12 & DIN 8075:2011-12	Ống HDPE (PE100) DN 110 x 6.6mm PN 10	Công ty CP Nhựa Thiếu Niên Tiền Phong phía Nam. Địa chỉ nhà máy sản xuất: Lô C2, Khu CN Đồng An 2, P. Bình Dương, TP.HCM - Sđt: 0933 170 171. (Công văn số 03/CV/TPN-26 ngày 17 tháng 07 năm 2026)	Việt Nam	Giá bán trên địa bàn toàn tỉnh Tây Ninh	Chưa bao gồm chi phí vận chuyển	Giá áp dụng từ ngày 17/07/2026 tới khi có thông báo mới	Giá bán tăng	170.000	170.000	170.000	170.000	170.000	170.000	170.000	170.000	170.000
1917	Vật tư ngành nước	Ống HDPE (PE100) DN 125 x 7.4mm PN10	m	ASTM F714-13/ISO 1452-2:2009/ISO 4427-2:2019/AS/NZS 4130:2018/QCVN 16:2019/BXD/DIN 8074:2011-12 & DIN 8075:2011-12	Ống HDPE (PE100) DN 125 x 7.4mm PN 10	Công ty CP Nhựa Thiếu Niên Tiền Phong phía Nam. Địa chỉ nhà máy sản xuất: Lô C2, Khu CN Đồng An 2, P. Bình Dương, TP.HCM - Sđt: 0933 170 171. (Công văn số 03/CV/TPN-26 ngày 17 tháng 07 năm 2026)	Việt Nam	Giá bán trên địa bàn toàn tỉnh Tây Ninh	Chưa bao gồm chi phí vận chuyển	Giá áp dụng từ ngày 17/07/2026 tới khi có thông báo mới	Giá bán tăng	214.600	214.600	214.600	214.600	214.600	214.600	214.600	214.600	214.600
1918	Vật tư ngành nước	Ống HDPE (PE100) DN 140 x 8.3mm PN10	m	ASTM F714-13/ISO 1452-2:2009/ISO 4427-2:2019/AS/NZS 4130:2018/QCVN 16:2019/BXD/DIN 8074:2011-12 & DIN 8075:2011-12	Ống HDPE (PE100) DN 140 x 8.3mm PN 10	Công ty CP Nhựa Thiếu Niên Tiền Phong phía Nam. Địa chỉ nhà máy sản xuất: Lô C2, Khu CN Đồng An 2, P. Bình Dương, TP.HCM - Sđt: 0933 170 171. (Công văn số 03/CV/TPN-26 ngày 17 tháng 07 năm 2026)	Việt Nam	Giá bán trên địa bàn toàn tỉnh Tây Ninh	Chưa bao gồm chi phí vận chuyển	Giá áp dụng từ ngày 17/07/2026 tới khi có thông báo mới	Giá bán tăng	267.900	267.900	267.900	267.900	267.900	267.900	267.900	267.900	267.900
1919	Vật tư ngành nước	Ống HDPE (PE100) DN 160 x 9.5mm PN10	m	ASTM F714-13/ISO 1452-2:2009/ISO 4427-2:2019/AS/NZS 4130:2018/QCVN 16:2019/BXD/DIN 8074:2011-12 & DIN 8075:2011-12	Ống HDPE (PE100) DN 160 x 9.5mm PN 10	Công ty CP Nhựa Thiếu Niên Tiền Phong phía Nam. Địa chỉ nhà máy sản xuất: Lô C2, Khu CN Đồng An 2, P. Bình Dương, TP.HCM - Sđt: 0933 170 171. (Công văn số 03/CV/TPN-26 ngày 17 tháng 07 năm 2026)	Việt Nam	Giá bán trên địa bàn toàn tỉnh Tây Ninh	Chưa bao gồm chi phí vận chuyển	Giá áp dụng từ ngày 17/07/2026 tới khi có thông báo mới	Giá bán tăng	352.000	352.000	352.000	352.000	352.000	352.000	352.000	352.000	352.000
1920	Vật tư ngành nước	Ống HDPE (PE100) DN 180 x 10.7mm PN10 - 6m	m	ASTM F714-13/ISO 1452-2:2009/ISO 4427-2:2019/AS/NZS 4130:2018/QCVN 16:2019/BXD/DIN 8074:2011-12 & DIN 8075:2011-12	Ống HDPE (PE100) DN 180 x 10.7mm PN 10	Công ty CP Nhựa Thiếu Niên Tiền Phong phía Nam. Địa chỉ nhà máy sản xuất: Lô C2, Khu CN Đồng An 2, P. Bình Dương, TP.HCM - Sđt: 0933 170 171. (Công văn số 03/CV/TPN-26 ngày 17 tháng 07 năm 2026)	Việt Nam	Giá bán trên địa bàn toàn tỉnh Tây Ninh	Chưa bao gồm chi phí vận chuyển	Giá áp dụng từ ngày 17/07/2026 tới khi có thông báo mới	Giá bán tăng	443.100	443.100	443.100	443.100	443.100	443.100	443.100	443.100	443.100
1921	Vật tư ngành nước	Ống HDPE (PE100) DN 200 x 11.9mm PN10	m	ASTM F714-13/ISO 1452-2:2009/ISO 4427-2:2019/AS/NZS 4130:2018/QCVN 16:2019/BXD/DIN 8074:2011-12 & DIN 8075:2011-12	Ống HDPE (PE100) DN 200 x 11.9mm PN 10	Công ty CP Nhựa Thiếu Niên Tiền Phong phía Nam. Địa chỉ nhà máy sản xuất: Lô C2, Khu CN Đồng An 2, P. Bình Dương, TP.HCM - Sđt: 0933 170 171. (Công văn số 03/CV/TPN-26 ngày 17 tháng 07 năm 2026)	Việt Nam	Giá bán trên địa bàn toàn tỉnh Tây Ninh	Chưa bao gồm chi phí vận chuyển	Giá áp dụng từ ngày 17/07/2026 tới khi có thông báo mới	Giá bán tăng	555.300	555.300	555.300	555.300	555.300	555.300	555.300	555.300	555.300
1922	Vật tư ngành nước	Ống HDPE (PE100) DN 225 x 13.4mm PN10	m	ASTM F714-13/ISO 1452-2:2009/ISO 4427-2:2019/AS/NZS 4130:2018/QCVN 16:2019/BXD/DIN 8074:2011-12 & DIN 8075:2011-12	Ống HDPE (PE100) DN 225 x 13.4mm PN 10	Công ty CP Nhựa Thiếu Niên Tiền Phong phía Nam. Địa chỉ nhà máy sản xuất: Lô C2, Khu CN Đồng An 2, P. Bình Dương, TP.HCM - Sđt: 0933 170 171. (Công văn số 03/CV/TPN-26 ngày 17 tháng 07 năm 2026)	Việt Nam	Giá bán trên địa bàn toàn tỉnh Tây Ninh	Chưa bao gồm chi phí vận chuyển	Giá áp dụng từ ngày 17/07/2026 tới khi có thông báo mới	Giá bán tăng	682.600	682.600	682.600	682.600	682.600	682.600	682.600	682.600	682.600
1923	Vật tư ngành nước	Ống HDPE (PE100) DN 250 x 14.8mm PN10	m	ASTM F714-13/ISO 1452-2:2009/ISO 4427-2:2019/AS/NZS 4130:2018/QCVN 16:2019/BXD/DIN 8074:2011-12 & DIN 8075:2011-12	Ống HDPE (PE100) DN 250 x 14.8mm PN 10	Công ty CP Nhựa Thiếu Niên Tiền Phong phía Nam. Địa chỉ nhà máy sản xuất: Lô C2, Khu CN Đồng An 2, P. Bình Dương, TP.HCM - Sđt: 0933 170 171. (Công văn số 03/CV/TPN-26 ngày 17 tháng 07 năm 2026)	Việt Nam	Giá bán trên địa bàn toàn tỉnh Tây Ninh	Chưa bao gồm chi phí vận chuyển	Giá áp dụng từ ngày 17/07/2026 tới khi có thông báo mới	Giá bán tăng	845.700	845.700	845.700	845.700	845.700	845.700	845.700	845.700	845.700
1924	Vật tư ngành nước	Ống HDPE (PE100) DN 280 x 16.6mm PN10 - 6m	m	ASTM F714-13/ISO 1452-2:2009/ISO 4427-2:2019/AS/NZS 4130:2018/QCVN 16:2019/BXD/DIN 8074:2011-12 & DIN 8075:2011-12	Ống HDPE (PE100) DN 280 x 16.6mm PN 10	Công ty CP Nhựa Thiếu Niên Tiền Phong phía Nam. Địa chỉ nhà máy sản xuất: Lô C2, Khu CN Đồng An 2, P. Bình Dương, TP.HCM - Sđt: 0933 170 171. (Công văn số 03/CV/TPN-26 ngày 17 tháng 07 năm 2026)	Việt Nam	Giá bán trên địa bàn toàn tỉnh Tây Ninh	Chưa bao gồm chi phí vận chuyển	Giá áp dụng từ ngày 17/07/2026 tới khi có thông báo mới	Giá bán tăng	1.053.800	1.053.800	1.053.800	1.053.800	1.053.800	1.053.800	1.053.800	1.053.800	1.053.800
1925	Vật tư ngành nước	Ống HDPE (PE100) DN 315 x 18.7mm PN10	m	ASTM F714-13/ISO 1452-2:2009/ISO 4427-2:2019/AS/NZS 4130:2018/QCVN 16:2019/BXD/DIN 8074:2011-12 & DIN 8075:2011-12	Ống HDPE (PE100) DN 315 x 18.7mm PN 10	Công ty CP Nhựa Thiếu Niên Tiền Phong phía Nam. Địa chỉ nhà máy sản xuất: Lô C2, Khu CN Đồng An 2, P. Bình Dương, TP.HCM - Sđt: 0933 170 171. (Công văn số 03/CV/TPN-26 ngày 17 tháng 07 năm 2026)	Việt Nam	Giá bán trên địa bàn toàn tỉnh Tây Ninh	Chưa bao gồm chi phí vận chuyển	Giá áp dụng từ ngày 17/07/2026 tới khi có thông báo mới	Giá bán tăng	1.341.800	1.341.800	1.341.800	1.341.800	1.341.800	1.341.800	1.341.800	1.341.800	1.341.800
1926	Vật tư ngành nước	Ống HDPE (PE100) DN 355 x 21.1mm PN10	m	ASTM F714-13/ISO 1452-2:2009/ISO 4427-2:2019/AS/NZS 4130:2018/QCVN 16:2019/BXD/DIN 8074:2011-12 & DIN 8075:2011-12	Ống HDPE (PE100) DN 355 x 21.1mm PN 10	Công ty CP Nhựa Thiếu Niên Tiền Phong phía Nam. Địa chỉ nhà máy sản xuất: Lô C2, Khu CN Đồng An 2, P. Bình Dương, TP.HCM - Sđt: 0933 170 171. (Công văn số 03/CV/TPN-26 ngày 17 tháng 07 năm 2026)	Việt Nam	Giá bán trên địa bàn toàn tỉnh Tây Ninh	Chưa bao gồm chi phí vận chuyển	Giá áp dụng từ ngày 17/07/2026 tới khi có thông báo mới	Giá bán tăng	1.705.200	1.705.200	1.705.200	1.705.200	1.705.200	1.705.200	1.705.200	1.705.200	1.705.200

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)(đồng)								
												Khu vực TP. Tây Ninh	Khu vực TX.Trảng Bàng	Khu vực TX. Hoà Thành	Khu vực H.Tân Biên	Khu vực H.Tân Châu	Khu vực H. Châu Thành	Khu vực H.Dương Minh Châu	Khu vực H. Bến Cầu	Khu vực H. Gò Dầu
1927	Vật tư ngành nước	Ống HDPE (PE100) DN 400 x 23.7mm PN10	m	ASTM F714-13/ISO 1452-2:2009/ISO 4427-2:2019/AS/NZS 4130:2018/QCVN 16:2019/BXD/DIN 8074:2011-	Ống HDPE (PE100) DN 400 x 23.7mm PN 10	Công ty CP Nhựa Thiếu Niên Tiền Phong phía Nam. Địa chỉ nhà máy sản xuất: Lô C2, Khu CN Đồng An 2, P. Bình Dương, TP.HCM - Sđt: 0933 170 171. (Công văn số 03/CV/TPN-26 ngày 17 tháng 07 năm 2026)	Việt Nam	Giá bán trên địa bàn toàn tỉnh Tây Ninh	Chưa bao gồm chi phí vận chuyển	Giá áp dụng từ ngày 17/07/2026 tới khi có thông báo mới	Giá bán tăng	2.166.800	2.166.800	2.166.800	2.166.800	2.166.800	2.166.800	2.166.800	2.166.800	2.166.800
1928	Vật tư ngành nước	Ống HDPE (PE100) DN 450 x 26.7mm PN10 - 6m	m	ASTM F714-13/ISO 1452-2:2009/ISO 4427-2:2019/AS/NZS 4130:2018/QCVN 16:2019/BXD/DIN 8074:2011-	Ống HDPE (PE100) DN 450 x 26.7mm PN 10	Công ty CP Nhựa Thiếu Niên Tiền Phong phía Nam. Địa chỉ nhà máy sản xuất: Lô C2, Khu CN Đồng An 2, P. Bình Dương, TP.HCM - Sđt: 0933 170 171. (Công văn số 03/CV/TPN-26 ngày 17 tháng 07 năm 2026)	Việt Nam	Giá bán trên địa bàn toàn tỉnh Tây Ninh	Chưa bao gồm chi phí vận chuyển	Giá áp dụng từ ngày 17/07/2026 tới khi có thông báo mới	Giá bán tăng	2.373.900	2.373.900	2.373.900	2.373.900	2.373.900	2.373.900	2.373.900	2.373.900	2.373.900
1929	Vật tư ngành nước	Ống HDPE (PE100) DN 500 x 29.7mm PN10 - 6m	m	ASTM F714-13/ISO 1452-2:2009/ISO 4427-2:2019/AS/NZS 4130:2018/QCVN 16:2019/BXD/DIN 8074:2011-	Ống HDPE (PE100) DN 500 x 29.7mm PN 10	Công ty CP Nhựa Thiếu Niên Tiền Phong phía Nam. Địa chỉ nhà máy sản xuất: Lô C2, Khu CN Đồng An 2, P. Bình Dương, TP.HCM - Sđt: 0933 170 171. (Công văn số 03/CV/TPN-26 ngày 17 tháng 07 năm 2026)	Việt Nam	Giá bán trên địa bàn toàn tỉnh Tây Ninh	Chưa bao gồm chi phí vận chuyển	Giá áp dụng từ ngày 17/07/2026 tới khi có thông báo mới	Giá bán tăng	3.404.800	3.404.800	3.404.800	3.404.800	3.404.800	3.404.800	3.404.800	3.404.800	3.404.800
1930	Vật tư ngành nước	Ống HDPE (PE100) DN 1000 x 59.3mm PN10 - 6m	m	ASTM F714-13/ISO 1452-2:2009/ISO 4427-2:2019/AS/NZS 4130:2018/QCVN 16:2019/BXD/DIN 8074:2011-13 & DIN 8075:2011-12	Ống HDPE (PE100) DN 1000 x 59.3mm PN 10	Công ty CP Nhựa Thiếu Niên Tiền Phong phía Nam. Địa chỉ nhà máy sản xuất: Lô C2, Khu CN Đồng An 2, P. Bình Dương, TP.HCM - Sđt: 0933 170 171. (Công văn số 03/CV/TPN-26 ngày 17 tháng 07 năm 2026)	Việt Nam	Giá bán trên địa bàn toàn tỉnh Tây Ninh	Chưa bao gồm chi phí vận chuyển	Giá áp dụng từ ngày 17/07/2026 tới khi có thông báo mới	Giá bán tăng	14.688.400	14.688.400	14.688.400	14.688.400	14.688.400	14.688.400	14.688.400	14.688.400	14.688.400
1931	Vật tư ngành nước	Ống gân sóng HDPE 2 lớp DN 200 SN 4 - 6m	m	QCVN 16:2019/BXD/TCVN 11821-3:2017 / ISO 21138-3:2007	Ống HDPE gân sóng 2 lớp Ø200 SN4	Công ty CP Nhựa Thiếu Niên Tiền Phong phía Nam. Địa chỉ nhà máy sản xuất: Lô C2, Khu CN Đồng An 2, P. Bình Dương, TP.HCM - Sđt: 0933 170 171. (Công văn số 03/CV/TPN-26 ngày 17 tháng 07 năm 2026)	Việt Nam	Giá bán trên địa bàn toàn tỉnh Tây Ninh	Chưa bao gồm chi phí vận chuyển	Giá áp dụng từ ngày 17/07/2026 tới khi có thông báo mới	Giá bán tăng	511.900	511.900	511.900	511.900	511.900	511.900	511.900	511.900	511.900
1932	Vật tư ngành nước	Ống gân sóng HDPE 2 lớp DN 300 SN 4 - 6m	m	QCVN 16:2019/BXD/TCVN 11821-3:2017 / ISO 21138-3:2007	Ống HDPE gân sóng 2 lớp Ø300 SN4	Công ty CP Nhựa Thiếu Niên Tiền Phong phía Nam. Địa chỉ nhà máy sản xuất: Lô C2, Khu CN Đồng An 2, P. Bình Dương, TP.HCM - Sđt: 0933 170 171. (Công văn số 03/CV/TPN-26 ngày 17 tháng 07 năm 2026)	Việt Nam	Giá bán trên địa bàn toàn tỉnh Tây Ninh	Chưa bao gồm chi phí vận chuyển	Giá áp dụng từ ngày 17/07/2026 tới khi có thông báo mới	Giá bán tăng	725.700	725.700	725.700	725.700	725.700	725.700	725.700	725.700	725.700
1933	Vật tư ngành nước	Hộp kiểm soát kỹ thuật hai nhánh PVC-U ST 110-160	cái	TCVN 12755:2020	Hộp kiểm soát kỹ thuật hai nhánh PVC-U ST 110-160	Công ty CP Nhựa Thiếu Niên Tiền Phong phía Nam. Địa chỉ nhà máy sản xuất: Lô C2, Khu CN Đồng An 2, P. Bình Dương, TP.HCM - Sđt: 0933 170 171. (Công văn số 03/CV/TPN-26 ngày 17 tháng 07 năm 2026)	Việt Nam	Giá bán trên địa bàn toàn tỉnh Tây Ninh	Chưa bao gồm chi phí vận chuyển	Giá áp dụng từ ngày 18/06/2026 tới khi có thông báo mới	Giá bán tăng	598.300	598.300	598.300	598.300	598.300	598.300	598.300	598.300	598.300
1934	Vật tư ngành nước	Hộp kiểm soát kỹ thuật hai nhánh PVC-U SE DN 110x110P-225	cái	TCVN 12755:2020	Hộp kiểm soát kỹ thuật hai nhánh PVC-U SE DN 110x110P-225	Công ty CP Nhựa Thiếu Niên Tiền Phong phía Nam. Địa chỉ nhà máy sản xuất: Lô C2, Khu CN Đồng An 2, P. Bình Dương, TP.HCM - Sđt: 0933 170 171. (Công văn số 03/CV/TPN-26 ngày 17 tháng 07 năm 2026)	Việt Nam	Giá bán trên địa bàn toàn tỉnh Tây Ninh	Chưa bao gồm chi phí vận chuyển	Giá áp dụng từ ngày 18/06/2026 tới khi có thông báo mới	Giá bán tăng	800.900	800.900	800.900	800.900	800.900	800.900	800.900	800.900	800.900
1935	Vật tư ngành nước	Hộp kiểm soát kỹ thuật bốn nhánh PVC-U (ISO-JIS) 90WY 110x160-200	cái	TCVN 12755:2020	Hộp kiểm soát kỹ thuật bốn nhánh PVC-U (ISO-JIS) 90WY 110x160-200	Công ty CP Nhựa Thiếu Niên Tiền Phong phía Nam. Địa chỉ nhà máy sản xuất: Lô C2, Khu CN Đồng An 2, P. Bình Dương, TP.HCM - Sđt: 0933 170 171. (Công văn số 03/CV/TPN-26 ngày 17 tháng 07 năm 2026)	Việt Nam	Giá bán trên địa bàn toàn tỉnh Tây Ninh	Chưa bao gồm chi phí vận chuyển	Giá áp dụng từ ngày 18/06/2026 tới khi có thông báo mới	Giá bán tăng	1.444.000	1.444.000	1.444.000	1.444.000	1.444.000	1.444.000	1.444.000	1.444.000	1.444.000
1936	Vật tư ngành nước	Hộp kiểm soát kỹ thuật bốn nhánh PVC-U (ISO-JIS) 90WY 160x160-200	cái	TCVN 12755:2020	Hộp kiểm soát kỹ thuật bốn nhánh PVC-U (ISO-JIS) 90WY 160x160-200	Công ty CP Nhựa Thiếu Niên Tiền Phong phía Nam. Địa chỉ nhà máy sản xuất: Lô C2, Khu CN Đồng An 2, P. Bình Dương, TP.HCM - Sđt: 0933 170 171. (Công văn số 03/CV/TPN-26 ngày 17 tháng 07 năm 2026)	Việt Nam	Giá bán trên địa bàn toàn tỉnh Tây Ninh	Chưa bao gồm chi phí vận chuyển	Giá áp dụng từ ngày 18/06/2026 tới khi có thông báo mới	Giá bán tăng	1.723.300	1.723.300	1.723.300	1.723.300	1.723.300	1.723.300	1.723.300	1.723.300	1.723.300
1937	Vật tư ngành nước	Nắp hố ga (hộp kiểm soát) nhựa màu xám AO 200G	cái	TCVN 12755:2020	Nắp hố ga (hộp kiểm soát) nhựa màu xám AO 200G	Công ty CP Nhựa Thiếu Niên Tiền Phong phía Nam. Địa chỉ nhà máy sản xuất: Lô C2, Khu CN Đồng An 2, P. Bình Dương, TP.HCM - Sđt: 0933 170 171. (Công văn số 03/CV/TPN-26 ngày 17 tháng 07 năm 2026)	Việt Nam	Giá bán trên địa bàn toàn tỉnh Tây Ninh	Chưa bao gồm chi phí vận chuyển	Giá áp dụng từ ngày 18/06/2026 tới khi có thông báo mới	Giá bán tăng	1.026.300	1.026.300	1.026.300	1.026.300	1.026.300	1.026.300	1.026.300	1.026.300	1.026.300
1938	Vật tư ngành nước	Keo dán PVC-U 500gr(có chổi)	cái	QCVN 16:2019/BXD	Keo dán uPVC 500gr(có chổi)	Công ty CP Nhựa Thiếu Niên Tiền Phong phía Nam. Địa chỉ nhà máy sản xuất: Lô C2, Khu CN Đồng An 2, P. Bình Dương, TP.HCM - Sđt: 0933 170 171. (Công văn số 03/CV/TPN-26 ngày 17 tháng 07 năm 2026)	Việt Nam	Giá bán trên địa bàn toàn tỉnh Tây Ninh	Chưa bao gồm chi phí vận chuyển	Giá áp dụng từ ngày 18/06/2026 tới khi có thông báo mới	Giá bán tăng	86.400	86.400	86.400	86.400	86.400	86.400	86.400	86.400	86.400
1939	Vật tư ngành nước	Keo dán PVC-U 1000gr(có chổi)	cái	QCVN 16:2019/BXD	Keo dán uPVC 1000gr(có chổi)	Công ty CP Nhựa Thiếu Niên Tiền Phong phía Nam. Địa chỉ nhà máy sản xuất: Lô C2, Khu CN Đồng An 2, P. Bình Dương, TP.HCM - Sđt: 0933 170 171. (Công văn số 03/CV/TPN-26 ngày 17 tháng 07 năm 2026)	Việt Nam	Giá bán trên địa bàn toàn tỉnh Tây Ninh	Chưa bao gồm chi phí vận chuyển	Giá áp dụng từ ngày 18/06/2026 tới khi có thông báo mới	Giá bán tăng	173.000	173.000	173.000	173.000	173.000	173.000	173.000	173.000	173.000
1940	Vật tư ngành nước	Van cầu nhựa PVC-U BS DN 21	cái	QCVN 16:2019/BXD/BS EN ISO 1452-3:2009	Van cầu nhựa uPVC BS DN 21	Công ty CP Nhựa Thiếu Niên Tiền Phong phía Nam. Địa chỉ nhà máy sản xuất: Lô C2, Khu CN Đồng An 2, P. Bình Dương, TP.HCM - Sđt: 0933 170 171. (Công văn số 03/CV/TPN-26 ngày 17 tháng 07 năm 2026)	Việt Nam	Giá bán trên địa bàn toàn tỉnh Tây Ninh	Chưa bao gồm chi phí vận chuyển	Giá áp dụng từ ngày 18/06/2026 tới khi có thông báo mới	Giá bán tăng	22.500	22.500	22.500	22.500	22.500	22.500	22.500	22.500	22.500
1941	Vật tư ngành nước	Van cầu nhựa PVC-U BS DN 27	cái	QCVN 16:2019/BXD/BS EN ISO 1452-3:2009	Van cầu nhựa uPVC BS DN 27	Công ty CP Nhựa Thiếu Niên Tiền Phong phía Nam. Địa chỉ nhà máy sản xuất: Lô C2, Khu CN Đồng An 2, P. Bình Dương, TP.HCM - Sđt: 0933 170 171. (Công văn số 03/CV/TPN-26 ngày 17 tháng 07 năm 2026)	Việt Nam	Giá bán trên địa bàn toàn tỉnh Tây Ninh	Chưa bao gồm chi phí vận chuyển	Giá áp dụng từ ngày 18/06/2026 tới khi có thông báo mới	Giá bán tăng	26.200	26.200	26.200	26.200	26.200	26.200	26.200	26.200	26.200
1942	Vật tư ngành nước	Van cầu nhựa PVC-U BS DN 34	cái	QCVN 16:2019/BXD/BS EN ISO 1452-3:2009	Van cầu nhựa uPVC BS DN 34	Công ty CP Nhựa Thiếu Niên Tiền Phong phía Nam. Địa chỉ nhà máy sản xuất: Lô C2, Khu CN Đồng An 2, P. Bình Dương, TP.HCM - Sđt: 0933 170 171. (Công văn số 03/CV/TPN-26 ngày 17 tháng 07 năm 2026)	Việt Nam	Giá bán trên địa bàn toàn tỉnh Tây Ninh	Chưa bao gồm chi phí vận chuyển	Giá áp dụng từ ngày 18/06/2026 tới khi có thông báo mới	Giá bán tăng	44.700	44.700	44.700	44.700	44.700	44.700	44.700	44.700	44.700
1943	Vật tư ngành nước	Ống nhựa PPR-PN10 (Ống hàn nhiệt) Φ20mm	m	TC DIN 8077 - 8078, ISO 15874	dày 2,3mm	Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Giá bán trên địa bàn toàn tỉnh Tây Ninh	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	36.000	36.000	36.000	36.000	36.000	36.000	36.000	36.000	36.000
1944	Vật tư ngành nước	Ống nhựa PPR-PN10 (Ống hàn nhiệt) Φ25mm	m	TC DIN 8077 - 8078, ISO 15874	dày 2,8mm	Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	64.200	64.200	64.200	64.200	64.200	64.200	64.200	64.200	64.200
1945	Vật tư ngành nước	Ống nhựa PPR-PN10 (Ống hàn nhiệt)Φ32mm	m	TC DIN 8077 - 8078, ISO 15874	dày 2,9mm	Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	83.500	83.500	83.500	83.500	83.500	83.500	83.500	83.500	83.500
1946	Vật tư ngành nước	Ống nhựa PPR-PN10 (Ống hàn nhiệt)Φ40mm	m	TC DIN 8077 - 8078, ISO 15874	dày 3,7mm	Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	111.900	111.900	111.900	111.900	111.900	111.900	111.900	111.900	111.900
1947	Vật tư ngành nước	Ống nhựa PPR-PN10 (Ống hàn nhiệt)Φ50mm	m	TC DIN 8077 - 8078, ISO 15874	dày 4,6mm	Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	164.200	164.200	164.200	164.200	164.200	164.200	164.200	164.200	164.200
1948	Vật tư ngành nước	Ống nhựa PPR-PN10 (Ống hàn nhiệt)Φ63mm	m	TC DIN 8077 - 8078, ISO 15874	dày 5,8mm	Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	261.800	261.800	261.800	261.800	261.800	261.800	261.800	261.800	261.800
1949	Vật tư ngành nước	Ống nhựa PPR-PN10 (Ống hàn nhiệt)Φ75mm	m	TC DIN 8077 - 8078, ISO 15874	dày 6,8mm	Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	365.400	365.400	365.400	365.400	365.400	365.400	365.400	365.400	365.400

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)(đồng)							
												Khu vực TP. Tây Ninh	Khu vực TX.Trảng Bàng	Khu vực TX. Hoà Thành	Khu vực H.Tân Biên	Khu vực H.Tân Châu	Khu vực H. Châu Thành	Khu vực H.Dương Minh Châu	Khu vực H. Bến Cầu	Khu vực H. Gò Dầu
1950	Vật tư ngành nước	Ống nhựa PPR-PN10 (Ống hàn nhiệt)Φ90mm	m	TC DIN 8077 - 8078, ISO 15874	dày 8,2mm	Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	530.000	530.000	530.000	530.000	530.000	530.000	530.000	530.000	530.000
1951	Vật tư ngành nước	Ống nhựa PPR-PN10 (Ống hàn nhiệt)Φ110mm	m	TC DIN 8077 - 8078, ISO 15874	dày 10mm	Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	847.900	847.900	847.900	847.900	847.900	847.900	847.900	847.900	847.900
1952	Vật tư ngành nước	Ống nhựa PPR-PN10 (Ống hàn nhiệt)Φ125mm	m	TC DIN 8077 - 8078, ISO 15874	dày 11,4mm	Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	1.049.800	1.049.800	1.049.800	1.049.800	1.049.800	1.049.800	1.049.800	1.049.800	1.049.800
1953	Vật tư ngành nước	Ống nhựa PPR-PN10 (Ống hàn nhiệt)Φ140mm	m	TC DIN 8077 - 8078, ISO 15874	dày 12,7mm	Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	1.296.000	1.296.000	1.296.000	1.296.000	1.296.000	1.296.000	1.296.000	1.296.000	1.296.000
1954	Vật tư ngành nước	Ống nhựa PPR-PN10 (Ống hàn nhiệt)Φ160mm	m	TC DIN 8077 - 8078, ISO 15874	dày 14,6mm	Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	1.761.400	1.761.400	1.761.400	1.761.400	1.761.400	1.761.400	1.761.400	1.761.400	1.761.400
1955	Vật tư ngành nước	Ống nhựa PPR-PN10 (Ống hàn nhiệt)Φ180mm	m	TC DIN 8077 - 8078, ISO 15874	dày 16,4mm	Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	2.785.000	2.785.000	2.785.000	2.785.000	2.785.000	2.785.000	2.785.000	2.785.000	2.785.000
1956	Vật tư ngành nước	Ống nhựa PPR-PN10 (Ống hàn nhiệt)Φ200mm	m	TC DIN 8077 - 8078, ISO 15874	dày 18,2mm	Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	3.379.200	3.379.200	3.379.200	3.379.200	3.379.200	3.379.200	3.379.200	3.379.200	3.379.200
1957	Vật tư ngành nước	Ống nhựa PPR-PN16 (Ống hàn nhiệt)Φ20mm	m	TC DIN 8077 - 8078, ISO 15874	dày 2,8mm	Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	40.200	40.200	40.200	40.200	40.200	40.200	40.200	40.200	40.200
1958	Vật tư ngành nước	Ống nhựa PPR-PN16 (Ống hàn nhiệt)Φ25mm	m	TC DIN 8077 - 8078, ISO 15874	dày 4,2mm	Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	74.100	74.100	74.100	74.100	74.100	74.100	74.100	74.100	74.100
1959	Vật tư ngành nước	Ống nhựa PPR-PN16 (Ống hàn nhiệt)Φ32mm	m	TC DIN 8077 - 8078, ISO 15874	dày 4,4mm	Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	100.400	100.400	100.400	100.400	100.400	100.400	100.400	100.400	100.400
1960	Vật tư ngành nước	Ống nhựa PPR-PN16 (Ống hàn nhiệt)Φ40mm	m	TC DIN 8077 - 8078, ISO 15874	dày 5,5mm	Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	135.900	135.900	135.900	135.900	135.900	135.900	135.900	135.900	135.900
1961	Vật tư ngành nước	Ống nhựa PPR-PN16 (Ống hàn nhiệt)Φ50mm	m	TC DIN 8077 - 8078, ISO 15874	dày 6,9mm	Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	216.200	216.200	216.200	216.200	216.200	216.200	216.200	216.200	216.200
1962	Vật tư ngành nước	Ống nhựa PPR-PN16 (Ống hàn nhiệt)Φ63mm	m	TC DIN 8077 - 8078, ISO 15874	dày 8,6mm	Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	339.700	339.700	339.700	339.700	339.700	339.700	339.700	339.700	339.700
1963	Vật tư ngành nước	Ống nhựa PPR-PN16 (Ống hàn nhiệt)Φ75mm	m	TC DIN 8077 - 8078, ISO 15874	dày 10,3mm	Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	463.200	463.200	463.200	463.200	463.200	463.200	463.200	463.200	463.200
1964	Vật tư ngành nước	Ống nhựa PPR-PN16 (Ống hàn nhiệt)Φ90mm	m	TC DIN 8077 - 8078, ISO 15874	dày 12,3mm	Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	648.400	648.400	648.400	648.400	648.400	648.400	648.400	648.400	648.400
1965	Vật tư ngành nước	Ống nhựa PPR-PN16 (Ống hàn nhiệt)Φ110mm	m	TC DIN 8077 - 8078, ISO 15874	dày 15,1mm	Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	988.000	988.000	988.000	988.000	988.000	988.000	988.000	988.000	988.000
1966	Vật tư ngành nước	Ống nhựa PPR-PN16 (Ống hàn nhiệt)Φ125mm	m	TC DIN 8077 - 8078, ISO 15874	dày 17,1mm	Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	1.281.400	1.281.400	1.281.400	1.281.400	1.281.400	1.281.400	1.281.400	1.281.400	1.281.400
1967	Vật tư ngành nước	Ống nhựa PPR-PN16 (Ống hàn nhiệt)Φ140mm	m	TC DIN 8077 - 8078, ISO 15874	dày 19,2mm	Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	1.559.200	1.559.200	1.559.200	1.559.200	1.559.200	1.559.200	1.559.200	1.559.200	1.559.200
1968	Vật tư ngành nước	Ống nhựa PPR-PN16 (Ống hàn nhiệt)Φ160mm	m	TC DIN 8077 - 8078, ISO 15874	dày 21,9mm	Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	2.161.300	2.161.300	2.161.300	2.161.300	2.161.300	2.161.300	2.161.300	2.161.300	2.161.300
1969	Vật tư ngành nước	Ống nhựa PPR-PN16 (Ống hàn nhiệt)Φ180mm	m	TC DIN 8077 - 8078, ISO 15874	dày 24,5mm	Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	3.871.800	3.871.800	3.871.800	3.871.800	3.871.800	3.871.800	3.871.800	3.871.800	3.871.800
1970	Vật tư ngành nước	Ống nhựa PPR-PN16 (Ống hàn nhiệt)Φ200mm	m	TC DIN 8077 - 8078, ISO 15874	dày 27,4mm	Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	4.788.700	4.788.700	4.788.700	4.788.700	4.788.700	4.788.700	4.788.700	4.788.700	4.788.700
1971	Vật tư ngành nước	Ống nhựa PPR -PN20(Ống hàn nhiệt)Φ20mm	m	TC DIN 8077 - 8078, ISO 15874	dày 3,4mm	Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	44.600	44.600	44.600	44.600	44.600	44.600	44.600	44.600	44.600
1972	Vật tư ngành nước	Ống nhựa PPR -PN20(Ống hàn nhiệt)Φ25mm	m	TC DIN 8077 - 8078, ISO 15874	dày 4,2mm	Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	78.900	78.900	78.900	78.900	78.900	78.900	78.900	78.900	78.900

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)(đồng)							
												Khu vực TP. Tây Ninh	Khu vực TX.Trảng Bàng	Khu vực TX. Hoà Thành	Khu vực H.Tân Biên	Khu vực H.Tân Châu	Khu vực H. Châu Thành	Khu vực H.Dương Minh Châu	Khu vực H. Bến Cầu	Khu vực H. Gò Dầu
1973	Vật tư ngành nước	Ống nhựa PPR -PN20(Ống hàn nhiệt)Φ32mm	m	TC DIN 8077 - 8078, ISO 15874	dày 5,4mm	Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	115.200	115.200	115.200	115.200	115.200	115.200	115.200	115.200	115.200
1974	Vật tư ngành nước	Ống nhựa PPR -PN20(Ống hàn nhiệt)Φ40mm	m	TC DIN 8077 - 8078, ISO 15874	dày 6,7mm	Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	178.400	178.400	178.400	178.400	178.400	178.400	178.400	178.400	178.400
1975	Vật tư ngành nước	Ống nhựa PPR -PN20(Ống hàn nhiệt)Φ50mm	m	TC DIN 8077 - 8078, ISO 15874	dày 8,3mm	Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	277.300	277.300	277.300	277.300	277.300	277.300	277.300	277.300	277.300
1976	Vật tư ngành nước	Ống nhựa PPR -PN20(Ống hàn nhiệt)Φ63mm	m	TC DIN 8077 - 8078, ISO 15874	dày 10,5mm	Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	437.700	437.700	437.700	437.700	437.700	437.700	437.700	437.700	437.700
1977	Vật tư ngành nước	Ống nhựa PPR -PN20(Ống hàn nhiệt)Φ75mm	m	TC DIN 8077 - 8078, ISO 15874	dày 12,5mm	Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	620.600	620.600	620.600	620.600	620.600	620.600	620.600	620.600	620.600
1978	Vật tư ngành nước	Ống nhựa PPR -PN20(Ống hàn nhiệt)Φ90mm	m	TC DIN 8077 - 8078, ISO 15874	dày 15,0mm	Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	904.400	904.400	904.400	904.400	904.400	904.400	904.400	904.400	904.400
1979	Vật tư ngành nước	Ống nhựa PPR -PN20(Ống hàn nhiệt)Φ110mm	m	TC DIN 8077 - 8078, ISO 15874	dày 18,3mm	Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	1.338.900	1.338.900	1.338.900	1.338.900	1.338.900	1.338.900	1.338.900	1.338.900	1.338.900
1980	Vật tư ngành nước	Ống nhựa PPR -PN20(Ống hàn nhiệt)Φ125mm	m	TC DIN 8077 - 8078, ISO 15874	dày 20,8mm	Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	1.726.500	1.726.500	1.726.500	1.726.500	1.726.500	1.726.500	1.726.500	1.726.500	1.726.500
1981	Vật tư ngành nước	Ống nhựa PPR -PN20(Ống hàn nhiệt)Φ140mm	m	TC DIN 8077 - 8078, ISO 15874	dày 23,3mm	Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	2.177.600	2.177.600	2.177.600	2.177.600	2.177.600	2.177.600	2.177.600	2.177.600	2.177.600
1982	Vật tư ngành nước	Ống nhựa PPR -PN20(Ống hàn nhiệt)Φ160mm	m	TC DIN 8077 - 8078, ISO 15874	dày 26,6mm	Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	2.891.200	2.891.200	2.891.200	2.891.200	2.891.200	2.891.200	2.891.200	2.891.200	2.891.200
1983	Vật tư ngành nước	Ống nhựa PPR -PN20(Ống hàn nhiệt)Φ180mm	m	TC DIN 8077 - 8078, ISO 15874	dày 29,0mm	Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	4.736.600	4.736.600	4.736.600	4.736.600	4.736.600	4.736.600	4.736.600	4.736.600	4.736.600
1984	Vật tư ngành nước	Ống nhựa PPR -PN20(Ống hàn nhiệt)Φ200mm	m	TC DIN 8077 - 8078, ISO 15874	dày 33,2mm	Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	5.884.200	5.884.200	5.884.200	5.884.200	5.884.200	5.884.200	5.884.200	5.884.200	5.884.200
1985	Vật tư ngành nước	ống tránh Φ20mm	cái	TC DIN 8077 - 8078, ISO 15874		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	23.100	23.100	23.100	23.100	23.100	23.100	23.100	23.100	23.100
1986	Vật tư ngành nước	ống tránh Φ25mm	cái	TC DIN 8077 - 8078, ISO 15874		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	38.600	38.600	38.600	38.600	38.600	38.600	38.600	38.600	38.600
1987	Vật tư ngành nước	Cút 90° Φ20mm	cái	TC DIN 8077 - 8078, ISO 15874		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	9.000	9.000	9.000	9.000	9.000	9.000	9.000	9.000	9.000
1988	Vật tư ngành nước	Cút 90° Φ25mm	cái	TC DIN 8077 - 8078, ISO 15874		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	12.000	12.000	12.000	12.000	12.000	12.000	12.000	12.000	12.000
1989	Vật tư ngành nước	Cút 90° Φ32mm	cái	TC DIN 8077 - 8078, ISO 15874		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	20.700	20.700	20.700	20.700	20.700	20.700	20.700	20.700	20.700
1990	Vật tư ngành nước	Cút 90° Φ40mm	cái	TC DIN 8077 - 8078, ISO 15874		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	34.300	34.300	34.300	34.300	34.300	34.300	34.300	34.300	34.300
1991	Vật tư ngành nước	Cút 90° Φ50mm	cái	TC DIN 8077 - 8078, ISO 15874		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	59.700	59.700	59.700	59.700	59.700	59.700	59.700	59.700	59.700
1992	Vật tư ngành nước	Cút 90° Φ63mm	cái	TC DIN 8077 - 8078, ISO 15874		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	182.700	182.700	182.700	182.700	182.700	182.700	182.700	182.700	182.700
1993	Vật tư ngành nước	Cút 90° Φ75mm	cái	TC DIN 8077 - 8078, ISO 15874		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	237.600	237.600	237.600	237.600	237.600	237.600	237.600	237.600	237.600
1994	Vật tư ngành nước	Cút 90° Φ90mm	cái	TC DIN 8077 - 8078, ISO 15874		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	373.900	373.900	373.900	373.900	373.900	373.900	373.900	373.900	373.900
1995	Vật tư ngành nước	Cút 90° Φ110mm	cái	TC DIN 8077 - 8078, ISO 15874		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	675.100	675.100	675.100	675.100	675.100	675.100	675.100	675.100	675.100

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)(đồng)							
												Khu vực TP. Tây Ninh	Khu vực TX.Trảng Bàng	Khu vực TX. Hoà Thành	Khu vực H.Tân Biên	Khu vực H.Tân Châu	Khu vực H. Châu Thành	Khu vực H.Dương Minh Châu	Khu vực H. Bến Cầu	Khu vực H. Gò Dầu
1996	Vật tư ngành nước	Măng sông Φ20mm	cái	TC DIN 8077 - 8078, ISO 15874		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	4.700	4.700	4.700	4.700	4.700	4.700	4.700	4.700	4.700
1997	Vật tư ngành nước	Măng sông Φ25mm	cái	TC DIN 8077 - 8078, ISO 15874		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	7.900	7.900	7.900	7.900	7.900	7.900	7.900	7.900	7.900
1998	Vật tư ngành nước	Măng sông Φ32mm	cái	TC DIN 8077 - 8078, ISO 15874		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	12.400	12.400	12.400	12.400	12.400	12.400	12.400	12.400	12.400
1999	Vật tư ngành nước	Măng sông Φ40mm	cái	TC DIN 8077 - 8078, ISO 15874		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	19.800	19.800	19.800	19.800	19.800	19.800	19.800	19.800	19.800
2000	Vật tư ngành nước	Măng sông Φ50mm	cái	TC DIN 8077 - 8078, ISO 15874		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	35.900	35.900	35.900	35.900	35.900	35.900	35.900	35.900	35.900
2001	Vật tư ngành nước	Măng sông Φ63mm	cái	TC DIN 8077 - 8078, ISO 15874		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	75.100	75.100	75.100	75.100	75.100	75.100	75.100	75.100	75.100
2002	Vật tư ngành nước	Măng sông Φ75mm	cái	TC DIN 8077 - 8078, ISO 15874		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	119.100	119.100	119.100	119.100	119.100	119.100	119.100	119.100	119.100
2003	Vật tư ngành nước	Măng sông Φ90mm	cái	TC DIN 8077 - 8078, ISO 15874		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	201.500	201.500	201.500	201.500	201.500	201.500	201.500	201.500	201.500
2004	Vật tư ngành nước	Măng sông Φ110mm	cái	TC DIN 8077 - 8078, ISO 15874		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	326.800	326.800	326.800	326.800	326.800	326.800	326.800	326.800	326.800
2005	Vật tư ngành nước	Chếch 45° Φ20mm	cái	TC DIN 8077 - 8078, ISO 15874		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	7.400	7.400	7.400	7.400	7.400	7.400	7.400	7.400	7.400
2006	Vật tư ngành nước	Chếch 45° Φ25mm	cái	TC DIN 8077 - 8078, ISO 15874		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	12.000	12.000	12.000	12.000	12.000	12.000	12.000	12.000	12.000
2007	Vật tư ngành nước	Chếch 45° Φ32mm	cái	TC DIN 8077 - 8078, ISO 15874		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	18.100	18.100	18.100	18.100	18.100	18.100	18.100	18.100	18.100
2008	Vật tư ngành nước	Chếch 45° Φ40mm	cái	TC DIN 8077 - 8078, ISO 15874		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	35.600	35.600	35.600	35.600	35.600	35.600	35.600	35.600	35.600
2009	Vật tư ngành nước	Chếch 45° Φ50mm	cái	TC DIN 8077 - 8078, ISO 15874		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	68.100	68.100	68.100	68.100	68.100	68.100	68.100	68.100	68.100
2010	Vật tư ngành nước	Chếch 45° Φ63mm	cái	TC DIN 8077 - 8078, ISO 15874		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	158.000	158.000	158.000	158.000	158.000	158.000	158.000	158.000	158.000
2011	Vật tư ngành nước	Chếch 45° Φ750mm	cái	TC DIN 8077 - 8078, ISO 15874		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	239.700	239.700	239.700	239.700	239.700	239.700	239.700	239.700	239.700
2012	Vật tư ngành nước	Chếch 45° Φ90mm	cái	TC DIN 8077 - 8078, ISO 15874		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	299.000	299.000	299.000	299.000	299.000	299.000	299.000	299.000	299.000
2013	Vật tư ngành nước	Chếch 45° Φ110mm	cái	TC DIN 8077 - 8078, ISO 15874		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	497.300	497.300	497.300	497.300	497.300	497.300	497.300	497.300	497.300
2014	Vật tư ngành nước	Tê Φ20mm	cái	TC DIN 8077 - 8078, ISO 15874		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	10.500	10.500	10.500	10.500	10.500	10.500	10.500	10.500	10.500
2015	Vật tư ngành nước	Tê Φ25mm	cái	TC DIN 8077 - 8078, ISO 15874		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	16.300	16.300	16.300	16.300	16.300	16.300	16.300	16.300	16.300
2016	Vật tư ngành nước	Tê Φ32mm	cái	TC DIN 8077 - 8078, ISO 15874		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	26.800	26.800	26.800	26.800	26.800	26.800	26.800	26.800	26.800
2017	Vật tư ngành nước	Tê Φ40mm	cái	TC DIN 8077 - 8078, ISO 15874		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	42.900	42.900	42.900	42.900	42.900	42.900	42.900	42.900	42.900
2018	Vật tư ngành nước	Tê Φ50mm	cái	TC DIN 8077 - 8078, ISO 15874		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	85.500	85.500	85.500	85.500	85.500	85.500	85.500	85.500	85.500

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)(đồng)							
												Khu vực TP. Tây Ninh	Khu vực TX.Trảng Bàng	Khu vực TX. Hoà Thành	Khu vực H.Tân Biên	Khu vực H.Tân Châu	Khu vực H. Châu Thành	Khu vực H.Dương Minh Châu	Khu vực H. Bến Cầu	Khu vực H. Gò Dầu
2019	Vật tư ngành nước	Tê Φ63mm	cái	TC DIN 8077 - 8078, ISO 15874		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	205.400	205.400	205.400	205.400	205.400	205.400	205.400	205.400	205.400
2020	Vật tư ngành nước	Tê Φ75mm	cái	TC DIN 8077 - 8078, ISO 15874		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	256.900	256.900	256.900	256.900	256.900	256.900	256.900	256.900	256.900
2021	Vật tư ngành nước	Tê Φ90mm	cái	TC DIN 8077 - 8078, ISO 15874		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	406.000	406.000	406.000	406.000	406.000	406.000	406.000	406.000	406.000
2022	Vật tư ngành nước	Tê Φ110mm	cái	TC DIN 8077 - 8078, ISO 15874		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	717.900	717.900	717.900	717.900	717.900	717.900	717.900	717.900	717.900
2023	Vật tư ngành nước	Côn thu Φ25mm	cái	TC DIN 8077 - 8078, ISO 15874		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	7.400	7.400	7.400	7.400	7.400	7.400	7.400	7.400	7.400
2024	Vật tư ngành nước	Côn thu Φ32mm	cái	TC DIN 8077 - 8078, ISO 15874		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	10.500	10.500	10.500	10.500	10.500	10.500	10.500	10.500	10.500
2025	Vật tư ngành nước	Côn thu Φ40mm	cái	TC DIN 8077 - 8078, ISO 15874		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	16.300	16.300	16.300	16.300	16.300	16.300	16.300	16.300	16.300
2026	Vật tư ngành nước	Côn thu Φ50mm	cái	TC DIN 8077 - 8078, ISO 15874		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	29.300	29.300	29.300	29.300	29.300	29.300	29.300	29.300	29.300
2027	Vật tư ngành nước	Côn thu Φ63mm	cái	TC DIN 8077 - 8078, ISO 15874		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	56.600	56.600	56.600	56.600	56.600	56.600	56.600	56.600	56.600
2028	Vật tư ngành nước	Côn thu Φ75mm	cái	TC DIN 8077 - 8078, ISO 15874		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	98.700	98.700	98.700	98.700	98.700	98.700	98.700	98.700	98.700
2029	Vật tư ngành nước	Côn thu Φ90mm	cái	TC DIN 8077 - 8078, ISO 15874		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	160.200	160.200	160.200	160.200	160.200	160.200	160.200	160.200	160.200
2030	Vật tư ngành nước	Côn thu Φ110mm	cái	TC DIN 8077 - 8078, ISO 15874		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	283.500	283.500	283.500	283.500	283.500	283.500	283.500	283.500	283.500
2031	Vật tư ngành nước	Tê thu Φ25mm	cái	TC DIN 8077 - 8078, ISO 15874		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	16.300	16.300	16.300	16.300	16.300	16.300	16.300	16.300	16.300
2032	Vật tư ngành nước	Tê thu Φ32mm	cái	TC DIN 8077 - 8078, ISO 15874		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	28.600	28.600	28.600	28.600	28.600	28.600	28.600	28.600	28.600
2033	Vật tư ngành nước	Tê thu Φ40mm	cái	TC DIN 8077 - 8078, ISO 15874		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	62.900	62.900	62.900	62.900	62.900	62.900	62.900	62.900	62.900
2034	Vật tư ngành nước	Tê thu Φ50mm	cái	TC DIN 8077 - 8078, ISO 15874		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	111.500	111.500	111.500	111.500	111.500	111.500	111.500	111.500	111.500
2035	Vật tư ngành nước	Tê thu Φ63mm	cái	TC DIN 8077 - 8078, ISO 15874		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	194.100	194.100	194.100	194.100	194.100	194.100	194.100	194.100	194.100
2036	Vật tư ngành nước	Tê thu Φ75mm	cái	TC DIN 8077 - 8078, ISO 15874		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	265.600	265.600	265.600	265.600	265.600	265.600	265.600	265.600	265.600
2037	Vật tư ngành nước	Tê thu Φ90mm	cái	TC DIN 8077 - 8078, ISO 15874		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	414.100	414.100	414.100	414.100	414.100	414.100	414.100	414.100	414.100
2038	Vật tư ngành nước	Tê thu Φ110mm	cái	TC DIN 8077 - 8078, ISO 15874		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	699.100	699.100	699.100	699.100	699.100	699.100	699.100	699.100	699.100
2039	Vật tư ngành nước	Bịt Φ20mm	cái	TC DIN 8077 - 8078, ISO 15874		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	4.400	4.400	4.400	4.400	4.400	4.400	4.400	4.400	4.400
2040	Vật tư ngành nước	Bịt Φ25mm	cái	TC DIN 8077 - 8078, ISO 15874		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	7.700	7.700	7.700	7.700	7.700	7.700	7.700	7.700	7.700
2041	Vật tư ngành nước	Bịt Φ32mm	cái	TC DIN 8077 - 8078, ISO 15874		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	10.500	10.500	10.500	10.500	10.500	10.500	10.500	10.500	10.500

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)(đồng)							
												Khu vực TP. Tây Ninh	Khu vực TX.Trảng Bàng	Khu vực TX. Hoà Thành	Khu vực H.Tân Biên	Khu vực H.Tân Châu	Khu vực H. Châu Thành	Khu vực H.Dương Minh Châu	Khu vực H. Bến Cầu	Khu vực H. Gò Dầu
2042	Vật tư ngành nước	Bịt Φ40mm	cái	TC DIN 8077 - 8078, ISO 15874		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	15.200	15.200	15.200	15.200	15.200	15.200	15.200	15.200	15.200
2043	Vật tư ngành nước	Bịt Φ50mm	cái	TC DIN 8077 - 8078, ISO 15874		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	28.600	28.600	28.600	28.600	28.600	28.600	28.600	28.600	28.600
2044	Vật tư ngành nước	Mặt Bích Φ50mm	cái	TC DIN 8077 - 8078, ISO 15874		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	46.400	46.400	46.400	46.400	46.400	46.400	46.400	46.400	46.400
2045	Vật tư ngành nước	Mặt Bích Φ63mm	cái	TC DIN 8077 - 8078, ISO 15874		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	59.200	59.200	59.200	59.200	59.200	59.200	59.200	59.200	59.200
2046	Vật tư ngành nước	Mặt Bích Φ75mm	cái	TC DIN 8077 - 8078, ISO 15874		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	97.500	97.500	97.500	97.500	97.500	97.500	97.500	97.500	97.500
2047	Vật tư ngành nước	Mặt Bích Φ90mm	cái	TC DIN 8077 - 8078, ISO 15874		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	152.600	152.600	152.600	152.600	152.600	152.600	152.600	152.600	152.600
2048	Vật tư ngành nước	Mặt Bích Φ110mm	cái	TC DIN 8077 - 8078, ISO 15874		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	226.200	226.200	226.200	226.200	226.200	226.200	226.200	226.200	226.200
2049	Vật tư ngành nước	Cút ren trong 90° Φ20*1/2mm	cái	TC DIN 8077 - 8078, ISO 15874		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	74.600	74.600	74.600	74.600	74.600	74.600	74.600	74.600	74.600
2050	Vật tư ngành nước	Cút ren trong 90° Φ25*1/2mm	cái	TC DIN 8077 - 8078, ISO 15874		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	84.800	84.800	84.800	84.800	84.800	84.800	84.800	84.800	84.800
2051	Vật tư ngành nước	Cút ren trong 90° Φ25*3/4mm	cái	TC DIN 8077 - 8078, ISO 15874		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	114.100	114.100	114.100	114.100	114.100	114.100	114.100	114.100	114.100
2052	Vật tư ngành nước	Cút ren trong 90° Φ32*1mm	cái	TC DIN 8077 - 8078, ISO 15874		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	21.900	21.900	21.900	21.900	21.900	21.900	21.900	21.900	21.900
2053	Vật tư ngành nước	Cút ren ngoài 90° Φ20*1/2mm	cái	TC DIN 8077 - 8078, ISO 15874		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	105.000	105.000	105.000	105.000	105.000	105.000	105.000	105.000	105.000
2054	Vật tư ngành nước	Cút ren ngoài 90° Φ25*1/2mm	cái	TC DIN 8077 - 8078, ISO 15874		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	118.700	118.700	118.700	118.700	118.700	118.700	118.700	118.700	118.700
2055	Vật tư ngành nước	Cút ren ngoài 90° Φ25*3/4mm	cái	TC DIN 8077 - 8078, ISO 15874		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	140.300	140.300	140.300	140.300	140.300	140.300	140.300	140.300	140.300
2056	Vật tư ngành nước	Cút ren ngoài 90° Φ32*1mm	cái	TC DIN 8077 - 8078, ISO 15874		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	223.300	223.300	223.300	223.300	223.300	223.300	223.300	223.300	223.300
2057	Vật tư ngành nước	Măng sông ren trong Φ20*1/2mm	cái	TC DIN 8077 - 8078, ISO 15874		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	67.100	67.100	67.100	67.100	67.100	67.100	67.100	67.100	67.100
2058	Vật tư ngành nước	Măng sông ren trong Φ25*1/2mm	cái	TC DIN 8077 - 8078, ISO 15874		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	82.000	82.000	82.000	82.000	82.000	82.000	82.000	82.000	82.000
2059	Vật tư ngành nước	Măng sông ren trong Φ25*3/4mm	cái	TC DIN 8077 - 8078, ISO 15874		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	91.500	91.500	91.500	91.500	91.500	91.500	91.500	91.500	91.500
2060	Vật tư ngành nước	Măng sông ren trong Φ32*1mm	cái	TC DIN 8077 - 8078, ISO 15874		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	149.200	149.200	149.200	149.200	149.200	149.200	149.200	149.200	149.200
2061	Vật tư ngành nước	Măng sông ren trong Φ40*11/4mm	cái	TC DIN 8077 - 8078, ISO 15874		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	369.700	369.700	369.700	369.700	369.700	369.700	369.700	369.700	369.700
2062	Vật tư ngành nước	Măng sông ren trong Φ50*11/2mm	cái	TC DIN 8077 - 8078, ISO 15874		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	490.500	490.500	490.500	490.500	490.500	490.500	490.500	490.500	490.500
2063	Vật tư ngành nước	Măng sông ren trong Φ63*2mm	cái	TC DIN 8077 - 8078, ISO 15874		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	992.600	992.600	992.600	992.600	992.600	992.600	992.600	992.600	992.600
2064	Vật tư ngành nước	Măng sông ren ngoài Φ20*1/2mm	cái	TC DIN 8077 - 8078, ISO 15874		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	84.900	84.900	84.900	84.900	84.900	84.900	84.900	84.900	84.900

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)(đồng)							
												Khu vực TP. Tây Ninh	Khu vực TX.Trảng Bàng	Khu vực TX. Hoà Thành	Khu vực H.Tân Biên	Khu vực H.Tân Châu	Khu vực H. Châu Thành	Khu vực H.Dương Minh Châu	Khu vực H. Bến Cầu	Khu vực H. Gò Dầu
2065	Vật tư ngành nước	Măng sông ren ngoài Φ20*1/2mm	cái	TC DIN 8077 - 8078, ISO 15874		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	97.900	97.900	97.900	97.900	97.900	97.900	97.900	97.900	97.900
2066	Vật tư ngành nước	Măng sông ren ngoài Φ25*3/4mm	cái	TC DIN 8077 - 8078, ISO 15874		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	118.200	118.200	118.200	118.200	118.200	118.200	118.200	118.200	118.200
2067	Vật tư ngành nước	Măng sông ren ngoài Φ32*1mm	cái	TC DIN 8077 - 8078, ISO 15874		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	174.700	174.700	174.700	174.700	174.700	174.700	174.700	174.700	174.700
2068	Vật tư ngành nước	Măng sông re ngoài Φ40*11/4mm	cái	TC DIN 8077 - 8078, ISO 15874		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	508.200	508.200	508.200	508.200	508.200	508.200	508.200	508.200	508.200
2069	Vật tư ngành nước	Măng sông ren ngoài Φ50*11/2mm	cái	TC DIN 8077 - 8078, ISO 15874		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	635.200	635.200	635.200	635.200	635.200	635.200	635.200	635.200	635.200
2070	Vật tư ngành nước	Măng sông ren ngoài Φ63*2mm	cái	TC DIN 8077 - 8078, ISO 15874		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	1.076.300	1.076.300	1.076.300	1.076.300	1.076.300	1.076.300	1.076.300	1.076.300	1.076.300
2071	Vật tư ngành nước	Tê ren trong Φ20*1/2mm	cái	TC DIN 8077 - 8078, ISO 15874		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	75.300	75.300	75.300	75.300	75.300	75.300	75.300	75.300	75.300
2072	Vật tư ngành nước	Tê ren trong Φ25*1/2mm	cái	TC DIN 8077 - 8078, ISO 15874		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	80.500	80.500	80.500	80.500	80.500	80.500	80.500	80.500	80.500
2073	Vật tư ngành nước	Tê ren trong Φ25*3/4mm	cái	TC DIN 8077 - 8078, ISO 15874		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	117.400	117.400	117.400	117.400	117.400	117.400	117.400	117.400	117.400
2074	Vật tư ngành nước	Tê ren ngoài Φ20*1/2mm	cái	TC DIN 8077 - 8078, ISO 15874		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	92.700	92.700	92.700	92.700	92.700	92.700	92.700	92.700	92.700
2075	Vật tư ngành nước	Tê ren ngoài Φ25*1/2mm	cái	TC DIN 8077 - 8078, ISO 15874		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	100.600	100.600	100.600	100.600	100.600	100.600	100.600	100.600	100.600
2076	Vật tư ngành nước	Tê ren ngoài Φ25*3/4mm	cái	TC DIN 8077 - 8078, ISO 15874		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	121.700	121.700	121.700	121.700	121.700	121.700	121.700	121.700	121.700
2077	Vật tư ngành nước	Rắc co ren ngoài Φ20*1/2mm	cái	TC DIN 8077 - 8078, ISO 15874		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	179.000	179.000	179.000	179.000	179.000	179.000	179.000	179.000	179.000
2078	Vật tư ngành nước	Rắc co ren ngoài Φ25*1/2mm	cái	TC DIN 8077 - 8078, ISO 15874		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	277.900	277.900	277.900	277.900	277.900	277.900	277.900	277.900	277.900
2079	Vật tư ngành nước	Rắc co ren ngoài Φ25*3/4mm	cái	TC DIN 8077 - 8078, ISO 15874		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	384.200	384.200	384.200	384.200	384.200	384.200	384.200	384.200	384.200
2080	Vật tư ngành nước	Rắc co ren ngoài Φ32*1mm	cái	TC DIN 8077 - 8078, ISO 15874		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	438.200	438.200	438.200	438.200	438.200	438.200	438.200	438.200	438.200
2081	Vật tư ngành nước	Rắc co ren ngoài Φ40*11/4mm	cái	TC DIN 8077 - 8078, ISO 15874		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	650.300	650.300	650.300	650.300	650.300	650.300	650.300	650.300	650.300
2082	Vật tư ngành nước	Rắc co ren ngoài Φ50*11/2mm	cái	TC DIN 8077 - 8078, ISO 15874		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	1.147.600	1.147.600	1.147.600	1.147.600	1.147.600	1.147.600	1.147.600	1.147.600	1.147.600
2083	Vật tư ngành nước	Rắc co ren trong Φ20*1/2mm	cái	TC DIN 8077 - 8078, ISO 15874		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	167.800	167.800	167.800	167.800	167.800	167.800	167.800	167.800	167.800
2084	Vật tư ngành nước	Rắc co ren trong Φ25*3/4mm	cái	TC DIN 8077 - 8078, ISO 15874		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	268.600	268.600	268.600	268.600	268.600	268.600	268.600	268.600	268.600
2085	Vật tư ngành nước	Rắc co ren trong Φ32*1mm	cái	TC DIN 8077 - 8078, ISO 15874		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	393.800	393.800	393.800	393.800	393.800	393.800	393.800	393.800	393.800
2086	Vật tư ngành nước	Rắc co ren trong Φ40*11/4mm	cái	TC DIN 8077 - 8078, ISO 15874		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	616.900	616.900	616.900	616.900	616.900	616.900	616.900	616.900	616.900
2087	Vật tư ngành nước	Rắc co ren trong Φ50*11/2mm	cái	TC DIN 8077 - 8078, ISO 15874		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	1.074.500	1.074.500	1.074.500	1.074.500	1.074.500	1.074.500	1.074.500	1.074.500	1.074.500

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)(đồng)							
												Khu vực TP. Tây Ninh	Khu vực TX.Trảng Bàng	Khu vực TX. Hoà Thành	Khu vực H.Tân Biên	Khu vực H.Tân Châu	Khu vực H. Châu Thành	Khu vực H.Dương Minh Châu	Khu vực H. Bến Cầu	Khu vực H. Gò Dầu
2088	Vật tư ngành nước	Van cửa hàm ếch tay nhựa Φ20mm	cái	TC DIN 8077 - 8078, ISO 15874		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	262.900	262.900	262.900	262.900	262.900	262.900	262.900	262.900	262.900
2089	Vật tư ngành nước	Van cửa hàm ếch tay nhựa Φ25mm	cái	TC DIN 8077 - 8078, ISO 15874		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	356.500	356.500	356.500	356.500	356.500	356.500	356.500	356.500	356.500
2090	Vật tư ngành nước	Van cửa hàm ếch tay nhựa Φ32mm	cái	TC DIN 8077 - 8078, ISO 15874		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	411.100	411.100	411.100	411.100	411.100	411.100	411.100	411.100	411.100
2091	Vật tư ngành nước	Van cửa hàm ếch tay nhựa Φ40mm	cái	TC DIN 8077 - 8078, ISO 15874		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	636.900	636.900	636.900	636.900	636.900	636.900	636.900	636.900	636.900
2092	Vật tư ngành nước	Van cửa hàm ếch tay nhựa Φ50mm	cái	TC DIN 8077 - 8078, ISO 15874		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	1.085.100	1.085.100	1.085.100	1.085.100	1.085.100	1.085.100	1.085.100	1.085.100	1.085.100
2093	Vật tư ngành nước	Van cửa đồng tay nhựa Φ20mm	cái	TC DIN 8077 - 8078, ISO 15874		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	352.800	352.800	352.800	352.800	352.800	352.800	352.800	352.800	352.800
2094	Vật tư ngành nước	Van cửa đồng tay nhựa Φ25mm	cái	TC DIN 8077 - 8078, ISO 15874		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	405.900	405.900	405.900	405.900	405.900	405.900	405.900	405.900	405.900
2095	Vật tư ngành nước	**Van bi tay ba cạnh**		TC DIN 8077 - 8078, ISO 15874		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	-	-	-	-	-	-	-	-	-
2096	Vật tư ngành nước	Ø20 mm	cái	TC DIN 8077 - 8078, ISO 15874		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	701.400	701.400	701.400	701.400	701.400	701.400	701.400	701.400	701.400
2097	Vật tư ngành nước	Ø25 mm	cái	TC DIN 8077 - 8078, ISO 15874		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	740.600	740.600	740.600	740.600	740.600	740.600	740.600	740.600	740.600
2098	Vật tư ngành nước	**Van bi nhựa**		TC DIN 8077 - 8078, ISO 15874		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	-	-	-	-	-	-	-	-	-
2099	Vật tư ngành nước	Ø20 mm	cái	TC DIN 8077 - 8078, ISO 15874		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	329.700	329.700	329.700	329.700	329.700	329.700	329.700	329.700	329.700
2100	Vật tư ngành nước	Ø25 mm	cái	TC DIN 8077 - 8078, ISO 15874		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	405.900	405.900	405.900	405.900	405.900	405.900	405.900	405.900	405.900
2101	Vật tư ngành nước	**Rắc co**		TC DIN 8077 - 8078, ISO 15874		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	-	-	-	-	-	-	-	-	-
2102	Vật tư ngành nước	Ø20 mm	cái	TC DIN 8077 - 8078, ISO 15874		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	58.800	58.800	58.800	58.800	58.800	58.800	58.800	58.800	58.800
2103	Vật tư ngành nước	Ø25 mm	cái	TC DIN 8077 - 8078, ISO 15874		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	86.500	86.500	86.500	86.500	86.500	86.500	86.500	86.500	86.500
2104	Vật tư ngành nước	Ø32 mm	cái	TC DIN 8077 - 8078, ISO 15874		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	124.400	124.400	124.400	124.400	124.400	124.400	124.400	124.400	124.400
2105	Vật tư ngành nước	Ø40 mm	cái	TC DIN 8077 - 8078, ISO 15874		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	142.900	142.900	142.900	142.900	142.900	142.900	142.900	142.900	142.900
2106	Vật tư ngành nước	Ø50 mm	cái	TC DIN 8077 - 8078, ISO 15874		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	214.600	214.600	214.600	214.600	214.600	214.600	214.600	214.600	214.600
2107	Vật tư ngành nước	**Bộ máy hàn**		TC DIN 8077 - 8078, ISO 15874		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	-	-	-	-	-	-	-	-	-
2108	Vật tư ngành nước	Ø20 mm - Ø50 mm	cái	TC DIN 8077 - 8078, ISO 15874		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	1.200.000	1.200.000	1.200.000	1.200.000	1.200.000	1.200.000	1.200.000	1.200.000	1.200.000
2109	Vật tư ngành nước	Ø63 mm - Ø110 mm	cái	TC DIN 8077 - 8078, ISO 15874		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	2.200.000	2.200.000	2.200.000	2.200.000	2.200.000	2.200.000	2.200.000	2.200.000	2.200.000
2110	Vật tư ngành nước	**Dầu hàn**		TC DIN 8077 - 8078, ISO 15874		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	-	-	-	-	-	-	-	-	-

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)(đồng)							
												Khu vực TP. Tây Ninh	Khu vực TX.Trảng Bàng	Khu vực TX. Hoà Thành	Khu vực H.Tân Biên	Khu vực H.Tân Châu	Khu vực H. Châu Thành	Khu vực H.Dương Minh Châu	Khu vực H. Bến Cầu	Khu vực H. Gò Dầu
2111	Vật tư ngành nước	Ø20 mm - Ø25 mm	cái	TC DIN 8077 - 8078, ISO 15874		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	26.000	26.000	26.000	26.000	26.000	26.000	26.000	26.000	26.000
2112	Vật tư ngành nước	Ø32 mm - Ø40 mm	cái	TC DIN 8077 - 8078, ISO 15874		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	52.000	52.000	52.000	52.000	52.000	52.000	52.000	52.000	52.000
2113	Vật tư ngành nước	Ø50 mm	cái	TC DIN 8077 - 8078, ISO 15874		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	65.000	65.000	65.000	65.000	65.000	65.000	65.000	65.000	65.000
2114	Vật tư ngành nước	Ø63 mm	cái	TC DIN 8077 - 8078, ISO 15874		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	104.000	104.000	104.000	104.000	104.000	104.000	104.000	104.000	104.000
2115	Vật tư ngành nước	Ø75 mm	cái	TC DIN 8077 - 8078, ISO 15874		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	156.000	156.000	156.000	156.000	156.000	156.000	156.000	156.000	156.000
2116	Vật tư ngành nước	Ø90 mm	cái	TC DIN 8077 - 8078, ISO 15874		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	195.000	195.000	195.000	195.000	195.000	195.000	195.000	195.000	195.000
2117	Vật tư ngành nước	Ø110 mm	cái	TC DIN 8077 - 8078, ISO 15874		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	221.000	221.000	221.000	221.000	221.000	221.000	221.000	221.000	221.000
2118	Vật tư ngành nước	**Ống nhựa HDPE PN8**				Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	-	-	-	-	-	-	-	-	-
2119	Vật tư ngành nước	Ø 40	m	T/C DIN 8074-8075	dày 1,9mm	Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	27.100	27.100	27.100	27.100	27.100	27.100	27.100	27.100	27.100
2120	Vật tư ngành nước	Ø 50	m	T/C DIN 8074-8075	dày 2,4mm	Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	42.000	42.000	42.000	42.000	42.000	42.000	42.000	42.000	42.000
2121	Vật tư ngành nước	Ø 63	m	T/C DIN 8074-8075	dày 3mm	Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	65.100	65.100	65.100	65.100	65.100	65.100	65.100	65.100	65.100
2122	Vật tư ngành nước	Ø 75	m	T/C DIN 8074-8075	dày 3,5mm	Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	92.700	92.700	92.700	92.700	92.700	92.700	92.700	92.700	92.700
2123	Vật tư ngành nước	Ø 90	m	T/C DIN 8074-8075	dày 4,5mm	Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	146.300	146.300	146.300	146.300	146.300	146.300	146.300	146.300	146.300
2124	Vật tư ngành nước	Ø 110	m	T/C DIN 8074-8075	dày 5,3mm	Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	196.300	196.300	196.300	196.300	196.300	196.300	196.300	196.300	196.300
2125	Vật tư ngành nước	Ø 125	m	T/C DIN 8074-8075	dày 6mm	Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	253.500	253.500	253.500	253.500	253.500	253.500	253.500	253.500	253.500
2126	Vật tư ngành nước	Ø 140	m	T/C DIN 8074-8075	dày 6,7mm	Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	315.700	315.700	315.700	315.700	315.700	315.700	315.700	315.700	315.700
2127	Vật tư ngành nước	Ø 160	m	T/C DIN 8074-8075	dày 7,7mm	Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	414.600	414.600	414.600	414.600	414.600	414.600	414.600	414.600	414.600
2128	Vật tư ngành nước	Ø 180	m	T/C DIN 8074-8075	dày 8,6mm	Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	521.900	521.900	521.900	521.900	521.900	521.900	521.900	521.900	521.900
2129	Vật tư ngành nước	Ø 200	m	T/C DIN 8074-8075	dày 9,6mm	Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	650.100	650.100	650.100	650.100	650.100	650.100	650.100	650.100	650.100
2130	Vật tư ngành nước	Ø 225	m	T/C DIN 8074-8075	dày 10,8mm	Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	818.800	818.800	818.800	818.800	818.800	818.800	818.800	818.800	818.800
2131	Vật tư ngành nước	Ø 250	m	T/C DIN 8074-8075	dày 11,9mm	Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	999.100	999.100	999.100	999.100	999.100	999.100	999.100	999.100	999.100
2132	Vật tư ngành nước	Ø 280	m	T/C DIN 8074-8075	dày 13,4mm	Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	1.274.500	1.274.500	1.274.500	1.274.500	1.274.500	1.274.500	1.274.500	1.274.500	1.274.500
2133	Vật tư ngành nước	Ø 315	m	T/C DIN 8074-8075	dày 15mm	Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	1.596.500	1.596.500	1.596.500	1.596.500	1.596.500	1.596.500	1.596.500	1.596.500	1.596.500

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)(đồng)								
												Khu vực TP. Tây Ninh	Khu vực TX.Trảng Bàng	Khu vực TX. Hoà Thành	Khu vực H.Tân Biên	Khu vực H.Tân Châu	Khu vực H. Châu Thành	Khu vực H.Dương Minh Châu	Khu vực H. Bến Cầu	Khu vực H. Gò Dầu
2134	Vật tư ngành nước	Ø 355	m	T/C DIN 8074-8075	dày 16,9mm	Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	2.007.700	2.007.700	2.007.700	2.007.700	2.007.700	2.007.700	2.007.700	2.007.700	2.007.700
2135	Vật tư ngành nước	Ø 400	m	T/C DIN 8074-8075	dày 19,1mm	Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	2.574.600	2.574.600	2.574.600	2.574.600	2.574.600	2.574.600	2.574.600	2.574.600	2.574.600
2136	Vật tư ngành nước	Ø 450	m	T/C DIN 8074-8075	dày 21,5mm	Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	3.231.700	3.231.700	3.231.700	3.231.700	3.231.700	3.231.700	3.231.700	3.231.700	3.231.700
2137	Vật tư ngành nước	Ø 500	m	T/C DIN 8074-8075	dày 23,9mm	Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	4.009.100	4.009.100	4.009.100	4.009.100	4.009.100	4.009.100	4.009.100	4.009.100	4.009.100
2138	Vật tư ngành nước	Ø 560	m	T/C DIN 8074-8075	dày 26,7mm	Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	5.415.700	5.415.700	5.415.700	5.415.700	5.415.700	5.415.700	5.415.700	5.415.700	5.415.700
2139	Vật tư ngành nước	Ø 630	m	T/C DIN 8074-8075	dày 30,0mm	Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	6.842.700	6.842.700	6.842.700	6.842.700	6.842.700	6.842.700	6.842.700	6.842.700	6.842.700
2140	Vật tư ngành nước	Ø 710	m	T/C DIN 8074-8075	dày 33,9mm	Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	8.724.800	8.724.800	8.724.800	8.724.800	8.724.800	8.724.800	8.724.800	8.724.800	8.724.800
2141	Vật tư ngành nước	Ø 800	m	T/C DIN 8074-8075	dày 38,1mm	Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	11.058.900	11.058.900	11.058.900	11.058.900	11.058.900	11.058.900	11.058.900	11.058.900	11.058.900
2142	Vật tư ngành nước	Ø 900	m	T/C DIN 8074-8075	dày 42,9mm	Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	13.992.700	13.992.700	13.992.700	13.992.700	13.992.700	13.992.700	13.992.700	13.992.700	13.992.700
2143	Vật tư ngành nước	Ø 1000	m	T/C DIN 8074-8075	dày 47,7mm	Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	21.216.600	21.216.600	21.216.600	21.216.600	21.216.600	21.216.600	21.216.600	21.216.600	21.216.600
2144	Vật tư ngành nước	Ø 1200	m	T/C DIN 8074-8075	dày 57,2mm	Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	24.883.200	24.883.200	24.883.200	24.883.200	24.883.200	24.883.200	24.883.200	24.883.200	24.883.200
2145	Vật tư ngành nước	**Ống nhựa HDPE PN10**		T/C DIN 8074-8075		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	-	-	-	-	-	-	-	-	-
2146	Vật tư ngành nước	Ø 32	m	T/C DIN 8074-8075	dày 1,9mm	Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	16.480	16.480	16.480	16.480	16.480	16.480	16.480	16.480	16.480
2147	Vật tư ngành nước	Ø 40	m	T/C DIN 8074-8075	dày 2,4mm	Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	25.090	25.090	25.090	25.090	25.090	25.090	25.090	25.090	25.090
2148	Vật tư ngành nước	Ø 50	m	T/C DIN 8074-8075	dày 3,0mm	Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	38.520	38.520	38.520	38.520	38.520	38.520	38.520	38.520	38.520
2149	Vật tư ngành nước	Ø 63	m	T/C DIN 8074-8075	dày 3,8mm	Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	61.570	61.570	61.570	61.570	61.570	61.570	61.570	61.570	61.570
2150	Vật tư ngành nước	Ø 75	m	T/C DIN 8074-8075	dày 4,5mm	Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	87.870	87.870	87.870	87.870	87.870	87.870	87.870	87.870	87.870
2151	Vật tư ngành nước	Ø 90	m	T/C DIN 8074-8075	dày 5,4mm	Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	124.630	124.630	124.630	124.630	124.630	124.630	124.630	124.630	124.630
2152	Vật tư ngành nước	Ø 110	m	T/C DIN 8074-8075	dày 6,6mm	Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	188.890	188.890	188.890	188.890	188.890	188.890	188.890	188.890	188.890
2153	Vật tư ngành nước	Ø 125	m	T/C DIN 8074-8075	dày 7,4mm	Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	238.430	238.430	238.430	238.430	238.430	238.430	238.430	238.430	238.430
2154	Vật tư ngành nước	Ø 140	m	T/C DIN 8074-8075	dày 8,3mm	Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	297.590	297.590	297.590	297.590	297.590	297.590	297.590	297.590	297.590
2155	Vật tư ngành nước	Ø 160	m	T/C DIN 8074-8075	dày 9,5mm	Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	391.110	391.110	391.110	391.110	391.110	391.110	391.110	391.110	391.110
2156	Vật tư ngành nước	Ø 180	m	T/C DIN 8074-8075	dày 10,7mm	Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	492.410	492.410	492.410	492.410	492.410	492.410	492.410	492.410	492.410

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)(đồng)								
												Khu vực TP. Tây Ninh	Khu vực TX.Trảng Bàng	Khu vực TX. Hoà Thành	Khu vực H.Tân Biên	Khu vực H.Tân Châu	Khu vực H. Châu Thành	Khu vực H.Dương Minh Châu	Khu vực H. Bến Cầu	Khu vực H. Gò Dầu
2157	Vật tư ngành nước	Ø 200	m	T/C DIN 8074-8075	dày 11,9mm	Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	617.040	617.040	617.040	617.040	617.040	617.040	617.040	617.040	617.040
2158	Vật tư ngành nước	Ø 225	m	T/C DIN 8074-8075	dày 13,4mm	Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	758.430	758.430	758.430	758.430	758.430	758.430	758.430	758.430	758.430
2159	Vật tư ngành nước	Ø 250	m	T/C DIN 8074-8075	dày 14,8mm	Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	939.630	939.630	939.630	939.630	939.630	939.630	939.630	939.630	939.630
2160	Vật tư ngành nước	Ø 280	m	T/C DIN 8074-8075	dày 16,6mm	Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	1.170.830	1.170.830	1.170.830	1.170.830	1.170.830	1.170.830	1.170.830	1.170.830	1.170.830
2161	Vật tư ngành nước	Ø 315	m	T/C DIN 8074-8075	dày 18,7mm	Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	1.490.930	1.490.930	1.490.930	1.490.930	1.490.930	1.490.930	1.490.930	1.490.930	1.490.930
2162	Vật tư ngành nước	Ø 355	m	T/C DIN 8074-8075	dày 21,1mm	Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	1.894.630	1.894.630	1.894.630	1.894.630	1.894.630	1.894.630	1.894.630	1.894.630	1.894.630
2163	Vật tư ngành nước	Ø 400	m	T/C DIN 8074-8075	dày 23,7mm	Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	2.407.500	2.407.500	2.407.500	2.407.500	2.407.500	2.407.500	2.407.500	2.407.500	2.407.500
2164	Vật tư ngành nước	Ø 450	m	T/C DIN 8074-8075	dày 26,7mm	Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	3.042.130	3.042.130	3.042.130	3.042.130	3.042.130	3.042.130	3.042.130	3.042.130	3.042.130
2165	Vật tư ngành nước	Ø 500	m	T/C DIN 8074-8075	dày 29,7mm	Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	3.783.060	3.783.060	3.783.060	3.783.060	3.783.060	3.783.060	3.783.060	3.783.060	3.783.060
2166	Vật tư ngành nước	Ø 560	m	T/C DIN 8074-8075	dày 33,2mm	Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	5.114.820	5.114.820	5.114.820	5.114.820	5.114.820	5.114.820	5.114.820	5.114.820	5.114.820
2167	Vật tư ngành nước	Ø 630	m	T/C DIN 8074-8075	dày 37,4mm	Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	6.478.430	6.478.430	6.478.430	6.478.430	6.478.430	6.478.430	6.478.430	6.478.430	6.478.430
2168	Vật tư ngành nước	Ø 710	m	T/C DIN 8074-8075	dày 42.1mm	Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	8.232.960	8.232.960	8.232.960	8.232.960	8.232.960	8.232.960	8.232.960	8.232.960	8.232.960
2169	Vật tư ngành nước	Ø 800	m	T/C DIN 8074-8075	dày 47,4mm	Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	10.439.820	10.439.820	10.439.820	10.439.820	10.439.820	10.439.820	10.439.820	10.439.820	10.439.820
2170	Vật tư ngành nước	Ø 900	m	T/C DIN 8074-8075	dày 53,3mm	Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	13.205.650	13.205.650	13.205.650	13.205.650	13.205.650	13.205.650	13.205.650	13.205.650	13.205.650
2171	Vật tư ngành nước	Ø 1000	m	T/C DIN 8074-8075	dày 59,3mm	Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	16.320.460	16.320.460	16.320.460	16.320.460	16.320.460	16.320.460	16.320.460	16.320.460	16.320.460
2172	Vật tư ngành nước	Ø 1200	m	T/C DIN 8074-8075	dày 67,9mm	Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	22.481.850	22.481.850	22.481.850	22.481.850	22.481.850	22.481.850	22.481.850	22.481.850	22.481.850
2173	Vật tư ngành nước	**Ống nhựa HDPE PN12,5**		T/C DIN 8074-8075		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	-	-	-	-	-	-	-	-	-
2174	Vật tư ngành nước	Ø 25	m	T/C DIN 8074-8075	dày 1,9mm	Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	16.000	16.000	16.000	16.000	16.000	16.000	16.000	16.000	16.000
2175	Vật tư ngành nước	Ø 32	m	T/C DIN 8074-8075	dày 2,4mm	Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	26.100	26.100	26.100	26.100	26.100	26.100	26.100	26.100	26.100
2176	Vật tư ngành nước	Ø 40	m	T/C DIN 8074-8075	dày 3,0mm	Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	39.500	39.500	39.500	39.500	39.500	39.500	39.500	39.500	39.500
2177	Vật tư ngành nước	Ø 50	m	T/C DIN 8074-8075	dày 3,7mm	Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	60.300	60.300	60.300	60.300	60.300	60.300	60.300	60.300	60.300
2178	Vật tư ngành nước	Ø 63	m	T/C DIN 8074-8075	dày 4,7mm	Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	97.000	97.000	97.000	97.000	97.000	97.000	97.000	97.000	97.000
2179	Vật tư ngành nước	Ø 75	m	T/C DIN 8074-8075	dày 5,6mm	Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	137.700	137.700	137.700	137.700	137.700	137.700	137.700	137.700	137.700

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)(đồng)								
												Khu vực TP. Tây Ninh	Khu vực TX.Trảng Bàng	Khu vực TX. Hoà Thành	Khu vực H.Tân Biên	Khu vực H.Tân Châu	Khu vực H. Châu Thành	Khu vực H.Dương Minh Châu	Khu vực H. Bến Cầu	Khu vực H. Gò Dầu
2180	Vật tư ngành nước	Ø 90	m	T/C DIN 8074-8075	dày 6,7mm	Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	195.800	195.800	195.800	195.800	195.800	195.800	195.800	195.800	195.800
2181	Vật tư ngành nước	Ø 110	m	T/C DIN 8074-8075	dày 8,1mm	Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	293.300	293.300	293.300	293.300	293.300	293.300	293.300	293.300	293.300
2182	Vật tư ngành nước	Ø 125	m	T/C DIN 8074-8075	dày 9,2mm	Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	377.700	377.700	377.700	377.700	377.700	377.700	377.700	377.700	377.700
2183	Vật tư ngành nước	Ø 140	m	T/C DIN 8074-8075	dày 10,3mm	Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	468.600	468.600	468.600	468.600	468.600	468.600	468.600	468.600	468.600
2184	Vật tư ngành nước	Ø 160	m	T/C DIN 8074-8075	dày 11,8mm	Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	611.500	611.500	611.500	611.500	611.500	611.500	611.500	611.500	611.500
2185	Vật tư ngành nước	Ø 180	m	T/C DIN 8074-8075	dày 13,3mm	Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	779.500	779.500	779.500	779.500	779.500	779.500	779.500	779.500	779.500
2186	Vật tư ngành nước	Ø 200	m	T/C DIN 8074-8075	dày 14,7mm	Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	955.300	955.300	955.300	955.300	955.300	955.300	955.300	955.300	955.300
2187	Vật tư ngành nước	Ø 225	m	T/C DIN 8074-8075	dày 16,6mm	Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	1.207.600	1.207.600	1.207.600	1.207.600	1.207.600	1.207.600	1.207.600	1.207.600	1.207.600
2188	Vật tư ngành nước	Ø 250	m	T/C DIN 8074-8075	dày 18,4mm	Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	1.501.400	1.501.400	1.501.400	1.501.400	1.501.400	1.501.400	1.501.400	1.501.400	1.501.400
2189	Vật tư ngành nước	Ø 280	m	T/C DIN 8074-8075	dày 20,6mm	Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	1.882.300	1.882.300	1.882.300	1.882.300	1.882.300	1.882.300	1.882.300	1.882.300	1.882.300
2190	Vật tư ngành nước	Ø 315	m	T/C DIN 8074-8075	dày 23,2mm	Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	2.354.300	2.354.300	2.354.300	2.354.300	2.354.300	2.354.300	2.354.300	2.354.300	2.354.300
2191	Vật tư ngành nước	Ø 355	m	T/C DIN 8074-8075	dày 26,1mm	Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	2.986.000	2.986.000	2.986.000	2.986.000	2.986.000	2.986.000	2.986.000	2.986.000	2.986.000
2192	Vật tư ngành nước	Ø 400	m	T/C DIN 8074-8075	dày 29,4mm	Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	3.780.300	3.780.300	3.780.300	3.780.300	3.780.300	3.780.300	3.780.300	3.780.300	3.780.300
2193	Vật tư ngành nước	Ø 450	m	T/C DIN 8074-8075	dày 33,1mm	Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	4.779.700	4.779.700	4.779.700	4.779.700	4.779.700	4.779.700	4.779.700	4.779.700	4.779.700
2194	Vật tư ngành nước	Ø 500	m	T/C DIN 8074-8075	dày 36,8mm	Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	5.948.300	5.948.300	5.948.300	5.948.300	5.948.300	5.948.300	5.948.300	5.948.300	5.948.300
2195	Vật tư ngành nước	Ø 560	m	T/C DIN 8074-8075	dày 41,2mm	Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	8.116.100	8.116.100	8.116.100	8.116.100	8.116.100	8.116.100	8.116.100	8.116.100	8.116.100
2196	Vật tư ngành nước	Ø 630	m	T/C DIN 8074-8075	dày 46,3mm	Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	10.258.200	10.258.200	10.258.200	10.258.200	10.258.200	10.258.200	10.258.200	10.258.200	10.258.200
2197	Vật tư ngành nước	Ø 710	m	T/C DIN 8074-8075	dày 52,2mm	Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	13.051.800	13.051.800	13.051.800	13.051.800	13.051.800	13.051.800	13.051.800	13.051.800	13.051.800
2198	Vật tư ngành nước	Ø 800	m	T/C DIN 8074-8075	dày 58,8mm	Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	13.939.500	13.939.500	13.939.500	13.939.500	13.939.500	13.939.500	13.939.500	13.939.500	13.939.500
2199	Vật tư ngành nước	Ø 900	m	T/C DIN 8074-8075	dày 66,2mm	Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	20.974.300	20.974.300	20.974.300	20.974.300	20.974.300	20.974.300	20.974.300	20.974.300	20.974.300
2200	Vật tư ngành nước	Ø 1000	m	T/C DIN 8074-8075	dày 72,5mm	Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	25.546.400	25.546.400	25.546.400	25.546.400	25.546.400	25.546.400	25.546.400	25.546.400	25.546.400
2201	Vật tư ngành nước	Ø 1200	m	T/C DIN 8074-8075	dày 88,2mm	Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	37.252.500	37.252.500	37.252.500	37.252.500	37.252.500	37.252.500	37.252.500	37.252.500	37.252.500
2202	Vật tư ngành nước	**Ống nhựa HDPE PN16**		T/C DIN 8074-8075		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	-	-	-	-	-	-	-	-	-

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)(đồng)							
												Khu vực TP. Tây Ninh	Khu vực TX.Trảng Bàng	Khu vực TX. Hoà Thành	Khu vực H.Tân Biên	Khu vực H.Tân Châu	Khu vực H. Châu Thành	Khu vực H.Dương Minh Châu	Khu vực H. Bến Cầu	Khu vực H. Gò Dầu
2203	Vật tư ngành nước	Ø 20	m	T/C DIN 8074-8075	dày 1,9mm	Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	12.500	12.500	12.500	12.500	12.500	12.500	12.500	12.500	12.500
2204	Vật tư ngành nước	Ø 25	m	T/C DIN 8074-8075	dày 2,3mm	Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	19.000	19.000	19.000	19.000	19.000	19.000	19.000	19.000	19.000
2205	Vật tư ngành nước	Ø 32	m	T/C DIN 8074-8075	dày 3,0mm	Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	30.600	30.600	30.600	30.600	30.600	30.600	30.600	30.600	30.600
2206	Vật tư ngành nước	Ø 40	m	T/C DIN 8074-8075	dày 3,7mm	Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	47.400	47.400	47.400	47.400	47.400	47.400	47.400	47.400	47.400
2207	Vật tư ngành nước	Ø 50	m	T/C DIN 8074-8075	dày 4,6mm	Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	73.500	73.500	73.500	73.500	73.500	73.500	73.500	73.500	73.500
2208	Vật tư ngành nước	Ø 63	m	T/C DIN 8074-8075	dày 5,8mm	Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	115.700	115.700	115.700	115.700	115.700	115.700	115.700	115.700	115.700
2209	Vật tư ngành nước	Ø 75	m	T/C DIN 8074-8075	dày 6,8mm	Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	164.300	164.300	164.300	164.300	164.300	164.300	164.300	164.300	164.300
2210	Vật tư ngành nước	Ø 90	m	T/C DIN 8074-8075	dày 8,2mm	Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	235.200	235.200	235.200	235.200	235.200	235.200	235.200	235.200	235.200
2211	Vật tư ngành nước	Ø 110	m	T/C DIN 8074-8075	dày 10,0mm	Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	354.300	354.300	354.300	354.300	354.300	354.300	354.300	354.300	354.300
2212	Vật tư ngành nước	Ø 125	m	T/C DIN 8074-8075	dày 11,4mm	Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	458.300	458.300	458.300	458.300	458.300	458.300	458.300	458.300	458.300
2213	Vật tư ngành nước	Ø 140	m	T/C DIN 8074-8075	dày 12,7mm	Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	568.200	568.200	568.200	568.200	568.200	568.200	568.200	568.200	568.200
2214	Vật tư ngành nước	Ø 160	m	T/C DIN 8074-8075	dày 14,6mm	Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	751.300	751.300	751.300	751.300	751.300	751.300	751.300	751.300	751.300
2215	Vật tư ngành nước	Ø 180	m	T/C DIN 8074-8075	dày 16,4mm	Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	945.200	945.200	945.200	945.200	945.200	945.200	945.200	945.200	945.200
2216	Vật tư ngành nước	Ø 200	m	T/C DIN 8074-8075	dày 18,2mm	Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	1.182.500	1.182.500	1.182.500	1.182.500	1.182.500	1.182.500	1.182.500	1.182.500	1.182.500
2217	Vật tư ngành nước	Ø 225	m	T/C DIN 8074-8075	dày 20,5mm	Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	1.445.800	1.445.800	1.445.800	1.445.800	1.445.800	1.445.800	1.445.800	1.445.800	1.445.800
2218	Vật tư ngành nước	Ø 250	m	T/C DIN 8074-8075	dày 22,7mm	Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	1.798.700	1.798.700	1.798.700	1.798.700	1.798.700	1.798.700	1.798.700	1.798.700	1.798.700
2219	Vật tư ngành nước	Ø 280	m	T/C DIN 8074-8075	dày 25,4mm	Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	2.254.300	2.254.300	2.254.300	2.254.300	2.254.300	2.254.300	2.254.300	2.254.300	2.254.300
2220	Vật tư ngành nước	Ø 315	m	T/C DIN 8074-8075	dày 28,6mm	Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	2.853.500	2.853.500	2.853.500	2.853.500	2.853.500	2.853.500	2.853.500	2.853.500	2.853.500
2221	Vật tư ngành nước	Ø 355	m	T/C DIN 8074-8075	dày 32,2mm	Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	3.622.500	3.622.500	3.622.500	3.622.500	3.622.500	3.622.500	3.622.500	3.622.500	3.622.500
2222	Vật tư ngành nước	Ø 400	m	T/C DIN 8074-8075	dày 36,3mm	Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	4.616.700	4.616.700	4.616.700	4.616.700	4.616.700	4.616.700	4.616.700	4.616.700	4.616.700
2223	Vật tư ngành nước	Ø 450	m	T/C DIN 8074-8075	dày 40,9mm	Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	5.843.400	5.843.400	5.843.400	5.843.400	5.843.400	5.843.400	5.843.400	5.843.400	5.843.400
2224	Vật tư ngành nước	Ø 500	m	T/C DIN 8074-8075	dày 45,4mm	Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	7.243.500	7.243.500	7.243.500	7.243.500	7.243.500	7.243.500	7.243.500	7.243.500	7.243.500
2225	Vật tư ngành nước	Ø 560	m	T/C DIN 8074-8075	dày 50,8mm	Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	9.803.200	9.803.200	9.803.200	9.803.200	9.803.200	9.803.200	9.803.200	9.803.200	9.803.200

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)(đồng)								
												Khu vực TP. Tây Ninh	Khu vực TX.Trảng Bàng	Khu vực TX. Hoà Thành	Khu vực H.Tân Biên	Khu vực H.Tân Châu	Khu vực H. Châu Thành	Khu vực H.Dương Minh Châu	Khu vực H. Bến Cầu	Khu vực H. Gò Dầu
2226	Vật tư ngành nước	Ø 630	m	T/C DIN 8074-8075	dày 57,2mm	Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	11.646.800	11.646.800	11.646.800	11.646.800	11.646.800	11.646.800	11.646.800	11.646.800	11.646.800
2227	Vật tư ngành nước	Ø 710	m	T/C DIN 8074-8075	dày 64,5mm	Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	15.800.900	15.800.900	15.800.900	15.800.900	15.800.900	15.800.900	15.800.900	15.800.900	15.800.900
2228	Vật tư ngành nước	Ø 800	m	T/C DIN 8074-8075	dày 72,0mm	Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	20.161.800	20.161.800	20.161.800	20.161.800	20.161.800	20.161.800	20.161.800	20.161.800	20.161.800
2229	Vật tư ngành nước	**Ống nhựa HDPE PN20**		T/C DIN 8074-8075		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	-	-	-	-	-	-	-	-	-
2230	Vật tư ngành nước	Ø 20	m	T/C DIN 8074-8075	dày 2,3mm	Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	14.800	14.800	14.800	14.800	14.800	14.800	14.800	14.800	14.800
2231	Vật tư ngành nước	Ø 25	m	T/C DIN 8074-8075	dày 2,8mm	Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	22.300	22.300	22.300	22.300	22.300	22.300	22.300	22.300	22.300
2232	Vật tư ngành nước	Ø 32	m	T/C DIN 8074-8075	dày 3,6mm	Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	36.800	36.800	36.800	36.800	36.800	36.800	36.800	36.800	36.800
2233	Vật tư ngành nước	Ø 40	m	T/C DIN 8074-8075	dày 4,5mm	Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	56.300	56.300	56.300	56.300	56.300	56.300	56.300	56.300	56.300
2234	Vật tư ngành nước	Ø 50	m	T/C DIN 8074-8075	dày 5,6mm	Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	87.000	87.000	87.000	87.000	87.000	87.000	87.000	87.000	87.000
2235	Vật tư ngành nước	Ø 63	m	T/C DIN 8074-8075	dày 7,1mm	Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	138.500	138.500	138.500	138.500	138.500	138.500	138.500	138.500	138.500
2236	Vật tư ngành nước	Ø 75	m	T/C DIN 8074-8075	dày 8,4mm	Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	196.200	196.200	196.200	196.200	196.200	196.200	196.200	196.200	196.200
2237	Vật tư ngành nước	Ø 90	m	T/C DIN 8074-8075	dày 10,1mm	Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	281.500	281.500	281.500	281.500	281.500	281.500	281.500	281.500	281.500
2238	Vật tư ngành nước	Ø 110	m	T/C DIN 8074-8075	dày 12,3mm	Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	426.300	426.300	426.300	426.300	426.300	426.300	426.300	426.300	426.300
2239	Vật tư ngành nước	Ø 125	m	T/C DIN 8074-8075	dày 14,0mm	Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	546.500	546.500	546.500	546.500	546.500	546.500	546.500	546.500	546.500
2240	Vật tư ngành nước	Ø 140	m	T/C DIN 8074-8075	dày 15,7mm	Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	683.300	683.300	683.300	683.300	683.300	683.300	683.300	683.300	683.300
2241	Vật tư ngành nước	Ø 160	m	T/C DIN 8074-8075	dày 17,9mm	Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	896.400	896.400	896.400	896.400	896.400	896.400	896.400	896.400	896.400
2242	Vật tư ngành nước	Ø 180	m	T/C DIN 8074-8075	dày 20,1mm	Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	1.133.400	1.133.400	1.133.400	1.133.400	1.133.400	1.133.400	1.133.400	1.133.400	1.133.400
2243	Vật tư ngành nước	Ø 200	m	T/C DIN 8074-8075	dày 22,4mm	Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	1.410.000	1.410.000	1.410.000	1.410.000	1.410.000	1.410.000	1.410.000	1.410.000	1.410.000
2244	Vật tư ngành nước	Ø 225	m	T/C DIN 8074-8075	dày 25,2mm	Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	1.743.900	1.743.900	1.743.900	1.743.900	1.743.900	1.743.900	1.743.900	1.743.900	1.743.900
2245	Vật tư ngành nước	Ø 250	m	T/C DIN 8074-8075	dày 27,9mm	Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	2.152.100	2.152.100	2.152.100	2.152.100	2.152.100	2.152.100	2.152.100	2.152.100	2.152.100
2246	Vật tư ngành nước	Ø 280	m	T/C DIN 8074-8075	dày 31,3mm	Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	2.695.600	2.695.600	2.695.600	2.695.600	2.695.600	2.695.600	2.695.600	2.695.600	2.695.600
2247	Vật tư ngành nước	Ø 315	m	T/C DIN 8074-8075	dày 35,2mm	Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	3.433.900	3.433.900	3.433.900	3.433.900	3.433.900	3.433.900	3.433.900	3.433.900	3.433.900
2248	Vật tư ngành nước	Ø 355	m	T/C DIN 8074-8075	dày 39,7mm	Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	4.356.200	4.356.200	4.356.200	4.356.200	4.356.200	4.356.200	4.356.200	4.356.200	4.356.200

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)(đồng)								
												Khu vực TP. Tây Ninh	Khu vực TX.Trảng Bàng	Khu vực TX. Hoà Thành	Khu vực H.Tân Biên	Khu vực H.Tân Châu	Khu vực H. Châu Thành	Khu vực H.Dương Minh Châu	Khu vực H. Bến Cầu	Khu vực H. Gò Dầu
2249	Vật tư ngành nước	Ø 400	m	T/C DIN 8074-8075	dày 44,7mm	Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	5.545.000	5.545.000	5.545.000	5.545.000	5.545.000	5.545.000	5.545.000	5.545.000	5.545.000
2250	Vật tư ngành nước	Ø 450	m	T/C DIN 8074-8075	dày 50,3mm	Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	7.012.600	7.012.600	7.012.600	7.012.600	7.012.600	7.012.600	7.012.600	7.012.600	7.012.600
2251	Vật tư ngành nước	Ø 500	m	T/C DIN 8074-8075	dày 55,8mm	Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	8.675.100	8.675.100	8.675.100	8.675.100	8.675.100	8.675.100	8.675.100	8.675.100	8.675.100
2252	Vật tư ngành nước	**Ống nhựa PVC dán keo**		TCVN 8491-2:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	-	-	-	-	-	-	-	-	-
2253	Vật tư ngành nước	Ống thoát Ø 21 dầy 1.0	m	TCVN 8491-2:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	7.900	7.900	7.900	7.900	7.900	7.900	7.900	7.900	7.900
2254	Vật tư ngành nước	Class 0 Ø 21 dầy 1.2	m	TCVN 8491-2:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	9.600	9.600	9.600	9.600	9.600	9.600	9.600	9.600	9.600
2255	Vật tư ngành nước	Class 1 Ø 21 dầy 1.5	m	TCVN 8491-2:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	10.500	10.500	10.500	10.500	10.500	10.500	10.500	10.500	10.500
2256	Vật tư ngành nước	Class 2 Ø 21 dầy 1.6	m	TCVN 8491-2:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	12.600	12.600	12.600	12.600	12.600	12.600	12.600	12.600	12.600
2257	Vật tư ngành nước	Class 3 Ø 21 dầy 2.4	m	TCVN 8491-2:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	14.800	14.800	14.800	14.800	14.800	14.800	14.800	14.800	14.800
2258	Vật tư ngành nước	Ống thoát Ø 27 dầy 1.0	m	TCVN 8491-2:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	9.800	9.800	9.800	9.800	9.800	9.800	9.800	9.800	9.800
2259	Vật tư ngành nước	Class 0 Ø 27 dầy 1.3	m	TCVN 8491-2:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	12.300	12.300	12.300	12.300	12.300	12.300	12.300	12.300	12.300
2260	Vật tư ngành nước	Class 1 Ø 27 dầy 1.6	m	TCVN 8491-2:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	14.400	14.400	14.400	14.400	14.400	14.400	14.400	14.400	14.400
2261	Vật tư ngành nước	Class 2 Ø 27 dầy 2.0	m	TCVN 8491-2:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	16.000	16.000	16.000	16.000	16.000	16.000	16.000	16.000	16.000
2262	Vật tư ngành nước	Class 3 Ø 27 dầy 3.0	m	TCVN 8491-2:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	22.600	22.600	22.600	22.600	22.600	22.600	22.600	22.600	22.600
2263	Vật tư ngành nước	Ống thoát Ø 34 dầy 1.0	m	TCVN 8491-2:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	12.600	12.600	12.600	12.600	12.600	12.600	12.600	12.600	12.600
2264	Vật tư ngành nước	Class 0 Ø 34 dầy 1.5	m	TCVN 8491-2:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	14.800	14.800	14.800	14.800	14.800	14.800	14.800	14.800	14.800
2265	Vật tư ngành nước	Class 1 Ø 34 dầy 1.7	m	TCVN 8491-2:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	18.100	18.100	18.100	18.100	18.100	18.100	18.100	18.100	18.100
2266	Vật tư ngành nước	Class 2 Ø 34 dầy 2.0	m	TCVN 8491-2:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	22.100	22.100	22.100	22.100	22.100	22.100	22.100	22.100	22.100
2267	Vật tư ngành nước	Class 3 Ø 34 dầy 2.6	m	TCVN 8491-2:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	25.100	25.100	25.100	25.100	25.100	25.100	25.100	25.100	25.100
2268	Vật tư ngành nước	Class 4 Ø 34 dầy 3.8	m	TCVN 8491-2:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	37.300	37.300	37.300	37.300	37.300	37.300	37.300	37.300	37.300
2269	Vật tư ngành nước	Ống thoát Ø 42 dầy 1.2	m	TCVN 8491-2:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	18.900	18.900	18.900	18.900	18.900	18.900	18.900	18.900	18.900
2270	Vật tư ngành nước	Class 0 Ø 42 dầy 1.5	m	TCVN 8491-2:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	21.100	21.100	21.100	21.100	21.100	21.100	21.100	21.100	21.100
2271	Vật tư ngành nước	Class 1 Ø 42 dầy 1.7	m	TCVN 8491-2:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	24.900	24.900	24.900	24.900	24.900	24.900	24.900	24.900	24.900

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)(đồng)								
												Khu vực TP. Tây Ninh	Khu vực TX.Trảng Bàng	Khu vực TX. Hoà Thành	Khu vực H.Tân Biên	Khu vực H.Tân Châu	Khu vực H. Châu Thành	Khu vực H.Dương Minh Châu	Khu vực H. Bến Cầu	Khu vực H. Gò Dầu
2272	Vật tư ngành nước	Class 2 Ø 42 dầy 2.0	m	TCVN 8491-2:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	28.300	28.300	28.300	28.300	28.300	28.300	28.300	28.300	28.300
2273	Vật tư ngành nước	Class 3 Ø 42 dầy 2.5	m	TCVN 8491-2:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	33.300	33.300	33.300	33.300	33.300	33.300	33.300	33.300	33.300
2274	Vật tư ngành nước	Class 4 Ø 42 dầy 3.2	m	TCVN 8491-2:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	41.100	41.100	41.100	41.100	41.100	41.100	41.100	41.100	41.100
2275	Vật tư ngành nước	Class 5 Ø 42 dầy 4.7	m	TCVN 8491-2:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	55.400	55.400	55.400	55.400	55.400	55.400	55.400	55.400	55.400
2276	Vật tư ngành nước	Ống thoát Ø 48 dầy 1.4	m	TCVN 8491-2:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	22.100	22.100	22.100	22.100	22.100	22.100	22.100	22.100	22.100
2277	Vật tư ngành nước	Class 0 Ø 48 dầy 1.6	m	TCVN 8491-2:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	25.900	25.900	25.900	25.900	25.900	25.900	25.900	25.900	25.900
2278	Vật tư ngành nước	Class 1 Ø 48 dầy 1.9	m	TCVN 8491-2:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	29.600	29.600	29.600	29.600	29.600	29.600	29.600	29.600	29.600
2279	Vật tư ngành nước	Class 2 Ø 48 dầy 2.3	m	TCVN 8491-2:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	34.100	34.100	34.100	34.100	34.100	34.100	34.100	34.100	34.100
2280	Vật tư ngành nước	Class 3 Ø 48 dầy 2.9	m	TCVN 8491-2:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	41.300	41.300	41.300	41.300	41.300	41.300	41.300	41.300	41.300
2281	Vật tư ngành nước	Class 4 Ø 48 dầy 3.6	m	TCVN 8491-2:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	51.800	51.800	51.800	51.800	51.800	51.800	51.800	51.800	51.800
2282	Vật tư ngành nước	Class 5 Ø 48 dầy 5.4	m	TCVN 8491-2:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	74.300	74.300	74.300	74.300	74.300	74.300	74.300	74.300	74.300
2283	Vật tư ngành nước	Ống thoát Ø 60 dầy 1.4	m	TCVN 8491-2:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	28.800	28.800	28.800	28.800	28.800	28.800	28.800	28.800	28.800
2284	Vật tư ngành nước	Class 0 Ø 60 dầy 1.5	m	TCVN 8491-2:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	34.400	34.400	34.400	34.400	34.400	34.400	34.400	34.400	34.400
2285	Vật tư ngành nước	Class 1 Ø 60 dầy 1.8	m	TCVN 8491-2:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	41.900	41.900	41.900	41.900	41.900	41.900	41.900	41.900	41.900
2286	Vật tư ngành nước	Class 2 Ø 60 dầy 2.3	m	TCVN 8491-2:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	48.800	48.800	48.800	48.800	48.800	48.800	48.800	48.800	48.800
2287	Vật tư ngành nước	Class 3 Ø 60 dầy 2.9	m	TCVN 8491-2:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	59.000	59.000	59.000	59.000	59.000	59.000	59.000	59.000	59.000
2288	Vật tư ngành nước	Class 4 Ø 60 dầy 3.6	m	TCVN 8491-2:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	74.000	74.000	74.000	74.000	74.000	74.000	74.000	74.000	74.000
2289	Vật tư ngành nước	Class 5 Ø 60 dầy 4.5	m	TCVN 8491-2:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	88.900	88.900	88.900	88.900	88.900	88.900	88.900	88.900	88.900
2290	Vật tư ngành nước	Ống thoát Ø 75 dầy 1.5	m	TCVN 8491-2:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	40.300	40.300	40.300	40.300	40.300	40.300	40.300	40.300	40.300
2291	Vật tư ngành nước	Class 0 Ø 75 dầy 1.9	m	TCVN 8491-2:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	47.000	47.000	47.000	47.000	47.000	47.000	47.000	47.000	47.000
2292	Vật tư ngành nước	Class 1 Ø 75 dầy 2.2	m	TCVN 8491-2:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	53.300	53.300	53.300	53.300	53.300	53.300	53.300	53.300	53.300
2293	Vật tư ngành nước	Class 2 Ø 75 dầy 2.9	m	TCVN 8491-2:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	69.400	69.400	69.400	69.400	69.400	69.400	69.400	69.400	69.400
2294	Vật tư ngành nước	Class 3 Ø 75 dầy 3.6	m	TCVN 8491-2:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	86.000	86.000	86.000	86.000	86.000	86.000	86.000	86.000	86.000

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)(đồng)								
												Khu vực TP. Tây Ninh	Khu vực TX.Trảng Bàng	Khu vực TX. Hoà Thành	Khu vực H.Tân Biên	Khu vực H.Tân Châu	Khu vực H. Châu Thành	Khu vực H.Dương Minh Châu	Khu vực H. Bến Cầu	Khu vực H. Gò Dầu
2295	Vật tư ngành nước	Class 4 Ø 75 dầy 4.5	m	TCVN 8491-2:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	108.100	108.100	108.100	108.100	108.100	108.100	108.100	108.100	108.100
2296	Vật tư ngành nước	Class 5 Ø 75 dầy 5.6	m	TCVN 8491-2:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	130.500	130.500	130.500	130.500	130.500	130.500	130.500	130.500	130.500
2297	Vật tư ngành nước	Ống thoát Ø 90 dầy 1.5	m	TCVN 8491-2:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	49.100	49.100	49.100	49.100	49.100	49.100	49.100	49.100	49.100
2298	Vật tư ngành nước	Class 0 Ø 90 dầy 1.9	m	TCVN 8491-2:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	56.100	56.100	56.100	56.100	56.100	56.100	56.100	56.100	56.100
2299	Vật tư ngành nước	Class 1 Ø 90 dầy 2.2	m	TCVN 8491-2:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	65.800	65.800	65.800	65.800	65.800	65.800	65.800	65.800	65.800
2300	Vật tư ngành nước	Class 2 Ø 90 dầy 2.7	m	TCVN 8491-2:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	76.000	76.000	76.000	76.000	76.000	76.000	76.000	76.000	76.000
2301	Vật tư ngành nước	Class 3 Ø 90 dầy 3.5	m	TCVN 8491-2:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	99.600	99.600	99.600	99.600	99.600	99.600	99.600	99.600	99.600
2302	Vật tư ngành nước	Class 4 Ø 90 dầy 4.3	m	TCVN 8491-2:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	123.800	123.800	123.800	123.800	123.800	123.800	123.800	123.800	123.800
2303	Vật tư ngành nước	Class 5 Ø 90 dầy 5.4	m	TCVN 8491-2:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	153.800	153.800	153.800	153.800	153.800	153.800	153.800	153.800	153.800
2304	Vật tư ngành nước	Ống thoát Ø 110 dầy 1.5	m	TCVN 8491-2:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	74.300	74.300	74.300	74.300	74.300	74.300	74.300	74.300	74.300
2305	Vật tư ngành nước	Class 0 Ø 110 dầy 2.2	m	TCVN 8491-2:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	84.000	84.000	84.000	84.000	84.000	84.000	84.000	84.000	84.000
2306	Vật tư ngành nước	Class 1 Ø 110 dầy 2.7	m	TCVN 8491-2:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	97.900	97.900	97.900	97.900	97.900	97.900	97.900	97.900	97.900
2307	Vật tư ngành nước	Class 2 Ø 110 dầy 3.2	m	TCVN 8491-2:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	111.400	111.400	111.400	111.400	111.400	111.400	111.400	111.400	111.400
2308	Vật tư ngành nước	Class 3 Ø 110 dầy 4.2	m	TCVN 8491-2:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	156.000	156.000	156.000	156.000	156.000	156.000	156.000	156.000	156.000
2309	Vật tư ngành nước	Class 4 Ø 110 dầy 5.3	m	TCVN 8491-2:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	186.800	186.800	186.800	186.800	186.800	186.800	186.800	186.800	186.800
2310	Vật tư ngành nước	Class 5 Ø 110 dầy 6.6	m	TCVN 8491-2:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	230.500	230.500	230.500	230.500	230.500	230.500	230.500	230.500	230.500
2311	Vật tư ngành nước	Ống thoát Ø 125 dầy 2.0	m	TCVN 8491-2:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	82.000	82.000	82.000	82.000	82.000	82.000	82.000	82.000	82.000
2312	Vật tư ngành nước	Class 0 Ø 125 dầy 2.5	m	TCVN 8491-2:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	103.400	103.400	103.400	103.400	103.400	103.400	103.400	103.400	103.400
2313	Vật tư ngành nước	Class 1 Ø 125 dầy 3.1	m	TCVN 8491-2:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	121.000	121.000	121.000	121.000	121.000	121.000	121.000	121.000	121.000
2314	Vật tư ngành nước	Class 2 Ø 125 dầy 3.7	m	TCVN 8491-2:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	143.400	143.400	143.400	143.400	143.400	143.400	143.400	143.400	143.400
2315	Vật tư ngành nước	Class 3 Ø 125 dầy 4.8	m	TCVN 8491-2:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	181.900	181.900	181.900	181.900	181.900	181.900	181.900	181.900	181.900
2316	Vật tư ngành nước	Class 4 Ø 125 dầy 6.0	m	TCVN 8491-2:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	229.100	229.100	229.100	229.100	229.100	229.100	229.100	229.100	229.100
2317	Vật tư ngành nước	Class 5 Ø 125 dầy 7.4	m	TCVN 8491-2:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	280.900	280.900	280.900	280.900	280.900	280.900	280.900	280.900	280.900

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)(đồng)							
												Khu vực TP. Tây Ninh	Khu vực TX.Trảng Bàng	Khu vực TX. Hoà Thành	Khu vực H.Tân Biên	Khu vực H.Tân Châu	Khu vực H. Châu Thành	Khu vực H.Dương Minh Châu	Khu vực H. Bến Cầu	Khu vực H. Gò Dầu
2318	Vật tư ngành nước	Ống thoát Ø 140 dầy 2.2	m	TCVN 8491-2:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	101.000	101.000	101.000	101.000	101.000	101.000	101.000	101.000	101.000
2319	Vật tư ngành nước	Class 0 Ø 140 dầy 2.8	m	TCVN 8491-2:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	128.500	128.500	128.500	128.500	128.500	128.500	128.500	128.500	128.500
2320	Vật tư ngành nước	Class 1 Ø 140 dầy 3.5	m	TCVN 8491-2:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	151.300	151.300	151.300	151.300	151.300	151.300	151.300	151.300	151.300
2321	Vật tư ngành nước	Class 2 Ø 140 dầy 4.1	m	TCVN 8491-2:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	178.300	178.300	178.300	178.300	178.300	178.300	178.300	178.300	178.300
2322	Vật tư ngành nước	Class 3 Ø 140 dầy 5.4	m	TCVN 8491-2:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	238.500	238.500	238.500	238.500	238.500	238.500	238.500	238.500	238.500
2323	Vật tư ngành nước	Class 4 Ø 140 dầy 6.7	m	TCVN 8491-2:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	291.900	291.900	291.900	291.900	291.900	291.900	291.900	291.900	291.900
2324	Vật tư ngành nước	Class 5 Ø 140 dầy 8.3	m	TCVN 8491-2:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	359.000	359.000	359.000	359.000	359.000	359.000	359.000	359.000	359.000
2325	Vật tư ngành nước	Ống thoát Ø 160 dầy 2.5	m	TCVN 8491-2:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	131.100	131.100	131.100	131.100	131.100	131.100	131.100	131.100	131.100
2326	Vật tư ngành nước	Class 0 Ø 160 dầy 3.2	m	TCVN 8491-2:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	171.600	171.600	171.600	171.600	171.600	171.600	171.600	171.600	171.600
2327	Vật tư ngành nước	Class 1 Ø 160 dầy 4.0	m	TCVN 8491-2:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	200.000	200.000	200.000	200.000	200.000	200.000	200.000	200.000	200.000
2328	Vật tư ngành nước	Class 2 Ø 160 dầy 4.7	m	TCVN 8491-2:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	230.900	230.900	230.900	230.900	230.900	230.900	230.900	230.900	230.900
2329	Vật tư ngành nước	Class 3 Ø 160 dầy 6.2	m	TCVN 8491-2:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	298.600	298.600	298.600	298.600	298.600	298.600	298.600	298.600	298.600
2330	Vật tư ngành nước	Class 4 Ø 160 dầy 7.7	m	TCVN 8491-2:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	378.900	378.900	378.900	378.900	378.900	378.900	378.900	378.900	378.900
2331	Vật tư ngành nước	Class 5 Ø 160 dầy 9.5	m	TCVN 8491-2:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	465.100	465.100	465.100	465.100	465.100	465.100	465.100	465.100	465.100
2332	Vật tư ngành nước	Ống thoát Ø 200 dầy 3.2	m	TCVN 8491-2:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	245.900	245.900	245.900	245.900	245.900	245.900	245.900	245.900	245.900
2333	Vật tư ngành nước	Class 0 Ø 200 dầy 3.9	m	TCVN 8491-2:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	257.800	257.800	257.800	257.800	257.800	257.800	257.800	257.800	257.800
2334	Vật tư ngành nước	Class 1 Ø 200 dầy 4.9	m	TCVN 8491-2:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	311.500	311.500	311.500	311.500	311.500	311.500	311.500	311.500	311.500
2335	Vật tư ngành nước	Class 2 Ø 200 dầy 5.9	m	TCVN 8491-2:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	362.300	362.300	362.300	362.300	362.300	362.300	362.300	362.300	362.300
2336	Vật tư ngành nước	Class 3 Ø 200 dầy 7.7	m	TCVN 8491-2:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	462.300	462.300	462.300	462.300	462.300	462.300	462.300	462.300	462.300
2337	Vật tư ngành nước	Class 4 Ø 200 dầy 9.6	m	TCVN 8491-2:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	592.400	592.400	592.400	592.400	592.400	592.400	592.400	592.400	592.400
2338	Vật tư ngành nước	Class 5 Ø 200 dầy 11.9	m	TCVN 8491-2:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	730.100	730.100	730.100	730.100	730.100	730.100	730.100	730.100	730.100
2339	Vật tư ngành nước	Ống thoát Ø 225 dầy 3.5	m	TCVN 8491-2:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	255.400	255.400	255.400	255.400	255.400	255.400	255.400	255.400	255.400
2340	Vật tư ngành nước	Class 0 Ø 225 dầy 4.4	m	TCVN 8491-2:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	316.000	316.000	316.000	316.000	316.000	316.000	316.000	316.000	316.000

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)(đồng)								
												Khu vực TP. Tây Ninh	Khu vực TX.Trảng Bàng	Khu vực TX. Hoà Thành	Khu vực H.Tân Biên	Khu vực H.Tân Châu	Khu vực H. Châu Thành	Khu vực H.Dương Minh Châu	Khu vực H. Bến Cầu	Khu vực H. Gò Dầu
2341	Vật tư ngành nước	Class 1 Ø 225 dầy 5.5	m	TCVN 8491-2:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	379.800	379.800	379.800	379.800	379.800	379.800	379.800	379.800	379.800
2342	Vật tư ngành nước	Class 2 Ø 225 dầy 6.6	m	TCVN 8491-2:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	450.100	450.100	450.100	450.100	450.100	450.100	450.100	450.100	450.100
2343	Vật tư ngành nước	Class 3 Ø 225 dầy 8.6	m	TCVN 8491-2:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	584.600	584.600	584.600	584.600	584.600	584.600	584.600	584.600	584.600
2344	Vật tư ngành nước	Class 4 Ø 225 dầy 10.8	m	TCVN 8491-2:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	749.800	749.800	749.800	749.800	749.800	749.800	749.800	749.800	749.800
2345	Vật tư ngành nước	Class 5 Ø 225 dầy 13.4	m	TCVN 8491-2:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	926.800	926.800	926.800	926.800	926.800	926.800	926.800	926.800	926.800
2346	Vật tư ngành nước	Ống thoát Ø 250 dầy 3.9	m	TCVN 8491-2:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	332.300	332.300	332.300	332.300	332.300	332.300	332.300	332.300	332.300
2347	Vật tư ngành nước	Class 0 Ø 250 dầy 4.9	m	TCVN 8491-2:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	414.300	414.300	414.300	414.300	414.300	414.300	414.300	414.300	414.300
2348	Vật tư ngành nước	Class 1 Ø 250 dầy 6.2	m	TCVN 8491-2:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	799.500	799.500	799.500	799.500	799.500	799.500	799.500	799.500	799.500
2349	Vật tư ngành nước	Class 2 Ø 250 dầy 7.3	m	TCVN 8491-2:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	582.900	582.900	582.900	582.900	582.900	582.900	582.900	582.900	582.900
2350	Vật tư ngành nước	Class 3 Ø 250 dầy 9.6	m	TCVN 8491-2:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	753.400	753.400	753.400	753.400	753.400	753.400	753.400	753.400	753.400
2351	Vật tư ngành nước	Class 4 Ø 250 dầy 11.9	m	TCVN 8491-2:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	952.400	952.400	952.400	952.400	952.400	952.400	952.400	952.400	952.400
2352	Vật tư ngành nước	Class 5 Ø 250 dầy 14.8	m	TCVN 8491-2:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	1.179.500	1.179.500	1.179.500	1.179.500	1.179.500	1.179.500	1.179.500	1.179.500	1.179.500
2353	Vật tư ngành nước	Ống thoát Ø 315 dầy 5.3	m	TCVN 8491-2:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	541.900	541.900	541.900	541.900	541.900	541.900	541.900	541.900	541.900
2354	Vật tư ngành nước	Class 0 Ø 315 dầy 6.2	m	TCVN 8491-2:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	627.900	627.900	627.900	627.900	627.900	627.900	627.900	627.900	627.900
2355	Vật tư ngành nước	Class 1 Ø 315 dầy 7.7	m	TCVN 8491-2:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	745.400	745.400	745.400	745.400	745.400	745.400	745.400	745.400	745.400
2356	Vật tư ngành nước	Class 2 Ø 315 dầy 9.2	m	TCVN 8491-2:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	894.300	894.300	894.300	894.300	894.300	894.300	894.300	894.300	894.300
2357	Vật tư ngành nước	Class 3 Ø 315 dầy 12.1	m	TCVN 8491-2:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	1.123.600	1.123.600	1.123.600	1.123.600	1.123.600	1.123.600	1.123.600	1.123.600	1.123.600
2358	Vật tư ngành nước	Class 4 Ø 315 dầy 15.0	m	TCVN 8491-2:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	1.555.600	1.555.600	1.555.600	1.555.600	1.555.600	1.555.600	1.555.600	1.555.600	1.555.600
2359	Vật tư ngành nước	Class 5 Ø 315 dầy 18.7	m	TCVN 8491-2:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	1.792.500	1.792.500	1.792.500	1.792.500	1.792.500	1.792.500	1.792.500	1.792.500	1.792.500
2360	Vật tư ngành nước	Class 0 Ø 355 dầy 7.0	m	TCVN 8491-2:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	793.100	793.100	793.100	793.100	793.100	793.100	793.100	793.100	793.100
2361	Vật tư ngành nước	Class 1 Ø 355 dầy 8.7	m	TCVN 8491-2:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	973.900	973.900	973.900	973.900	973.900	973.900	973.900	973.900	973.900
2362	Vật tư ngành nước	Class 2 Ø 355 dầy 10.4	m	TCVN 8491-2:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	1.158.600	1.158.600	1.158.600	1.158.600	1.158.600	1.158.600	1.158.600	1.158.600	1.158.600
2363	Vật tư ngành nước	Class 3 Ø 355 dầy 13.6	m	TCVN 8491-2:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	1.503.500	1.503.500	1.503.500	1.503.500	1.503.500	1.503.500	1.503.500	1.503.500	1.503.500

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)(đồng)								
												Khu vực TP. Tây Ninh	Khu vực TX.Trảng Bàng	Khu vực TX. Hoà Thành	Khu vực H.Tân Biên	Khu vực H.Tân Châu	Khu vực H. Châu Thành	Khu vực H.Dương Minh Châu	Khu vực H. Bến Cầu	Khu vực H. Gò Dầu
2364	Vật tư ngành nước	Class 4 Ø 355 dầy 16.9	m	TCVN 8491-2:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	1.848.800	1.848.800	1.848.800	1.848.800	1.848.800	1.848.800	1.848.800	1.848.800	1.848.800
2365	Vật tư ngành nước	Class 5 Ø 355 dầy 21.1	m	TCVN 8491-2:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	2.281.500	2.281.500	2.281.500	2.281.500	2.281.500	2.281.500	2.281.500	2.281.500	2.281.500
2366	Vật tư ngành nước	Class 0 Ø 400 dầy 7.8	m	TCVN 8491-2:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	995.400	995.400	995.400	995.400	995.400	995.400	995.400	995.400	995.400
2367	Vật tư ngành nước	Class 1 Ø 400 dầy 9.8	m	TCVN 8491-2:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	1.237.600	1.237.600	1.237.600	1.237.600	1.237.600	1.237.600	1.237.600	1.237.600	1.237.600
2368	Vật tư ngành nước	Class 2 Ø 400 dầy 11.7	m	TCVN 8491-2:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	1.471.800	1.471.800	1.471.800	1.471.800	1.471.800	1.471.800	1.471.800	1.471.800	1.471.800
2369	Vật tư ngành nước	Class 3 Ø 400 dầy 15.3	m	TCVN 8491-2:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	1.905.500	1.905.500	1.905.500	1.905.500	1.905.500	1.905.500	1.905.500	1.905.500	1.905.500
2370	Vật tư ngành nước	Class 4 Ø 400 dầy 19.1	m	TCVN 8491-2:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	2.352.900	2.352.900	2.352.900	2.352.900	2.352.900	2.352.900	2.352.900	2.352.900	2.352.900
2371	Vật tư ngành nước	Class 5 Ø 400 dầy 23.7	m	TCVN 8491-2:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	2.886.000	2.886.000	2.886.000	2.886.000	2.886.000	2.886.000	2.886.000	2.886.000	2.886.000
2372	Vật tư ngành nước	Class 0 Ø 450 dầy 8.8	m	TCVN 8491-2:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	1.263.100	1.263.100	1.263.100	1.263.100	1.263.100	1.263.100	1.263.100	1.263.100	1.263.100
2373	Vật tư ngành nước	Class 1 Ø 450 dầy 11.0	m	TCVN 8491-2:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	1.565.400	1.565.400	1.565.400	1.565.400	1.565.400	1.565.400	1.565.400	1.565.400	1.565.400
2374	Vật tư ngành nước	Class 2 Ø 450 dầy 13.2	m	TCVN 8491-2:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	1.866.400	1.866.400	1.866.400	1.866.400	1.866.400	1.866.400	1.866.400	1.866.400	1.866.400
2375	Vật tư ngành nước	Class 3 Ø 450 dầy 17.2	m	TCVN 8491-2:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	2.410.000	2.410.000	2.410.000	2.410.000	2.410.000	2.410.000	2.410.000	2.410.000	2.410.000
2376	Vật tư ngành nước	Class 4 Ø 450 dầy 21.5	m	TCVN 8491-2:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	2.985.500	2.985.500	2.985.500	2.985.500	2.985.500	2.985.500	2.985.500	2.985.500	2.985.500
2377	Vật tư ngành nước	Class 0 Ø 500 dầy 9.8	m	TCVN 8491-2:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	1.656.600	1.656.600	1.656.600	1.656.600	1.656.600	1.656.600	1.656.600	1.656.600	1.656.600
2378	Vật tư ngành nước	Class 1 Ø 500 dầy 12.3	m	TCVN 8491-2:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	1.975.400	1.975.400	1.975.400	1.975.400	1.975.400	1.975.400	1.975.400	1.975.400	1.975.400
2379	Vật tư ngành nước	Class 2 Ø 500 dầy 14.6	m	TCVN 8491-2:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	2.285.800	2.285.800	2.285.800	2.285.800	2.285.800	2.285.800	2.285.800	2.285.800	2.285.800
2380	Vật tư ngành nước	Class 3 Ø 500 dầy 19.1	m	TCVN 8491-2:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	2.955.300	2.955.300	2.955.300	2.955.300	2.955.300	2.955.300	2.955.300	2.955.300	2.955.300
2381	Vật tư ngành nước	Class 4 Ø 500 dầy 23.9	m	TCVN 8491-2:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	3.502.800	3.502.800	3.502.800	3.502.800	3.502.800	3.502.800	3.502.800	3.502.800	3.502.800
2382	Vật tư ngành nước	Class 5 Ø 500 dầy 29.7	m	TCVN 8491-2:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	4.453.500	4.453.500	4.453.500	4.453.500	4.453.500	4.453.500	4.453.500	4.453.500	4.453.500
2383	Vật tư ngành nước	**Phụ kiện nhựa dán keo**		TCVN 8491- 3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	-	-	-	-	-	-	-	-	-
2384	Vật tư ngành nước	**Cút nhựa 90^0**		TCVN 8491- 3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	-	-	-	-	-	-	-	-	-
2385	Vật tư ngành nước	Ø 21 PN10	cái	TCVN 8491- 3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	1.600	1.600	1.600	1.600	1.600	1.600	1.600	1.600	1.600
2386	Vật tư ngành nước	Ø 27 PN10	cái	TCVN 8491- 3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	2.600	2.600	2.600	2.600	2.600	2.600	2.600	2.600	2.600

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)(đồng)							
												Khu vực TP. Tây Ninh	Khu vực TX.Trảng Bàng	Khu vực TX. Hoà Thành	Khu vực H.Tân Biên	Khu vực H.Tân Châu	Khu vực H. Châu Thành	Khu vực H.Dương Minh Châu	Khu vực H. Bến Cầu	Khu vực H. Gò Dầu
2387	Vật tư ngành nước	Ø 34 PN10	cái	TCVN 8491- 3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	3.900	3.900	3.900	3.900	3.900	3.900	3.900	3.900	3.900
2388	Vật tư ngành nước	Ø 42 PN10	cái	TCVN 8491- 3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	6.400	6.400	6.400	6.400	6.400	6.400	6.400	6.400	6.400
2389	Vật tư ngành nước	Ø 48 PN10	cái	TCVN 8491- 3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	10.000	10.000	10.000	10.000	10.000	10.000	10.000	10.000	10.000
2390	Vật tư ngành nước	Ø 60 PN8	cái	TCVN 8491- 3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	14.800	14.800	14.800	14.800	14.800	14.800	14.800	14.800	14.800
2391	Vật tư ngành nước	Ø 60 PN10	cái	TCVN 8491- 3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	20.400	20.400	20.400	20.400	20.400	20.400	20.400	20.400	20.400
2392	Vật tư ngành nước	Ø 75 PN8	cái	TCVN 8491- 3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	26.500	26.500	26.500	26.500	26.500	26.500	26.500	26.500	26.500
2393	Vật tư ngành nước	Ø 75 PN10	cái	TCVN 8491- 3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	47.800	47.800	47.800	47.800	47.800	47.800	47.800	47.800	47.800
2394	Vật tư ngành nước	Ø 90 PN8	cái	TCVN 8491- 3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	34.800	34.800	34.800	34.800	34.800	34.800	34.800	34.800	34.800
2395	Vật tư ngành nước	Ø 90 PN10	cái	TCVN 8491- 3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	55.900	55.900	55.900	55.900	55.900	55.900	55.900	55.900	55.900
2396	Vật tư ngành nước	Ø 110 PN8	cái	TCVN 8491- 3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	55.600	55.600	55.600	55.600	55.600	55.600	55.600	55.600	55.600
2397	Vật tư ngành nước	Ø 110 PN10	cái	TCVN 8491- 3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	86.600	86.600	86.600	86.600	86.600	86.600	86.600	86.600	86.600
2398	Vật tư ngành nước	Ø 125 PN6	cái	TCVN 8491- 3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	97.500	97.500	97.500	97.500	97.500	97.500	97.500	97.500	97.500
2399	Vật tư ngành nước	Ø 125 PN10	cái	TCVN 8491- 3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	147.100	147.100	147.100	147.100	147.100	147.100	147.100	147.100	147.100
2400	Vật tư ngành nước	Ø 140 PN6	cái	TCVN 8491- 3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	141.400	141.400	141.400	141.400	141.400	141.400	141.400	141.400	141.400
2401	Vật tư ngành nước	Ø 140 PN10	cái	TCVN 8491- 3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	182.300	182.300	182.300	182.300	182.300	182.300	182.300	182.300	182.300
2402	Vật tư ngành nước	Ø 160 PN6	cái	TCVN 8491- 3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	170.500	170.500	170.500	170.500	170.500	170.500	170.500	170.500	170.500
2403	Vật tư ngành nước	Ø 160 PN10	cái	TCVN 8491- 3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	342.500	342.500	342.500	342.500	342.500	342.500	342.500	342.500	342.500
2404	Vật tư ngành nước	Ø 200 PN6	cái	TCVN 8491- 3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	349.300	349.300	349.300	349.300	349.300	349.300	349.300	349.300	349.300
2405	Vật tư ngành nước	Ø 200 PN10	cái	TCVN 8491- 3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	469.000	469.000	469.000	469.000	469.000	469.000	469.000	469.000	469.000
2406	Vật tư ngành nước	Ø 225 PN10	cái	TCVN 8491- 3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	812.000	812.000	812.000	812.000	812.000	812.000	812.000	812.000	812.000
2407	Vật tư ngành nước	Ø 250 PN10	cái	TCVN 8491- 3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	1.307.500	1.307.500	1.307.500	1.307.500	1.307.500	1.307.500	1.307.500	1.307.500	1.307.500
2408	Vật tư ngành nước	Ø 315 PN10	cái	TCVN 8491- 3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	3.644.500	3.644.500	3.644.500	3.644.500	3.644.500	3.644.500	3.644.500	3.644.500	3.644.500
2409	Vật tư ngành nước	**Tê nhựa 90^{0}**	cái	TCVN 8491- 3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	-	-	-	-	-	-	-	-	-

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)(đồng)								
												Khu vực TP. Tây Ninh	Khu vực TX.Trảng Bàng	Khu vực TX. Hoà Thành	Khu vực H.Tân Biên	Khu vực H.Tân Châu	Khu vực H. Châu Thành	Khu vực H.Dương Minh Châu	Khu vực H. Bến Cầu	Khu vực H. Gò Dầu
2410	Vật tư ngành nước	Ø 21 PN10	cái	TCVN 8491- 3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	2.600	2.600	2.600	2.600	2.600	2.600	2.600	2.600	2.600
2411	Vật tư ngành nước	Ø 27 PN10	cái	TCVN 8491- 3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	4.400	4.400	4.400	4.400	4.400	4.400	4.400	4.400	4.400
2412	Vật tư ngành nước	Ø 34 PN10	cái	TCVN 8491- 3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	5.900	5.900	5.900	5.900	5.900	5.900	5.900	5.900	5.900
2413	Vật tư ngành nước	Ø 42 PN10	cái	TCVN 8491- 3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	8.400	8.400	8.400	8.400	8.400	8.400	8.400	8.400	8.400
2414	Vật tư ngành nước	Ø 48 PN10	cái	TCVN 8491- 3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	12.500	12.500	12.500	12.500	12.500	12.500	12.500	12.500	12.500
2415	Vật tư ngành nước	Ø 60 PN8	cái	TCVN 8491- 3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	19.800	19.800	19.800	19.800	19.800	19.800	19.800	19.800	19.800
2416	Vật tư ngành nước	Ø 60 PN10	cái	TCVN 8491- 3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	29.800	29.800	29.800	29.800	29.800	29.800	29.800	29.800	29.800
2417	Vật tư ngành nước	Ø 75 PN8	cái	TCVN 8491- 3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	33.600	33.600	33.600	33.600	33.600	33.600	33.600	33.600	33.600
2418	Vật tư ngành nước	Ø 75 PN10	cái	TCVN 8491- 3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	50.600	50.600	50.600	50.600	50.600	50.600	50.600	50.600	50.600
2419	Vật tư ngành nước	Ø 90 PN8	cái	TCVN 8491- 3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	46.400	46.400	46.400	46.400	46.400	46.400	46.400	46.400	46.400
2420	Vật tư ngành nước	Ø 90 PN10	cái	TCVN 8491- 3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	80.000	80.000	80.000	80.000	80.000	80.000	80.000	80.000	80.000
2421	Vật tư ngành nước	Ø 110 PN8	cái	TCVN 8491- 3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	78.600	78.600	78.600	78.600	78.600	78.600	78.600	78.600	78.600
2422	Vật tư ngành nước	Ø 110 PN10	cái	TCVN 8491- 3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	109.300	109.300	109.300	109.300	109.300	109.300	109.300	109.300	109.300
2423	Vật tư ngành nước	Ø 125 PN6	cái	TCVN 8491- 3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	129.900	129.900	129.900	129.900	129.900	129.900	129.900	129.900	129.900
2424	Vật tư ngành nước	Ø 125 PN10	cái	TCVN 8491- 3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	163.900	163.900	163.900	163.900	163.900	163.900	163.900	163.900	163.900
2425	Vật tư ngành nước	Ø 140 PN6	cái	TCVN 8491- 3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	210.500	210.500	210.500	210.500	210.500	210.500	210.500	210.500	210.500
2426	Vật tư ngành nước	Ø 140 PN10	cái	TCVN 8491- 3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	243.800	243.800	243.800	243.800	243.800	243.800	243.800	243.800	243.800
2427	Vật tư ngành nước	Ø 160 PN6	cái	TCVN 8491- 3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	223.900	223.900	223.900	223.900	223.900	223.900	223.900	223.900	223.900
2428	Vật tư ngành nước	Ø 160 PN10	cái	TCVN 8491- 3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	360.100	360.100	360.100	360.100	360.100	360.100	360.100	360.100	360.100
2429	Vật tư ngành nước	Ø 200 PN6	cái	TCVN 8491- 3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	526.400	526.400	526.400	526.400	526.400	526.400	526.400	526.400	526.400
2430	Vật tư ngành nước	Ø 200 PN10	cái	TCVN 8491- 3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	822.100	822.100	822.100	822.100	822.100	822.100	822.100	822.100	822.100
2431	Vật tư ngành nước	Ø 225 PN10	cái	TCVN 8491- 3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	1.008.600	1.008.600	1.008.600	1.008.600	1.008.600	1.008.600	1.008.600	1.008.600	1.008.600
2432	Vật tư ngành nước	Ø 250 PN10	cái	TCVN 8491- 3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	1.906.800	1.906.800	1.906.800	1.906.800	1.906.800	1.906.800	1.906.800	1.906.800	1.906.800

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)(đồng)								
												Khu vực TP. Tây Ninh	Khu vực TX.Trảng Bàng	Khu vực TX. Hoà Thành	Khu vực H.Tân Biên	Khu vực H.Tân Châu	Khu vực H. Châu Thành	Khu vực H.Dương Minh Châu	Khu vực H. Bến Cầu	Khu vực H. Gò Dầu
2433	Vật tư ngành nước	Ø 315 PN10	cái	TCVN 8491- 3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	3.656.400	3.656.400	3.656.400	3.656.400	3.656.400	3.656.400	3.656.400	3.656.400	3.656.400
2434	Vật tư ngành nước	**Măng sông nhựa**		TCVN 8491- 3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	-	-	-	-	-	-	-	-	-
2435	Vật tư ngành nước	Ø 21 PN10	cái	TCVN 8491- 3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	1.500	1.500	1.500	1.500	1.500	1.500	1.500	1.500	1.500
2436	Vật tư ngành nước	Ø 27 PN10	cái	TCVN 8491- 3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	2.000	2.000	2.000	2.000	2.000	2.000	2.000	2.000	2.000
2437	Vật tư ngành nước	Ø 34 PN10	cái	TCVN 8491- 3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	2.300	2.300	2.300	2.300	2.300	2.300	2.300	2.300	2.300
2438	Vật tư ngành nước	Ø 42 PN10	cái	TCVN 8491- 3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	3.900	3.900	3.900	3.900	3.900	3.900	3.900	3.900	3.900
2439	Vật tư ngành nước	Ø 48 PN10	cái	TCVN 8491- 3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	5.000	5.000	5.000	5.000	5.000	5.000	5.000	5.000	5.000
2440	Vật tư ngành nước	Ø 60 PN8	cái	TCVN 8491- 3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	8.600	8.600	8.600	8.600	8.600	8.600	8.600	8.600	8.600
2441	Vật tư ngành nước	Ø 75 PN8	cái	TCVN 8491- 3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	11.800	11.800	11.800	11.800	11.800	11.800	11.800	11.800	11.800
2442	Vật tư ngành nước	Ø 75 PN10	cái	TCVN 8491- 3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	12.100	12.100	12.100	12.100	12.100	12.100	12.100	12.100	12.100
2443	Vật tư ngành nước	Ø 90 PN8	cái	TCVN 8491- 3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	16.400	16.400	16.400	16.400	16.400	16.400	16.400	16.400	16.400
2444	Vật tư ngành nước	Ø 90 PN10	cái	TCVN 8491- 3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	38.100	38.100	38.100	38.100	38.100	38.100	38.100	38.100	38.100
2445	Vật tư ngành nước	Ø 110 PN6	cái	TCVN 8491- 3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	20.300	20.300	20.300	20.300	20.300	20.300	20.300	20.300	20.300
2446	Vật tư ngành nước	Ø 110 PN10	cái	TCVN 8491- 3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	56.400	56.400	56.400	56.400	56.400	56.400	56.400	56.400	56.400
2447	Vật tư ngành nước	Ø 125 PN6	cái	TCVN 8491- 3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	45.500	45.500	45.500	45.500	45.500	45.500	45.500	45.500	45.500
2448	Vật tư ngành nước	Ø 125 PN10	cái	TCVN 8491- 3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	80.900	80.900	80.900	80.900	80.900	80.900	80.900	80.900	80.900
2449	Vật tư ngành nước	Ø 140 PN6	cái	TCVN 8491- 3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	65.400	65.400	65.400	65.400	65.400	65.400	65.400	65.400	65.400
2450	Vật tư ngành nước	Ø 140 PN10	cái	TCVN 8491- 3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	93.500	93.500	93.500	93.500	93.500	93.500	93.500	93.500	93.500
2451	Vật tư ngành nước	Ø 160 PN6	cái	TCVN 8491- 3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	93.100	93.100	93.100	93.100	93.100	93.100	93.100	93.100	93.100
2452	Vật tư ngành nước	Ø 160 PN10	cái	TCVN 8491- 3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	147.500	147.500	147.500	147.500	147.500	147.500	147.500	147.500	147.500
2453	Vật tư ngành nước	Ø 200 PN6	cái	TCVN 8491- 3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	205.900	205.900	205.900	205.900	205.900	205.900	205.900	205.900	205.900
2454	Vật tư ngành nước	Ø 200 PN10	cái	TCVN 8491- 3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	247.100	247.100	247.100	247.100	247.100	247.100	247.100	247.100	247.100
2455	Vật tư ngành nước	Ø 225 PN10	cái	TCVN 8491- 3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	339.400	339.400	339.400	339.400	339.400	339.400	339.400	339.400	339.400

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)(đồng)								
												Khu vực TP. Tây Ninh	Khu vực TX.Trảng Bàng	Khu vực TX. Hoà Thành	Khu vực H.Tân Biên	Khu vực H.Tân Châu	Khu vực H. Châu Thành	Khu vực H.Dương Minh Châu	Khu vực H. Bến Cầu	Khu vực H. Gò Dầu
2456	Vật tư ngành nước	Ø 250 PN10	cái	TCVN 8491- 3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	453.100	453.100	453.100	453.100	453.100	453.100	453.100	453.100	453.100
2457	Vật tư ngành nước	**Cút nhựa 45^0**		TCVN 8491- 3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	-	-	-	-	-	-	-	-	-
2458	Vật tư ngành nước	Ø 21 PN10	cái	TCVN 8491- 3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	1.600	1.600	1.600	1.600	1.600	1.600	1.600	1.600	1.600
2459	Vật tư ngành nước	Ø 27 PN10	cái	TCVN 8491- 3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	2.100	2.100	2.100	2.100	2.100	2.100	2.100	2.100	2.100
2460	Vật tư ngành nước	Ø 34 PN10	cái	TCVN 8491- 3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	3.300	3.300	3.300	3.300	3.300	3.300	3.300	3.300	3.300
2461	Vật tư ngành nước	Ø 42 PN10	cái	TCVN 8491- 3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	4.900	4.900	4.900	4.900	4.900	4.900	4.900	4.900	4.900
2462	Vật tư ngành nước	Ø 48 PN10	cái	TCVN 8491- 3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	7.800	7.800	7.800	7.800	7.800	7.800	7.800	7.800	7.800
2463	Vật tư ngành nước	Ø 60 PN8	cái	TCVN 8491- 3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	12.600	12.600	12.600	12.600	12.600	12.600	12.600	12.600	12.600
2464	Vật tư ngành nước	Ø 60 PN10	cái	TCVN 8491- 3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	17.800	17.800	17.800	17.800	17.800	17.800	17.800	17.800	17.800
2465	Vật tư ngành nước	Ø 75 PN8	cái	TCVN 8491- 3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	21.900	21.900	21.900	21.900	21.900	21.900	21.900	21.900	21.900
2466	Vật tư ngành nước	Ø 75 PN10	cái	TCVN 8491- 3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	29.000	29.000	29.000	29.000	29.000	29.000	29.000	29.000	29.000
2467	Vật tư ngành nước	Ø 90 PN8	cái	TCVN 8491- 3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	28.600	28.600	28.600	28.600	28.600	28.600	28.600	28.600	28.600
2468	Vật tư ngành nước	Ø 90 PN10	cái	TCVN 8491- 3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	39.800	39.800	39.800	39.800	39.800	39.800	39.800	39.800	39.800
2469	Vật tư ngành nước	Ø 110 PN8	cái	TCVN 8491- 3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	43.800	43.800	43.800	43.800	43.800	43.800	43.800	43.800	43.800
2470	Vật tư ngành nước	Ø 110 PN10	cái	TCVN 8491- 3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	74.800	74.800	74.800	74.800	74.800	74.800	74.800	74.800	74.800
2471	Vật tư ngành nước	Ø 125 PN6	cái	TCVN 8491- 3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	77.300	77.300	77.300	77.300	77.300	77.300	77.300	77.300	77.300
2472	Vật tư ngành nước	Ø 125 PN10	cái	TCVN 8491- 3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	98.300	98.300	98.300	98.300	98.300	98.300	98.300	98.300	98.300
2473	Vật tư ngành nước	Ø 140 PN6	cái	TCVN 8491- 3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	84.300	84.300	84.300	84.300	84.300	84.300	84.300	84.300	84.300
2474	Vật tư ngành nước	Ø 140 PN10	cái	TCVN 8491- 3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	119.900	119.900	119.900	119.900	119.900	119.900	119.900	119.900	119.900
2475	Vật tư ngành nước	Ø 160 PN6	cái	TCVN 8491- 3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	127.500	127.500	127.500	127.500	127.500	127.500	127.500	127.500	127.500
2476	Vật tư ngành nước	Ø 160 PN10	cái	TCVN 8491- 3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	186.300	186.300	186.300	186.300	186.300	186.300	186.300	186.300	186.300
2477	Vật tư ngành nước	Ø 200 PN6	cái	TCVN 8491- 3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	244.400	244.400	244.400	244.400	244.400	244.400	244.400	244.400	244.400
2478	Vật tư ngành nước	Ø 200 PN10	cái	TCVN 8491- 3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	353.100	353.100	353.100	353.100	353.100	353.100	353.100	353.100	353.100

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)(đồng)								
												Khu vực TP. Tây Ninh	Khu vực TX.Trảng Bàng	Khu vực TX. Hoà Thành	Khu vực H.Tân Biên	Khu vực H.Tân Châu	Khu vực H. Châu Thành	Khu vực H.Dương Minh Châu	Khu vực H. Bến Cầu	Khu vực H. Gò Dầu
2479	Vật tư ngành nước	Ø 225 PN10	cái	TCVN 8491- 3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	654.500	654.500	654.500	654.500	654.500	654.500	654.500	654.500	654.500
2480	Vật tư ngành nước	Ø 250 PN10	cái	TCVN 8491- 3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	997.300	997.300	997.300	997.300	997.300	997.300	997.300	997.300	997.300
2481	Vật tư ngành nước	Ø 315 PN10	cái	TCVN 8491- 3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	2.051.600	2.051.600	2.051.600	2.051.600	2.051.600	2.051.600	2.051.600	2.051.600	2.051.600
2482	Vật tư ngành nước	**Tê nhựa 45^{0}**		TCVN 8491- 3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới			-	-	-	-	-	-	-
2483	Vật tư ngành nước	Ø 60 PN8	cái	TCVN 8491- 3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	24.400	24.400	24.400	24.400	24.400	24.400	24.400	24.400	24.400
2484	Vật tư ngành nước	Ø 60 PN10	cái	TCVN 8491- 3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	32.300	32.300	32.300	32.300	32.300	32.300	32.300	32.300	32.300
2485	Vật tư ngành nước	Ø 75 PN8	cái	TCVN 8491- 3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	46.900	46.900	46.900	46.900	46.900	46.900	46.900	46.900	46.900
2486	Vật tư ngành nước	Ø 75 PN10	cái	TCVN 8491- 3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	58.800	58.800	58.800	58.800	58.800	58.800	58.800	58.800	58.800
2487	Vật tư ngành nước	Ø 90 PN8	cái	TCVN 8491- 3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	57.400	57.400	57.400	57.400	57.400	57.400	57.400	57.400	57.400
2488	Vật tư ngành nước	Ø 90 PN10	cái	TCVN 8491- 3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	85.300	85.300	85.300	85.300	85.300	85.300	85.300	85.300	85.300
2489	Vật tư ngành nước	Ø 110 PN8	cái	TCVN 8491- 3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	86.600	86.600	86.600	86.600	86.600	86.600	86.600	86.600	86.600
2490	Vật tư ngành nước	Ø 110 PN10	cái	TCVN 8491- 3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	130.500	130.500	130.500	130.500	130.500	130.500	130.500	130.500	130.500
2491	Vật tư ngành nước	Ø 125 PN6	cái	TCVN 8491- 3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	170.800	170.800	170.800	170.800	170.800	170.800	170.800	170.800	170.800
2492	Vật tư ngành nước	Ø 125 PN10	cái	TCVN 8491- 3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	266.500	266.500	266.500	266.500	266.500	266.500	266.500	266.500	266.500
2493	Vật tư ngành nước	Ø 140 PN6	cái	TCVN 8491- 3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	277.100	277.100	277.100	277.100	277.100	277.100	277.100	277.100	277.100
2494	Vật tư ngành nước	Ø 140 PN10	cái	TCVN 8491- 3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	419.900	419.900	419.900	419.900	419.900	419.900	419.900	419.900	419.900
2495	Vật tư ngành nước	Ø 160 PN6	cái	TCVN 8491- 3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	393.100	393.100	393.100	393.100	393.100	393.100	393.100	393.100	393.100
2496	Vật tư ngành nước	Ø 160 PN10	cái	TCVN 8491- 3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	591.500	591.500	591.500	591.500	591.500	591.500	591.500	591.500	591.500
2497	Vật tư ngành nước	Ø 200 PN6	cái	TCVN 8491- 3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	733.000	733.000	733.000	733.000	733.000	733.000	733.000	733.000	733.000
2498	Vật tư ngành nước	Ø 200 PN10	cái	TCVN 8491- 3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	1.119.100	1.119.100	1.119.100	1.119.100	1.119.100	1.119.100	1.119.100	1.119.100	1.119.100
2499	Vật tư ngành nước	**Nút bịt nhựa**	cái	TCVN 8491- 3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	-	-	-	-	-	-	-	-	-
2500	Vật tư ngành nước	Ø 42 PN10	cái	TCVN 8491- 3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	2.600	2.600	2.600	2.600	2.600	2.600	2.600	2.600	2.600
2501	Vật tư ngành nước	Ø 48 PN10	cái	TCVN 8491- 3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	3.900	3.900	3.900	3.900	3.900	3.900	3.900	3.900	3.900

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)(đồng)							
												Khu vực TP. Tây Ninh	Khu vực TX.Trảng Bàng	Khu vực TX. Hoà Thành	Khu vực H.Tân Biên	Khu vực H.Tân Châu	Khu vực H. Châu Thành	Khu vực H.Dương Minh Châu	Khu vực H. Bến Cầu	Khu vực H. Gò Dầu
2502	Vật tư ngành nước	Ø 60 PN10	cái	TCVN 8491- 3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	12.100	12.100	12.100	12.100	12.100	12.100	12.100	12.100	12.100
2503	Vật tư ngành nước	Ø 75 PN10	cái	TCVN 8491- 3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	16.000	16.000	16.000	16.000	16.000	16.000	16.000	16.000	16.000
2504	Vật tư ngành nước	Ø 90 PN10	cái	TCVN 8491- 3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	26.800	26.800	26.800	26.800	26.800	26.800	26.800	26.800	26.800
2505	Vật tư ngành nước	Ø 110 PN10	cái	TCVN 8491- 3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	40.000	40.000	40.000	40.000	40.000	40.000	40.000	40.000	40.000
2506	Vật tư ngành nước	Ø 125 PN10	cái	TCVN 8491- 3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	46.100	46.100	46.100	46.100	46.100	46.100	46.100	46.100	46.100
2507	Vật tư ngành nước	Ø 140 PN10	cái	TCVN 8491- 3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	74.900	74.900	74.900	74.900	74.900	74.900	74.900	74.900	74.900
2508	Vật tư ngành nước	Ø 160 PN10	cái	TCVN 8491- 3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	91.500	91.500	91.500	91.500	91.500	91.500	91.500	91.500	91.500
2509	Vật tư ngành nước	Ø 200 PN10	cái	TCVN 8491- 3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	282.900	282.900	282.900	282.900	282.900	282.900	282.900	282.900	282.900
2510	Vật tư ngành nước	Ø 225 PN10	cái	TCVN 8491- 3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	379.300	379.300	379.300	379.300	379.300	379.300	379.300	379.300	379.300
2511	Vật tư ngành nước	Ø 250 PN10	cái	TCVN 8491- 3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	514.300	514.300	514.300	514.300	514.300	514.300	514.300	514.300	514.300
2512	Vật tư ngành nước	Ø 315 PN10	cái	TCVN 8491- 3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	1.089.800	1.089.800	1.089.800	1.089.800	1.089.800	1.089.800	1.089.800	1.089.800	1.089.800
2513	Vật tư ngành nước	**Tê cong nhựa**		TCVN 8491- 3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	-	-	-	-	-	-	-	-	-
2514	Vật tư ngành nước	Ø 90 PN10	cái	TCVN 8491- 3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	88.100	88.100	88.100	88.100	88.100	88.100	88.100	88.100	88.100
2515	Vật tư ngành nước	Ø 110 PN10	cái	TCVN 8491- 3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	174.100	174.100	174.100	174.100	174.100	174.100	174.100	174.100	174.100
2516	Vật tư ngành nước	**Ren trong nhựa**		TCVN 8491- 3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	-	-	-	-	-	-	-	-	-
2517	Vật tư ngành nước	Ø 21 PN10	cái	TCVN 8491- 3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	1.500	1.500	1.500	1.500	1.500	1.500	1.500	1.500	1.500
2518	Vật tư ngành nước	Ø 27 PN10	cái	TCVN 8491- 3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	1.900	1.900	1.900	1.900	1.900	1.900	1.900	1.900	1.900
2519	Vật tư ngành nước	Ø 34 PN10	cái	TCVN 8491- 3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	3.400	3.400	3.400	3.400	3.400	3.400	3.400	3.400	3.400
2520	Vật tư ngành nước	Ø 42 PN10	cái	TCVN 8491- 3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	4.600	4.600	4.600	4.600	4.600	4.600	4.600	4.600	4.600
2521	Vật tư ngành nước	Ø 48 PN10	cái	TCVN 8491- 3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	6.800	6.800	6.800	6.800	6.800	6.800	6.800	6.800	6.800
2522	Vật tư ngành nước	Ø 60 PN10	cái	TCVN 8491- 3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	10.600	10.600	10.600	10.600	10.600	10.600	10.600	10.600	10.600
2523	Vật tư ngành nước	**Ren ngoài nhựa**		TCVN 8491- 3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	-	-	-	-	-	-	-	-	-
2524	Vật tư ngành nước	Ø 21 PN10	cái	TCVN 8491- 3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	1.500	1.500	1.500	1.500	1.500	1.500	1.500	1.500	1.500

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)(đồng)								
												Khu vực TP. Tây Ninh	Khu vực TX.Trảng Bàng	Khu vực TX. Hoà Thành	Khu vực H.Tân Biên	Khu vực H.Tân Châu	Khu vực H. Châu Thành	Khu vực H.Dương Minh Châu	Khu vực H. Bến Cầu	Khu vực H. Gò Dầu
2525	Vật tư ngành nước	Ø 27 PN10	cái	TCVN 8491- 3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	1.900	1.900	1.900	1.900	1.900	1.900	1.900	1.900	1.900
2526	Vật tư ngành nước	Ø 34 PN10	cái	TCVN 8491- 3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	3.400	3.400	3.400	3.400	3.400	3.400	3.400	3.400	3.400
2527	Vật tư ngành nước	Ø 42 PN10	cái	TCVN 8491- 3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	4.800	4.800	4.800	4.800	4.800	4.800	4.800	4.800	4.800
2528	Vật tư ngành nước	Ø 48 PN10	cái	TCVN 8491- 3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	6.800	6.800	6.800	6.800	6.800	6.800	6.800	6.800	6.800
2529	Vật tư ngành nước	Ø 60 PN10	cái	TCVN 8491- 3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	10.800	10.800	10.800	10.800	10.800	10.800	10.800	10.800	10.800
2530	Vật tư ngành nước	**Tê giảm nhựa**		TCVN 8491- 3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	-	-	-	-	-	-	-	-	-
2531	Vật tư ngành nước	Ø 27/21 PN10	cái	TCVN 8491- 3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	3.400	3.400	3.400	3.400	3.400	3.400	3.400	3.400	3.400
2532	Vật tư ngành nước	Ø 34/21 PN10	cái	TCVN 8491- 3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	4.400	4.400	4.400	4.400	4.400	4.400	4.400	4.400	4.400
2533	Vật tư ngành nước	Ø 34/27 PN10	cái	TCVN 8491- 3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	4.600	4.600	4.600	4.600	4.600	4.600	4.600	4.600	4.600
2534	Vật tư ngành nước	Ø 42/21 PN10	cái	TCVN 8491- 3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	5.800	5.800	5.800	5.800	5.800	5.800	5.800	5.800	5.800
2535	Vật tư ngành nước	Ø 42/27 PN10	cái	TCVN 8491- 3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	6.400	6.400	6.400	6.400	6.400	6.400	6.400	6.400	6.400
2536	Vật tư ngành nước	Ø 42/34 PN10	cái	TCVN 8491- 3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	7.800	7.800	7.800	7.800	7.800	7.800	7.800	7.800	7.800
2537	Vật tư ngành nước	Ø 48/21 PN10	cái	TCVN 8491- 3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	9.400	9.400	9.400	9.400	9.400	9.400	9.400	9.400	9.400
2538	Vật tư ngành nước	Ø 48/27 PN10	cái	TCVN 8491- 3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	9.500	9.500	9.500	9.500	9.500	9.500	9.500	9.500	9.500
2539	Vật tư ngành nước	Ø 48/34 PN10	cái	TCVN 8491- 3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	10.000	10.000	10.000	10.000	10.000	10.000	10.000	10.000	10.000
2540	Vật tư ngành nước	Ø 48/42 PN10	cái	TCVN 8491- 3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	12.900	12.900	12.900	12.900	12.900	12.900	12.900	12.900	12.900
2541	Vật tư ngành nước	Ø 60/21 PN8	cái	TCVN 8491- 3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	11.600	11.600	11.600	11.600	11.600	11.600	11.600	11.600	11.600
2542	Vật tư ngành nước	Ø 60/27 PN8	cái	TCVN 8491- 3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	13.100	13.100	13.100	13.100	13.100	13.100	13.100	13.100	13.100
2543	Vật tư ngành nước	Ø 60/34 PN8	cái	TCVN 8491- 3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	14.400	14.400	14.400	14.400	14.400	14.400	14.400	14.400	14.400
2544	Vật tư ngành nước	Ø 60/42 PN8	cái	TCVN 8491- 3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	15.900	15.900	15.900	15.900	15.900	15.900	15.900	15.900	15.900
2545	Vật tư ngành nước	Ø 60/48 PN8	cái	TCVN 8491- 3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	16.600	16.600	16.600	16.600	16.600	16.600	16.600	16.600	16.600
2546	Vật tư ngành nước	Ø 75/34 PN8	cái	TCVN 8491- 3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	21.900	21.900	21.900	21.900	21.900	21.900	21.900	21.900	21.900
2547	Vật tư ngành nước	Ø 75/42 PN8	cái	TCVN 8491- 3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	23.400	23.400	23.400	23.400	23.400	23.400	23.400	23.400	23.400

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)(đồng)							
												Khu vực TP. Tây Ninh	Khu vực TX.Trảng Bàng	Khu vực TX. Hoà Thành	Khu vực H.Tân Biên	Khu vực H.Tân Châu	Khu vực H. Châu Thành	Khu vực H.Dương Minh Châu	Khu vực H. Bến Cầu	Khu vực H. Gò Dầu
2548	Vật tư ngành nước	Ø 75/48 PN8	cái	TCVN 8491- 3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	26.500	26.500	26.500	26.500	26.500	26.500	26.500	26.500	26.500
2549	Vật tư ngành nước	Ø 75/60 PN8	cái	TCVN 8491- 3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	29.600	29.600	29.600	29.600	29.600	29.600	29.600	29.600	29.600
2550	Vật tư ngành nước	Ø 90/34 PN8	cái	TCVN 8491- 3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	37.800	37.800	37.800	37.800	37.800	37.800	37.800	37.800	37.800
2551	Vật tư ngành nước	Ø 90/42 PN8	cái	TCVN 8491- 3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	30.800	30.800	30.800	30.800	30.800	30.800	30.800	30.800	30.800
2552	Vật tư ngành nước	Ø 90/48 PN8	cái	TCVN 8491- 3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	35.500	35.500	35.500	35.500	35.500	35.500	35.500	35.500	35.500
2553	Vật tư ngành nước	Ø 90/60 PN8	cái	TCVN 8491- 3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	45.600	45.600	45.600	45.600	45.600	45.600	45.600	45.600	45.600
2554	Vật tư ngành nước	Ø 90/75 PN8	cái	TCVN 8491- 3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	52.600	52.600	52.600	52.600	52.600	52.600	52.600	52.600	52.600
2555	Vật tư ngành nước	Ø 110/34 PN8	cái	TCVN 8491- 3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	55.600	55.600	55.600	55.600	55.600	55.600	55.600	55.600	55.600
2556	Vật tư ngành nước	Ø 110/42 PN8	cái	TCVN 8491- 3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	56.500	56.500	56.500	56.500	56.500	56.500	56.500	56.500	56.500
2557	Vật tư ngành nước	Ø 110/48 PN8	cái	TCVN 8491- 3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	50.100	50.100	50.100	50.100	50.100	50.100	50.100	50.100	50.100
2558	Vật tư ngành nước	Ø 110/60 PN8	cái	TCVN 8491- 3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	52.900	52.900	52.900	52.900	52.900	52.900	52.900	52.900	52.900
2559	Vật tư ngành nước	Ø 110/75 PN8	cái	TCVN 8491- 3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	58.300	58.300	58.300	58.300	58.300	58.300	58.300	58.300	58.300
2560	Vật tư ngành nước	Ø 110/90 PN8	cái	TCVN 8491- 3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	67.000	67.000	67.000	67.000	67.000	67.000	67.000	67.000	67.000
2561	Vật tư ngành nước	Ø 125/75 PN10	cái	TCVN 8491- 3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	205.800	205.800	205.800	205.800	205.800	205.800	205.800	205.800	205.800
2562	Vật tư ngành nước	Ø 125/90 PN10	cái	TCVN 8491- 3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	205.000	205.000	205.000	205.000	205.000	205.000	205.000	205.000	205.000
2563	Vật tư ngành nước	Ø 125/110 PN10	cái	TCVN 8491- 3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	234.400	234.400	234.400	234.400	234.400	234.400	234.400	234.400	234.400
2564	Vật tư ngành nước	Ø 140/90 PN10	cái	TCVN 8491- 3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	249.000	249.000	249.000	249.000	249.000	249.000	249.000	249.000	249.000
2565	Vật tư ngành nước	Ø 140/110 PN10	cái	TCVN 8491- 3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	293.600	293.600	293.600	293.600	293.600	293.600	293.600	293.600	293.600
2566	Vật tư ngành nước	Ø 160/75 PN10	cái	TCVN 8491- 3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	418.000	418.000	418.000	418.000	418.000	418.000	418.000	418.000	418.000
2567	Vật tư ngành nước	Ø 160/90 PN10	cái	TCVN 8491- 3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	418.000	418.000	418.000	418.000	418.000	418.000	418.000	418.000	418.000
2568	Vật tư ngành nước	Ø 160/110 PN10	cái	TCVN 8491- 3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	418.000	418.000	418.000	418.000	418.000	418.000	418.000	418.000	418.000
2569	Vật tư ngành nước	Ø 160/125 PN10	cái	TCVN 8491- 3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	428.600	428.600	428.600	428.600	428.600	428.600	428.600	428.600	428.600
2570	Vật tư ngành nước	Ø 160/140 PN10	cái	TCVN 8491- 3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	447.600	447.600	447.600	447.600	447.600	447.600	447.600	447.600	447.600

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)(đồng)								
												Khu vực TP. Tây Ninh	Khu vực TX.Trảng Bàng	Khu vực TX. Hoà Thành	Khu vực H.Tân Biên	Khu vực H.Tân Châu	Khu vực H. Châu Thành	Khu vực H.Dương Minh Châu	Khu vực H. Bến Cầu	Khu vực H. Gò Dầu
2571	Vật tư ngành nước	Ø 200/110 PN10	cái	TCVN 8491- 3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	580.300	580.300	580.300	580.300	580.300	580.300	580.300	580.300	580.300
2572	Vật tư ngành nước	**Côn giảm nhựa**		TCVN 8491- 3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới		0	-	-	-	-	-	-	-
2573	Vật tư ngành nước	Ø 27/21 PN10	cái	TCVN 8491- 3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	1.500	1.500	1.500	1.500	1.500	1.500	1.500	1.500	1.500
2574	Vật tư ngành nước	Ø 34/21 PN10	cái	TCVN 8491- 3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	2.100	2.100	2.100	2.100	2.100	2.100	2.100	2.100	2.100
2575	Vật tư ngành nước	Ø 34/27 PN10	cái	TCVN 8491- 3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	2.800	2.800	2.800	2.800	2.800	2.800	2.800	2.800	2.800
2576	Vật tư ngành nước	Ø 42/21 PN10	cái	TCVN 8491- 3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	3.300	3.300	3.300	3.300	3.300	3.300	3.300	3.300	3.300
2577	Vật tư ngành nước	Ø 42/27 PN10	cái	TCVN 8491- 3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	3.400	3.400	3.400	3.400	3.400	3.400	3.400	3.400	3.400
2578	Vật tư ngành nước	Ø 42/34 PN10	cái	TCVN 8491- 3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	3.600	3.600	3.600	3.600	3.600	3.600	3.600	3.600	3.600
2579	Vật tư ngành nước	Ø 48/21 PN10	cái	TCVN 8491- 3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	4.400	4.400	4.400	4.400	4.400	4.400	4.400	4.400	4.400
2580	Vật tư ngành nước	Ø 48/27 PN10	cái	TCVN 8491- 3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	4.500	4.500	4.500	4.500	4.500	4.500	4.500	4.500	4.500
2581	Vật tư ngành nước	Ø 48/34 PN10	cái	TCVN 8491- 3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	4.600	4.600	4.600	4.600	4.600	4.600	4.600	4.600	4.600
2582	Vật tư ngành nước	Ø 48/42 PN10	cái	TCVN 8491- 3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	4.800	4.800	4.800	4.800	4.800	4.800	4.800	4.800	4.800
2583	Vật tư ngành nước	Ø 60/21 PN8	cái	TCVN 8491- 3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	6.000	6.000	6.000	6.000	6.000	6.000	6.000	6.000	6.000
2584	Vật tư ngành nước	Ø 60/27 PN8	cái	TCVN 8491- 3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	7.300	7.300	7.300	7.300	7.300	7.300	7.300	7.300	7.300
2585	Vật tư ngành nước	Ø 60/34 PN8	cái	TCVN 8491- 3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	7.300	7.300	7.300	7.300	7.300	7.300	7.300	7.300	7.300
2586	Vật tư ngành nước	Ø 60/42 PN8	cái	TCVN 8491- 3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	7.300	7.300	7.300	7.300	7.300	7.300	7.300	7.300	7.300
2587	Vật tư ngành nước	Ø 60/48 PN8	cái	TCVN 8491- 3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	7.600	7.600	7.600	7.600	7.600	7.600	7.600	7.600	7.600
2588	Vật tư ngành nước	Ø 75/34 PN8	cái	TCVN 8491- 3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	11.500	11.500	11.500	11.500	11.500	11.500	11.500	11.500	11.500
2589	Vật tư ngành nước	Ø 75/42 PN8	cái	TCVN 8491- 3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	11.500	11.500	11.500	11.500	11.500	11.500	11.500	11.500	11.500
2590	Vật tư ngành nước	Ø 75/48 PN8	cái	TCVN 8491- 3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	11.500	11.500	11.500	11.500	11.500	11.500	11.500	11.500	11.500
2591	Vật tư ngành nước	Ø 75/60 PN8	cái	TCVN 8491- 3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	12.000	12.000	12.000	12.000	12.000	12.000	12.000	12.000	12.000
2592	Vật tư ngành nước	Ø 90/34 PN8	cái	TCVN 8491- 3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	15.400	15.400	15.400	15.400	15.400	15.400	15.400	15.400	15.400
2593	Vật tư ngành nước	Ø 90/42 PN8	cái	TCVN 8491- 3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	16.600	16.600	16.600	16.600	16.600	16.600	16.600	16.600	16.600

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)(đồng)								
												Khu vực TP. Tây Ninh	Khu vực TX.Trảng Bàng	Khu vực TX. Hoà Thành	Khu vực H.Tân Biên	Khu vực H.Tân Châu	Khu vực H. Châu Thành	Khu vực H.Dương Minh Châu	Khu vực H. Bến Cầu	Khu vực H. Gò Dầu
2594	Vật tư ngành nước	Ø 90/48 PN8	cái	TCVN 8491- 3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	16.800	16.800	16.800	16.800	16.800	16.800	16.800	16.800	16.800
2595	Vật tư ngành nước	Ø 90/60 PN8	cái	TCVN 8491- 3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	17.900	17.900	17.900	17.900	17.900	17.900	17.900	17.900	17.900
2596	Vật tư ngành nước	Ø 90/75 PN8	cái	TCVN 8491- 3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	18.600	18.600	18.600	18.600	18.600	18.600	18.600	18.600	18.600
2597	Vật tư ngành nước	Ø 110/34 PN8	cái	TCVN 8491- 3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	25.100	25.100	25.100	25.100	25.100	25.100	25.100	25.100	25.100
2598	Vật tư ngành nước	Ø 110/42 PN8	cái	TCVN 8491- 3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	24.100	24.100	24.100	24.100	24.100	24.100	24.100	24.100	24.100
2599	Vật tư ngành nước	Ø 110/48 PN8	cái	TCVN 8491- 3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	24.100	24.100	24.100	24.100	24.100	24.100	24.100	24.100	24.100
2600	Vật tư ngành nước	Ø 110/60 PN8	cái	TCVN 8491- 3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	25.300	25.300	25.300	25.300	25.300	25.300	25.300	25.300	25.300
2601	Vật tư ngành nước	Ø 110/75 PN8	cái	TCVN 8491- 3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	25.500	25.500	25.500	25.500	25.500	25.500	25.500	25.500	25.500
2602	Vật tư ngành nước	Ø 110/90 PN8	cái	TCVN 8491- 3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	26.300	26.300	26.300	26.300	26.300	26.300	26.300	26.300	26.300
2603	Vật tư ngành nước	Ø 125/75 PN10	cái	TCVN 8491- 3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	74.100	74.100	74.100	74.100	74.100	74.100	74.100	74.100	74.100
2604	Vật tư ngành nước	Ø 125/90 PN10	cái	TCVN 8491- 3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	82.900	82.900	82.900	82.900	82.900	82.900	82.900	82.900	82.900
2605	Vật tư ngành nước	Ø 125/110 PN10	cái	TCVN 8491- 3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	116.100	116.100	116.100	116.100	116.100	116.100	116.100	116.100	116.100
2606	Vật tư ngành nước	Ø 140/90 PN10	cái	TCVN 8491- 3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	123.300	123.300	123.300	123.300	123.300	123.300	123.300	123.300	123.300
2607	Vật tư ngành nước	Ø 140/110 PN10	cái	TCVN 8491- 3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	126.400	126.400	126.400	126.400	126.400	126.400	126.400	126.400	126.400
2608	Vật tư ngành nước	Ø 160/90 PN10	cái	TCVN 8491- 3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	133.800	133.800	133.800	133.800	133.800	133.800	133.800	133.800	133.800
2609	Vật tư ngành nước	Ø 160/110 PN10	cái	TCVN 8491- 3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	151.900	151.900	151.900	151.900	151.900	151.900	151.900	151.900	151.900
2610	Vật tư ngành nước	Ø 160/125 PN10	cái	TCVN 8491- 3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	184.600	184.600	184.600	184.600	184.600	184.600	184.600	184.600	184.600
2611	Vật tư ngành nước	Ø 160/140 PN10	cái	TCVN 8491- 3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	228.300	228.300	228.300	228.300	228.300	228.300	228.300	228.300	228.300
2612	Vật tư ngành nước	Ø 200/110 PN10	cái	TCVN 8491- 3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	286.100	286.100	286.100	286.100	286.100	286.100	286.100	286.100	286.100
2613	Vật tư ngành nước	Ø 200/160 PN10	cái	TCVN 8491- 3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	324.400	324.400	324.400	324.400	324.400	324.400	324.400	324.400	324.400
2614	Vật tư ngành nước	Ø 225/160 PN10	cái	TCVN 8491- 3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	445.400	445.400	445.400	445.400	445.400	445.400	445.400	445.400	445.400
2615	Vật tư ngành nước	Ø 225/200 PN10	cái	TCVN 8491- 3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	385.600	385.600	385.600	385.600	385.600	385.600	385.600	385.600	385.600
2616	Vật tư ngành nước	Ø 250/110 PN10	cái	TCVN 8491- 3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	444.100	444.100	444.100	444.100	444.100	444.100	444.100	444.100	444.100

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)(đồng)								
												Khu vực TP. Tây Ninh	Khu vực TX.Trảng Bàng	Khu vực TX. Hoà Thành	Khu vực H.Tân Biên	Khu vực H.Tân Châu	Khu vực H. Châu Thành	Khu vực H.Dương Minh Châu	Khu vực H. Bến Cầu	Khu vực H. Gò Dầu
2617	Vật tư ngành nước	Ø 250/160 PN10	cái	TCVN 8491- 3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	468.900	468.900	468.900	468.900	468.900	468.900	468.900	468.900	468.900
2618	Vật tư ngành nước	Ø 250/200 PN10	cái	TCVN 8491- 3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	541.600	541.600	541.600	541.600	541.600	541.600	541.600	541.600	541.600
2619	Vật tư ngành nước	Ø 315/160 PN10	cái	TCVN 8491- 3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	990.400	990.400	990.400	990.400	990.400	990.400	990.400	990.400	990.400
2620	Vật tư ngành nước	Ø 315/200 PN10	cái	TCVN 8491- 3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	1.027.100	1.027.100	1.027.100	1.027.100	1.027.100	1.027.100	1.027.100	1.027.100	1.027.100
2621	Vật tư ngành nước	Ø 315/250 PN10	cái	TCVN 8491- 3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	1.057.600	1.057.600	1.057.600	1.057.600	1.057.600	1.057.600	1.057.600	1.057.600	1.057.600
2622	Vật tư ngành nước	**Bạc chuyển bậc**		TCVN 8491- 3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	-	-	-	-	-	-	-	-	-
2623	Vật tư ngành nước	Ø 75/34 PN10	cái	TCVN 8491- 3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	11.100	11.100	11.100	11.100	11.100	11.100	11.100	11.100	11.100
2624	Vật tư ngành nước	Ø 75/42 PN10	cái	TCVN 8491- 3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	11.100	11.100	11.100	11.100	11.100	11.100	11.100	11.100	11.100
2625	Vật tư ngành nước	Ø 75/48 PN10	cái	TCVN 8491- 3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	11.100	11.100	11.100	11.100	11.100	11.100	11.100	11.100	11.100
2626	Vật tư ngành nước	Ø 75/60 PN10	cái	TCVN 8491- 3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	11.100	11.100	11.100	11.100	11.100	11.100	11.100	11.100	11.100
2627	Vật tư ngành nước	Ø 90/34 PN10	cái	TCVN 8491- 3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	17.000	17.000	17.000	17.000	17.000	17.000	17.000	17.000	17.000
2628	Vật tư ngành nước	Ø 90/42 PN10	cái	TCVN 8491- 3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	17.100	17.100	17.100	17.100	17.100	17.100	17.100	17.100	17.100
2629	Vật tư ngành nước	Ø 90/48 PN10	cái	TCVN 8491- 3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	18.000	18.000	18.000	18.000	18.000	18.000	18.000	18.000	18.000
2630	Vật tư ngành nước	Ø 90/60 PN10	cái	TCVN 8491- 3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	19.400	19.400	19.400	19.400	19.400	19.400	19.400	19.400	19.400
2631	Vật tư ngành nước	Ø 90/75 PN10	cái	TCVN 8491- 3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	17.300	17.300	17.300	17.300	17.300	17.300	17.300	17.300	17.300
2632	Vật tư ngành nước	Ø 110/42 PN10	cái	TCVN 8491- 3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	30.400	30.400	30.400	30.400	30.400	30.400	30.400	30.400	30.400
2633	Vật tư ngành nước	Ø 110/48 PN10	cái	TCVN 8491- 3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	33.900	33.900	33.900	33.900	33.900	33.900	33.900	33.900	33.900
2634	Vật tư ngành nước	Ø 110/60 PN10	cái	TCVN 8491- 3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	35.300	35.300	35.300	35.300	35.300	35.300	35.300	35.300	35.300
2635	Vật tư ngành nước	Ø 110/75 PN10	cái	TCVN 8491- 3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	37.600	37.600	37.600	37.600	37.600	37.600	37.600	37.600	37.600
2636	Vật tư ngành nước	Ø 110/90 PN10	cái	TCVN 8491- 3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	39.800	39.800	39.800	39.800	39.800	39.800	39.800	39.800	39.800
2637	Vật tư ngành nước	Ø 125/75 PN10	cái	TCVN 8491- 3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	54.300	54.300	54.300	54.300	54.300	54.300	54.300	54.300	54.300
2638	Vật tư ngành nước	Ø 125/90 PN10	cái	TCVN 8491- 3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	54.300	54.300	54.300	54.300	54.300	54.300	54.300	54.300	54.300
2639	Vật tư ngành nước	Ø 125/110 PN10	cái	TCVN 8491- 3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	54.300	54.300	54.300	54.300	54.300	54.300	54.300	54.300	54.300

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)(đồng)							
												Khu vực TP. Tây Ninh	Khu vực TX.Trảng Bàng	Khu vực TX. Hoà Thành	Khu vực H.Tân Biên	Khu vực H.Tân Châu	Khu vực H. Châu Thành	Khu vực H.Dương Minh Châu	Khu vực H. Bến Cầu	Khu vực H. Gò Dầu
2640	Vật tư ngành nước	Ø 140/75 PN10	cái	TCVN 8491- 3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	47.000	47.000	47.000	47.000	47.000	47.000	47.000	47.000	47.000
2641	Vật tư ngành nước	Ø 140/90 PN10	cái	TCVN 8491- 3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	62.300	62.300	62.300	62.300	62.300	62.300	62.300	62.300	62.300
2642	Vật tư ngành nước	Ø 140/110 PN10	cái	TCVN 8491- 3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	62.300	62.300	62.300	62.300	62.300	62.300	62.300	62.300	62.300
2643	Vật tư ngành nước	Ø 140/125 PN10	cái	TCVN 8491- 3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	62.300	62.300	62.300	62.300	62.300	62.300	62.300	62.300	62.300
2644	Vật tư ngành nước	Ø 160/90 PN10	cái	TCVN 8491- 3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	93.300	93.300	93.300	93.300	93.300	93.300	93.300	93.300	93.300
2645	Vật tư ngành nước	Ø 160/110 PN10	cái	TCVN 8491- 3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	102.500	102.500	102.500	102.500	102.500	102.500	102.500	102.500	102.500
2646	Vật tư ngành nước	Ø 160/125 PN10	cái	TCVN 8491- 3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	102.500	102.500	102.500	102.500	102.500	102.500	102.500	102.500	102.500
2647	Vật tư ngành nước	Ø 160/140 PN10	cái	TCVN 8491- 3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	102.500	102.500	102.500	102.500	102.500	102.500	102.500	102.500	102.500
2648	Vật tư ngành nước	Ø 200/110 PN10	cái	TCVN 8491- 3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	182.000	182.000	182.000	182.000	182.000	182.000	182.000	182.000	182.000
2649	Vật tư ngành nước	Ø 200/125 PN10	cái	TCVN 8491- 3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	182.000	182.000	182.000	182.000	182.000	182.000	182.000	182.000	182.000
2650	Vật tư ngành nước	Ø 200/140 PN10	cái	TCVN 8491- 3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	182.000	182.000	182.000	182.000	182.000	182.000	182.000	182.000	182.000
2651	Vật tư ngành nước	Ø 200/160 PN10	cái	TCVN 8491- 3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	182.000	182.000	182.000	182.000	182.000	182.000	182.000	182.000	182.000
2652	Vật tư ngành nước	Ø 225/200 PN10	cái	TCVN 8491- 3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	688.100	688.100	688.100	688.100	688.100	688.100	688.100	688.100	688.100
2653	Vật tư ngành nước	**Tê giảm nhựa 45^{0}**		TCVN 8491- 3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	-	-	-	-	-	-	-	-	-
2654	Vật tư ngành nước	Ø 75/60 PN10	cái	TCVN 8491- 3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	53.600	53.600	53.600	53.600	53.600	53.600	53.600	53.600	53.600
2655	Vật tư ngành nước	Ø 90/60 PN10	cái	TCVN 8491- 3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	74.900	74.900	74.900	74.900	74.900	74.900	74.900	74.900	74.900
2656	Vật tư ngành nước	Ø 90/75 PN10	cái	TCVN 8491- 3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	89.300	89.300	89.300	89.300	89.300	89.300	89.300	89.300	89.300
2657	Vật tư ngành nước	Ø 110/60 PN10	cái	TCVN 8491- 3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	102.400	102.400	102.400	102.400	102.400	102.400	102.400	102.400	102.400
2658	Vật tư ngành nước	Ø 110/75 PN10	cái	TCVN 8491- 3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	115.400	115.400	115.400	115.400	115.400	115.400	115.400	115.400	115.400
2659	Vật tư ngành nước	Ø 110/90 PN10	cái	TCVN 8491- 3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	121.600	121.600	121.600	121.600	121.600	121.600	121.600	121.600	121.600
2660	Vật tư ngành nước	Ø 125/75 PN10	cái	TCVN 8491- 3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	173.300	173.300	173.300	173.300	173.300	173.300	173.300	173.300	173.300
2661	Vật tư ngành nước	Ø 125/90 PN10	cái	TCVN 8491- 3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	171.500	171.500	171.500	171.500	171.500	171.500	171.500	171.500	171.500
2662	Vật tư ngành nước	Ø 125/110 PN10	cái	TCVN 8491- 3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	226.600	226.600	226.600	226.600	226.600	226.600	226.600	226.600	226.600

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)(đồng)							
												Khu vực TP. Tây Ninh	Khu vực TX.Trảng Bàng	Khu vực TX. Hoà Thành	Khu vực H.Tân Biên	Khu vực H.Tân Châu	Khu vực H. Châu Thành	Khu vực H.Dương Minh Châu	Khu vực H. Bến Cầu	Khu vực H. Gò Dầu
2663	Vật tư ngành nước	Ø 140/75 PN10	cái	TCVN 8491- 3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	198.000	198.000	198.000	198.000	198.000	198.000	198.000	198.000	198.000
2664	Vật tư ngành nước	Ø 140/90 PN10	cái	TCVN 8491- 3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	270.000	270.000	270.000	270.000	270.000	270.000	270.000	270.000	270.000
2665	Vật tư ngành nước	Ø 140/110 PN10	cái	TCVN 8491- 3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	290.600	290.600	290.600	290.600	290.600	290.600	290.600	290.600	290.600
2666	Vật tư ngành nước	Ø 160/90 PN10	cái	TCVN 8491- 3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	315.300	315.300	315.300	315.300	315.300	315.300	315.300	315.300	315.300
2667	Vật tư ngành nước	Ø 160/110 PN10	cái	TCVN 8491- 3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	352.000	352.000	352.000	352.000	352.000	352.000	352.000	352.000	352.000
2668	Vật tư ngành nước	**Bít xả thông tắc**		TCVN 8491- 3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới		0	-	-	-	-	-	-	-
2669	Vật tư ngành nước	Ø60	cái	TCVN 8491- 3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	13.300	13.300	13.300	13.300	13.300	13.300	13.300	13.300	13.300
2670	Vật tư ngành nước	Ø75	cái	TCVN 8491- 3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	19.300	19.300	19.300	19.300	19.300	19.300	19.300	19.300	19.300
2671	Vật tư ngành nước	Ø90	cái	TCVN 8491- 3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	28.000	28.000	28.000	28.000	28.000	28.000	28.000	28.000	28.000
2672	Vật tư ngành nước	Ø110	cái	TCVN 8491- 3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	37.300	37.300	37.300	37.300	37.300	37.300	37.300	37.300	37.300
2673	Vật tư ngành nước	Ø125	cái	TCVN 8491- 3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	53.400	53.400	53.400	53.400	53.400	53.400	53.400	53.400	53.400
2674	Vật tư ngành nước	Ø140	cái	TCVN 8491- 3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	70.600	70.600	70.600	70.600	70.600	70.600	70.600	70.600	70.600
2675	Vật tư ngành nước	Ø160	cái	TCVN 8491- 3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	94.600	94.600	94.600	94.600	94.600	94.600	94.600	94.600	94.600
2676	Vật tư ngành nước	Ø200	cái	TCVN 8491- 3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	332.300	332.300	332.300	332.300	332.300	332.300	332.300	332.300	332.300
2677	Vật tư ngành nước	**Xi phông (con thỏ)**	cái	TCVN 8491- 3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	-	-	-	-	-	-	-	-	-
2678	Vật tư ngành nước	Ø60	cái	TCVN 8491- 3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	35.000	35.000	35.000	35.000	35.000	35.000	35.000	35.000	35.000
2679	Vật tư ngành nước	Ø75	cái	TCVN 8491- 3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	66.900	66.900	66.900	66.900	66.900	66.900	66.900	66.900	66.900
2680	Vật tư ngành nước	Ø90	cái	TCVN 8491- 3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	88.400	88.400	88.400	88.400	88.400	88.400	88.400	88.400	88.400
2681	Vật tư ngành nước	Ø110	cái	TCVN 8491- 3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	147.100	147.100	147.100	147.100	147.100	147.100	147.100	147.100	147.100
2682	Vật tư ngành nước	**Keo dán**				Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	-	-	-	-	-	-	-	-	-
2683	Vật tư ngành nước	15g	hộp			Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	4.000	4.000	4.000	4.000	4.000	4.000	4.000	4.000	4.000
2684	Vật tư ngành nước	30g	hộp			Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	9.600	9.600	9.600	9.600	9.600	9.600	9.600	9.600	9.600
2685	Vật tư ngành nước	50g	hộp			Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	86.400	86.400	86.400	86.400	86.400	86.400	86.400	86.400	86.400

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)(đồng)								
												Khu vực TP. Tây Ninh	Khu vực TX.Trảng Bàng	Khu vực TX. Hoà Thành	Khu vực H.Tân Biên	Khu vực H.Tân Châu	Khu vực H. Châu Thành	Khu vực H.Dương Minh Châu	Khu vực H. Bến Cầu	Khu vực H. Gò Dầu
2686	Vật tư ngành nước	1000g	hộp			Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	173.000	173.000	173.000	173.000	173.000	173.000	173.000	173.000	173.000
2687	Vật tư ngành nước	**Hố ga**				Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	-	-	-	-	-	-	-	-	-
2688	Vật tư ngành nước	Hố ga 2 đầu ngang thân 225/MS lệch 110	đ/cái	TCVN 12755:2020		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	861.800	861.800	861.800	861.800	861.800	861.800	861.800	861.800	861.800
2689	Vật tư ngành nước	Hố ga 2 đầu ngang thân 225/MS lệch 110	đ/cái	TCVN 12755:2020		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	861.800	861.800	861.800	861.800	861.800	861.800	861.800	861.800	861.800
2690	Vật tư ngành nước	Hố ga 2 đầu đứng tê cong 160/110	đ/cái	TCVN 12755:2020		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	280.200	280.200	280.200	280.200	280.200	280.200	280.200	280.200	280.200
2691	Vật tư ngành nước	Hố ga 2 đầu ngang thân 200/cút 160	đ/cái	TCVN 12755:2020		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	978.100	978.100	978.100	978.100	978.100	978.100	978.100	978.100	978.100
2692	Vật tư ngành nước	Hố ga 4 đầu thân 200/thập lệch 160/110	đ/cái	TCVN 12755:2020		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	1.566.900	1.566.900	1.566.900	1.566.900	1.566.900	1.566.900	1.566.900	1.566.900	1.566.900
2693	Vật tư ngành nước	Hố ga 4 đầu thân 200/thập lệch 160/110	đ/cái	TCVN 12755:2020		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	2.290.800	2.290.800	2.290.800	2.290.800	2.290.800	2.290.800	2.290.800	2.290.800	2.290.800
2694	Vật tư ngành nước	Nắp đậy hố ga 200 Composite (tải trọng 1.5 tấn)	đ/cái	TCVN 12755:2020		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	1.346.300	1.346.300	1.346.300	1.346.300	1.346.300	1.346.300	1.346.300	1.346.300	1.346.300
2695	Vật tư ngành nước	Nắp đậy hố ga 225 Composite (tải trọng 1.5 tấn)	đ/cái	TCVN 12755:2020		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	1.346.300	1.346.300	1.346.300	1.346.300	1.346.300	1.346.300	1.346.300	1.346.300	1.346.300
2696	Vật tư ngành nước	Nắp đậy hố ga 160 nhựa	đ/cái	TCVN 12755:2020		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	887.300	887.300	887.300	887.300	887.300	887.300	887.300	887.300	887.300
2697	Vật tư ngành nước	Nút bịt hố ga 110 nhựa	đ/cái	TCVN 12755:2020		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	44.500	44.500	44.500	44.500	44.500	44.500	44.500	44.500	44.500
2698	Vật tư ngành nước	Ống uPVC 21 x 1.7mm	m	ASTM D2241/TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	21 x 1.7mm	Công Ty TNHH Hòa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	11.000	11.000	11.000	11.000	11.000	11.000	11.000	11.000	11.000
2699	Vật tư ngành nước	Ống uPVC 21 x 3.0mm	m	ASTM D2241/TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	21 x 3.0mm	Công Ty TNHH Hòa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	18.400	18.400	18.400	18.400	18.400	18.400	18.400	18.400	18.400
2700	Vật tư ngành nước	Ống uPVC 27 x 1.9mm	m	ASTM D2241/TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	27 x 1.9mm	Công Ty TNHH Hòa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	15.500	15.500	15.500	15.500	15.500	15.500	15.500	15.500	15.500
2701	Vật tư ngành nước	Ống uPVC 27 x 3.0mm	m	ASTM D2241/TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	27 x 3.0mm	Công Ty TNHH Hòa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	24.300	24.300	24.300	24.300	24.300	24.300	24.300	24.300	24.300
2702	Vật tư ngành nước	Ống uPVC 34 x 2.1mm	m	ASTM D2241/TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	34 x 2.1mm	Công Ty TNHH Hòa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	21.800	21.800	21.800	21.800	21.800	21.800	21.800	21.800	21.800
2703	Vật tư ngành nước	Ống uPVC 34 x 3.0mm	m	ASTM D2241/TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	34 x 3.0mm	Công Ty TNHH Hòa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	30.800	30.800	30.800	30.800	30.800	30.800	30.800	30.800	30.800
2704	Vật tư ngành nước	Ống uPVC 42 x 2.1mm	m	ASTM D2241/TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	42 x 2.1mm	Công Ty TNHH Hòa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	28.800	28.800	28.800	28.800	28.800	28.800	28.800	28.800	28.800
2705	Vật tư ngành nước	Ống uPVC 42 x 3.5mm	m	ASTM D2241/TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	42 x 3.5mm	Công Ty TNHH Hòa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	47.700	47.700	47.700	47.700	47.700	47.700	47.700	47.700	47.700
2706	Vật tư ngành nước	Ống uPVC 49 x 2.5mm	m	ASTM D2241/TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	49 x 2.5mm	Công Ty TNHH Hòa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	37.700	37.700	37.700	37.700	37.700	37.700	37.700	37.700	37.700
2707	Vật tư ngành nước	Ống uPVC 49 x 3.5mm	m	ASTM D2241/TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	49 x 3.5mm	Công Ty TNHH Hòa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	52.000	52.000	52.000	52.000	52.000	52.000	52.000	52.000	52.000
2708	Vật tư ngành nước	Ống uPVC 60 x 2.0mm	m	ASTM D2241/TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	60 x 2.0mm	Công Ty TNHH Hòa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	39.900	39.900	39.900	39.900	39.900	39.900	39.900	39.900	39.900
2709	Vật tư ngành nước	Ống uPVC 60 x 2.5mm	m	ASTM D2241/TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	60 x 2.5mm	Công Ty TNHH Hòa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	47.200	47.200	47.200	47.200	47.200	47.200	47.200	47.200	47.200
2710	Vật tư ngành nước	Ống uPVC 60 x 3.0mm	m	ASTM D2241/TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	60 x 3.0mm	Công Ty TNHH Hòa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	58.000	58.000	58.000	58.000	58.000	58.000	58.000	58.000	58.000

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)(đồng)								
												Khu vực TP. Tây Ninh	Khu vực TX.Trảng Bàng	Khu vực TX. Hoà Thành	Khu vực H.Tân Biên	Khu vực H.Tân Châu	Khu vực H. Châu Thành	Khu vực H.Dương Minh Châu	Khu vực H. Bến Cầu	Khu vực H. Gò Dầu
2711	Vật tư ngành nước	Ống uPVC 60 x 4.0mm	m	ASTM D2241/TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	60 x 4.0mm	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	73.000	73.000	73.000	73.000	73.000	73.000	73.000	73.000	73.000
2712	Vật tư ngành nước	Ống uPVC 60 x 4.5mm	m	ASTM D2241/TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	60 x 4.5mm	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	85.700	85.700	85.700	85.700	85.700	85.700	85.700	85.700	85.700
2713	Vật tư ngành nước	Ống uPVC 76 x 3.0mm *	m	ASTM D2241/TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	76 x 3.0mm *	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	72.400	72.400	72.400	72.400	72.400	72.400	72.400	72.400	72.400
2714	Vật tư ngành nước	Ống uPVC 76 x 4.5mm *	m	ASTM D2241/TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	76 x 4.5mm *	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	122.300	122.300	122.300	122.300	122.300	122.300	122.300	122.300	122.300
2715	Vật tư ngành nước	Ống uPVC 90 x 3.0mm	m	ASTM D2241/TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	90 x 3.0mm	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	87.000	87.000	87.000	87.000	87.000	87.000	87.000	87.000	87.000
2716	Vật tư ngành nước	Ống uPVC 90 x 3.8mm	m	ASTM D2241/TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	90 x 3.8mm	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	111.400	111.400	111.400	111.400	111.400	111.400	111.400	111.400	111.400
2717	Vật tư ngành nước	Ống uPVC 90 x 4.0mm	m	ASTM D2241/TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	90 x 4.0mm	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	111.400	111.400	111.400	111.400	111.400	111.400	111.400	111.400	111.400
2718	Vật tư ngành nước	Ống uPVC 90 x 5.5mm *	m	ASTM D2241/TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	90 x 5.5mm *	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	169.300	169.300	169.300	169.300	169.300	169.300	169.300	169.300	169.300
2719	Vật tư ngành nước	Ống uPVC 114 x 3.5mm	m	ASTM D2241/TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	114 x 3.5mm	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	124.500	124.500	124.500	124.500	124.500	124.500	124.500	124.500	124.500
2720	Vật tư ngành nước	Ống uPVC 114 x 5.0mm	m	ASTM D2241/TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	114 x 5.0mm	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	183.000	183.000	183.000	183.000	183.000	183.000	183.000	183.000	183.000
2721	Vật tư ngành nước	Ống uPVC 114 x 7.0mm	m	ASTM D2241/TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	114 x 7.0mm	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	268.400	268.400	268.400	268.400	268.400	268.400	268.400	268.400	268.400
2722	Vật tư ngành nước	Ống uPVC 140 x 3.5mm *	m	ASTM D2241/TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	140 x 3.5mm *	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	162.300	162.300	162.300	162.300	162.300	162.300	162.300	162.300	162.300
2723	Vật tư ngành nước	Ống uPVC 140 x 5.0mm *	m	ASTM D2241/TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	140 x 5.0mm *	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	248.900	248.900	248.900	248.900	248.900	248.900	248.900	248.900	248.900
2724	Vật tư ngành nước	Ống uPVC 140 x 7.5mm *	m	ASTM D2241/TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	140 x 7.5mm *	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	367.300	367.300	367.300	367.300	367.300	367.300	367.300	367.300	367.300
2725	Vật tư ngành nước	Ống uPVC 168 x 4.5mm	m	ASTM D2241/TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	168 x 4.5mm	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	239.500	239.500	239.500	239.500	239.500	239.500	239.500	239.500	239.500
2726	Vật tư ngành nước	Ống uPVC 168 x 7.0mm	m	ASTM D2241/TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	168 x 7.0mm	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	385.400	385.400	385.400	385.400	385.400	385.400	385.400	385.400	385.400
2727	Vật tư ngành nước	Ống uPVC 168 x 9.0mm	m	ASTM D2241/TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	168 x 9.0mm	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	538.800	538.800	538.800	538.800	538.800	538.800	538.800	538.800	538.800
2728	Vật tư ngành nước	Ống uPVC 220 x 6.6mm	m	ASTM D2241/TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	220 x 6.6mm	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	476.300	476.300	476.300	476.300	476.300	476.300	476.300	476.300	476.300
2729	Vật tư ngành nước	Ống uPVC 220 x 8.7mm	m	ASTM D2241/TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	220 x 8.7mm	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	621.700	621.700	621.700	621.700	621.700	621.700	621.700	621.700	621.700
2730	Vật tư ngành nước	Ống uPVC 121 x 6.7mm	m	ASTM D2241/TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	121 x 6.7mm	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	266.700	266.700	266.700	266.700	266.700	266.700	266.700	266.700	266.700
2731	Vật tư ngành nước	Ống uPVC 177 x 9.7mm	m	ASTM D2241/TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	177 x 9.7mm	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	563.200	563.200	563.200	563.200	563.200	563.200	563.200	563.200	563.200
2732	Vật tư ngành nước	Ống uPVC 222 x 9.7mm	m	ASTM D2241/TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	222 x 9.7mm	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	719.500	719.500	719.500	719.500	719.500	719.500	719.500	719.500	719.500
2733	Vật tư ngành nước	Ống uPVC 222 x 11.4mm	m	ASTM D2241/TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	222 x 11.4mm	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	838.800	838.800	838.800	838.800	838.800	838.800	838.800	838.800	838.800
2734	Vật tư ngành nước	Ống uPVC 75 x 2.2mm	m	ASTM D2241/TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	75 x 2.2mm	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	53.300	53.300	53.300	53.300	53.300	53.300	53.300	53.300	53.300
2735	Vật tư ngành nước	Ống uPVC 75 x 3.6mm	m	ASTM D2241/TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	75 x 3.6mm	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	86.000	86.000	86.000	86.000	86.000	86.000	86.000	86.000	86.000
2736	Vật tư ngành nước	Ống uPVC 90 x 2.2mm	m	ASTM D2241/TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	90 x 2.2mm	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	65.800	65.800	65.800	65.800	65.800	65.800	65.800	65.800	65.800
2737	Vật tư ngành nước	Ống uPVC 90 x 2.7mm	m	ASTM D2241/TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	90 x 2.7mm	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	76.000	76.000	76.000	76.000	76.000	76.000	76.000	76.000	76.000

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)(đồng)								
												Khu vực TP. Tây Ninh	Khu vực TX.Trảng Bàng	Khu vực TX. Hoà Thành	Khu vực H.Tân Biên	Khu vực H.Tân Châu	Khu vực H. Châu Thành	Khu vực H.Dương Minh Châu	Khu vực H. Bến Cầu	Khu vực H. Gò Dầu
2738	Vật tư ngành nước	Ống uPVC 90 x 3.5mm	m	ASTM D2241/TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	90 x 3.5mm	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	99.600	99.600	99.600	99.600	99.600	99.600	99.600	99.600	99.600
2739	Vật tư ngành nước	Ống uPVC 90 x 4.3mm	m	ASTM D2241/TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	90 x 4.3mm	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	123.800	123.800	123.800	123.800	123.800	123.800	123.800	123.800	123.800
2740	Vật tư ngành nước	Ống uPVC 90 x 5.4mm	m	ASTM D2241/TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	90 x 5.4mm	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	153.800	153.800	153.800	153.800	153.800	153.800	153.800	153.800	153.800
2741	Vật tư ngành nước	Ống uPVC 110 x 2.7mm	m	ASTM D2241/TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	110 x 2.7mm	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	97.900	97.900	97.900	97.900	97.900	97.900	97.900	97.900	97.900
2742	Vật tư ngành nước	Ống uPVC 110 x 3.2mm	m	ASTM D2241/TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	110 x 3.2mm	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	111.400	111.400	111.400	111.400	111.400	111.400	111.400	111.400	111.400
2743	Vật tư ngành nước	Ống uPVC 110 x 4.2mm	m	ASTM D2241/TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	110 x 4.2mm	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	156.000	156.000	156.000	156.000	156.000	156.000	156.000	156.000	156.000
2744	Vật tư ngành nước	Ống uPVC 110 x 5.3mm	m	ASTM D2241/TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	110 x 5.3mm	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	186.800	186.800	186.800	186.800	186.800	186.800	186.800	186.800	186.800
2745	Vật tư ngành nước	Ống uPVC 110 x 6.6mm	m	ASTM D2241/TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	110 x 6.6mm	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	230.500	230.500	230.500	230.500	230.500	230.500	230.500	230.500	230.500
2746	Vật tư ngành nước	Ống uPVC 140 x 3.5mm	m	ASTM D2241/TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	140 x 3.5mm	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	151.300	151.300	151.300	151.300	151.300	151.300	151.300	151.300	151.300
2747	Vật tư ngành nước	Ống uPVC 140 x 4.1mm	m	ASTM D2241/TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	140 x 4.1mm	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	178.300	178.300	178.300	178.300	178.300	178.300	178.300	178.300	178.300
2748	Vật tư ngành nước	Ống uPVC 140 x 5.4mm	m	ASTM D2241/TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	140 x 5.4mm	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	238.500	238.500	238.500	238.500	238.500	238.500	238.500	238.500	238.500
2749	Vật tư ngành nước	Ống uPVC 140 x 6.7mm	m	ASTM D2241/TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	140 x 6.7mm	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	291.900	291.900	291.900	291.900	291.900	291.900	291.900	291.900	291.900
2750	Vật tư ngành nước	Ống uPVC 140 x 8.3mm	m	ASTM D2241/TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	140 x 8.3mm	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	359.000	359.000	359.000	359.000	359.000	359.000	359.000	359.000	359.000
2751	Vật tư ngành nước	Ống uPVC 160 x 4.0mm	m	ASTM D2241/TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	160 x 4.0mm	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	200.000	200.000	200.000	200.000	200.000	200.000	200.000	200.000	200.000
2752	Vật tư ngành nước	Ống uPVC 160 x 4.7mm	m	ASTM D2241/TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	160 x 4.7mm	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	230.900	230.900	230.900	230.900	230.900	230.900	230.900	230.900	230.900
2753	Vật tư ngành nước	Ống uPVC 160 x 6.2mm	m	ASTM D2241/TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	160 x 6.2mm	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	298.600	298.600	298.600	298.600	298.600	298.600	298.600	298.600	298.600
2754	Vật tư ngành nước	Ống uPVC 160 x 7.7mm	m	ASTM D2241/TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	160 x 7.7mm	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	378.900	378.900	378.900	378.900	378.900	378.900	378.900	378.900	378.900
2755	Vật tư ngành nước	Ống uPVC 160 x 9.5mm	m	ASTM D2241/TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	160 x 9.5mm	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	465.100	465.100	465.100	465.100	465.100	465.100	465.100	465.100	465.100
2756	Vật tư ngành nước	Ống uPVC 200 x 4.9mm	m	ASTM D2241/TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	200 x 4.9mm	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	311.500	311.500	311.500	311.500	311.500	311.500	311.500	311.500	311.500
2757	Vật tư ngành nước	Ống uPVC 200 x 5.9mm	m	ASTM D2241/TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	200 x 5.9mm	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	362.300	362.300	362.300	362.300	362.300	362.300	362.300	362.300	362.300
2758	Vật tư ngành nước	Ống uPVC 200 x 7.7mm	m	ASTM D2241/TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	200 x 7.7mm	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	462.300	462.300	462.300	462.300	462.300	462.300	462.300	462.300	462.300
2759	Vật tư ngành nước	Ống uPVC 200 x 9.6mm	m	ASTM D2241/TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	200 x 9.6mm	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	592.400	592.400	592.400	592.400	592.400	592.400	592.400	592.400	592.400
2760	Vật tư ngành nước	Ống uPVC 200 x 11.9mm	m	ASTM D2241/TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	200 x 11.9mm	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	730.100	730.100	730.100	730.100	730.100	730.100	730.100	730.100	730.100
2761	Vật tư ngành nước	Ống uPVC 225 x 5.5mm	m	ASTM D2241/TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	225 x 5.5mm	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	379.800	379.800	379.800	379.800	379.800	379.800	379.800	379.800	379.800
2762	Vật tư ngành nước	Ống uPVC 225 x 6.6mm	m	ASTM D2241/TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	225 x 6.6mm	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	450.100	450.100	450.100	450.100	450.100	450.100	450.100	450.100	450.100
2763	Vật tư ngành nước	Ống uPVC 225 x 8.6mm	m	ASTM D2241/TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	225 x 8.6mm	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	584.600	584.600	584.600	584.600	584.600	584.600	584.600	584.600	584.600
2764	Vật tư ngành nước	Ống uPVC 225 x 10.8mm	m	ASTM D2241/TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	225 x 10.8mm	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	749.800	749.800	749.800	749.800	749.800	749.800	749.800	749.800	749.800

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)(đồng)								
												Khu vực TP. Tây Ninh	Khu vực TX.Trảng Bàng	Khu vực TX. Hoà Thành	Khu vực H.Tân Biên	Khu vực H.Tân Châu	Khu vực H. Châu Thành	Khu vực H.Dương Minh Châu	Khu vực H. Bến Cầu	Khu vực H. Gò Dầu
2765	Vật tư ngành nước	Ống uPVC 225 x 13.4mm	m	ASTM D2241/TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	225 x 13.4mm	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	926.800	926.800	926.800	926.800	926.800	926.800	926.800	926.800	926.800
2766	Vật tư ngành nước	Ống uPVC 250 x 6.2mm	m	ASTM D2241/TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	250 x 6.2mm	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	499.500	499.500	499.500	499.500	499.500	499.500	499.500	499.500	499.500
2767	Vật tư ngành nước	Ống uPVC 250 x 7.3mm	m	ASTM D2241/TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	250 x 7.3mm	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	582.900	582.900	582.900	582.900	582.900	582.900	582.900	582.900	582.900
2768	Vật tư ngành nước	Ống uPVC 250 x 9.6mm	m	ASTM D2241/TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	250 x 9.6mm	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	753.400	753.400	753.400	753.400	753.400	753.400	753.400	753.400	753.400
2769	Vật tư ngành nước	Ống uPVC 250 x 11.9mm	m	ASTM D2241/TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	250 x 11.9mm	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	952.400	952.400	952.400	952.400	952.400	952.400	952.400	952.400	952.400
2770	Vật tư ngành nước	Ống uPVC 250 x 14.8mm	m	ASTM D2241/TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	250 x 14.8mm	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	1.179.500	1.179.500	1.179.500	1.179.500	1.179.500	1.179.500	1.179.500	1.179.500	1.179.500
2771	Vật tư ngành nước	Ống uPVC 280 x 6.9mm	m	ASTM D2241/TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	280 x 6.9mm	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	594.000	594.000	594.000	594.000	594.000	594.000	594.000	594.000	594.000
2772	Vật tư ngành nước	Ống uPVC 280 x 8.2mm	m	ASTM D2241/TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	280 x 8.2mm	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	699.800	699.800	699.800	699.800	699.800	699.800	699.800	699.800	699.800
2773	Vật tư ngành nước	Ống uPVC 280 x 10.7mm	m	ASTM D2241/TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	280 x 10.7mm	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	899.000	899.000	899.000	899.000	899.000	899.000	899.000	899.000	899.000
2774	Vật tư ngành nước	Ống uPVC 280 x 13.4mm	m	ASTM D2241/TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	280 x 13.4mm	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	1.233.000	1.233.000	1.233.000	1.233.000	1.233.000	1.233.000	1.233.000	1.233.000	1.233.000
2775	Vật tư ngành nước	Ống uPVC 280 x 16.6mm	m	ASTM D2241/TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	280 x 16.6mm	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	1.415.400	1.415.400	1.415.400	1.415.400	1.415.400	1.415.400	1.415.400	1.415.400	1.415.400
2776	Vật tư ngành nước	Ống uPVC 315 x 7.7mm	m	ASTM D2241/TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	315 x 7.7mm	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	745.400	745.400	745.400	745.400	745.400	745.400	745.400	745.400	745.400
2777	Vật tư ngành nước	Ống uPVC 315 x 9.2mm	m	ASTM D2241/TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	315 x 9.2mm	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	894.300	894.300	894.300	894.300	894.300	894.300	894.300	894.300	894.300
2778	Vật tư ngành nước	Ống uPVC 315 x 12.1mm	m	ASTM D2241/TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	315 x 12.1mm	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	1.123.600	1.123.600	1.123.600	1.123.600	1.123.600	1.123.600	1.123.600	1.123.600	1.123.600
2779	Vật tư ngành nước	Ống uPVC 315 x 15.0mm	m	ASTM D2241/TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	315 x 15.0mm	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	1.555.600	1.555.600	1.555.600	1.555.600	1.555.600	1.555.600	1.555.600	1.555.600	1.555.600
2780	Vật tư ngành nước	Ống uPVC 315 x 18.7mm	m	ASTM D2241/TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	315 x 18.7mm	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	1.792.500	1.792.500	1.792.500	1.792.500	1.792.500	1.792.500	1.792.500	1.792.500	1.792.500
2781	Vật tư ngành nước	Ống uPVC 355 x 8.7mm	m	ASTM D2241/TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	355 x 8.7mm	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	973.900	973.900	973.900	973.900	973.900	973.900	973.900	973.900	973.900
2782	Vật tư ngành nước	Ống uPVC 355 x 10.4mm	m	ASTM D2241/TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	355 x 10.4mm	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	1.158.600	1.158.600	1.158.600	1.158.600	1.158.600	1.158.600	1.158.600	1.158.600	1.158.600
2783	Vật tư ngành nước	Ống uPVC 355 x 13.6mm	m	ASTM D2241/TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	355 x 13.6mm	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	1.503.500	1.503.500	1.503.500	1.503.500	1.503.500	1.503.500	1.503.500	1.503.500	1.503.500
2784	Vật tư ngành nước	Ống uPVC 355 x 16.9mm	m	ASTM D2241/TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	355 x 16.9mm	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	1.848.800	1.848.800	1.848.800	1.848.800	1.848.800	1.848.800	1.848.800	1.848.800	1.848.800
2785	Vật tư ngành nước	Ống uPVC 400 x 9.8mm	m	ASTM D2241/TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	400 x 9.8mm	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	1.237.600	1.237.600	1.237.600	1.237.600	1.237.600	1.237.600	1.237.600	1.237.600	1.237.600
2786	Vật tư ngành nước	Ống uPVC 400 x 11.7mm	m	ASTM D2241/TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	400 x 11.7mm	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	1.471.800	1.471.800	1.471.800	1.471.800	1.471.800	1.471.800	1.471.800	1.471.800	1.471.800
2787	Vật tư ngành nước	Ống uPVC 400 x 15.3mm	m	ASTM D2241/TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	400 x 15.3mm	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	1.905.500	1.905.500	1.905.500	1.905.500	1.905.500	1.905.500	1.905.500	1.905.500	1.905.500
2788	Vật tư ngành nước	Ống uPVC 400 x 19.1mm	m	ASTM D2241/TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	400 x 19.1mm	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	2.353.900	2.353.900	2.353.900	2.353.900	2.353.900	2.353.900	2.353.900	2.353.900	2.353.900
2789	Vật tư ngành nước	Ống uPVC 450 x 11.0mm	m	ASTM D2241/TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	450 x 11.0mm	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	1.564.300	1.564.300	1.564.300	1.564.300	1.564.300	1.564.300	1.564.300	1.564.300	1.564.300
2790	Vật tư ngành nước	Ống uPVC 450 x 13.2mm	m	ASTM D2241/TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	450 x 13.2mm	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	1.866.400	1.866.400	1.866.400	1.866.400	1.866.400	1.866.400	1.866.400	1.866.400	1.866.400
2791	Vật tư ngành nước	Ống uPVC 450 x 17.2mm	m	ASTM D2241/TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	450 x 17.2mm	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	2.410.000	2.410.000	2.410.000	2.410.000	2.410.000	2.410.000	2.410.000	2.410.000	2.410.000

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)(đồng)								
												Khu vực TP. Tây Ninh	Khu vực TX.Trảng Bàng	Khu vực TX. Hoà Thành	Khu vực H.Tân Biên	Khu vực H.Tân Châu	Khu vực H. Châu Thành	Khu vực H.Dương Minh Châu	Khu vực H. Bến Cầu	Khu vực H. Gò Dầu
2792	Vật tư ngành nước	Ống uPVC 450 x 21.5mm	m	ASTM D2241/TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	450 x 21.5mm	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	2.985.500	2.985.500	2.985.500	2.985.500	2.985.500	2.985.500	2.985.500	2.985.500	2.985.500
2793	Vật tư ngành nước	Ống uPVC 500 x 12.3mm	m	ASTM D2241/TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	500 x 12.3mm	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	1.975.400	1.975.400	1.975.400	1.975.400	1.975.400	1.975.400	1.975.400	1.975.400	1.975.400
2794	Vật tư ngành nước	Ống uPVC 500 x 14.6mm	m	ASTM D2241/TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	500 x 14.6mm	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	2.270.000	2.270.000	2.270.000	2.270.000	2.270.000	2.270.000	2.270.000	2.270.000	2.270.000
2795	Vật tư ngành nước	Ống uPVC 500 x 23.9mm	m	ASTM D2241/TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	500 x 23.9mm	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	3.646.000	3.646.000	3.646.000	3.646.000	3.646.000	3.646.000	3.646.000	3.646.000	3.646.000
2796	Vật tư ngành nước	Ống uPVC 560 x 17.2mm	m	ASTM D2241/TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	560 x 17.2mm	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	3.102.200	3.102.200	3.102.200	3.102.200	3.102.200	3.102.200	3.102.200	3.102.200	3.102.200
2797	Vật tư ngành nước	Ống uPVC 560 x 26.7mm	m	ASTM D2241/TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	560 x 26.7mm	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	4.729.600	4.729.600	4.729.600	4.729.600	4.729.600	4.729.600	4.729.600	4.729.600	4.729.600
2798	Vật tư ngành nước	Ống uPVC 630 x 18.4mm	m	ASTM D2241/TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	630 x 18.4mm	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	3.664.000	3.664.000	3.664.000	3.664.000	3.664.000	3.664.000	3.664.000	3.664.000	3.664.000
2799	Vật tư ngành nước	Ống uPVC 630 x 30.0mm	m	ASTM D2241/TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	630 x 30.0mm	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	5.792.000	5.792.000	5.792.000	5.792.000	5.792.000	5.792.000	5.792.000	5.792.000	5.792.000
2800	Vật tư ngành nước	Ống HDPE 20 x 1.8mm	m	ISO 4427:2007	20 x 1.8mm	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	12.100	12.100	12.100	12.100	12.100	12.100	12.100	12.100	12.100
2801	Vật tư ngành nước	Ống HDPE 20 x 2.0mm	m	ISO 4427:2007	20 x 2.0mm	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	12.500	12.500	12.500	12.500	12.500	12.500	12.500	12.500	12.500
2802	Vật tư ngành nước	Ống HDPE 20 x 2.3mm	m	ISO 4427:2007	20 x 2.3mm	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	14.800	14.800	14.800	14.800	14.800	14.800	14.800	14.800	14.800
2803	Vật tư ngành nước	Ống HDPE 25 x 2.0mm	m	ISO 4427:2007	25 x 2.0mm	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	16.000	16.000	16.000	16.000	16.000	16.000	16.000	16.000	16.000
2804	Vật tư ngành nước	Ống HDPE 25 x 2.3mm	m	ISO 4427:2007	25 x 2.3mm	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	19.000	19.000	19.000	19.000	19.000	19.000	19.000	19.000	19.000
2805	Vật tư ngành nước	Ống HDPE 25 x 3.0mm	m	ISO 4427:2007	25 x 3.0mm	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	22.300	22.300	22.300	22.300	22.300	22.300	22.300	22.300	22.300
2806	Vật tư ngành nước	Ống HDPE 32 x 2.0mm	m	ISO 4427:2007	32 x 2.0mm	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	21.400	21.400	21.400	21.400	21.400	21.400	21.400	21.400	21.400
2807	Vật tư ngành nước	Ống HDPE 32 x 2.4mm	m	ISO 4427:2007	32 x 2.4mm	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	26.100	26.100	26.100	26.100	26.100	26.100	26.100	26.100	26.100
2808	Vật tư ngành nước	Ống HDPE 32 x 3.0mm	m	ISO 4427:2007	32 x 3.0mm	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	30.600	30.600	30.600	30.600	30.600	30.600	30.600	30.600	30.600
2809	Vật tư ngành nước	Ống HDPE 32 x 3.6mm	m	ISO 4427:2007	32 x 3.6mm	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	36.800	36.800	36.800	36.800	36.800	36.800	36.800	36.800	36.800
2810	Vật tư ngành nước	Ống HDPE 40 x 2.0mm	m	ISO 4427:2007	40 x 2.0mm	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	27.100	27.100	27.100	27.100	27.100	27.100	27.100	27.100	27.100
2811	Vật tư ngành nước	Ống HDPE 40 x 2.4mm	m	ISO 4427:2007	40 x 2.4mm	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	32.600	32.600	32.600	32.600	32.600	32.600	32.600	32.600	32.600
2812	Vật tư ngành nước	Ống HDPE 40 x 3.0mm	m	ISO 4427:2007	40 x 3.0mm	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	39.500	39.500	39.500	39.500	39.500	39.500	39.500	39.500	39.500
2813	Vật tư ngành nước	Ống HDPE 40 x 3.7mm	m	ISO 4427:2007	40 x 3.7mm	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	47.400	47.400	47.400	47.400	47.400	47.400	47.400	47.400	47.400
2814	Vật tư ngành nước	Ống HDPE 40 x 4.5mm	m	ISO 4427:2007	40 x 4.5mm	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	56.300	56.300	56.300	56.300	56.300	56.300	56.300	56.300	56.300
2815	Vật tư ngành nước	Ống HDPE 50 x 2.4mm	m	ISO 4427:2007	50 x 2.4mm	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	42.000	42.000	42.000	42.000	42.000	42.000	42.000	42.000	42.000
2816	Vật tư ngành nước	Ống HDPE 50 x 3.0mm	m	ISO 4427:2007	50 x 3.0mm	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	50.100	50.100	50.100	50.100	50.100	50.100	50.100	50.100	50.100
2817	Vật tư ngành nước	Ống HDPE 50 x 3.7mm	m	ISO 4427:2007	50 x 3.7mm	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	60.300	60.300	60.300	60.300	60.300	60.300	60.300	60.300	60.300
2818	Vật tư ngành nước	Ống HDPE 50 x 4.6mm	m	ISO 4427:2007	50 x 4.6mm	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	73.500	73.500	73.500	73.500	73.500	73.500	73.500	73.500	73.500

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)(đồng)								
												Khu vực TP. Tây Ninh	Khu vực TX.Trảng Bàng	Khu vực TX. Hoà Thành	Khu vực H.Tân Biên	Khu vực H.Tân Châu	Khu vực H. Châu Thành	Khu vực H.Dương Minh Châu	Khu vực H. Bến Cầu	Khu vực H. Gò Dầu
2819	Vật tư ngành nước	Ống HDPE 50 x 5.6mm	m	ISO 4427:2007	50 x 5.6mm	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	87.000	87.000	87.000	87.000	87.000	87.000	87.000	87.000	87.000
2820	Vật tư ngành nước	Ống HDPE 63 x 3.0mm	m	ISO 4427:2007	63 x 3.0mm	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	65.100	65.100	65.100	65.100	65.100	65.100	65.100	65.100	65.100
2821	Vật tư ngành nước	Ống HDPE 63 x 3.8mm	m	ISO 4427:2007	63 x 3.8mm	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	80.000	80.000	80.000	80.000	80.000	80.000	80.000	80.000	80.000
2822	Vật tư ngành nước	Ống HDPE 63 x 4.7mm	m	ISO 4427:2007	63 x 4.7mm	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	97.000	97.000	97.000	97.000	97.000	97.000	97.000	97.000	97.000
2823	Vật tư ngành nước	Ống HDPE 63 x 5.8mm	m	ISO 4427:2007	63 x 5.8mm	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	115.700	115.700	115.700	115.700	115.700	115.700	115.700	115.700	115.700
2824	Vật tư ngành nước	Ống HDPE 63 x 7.1mm	m	ISO 4427:2007	63 x 7.1mm	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	138.500	138.500	138.500	138.500	138.500	138.500	138.500	138.500	138.500
2825	Vật tư ngành nước	Ống HDPE 75 x 3.6mm	m	ISO 4427:2007	75 x 3.6mm	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	92.700	92.700	92.700	92.700	92.700	92.700	92.700	92.700	92.700
2826	Vật tư ngành nước	Ống HDPE 75 x 4.5mm	m	ISO 4427:2007	75 x 4.5mm	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	114.200	114.200	114.200	114.200	114.200	114.200	114.200	114.200	114.200
2827	Vật tư ngành nước	Ống HDPE 75 x 5.6mm	m	ISO 4427:2007	75 x 5.6mm	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	137.700	137.700	137.700	137.700	137.700	137.700	137.700	137.700	137.700
2828	Vật tư ngành nước	Ống HDPE 75 x 6.8mm	m	ISO 4427:2007	75 x 6.8mm	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	164.300	164.300	164.300	164.300	164.300	164.300	164.300	164.300	164.300
2829	Vật tư ngành nước	Ống HDPE 75 x 8.4mm	m	ISO 4427:2007	75 x 8.4mm	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	196.200	196.200	196.200	196.200	196.200	196.200	196.200	196.200	196.200
2830	Vật tư ngành nước	Ống HDPE 90 x 4.3mm	m	ISO 4427:2007	90 x 4.3mm	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	146.300	146.300	146.300	146.300	146.300	146.300	146.300	146.300	146.300
2831	Vật tư ngành nước	Ống HDPE 90 x 5.4mm	m	ISO 4427:2007	90 x 5.4mm	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	162.000	162.000	162.000	162.000	162.000	162.000	162.000	162.000	162.000
2832	Vật tư ngành nước	Ống HDPE 90 x 6.7mm	m	ISO 4427:2007	90 x 6.7mm	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	195.800	195.800	195.800	195.800	195.800	195.800	195.800	195.800	195.800
2833	Vật tư ngành nước	Ống HDPE 90 x 8.2mm	m	ISO 4427:2007	90 x 8.2mm	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	235.200	235.200	235.200	235.200	235.200	235.200	235.200	235.200	235.200
2834	Vật tư ngành nước	Ống HDPE 90 x 10.1mm	m	ISO 4427:2007	90 x 10.1mm	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	281.500	281.500	281.500	281.500	281.500	281.500	281.500	281.500	281.500
2835	Vật tư ngành nước	Ống HDPE 110 x 4.2mm	m	ISO 4427:2007	110 x 4.2mm	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	158.000	158.000	158.000	158.000	158.000	158.000	158.000	158.000	158.000
2836	Vật tư ngành nước	Ống HDPE 110 x 5.3mm	m	ISO 4427:2007	110 x 5.3mm	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	196.300	196.300	196.300	196.300	196.300	196.300	196.300	196.300	196.300
2837	Vật tư ngành nước	Ống HDPE 110 x 6.6mm	m	ISO 4427:2007	110 x 6.6mm	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	245.600	245.600	245.600	245.600	245.600	245.600	245.600	245.600	245.600
2838	Vật tư ngành nước	Ống HDPE 110 x 8.1mm	m	ISO 4427:2007	110 x 8.1mm	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	293.300	293.300	293.300	293.300	293.300	293.300	293.300	293.300	293.300
2839	Vật tư ngành nước	Ống HDPE 110 x 10.0mm	m	ISO 4427:2007	110 x 10.0mm	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	354.300	354.300	354.300	354.300	354.300	354.300	354.300	354.300	354.300
2840	Vật tư ngành nước	Ống HDPE 110 x 12.3mm	m	ISO 4427:2007	110 x 12.3mm	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	426.400	426.400	426.400	426.400	426.400	426.400	426.400	426.400	426.400
2841	Vật tư ngành nước	Ống HDPE 125 x 4.8mm	m	ISO 4427:2007	125 x 4.8mm	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	204.500	204.500	204.500	204.500	204.500	204.500	204.500	204.500	204.500
2842	Vật tư ngành nước	Ống HDPE 125 x 6.0mm	m	ISO 4427:2007	125 x 6.0mm	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	253.500	253.500	253.500	253.500	253.500	253.500	253.500	253.500	253.500
2843	Vật tư ngành nước	Ống HDPE 125 x 7.4mm	m	ISO 4427:2007	125 x 7.4mm	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	310.000	310.000	310.000	310.000	310.000	310.000	310.000	310.000	310.000
2844	Vật tư ngành nước	Ống HDPE 125 x 9.2mm	m	ISO 4427:2007	125 x 9.2mm	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	377.700	377.700	377.700	377.700	377.700	377.700	377.700	377.700	377.700
2845	Vật tư ngành nước	Ống HDPE 125 x 11.4mm	m	ISO 4427:2007	125 x 11.4mm	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	458.300	458.300	458.300	458.300	458.300	458.300	458.300	458.300	458.300

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)(đồng)								
												Khu vực TP. Tây Ninh	Khu vực TX.Trảng Bàng	Khu vực TX. Hoà Thành	Khu vực H.Tân Biên	Khu vực H.Tân Châu	Khu vực H. Châu Thành	Khu vực H.Dương Minh Châu	Khu vực H. Bến Cầu	Khu vực H. Gò Dầu
2846	Vật tư ngành nước	Ống HDPE 125 x 14.0mm	m	ISO 4427:2007	125 x 14.0mm	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	546.500	546.500	546.500	546.500	546.500	546.500	546.500	546.500	546.500
2847	Vật tư ngành nước	Ống HDPE 140 x 5.4mm	m	ISO 4427:2007	140 x 5.4mm	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	256.600	256.600	256.600	256.600	256.600	256.600	256.600	256.600	256.600
2848	Vật tư ngành nước	Ống HDPE 140 x 6.7mm	m	ISO 4427:2007	140 x 6.7mm	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	315.700	315.700	315.700	315.700	315.700	315.700	315.700	315.700	315.700
2849	Vật tư ngành nước	Ống HDPE 140 x 8.3mm	m	ISO 4427:2007	140 x 8.3mm	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	386.900	386.900	386.900	386.900	386.900	386.900	386.900	386.900	386.900
2850	Vật tư ngành nước	Ống HDPE 140 x 10.3mm	m	ISO 4427:2007	140 x 10.3mm	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	468.600	468.600	468.600	468.600	468.600	468.600	468.600	468.600	468.600
2851	Vật tư ngành nước	Ống HDPE 140 x 12.7mm	m	ISO 4427:2007	140 x 12.7mm	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	568.100	568.100	568.100	568.100	568.100	568.100	568.100	568.100	568.100
2852	Vật tư ngành nước	Ống HDPE 140 x 15.7mm	m	ISO 4427:2007	140 x 15.7mm	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	683.300	683.300	683.300	683.300	683.300	683.300	683.300	683.300	683.300
2853	Vật tư ngành nước	Ống HDPE 160 x 6.2mm	m	ISO 4427:2007	160 x 6.2mm	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	336.200	336.200	336.200	336.200	336.200	336.200	336.200	336.200	336.200
2854	Vật tư ngành nước	Ống HDPE 160 x 7.7mm	m	ISO 4427:2007	160 x 7.7mm	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	414.600	414.600	414.600	414.600	414.600	414.600	414.600	414.600	414.600
2855	Vật tư ngành nước	Ống HDPE 160 x 9.5mm	m	ISO 4427:2007	160 x 9.5mm	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	508.400	508.400	508.400	508.400	508.400	508.400	508.400	508.400	508.400
2856	Vật tư ngành nước	Ống HDPE 160 x 11.8mm	m	ISO 4427:2007	160 x 11.8mm	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	611.500	611.500	611.500	611.500	611.500	611.500	611.500	611.500	611.500
2857	Vật tư ngành nước	Ống HDPE 160 x 14.6mm	m	ISO 4427:2007	160 x 14.6mm	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	751.400	751.400	751.400	751.400	751.400	751.400	751.400	751.400	751.400
2858	Vật tư ngành nước	Ống HDPE 160 x 17.9mm	m	ISO 4427:2007	160 x 17.9mm	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	896.400	896.400	896.400	896.400	896.400	896.400	896.400	896.400	896.400
2859	Vật tư ngành nước	Ống HDPE 180 x 6.9mm	m	ISO 4427:2007	180 x 6.9mm	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	420.100	420.100	420.100	420.100	420.100	420.100	420.100	420.100	420.100
2860	Vật tư ngành nước	Ống HDPE 180 x 8.6mm	m	ISO 4427:2007	180 x 8.6mm	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	521.900	521.900	521.900	521.900	521.900	521.900	521.900	521.900	521.900
2861	Vật tư ngành nước	Ống HDPE 180 x 10.7mm	m	ISO 4427:2007	180 x 10.7mm	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	640.100	640.100	640.100	640.100	640.100	640.100	640.100	640.100	640.100
2862	Vật tư ngành nước	Ống HDPE 180 x 13.3mm	m	ISO 4427:2007	180 x 13.3mm	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	779.500	779.500	779.500	779.500	779.500	779.500	779.500	779.500	779.500
2863	Vật tư ngành nước	Ống HDPE 180 x 16.4mm	m	ISO 4427:2007	180 x 16.4mm	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	945.100	945.100	945.100	945.100	945.100	945.100	945.100	945.100	945.100
2864	Vật tư ngành nước	Ống HDPE 200 x 7.7mm	m	ISO 4427:2007	200 x 7.7mm	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	521.800	521.800	521.800	521.800	521.800	521.800	521.800	521.800	521.800
2865	Vật tư ngành nước	Ống HDPE 200 x 9.6mm	m	ISO 4427:2007	200 x 9.6mm	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	650.100	650.100	650.100	650.100	650.100	650.100	650.100	650.100	650.100
2866	Vật tư ngành nước	Ống HDPE 200 x 11.9mm	m	ISO 4427:2007	200 x 11.9mm	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	802.100	802.100	802.100	802.100	802.100	802.100	802.100	802.100	802.100
2867	Vật tư ngành nước	Ống HDPE 200 x 14.7mm	m	ISO 4427:2007	200 x 14.7mm	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	955.300	955.300	955.300	955.300	955.300	955.300	955.300	955.300	955.300
2868	Vật tư ngành nước	Ống HDPE 200 x 18.2mm	m	ISO 4427:2007	200 x 18.2mm	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	1.182.500	1.182.500	1.182.500	1.182.500	1.182.500	1.182.500	1.182.500	1.182.500	1.182.500
2869	Vật tư ngành nước	Ống HDPE 200 x 22.4mm	m	ISO 4427:2007	200 x 22.4mm	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	1.410.000	1.410.000	1.410.000	1.410.000	1.410.000	1.410.000	1.410.000	1.410.000	1.410.000
2870	Vật tư ngành nước	Ống HDPE 225 x 8.6mm	m	ISO 4427:2007	225 x 8.6mm	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	654.600	654.600	654.600	654.600	654.600	654.600	654.600	654.600	654.600
2871	Vật tư ngành nước	Ống HDPE 225 x 10.8mm	m	ISO 4427:2007	225 x 10.8mm	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	818.800	818.800	818.800	818.800	818.800	818.800	818.800	818.800	818.800
2872	Vật tư ngành nước	Ống HDPE 225 x 13.4mm	m	ISO 4427:2007	225 x 13.4mm	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	986.000	986.000	986.000	986.000	986.000	986.000	986.000	986.000	986.000

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)(đồng)								
												Khu vực TP. Tây Ninh	Khu vực TX.Trảng Bàng	Khu vực TX. Hoà Thành	Khu vực H.Tân Biên	Khu vực H.Tân Châu	Khu vực H. Châu Thành	Khu vực H.Dương Minh Châu	Khu vực H. Bến Cầu	Khu vực H. Gò Dầu
2873	Vật tư ngành nước	Ống HDPE 225 x 16.6mm	m	ISO 4427:2007	225 x 16.6mm	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	1.207.600	1.207.600	1.207.600	1.207.600	1.207.600	1.207.600	1.207.600	1.207.600	1.207.600
2874	Vật tư ngành nước	Ống HDPE 225 x 20.5mm	m	ISO 4427:2007	225 x 20.5mm	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	1.445.800	1.445.800	1.445.800	1.445.800	1.445.800	1.445.800	1.445.800	1.445.800	1.445.800
2875	Vật tư ngành nước	Ống HDPE 250 x 9.6mm	m	ISO 4427:2007	250 x 9.6mm	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	810.900	810.900	810.900	810.900	810.900	810.900	810.900	810.900	810.900
2876	Vật tư ngành nước	Ống HDPE 250 x 11.9mm	m	ISO 4427:2007	250 x 11.9mm	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	999.100	999.100	999.100	999.100	999.100	999.100	999.100	999.100	999.100
2877	Vật tư ngành nước	Ống HDPE 250 x 14.8mm	m	ISO 4427:2007	250 x 14.8mm	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	1.221.500	1.221.500	1.221.500	1.221.500	1.221.500	1.221.500	1.221.500	1.221.500	1.221.500
2878	Vật tư ngành nước	Ống HDPE 250 x 18.4mm	m	ISO 4427:2007	250 x 18.4mm	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	1.501.400	1.501.400	1.501.400	1.501.400	1.501.400	1.501.400	1.501.400	1.501.400	1.501.400
2879	Vật tư ngành nước	Ống HDPE 250 x 22.7mm	m	ISO 4427:2007	250 x 22.7mm	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	1.798.700	1.798.700	1.798.700	1.798.700	1.798.700	1.798.700	1.798.700	1.798.700	1.798.700
2880	Vật tư ngành nước	Ống HDPE 280 x 10.7mm	m	ISO 4427:2007	280 x 10.7mm	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	1.005.600	1.005.600	1.005.600	1.005.600	1.005.600	1.005.600	1.005.600	1.005.600	1.005.600
2881	Vật tư ngành nước	Ống HDPE 280 x 13.4mm	m	ISO 4427:2007	280 x 13.4mm	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	1.274.500	1.274.500	1.274.500	1.274.500	1.274.500	1.274.500	1.274.500	1.274.500	1.274.500
2882	Vật tư ngành nước	Ống HDPE 280 x 16.6mm	m	ISO 4427:2007	280 x 16.6mm	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	1.522.100	1.522.100	1.522.100	1.522.100	1.522.100	1.522.100	1.522.100	1.522.100	1.522.100
2883	Vật tư ngành nước	Ống HDPE 280 x 20.6mm	m	ISO 4427:2007	280 x 20.6mm	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	1.882.400	1.882.400	1.882.400	1.882.400	1.882.400	1.882.400	1.882.400	1.882.400	1.882.400
2884	Vật tư ngành nước	Ống HDPE 280 x 25.4mm	m	ISO 4427:2007	280 x 25.4mm	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	2.254.300	2.254.300	2.254.300	2.254.300	2.254.300	2.254.300	2.254.300	2.254.300	2.254.300
2885	Vật tư ngành nước	Ống HDPE 315 x 12.1mm	m	ISO 4427:2007	315 x 12.1mm	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	1.282.300	1.282.300	1.282.300	1.282.300	1.282.300	1.282.300	1.282.300	1.282.300	1.282.300
2886	Vật tư ngành nước	Ống HDPE 315 x 15.0mm	m	ISO 4427:2007	315 x 15.0mm	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	1.596.500	1.596.500	1.596.500	1.596.500	1.596.500	1.596.500	1.596.500	1.596.500	1.596.500
2887	Vật tư ngành nước	Ống HDPE 315 x 18.7mm	m	ISO 4427:2007	315 x 18.7mm	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	1.938.200	1.938.200	1.938.200	1.938.200	1.938.200	1.938.200	1.938.200	1.938.200	1.938.200
2888	Vật tư ngành nước	Ống HDPE 315 x 23.2mm	m	ISO 4427:2007	315 x 23.2mm	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	2.354.300	2.354.300	2.354.300	2.354.300	2.354.300	2.354.300	2.354.300	2.354.300	2.354.300
2889	Vật tư ngành nước	Ống HDPE 315 x 28.6mm	m	ISO 4427:2007	315 x 28.6mm	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	2.853.500	2.853.500	2.853.500	2.853.500	2.853.500	2.853.500	2.853.500	2.853.500	2.853.500
2890	Vật tư ngành nước	Ống HDPE 355 x 13.6mm	m	ISO 4427:2007	355 x 13.6mm	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	1.628.700	1.628.700	1.628.700	1.628.700	1.628.700	1.628.700	1.628.700	1.628.700	1.628.700
2891	Vật tư ngành nước	Ống HDPE 355 x 16.9mm	m	ISO 4427:2007	355 x 16.9mm	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	2.007.700	2.007.700	2.007.700	2.007.700	2.007.700	2.007.700	2.007.700	2.007.700	2.007.700
2892	Vật tư ngành nước	Ống HDPE 355 x 21.1mm	m	ISO 4427:2007	355 x 21.1mm	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	2.463.000	2.463.000	2.463.000	2.463.000	2.463.000	2.463.000	2.463.000	2.463.000	2.463.000
2893	Vật tư ngành nước	Ống HDPE 355 x 26.1mm	m	ISO 4427:2007	355 x 26.1mm	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	2.986.000	2.986.000	2.986.000	2.986.000	2.986.000	2.986.000	2.986.000	2.986.000	2.986.000
2894	Vật tư ngành nước	Ống HDPE 355 x 32.2mm	m	ISO 4427:2007	355 x 32.2mm	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	3.622.500	3.622.500	3.622.500	3.622.500	3.622.500	3.622.500	3.622.500	3.622.500	3.622.500
2895	Vật tư ngành nước	Ống HDPE 400 x 15.3mm	m	ISO 4427:2007	400 x 15.3mm	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	2.054.700	2.054.700	2.054.700	2.054.700	2.054.700	2.054.700	2.054.700	2.054.700	2.054.700
2896	Vật tư ngành nước	Ống HDPE 400 x 19.1mm	m	ISO 4427:2007	400 x 19.1mm	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	2.574.600	2.574.600	2.574.600	2.574.600	2.574.600	2.574.600	2.574.600	2.574.600	2.574.600
2897	Vật tư ngành nước	Ống HDPE 400 x 23.7mm	m	ISO 4427:2007	400 x 23.7mm	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	3.129.800	3.129.800	3.129.800	3.129.800	3.129.800	3.129.800	3.129.800	3.129.800	3.129.800
2898	Vật tư ngành nước	Ống HDPE 400 x 29.4mm	m	ISO 4427:2007	400 x 29.4mm	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	3.780.400	3.780.400	3.780.400	3.780.400	3.780.400	3.780.400	3.780.400	3.780.400	3.780.400
2899	Vật tư ngành nước	Ống HDPE 400 x 36.3mm	m	ISO 4427:2007	400 x 36.3mm	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	4.616.700	4.616.700	4.616.700	4.616.700	4.616.700	4.616.700	4.616.700	4.616.700	4.616.700

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)(đồng)								
												Khu vực TP. Tây Ninh	Khu vực TX.Trảng Bàng	Khu vực TX. Hoà Thành	Khu vực H.Tân Biên	Khu vực H.Tân Châu	Khu vực H. Châu Thành	Khu vực H.Dương Minh Châu	Khu vực H. Bến Cầu	Khu vực H. Gò Dầu
2900	Vật tư ngành nước	Ống HDPE 450 x 17.2mm	m	ISO 4427:2007	450 x 17.2mm	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	2.625.900	2.625.900	2.625.900	2.625.900	2.625.900	2.625.900	2.625.900	2.625.900	2.625.900
2901	Vật tư ngành nước	Ống HDPE 450 x 21.5mm	m	ISO 4427:2007	450 x 21.5mm	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	3.231.700	3.231.700	3.231.700	3.231.700	3.231.700	3.231.700	3.231.700	3.231.700	3.231.700
2902	Vật tư ngành nước	Ống HDPE 450 x 26.7mm	m	ISO 4427:2007	450 x 26.7mm	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	3.954.800	3.954.800	3.954.800	3.954.800	3.954.800	3.954.800	3.954.800	3.954.800	3.954.800
2903	Vật tư ngành nước	Ống HDPE 450 x 33.1mm	m	ISO 4427:2007	450 x 33.1mm	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	4.779.700	4.779.700	4.779.700	4.779.700	4.779.700	4.779.700	4.779.700	4.779.700	4.779.700
2904	Vật tư ngành nước	Ống HDPE 450 x 40.9mm	m	ISO 4427:2007	450 x 40.9mm	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	5.843.400	5.843.400	5.843.400	5.843.400	5.843.400	5.843.400	5.843.400	5.843.400	5.843.400
2905	Vật tư ngành nước	Ống HDPE 500 x 19.1mm	m	ISO 4427:2007	500 x 19.1mm	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	3.197.900	3.197.900	3.197.900	3.197.900	3.197.900	3.197.900	3.197.900	3.197.900	3.197.900
2906	Vật tư ngành nước	Ống HDPE 500 x 23.9mm	m	ISO 4427:2007	500 x 23.9mm	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	4.009.100	4.009.100	4.009.100	4.009.100	4.009.100	4.009.100	4.009.100	4.009.100	4.009.100
2907	Vật tư ngành nước	Ống HDPE 500 x 29.7mm	m	ISO 4427:2007	500 x 29.7mm	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	4.918.000	4.918.000	4.918.000	4.918.000	4.918.000	4.918.000	4.918.000	4.918.000	4.918.000
2908	Vật tư ngành nước	Ống HDPE 500 x 36.8mm	m	ISO 4427:2007	500 x 36.8mm	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	5.948.300	5.948.300	5.948.300	5.948.300	5.948.300	5.948.300	5.948.300	5.948.300	5.948.300
2909	Vật tư ngành nước	Ống HDPE 500 x 45.4mm	m	ISO 4427:2007	500 x 45.4mm	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	7.243.500	7.243.500	7.243.500	7.243.500	7.243.500	7.243.500	7.243.500	7.243.500	7.243.500
2910	Vật tư ngành nước	Ống HDPE 560 x 21.4mm	m	ISO 4427:2007	560 x 21.4mm	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	4.392.000	4.392.000	4.392.000	4.392.000	4.392.000	4.392.000	4.392.000	4.392.000	4.392.000
2911	Vật tư ngành nước	Ống HDPE 560 x 26.7mm	m	ISO 4427:2007	560 x 26.7mm	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	5.415.700	5.415.700	5.415.700	5.415.700	5.415.700	5.415.700	5.415.700	5.415.700	5.415.700
2912	Vật tư ngành nước	Ống HDPE 560 x 33.2mm	m	ISO 4427:2007	560 x 33.2mm	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	6.649.300	6.649.300	6.649.300	6.649.300	6.649.300	6.649.300	6.649.300	6.649.300	6.649.300
2913	Vật tư ngành nước	Ống HDPE 560 x 41.2mm	m	ISO 4427:2007	560 x 41.2mm	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	8.116.100	8.116.100	8.116.100	8.116.100	8.116.100	8.116.100	8.116.100	8.116.100	8.116.100
2914	Vật tư ngành nước	Ống HDPE 560 x 50.8mm	m	ISO 4427:2007	560 x 50.8mm	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	9.803.200	9.803.200	9.803.200	9.803.200	9.803.200	9.803.200	9.803.200	9.803.200	9.803.200
2915	Vật tư ngành nước	Ống HDPE 630 x 24.1mm	m	ISO 4427:2007	630 x 24.1mm	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	5.564.800	5.564.800	5.564.800	5.564.800	5.564.800	5.564.800	5.564.800	5.564.800	5.564.800
2916	Vật tư ngành nước	Ống HDPE 630 x 30.0mm	m	ISO 4427:2007	630 x 30.0mm	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	6.842.700	6.842.700	6.842.700	6.842.700	6.842.700	6.842.700	6.842.700	6.842.700	6.842.700
2917	Vật tư ngành nước	Ống HDPE 630 x 37.4mm	m	ISO 4427:2007	630 x 37.4mm	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	8.422.000	8.422.000	8.422.000	8.422.000	8.422.000	8.422.000	8.422.000	8.422.000	8.422.000
2918	Vật tư ngành nước	Ống HDPE 630 x 46.3mm	m	ISO 4427:2007	630 x 46.3mm	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	10.258.200	10.258.200	10.258.200	10.258.200	10.258.200	10.258.200	10.258.200	10.258.200	10.258.200
2919	Vật tư ngành nước	Ống HDPE 630 x 57.2mm	m	ISO 4427:2007	630 x 57.2mm	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	12.443.800	12.443.800	12.443.800	12.443.800	12.443.800	12.443.800	12.443.800	12.443.800	12.443.800
2920	Vật tư ngành nước	Ống HDPE 710 x 27.2mm	m	ISO 4427:2007	710 x 27.2mm	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	7.085.000	7.085.000	7.085.000	7.085.000	7.085.000	7.085.000	7.085.000	7.085.000	7.085.000
2921	Vật tư ngành nước	Ống HDPE 710 x 33.9mm	m	ISO 4427:2007	710 x 33.9mm	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	8.724.800	8.724.800	8.724.800	8.724.800	8.724.800	8.724.800	8.724.800	8.724.800	8.724.800
2922	Vật tư ngành nước	Ống HDPE 710 x 42.1mm	m	ISO 4427:2007	710 x 42.1mm	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	10.702.900	10.702.900	10.702.900	10.702.900	10.702.900	10.702.900	10.702.900	10.702.900	10.702.900
2923	Vật tư ngành nước	Ống HDPE 710 x 52.2mm	m	ISO 4427:2007	710 x 52.2mm	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	13.051.800	13.051.800	13.051.800	13.051.800	13.051.800	13.051.800	13.051.800	13.051.800	13.051.800
2924	Vật tư ngành nước	Ống HDPE 800 x 30.6mm	m	ISO 4427:2007	800 x 30.6mm	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	8.973.000	8.973.000	8.973.000	8.973.000	8.973.000	8.973.000	8.973.000	8.973.000	8.973.000
2925	Vật tư ngành nước	Ống HDPE 800 x 38.1mm	m	ISO 4427:2007	800 x 38.1mm	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	11.058.900	11.058.900	11.058.900	11.058.900	11.058.900	11.058.900	11.058.900	11.058.900	11.058.900
2926	Vật tư ngành nước	Ống HDPE 800 x 47.4mm	m	ISO 4427:2007	800 x 47.4mm	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	13.571.800	13.571.800	13.571.800	13.571.800	13.571.800	13.571.800	13.571.800	13.571.800	13.571.800

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)(đồng)								
												Khu vực TP. Tây Ninh	Khu vực TX.Trảng Bàng	Khu vực TX. Hoà Thành	Khu vực H.Tân Biên	Khu vực H.Tân Châu	Khu vực H. Châu Thành	Khu vực H.Dương Minh Châu	Khu vực H. Bến Cầu	Khu vực H. Gò Dầu
2927	Vật tư ngành nước	Ống HDPE 800 x 58.8mm	m	ISO 4427:2007	800 x 58.8mm	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	16.543.800	16.543.800	16.543.800	16.543.800	16.543.800	16.543.800	16.543.800	16.543.800	16.543.800
2928	Vật tư ngành nước	Ống HDPE 900 x 34.4mm	m	ISO 4427:2007	900 x 34.4mm	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	11.348.400	11.348.400	11.348.400	11.348.400	11.348.400	11.348.400	11.348.400	11.348.400	11.348.400
2929	Vật tư ngành nước	Ống HDPE 900 x 42.9mm	m	ISO 4427:2007	900 x 42.9mm	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	13.992.700	13.992.700	13.992.700	13.992.700	13.992.700	13.992.700	13.992.700	13.992.700	13.992.700
2930	Vật tư ngành nước	Ống HDPE 900 x 53.3mm	m	ISO 4427:2007	900 x 53.3mm	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	17.167.300	17.167.300	17.167.300	17.167.300	17.167.300	17.167.300	17.167.300	17.167.300	17.167.300
2931	Vật tư ngành nước	Ống HDPE 1000 x 38.2mm	m	ISO 4427:2007	1000 x 38.2mm	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	14.003.000	14.003.000	14.003.000	14.003.000	14.003.000	14.003.000	14.003.000	14.003.000	14.003.000
2932	Vật tư ngành nước	Ống HDPE 1000 x 47.7mm	m	ISO 4427:2007	1000 x 47.7mm	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	17.288.600	17.288.600	17.288.600	17.288.600	17.288.600	17.288.600	17.288.600	17.288.600	17.288.600
2933	Vật tư ngành nước	Ống HDPE 1000 x 59.3mm	m	ISO 4427:2007	1000 x 59.3mm	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	21.216.600	21.216.600	21.216.600	21.216.600	21.216.600	21.216.600	21.216.600	21.216.600	21.216.600
2934	Vật tư ngành nước	Ống HDPE 1200 x 45.9mm	m	ISO 4427:2007	1200 x 45.9mm	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	20.169.300	20.169.300	20.169.300	20.169.300	20.169.300	20.169.300	20.169.300	20.169.300	20.169.300
2935	Vật tư ngành nước	Ống HDPE 1200 x 57.2mm	m	ISO 4427:2007	1200 x 57.2mm	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	24.883.200	24.883.200	24.883.200	24.883.200	24.883.200	24.883.200	24.883.200	24.883.200	24.883.200
2936	Vật tư ngành nước	Ống HDPE 1200 x 67.9mm	m	ISO 4427:2007	1200 x 67.9mm	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	29.226.400	29.226.400	29.226.400	29.226.400	29.226.400	29.226.400	29.226.400	29.226.400	29.226.400
2937	Vật tư ngành nước	Ống PPR 20 x 2.3mm	m	DIN 8077:2008-09 & DIN 8078:2008-09	20 x 2.3mm	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	36.000	36.000	36.000	36.000	36.000	36.000	36.000	36.000	36.000
2938	Vật tư ngành nước	Ống PPR 20 x 2.8mm	m	DIN 8077:2008-09 & DIN 8078:2008-09	20 x 2.8mm	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	40.000	40.000	40.000	40.000	40.000	40.000	40.000	40.000	40.000
2939	Vật tư ngành nước	Ống PPR 20 x 3.4mm	m	DIN 8077:2008-09 & DIN 8078:2008-09	20 x 3.4mm	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	44.400	44.400	44.400	44.400	44.400	44.400	44.400	44.400	44.400
2940	Vật tư ngành nước	Ống PPR 25 x 2.8mm	m	DIN 8077:2008-09 & DIN 8078:2008-09	25 x 2.8mm	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	64.100	64.100	64.100	64.100	64.100	64.100	64.100	64.100	64.100
2941	Vật tư ngành nước	Ống PPR 25 x 3.5mm	m	DIN 8077:2008-09 & DIN 8078:2008-09	25 x 3.5mm	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	73.800	73.800	73.800	73.800	73.800	73.800	73.800	73.800	73.800
2942	Vật tư ngành nước	Ống PPR 25 x 4.2mm	m	DIN 8077:2008-09 & DIN 8078:2008-09	25 x 4.2mm	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	77.800	77.800	77.800	77.800	77.800	77.800	77.800	77.800	77.800
2943	Vật tư ngành nước	Ống PPR 32 x 2.9mm	m	DIN 8077:2008-09 & DIN 8078:2008-09	32 x 2.9mm	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	83.100	83.100	83.100	83.100	83.100	83.100	83.100	83.100	83.100
2944	Vật tư ngành nước	Ống PPR 32 x 4.4mm	m	DIN 8077:2008-09 & DIN 8078:2008-09	32 x 4.4mm	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	99.800	99.800	99.800	99.800	99.800	99.800	99.800	99.800	99.800
2945	Vật tư ngành nước	Ống PPR 32 x 5.4mm	m	DIN 8077:2008-09 & DIN 8078:2008-09	32 x 5.4mm	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	114.700	114.700	114.700	114.700	114.700	114.700	114.700	114.700	114.700
2946	Vật tư ngành nước	Ống PPR 40 x 3.7mm	m	DIN 8077:2008-09 & DIN 8078:2008-09	40 x 3.7mm	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	111.500	111.500	111.500	111.500	111.500	111.500	111.500	111.500	111.500
2947	Vật tư ngành nước	Ống PPR 40 x 5.5mm	m	DIN 8077:2008-09 & DIN 8078:2008-09	40 x 5.5mm	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	135.200	135.200	135.200	135.200	135.200	135.200	135.200	135.200	135.200
2948	Vật tư ngành nước	Ống PPR 40 x 6.7mm	m	DIN 8077:2008-09 & DIN 8078:2008-09	40 x 6.7mm	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	177.500	177.500	177.500	177.500	177.500	177.500	177.500	177.500	177.500
2949	Vật tư ngành nước	Ống PPR 50 x 4.6mm	m	DIN 8077:2008-09 & DIN 8078:2008-09	50 x 4.6mm	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	163.300	163.300	163.300	163.300	163.300	163.300	163.300	163.300	163.300
2950	Vật tư ngành nước	Ống PPR 50 x 6.9mm	m	DIN 8077:2008-09 & DIN 8078:2008-09	50 x 6.9mm	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	215.100	215.100	215.100	215.100	215.100	215.100	215.100	215.100	215.100
2951	Vật tư ngành nước	Ống PPR 50 x 8.3mm	m	DIN 8077:2008-09 & DIN 8078:2008-09	50 x 8.3mm	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	275.800	275.800	275.800	275.800	275.800	275.800	275.800	275.800	275.800
2952	Vật tư ngành nước	Ống PPR 63 x 5.8mm	m	DIN 8077:2008-09 & DIN 8078:2008-09	63 x 5.8mm	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	259.700	259.700	259.700	259.700	259.700	259.700	259.700	259.700	259.700
2953	Vật tư ngành nước	Ống PPR 63 x 8.6mm	m	DIN 8077:2008-09 & DIN 8078:2008-09	63 x 8.6mm	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	338.000	338.000	338.000	338.000	338.000	338.000	338.000	338.000	338.000

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)(đồng)								
												Khu vực TP. Tây Ninh	Khu vực TX.Trảng Bàng	Khu vực TX. Hoà Thành	Khu vực H.Tân Biên	Khu vực H.Tân Châu	Khu vực H. Châu Thành	Khu vực H.Dương Minh Châu	Khu vực H. Bến Cầu	Khu vực H. Gò Dầu
2954	Vật tư ngành nước	Ống PPR 63 x 10.5mm	m	DIN 8077:2008-09 & DIN 8078:2008-09	63 x 10.5mm	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	434.800	434.800	434.800	434.800	434.800	434.800	434.800	434.800	434.800
2955	Vật tư ngành nước	Ống PPR 75 x 6.8mm	m	DIN 8077:2008-09 & DIN 8078:2008-09	75 x 6.8mm	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	361.100	361.100	361.100	361.100	361.100	361.100	361.100	361.100	361.100
2956	Vật tư ngành nước	Ống PPR 75 x 10.3mm	m	DIN 8077:2008-09 & DIN 8078:2008-09	75 x 10.3mm	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	461.000	461.000	461.000	461.000	461.000	461.000	461.000	461.000	461.000
2957	Vật tư ngành nước	Ống PPR 75 x 12.5mm	m	DIN 8077:2008-09 & DIN 8078:2008-09	75 x 12.5mm	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	602.200	602.200	602.200	602.200	602.200	602.200	602.200	602.200	602.200
2958	Vật tư ngành nước	Ống PPR 90 x 8.2mm	m	DIN 8077:2008-09 & DIN 8078:2008-09	90 x 8.2mm	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	527.100	527.100	527.100	527.100	527.100	527.100	527.100	527.100	527.100
2959	Vật tư ngành nước	Ống PPR 90 x 12.3mm	m	DIN 8077:2008-09 & DIN 8078:2008-09	90 x 12.3mm	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	645.400	645.400	645.400	645.400	645.400	645.400	645.400	645.400	645.400
2960	Vật tư ngành nước	Ống PPR 90 x 15.0mm	m	DIN 8077:2008-09 & DIN 8078:2008-09	90 x 15.0mm	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	900.400	900.400	900.400	900.400	900.400	900.400	900.400	900.400	900.400
2961	Vật tư ngành nước	Ống PPR 110 x 10.0mm	m	DIN 8077:2008-09 & DIN 8078:2008-09	110 x 10.0mm	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	843.400	843.400	843.400	843.400	843.400	843.400	843.400	843.400	843.400
2962	Vật tư ngành nước	Ống PPR 110 x 15.1mm	m	DIN 8077:2008-09 & DIN 8078:2008-09	110 x 15.1mm	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	983.400	983.400	983.400	983.400	983.400	983.400	983.400	983.400	983.400
2963	Vật tư ngành nước	Ống PPR 110 x 18.3mm	m	DIN 8077:2008-09 & DIN 8078:2008-09	110 x 18.3mm	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	1.267.500	1.267.500	1.267.500	1.267.500	1.267.500	1.267.500	1.267.500	1.267.500	1.267.500
2964	Vật tư ngành nước	Ống PPR 125 x 11.4mm	m	DIN 8077:2008-09 & DIN 8078:2008-09	125 x 11.4mm	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	1.044.700	1.044.700	1.044.700	1.044.700	1.044.700	1.044.700	1.044.700	1.044.700	1.044.700
2965	Vật tư ngành nước	Ống PPR 125 x 17.1mm	m	DIN 8077:2008-09 & DIN 8078:2008-09	125 x 17.1mm	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	1.275.200	1.275.200	1.275.200	1.275.200	1.275.200	1.275.200	1.275.200	1.275.200	1.275.200
2966	Vật tư ngành nước	Ống PPR 125 x 20.8mm	m	DIN 8077:2008-09 & DIN 8078:2008-09	125 x 20.8mm	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	1.705.300	1.705.300	1.705.300	1.705.300	1.705.300	1.705.300	1.705.300	1.705.300	1.705.300
2967	Vật tư ngành nước	Ống PPR 140 x 12.7mm	m	DIN 8077:2008-09 & DIN 8078:2008-09	140 x 12.7mm	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	1.289.100	1.289.100	1.289.100	1.289.100	1.289.100	1.289.100	1.289.100	1.289.100	1.289.100
2968	Vật tư ngành nước	Ống PPR 140 x 19.2mm	m	DIN 8077:2008-09 & DIN 8078:2008-09	140 x 19.2mm	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	1.551.700	1.551.700	1.551.700	1.551.700	1.551.700	1.551.700	1.551.700	1.551.700	1.551.700
2969	Vật tư ngành nước	Ống PPR 140 x 23.3mm	m	DIN 8077:2008-09 & DIN 8078:2008-09	140 x 23.3mm	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	2.166.400	2.166.400	2.166.400	2.166.400	2.166.400	2.166.400	2.166.400	2.166.400	2.166.400
2970	Vật tư ngành nước	Ống PPR 160 x 14.6mm	m	DIN 8077:2008-09 & DIN 8078:2008-09	160 x 14.6mm	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	1.759.200	1.759.200	1.759.200	1.759.200	1.759.200	1.759.200	1.759.200	1.759.200	1.759.200
2971	Vật tư ngành nước	Ống PPR 160 x 21.9mm	m	DIN 8077:2008-09 & DIN 8078:2008-09	160 x 21.9mm	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	2.151.000	2.151.000	2.151.000	2.151.000	2.151.000	2.151.000	2.151.000	2.151.000	2.151.000
2972	Vật tư ngành nước	Ống PPR 160 x 26.6mm	m	DIN 8077:2008-09 & DIN 8078:2008-09	160 x 26.6mm	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	2.880.700	2.880.700	2.880.700	2.880.700	2.880.700	2.880.700	2.880.700	2.880.700	2.880.700
2973	Vật tư ngành nước	Ống PPR 200 x 18.2mm	m	DIN 8077:2008-09 & DIN 8078:2008-09	200 x 18.2mm	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	3.379.200	3.379.200	3.379.200	3.379.200	3.379.200	3.379.200	3.379.200	3.379.200	3.379.200
2974	Vật tư ngành nước	Ống PPR 200 x 27.4mm	m	DIN 8077:2008-09 & DIN 8078:2008-09	200 x 27.4mm	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	4.788.700	4.788.700	4.788.700	4.788.700	4.788.700	4.788.700	4.788.700	4.788.700	4.788.700
2975	Vật tư ngành nước	Ống PPR 200 x 33.2mm	m	DIN 8077:2008-09 & DIN 8078:2008-09	200 x 33.2mm	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	5.603.900	5.603.900	5.603.900	5.603.900	5.603.900	5.603.900	5.603.900	5.603.900	5.603.900
2976	Vật tư ngành nước	Nối tron uPVC 21 D	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	21 D	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	2.800	2.800	2.800	2.800	2.800	2.800	2.800	2.800	2.800
2977	Vật tư ngành nước	Nối tron uPVC 27 D	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	27 D	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	4.000	4.000	4.000	4.000	4.000	4.000	4.000	4.000	4.000
2978	Vật tư ngành nước	Nối tron uPVC 34 D	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	34 D	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	6.700	6.700	6.700	6.700	6.700	6.700	6.700	6.700	6.700
2979	Vật tư ngành nước	Nối tron uPVC 42 D	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	42 D	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	9.200	9.200	9.200	9.200	9.200	9.200	9.200	9.200	9.200
2980	Vật tư ngành nước	Nối tron uPVC 42 M	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	42 M	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	4.000	4.000	4.000	4.000	4.000	4.000	4.000	4.000	4.000

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)(đồng)								
												Khu vực TP. Tây Ninh	Khu vực TX.Trảng Bàng	Khu vực TX. Hoà Thành	Khu vực H.Tân Biên	Khu vực H.Tân Châu	Khu vực H. Châu Thành	Khu vực H.Dương Minh Châu	Khu vực H. Bến Cầu	Khu vực H. Gò Dầu
2981	Vật tư ngành nước	Nối tron uPVC 49 D	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	49 D	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	14.000	14.000	14.000	14.000	14.000	14.000	14.000	14.000	14.000
2982	Vật tư ngành nước	Nối tron uPVC 49 M	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	49 M	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	5.300	5.300	5.300	5.300	5.300	5.300	5.300	5.300	5.300
2983	Vật tư ngành nước	Nối tron uPVC 60 D	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	60 D	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	21.700	21.700	21.700	21.700	21.700	21.700	21.700	21.700	21.700
2984	Vật tư ngành nước	Nối tron uPVC 60 M	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	60 M	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	7.200	7.200	7.200	7.200	7.200	7.200	7.200	7.200	7.200
2985	Vật tư ngành nước	Nối tron uPVC 76 D	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	76 D	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	42.800	42.800	42.800	42.800	42.800	42.800	42.800	42.800	42.800
2986	Vật tư ngành nước	Nối tron uPVC 76 M	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	76 M	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	15.900	15.900	15.900	15.900	15.900	15.900	15.900	15.900	15.900
2987	Vật tư ngành nước	Nối tron uPVC 90 D *	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	90 D	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	47.000	47.000	47.000	47.000	47.000	47.000	47.000	47.000	47.000
2988	Vật tư ngành nước	Nối tron uPVC 90 M *	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	90 M	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	18.500	18.500	18.500	18.500	18.500	18.500	18.500	18.500	18.500
2989	Vật tư ngành nước	Nối tron uPVC 114 D	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	114 D	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	93.300	93.300	93.300	93.300	93.300	93.300	93.300	93.300	93.300
2990	Vật tư ngành nước	Nối tron uPVC 114 M	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	114 M	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	28.900	28.900	28.900	28.900	28.900	28.900	28.900	28.900	28.900
2991	Vật tư ngành nước	Nối tron uPVC 168 D	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	168 D	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	358.700	358.700	358.700	358.700	358.700	358.700	358.700	358.700	358.700
2992	Vật tư ngành nước	Nối tron uPVC 168 M	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	168 M	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	112.500	112.500	112.500	112.500	112.500	112.500	112.500	112.500	112.500
2993	Vật tư ngành nước	Nối tron uPVC 220 D	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	220 D	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	785.700	785.700	785.700	785.700	785.700	785.700	785.700	785.700	785.700
2994	Vật tư ngành nước	Nối tron uPVC 220 M	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	220 M	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	299.800	299.800	299.800	299.800	299.800	299.800	299.800	299.800	299.800
2995	Vật tư ngành nước	Nối ren trong uPVC 21 D	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	21 D	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	2.800	2.800	2.800	2.800	2.800	2.800	2.800	2.800	2.800
2996	Vật tư ngành nước	Nối ren trong uPVC 27 D	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	27 D	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	4.300	4.300	4.300	4.300	4.300	4.300	4.300	4.300	4.300
2997	Vật tư ngành nước	Nối ren trong uPVC 34 D	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	34 D	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	6.700	6.700	6.700	6.700	6.700	6.700	6.700	6.700	6.700
2998	Vật tư ngành nước	Nối ren trong uPVC 42 D	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	42 D	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	9.000	9.000	9.000	9.000	9.000	9.000	9.000	9.000	9.000
2999	Vật tư ngành nước	Nối ren trong uPVC 49 D	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	49 D	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	13.200	13.200	13.200	13.200	13.200	13.200	13.200	13.200	13.200
3000	Vật tư ngành nước	Nối ren trong uPVC 60 D	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	60 D	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	20.500	20.500	20.500	20.500	20.500	20.500	20.500	20.500	20.500
3001	Vật tư ngành nước	Nối ren trong uPVC 76 D	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	76 D	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	35.200	35.200	35.200	35.200	35.200	35.200	35.200	35.200	35.200
3002	Vật tư ngành nước	Nối ren trong uPVC 90 D	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	90 D	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	45.400	45.400	45.400	45.400	45.400	45.400	45.400	45.400	45.400
3003	Vật tư ngành nước	Nối ren trong uPVC 114 D	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	114 D	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	75.900	75.900	75.900	75.900	75.900	75.900	75.900	75.900	75.900
3004	Vật tư ngành nước	Nối ren ngoài uPVC 21 D	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	21 D	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	2.500	2.500	2.500	2.500	2.500	2.500	2.500	2.500	2.500
3005	Vật tư ngành nước	Nối ren ngoài uPVC 27 D	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	27 D	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	3.800	3.800	3.800	3.800	3.800	3.800	3.800	3.800	3.800
3006	Vật tư ngành nước	Nối ren ngoài uPVC 34 D	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	34 D	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	6.500	6.500	6.500	6.500	6.500	6.500	6.500	6.500	6.500
3007	Vật tư ngành nước	Nối ren ngoài uPVC 42 D	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	42 D	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	9.300	9.300	9.300	9.300	9.300	9.300	9.300	9.300	9.300

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)(đồng)								
												Khu vực TP. Tây Ninh	Khu vực TX.Trảng Bàng	Khu vực TX. Hoà Thành	Khu vực H.Tân Biên	Khu vực H.Tân Châu	Khu vực H. Châu Thành	Khu vực H.Dương Minh Châu	Khu vực H. Bến Cầu	Khu vực H. Gò Dầu
3008	Vật tư ngành nước	Nối ren ngoài uPVC 49 D	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	49 D	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	11.400	11.400	11.400	11.400	11.400	11.400	11.400	11.400	11.400
3009	Vật tư ngành nước	Nối ren ngoài uPVC 60 D	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	60 D	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	16.700	16.700	16.700	16.700	16.700	16.700	16.700	16.700	16.700
3010	Vật tư ngành nước	Nối ren ngoài uPVC 76 D	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	76 D	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	32.700	32.700	32.700	32.700	32.700	32.700	32.700	32.700	32.700
3011	Vật tư ngành nước	Nối ren ngoài uPVC 90 D	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	90 D	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	38.000	38.000	38.000	38.000	38.000	38.000	38.000	38.000	38.000
3012	Vật tư ngành nước	Nối ren ngoài uPVC 114 D	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	114 D	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	73.800	73.800	73.800	73.800	73.800	73.800	73.800	73.800	73.800
3013	Vật tư ngành nước	Nối giảm ren trong uPVC 21 x RT 27 D	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	21 x RT 27 D	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	3.800	3.800	3.800	3.800	3.800	3.800	3.800	3.800	3.800
3014	Vật tư ngành nước	Nối giảm ren trong uPVC 27 x RT 21 D	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	27 x RT 21 D	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	3.500	3.500	3.500	3.500	3.500	3.500	3.500	3.500	3.500
3015	Vật tư ngành nước	Nối giảm ren trong uPVC 34 x RT 27 D	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	34 x RT 27 D	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	5.300	5.300	5.300	5.300	5.300	5.300	5.300	5.300	5.300
3016	Vật tư ngành nước	Nối giảm ren ngoài uPVC 21 x RN 27 D	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	21 x RN 27 D	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	2.700	2.700	2.700	2.700	2.700	2.700	2.700	2.700	2.700
3017	Vật tư ngành nước	Nối giảm ren ngoài uPVC 21 x RN 34 D	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	21 x RN 34 D	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	4.000	4.000	4.000	4.000	4.000	4.000	4.000	4.000	4.000
3018	Vật tư ngành nước	Nối giảm ren ngoài uPVC 27 x RN 21 D	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	27 x RN 21 D	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	2.900	2.900	2.900	2.900	2.900	2.900	2.900	2.900	2.900
3019	Vật tư ngành nước	Nối giảm ren ngoài uPVC 27 x RN 34 D	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	27 x RN 34 D	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	4.000	4.000	4.000	4.000	4.000	4.000	4.000	4.000	4.000
3020	Vật tư ngành nước	Nối giảm ren ngoài uPVC 34 x RN 27 D	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	34 x RN 27 D	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	5.500	5.500	5.500	5.500	5.500	5.500	5.500	5.500	5.500
3021	Vật tư ngành nước	Nối giảm ren ngoài uPVC 42 x RN 34 D	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	42 x RN 34 D	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	8.500	8.500	8.500	8.500	8.500	8.500	8.500	8.500	8.500
3022	Vật tư ngành nước	Nối giảm uPVC 27 x 21 D	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	27 x 21 D	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	3.800	3.800	3.800	3.800	3.800	3.800	3.800	3.800	3.800
3023	Vật tư ngành nước	Nối giảm uPVC 34 x 21 D	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	34 x 21 D	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	4.700	4.700	4.700	4.700	4.700	4.700	4.700	4.700	4.700
3024	Vật tư ngành nước	Nối giảm uPVC 34 x 27 D	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	34 x 27 D	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	5.300	5.300	5.300	5.300	5.300	5.300	5.300	5.300	5.300
3025	Vật tư ngành nước	Nối giảm uPVC 42 x 21 D	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	42 x 21 D	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	6.800	6.800	6.800	6.800	6.800	6.800	6.800	6.800	6.800
3026	Vật tư ngành nước	Nối giảm uPVC 42 x 27 D	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	42 x 27 D	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	7.200	7.200	7.200	7.200	7.200	7.200	7.200	7.200	7.200
3027	Vật tư ngành nước	Nối giảm uPVC 42 x 34 D	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	42 x 34 D	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	8.000	8.000	8.000	8.000	8.000	8.000	8.000	8.000	8.000
3028	Vật tư ngành nước	Nối giảm uPVC 42 x 34 M	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	42 x 34 M	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	5.200	5.200	5.200	5.200	5.200	5.200	5.200	5.200	5.200
3029	Vật tư ngành nước	Nối giảm uPVC 49 x 21 D	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	49 x 21 D	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	9.500	9.500	9.500	9.500	9.500	9.500	9.500	9.500	9.500
3030	Vật tư ngành nước	Nối giảm uPVC 49 x 27 D	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	49 x 27 D	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	10.000	10.000	10.000	10.000	10.000	10.000	10.000	10.000	10.000
3031	Vật tư ngành nước	Nối giảm uPVC 49 x 34 D	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	49 x 34 D	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	11.200	11.200	11.200	11.200	11.200	11.200	11.200	11.200	11.200
3032	Vật tư ngành nước	Nối giảm uPVC 49 x 34 M	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	49 x 34 M	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	6.200	6.200	6.200	6.200	6.200	6.200	6.200	6.200	6.200
3033	Vật tư ngành nước	Nối giảm uPVC 49 x 42 D	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	49 x 42 D	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	11.900	11.900	11.900	11.900	11.900	11.900	11.900	11.900	11.900
3034	Vật tư ngành nước	Nối giảm uPVC 60 x 21 D	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	60 x 21 D	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	14.300	14.300	14.300	14.300	14.300	14.300	14.300	14.300	14.300

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)(đồng)								
												Khu vực TP. Tây Ninh	Khu vực TX.Trảng Bàng	Khu vực TX. Hoà Thành	Khu vực H.Tân Biên	Khu vực H.Tân Châu	Khu vực H. Châu Thành	Khu vực H.Dương Minh Châu	Khu vực H. Bến Cầu	Khu vực H. Gò Dầu
3035	Vật tư ngành nước	Nối giảm uPVC 60 x 27 D	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	60 x 27 D	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	15.000	15.000	15.000	15.000	15.000	15.000	15.000	15.000	15.000
3036	Vật tư ngành nước	Nối giảm uPVC 60 x 34 D	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	60 x 34 D	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	16.500	16.500	16.500	16.500	16.500	16.500	16.500	16.500	16.500
3037	Vật tư ngành nước	Nối giảm uPVC 60 x 34 M	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	60 x 34 M	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	7.400	7.400	7.400	7.400	7.400	7.400	7.400	7.400	7.400
3038	Vật tư ngành nước	Nối giảm uPVC 60 x 42 D	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	60 x 42 D	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	17.300	17.300	17.300	17.300	17.300	17.300	17.300	17.300	17.300
3039	Vật tư ngành nước	Nối giảm uPVC 60 x 42 M	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	60 x 42 M	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	7.400	7.400	7.400	7.400	7.400	7.400	7.400	7.400	7.400
3040	Vật tư ngành nước	Nối giảm uPVC 60 x 49 D	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	60 x 49 D	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	17.900	17.900	17.900	17.900	17.900	17.900	17.900	17.900	17.900
3041	Vật tư ngành nước	Nối giảm uPVC 60 x 49 M	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	60 x 49 M	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	7.400	7.400	7.400	7.400	7.400	7.400	7.400	7.400	7.400
3042	Vật tư ngành nước	Nối giảm uPVC 76 x 60 D	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	76 x 60 D	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	37.000	37.000	37.000	37.000	37.000	37.000	37.000	37.000	37.000
3043	Vật tư ngành nước	Nối giảm uPVC 76 x 60 M	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	76 x 60 M	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	9.800	9.800	9.800	9.800	9.800	9.800	9.800	9.800	9.800
3044	Vật tư ngành nước	Nối giảm uPVC 90 x 27 D	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	90 x 27 D	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	35.200	35.200	35.200	35.200	35.200	35.200	35.200	35.200	35.200
3045	Vật tư ngành nước	Nối giảm uPVC 90 x 34 D	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	90 x 34 D	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	35.300	35.300	35.300	35.300	35.300	35.300	35.300	35.300	35.300
3046	Vật tư ngành nước	Nối giảm uPVC 90 x 42 D	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	90 x 42 D	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	35.800	35.800	35.800	35.800	35.800	35.800	35.800	35.800	35.800
3047	Vật tư ngành nước	Nối giảm uPVC 90 x 49 D *	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	90 x 49 D	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	35.500	35.500	35.500	35.500	35.500	35.500	35.500	35.500	35.500
3048	Vật tư ngành nước	Nối giảm uPVC 90 x 60 D *	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	90 x 60 D	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	36.000	36.000	36.000	36.000	36.000	36.000	36.000	36.000	36.000
3049	Vật tư ngành nước	Nối giảm uPVC 90 x 60 M *	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	90 x 60 M	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	16.300	16.300	16.300	16.300	16.300	16.300	16.300	16.300	16.300
3050	Vật tư ngành nước	Nối giảm uPVC 90 x 76 D	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	90 x 76 D	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	44.400	44.400	44.400	44.400	44.400	44.400	44.400	44.400	44.400
3051	Vật tư ngành nước	Nối giảm uPVC 90 x 76 M	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	90 x 76 M	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	16.300	16.300	16.300	16.300	16.300	16.300	16.300	16.300	16.300
3052	Vật tư ngành nước	Nối giảm uPVC 114 x 49 D	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	114 x 49 D	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	70.300	70.300	70.300	70.300	70.300	70.300	70.300	70.300	70.300
3053	Vật tư ngành nước	Nối giảm uPVC 114 x 60 D	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	114 x 60 D	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	71.300	71.300	71.300	71.300	71.300	71.300	71.300	71.300	71.300
3054	Vật tư ngành nước	Nối giảm uPVC 114 x 60 M	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	114 x 60 M	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	24.300	24.300	24.300	24.300	24.300	24.300	24.300	24.300	24.300
3055	Vật tư ngành nước	Nối giảm uPVC 114 x 90 D	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	114 x 90 D	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	79.700	79.700	79.700	79.700	79.700	79.700	79.700	79.700	79.700
3056	Vật tư ngành nước	Nối giảm uPVC 114 x 90 M	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	114 x 90 M	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	28.800	28.800	28.800	28.800	28.800	28.800	28.800	28.800	28.800
3057	Vật tư ngành nước	Nối giảm uPVC 140 x 90 D *	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	140 x 90 D	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	203.900	203.900	203.900	203.900	203.900	203.900	203.900	203.900	203.900
3058	Vật tư ngành nước	Nối giảm uPVC 140 x 114 D	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	140 x 114 D	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	181.700	181.700	181.700	181.700	181.700	181.700	181.700	181.700	181.700
3059	Vật tư ngành nước	Nối giảm uPVC 168 x 90 D	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	168 x 90 D	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	273.400	273.400	273.400	273.400	273.400	273.400	273.400	273.400	273.400
3060	Vật tư ngành nước	Nối giảm uPVC 168 x 114 D	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	168 x 114 D	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	273.000	273.000	273.000	273.000	273.000	273.000	273.000	273.000	273.000
3061	Vật tư ngành nước	Nối giảm uPVC 168 x 114 M	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	168 x 114 M	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	112.900	112.900	112.900	112.900	112.900	112.900	112.900	112.900	112.900

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)(đồng)								
												Khu vực TP. Tây Ninh	Khu vực TX.Trảng Bàng	Khu vực TX. Hoà Thành	Khu vực H.Tân Biên	Khu vực H.Tân Châu	Khu vực H. Châu Thành	Khu vực H.Dương Minh Châu	Khu vực H. Bến Cầu	Khu vực H. Gò Dầu
3062	Vật tư ngành nước	Nối giảm uPVC 168 x 140 D	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	168 x 140 D	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	330.400	330.400	330.400	330.400	330.400	330.400	330.400	330.400	330.400
3063	Vật tư ngành nước	Nối giảm uPVC 220 x 114 D	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	220 x 114 D	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	601.700	601.700	601.700	601.700	601.700	601.700	601.700	601.700	601.700
3064	Vật tư ngành nước	Nối giảm uPVC 220 x 168 D	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	220 x 168 D	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	733.900	733.900	733.900	733.900	733.900	733.900	733.900	733.900	733.900
3065	Vật tư ngành nước	Co 90⁰ uPVC 21 D	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	21 D	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	3.800	3.800	3.800	3.800	3.800	3.800	3.800	3.800	3.800
3066	Vật tư ngành nước	Co 90⁰ uPVC 27 D	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	27 D	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	6.000	6.000	6.000	6.000	6.000	6.000	6.000	6.000	6.000
3067	Vật tư ngành nước	Co 90⁰ uPVC 34 D	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	34 D	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	8.500	8.500	8.500	8.500	8.500	8.500	8.500	8.500	8.500
3068	Vật tư ngành nước	Co 90⁰ uPVC 34 M	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	34 M	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	4.300	4.300	4.300	4.300	4.300	4.300	4.300	4.300	4.300
3069	Vật tư ngành nước	Co 90⁰ uPVC 42 D	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	42 D	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	12.800	12.800	12.800	12.800	12.800	12.800	12.800	12.800	12.800
3070	Vật tư ngành nước	Co 90⁰ uPVC 42 M	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	42 M	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	4.400	4.400	4.400	4.400	4.400	4.400	4.400	4.400	4.400
3071	Vật tư ngành nước	Co 90⁰ uPVC 49 D	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	49 D	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	20.300	20.300	20.300	20.300	20.300	20.300	20.300	20.300	20.300
3072	Vật tư ngành nước	Co 90⁰ uPVC 49 M	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	49 M	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	6.800	6.800	6.800	6.800	6.800	6.800	6.800	6.800	6.800
3073	Vật tư ngành nước	Co 90⁰ uPVC 60 D	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	60 D	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	32.200	32.200	32.200	32.200	32.200	32.200	32.200	32.200	32.200
3074	Vật tư ngành nước	Co 90⁰ uPVC 60 M	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	60 M	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	11.700	11.700	11.700	11.700	11.700	11.700	11.700	11.700	11.700
3075	Vật tư ngành nước	Co 90⁰ uPVC 76 D	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	76 D	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	61.900	61.900	61.900	61.900	61.900	61.900	61.900	61.900	61.900
3076	Vật tư ngành nước	Co 90⁰ uPVC 76 M	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	76 M	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	22.000	22.000	22.000	22.000	22.000	22.000	22.000	22.000	22.000
3077	Vật tư ngành nước	Co 90⁰ uPVC 90 D *	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	90 D	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	80.000	80.000	80.000	80.000	80.000	80.000	80.000	80.000	80.000
3078	Vật tư ngành nước	Co 90⁰ uPVC 90 M *	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	90 M	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	33.000	33.000	33.000	33.000	33.000	33.000	33.000	33.000	33.000
3079	Vật tư ngành nước	Co 90⁰ uPVC 114 D	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	114 D	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	184.700	184.700	184.700	184.700	184.700	184.700	184.700	184.700	184.700
3080	Vật tư ngành nước	Co 90⁰ uPVC 114 M	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	114 M	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	63.400	63.400	63.400	63.400	63.400	63.400	63.400	63.400	63.400
3081	Vật tư ngành nước	Co 90⁰ uPVC 168 D	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	168 D	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	602.200	602.200	602.200	602.200	602.200	602.200	602.200	602.200	602.200
3082	Vật tư ngành nước	Co 90⁰ uPVC 168 M	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	168 M	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	192.800	192.800	192.800	192.800	192.800	192.800	192.800	192.800	192.800
3083	Vật tư ngành nước	Co 90⁰ uPVC 220 D	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	220 D	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	1.040.400	1.040.400	1.040.400	1.040.400	1.040.400	1.040.400	1.040.400	1.040.400	1.040.400
3084	Vật tư ngành nước	Co 90⁰ uPVC 220 M	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	220 M	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	599.400	599.400	599.400	599.400	599.400	599.400	599.400	599.400	599.400
3085	Vật tư ngành nước	Co 90⁰ giảm uPVC 27 x 21 D	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	27 x 21 D	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	4.300	4.300	4.300	4.300	4.300	4.300	4.300	4.300	4.300
3086	Vật tư ngành nước	Co 90⁰ giảm uPVC 34 x 21 D	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	34 x 21 D	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	5.700	5.700	5.700	5.700	5.700	5.700	5.700	5.700	5.700
3087	Vật tư ngành nước	Co 90⁰ giảm uPVC 34 x 27 D	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	34 x 27 D	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	6.700	6.700	6.700	6.700	6.700	6.700	6.700	6.700	6.700
3088	Vật tư ngành nước	Co 90⁰ ren ngoài uPVC 21 D	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	21 D	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	5.500	5.500	5.500	5.500	5.500	5.500	5.500	5.500	5.500

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)(đồng)								
												Khu vực TP. Tây Ninh	Khu vực TX.Trảng Bàng	Khu vực TX. Hoà Thành	Khu vực H.Tân Biên	Khu vực H.Tân Châu	Khu vực H. Châu Thành	Khu vực H.Dương Minh Châu	Khu vực H. Bến Cầu	Khu vực H. Gò Dầu
3089	Vật tư ngành nước	Co 90⁰ ren ngoài uPVC 27 D	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	27 D	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	7.200	7.200	7.200	7.200	7.200	7.200	7.200	7.200	7.200
3090	Vật tư ngành nước	Co 90⁰ ren ngoài uPVC 34 D	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	34 D	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	12.500	12.500	12.500	12.500	12.500	12.500	12.500	12.500	12.500
3091	Vật tư ngành nước	Co 90⁰ ren ngoài uPVC 27 x RN 21 D	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	27 x RN 21 D	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	7.400	7.400	7.400	7.400	7.400	7.400	7.400	7.400	7.400
3092	Vật tư ngành nước	Co 90⁰ ren ngoài uPVC 27 x RN 34 D	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	27 x RN 34 D	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	11.300	11.300	11.300	11.300	11.300	11.300	11.300	11.300	11.300
3093	Vật tư ngành nước	Co 90⁰ ren trong uPVC 21 D	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	21 D	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	4.400	4.400	4.400	4.400	4.400	4.400	4.400	4.400	4.400
3094	Vật tư ngành nước	Co 90⁰ ren trong uPVC 27 D	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	27 D	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	6.000	6.000	6.000	6.000	6.000	6.000	6.000	6.000	6.000
3095	Vật tư ngành nước	Co 90⁰ ren trong uPVC 34 D	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	34 D	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	9.000	9.000	9.000	9.000	9.000	9.000	9.000	9.000	9.000
3096	Vật tư ngành nước	Co 90⁰ ren trong uPVC 21 x RT 27 D	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	21 x RT 27 D	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	5.400	5.400	5.400	5.400	5.400	5.400	5.400	5.400	5.400
3097	Vật tư ngành nước	Co 90⁰ ren trong uPVC 27 x RT 21 D	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	27 x RT 21 D	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	5.400	5.400	5.400	5.400	5.400	5.400	5.400	5.400	5.400
3098	Vật tư ngành nước	Co 90⁰ ren trong uPVC 27 x RT 34 D	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	27 x RT 34 D	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	8.000	8.000	8.000	8.000	8.000	8.000	8.000	8.000	8.000
3099	Vật tư ngành nước	Co 45⁰ uPVC 21 D	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	21 D	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	3.300	3.300	3.300	3.300	3.300	3.300	3.300	3.300	3.300
3100	Vật tư ngành nước	Co 45⁰ uPVC 27 D	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	27 D	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	5.000	5.000	5.000	5.000	5.000	5.000	5.000	5.000	5.000
3101	Vật tư ngành nước	Co 45⁰ uPVC 34 D	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	34 D	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	7.900	7.900	7.900	7.900	7.900	7.900	7.900	7.900	7.900
3102	Vật tư ngành nước	Co 45⁰ uPVC 34 M	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	34 M	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	3.400	3.400	3.400	3.400	3.400	3.400	3.400	3.400	3.400
3103	Vật tư ngành nước	Co 45⁰ uPVC 42 D	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	42 D	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	11.200	11.200	11.200	11.200	11.200	11.200	11.200	11.200	11.200
3104	Vật tư ngành nước	Co 45⁰ uPVC 42 M	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	42 M	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	4.300	4.300	4.300	4.300	4.300	4.300	4.300	4.300	4.300
3105	Vật tư ngành nước	Co 45⁰ uPVC 49 D	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	49 D	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	16.900	16.900	16.900	16.900	16.900	16.900	16.900	16.900	16.900
3106	Vật tư ngành nước	Co 45⁰ uPVC 49 M	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	49 M	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	5.400	5.400	5.400	5.400	5.400	5.400	5.400	5.400	5.400
3107	Vật tư ngành nước	Co 45⁰ uPVC 60 D	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	60 D	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	26.000	26.000	26.000	26.000	26.000	26.000	26.000	26.000	26.000
3108	Vật tư ngành nước	Co 45⁰ uPVC 60 M	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	60 M	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	8.000	8.000	8.000	8.000	8.000	8.000	8.000	8.000	8.000
3109	Vật tư ngành nước	Co 45⁰ uPVC 76 D	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	76 D	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	52.800	52.800	52.800	52.800	52.800	52.800	52.800	52.800	52.800
3110	Vật tư ngành nước	Co 45⁰ uPVC 76 M	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	76 M	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	16.700	16.700	16.700	16.700	16.700	16.700	16.700	16.700	16.700
3111	Vật tư ngành nước	Co 45⁰ uPVC 90 D *	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	90 D	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	61.400	61.400	61.400	61.400	61.400	61.400	61.400	61.400	61.400
3112	Vật tư ngành nước	Co 45⁰ uPVC 90 M *	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	90 M	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	25.400	25.400	25.400	25.400	25.400	25.400	25.400	25.400	25.400
3113	Vật tư ngành nước	Co 45⁰ uPVC 114 D	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	114 D	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	124.900	124.900	124.900	124.900	124.900	124.900	124.900	124.900	124.900
3114	Vật tư ngành nước	Co 45⁰ uPVC 114 M	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	114 M	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	48.500	48.500	48.500	48.500	48.500	48.500	48.500	48.500	48.500
3115	Vật tư ngành nước	Co 45⁰ uPVC 168 D	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	168 D	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	423.300	423.300	423.300	423.300	423.300	423.300	423.300	423.300	423.300

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)(đồng)								
												Khu vực TP. Tây Ninh	Khu vực TX.Trảng Bàng	Khu vực TX. Hoà Thành	Khu vực H.Tân Biên	Khu vực H.Tân Châu	Khu vực H. Châu Thành	Khu vực H.Dương Minh Châu	Khu vực H. Bến Cầu	Khu vực H. Gò Dầu
3116	Vật tư ngành nước	Co 45⁰ uPVC 168 M	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	168 M	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	167.700	167.700	167.700	167.700	167.700	167.700	167.700	167.700	167.700
3117	Vật tư ngành nước	Co 45⁰ uPVC 220 D	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	220 D	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	764.700	764.700	764.700	764.700	764.700	764.700	764.700	764.700	764.700
3118	Vật tư ngành nước	Co 45⁰ uPVC 220 M	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	220 M	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	446.700	446.700	446.700	446.700	446.700	446.700	446.700	446.700	446.700
3119	Vật tư ngành nước	Tê giảm uPVC 27 x 21 D	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	27 x 21 D	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	6.000	6.000	6.000	6.000	6.000	6.000	6.000	6.000	6.000
3120	Vật tư ngành nước	Tê giảm uPVC 34 x 21 D	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	34 x 21 D	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	9.300	9.300	9.300	9.300	9.300	9.300	9.300	9.300	9.300
3121	Vật tư ngành nước	Tê giảm uPVC 34 x 27 D	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	34 x 27 D	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	10.800	10.800	10.800	10.800	10.800	10.800	10.800	10.800	10.800
3122	Vật tư ngành nước	Tê giảm uPVC 42 x 21 D	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	42 x 21 D	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	13.200	13.200	13.200	13.200	13.200	13.200	13.200	13.200	13.200
3123	Vật tư ngành nước	Tê giảm uPVC 42 x 27 D	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	42 x 27 D	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	13.200	13.200	13.200	13.200	13.200	13.200	13.200	13.200	13.200
3124	Vật tư ngành nước	Tê giảm uPVC 42 x 34 D	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	42 x 34 D	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	14.700	14.700	14.700	14.700	14.700	14.700	14.700	14.700	14.700
3125	Vật tư ngành nước	Tê giảm uPVC 49 x 21 D	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	49 x 21 D	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	17.300	17.300	17.300	17.300	17.300	17.300	17.300	17.300	17.300
3126	Vật tư ngành nước	Tê giảm uPVC 49 x 27 D	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	49 x 27 D	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	18.800	18.800	18.800	18.800	18.800	18.800	18.800	18.800	18.800
3127	Vật tư ngành nước	Tê giảm uPVC 49 x 34 D	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	49 x 34 D	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	20.700	20.700	20.700	20.700	20.700	20.700	20.700	20.700	20.700
3128	Vật tư ngành nước	Tê giảm uPVC 49 x 42 D	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	49 x 42 D	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	23.200	23.200	23.200	23.200	23.200	23.200	23.200	23.200	23.200
3129	Vật tư ngành nước	Tê giảm uPVC 49 x 42 M	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	49 x 42 M	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	12.000	12.000	12.000	12.000	12.000	12.000	12.000	12.000	12.000
3130	Vật tư ngành nước	Tê giảm uPVC 60 x 21 D	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	60 x 21 D	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	27.500	27.500	27.500	27.500	27.500	27.500	27.500	27.500	27.500
3131	Vật tư ngành nước	Tê giảm uPVC 60 x 27 D	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	60 x 27 D	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	30.500	30.500	30.500	30.500	30.500	30.500	30.500	30.500	30.500
3132	Vật tư ngành nước	Tê giảm uPVC 60 x 34 D	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	60 x 34 D	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	28.400	28.400	28.400	28.400	28.400	28.400	28.400	28.400	28.400
3133	Vật tư ngành nước	Tê giảm uPVC 60 x 42 D	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	60 x 42 D	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	31.900	31.900	31.900	31.900	31.900	31.900	31.900	31.900	31.900
3134	Vật tư ngành nước	Tê giảm uPVC 60 x 49 D	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	60 x 49 D	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	36.000	36.000	36.000	36.000	36.000	36.000	36.000	36.000	36.000
3135	Vật tư ngành nước	Tê giảm uPVC 60 x 49 M	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	60 x 49 M	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	15.900	15.900	15.900	15.900	15.900	15.900	15.900	15.900	15.900
3136	Vật tư ngành nước	Tê giảm uPVC 76 x 60 D	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	76 x 60 D	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	79.800	79.800	79.800	79.800	79.800	79.800	79.800	79.800	79.800
3137	Vật tư ngành nước	Tê giảm uPVC 90 x 27 D	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	90 x 27 D	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	79.200	79.200	79.200	79.200	79.200	79.200	79.200	79.200	79.200
3138	Vật tư ngành nước	Tê giảm uPVC 90 x 34 D	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	90 x 34 D	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	79.200	79.200	79.200	79.200	79.200	79.200	79.200	79.200	79.200
3139	Vật tư ngành nước	Tê giảm uPVC 90 x 42 D	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	90 x 42 D	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	79.500	79.500	79.500	79.500	79.500	79.500	79.500	79.500	79.500
3140	Vật tư ngành nước	Tê giảm uPVC 90 x 49 D *	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	90 x 49 D	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	79.700	79.700	79.700	79.700	79.700	79.700	79.700	79.700	79.700
3141	Vật tư ngành nước	Tê giảm uPVC 90 x 60 D *	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	90 x 60 D	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	81.300	81.300	81.300	81.300	81.300	81.300	81.300	81.300	81.300
3142	Vật tư ngành nước	Tê giảm uPVC 90 x 60 M	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	90 x 60 M	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	30.300	30.300	30.300	30.300	30.300	30.300	30.300	30.300	30.300

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)(đồng)								
												Khu vực TP. Tây Ninh	Khu vực TX.Trảng Bàng	Khu vực TX. Hoà Thành	Khu vực H.Tân Biên	Khu vực H.Tân Châu	Khu vực H. Châu Thành	Khu vực H.Dương Minh Châu	Khu vực H. Bến Cầu	Khu vực H. Gò Dầu
3143	Vật tư ngành nước	Tê giảm uPVC 90 x 76 D	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	90 x 76 D	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	44.400	44.400	44.400	44.400	44.400	44.400	44.400	44.400	44.400
3144	Vật tư ngành nước	Tê giảm uPVC 114 x 49 D	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	114 x 49 D	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	123.000	123.000	123.000	123.000	123.000	123.000	123.000	123.000	123.000
3145	Vật tư ngành nước	Tê giảm uPVC 114 x 60 D	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	114 x 60 D	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	148.900	148.900	148.900	148.900	148.900	148.900	148.900	148.900	148.900
3146	Vật tư ngành nước	Tê giảm uPVC 114 x 60 M	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	114 x 60 M	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	47.700	47.700	47.700	47.700	47.700	47.700	47.700	47.700	47.700
3147	Vật tư ngành nước	Tê giảm uPVC 114 x 90 D	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	114 x 90 D	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	171.500	171.500	171.500	171.500	171.500	171.500	171.500	171.500	171.500
3148	Vật tư ngành nước	Tê giảm uPVC 114 x 90 M	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	114 x 90 M	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	61.200	61.200	61.200	61.200	61.200	61.200	61.200	61.200	61.200
3149	Vật tư ngành nước	Tê giảm uPVC 140 x 90 D *	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	140 x 90 D	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	299.800	299.800	299.800	299.800	299.800	299.800	299.800	299.800	299.800
3150	Vật tư ngành nước	Tê giảm uPVC 140 x 114 D	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	140 x 114 D	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	306.500	306.500	306.500	306.500	306.500	306.500	306.500	306.500	306.500
3151	Vật tư ngành nước	Tê giảm uPVC 168 x 90 D	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	168 x 90 D	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	555.500	555.500	555.500	555.500	555.500	555.500	555.500	555.500	555.500
3152	Vật tư ngành nước	Tê giảm uPVC 168 x 90 M	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	168 x 90 M	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	182.200	182.200	182.200	182.200	182.200	182.200	182.200	182.200	182.200
3153	Vật tư ngành nước	Tê giảm uPVC 168 x 114 D	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	168 x 114 D	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	574.300	574.300	574.300	574.300	574.300	574.300	574.300	574.300	574.300
3154	Vật tư ngành nước	Tê giảm uPVC 168 x 114 M	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	168 x 114 M	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	247.900	247.900	247.900	247.900	247.900	247.900	247.900	247.900	247.900
3155	Vật tư ngành nước	Tê giảm uPVC 220 x 114 D	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	220 x 114 D	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	978.700	978.700	978.700	978.700	978.700	978.700	978.700	978.700	978.700
3156	Vật tư ngành nước	Tê giảm uPVC 220 x 168 D	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	220 x 168 D	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	1.491.900	1.491.900	1.491.900	1.491.900	1.491.900	1.491.900	1.491.900	1.491.900	1.491.900
3157	Vật tư ngành nước	Y uPVC 21 D	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	21 D	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	3.400	3.400	3.400	3.400	3.400	3.400	3.400	3.400	3.400
3158	Vật tư ngành nước	Y uPVC 27 D	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	27 D	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	6.700	6.700	6.700	6.700	6.700	6.700	6.700	6.700	6.700
3159	Vật tư ngành nước	Y uPVC 34 D	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	34 D	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	14.700	14.700	14.700	14.700	14.700	14.700	14.700	14.700	14.700
3160	Vật tư ngành nước	Y uPVC 42 D	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	42 D	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	37.300	37.300	37.300	37.300	37.300	37.300	37.300	37.300	37.300
3161	Vật tư ngành nước	Y uPVC 42 M	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	42 M	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	10.800	10.800	10.800	10.800	10.800	10.800	10.800	10.800	10.800
3162	Vật tư ngành nước	Y uPVC 49 D	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	49 D	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	66.700	66.700	66.700	66.700	66.700	66.700	66.700	66.700	66.700
3163	Vật tư ngành nước	Y uPVC 49 M	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	49 M	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	13.500	13.500	13.500	13.500	13.500	13.500	13.500	13.500	13.500
3164	Vật tư ngành nước	Y uPVC 60 D	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	60 D	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	82.800	82.800	82.800	82.800	82.800	82.800	82.800	82.800	82.800
3165	Vật tư ngành nước	Y uPVC 60 M	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	60 M	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	17.500	17.500	17.500	17.500	17.500	17.500	17.500	17.500	17.500
3166	Vật tư ngành nước	Y uPVC 76 D	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	76 D	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	110.200	110.200	110.200	110.200	110.200	110.200	110.200	110.200	110.200
3167	Vật tư ngành nước	Y uPVC 76 M	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	76 M	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	37.800	37.800	37.800	37.800	37.800	37.800	37.800	37.800	37.800
3168	Vật tư ngành nước	Y uPVC 90 D *	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	90 D	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	171.700	171.700	171.700	171.700	171.700	171.700	171.700	171.700	171.700
3169	Vật tư ngành nước	Y uPVC 90 M *	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	90 M	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	61.400	61.400	61.400	61.400	61.400	61.400	61.400	61.400	61.400

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)(đồng)								
												Khu vực TP. Tây Ninh	Khu vực TX.Trảng Bàng	Khu vực TX. Hoà Thành	Khu vực H.Tân Biên	Khu vực H.Tân Châu	Khu vực H. Châu Thành	Khu vực H.Dương Minh Châu	Khu vực H. Bến Cầu	Khu vực H. Gò Dầu
3170	Vật tư ngành nước	Y uPVC 114 D	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	114 D	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	284.000	284.000	284.000	284.000	284.000	284.000	284.000	284.000	284.000
3171	Vật tư ngành nước	Y uPVC 114 M	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	114 M	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	118.700	118.700	118.700	118.700	118.700	118.700	118.700	118.700	118.700
3172	Vật tư ngành nước	Y uPVC 168 D	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	168 D	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	829.200	829.200	829.200	829.200	829.200	829.200	829.200	829.200	829.200
3173	Vật tư ngành nước	Y uPVC 168 M	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	168 M	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	362.000	362.000	362.000	362.000	362.000	362.000	362.000	362.000	362.000
3174	Vật tư ngành nước	Y uPVC 220 D	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	220 D	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	2.191.800	2.191.800	2.191.800	2.191.800	2.191.800	2.191.800	2.191.800	2.191.800	2.191.800
3175	Vật tư ngành nước	Y uPVC 220 M	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	220 M	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	1.114.000	1.114.000	1.114.000	1.114.000	1.114.000	1.114.000	1.114.000	1.114.000	1.114.000
3176	Vật tư ngành nước	Y giảm uPVC 60 x 42 D	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	60 x 42 D	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	72.400	72.400	72.400	72.400	72.400	72.400	72.400	72.400	72.400
3177	Vật tư ngành nước	Y giảm uPVC 60 x 49 D	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	60 x 49 D	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	81.000	81.000	81.000	81.000	81.000	81.000	81.000	81.000	81.000
3178	Vật tư ngành nước	Y giảm uPVC 60 x 49 M	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	60 x 49 M	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	12.200	12.200	12.200	12.200	12.200	12.200	12.200	12.200	12.200
3179	Vật tư ngành nước	Y giảm uPVC 76 x 60 D	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	76 x 60 D	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	91.200	91.200	91.200	91.200	91.200	91.200	91.200	91.200	91.200
3180	Vật tư ngành nước	Y giảm uPVC 76 x 60 M	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	76 x 60 M	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	26.700	26.700	26.700	26.700	26.700	26.700	26.700	26.700	26.700
3181	Vật tư ngành nước	Y giảm uPVC 90 x 49 M	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	90 x 49 M	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	34.900	34.900	34.900	34.900	34.900	34.900	34.900	34.900	34.900
3182	Vật tư ngành nước	Y giảm uPVC 90 x 60 D *	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	90 x 60 D	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	132.500	132.500	132.500	132.500	132.500	132.500	132.500	132.500	132.500
3183	Vật tư ngành nước	Y giảm uPVC 90 x 60 M	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	90 x 60 M	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	36.000	36.000	36.000	36.000	36.000	36.000	36.000	36.000	36.000
3184	Vật tư ngành nước	Y giảm uPVC 90 x 76 D *	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	90 x 76 D	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	153.500	153.500	153.500	153.500	153.500	153.500	153.500	153.500	153.500
3185	Vật tư ngành nước	Y giảm uPVC 114 x 60 D	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	114 x 60 D	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	222.700	222.700	222.700	222.700	222.700	222.700	222.700	222.700	222.700
3186	Vật tư ngành nước	Y giảm uPVC 114 x 60 M	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	114 x 60 M	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	60.500	60.500	60.500	60.500	60.500	60.500	60.500	60.500	60.500
3187	Vật tư ngành nước	Y giảm uPVC 114 x 90 D	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	114 x 90 D	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	262.200	262.200	262.200	262.200	262.200	262.200	262.200	262.200	262.200
3188	Vật tư ngành nước	Y giảm uPVC 114 x 90 M	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	114 x 90 M	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	85.400	85.400	85.400	85.400	85.400	85.400	85.400	85.400	85.400
3189	Vật tư ngành nước	Y giảm uPVC 140 x 90 D *	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	140 x 90 D	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	294.800	294.800	294.800	294.800	294.800	294.800	294.800	294.800	294.800
3190	Vật tư ngành nước	Y giảm uPVC 140 x 114 D	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	140 x 114 D	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	437.800	437.800	437.800	437.800	437.800	437.800	437.800	437.800	437.800
3191	Vật tư ngành nước	Y giảm uPVC 140 x 114 M	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	140 x 114 M	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	170.500	170.500	170.500	170.500	170.500	170.500	170.500	170.500	170.500
3192	Vật tư ngành nước	Y giảm uPVC 168 x 90 D	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	168 x 90 D	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	506.700	506.700	506.700	506.700	506.700	506.700	506.700	506.700	506.700
3193	Vật tư ngành nước	Y giảm uPVC 168 x 90 M	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	168 x 90 M	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	219.200	219.200	219.200	219.200	219.200	219.200	219.200	219.200	219.200
3194	Vật tư ngành nước	Y giảm uPVC 168 x 114 D	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	168 x 114 D	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	714.000	714.000	714.000	714.000	714.000	714.000	714.000	714.000	714.000
3195	Vật tư ngành nước	Y giảm uPVC 168 x 114 M	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	168 x 114 M	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	278.800	278.800	278.800	278.800	278.800	278.800	278.800	278.800	278.800
3196	Vật tư ngành nước	Y giảm uPVC 168 x 140 D	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	168 x 140 D	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	793.500	793.500	793.500	793.500	793.500	793.500	793.500	793.500	793.500

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)(đồng)								
												Khu vực TP. Tây Ninh	Khu vực TX.Trảng Bàng	Khu vực TX. Hoà Thành	Khu vực H.Tân Biên	Khu vực H.Tân Châu	Khu vực H. Châu Thành	Khu vực H.Dương Minh Châu	Khu vực H. Bến Cầu	Khu vực H. Gò Dầu
3197	Vật tư ngành nước	Y giảm uPVC 220 x 114 D	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	220 x 114 D	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	1.334.800	1.334.800	1.334.800	1.334.800	1.334.800	1.334.800	1.334.800	1.334.800	1.334.800
3198	Vật tư ngành nước	Y giảm uPVC 220 x 168 D	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	220 x 168 D	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	1.669.400	1.669.400	1.669.400	1.669.400	1.669.400	1.669.400	1.669.400	1.669.400	1.669.400
3199	Vật tư ngành nước	Tê uPVC 21 D	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	21 D	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	5.000	5.000	5.000	5.000	5.000	5.000	5.000	5.000	5.000
3200	Vật tư ngành nước	Tê uPVC 27 D	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	27 D	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	8.000	8.000	8.000	8.000	8.000	8.000	8.000	8.000	8.000
3201	Vật tư ngành nước	Tê uPVC 34 D	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	34 D	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	13.200	13.200	13.200	13.200	13.200	13.200	13.200	13.200	13.200
3202	Vật tư ngành nước	Tê uPVC 34 M	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	34 M	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	4.900	4.900	4.900	4.900	4.900	4.900	4.900	4.900	4.900
3203	Vật tư ngành nước	Tê uPVC 42 D	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	42 D	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	17.300	17.300	17.300	17.300	17.300	17.300	17.300	17.300	17.300
3204	Vật tư ngành nước	Tê uPVC 42 M	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	42 M	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	5.200	5.200	5.200	5.200	5.200	5.200	5.200	5.200	5.200
3205	Vật tư ngành nước	Tê uPVC 49 D	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	49 D	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	25.700	25.700	25.700	25.700	25.700	25.700	25.700	25.700	25.700
3206	Vật tư ngành nước	Tê uPVC 49 M	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	49 M	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	6.700	6.700	6.700	6.700	6.700	6.700	6.700	6.700	6.700
3207	Vật tư ngành nước	Tê uPVC 60 D	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	60 D	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	43.900	43.900	43.900	43.900	43.900	43.900	43.900	43.900	43.900
3208	Vật tư ngành nước	Tê uPVC 60 M	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	60 M	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	14.300	14.300	14.300	14.300	14.300	14.300	14.300	14.300	14.300
3209	Vật tư ngành nước	Tê uPVC 76 D	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	76 D	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	82.900	82.900	82.900	82.900	82.900	82.900	82.900	82.900	82.900
3210	Vật tư ngành nước	Tê uPVC 76 M	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	76 M	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	29.900	29.900	29.900	29.900	29.900	29.900	29.900	29.900	29.900
3211	Vật tư ngành nước	Tê uPVC 90 D *	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	90 D	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	110.500	110.500	110.500	110.500	110.500	110.500	110.500	110.500	110.500
3212	Vật tư ngành nước	Tê uPVC 90 M *	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	90 M	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	49.300	49.300	49.300	49.300	49.300	49.300	49.300	49.300	49.300
3213	Vật tư ngành nước	Tê uPVC 114 D	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	114 D	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	225.700	225.700	225.700	225.700	225.700	225.700	225.700	225.700	225.700
3214	Vật tư ngành nước	Tê uPVC 114 M	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	114 M	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	80.900	80.900	80.900	80.900	80.900	80.900	80.900	80.900	80.900
3215	Vật tư ngành nước	Tê uPVC 168 D	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	168 D	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	809.500	809.500	809.500	809.500	809.500	809.500	809.500	809.500	809.500
3216	Vật tư ngành nước	Tê uPVC 168 M	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	168 M	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	278.700	278.700	278.700	278.700	278.700	278.700	278.700	278.700	278.700
3217	Vật tư ngành nước	Tê uPVC 220 D	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	220 D	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	1.371.800	1.371.800	1.371.800	1.371.800	1.371.800	1.371.800	1.371.800	1.371.800	1.371.800
3218	Vật tư ngành nước	Tê uPVC 220 M	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	220 M	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	834.400	834.400	834.400	834.400	834.400	834.400	834.400	834.400	834.400
3219	Vật tư ngành nước	Mặt bích uPVC 49 D	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	49 D	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	56.800	56.800	56.800	56.800	56.800	56.800	56.800	56.800	56.800
3220	Vật tư ngành nước	Mặt bích uPVC 60 D	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	60 D	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	69.000	69.000	69.000	69.000	69.000	69.000	69.000	69.000	69.000
3221	Vật tư ngành nước	Mặt bích uPVC 76 D	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	76 D	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	85.300	85.300	85.300	85.300	85.300	85.300	85.300	85.300	85.300
3222	Vật tư ngành nước	Mặt bích uPVC 90 D *	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	90 D	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	118.800	118.800	118.800	118.800	118.800	118.800	118.800	118.800	118.800
3223	Vật tư ngành nước	Mặt bích uPVC 114 D	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	114 D	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	183.800	183.800	183.800	183.800	183.800	183.800	183.800	183.800	183.800

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)(đồng)								
												Khu vực TP. Tây Ninh	Khu vực TX.Trảng Bàng	Khu vực TX. Hoà Thành	Khu vực H.Tân Biên	Khu vực H.Tân Châu	Khu vực H. Châu Thành	Khu vực H.Dương Minh Châu	Khu vực H. Bến Cầu	Khu vực H. Gò Dầu
3224	Vật tư ngành nước	Mặt bích uPVC 168 D	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	168 D	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	472.500	472.500	472.500	472.500	472.500	472.500	472.500	472.500	472.500
3225	Vật tư ngành nước	Mặt bích uPVC 220 D	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	220 D	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	483.300	483.300	483.300	483.300	483.300	483.300	483.300	483.300	483.300
3226	Vật tư ngành nước	Từ thông uPVC 90	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	90	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	78.900	78.900	78.900	78.900	78.900	78.900	78.900	78.900	78.900
3227	Vật tư ngành nước	Từ thông uPVC 114	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	114	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	166.200	166.200	166.200	166.200	166.200	166.200	166.200	166.200	166.200
3228	Vật tư ngành nước	Tê cong uPVC 60 D	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	60 D	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	73.000	73.000	73.000	73.000	73.000	73.000	73.000	73.000	73.000
3229	Vật tư ngành nước	Tê cong uPVC 60 M	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	60 M	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	35.800	35.800	35.800	35.800	35.800	35.800	35.800	35.800	35.800
3230	Vật tư ngành nước	Tê cong uPVC 90 D *	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	90 D	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	145.500	145.500	145.500	145.500	145.500	145.500	145.500	145.500	145.500
3231	Vật tư ngành nước	Tê cong uPVC 90 M *	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	90 M	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	60.500	60.500	60.500	60.500	60.500	60.500	60.500	60.500	60.500
3232	Vật tư ngành nước	Tê cong uPVC 114 D	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	114 D	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	350.900	350.900	350.900	350.900	350.900	350.900	350.900	350.900	350.900
3233	Vật tư ngành nước	Tê cong uPVC 114 M	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	114 M	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	101.000	101.000	101.000	101.000	101.000	101.000	101.000	101.000	101.000
3234	Vật tư ngành nước	Tê cong uPVC 168 D	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	168 D	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	1.195.700	1.195.700	1.195.700	1.195.700	1.195.700	1.195.700	1.195.700	1.195.700	1.195.700
3235	Vật tư ngành nước	Tê cong uPVC 168 M	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	168 M	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	425.000	425.000	425.000	425.000	425.000	425.000	425.000	425.000	425.000
3236	Vật tư ngành nước	Tê cong giảm uPVC 76 x 60 D	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	76 x 60 D	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	90.500	90.500	90.500	90.500	90.500	90.500	90.500	90.500	90.500
3237	Vật tư ngành nước	Tê cong giảm uPVC 90 x 60 D	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	90 x 60 D	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	129.400	129.400	129.400	129.400	129.400	129.400	129.400	129.400	129.400
3238	Vật tư ngành nước	Tê cong giảm uPVC 90 x 60 M	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	90 x 60 M	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	38.500	38.500	38.500	38.500	38.500	38.500	38.500	38.500	38.500
3239	Vật tư ngành nước	Tê cong giảm uPVC 114 x 60 D	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	114 x 60 D	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	182.200	182.200	182.200	182.200	182.200	182.200	182.200	182.200	182.200
3240	Vật tư ngành nước	Tê cong giảm uPVC 114 x 60 M	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	114 x 60 M	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	83.500	83.500	83.500	83.500	83.500	83.500	83.500	83.500	83.500
3241	Vật tư ngành nước	Tê cong giảm uPVC 114 x 90 D	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	114 x 90 D	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	282.700	282.700	282.700	282.700	282.700	282.700	282.700	282.700	282.700
3242	Vật tư ngành nước	Tê cong giảm uPVC 114 x 90 M	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	114 x 90 M	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	92.300	92.300	92.300	92.300	92.300	92.300	92.300	92.300	92.300
3243	Vật tư ngành nước	Tê cong giảm uPVC 140 x 90 D *	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	140 x 90 D	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	445.700	445.700	445.700	445.700	445.700	445.700	445.700	445.700	445.700
3244	Vật tư ngành nước	Tê cong giảm uPVC 140 x 114 D	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	140 x 114 D	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	583.000	583.000	583.000	583.000	583.000	583.000	583.000	583.000	583.000
3245	Vật tư ngành nước	Tê cong giảm uPVC 140 x 114 M	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	140 x 114 M	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	206.400	206.400	206.400	206.400	206.400	206.400	206.400	206.400	206.400
3246	Vật tư ngành nước	Tê cong giảm uPVC 168 x 90 D	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	168 x 90 D	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	723.500	723.500	723.500	723.500	723.500	723.500	723.500	723.500	723.500
3247	Vật tư ngành nước	Tê cong giảm uPVC 168 x 90 M	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	168 x 90 M	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	217.800	217.800	217.800	217.800	217.800	217.800	217.800	217.800	217.800
3248	Vật tư ngành nước	Tê cong giảm uPVC 168 x 114 D	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	168 x 114 D	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	885.200	885.200	885.200	885.200	885.200	885.200	885.200	885.200	885.200
3249	Vật tư ngành nước	Tê cong giảm uPVC 168 x 114 M	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	168 x 114 M	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	256.900	256.900	256.900	256.900	256.900	256.900	256.900	256.900	256.900
3250	Vật tư ngành nước	Nút bít uPVC 21 D	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	21 D	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	2.300	2.300	2.300	2.300	2.300	2.300	2.300	2.300	2.300

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)(đồng)								
												Khu vực TP. Tây Ninh	Khu vực TX.Trảng Bàng	Khu vực TX. Hoà Thành	Khu vực H.Tân Biên	Khu vực H.Tân Châu	Khu vực H. Châu Thành	Khu vực H.Dương Minh Châu	Khu vực H. Bến Cầu	Khu vực H. Gò Dầu
3251	Vật tư ngành nước	Nút bít uPVC 21 M	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	21 M	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	1.400	1.400	1.400	1.400	1.400	1.400	1.400	1.400	1.400
3252	Vật tư ngành nước	Nút bít uPVC 27 D	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	27 D	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	2.500	2.500	2.500	2.500	2.500	2.500	2.500	2.500	2.500
3253	Vật tư ngành nước	Nút bít uPVC 27 M	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	27 M	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	1.800	1.800	1.800	1.800	1.800	1.800	1.800	1.800	1.800
3254	Vật tư ngành nước	Nút bít uPVC 34 D	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	34 D	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	4.700	4.700	4.700	4.700	4.700	4.700	4.700	4.700	4.700
3255	Vật tư ngành nước	Nút bít uPVC 34 M	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	34 M	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	2.500	2.500	2.500	2.500	2.500	2.500	2.500	2.500	2.500
3256	Vật tư ngành nước	Nút bít uPVC 42 D	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	42 D	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	6.000	6.000	6.000	6.000	6.000	6.000	6.000	6.000	6.000
3257	Vật tư ngành nước	Nút bít uPVC 42 M	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	42 M	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	3.000	3.000	3.000	3.000	3.000	3.000	3.000	3.000	3.000
3258	Vật tư ngành nước	Nút bít uPVC 49 D	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	49 D	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	9.200	9.200	9.200	9.200	9.200	9.200	9.200	9.200	9.200
3259	Vật tư ngành nước	Nút bít uPVC 49 M	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	49 M	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	4.400	4.400	4.400	4.400	4.400	4.400	4.400	4.400	4.400
3260	Vật tư ngành nước	Nút bít uPVC 60 D	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	60 D	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	15.400	15.400	15.400	15.400	15.400	15.400	15.400	15.400	15.400
3261	Vật tư ngành nước	Nút bít uPVC 60 M	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	60 M	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	13.400	13.400	13.400	13.400	13.400	13.400	13.400	13.400	13.400
3262	Vật tư ngành nước	Nút bít uPVC 76 D	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	76 D	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	30.000	30.000	30.000	30.000	30.000	30.000	30.000	30.000	30.000
3263	Vật tư ngành nước	Nút bít uPVC 90 D *	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	90 D	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	36.200	36.200	36.200	36.200	36.200	36.200	36.200	36.200	36.200
3264	Vật tư ngành nước	Nút bít uPVC 90 M *	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	90 M	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	29.500	29.500	29.500	29.500	29.500	29.500	29.500	29.500	29.500
3265	Vật tư ngành nước	Nút bít uPVC 114 D	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	114 D	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	77.400	77.400	77.400	77.400	77.400	77.400	77.400	77.400	77.400
3266	Vật tư ngành nước	Nút bít uPVC 114 M	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	114 M	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	36.000	36.000	36.000	36.000	36.000	36.000	36.000	36.000	36.000
3267	Vật tư ngành nước	Nút bít uPVC 168 D	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	168 D	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	308.000	308.000	308.000	308.000	308.000	308.000	308.000	308.000	308.000
3268	Vật tư ngành nước	Nút bít uPVC 168 M	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	168 M	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	87.500	87.500	87.500	87.500	87.500	87.500	87.500	87.500	87.500
3269	Vật tư ngành nước	Nút bít uPVC 220 D	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	220 D	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	564.500	564.500	564.500	564.500	564.500	564.500	564.500	564.500	564.500
3270	Vật tư ngành nước	Nút bít uPVC 220 M	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	220 M	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	225.000	225.000	225.000	225.000	225.000	225.000	225.000	225.000	225.000
3271	Vật tư ngành nước	Nút bít ren ngoài uPVC 21 D	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	21 D	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	1.500	1.500	1.500	1.500	1.500	1.500	1.500	1.500	1.500
3272	Vật tư ngành nước	Nút bít ren ngoài uPVC 27 D	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	27 D	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	2.300	2.300	2.300	2.300	2.300	2.300	2.300	2.300	2.300
3273	Vật tư ngành nước	Nút bít ren ngoài uPVC 34 D	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	34 D	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	2.500	2.500	2.500	2.500	2.500	2.500	2.500	2.500	2.500
3274	Vật tư ngành nước	Nút bít ren ngoài uPVC 42 D	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	42 D	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	3.800	3.800	3.800	3.800	3.800	3.800	3.800	3.800	3.800
3275	Vật tư ngành nước	Nút bít ren ngoài uPVC 49 D	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	49 D	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	5.400	5.400	5.400	5.400	5.400	5.400	5.400	5.400	5.400
3276	Vật tư ngành nước	Nút bít ren trong uPVC 21 D	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	21 D	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	1.300	1.300	1.300	1.300	1.300	1.300	1.300	1.300	1.300
3277	Vật tư ngành nước	Nút bít ren trong uPVC 27 D	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	27 D	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	2.500	2.500	2.500	2.500	2.500	2.500	2.500	2.500	2.500

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)(đồng)								
												Khu vực TP. Tây Ninh	Khu vực TX.Trảng Bàng	Khu vực TX. Hoà Thành	Khu vực H.Tân Biên	Khu vực H.Tân Châu	Khu vực H. Châu Thành	Khu vực H.Dương Minh Châu	Khu vực H. Bến Cầu	Khu vực H. Gò Dầu
3278	Vật tư ngành nước	Nút bít ren trong uPVC 34 D	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	34 D	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	4.700	4.700	4.700	4.700	4.700	4.700	4.700	4.700	4.700
3279	Vật tư ngành nước	Bít xả uPVC 60 D	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	60 D	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	35.800	35.800	35.800	35.800	35.800	35.800	35.800	35.800	35.800
3280	Vật tư ngành nước	Bít xả uPVC 76 D	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	76 D	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	54.800	54.800	54.800	54.800	54.800	54.800	54.800	54.800	54.800
3281	Vật tư ngành nước	Bít xả uPVC 90 D*	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	90 D	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	89.400	89.400	89.400	89.400	89.400	89.400	89.400	89.400	89.400
3282	Vật tư ngành nước	Bít xả uPVC 114 D	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	114 D	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	142.200	142.200	142.200	142.200	142.200	142.200	142.200	142.200	142.200
3283	Vật tư ngành nước	Bít xả uPVC 168 D	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	168 D	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	418.000	418.000	418.000	418.000	418.000	418.000	418.000	418.000	418.000
3284	Vật tư ngành nước	Bít xả uPVC 220 D	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	220 D	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	802.400	802.400	802.400	802.400	802.400	802.400	802.400	802.400	802.400
3285	Vật tư ngành nước	Con thỏ uPVC 49	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	49	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	69.000	69.000	69.000	69.000	69.000	69.000	69.000	69.000	69.000
3286	Vật tư ngành nước	Con thỏ uPVC 60	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	60	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	83.700	83.700	83.700	83.700	83.700	83.700	83.700	83.700	83.700
3287	Vật tư ngành nước	Con thỏ uPVC 90	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	90	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	134.400	134.400	134.400	134.400	134.400	134.400	134.400	134.400	134.400
3288	Vật tư ngành nước	Con thỏ uPVC 114	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	114	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	211.000	211.000	211.000	211.000	211.000	211.000	211.000	211.000	211.000
3289	Vật tư ngành nước	Bạc chuyển bậc uPVC 90 x 60	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	90 x 60	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	27.300	27.300	27.300	27.300	27.300	27.300	27.300	27.300	27.300
3290	Vật tư ngành nước	Bạc chuyển bậc uPVC 90 x 76	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	90 x 76	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	42.500	42.500	42.500	42.500	42.500	42.500	42.500	42.500	42.500
3291	Vật tư ngành nước	Bạc chuyển bậc uPVC 114 x 60	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	114 x 60	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	50.000	50.000	50.000	50.000	50.000	50.000	50.000	50.000	50.000
3292	Vật tư ngành nước	Bạc chuyển bậc uPVC 114 x 76	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	114 x 76	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	52.400	52.400	52.400	52.400	52.400	52.400	52.400	52.400	52.400
3293	Vật tư ngành nước	Bạc chuyển bậc uPVC 114 x 90	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	114 x 90	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	53.800	53.800	53.800	53.800	53.800	53.800	53.800	53.800	53.800
3294	Vật tư ngành nước	Đai khởi thuỷ uPVC 60 x 27	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	60 x 27	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	157.400	157.400	157.400	157.400	157.400	157.400	157.400	157.400	157.400
3295	Vật tư ngành nước	Đai khởi thuỷ uPVC 60 x 34	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	60 x 34	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	164.700	164.700	164.700	164.700	164.700	164.700	164.700	164.700	164.700
3296	Vật tư ngành nước	Đai khởi thuỷ uPVC 90 x 27	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	90 x 27	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	179.400	179.400	179.400	179.400	179.400	179.400	179.400	179.400	179.400
3297	Vật tư ngành nước	Đai khởi thuỷ uPVC 90 x 34	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	90 x 34	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	183.300	183.300	183.300	183.300	183.300	183.300	183.300	183.300	183.300
3298	Vật tư ngành nước	Đai khởi thuỷ uPVC 114 x 27	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	114 x 27	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	193.300	193.300	193.300	193.300	193.300	193.300	193.300	193.300	193.300
3299	Vật tư ngành nước	Đai khởi thuỷ uPVC 114 x 34	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	114 x 34	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	202.900	202.900	202.900	202.900	202.900	202.900	202.900	202.900	202.900
3300	Vật tư ngành nước	Thông sàn uPVC 49 D	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	49 D	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	22.200	22.200	22.200	22.200	22.200	22.200	22.200	22.200	22.200
3301	Vật tư ngành nước	Thông sàn uPVC 60 D	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	60 D	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	30.500	30.500	30.500	30.500	30.500	30.500	30.500	30.500	30.500
3302	Vật tư ngành nước	Thông sàn uPVC 90 D *	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	90 D	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	52.300	52.300	52.300	52.300	52.300	52.300	52.300	52.300	52.300
3303	Vật tư ngành nước	Thông sàn uPVC 114 D	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	114 D	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	60.900	60.900	60.900	60.900	60.900	60.900	60.900	60.900	60.900
3304	Vật tư ngành nước	Gioăng cao su uPVC 90	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	90 (3")	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	19.700	19.700	19.700	19.700	19.700	19.700	19.700	19.700	19.700

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)(đồng)								
												Khu vực TP. Tây Ninh	Khu vực TX.Trảng Bàng	Khu vực TX. Hoà Thành	Khu vực H.Tân Biên	Khu vực H.Tân Châu	Khu vực H. Châu Thành	Khu vực H.Dương Minh Châu	Khu vực H. Bến Cầu	Khu vực H. Gò Dầu
3305	Vật tư ngành nước	Gioăng cao su uPVC 114	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	114 (4")	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	25.400	25.400	25.400	25.400	25.400	25.400	25.400	25.400	25.400
3306	Vật tư ngành nước	Gioăng cao su uPVC 140	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	140 (5")	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	32.200	32.200	32.200	32.200	32.200	32.200	32.200	32.200	32.200
3307	Vật tư ngành nước	Gioăng cao su uPVC 165	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	165 (6")	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	48.900	48.900	48.900	48.900	48.900	48.900	48.900	48.900	48.900
3308	Vật tư ngành nước	Gioăng cao su uPVC 168	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	168 (6")	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	48.900	48.900	48.900	48.900	48.900	48.900	48.900	48.900	48.900
3309	Vật tư ngành nước	Gioăng cao su uPVC 216	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	216 (8")	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	56.400	56.400	56.400	56.400	56.400	56.400	56.400	56.400	56.400
3310	Vật tư ngành nước	Gioăng cao su uPVC 220	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	220 (8")	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	60.900	60.900	60.900	60.900	60.900	60.900	60.900	60.900	60.900
3311	Vật tư ngành nước	Gioăng cao su uPVC 267	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	267 (10")	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	105.300	105.300	105.300	105.300	105.300	105.300	105.300	105.300	105.300
3312	Vật tư ngành nước	Gioăng cao su uPVC 318	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	318 (12")	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	137.900	137.900	137.900	137.900	137.900	137.900	137.900	137.900	137.900
3313	Vật tư ngành nước	Keo dán uPVC Đệ Nhất 1Kg/Lon	hộp	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	1Kg/Lon	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	173.000	173.000	173.000	173.000	173.000	173.000	173.000	173.000	173.000
3314	Vật tư ngành nước	Nối tron uPVC 75 D	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	75 D	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	40.700	40.700	40.700	40.700	40.700	40.700	40.700	40.700	40.700
3315	Vật tư ngành nước	Nối tron uPVC 75 M	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	75 M	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	13.800	13.800	13.800	13.800	13.800	13.800	13.800	13.800	13.800
3316	Vật tư ngành nước	Nối tron uPVC 90 D *'	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	90 D	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	43.900	43.900	43.900	43.900	43.900	43.900	43.900	43.900	43.900
3317	Vật tư ngành nước	Nối tron uPVC 90 M *'	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	90 M	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	21.000	21.000	21.000	21.000	21.000	21.000	21.000	21.000	21.000
3318	Vật tư ngành nước	Nối tron uPVC 110 D	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	110 D	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	72.000	72.000	72.000	72.000	72.000	72.000	72.000	72.000	72.000
3319	Vật tư ngành nước	Nối tron uPVC 110 M	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	110 M	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	33.200	33.200	33.200	33.200	33.200	33.200	33.200	33.200	33.200
3320	Vật tư ngành nước	Nối tron uPVC 140 D	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	140 D	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	125.000	125.000	125.000	125.000	125.000	125.000	125.000	125.000	125.000
3321	Vật tư ngành nước	Nối tron uPVC 140 M	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	140 M	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	75.000	75.000	75.000	75.000	75.000	75.000	75.000	75.000	75.000
3322	Vật tư ngành nước	Nối tron uPVC 160 D	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	160 D	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	178.800	178.800	178.800	178.800	178.800	178.800	178.800	178.800	178.800
3323	Vật tư ngành nước	Nối tron uPVC 160 M	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	160 M	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	110.000	110.000	110.000	110.000	110.000	110.000	110.000	110.000	110.000
3324	Vật tư ngành nước	Nối tron uPVC 200 D	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	200 D	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	301.900	301.900	301.900	301.900	301.900	301.900	301.900	301.900	301.900
3325	Vật tư ngành nước	Nối tron uPVC 200 M	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	200 M	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	227.500	227.500	227.500	227.500	227.500	227.500	227.500	227.500	227.500
3326	Vật tư ngành nước	Nối tron uPVC 225 D	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	225 D	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	577.500	577.500	577.500	577.500	577.500	577.500	577.500	577.500	577.500
3327	Vật tư ngành nước	Nối tron uPVC 250 D	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	250 D	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	850.000	850.000	850.000	850.000	850.000	850.000	850.000	850.000	850.000
3328	Vật tư ngành nước	Nối tron uPVC 280 D	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	280 D	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	1.126.300	1.126.300	1.126.300	1.126.300	1.126.300	1.126.300	1.126.300	1.126.300	1.126.300
3329	Vật tư ngành nước	Nối tron uPVC 315 D	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	315 D	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	1.572.500	1.572.500	1.572.500	1.572.500	1.572.500	1.572.500	1.572.500	1.572.500	1.572.500
3330	Vật tư ngành nước	Tê uPVC 63 D	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	63 D	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	59.200	59.200	59.200	59.200	59.200	59.200	59.200	59.200	59.200
3331	Vật tư ngành nước	Tê uPVC 75 D	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	75 D	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	70.400	70.400	70.400	70.400	70.400	70.400	70.400	70.400	70.400

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)(đồng)								
												Khu vực TP. Tây Ninh	Khu vực TX.Trảng Bàng	Khu vực TX. Hoà Thành	Khu vực H.Tân Biên	Khu vực H.Tân Châu	Khu vực H. Châu Thành	Khu vực H.Dương Minh Châu	Khu vực H. Bến Cầu	Khu vực H. Gò Dầu
3332	Vật tư ngành nước	Tê uPVC 75 M	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	75 M	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	29.200	29.200	29.200	29.200	29.200	29.200	29.200	29.200	29.200
3333	Vật tư ngành nước	Tê uPVC 90 D ᵠ	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	90 D	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	90.700	90.700	90.700	90.700	90.700	90.700	90.700	90.700	90.700
3334	Vật tư ngành nước	Tê uPVC 90 M ᵠ	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	90 M	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	49.900	49.900	49.900	49.900	49.900	49.900	49.900	49.900	49.900
3335	Vật tư ngành nước	Tê uPVC 110 D	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	110 D	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	135.000	135.000	135.000	135.000	135.000	135.000	135.000	135.000	135.000
3336	Vật tư ngành nước	Tê uPVC 110 M	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	110 M	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	90.000	90.000	90.000	90.000	90.000	90.000	90.000	90.000	90.000
3337	Vật tư ngành nước	Tê uPVC 140 D	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	140 D	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	285.800	285.800	285.800	285.800	285.800	285.800	285.800	285.800	285.800
3338	Vật tư ngành nước	Tê uPVC 140 M	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	140 M	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	215.700	215.700	215.700	215.700	215.700	215.700	215.700	215.700	215.700
3339	Vật tư ngành nước	Tê uPVC 160 D	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	160 D	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	398.300	398.300	398.300	398.300	398.300	398.300	398.300	398.300	398.300
3340	Vật tư ngành nước	Tê uPVC 160 M	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	160 M	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	261.300	261.300	261.300	261.300	261.300	261.300	261.300	261.300	261.300
3341	Vật tư ngành nước	Tê uPVC 200 D	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	200 D	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	906.300	906.300	906.300	906.300	906.300	906.300	906.300	906.300	906.300
3342	Vật tư ngành nước	Tê uPVC 200 M	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	200 M	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	599.400	599.400	599.400	599.400	599.400	599.400	599.400	599.400	599.400
3343	Vật tư ngành nước	Tê uPVC 225 D	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	225 D	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	1.186.300	1.186.300	1.186.300	1.186.300	1.186.300	1.186.300	1.186.300	1.186.300	1.186.300
3344	Vật tư ngành nước	Tê uPVC 250 D	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	250 D	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	2.182.500	2.182.500	2.182.500	2.182.500	2.182.500	2.182.500	2.182.500	2.182.500	2.182.500
3345	Vật tư ngành nước	Tê uPVC 280 D	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	280 D	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	2.812.500	2.812.500	2.812.500	2.812.500	2.812.500	2.812.500	2.812.500	2.812.500	2.812.500
3346	Vật tư ngành nước	Tê uPVC 315 D	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	315 D	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	4.050.000	4.050.000	4.050.000	4.050.000	4.050.000	4.050.000	4.050.000	4.050.000	4.050.000
3347	Vật tư ngành nước	Nút bít uPVC 75 D	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	75 D	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	30.700	30.700	30.700	30.700	30.700	30.700	30.700	30.700	30.700
3348	Vật tư ngành nước	Nút bít uPVC 75 M	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	75 M	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	17.500	17.500	17.500	17.500	17.500	17.500	17.500	17.500	17.500
3349	Vật tư ngành nước	Nút bít uPVC 90 D ᵠ	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	90 D	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	34.500	34.500	34.500	34.500	34.500	34.500	34.500	34.500	34.500
3350	Vật tư ngành nước	Nút bít uPVC 90 M ᵠ	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	90 M	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	29.500	29.500	29.500	29.500	29.500	29.500	29.500	29.500	29.500
3351	Vật tư ngành nước	Nút bít uPVC 110 D	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	110 D	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	49.500	49.500	49.500	49.500	49.500	49.500	49.500	49.500	49.500
3352	Vật tư ngành nước	Nút bít uPVC 110 M	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	110 M	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	30.500	30.500	30.500	30.500	30.500	30.500	30.500	30.500	30.500
3353	Vật tư ngành nước	Nút bít uPVC 140 D	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	140 D	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	110.700	110.700	110.700	110.700	110.700	110.700	110.700	110.700	110.700
3354	Vật tư ngành nước	Nút bít uPVC 140 M	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	140 M	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	45.000	45.000	45.000	45.000	45.000	45.000	45.000	45.000	45.000
3355	Vật tư ngành nước	Nút bít uPVC 160 D	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	160 D	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	149.700	149.700	149.700	149.700	149.700	149.700	149.700	149.700	149.700
3356	Vật tư ngành nước	Nút bít uPVC 160 M	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	160 M	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	77.900	77.900	77.900	77.900	77.900	77.900	77.900	77.900	77.900
3357	Vật tư ngành nước	Nút bít uPVC 200 D	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	200 D	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	427.500	427.500	427.500	427.500	427.500	427.500	427.500	427.500	427.500
3358	Vật tư ngành nước	Nút bít uPVC 200 M	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	200 M	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	156.800	156.800	156.800	156.800	156.800	156.800	156.800	156.800	156.800

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)(đồng)								
												Khu vực TP. Tây Ninh	Khu vực TX.Trảng Bàng	Khu vực TX. Hoà Thành	Khu vực H.Tân Biên	Khu vực H.Tân Châu	Khu vực H. Châu Thành	Khu vực H.Dương Minh Châu	Khu vực H. Bến Cầu	Khu vực H. Gò Dầu
3359	Vật tư ngành nước	Nút bít uPVC 225 D	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	225 D	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	595.300	595.300	595.300	595.300	595.300	595.300	595.300	595.300	595.300
3360	Vật tư ngành nước	Nút bít uPVC 225 M	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	225 M	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	261.300	261.300	261.300	261.300	261.300	261.300	261.300	261.300	261.300
3361	Vật tư ngành nước	Nút bít uPVC 250 D	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	250 D	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	635.200	635.200	635.200	635.200	635.200	635.200	635.200	635.200	635.200
3362	Vật tư ngành nước	Nút bít uPVC 280 D	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	280 D	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	973.800	973.800	973.800	973.800	973.800	973.800	973.800	973.800	973.800
3363	Vật tư ngành nước	Nút bít uPVC 315 D	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	315 D	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	1.425.000	1.425.000	1.425.000	1.425.000	1.425.000	1.425.000	1.425.000	1.425.000	1.425.000
3364	Vật tư ngành nước	Co 90^{0} uPVC 63 D	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	63 D	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	49.300	49.300	49.300	49.300	49.300	49.300	49.300	49.300	49.300
3365	Vật tư ngành nước	Co 90^{0} uPVC 75 D	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	75 D	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	52.700	52.700	52.700	52.700	52.700	52.700	52.700	52.700	52.700
3366	Vật tư ngành nước	Co 90^{0} uPVC 75 M	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	75 M	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	23.000	23.000	23.000	23.000	23.000	23.000	23.000	23.000	23.000
3367	Vật tư ngành nước	Co 90^{0} uPVC 90 D $^{\Phi}$	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	90 D	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	79.700	79.700	79.700	79.700	79.700	79.700	79.700	79.700	79.700
3368	Vật tư ngành nước	Co 90^{0} uPVC 90 M $^{\Phi}$	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	90 M	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	35.900	35.900	35.900	35.900	35.900	35.900	35.900	35.900	35.900
3369	Vật tư ngành nước	Co 90^{0} uPVC 110 D	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	110 D	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	128.500	128.500	128.500	128.500	128.500	128.500	128.500	128.500	128.500
3370	Vật tư ngành nước	Co 90^{0} uPVC 110 M	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	110 M	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	73.400	73.400	73.400	73.400	73.400	73.400	73.400	73.400	73.400
3371	Vật tư ngành nước	Co 90^{0} uPVC 140 D	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	140 D	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	240.000	240.000	240.000	240.000	240.000	240.000	240.000	240.000	240.000
3372	Vật tư ngành nước	Co 90^{0} uPVC 140 M	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	140 M	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	157.000	157.000	157.000	157.000	157.000	157.000	157.000	157.000	157.000
3373	Vật tư ngành nước	Co 90^{0} uPVC 160 D	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	160 D	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	420.000	420.000	420.000	420.000	420.000	420.000	420.000	420.000	420.000
3374	Vật tư ngành nước	Co 90^{0} uPVC 160 M	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	160 M	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	206.300	206.300	206.300	206.300	206.300	206.300	206.300	206.300	206.300
3375	Vật tư ngành nước	Co 90^{0} uPVC 200 D	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	200 D	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	563.800	563.800	563.800	563.800	563.800	563.800	563.800	563.800	563.800
3376	Vật tư ngành nước	Co 90^{0} uPVC 200 M	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	200 M	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	402.500	402.500	402.500	402.500	402.500	402.500	402.500	402.500	402.500
3377	Vật tư ngành nước	Co 90^{0} uPVC 225 D	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	225 D	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	833.800	833.800	833.800	833.800	833.800	833.800	833.800	833.800	833.800
3378	Vật tư ngành nước	Co 90^{0} uPVC 225 M	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	225 M	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	484.400	484.400	484.400	484.400	484.400	484.400	484.400	484.400	484.400
3379	Vật tư ngành nước	Co 90^{0} uPVC 250 D	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	250 D	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	1.825.000	1.825.000	1.825.000	1.825.000	1.825.000	1.825.000	1.825.000	1.825.000	1.825.000
3380	Vật tư ngành nước	Co 90^{0} uPVC 250 M	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	250 M	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	806.300	806.300	806.300	806.300	806.300	806.300	806.300	806.300	806.300
3381	Vật tư ngành nước	Co 90^{0} uPVC 280 D	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	280 D	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	2.205.000	2.205.000	2.205.000	2.205.000	2.205.000	2.205.000	2.205.000	2.205.000	2.205.000
3382	Vật tư ngành nước	Co 90^{0} uPVC 280 M	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	280 M	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	1.087.500	1.087.500	1.087.500	1.087.500	1.087.500	1.087.500	1.087.500	1.087.500	1.087.500
3383	Vật tư ngành nước	Co 90^{0} uPVC 315 D	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	315 D	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	3.277.500	3.277.500	3.277.500	3.277.500	3.277.500	3.277.500	3.277.500	3.277.500	3.277.500
3384	Vật tư ngành nước	Co 90^{0} uPVC 315 M	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	315 M	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	1.852.500	1.852.500	1.852.500	1.852.500	1.852.500	1.852.500	1.852.500	1.852.500	1.852.500
3385	Vật tư ngành nước	Co 45^{0} uPVC 63 D	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	63 D	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	42.500	42.500	42.500	42.500	42.500	42.500	42.500	42.500	42.500

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)(đồng)								
												Khu vực TP. Tây Ninh	Khu vực TX.Trảng Bàng	Khu vực TX. Hoà Thành	Khu vực H.Tân Biên	Khu vực H.Tân Châu	Khu vực H. Châu Thành	Khu vực H.Dương Minh Châu	Khu vực H. Bến Cầu	Khu vực H. Gò Dầu
3386	Vật tư ngành nước	Co 45⁰ uPVC 75 D	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	75 D	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	51.000	51.000	51.000	51.000	51.000	51.000	51.000	51.000	51.000
3387	Vật tư ngành nước	Co 45⁰ uPVC 75 M	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	75 M	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	25.000	25.000	25.000	25.000	25.000	25.000	25.000	25.000	25.000
3388	Vật tư ngành nước	Co 45⁰ uPVC 90 D *'	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	90 D	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	54.700	54.700	54.700	54.700	54.700	54.700	54.700	54.700	54.700
3389	Vật tư ngành nước	Co 45⁰ uPVC 90 M *'	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	90 M	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	33.900	33.900	33.900	33.900	33.900	33.900	33.900	33.900	33.900
3390	Vật tư ngành nước	Co 45⁰ uPVC 110 D	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	110 D	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	95.000	95.000	95.000	95.000	95.000	95.000	95.000	95.000	95.000
3391	Vật tư ngành nước	Co 45⁰ uPVC 110 M	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	110 M	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	54.800	54.800	54.800	54.800	54.800	54.800	54.800	54.800	54.800
3392	Vật tư ngành nước	Co 45⁰ uPVC 140 D	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	140 D	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	178.200	178.200	178.200	178.200	178.200	178.200	178.200	178.200	178.200
3393	Vật tư ngành nước	Co 45⁰ uPVC 140 M	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	140 M	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	107.900	107.900	107.900	107.900	107.900	107.900	107.900	107.900	107.900
3394	Vật tư ngành nước	Co 45⁰ uPVC 160 D	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	160 D	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	236.300	236.300	236.300	236.300	236.300	236.300	236.300	236.300	236.300
3395	Vật tư ngành nước	Co 45⁰ uPVC 160 M	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	160 M	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	174.300	174.300	174.300	174.300	174.300	174.300	174.300	174.300	174.300
3396	Vật tư ngành nước	Co 45⁰ uPVC 200 D	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	200 D	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	426.300	426.300	426.300	426.300	426.300	426.300	426.300	426.300	426.300
3397	Vật tư ngành nước	Co 45⁰ uPVC 200 M	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	200 M	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	275.000	275.000	275.000	275.000	275.000	275.000	275.000	275.000	275.000
3398	Vật tư ngành nước	Co 45⁰ uPVC 225 D	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	225 D	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	618.200	618.200	618.200	618.200	618.200	618.200	618.200	618.200	618.200
3399	Vật tư ngành nước	Co 45⁰ uPVC 225 M	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	225 M	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	375.000	375.000	375.000	375.000	375.000	375.000	375.000	375.000	375.000
3400	Vật tư ngành nước	Co 45⁰ uPVC 250 D	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	250 D	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	900.000	900.000	900.000	900.000	900.000	900.000	900.000	900.000	900.000
3401	Vật tư ngành nước	Co 45⁰ uPVC 250 M	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	250 M	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	570.000	570.000	570.000	570.000	570.000	570.000	570.000	570.000	570.000
3402	Vật tư ngành nước	Co 45⁰ uPVC 280 D	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	280 D	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	1.755.000	1.755.000	1.755.000	1.755.000	1.755.000	1.755.000	1.755.000	1.755.000	1.755.000
3403	Vật tư ngành nước	Co 45⁰ uPVC 280 M	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	280 M	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	786.500	786.500	786.500	786.500	786.500	786.500	786.500	786.500	786.500
3404	Vật tư ngành nước	Co 45⁰ uPVC 315 D	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	315 D	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	2.525.000	2.525.000	2.525.000	2.525.000	2.525.000	2.525.000	2.525.000	2.525.000	2.525.000
3405	Vật tư ngành nước	Co 45⁰ uPVC 315 M	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	315 M	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	1.155.000	1.155.000	1.155.000	1.155.000	1.155.000	1.155.000	1.155.000	1.155.000	1.155.000
3406	Vật tư ngành nước	Y uPVC 63 D	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	63 D	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	74.400	74.400	74.400	74.400	74.400	74.400	74.400	74.400	74.400
3407	Vật tư ngành nước	Y uPVC 75 D	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	75 D	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	102.300	102.300	102.300	102.300	102.300	102.300	102.300	102.300	102.300
3408	Vật tư ngành nước	Y uPVC 75 M	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	75 M	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	42.900	42.900	42.900	42.900	42.900	42.900	42.900	42.900	42.900
3409	Vật tư ngành nước	Y uPVC 90 D *'	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	90 D	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	145.500	145.500	145.500	145.500	145.500	145.500	145.500	145.500	145.500
3410	Vật tư ngành nước	Y uPVC 90 M *'	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	90 M	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	67.000	67.000	67.000	67.000	67.000	67.000	67.000	67.000	67.000
3411	Vật tư ngành nước	Y uPVC 110 D	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	110 D	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	247.500	247.500	247.500	247.500	247.500	247.500	247.500	247.500	247.500
3412	Vật tư ngành nước	Y uPVC 110 M	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	110 M	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	123.000	123.000	123.000	123.000	123.000	123.000	123.000	123.000	123.000

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)(đồng)								
												Khu vực TP. Tây Ninh	Khu vực TX.Trảng Bàng	Khu vực TX. Hoà Thành	Khu vực H.Tân Biên	Khu vực H.Tân Châu	Khu vực H. Châu Thành	Khu vực H.Dương Minh Châu	Khu vực H. Bến Cầu	Khu vực H. Gò Dầu
3413	Vật tư ngành nước	Y uPVC 140 D	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	140 D	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	472.500	472.500	472.500	472.500	472.500	472.500	472.500	472.500	472.500
3414	Vật tư ngành nước	Y uPVC 140 M	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	140 M	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	287.200	287.200	287.200	287.200	287.200	287.200	287.200	287.200	287.200
3415	Vật tư ngành nước	Y uPVC 160 D	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	160 D	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	665.000	665.000	665.000	665.000	665.000	665.000	665.000	665.000	665.000
3416	Vật tư ngành nước	Y uPVC 160 M	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	160 M	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	388.200	388.200	388.200	388.200	388.200	388.200	388.200	388.200	388.200
3417	Vật tư ngành nước	Y uPVC 200 D	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	200 D	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	1.233.800	1.233.800	1.233.800	1.233.800	1.233.800	1.233.800	1.233.800	1.233.800	1.233.800
3418	Vật tư ngành nước	Y uPVC 200 M	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	200 M	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	890.500	890.500	890.500	890.500	890.500	890.500	890.500	890.500	890.500
3419	Vật tư ngành nước	Y uPVC 225 D	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	225 D	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	1.732.500	1.732.500	1.732.500	1.732.500	1.732.500	1.732.500	1.732.500	1.732.500	1.732.500
3420	Vật tư ngành nước	Y uPVC 225 M	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	225 M	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	964.800	964.800	964.800	964.800	964.800	964.800	964.800	964.800	964.800
3421	Vật tư ngành nước	Y uPVC 250 D	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	250 D	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	2.660.000	2.660.000	2.660.000	2.660.000	2.660.000	2.660.000	2.660.000	2.660.000	2.660.000
3422	Vật tư ngành nước	Y uPVC 250 M	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	250 M	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	1.530.000	1.530.000	1.530.000	1.530.000	1.530.000	1.530.000	1.530.000	1.530.000	1.530.000
3423	Vật tư ngành nước	Y uPVC 280 D	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	280 D	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	3.062.500	3.062.500	3.062.500	3.062.500	3.062.500	3.062.500	3.062.500	3.062.500	3.062.500
3424	Vật tư ngành nước	Y uPVC 315 D	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	315 D	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	4.700.000	4.700.000	4.700.000	4.700.000	4.700.000	4.700.000	4.700.000	4.700.000	4.700.000
3425	Vật tư ngành nước	Bít xả uPVC 63 D	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	63 D	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	36.200	36.200	36.200	36.200	36.200	36.200	36.200	36.200	36.200
3426	Vật tư ngành nước	Bít xả uPVC 75 D	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	75 D	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	47.400	47.400	47.400	47.400	47.400	47.400	47.400	47.400	47.400
3427	Vật tư ngành nước	Bít xả uPVC 90 D#	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	90 D	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	77.300	77.300	77.300	77.300	77.300	77.300	77.300	77.300	77.300
3428	Vật tư ngành nước	Bít xả uPVC 110 D	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	110 D	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	121.800	121.800	121.800	121.800	121.800	121.800	121.800	121.800	121.800
3429	Vật tư ngành nước	Bít xả uPVC 140 D	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	140 D	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	222.400	222.400	222.400	222.400	222.400	222.400	222.400	222.400	222.400
3430	Vật tư ngành nước	Bít xả uPVC 160 D	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	160 D	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	356.900	356.900	356.900	356.900	356.900	356.900	356.900	356.900	356.900
3431	Vật tư ngành nước	Bít xả uPVC 200 D	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	200 D	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	637.300	637.300	637.300	637.300	637.300	637.300	637.300	637.300	637.300
3432	Vật tư ngành nước	Mặt bích uPVC 75 D	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	75 D	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	146.300	146.300	146.300	146.300	146.300	146.300	146.300	146.300	146.300
3433	Vật tư ngành nước	Mặt bích uPVC 90 D	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	90 D	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	161.300	161.300	161.300	161.300	161.300	161.300	161.300	161.300	161.300
3434	Vật tư ngành nước	Mặt bích uPVC 110 D	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	110 D	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	227.500	227.500	227.500	227.500	227.500	227.500	227.500	227.500	227.500
3435	Vật tư ngành nước	Mặt bích uPVC 140 D	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	140 D	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	360.000	360.000	360.000	360.000	360.000	360.000	360.000	360.000	360.000
3436	Vật tư ngành nước	Mặt bích uPVC 160 D	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	160 D	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	495.000	495.000	495.000	495.000	495.000	495.000	495.000	495.000	495.000
3437	Vật tư ngành nước	Mặt bích uPVC 200 D	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	200 D	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	875.000	875.000	875.000	875.000	875.000	875.000	875.000	875.000	875.000
3438	Vật tư ngành nước	Mặt bích uPVC 225 D	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	225 D	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	922.500	922.500	922.500	922.500	922.500	922.500	922.500	922.500	922.500
3439	Vật tư ngành nước	Mặt bích uPVC 250 D	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	250 D	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	1.206.200	1.206.200	1.206.200	1.206.200	1.206.200	1.206.200	1.206.200	1.206.200	1.206.200

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)(đồng)								
												Khu vực TP. Tây Ninh	Khu vực TX.Trảng Bàng	Khu vực TX. Hoà Thành	Khu vực H.Tân Biên	Khu vực H.Tân Châu	Khu vực H. Châu Thành	Khu vực H.Dương Minh Châu	Khu vực H. Bến Cầu	Khu vực H. Gò Dầu
3440	Vật tư ngành nước	Mặt bích uPVC 280 D	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	280 D	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	1.350.000	1.350.000	1.350.000	1.350.000	1.350.000	1.350.000	1.350.000	1.350.000	1.350.000
3441	Vật tư ngành nước	Mặt bích uPVC 315 D	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	315 D	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	1.912.500	1.912.500	1.912.500	1.912.500	1.912.500	1.912.500	1.912.500	1.912.500	1.912.500
3442	Vật tư ngành nước	Tê cong uPVC 90 D *'	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	90 D	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	90.000	90.000	90.000	90.000	90.000	90.000	90.000	90.000	90.000
3443	Vật tư ngành nước	Tê cong uPVC 110 D	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	110 D	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	178.800	178.800	178.800	178.800	178.800	178.800	178.800	178.800	178.800
3444	Vật tư ngành nước	Tê cong uPVC 110 M	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	110 M	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	102.000	102.000	102.000	102.000	102.000	102.000	102.000	102.000	102.000
3445	Vật tư ngành nước	Tê cong uPVC 140 D	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	140 D	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	503.800	503.800	503.800	503.800	503.800	503.800	503.800	503.800	503.800
3446	Vật tư ngành nước	Tê cong uPVC 140 M	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	140 M	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	202.900	202.900	202.900	202.900	202.900	202.900	202.900	202.900	202.900
3447	Vật tư ngành nước	Tê cong uPVC 160 D	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	160 D	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	435.000	435.000	435.000	435.000	435.000	435.000	435.000	435.000	435.000
3448	Vật tư ngành nước	Tê cong uPVC 160 M	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	160 M	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	302.500	302.500	302.500	302.500	302.500	302.500	302.500	302.500	302.500
3449	Vật tư ngành nước	Tê cong uPVC 200 M	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	200 M	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	540.000	540.000	540.000	540.000	540.000	540.000	540.000	540.000	540.000
3450	Vật tư ngành nước	Tê cong uPVC 225 M	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	225 M	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	892.500	892.500	892.500	892.500	892.500	892.500	892.500	892.500	892.500
3451	Vật tư ngành nước	Tê cong uPVC 250 M	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	250 M	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	1.170.000	1.170.000	1.170.000	1.170.000	1.170.000	1.170.000	1.170.000	1.170.000	1.170.000
3452	Vật tư ngành nước	Tê cong giảm uPVC 110 x 90 D	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	110 x 90 D	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	173.700	173.700	173.700	173.700	173.700	173.700	173.700	173.700	173.700
3453	Vật tư ngành nước	Tê cong giảm uPVC 110 x 90 M	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	110 x 90 M	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	83.300	83.300	83.300	83.300	83.300	83.300	83.300	83.300	83.300
3454	Vật tư ngành nước	Tê cong giảm uPVC 140 x 90 D *'	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	140 x 90 D	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	206.300	206.300	206.300	206.300	206.300	206.300	206.300	206.300	206.300
3455	Vật tư ngành nước	Tê cong giảm uPVC 140 x 110 D	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	140 x 110 D	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	206.300	206.300	206.300	206.300	206.300	206.300	206.300	206.300	206.300
3456	Vật tư ngành nước	Tê cong giảm uPVC 160 x 90 D	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	160 x 90 D	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	300.700	300.700	300.700	300.700	300.700	300.700	300.700	300.700	300.700
3457	Vật tư ngành nước	Tê cong giảm uPVC 160 x 110 D	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	160 x 110 D	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	357.500	357.500	357.500	357.500	357.500	357.500	357.500	357.500	357.500
3458	Vật tư ngành nước	Tê cong giảm uPVC 160 x 110 M	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	160 x 110 M	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	204.400	204.400	204.400	204.400	204.400	204.400	204.400	204.400	204.400
3459	Vật tư ngành nước	Tê cong giảm uPVC 160 x 140 D	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	160 x 140 D	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	402.500	402.500	402.500	402.500	402.500	402.500	402.500	402.500	402.500
3460	Vật tư ngành nước	Tê cong giảm uPVC 160 x 140 M	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	160 x 140 M	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	222.700	222.700	222.700	222.700	222.700	222.700	222.700	222.700	222.700
3461	Vật tư ngành nước	Tê cong giảm uPVC 200 x 160 M	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	200 x 160 M	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	581.300	581.300	581.300	581.300	581.300	581.300	581.300	581.300	581.300
3462	Vật tư ngành nước	Tê cong giảm uPVC 225 x 110 M	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	225 x 110 M	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	552.500	552.500	552.500	552.500	552.500	552.500	552.500	552.500	552.500
3463	Vật tư ngành nước	Tê cong giảm uPVC 225 x 200 M	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	225 x 200 M	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	743.800	743.800	743.800	743.800	743.800	743.800	743.800	743.800	743.800
3464	Vật tư ngành nước	Tê cong giảm uPVC 250 x 225 M	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	250 x 225 M	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	637.500	637.500	637.500	637.500	637.500	637.500	637.500	637.500	637.500
3465	Vật tư ngành nước	Nối giảm uPVC 75 x 49 D	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	75 x 49 D	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	22.000	22.000	22.000	22.000	22.000	22.000	22.000	22.000	22.000
3466	Vật tư ngành nước	Nối giảm uPVC 75 x 60 D	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	75 x 60 D	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	24.000	24.000	24.000	24.000	24.000	24.000	24.000	24.000	24.000

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)(đồng)								
												Khu vực TP. Tây Ninh	Khu vực TX.Trảng Bàng	Khu vực TX. Hoà Thành	Khu vực H.Tân Biên	Khu vực H.Tân Châu	Khu vực H. Châu Thành	Khu vực H.Dương Minh Châu	Khu vực H. Bến Cầu	Khu vực H. Gò Dầu
3467	Vật tư ngành nước	Nối giảm uPVC 90 x 49 D *'	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	90 x 49 D	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	40.000	40.000	40.000	40.000	40.000	40.000	40.000	40.000	40.000
3468	Vật tư ngành nước	Nối giảm uPVC 90 x 60 D *'	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	90 x 60 D	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	43.800	43.800	43.800	43.800	43.800	43.800	43.800	43.800	43.800
3469	Vật tư ngành nước	Nối giảm uPVC 90 x 75 D	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	90 x 75 D	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	37.000	37.000	37.000	37.000	37.000	37.000	37.000	37.000	37.000
3470	Vật tư ngành nước	Nối giảm uPVC 110 x 60 D	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	110 x 60 D	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	55.500	55.500	55.500	55.500	55.500	55.500	55.500	55.500	55.500
3471	Vật tư ngành nước	Nối giảm uPVC 110 x 63 D	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	110 x 63 D	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	73.700	73.700	73.700	73.700	73.700	73.700	73.700	73.700	73.700
3472	Vật tư ngành nước	Nối giảm uPVC 110 x 75 D	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	110 x 75 D	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	57.800	57.800	57.800	57.800	57.800	57.800	57.800	57.800	57.800
3473	Vật tư ngành nước	Nối giảm uPVC 110 x 90 D	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	110 x 90 D	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	73.700	73.700	73.700	73.700	73.700	73.700	73.700	73.700	73.700
3474	Vật tư ngành nước	Nối giảm uPVC 110 x 90 M	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	110 x 90 M	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	31.700	31.700	31.700	31.700	31.700	31.700	31.700	31.700	31.700
3475	Vật tư ngành nước	Nối giảm uPVC 140 x 90 D *'	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	140 x 90 D	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	127.500	127.500	127.500	127.500	127.500	127.500	127.500	127.500	127.500
3476	Vật tư ngành nước	Nối giảm uPVC 140 x 90 M	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	140 x 90 M	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	58.500	58.500	58.500	58.500	58.500	58.500	58.500	58.500	58.500
3477	Vật tư ngành nước	Nối giảm uPVC 140 x 110 D	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	140 x 110 D	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	131.300	131.300	131.300	131.300	131.300	131.300	131.300	131.300	131.300
3478	Vật tư ngành nước	Nối giảm uPVC 140 x 110 M	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	140 x 110 M	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	65.000	65.000	65.000	65.000	65.000	65.000	65.000	65.000	65.000
3479	Vật tư ngành nước	Nối giảm uPVC 160 x 90 D	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	160 x 90 D	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	147.900	147.900	147.900	147.900	147.900	147.900	147.900	147.900	147.900
3480	Vật tư ngành nước	Nối giảm uPVC 160 x 90 M	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	160 x 90 M	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	79.500	79.500	79.500	79.500	79.500	79.500	79.500	79.500	79.500
3481	Vật tư ngành nước	Nối giảm uPVC 160 x 110 D	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	160 x 110 D	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	175.000	175.000	175.000	175.000	175.000	175.000	175.000	175.000	175.000
3482	Vật tư ngành nước	Nối giảm uPVC 160 x 110 M	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	160 x 110 M	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	85.900	85.900	85.900	85.900	85.900	85.900	85.900	85.900	85.900
3483	Vật tư ngành nước	Nối giảm uPVC 160 x 140 D	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	160 x 140 D	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	212.500	212.500	212.500	212.500	212.500	212.500	212.500	212.500	212.500
3484	Vật tư ngành nước	Nối giảm uPVC 160 x 140 M	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	160 x 140 M	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	90.700	90.700	90.700	90.700	90.700	90.700	90.700	90.700	90.700
3485	Vật tư ngành nước	Nối giảm uPVC 200 x 110 M	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	200 x 110 D	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	258.800	258.800	258.800	258.800	258.800	258.800	258.800	258.800	258.800
3486	Vật tư ngành nước	Nối giảm uPVC 200 x 110 D	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	200 x 110 M	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	178.200	178.200	178.200	178.200	178.200	178.200	178.200	178.200	178.200
3487	Vật tư ngành nước	Nối giảm uPVC 200 x 140 D	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	200 x 140 D	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	315.000	315.000	315.000	315.000	315.000	315.000	315.000	315.000	315.000
3488	Vật tư ngành nước	Nối giảm uPVC 200 x 140 M	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	200 x 140 M	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	195.000	195.000	195.000	195.000	195.000	195.000	195.000	195.000	195.000
3489	Vật tư ngành nước	Nối giảm uPVC 200 x 160 D	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	200 x 160 D	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	275.000	275.000	275.000	275.000	275.000	275.000	275.000	275.000	275.000
3490	Vật tư ngành nước	Nối giảm uPVC 200 x 160 M	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	200 x 160 M	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	206.300	206.300	206.300	206.300	206.300	206.300	206.300	206.300	206.300
3491	Vật tư ngành nước	Nối giảm uPVC 225 x 200 D	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	225 x 200 D	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	675.000	675.000	675.000	675.000	675.000	675.000	675.000	675.000	675.000
3492	Vật tư ngành nước	Nối giảm uPVC 250 x 200 D	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	250 x 200 D	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	787.500	787.500	787.500	787.500	787.500	787.500	787.500	787.500	787.500
3493	Vật tư ngành nước	Nối giảm uPVC 250 x 220 D	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	250 x 220 D	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	832.500	832.500	832.500	832.500	832.500	832.500	832.500	832.500	832.500

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)(đồng)								
												Khu vực TP. Tây Ninh	Khu vực TX.Trảng Bàng	Khu vực TX. Hoà Thành	Khu vực H.Tân Biên	Khu vực H.Tân Châu	Khu vực H. Châu Thành	Khu vực H.Dương Minh Châu	Khu vực H. Bến Cầu	Khu vực H. Gò Dầu
3494	Vật tư ngành nước	Nối giảm uPVC 250 x 225 D	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	250 x 225 D	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	855.000	855.000	855.000	855.000	855.000	855.000	855.000	855.000	855.000
3495	Vật tư ngành nước	Nối giảm uPVC 280 x 250 D	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	280 x 250 D	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	1.187.500	1.187.500	1.187.500	1.187.500	1.187.500	1.187.500	1.187.500	1.187.500	1.187.500
3496	Vật tư ngành nước	Nối giảm uPVC 315 x 250 D	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	315 x 250 D	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	1.496.300	1.496.300	1.496.300	1.496.300	1.496.300	1.496.300	1.496.300	1.496.300	1.496.300
3497	Vật tư ngành nước	Nối giảm uPVC 315 x 280 D	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	315 x 280 D	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	1.543.800	1.543.800	1.543.800	1.543.800	1.543.800	1.543.800	1.543.800	1.543.800	1.543.800
3498	Vật tư ngành nước	Tê giảm uPVC 75 x 49 D	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	75 x 49 D	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	48.900	48.900	48.900	48.900	48.900	48.900	48.900	48.900	48.900
3499	Vật tư ngành nước	Tê giảm uPVC 75 x 60 D	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	75 x 60 D	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	60.000	60.000	60.000	60.000	60.000	60.000	60.000	60.000	60.000
3500	Vật tư ngành nước	Tê giảm uPVC 90 x 49 D *'	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	90 x 49 D	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	70.500	70.500	70.500	70.500	70.500	70.500	70.500	70.500	70.500
3501	Vật tư ngành nước	Tê giảm uPVC 90 x 60 D *'	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	90 x 60 D	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	80.800	80.800	80.800	80.800	80.800	80.800	80.800	80.800	80.800
3502	Vật tư ngành nước	Tê giảm uPVC 90 x 75 D	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	90 x 75 D	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	79.800	79.800	79.800	79.800	79.800	79.800	79.800	79.800	79.800
3503	Vật tư ngành nước	Tê giảm uPVC 110 x 49 D	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	110 x 49 D	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	103.500	103.500	103.500	103.500	103.500	103.500	103.500	103.500	103.500
3504	Vật tư ngành nước	Tê giảm uPVC 110 x 60 D	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	110 x 60 D	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	126.800	126.800	126.800	126.800	126.800	126.800	126.800	126.800	126.800
3505	Vật tư ngành nước	Tê giảm uPVC 110 x 75 D	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	110 x 75 D	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	143.000	143.000	143.000	143.000	143.000	143.000	143.000	143.000	143.000
3506	Vật tư ngành nước	Tê giảm uPVC 110 x 90 D	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	110 x 90 D	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	143.000	143.000	143.000	143.000	143.000	143.000	143.000	143.000	143.000
3507	Vật tư ngành nước	Tê giảm uPVC 110 x 90 M	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	110 x 90 M	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	60.800	60.800	60.800	60.800	60.800	60.800	60.800	60.800	60.800
3508	Vật tư ngành nước	Tê giảm uPVC 140 x 90 D *'	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	140 x 90 D	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	281.300	281.300	281.300	281.300	281.300	281.300	281.300	281.300	281.300
3509	Vật tư ngành nước	Tê giảm uPVC 140 x 110 D	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	140 x 110 D	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	340.000	340.000	340.000	340.000	340.000	340.000	340.000	340.000	340.000
3510	Vật tư ngành nước	Tê giảm uPVC 140 x 110 M	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	140 x 110 M	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	157.500	157.500	157.500	157.500	157.500	157.500	157.500	157.500	157.500
3511	Vật tư ngành nước	Tê giảm uPVC 160 x 90 D	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	160 x 90 D	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	400.000	400.000	400.000	400.000	400.000	400.000	400.000	400.000	400.000
3512	Vật tư ngành nước	Tê giảm uPVC 160 x 110 D	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	160 x 110 D	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	460.000	460.000	460.000	460.000	460.000	460.000	460.000	460.000	460.000
3513	Vật tư ngành nước	Tê giảm uPVC 160 x 110 M	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	160 x 110 M	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	211.300	211.300	211.300	211.300	211.300	211.300	211.300	211.300	211.300
3514	Vật tư ngành nước	Tê giảm uPVC 160 x 140 D	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	160 x 140 D	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	500.000	500.000	500.000	500.000	500.000	500.000	500.000	500.000	500.000
3515	Vật tư ngành nước	Tê giảm uPVC 200 x 110 D	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	200 x 110 D	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	807.400	807.400	807.400	807.400	807.400	807.400	807.400	807.400	807.400
3516	Vật tư ngành nước	Tê giảm uPVC 200 x 110 M	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	200 x 110 M	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	393.800	393.800	393.800	393.800	393.800	393.800	393.800	393.800	393.800
3517	Vật tư ngành nước	Tê giảm uPVC 200 x 140 D	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	200 x 140 D	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	877.500	877.500	877.500	877.500	877.500	877.500	877.500	877.500	877.500
3518	Vật tư ngành nước	Tê giảm uPVC 200 x 160 M	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	200 x 160 D	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	945.000	945.000	945.000	945.000	945.000	945.000	945.000	945.000	945.000
3519	Vật tư ngành nước	Tê giảm uPVC 200 x 160 D	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	200 x 160 M	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	472.500	472.500	472.500	472.500	472.500	472.500	472.500	472.500	472.500
3520	Vật tư ngành nước	Tê giảm uPVC 225 x 110 D	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	225 x 110 D	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	1.140.000	1.140.000	1.140.000	1.140.000	1.140.000	1.140.000	1.140.000	1.140.000	1.140.000

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)(đồng)								
												Khu vực TP. Tây Ninh	Khu vực TX.Trảng Bàng	Khu vực TX. Hoà Thành	Khu vực H.Tân Biên	Khu vực H.Tân Châu	Khu vực H. Châu Thành	Khu vực H.Dương Minh Châu	Khu vực H. Bến Cầu	Khu vực H. Gò Dầu
3521	Vật tư ngành nước	Tê giảm uPVC 225 x 140 D	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	225 x 140 D	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	1.187.500	1.187.500	1.187.500	1.187.500	1.187.500	1.187.500	1.187.500	1.187.500	1.187.500
3522	Vật tư ngành nước	Tê giảm uPVC 225 x 160 D	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	225 x 160 D	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	1.306.300	1.306.300	1.306.300	1.306.300	1.306.300	1.306.300	1.306.300	1.306.300	1.306.300
3523	Vật tư ngành nước	Tê giảm uPVC 225 x 200 D	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	225 x 200 D	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	1.543.800	1.543.800	1.543.800	1.543.800	1.543.800	1.543.800	1.543.800	1.543.800	1.543.800
3524	Vật tư ngành nước	Tê giảm uPVC 250 x 200 D	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	250 x 200 D	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	1.900.000	1.900.000	1.900.000	1.900.000	1.900.000	1.900.000	1.900.000	1.900.000	1.900.000
3525	Vật tư ngành nước	Tê giảm uPVC 250 x 225 D	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	250 x 225 D	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	2.125.000	2.125.000	2.125.000	2.125.000	2.125.000	2.125.000	2.125.000	2.125.000	2.125.000
3526	Vật tư ngành nước	Con thỏ uPVC 75	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	75	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	133.500	133.500	133.500	133.500	133.500	133.500	133.500	133.500	133.500
3527	Vật tư ngành nước	Con thỏ uPVC 90 hệ mét *	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	90	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	143.800	143.800	143.800	143.800	143.800	143.800	143.800	143.800	143.800
3528	Vật tư ngành nước	Con thỏ uPVC 110	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	110	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	193.800	193.800	193.800	193.800	193.800	193.800	193.800	193.800	193.800
3529	Vật tư ngành nước	Thông sàn mét uPVC 90 *	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	90	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	43.800	43.800	43.800	43.800	43.800	43.800	43.800	43.800	43.800
3530	Vật tư ngành nước	Thông sàn uPVC 110	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	110	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	52.500	52.500	52.500	52.500	52.500	52.500	52.500	52.500	52.500
3531	Vật tư ngành nước	Gioăng cao su uPVC 63	cái		63	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	14.400	14.400	14.400	14.400	14.400	14.400	14.400	14.400	14.400
3532	Vật tư ngành nước	Gioăng cao su uPVC 90	cái		90	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	19.700	19.700	19.700	19.700	19.700	19.700	19.700	19.700	19.700
3533	Vật tư ngành nước	Gioăng cao su uPVC 110	cái		110	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	25.400	25.400	25.400	25.400	25.400	25.400	25.400	25.400	25.400
3534	Vật tư ngành nước	Gioăng cao su uPVC 121	cái		121	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	26.000	26.000	26.000	26.000	26.000	26.000	26.000	26.000	26.000
3535	Vật tư ngành nước	Gioăng cao su uPVC 140	cái		140	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	32.200	32.200	32.200	32.200	32.200	32.200	32.200	32.200	32.200
3536	Vật tư ngành nước	Gioăng cao su uPVC 160	cái		160	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	40.800	40.800	40.800	40.800	40.800	40.800	40.800	40.800	40.800
3537	Vật tư ngành nước	Gioăng cao su uPVC 177	cái		177	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	47.800	47.800	47.800	47.800	47.800	47.800	47.800	47.800	47.800
3538	Vật tư ngành nước	Gioăng cao su uPVC 200	cái		200	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	56.400	56.400	56.400	56.400	56.400	56.400	56.400	56.400	56.400
3539	Vật tư ngành nước	Gioăng cao su uPVC 220	cái		220	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	60.900	60.900	60.900	60.900	60.900	60.900	60.900	60.900	60.900
3540	Vật tư ngành nước	Gioăng cao su uPVC 222	cái		222	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	60.800	60.800	60.800	60.800	60.800	60.800	60.800	60.800	60.800
3541	Vật tư ngành nước	Gioăng cao su uPVC 225	cái		225	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	75.000	75.000	75.000	75.000	75.000	75.000	75.000	75.000	75.000
3542	Vật tư ngành nước	Gioăng cao su uPVC 250	cái		250	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	101.800	101.800	101.800	101.800	101.800	101.800	101.800	101.800	101.800
3543	Vật tư ngành nước	Gioăng cao su uPVC 280	cái		280	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	123.400	123.400	123.400	123.400	123.400	123.400	123.400	123.400	123.400
3544	Vật tư ngành nước	Gioăng cao su uPVC 315	cái		315	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	138.200	138.200	138.200	138.200	138.200	138.200	138.200	138.200	138.200
3545	Vật tư ngành nước	Gioăng cao su uPVC 355	cái		355	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	220.300	220.300	220.300	220.300	220.300	220.300	220.300	220.300	220.300
3546	Vật tư ngành nước	Gioăng cao su uPVC 400	cái		400	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	267.300	267.300	267.300	267.300	267.300	267.300	267.300	267.300	267.300
3547	Vật tư ngành nước	Gioăng cao su uPVC 450	cái		450	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	361.200	361.200	361.200	361.200	361.200	361.200	361.200	361.200	361.200

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)(đồng)								
												Khu vực TP. Tây Ninh	Khu vực TX.Trảng Bàng	Khu vực TX. Hoà Thành	Khu vực H.Tân Biên	Khu vực H.Tân Châu	Khu vực H. Châu Thành	Khu vực H.Dương Minh Châu	Khu vực H. Bến Cầu	Khu vực H. Gò Dầu
3548	Vật tư ngành nước	Gioăng cao su uPVC 500	cái		500	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	488.000	488.000	488.000	488.000	488.000	488.000	488.000	488.000	488.000
3549	Vật tư ngành nước	Gioăng cao su uPVC 630	cái		630	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	817.000	817.000	817.000	817.000	817.000	817.000	817.000	817.000	817.000
3550	Vật tư ngành nước	Y giảm uPVC 75 x 60 D	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	75 x 60 D	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	82.900	82.900	82.900	82.900	82.900	82.900	82.900	82.900	82.900
3551	Vật tư ngành nước	Y giảm uPVC 90 x 49 D	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	90 x 49 D	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	89.400	89.400	89.400	89.400	89.400	89.400	89.400	89.400	89.400
3552	Vật tư ngành nước	Y giảm uPVC 90 x 60 D *'	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	90 x 60 D	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	124.500	124.500	124.500	124.500	124.500	124.500	124.500	124.500	124.500
3553	Vật tư ngành nước	Y giảm uPVC 90 x 76 D *'	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	90 x 76 D	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	153.500	153.500	153.500	153.500	153.500	153.500	153.500	153.500	153.500
3554	Vật tư ngành nước	Y giảm uPVC 90 x 75 D	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	90 x 75 D	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	120.300	120.300	120.300	120.300	120.300	120.300	120.300	120.300	120.300
3555	Vật tư ngành nước	Y giảm uPVC 110 x 49 D	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	110 x 49 D	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	116.900	116.900	116.900	116.900	116.900	116.900	116.900	116.900	116.900
3556	Vật tư ngành nước	Y giảm uPVC 110 x 60 D	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	110 x 60 D	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	169.000	169.000	169.000	169.000	169.000	169.000	169.000	169.000	169.000
3557	Vật tư ngành nước	Y giảm uPVC 110 x 63 D	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	110 x 63 D	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	195.000	195.000	195.000	195.000	195.000	195.000	195.000	195.000	195.000
3558	Vật tư ngành nước	Y giảm uPVC 110 x 75 D	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	110 x 75 D	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	162.500	162.500	162.500	162.500	162.500	162.500	162.500	162.500	162.500
3559	Vật tư ngành nước	Y giảm uPVC 110 x 90 D	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	110 x 90 D	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	211.300	211.300	211.300	211.300	211.300	211.300	211.300	211.300	211.300
3560	Vật tư ngành nước	Y giảm uPVC 110 x 90 M	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	110 x 90 M	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	93.300	93.300	93.300	93.300	93.300	93.300	93.300	93.300	93.300
3561	Vật tư ngành nước	Y giảm uPVC 140 x 90 D *'	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	140 x 90 D	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	300.000	300.000	300.000	300.000	300.000	300.000	300.000	300.000	300.000
3562	Vật tư ngành nước	Y giảm uPVC 140 x 90 M	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	140 x 90 M	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	195.000	195.000	195.000	195.000	195.000	195.000	195.000	195.000	195.000
3563	Vật tư ngành nước	Y giảm uPVC 140 x 110 D	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	140 x 110 D	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	360.000	360.000	360.000	360.000	360.000	360.000	360.000	360.000	360.000
3564	Vật tư ngành nước	Y giảm uPVC 140 x 110 M	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	140 x 110 M	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	203.500	203.500	203.500	203.500	203.500	203.500	203.500	203.500	203.500
3565	Vật tư ngành nước	Y giảm uPVC 160 x 90 D	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	160 x 90 D	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	390.000	390.000	390.000	390.000	390.000	390.000	390.000	390.000	390.000
3566	Vật tư ngành nước	Y giảm uPVC 160 x 90 M	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	160 x 90 M	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	220.000	220.000	220.000	220.000	220.000	220.000	220.000	220.000	220.000
3567	Vật tư ngành nước	Y giảm uPVC 160 x 110 D	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	160 x 110 D	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	438.800	438.800	438.800	438.800	438.800	438.800	438.800	438.800	438.800
3568	Vật tư ngành nước	Y giảm uPVC 160 x 110 M	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	160 x 110 M	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	276.300	276.300	276.300	276.300	276.300	276.300	276.300	276.300	276.300
3569	Vật tư ngành nước	Y giảm uPVC 160 x 140 D	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	160 x 140 D	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	637.500	637.500	637.500	637.500	637.500	637.500	637.500	637.500	637.500
3570	Vật tư ngành nước	Y giảm uPVC 160 x 140 M	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	160 x 140 M	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	345.000	345.000	345.000	345.000	345.000	345.000	345.000	345.000	345.000
3571	Vật tư ngành nước	Y giảm uPVC 200 x 110 D	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	200 x 110 D	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	843.800	843.800	843.800	843.800	843.800	843.800	843.800	843.800	843.800
3572	Vật tư ngành nước	Y giảm uPVC 200 x 110 M	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	200 x 110 M	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	476.300	476.300	476.300	476.300	476.300	476.300	476.300	476.300	476.300
3573	Vật tư ngành nước	Y giảm uPVC 200 x 140 D	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	200 x 140 D	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	1.083.800	1.083.800	1.083.800	1.083.800	1.083.800	1.083.800	1.083.800	1.083.800	1.083.800
3574	Vật tư ngành nước	Y giảm uPVC 200 x 140 M	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	200 x 140 M	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	562.500	562.500	562.500	562.500	562.500	562.500	562.500	562.500	562.500

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)(đồng)								
												Khu vực TP. Tây Ninh	Khu vực TX.Trảng Bàng	Khu vực TX. Hoà Thành	Khu vực H.Tân Biên	Khu vực H.Tân Châu	Khu vực H. Châu Thành	Khu vực H.Dương Minh Châu	Khu vực H. Bến Cầu	Khu vực H. Gò Dầu
3575	Vật tư ngành nước	Y giảm uPVC 200 x 160 D	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	200 x 160 D	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	1.113.800	1.113.800	1.113.800	1.113.800	1.113.800	1.113.800	1.113.800	1.113.800	1.113.800
3576	Vật tư ngành nước	Y giảm uPVC 200 x 160 M	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	200 x 160 M	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	650.000	650.000	650.000	650.000	650.000	650.000	650.000	650.000	650.000
3577	Vật tư ngành nước	Y giảm uPVC 225 x 110 D	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	225 x 110 D	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	1.160.000	1.160.000	1.160.000	1.160.000	1.160.000	1.160.000	1.160.000	1.160.000	1.160.000
3578	Vật tư ngành nước	Y giảm uPVC 225 x 140 D	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	225 x 140 D	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	1.320.000	1.320.000	1.320.000	1.320.000	1.320.000	1.320.000	1.320.000	1.320.000	1.320.000
3579	Vật tư ngành nước	Y giảm uPVC 225 x 160 D	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	225 x 160 D	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	1.460.000	1.460.000	1.460.000	1.460.000	1.460.000	1.460.000	1.460.000	1.460.000	1.460.000
3580	Vật tư ngành nước	Y giảm uPVC 225 x 200 D	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	225 x 200 D	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	1.846.000	1.846.000	1.846.000	1.846.000	1.846.000	1.846.000	1.846.000	1.846.000	1.846.000
3581	Vật tư ngành nước	Y giảm uPVC 225 x 200 M	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	225 x 200 M	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	990.000	990.000	990.000	990.000	990.000	990.000	990.000	990.000	990.000
3582	Vật tư ngành nước	Y giảm uPVC 250 x 160 D	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	250 x 160 D	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	1.867.500	1.867.500	1.867.500	1.867.500	1.867.500	1.867.500	1.867.500	1.867.500	1.867.500
3583	Vật tư ngành nước	Y giảm uPVC 250 x 200 D	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	250 x 200 D	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	2.272.500	2.272.500	2.272.500	2.272.500	2.272.500	2.272.500	2.272.500	2.272.500	2.272.500
3584	Vật tư ngành nước	Y giảm uPVC 250 x 225 M	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	250 x 225 M	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	1.350.000	1.350.000	1.350.000	1.350.000	1.350.000	1.350.000	1.350.000	1.350.000	1.350.000
3585	Vật tư ngành nước	Y giảm uPVC 280 x 225 D	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	280 x 225 D	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	4.462.500	4.462.500	4.462.500	4.462.500	4.462.500	4.462.500	4.462.500	4.462.500	4.462.500
3586	Vật tư ngành nước	Nối tron HDPE 20	cái	ISO 4427:2007	20	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	4.200	4.200	4.200	4.200	4.200	4.200	4.200	4.200	4.200
3587	Vật tư ngành nước	Nối tron HDPE 25	cái	ISO 4427:2007	25	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	6.400	6.400	6.400	6.400	6.400	6.400	6.400	6.400	6.400
3588	Vật tư ngành nước	Nối tron HDPE 32	cái	ISO 4427:2007	32	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	10.400	10.400	10.400	10.400	10.400	10.400	10.400	10.400	10.400
3589	Vật tư ngành nước	Nối tron HDPE 40	cái	ISO 4427:2007	40	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	15.000	15.000	15.000	15.000	15.000	15.000	15.000	15.000	15.000
3590	Vật tư ngành nước	Nối tron HDPE 50	cái	ISO 4427:2007	50	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	26.600	26.600	26.600	26.600	26.600	26.600	26.600	26.600	26.600
3591	Vật tư ngành nước	Nối tron HDPE 63	cái	ISO 4427:2007	63	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	40.300	40.300	40.300	40.300	40.300	40.300	40.300	40.300	40.300
3592	Vật tư ngành nước	Tê HDPE 20	cái	ISO 4427:2007	20	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	8.100	8.100	8.100	8.100	8.100	8.100	8.100	8.100	8.100
3593	Vật tư ngành nước	Tê HDPE 25	cái	ISO 4427:2007	25	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	12.900	12.900	12.900	12.900	12.900	12.900	12.900	12.900	12.900
3594	Vật tư ngành nước	Tê HDPE 32	cái	ISO 4427:2007	32	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	22.000	22.000	22.000	22.000	22.000	22.000	22.000	22.000	22.000
3595	Vật tư ngành nước	Tê HDPE 40	cái	ISO 4427:2007	40	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	32.900	32.900	32.900	32.900	32.900	32.900	32.900	32.900	32.900
3596	Vật tư ngành nước	Tê HDPE 50	cái	ISO 4427:2007	50	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	55.000	55.000	55.000	55.000	55.000	55.000	55.000	55.000	55.000
3597	Vật tư ngành nước	Tê HDPE 63	cái	ISO 4427:2007	63	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	103.700	103.700	103.700	103.700	103.700	103.700	103.700	103.700	103.700
3598	Vật tư ngành nước	Nối giảm HDPE 25 x 20	cái	ISO 4427:2007	25 x 20	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	5.500	5.500	5.500	5.500	5.500	5.500	5.500	5.500	5.500
3599	Vật tư ngành nước	Nối giảm HDPE 32 x 25	cái	ISO 4427:2007	32 x 25	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	8.800	8.800	8.800	8.800	8.800	8.800	8.800	8.800	8.800
3600	Vật tư ngành nước	Nối giảm HDPE 40 x 32	cái	ISO 4427:2007	40 x 32	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	12.900	12.900	12.900	12.900	12.900	12.900	12.900	12.900	12.900
3601	Vật tư ngành nước	Nối giảm HDPE 50 x 25	cái	ISO 4427:2007	50 x 25	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	17.900	17.900	17.900	17.900	17.900	17.900	17.900	17.900	17.900

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)(đồng)								
												Khu vực TP. Tây Ninh	Khu vực TX.Trảng Bàng	Khu vực TX. Hoà Thành	Khu vực H.Tân Biên	Khu vực H.Tân Châu	Khu vực H. Châu Thành	Khu vực H.Dương Minh Châu	Khu vực H. Bến Cầu	Khu vực H. Gò Dầu
3602	Vật tư ngành nước	Nối giảm HDPE 50 x 32	cái	ISO 4427:2007	50 x 32	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	18.800	18.800	18.800	18.800	18.800	18.800	18.800	18.800	18.800
3603	Vật tư ngành nước	Nối giảm HDPE 50 x 40	cái	ISO 4427:2007	50 x 40	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	18.800	18.800	18.800	18.800	18.800	18.800	18.800	18.800	18.800
3604	Vật tư ngành nước	Nối giảm HDPE 63 x 25	cái	ISO 4427:2007	63 x 25	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	29.900	29.900	29.900	29.900	29.900	29.900	29.900	29.900	29.900
3605	Vật tư ngành nước	Nối giảm HDPE 63 x 32	cái	ISO 4427:2007	63 x 32	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	32.200	32.200	32.200	32.200	32.200	32.200	32.200	32.200	32.200
3606	Vật tư ngành nước	Nối giảm HDPE 63 x 40	cái	ISO 4427:2007	63 x 40	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	32.900	32.900	32.900	32.900	32.900	32.900	32.900	32.900	32.900
3607	Vật tư ngành nước	Nối giảm HDPE 63 x 50	cái	ISO 4427:2007	63 x 50	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	32.900	32.900	32.900	32.900	32.900	32.900	32.900	32.900	32.900
3608	Vật tư ngành nước	Nối ren trong HDPE 20 x 1/2"	cái	ISO 4427:2007	20 x 1/2"	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	55.200	55.200	55.200	55.200	55.200	55.200	55.200	55.200	55.200
3609	Vật tư ngành nước	Nối ren trong HDPE 20 x 3/4"	cái	ISO 4427:2007	20 x 3/4"	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	68.600	68.600	68.600	68.600	68.600	68.600	68.600	68.600	68.600
3610	Vật tư ngành nước	Nối ren trong HDPE 25 x 1/2"	cái	ISO 4427:2007	25 x 1/2"	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	56.600	56.600	56.600	56.600	56.600	56.600	56.600	56.600	56.600
3611	Vật tư ngành nước	Nối ren trong HDPE 25 x 3/4"	cái	ISO 4427:2007	25 x 3/4"	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	69.700	69.700	69.700	69.700	69.700	69.700	69.700	69.700	69.700
3612	Vật tư ngành nước	Nối ren trong HDPE 32 x 3/4"	cái	ISO 4427:2007	32 x 3/4"	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	82.500	82.500	82.500	82.500	82.500	82.500	82.500	82.500	82.500
3613	Vật tư ngành nước	Nối ren trong HDPE 32 x 1"	cái	ISO 4427:2007	32 x 1"	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	210.400	210.400	210.400	210.400	210.400	210.400	210.400	210.400	210.400
3614	Vật tư ngành nước	Tê ren trong HDPE 20 x 1/2"	cái	ISO 4427:2007	20 x 1/2"	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	70.200	70.200	70.200	70.200	70.200	70.200	70.200	70.200	70.200
3615	Vật tư ngành nước	Tê ren trong HDPE 20 x 3/4"	cái	ISO 4427:2007	20 x 3/4"	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	87.300	87.300	87.300	87.300	87.300	87.300	87.300	87.300	87.300
3616	Vật tư ngành nước	Tê ren trong HDPE 25 x 1/2"	cái	ISO 4427:2007	25 x 1/2"	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	79.600	79.600	79.600	79.600	79.600	79.600	79.600	79.600	79.600
3617	Vật tư ngành nước	Tê ren trong HDPE 25 x 3/4"	cái	ISO 4427:2007	25 x 3/4"	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	99.100	99.100	99.100	99.100	99.100	99.100	99.100	99.100	99.100
3618	Vật tư ngành nước	Tê ren trong HDPE 32 x 3/4"	cái	ISO 4427:2007	32 x 3/4"	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	121.600	121.600	121.600	121.600	121.600	121.600	121.600	121.600	121.600
3619	Vật tư ngành nước	Tê ren trong HDPE 32 x 1"	cái	ISO 4427:2007	32 x 1"	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	270.300	270.300	270.300	270.300	270.300	270.300	270.300	270.300	270.300
3620	Vật tư ngành nước	Co 90⁰ ren trong HDPE 20 x 1/2"	cái	ISO 4427:2007	20 x 1/2"	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	56.200	56.200	56.200	56.200	56.200	56.200	56.200	56.200	56.200
3621	Vật tư ngành nước	Co 90⁰ ren trong HDPE 20 x 3/4"	cái	ISO 4427:2007	20 x 3/4"	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	69.700	69.700	69.700	69.700	69.700	69.700	69.700	69.700	69.700
3622	Vật tư ngành nước	Co 90⁰ ren trong HDPE 25 x 1/2"	cái	ISO 4427:2007	25 x 1/2"	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	61.000	61.000	61.000	61.000	61.000	61.000	61.000	61.000	61.000
3623	Vật tư ngành nước	Co 90⁰ ren trong HDPE 25 x 3/4"	cái	ISO 4427:2007	25 x 3/4"	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	81.200	81.200	81.200	81.200	81.200	81.200	81.200	81.200	81.200
3624	Vật tư ngành nước	Co 90⁰ ren trong HDPE 32 x 3/4"	cái	ISO 4427:2007	32 x 3/4"	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	93.600	93.600	93.600	93.600	93.600	93.600	93.600	93.600	93.600
3625	Vật tư ngành nước	Co 90⁰ ren trong HDPE 32 x 1"	cái	ISO 4427:2007	32 x 1"	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	247.200	247.200	247.200	247.200	247.200	247.200	247.200	247.200	247.200
3626	Vật tư ngành nước	Co 90⁰ HDPE 20	cái	ISO 4427:2007	20	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	7.200	7.200	7.200	7.200	7.200	7.200	7.200	7.200	7.200
3627	Vật tư ngành nước	Co 90⁰ HDPE 25	cái	ISO 4427:2007	25	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	9.800	9.800	9.800	9.800	9.800	9.800	9.800	9.800	9.800
3628	Vật tư ngành nước	Co 90⁰ HDPE 32	cái	ISO 4427:2007	32	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	17.600	17.600	17.600	17.600	17.600	17.600	17.600	17.600	17.600

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)(đồng)								
												Khu vực TP. Tây Ninh	Khu vực TX.Trảng Bàng	Khu vực TX. Hoà Thành	Khu vực H.Tân Biên	Khu vực H.Tân Châu	Khu vực H. Châu Thành	Khu vực H.Dương Minh Châu	Khu vực H. Bến Cầu	Khu vực H. Gò Dầu
3629	Vật tư ngành nước	Co 90º HDPE 40	cái	ISO 4427:2007	40	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	26.000	26.000	26.000	26.000	26.000	26.000	26.000	26.000	26.000
3630	Vật tư ngành nước	Co 90º HDPE 50	cái	ISO 4427:2007	50	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	41.000	41.000	41.000	41.000	41.000	41.000	41.000	41.000	41.000
3631	Vật tư ngành nước	Co 90º HDPE 63 hàn lắp ngoài	cái	ISO 4427:2007	63	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	78.000	78.000	78.000	78.000	78.000	78.000	78.000	78.000	78.000
3632	Vật tư ngành nước	Co 45º HDPE 20	cái	ISO 4427:2007	20	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	6.900	6.900	6.900	6.900	6.900	6.900	6.900	6.900	6.900
3633	Vật tư ngành nước	Co 45º HDPE 25	cái	ISO 4427:2007	25	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	9.000	9.000	9.000	9.000	9.000	9.000	9.000	9.000	9.000
3634	Vật tư ngành nước	Co 45º HDPE 32	cái	ISO 4427:2007	32	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	14.700	14.700	14.700	14.700	14.700	14.700	14.700	14.700	14.700
3635	Vật tư ngành nước	Co 45º HDPE 40	cái	ISO 4427:2007	40	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	18.800	18.800	18.800	18.800	18.800	18.800	18.800	18.800	18.800
3636	Vật tư ngành nước	Co 45º HDPE 50	cái	ISO 4427:2007	50	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	31.600	31.600	31.600	31.600	31.600	31.600	31.600	31.600	31.600
3637	Vật tư ngành nước	Co 45º HDPE 63 hàn lắp ngoài	cái	ISO 4427:2007	63	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	53.600	53.600	53.600	53.600	53.600	53.600	53.600	53.600	53.600
3638	Vật tư ngành nước	Tê giảm HDPE 25 x 20	cái	ISO 4427:2007	25 x 20	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	11.400	11.400	11.400	11.400	11.400	11.400	11.400	11.400	11.400
3639	Vật tư ngành nước	Tê giảm HDPE 32 x 25	cái	ISO 4427:2007	32 x 25	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	20.700	20.700	20.700	20.700	20.700	20.700	20.700	20.700	20.700
3640	Vật tư ngành nước	Tê giảm HDPE 40 x 32	cái	ISO 4427:2007	40 x 32	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	24.500	24.500	24.500	24.500	24.500	24.500	24.500	24.500	24.500
3641	Vật tư ngành nước	Tê giảm HDPE 50 x 20	cái	ISO 4427:2007	50 x 20	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	35.400	35.400	35.400	35.400	35.400	35.400	35.400	35.400	35.400
3642	Vật tư ngành nước	Tê giảm HDPE 50 x 25	cái	ISO 4427:2007	50 x 25	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	37.700	37.700	37.700	37.700	37.700	37.700	37.700	37.700	37.700
3643	Vật tư ngành nước	Tê giảm HDPE 50 x 32	cái	ISO 4427:2007	50 x 32	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	41.000	41.000	41.000	41.000	41.000	41.000	41.000	41.000	41.000
3644	Vật tư ngành nước	Tê giảm HDPE 50 x 40	cái	ISO 4427:2007	50 x 40	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	46.500	46.500	46.500	46.500	46.500	46.500	46.500	46.500	46.500
3645	Vật tư ngành nước	Tê giảm HDPE 63 x 25	cái	ISO 4427:2007	63 x 25	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	64.800	64.800	64.800	64.800	64.800	64.800	64.800	64.800	64.800
3646	Vật tư ngành nước	Tê giảm HDPE 63 x 32	cái	ISO 4427:2007	63 x 32	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	68.200	68.200	68.200	68.200	68.200	68.200	68.200	68.200	68.200
3647	Vật tư ngành nước	Tê giảm HDPE 63 x 40	cái	ISO 4427:2007	63 x 40	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	74.000	74.000	74.000	74.000	74.000	74.000	74.000	74.000	74.000
3648	Vật tư ngành nước	Tê giảm HDPE 63 x 50	cái	ISO 4427:2007	63 x 50	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	87.000	87.000	87.000	87.000	87.000	87.000	87.000	87.000	87.000
3649	Vật tư ngành nước	Nối ren ngoài HDPE 20 x 1/2"	cái	ISO 4427:2007	20 x 1/2"	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	66.200	66.200	66.200	66.200	66.200	66.200	66.200	66.200	66.200
3650	Vật tư ngành nước	Nối ren ngoài HDPE 20 x 3/4"	cái	ISO 4427:2007	20 x 3/4"	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	82.100	82.100	82.100	82.100	82.100	82.100	82.100	82.100	82.100
3651	Vật tư ngành nước	Nối ren ngoài HDPE 25 x 1/2"	cái	ISO 4427:2007	25 x 1/2"	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	68.200	68.200	68.200	68.200	68.200	68.200	68.200	68.200	68.200
3652	Vật tư ngành nước	Nối ren ngoài HDPE 25 x 3/4"	cái	ISO 4427:2007	25 x 3/4"	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	90.000	90.000	90.000	90.000	90.000	90.000	90.000	90.000	90.000
3653	Vật tư ngành nước	Nối ren ngoài HDPE 32 x 3/4"	cái	ISO 4427:2007	32 x 3/4"	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	98.300	98.300	98.300	98.300	98.300	98.300	98.300	98.300	98.300
3654	Vật tư ngành nước	Nối ren ngoài HDPE 32 x 1"	cái	ISO 4427:2007	32 x 1"	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	252.000	252.000	252.000	252.000	252.000	252.000	252.000	252.000	252.000
3655	Vật tư ngành nước	Tê ren ngoài HDPE 20 x 1/2"	cái	ISO 4427:2007	20 x 1/2"	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	76.700	76.700	76.700	76.700	76.700	76.700	76.700	76.700	76.700

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)(đồng)								
												Khu vực TP. Tây Ninh	Khu vực TX.Trảng Bàng	Khu vực TX. Hoà Thành	Khu vực H.Tân Biên	Khu vực H.Tân Châu	Khu vực H. Châu Thành	Khu vực H.Dương Minh Châu	Khu vực H. Bến Cầu	Khu vực H. Gò Dầu
3656	Vật tư ngành nước	Tê ren ngoài HDPE 20 x 3/4"	cái	ISO 4427:2007	20 x 3/4"	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	95.200	95.200	95.200	95.200	95.200	95.200	95.200	95.200	95.200
3657	Vật tư ngành nước	Tê ren ngoài HDPE 25 x 1/2"	cái	ISO 4427:2007	25 x 1/2"	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	90.000	90.000	90.000	90.000	90.000	90.000	90.000	90.000	90.000
3658	Vật tư ngành nước	Tê ren ngoài HDPE 25 x 3/4"	cái	ISO 4427:2007	25 x 3/4"	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	101.300	101.300	101.300	101.300	101.300	101.300	101.300	101.300	101.300
3659	Vật tư ngành nước	Tê ren ngoài HDPE 32 x 3/4"	cái	ISO 4427:2007	32 x 3/4"	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	138.600	138.600	138.600	138.600	138.600	138.600	138.600	138.600	138.600
3660	Vật tư ngành nước	Tê ren ngoài HDPE 32 x 1"	cái	ISO 4427:2007	32 x 1"	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	304.200	304.200	304.200	304.200	304.200	304.200	304.200	304.200	304.200
3661	Vật tư ngành nước	Co 90^0 ren ngoài HDPE 20 x 1/2"	cái	ISO 4427:2007	20 x 1/2"	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	68.900	68.900	68.900	68.900	68.900	68.900	68.900	68.900	68.900
3662	Vật tư ngành nước	Co 90^0 ren ngoài HDPE 20 x 3/4"	cái	ISO 4427:2007	20 x 3/4"	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	85.200	85.200	85.200	85.200	85.200	85.200	85.200	85.200	85.200
3663	Vật tư ngành nước	Co 90^0 ren ngoài HDPE 25 x 1/2"	cái	ISO 4427:2007	25 x 1/2"	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	70.900	70.900	70.900	70.900	70.900	70.900	70.900	70.900	70.900
3664	Vật tư ngành nước	Co 90^0 ren ngoài HDPE 25 x 3/4"	cái	ISO 4427:2007	25 x 3/4"	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	94.300	94.300	94.300	94.300	94.300	94.300	94.300	94.300	94.300
3665	Vật tư ngành nước	Co 90^0 ren ngoài HDPE 32 x 3/4"	cái	ISO 4427:2007	32 x 3/4"	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	127.300	127.300	127.300	127.300	127.300	127.300	127.300	127.300	127.300
3666	Vật tư ngành nước	Co 90^0 ren ngoài HDPE 32 x 1"	cái	ISO 4427:2007	32 x 1"	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	266.300	266.300	266.300	266.300	266.300	266.300	266.300	266.300	266.300
3667	Vật tư ngành nước	Co 90^0 HDPE 63 hàn đối đầu	cái	ISO 4427:2007	63	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	67.600	67.600	67.600	67.600	67.600	67.600	67.600	67.600	67.600
3668	Vật tư ngành nước	Co 90^0 HDPE 75	cái	ISO 4427:2007	75	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	114.800	114.800	114.800	114.800	114.800	114.800	114.800	114.800	114.800
3669	Vật tư ngành nước	Co 90^0 HDPE 90	cái	ISO 4427:2007	90	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	177.900	177.900	177.900	177.900	177.900	177.900	177.900	177.900	177.900
3670	Vật tư ngành nước	Co 90^0 HDPE 110	cái	ISO 4427:2007	110	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	258.700	258.700	258.700	258.700	258.700	258.700	258.700	258.700	258.700
3671	Vật tư ngành nước	Co 90^0 HDPE 125	cái	ISO 4427:2007	125	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	370.500	370.500	370.500	370.500	370.500	370.500	370.500	370.500	370.500
3672	Vật tư ngành nước	Co 90^0 HDPE 140	cái	ISO 4427:2007	140	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	543.400	543.400	543.400	543.400	543.400	543.400	543.400	543.400	543.400
3673	Vật tư ngành nước	Co 90^0 HDPE 160	cái	ISO 4427:2007	160	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	647.100	647.100	647.100	647.100	647.100	647.100	647.100	647.100	647.100
3674	Vật tư ngành nước	Co 90^0 HDPE 180	cái	ISO 4427:2007	180	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	933.300	933.300	933.300	933.300	933.300	933.300	933.300	933.300	933.300
3675	Vật tư ngành nước	Co 90^0 HDPE 200	cái	ISO 4427:2007	200	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	1.176.300	1.176.300	1.176.300	1.176.300	1.176.300	1.176.300	1.176.300	1.176.300	1.176.300
3676	Vật tư ngành nước	Co 90^0 HDPE 225	cái	ISO 4427:2007	225	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	1.633.800	1.633.800	1.633.800	1.633.800	1.633.800	1.633.800	1.633.800	1.633.800	1.633.800
3677	Vật tư ngành nước	Co 90^0 HDPE 250	cái	ISO 4427:2007	250	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	1.711.400	1.711.400	1.711.400	1.711.400	1.711.400	1.711.400	1.711.400	1.711.400	1.711.400
3678	Vật tư ngành nước	Co 90^0 HDPE 280	cái	ISO 4427:2007	280	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	2.763.600	2.763.600	2.763.600	2.763.600	2.763.600	2.763.600	2.763.600	2.763.600	2.763.600
3679	Vật tư ngành nước	Co 90^0 HDPE 315	cái	ISO 4427:2007	315	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	2.972.400	2.972.400	2.972.400	2.972.400	2.972.400	2.972.400	2.972.400	2.972.400	2.972.400
3680	Vật tư ngành nước	Co 90^0 HDPE 355	cái	ISO 4427:2007	355	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	4.083.000	4.083.000	4.083.000	4.083.000	4.083.000	4.083.000	4.083.000	4.083.000	4.083.000
3681	Vật tư ngành nước	Co 90^0 HDPE 400	cái	ISO 4427:2007	400	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	6.025.500	6.025.500	6.025.500	6.025.500	6.025.500	6.025.500	6.025.500	6.025.500	6.025.500
3682	Vật tư ngành nước	Co 90^0 HDPE 450	cái	ISO 4427:2007	450	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	9.787.500	9.787.500	9.787.500	9.787.500	9.787.500	9.787.500	9.787.500	9.787.500	9.787.500

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)(đồng)								
												Khu vực TP. Tây Ninh	Khu vực TX.Trảng Bàng	Khu vực TX. Hoà Thành	Khu vực H.Tân Biên	Khu vực H.Tân Châu	Khu vực H. Châu Thành	Khu vực H.Dương Minh Châu	Khu vực H. Bến Cầu	Khu vực H. Gò Dầu
3683	Vật tư ngành nước	Co 90º HDPE 500	cái	ISO 4427:2007	500	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	12.512.400	12.512.400	12.512.400	12.512.400	12.512.400	12.512.400	12.512.400	12.512.400	12.512.400
3684	Vật tư ngành nước	Co 90º HDPE 560	cái	ISO 4427:2007	560	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	18.351.500	18.351.500	18.351.500	18.351.500	18.351.500	18.351.500	18.351.500	18.351.500	18.351.500
3685	Vật tư ngành nước	Co 90º HDPE 630	cái	ISO 4427:2007	630	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	26.470.600	26.470.600	26.470.600	26.470.600	26.470.600	26.470.600	26.470.600	26.470.600	26.470.600
3686	Vật tư ngành nước	Co 45º HDPE 63 hàn đối đầu	cái	ISO 4427:2007	63	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	63.400	63.400	63.400	63.400	63.400	63.400	63.400	63.400	63.400
3687	Vật tư ngành nước	Co 45º HDPE 75	cái	ISO 4427:2007	75	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	98.600	98.600	98.600	98.600	98.600	98.600	98.600	98.600	98.600
3688	Vật tư ngành nước	Co 45º HDPE 90	cái	ISO 4427:2007	90	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	138.500	138.500	138.500	138.500	138.500	138.500	138.500	138.500	138.500
3689	Vật tư ngành nước	Co 45º HDPE 110	cái	ISO 4427:2007	110	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	194.000	194.000	194.000	194.000	194.000	194.000	194.000	194.000	194.000
3690	Vật tư ngành nước	Co 45º HDPE 125	cái	ISO 4427:2007	125	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	304.000	304.000	304.000	304.000	304.000	304.000	304.000	304.000	304.000
3691	Vật tư ngành nước	Co 45º HDPE 140	cái	ISO 4427:2007	140	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	454.100	454.100	454.100	454.100	454.100	454.100	454.100	454.100	454.100
3692	Vật tư ngành nước	Co 45º HDPE 160	cái	ISO 4427:2007	160	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	517.700	517.700	517.700	517.700	517.700	517.700	517.700	517.700	517.700
3693	Vật tư ngành nước	Co 45º HDPE 180	cái	ISO 4427:2007	180	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	870.400	870.400	870.400	870.400	870.400	870.400	870.400	870.400	870.400
3694	Vật tư ngành nước	Co 45º HDPE 200	cái	ISO 4427:2007	200	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	929.800	929.800	929.800	929.800	929.800	929.800	929.800	929.800	929.800
3695	Vật tư ngành nước	Co 45º HDPE 225	cái	ISO 4427:2007	225	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	1.239.600	1.239.600	1.239.600	1.239.600	1.239.600	1.239.600	1.239.600	1.239.600	1.239.600
3696	Vật tư ngành nước	Co 45º HDPE 250	cái	ISO 4427:2007	250	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	1.283.100	1.283.100	1.283.100	1.283.100	1.283.100	1.283.100	1.283.100	1.283.100	1.283.100
3697	Vật tư ngành nước	Co 45º HDPE 280	cái	ISO 4427:2007	280	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	2.047.500	2.047.500	2.047.500	2.047.500	2.047.500	2.047.500	2.047.500	2.047.500	2.047.500
3698	Vật tư ngành nước	Co 45º HDPE 315	cái	ISO 4427:2007	315	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	2.117.400	2.117.400	2.117.400	2.117.400	2.117.400	2.117.400	2.117.400	2.117.400	2.117.400
3699	Vật tư ngành nước	Co 45º HDPE 355	cái	ISO 4427:2007	355	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	2.848.300	2.848.300	2.848.300	2.848.300	2.848.300	2.848.300	2.848.300	2.848.300	2.848.300
3700	Vật tư ngành nước	Co 45º HDPE 400	cái	ISO 4427:2007	400	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	4.251.000	4.251.000	4.251.000	4.251.000	4.251.000	4.251.000	4.251.000	4.251.000	4.251.000
3701	Vật tư ngành nước	Co 45º HDPE 450	cái	ISO 4427:2007	450	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	6.554.300	6.554.300	6.554.300	6.554.300	6.554.300	6.554.300	6.554.300	6.554.300	6.554.300
3702	Vật tư ngành nước	Co 45º HDPE 500	cái	ISO 4427:2007	500	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	8.242.400	8.242.400	8.242.400	8.242.400	8.242.400	8.242.400	8.242.400	8.242.400	8.242.400
3703	Vật tư ngành nước	Co 45º HDPE 560	cái	ISO 4427:2007	560	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	11.344.800	11.344.800	11.344.800	11.344.800	11.344.800	11.344.800	11.344.800	11.344.800	11.344.800
3704	Vật tư ngành nước	Co 45º HDPE 630	cái	ISO 4427:2007	630	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	16.683.300	16.683.300	16.683.300	16.683.300	16.683.300	16.683.300	16.683.300	16.683.300	16.683.300
3705	Vật tư ngành nước	Tê HDPE 75	cái	ISO 4427:2007	75	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	162.500	162.500	162.500	162.500	162.500	162.500	162.500	162.500	162.500
3706	Vật tư ngành nước	Tê HDPE 90	cái	ISO 4427:2007	90	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	233.000	233.000	233.000	233.000	233.000	233.000	233.000	233.000	233.000
3707	Vật tư ngành nước	Tê HDPE 110	cái	ISO 4427:2007	110	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	335.300	335.300	335.300	335.300	335.300	335.300	335.300	335.300	335.300
3708	Vật tư ngành nước	Tê HDPE 125	cái	ISO 4427:2007	125	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	491.700	491.700	491.700	491.700	491.700	491.700	491.700	491.700	491.700
3709	Vật tư ngành nước	Tê HDPE 140	cái	ISO 4427:2007	140	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	752.700	752.700	752.700	752.700	752.700	752.700	752.700	752.700	752.700

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)(đồng)								
												Khu vực TP. Tây Ninh	Khu vực TX.Trảng Bàng	Khu vực TX. Hoà Thành	Khu vực H.Tân Biên	Khu vực H.Tân Châu	Khu vực H. Châu Thành	Khu vực H.Dương Minh Châu	Khu vực H. Bến Cầu	Khu vực H. Gò Dầu
3710	Vật tư ngành nước	Tê HDPE 160	cái	ISO 4427:2007	160	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	917.600	917.600	917.600	917.600	917.600	917.600	917.600	917.600	917.600
3711	Vật tư ngành nước	Tê HDPE 180	cái	ISO 4427:2007	180	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	1.223.300	1.223.300	1.223.300	1.223.300	1.223.300	1.223.300	1.223.300	1.223.300	1.223.300
3712	Vật tư ngành nước	Tê HDPE 200	cái	ISO 4427:2007	200	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	1.587.900	1.587.900	1.587.900	1.587.900	1.587.900	1.587.900	1.587.900	1.587.900	1.587.900
3713	Vật tư ngành nước	Tê HDPE 225	cái	ISO 4427:2007	225	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	2.136.300	2.136.300	2.136.300	2.136.300	2.136.300	2.136.300	2.136.300	2.136.300	2.136.300
3714	Vật tư ngành nước	Tê HDPE 250	cái	ISO 4427:2007	250	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	2.180.000	2.180.000	2.180.000	2.180.000	2.180.000	2.180.000	2.180.000	2.180.000	2.180.000
3715	Vật tư ngành nước	Tê HDPE 280	cái	ISO 4427:2007	280	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	3.636.100	3.636.100	3.636.100	3.636.100	3.636.100	3.636.100	3.636.100	3.636.100	3.636.100
3716	Vật tư ngành nước	Tê HDPE 315	cái	ISO 4427:2007	315	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	3.848.700	3.848.700	3.848.700	3.848.700	3.848.700	3.848.700	3.848.700	3.848.700	3.848.700
3717	Vật tư ngành nước	Tê HDPE 355	cái	ISO 4427:2007	355	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	5.550.100	5.550.100	5.550.100	5.550.100	5.550.100	5.550.100	5.550.100	5.550.100	5.550.100
3718	Vật tư ngành nước	Tê HDPE 400	cái	ISO 4427:2007	400	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	7.438.500	7.438.500	7.438.500	7.438.500	7.438.500	7.438.500	7.438.500	7.438.500	7.438.500
3719	Vật tư ngành nước	Tê HDPE 450	cái	ISO 4427:2007	450	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	15.963.700	15.963.700	15.963.700	15.963.700	15.963.700	15.963.700	15.963.700	15.963.700	15.963.700
3720	Vật tư ngành nước	Tê HDPE 630	cái	ISO 4427:2007	630	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	39.592.100	39.592.100	39.592.100	39.592.100	39.592.100	39.592.100	39.592.100	39.592.100	39.592.100
3721	Vật tư ngành nước	Tê giảm HDPE 75 x 40	cái	ISO 4427:2007	75 x 40	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	112.500	112.500	112.500	112.500	112.500	112.500	112.500	112.500	112.500
3722	Vật tư ngành nước	Tê giảm HDPE 75 x 50	cái	ISO 4427:2007	75 x 50	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	124.700	124.700	124.700	124.700	124.700	124.700	124.700	124.700	124.700
3723	Vật tư ngành nước	Tê giảm HDPE 75 x 63	cái	ISO 4427:2007	75 x 63	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	144.100	144.100	144.100	144.100	144.100	144.100	144.100	144.100	144.100
3724	Vật tư ngành nước	Tê giảm HDPE 90 x 40	cái	ISO 4427:2007	90 x 40	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	156.000	156.000	156.000	156.000	156.000	156.000	156.000	156.000	156.000
3725	Vật tư ngành nước	Tê giảm HDPE 90 x 50	cái	ISO 4427:2007	90 x 50	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	173.300	173.300	173.300	173.300	173.300	173.300	173.300	173.300	173.300
3726	Vật tư ngành nước	Tê giảm HDPE 90 x 63	cái	ISO 4427:2007	90 x 63	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	181.100	181.100	181.100	181.100	181.100	181.100	181.100	181.100	181.100
3727	Vật tư ngành nước	Tê giảm HDPE 90 x 75	cái	ISO 4427:2007	90 x 75	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	213.600	213.600	213.600	213.600	213.600	213.600	213.600	213.600	213.600
3728	Vật tư ngành nước	Tê giảm HDPE 110 x 50	cái	ISO 4427:2007	110 x 50	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	224.200	224.200	224.200	224.200	224.200	224.200	224.200	224.200	224.200
3729	Vật tư ngành nước	Tê giảm HDPE 110 x 63	cái	ISO 4427:2007	110 x 63	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	225.200	225.200	225.200	225.200	225.200	225.200	225.200	225.200	225.200
3730	Vật tư ngành nước	Tê giảm HDPE 110 x 75	cái	ISO 4427:2007	110 x 75	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	266.500	266.500	266.500	266.500	266.500	266.500	266.500	266.500	266.500
3731	Vật tư ngành nước	Tê giảm HDPE 110 x 90	cái	ISO 4427:2007	110 x 90	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	279.800	279.800	279.800	279.800	279.800	279.800	279.800	279.800	279.800
3732	Vật tư ngành nước	Tê giảm HDPE 140 x 110	cái	ISO 4427:2007	140 x 110	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	705.800	705.800	705.800	705.800	705.800	705.800	705.800	705.800	705.800
3733	Vật tư ngành nước	Tê giảm HDPE 160 x 63	cái	ISO 4427:2007	160 x 63	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	605.700	605.700	605.700	605.700	605.700	605.700	605.700	605.700	605.700
3734	Vật tư ngành nước	Tê giảm HDPE 160 x 75	cái	ISO 4427:2007	160 x 75	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	611.700	611.700	611.700	611.700	611.700	611.700	611.700	611.700	611.700
3735	Vật tư ngành nước	Tê giảm HDPE 160 x 90	cái	ISO 4427:2007	160 x 90	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	635.100	635.100	635.100	635.100	635.100	635.100	635.100	635.100	635.100
3736	Vật tư ngành nước	Tê giảm HDPE 160 x 110	cái	ISO 4427:2007	160 x 110	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	729.900	729.900	729.900	729.900	729.900	729.900	729.900	729.900	729.900

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)(đồng)								
												Khu vực TP. Tây Ninh	Khu vực TX.Trảng Bàng	Khu vực TX. Hoà Thành	Khu vực H.Tân Biên	Khu vực H.Tân Châu	Khu vực H. Châu Thành	Khu vực H.Dương Minh Châu	Khu vực H. Bến Cầu	Khu vực H. Gò Dầu
3737	Vật tư ngành nước	Tê giảm HDPE 160 x 125	cái	ISO 4427:2007	160 x 125	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	1.045.900	1.045.900	1.045.900	1.045.900	1.045.900	1.045.900	1.045.900	1.045.900	1.045.900
3738	Vật tư ngành nước	Tê giảm HDPE 180 x 125	cái	ISO 4427:2007	180 x 125	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	1.583.800	1.583.800	1.583.800	1.583.800	1.583.800	1.583.800	1.583.800	1.583.800	1.583.800
3739	Vật tư ngành nước	Tê giảm HDPE 200 x 63	cái	ISO 4427:2007	200 x 63	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	999.700	999.700	999.700	999.700	999.700	999.700	999.700	999.700	999.700
3740	Vật tư ngành nước	Tê giảm HDPE 200 x 75	cái	ISO 4427:2007	200 x 75	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	1.011.700	1.011.700	1.011.700	1.011.700	1.011.700	1.011.700	1.011.700	1.011.700	1.011.700
3741	Vật tư ngành nước	Tê giảm HDPE 200 x 90	cái	ISO 4427:2007	200 x 90	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	1.164.500	1.164.500	1.164.500	1.164.500	1.164.500	1.164.500	1.164.500	1.164.500	1.164.500
3742	Vật tư ngành nước	Tê giảm HDPE 200 x 110	cái	ISO 4427:2007	200 x 110	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	1.176.300	1.176.300	1.176.300	1.176.300	1.176.300	1.176.300	1.176.300	1.176.300	1.176.300
3743	Vật tư ngành nước	Tê giảm HDPE 200 x 125	cái	ISO 4427:2007	200 x 125	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	1.778.200	1.778.200	1.778.200	1.778.200	1.778.200	1.778.200	1.778.200	1.778.200	1.778.200
3744	Vật tư ngành nước	Tê giảm HDPE 200 x 160	cái	ISO 4427:2007	200 x 160	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	1.662.400	1.662.400	1.662.400	1.662.400	1.662.400	1.662.400	1.662.400	1.662.400	1.662.400
3745	Vật tư ngành nước	Tê giảm HDPE 225 x 125	cái	ISO 4427:2007	225 x 125	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	2.018.300	2.018.300	2.018.300	2.018.300	2.018.300	2.018.300	2.018.300	2.018.300	2.018.300
3746	Vật tư ngành nước	Tê giảm HDPE 225 x 160	cái	ISO 4427:2007	225 x 160	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	1.458.600	1.458.600	1.458.600	1.458.600	1.458.600	1.458.600	1.458.600	1.458.600	1.458.600
3747	Vật tư ngành nước	Tê giảm HDPE 250 x 160	cái	ISO 4427:2007	225 x 180	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	2.457.000	2.457.000	2.457.000	2.457.000	2.457.000	2.457.000	2.457.000	2.457.000	2.457.000
3748	Vật tư ngành nước	Tê giảm HDPE 250 x 110	cái	ISO 4427:2007	225 x 110	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	1.189.400	1.189.400	1.189.400	1.189.400	1.189.400	1.189.400	1.189.400	1.189.400	1.189.400
3749	Vật tư ngành nước	Tê giảm HDPE 280 x 225	cái	ISO 4427:2007	250 x 160	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	1.661.400	1.661.400	1.661.400	1.661.400	1.661.400	1.661.400	1.661.400	1.661.400	1.661.400
3750	Vật tư ngành nước	Tê giảm HDPE 280 x 160	cái	ISO 4427:2007	250 x 110	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	1.384.800	1.384.800	1.384.800	1.384.800	1.384.800	1.384.800	1.384.800	1.384.800	1.384.800
3751	Vật tư ngành nước	Tê giảm HDPE 280 x 110	cái	ISO 4427:2007	280 x 225	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	3.926.700	3.926.700	3.926.700	3.926.700	3.926.700	3.926.700	3.926.700	3.926.700	3.926.700
3752	Vật tư ngành nước	Tê giảm HDPE 225 x 180	cái	ISO 4427:2007	280 x 160	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	2.898.700	2.898.700	2.898.700	2.898.700	2.898.700	2.898.700	2.898.700	2.898.700	2.898.700
3753	Vật tư ngành nước	Tê giảm HDPE 225 x 110	cái	ISO 4427:2007	280 x 110	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	2.187.900	2.187.900	2.187.900	2.187.900	2.187.900	2.187.900	2.187.900	2.187.900	2.187.900
3754	Vật tư ngành nước	Tê giảm HDPE 315 x 160	cái	ISO 4427:2007	315 x 160	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	2.387.500	2.387.500	2.387.500	2.387.500	2.387.500	2.387.500	2.387.500	2.387.500	2.387.500
3755	Vật tư ngành nước	Tê giảm HDPE 315 x 110	cái	ISO 4427:2007	315 x 110	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	2.014.700	2.014.700	2.014.700	2.014.700	2.014.700	2.014.700	2.014.700	2.014.700	2.014.700
3756	Vật tư ngành nước	Mặt bích HDPE 63	cái	ISO 4427:2007	63	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	47.400	47.400	47.400	47.400	47.400	47.400	47.400	47.400	47.400
3757	Vật tư ngành nước	Mặt bích HDPE 75	cái	ISO 4427:2007	75	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	80.500	80.500	80.500	80.500	80.500	80.500	80.500	80.500	80.500
3758	Vật tư ngành nước	Mặt bích HDPE 90	cái	ISO 4427:2007	90	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	106.000	106.000	106.000	106.000	106.000	106.000	106.000	106.000	106.000
3759	Vật tư ngành nước	Mặt bích HDPE 110	cái	ISO 4427:2007	110	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	181.400	181.400	181.400	181.400	181.400	181.400	181.400	181.400	181.400
3760	Vật tư ngành nước	Mặt bích HDPE 125	cái	ISO 4427:2007	125	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	217.800	217.800	217.800	217.800	217.800	217.800	217.800	217.800	217.800
3761	Vật tư ngành nước	Mặt bích HDPE 140	cái	ISO 4427:2007	140	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	314.300	314.300	314.300	314.300	314.300	314.300	314.300	314.300	314.300
3762	Vật tư ngành nước	Mặt bích HDPE 160	cái	ISO 4427:2007	160	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	444.600	444.600	444.600	444.600	444.600	444.600	444.600	444.600	444.600
3763	Vật tư ngành nước	Mặt bích HDPE 180	cái	ISO 4427:2007	180	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	421.200	421.200	421.200	421.200	421.200	421.200	421.200	421.200	421.200

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)(đồng)								
												Khu vực TP. Tây Ninh	Khu vực TX.Trảng Bàng	Khu vực TX. Hoà Thành	Khu vực H.Tân Biên	Khu vực H.Tân Châu	Khu vực H. Châu Thành	Khu vực H.Dương Minh Châu	Khu vực H. Bến Cầu	Khu vực H. Gò Dầu
3764	Vật tư ngành nước	Mặt bích HDPE 200	cái	ISO 4427:2007	200	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	760.500	760.500	760.500	760.500	760.500	760.500	760.500	760.500	760.500
3765	Vật tư ngành nước	Mặt bích HDPE 225	cái	ISO 4427:2007	225	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	673.200	673.200	673.200	673.200	673.200	673.200	673.200	673.200	673.200
3766	Vật tư ngành nước	Mặt bích HDPE 250	cái	ISO 4427:2007	250	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	697.800	697.800	697.800	697.800	697.800	697.800	697.800	697.800	697.800
3767	Vật tư ngành nước	Mặt bích HDPE 280	cái	ISO 4427:2007	280	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	1.140.400	1.140.400	1.140.400	1.140.400	1.140.400	1.140.400	1.140.400	1.140.400	1.140.400
3768	Vật tư ngành nước	Mặt bích HDPE 315	cái	ISO 4427:2007	315	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	1.089.100	1.089.100	1.089.100	1.089.100	1.089.100	1.089.100	1.089.100	1.089.100	1.089.100
3769	Vật tư ngành nước	Mặt bích HDPE 355	cái	ISO 4427:2007	355	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	1.493.000	1.493.000	1.493.000	1.493.000	1.493.000	1.493.000	1.493.000	1.493.000	1.493.000
3770	Vật tư ngành nước	Mặt bích HDPE 400	cái	ISO 4427:2007	400	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	2.169.400	2.169.400	2.169.400	2.169.400	2.169.400	2.169.400	2.169.400	2.169.400	2.169.400
3771	Vật tư ngành nước	Mặt bích HDPE 450	cái	ISO 4427:2007	450	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	2.813.900	2.813.900	2.813.900	2.813.900	2.813.900	2.813.900	2.813.900	2.813.900	2.813.900
3772	Vật tư ngành nước	Mặt bích HDPE 500	cái	ISO 4427:2007	500	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	4.226.600	4.226.600	4.226.600	4.226.600	4.226.600	4.226.600	4.226.600	4.226.600	4.226.600
3773	Vật tư ngành nước	Mặt bích HDPE 560	cái	ISO 4427:2007	560	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	5.227.600	5.227.600	5.227.600	5.227.600	5.227.600	5.227.600	5.227.600	5.227.600	5.227.600
3774	Vật tư ngành nước	Mặt bích HDPE 630	cái	ISO 4427:2007	630	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	6.228.300	6.228.300	6.228.300	6.228.300	6.228.300	6.228.300	6.228.300	6.228.300	6.228.300
3775	Vật tư ngành nước	Mặt bích HDPE 710	cái	ISO 4427:2007	710	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	10.677.300	10.677.300	10.677.300	10.677.300	10.677.300	10.677.300	10.677.300	10.677.300	10.677.300
3776	Vật tư ngành nước	Mặt bích HDPE 800	cái	ISO 4427:2007	800	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	13.791.500	13.791.500	13.791.500	13.791.500	13.791.500	13.791.500	13.791.500	13.791.500	13.791.500
3777	Vật tư ngành nước	Mặt bích HDPE 900	cái	ISO 4427:2007	900	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	20.967.100	20.967.100	20.967.100	20.967.100	20.967.100	20.967.100	20.967.100	20.967.100	20.967.100
3778	Vật tư ngành nước	Mặt bích HDPE 1000	cái	ISO 4427:2007	1000	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	29.443.100	29.443.100	29.443.100	29.443.100	29.443.100	29.443.100	29.443.100	29.443.100	29.443.100
3779	Vật tư ngành nước	Mặt bích HDPE 1200	cái	ISO 4427:2007	1200	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	57.815.500	57.815.500	57.815.500	57.815.500	57.815.500	57.815.500	57.815.500	57.815.500	57.815.500
3780	Vật tư ngành nước	Nối giảm HDPE 90 x 40	cái	ISO 4427:2007	90 x 40	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	60.500	60.500	60.500	60.500	60.500	60.500	60.500	60.500	60.500
3781	Vật tư ngành nước	Nối giảm HDPE 90 x 50	cái	ISO 4427:2007	90 x 50	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	67.300	67.300	67.300	67.300	67.300	67.300	67.300	67.300	67.300
3782	Vật tư ngành nước	Nối giảm HDPE 90 x 63	cái	ISO 4427:2007	90 x 63	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	77.800	77.800	77.800	77.800	77.800	77.800	77.800	77.800	77.800
3783	Vật tư ngành nước	Nối giảm HDPE 90 x 75	cái	ISO 4427:2007	90 x 75	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	82.500	82.500	82.500	82.500	82.500	82.500	82.500	82.500	82.500
3784	Vật tư ngành nước	Nối giảm HDPE 110 x 50	cái	ISO 4427:2007	110 x 50	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	105.900	105.900	105.900	105.900	105.900	105.900	105.900	105.900	105.900
3785	Vật tư ngành nước	Nối giảm HDPE 110 x 63	cái	ISO 4427:2007	110 x 63	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	111.800	111.800	111.800	111.800	111.800	111.800	111.800	111.800	111.800
3786	Vật tư ngành nước	Nối giảm HDPE 110 x 75	cái	ISO 4427:2007	110 x 75	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	117.700	117.700	117.700	117.700	117.700	117.700	117.700	117.700	117.700
3787	Vật tư ngành nước	Nối giảm HDPE 110 x 90	cái	ISO 4427:2007	110 x 90	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	129.400	129.400	129.400	129.400	129.400	129.400	129.400	129.400	129.400
3788	Vật tư ngành nước	Nối giảm HDPE 140 x 110	cái	ISO 4427:2007	140 x 110	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	329.500	329.500	329.500	329.500	329.500	329.500	329.500	329.500	329.500
3789	Vật tư ngành nước	Nối giảm HDPE 160 x 63	cái	ISO 4427:2007	160 x 63	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	298.900	298.900	298.900	298.900	298.900	298.900	298.900	298.900	298.900
3790	Vật tư ngành nước	Nối giảm HDPE 160 x 75	cái	ISO 4427:2007	160 x 75	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	305.900	305.900	305.900	305.900	305.900	305.900	305.900	305.900	305.900

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)(đồng)								
												Khu vực TP. Tây Ninh	Khu vực TX.Trảng Bàng	Khu vực TX. Hoà Thành	Khu vực H.Tân Biên	Khu vực H.Tân Châu	Khu vực H. Châu Thành	Khu vực H.Dương Minh Châu	Khu vực H. Bến Cầu	Khu vực H. Gò Dầu
3791	Vật tư ngành nước	Nối giảm HDPE 160 x 90	cái	ISO 4427:2007	160 x 90	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	333.500	333.500	333.500	333.500	333.500	333.500	333.500	333.500	333.500
3792	Vật tư ngành nước	Nối giảm HDPE 160 x 110	cái	ISO 4427:2007	160 x 110	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	366.000	366.000	366.000	366.000	366.000	366.000	366.000	366.000	366.000
3793	Vật tư ngành nước	Nối giảm HDPE 160 x 125	cái	ISO 4427:2007	160 x 125	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	394.200	394.200	394.200	394.200	394.200	394.200	394.200	394.200	394.200
3794	Vật tư ngành nước	Nối giảm HDPE 160 x 140	cái	ISO 4427:2007	160 x 140	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	498.200	498.200	498.200	498.200	498.200	498.200	498.200	498.200	498.200
3795	Vật tư ngành nước	Nối giảm HDPE 200 x 63	cái	ISO 4427:2007	200 x 63	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	466.400	466.400	466.400	466.400	466.400	466.400	466.400	466.400	466.400
3796	Vật tư ngành nước	Nối giảm HDPE 200 x 75	cái	ISO 4427:2007	200 x 75	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	503.000	503.000	503.000	503.000	503.000	503.000	503.000	503.000	503.000
3797	Vật tư ngành nước	Nối giảm HDPE 200 x 90	cái	ISO 4427:2007	200 x 90	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	514.700	514.700	514.700	514.700	514.700	514.700	514.700	514.700	514.700
3798	Vật tư ngành nước	Nối giảm HDPE 200 x 110	cái	ISO 4427:2007	200 x 110	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	529.100	529.100	529.100	529.100	529.100	529.100	529.100	529.100	529.100
3799	Vật tư ngành nước	Nối giảm HDPE 200 x 160	cái	ISO 4427:2007	200 x 160	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	635.700	635.700	635.700	635.700	635.700	635.700	635.700	635.700	635.700
3800	Vật tư ngành nước	Nối giảm HDPE 180 x 125	cái	ISO 4427:2007	180 x 125	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	520.000	520.000	520.000	520.000	520.000	520.000	520.000	520.000	520.000
3801	Vật tư ngành nước	Nối giảm HDPE 225 x 125	cái	ISO 4427:2007	225 x 125	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	867.400	867.400	867.400	867.400	867.400	867.400	867.400	867.400	867.400
3802	Vật tư ngành nước	Nối giảm HDPE 225 x 180	cái	ISO 4427:2007	225 x 180	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	935.400	935.400	935.400	935.400	935.400	935.400	935.400	935.400	935.400
3803	Vật tư ngành nước	Nối giảm HDPE 450 x 315	cái	ISO 4427:2007	450 x 315	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	3.398.000	3.398.000	3.398.000	3.398.000	3.398.000	3.398.000	3.398.000	3.398.000	3.398.000
3804	Vật tư ngành nước	Nối giảm HDPE 630 x 315	cái	ISO 4427:2007	630 x 315	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	6.607.800	6.607.800	6.607.800	6.607.800	6.607.800	6.607.800	6.607.800	6.607.800	6.607.800
3805	Vật tư ngành nước	Tứ thông HDPE 125	cái	ISO 4427:2007	125	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	887.300	887.300	887.300	887.300	887.300	887.300	887.300	887.300	887.300
3806	Vật tư ngành nước	Tứ thông HDPE 180	cái	ISO 4427:2007	180	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	1.604.000	1.604.000	1.604.000	1.604.000	1.604.000	1.604.000	1.604.000	1.604.000	1.604.000
3807	Vật tư ngành nước	Nối tron PPR 20	cái	TCVN 10097-3:2013/ ISO 15874-3:2013	20	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	4.700	4.700	4.700	4.700	4.700	4.700	4.700	4.700	4.700
3808	Vật tư ngành nước	Nối tron PPR 25	cái	TCVN 10097-3:2013/ ISO 15874-3:2013	25	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	8.000	8.000	8.000	8.000	8.000	8.000	8.000	8.000	8.000
3809	Vật tư ngành nước	Nối tron PPR 32	cái	TCVN 10097-3:2013/ ISO 15874-3:2013	32	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	12.400	12.400	12.400	12.400	12.400	12.400	12.400	12.400	12.400
3810	Vật tư ngành nước	Nối tron PPR 40	cái	TCVN 10097-3:2013/ ISO 15874-3:2013	40	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	19.800	19.800	19.800	19.800	19.800	19.800	19.800	19.800	19.800
3811	Vật tư ngành nước	Nối tron PPR 50	cái	TCVN 10097-3:2013/ ISO 15874-3:2013	50	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	35.500	35.500	35.500	35.500	35.500	35.500	35.500	35.500	35.500
3812	Vật tư ngành nước	Nối tron PPR 63	cái	TCVN 10097-3:2013/ ISO 15874-3:2013	63	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	71.200	71.200	71.200	71.200	71.200	71.200	71.200	71.200	71.200
3813	Vật tư ngành nước	Nối tron PPR 75	cái	TCVN 10097-3:2013/ ISO 15874-3:2013	75	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	119.100	119.100	119.100	119.100	119.100	119.100	119.100	119.100	119.100
3814	Vật tư ngành nước	Nối tron PPR 90	cái	TCVN 10097-3:2013/ ISO 15874-3:2013	90	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	201.500	201.500	201.500	201.500	201.500	201.500	201.500	201.500	201.500
3815	Vật tư ngành nước	Nối tron PPR 110	cái	TCVN 10097-3:2013/ ISO 15874-3:2013	110	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	326.300	326.300	326.300	326.300	326.300	326.300	326.300	326.300	326.300
3816	Vật tư ngành nước	Nối tron PPR 125	cái	TCVN 10097-3:2013/ ISO 15874-3:2013	125	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	628.600	628.600	628.600	628.600	628.600	628.600	628.600	628.600	628.600
3817	Vật tư ngành nước	Nối tron PPR 140	cái	TCVN 10097-3:2013/ ISO 15874-3:2013	140	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	897.400	897.400	897.400	897.400	897.400	897.400	897.400	897.400	897.400

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)(đồng)								
												Khu vực TP. Tây Ninh	Khu vực TX.Trảng Bàng	Khu vực TX. Hoà Thành	Khu vực H.Tân Biên	Khu vực H.Tân Châu	Khu vực H. Châu Thành	Khu vực H.Dương Minh Châu	Khu vực H. Bến Cầu	Khu vực H. Gò Dầu
3818	Vật tư ngành nước	Nối trơn PPR 160	cái	TCVN 10097-3:2013/ ISO 15874-3:2013	160	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	1.257.100	1.257.100	1.257.100	1.257.100	1.257.100	1.257.100	1.257.100	1.257.100	1.257.100
3819	Vật tư ngành nước	Nối giảm PPR 25 x 20	cái	TCVN 10097-3:2013/ ISO 15874-3:2013	25 x 20	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	7.500	7.500	7.500	7.500	7.500	7.500	7.500	7.500	7.500
3820	Vật tư ngành nước	Nối giảm PPR 32 x 20	cái	TCVN 10097-3:2013/ ISO 15874-3:2013	32 x 20	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	10.600	10.600	10.600	10.600	10.600	10.600	10.600	10.600	10.600
3821	Vật tư ngành nước	Nối giảm PPR 32 x 25	cái	TCVN 10097-3:2013/ ISO 15874-3:2013	32 x 25	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	10.600	10.600	10.600	10.600	10.600	10.600	10.600	10.600	10.600
3822	Vật tư ngành nước	Nối giảm PPR 40 x 20	cái	TCVN 10097-3:2013/ ISO 15874-3:2013	40x 20	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	16.300	16.300	16.300	16.300	16.300	16.300	16.300	16.300	16.300
3823	Vật tư ngành nước	Nối giảm PPR 40 x 25	cái	TCVN 10097-3:2013/ ISO 15874-3:2013	40 x 25	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	16.300	16.300	16.300	16.300	16.300	16.300	16.300	16.300	16.300
3824	Vật tư ngành nước	Nối giảm PPR 40 x 32	cái	TCVN 10097-3:2013/ ISO 15874-3:2013	40 x 32	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	16.300	16.300	16.300	16.300	16.300	16.300	16.300	16.300	16.300
3825	Vật tư ngành nước	Nối giảm PPR 50 x 20	cái	TCVN 10097-3:2013/ ISO 15874-3:2013	50 x 20	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	29.300	29.300	29.300	29.300	29.300	29.300	29.300	29.300	29.300
3826	Vật tư ngành nước	Nối giảm PPR 50 x 25	cái	TCVN 10097-3:2013/ ISO 15874-3:2013	50 x 25	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	29.300	29.300	29.300	29.300	29.300	29.300	29.300	29.300	29.300
3827	Vật tư ngành nước	Nối giảm PPR 50 x 32	cái	TCVN 10097-3:2013/ ISO 15874-3:2013	50 x 32	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	29.300	29.300	29.300	29.300	29.300	29.300	29.300	29.300	29.300
3828	Vật tư ngành nước	Nối giảm PPR 50 x 40	cái	TCVN 10097-3:2013/ ISO 15874-3:2013	50 x 40	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	29.300	29.300	29.300	29.300	29.300	29.300	29.300	29.300	29.300
3829	Vật tư ngành nước	Nối giảm PPR 63 x 20	cái	TCVN 10097-3:2013/ ISO 15874-3:2013	63 x 20	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	56.600	56.600	56.600	56.600	56.600	56.600	56.600	56.600	56.600
3830	Vật tư ngành nước	Nối giảm PPR 63 x 25	cái	TCVN 10097-3:2013/ ISO 15874-3:2013	63 x 25	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	56.600	56.600	56.600	56.600	56.600	56.600	56.600	56.600	56.600
3831	Vật tư ngành nước	Nối giảm PPR 63 x 32	cái	TCVN 10097-3:2013/ ISO 15874-3:2013	63 x 32	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	56.600	56.600	56.600	56.600	56.600	56.600	56.600	56.600	56.600
3832	Vật tư ngành nước	Nối giảm PPR 63 x 40	cái	TCVN 10097-3:2013/ ISO 15874-3:2013	63 x 40	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	56.600	56.600	56.600	56.600	56.600	56.600	56.600	56.600	56.600
3833	Vật tư ngành nước	Nối giảm PPR 63 x 50	cái	TCVN 10097-3:2013/ ISO 15874-3:2013	63 x 50	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	56.600	56.600	56.600	56.600	56.600	56.600	56.600	56.600	56.600
3834	Vật tư ngành nước	Nối giảm PPR 75 x 32	cái	TCVN 10097-3:2013/ ISO 15874-3:2013	75 x 32	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	98.700	98.700	98.700	98.700	98.700	98.700	98.700	98.700	98.700
3835	Vật tư ngành nước	Nối giảm PPR 75 x 40	cái	TCVN 10097-3:2013/ ISO 15874-3:2013	75 x 40	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	116.300	116.300	116.300	116.300	116.300	116.300	116.300	116.300	116.300
3836	Vật tư ngành nước	Nối giảm PPR 75 x 50	cái	TCVN 10097-3:2013/ ISO 15874-3:2013	75 x 50	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	105.300	105.300	105.300	105.300	105.300	105.300	105.300	105.300	105.300
3837	Vật tư ngành nước	Nối giảm PPR 75 x 63	cái	TCVN 10097-3:2013/ ISO 15874-3:2013	75 x 63	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	105.300	105.300	105.300	105.300	105.300	105.300	105.300	105.300	105.300
3838	Vật tư ngành nước	Nối giảm PPR 90 x 40	cái	TCVN 10097-3:2013/ ISO 15874-3:2013	90 x 40	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	142.100	142.100	142.100	142.100	142.100	142.100	142.100	142.100	142.100
3839	Vật tư ngành nước	Nối giảm PPR 90 x 50	cái	TCVN 10097-3:2013/ ISO 15874-3:2013	90 x 50	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	146.000	146.000	146.000	146.000	146.000	146.000	146.000	146.000	146.000
3840	Vật tư ngành nước	Nối giảm PPR 90 x 63	cái	TCVN 10097-3:2013/ ISO 15874-3:2013	90 x 63	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	185.900	185.900	185.900	185.900	185.900	185.900	185.900	185.900	185.900
3841	Vật tư ngành nước	Nối giảm PPR 90 x 75	cái	TCVN 10097-3:2013/ ISO 15874-3:2013	90 x 75	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	185.900	185.900	185.900	185.900	185.900	185.900	185.900	185.900	185.900
3842	Vật tư ngành nước	Nối giảm PPR 110 x 50	cái	TCVN 10097-3:2013/ ISO 15874-3:2013	110 x 50	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	282.100	282.100	282.100	282.100	282.100	282.100	282.100	282.100	282.100
3843	Vật tư ngành nước	Nối giảm PPR 110 x 63	cái	TCVN 10097-3:2013/ ISO 15874-3:2013	110 x 63	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	282.100	282.100	282.100	282.100	282.100	282.100	282.100	282.100	282.100
3844	Vật tư ngành nước	Nối giảm PPR 110 x 75	cái	TCVN 10097-3:2013/ ISO 15874-3:2013	110 x 75	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	282.100	282.100	282.100	282.100	282.100	282.100	282.100	282.100	282.100

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)(đồng)								
												Khu vực TP. Tây Ninh	Khu vực TX.Trảng Bàng	Khu vực TX. Hoà Thành	Khu vực H.Tân Biên	Khu vực H.Tân Châu	Khu vực H. Châu Thành	Khu vực H.Dương Minh Châu	Khu vực H. Bến Cầu	Khu vực H. Gò Dầu
3845	Vật tư ngành nước	Nối giảm PPR 110 x 90	cái	TCVN 10097-3:2013/ ISO 15874-3:2013	110 x 90	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	282.100	282.100	282.100	282.100	282.100	282.100	282.100	282.100	282.100
3846	Vật tư ngành nước	Nối giảm PPR 125 x 110 *	cái	TCVN 10097-3:2013/ ISO 15874-3:2013	125 x 110 *	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	434.400	434.400	434.400	434.400	434.400	434.400	434.400	434.400	434.400
3847	Vật tư ngành nước	Nối giảm PPR 140 x 110 *	cái	TCVN 10097-3:2013/ ISO 15874-3:2013	140 x 110 *	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	642.200	642.200	642.200	642.200	642.200	642.200	642.200	642.200	642.200
3848	Vật tư ngành nước	Nối giảm PPR 140 x 125 *	cái	TCVN 10097-3:2013/ ISO 15874-3:2013	140 x 125 *	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	709.800	709.800	709.800	709.800	709.800	709.800	709.800	709.800	709.800
3849	Vật tư ngành nước	Nối giảm PPR 160 x 110 *	cái	TCVN 10097-3:2013/ ISO 15874-3:2013	160 x 110 *	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	861.900	861.900	861.900	861.900	861.900	861.900	861.900	861.900	861.900
3850	Vật tư ngành nước	Nối giảm PPR 160 x 125 *	cái	TCVN 10097-3:2013/ ISO 15874-3:2013	160 x 125 *	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	912.600	912.600	912.600	912.600	912.600	912.600	912.600	912.600	912.600
3851	Vật tư ngành nước	Nối giảm PPR 160 x 140 *	cái	TCVN 10097-3:2013/ ISO 15874-3:2013	160 x 140 *	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	980.200	980.200	980.200	980.200	980.200	980.200	980.200	980.200	980.200
3852	Vật tư ngành nước	Nối giảm PPR 200 x 160 *	cái	TCVN 10097-3:2013/ ISO 15874-3:2013	200 x 160 *	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	1.845.500	1.845.500	1.845.500	1.845.500	1.845.500	1.845.500	1.845.500	1.845.500	1.845.500
3853	Vật tư ngành nước	Tê PPR 20	cái	TCVN 10097-3:2013/ ISO 15874-3:2013	20	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	10.600	10.600	10.600	10.600	10.600	10.600	10.600	10.600	10.600
3854	Vật tư ngành nước	Tê PPR 25	cái	TCVN 10097-3:2013/ ISO 15874-3:2013	25	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	16.300	16.300	16.300	16.300	16.300	16.300	16.300	16.300	16.300
3855	Vật tư ngành nước	Tê PPR 32	cái	TCVN 10097-3:2013/ ISO 15874-3:2013	32	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	26.800	26.800	26.800	26.800	26.800	26.800	26.800	26.800	26.800
3856	Vật tư ngành nước	Tê PPR 40	cái	TCVN 10097-3:2013/ ISO 15874-3:2013	40	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	41.600	41.600	41.600	41.600	41.600	41.600	41.600	41.600	41.600
3857	Vật tư ngành nước	Tê PPR 50	cái	TCVN 10097-3:2013/ ISO 15874-3:2013	50	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	81.900	81.900	81.900	81.900	81.900	81.900	81.900	81.900	81.900
3858	Vật tư ngành nước	Tê PPR 63	cái	TCVN 10097-3:2013/ ISO 15874-3:2013	63	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	205.400	205.400	205.400	205.400	205.400	205.400	205.400	205.400	205.400
3859	Vật tư ngành nước	Tê PPR 75	cái	TCVN 10097-3:2013/ ISO 15874-3:2013	75	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	308.400	308.400	308.400	308.400	308.400	308.400	308.400	308.400	308.400
3860	Vật tư ngành nước	Tê PPR 90	cái	TCVN 10097-3:2013/ ISO 15874-3:2013	90	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	478.700	478.700	478.700	478.700	478.700	478.700	478.700	478.700	478.700
3861	Vật tư ngành nước	Tê PPR 110	cái	TCVN 10097-3:2013/ ISO 15874-3:2013	110	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	741.000	741.000	741.000	741.000	741.000	741.000	741.000	741.000	741.000
3862	Vật tư ngành nước	Tê PPR 125 *	cái	TCVN 10097-3:2013/ ISO 15874-3:2013	125 *	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	1.397.700	1.397.700	1.397.700	1.397.700	1.397.700	1.397.700	1.397.700	1.397.700	1.397.700
3863	Vật tư ngành nước	Tê PPR 140 *	cái	TCVN 10097-3:2013/ ISO 15874-3:2013	140 *	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	1.639.300	1.639.300	1.639.300	1.639.300	1.639.300	1.639.300	1.639.300	1.639.300	1.639.300
3864	Vật tư ngành nước	Tê PPR 160 *	cái	TCVN 10097-3:2013/ ISO 15874-3:2013	160 *	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	2.602.600	2.602.600	2.602.600	2.602.600	2.602.600	2.602.600	2.602.600	2.602.600	2.602.600
3865	Vật tư ngành nước	Tê PPR 200 *	cái	TCVN 10097-3:2013/ ISO 15874-3:2013	200 *	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	4.968.600	4.968.600	4.968.600	4.968.600	4.968.600	4.968.600	4.968.600	4.968.600	4.968.600
3866	Vật tư ngành nước	Mặt bích PPR 50	cái	TCVN 10097-3:2013/ ISO 15874-3:2013	50	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	46.500	46.500	46.500	46.500	46.500	46.500	46.500	46.500	46.500
3867	Vật tư ngành nước	Mặt bích PPR 63	cái	TCVN 10097-3:2013/ ISO 15874-3:2013	63	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	58.900	58.900	58.900	58.900	58.900	58.900	58.900	58.900	58.900
3868	Vật tư ngành nước	Mặt bích PPR 75	cái	TCVN 10097-3:2013/ ISO 15874-3:2013	75	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	97.200	97.200	97.200	97.200	97.200	97.200	97.200	97.200	97.200
3869	Vật tư ngành nước	Mặt bích PPR 90	cái	TCVN 10097-3:2013/ ISO 15874-3:2013	90	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	151.900	151.900	151.900	151.900	151.900	151.900	151.900	151.900	151.900
3870	Vật tư ngành nước	Mặt bích PPR 110	cái	TCVN 10097-3:2013/ ISO 15874-3:2013	110	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	225.100	225.100	225.100	225.100	225.100	225.100	225.100	225.100	225.100
3871	Vật tư ngành nước	Mặt bích PPR 125 *	cái	TCVN 10097-3:2013/ ISO 15874-3:2013	125 *	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	473.200	473.200	473.200	473.200	473.200	473.200	473.200	473.200	473.200

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)(đồng)								
												Khu vực TP. Tây Ninh	Khu vực TX.Trảng Bàng	Khu vực TX. Hoà Thành	Khu vực H.Tân Biên	Khu vực H.Tân Châu	Khu vực H. Châu Thành	Khu vực H.Dương Minh Châu	Khu vực H. Bến Cầu	Khu vực H. Gò Dầu
3872	Vật tư ngành nước	Mặt bích PPR 140 *	cái	TCVN 10097-3:2013/ ISO 15874-3:2013	140 *	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	659.100	659.100	659.100	659.100	659.100	659.100	659.100	659.100	659.100
3873	Vật tư ngành nước	Mặt bích PPR 160 *	cái	TCVN 10097-3:2013/ ISO 15874-3:2013	160 *	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	980.200	980.200	980.200	980.200	980.200	980.200	980.200	980.200	980.200
3874	Vật tư ngành nước	Mặt bích PPR 200 *	cái	TCVN 10097-3:2013/ ISO 15874-3:2013	200 *	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	2.129.400	2.129.400	2.129.400	2.129.400	2.129.400	2.129.400	2.129.400	2.129.400	2.129.400
3875	Vật tư ngành nước	Rắc co nhựa PPR 20	cái	TCVN 10097-3:2013/ ISO 15874-3:2013	20	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	58.700	58.700	58.700	58.700	58.700	58.700	58.700	58.700	58.700
3876	Vật tư ngành nước	Rắc co nhựa PPR 25	cái	TCVN 10097-3:2013/ ISO 15874-3:2013	25	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	86.500	86.500	86.500	86.500	86.500	86.500	86.500	86.500	86.500
3877	Vật tư ngành nước	Rắc co nhựa PPR 32	cái	TCVN 10097-3:2013/ ISO 15874-3:2013	32	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	124.500	124.500	124.500	124.500	124.500	124.500	124.500	124.500	124.500
3878	Vật tư ngành nước	Rắc co nhựa PPR 40	cái	TCVN 10097-3:2013/ ISO 15874-3:2013	40	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	142.900	142.900	142.900	142.900	142.900	142.900	142.900	142.900	142.900
3879	Vật tư ngành nước	Rắc co nhựa PPR 50	cái	TCVN 10097-3:2013/ ISO 15874-3:2013	50	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	214.700	214.700	214.700	214.700	214.700	214.700	214.700	214.700	214.700
3880	Vật tư ngành nước	Rắc co nhựa PPR 63	cái	TCVN 10097-3:2013/ ISO 15874-3:2013	63	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	497.200	497.200	497.200	497.200	497.200	497.200	497.200	497.200	497.200
3881	Vật tư ngành nước	Ống tránh PPR 20	cái	TCVN 10097-3:2013/ ISO 15874-3:2013	20	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	23.200	23.200	23.200	23.200	23.200	23.200	23.200	23.200	23.200
3882	Vật tư ngành nước	Ống tránh PPR 25	cái	TCVN 10097-3:2013/ ISO 15874-3:2013	25	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	43.300	43.300	43.300	43.300	43.300	43.300	43.300	43.300	43.300
3883	Vật tư ngành nước	Ống tránh PPR 32	cái	TCVN 10097-3:2013/ ISO 15874-3:2013	32	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	81.200	81.200	81.200	81.200	81.200	81.200	81.200	81.200	81.200
3884	Vật tư ngành nước	Nối ren ngoài PPR 20 x 1/2"	cái	TCVN 10097-3:2013/ ISO 15874-3:2013	20 x 1/2"	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	84.800	84.800	84.800	84.800	84.800	84.800	84.800	84.800	84.800
3885	Vật tư ngành nước	Nối ren ngoài PPR 25 x 1/2"	cái	TCVN 10097-3:2013/ ISO 15874-3:2013	25 x 1/2"	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	97.900	97.900	97.900	97.900	97.900	97.900	97.900	97.900	97.900
3886	Vật tư ngành nước	Nối ren ngoài PPR 25 x 3/4"	cái	TCVN 10097-3:2013/ ISO 15874-3:2013	25 x 3/4"	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	118.200	118.200	118.200	118.200	118.200	118.200	118.200	118.200	118.200
3887	Vật tư ngành nước	Nối ren ngoài PPR 32 x 1"	cái	TCVN 10097-3:2013/ ISO 15874-3:2013	32 x 1"	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	174.800	174.800	174.800	174.800	174.800	174.800	174.800	174.800	174.800
3888	Vật tư ngành nước	Nối ren ngoài PPR 40 x 1 1/4"	cái	TCVN 10097-3:2013/ ISO 15874-3:2013	40 x 1 1/4"	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	508.200	508.200	508.200	508.200	508.200	508.200	508.200	508.200	508.200
3889	Vật tư ngành nước	Nối ren ngoài PPR 50 x 1 1/2"	cái	TCVN 10097-3:2013/ ISO 15874-3:2013	50 x 1 1/2"	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	635.200	635.200	635.200	635.200	635.200	635.200	635.200	635.200	635.200
3890	Vật tư ngành nước	Nối ren ngoài PPR 63 x 2"	cái	TCVN 10097-3:2013/ ISO 15874-3:2013	63 x 2"	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	1.076.300	1.076.300	1.076.300	1.076.300	1.076.300	1.076.300	1.076.300	1.076.300	1.076.300
3891	Vật tư ngành nước	Nối ren trong PPR 20 x 1/2"	cái	TCVN 10097-3:2013/ ISO 15874-3:2013	20 x 1/2"	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	67.100	67.100	67.100	67.100	67.100	67.100	67.100	67.100	67.100
3892	Vật tư ngành nước	Nối ren trong PPR 25 x 1/2"	cái	TCVN 10097-3:2013/ ISO 15874-3:2013	25 x 1/2"	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	82.100	82.100	82.100	82.100	82.100	82.100	82.100	82.100	82.100
3893	Vật tư ngành nước	Nối ren trong PPR 25 x 3/4"	cái	TCVN 10097-3:2013/ ISO 15874-3:2013	25 x 3/4"	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	91.600	91.600	91.600	91.600	91.600	91.600	91.600	91.600	91.600
3894	Vật tư ngành nước	Nối ren trong PPR 32 x 1"	cái	TCVN 10097-3:2013/ ISO 15874-3:2013	32 x 1"	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	149.300	149.300	149.300	149.300	149.300	149.300	149.300	149.300	149.300
3895	Vật tư ngành nước	Nối ren trong PPR 40 x 1 1/4"	cái	TCVN 10097-3:2013/ ISO 15874-3:2013	40 x 1 1/4"	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	369.800	369.800	369.800	369.800	369.800	369.800	369.800	369.800	369.800
3896	Vật tư ngành nước	Nối ren trong PPR 50 x 1 1/2"	cái	TCVN 10097-3:2013/ ISO 15874-3:2013	50 x 1 1/2"	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	490.500	490.500	490.500	490.500	490.500	490.500	490.500	490.500	490.500
3897	Vật tư ngành nước	Nối ren trong PPR 63 x 2"	cái	TCVN 10097-3:2013/ ISO 15874-3:2013	63 x 2"	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	992.600	992.600	992.600	992.600	992.600	992.600	992.600	992.600	992.600
3898	Vật tư ngành nước	Co 90^{0} ren ngoài PPR 20 x 1/2"	cái	TCVN 10097-3:2013/ ISO 15874-3:2013	20 x 1/2"	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	105.100	105.100	105.100	105.100	105.100	105.100	105.100	105.100	105.100

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)(đồng)								
												Khu vực TP. Tây Ninh	Khu vực TX.Trảng Bàng	Khu vực TX. Hoà Thành	Khu vực H.Tân Biên	Khu vực H.Tân Châu	Khu vực H. Châu Thành	Khu vực H.Dương Minh Châu	Khu vực H. Bến Cầu	Khu vực H. Gò Dầu
3899	Vật tư ngành nước	Co 90⁰ ren ngoài PPR 25 x 1/2"	cái	TCVN 10097-3:2013/ ISO 15874-3:2013	25 x 1/2"	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	118.700	118.700	118.700	118.700	118.700	118.700	118.700	118.700	118.700
3900	Vật tư ngành nước	Co 90⁰ ren ngoài PPR 25 x 3/4"	cái	TCVN 10097-3:2013/ ISO 15874-3:2013	25 x 3/4"	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	140.300	140.300	140.300	140.300	140.300	140.300	140.300	140.300	140.300
3901	Vật tư ngành nước	Co 90⁰ ren ngoài PPR 32 x 1"	cái	TCVN 10097-3:2013/ ISO 15874-3:2013	32 x 1"	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	223.400	223.400	223.400	223.400	223.400	223.400	223.400	223.400	223.400
3902	Vật tư ngành nước	Co 90⁰ ren trong PPR 20 x 1/2"	cái	TCVN 10097-3:2013/ ISO 15874-3:2013	20 x 1/2"	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	74.700	74.700	74.700	74.700	74.700	74.700	74.700	74.700	74.700
3903	Vật tư ngành nước	Co 90⁰ ren trong PPR 25 x 1/2"	cái	TCVN 10097-3:2013/ ISO 15874-3:2013	25 x 1/2"	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	84.800	84.800	84.800	84.800	84.800	84.800	84.800	84.800	84.800
3904	Vật tư ngành nước	Co 90⁰ ren trong PPR 25 x 3/4"	cái	TCVN 10097-3:2013/ ISO 15874-3:2013	25 x 3/4"	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	114.200	114.200	114.200	114.200	114.200	114.200	114.200	114.200	114.200
3905	Vật tư ngành nước	Co 90⁰ ren trong PPR 32 x 1"	cái	TCVN 10097-3:2013/ ISO 15874-3:2013	32 x 1"	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	210.900	210.900	210.900	210.900	210.900	210.900	210.900	210.900	210.900
3906	Vật tư ngành nước	Co 45⁰ PPR 20	cái	TCVN 10097-3:2013/ ISO 15874-3:2013	20	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	7.500	7.500	7.500	7.500	7.500	7.500	7.500	7.500	7.500
3907	Vật tư ngành nước	Co 45⁰ PPR 25	cái	TCVN 10097-3:2013/ ISO 15874-3:2013	25	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	12.000	12.000	12.000	12.000	12.000	12.000	12.000	12.000	12.000
3908	Vật tư ngành nước	Co 45⁰ PPR 32	cái	TCVN 10097-3:2013/ ISO 15874-3:2013	32	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	18.100	18.100	18.100	18.100	18.100	18.100	18.100	18.100	18.100
3909	Vật tư ngành nước	Co 45⁰ PPR 40	cái	TCVN 10097-3:2013/ ISO 15874-3:2013	40	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	35.700	35.700	35.700	35.700	35.700	35.700	35.700	35.700	35.700
3910	Vật tư ngành nước	Co 45⁰ PPR 50	cái	TCVN 10097-3:2013/ ISO 15874-3:2013	50	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	68.200	68.200	68.200	68.200	68.200	68.200	68.200	68.200	68.200
3911	Vật tư ngành nước	Co 45⁰ PPR 63	cái	TCVN 10097-3:2013/ ISO 15874-3:2013	63	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	155.900	155.900	155.900	155.900	155.900	155.900	155.900	155.900	155.900
3912	Vật tư ngành nước	Co 45⁰ PPR 75	cái	TCVN 10097-3:2013/ ISO 15874-3:2013	75	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	239.800	239.800	239.800	239.800	239.800	239.800	239.800	239.800	239.800
3913	Vật tư ngành nước	Co 45⁰ PPR 90	cái	TCVN 10097-3:2013/ ISO 15874-3:2013	90	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	285.700	285.700	285.700	285.700	285.700	285.700	285.700	285.700	285.700
3914	Vật tư ngành nước	Co 45⁰ PPR 110	cái	TCVN 10097-3:2013/ ISO 15874-3:2013	110	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	497.300	497.300	497.300	497.300	497.300	497.300	497.300	497.300	497.300
3915	Vật tư ngành nước	Co 45⁰ PPR 125 *	cái	TCVN 10097-3:2013/ ISO 15874-3:2013	125 *	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	889.000	889.000	889.000	889.000	889.000	889.000	889.000	889.000	889.000
3916	Vật tư ngành nước	Co 45⁰ PPR 140 *	cái	TCVN 10097-3:2013/ ISO 15874-3:2013	140 *	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	1.193.200	1.193.200	1.193.200	1.193.200	1.193.200	1.193.200	1.193.200	1.193.200	1.193.200
3917	Vật tư ngành nước	Co 45⁰ PPR 160 *	cái	TCVN 10097-3:2013/ ISO 15874-3:2013	160 *	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	1.385.800	1.385.800	1.385.800	1.385.800	1.385.800	1.385.800	1.385.800	1.385.800	1.385.800
3918	Vật tư ngành nước	Co 45⁰ PPR 200 *	cái	TCVN 10097-3:2013/ ISO 15874-3:2013	200 *	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	3.143.400	3.143.400	3.143.400	3.143.400	3.143.400	3.143.400	3.143.400	3.143.400	3.143.400
3919	Vật tư ngành nước	Tê giảm PPR 25 x 20	cái	TCVN 10097-3:2013/ ISO 15874-3:2013	25 x 20	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	16.300	16.300	16.300	16.300	16.300	16.300	16.300	16.300	16.300
3920	Vật tư ngành nước	Tê giảm PPR 32 x 20	cái	TCVN 10097-3:2013/ ISO 15874-3:2013	32 x 20	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	28.600	28.600	28.600	28.600	28.600	28.600	28.600	28.600	28.600
3921	Vật tư ngành nước	Tê giảm PPR 32 x 25	cái	TCVN 10097-3:2013/ ISO 15874-3:2013	32 x 25	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	28.600	28.600	28.600	28.600	28.600	28.600	28.600	28.600	28.600
3922	Vật tư ngành nước	Tê giảm PPR 40x 20	cái	TCVN 10097-3:2013/ ISO 15874-3:2013	40x 20	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	63.000	63.000	63.000	63.000	63.000	63.000	63.000	63.000	63.000
3923	Vật tư ngành nước	Tê giảm PPR 40 x 25	cái	TCVN 10097-3:2013/ ISO 15874-3:2013	40 x 25	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	63.000	63.000	63.000	63.000	63.000	63.000	63.000	63.000	63.000
3924	Vật tư ngành nước	Tê giảm PPR 40 x 32	cái	TCVN 10097-3:2013/ ISO 15874-3:2013	40 x 32	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	63.000	63.000	63.000	63.000	63.000	63.000	63.000	63.000	63.000
3925	Vật tư ngành nước	Tê giảm PPR 50 x 20	cái	TCVN 10097-3:2013/ ISO 15874-3:2013	50 x 20	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	110.500	110.500	110.500	110.500	110.500	110.500	110.500	110.500	110.500

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)(đồng)								
												Khu vực TP. Tây Ninh	Khu vực TX.Trảng Bàng	Khu vực TX. Hoà Thành	Khu vực H.Tân Biên	Khu vực H.Tân Châu	Khu vực H. Châu Thành	Khu vực H.Dương Minh Châu	Khu vực H. Bến Cầu	Khu vực H. Gò Dầu
3926	Vật tư ngành nước	Tê giảm PPR 50 x 25	cái	TCVN 10097-3:2013/ ISO 15874-3:2013	50 x 25	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	110.500	110.500	110.500	110.500	110.500	110.500	110.500	110.500	110.500
3927	Vật tư ngành nước	Tê giảm PPR 50 x 32	cái	TCVN 10097-3:2013/ ISO 15874-3:2013	50 x 32	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	110.500	110.500	110.500	110.500	110.500	110.500	110.500	110.500	110.500
3928	Vật tư ngành nước	Tê giảm PPR 50 x 40	cái	TCVN 10097-3:2013/ ISO 15874-3:2013	50 x 40	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	110.500	110.500	110.500	110.500	110.500	110.500	110.500	110.500	110.500
3929	Vật tư ngành nước	Tê giảm PPR 63 x 20	cái	TCVN 10097-3:2013/ ISO 15874-3:2013	63 x 20	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	194.100	194.100	194.100	194.100	194.100	194.100	194.100	194.100	194.100
3930	Vật tư ngành nước	Tê giảm PPR 63 x 25	cái	TCVN 10097-3:2013/ ISO 15874-3:2013	63 x 25	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	194.100	194.100	194.100	194.100	194.100	194.100	194.100	194.100	194.100
3931	Vật tư ngành nước	Tê giảm PPR 63 x 32	cái	TCVN 10097-3:2013/ ISO 15874-3:2013	63 x 32	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	194.100	194.100	194.100	194.100	194.100	194.100	194.100	194.100	194.100
3932	Vật tư ngành nước	Tê giảm PPR 63 x 40	cái	TCVN 10097-3:2013/ ISO 15874-3:2013	63 x 40	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	194.100	194.100	194.100	194.100	194.100	194.100	194.100	194.100	194.100
3933	Vật tư ngành nước	Tê giảm PPR 63 x 50	cái	TCVN 10097-3:2013/ ISO 15874-3:2013	63 x 50	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	194.100	194.100	194.100	194.100	194.100	194.100	194.100	194.100	194.100
3934	Vật tư ngành nước	Tê giảm PPR 75 x 32	cái	TCVN 10097-3:2013/ ISO 15874-3:2013	75 x 32	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	265.600	265.600	265.600	265.600	265.600	265.600	265.600	265.600	265.600
3935	Vật tư ngành nước	Tê giảm PPR 75 x 40	cái	TCVN 10097-3:2013/ ISO 15874-3:2013	75 x 40	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	265.600	265.600	265.600	265.600	265.600	265.600	265.600	265.600	265.600
3936	Vật tư ngành nước	Tê giảm PPR 75 x 50	cái	TCVN 10097-3:2013/ ISO 15874-3:2013	75 x 50	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	285.700	285.700	285.700	285.700	285.700	285.700	285.700	285.700	285.700
3937	Vật tư ngành nước	Tê giảm PPR 75 x 63	cái	TCVN 10097-3:2013/ ISO 15874-3:2013	75 x 63	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	265.600	265.600	265.600	265.600	265.600	265.600	265.600	265.600	265.600
3938	Vật tư ngành nước	Tê giảm PPR 90 x 40	cái	TCVN 10097-3:2013/ ISO 15874-3:2013	90 x 40	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	412.100	412.100	412.100	412.100	412.100	412.100	412.100	412.100	412.100
3939	Vật tư ngành nước	Tê giảm PPR 90 x 50	cái	TCVN 10097-3:2013/ ISO 15874-3:2013	90 x 50	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	417.000	417.000	417.000	417.000	417.000	417.000	417.000	417.000	417.000
3940	Vật tư ngành nước	Tê giảm PPR 90 x 63	cái	TCVN 10097-3:2013/ ISO 15874-3:2013	90 x 63	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	447.800	447.800	447.800	447.800	447.800	447.800	447.800	447.800	447.800
3941	Vật tư ngành nước	Tê giảm PPR 90 x 75	cái	TCVN 10097-3:2013/ ISO 15874-3:2013	90 x 75	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	492.600	492.600	492.600	492.600	492.600	492.600	492.600	492.600	492.600
3942	Vật tư ngành nước	Tê giảm PPR 110 x 50	cái	TCVN 10097-3:2013/ ISO 15874-3:2013	110 x 50	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	283.500	283.500	283.500	283.500	283.500	283.500	283.500	283.500	283.500
3943	Vật tư ngành nước	Tê giảm PPR 110 x 63	cái	TCVN 10097-3:2013/ ISO 15874-3:2013	110 x 63	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	710.200	710.200	710.200	710.200	710.200	710.200	710.200	710.200	710.200
3944	Vật tư ngành nước	Tê giảm PPR 110 x 75	cái	TCVN 10097-3:2013/ ISO 15874-3:2013	110 x 75	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	710.200	710.200	710.200	710.200	710.200	710.200	710.200	710.200	710.200
3945	Vật tư ngành nước	Tê giảm PPR 110 x 90	cái	TCVN 10097-3:2013/ ISO 15874-3:2013	110 x 90	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	710.200	710.200	710.200	710.200	710.200	710.200	710.200	710.200	710.200
3946	Vật tư ngành nước	Tê giảm PPR 140 x 110 *	cái	TCVN 10097-3:2013/ ISO 15874-3:2013	140 x 110 *	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	1.331.000	1.331.000	1.331.000	1.331.000	1.331.000	1.331.000	1.331.000	1.331.000	1.331.000
3947	Vật tư ngành nước	Tê giảm PPR 160 x 110 *	cái	TCVN 10097-3:2013/ ISO 15874-3:2013	160 x 110 *	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	1.777.900	1.777.900	1.777.900	1.777.900	1.777.900	1.777.900	1.777.900	1.777.900	1.777.900
3948	Vật tư ngành nước	Co 90⁰ PPR 20	cái	TCVN 10097-3:2013/ ISO 15874-3:2013	20	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	9.000	9.000	9.000	9.000	9.000	9.000	9.000	9.000	9.000
3949	Vật tư ngành nước	Co 90⁰ PPR 25	cái	TCVN 10097-3:2013/ ISO 15874-3:2013	25	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	12.000	12.000	12.000	12.000	12.000	12.000	12.000	12.000	12.000
3950	Vật tư ngành nước	Co 90⁰ PPR 32	cái	TCVN 10097-3:2013/ ISO 15874-3:2013	32	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	21.000	21.000	21.000	21.000	21.000	21.000	21.000	21.000	21.000
3951	Vật tư ngành nước	Co 90⁰ PPR 40	cái	TCVN 10097-3:2013/ ISO 15874-3:2013	40	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	34.000	34.000	34.000	34.000	34.000	34.000	34.000	34.000	34.000
3952	Vật tư ngành nước	Co 90⁰ PPR 50	cái	TCVN 10097-3:2013/ ISO 15874-3:2013	50	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	59.700	59.700	59.700	59.700	59.700	59.700	59.700	59.700	59.700

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)(đồng)								
												Khu vực TP. Tây Ninh	Khu vực TX.Trảng Bàng	Khu vực TX. Hoà Thành	Khu vực H.Tân Biên	Khu vực H.Tân Châu	Khu vực H. Châu Thành	Khu vực H.Dương Minh Châu	Khu vực H. Bến Cầu	Khu vực H. Gò Dầu
3953	Vật tư ngành nước	Co 90° PPR 63	cái	TCVN 10097-3:2013/ ISO 15874-3:2013	63	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	182.400	182.400	182.400	182.400	182.400	182.400	182.400	182.400	182.400
3954	Vật tư ngành nước	Co 90° PPR 75	cái	TCVN 10097-3:2013/ ISO 15874-3:2013	75	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	238.200	238.200	238.200	238.200	238.200	238.200	238.200	238.200	238.200
3955	Vật tư ngành nước	Co 90° PPR 90	cái	TCVN 10097-3:2013/ ISO 15874-3:2013	90	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	367.400	367.400	367.400	367.400	367.400	367.400	367.400	367.400	367.400
3956	Vật tư ngành nước	Co 90° PPR 110	cái	TCVN 10097-3:2013/ ISO 15874-3:2013	110	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	748.700	748.700	748.700	748.700	748.700	748.700	748.700	748.700	748.700
3957	Vật tư ngành nước	Co 90° PPR 125 *	cái	TCVN 10097-3:2013/ ISO 15874-3:2013	125 *	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	1.037.700	1.037.700	1.037.700	1.037.700	1.037.700	1.037.700	1.037.700	1.037.700	1.037.700
3958	Vật tư ngành nước	Co 90° PPR 140 *	cái	TCVN 10097-3:2013/ ISO 15874-3:2013	140 *	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	1.355.400	1.355.400	1.355.400	1.355.400	1.355.400	1.355.400	1.355.400	1.355.400	1.355.400
3959	Vật tư ngành nước	Co 90° PPR 160 *	cái	TCVN 10097-3:2013/ ISO 15874-3:2013	160 *	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	1.926.600	1.926.600	1.926.600	1.926.600	1.926.600	1.926.600	1.926.600	1.926.600	1.926.600
3960	Vật tư ngành nước	Co 90° PPR 200 *	cái	TCVN 10097-3:2013/ ISO 15874-3:2013	200 *	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	4.086.500	4.086.500	4.086.500	4.086.500	4.086.500	4.086.500	4.086.500	4.086.500	4.086.500
3961	Vật tư ngành nước	Nút bít PPR 20	cái	TCVN 10097-3:2013/ ISO 15874-3:2013	20	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	4.500	4.500	4.500	4.500	4.500	4.500	4.500	4.500	4.500
3962	Vật tư ngành nước	Nút bít PPR 25	cái	TCVN 10097-3:2013/ ISO 15874-3:2013	25	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	7.700	7.700	7.700	7.700	7.700	7.700	7.700	7.700	7.700
3963	Vật tư ngành nước	Nút bít PPR 32	cái	TCVN 10097-3:2013/ ISO 15874-3:2013	32	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	10.100	10.100	10.100	10.100	10.100	10.100	10.100	10.100	10.100
3964	Vật tư ngành nước	Nút bít PPR 40	cái	TCVN 10097-3:2013/ ISO 15874-3:2013	40	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	15.300	15.300	15.300	15.300	15.300	15.300	15.300	15.300	15.300
3965	Vật tư ngành nước	Nút bít PPR 50	cái	TCVN 10097-3:2013/ ISO 15874-3:2013	50	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	28.600	28.600	28.600	28.600	28.600	28.600	28.600	28.600	28.600
3966	Vật tư ngành nước	Nút bít PPR 63	cái	TCVN 10097-3:2013/ ISO 15874-3:2013	63	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	139.000	139.000	139.000	139.000	139.000	139.000	139.000	139.000	139.000
3967	Vật tư ngành nước	Nút bít PPR 75	cái	TCVN 10097-3:2013/ ISO 15874-3:2013	75	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	247.000	247.000	247.000	247.000	247.000	247.000	247.000	247.000	247.000
3968	Vật tư ngành nước	Nút bít PPR 90	cái	TCVN 10097-3:2013/ ISO 15874-3:2013	90	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	278.000	278.000	278.000	278.000	278.000	278.000	278.000	278.000	278.000
3969	Vật tư ngành nước	Nút bít PPR 110	cái	TCVN 10097-3:2013/ ISO 15874-3:2013	110	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	305.700	305.700	305.700	305.700	305.700	305.700	305.700	305.700	305.700
3970	Vật tư ngành nước	Van xoay chặn PPR 20	cái	TCVN 10097-3:2013/ ISO 15874-3:2013	20	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	262.900	262.900	262.900	262.900	262.900	262.900	262.900	262.900	262.900
3971	Vật tư ngành nước	Van xoay chặn PPR 25	cái	TCVN 10097-3:2013/ ISO 15874-3:2013	25	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	356.500	356.500	356.500	356.500	356.500	356.500	356.500	356.500	356.500
3972	Vật tư ngành nước	Van xoay chặn PPR 32	cái	TCVN 10097-3:2013/ ISO 15874-3:2013	32	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	411.100	411.100	411.100	411.100	411.100	411.100	411.100	411.100	411.100
3973	Vật tư ngành nước	Van xoay chặn PPR 40	cái	TCVN 10097-3:2013/ ISO 15874-3:2013	40	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	636.900	636.900	636.900	636.900	636.900	636.900	636.900	636.900	636.900
3974	Vật tư ngành nước	Van xoay chặn PPR 50	cái	TCVN 10097-3:2013/ ISO 15874-3:2013	50	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	1.085.200	1.085.200	1.085.200	1.085.200	1.085.200	1.085.200	1.085.200	1.085.200	1.085.200
3975	Vật tư ngành nước	Van xoay chặn PPR 63	cái	TCVN 10097-3:2013/ ISO 15874-3:2013	63	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	1.336.100	1.336.100	1.336.100	1.336.100	1.336.100	1.336.100	1.336.100	1.336.100	1.336.100
3976	Vật tư ngành nước	Van xoay cửa PPR 20	cái	TCVN 10097-3:2013/ ISO 15874-3:2013	20	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	352.900	352.900	352.900	352.900	352.900	352.900	352.900	352.900	352.900
3977	Vật tư ngành nước	Van xoay cửa PPR 25	cái	TCVN 10097-3:2013/ ISO 15874-3:2013	25	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	405.900	405.900	405.900	405.900	405.900	405.900	405.900	405.900	405.900
3978	Vật tư ngành nước	Van xoay cửa PPR 32	cái	TCVN 10097-3:2013/ ISO 15874-3:2013	32	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	582.300	582.300	582.300	582.300	582.300	582.300	582.300	582.300	582.300
3979	Vật tư ngành nước	Van xoay cửa PPR 40	cái	TCVN 10097-3:2013/ ISO 15874-3:2013	40	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	980.000	980.000	980.000	980.000	980.000	980.000	980.000	980.000	980.000

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)(đồng)								
												Khu vực TP. Tây Ninh	Khu vực TX.Trảng Bàng	Khu vực TX. Hoà Thành	Khu vực H.Tân Biên	Khu vực H.Tân Châu	Khu vực H. Châu Thành	Khu vực H.Dương Minh Châu	Khu vực H. Bến Cầu	Khu vực H. Gò Dầu
3980	Vật tư ngành nước	Van xoay cửa PPR 50	cái	TCVN 10097-3:2013/ ISO 15874-3:2013	50	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	1.528.400	1.528.400	1.528.400	1.528.400	1.528.400	1.528.400	1.528.400	1.528.400	1.528.400
3981	Vật tư ngành nước	Rắc co ren ngoài PPR 20 x 1/2"	cái	TCVN 10097-3:2013/ ISO 15874-3:2013	20 x 1/2"	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	238.600	238.600	238.600	238.600	238.600	238.600	238.600	238.600	238.600
3982	Vật tư ngành nước	Rắc co ren ngoài PPR 25 x 3/4"	cái	TCVN 10097-3:2013/ ISO 15874-3:2013	25 x 3/4"	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	371.800	371.800	371.800	371.800	371.800	371.800	371.800	371.800	371.800
3983	Vật tư ngành nước	Rắc co ren ngoài PPR 32 x 1"	cái	TCVN 10097-3:2013/ ISO 15874-3:2013	32 x 1"	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	584.400	584.400	584.400	584.400	584.400	584.400	584.400	584.400	584.400
3984	Vật tư ngành nước	Rắc co ren ngoài PPR 40 x 1 1/4"	cái	TCVN 10097-3:2013/ ISO 15874-3:2013	40 x 1 1/4"	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	867.000	867.000	867.000	867.000	867.000	867.000	867.000	867.000	867.000
3985	Vật tư ngành nước	Rắc co ren ngoài PPR 50 x 1 1/2"	cái	TCVN 10097-3:2013/ ISO 15874-3:2013	50 x 1 1/2"	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	1.530.300	1.530.300	1.530.300	1.530.300	1.530.300	1.530.300	1.530.300	1.530.300	1.530.300
3986	Vật tư ngành nước	Rắc co ren ngoài PPR 63 x 2"	cái	TCVN 10097-3:2013/ ISO 15874-3:2013	63 x 2"	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	2.069.900	2.069.900	2.069.900	2.069.900	2.069.900	2.069.900	2.069.900	2.069.900	2.069.900
3987	Vật tư ngành nước	Rắc co ren trong PPR 20 x 1/2"	cái	TCVN 10097-3:2013/ ISO 15874-3:2013	20 x 1/2"	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	223.600	223.600	223.600	223.600	223.600	223.600	223.600	223.600	223.600
3988	Vật tư ngành nước	Rắc co ren trong PPR 25 x 3/4"	cái	TCVN 10097-3:2013/ ISO 15874-3:2013	25 x 3/4"	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	358.200	358.200	358.200	358.200	358.200	358.200	358.200	358.200	358.200
3989	Vật tư ngành nước	Rắc co ren trong PPR 32 x 1"	cái	TCVN 10097-3:2013/ ISO 15874-3:2013	32 x 1"	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	525.000	525.000	525.000	525.000	525.000	525.000	525.000	525.000	525.000
3990	Vật tư ngành nước	Rắc co ren trong PPR 40 x 1 1/4"	cái	TCVN 10097-3:2013/ ISO 15874-3:2013	40 x 1 1/4"	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	822.600	822.600	822.600	822.600	822.600	822.600	822.600	822.600	822.600
3991	Vật tư ngành nước	Rắc co ren trong PPR 50 x 1 1/2"	cái	TCVN 10097-3:2013/ ISO 15874-3:2013	50 x 1 1/2"	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	1.432.600	1.432.600	1.432.600	1.432.600	1.432.600	1.432.600	1.432.600	1.432.600	1.432.600
3992	Vật tư ngành nước	Rắc co ren trong PPR 63 x 2"	cái	TCVN 10097-3:2013/ ISO 15874-3:2013	63 x 2"	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	1.909.400	1.909.400	1.909.400	1.909.400	1.909.400	1.909.400	1.909.400	1.909.400	1.909.400
3993	Vật tư ngành nước	Tê ren ngoài PPR 20 x 1/2"	cái	TCVN 10097-3:2013/ ISO 15874-3:2013	20 x 1/2"	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	92.700	92.700	92.700	92.700	92.700	92.700	92.700	92.700	92.700
3994	Vật tư ngành nước	Tê ren ngoài PPR 25 x 1/2"	cái	TCVN 10097-3:2013/ ISO 15874-3:2013	25 x 1/2"	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	100.700	100.700	100.700	100.700	100.700	100.700	100.700	100.700	100.700
3995	Vật tư ngành nước	Tê ren ngoài PPR 25 x 3/4"	cái	TCVN 10097-3:2013/ ISO 15874-3:2013	25 x 3/4"	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	121.700	121.700	121.700	121.700	121.700	121.700	121.700	121.700	121.700
3996	Vật tư ngành nước	Tê ren ngoài PPR 32 x 1"	cái	TCVN 10097-3:2013/ ISO 15874-3:2013	32 x 1"	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	255.900	255.900	255.900	255.900	255.900	255.900	255.900	255.900	255.900
3997	Vật tư ngành nước	Tê ren trong PPR 20 x 1/2"	cái	TCVN 10097-3:2013/ ISO 15874-3:2013	20 x 1/2"	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	75.300	75.300	75.300	75.300	75.300	75.300	75.300	75.300	75.300
3998	Vật tư ngành nước	Tê ren trong PPR 25 x 1/2"	cái	TCVN 10097-3:2013/ ISO 15874-3:2013	25 x 1/2"	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	80.500	80.500	80.500	80.500	80.500	80.500	80.500	80.500	80.500
3999	Vật tư ngành nước	Tê ren trong PPR 25 x 3/4"	cái	TCVN 10097-3:2013/ ISO 15874-3:2013	25 x 3/4"	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	117.400	117.400	117.400	117.400	117.400	117.400	117.400	117.400	117.400
4000	Vật tư ngành nước	Tê ren trong PPR 32 x 1"	cái	TCVN 10097-3:2013/ ISO 15874-3:2013	32 x 1"	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	256.100	256.100	256.100	256.100	256.100	256.100	256.100	256.100	256.100
4001	Vật tư ngành nước	Ống HDPE gân xoắn 32 x 25	mét	TCVN 7979:2009	32x25	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	20.800	20.800	20.800	20.800	20.800	20.800	20.800	20.800	20.800
4002	Vật tư ngành nước	Ống HDPE gân xoắn 40 x 30	mét	TCVN 7979:2009	40x30	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	24.400	24.400	24.400	24.400	24.400	24.400	24.400	24.400	24.400
4003	Vật tư ngành nước	Ống HDPE gân xoắn 50 x 40	mét	TCVN 7979:2009	50x40	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	34.900	34.900	34.900	34.900	34.900	34.900	34.900	34.900	34.900
4004	Vật tư ngành nước	Ống HDPE gân xoắn 65 x 50	mét	TCVN 7979:2009	65x50	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	47.800	47.800	47.800	47.800	47.800	47.800	47.800	47.800	47.800
4005	Vật tư ngành nước	Ống HDPE gân xoắn 85 x 65	mét	TCVN 7979:2009	85x65	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	69.200	69.200	69.200	69.200	69.200	69.200	69.200	69.200	69.200
4006	Vật tư ngành nước	Ống HDPE gân xoắn 90 x 70	mét	TCVN 7979:2009	90x70	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	78.000	78.000	78.000	78.000	78.000	78.000	78.000	78.000	78.000

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)(đồng)								
												Khu vực TP. Tây Ninh	Khu vực TX.Trảng Bàng	Khu vực TX. Hoà Thành	Khu vực H.Tân Biên	Khu vực H.Tân Châu	Khu vực H. Châu Thành	Khu vực H.Dương Minh Châu	Khu vực H. Bến Cầu	Khu vực H. Gò Dầu
4007	Vật tư ngành nước	Ống HDPE gân xoắn 105 x 80	mét	TCVN 7979:2009	105x80	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	90.000	90.000	90.000	90.000	90.000	90.000	90.000	90.000	90.000
4008	Vật tư ngành nước	Ống HDPE gân xoắn 110 x 90	mét	TCVN 7979:2009	110x90	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	95.200	95.200	95.200	95.200	95.200	95.200	95.200	95.200	95.200
4009	Vật tư ngành nước	Ống HDPE gân xoắn 130 x 100	mét	TCVN 7979:2009	130x100	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	127.100	127.100	127.100	127.100	127.100	127.100	127.100	127.100	127.100
4010	Vật tư ngành nước	Ống HDPE gân xoắn 160 x 125	mét	TCVN 7979:2009	160x125	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	197.400	197.400	197.400	197.400	197.400	197.400	197.400	197.400	197.400
4011	Vật tư ngành nước	Ống HDPE gân xoắn 195 x 150	mét	TCVN 7979:2009	195x150	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	269.500	269.500	269.500	269.500	269.500	269.500	269.500	269.500	269.500
4012	Vật tư ngành nước	Ống HDPE gân xoắn 210 x 160	mét	TCVN 7979:2009	210x160	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	300.700	300.700	300.700	300.700	300.700	300.700	300.700	300.700	300.700
4013	Vật tư ngành nước	Ống HDPE gân xoắn 230 x 175	mét	TCVN 7979:2009	230x175	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	401.700	401.700	401.700	401.700	401.700	401.700	401.700	401.700	401.700
4014	Vật tư ngành nước	Ống HDPE gân xoắn 260 x 200	mét	TCVN 7979:2009	260x200	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	480.300	480.300	480.300	480.300	480.300	480.300	480.300	480.300	480.300
4015	Vật tư ngành nước	Ống HDPE gân xoắn 320 x 250	mét	TCVN 7979:2009	320x250	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	950.700	950.700	950.700	950.700	950.700	950.700	950.700	950.700	950.700
4016	Vật tư ngành nước	Măng sông HDPE gân xoắn 32 x 25	cái	TCVN 7979:2009	32 x 25	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	11.000	11.000	11.000	11.000	11.000	11.000	11.000	11.000	11.000
4017	Vật tư ngành nước	Măng sông HDPE gân xoắn 40 x 30	cái	TCVN 7979:2009	40 x 30	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	14.300	14.300	14.300	14.300	14.300	14.300	14.300	14.300	14.300
4018	Vật tư ngành nước	Măng sông HDPE gân xoắn 50 x 40	cái	TCVN 7979:2009	50 x 40	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	16.800	16.800	16.800	16.800	16.800	16.800	16.800	16.800	16.800
4019	Vật tư ngành nước	Măng sông HDPE gân xoắn 65 x 50	cái	TCVN 7979:2009	65 x 50	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	22.800	22.800	22.800	22.800	22.800	22.800	22.800	22.800	22.800
4020	Vật tư ngành nước	Măng sông HDPE gân xoắn 85 x 65	cái	TCVN 7979:2009	85 x 65	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	34.800	34.800	34.800	34.800	34.800	34.800	34.800	34.800	34.800
4021	Vật tư ngành nước	Măng sông HDPE gân xoắn 105 x 80	cái	TCVN 7979:2009	105 x 80	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	46.700	46.700	46.700	46.700	46.700	46.700	46.700	46.700	46.700
4022	Vật tư ngành nước	Măng sông HDPE gân xoắn 110 x 90	cái	TCVN 7979:2009	110 x 90	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	53.300	53.300	53.300	53.300	53.300	53.300	53.300	53.300	53.300
4023	Vật tư ngành nước	Măng sông HDPE gân xoắn 130 x 100	cái	TCVN 7979:2009	130 x 100	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	57.000	57.000	57.000	57.000	57.000	57.000	57.000	57.000	57.000
4024	Vật tư ngành nước	Măng sông HDPE gân xoắn 160 x 125	cái	TCVN 7979:2009	160 x 125	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	72.100	72.100	72.100	72.100	72.100	72.100	72.100	72.100	72.100
4025	Vật tư ngành nước	Măng sông HDPE gân xoắn 195 x 150	cái	TCVN 7979:2009	195 x 150	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	103.000	103.000	103.000	103.000	103.000	103.000	103.000	103.000	103.000
4026	Vật tư ngành nước	Măng sông HDPE gân xoắn 210 x 160	cái	TCVN 7979:2009	210 x 160	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	114.200	114.200	114.200	114.200	114.200	114.200	114.200	114.200	114.200
4027	Vật tư ngành nước	Măng sông HDPE gân xoắn 230 x 175	cái	TCVN 7979:2009	230 x 175	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	131.700	131.700	131.700	131.700	131.700	131.700	131.700	131.700	131.700
4028	Vật tư ngành nước	Măng sông HDPE gân xoắn 260 x 200	cái	TCVN 7979:2009	260 x 200	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	149.300	149.300	149.300	149.300	149.300	149.300	149.300	149.300	149.300
4029	Vật tư ngành nước	Măng sông HDPE gân xoắn 320 x 250	cái	TCVN 7979:2009	320 x 250	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	172.300	172.300	172.300	172.300	172.300	172.300	172.300	172.300	172.300
4030	Vật tư ngành nước	Ống uPVC luồn điện 16 x 1.1 x 2.92	cây	IEC 61386 & BS EN 61386	16 x 1.1 x 2.92	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	21.500	21.500	21.500	21.500	21.500	21.500	21.500	21.500	21.500
4031	Vật tư ngành nước	Ống uPVC luồn điện 20 x 1.2 x 2.92	cây	IEC 61386 & BS EN 61386	20 x 1.2 x 2.92	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	30.300	30.300	30.300	30.300	30.300	30.300	30.300	30.300	30.300
4032	Vật tư ngành nước	Ống uPVC luồn điện 25 x 1.3 x 2.92	cây	IEC 61386 & BS EN 61386	25 x 1.3 x 2.92	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	41.300	41.300	41.300	41.300	41.300	41.300	41.300	41.300	41.300
4033	Vật tư ngành nước	Ống uPVC luồn điện 32 x 1.6 x 2.92	cây	IEC 61386 & BS EN 61386	32 x 1.6 x 2.92	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	70.000	70.000	70.000	70.000	70.000	70.000	70.000	70.000	70.000

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)(đồng)								
												Khu vực TP. Tây Ninh	Khu vực TX.Trảng Bàng	Khu vực TX. Hoà Thành	Khu vực H.Tân Biên	Khu vực H.Tân Châu	Khu vực H. Châu Thành	Khu vực H.Dương Minh Châu	Khu vực H. Bến Cầu	Khu vực H. Gò Dầu
4034	Vật tư ngành nước	Ống uPVC luồn điện 16 x 1.3 x 2.92	cây	IEC 61386 & BS EN 61386	16 x 1.3 x 2.92	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	24.800	24.800	24.800	24.800	24.800	24.800	24.800	24.800	24.800
4035	Vật tư ngành nước	Ống uPVC luồn điện 20 x 1.5 x 2.92	cây	IEC 61386 & BS EN 61386	20 x 1.5 x 2.92	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	34.400	34.400	34.400	34.400	34.400	34.400	34.400	34.400	34.400
4036	Vật tư ngành nước	Ống uPVC luồn điện 25 x 1.7 x 2.92	cây	IEC 61386 & BS EN 61386	25 x 1.7 x 2.92	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	49.400	49.400	49.400	49.400	49.400	49.400	49.400	49.400	49.400
4037	Vật tư ngành nước	Ống uPVC luồn điện 32 x 2.0 x 2.92	cây	IEC 61386 & BS EN 61386	32 x 2.0 x 2.92	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	83.800	83.800	83.800	83.800	83.800	83.800	83.800	83.800	83.800
4038	Vật tư ngành nước	Ống uPVC luồn điện 16 x 1.6 x 2.92	cây	IEC 61386 & BS EN 61386	16 x 1.6 x 2.92	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	31.300	31.300	31.300	31.300	31.300	31.300	31.300	31.300	31.300
4039	Vật tư ngành nước	Ống uPVC luồn điện 20 x 1.8 x 2.92	cây	IEC 61386 & BS EN 61386	20 x 1.8 x 2.92	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	42.500	42.500	42.500	42.500	42.500	42.500	42.500	42.500	42.500
4040	Vật tư ngành nước	Ống uPVC luồn điện 25 x 2.0 x 2.92	cây	IEC 61386 & BS EN 61386	25 x 2.0 x 2.92	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	60.700	60.700	60.700	60.700	60.700	60.700	60.700	60.700	60.700
4041	Vật tư ngành nước	Ống uPVC luồn điện 32 x 2.2 x 2.92	cây	IEC 61386 & BS EN 61386	32 x 2.2 x 2.92	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	93.800	93.800	93.800	93.800	93.800	93.800	93.800	93.800	93.800
4042	Vật tư ngành nước	Nối trơn uPVC luồn điện 16	cái	IEC 61386 & BS EN 61386	16	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	1.296	1.296	1.296	1.296	1.296	1.296	1.296	1.296	1.296
4043	Vật tư ngành nước	Nối trơn uPVC luồn điện 20	cái	IEC 61386 & BS EN 61386	20	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	1.404	1.404	1.404	1.404	1.404	1.404	1.404	1.404	1.404
4044	Vật tư ngành nước	Nối trơn uPVC luồn điện 25	cái	IEC 61386 & BS EN 61386	25	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	2.160	2.160	2.160	2.160	2.160	2.160	2.160	2.160	2.160
4045	Vật tư ngành nước	Nối trơn uPVC luồn điện 32	cái	IEC 61386 & BS EN 61386	32	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	3.024	3.024	3.024	3.024	3.024	3.024	3.024	3.024	3.024
4046	Vật tư ngành nước	Nối ren uPVC luồn điện 16	cái	IEC 61386 & BS EN 61386	16	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	3.024	3.024	3.024	3.024	3.024	3.024	3.024	3.024	3.024
4047	Vật tư ngành nước	Nối ren uPVC luồn điện 20	cái	IEC 61386 & BS EN 61386	20	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	3.132	3.132	3.132	3.132	3.132	3.132	3.132	3.132	3.132
4048	Vật tư ngành nước	Nối ren uPVC luồn điện 25	cái	IEC 61386 & BS EN 61386	25	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	4.104	4.104	4.104	4.104	4.104	4.104	4.104	4.104	4.104
4049	Vật tư ngành nước	Nối ren uPVC luồn điện 32	cái	IEC 61386 & BS EN 61386	32	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	6.696	6.696	6.696	6.696	6.696	6.696	6.696	6.696	6.696
4050	Vật tư ngành nước	Tê uPVC luồn điện 16	cái	IEC 61386 & BS EN 61386	16	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	5.832	5.832	5.832	5.832	5.832	5.832	5.832	5.832	5.832
4051	Vật tư ngành nước	Tê uPVC luồn điện 20	cái	IEC 61386 & BS EN 61386	20	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	7.776	7.776	7.776	7.776	7.776	7.776	7.776	7.776	7.776
4052	Vật tư ngành nước	Tê uPVC luồn điện 25	cái	IEC 61386 & BS EN 61386	25	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	10.476	10.476	10.476	10.476	10.476	10.476	10.476	10.476	10.476
4053	Vật tư ngành nước	Tê uPVC luồn điện 32	cái	IEC 61386 & BS EN 61386	32	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	12.960	12.960	12.960	12.960	12.960	12.960	12.960	12.960	12.960
4054	Vật tư ngành nước	Tê có nắp uPVC luồn điện 16	cái	IEC 61386 & BS EN 61386	16	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	6.696	6.696	6.696	6.696	6.696	6.696	6.696	6.696	6.696
4055	Vật tư ngành nước	Tê có nắp uPVC luồn điện 20	cái	IEC 61386 & BS EN 61386	20	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	9.396	9.396	9.396	9.396	9.396	9.396	9.396	9.396	9.396
4056	Vật tư ngành nước	Tê có nắp uPVC luồn điện 25	cái	IEC 61386 & BS EN 61386	25	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	11.880	11.880	11.880	11.880	11.880	11.880	11.880	11.880	11.880
4057	Vật tư ngành nước	Tê có nắp uPVC luồn điện 32	cái	IEC 61386 & BS EN 61386	32	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	15.120	15.120	15.120	15.120	15.120	15.120	15.120	15.120	15.120
4058	Vật tư ngành nước	L uPVC luồn điện 16	cái	IEC 61386 & BS EN 61386	16	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	4.104	4.104	4.104	4.104	4.104	4.104	4.104	4.104	4.104
4059	Vật tư ngành nước	L uPVC luồn điện 20	cái	IEC 61386 & BS EN 61386	20	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	5.724	5.724	5.724	5.724	5.724	5.724	5.724	5.724	5.724
4060	Vật tư ngành nước	L uPVC luồn điện 25	cái	IEC 61386 & BS EN 61386	25	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	9.504	9.504	9.504	9.504	9.504	9.504	9.504	9.504	9.504

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)(đồng)								
												Khu vực TP. Tây Ninh	Khu vực TX.Trảng Bàng	Khu vực TX. Hoà Thành	Khu vực H.Tân Biên	Khu vực H.Tân Châu	Khu vực H. Châu Thành	Khu vực H.Dương Minh Châu	Khu vực H. Bến Cầu	Khu vực H. Gò Dầu
4061	Vật tư ngành nước	L uPVC luồn điện 32	cái	IEC 61386 & BS EN 61386	32	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	13.824	13.824	13.824	13.824	13.824	13.824	13.824	13.824	13.824
4062	Vật tư ngành nước	L có nắp uPVC luồn điện 16	cái	IEC 61386 & BS EN 61386	16	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	4.644	4.644	4.644	4.644	4.644	4.644	4.644	4.644	4.644
4063	Vật tư ngành nước	L có nắp uPVC luồn điện 20	cái	IEC 61386 & BS EN 61386	20	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	6.696	6.696	6.696	6.696	6.696	6.696	6.696	6.696	6.696
4064	Vật tư ngành nước	L có nắp uPVC luồn điện 25	cái	IEC 61386 & BS EN 61386	25	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	10.800	10.800	10.800	10.800	10.800	10.800	10.800	10.800	10.800
4065	Vật tư ngành nước	L có nắp uPVC luồn điện 32	cái	IEC 61386 & BS EN 61386	32	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	15.660	15.660	15.660	15.660	15.660	15.660	15.660	15.660	15.660
4066	Vật tư ngành nước	Kẹp đỡ uPVC luồn điện 16	cái	IEC 61386 & BS EN 61386	16	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	1.620	1.620	1.620	1.620	1.620	1.620	1.620	1.620	1.620
4067	Vật tư ngành nước	Kẹp đỡ uPVC luồn điện 20	cái	IEC 61386 & BS EN 61386	20	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	1.836	1.836	1.836	1.836	1.836	1.836	1.836	1.836	1.836
4068	Vật tư ngành nước	Kẹp đỡ uPVC luồn điện 25	cái	IEC 61386 & BS EN 61386	25	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	3.024	3.024	3.024	3.024	3.024	3.024	3.024	3.024	3.024
4069	Vật tư ngành nước	Kẹp đỡ uPVC luồn điện 32	cái	IEC 61386 & BS EN 61386	32	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	3.564	3.564	3.564	3.564	3.564	3.564	3.564	3.564	3.564
4070	Vật tư ngành nước	Hộp nối 2 đầu uPVC luồn điện 16	cái	IEC 61386 & BS EN 61386	16	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	7.992	7.992	7.992	7.992	7.992	7.992	7.992	7.992	7.992
4071	Vật tư ngành nước	Hộp nối 2 đầu uPVC luồn điện 20	cái	IEC 61386 & BS EN 61386	20	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	8.316	8.316	8.316	8.316	8.316	8.316	8.316	8.316	8.316
4072	Vật tư ngành nước	Hộp nối 2 đầu uPVC luồn điện 25	cái	IEC 61386 & BS EN 61386	25	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	9.396	9.396	9.396	9.396	9.396	9.396	9.396	9.396	9.396
4073	Vật tư ngành nước	Hộp nối 2 đầu uPVC luồn điện 32	cái	IEC 61386 & BS EN 61386	32	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	13.284	13.284	13.284	13.284	13.284	13.284	13.284	13.284	13.284
4074	Vật tư ngành nước	Hộp nối 3 đầu uPVC luồn điện 16	cái	IEC 61386 & BS EN 61386	16	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	7.992	7.992	7.992	7.992	7.992	7.992	7.992	7.992	7.992
4075	Vật tư ngành nước	Hộp nối 3 đầu uPVC luồn điện 20	cái	IEC 61386 & BS EN 61386	20	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	8.316	8.316	8.316	8.316	8.316	8.316	8.316	8.316	8.316
4076	Vật tư ngành nước	Hộp nối 3 đầu uPVC luồn điện 25	cái	IEC 61386 & BS EN 61386	25	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	9.396	9.396	9.396	9.396	9.396	9.396	9.396	9.396	9.396
4077	Vật tư ngành nước	Hộp nối 3 đầu uPVC luồn điện 32	cái	IEC 61386 & BS EN 61386	32	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	13.284	13.284	13.284	13.284	13.284	13.284	13.284	13.284	13.284
4078	Vật tư ngành nước	Hộp nối 4 đầu uPVC luồn điện 16	cái	IEC 61386 & BS EN 61386	16	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	7.992	7.992	7.992	7.992	7.992	7.992	7.992	7.992	7.992
4079	Vật tư ngành nước	Hộp nối 4 đầu uPVC luồn điện 20	cái	IEC 61386 & BS EN 61386	20	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	8.316	8.316	8.316	8.316	8.316	8.316	8.316	8.316	8.316
4080	Vật tư ngành nước	Hộp nối 4 đầu uPVC luồn điện 25	cái	IEC 61386 & BS EN 61386	25	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	9.396	9.396	9.396	9.396	9.396	9.396	9.396	9.396	9.396
4081	Vật tư ngành nước	Hộp nối 4 đầu uPVC luồn điện 32	cái	IEC 61386 & BS EN 61386	32	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	13.284	13.284	13.284	13.284	13.284	13.284	13.284	13.284	13.284
4082	Vật tư ngành nước	Nối giảm uPVC luồn điện 20 x 16	cái	IEC 61386 & BS EN 61386	20 x 16	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	3.024	3.024	3.024	3.024	3.024	3.024	3.024	3.024	3.024
4083	Vật tư ngành nước	Nối giảm uPVC luồn điện 25 x 20	cái	IEC 61386 & BS EN 61386	25 x 20	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	3.996	3.996	3.996	3.996	3.996	3.996	3.996	3.996	3.996
4084	Vật tư ngành nước	Nối giảm uPVC luồn điện 32 x 25	cái	IEC 61386 & BS EN 61386	32 x 25	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	4.644	4.644	4.644	4.644	4.644	4.644	4.644	4.644	4.644
4085	Vật tư ngành nước	Hộp nối 2 đường vuông góc uPVC luồn điện 20	cái	IEC 61386 & BS EN 61386	20	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	8.316	8.316	8.316	8.316	8.316	8.316	8.316	8.316	8.316
4086	Vật tư ngành nước	Hộp nối 2 đường vuông góc uPVC luồn điện 25	cái	IEC 61386 & BS EN 61386	25	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	9.396	9.396	9.396	9.396	9.396	9.396	9.396	9.396	9.396
4087	Vật tư ngành nước	Hộp nối 2 đường vuông góc uPVC luồn điện 32	cái	IEC 61386 & BS EN 61386	32	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	13.284	13.284	13.284	13.284	13.284	13.284	13.284	13.284	13.284

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)(đồng)								
												Khu vực TP. Tây Ninh	Khu vực TX.Trảng Bàng	Khu vực TX. Hoà Thành	Khu vực H.Tân Biên	Khu vực H.Tân Châu	Khu vực H. Châu Thành	Khu vực H.Dương Minh Châu	Khu vực H. Bến Cầu	Khu vực H. Gò Dầu
4088	Vật tư ngành nước	Hộp nối 1 đầu uPVC luồn điện 20	cái	IEC 61386 & BS EN 61386	20	Công Ty TNHH Hòa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	8.316	8.316	8.316	8.316	8.316	8.316	8.316	8.316	8.316
4089	Vật tư ngành nước	Hộp nối 1 đầu uPVC luồn điện 25	cái	IEC 61386 & BS EN 61386	25	Công Ty TNHH Hòa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	9.396	9.396	9.396	9.396	9.396	9.396	9.396	9.396	9.396
4090	Vật tư ngành nước	Hộp nối 1 đầu uPVC luồn điện 32	cái	IEC 61386 & BS EN 61386	32	Công Ty TNHH Hòa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Dt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá ngày 16/04/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 16/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	13.284	13.284	13.284	13.284	13.284	13.284	13.284	13.284	13.284
4091	Vật tư ngành nước	Bồn nước nhựa LUSWELL, VNMIN đứng: 5000L-1700mm	bộ			Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Dt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa,Long An	Giá vận chuyển đến KH	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	11.471.000	11.471.000	11.471.000	11.471.000	11.471.000	11.471.000	11.471.000	11.471.000	11.471.000
4092	Vật tư ngành nước	Bồn nước nhựa LUSWELL, VNVIE đứng: 500L-775mm	bộ			Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Dt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa,Long An	Giá vận chuyển đến KH	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	1.605.000	1.605.000	1.605.000	1.605.000	1.605.000	1.605.000	1.605.000	1.605.000	1.605.000
4093	Vật tư ngành nước	Bồn nước nhựa LUSWELL, VNVIE đứng: 1000L-1010mm	bộ			Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Dt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa,Long An	Giá vận chuyển đến KH	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	2.210.000	2.210.000	2.210.000	2.210.000	2.210.000	2.210.000	2.210.000	2.210.000	2.210.000
4094	Vật tư ngành nước	Bồn nước nhựa LUSWELL, VNVIE đứng: 1500L-1215mm	bộ			Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Dt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa,Long An	Giá vận chuyển đến KH	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	3.255.000	3.255.000	3.255.000	3.255.000	3.255.000	3.255.000	3.255.000	3.255.000	3.255.000
4095	Vật tư ngành nước	Bồn nước nhựa LUSWELL, VNVIE đứng: 2000L-1310mm	bộ			Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Dt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa,Long An	Giá vận chuyển đến KH	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	4.330.000	4.330.000	4.330.000	4.330.000	4.330.000	4.330.000	4.330.000	4.330.000	4.330.000
4096	Vật tư ngành nước	Bồn nước nhựa LUSWELL, VNVIE đứng: 3000L-1490mm	bộ			Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Dt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa,Long An	Giá vận chuyển đến KH	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	6.410.000	6.410.000	6.410.000	6.410.000	6.410.000	6.410.000	6.410.000	6.410.000	6.410.000
4097	Vật tư ngành nước	Bồn nước nhựa LUSWELL, VNVIE đứng: 5000L-1750mm	bộ			Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Dt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa,Long An	Giá vận chuyển đến KH	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	11.890.000	11.890.000	11.890.000	11.890.000	11.890.000	11.890.000	11.890.000	11.890.000	11.890.000
4098	Vật tư ngành nước	Bồn nước nhựa LUSWELL, VNMIN ngang: 500L-790mm	bộ			Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Dt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa,Long An	Giá vận chuyển đến KH	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	1.997.000	1.997.000	1.997.000	1.997.000	1.997.000	1.997.000	1.997.000	1.997.000	1.997.000
4099	Vật tư ngành nước	Bồn nước nhựa LUSWELL, VNMIN ngang: 1000L-960mm	bộ			Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Dt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa,Long An	Giá vận chuyển đến KH	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	3.520.000	3.520.000	3.520.000	3.520.000	3.520.000	3.520.000	3.520.000	3.520.000	3.520.000
4100	Vật tư ngành nước	Bồn nước nhựa LUSWELL, VNMIN ngang: 2000L-1280mm	bộ			Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Dt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa,Long An	Giá vận chuyển đến KH	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	7.492.000	7.492.000	7.492.000	7.492.000	7.492.000	7.492.000	7.492.000	7.492.000	7.492.000
4101	Vật tư ngành nước	Bồn nước nhựa LUSWELL, VNVIE ngang: 500L-780mm	bộ			Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Dt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa,Long An	Giá vận chuyển đến KH	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	1.945.000	1.945.000	1.945.000	1.945.000	1.945.000	1.945.000	1.945.000	1.945.000	1.945.000
4102	Vật tư ngành nước	Bồn nước nhựa LUSWELL, VNVIE ngang: 1000L-960mm	bộ			Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Dt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa,Long An	Giá vận chuyển đến KH	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	3.200.000	3.200.000	3.200.000	3.200.000	3.200.000	3.200.000	3.200.000	3.200.000	3.200.000
4103	Vật tư ngành nước	Bộ máy nước nóng NLMT LUSWELL VNDAI 1304 12 ống: 130L	bộ			Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Dt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa,Long An	Giá vận chuyển đến KH	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	5.060.000	5.060.000	5.060.000	5.060.000	5.060.000	5.060.000	5.060.000	5.060.000	5.060.000
4104	Vật tư ngành nước	Bộ máy nước nóng NLMT LUSWELL VNDAI 1304 15 ống: 160L	bộ			Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Dt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa,Long An	Giá vận chuyển đến KH	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	6.220.000	6.220.000	6.220.000	6.220.000	6.220.000	6.220.000	6.220.000	6.220.000	6.220.000
4105	Vật tư ngành nước	Bộ máy nước nóng NLMT LUSWELL VNDAI 1304 18 ống: 180L	bộ			Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Dt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa,Long An	Giá vận chuyển đến KH	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	7.380.000	7.380.000	7.380.000	7.380.000	7.380.000	7.380.000	7.380.000	7.380.000	7.380.000
4106	Vật tư ngành nước	Bộ máy nước nóng NLMT LUSWELL VNDAI 1304 20 ống: 200L	bộ			Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Dt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa,Long An	Giá vận chuyển đến KH	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	8.160.000	8.160.000	8.160.000	8.160.000	8.160.000	8.160.000	8.160.000	8.160.000	8.160.000
4107	Vật tư ngành nước	Bộ máy nước nóng NLMT LUSWELL VNDAI 1304 24 ống: 240L	bộ			Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Dt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa,Long An	Giá vận chuyển đến KH	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	9.760.000	9.760.000	9.760.000	9.760.000	9.760.000	9.760.000	9.760.000	9.760.000	9.760.000
4108	Vật tư ngành nước	Bộ máy nước nóng NLMT LUSWELL VNDAI 1304 30 ống: 300L	bộ			Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Dt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa,Long An	Giá vận chuyển đến KH	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	12.100.000	12.100.000	12.100.000	12.100.000	12.100.000	12.100.000	12.100.000	12.100.000	12.100.000

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)(đồng)								
												Khu vực TP. Tây Ninh	Khu vực TX.Trảng Bàng	Khu vực TX. Hoà Thành	Khu vực H.Tân Biên	Khu vực H.Tân Châu	Khu vực H. Châu Thành	Khu vực H.Dương Minh Châu	Khu vực H. Bến Cầu	Khu vực H. Gò Dầu
4109	Vật tư ngành nước	Bộ máy nước nóng NLMT LUSWELL VNDAI PPR 12 ống: 130L	bộ			Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sông Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Dt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa,Long An	Giá vận chuyển đến KH	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	5.380.000	5.380.000	5.380.000	5.380.000	5.380.000	5.380.000	5.380.000	5.380.000	5.380.000
4110	Vật tư ngành nước	Bộ máy nước nóng NLMT LUSWELL VNDAI PPR 15 ống: 160L	bộ			Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sông Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Dt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa,Long An	Giá vận chuyển đến KH	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	6.610.000	6.610.000	6.610.000	6.610.000	6.610.000	6.610.000	6.610.000	6.610.000	6.610.000
4111	Vật tư ngành nước	Bộ máy nước nóng NLMT LUSWELL VNDAI PPR 18 ống: 180L	bộ			Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sông Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Dt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa,Long An	Giá vận chuyển đến KH	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	7.790.000	7.790.000	7.790.000	7.790.000	7.790.000	7.790.000	7.790.000	7.790.000	7.790.000
4112	Vật tư ngành nước	Bộ máy nước nóng NLMT LUSWELL VNDAI PPR 20 ống: 200L	bộ			Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sông Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Dt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa,Long An	Giá vận chuyển đến KH	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	8.660.000	8.660.000	8.660.000	8.660.000	8.660.000	8.660.000	8.660.000	8.660.000	8.660.000
4113	Vật tư ngành nước	Bộ máy nước nóng NLMT LUSWELL VNVIE ống tron 12 ống: 120L	bộ			Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sông Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Dt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa,Long An	Giá vận chuyển đến KH	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	4.672.000	4.672.000	4.672.000	4.672.000	4.672.000	4.672.000	4.672.000	4.672.000	4.672.000
4114	Vật tư ngành nước	Bộ máy nước nóng NLMT LUSWELL VNVIE ống tron 14 ống: 140L	bộ			Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sông Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Dt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa,Long An	Giá vận chuyển đến KH	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	5.239.000	5.239.000	5.239.000	5.239.000	5.239.000	5.239.000	5.239.000	5.239.000	5.239.000
4115	Vật tư ngành nước	Bộ máy nước nóng NLMT LUSWELL VNVIE ống tron 16 ống: 160L	bộ			Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sông Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Dt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa,Long An	Giá vận chuyển đến KH	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	5.982.000	5.982.000	5.982.000	5.982.000	5.982.000	5.982.000	5.982.000	5.982.000	5.982.000
4116	Vật tư ngành nước	Bộ máy nước nóng NLMT LUSWELL VNVIE ống tron 18 ống: 180L	bộ			Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sông Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Dt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa,Long An	Giá vận chuyển đến KH	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	6.735.000	6.735.000	6.735.000	6.735.000	6.735.000	6.735.000	6.735.000	6.735.000	6.735.000
4117	Vật tư ngành nước	Bộ máy nước nóng NLMT LUSWELL VNVIE ống tron 20 ống: 200L	bộ			Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sông Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Dt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa,Long An	Giá vận chuyển đến KH	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	7.477.000	7.477.000	7.477.000	7.477.000	7.477.000	7.477.000	7.477.000	7.477.000	7.477.000
4118	Vật tư ngành nước	Bộ máy nước nóng NLMT LUSWELL VNVIE ống tron 24 ống: 240L	bộ			Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sông Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Dt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa,Long An	Giá vận chuyển đến KH	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	8.972.000	8.972.000	8.972.000	8.972.000	8.972.000	8.972.000	8.972.000	8.972.000	8.972.000
4119	Vật tư ngành nước	Bộ máy nước nóng NLMT LUSWELL VNVIE ống tron 30 ống: 300L	bộ			Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sông Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Dt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa,Long An	Giá vận chuyển đến KH	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	11.210.000	11.210.000	11.210.000	11.210.000	11.210.000	11.210.000	11.210.000	11.210.000	11.210.000
4120	Vật tư ngành nước	Bộ máy nước nóng NLMT LUSWELL VNVIE ống dầu 12 ống: 120L	bộ			Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sông Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Dt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa,Long An	Giá vận chuyển đến KH	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	4.815.000	4.815.000	4.815.000	4.815.000	4.815.000	4.815.000	4.815.000	4.815.000	4.815.000
4121	Vật tư ngành nước	Bộ máy nước nóng NLMT LUSWELL VNVIE ống dầu 14 ống: 140L	bộ			Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sông Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Dt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa,Long An	Giá vận chuyển đến KH	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	5.618.000	5.618.000	5.618.000	5.618.000	5.618.000	5.618.000	5.618.000	5.618.000	5.618.000
4122	Vật tư ngành nước	Bộ máy nước nóng NLMT LUSWELL VNVIE ống dầu 16 ống: 160L	bộ			Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sông Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Dt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa,Long An	Giá vận chuyển đến KH	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	6.420.000	6.420.000	6.420.000	6.420.000	6.420.000	6.420.000	6.420.000	6.420.000	6.420.000
4123	Vật tư ngành nước	Bộ máy nước nóng NLMT LUSWELL VNVIE ống dầu 18 ống: 180L	bộ			Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sông Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Dt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa,Long An	Giá vận chuyển đến KH	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	7.223.000	7.223.000	7.223.000	7.223.000	7.223.000	7.223.000	7.223.000	7.223.000	7.223.000
4124	Vật tư ngành nước	Bộ máy nước nóng NLMT LUSWELL VNVIE ống dầu 20 ống: 200L	bộ			Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sông Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Dt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa,Long An	Giá vận chuyển đến KH	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	8.025.000	8.025.000	8.025.000	8.025.000	8.025.000	8.025.000	8.025.000	8.025.000	8.025.000
4125	Vật tư ngành nước	Bộ máy nước nóng NLMT LUSWELL VNVIE ống dầu 24 ống: 240L	bộ			Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sông Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Dt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa,Long An	Giá vận chuyển đến KH	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	9.630.000	9.630.000	9.630.000	9.630.000	9.630.000	9.630.000	9.630.000	9.630.000	9.630.000
4126	Vật tư ngành nước	Bộ máy nước nóng NLMT LUSWELL VNVIE ống dầu 30 ống: 300L	bộ			Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sông Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Dt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa,Long An	Giá vận chuyển đến KH	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	12.038.000	12.038.000	12.038.000	12.038.000	12.038.000	12.038.000	12.038.000	12.038.000	12.038.000
4127	Vật tư ngành nước	Ống năng lượng máy nước nóng NLMT LUSWELL VNDAI: Ø58	bộ			Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sông Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Dt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa,Long An	Giá vận chuyển đến KH	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	180.000	180.000	180.000	180.000	180.000	180.000	180.000	180.000	180.000
4128	Vật tư ngành nước	Keo silicone Acid màu trắng LUSCOAT CNSYI: 0.3L	chai			Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sông Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Dt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa,Long An	Giá vận chuyển đến KH	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	48.000	48.000	48.000	48.000	48.000	48.000	48.000	48.000	48.000

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)(đồng)								
												Khu vực TP. Tây Ninh	Khu vực TX.Trảng Bàng	Khu vực TX. Hoà Thành	Khu vực H.Tân Biên	Khu vực H.Tân Châu	Khu vực H. Châu Thành	Khu vực H.Dương Minh Châu	Khu vực H. Bến Cầu	Khu vực H. Gò Dầu
4129	Vật tư ngành nước	Keo silicone Acid màu trắng trong LUSCOAT CNSYI: 0.3L	chai			Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sông Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Dt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa,Long An	Giá vận chuyển đến KH	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	48.000	48.000	48.000	48.000	48.000	48.000	48.000	48.000	48.000
4130	Vật tư ngành nước	Keo silicone Acid màu đen LUSCOAT CNSYI: 0.3L	chai			Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sông Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Dt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa,Long An	Giá vận chuyển đến KH	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	48.000	48.000	48.000	48.000	48.000	48.000	48.000	48.000	48.000
4131	Vật tư ngành nước	Keo silicone Acid màu xám xingfa LUSCOAT CNSYI: 0.3L	chai			Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sông Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Dt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa,Long An	Giá vận chuyển đến KH	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	48.000	48.000	48.000	48.000	48.000	48.000	48.000	48.000	48.000
4132	Vật tư ngành nước	Keo silicone Oxime màu trắng LUSCOAT CNSYI: 0.3L	chai			Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sông Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Dt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa,Long An	Giá vận chuyển đến KH	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	45.000	45.000	45.000	45.000	45.000	45.000	45.000	45.000	45.000
4133	Vật tư ngành nước	Keo silicone Oxime màu trắng trong LUSCOAT CNSYI: 0.3L	chai			Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sông Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Dt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa,Long An	Giá vận chuyển đến KH	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	45.000	45.000	45.000	45.000	45.000	45.000	45.000	45.000	45.000
4134	Vật tư ngành nước	Keo silicone Oxime màu đen LUSCOAT CNSYI: 0.3L	chai			Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sông Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Dt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa,Long An	Giá vận chuyển đến KH	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	45.000	45.000	45.000	45.000	45.000	45.000	45.000	45.000	45.000
4135	Vật tư ngành nước	Keo silicone Oxime màu xám xingfa LUSCOAT CNSYI: 0.3L	chai			Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sông Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Dt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa,Long An	Giá vận chuyển đến KH	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	45.000	45.000	45.000	45.000	45.000	45.000	45.000	45.000	45.000
4136	Vật tư ngành nước	Ống PVC - U - Ø21	m	QCVN 16:2023/BXD ISO 9001:2015	21 x 1.3mm	Công ty TNHH SX TM Nhựa Bình Minh Phát. Đc: Lô E1-E2 đường số 2, KCN Hải Sơn, GD 3+4, ấp Bình Tiền 2, Đức Hoà, Tây Ninh - Dt: 0867 763192	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 20/04/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	8.082	8.082	8.082	8.082	8.082	8.082	8.082	8.082	8.082
4137	Vật tư ngành nước	Ống PVC - U - Ø21	m	QCVN 16:2023/BXD ISO 9001:2015	21 x 1.7mm	Công ty TNHH SX TM Nhựa Bình Minh Phát. Đc: Lô E1-E2 đường số 2, KCN Hải Sơn, GD 3+4, ấp Bình Tiền 2, Đức Hoà, Tây Ninh - Dt: 0867 763192	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 20/04/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	9.439	9.439	9.439	9.439	9.439	9.439	9.439	9.439	9.439
4138	Vật tư ngành nước	Ống PVC - U - Ø21	m	QCVN 16:2023/BXD ISO 9001:2015	21 x 3.0mm	Công ty TNHH SX TM Nhựa Bình Minh Phát. Đc: Lô E1-E2 đường số 2, KCN Hải Sơn, GD 3+4, ấp Bình Tiền 2, Đức Hoà, Tây Ninh - Dt: 0867 763192	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 20/04/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	14.763	14.763	14.763	14.763	14.763	14.763	14.763	14.763	14.763
4139	Vật tư ngành nước	Ống PVC - U - Ø27	m	QCVN 16:2023/BXD ISO 9001:2015	27 x 1.3mm	Công ty TNHH SX TM Nhựa Bình Minh Phát. Đc: Lô E1-E2 đường số 2, KCN Hải Sơn, GD 3+4, ấp Bình Tiền 2, Đức Hoà, Tây Ninh - Dt: 0867 763192	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 20/04/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	9.595	9.595	9.595	9.595	9.595	9.595	9.595	9.595	9.595
4140	Vật tư ngành nước	Ống PVC - U - Ø27	m	QCVN 16:2023/BXD ISO 9001:2015	27 x 1.6mm	Công ty TNHH SX TM Nhựa Bình Minh Phát. Đc: Lô E1-E2 đường số 2, KCN Hải Sơn, GD 3+4, ấp Bình Tiền 2, Đức Hoà, Tây Ninh - Dt: 0867 763192	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 20/04/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	11.515	11.515	11.515	11.515	11.515	11.515	11.515	11.515	11.515
4141	Vật tư ngành nước	Ống PVC - U - Ø27	m	QCVN 16:2023/BXD ISO 9001:2015	27 x 1.9mm	Công ty TNHH SX TM Nhựa Bình Minh Phát. Đc: Lô E1-E2 đường số 2, KCN Hải Sơn, GD 3+4, ấp Bình Tiền 2, Đức Hoà, Tây Ninh - Dt: 0867 763192	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 20/04/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	13.286	13.286	13.286	13.286	13.286	13.286	13.286	13.286	13.286
4142	Vật tư ngành nước	Ống PVC - U - Ø27	m	QCVN 16:2023/BXD ISO 9001:2015	27 x 3.0mm	Công ty TNHH SX TM Nhựa Bình Minh Phát. Đc: Lô E1-E2 đường số 2, KCN Hải Sơn, GD 3+4, ấp Bình Tiền 2, Đức Hoà, Tây Ninh - Dt: 0867 763192	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 20/04/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	20.328	20.328	20.328	20.328	20.328	20.328	20.328	20.328	20.328
4143	Vật tư ngành nước	Ống PVC - U - Ø34	m	QCVN 16:2023/BXD ISO 9001:2015	34 x 1.4mm	Công ty TNHH SX TM Nhựa Bình Minh Phát. Đc: Lô E1-E2 đường số 2, KCN Hải Sơn, GD 3+4, ấp Bình Tiền 2, Đức Hoà, Tây Ninh - Dt: 0867 763192	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 20/04/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	13.139	13.139	13.139	13.139	13.139	13.139	13.139	13.139	13.139
4144	Vật tư ngành nước	Ống PVC - U - Ø34	m	QCVN 16:2023/BXD ISO 9001:2015	34 x 1.9mm	Công ty TNHH SX TM Nhựa Bình Minh Phát. Đc: Lô E1-E2 đường số 2, KCN Hải Sơn, GD 3+4, ấp Bình Tiền 2, Đức Hoà, Tây Ninh - Dt: 0867 763192	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 20/04/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	17.425	17.425	17.425	17.425	17.425	17.425	17.425	17.425	17.425
4145	Vật tư ngành nước	Ống PVC - U - Ø34	m	QCVN 16:2023/BXD ISO 9001:2015	34 x 2.2mm	Công ty TNHH SX TM Nhựa Bình Minh Phát. Đc: Lô E1-E2 đường số 2, KCN Hải Sơn, GD 3+4, ấp Bình Tiền 2, Đức Hoà, Tây Ninh - Dt: 0867 763192	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 20/04/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	19.929	19.929	19.929	19.929	19.929	19.929	19.929	19.929	19.929
4146	Vật tư ngành nước	Ống PVC - U - Ø34	m	QCVN 16:2023/BXD ISO 9001:2015	34 x 3.0mm	Công ty TNHH SX TM Nhựa Bình Minh Phát. Đc: Lô E1-E2 đường số 2, KCN Hải Sơn, GD 3+4, ấp Bình Tiền 2, Đức Hoà, Tây Ninh - Dt: 0867 763192	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 20/04/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	25.096	25.096	25.096	25.096	25.096	25.096	25.096	25.096	25.096
4147	Vật tư ngành nước	Ống PVC - U - Ø42	m	QCVN 16:2023/BXD ISO 9001:2015	42 x 1.4mm	Công ty TNHH SX TM Nhựa Bình Minh Phát. Đc: Lô E1-E2 đường số 2, KCN Hải Sơn, GD 3+4, ấp Bình Tiền 2, Đức Hoà, Tây Ninh - Dt: 0867 763192	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 20/04/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	16.829	16.829	16.829	16.829	16.829	16.829	16.829	16.829	16.829
4148	Vật tư ngành nước	Ống PVC - U - Ø42	m	QCVN 16:2023/BXD ISO 9001:2015	42 x 1.9mm	Công ty TNHH SX TM Nhựa Bình Minh Phát. Đc: Lô E1-E2 đường số 2, KCN Hải Sơn, GD 3+4, ấp Bình Tiền 2, Đức Hoà, Tây Ninh - Dt: 0867 763192	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 20/04/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	22.144	22.144	22.144	22.144	22.144	22.144	22.144	22.144	22.144

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)(đồng)								
												Khu vực TP. Tây Ninh	Khu vực TX.Trảng Bàng	Khu vực TX. Hoà Thành	Khu vực H.Tân Biên	Khu vực H.Tân Châu	Khu vực H. Châu Thành	Khu vực H.Dương Minh Châu	Khu vực H. Bến Cầu	Khu vực H. Gò Dầu
4149	Vật tư ngành nước	Ống PVC - U - Ø42	m	QCVN 16:2023/BXD ISO 9001:2015	42 x 2.2mm	Công ty TNHH SX TM Nhựa Bình Minh Phát. Đc: Lô E1-E2 đường số 2, KCN Hải Sơn, GD 3+4, ấp Bình Tiền 2, Đức Hoà, Tây Ninh - Dt: 0867 763192	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 20/04/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	25.096	25.096	25.096	25.096	25.096	25.096	25.096	25.096	25.096
4150	Vật tư ngành nước	Ống PVC - U - Ø42	m	QCVN 16:2023/BXD ISO 9001:2015	42 x 3.0mm	Công ty TNHH SX TM Nhựa Bình Minh Phát. Đc: Lô E1-E2 đường số 2, KCN Hải Sơn, GD 3+4, ấp Bình Tiền 2, Đức Hoà, Tây Ninh - Dt: 0867 763192	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 20/04/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	32.477	32.477	32.477	32.477	32.477	32.477	32.477	32.477	32.477
4151	Vật tư ngành nước	Ống PVC - U - Ø49	m	QCVN 16:2023/BXD ISO 9001:2015	49 x 1.5mm	Công ty TNHH SX TM Nhựa Bình Minh Phát. Đc: Lô E1-E2 đường số 2, KCN Hải Sơn, GD 3+4, ấp Bình Tiền 2, Đức Hoà, Tây Ninh - Dt: 0867 763192	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 20/04/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	21.006	21.006	21.006	21.006	21.006	21.006	21.006	21.006	21.006
4152	Vật tư ngành nước	Ống PVC - U - Ø49	m	QCVN 16:2023/BXD ISO 9001:2015	49 x 1.8mm	Công ty TNHH SX TM Nhựa Bình Minh Phát. Đc: Lô E1-E2 đường số 2, KCN Hải Sơn, GD 3+4, ấp Bình Tiền 2, Đức Hoà, Tây Ninh - Dt: 0867 763192	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 20/04/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	24.607	24.607	24.607	24.607	24.607	24.607	24.607	24.607	24.607
4153	Vật tư ngành nước	Ống PVC - U - Ø49	m	QCVN 16:2023/BXD ISO 9001:2015	49 x 2.1mm	Công ty TNHH SX TM Nhựa Bình Minh Phát. Đc: Lô E1-E2 đường số 2, KCN Hải Sơn, GD 3+4, ấp Bình Tiền 2, Đức Hoà, Tây Ninh - Dt: 0867 763192	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 20/04/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	28.048	28.048	28.048	28.048	28.048	28.048	28.048	28.048	28.048
4154	Vật tư ngành nước	Ống PVC - U - Ø49	m	QCVN 16:2023/BXD ISO 9001:2015	49 x 2.5mm	Công ty TNHH SX TM Nhựa Bình Minh Phát. Đc: Lô E1-E2 đường số 2, KCN Hải Sơn, GD 3+4, ấp Bình Tiền 2, Đức Hoà, Tây Ninh - Dt: 0867 763192	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 20/04/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	33.009	33.009	33.009	33.009	33.009	33.009	33.009	33.009	33.009
4155	Vật tư ngành nước	Ống PVC - U - Ø49	m	QCVN 16:2023/BXD ISO 9001:2015	49 x 3.0mm	Công ty TNHH SX TM Nhựa Bình Minh Phát. Đc: Lô E1-E2 đường số 2, KCN Hải Sơn, GD 3+4, ấp Bình Tiền 2, Đức Hoà, Tây Ninh - Dt: 0867 763192	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 20/04/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	38.561	38.561	38.561	38.561	38.561	38.561	38.561	38.561	38.561
4156	Vật tư ngành nước	Ống PVC - U - Ø60	m	QCVN 16:2023/BXD ISO 9001:2015	60 x 1.6mm	Công ty TNHH SX TM Nhựa Bình Minh Phát. Đc: Lô E1-E2 đường số 2, KCN Hải Sơn, GD 3+4, ấp Bình Tiền 2, Đức Hoà, Tây Ninh - Dt: 0867 763192	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 20/04/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	28.508	28.508	28.508	28.508	28.508	28.508	28.508	28.508	28.508
4157	Vật tư ngành nước	Ống PVC - U - Ø60	m	QCVN 16:2023/BXD ISO 9001:2015	60 x 1.8mm	Công ty TNHH SX TM Nhựa Bình Minh Phát. Đc: Lô E1-E2 đường số 2, KCN Hải Sơn, GD 3+4, ấp Bình Tiền 2, Đức Hoà, Tây Ninh - Dt: 0867 763192	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 20/04/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	31.739	31.739	31.739	31.739	31.739	31.739	31.739	31.739	31.739
4158	Vật tư ngành nước	Ống PVC - U - Ø60	m	QCVN 16:2023/BXD ISO 9001:2015	60 x 2.0mm	Công ty TNHH SX TM Nhựa Bình Minh Phát. Đc: Lô E1-E2 đường số 2, KCN Hải Sơn, GD 3+4, ấp Bình Tiền 2, Đức Hoà, Tây Ninh - Dt: 0867 763192	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 20/04/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	34.510	34.510	34.510	34.510	34.510	34.510	34.510	34.510	34.510
4159	Vật tư ngành nước	Ống PVC - U - Ø60	m	QCVN 16:2023/BXD ISO 9001:2015	60 x 2.3mm	Công ty TNHH SX TM Nhựa Bình Minh Phát. Đc: Lô E1-E2 đường số 2, KCN Hải Sơn, GD 3+4, ấp Bình Tiền 2, Đức Hoà, Tây Ninh - Dt: 0867 763192	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 20/04/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	39.120	39.120	39.120	39.120	39.120	39.120	39.120	39.120	39.120
4160	Vật tư ngành nước	Ống PVC - U - Ø60	m	QCVN 16:2023/BXD ISO 9001:2015	60 x 2.5mm	Công ty TNHH SX TM Nhựa Bình Minh Phát. Đc: Lô E1-E2 đường số 2, KCN Hải Sơn, GD 3+4, ấp Bình Tiền 2, Đức Hoà, Tây Ninh - Dt: 0867 763192	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 20/04/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	42.663	42.663	42.663	42.663	42.663	42.663	42.663	42.663	42.663
4161	Vật tư ngành nước	Ống PVC - U - Ø60	m	QCVN 16:2023/BXD ISO 9001:2015	60 x 3.0mm	Công ty TNHH SX TM Nhựa Bình Minh Phát. Đc: Lô E1-E2 đường số 2, KCN Hải Sơn, GD 3+4, ấp Bình Tiền 2, Đức Hoà, Tây Ninh - Dt: 0867 763192	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 20/04/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	49.369	49.369	49.369	49.369	49.369	49.369	49.369	49.369	49.369
4162	Vật tư ngành nước	Ống PVC - U - Ø76	m	QCVN 16:2023/BXD ISO 9001:2015	76 x 1.8mm	Công ty TNHH SX TM Nhựa Bình Minh Phát. Đc: Lô E1-E2 đường số 2, KCN Hải Sơn, GD 3+4, ấp Bình Tiền 2, Đức Hoà, Tây Ninh - Dt: 0867 763192	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 20/04/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	39.461	39.461	39.461	39.461	39.461	39.461	39.461	39.461	39.461
4163	Vật tư ngành nước	Ống PVC - U - Ø76	m	QCVN 16:2023/BXD ISO 9001:2015	76 x 2.2mm	Công ty TNHH SX TM Nhựa Bình Minh Phát. Đc: Lô E1-E2 đường số 2, KCN Hải Sơn, GD 3+4, ấp Bình Tiền 2, Đức Hoà, Tây Ninh - Dt: 0867 763192	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 20/04/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	47.563	47.563	47.563	47.563	47.563	47.563	47.563	47.563	47.563
4164	Vật tư ngành nước	Ống PVC - U - Ø76	m	QCVN 16:2023/BXD ISO 9001:2015	76 x 3.6mm	Công ty TNHH SX TM Nhựa Bình Minh Phát. Đc: Lô E1-E2 đường số 2, KCN Hải Sơn, GD 3+4, ấp Bình Tiền 2, Đức Hoà, Tây Ninh - Dt: 0867 763192	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 20/04/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	75.022	75.022	75.022	75.022	75.022	75.022	75.022	75.022	75.022
4165	Vật tư ngành nước	Ống PVC - U - Ø90	m	QCVN 16:2023/BXD ISO 9001:2015	90 x 1.7mm	Công ty TNHH SX TM Nhựa Bình Minh Phát. Đc: Lô E1-E2 đường số 2, KCN Hải Sơn, GD 3+4, ấp Bình Tiền 2, Đức Hoà, Tây Ninh - Dt: 0867 763192	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 20/04/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	42.463	42.463	42.463	42.463	42.463	42.463	42.463	42.463	42.463
4166	Vật tư ngành nước	Ống PVC - U - Ø90	m	QCVN 16:2023/BXD ISO 9001:2015	90 x 2.0mm	Công ty TNHH SX TM Nhựa Bình Minh Phát. Đc: Lô E1-E2 đường số 2, KCN Hải Sơn, GD 3+4, ấp Bình Tiền 2, Đức Hoà, Tây Ninh - Dt: 0867 763192	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 20/04/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	51.014	51.014	51.014	51.014	51.014	51.014	51.014	51.014	51.014
4167	Vật tư ngành nước	Ống PVC - U - Ø90	m	QCVN 16:2023/BXD ISO 9001:2015	90 x 2.6mm	Công ty TNHH SX TM Nhựa Bình Minh Phát. Đc: Lô E1-E2 đường số 2, KCN Hải Sơn, GD 3+4, ấp Bình Tiền 2, Đức Hoà, Tây Ninh - Dt: 0867 763192	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 20/04/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	65.269	65.269	65.269	65.269	65.269	65.269	65.269	65.269	65.269
4168	Vật tư ngành nước	Ống PVC - U - Ø90	m	QCVN 16:2023/BXD ISO 9001:2015	90 x 3.0mm	Công ty TNHH SX TM Nhựa Bình Minh Phát. Đc: Lô E1-E2 đường số 2, KCN Hải Sơn, GD 3+4, ấp Bình Tiền 2, Đức Hoà, Tây Ninh - Dt: 0867 763192	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 20/04/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	75.022	75.022	75.022	75.022	75.022	75.022	75.022	75.022	75.022

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)(đồng)								
												Khu vực TP. Tây Ninh	Khu vực TX.Trảng Bàng	Khu vực TX. Hoà Thành	Khu vực H.Tân Biên	Khu vực H.Tân Châu	Khu vực H. Châu Thành	Khu vực H.Dương Minh Châu	Khu vực H. Bến Cầu	Khu vực H. Gò Dầu
4169	Vật tư ngành nước	Ống PVC - U - Ø90	m	QCVN 16:2023/BXD ISO 9001:2015	90 x 3.5mm	Công ty TNHH SX TM Nhựa Bình Minh Phát. Đc: Lô E1-E2 đường số 2, KCN Hải Sơn, GD 3+4, ấp Bình Tiền 2, Đức Hoà, Tây Ninh - Dt: 0867 763192	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 20/04/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	84.774	84.774	84.774	84.774	84.774	84.774	84.774	84.774	84.774
4170	Vật tư ngành nước	Ống PVC - U - Ø114	m	QCVN 16:2023/BXD ISO 9001:2015	114 x 2.0mm	Công ty TNHH SX TM Nhựa Bình Minh Phát. Đc: Lô E1-E2 đường số 2, KCN Hải Sơn, GD 3+4, ấp Bình Tiền 2, Đức Hoà, Tây Ninh - Dt: 0867 763192	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 20/04/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	65.871	65.871	65.871	65.871	65.871	65.871	65.871	65.871	65.871
4171	Vật tư ngành nước	Ống PVC - U - Ø114	m	QCVN 16:2023/BXD ISO 9001:2015	114 x 2.2mm	Công ty TNHH SX TM Nhựa Bình Minh Phát. Đc: Lô E1-E2 đường số 2, KCN Hải Sơn, GD 3+4, ấp Bình Tiền 2, Đức Hoà, Tây Ninh - Dt: 0867 763192	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 20/04/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	74.271	74.271	74.271	74.271	74.271	74.271	74.271	74.271	74.271
4172	Vật tư ngành nước	Ống PVC - U - Ø114	m	QCVN 16:2023/BXD ISO 9001:2015	114 x 2.6mm	Công ty TNHH SX TM Nhựa Bình Minh Phát. Đc: Lô E1-E2 đường số 2, KCN Hải Sơn, GD 3+4, ấp Bình Tiền 2, Đức Hoà, Tây Ninh - Dt: 0867 763192	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 20/04/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	86.274	86.274	86.274	86.274	86.274	86.274	86.274	86.274	86.274
4173	Vật tư ngành nước	Ống PVC - U - Ø114	m	QCVN 16:2023/BXD ISO 9001:2015	114 x 3.1mm	Công ty TNHH SX TM Nhựa Bình Minh Phát. Đc: Lô E1-E2 đường số 2, KCN Hải Sơn, GD 3+4, ấp Bình Tiền 2, Đức Hoà, Tây Ninh - Dt: 0867 763192	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 20/04/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	101.279	101.279	101.279	101.279	101.279	101.279	101.279	101.279	101.279
4174	Vật tư ngành nước	Ống PVC - U - Ø114	m	QCVN 16:2023/BXD ISO 9001:2015	114 x 3.8mm	Công ty TNHH SX TM Nhựa Bình Minh Phát. Đc: Lô E1-E2 đường số 2, KCN Hải Sơn, GD 3+4, ấp Bình Tiền 2, Đức Hoà, Tây Ninh - Dt: 0867 763192	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 20/04/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	120.485	120.485	120.485	120.485	120.485	120.485	120.485	120.485	120.485
4175	Vật tư ngành nước	Ống PVC - U - Ø114	m	QCVN 16:2023/BXD ISO 9001:2015	114 x 4.5mm	Công ty TNHH SX TM Nhựa Bình Minh Phát. Đc: Lô E1-E2 đường số 2, KCN Hải Sơn, GD 3+4, ấp Bình Tiền 2, Đức Hoà, Tây Ninh - Dt: 0867 763192	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 20/04/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	141.791	141.791	141.791	141.791	141.791	141.791	141.791	141.791	141.791
4176	Vật tư ngành nước	Ống PVC - U - Ø130	m	QCVN 16:2023/BXD ISO 9001:2015	130 x 4.0mm	Công ty TNHH SX TM Nhựa Bình Minh Phát. Đc: Lô E1-E2 đường số 2, KCN Hải Sơn, GD 3+4, ấp Bình Tiền 2, Đức Hoà, Tây Ninh - Dt: 0867 763192	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 20/04/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	144.491	144.491	144.491	144.491	144.491	144.491	144.491	144.491	144.491
4177	Vật tư ngành nước	Ống PVC - U - Ø130	m	QCVN 16:2023/BXD ISO 9001:2015	130 x 5.0mm	Công ty TNHH SX TM Nhựa Bình Minh Phát. Đc: Lô E1-E2 đường số 2, KCN Hải Sơn, GD 3+4, ấp Bình Tiền 2, Đức Hoà, Tây Ninh - Dt: 0867 763192	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 20/04/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	178.551	178.551	178.551	178.551	178.551	178.551	178.551	178.551	178.551
4178	Vật tư ngành nước	Ống PVC - U - Ø130	m	QCVN 16:2023/BXD ISO 9001:2015	140 x 3.5mm	Công ty TNHH SX TM Nhựa Bình Minh Phát. Đc: Lô E1-E2 đường số 2, KCN Hải Sơn, GD 3+4, ấp Bình Tiền 2, Đức Hoà, Tây Ninh - Dt: 0867 763192	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 20/04/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	141.483	141.483	141.483	141.483	141.483	141.483	141.483	141.483	141.483
4179	Vật tư ngành nước	Ống PVC - U - Ø130	m	QCVN 16:2023/BXD ISO 9001:2015	140 x 4.1mm	Công ty TNHH SX TM Nhựa Bình Minh Phát. Đc: Lô E1-E2 đường số 2, KCN Hải Sơn, GD 3+4, ấp Bình Tiền 2, Đức Hoà, Tây Ninh - Dt: 0867 763192	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 20/04/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	164.657	164.657	164.657	164.657	164.657	164.657	164.657	164.657	164.657
4180	Vật tư ngành nước	Ống PVC - U - Ø130	m	QCVN 16:2023/BXD ISO 9001:2015	140 x 5.1mm	Công ty TNHH SX TM Nhựa Bình Minh Phát. Đc: Lô E1-E2 đường số 2, KCN Hải Sơn, GD 3+4, ấp Bình Tiền 2, Đức Hoà, Tây Ninh - Dt: 0867 763192	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 20/04/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	201.248	201.248	201.248	201.248	201.248	201.248	201.248	201.248	201.248
4181	Vật tư ngành nước	Ống PVC - U - Ø130	m	QCVN 16:2023/BXD ISO 9001:2015	140 x 6.7mm	Công ty TNHH SX TM Nhựa Bình Minh Phát. Đc: Lô E1-E2 đường số 2, KCN Hải Sơn, GD 3+4, ấp Bình Tiền 2, Đức Hoà, Tây Ninh - Dt: 0867 763192	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 20/04/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	263.756	263.756	263.756	263.756	263.756	263.756	263.756	263.756	263.756
4182	Vật tư ngành nước	Ống PVC - U - Ø130	m	QCVN 16:2023/BXD ISO 9001:2015	168 x 3.2mm	Công ty TNHH SX TM Nhựa Bình Minh Phát. Đc: Lô E1-E2 đường số 2, KCN Hải Sơn, GD 3+4, ấp Bình Tiền 2, Đức Hoà, Tây Ninh - Dt: 0867 763192	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 20/04/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	159.473	159.473	159.473	159.473	159.473	159.473	159.473	159.473	159.473
4183	Vật tư ngành nước	Ống PVC - U - Ø130	m	QCVN 16:2023/BXD ISO 9001:2015	168 x 4.5mm	Công ty TNHH SX TM Nhựa Bình Minh Phát. Đc: Lô E1-E2 đường số 2, KCN Hải Sơn, GD 3+4, ấp Bình Tiền 2, Đức Hoà, Tây Ninh - Dt: 0867 763192	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 20/04/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	214.359	214.359	214.359	214.359	214.359	214.359	214.359	214.359	214.359
4184	Vật tư ngành nước	Ống PVC - U - Ø130	m	QCVN 16:2023/BXD ISO 9001:2015	168 x 5.0mm	Công ty TNHH SX TM Nhựa Bình Minh Phát. Đc: Lô E1-E2 đường số 2, KCN Hải Sơn, GD 3+4, ấp Bình Tiền 2, Đức Hoà, Tây Ninh - Dt: 0867 763192	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 20/04/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	239.057	239.057	239.057	239.057	239.057	239.057	239.057	239.057	239.057
4185	Vật tư ngành nước	Ống PVC - U - Ø130	m	QCVN 16:2023/BXD ISO 9001:2015	168 x 6.6mm	Công ty TNHH SX TM Nhựa Bình Minh Phát. Đc: Lô E1-E2 đường số 2, KCN Hải Sơn, GD 3+4, ấp Bình Tiền 2, Đức Hoà, Tây Ninh - Dt: 0867 763192	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 20/04/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	309.799	309.799	309.799	309.799	309.799	309.799	309.799	309.799	309.799
4186	Vật tư ngành nước	Ống PVC - U - Ø200	m	QCVN 16:2023/BXD ISO 9001:2015	200 x 5.1mm	Công ty TNHH SX TM Nhựa Bình Minh Phát. Đc: Lô E1-E2 đường số 2, KCN Hải Sơn, GD 3+4, ấp Bình Tiền 2, Đức Hoà, Tây Ninh - Dt: 0867 763192	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 20/04/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	291.351	291.351	291.351	291.351	291.351	291.351	291.351	291.351	291.351
4187	Vật tư ngành nước	Ống PVC - U - Ø200	m	QCVN 16:2023/BXD ISO 9001:2015	200 x 5.9mm	Công ty TNHH SX TM Nhựa Bình Minh Phát. Đc: Lô E1-E2 đường số 2, KCN Hải Sơn, GD 3+4, ấp Bình Tiền 2, Đức Hoà, Tây Ninh - Dt: 0867 763192	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 20/04/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	334.345	334.345	334.345	334.345	334.345	334.345	334.345	334.345	334.345
4188	Vật tư ngành nước	Ống PVC - U - Ø200	m	QCVN 16:2023/BXD ISO 9001:2015	200 x 9.6mm	Công ty TNHH SX TM Nhựa Bình Minh Phát. Đc: Lô E1-E2 đường số 2, KCN Hải Sơn, GD 3+4, ấp Bình Tiền 2, Đức Hoà, Tây Ninh - Dt: 0867 763192	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 20/04/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	526.292	526.292	526.292	526.292	526.292	526.292	526.292	526.292	526.292

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)(đồng)								
												Khu vực TP. Tây Ninh	Khu vực TX.Trảng Bàng	Khu vực TX. Hoà Thành	Khu vực H.Tân Biên	Khu vực H.Tân Châu	Khu vực H. Châu Thành	Khu vực H.Dương Minh Châu	Khu vực H. Bến Cầu	Khu vực H. Gò Dầu
4189	Vật tư ngành nước	Ống PVC - U -Ø220	m	QCVN 16:2023/BXD ISO 9001:2015	220 x 4.2mm	Công ty TNHH SX TM Nhựa Bình Minh Phát. Đc: Lô E1-E2 đường số 2, KCN Hải Sơn, GD 3+4, ấp Bình Tiền 2, Đức Hoà, Tây Ninh - Dt: 0867 763192	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 20/04/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	265.951	265.951	265.951	265.951	265.951	265.951	265.951	265.951	265.951
4190	Vật tư ngành nước	Ống PVC - U -Ø220	m	QCVN 16:2023/BXD ISO 9001:2015	220 x 5.6mm	Công ty TNHH SX TM Nhựa Bình Minh Phát. Đc: Lô E1-E2 đường số 2, KCN Hải Sơn, GD 3+4, ấp Bình Tiền 2, Đức Hoà, Tây Ninh - Dt: 0867 763192	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 20/04/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	348.829	348.829	348.829	348.829	348.829	348.829	348.829	348.829	348.829
4191	Vật tư ngành nước	Ống PVC - U -Ø220	m	QCVN 16:2023/BXD ISO 9001:2015	220 x 6.5mm	Công ty TNHH SX TM Nhựa Bình Minh Phát. Đc: Lô E1-E2 đường số 2, KCN Hải Sơn, GD 3+4, ấp Bình Tiền 2, Đức Hoà, Tây Ninh - Dt: 0867 763192	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 20/04/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	401.732	401.732	401.732	401.732	401.732	401.732	401.732	401.732	401.732
4192	Vật tư ngành nước	Ống PVC - U - Ø220	m	QCVN 16:2023/BXD ISO 9001:2015	220 x 8.3mm	Công ty TNHH SX TM Nhựa Bình Minh Phát. Đc: Lô E1-E2 đường số 2, KCN Hải Sơn, GD 3+4, ấp Bình Tiền 2, Đức Hoà, Tây Ninh - Dt: 0867 763192	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 20/04/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	503.119	503.119	503.119	503.119	503.119	503.119	503.119	503.119	503.119
4193	Vật tư ngành nước	Ống PVC - U - Ø250	m	QCVN 16:2023/BXD ISO 9001:2015	250 x 6.5mm	Công ty TNHH SX TM Nhựa Bình Minh Phát. Đc: Lô E1-E2 đường số 2, KCN Hải Sơn, GD 3+4, ấp Bình Tiền 2, Đức Hoà, Tây Ninh - Dt: 0867 763192	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 20/04/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	468.210	468.210	468.210	468.210	468.210	468.210	468.210	468.210	468.210
4194	Vật tư ngành nước	Ống PVC - U - Ø250	m	QCVN 16:2023/BXD ISO 9001:2015	250 x 7.3mm	Công ty TNHH SX TM Nhựa Bình Minh Phát. Đc: Lô E1-E2 đường số 2, KCN Hải Sơn, GD 3+4, ấp Bình Tiền 2, Đức Hoà, Tây Ninh - Dt: 0867 763192	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 20/04/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	523.503	523.503	523.503	523.503	523.503	523.503	523.503	523.503	523.503
4195	Vật tư ngành nước	Ống PVC - U - Ø250	m	QCVN 16:2023/BXD ISO 9001:2015	250 x 9.6mm	Công ty TNHH SX TM Nhựa Bình Minh Phát. Đc: Lô E1-E2 đường số 2, KCN Hải Sơn, GD 3+4, ấp Bình Tiền 2, Đức Hoà, Tây Ninh - Dt: 0867 763192	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 20/04/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	678.076	678.076	678.076	678.076	678.076	678.076	678.076	678.076	678.076
4196	Vật tư ngành nước	Ống PVC - U - Ø250	m	QCVN 16:2023/BXD ISO 9001:2015	250 x 11.9mm	Công ty TNHH SX TM Nhựa Bình Minh Phát. Đc: Lô E1-E2 đường số 2, KCN Hải Sơn, GD 3+4, ấp Bình Tiền 2, Đức Hoà, Tây Ninh - Dt: 0867 763192	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 20/04/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	828.622	828.622	828.622	828.622	828.622	828.622	828.622	828.622	828.622
4197	Vật tư ngành nước	Ống PVC - U - Ø280	m	QCVN 16:2023/BXD ISO 9001:2015	280 x 8.2mm	Công ty TNHH SX TM Nhựa Bình Minh Phát. Đc: Lô E1-E2 đường số 2, KCN Hải Sơn, GD 3+4, ấp Bình Tiền 2, Đức Hoà, Tây Ninh - Dt: 0867 763192	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 20/04/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	657.168	657.168	657.168	657.168	657.168	657.168	657.168	657.168	657.168
4198	Vật tư ngành nước	Ống PVC - U - Ø280	m	QCVN 16:2023/BXD ISO 9001:2015	280 x 13.4mm	Công ty TNHH SX TM Nhựa Bình Minh Phát. Đc: Lô E1-E2 đường số 2, KCN Hải Sơn, GD 3+4, ấp Bình Tiền 2, Đức Hoà, Tây Ninh - Dt: 0867 763192	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 20/04/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	1.046.697	1.046.697	1.046.697	1.046.697	1.046.697	1.046.697	1.046.697	1.046.697	1.046.697
4199	Vật tư ngành nước	Ống PVC - U - Ø315	m	QCVN 16:2023/BXD ISO 9001:2015	315 x 7.7mm	Công ty TNHH SX TM Nhựa Bình Minh Phát. Đc: Lô E1-E2 đường số 2, KCN Hải Sơn, GD 3+4, ấp Bình Tiền 2, Đức Hoà, Tây Ninh - Dt: 0867 763192	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 20/04/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	702.392	702.392	702.392	702.392	702.392	702.392	702.392	702.392	702.392
4200	Vật tư ngành nước	Ống PVC - U - Ø315	m	QCVN 16:2023/BXD ISO 9001:2015	315 x 9.2mm	Công ty TNHH SX TM Nhựa Bình Minh Phát. Đc: Lô E1-E2 đường số 2, KCN Hải Sơn, GD 3+4, ấp Bình Tiền 2, Đức Hoà, Tây Ninh - Dt: 0867 763192	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 20/04/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	832.495	832.495	832.495	832.495	832.495	832.495	832.495	832.495	832.495
4201	Vật tư ngành nước	Ống PVC - U - Ø315	m	QCVN 16:2023/BXD ISO 9001:2015	315 x 12.1mm	Công ty TNHH SX TM Nhựa Bình Minh Phát. Đc: Lô E1-E2 đường số 2, KCN Hải Sơn, GD 3+4, ấp Bình Tiền 2, Đức Hoà, Tây Ninh - Dt: 0867 763192	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 20/04/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	1.079.532	1.079.532	1.079.532	1.079.532	1.079.532	1.079.532	1.079.532	1.079.532	1.079.532
4202	Vật tư ngành nước	Ống PVC - U - Ø315	m	QCVN 16:2023/BXD ISO 9001:2015	315 x 15.0mm	Công ty TNHH SX TM Nhựa Bình Minh Phát. Đc: Lô E1-E2 đường số 2, KCN Hải Sơn, GD 3+4, ấp Bình Tiền 2, Đức Hoà, Tây Ninh - Dt: 0867 763192	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 20/04/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	1.324.246	1.324.246	1.324.246	1.324.246	1.324.246	1.324.246	1.324.246	1.324.246	1.324.246
4203	Vật tư ngành nước	Ống PVC - U - Ø400	m	QCVN 16:2023/BXD ISO 9001:2015	400 x 9.8mm	Công ty TNHH SX TM Nhựa Bình Minh Phát. Đc: Lô E1-E2 đường số 2, KCN Hải Sơn, GD 3+4, ấp Bình Tiền 2, Đức Hoà, Tây Ninh - Dt: 0867 763192	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 20/04/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	1.130.644	1.130.644	1.130.644	1.130.644	1.130.644	1.130.644	1.130.644	1.130.644	1.130.644
4204	Vật tư ngành nước	Ống PVC - U - Ø400	m	QCVN 16:2023/BXD ISO 9001:2015	400 x 11.7mm	Công ty TNHH SX TM Nhựa Bình Minh Phát. Đc: Lô E1-E2 đường số 2, KCN Hải Sơn, GD 3+4, ấp Bình Tiền 2, Đức Hoà, Tây Ninh - Dt: 0867 763192	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 20/04/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	1.338.186	1.338.186	1.338.186	1.338.186	1.338.186	1.338.186	1.338.186	1.338.186	1.338.186
4205	Vật tư ngành nước	Ống PVC - U - Ø400	m	QCVN 16:2023/BXD ISO 9001:2015	400 x 15.3mm	Công ty TNHH SX TM Nhựa Bình Minh Phát. Đc: Lô E1-E2 đường số 2, KCN Hải Sơn, GD 3+4, ấp Bình Tiền 2, Đức Hoà, Tây Ninh - Dt: 0867 763192	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 20/04/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	1.726.941	1.726.941	1.726.941	1.726.941	1.726.941	1.726.941	1.726.941	1.726.941	1.726.941
4206	Vật tư ngành nước	Ống PVC - U - Ø400	m	QCVN 16:2023/BXD ISO 9001:2015	400 x 19.1mm	Công ty TNHH SX TM Nhựa Bình Minh Phát. Đc: Lô E1-E2 đường số 2, KCN Hải Sơn, GD 3+4, ấp Bình Tiền 2, Đức Hoà, Tây Ninh - Dt: 0867 763192	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 20/04/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	2.129.636	2.129.636	2.129.636	2.129.636	2.129.636	2.129.636	2.129.636	2.129.636	2.129.636
4207	Vật tư ngành nước	Ống PVC - U - Ø500	m	QCVN 16:2023/BXD ISO 9001:2015	500 x 12.3mm	Công ty TNHH SX TM Nhựa Bình Minh Phát. Đc: Lô E1-E2 đường số 2, KCN Hải Sơn, GD 3+4, ấp Bình Tiền 2, Đức Hoà, Tây Ninh - Dt: 0867 763192	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 20/04/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	1.892.522	1.892.522	1.892.522	1.892.522	1.892.522	1.892.522	1.892.522	1.892.522	1.892.522
4208	Vật tư ngành nước	Ống PVC - U - Ø500	m	QCVN 16:2023/BXD ISO 9001:2015	500 x 15.3mm	Công ty TNHH SX TM Nhựa Bình Minh Phát. Đc: Lô E1-E2 đường số 2, KCN Hải Sơn, GD 3+4, ấp Bình Tiền 2, Đức Hoà, Tây Ninh - Dt: 0867 763192	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 20/04/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	2.331.916	2.331.916	2.331.916	2.331.916	2.331.916	2.331.916	2.331.916	2.331.916	2.331.916

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)(đồng)								
												Khu vực TP. Tây Ninh	Khu vực TX.Trảng Bàng	Khu vực TX. Hoà Thành	Khu vực H.Tân Biên	Khu vực H.Tân Châu	Khu vực H. Châu Thành	Khu vực H.Dương Minh Châu	Khu vực H. Bến Cầu	Khu vực H. Gò Dầu
4209	Vật tư ngành nước	Ống PVC - U - Ø500	m	QCVN 16:2023/BXD ISO 9001:2015	500 x 19.1mm	Công ty TNHH SX TM Nhựa Bình Minh Phát. Đc: Lô E1-E2 đường số 2, KCN Hải Sơn, GD 3+4, ấp Bình Tiền 2, Đức Hoà, Tây Ninh - Đt: 0867 763192	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 20/04/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	2.879.925	2.879.925	2.879.925	2.879.925	2.879.925	2.879.925	2.879.925	2.879.925	2.879.925
4210	Vật tư ngành nước	Ống PVC - U - Ø630	m	QCVN 16:2023/BXD ISO 9001:2015	630 x 15.4mm	Công ty TNHH SX TM Nhựa Bình Minh Phát. Đc: Lô E1-E2 đường số 2, KCN Hải Sơn, GD 3+4, ấp Bình Tiền 2, Đức Hoà, Tây Ninh - Đt: 0867 763192	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 20/04/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	3.062.970	3.062.970	3.062.970	3.062.970	3.062.970	3.062.970	3.062.970	3.062.970	3.062.970
4211	Vật tư ngành nước	Ống PVC - U - Ø630	m	QCVN 16:2023/BXD ISO 9001:2015	630 x 19.3mm	Công ty TNHH SX TM Nhựa Bình Minh Phát. Đc: Lô E1-E2 đường số 2, KCN Hải Sơn, GD 3+4, ấp Bình Tiền 2, Đức Hoà, Tây Ninh - Đt: 0867 763192	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 20/04/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	3.799.912	3.799.912	3.799.912	3.799.912	3.799.912	3.799.912	3.799.912	3.799.912	3.799.912
4212	Vật tư ngành nước	Ống PVC - U - Ø630	m	QCVN 16:2023/BXD ISO 9001:2015	630 x 24.1mm	Công ty TNHH SX TM Nhựa Bình Minh Phát. Đc: Lô E1-E2 đường số 2, KCN Hải Sơn, GD 3+4, ấp Bình Tiền 2, Đức Hoà, Tây Ninh - Đt: 0867 763192	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 20/04/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	4.692.713	4.692.713	4.692.713	4.692.713	4.692.713	4.692.713	4.692.713	4.692.713	4.692.713
4213	Nhựa đường	CarboncorAsphalt-CA 9.5, CA 12.5	tấn	TCCS 09:2024/CĐBVN	bao 25kg	Công ty Cổ phần Carbon Việt Nam - chi nhánh Đồng Nai. Đc nhà máy sản xuất: số 2, đường số 1 KCN Thạnh Phú, P.Tân Triều, tỉnh Đồng Nai. Công văn đề nghị công bố giá số 1702/2026/CV-TGD ngày 20/06/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Đã bao gồm vận chuyển đến các khu vực	Mức giá ngày 01/01/2026 đến ngày 31/12/2026	Giá không đổi	4.379.000	-	-	-	-	-	-	-	-
4214	Nhựa đường	CarboncorAsphalt-CA 6.7	tấn	TCCS 09:2024/CĐBVN	bao 25kg	Công ty Cổ phần Carbon Việt Nam - chi nhánh Đồng Nai. Đc nhà máy sản xuất: số 2, đường số 1 KCN Thạnh Phú, P.Tân Triều, tỉnh Đồng Nai. Công văn đề nghị công bố giá số 1702/2026/CV-TGD ngày 20/06/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Đã bao gồm vận chuyển đến các khu vực	Mức giá ngày 01/01/2026 đến ngày 31/12/2026	Giá không đổi	4.419.000	-	-	-	-	-	-	-	-
4215	Nhựa đường	CarboncorAsphalt-CA 19 (bê tông nhựa rỗng Carbon)	tấn	TCCS 09:2024/CĐBVN	bao 25kg	Công ty Cổ phần Carbon Việt Nam - chi nhánh Đồng Nai. Đc nhà máy sản xuất: số 2, đường số 1 KCN Thạnh Phú, P.Tân Triều, tỉnh Đồng Nai. Công văn đề nghị công bố giá số 1702/2026/CV-TGD ngày 20/06/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Đã bao gồm vận chuyển đến các khu vực	Mức giá ngày 01/01/2026 đến ngày 31/12/2026	Giá không đổi	3.524.000	-	-	-	-	-	-	-	-
4216	Nhựa đường	Bê tông nhựa nóng C19	tấn	TCVN 13567-1		Công ty TNHH Đồng Thuận Hà. (Đc: 124 đường Nguyễn Thái Học, Tân Ninh, Tây Ninh). Phiếu khảo sát tại đơn vị	Việt Nam	Không có thông tin	Giá giao tại trạm bê tông xã Bến Cầu	Mức giá được thực hiện từ ngày 15/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	1.705.000	-	-	-	-	-	-	-	-
4217	Nhựa đường	Bê tông nhựa nóng C12.5	tấn	TCVN 13567-1		Công ty TNHH Đồng Thuận Hà. (Đc: 124 đường Nguyễn Thái Học, Tân Ninh, Tây Ninh). Phiếu khảo sát tại đơn vị	Việt Nam	Không có thông tin	Giá giao tại trạm bê tông xã Bến Cầu	Mức giá được thực hiện từ ngày 15/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	1.755.000	-	-	-	-	-	-	-	-
4218	Nhựa đường	Bê tông nhựa nóng C9.5	tấn	TCVN 13567-1		Công ty TNHH Đồng Thuận Hà. (Đc: 124 đường Nguyễn Thái Học, Tân Ninh, Tây Ninh). Phiếu khảo sát tại đơn vị	Việt Nam	Không có thông tin	Giá giao tại trạm bê tông xã Bến Cầu	Mức giá được thực hiện từ ngày 15/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	1.810.000	-	-	-	-	-	-	-	-
4219	Nhựa đường	Bê tông nhựa nóng C9.5	tấn			Công ty TNHH Hải Đăng Khoa (Đc: tổ 3,ấp B, xã Bến Cầu, Tây Ninh). Phiếu khảo sát tại cửa hàng.	Việt Nam	Không có thông tin	Giá giao tại trạm bê tông xã Bến Cầu, Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 10/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	-	-	-	-	-	-	-	1.663.889	-
4220	Nhựa đường	Bê tông nhựa nóng C12.5	tấn			Công ty TNHH Hải Đăng Khoa (Đc: tổ 3,ấp B, xã Bến Cầu, Tây Ninh). Phiếu khảo sát tại cửa hàng.	Việt Nam	Không có thông tin	Giá giao tại trạm bê tông xã Bến Cầu, Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 10/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	-	-	-	-	-	-	-	1.635.185	-
4221	Nhựa đường	Bê tông nhựa nóng C19	tấn			Công ty TNHH Hải Đăng Khoa (Đc: tổ 3,ấp B, xã Bến Cầu, Tây Ninh). Phiếu khảo sát tại cửa hàng.	Việt Nam	Không có thông tin	Giá giao tại trạm bê tông xã Bến Cầu, Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 10/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	-	-	-	-	-	-	-	1.605.556	-
4222	Thiết bị PCCC	Bình chữa cháy 4kg	bình			Cửa hàng Nguyên Vũ. (Đc: Khu phố 7, P3, TP.Tây Ninh). Phiếu khảo sát tại các cửa hàng bán lẻ		Giá bán ở TP. Tây Ninh. Mặt hàng nhập khẩu quốc tế, có cung cấp đầy đủ thông tin tiếp nhận hợp chuẩn hợp quy khi mua hàng.	Giá bán tại cửa hàng chưa bao gồm chi phí vận chuyển	Từ ngày 17/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	400.000	-	-	-	-	-	-	-	-
4223	Thiết bị PCCC	Bình chữa cháy 8kg	bình			Cửa hàng Nguyên Vũ. (Đc: Khu phố 7, P3, TP.Tây Ninh). Phiếu khảo sát tại các cửa hàng bán lẻ		Giá bán ở TP. Tây Ninh. Mặt hàng nhập khẩu quốc tế, có cung cấp đầy đủ thông tin tiếp nhận hợp chuẩn hợp quy khi mua hàng.	Giá bán tại cửa hàng chưa bao gồm chi phí vận chuyển	Từ ngày 17/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	650.000	-	-	-	-	-	-	-	-
4224	Thiết bị PCCC	Kệ đựng bình chữa cháy	bộ			Cửa hàng Nguyên Vũ. (Đc: Khu phố 7, P3, TP.Tây Ninh). Phiếu khảo sát tại các cửa hàng bán lẻ		Giá bán ở TP. Tây Ninh. Mặt hàng nhập khẩu quốc tế, có cung cấp đầy đủ thông tin tiếp nhận hợp chuẩn hợp quy khi mua hàng.	Giá bán tại cửa hàng chưa bao gồm chi phí vận chuyển	Từ ngày 17/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	150.000	-	-	-	-	-	-	-	-
4225	Thiết bị PCCC	Tủ PCCC nhỏ	cái			Cửa hàng Nguyên Vũ. (Đc: Khu phố 7, P3, TP.Tây Ninh). Phiếu khảo sát tại các cửa hàng bán lẻ		Giá bán ở TP. Tây Ninh. Mặt hàng nhập khẩu quốc tế, có cung cấp đầy đủ thông tin tiếp nhận hợp chuẩn hợp quy khi mua hàng.	Giá bán tại cửa hàng chưa bao gồm chi phí vận chuyển	Từ ngày 17/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	400.000	-	-	-	-	-	-	-	-
4226	Thiết bị PCCC	Rìu cứu nạn	cái		Trọng lượng 2kg, cán dài 90cm, chất liệu thép cacbon cường độ cao	Cửa hàng Nguyên Vũ. (Đc: Khu phố 7, P3, TP.Tây Ninh). Phiếu khảo sát tại các cửa hàng bán lẻ		Giá bán ở TP. Tây Ninh. Mặt hàng nhập khẩu quốc tế, có cung cấp đầy đủ thông tin tiếp nhận hợp chuẩn hợp quy khi mua hàng.	Giá bán tại cửa hàng chưa bao gồm chi phí vận chuyển	Từ ngày 17/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	315.000	-	-	-	-	-	-	-	-
4227	Thiết bị PCCC	Xà beo	cái		Một đầu nhọn, một đầu dẹt, dài 100cm	Cửa hàng Nguyên Vũ. (Đc: Khu phố 7, P3, TP.Tây Ninh). Phiếu khảo sát tại các cửa hàng bán lẻ		Giá bán ở TP. Tây Ninh. Mặt hàng nhập khẩu quốc tế, có cung cấp đầy đủ thông tin tiếp nhận hợp chuẩn hợp quy khi mua hàng.	Giá bán tại cửa hàng chưa bao gồm chi phí vận chuyển	Từ ngày 17/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	215.000	-	-	-	-	-	-	-	-

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)(đồng)								
												Khu vực TP. Tây Ninh	Khu vực TX.Trảng Bàng	Khu vực TX. Hoà Thành	Khu vực H.Tân Biên	Khu vực H.Tân Châu	Khu vực H. Châu Thành	Khu vực H.Dương Minh Châu	Khu vực H. Bến Cầu	Khu vực H. Gò Dầu
4228	Thiết bị PCCC	Xà cầy 60cm	cái		Một đầu nhọn, một đầu móc nhỏ đinh	Cửa hàng Nguyên Vũ. (Đc: Khu phố 7, P3, TP.Tây Ninh). Phiếu khảo sát tại các cửa hàng bán lẻ		Giá bán ở TP. Tây Ninh. Mặt hàng nhập khẩu quốc tế, có cung cấp đầy đủ thông tin tiếp nhận hợp chuẩn hợp quy khi mua hàng.	Giá bán tại cửa hàng chưa bao gồm chi phí vận chuyển	Từ ngày 17/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	190.000	-	-	-	-	-	-	-	-
4229	Thiết bị PCCC	Búa tạ	cái		Thép cacbon cường độ cao, nặng 5kg, cán dài 50cm	Cửa hàng Nguyên Vũ. (Đc: Khu phố 7, P3, TP.Tây Ninh). Phiếu khảo sát tại các cửa hàng bán lẻ		Giá bán ở TP. Tây Ninh. Mặt hàng nhập khẩu quốc tế, có cung cấp đầy đủ thông tin tiếp nhận hợp chuẩn hợp quy khi mua hàng.	Giá bán tại cửa hàng chưa bao gồm chi phí vận chuyển	Từ ngày 17/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	325.000	-	-	-	-	-	-	-	-
4230	Thiết bị PCCC	Kìm cộng lực	cái		Dài 60cm, tài cắt 60kg	Cửa hàng Nguyên Vũ. (Đc: Khu phố 7, P3, TP.Tây Ninh). Phiếu khảo sát tại các cửa hàng bán lẻ		Giá bán ở TP. Tây Ninh. Mặt hàng nhập khẩu quốc tế, có cung cấp đầy đủ thông tin tiếp nhận hợp chuẩn hợp quy khi mua hàng.	Giá bán tại cửa hàng chưa bao gồm chi phí vận chuyển	Từ ngày 17/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	325.000	-	-	-	-	-	-	-	-
4231	Thiết bị PCCC	Càng cứu thương màu cam	cái		Model: KTVN-TT150 gấp 2 khúc, có túi quai xách in TT150	Cửa hàng Nguyên Vũ. (Đc: Khu phố 7, P3, TP.Tây Ninh). Phiếu khảo sát tại các cửa hàng bán lẻ		Giá bán ở TP. Tây Ninh. Mặt hàng nhập khẩu quốc tế, có cung cấp đầy đủ thông tin tiếp nhận hợp chuẩn hợp quy khi mua hàng.	Giá bán tại cửa hàng chưa bao gồm chi phí vận chuyển	Từ ngày 17/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	1.500.000	-	-	-	-	-	-	-	-
4232	Thiết bị PCCC	Mặt na lọc độc 40p	cái	QCVN 10:2012/BLĐTBXH	Mã KT-40	Cửa hàng Nguyên Vũ. (Đc: Khu phố 7, P3, TP.Tây Ninh). Phiếu khảo sát tại các cửa hàng bán lẻ		Giá bán ở TP. Tây Ninh. Mặt hàng nhập khẩu quốc tế, có cung cấp đầy đủ thông tin tiếp nhận hợp chuẩn hợp quy khi mua hàng.	Giá bán tại cửa hàng chưa bao gồm chi phí vận chuyển	Từ ngày 17/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	550.000	-	-	-	-	-	-	-	-
4233	Thiết bị PCCC	Lăng phun chữa cháy Tomoken D50	cái		50.0mm	Cửa hàng Nguyên Vũ. (Đc: Khu phố 7, P3, TP.Tây Ninh). Phiếu khảo sát tại các cửa hàng bán lẻ		Giá bán ở TP. Tây Ninh. Mặt hàng nhập khẩu quốc tế, có cung cấp đầy đủ thông tin tiếp nhận hợp chuẩn hợp quy khi mua hàng.	Giá bán tại cửa hàng chưa bao gồm chi phí vận chuyển	Từ ngày 17/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	75.000	-	-	-	-	-	-	-	-
4234	Thiết bị PCCC	Trang phục chữa cháy TT150	bộ		150.0mm	Cửa hàng Nguyên Vũ. (Đc: Khu phố 7, P3, TP.Tây Ninh). Phiếu khảo sát tại các cửa hàng bán lẻ		Giá bán ở TP. Tây Ninh. Mặt hàng nhập khẩu quốc tế, có cung cấp đầy đủ thông tin tiếp nhận hợp chuẩn hợp quy khi mua hàng.	Giá bán tại cửa hàng chưa bao gồm chi phí vận chuyển	Từ ngày 17/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	950.000	-	-	-	-	-	-	-	-
4235	Bê tông thương phẩm	Bê tông M100	m3		Độ sụt 10+-2	DNTN Lê Thành Công. Đc: ấ 148, KHP.Hoà Hội, P.Trảng Bàng, Tây Ninh. (Phiếu khảo sát)	Việt Nam	Giá bán tại khu vực huyện Trảng Bàng. Mỗi cấp độ sụt tăng thêm 20.000đ/m³. Khối lượng thấp ≤ 4m³ sẽ tính cước vận chuyển từ 300.000 đến 500.000 đồng.	Vận chuyển đến chân công trình	Mức giá được áp dụng từ ngày 16/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	-	1.220.000	-	-	-	-	-	-	-
4236	Bê tông thương phẩm	Bê tông M150	m3		Độ sụt 10+-2	DNTN Lê Thành Công. Đc: ấ 148, KHP.Hoà Hội, P.Trảng Bàng, Tây Ninh. (Phiếu khảo sát)	Việt Nam	Giá bán tại khu vực huyện Trảng Bàng. Mỗi cấp độ sụt tăng thêm 20.000đ/m³. Khối lượng thấp ≤ 4m³ sẽ tính cước vận chuyển từ 300.000 đến 500.000 đồng.	Vận chuyển đến chân công trình	Mức giá được áp dụng từ ngày 16/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	-	1.270.000	-	-	-	-	-	-	-
4237	Bê tông thương phẩm	Bê tông M200	m3		Độ sụt 10+-2	DNTN Lê Thành Công. Đc: ấ 148, KHP.Hoà Hội, P.Trảng Bàng, Tây Ninh. (Phiếu khảo sát)	Việt Nam	Giá bán tại khu vực huyện Trảng Bàng. Mỗi cấp độ sụt tăng thêm 20.000đ/m³. Khối lượng thấp ≤ 4m³ sẽ tính cước vận chuyển từ 300.000 đến 500.000 đồng.	Vận chuyển đến chân công trình	Mức giá được áp dụng từ ngày 16/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	-	1.320.000	-	-	-	-	-	-	-
4238	Bê tông thương phẩm	Bê tông M250	m3		Độ sụt 10+-2	DNTN Lê Thành Công. Đc: ấ 148, KHP.Hoà Hội, P.Trảng Bàng, Tây Ninh. (Phiếu khảo sát)	Việt Nam	Giá bán tại khu vực huyện Trảng Bàng. Mỗi cấp độ sụt tăng thêm 20.000đ/m³. Khối lượng thấp ≤ 4m³ sẽ tính cước vận chuyển từ 300.000 đến 500.000 đồng.	Vận chuyển đến chân công trình	Mức giá được áp dụng từ ngày 16/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	-	1.370.000	-	-	-	-	-	-	-
4239	Bê tông thương phẩm	Bê tông M300	m3		Độ sụt 10+-2	DNTN Lê Thành Công. Đc: ấ 148, KHP.Hoà Hội, P.Trảng Bàng, Tây Ninh. (Phiếu khảo sát)	Việt Nam	Giá bán tại khu vực huyện Trảng Bàng. Mỗi cấp độ sụt tăng thêm 20.000đ/m³. Khối lượng thấp ≤ 4m³ sẽ tính cước vận chuyển từ 300.000 đến 500.000 đồng.	Vận chuyển đến chân công trình	Mức giá được áp dụng từ ngày 16/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	-	1.420.000	-	-	-	-	-	-	-
4240	Bê tông thương phẩm	Bê tông M350	m3		Độ sụt 10+-2	DNTN Lê Thành Công. Đc: ấ 148, KHP.Hoà Hội, P.Trảng Bàng, Tây Ninh. (Phiếu khảo sát)	Việt Nam	Giá bán tại khu vực huyện Trảng Bàng. Mỗi cấp độ sụt tăng thêm 20.000đ/m³. Khối lượng thấp ≤ 4m³ sẽ tính cước vận chuyển từ 300.000 đến 500.000 đồng.	Vận chuyển đến chân công trình	Mức giá được áp dụng từ ngày 16/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	-	1.470.000	-	-	-	-	-	-	-

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)(đồng)							
												Khu vực TP. Tây Ninh	Khu vực TX.Trảng Bàng	Khu vực TX. Hoà Thành	Khu vực H.Tân Biên	Khu vực H.Tân Châu	Khu vực H. Châu Thành	Khu vực H.Dương Minh Châu	Khu vực H. Bến Cầu	Khu vực H. Gò Dầu
4241	Bê tông thương phẩm	Bê tông M400	m3		Độ sụt 10+-2	DNTN Lê Thành Công. Đc: ô 148, KHP.Hoà Hội, P.Trảng Bàng, Tây Ninh. (Phiếu khảo sát)	Việt Nam	Giá bán tại khu vực huyện Trảng Bàng. Mỗi cấp độ sụt tăng thêm 20.000đ/m³. Khối lượng thấp ≤ 4m³ sẽ tính cước vận chuyển từ 300.000 đến 500.000 đồng.	Vận chuyển đến chân công trình	Mức giá được áp dụng từ ngày 16/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	-	1.520.000	-	-	-	-	-	-	-
4242	Bê tông nhựa	Bê tông nhựa nóng C9,5	tấn	TCVN 13567-1:2022		Công ty CP ĐT XD TM SIC. Đc: Thanh Mỹ Tây, TP.HCM - Dt: 0911 026 996. Công văn đề nghị công bố giá số 1007.2/2026/SIC-SXD ngày 10/07/2026	Việt Nam	Theo thoả thuận	Giao tại trạm trộn. Tổ 18, Khu phố Tân Lập, P.Phước Tân, TP.Đồng Nai	Mức giá được áp dụng từ ngày 10/07/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	1.442.000	1.442.000	1.442.000	1.442.000	1.442.000	1.442.000	1.442.000	1.442.000	1.442.000
4243	Bê tông nhựa	Bê tông nhựa nóng C12,5	tấn	TCVN 13567-1:2022		Công ty CP ĐT XD TM SIC. Đc: Thanh Mỹ Tây, TP.HCM - Dt: 0911 026 996. Công văn đề nghị công bố giá số 1007.2/2026/SIC-SXD ngày 10/07/2026	Việt Nam	Theo thoả thuận	Giao tại trạm trộn. Tổ 18, Khu phố Tân Lập, P.Phước Tân, TP.Đồng Nai	Mức giá được áp dụng từ ngày 10/07/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	1.420.000	1.420.000	1.420.000	1.420.000	1.420.000	1.420.000	1.420.000	1.420.000	1.420.000
4244	Bê tông nhựa	Bê tông nhựa nóng C16	tấn	TCVN 13567-1:2022		Công ty CP ĐT XD TM SIC. Đc: Thanh Mỹ Tây, TP.HCM - Dt: 0911 026 996. Công văn đề nghị công bố giá số 1007.2/2026/SIC-SXD ngày 10/07/2026	Việt Nam	Theo thoả thuận	Giao tại trạm trộn. Tổ 18, Khu phố Tân Lập, P.Phước Tân, TP.Đồng Nai	Mức giá được áp dụng từ ngày 10/07/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	1.404.000	1.404.000	1.404.000	1.404.000	1.404.000	1.404.000	1.404.000	1.404.000	1.404.000
4245	Bê tông nhựa	Bê tông nhựa nóng C19	tấn	TCVN 13567-1:2022		Công ty CP ĐT XD TM SIC. Đc: Thanh Mỹ Tây, TP.HCM - Dt: 0911 026 996. Công văn đề nghị công bố giá số 1007.2/2026/SIC-SXD ngày 10/07/2026	Việt Nam	Theo thoả thuận	Giao tại trạm trộn. Tổ 18, Khu phố Tân Lập, P.Phước Tân, TP.Đồng Nai	Mức giá được áp dụng từ ngày 10/07/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	1.387.000	1.387.000	1.387.000	1.387.000	1.387.000	1.387.000	1.387.000	1.387.000	1.387.000
4246	Nhôm kính	Cửa sổ nhôm kính: - Khung nhôm Xingfa hệ 55 VN - 1,4 li - Kính cường lực 8li - Đã bao gồm phụ kiện: Tay nắm cửa, ổ khóa, bản lề, chốt,..)	m2			Cơ sở Cửa sắt Hậu Phương (Phiếu khảo sát)	Việt Nam	Giá gia công tại xưởng - Tx. Trảng Bàng. Sản xuất, gia công và lắp đặt tại Việt Nam, cung cấp đầy đủ giấy kiểm định, hợp chuẩn	Chưa bao gồm chi phí vận chuyển	Từ ngày 16/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	2.550.000	2.550.000	2.550.000	2.550.000	2.550.000	2.550.000	2.550.000	2.550.000	2.550.000
4247	Nhôm kính	Cửa đi nhôm kính: - Khung nhôm Xingfa hệ 55 VN - 2 li - Kính cường lực 8li - Đã bao gồm phụ kiện: Tay nắm cửa, ổ khóa, bản lề, chốt,..)	m2			Cơ sở Cửa sắt Hậu Phương (Phiếu khảo sát)	Việt Nam	Giá gia công tại xưởng - Tx. Trảng Bàng. Sản xuất, gia công và lắp đặt tại Việt Nam, cung cấp đầy đủ giấy kiểm định, hợp chuẩn	Chưa bao gồm chi phí vận chuyển	Từ ngày 16/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	2.750.000	2.750.000	2.750.000	2.750.000	2.750.000	2.750.000	2.750.000	2.750.000	2.750.000
4248	Nhôm kính	**CỬA ĐI, CỬA SỔ (NHÔM ĐẠI TÂN THÀNH).Phụ kiện DTTLUX. Kính cường lực 8ly**				Công ty TNHH SX TM Xuất nhập khẩu Đại Tân Thành. địa chỉ: Lô R1-R2-R41 Đường số 7, KCN Hải Sơn (GĐ 3+4) mở rộng, xã Đức Hòa , tỉnh Tây Ninh Công văn đề nghị công bố giá số 01/2026/SXDTN/DTT ngày 25 tháng 6 năm 2026	Việt Nam	(Giá áp dụng đối với kính cường lực 8mm; độ dày tăng thêm 2mm cộng thêm 120.000đ/m2. Giá chưa bao gồm chi phí thi công lắp đặt)	Chân công trình trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá kê khai này thực hiện từ ngày 25 / 6 / 2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	-	-	-	-	-	-	-	-	-
4249	Nhôm kính	Cửa đi 1 cánh mở quay trong/ngoài biên dạng hệ ĐTT - 55 liền nẹp,	m2	TCVN 9366:2012	độ dày trung bình cánh 2mm, khung bao 2mm. Màu sơn tĩnh điện (Nâu cà phê, xám, trắng sữa, đen,….)	Công ty TNHH SX TM Xuất nhập khẩu Đại Tân Thành. địa chỉ: Lô R1-R2-R41 Đường số 7, KCN Hải Sơn (GĐ 3+4) mở rộng, xã Đức Hòa , tỉnh Tây Ninh Công văn đề nghị công bố giá số 01/2026/SXDTN/DTT ngày 25 tháng 6 năm 2026	Việt Nam	(Giá áp dụng đối với kính cường lực 8mm; độ dày tăng thêm 2mm cộng thêm 120.000đ/m2. Giá chưa bao gồm chi phí thi công lắp đặt)	Chân công trình trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá kê khai này thực hiện từ ngày 25 / 6 / 2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	2.730.000	2.730.000	2.730.000	2.730.000	2.730.000	2.730.000	2.730.000	2.730.000	2.730.000
4250	Nhôm kính	Cửa đi 1 cánh mở quay trong/ngoài biên dạng hệ ĐTT - 55 liền nẹp,	m2	TCVN 9366:2012	độ dày trung bình cánh 2mm, khung bao 2mm. Màu Sơn Vân Gỗ	Công ty TNHH SX TM Xuất nhập khẩu Đại Tân Thành. địa chỉ: Lô R1-R2-R41 Đường số 7, KCN Hải Sơn (GĐ 3+4) mở rộng, xã Đức Hòa , tỉnh Tây Ninh Công văn đề nghị công bố giá số 01/2026/SXDTN/DTT ngày 25 tháng 6 năm 2026	Việt Nam	(Giá áp dụng đối với kính cường lực 8mm; độ dày tăng thêm 2mm cộng thêm 120.000đ/m2. Giá chưa bao gồm chi phí thi công lắp đặt)	Chân công trình trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá kê khai này thực hiện từ ngày 25 / 6 / 2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	3.120.000	3.120.000	3.120.000	3.120.000	3.120.000	3.120.000	3.120.000	3.120.000	3.120.000
4251	Nhôm kính	Cửa đi 2 cánh mở quay trong/ngoài biên dạng hệ ĐTT - 55 liền nẹp,	m2	TCVN 9366:2012	độ dày trung bình cánh 2mm, khung bao 2mm. Màu sơn tĩnh điện (Nâu cà phê, xám, trắng sữa, đen,….)	Công ty TNHH SX TM Xuất nhập khẩu Đại Tân Thành. địa chỉ: Lô R1-R2-R41 Đường số 7, KCN Hải Sơn (GĐ 3+4) mở rộng, xã Đức Hòa , tỉnh Tây Ninh Công văn đề nghị công bố giá số 01/2026/SXDTN/DTT ngày 25 tháng 6 năm 2026	Việt Nam	(Giá áp dụng đối với kính cường lực 8mm; độ dày tăng thêm 2mm cộng thêm 120.000đ/m2. Giá chưa bao gồm chi phí thi công lắp đặt)	Chân công trình trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá kê khai này thực hiện từ ngày 25 / 6 / 2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	2.795.000	2.795.000	2.795.000	2.795.000	2.795.000	2.795.000	2.795.000	2.795.000	2.795.000
4252	Nhôm kính	Cửa đi 2 cánh mở quay trong/ngoài biên dạng hệ ĐTT - 55 liền nẹp,	m2	TCVN 9366:2012	độ dày trung bình cánh 2mm, khung bao 2mm. Màu Sơn Vân Gỗ	Công ty TNHH SX TM Xuất nhập khẩu Đại Tân Thành. địa chỉ: Lô R1-R2-R41 Đường số 7, KCN Hải Sơn (GĐ 3+4) mở rộng, xã Đức Hòa , tỉnh Tây Ninh Công văn đề nghị công bố giá số 01/2026/SXDTN/DTT ngày 25 tháng 6 năm 2026	Việt Nam	(Giá áp dụng đối với kính cường lực 8mm; độ dày tăng thêm 2mm cộng thêm 120.000đ/m2. Giá chưa bao gồm chi phí thi công lắp đặt)	Chân công trình trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá kê khai này thực hiện từ ngày 25 / 6 / 2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	3.185.000	3.185.000	3.185.000	3.185.000	3.185.000	3.185.000	3.185.000	3.185.000	3.185.000
4253	Nhôm kính	Cửa đi 4 cánh mở quay trong/ngoài biên dạng hệ ĐTT - 55 liền nẹp, đ	m2	TCVN 9366:2012	ộ dày trung bình cánh 2mm, khung bao 2mm. Màu sơn tĩnh điện (Nâu cà phê, xám, trắng sữa, đen,….)	Công ty TNHH SX TM Xuất nhập khẩu Đại Tân Thành. địa chỉ: Lô R1-R2-R41 Đường số 7, KCN Hải Sơn (GĐ 3+4) mở rộng, xã Đức Hòa , tỉnh Tây Ninh Công văn đề nghị công bố giá số 01/2026/SXDTN/DTT ngày 25 tháng 6 năm 2026	Việt Nam	(Giá áp dụng đối với kính cường lực 8mm; độ dày tăng thêm 2mm cộng thêm 120.000đ/m2. Giá chưa bao gồm chi phí thi công lắp đặt)	Chân công trình trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá kê khai này thực hiện từ ngày 25 / 6 / 2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	2.860.000	2.860.000	2.860.000	2.860.000	2.860.000	2.860.000	2.860.000	2.860.000	2.860.000
4254	Nhôm kính	Cửa đi 4 cánh mở quay trong/ngoài biên dạng hệ ĐTT - 55 liền nẹp,	m2	TCVN 9366:2012	độ dày trung bình cánh 2mm, khung bao 2mm. Màu Sơn Vân Gỗ	Công ty TNHH SX TM Xuất nhập khẩu Đại Tân Thành. địa chỉ: Lô R1-R2-R41 Đường số 7, KCN Hải Sơn (GĐ 3+4) mở rộng, xã Đức Hòa , tỉnh Tây Ninh Công văn đề nghị công bố giá số 01/2026/SXDTN/DTT ngày 25 tháng 6 năm 2026	Việt Nam	(Giá áp dụng đối với kính cường lực 8mm; độ dày tăng thêm 2mm cộng thêm 120.000đ/m2. Giá chưa bao gồm chi phí thi công lắp đặt)	Chân công trình trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá kê khai này thực hiện từ ngày 25 / 6 / 2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	3.250.000	3.250.000	3.250.000	3.250.000	3.250.000	3.250.000	3.250.000	3.250.000	3.250.000
4255	Nhôm kính	Cửa sổ 1 cánh mở quay biên dạng hệ ĐTT - 55 liền nẹp,	m2	TCVN 9366:2012	độ dày trung bình cánh 1.4mm, khung bao 1.4mm. Màu sơn tĩnh điện (Nâu cà phê, xám, trắng sữa, đen,….)	Công ty TNHH SX TM Xuất nhập khẩu Đại Tân Thành. địa chỉ: Lô R1-R2-R41 Đường số 7, KCN Hải Sơn (GĐ 3+4) mở rộng, xã Đức Hòa , tỉnh Tây Ninh Công văn đề nghị công bố giá số 01/2026/SXDTN/DTT ngày 25 tháng 6 năm 2026	Việt Nam	(Giá áp dụng đối với kính cường lực 8mm; độ dày tăng thêm 2mm cộng thêm 120.000đ/m2. Giá chưa bao gồm chi phí thi công lắp đặt)	Chân công trình trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá kê khai này thực hiện từ ngày 25 / 6 / 2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	2.548.000	2.548.000	2.548.000	2.548.000	2.548.000	2.548.000	2.548.000	2.548.000	2.548.000
4256	Nhôm kính	Cửa sổ 1 cánh mở quay biên dạng hệ ĐTT - 55 liền nẹp,	m2	TCVN 9366:2012	độ dày trung bình cánh 1.4mm, khung bao 1.4mm. Màu Sơn Vân Gỗ	Công ty TNHH SX TM Xuất nhập khẩu Đại Tân Thành. địa chỉ: Lô R1-R2-R41 Đường số 7, KCN Hải Sơn (GĐ 3+4) mở rộng, xã Đức Hòa , tỉnh Tây Ninh Công văn đề nghị công bố giá số 01/2026/SXDTN/DTT ngày 25 tháng 6 năm 2026	Việt Nam	(Giá áp dụng đối với kính cường lực 8mm; độ dày tăng thêm 2mm cộng thêm 120.000đ/m2. Giá chưa bao gồm chi phí thi công lắp đặt)	Chân công trình trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá kê khai này thực hiện từ ngày 25 / 6 / 2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	2.938.000	2.938.000	2.938.000	2.938.000	2.938.000	2.938.000	2.938.000	2.938.000	2.938.000

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)(đồng)								
												Khu vực TP. Tây Ninh	Khu vực TX.Trảng Bàng	Khu vực TX. Hoà Thành	Khu vực H.Tân Biên	Khu vực H.Tân Châu	Khu vực H. Châu Thành	Khu vực H.Dương Minh Châu	Khu vực H. Bến Cầu	Khu vực H. Gò Dầu
4257	Nhôm kính	Cửa sổ 2 cánh mở quay biên dạng hệ ĐTT - 55 liền nẹp,	m2	TCVN 9366:2012	độ dày trung bình cánh 1.4mm, khung bao 1.4mm. Màu sơn tĩnh điện (Nâu cà phê, xám, trắng sữa, đen,….)	Công ty TNHH SX TM Xuất nhập khẩu Đại Tân Thành. địa chỉ: Lô R1-R2-R41 Đường số 7, KCN Hải Sơn (GĐ 3+4) mở rộng, xã Đức Hòa , tỉnh Tây Ninh Công văn đề nghị công bố giá số 01/2026/SXDTN/DTT ngày 25 tháng 6 năm 2026	Việt Nam	(Giá áp dụng đối với kính cường lực 8mm; độ dày tăng thêm 2mm cộng thêm 120.000đ/m2. Giá chưa bao gồm chi phí thi công lắp đặt)	Chân công trình trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá kê khai này thực hiện từ ngày 25 / 6 / 2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	2.613.000	2.613.000	2.613.000	2.613.000	2.613.000	2.613.000	2.613.000	2.613.000	2.613.000
4258	Nhôm kính	Cửa sổ 2 cánh mở quay biên dạng hệ ĐTT - 55 liền nẹp,	m2	TCVN 9366:2012	độ dày trung bình cánh 1.4mm, khung bao 1.4mm. Màu Sơn Vân Gỗ	Công ty TNHH SX TM Xuất nhập khẩu Đại Tân Thành. địa chỉ: Lô R1-R2-R41 Đường số 7, KCN Hải Sơn (GĐ 3+4) mở rộng, xã Đức Hòa , tỉnh Tây Ninh Công văn đề nghị công bố giá số 01/2026/SXDTN/DTT ngày 25 tháng 6 năm 2026	Việt Nam	(Giá áp dụng đối với kính cường lực 8mm; độ dày tăng thêm 2mm cộng thêm 120.000đ/m2. Giá chưa bao gồm chi phí thi công lắp đặt)	Chân công trình trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá kê khai này thực hiện từ ngày 25 / 6 / 2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	3.003.000	3.003.000	3.003.000	3.003.000	3.003.000	3.003.000	3.003.000	3.003.000	3.003.000
4259	Nhôm kính	Cửa sổ 4 cánh mở quay biên dạng hệ ĐTT - 55 liền nẹp,	m2	TCVN 9366:2012	độ dày trung bình cánh 1.4mm, khung bao 1.4mm. Màu sơn tĩnh điện (Nâu cà phê, xám, trắng sữa, đen,….)	Công ty TNHH SX TM Xuất nhập khẩu Đại Tân Thành. địa chỉ: Lô R1-R2-R41 Đường số 7, KCN Hải Sơn (GĐ 3+4) mở rộng, xã Đức Hòa , tỉnh Tây Ninh Công văn đề nghị công bố giá số 01/2026/SXDTN/DTT ngày 25 tháng 6 năm 2026	Việt Nam	(Giá áp dụng đối với kính cường lực 8mm; độ dày tăng thêm 2mm cộng thêm 120.000đ/m2. Giá chưa bao gồm chi phí thi công lắp đặt)	Chân công trình trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá kê khai này thực hiện từ ngày 25 / 6 / 2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	2.678.000	2.678.000	2.678.000	2.678.000	2.678.000	2.678.000	2.678.000	2.678.000	2.678.000
4260	Nhôm kính	Cửa sổ 4 cánh mở quay biên dạng hệ ĐTT - 55 liền nẹp,	m2	TCVN 9366:2012	độ dày trung bình cánh 1.4mm, khung bao 1.4mm. Màu Sơn Vân Gỗ	Công ty TNHH SX TM Xuất nhập khẩu Đại Tân Thành. địa chỉ: Lô R1-R2-R41 Đường số 7, KCN Hải Sơn (GĐ 3+4) mở rộng, xã Đức Hòa , tỉnh Tây Ninh Công văn đề nghị công bố giá số 01/2026/SXDTN/DTT ngày 25 tháng 6 năm 2026	Việt Nam	(Giá áp dụng đối với kính cường lực 8mm; độ dày tăng thêm 2mm cộng thêm 120.000đ/m2. Giá chưa bao gồm chi phí thi công lắp đặt)	Chân công trình trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá kê khai này thực hiện từ ngày 25 / 6 / 2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	3.068.000	3.068.000	3.068.000	3.068.000	3.068.000	3.068.000	3.068.000	3.068.000	3.068.000
4261	Nhôm kính	Cửa sổ lùa 2 cánh biên dạng hệ ĐTT - 55 liền nẹp,	m2	TCVN 9366:2012	độ dày trung bình cánh 1.4mm, khung bao 1.4mm. Màu sơn tĩnh điện (Nâu cà phê, xám, trắng sữa, đen,….)	Công ty TNHH SX TM Xuất nhập khẩu Đại Tân Thành. địa chỉ: Lô R1-R2-R41 Đường số 7, KCN Hải Sơn (GĐ 3+4) mở rộng, xã Đức Hòa , tỉnh Tây Ninh Công văn đề nghị công bố giá số 01/2026/SXDTN/DTT ngày 25 tháng 6 năm 2026	Việt Nam	(Giá áp dụng đối với kính cường lực 8mm; độ dày tăng thêm 2mm cộng thêm 120.000đ/m2. Giá chưa bao gồm chi phí thi công lắp đặt)	Chân công trình trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá kê khai này thực hiện từ ngày 25 / 6 / 2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	2.366.000	2.366.000	2.366.000	2.366.000	2.366.000	2.366.000	2.366.000	2.366.000	2.366.000
4262	Nhôm kính	Cửa sổ lùa 2 cánh biên dạng hệ ĐTT - 55 liền nẹp,	m2	TCVN 9366:2012	độ dày trung bình cánh 1.4mm, khung bao 1.4mm. Màu Sơn Vân Gỗ	Công ty TNHH SX TM Xuất nhập khẩu Đại Tân Thành. địa chỉ: Lô R1-R2-R41 Đường số 7, KCN Hải Sơn (GĐ 3+4) mở rộng, xã Đức Hòa , tỉnh Tây Ninh Công văn đề nghị công bố giá số 01/2026/SXDTN/DTT ngày 25 tháng 6 năm 2026	Việt Nam	(Giá áp dụng đối với kính cường lực 8mm; độ dày tăng thêm 2mm cộng thêm 120.000đ/m2. Giá chưa bao gồm chi phí thi công lắp đặt)	Chân công trình trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá kê khai này thực hiện từ ngày 25 / 6 / 2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	2.756.000	2.756.000	2.756.000	2.756.000	2.756.000	2.756.000	2.756.000	2.756.000	2.756.000
4263	Nhôm kính	Cửa sổ lùa 4 cánh biên dạng hệ ĐTT - 55 liền nẹp,	m2	TCVN 9366:2012	độ dày trung bình cánh 1.4mm, khung bao 1.4mm. Màu sơn tĩnh điện (Nâu cà phê, xám, trắng sữa, đen,….)	Công ty TNHH SX TM Xuất nhập khẩu Đại Tân Thành. địa chỉ: Lô R1-R2-R41 Đường số 7, KCN Hải Sơn (GĐ 3+4) mở rộng, xã Đức Hòa , tỉnh Tây Ninh Công văn đề nghị công bố giá số 01/2026/SXDTN/DTT ngày 25 tháng 6 năm 2026	Việt Nam	(Giá áp dụng đối với kính cường lực 8mm; độ dày tăng thêm 2mm cộng thêm 120.000đ/m2. Giá chưa bao gồm chi phí thi công lắp đặt)	Chân công trình trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá kê khai này thực hiện từ ngày 25 / 6 / 2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	2.431.000	2.431.000	2.431.000	2.431.000	2.431.000	2.431.000	2.431.000	2.431.000	2.431.000
4264	Nhôm kính	Cửa sổ lùa 4 cánh biên dạng hệ ĐTT - 55 liền nẹp,	m2	TCVN 9366:2012	độ dày trung bình cánh 1.4mm, khung bao 1.4mm. Màu Sơn Vân Gỗ	Công ty TNHH SX TM Xuất nhập khẩu Đại Tân Thành. địa chỉ: Lô R1-R2-R41 Đường số 7, KCN Hải Sơn (GĐ 3+4) mở rộng, xã Đức Hòa , tỉnh Tây Ninh Công văn đề nghị công bố giá số 01/2026/SXDTN/DTT ngày 25 tháng 6 năm 2026	Việt Nam	(Giá áp dụng đối với kính cường lực 8mm; độ dày tăng thêm 2mm cộng thêm 120.000đ/m2. Giá chưa bao gồm chi phí thi công lắp đặt)	Chân công trình trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá kê khai này thực hiện từ ngày 25 / 6 / 2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	2.821.000	2.821.000	2.821.000	2.821.000	2.821.000	2.821.000	2.821.000	2.821.000	2.821.000
4265	Nhôm kính	**HỆ VÁCH KÍNH ĐTT - 55 VÀ HỆ MẶT DỰNG ĐTT - 65 (NHÔM ĐẠI TÂN THÀNH). Phụ kiện ĐTTLUX. Kính cường lực 8ly**		TCVN 9366:2012		Công ty TNHH SX TM Xuất nhập khẩu Đại Tân Thành. địa chỉ: Lô R1-R2-R41 Đường số 7, KCN Hải Sơn (GĐ 3+4) mở rộng, xã Đức Hòa , tỉnh Tây Ninh Công văn đề nghị công bố giá số 01/2026/SXDTN/DTT ngày 25 tháng 6 năm 2026	Việt Nam	(Giá áp dụng đối với kính cường lực 8mm; độ dày tăng thêm 2mm cộng thêm 120.000đ/m2. Giá chưa bao gồm chi phí thi công lắp đặt)	Chân công trình trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá kê khai này thực hiện từ ngày 25 / 6 / 2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	-	-	-	-	-	-	-	-	-
4266	Nhôm kính	Vách kính ĐTT - 55, độ dày trung bình khung bao 1.4mm.	m2	TCVN 9366:2012	Màu sơn tĩnh điện (Nâu cà phê, xám, trắng sữa, đen,….)	Công ty TNHH SX TM Xuất nhập khẩu Đại Tân Thành. địa chỉ: Lô R1-R2-R41 Đường số 7, KCN Hải Sơn (GĐ 3+4) mở rộng, xã Đức Hòa , tỉnh Tây Ninh Công văn đề nghị công bố giá số 01/2026/SXDTN/DTT ngày 25 tháng 6 năm 2026	Việt Nam	(Giá áp dụng đối với kính cường lực 8mm; độ dày tăng thêm 2mm cộng thêm 120.000đ/m2. Giá chưa bao gồm chi phí thi công lắp đặt)	Chân công trình trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá kê khai này thực hiện từ ngày 25 / 6 / 2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	2.145.000	2.145.000	2.145.000	2.145.000	2.145.000	2.145.000	2.145.000	2.145.000	2.145.000
4267	Nhôm kính	Vách kính ĐTT - 55, độ dày trung bình khung bao 1.4mm.	m2	TCVN 9366:2012	Màu Sơn Vân Gỗ	Công ty TNHH SX TM Xuất nhập khẩu Đại Tân Thành. địa chỉ: Lô R1-R2-R41 Đường số 7, KCN Hải Sơn (GĐ 3+4) mở rộng, xã Đức Hòa , tỉnh Tây Ninh Công văn đề nghị công bố giá số 01/2026/SXDTN/DTT ngày 25 tháng 6 năm 2026	Việt Nam	(Giá áp dụng đối với kính cường lực 8mm; độ dày tăng thêm 2mm cộng thêm 120.000đ/m2. Giá chưa bao gồm chi phí thi công lắp đặt)	Chân công trình trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá kê khai này thực hiện từ ngày 25 / 6 / 2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	2.535.000	2.535.000	2.535.000	2.535.000	2.535.000	2.535.000	2.535.000	2.535.000	2.535.000
4268	Nhôm kính	Mặt dựng ĐTT - 65 (65 x 77 mm), độ dày 2.5 mm.	m2	TCVN 9366:2012	Màu sơn tĩnh điện (Nâu cà phê, xám, trắng sữa, đen,….)	Công ty TNHH SX TM Xuất nhập khẩu Đại Tân Thành. địa chỉ: Lô R1-R2-R41 Đường số 7, KCN Hải Sơn (GĐ 3+4) mở rộng, xã Đức Hòa , tỉnh Tây Ninh Công văn đề nghị công bố giá số 01/2026/SXDTN/DTT ngày 25 tháng 6 năm 2026	Việt Nam	(Giá áp dụng đối với kính cường lực 8mm; độ dày tăng thêm 2mm cộng thêm 120.000đ/m2. Giá chưa bao gồm chi phí thi công lắp đặt)	Chân công trình trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá kê khai này thực hiện từ ngày 25 / 6 / 2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	3.484.000	3.484.000	3.484.000	3.484.000	3.484.000	3.484.000	3.484.000	3.484.000	3.484.000
4269	Nhôm kính	Mặt dựng ĐTT - 65 (65 x 77 mm), độ dày 2.5 mm.	m2	TCVN 9366:2012	Màu Sơn Vân Gỗ	Công ty TNHH SX TM Xuất nhập khẩu Đại Tân Thành. địa chỉ: Lô R1-R2-R41 Đường số 7, KCN Hải Sơn (GĐ 3+4) mở rộng, xã Đức Hòa , tỉnh Tây Ninh Công văn đề nghị công bố giá số 01/2026/SXDTN/DTT ngày 25 tháng 6 năm 2026	Việt Nam	(Giá áp dụng đối với kính cường lực 8mm; độ dày tăng thêm 2mm cộng thêm 120.000đ/m2. Giá chưa bao gồm chi phí thi công lắp đặt)	Chân công trình trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá kê khai này thực hiện từ ngày 25 / 6 / 2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	3.874.000	3.874.000	3.874.000	3.874.000	3.874.000	3.874.000	3.874.000	3.874.000	3.874.000
4270	Nhôm kính	**CỬA LÙA ĐTT - 93. Phụ kiện DTTLUX. Kính cường lực 8ly**		TCVN 9366:2012		Công ty TNHH SX TM Xuất nhập khẩu Đại Tân Thành. địa chỉ: Lô R1-R2-R41 Đường số 7, KCN Hải Sơn (GĐ 3+4) mở rộng, xã Đức Hòa , tỉnh Tây Ninh Công văn đề nghị công bố giá số 01/2026/SXDTN/DTT ngày 25 tháng 6 năm 2026	Việt Nam	(Giá áp dụng đối với kính cường lực 8mm; độ dày tăng thêm 2mm cộng thêm 120.000đ/m2. Giá chưa bao gồm chi phí thi công lắp đặt)	Chân công trình trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá kê khai này thực hiện từ ngày 25 / 6 / 2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	-	-	-	-	-	-	-	-	-

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)(đồng)								
												Khu vực TP. Tây Ninh	Khu vực TX.Trảng Bàng	Khu vực TX. Hoà Thành	Khu vực H.Tân Biên	Khu vực H.Tân Châu	Khu vực H. Châu Thành	Khu vực H.Dương Minh Châu	Khu vực H. Bến Cầu	Khu vực H. Gò Dầu
4271	Nhôm kính	Cửa đi lùa 2 cánh biên dạng hệ ĐTT - 93 liền nẹp, độ dày trung bình cánh 2mm, khung bao 2mm.	m2	TCVN 9366:2012	Màu sơn tĩnh điện (Nâu cà phê, xám, trắng sữa, đen,….)	Công ty TNHH SX TM Xuất nhập khẩu Đại Tân Thành. địa chỉ: Lô R1-R2-R41 Đường số 7, KCN Hải Sơn (GĐ 3+4) mở rộng, xã Đức Hòa , tỉnh Tây Ninh Công văn đề nghị công bố giá số 01/2026/SXDTN/DTT ngày 25 tháng 6 năm 2026	Việt Nam	(Giá áp dụng đối với kính cường lực 8mm; độ dày tăng thêm 2mm cộng thêm 120.000đ/m2. Giá chưa bao gồm chi phí thi công lắp đặt)	Chân công trình trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá kê khai này thực hiện từ ngày 25 / 6 / 2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	2.600.000	2.600.000	2.600.000	2.600.000	2.600.000	2.600.000	2.600.000	2.600.000	2.600.000
4272	Nhôm kính	Cửa đi lùa 2 cánh biên dạng hệ ĐTT - 93 liền nẹp, độ dày trung bình cánh 2mm, khung bao 2mm.	m2	TCVN 9366:2012	Màu Sơn Vân Gỗ	Công ty TNHH SX TM Xuất nhập khẩu Đại Tân Thành. địa chỉ: Lô R1-R2-R41 Đường số 7, KCN Hải Sơn (GĐ 3+4) mở rộng, xã Đức Hòa , tỉnh Tây Ninh Công văn đề nghị công bố giá số 01/2026/SXDTN/DTT ngày 25 tháng 6 năm 2026	Việt Nam	(Giá áp dụng đối với kính cường lực 8mm; độ dày tăng thêm 2mm cộng thêm 120.000đ/m2. Giá chưa bao gồm chi phí thi công lắp đặt)	Chân công trình trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá kê khai này thực hiện từ ngày 25 / 6 / 2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	2.990.000	2.990.000	2.990.000	2.990.000	2.990.000	2.990.000	2.990.000	2.990.000	2.990.000
4273	Nhôm kính	Cửa đi lùa 4 cánh biên dạng hệ ĐTT - 93 liền nẹp, độ dày trung bình cánh 2mm, khung bao 2mm.	m2	TCVN 9366:2012	Màu sơn tĩnh điện (Nâu cà phê, xám, trắng sữa, đen,….)	Công ty TNHH SX TM Xuất nhập khẩu Đại Tân Thành. địa chỉ: Lô R1-R2-R41 Đường số 7, KCN Hải Sơn (GĐ 3+4) mở rộng, xã Đức Hòa , tỉnh Tây Ninh Công văn đề nghị công bố giá số 01/2026/SXDTN/DTT ngày 25 tháng 6 năm 2026	Việt Nam	(Giá áp dụng đối với kính cường lực 8mm; độ dày tăng thêm 2mm cộng thêm 120.000đ/m2. Giá chưa bao gồm chi phí thi công lắp đặt)	Chân công trình trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá kê khai này thực hiện từ ngày 25 / 6 / 2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	2.665.000	2.665.000	2.665.000	2.665.000	2.665.000	2.665.000	2.665.000	2.665.000	2.665.000
4274	Nhôm kính	Cửa đi lùa 4 cánh biên dạng hệ ĐTT - 93 liền nẹp, độ dày trung bình cánh 2mm, khung bao 2mm.	m2	TCVN 9366:2012	Màu Sơn Vân Gỗ	Công ty TNHH SX TM Xuất nhập khẩu Đại Tân Thành. địa chỉ: Lô R1-R2-R41 Đường số 7, KCN Hải Sơn (GĐ 3+4) mở rộng, xã Đức Hòa , tỉnh Tây Ninh Công văn đề nghị công bố giá số 01/2026/SXDTN/DTT ngày 25 tháng 6 năm 2026	Việt Nam	(Giá áp dụng đối với kính cường lực 8mm; độ dày tăng thêm 2mm cộng thêm 120.000đ/m2. Giá chưa bao gồm chi phí thi công lắp đặt)	Chân công trình trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá kê khai này thực hiện từ ngày 25 / 6 / 2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	3.055.000	3.055.000	3.055.000	3.055.000	3.055.000	3.055.000	3.055.000	3.055.000	3.055.000
4275	Nhôm kính	**CỬA ĐI, CỬA SỔ Hệ ĐTT - 55 tiêu chuẩn (NHÔM ĐẠI TÂN THÀNH).Phụ kiện ĐTTLUX. Kính cường lực 8ly**		TCVN 9366:2012		Công ty TNHH SX TM Xuất nhập khẩu Đại Tân Thành. địa chỉ: Lô R1-R2-R41 Đường số 7, KCN Hải Sơn (GĐ 3+4) mở rộng, xã Đức Hòa , tỉnh Tây Ninh Công văn đề nghị công bố giá số 01/2026/SXDTN/DTT ngày 25 tháng 6 năm 2026	Việt Nam	(Giá áp dụng đối với kính cường lực 8mm; độ dày tăng thêm 2mm cộng thêm 120.000đ/m2. Giá chưa bao gồm chi phí thi công lắp đặt)	Chân công trình trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá kê khai này thực hiện từ ngày 25 / 6 / 2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	-	-	-	-	-	-	-	-	-
4276	Nhôm kính	Cửa đi 1 cánh mở quay trong/ngoài biên dạng hệ ĐTT - 55, độ dày trung bình cánh 1.8mm, khung bao 1.8mm.	m2	TCVN 9366:2012	Màu sơn tĩnh điện (Nâu cà phê, xám, trắng sữa, đen,….)	Công ty TNHH SX TM Xuất nhập khẩu Đại Tân Thành. địa chỉ: Lô R1-R2-R41 Đường số 7, KCN Hải Sơn (GĐ 3+4) mở rộng, xã Đức Hòa , tỉnh Tây Ninh Công văn đề nghị công bố giá số 01/2026/SXDTN/DTT ngày 25 tháng 6 năm 2026	Việt Nam	(Giá áp dụng đối với kính cường lực 8mm; độ dày tăng thêm 2mm cộng thêm 120.000đ/m2. Giá chưa bao gồm chi phí thi công lắp đặt)	Chân công trình trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá kê khai này thực hiện từ ngày 25 / 6 / 2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	2.665.000	2.665.000	2.665.000	2.665.000	2.665.000	2.665.000	2.665.000	2.665.000	2.665.000
4277	Nhôm kính	Cửa đi 1 cánh mở quay trong/ngoài biên dạng hệ ĐTT - 55, độ dày trung bình cánh 1.8mm, khung bao 1.8mm.	m2	TCVN 9366:2012	Màu Sơn Vân Gỗ	Công ty TNHH SX TM Xuất nhập khẩu Đại Tân Thành. địa chỉ: Lô R1-R2-R41 Đường số 7, KCN Hải Sơn (GĐ 3+4) mở rộng, xã Đức Hòa , tỉnh Tây Ninh Công văn đề nghị công bố giá số 01/2026/SXDTN/DTT ngày 25 tháng 6 năm 2026	Việt Nam	(Giá áp dụng đối với kính cường lực 8mm; độ dày tăng thêm 2mm cộng thêm 120.000đ/m2. Giá chưa bao gồm chi phí thi công lắp đặt)	Chân công trình trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá kê khai này thực hiện từ ngày 25 / 6 / 2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	3.055.000	3.055.000	3.055.000	3.055.000	3.055.000	3.055.000	3.055.000	3.055.000	3.055.000
4278	Nhôm kính	Cửa đi 2 cánh mở quay trong/ngoài biên dạng hệ ĐTT - 55, độ dày trung bình cánh 1.8mm, khung bao 1.8mm.	m2	TCVN 9366:2012	Màu sơn tĩnh điện (Nâu cà phê, xám, trắng sữa, đen,….)	Công ty TNHH SX TM Xuất nhập khẩu Đại Tân Thành. địa chỉ: Lô R1-R2-R41 Đường số 7, KCN Hải Sơn (GĐ 3+4) mở rộng, xã Đức Hòa , tỉnh Tây Ninh Công văn đề nghị công bố giá số 01/2026/SXDTN/DTT ngày 25 tháng 6 năm 2026	Việt Nam	(Giá áp dụng đối với kính cường lực 8mm; độ dày tăng thêm 2mm cộng thêm 120.000đ/m2. Giá chưa bao gồm chi phí thi công lắp đặt)	Chân công trình trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá kê khai này thực hiện từ ngày 25 / 6 / 2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	2.730.000	2.730.000	2.730.000	2.730.000	2.730.000	2.730.000	2.730.000	2.730.000	2.730.000
4279	Nhôm kính	Cửa đi 2 cánh mở quay trong/ngoài biên dạng hệ ĐTT - 55, độ dày trung bình cánh 1.8mm, khung bao 1.8mm.	m2	TCVN 9366:2012	Màu Sơn Vân Gỗ	Công ty TNHH SX TM Xuất nhập khẩu Đại Tân Thành. địa chỉ: Lô R1-R2-R41 Đường số 7, KCN Hải Sơn (GĐ 3+4) mở rộng, xã Đức Hòa , tỉnh Tây Ninh Công văn đề nghị công bố giá số 01/2026/SXDTN/DTT ngày 25 tháng 6 năm 2026	Việt Nam	(Giá áp dụng đối với kính cường lực 8mm; độ dày tăng thêm 2mm cộng thêm 120.000đ/m2. Giá chưa bao gồm chi phí thi công lắp đặt)	Chân công trình trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá kê khai này thực hiện từ ngày 25 / 6 / 2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	3.120.000	3.120.000	3.120.000	3.120.000	3.120.000	3.120.000	3.120.000	3.120.000	3.120.000
4280	Nhôm kính	Cửa đi 4 cánh mở quay trong/ngoài biên dạng hệ ĐTT - 55, độ dày trung bình cánh 1.8mm, khung bao 1.8mm.	m2	TCVN 9366:2012	Màu sơn tĩnh điện (Nâu cà phê, xám, trắng sữa, đen,….)	Công ty TNHH SX TM Xuất nhập khẩu Đại Tân Thành. địa chỉ: Lô R1-R2-R41 Đường số 7, KCN Hải Sơn (GĐ 3+4) mở rộng, xã Đức Hòa , tỉnh Tây Ninh Công văn đề nghị công bố giá số 01/2026/SXDTN/DTT ngày 25 tháng 6 năm 2026	Việt Nam	(Giá áp dụng đối với kính cường lực 8mm; độ dày tăng thêm 2mm cộng thêm 120.000đ/m2. Giá chưa bao gồm chi phí thi công lắp đặt)	Chân công trình trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá kê khai này thực hiện từ ngày 25 / 6 / 2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	2.795.000	2.795.000	2.795.000	2.795.000	2.795.000	2.795.000	2.795.000	2.795.000	2.795.000
4281	Nhôm kính	Cửa đi 4 cánh mở quay trong/ngoài biên dạng hệ ĐTT - 55, độ dày trung bình cánh 1.8mm, khung bao 1.8mm.	m2	TCVN 9366:2012	Màu Sơn Vân Gỗ	Công ty TNHH SX TM Xuất nhập khẩu Đại Tân Thành. địa chỉ: Lô R1-R2-R41 Đường số 7, KCN Hải Sơn (GĐ 3+4) mở rộng, xã Đức Hòa , tỉnh Tây Ninh Công văn đề nghị công bố giá số 01/2026/SXDTN/DTT ngày 25 tháng 6 năm 2026	Việt Nam	(Giá áp dụng đối với kính cường lực 8mm; độ dày tăng thêm 2mm cộng thêm 120.000đ/m2. Giá chưa bao gồm chi phí thi công lắp đặt)	Chân công trình trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá kê khai này thực hiện từ ngày 25 / 6 / 2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	3.185.000	3.185.000	3.185.000	3.185.000	3.185.000	3.185.000	3.185.000	3.185.000	3.185.000
4282	Nhôm kính	Cửa sổ 1 cánh mở quay biên dạng hệ ĐTT - 55, độ dày trung bình cánh 2mm, khung bao 2mm.	m2	TCVN 9366:2012	Màu sơn tĩnh điện (Nâu cà phê, xám, trắng sữa, đen,….)	Công ty TNHH SX TM Xuất nhập khẩu Đại Tân Thành. địa chỉ: Lô R1-R2-R41 Đường số 7, KCN Hải Sơn (GĐ 3+4) mở rộng, xã Đức Hòa , tỉnh Tây Ninh Công văn đề nghị công bố giá số 01/2026/SXDTN/DTT ngày 25 tháng 6 năm 2026	Việt Nam	(Giá áp dụng đối với kính cường lực 8mm; độ dày tăng thêm 2mm cộng thêm 120.000đ/m2. Giá chưa bao gồm chi phí thi công lắp đặt)	Chân công trình trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá kê khai này thực hiện từ ngày 25 / 6 / 2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	2.730.000	2.730.000	2.730.000	2.730.000	2.730.000	2.730.000	2.730.000	2.730.000	2.730.000
4283	Nhôm kính	Cửa sổ 1 cánh mở quay biên dạng hệ ĐTT - 55, độ dày trung bình cánh 2mm, khung bao 2mm.	m2	TCVN 9366:2012	Màu Sơn Vân Gỗ	Công ty TNHH SX TM Xuất nhập khẩu Đại Tân Thành. địa chỉ: Lô R1-R2-R41 Đường số 7, KCN Hải Sơn (GĐ 3+4) mở rộng, xã Đức Hòa , tỉnh Tây Ninh Công văn đề nghị công bố giá số 01/2026/SXDTN/DTT ngày 25 tháng 6 năm 2026	Việt Nam	(Giá áp dụng đối với kính cường lực 8mm; độ dày tăng thêm 2mm cộng thêm 120.000đ/m2. Giá chưa bao gồm chi phí thi công lắp đặt)	Chân công trình trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá kê khai này thực hiện từ ngày 25 / 6 / 2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	3.120.000	3.120.000	3.120.000	3.120.000	3.120.000	3.120.000	3.120.000	3.120.000	3.120.000
4284	Nhôm kính	Cửa sổ 2 cánh mở quay biên dạng hệ ĐTT - 55, độ dày trung bình cánh 2mm, khung bao 2mm.	m2	TCVN 9366:2012	Màu sơn tĩnh điện (Nâu cà phê, xám, trắng sữa, đen,….)	Công ty TNHH SX TM Xuất nhập khẩu Đại Tân Thành. địa chỉ: Lô R1-R2-R41 Đường số 7, KCN Hải Sơn (GĐ 3+4) mở rộng, xã Đức Hòa , tỉnh Tây Ninh Công văn đề nghị công bố giá số 01/2026/SXDTN/DTT ngày 25 tháng 6 năm 2026	Việt Nam	(Giá áp dụng đối với kính cường lực 8mm; độ dày tăng thêm 2mm cộng thêm 120.000đ/m2. Giá chưa bao gồm chi phí thi công lắp đặt)	Chân công trình trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá kê khai này thực hiện từ ngày 25 / 6 / 2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	2.795.000	2.795.000	2.795.000	2.795.000	2.795.000	2.795.000	2.795.000	2.795.000	2.795.000

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)(đồng)								
												Khu vực TP. Tây Ninh	Khu vực TX.Trảng Bàng	Khu vực TX. Hoà Thành	Khu vực H.Tân Biên	Khu vực H.Tân Châu	Khu vực H. Châu Thành	Khu vực H.Dương Minh Châu	Khu vực H. Bến Cầu	Khu vực H. Gò Dầu
4285	Nhôm kính	Cửa sổ 2 cánh mở quay biên dạng hệ ĐTT - 55, độ dày trung bình cánh 2mm, khung bao 2mm.	m2	TCVN 9366:2012	Màu Sơn Vân Gỗ	Công ty TNHH SX TM Xuất nhập khẩu Đại Tân Thành. địa chỉ: Lô R1-R2-R41 Đường số 7, KCN Hải Sơn (GĐ 3+4) mở rộng, xã Đức Hòa , tỉnh Tây Ninh Công văn đề nghị công bố giá số 01/2026/SXDTN/DTT ngày 25 tháng 6 năm 2026	Việt Nam	(Giá áp dụng đối với kính cường lực 8mm; độ dày tăng thêm 2mm cộng thêm 120.000đ/m2. Giá chưa bao gồm chi phí thi công lắp đặt)	Chân công trình trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá kê khai này thực hiện từ ngày 25 / 6 / 2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	3.185.000	3.185.000	3.185.000	3.185.000	3.185.000	3.185.000	3.185.000	3.185.000	3.185.000
4286	Nhôm kính	Cửa sổ 4 cánh mở quay biên dạng hệ ĐTT - 55, độ dày trung bình cánh 2mm, khung bao 2mm.	m2	TCVN 9366:2012	Màu sơn tĩnh điện (Nâu cà phê, xám, trắng sữa, đen,…)	Công ty TNHH SX TM Xuất nhập khẩu Đại Tân Thành. địa chỉ: Lô R1-R2-R41 Đường số 7, KCN Hải Sơn (GĐ 3+4) mở rộng, xã Đức Hòa , tỉnh Tây Ninh Công văn đề nghị công bố giá số 01/2026/SXDTN/DTT ngày 25 tháng 6 năm 2026	Việt Nam	(Giá áp dụng đối với kính cường lực 8mm; độ dày tăng thêm 2mm cộng thêm 120.000đ/m2. Giá chưa bao gồm chi phí thi công lắp đặt)	Chân công trình trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá kê khai này thực hiện từ ngày 25 / 6 / 2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	2.860.000	2.860.000	2.860.000	2.860.000	2.860.000	2.860.000	2.860.000	2.860.000	2.860.000
4287	Nhôm kính	Cửa sổ 4 cánh mở quay biên dạng hệ ĐTT - 55, độ dày trung bình cánh 2mm, khung bao 2mm.	m2	TCVN 9366:2012	Màu Sơn Vân Gỗ	Công ty TNHH SX TM Xuất nhập khẩu Đại Tân Thành. địa chỉ: Lô R1-R2-R41 Đường số 7, KCN Hải Sơn (GĐ 3+4) mở rộng, xã Đức Hòa , tỉnh Tây Ninh Công văn đề nghị công bố giá số 01/2026/SXDTN/DTT ngày 25 tháng 6 năm 2026	Việt Nam	(Giá áp dụng đối với kính cường lực 8mm; độ dày tăng thêm 2mm cộng thêm 120.000đ/m2. Giá chưa bao gồm chi phí thi công lắp đặt)	Chân công trình trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá kê khai này thực hiện từ ngày 25 / 6 / 2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	3.250.000	3.250.000	3.250.000	3.250.000	3.250.000	3.250.000	3.250.000	3.250.000	3.250.000
4288	Nhôm kính	Lam nhôm hộp 200x500mm (bao gồm cả công lắp dựng và phụ kiện hoàn thiện)	m2	TCVN 9366:2012	Màu Sơn Vân Gỗ	Công ty TNHH SX TM Xuất nhập khẩu Đại Tân Thành. địa chỉ: Lô R1-R2-R41 Đường số 7, KCN Hải Sơn (GĐ 3+4) mở rộng, xã Đức Hòa , tỉnh Tây Ninh Công văn đề nghị công bố giá số 01/2026/SXDTN/DTT ngày 25 tháng 6 năm 2026	Việt Nam	(Giá áp dụng đối với kính cường lực 8mm; độ dày tăng thêm 2mm cộng thêm 120.000đ/m2. Giá chưa bao gồm chi phí thi công lắp đặt)	Chân công trình trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá kê khai này thực hiện từ ngày 25 / 6 / 2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	4.700.000	4.700.000	4.700.000	4.700.000	4.700.000	4.700.000	4.700.000	4.700.000	4.700.000
4289	Nhôm kính	Lam nhôm hộp 200x600mm (bao gồm cả công lắp dựng và phụ kiện hoàn thiện)	m2	TCVN 9366:2012	Màu Sơn Vân Gỗ	Công ty TNHH SX TM Xuất nhập khẩu Đại Tân Thành. địa chỉ: Lô R1-R2-R41 Đường số 7, KCN Hải Sơn (GĐ 3+4) mở rộng, xã Đức Hòa , tỉnh Tây Ninh Công văn đề nghị công bố giá số 01/2026/SXDTN/DTT ngày 25 tháng 6 năm 2026	Việt Nam	(Giá áp dụng đối với kính cường lực 8mm; độ dày tăng thêm 2mm cộng thêm 120.000đ/m2. Giá chưa bao gồm chi phí thi công lắp đặt)	Chân công trình trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá kê khai này thực hiện từ ngày 25 / 6 / 2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	4.700.000	4.700.000	4.700.000	4.700.000	4.700.000	4.700.000	4.700.000	4.700.000	4.700.000
4290	Gỗ xây dựng	Ván coppha gỗ ép 20x4m	tấm		4.0mm	Công ty TNHH Minh Phú Thịnh Phát. (Đc: 302 Lý Thường Kiệt, KP4, P.Long Hoa, Tây Ninh). Phiếu khảo sát tại cửa hàng	Việt Nam	Giá bán trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Đơn giá chưa bao gồm chi phí vận chuyển	Mức giá ngày 10/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	98.000	-	-	-	-	-	-	-	-
4291	Gỗ xây dựng	Ván coppha gỗ ép 25x4m	tấm		4.0mm	Công ty TNHH Minh Phú Thịnh Phát. (Đc: 302 Lý Thường Kiệt, KP4, P.Long Hoa, Tây Ninh). Phiếu khảo sát tại cửa hàng	Việt Nam	Giá bán trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Đơn giá chưa bao gồm chi phí vận chuyển	Mức giá ngày 10/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	122.000	-	-	-	-	-	-	-	-
4292	Gỗ xây dựng	Ván coppha gỗ ép 30x4m	tấm		4.0mm	Công ty TNHH Minh Phú Thịnh Phát. (Đc: 302 Lý Thường Kiệt, KP4, P.Long Hoa, Tây Ninh). Phiếu khảo sát tại cửa hàng	Việt Nam	Giá bán trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Đơn giá chưa bao gồm chi phí vận chuyển	Mức giá ngày 10/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	147.000	-	-	-	-	-	-	-	-
4293	vật liệu khác	Vải địa kỹ thuật không dệt APT 12 (kN/m)	m2	GRI-GM13	4x200	Công ty TNHH Xuất nhập khẩu Thái Châu (đc: Lô F7, đường số 1, KCN Hải Sơn, xã Đức Hoà, tỉnh Tây Ninh - 0939 595 299). Công văn đề nghị công bố giá số 072026/CV -TC ngày 01/07/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến chân công trình	(Mức giá đăng ký này thực hiện từ ngày 01/07/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá không đổi	11.500	11.500	11.500	11.500	11.500	11.500	11.500	11.500	11.500
4294	vật liệu khác	Vải địa kỹ thuật không dệt APT 15 (kN/m)	m2	TCVN 9844:2013	4x150	Công ty TNHH Xuất nhập khẩu Thái Châu (đc: Lô F7, đường số 1, KCN Hải Sơn, xã Đức Hoà, tỉnh Tây Ninh - 0939 595 299). Công văn đề nghị công bố giá số 072026/CV -TC ngày 01/07/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến chân công trình	(Mức giá đăng ký này thực hiện từ ngày 01/07/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá không đổi	15.000	15.000	15.000	15.000	15.000	15.000	15.000	15.000	15.000
4295	vật liệu khác	Vải địa kỹ thuật không dệt APT 17 (kN/m)	m2	TCVN 9844:2013	4x150	Công ty TNHH Xuất nhập khẩu Thái Châu (đc: Lô F7, đường số 1, KCN Hải Sơn, xã Đức Hoà, tỉnh Tây Ninh - 0939 595 299). Công văn đề nghị công bố giá số 072026/CV -TC ngày 01/07/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến chân công trình	(Mức giá đăng ký này thực hiện từ ngày 01/07/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá không đổi	17.800	17.800	17.800	17.800	17.800	17.800	17.800	17.800	17.800
4296	vật liệu khác	Vải địa kỹ thuật không dệt APT 20 (kN/m)	m2	TCVN 9844:2013	4x125	Công ty TNHH Xuất nhập khẩu Thái Châu (đc: Lô F7, đường số 1, KCN Hải Sơn, xã Đức Hoà, tỉnh Tây Ninh - 0939 595 299). Công văn đề nghị công bố giá số 072026/CV -TC ngày 01/07/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến chân công trình	(Mức giá đăng ký này thực hiện từ ngày 01/07/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá không đổi	20.000	20.000	20.000	20.000	20.000	20.000	20.000	20.000	20.000
4297	vật liệu khác	Vải địa kỹ thuật không dệt APT 25 (kN/m)	m2	TCVN 9844:2013	4x125	Công ty TNHH Xuất nhập khẩu Thái Châu (đc: Lô F7, đường số 1, KCN Hải Sơn, xã Đức Hoà, tỉnh Tây Ninh - 0939 595 299). Công văn đề nghị công bố giá số 072026/CV -TC ngày 01/07/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến chân công trình	(Mức giá đăng ký này thực hiện từ ngày 01/07/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá không đổi	22.600	22.600	22.600	22.600	22.600	22.600	22.600	22.600	22.600
4298	vật liệu khác	Vải địa kỹ thuật không dệt, sợi dài liên tục APT 7.5SD - Cường độ chịu kéo 7.5kN/m	m2	TCVN 9844:2013	4x250	Công ty TNHH Xuất nhập khẩu Thái Châu (đc: Lô F7, đường số 1, KCN Hải Sơn, xã Đức Hoà, tỉnh Tây Ninh - 0939 595 299). Công văn đề nghị công bố giá số 072026/CV -TC ngày 01/07/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến chân công trình	(Mức giá đăng ký này thực hiện từ ngày 01/07/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá không đổi	13.400	13.400	13.400	13.400	13.400	13.400	13.400	13.400	13.400
4299	vật liệu khác	Vải địa kỹ thuật không dệt, sợi dài liên tục APT 9.5SD - Cường độ chịu kéo 9.5kN/m	m2	TCVN 9844:2013	4x250	Công ty TNHH Xuất nhập khẩu Thái Châu (đc: Lô F7, đường số 1, KCN Hải Sơn, xã Đức Hoà, tỉnh Tây Ninh - 0939 595 299). Công văn đề nghị công bố giá số 072026/CV -TC ngày 01/07/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến chân công trình	(Mức giá đăng ký này thực hiện từ ngày 01/07/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá không đổi	13.900	13.900	13.900	13.900	13.900	13.900	13.900	13.900	13.900
4300	vật liệu khác	Vải địa kỹ thuật không dệt, sợi dài liên tục APT 11.5SD - Cường độ chịu kéo 11.5kN/m	m2	TCVN 9844:2013	4x200	Công ty TNHH Xuất nhập khẩu Thái Châu (đc: Lô F7, đường số 1, KCN Hải Sơn, xã Đức Hoà, tỉnh Tây Ninh - 0939 595 299). Công văn đề nghị công bố giá số 072026/CV -TC ngày 01/07/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến chân công trình	(Mức giá đăng ký này thực hiện từ ngày 01/07/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá không đổi	14.900	14.900	14.900	14.900	14.900	14.900	14.900	14.900	14.900
4301	vật liệu khác	Vải địa kỹ thuật không dệt, sợi dài liên tục APT 13.5SD - Cường độ chịu kéo 13.5kN/m	m2	TCVN 9844:2013	4x150	Công ty TNHH Xuất nhập khẩu Thái Châu (đc: Lô F7, đường số 1, KCN Hải Sơn, xã Đức Hoà, tỉnh Tây Ninh - 0939 595 299). Công văn đề nghị công bố giá số 072026/CV -TC ngày 01/07/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến chân công trình	(Mức giá đăng ký này thực hiện từ ngày 01/07/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá không đổi	17.600	17.600	17.600	17.600	17.600	17.600	17.600	17.600	17.600
4302	vật liệu khác	Vải địa kỹ thuật không dệt, sợi dài liên tục APT 15 SD - Cường độ chịu kéo 15kN/m	m2	TCVN 9844:2013	4x150	Công ty TNHH Xuất nhập khẩu Thái Châu (đc: Lô F7, đường số 1, KCN Hải Sơn, xã Đức Hoà, tỉnh Tây Ninh - 0939 595 299). Công văn đề nghị công bố giá số 072026/CV -TC ngày 01/07/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến chân công trình	(Mức giá đăng ký này thực hiện từ ngày 01/07/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá không đổi	19.400	19.400	19.400	19.400	19.400	19.400	19.400	19.400	19.400
4303	vật liệu khác	Vải địa kỹ thuật không dệt, sợi dài liên tục APT 19 SD - Cường độ chịu kéo 19kN/m	m2	TCVN 9844:2013	4x125	Công ty TNHH Xuất nhập khẩu Thái Châu (đc: Lô F7, đường số 1, KCN Hải Sơn, xã Đức Hoà, tỉnh Tây Ninh - 0939 595 299). Công văn đề nghị công bố giá số 072026/CV -TC ngày 01/07/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến chân công trình	(Mức giá đăng ký này thực hiện từ ngày 01/07/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá không đổi	25.000	25.000	25.000	25.000	25.000	25.000	25.000	25.000	25.000
4304	vật liệu khác	Vải địa kỹ thuật không dệt, sợi dài liên tục APT 21.5 SD - Cường độ chịu kéo 21.5kN/m	m2	TCVN 9844:2013	4x125	Công ty TNHH Xuất nhập khẩu Thái Châu (đc: Lô F7, đường số 1, KCN Hải Sơn, xã Đức Hoà, tỉnh Tây Ninh - 0939 595 299). Công văn đề nghị công bố giá số 072026/CV -TC ngày 01/07/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến chân công trình	(Mức giá đăng ký này thực hiện từ ngày 01/07/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá không đổi	27.000	27.000	27.000	27.000	27.000	27.000	27.000	27.000	27.000

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)(đồng)								
												Khu vực TP. Tây Ninh	Khu vực TX.Trảng Bàng	Khu vực TX. Hoà Thành	Khu vực H.Tân Biên	Khu vực H.Tân Châu	Khu vực H. Châu Thành	Khu vực H.Dương Minh Châu	Khu vực H. Bến Cầu	Khu vực H. Gò Dầu
4305	vật liệu khác	Vải địa kỹ thuật không dệt, sợi dài liên tục APT 24 SD - Cường độ chịu kéo 24kN/m	m2	TCVN 9844:2013	4x125	Công ty TNHH Xuất nhập khẩu Thái Châu (đc: Lô F7, đường số 1, KCN Hải Sơn, xã Đức Hoà, tỉnh Tây Ninh - 0939 595 299). Công văn đề nghị công bố giá số 072026/CV -TC ngày 01/07/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến chân công trình	(Mức giá đăng ký này thực hiện từ ngày 01/07/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá bán giảm	28.200	28.200	28.200	28.200	28.200	28.200	28.200	28.200	28.200
4306	vật liệu khác	Vải địa kỹ thuật không dệt, sợi dài liên tục APT 28 SD - Cường độ chịu kéo 28kN/m	m2	TCVN 9844:2013	4x100	Công ty TNHH Xuất nhập khẩu Thái Châu (đc: Lô F7, đường số 1, KCN Hải Sơn, xã Đức Hoà, tỉnh Tây Ninh - 0939 595 299). Công văn đề nghị công bố giá số 072026/CV -TC ngày 01/07/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến chân công trình	(Mức giá đăng ký này thực hiện từ ngày 01/07/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá không đổi	34.000	34.000	34.000	34.000	34.000	34.000	34.000	34.000	34.000
4307	vật liệu khác	Vải địa kỹ thuật dệt DML 10 (100/50 kN/m)	m2	TCVN 9844:2013	3,6x600 hoặc 5,3x800	Công ty TNHH Xuất nhập khẩu Thái Châu (đc: Lô F7, đường số 1, KCN Hải Sơn, xã Đức Hoà, tỉnh Tây Ninh - 0939 595 299). Công văn đề nghị công bố giá số 072026/CV -TC ngày 01/07/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến chân công trình	(Mức giá đăng ký này thực hiện từ ngày 01/07/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá không đổi	17.800	17.800	17.800	17.800	17.800	17.800	17.800	17.800	17.800
4308	vật liệu khác	Vải địa kỹ thuật dệt DM 10 (100/100 kN/m)	m2	TCVN 9844:2013	3,6x600 hoặc 5,3x400	Công ty TNHH Xuất nhập khẩu Thái Châu (đc: Lô F7, đường số 1, KCN Hải Sơn, xã Đức Hoà, tỉnh Tây Ninh - 0939 595 299). Công văn đề nghị công bố giá số 072026/CV -TC ngày 01/07/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến chân công trình	(Mức giá đăng ký này thực hiện từ ngày 01/07/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá không đổi	21.000	21.000	21.000	21.000	21.000	21.000	21.000	21.000	21.000
4309	vật liệu khác	Vải địa kỹ thuật dệt DML 20 (200/50 kN/m)	m2	TCVN 9844:2013	3,6x580 hoặc 5,3x450	Công ty TNHH Xuất nhập khẩu Thái Châu (đc: Lô F7, đường số 1, KCN Hải Sơn, xã Đức Hoà, tỉnh Tây Ninh - 0939 595 299). Công văn đề nghị công bố giá số 072026/CV -TC ngày 01/07/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến chân công trình	(Mức giá đăng ký này thực hiện từ ngày 01/07/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá không đổi	25.200	25.200	25.200	25.200	25.200	25.200	25.200	25.200	25.200
4310	vật liệu khác	Vải địa kỹ thuật dệt DM 20 (200/200 kN/m)	m2	TCVN 9844:2013	3,6x300	Công ty TNHH Xuất nhập khẩu Thái Châu (đc: Lô F7, đường số 1, KCN Hải Sơn, xã Đức Hoà, tỉnh Tây Ninh - 0939 595 299). Công văn đề nghị công bố giá số 072026/CV -TC ngày 01/07/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến chân công trình	(Mức giá đăng ký này thực hiện từ ngày 01/07/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá không đổi	40.000	40.000	40.000	40.000	40.000	40.000	40.000	40.000	40.000
4311	vật liệu khác	Vải địa kỹ thuật dệt DML 30 (300/50 kN/m)	m2	TCVN 9844:2013	3,6x400 hoặc 5,3x350	Công ty TNHH Xuất nhập khẩu Thái Châu (đc: Lô F7, đường số 1, KCN Hải Sơn, xã Đức Hoà, tỉnh Tây Ninh - 0939 595 299). Công văn đề nghị công bố giá số 072026/CV -TC ngày 01/07/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến chân công trình	(Mức giá đăng ký này thực hiện từ ngày 01/07/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá không đổi	35.000	35.000	35.000	35.000	35.000	35.000	35.000	35.000	35.000
4312	vật liệu khác	Vải địa kỹ thuật dệt DM 30 (300/300 kN/m)	m2	TCVN 9844:2013	3,6x200	Công ty TNHH Xuất nhập khẩu Thái Châu (đc: Lô F7, đường số 1, KCN Hải Sơn, xã Đức Hoà, tỉnh Tây Ninh - 0939 595 299). Công văn đề nghị công bố giá số 072026/CV -TC ngày 01/07/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến chân công trình	(Mức giá đăng ký này thực hiện từ ngày 01/07/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá không đổi	57.000	57.000	57.000	57.000	57.000	57.000	57.000	57.000	57.000
4313	vật liệu khác	Vải địa kỹ thuật dệt DM 40 (400/400 kN/m)	m2	TCVN 9844:2013	3,6x100 hoặc 5,3x150	Công ty TNHH Xuất nhập khẩu Thái Châu (đc: Lô F7, đường số 1, KCN Hải Sơn, xã Đức Hoà, tỉnh Tây Ninh - 0939 595 299). Công văn đề nghị công bố giá số 072026/CV -TC ngày 01/07/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến chân công trình	(Mức giá đăng ký này thực hiện từ ngày 01/07/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá không đổi	84.000	84.000	84.000	84.000	84.000	84.000	84.000	84.000	84.000
4314	vật liệu khác	Vải địa kỹ thuật dệt DML 40 (400/50 kN/m)	m2	TCVN 9844:2013	3,6x300 hoặc 5,3x250	Công ty TNHH Xuất nhập khẩu Thái Châu (đc: Lô F7, đường số 1, KCN Hải Sơn, xã Đức Hoà, tỉnh Tây Ninh - 0939 595 299). Công văn đề nghị công bố giá số 072026/CV -TC ngày 01/07/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến chân công trình	(Mức giá đăng ký này thực hiện từ ngày 01/07/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá không đổi	43.000	43.000	43.000	43.000	43.000	43.000	43.000	43.000	43.000
4315	vật liệu khác	Lưới địa kỹ thuật PET cường độ 100/100 k N/m	m2	TCCS 01:2021	5x100	Công ty TNHH Xuất nhập khẩu Thái Châu (đc: Lô F7, đường số 1, KCN Hải Sơn, xã Đức Hoà, tỉnh Tây Ninh - 0939 595 299). Công văn đề nghị công bố giá số 072026/CV -TC ngày 01/07/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến chân công trình	(Mức giá đăng ký này thực hiện từ ngày 01/07/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	45.000	45.000	45.000	45.000	45.000	45.000	45.000	45.000	45.000
4316	vật liệu khác	Lưới địa kỹ thuật PET cường độ 200/200 k N/m	m2	TCCS 01:2021	5x100	Công ty TNHH Xuất nhập khẩu Thái Châu (đc: Lô F7, đường số 1, KCN Hải Sơn, xã Đức Hoà, tỉnh Tây Ninh - 0939 595 299). Công văn đề nghị công bố giá số 072026/CV -TC ngày 01/07/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến chân công trình	(Mức giá đăng ký này thực hiện từ ngày 01/07/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	85.400	85.400	85.400	85.400	85.400	85.400	85.400	85.400	85.400
4317	vật liệu khác	Lưới địa kỹ thuật PET cường độ 300/300 k N/m	m2	TCCS 01:2021	5x100	Công ty TNHH Xuất nhập khẩu Thái Châu (đc: Lô F7, đường số 1, KCN Hải Sơn, xã Đức Hoà, tỉnh Tây Ninh - 0939 595 299). Công văn đề nghị công bố giá số 072026/CV -TC ngày 01/07/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến chân công trình	(Mức giá đăng ký này thực hiện từ ngày 01/07/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	135.000	135.000	135.000	135.000	135.000	135.000	135.000	135.000	135.000
4318	vật liệu khác	Lưới địa kỹ thuật PET cường độ 400/400 k N/m	m2	TCCS 01:2021	5x50	Công ty TNHH Xuất nhập khẩu Thái Châu (đc: Lô F7, đường số 1, KCN Hải Sơn, xã Đức Hoà, tỉnh Tây Ninh - 0939 595 299). Công văn đề nghị công bố giá số 072026/CV -TC ngày 01/07/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến chân công trình	(Mức giá đăng ký này thực hiện từ ngày 01/07/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	182.000	182.000	182.000	182.000	182.000	182.000	182.000	182.000	182.000
4319	vật liệu khác	Lưới địa kỹ thuật PET cường độ 100/50 k N/m	m2	TCCS 01:2021	5x200	Công ty TNHH Xuất nhập khẩu Thái Châu (đc: Lô F7, đường số 1, KCN Hải Sơn, xã Đức Hoà, tỉnh Tây Ninh - 0939 595 299). Công văn đề nghị công bố giá số 072026/CV -TC ngày 01/07/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến chân công trình	(Mức giá đăng ký này thực hiện từ ngày 01/07/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	35.400	35.400	35.400	35.400	35.400	35.400	35.400	35.400	35.400
4320	vật liệu khác	Lưới địa kỹ thuật PET cường độ 200/50 k N/m	m2	TCCS 01:2021	5x100	Công ty TNHH Xuất nhập khẩu Thái Châu (đc: Lô F7, đường số 1, KCN Hải Sơn, xã Đức Hoà, tỉnh Tây Ninh - 0939 595 299). Công văn đề nghị công bố giá số 072026/CV -TC ngày 01/07/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến chân công trình	(Mức giá đăng ký này thực hiện từ ngày 01/07/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	56.000	56.000	56.000	56.000	56.000	56.000	56.000	56.000	56.000
4321	vật liệu khác	Lưới địa kỹ thuật PET cường độ 300/50 k N/m	m2	TCCS 01:2021	5x100	Công ty TNHH Xuất nhập khẩu Thái Châu (đc: Lô F7, đường số 1, KCN Hải Sơn, xã Đức Hoà, tỉnh Tây Ninh - 0939 595 299). Công văn đề nghị công bố giá số 072026/CV -TC ngày 01/07/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến chân công trình	(Mức giá đăng ký này thực hiện từ ngày 01/07/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	89.000	89.000	89.000	89.000	89.000	89.000	89.000	89.000	89.000
4322	vật liệu khác	Lưới địa kỹ thuật PET cường độ 400/50 k N/m	m2	TCCS 01:2021	5x100	Công ty TNHH Xuất nhập khẩu Thái Châu (đc: Lô F7, đường số 1, KCN Hải Sơn, xã Đức Hoà, tỉnh Tây Ninh - 0939 595 299). Công văn đề nghị công bố giá số 072026/CV -TC ngày 01/07/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến chân công trình	(Mức giá đăng ký này thực hiện từ ngày 01/07/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	110.000	110.000	110.000	110.000	110.000	110.000	110.000	110.000	110.000
4323	vật liệu khác	Lưới địa cốt sợi thuỷ tinh cường độ 50/50 k N/m	m2	TCCS 38:2022	5x200	Công ty TNHH Xuất nhập khẩu Thái Châu (đc: Lô F7, đường số 1, KCN Hải Sơn, xã Đức Hoà, tỉnh Tây Ninh - 0939 595 299). Công văn đề nghị công bố giá số 072026/CV -TC ngày 01/07/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến chân công trình	(Mức giá đăng ký này thực hiện từ ngày 01/07/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	21.700	21.700	21.700	21.700	21.700	21.700	21.700	21.700	21.700
4324	vật liệu khác	Lưới địa cốt sợi thuỷ tinh cường độ 100/100 k N/m	m2	TCCS 38:2022	5x100	Công ty TNHH Xuất nhập khẩu Thái Châu (đc: Lô F7, đường số 1, KCN Hải Sơn, xã Đức Hoà, tỉnh Tây Ninh - 0939 595 299). Công văn đề nghị công bố giá số 072026/CV -TC ngày 01/07/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến chân công trình	(Mức giá đăng ký này thực hiện từ ngày 01/07/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	32.200	32.200	32.200	32.200	32.200	32.200	32.200	32.200	32.200
4325	vật liệu khác	Lưới địa cốt sợi thuỷ tinh cường độ 200/200 k N/m	m2	TCCS 38:2022	5x100	Công ty TNHH Xuất nhập khẩu Thái Châu (đc: Lô F7, đường số 1, KCN Hải Sơn, xã Đức Hoà, tỉnh Tây Ninh - 0939 595 299). Công văn đề nghị công bố giá số 072026/CV -TC ngày 01/07/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến chân công trình	(Mức giá đăng ký này thực hiện từ ngày 01/07/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	84.000	84.000	84.000	84.000	84.000	84.000	84.000	84.000	84.000
4326	vật liệu khác	Bấc thấm đứng APT-T7A	m	TCVN 9844:2013	300m	Công ty TNHH Xuất nhập khẩu Thái Châu (đc: Lô F7, đường số 1, KCN Hải Sơn, xã Đức Hoà, tỉnh Tây Ninh - 0939 595 299). Công văn đề nghị công bố giá số 072026/CV -TC ngày 01/07/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến chân công trình	(Mức giá đăng ký này thực hiện từ ngày 01/07/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá bán tăng	3.600	3.600	3.600	3.600	3.600	3.600	3.600	3.600	3.600

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)(đồng)								
												Khu vực TP. Tây Ninh	Khu vực TX.Trảng Bàng	Khu vực TX. Hoà Thành	Khu vực H.Tân Biên	Khu vực H.Tân Châu	Khu vực H. Châu Thành	Khu vực H.Dương Minh Châu	Khu vực H. Bến Cầu	Khu vực H. Gò Dầu
4327	vật liệu khác	Bấc thấm đứng APT-T7A	m	TCVN 9355:2013	300m	Công ty TNHH Xuất nhập khẩu Thái Châu (đc: Lô F7, đường số 1, KCN Hải Sơn, xã Đức Hoà, tỉnh Tây Ninh - 0939 595 299). Công văn đề nghị công bố giá số 072026/CV -TC ngày 01/07/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến chân công trình	(Mức giá đăng ký này thực hiện từ ngày 01/07/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá không đổi	3.700	3.700	3.700	3.700	3.700	3.700	3.700	3.700	3.700
4328	vật liệu khác	Bấc thấm ngang APT-T200	m	TCVN 9355:2013	50m	Công ty TNHH Xuất nhập khẩu Thái Châu (đc: Lô F7, đường số 1, KCN Hải Sơn, xã Đức Hoà, tỉnh Tây Ninh - 0939 595 299). Công văn đề nghị công bố giá số 072026/CV -TC ngày 01/07/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến chân công trình	(Mức giá đăng ký này thực hiện từ ngày 01/07/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá không đổi	25.300	25.300	25.300	25.300	25.300	25.300	25.300	25.300	25.300
4329	vật liệu khác	Bấc thấm ngang APT-T300	m	TCVN 9355:2013	50m	Công ty TNHH Xuất nhập khẩu Thái Châu (đc: Lô F7, đường số 1, KCN Hải Sơn, xã Đức Hoà, tỉnh Tây Ninh - 0939 595 299). Công văn đề nghị công bố giá số 072026/CV -TC ngày 01/07/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến chân công trình	(Mức giá đăng ký này thực hiện từ ngày 01/07/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá không đổi	33.000	33.000	33.000	33.000	33.000	33.000	33.000	33.000	33.000
4330	vật liệu khác	Ống địa kỹ thuật Geotube APT G135 chu vi 9,42m2	m	TCVN 9355:2013	chu vi 9,42m2	Công ty TNHH Xuất nhập khẩu Thái Châu (đc: Lô F7, đường số 1, KCN Hải Sơn, xã Đức Hoà, tỉnh Tây Ninh - 0939 595 299). Công văn đề nghị công bố giá số 072026/CV -TC ngày 01/07/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến chân công trình	(Mức giá đăng ký này thực hiện từ ngày 01/07/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá bán tăng	1.950.000	1.950.000	1.950.000	1.950.000	1.950.000	1.950.000	1.950.000	1.950.000	1.950.000
4331	vật liệu khác	Ống địa kỹ thuật Geotube APT G135 chu vi 12,6m2	m	TCVN 13565:2022	chu vi 1,26m2	Công ty TNHH Xuất nhập khẩu Thái Châu (đc: Lô F7, đường số 1, KCN Hải Sơn, xã Đức Hoà, tỉnh Tây Ninh - 0939 595 299). Công văn đề nghị công bố giá số 072026/CV -TC ngày 01/07/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến chân công trình	(Mức giá đăng ký này thực hiện từ ngày 01/07/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá không đổi	2.925.000	2.925.000	2.925.000	2.925.000	2.925.000	2.925.000	2.925.000	2.925.000	2.925.000
4332	vật liệu khác	Ống địa kỹ thuật Geotube APT G200 chu vi 15,7m2	m	TCVN 13565:2022	chu vi 15,7m2	Công ty TNHH Xuất nhập khẩu Thái Châu (đc: Lô F7, đường số 1, KCN Hải Sơn, xã Đức Hoà, tỉnh Tây Ninh - 0939 595 299). Công văn đề nghị công bố giá số 072026/CV -TC ngày 01/07/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến chân công trình	(Mức giá đăng ký này thực hiện từ ngày 01/07/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá không đổi	4.875.000	4.875.000	4.875.000	4.875.000	4.875.000	4.875.000	4.875.000	4.875.000	4.875.000
4333	vật liệu khác	Bao địa kỹ thuật Geobag 300GR (0.8mx0.8m)	cái	TCVN 13565:2022	0,8m*0,8m	Công ty TNHH Xuất nhập khẩu Thái Châu (đc: Lô F7, đường số 1, KCN Hải Sơn, xã Đức Hoà, tỉnh Tây Ninh - 0939 595 299). Công văn đề nghị công bố giá số 072026/CV -TC ngày 01/07/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến chân công trình	(Mức giá đăng ký này thực hiện từ ngày 01/07/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá bán tăng	166.400	166.400	166.400	166.400	166.400	166.400	166.400	166.400	166.400
4334	vật liệu khác	Bao địa kỹ thuật Geobag 600GR (1.5mx2.5m)	cái	TCVN 9844:2013	1,5m*2,5m	Công ty TNHH Xuất nhập khẩu Thái Châu (đc: Lô F7, đường số 1, KCN Hải Sơn, xã Đức Hoà, tỉnh Tây Ninh - 0939 595 299). Công văn đề nghị công bố giá số 072026/CV -TC ngày 01/07/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến chân công trình	(Mức giá đăng ký này thực hiện từ ngày 01/07/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá không đổi	1.445.000	1.445.000	1.445.000	1.445.000	1.445.000	1.445.000	1.445.000	1.445.000	1.445.000
4335	vật liệu khác	Ô địa kỹ thuật APT Geocell 330	m2	TCVN 9844:2013	H-100	Công ty TNHH Xuất nhập khẩu Thái Châu (đc: Lô F7, đường số 1, KCN Hải Sơn, xã Đức Hoà, tỉnh Tây Ninh - 0939 595 299). Công văn đề nghị công bố giá số 072026/CV -TC ngày 01/07/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến chân công trình	(Mức giá đăng ký này thực hiện từ ngày 01/07/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá không đổi	105.300	105.300	105.300	105.300	105.300	105.300	105.300	105.300	105.300
4336	vật liệu khác	Ô địa kỹ thuật APT Geocell 445	m2	TCVN 10544:2014	H-150	Công ty TNHH Xuất nhập khẩu Thái Châu (đc: Lô F7, đường số 1, KCN Hải Sơn, xã Đức Hoà, tỉnh Tây Ninh - 0939 595 299). Công văn đề nghị công bố giá số 072026/CV -TC ngày 01/07/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến chân công trình	(Mức giá đăng ký này thực hiện từ ngày 01/07/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá không đổi	105.300	105.300	105.300	105.300	105.300	105.300	105.300	105.300	105.300
4337	vật liệu khác	Ô địa kỹ thuật APT Geocell 660	m2	TCVN 10544:2014	H-100	Công ty TNHH Xuất nhập khẩu Thái Châu (đc: Lô F7, đường số 1, KCN Hải Sơn, xã Đức Hoà, tỉnh Tây Ninh - 0939 595 299). Công văn đề nghị công bố giá số 072026/CV -TC ngày 01/07/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến chân công trình	(Mức giá đăng ký này thực hiện từ ngày 01/07/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá không đổi	52.000	52.000	52.000	52.000	52.000	52.000	52.000	52.000	52.000
4338	vật liệu khác	Màng HDPE khổ 6x50m/8x50m(RxD) dày 0.3mm	m2	GRI-GCL3	0,3mm	Công ty TNHH Xuất nhập khẩu Thái Châu (đc: Lô F7, đường số 1, KCN Hải Sơn, xã Đức Hoà, tỉnh Tây Ninh - 0939 595 299). Công văn đề nghị công bố giá số 072026/CV -TC ngày 01/07/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến chân công trình	(Mức giá đăng ký này thực hiện từ ngày 01/07/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá không đổi	18.000	18.000	18.000	18.000	18.000	18.000	18.000	18.000	18.000
4339	vật liệu khác	Màng HDPE khổ 6x50m/8x50m(RxD) dày 0.4mm	m2	GRI-GM13	0,4mm	Công ty TNHH Xuất nhập khẩu Thái Châu (đc: Lô F7, đường số 1, KCN Hải Sơn, xã Đức Hoà, tỉnh Tây Ninh - 0939 595 299). Công văn đề nghị công bố giá số 072026/CV -TC ngày 01/07/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến chân công trình	(Mức giá đăng ký này thực hiện từ ngày 01/07/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá không đổi	23.700	23.700	23.700	23.700	23.700	23.700	23.700	23.700	23.700
4340	vật liệu khác	Màng HDPE khổ 6x50m/8x50m(RxD) dày 0.5mm	m2	GRI-GM13	0.5mm	Công ty TNHH Xuất nhập khẩu Thái Châu (đc: Lô F7, đường số 1, KCN Hải Sơn, xã Đức Hoà, tỉnh Tây Ninh - 0939 595 299). Công văn đề nghị công bố giá số 072026/CV -TC ngày 01/07/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến chân công trình	(Mức giá đăng ký này thực hiện từ ngày 01/07/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá không đổi	30.000	30.000	30.000	30.000	30.000	30.000	30.000	30.000	30.000
4341	vật liệu khác	Màng HDPE khổ 6x50m/8x50m(RxD) dày 0.75mm	m2	GRI-GM13	0.75mm	Công ty TNHH Xuất nhập khẩu Thái Châu (đc: Lô F7, đường số 1, KCN Hải Sơn, xã Đức Hoà, tỉnh Tây Ninh - 0939 595 299). Công văn đề nghị công bố giá số 072026/CV -TC ngày 01/07/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến chân công trình	(Mức giá đăng ký này thực hiện từ ngày 01/07/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá bán tăng	45.200	45.200	45.200	45.200	45.200	45.200	45.200	45.200	45.200
4342	vật liệu khác	Màng HDPE khổ 7x210m/8x50m(RxD) dày 1.0mm	m2	GRI-GM13	1.0mm	Công ty TNHH Xuất nhập khẩu Thái Châu (đc: Lô F7, đường số 1, KCN Hải Sơn, xã Đức Hoà, tỉnh Tây Ninh - 0939 595 299). Công văn đề nghị công bố giá số 072026/CV -TC ngày 01/07/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến chân công trình	(Mức giá đăng ký này thực hiện từ ngày 01/07/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá không đổi	61.200	61.200	61.200	61.200	61.200	61.200	61.200	61.200	61.200
4343	vật liệu khác	Màng HDPE khổ 7x140m(RxD) dày 1.5mm	m2	GRI-GM13	1.5mm	Công ty TNHH Xuất nhập khẩu Thái Châu (đc: Lô F7, đường số 1, KCN Hải Sơn, xã Đức Hoà, tỉnh Tây Ninh - 0939 595 299). Công văn đề nghị công bố giá số 072026/CV -TC ngày 01/07/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến chân công trình	(Mức giá đăng ký này thực hiện từ ngày 01/07/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá không đổi	92.000	92.000	92.000	92.000	92.000	92.000	92.000	92.000	92.000
4344	vật liệu khác	Màng HDPE khổ 7x105(RxD) dày 2mm	m2	GRI-GM13	2mm	Công ty TNHH Xuất nhập khẩu Thái Châu (đc: Lô F7, đường số 1, KCN Hải Sơn, xã Đức Hoà, tỉnh Tây Ninh - 0939 595 299). Công văn đề nghị công bố giá số 072026/CV -TC ngày 01/07/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến chân công trình	(Mức giá đăng ký này thực hiện từ ngày 01/07/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá không đổi	122.200	122.200	122.200	122.200	122.200	122.200	122.200	122.200	122.200
4345	vật liệu khác	Vật liệu ô ngăn hình mạng NEOWEB-xuất xứ ISRAEL- sản xuất từ nguyên liệu NANO POLYMERIC ALLOY(NEOLOY): **Neoweb 330**: khoảng cách mối hàn 330mm; chiều cao ô ngăn từ 50mm đến 200mm; Kích thước ô ngăn 250mm*210mm; Có chứng nhận chất lượng phù hợp theo TCVN 10544-1:2026 - **Neoweb 330-50**	m2	TCVN 10544-1:2026		Công ty cổ phần JIVC (đc: 508 Trường Chinh, Kim Liên, Đống Đa, Hà Nội 024 3564 1639 Email: INFO@JIVC.VN)	Việt Nam	Không có thông tin	giá tại chân công trình	Mức giá ngày 01/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	160.783	160.783	160.783	160.783	160.783	160.783	160.783	160.783	160.783
4346	vật liệu khác	Vật liệu ô ngăn hình mạng NEOWEB-xuất xứ ISRAEL- sản xuất từ nguyên liệu NANO POLYMERIC ALLOY(NEOLOY): **Neoweb 330**: khoảng cách mối hàn 330mm; chiều cao ô ngăn từ 50mm đến 200mm; Kích thước ô ngăn 250mm*210mm; Có chứng nhận chất lượng phù hợp theo TCVN 10544-1:2026 - **Neoweb 330-75**	m2	TCVN 10544-1:2026		Công ty cổ phần JIVC (đc: 508 Trường Chinh, Kim Liên, Đống Đa, Hà Nội 024 3564 1639 Email: INFO@JIVC.VN)	Việt Nam	Không có thông tin	giá tại chân công trình	Mức giá ngày 01/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	228.297	228.297	228.297	228.297	228.297	228.297	228.297	228.297	228.297

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá hàn (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)(đồng)								
												Khu vực TP. Tây Ninh	Khu vực TX.Trảng Bàng	Khu vực TX. Hoà Thành	Khu vực H.Tân Biên	Khu vực H.Tân Châu	Khu vực H. Châu Thành	Khu vực H.Dương Minh Châu	Khu vực H. Bến Cầu	Khu vực H. Gò Dầu
4347	vật liệu khác	Vật liệu ô ngăn hình mạng NEOWEB-xuất xứ ISRAEL- sản xuất từ nguyên liệu NANO POLYMERIC ALLOY(NEOLOY): **Neoweb 330**: khoảng cách mối hàn 330mm; chiều cao ô ngăn từ 50mm đến 200mm; Kích thước ô ngăn 250mm*210mm; Có chứng nhận chất lượng phù hợp theo TCVN 10544-1:2026 **- Neoweb 330-100**	m2	TCVN 10544-1:2026		Công ty cổ phần JIVC (đc: 508 Trường Chinh, Kim Liên, Đống Đa, Hà Nội 024 3564 1639 Email: INFO@JIVC.VN)	Việt Nam	Không có thông tin	giá tại chân công trình	Mức giá ngày 01/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	308.563	308.563	308.563	308.563	308.563	308.563	308.563	308.563	308.563
4348	vật liệu khác	**Vật liệu ô ngăn hình mạng NEOWEB-xuất xứ ISRAE**L- sản xuất từ nguyên liệu NANO POLYMERIC ALLOY(NEOLOY): Neoweb 330: khoảng cách mối hàn 330mm; chiều cao ô ngăn từ 50mm đến 200mm; Kích thước ô ngăn 250mm*210mm; Có chứng nhận chất lượng phù hợp theo TCVN 10544-1:20**26 - Neoweb 330-120**	m2	TCVN 10544-1:2026		Công ty cổ phần JIVC (đc: 508 Trường Chinh, Kim Liên, Đống Đa, Hà Nội 024 3564 1639 Email: INFO@JIVC.VN)	Việt Nam	Không có thông tin	giá tại chân công trình	Mức giá ngày 01/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	385.078	385.078	385.078	385.078	385.078	385.078	385.078	385.078	385.078
4349	vật liệu khác	Vật liệu ô ngăn hình mạng NEOWEB-xuất xứ ISRAEL- sản xuất từ nguyên liệu NANO POLYMERIC ALLOY(NEOLOY): Neoweb 330: khoảng cách mối hàn 330mm; chiều cao ô ngăn từ 50mm đến 200mm; Kích thước ô ngăn 250mm*210mm; Có chứng nhận chất lượng phù hợp theo TCVN 10544-1:2026 - Neoweb 330-150	m2	TCVN 10544-1:2026		Công ty cổ phần JIVC (đc: 508 Trường Chinh, Kim Liên, Đống Đa, Hà Nội 024 3564 1639 Email: INFO@JIVC.VN)	Việt Nam	Không có thông tin	giá tại chân công trình	Mức giá ngày 01/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	447.091	447.091	447.091	447.091	447.091	447.091	447.091	447.091	447.091
4350	vật liệu khác	**Vật liệu ô ngăn hình mạng NEOWEB**-xuất xứ ISRAEL- sản xuất từ nguyên liệu NANO POLYMERIC ALLOY(NEOLOY): Neoweb 330: khoảng cách mối hàn 330mm; chiều cao ô ngăn từ 50mm đến 200mm; Kích thước ô ngăn 250mm*210mm; Có chứng nhận chất lượng phù hợp theo TCVN 10544-1:2026 **- Neoweb 330-200**	m2	TCVN 10544-1:2026		Công ty cổ phần JIVC (đc: 508 Trường Chinh, Kim Liên, Đống Đa, Hà Nội 024 3564 1639 Email: INFO@JIVC.VN)	Việt Nam	Không có thông tin	giá tại chân công trình	Mức giá ngày 01/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	634.130	634.130	634.130	634.130	634.130	634.130	634.130	634.130	634.130
4351	vật liệu khác	**Neoweb 356:** khoảng cách mối hàn 356mm; chiều cao ô ngăn từ 50mm đến 200mm; Kích thước ô ngăn 260mm*224mm; Có chứng nhận chất lượng phù hợp theo TCVN 10544-1:2026 - **Neoweb 356-50**	m2	TCVN 10544-1:2026		Công ty cổ phần JIVC (đc: 508 Trường Chinh, Kim Liên, Đống Đa, Hà Nội 024 3564 1639 Email: INFO@JIVC.VN)	Việt Nam	Không có thông tin	giá tại chân công trình	Mức giá ngày 01/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	152.531	152.531	152.531	152.531	152.531	152.531	152.531	152.531	152.531
4352	vật liệu khác	**Neoweb 356:** khoảng cách mối hàn 356mm; chiều cao ô ngăn từ 50mm đến 200mm; Kích thước ô ngăn 260mm*224mm; Có chứng nhận chất lượng phù hợp theo TCVN 10544-1:2026- **Neoweb 356-75**	m2	TCVN 10544-1:2026		Công ty cổ phần JIVC (đc: 508 Trường Chinh, Kim Liên, Đống Đa, Hà Nội 024 3564 1639 Email: INFO@JIVC.VN)	Việt Nam	Không có thông tin	giá tại chân công trình	Mức giá ngày 01/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	215.070	215.070	215.070	215.070	215.070	215.070	215.070	215.070	215.070
4353	vật liệu khác	**Neoweb 356:** khoảng cách mối hàn 356mm; chiều cao ô ngăn từ 50mm đến 200mm; Kích thước ô ngăn 260mm*224mm; Có chứng nhận chất lượng phù hợp theo TCVN 10544-1:2026 - **Neoweb 356-100**	m2	TCVN 10544-1:2026		Công ty cổ phần JIVC (đc: 508 Trường Chinh, Kim Liên, Đống Đa, Hà Nội 024 3564 1639 Email: INFO@JIVC.VN)	Việt Nam	Không có thông tin	giá tại chân công trình	Mức giá ngày 01/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	294.060	294.060	294.060	294.060	294.060	294.060	294.060	294.060	294.060
4354	vật liệu khác	**Neoweb 356**: khoảng cách mối hàn 356mm; chiều cao ô ngăn từ 50mm đến 200mm; Kích thước ô ngăn 260mm*224mm; Có chứng nhận chất lượng phù hợp theo TCVN 10544-1:2026 - **Neoweb 356-120**	m2	TCVN 10544-1:2026		Công ty cổ phần JIVC (đc: 508 Trường Chinh, Kim Liên, Đống Đa, Hà Nội 024 3564 1639 Email: INFO@JIVC.VN)	Việt Nam	Không có thông tin	giá tại chân công trình	Mức giá ngày 01/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	366.575	366.575	366.575	366.575	366.575	366.575	366.575	366.575	366.575
4355	vật liệu khác	**Neoweb 356:** khoảng cách mối hàn 356mm; chiều cao ô ngăn từ 50mm đến 200mm; Kích thước ô ngăn 260mm*224mm; Có chứng nhận chất lượng phù hợp theo TCVN 10544-1:2026 - **Neoweb 356-150**	m2	TCVN 10544-1:2026		Công ty cổ phần JIVC (đc: 508 Trường Chinh, Kim Liên, Đống Đa, Hà Nội 024 3564 1639 Email: INFO@JIVC.VN)	Việt Nam	Không có thông tin	giá tại chân công trình	Mức giá ngày 01/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	425.838	425.838	425.838	425.838	425.838	425.838	425.838	425.838	425.838
4356	vật liệu khác	**Neoweb 356:** khoảng cách mối hàn 356mm; chiều cao ô ngăn từ 50mm đến 200mm; Kích thước ô ngăn 260mm*224mm; Có chứng nhận chất lượng phù hợp theo TCVN 10544-1:2026 - **Neoweb 356-200**	m2	TCVN 10544-1:2026		Công ty cổ phần JIVC (đc: 508 Trường Chinh, Kim Liên, Đống Đa, Hà Nội 024 3564 1639 Email: INFO@JIVC.VN)	Việt Nam	Không có thông tin	giá tại chân công trình	Mức giá ngày 01/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	587.370	587.370	587.370	587.370	587.370	587.370	587.370	587.370	587.370
4357	vật liệu khác	**Neoweb 445:** khoảng cách mối hàn 445mm; chiều cao ô ngăn từ 50mm đến 200mm; Kích thước ô ngăn 340mm*290mm; Có chứng nhận chất lượng phù hợp theo TCVN 10544-1:2026 - **Neoweb 445-50**	m2	TCVN 10544-1:2026		Công ty cổ phần JIVC (đc: 508 Trường Chinh, Kim Liên, Đống Đa, Hà Nội 024 3564 1639 Email: INFO@JIVC.VN)	Việt Nam	Không có thông tin	giá tại chân công trình	Mức giá ngày 01/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	135.528	135.528	135.528	135.528	135.528	135.528	135.528	135.528	135.528
4358	vật liệu khác	**Neoweb 445:** khoảng cách mối hàn 445mm; chiều cao ô ngăn từ 50mm đến 200mm; Kích thước ô ngăn 340mm*290mm; Có chứng nhận chất lượng phù hợp theo TCVN 10544-1:2026 - **Neoweb 445-75**	m2	TCVN 10544-1:2026		Công ty cổ phần JIVC (đc: 508 Trường Chinh, Kim Liên, Đống Đa, Hà Nội 024 3564 1639 Email: INFO@JIVC.VN)	Việt Nam	Không có thông tin	giá tại chân công trình	Mức giá ngày 01/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	209.771	209.771	209.771	209.771	209.771	209.771	209.771	209.771	209.771
4359	vật liệu khác	**Neoweb 445:** khoảng cách mối hàn 445mm; chiều cao ô ngăn từ 50mm đến 200mm; Kích thước ô ngăn 340mm*290mm; Có chứng nhận chất lượng phù hợp theo TCVN 10544-1:2026 - **Neoweb 445-100**	m2	TCVN 10544-1:2026		Công ty cổ phần JIVC (đc: 508 Trường Chinh, Kim Liên, Đống Đa, Hà Nội 024 3564 1639 Email: INFO@JIVC.VN)	Việt Nam	Không có thông tin	giá tại chân công trình	Mức giá ngày 01/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	2.603.036	2.603.036	2.603.036	2.603.036	2.603.036	2.603.036	2.603.036	2.603.036	2.603.036
4360	vật liệu khác	**Neoweb 445:** khoảng cách mối hàn 445mm; chiều cao ô ngăn từ 50mm đến 200mm; Kích thước ô ngăn 340mm*290mm; Có chứng nhận chất lượng phù hợp theo TCVN 10544-1:2026 - **Neoweb 445-120**	m2	TCVN 10544-1:2026		Công ty cổ phần JIVC (đc: 508 Trường Chinh, Kim Liên, Đống Đa, Hà Nội 024 3564 1639 Email: INFO@JIVC.VN)	Việt Nam	Không có thông tin	giá tại chân công trình	Mức giá ngày 01/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	325.316	325.316	325.316	325.316	325.316	325.316	325.316	325.316	325.316
4361	vật liệu khác	**Neoweb 445:** khoảng cách mối hàn 445mm; chiều cao ô ngăn từ 50mm đến 200mm; Kích thước ô ngăn 340mm*290mm; Có chứng nhận chất lượng phù hợp theo TCVN 10544-1:2026 - **Neoweb 445-150**	m2	TCVN 10544-1:2026		Công ty cổ phần JIVC (đc: 508 Trường Chinh, Kim Liên, Đống Đa, Hà Nội 024 3564 1639 Email: INFO@JIVC.VN)	Việt Nam	Không có thông tin	giá tại chân công trình	Mức giá ngày 01/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	377.577	377.577	377.577	377.577	377.577	377.577	377.577	377.577	377.577
4362	vật liệu khác	**Neoweb 445:** khoảng cách mối hàn 445mm; chiều cao ô ngăn từ 50mm đến 200mm; Kích thước ô ngăn 340mm*290mm; Có chứng nhận chất lượng phù hợp theo TCVN 10544-1:2026 - **Neoweb 445-200**	m2	TCVN 10544-1:2026		Công ty cổ phần JIVC (đc: 508 Trường Chinh, Kim Liên, Đống Đa, Hà Nội 024 3564 1639 Email: INFO@JIVC.VN)	Việt Nam	Không có thông tin	giá tại chân công trình	Mức giá ngày 01/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	520.857	520.857	520.857	520.857	520.857	520.857	520.857	520.857	520.857
4363	vật liệu khác	**Neoweb 660**: khoảng cách mối hàn 660mm; chiều cao ô ngăn từ 50mm đến 200mm; Kích thước ô ngăn 500mm*420mm; Có chứng nhận chất lượng phù hợp theo TCVN 10544-1:2026 - **Neoweb 660-50**	m2	TCVN 10544-1:2026		Công ty cổ phần JIVC (đc: 508 Trường Chinh, Kim Liên, Đống Đa, Hà Nội 024 3564 1639 Email: INFO@JIVC.VN)	Việt Nam	Không có thông tin	giá tại chân công trình	Mức giá ngày 01/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	95.770	95.770	95.770	95.770	95.770	95.770	95.770	95.770	95.770

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)(đồng)								
												Khu vực TP. Tây Ninh	Khu vực TX.Trảng Bàng	Khu vực TX. Hoà Thành	Khu vực H.Tân Biên	Khu vực H.Tân Châu	Khu vực H. Châu Thành	Khu vực H.Dương Minh Châu	Khu vực H. Bến Cầu	Khu vực H. Gò Dầu
4364	vật liệu khác	**Neoweb 660:** khoảng cách mối hàn 660mm; chiều cao ô ngăn từ 50mm đến 200mm; Kích thước ô ngăn 500mm*420mm; Có chứng nhận chất lượng phù hợp theo TCVN 10544-1:2026 - **Neoweb 660-75**	m2	TCVN 10544-1:2026		Công ty cổ phần JIVC (đc: 508 Trường Chinh, Kim Liên, Đống Đa, Hà Nội 024 3564 1639 Email: INFO@JIVC.VN)	Việt Nam	Không có thông tin	giá tại chân công trình	Mức giá ngày 01/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	136.528	136.528	136.528	136.528	136.528	136.528	136.528	136.528	136.528
4365	vật liệu khác	**Neoweb 660:** khoảng cách mối hàn 660mm; chiều cao ô ngăn từ 50mm đến 200mm; Kích thước ô ngăn 500mm*420mm; Có chứng nhận chất lượng phù hợp theo TCVN 10544-1:2026 - **Neoweb 660-100**	m2	TCVN 10544-1:2026		Công ty cổ phần JIVC (đc: 508 Trường Chinh, Kim Liên, Đống Đa, Hà Nội 024 3564 1639 Email: INFO@JIVC.VN)	Việt Nam	Không có thông tin	giá tại chân công trình	Mức giá ngày 01/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	184.288	184.288	184.288	184.288	184.288	184.288	184.288	184.288	184.288
4366	vật liệu khác	**Neoweb 660:** khoảng cách mối hàn 660mm; chiều cao ô ngăn từ 50mm đến 200mm; Kích thước ô ngăn 500mm*420mm; Có chứng nhận chất lượng phù hợp theo TCVN 10544-1:2026 - **Neoweb 660-120**	m2	TCVN 10544-1:2026		Công ty cổ phần JIVC (đc: 508 Trường Chinh, Kim Liên, Đống Đa, Hà Nội 024 3564 1639 Email: INFO@JIVC.VN)	Việt Nam	Không có thông tin	giá tại chân công trình	Mức giá ngày 01/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	230.547	230.547	230.547	230.547	230.547	230.547	230.547	230.547	230.547
4367	vật liệu khác	**Neoweb 660:** khoảng cách mối hàn 660mm; chiều cao ô ngăn từ 50mm đến 200mm; Kích thước ô ngăn 500mm*420mm; Có chứng nhận chất lượng phù hợp theo TCVN 10544-1:2026 - **Neoweb 660-150**	m2	TCVN 10544-1:2026		Công ty cổ phần JIVC (đc: 508 Trường Chinh, Kim Liên, Đống Đa, Hà Nội 024 3564 1639 Email: INFO@JIVC.VN)	Việt Nam	Không có thông tin	giá tại chân công trình	Mức giá ngày 01/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	268.055	268.055	268.055	268.055	268.055	268.055	268.055	268.055	268.055
4368	vật liệu khác	**Neoweb 660:** khoảng cách mối hàn 660mm; chiều cao ô ngăn từ 50mm đến 200mm; Kích thước ô ngăn 500mm*420mm; Có chứng nhận chất lượng phù hợp theo TCVN 10544-1:2026 - **Neoweb 660-200**	m2	TCVN 10544-1:2026		Công ty cổ phần JIVC (đc: 508 Trường Chinh, Kim Liên, Đống Đa, Hà Nội 024 3564 1639 Email: INFO@JIVC.VN)	Việt Nam	Không có thông tin	giá tại chân công trình	Mức giá ngày 01/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	384.576	384.576	384.576	384.576	384.576	384.576	384.576	384.576	384.576
4369	vật liệu khác	**Neoweb 712:** khoảng cách mối hàn 712mm; chiều cao ô ngăn từ 50mm đến 200mm; Kích thước ô ngăn 520mm*448mm; Có chứng nhận chất lượng phù hợp theo TCVN 10544-1:2026 - **Neoweb 712-50**	m2	TCVN 10544-1:2026		Công ty cổ phần JIVC (đc: 508 Trường Chinh, Kim Liên, Đống Đa, Hà Nội 024 3564 1639 Email: INFO@JIVC.VN)	Việt Nam	Không có thông tin	giá tại chân công trình	Mức giá ngày 01/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	79.767	79.767	79.767	79.767	79.767	79.767	79.767	79.767	79.767
4370	vật liệu khác	**Neoweb 712:** khoảng cách mối hàn 712mm; chiều cao ô ngăn từ 50mm đến 200mm; Kích thước ô ngăn 520mm*448mm; Có chứng nhận chất lượng phù hợp theo TCVN 10544-1:2026 - **Neoweb 712-75**	m2	TCVN 10544-1:2026		Công ty cổ phần JIVC (đc: 508 Trường Chinh, Kim Liên, Đống Đa, Hà Nội 024 3564 1639 Email: INFO@JIVC.VN)	Việt Nam	Không có thông tin	giá tại chân công trình	Mức giá ngày 01/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	113.524	113.524	113.524	113.524	113.524	113.524	113.524	113.524	113.524
4371	vật liệu khác	**Neoweb 712:** khoảng cách mối hàn 712mm; chiều cao ô ngăn từ 50mm đến 200mm; Kích thước ô ngăn 520mm*448mm; Có chứng nhận chất lượng phù hợp theo TCVN 10544-1:2026 - **Neoweb 712-100**	m2	TCVN 10544-1:2026		Công ty cổ phần JIVC (đc: 508 Trường Chinh, Kim Liên, Đống Đa, Hà Nội 024 3564 1639 Email: INFO@JIVC.VN)	Việt Nam	Không có thông tin	giá tại chân công trình	Mức giá ngày 01/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	153.031	153.031	153.031	153.031	153.031	153.031	153.031	153.031	153.031
4372	vật liệu khác	**Neoweb 712:** khoảng cách mối hàn 712mm; chiều cao ô ngăn từ 50mm đến 200mm; Kích thước ô ngăn 520mm*448mm; Có chứng nhận chất lượng phù hợp theo TCVN 10544-1:2026 - **Neoweb 712-120**	m2	TCVN 10544-1:2026		Công ty cổ phần JIVC (đc: 508 Trường Chinh, Kim Liên, Đống Đa, Hà Nội 024 3564 1639 Email: INFO@JIVC.VN)	Việt Nam	Không có thông tin	giá tại chân công trình	Mức giá ngày 01/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	191.289	191.289	191.289	191.289	191.289	191.289	191.289	191.289	191.289
4373	vật liệu khác	**Neoweb 712:** khoảng cách mối hàn 712mm; chiều cao ô ngăn từ 50mm đến 200mm; Kích thước ô ngăn 520mm*448mm; Có chứng nhận chất lượng phù hợp theo TCVN 10544-1:2026 - **Neoweb 712-150**	m2	TCVN 10544-1:2026		Công ty cổ phần JIVC (đc: 508 Trường Chinh, Kim Liên, Đống Đa, Hà Nội 024 3564 1639 Email: INFO@JIVC.VN)	Việt Nam	Không có thông tin	giá tại chân công trình	Mức giá ngày 01/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	222.296	222.296	222.296	222.296	222.296	222.296	222.296	222.296	222.296
4374	vật liệu khác	**Neoweb 712:** khoảng cách mối hàn 712mm; chiều cao ô ngăn từ 50mm đến 200mm; Kích thước ô ngăn 520mm*448mm; Có chứng nhận chất lượng phù hợp theo TCVN 10544-1:2026 - **Neoweb 712-200**	m2	TCVN 10544-1:2026		Công ty cổ phần JIVC (đc: 508 Trường Chinh, Kim Liên, Đống Đa, Hà Nội 024 3564 1639 Email: INFO@JIVC.VN)	Việt Nam	Không có thông tin	giá tại chân công trình	Mức giá ngày 01/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	305.813	305.813	305.813	305.813	305.813	305.813	305.813	305.813	305.813
4375	vật liệu khác	Đầu neo clip sử dụng với cọc neo để định vị hệ thống neoweb trên mái (sản xuất từ HDPE nguyên sinh)	cái	TCVN 10544-1:2026		Công ty cổ phần JIVC (đc: 508 Trường Chinh, Kim Liên, Đống Đa, Hà Nội 024 3564 1639 Email: INFO@JIVC.VN)	Việt Nam	Không có thông tin	giá tại chân công trình	Mức giá ngày 01/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	5.376	5.376	5.376	5.376	5.376	5.376	5.376	5.376	5.376
4376	vật liệu khác	Tường chống ồn hấp thụ âm bao gồm: - Tấm chống ồn: Tấm mặt trước hợp kim nhôm, tấm mặt sau thép mạ kẽm. Vật liệu hấp thụ âm: polyester. - Cột thép hình H125x125x6,5x9 bao gồm tấm đế và sườn tăng cứng chân cột (mạ kẽm nhúng nóng). - Dây cáp an toàn cho tấm và cột D5.5 (bọc PVC). - Phụ kiện khóa cáp, tấm chèn, bulon M10, bulon M20 (SUS304, cấp 5.6).	m2	TCCS45:2022/TCĐBVN - Hợp kim nhôm theo tiêu chuẩn: 3003-H24-GB/T 3880-2012 hoặc tương đương - Thép mạ kẽm: DX51D-Z275-BS EN10346:2015 hoặc tương đương - Thép hình: SS400-JIS G3101; ASTM A123; Q355GB/T 1591	Hiệu quả giảm độ ồn, theo tiêu chuẩn ISO 10140 hoặc tương đương: Tại 500 Hz: 25 dB hoặc hơn Tại 1000 Hz: 30dB hoặc hơn Tỉ lệ hấp thụ âm của các tấm Panel ở trạng thái sản phẩm hoàn thiện, tỉ lệ hấp thụ âm trung bình là trên 70% đối với các âm tần 250 Hz, 500 Hz, 1000 Hz, 2000 Hz. Hệ số hấp thụ âm thanh α_w>= 0.9 G3289phân loại mức độ hấp thụ loại A theo tiêu chuẩn EN ISO 11654.	Công ty TNHH Đầu tư và Sản xuất Vĩnh Hưng.Đc nhà máy sản xuất: KCN Dệt may Phố Nối, P.Đường Hào, tỉnh Hưng Yên - Dt: 84243540.1770/0913721698. Công văn đề nghị công bố giá số 402/2026/CV_VHJSC ngày 01/06/2026	Việt Nam	Đã bao gồm vận chuyển	Giao hàng đến chân công trình	Mức giá ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	6.920.000	6.920.000	6.920.000	6.920.000	6.920.000	6.920.000	6.920.000	6.920.000	6.920.000
4377	vật liệu khác	Cọc vít có cánh (mạ kẽm nhúng nóng)	cọc	SS400-JIS G3101; Q355-GB/T 1591	D75,6x3,2mm, L=2,1m, cánh xoắn D200 bao gồm bích cột	Công ty TNHH Đầu tư và Sản xuất Vĩnh Hưng.Đc nhà máy sản xuất: KCN Dệt may Phố Nối, P.Đường Hào, tỉnh Hưng Yên - Dt: 84243540.1770/0913721698. Công văn đề nghị công bố giá số 402/2026/CV_VHJSC ngày 01/06/2026	Việt Nam	Đã bao gồm vận chuyển	Giao hàng đến chân công trình	Mức giá ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	892.500	892.500	892.500	892.500	892.500	892.500	892.500	892.500	892.500
4378	vật liệu khác	Cọc vít có cánh (mạ kẽm nhúng nóng)	cọc	SS400-JIS G3101; Q355-GB/T 1591	D113.5x3,5-L-2,1m, cánh xoắn D300 bao gồm bích cột	Công ty TNHH Đầu tư và Sản xuất Vĩnh Hưng.Đc nhà máy sản xuất: KCN Dệt may Phố Nối, P.Đường Hào, tỉnh Hưng Yên - Dt: 84243540.1770/0913721698. Công văn đề nghị công bố giá số 402/2026/CV_VHJSC ngày 01/06/2026	Việt Nam	Đã bao gồm vận chuyển	Giao hàng đến chân công trình	Mức giá ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	1.505.000	1.505.000	1.505.000	1.505.000	1.505.000	1.505.000	1.505.000	1.505.000	1.505.000
4379	vật liệu khác	Gối chậu cố định VHB-1.2FX	chiếc	Gối được thiết kế phù hợp với tiêu chuẩn TCVN 10268-2014, TCVN118-23:2017, AASHTO LRFD.	Tải trọng thiết kế ở TTGHSD: 1200KN	Công ty TNHH Đầu tư và Sản xuất Vĩnh Hưng.Đc nhà máy sản xuất: KCN Dệt may Phố Nối, P.Đường Hào, tỉnh Hưng Yên - Dt: 84243540.1770/0913721698. Công văn đề nghị công bố giá số 402/2026/CV_VHJSC ngày 01/06/2026	Việt Nam	Đã bao gồm vận chuyển	Giao hàng đến chân công trình	Mức giá ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	22.000.000	22.000.000	22.000.000	22.000.000	22.000.000	22.000.000	22.000.000	22.000.000	22.000.000
4380	vật liệu khác	Gối chậu di động đơn hướng VHB-1.2GS	chiếc	Gối được thiết kế phù hợp với tiêu chuẩn TCVN 10268-2014, TCVN118-23:2017, AASHTO LRFD.	Tải trọng thiết kế ở TTGHSD: 1200KN	Công ty TNHH Đầu tư và Sản xuất Vĩnh Hưng.Đc nhà máy sản xuất: KCN Dệt may Phố Nối, P.Đường Hào, tỉnh Hưng Yên - Dt: 84243540.1770/0913721698. Công văn đề nghị công bố giá số 402/2026/CV_VHJSC ngày 01/06/2026	Việt Nam	Đã bao gồm vận chuyển	Giao hàng đến chân công trình	Mức giá ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	25.000.000	25.000.000	25.000.000	25.000.000	25.000.000	25.000.000	25.000.000	25.000.000	25.000.000
4381	vật liệu khác	Gối chậu di động song hướng VHB-1.2FS	chiếc	Gối được thiết kế phù hợp với tiêu chuẩn TCVN 10268-2014, TCVN118-23:2017, AASHTO LRFD.	Tải trọng thiết kế ở TTGHSD: 1200KN	Công ty TNHH Đầu tư và Sản xuất Vĩnh Hưng.Đc nhà máy sản xuất: KCN Dệt may Phố Nối, P.Đường Hào, tỉnh Hưng Yên - Dt: 84243540.1770/0913721698. Công văn đề nghị công bố giá số 402/2026/CV_VHJSC ngày 01/06/2026	Việt Nam	Đã bao gồm vận chuyển	Giao hàng đến chân công trình	Mức giá ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	23.000.000	23.000.000	23.000.000	23.000.000	23.000.000	23.000.000	23.000.000	23.000.000	23.000.000
4382	vật liệu khác	Khe co giãn răng lược VHF-C50	m	Các vật liệu chế tạo khe co giãn phải phù hợp với Tiêu chuẩn thiết kế cầu TCVN11823-2017 và các tiêu chuẩn ASTM tương ứng.	Khe co giãn răng lược chuyển vị 50mm.	Công ty TNHH Đầu tư và Sản xuất Vĩnh Hưng.Đc nhà máy sản xuất: KCN Dệt may Phố Nối, P.Đường Hào, tỉnh Hưng Yên - Dt: 84243540.1770/0913721698. Công văn đề nghị công bố giá số 402/2026/CV_VHJSC ngày 01/06/2026	Việt Nam	Đã bao gồm vận chuyển	Giao hàng đến chân công trình	Mức giá ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	12.500.000	12.500.000	12.500.000	12.500.000	12.500.000	12.500.000	12.500.000	12.500.000	12.500.000

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)(đồng)								
												Khu vực TP. Tây Ninh	Khu vực TX.Trảng Bàng	Khu vực TX. Hoà Thành	Khu vực H.Tân Biên	Khu vực H.Tân Châu	Khu vực H. Châu Thành	Khu vực H.Dương Minh Châu	Khu vực H. Bến Cầu	Khu vực H. Gò Dầu
4383	vật liệu khác	Khe co giãn răng lược VHF-C60	m	Các vật liệu chế tạo khe co giãn phải phù hợp với Tiêu chuẩn thiết kế cầu TCVN11823-2017 và các tiêu chuẩn ASTM tương ứng.	Khe co giãn răng lược chuyển vị 60mm.	Công ty TNHH Đầu tư và Sản xuất Vĩnh Hưng.Dc nhà máy sản xuất: KCN Dệt may Phố Nối, P.Dương Hào, tỉnh Hưng Yên - Dt: 84243540.1770/0913721698. Công văn đề nghị công bố giá số 402/2026/CV_VHJSC ngày 01/06/2026	Việt Nam	Đã bao gồm vận chuyển	Giao hàng đến chân công trình	Mức giá ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	13.000.000	13.000.000	13.000.000	13.000.000	13.000.000	13.000.000	13.000.000	13.000.000	13.000.000
4384	vật liệu khác	Khe co giãn răng lược VHF-C80	m	Các vật liệu chế tạo khe co giãn phải phù hợp với Tiêu chuẩn thiết kế cầu TCVN11823-2017 và các tiêu chuẩn ASTM tương ứng.	Khe co giãn răng lược chuyển vị 80mm.	Công ty TNHH Đầu tư và Sản xuất Vĩnh Hưng.Dc nhà máy sản xuất: KCN Dệt may Phố Nối, P.Dương Hào, tỉnh Hưng Yên - Dt: 84243540.1770/0913721698. Công văn đề nghị công bố giá số 402/2026/CV_VHJSC ngày 01/06/2026	Việt Nam	Đã bao gồm vận chuyển	Giao hàng đến chân công trình	Mức giá ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	14.000.000	14.000.000	14.000.000	14.000.000	14.000.000	14.000.000	14.000.000	14.000.000	14.000.000
4385	vật liệu khác	Khe co giãn răng lược VHF-C100	m	Các vật liệu chế tạo khe co giãn phải phù hợp với Tiêu chuẩn thiết kế cầu TCVN11823-2017 và các tiêu chuẩn ASTM tương ứng, bề mặt khe co giãn được phun phủ bằng cách phun nhiệt	Khe co giãn răng lược chuyển vị 100mm.	Công ty TNHH Đầu tư và Sản xuất Vĩnh Hưng.Dc nhà máy sản xuất: KCN Dệt may Phố Nối, P.Dương Hào, tỉnh Hưng Yên - Dt: 84243540.1770/0913721698. Công văn đề nghị công bố giá số 402/2026/CV_VHJSC ngày 01/06/2026	Việt Nam	Đã bao gồm vận chuyển	Giao hàng đến chân công trình	Mức giá ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	15.500.000	15.500.000	15.500.000	15.500.000	15.500.000	15.500.000	15.500.000	15.500.000	15.500.000
4386	vật liệu khác	Neo thép D25 bao gồm đai ốc	m	ASTM A615, A706	Mạ kẽm nhúng nóng; bao gồm đai ốc	Công ty TNHH Đầu tư và Sản xuất Vĩnh Hưng.Dc nhà máy sản xuất: KCN Dệt may Phố Nối, P.Dương Hào, tỉnh Hưng Yên - Dt: 84243540.1770/0913721698. Công văn đề nghị công bố giá số 402/2026/CV_VHJSC ngày 01/06/2026	Việt Nam	Đã bao gồm vận chuyển	Giao hàng đến chân công trình	Mức giá ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	124.000	124.000	124.000	124.000	124.000	124.000	124.000	124.000	124.000
4387	vật liệu khác	Neo thép D32 bao gồm đai ốc	m	ASTM A615, A706	Mạ kẽm nhúng nóng; bao gồm đai ốc	Công ty TNHH Đầu tư và Sản xuất Vĩnh Hưng.Dc nhà máy sản xuất: KCN Dệt may Phố Nối, P.Dương Hào, tỉnh Hưng Yên - Dt: 84243540.1770/0913721698. Công văn đề nghị công bố giá số 402/2026/CV_VHJSC ngày 01/06/2026	Việt Nam	Đã bao gồm vận chuyển	Giao hàng đến chân công trình	Mức giá ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	206.000	206.000	206.000	206.000	206.000	206.000	206.000	206.000	206.000
4388	vật liệu khác	Lưới sức kháng cao, khoảng cách cáp 30cm	m2	TCCS 35:2021/TCĐBVN	Mạ hợp kim nhôm kẽm Zn90% - Al10%	Công ty TNHH Đầu tư và Sản xuất Vĩnh Hưng.Dc nhà máy sản xuất: KCN Dệt may Phố Nối, P.Dương Hào, tỉnh Hưng Yên - Dt: 84243540.1770/0913721698. Công văn đề nghị công bố giá số 402/2026/CV_VHJSC ngày 01/06/2026	Việt Nam	Đã bao gồm vận chuyển	Giao hàng đến chân công trình	Mức giá ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	1.205.000	1.205.000	1.205.000	1.205.000	1.205.000	1.205.000	1.205.000	1.205.000	1.205.000
4389	vật liệu khác	Lưới thép sức kháng cao bọc Polyme, khoảng cách giữa các sợi cáp 30cm	m2	TCCS 35:2021/TCĐBVN	Mạ hợp kim nhôm kẽm Zn90% - Al10%	Công ty TNHH Đầu tư và Sản xuất Vĩnh Hưng.Dc nhà máy sản xuất: KCN Dệt may Phố Nối, P.Dương Hào, tỉnh Hưng Yên - Dt: 84243540.1770/0913721698. Công văn đề nghị công bố giá số 402/2026/CV_VHJSC ngày 01/06/2026	Việt Nam	Đã bao gồm vận chuyển	Giao hàng đến chân công trình	Mức giá ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	1.462.800	1.462.800	1.462.800	1.462.800	1.462.800	1.462.800	1.462.800	1.462.800	1.462.800
4390	vật liệu khác	Lưới thép xoắn kép khoảng cách cáp 100cm kết hợp lưới địa 3 trục gốc polyme	m2	TCCS 35:2021/TCĐBVN	Mạ hợp kim nhôm kẽm Zn90% - Al10%	Công ty TNHH Đầu tư và Sản xuất Vĩnh Hưng.Dc nhà máy sản xuất: KCN Dệt may Phố Nối, P.Dương Hào, tỉnh Hưng Yên - Dt: 84243540.1770/0913721698. Công văn đề nghị công bố giá số 402/2026/CV_VHJSC ngày 01/06/2026	Việt Nam	Đã bao gồm vận chuyển	Giao hàng đến chân công trình	Mức giá ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	876.830	876.830	876.830	876.830	876.830	876.830	876.830	876.830	876.830
4391	vật liệu khác	Lưới thép xoắn kép khoảng cách cáp 200cm kết hợp lưới địa 3 trục gốc polyme	m2	TCCS 35:2021/TCĐBVN	Mạ hợp kim nhôm kẽm Zn90% - Al10%	Công ty TNHH Đầu tư và Sản xuất Vĩnh Hưng.Dc nhà máy sản xuất: KCN Dệt may Phố Nối, P.Dương Hào, tỉnh Hưng Yên - Dt: 84243540.1770/0913721698. Công văn đề nghị công bố giá số 402/2026/CV_VHJSC ngày 01/06/2026	Việt Nam	Đã bao gồm vận chuyển	Giao hàng đến chân công trình	Mức giá ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	752.000	752.000	752.000	752.000	752.000	752.000	752.000	752.000	752.000
4392	vật liệu khác	Tấm đế neo	cái	EN 10025	Bảo vệ chống ăn mòn bằng mạ kẽm nhúng nóng, chiều dày tối thiểu 85µm	Công ty TNHH Đầu tư và Sản xuất Vĩnh Hưng.Dc nhà máy sản xuất: KCN Dệt may Phố Nối, P.Dương Hào, tỉnh Hưng Yên - Dt: 84243540.1770/0913721698. Công văn đề nghị công bố giá số 402/2026/CV_VHJSC ngày 01/06/2026	Việt Nam	Đã bao gồm vận chuyển	Giao hàng đến chân công trình	Mức giá ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	384.000	384.000	384.000	384.000	384.000	384.000	384.000	384.000	384.000
4393	vật liệu khác	Sản phẩm hệ lưới gia cố taluy dương - Khóa chữ U cho cáp D8	cái	EN 13411-5	Lớp mạ chống ăn mòn dày 40µm. Cấp thép của thân khóa chữ U 5.8, đầu khóa và ecu là 235 Mpa	Công ty TNHH Đầu tư và Sản xuất Vĩnh Hưng.Dc nhà máy sản xuất: KCN Dệt may Phố Nối, P.Dương Hào, tỉnh Hưng Yên - Dt: 84243540.1770/0913721698. Công văn đề nghị công bố giá số 402/2026/CV_VHJSC ngày 01/06/2026	Việt Nam	Đã bao gồm vận chuyển	Giao hàng đến chân công trình	Mức giá ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	54.000	54.000	54.000	54.000	54.000	54.000	54.000	54.000	54.000
4394	vật liệu khác	Sản phẩm hệ lưới gia cố taluy dương - Khóa chữ U cho cáp D12	cái	EN 13411-5	Lớp mạ chống ăn mòn dày 40µm. Cấp thép của thân khóa chữ U 5.8, đầu khóa và ecu là 235 Mpa	Công ty TNHH Đầu tư và Sản xuất Vĩnh Hưng.Dc nhà máy sản xuất: KCN Dệt may Phố Nối, P.Dương Hào, tỉnh Hưng Yên - Dt: 84243540.1770/0913721698. Công văn đề nghị công bố giá số 402/2026/CV_VHJSC ngày 01/06/2026	Việt Nam	Đã bao gồm vận chuyển	Giao hàng đến chân công trình	Mức giá ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	195.000	195.000	195.000	195.000	195.000	195.000	195.000	195.000	195.000
4395	vật liệu khác	Sản phẩm hệ lưới gia cố taluy dương - Khóa chữ U cho cáp D16	cái	EN 13411-5	Lớp mạ chống ăn mòn dày 40µm. Cấp thép của thân khóa chữ U 5.8, đầu khóa và ecu là 235 Mpa	Công ty TNHH Đầu tư và Sản xuất Vĩnh Hưng.Dc nhà máy sản xuất: KCN Dệt may Phố Nối, P.Dương Hào, tỉnh Hưng Yên - Dt: 84243540.1770/0913721698. Công văn đề nghị công bố giá số 402/2026/CV_VHJSC ngày 01/06/2026	Việt Nam	Đã bao gồm vận chuyển	Giao hàng đến chân công trình	Mức giá ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	259.000	259.000	259.000	259.000	259.000	259.000	259.000	259.000	259.000
4396	vật liệu khác	Sản phẩm hệ lưới gia cố taluy dương - Thiết bị liên kết các tấm lưới	cái	EN 13411-5	Cấu tạo từ sợi thép cường độ cao cấp 1770 MPa, D=4mm. Kích thước danh định: 50x20mm.	Công ty TNHH Đầu tư và Sản xuất Vĩnh Hưng.Dc nhà máy sản xuất: KCN Dệt may Phố Nối, P.Dương Hào, tỉnh Hưng Yên - Dt: 84243540.1770/0913721698. Công văn đề nghị công bố giá số 402/2026/CV_VHJSC ngày 01/06/2026	Việt Nam	Đã bao gồm vận chuyển	Giao hàng đến chân công trình	Mức giá ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	16.000	16.000	16.000	16.000	16.000	16.000	16.000	16.000	16.000
4397	vật liệu khác	Sản phẩm hệ lưới gia cố taluy dương - Cáp biên D12 cấp 1770Mpa	m	EN 12385-4	Cáp thép cường độ cao cấp 1770 Mpa. Cáp thép được bảo vệ chống ăn mòn bằng lớp phủ Zn90%-Al10%, đường kính D12	Công ty TNHH Đầu tư và Sản xuất Vĩnh Hưng.Dc nhà máy sản xuất: KCN Dệt may Phố Nối, P.Dương Hào, tỉnh Hưng Yên - Dt: 84243540.1770/0913721698. Công văn đề nghị công bố giá số 402/2026/CV_VHJSC ngày 01/06/2026	Việt Nam	Đã bao gồm vận chuyển	Giao hàng đến chân công trình	Mức giá ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	112.000	112.000	112.000	112.000	112.000	112.000	112.000	112.000	112.000
4398	vật liệu khác	Sản phẩm hệ lưới gia cố taluy dương - Cáp biên D16 cấp 1770Mpa	m	EN 12385-4	Cáp thép cường độ cao cấp 1770 Mpa. Cáp thép được bảo vệ chống ăn mòn bằng lớp phủ Zn90%-Al10%, đường kính D16	Công ty TNHH Đầu tư và Sản xuất Vĩnh Hưng.Dc nhà máy sản xuất: KCN Dệt may Phố Nối, P.Dương Hào, tỉnh Hưng Yên - Dt: 84243540.1770/0913721698. Công văn đề nghị công bố giá số 402/2026/CV_VHJSC ngày 01/06/2026	Việt Nam	Đã bao gồm vận chuyển	Giao hàng đến chân công trình	Mức giá ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	128.000	128.000	128.000	128.000	128.000	128.000	128.000	128.000	128.000
4399	vật liệu khác	Sản phẩm hệ lưới gia cố taluy dương - Lưới địa kỹ thuật 3 trục gốc Polyme	m2	Vật liệu Polypropylene, có cấu trúc đa chiều... khối lượng riêng 490g/m2, điểm cháy 160 độ C, kháng tia UV, bền trong đất tự nhiên, tuổi thọ cao	Cáp thép cường độ cao cấp 1770 Mpa. Cáp thép được bảo vệ chống ăn mòn bằng lớp phủ Zn90%-Al10%, đường kính D16	Công ty TNHH Đầu tư và Sản xuất Vĩnh Hưng.Dc nhà máy sản xuất: KCN Dệt may Phố Nối, P.Dương Hào, tỉnh Hưng Yên - Dt: 84243540.1770/0913721698. Công văn đề nghị công bố giá số 402/2026/CV_VHJSC ngày 01/06/2026	Việt Nam	Đã bao gồm vận chuyển	Giao hàng đến chân công trình	Mức giá ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	249.000	249.000	249.000	249.000	249.000	249.000	249.000	249.000	249.000
4400	vật liệu khác	Vật tư hệ hàng rào mềm 1000 KJ (gồm lưới thép, cột, thiết bị tiêu năng và các phụ kiện)	m2	- Cột thép tròn ø 114.3 mm, dày 5 mm, thép S235JRH (EN 10219-1)	- Hệ lưới chính: các vòng thép ø350mm, sợi tạo vòng 3mm, lực kéo Min 1380Mpa, mạ Zn hoặc Zn95/Al5 (EN10244-2)	Công ty TNHH Đầu tư và Sản xuất Vĩnh Hưng.Dc nhà máy sản xuất: KCN Dệt may Phố Nối, P.Dương Hào, tỉnh Hưng Yên - Dt: 84243540.1770/0913721698. Công văn đề nghị công bố giá số 402/2026/CV_VHJSC ngày 01/06/2026	Việt Nam	Đã bao gồm vận chuyển	Giao hàng đến chân công trình	Mức giá ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	9.490.000	9.490.000	9.490.000	9.490.000	9.490.000	9.490.000	9.490.000	9.490.000	9.490.000
4401	vật liệu khác	Vật tư hệ hàng rào mềm 1500 KJ	m2	- Thiết bị tiêu năng lượng: Ống nhôm ø130 mm, dài 1000mm, dày 1.5 mm	- Khóa chữ U: Dùng cho cáp thép ø16mm và ø18mm (EN 13411-5)	Công ty TNHH Đầu tư và Sản xuất Vĩnh Hưng.Dc nhà máy sản xuất: KCN Dệt may Phố Nối, P.Dương Hào, tỉnh Hưng Yên - Dt: 84243540.1770/0913721698. Công văn đề nghị công bố giá số 402/2026/CV_VHJSC ngày 01/06/2026	Việt Nam	Đã bao gồm vận chuyển	Giao hàng đến chân công trình	Mức giá ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	10.500.840	10.500.840	10.500.840	10.500.840	10.500.840	10.500.840	10.500.840	10.500.840	10.500.840
4402	vật liệu khác	Vật tư hệ hàng rào mềm 2000 KJ	m2	- Thiết bị tiêu năng lượng: Ống nhôm ø130 mm, dài 1000mm, dày 1.5 mm	- Khóa chữ U: Dùng cho cáp thép ø16mm và ø18mm (EN 13411-5)	Công ty TNHH Đầu tư và Sản xuất Vĩnh Hưng.Dc nhà máy sản xuất: KCN Dệt may Phố Nối, P.Dương Hào, tỉnh Hưng Yên - Dt: 84243540.1770/0913721698. Công văn đề nghị công bố giá số 402/2026/CV_VHJSC ngày 01/06/2026	Việt Nam	Đã bao gồm vận chuyển	Giao hàng đến chân công trình	Mức giá ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	11.957.000	11.957.000	11.957.000	11.957.000	11.957.000	11.957.000	11.957.000	11.957.000	11.957.000
4403	vật liệu khác	Vật tư hệ hàng rào mềm 3000 KJ	m2	- Thiết bị tiêu năng lượng: Ống nhôm ø130 mm, dài 1000mm, dày 1.5 mm	- Khóa chữ U: Dùng cho cáp thép ø16mm và ø18mm (EN 13411-5)	Công ty TNHH Đầu tư và Sản xuất Vĩnh Hưng.Dc nhà máy sản xuất: KCN Dệt may Phố Nối, P.Dương Hào, tỉnh Hưng Yên - Dt: 84243540.1770/0913721698. Công văn đề nghị công bố giá số 402/2026/CV_VHJSC ngày 01/06/2026	Việt Nam	Đã bao gồm vận chuyển	Giao hàng đến chân công trình	Mức giá ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	13.652.000	13.652.000	13.652.000	13.652.000	13.652.000	13.652.000	13.652.000	13.652.000	13.652.000

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)(đồng)								
												Khu vực TP. Tây Ninh	Khu vực TX.Trảng Bàng	Khu vực TX. Hoà Thành	Khu vực H.Tân Biên	Khu vực H.Tân Châu	Khu vực H. Châu Thành	Khu vực H.Dương Minh Châu	Khu vực H. Bến Cầu	Khu vực H. Gò Dầu
4404	vật liệu khác	Mũi khoan D51	cái	- Thiết bị tiêu năng lượng: Ống nhôm ø130 mm, dài 1000mm, dày 1.5 mm	- Khóa chữ U: Dùng cho cáp thép ø16mm và ø18mm (EN 13411-5)	Công ty TNHH Đầu tư và Sản xuất Vĩnh Hưng.Đc nhà máy sản xuất: KCN Dệt may Phố Nối, P.Đường Hào, tỉnh Hưng Yên - Đt: 84243540.1770/0913721698. Công văn đề nghị công bố giá số 402/2026/CV_VHJSC ngày 01/06/2026	Việt Nam	Đã bao gồm vận chuyển	Giao hàng đến chân công trình	Mức giá ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	850.000	850.000	850.000	850.000	850.000	850.000	850.000	850.000	850.000
4405	vật liệu khác	Mũi khoan D76	cái	- Thiết bị tiêu năng lượng: Ống nhôm ø130 mm, dài 1000mm, dày 1.5 mm	- Khóa chữ U: Dùng cho cáp thép ø16mm và ø18mm (EN 13411-5)	Công ty TNHH Đầu tư và Sản xuất Vĩnh Hưng.Đc nhà máy sản xuất: KCN Dệt may Phố Nối, P.Đường Hào, tỉnh Hưng Yên - Đt: 84243540.1770/0913721698. Công văn đề nghị công bố giá số 402/2026/CV_VHJSC ngày 01/06/2026	Việt Nam	Đã bao gồm vận chuyển	Giao hàng đến chân công trình	Mức giá ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	800.000	800.000	800.000	800.000	800.000	800.000	800.000	800.000	800.000
4406	vật liệu khác	Mũi khoan D91	cái	- Thiết bị tiêu năng lượng: Ống nhôm ø130 mm, dài 1000mm, dày 1.5 mm	- Khóa chữ U: Dùng cho cáp thép ø16mm và ø18mm (EN 13411-5)	Công ty TNHH Đầu tư và Sản xuất Vĩnh Hưng.Đc nhà máy sản xuất: KCN Dệt may Phố Nối, P.Đường Hào, tỉnh Hưng Yên - Đt: 84243540.1770/0913721698. Công văn đề nghị công bố giá số 402/2026/CV_VHJSC ngày 01/06/2026	Việt Nam	Đã bao gồm vận chuyển	Giao hàng đến chân công trình	Mức giá ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	1.100.000	1.100.000	1.100.000	1.100.000	1.100.000	1.100.000	1.100.000	1.100.000	1.100.000
4407	vật liệu khác	Quả đập khí nén D51	cái	- Thiết bị tiêu năng lượng: Ống nhôm ø130 mm, dài 1000mm, dày 1.5 mm	- Khóa chữ U: Dùng cho cáp thép ø16mm và ø18mm (EN 13411-5)	Công ty TNHH Đầu tư và Sản xuất Vĩnh Hưng.Đc nhà máy sản xuất: KCN Dệt may Phố Nối, P.Đường Hào, tỉnh Hưng Yên - Đt: 84243540.1770/0913721698. Công văn đề nghị công bố giá số 402/2026/CV_VHJSC ngày 01/06/2026	Việt Nam	Đã bao gồm vận chuyển	Giao hàng đến chân công trình	Mức giá ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	2.800.000	2.800.000	2.800.000	2.800.000	2.800.000	2.800.000	2.800.000	2.800.000	2.800.000
4408	vật liệu khác	Quả đập khí nén D76	cái	- Thiết bị tiêu năng lượng: Ống nhôm ø130 mm, dài 1000mm, dày 1.5 mm	- Khóa chữ U: Dùng cho cáp thép ø16mm và ø18mm (EN 13411-5)	Công ty TNHH Đầu tư và Sản xuất Vĩnh Hưng.Đc nhà máy sản xuất: KCN Dệt may Phố Nối, P.Đường Hào, tỉnh Hưng Yên - Đt: 84243540.1770/0913721698. Công văn đề nghị công bố giá số 402/2026/CV_VHJSC ngày 01/06/2026	Việt Nam	Đã bao gồm vận chuyển	Giao hàng đến chân công trình	Mức giá ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	2.800.000	2.800.000	2.800.000	2.800.000	2.800.000	2.800.000	2.800.000	2.800.000	2.800.000
4409	vật liệu khác	Cần khoan L=1m	cái	- Thiết bị tiêu năng lượng: Ống nhôm ø130 mm, dài 1000mm, dày 1.5 mm	- Khóa chữ U: Dùng cho cáp thép ø16mm và ø18mm (EN 13411-5)	Công ty TNHH Đầu tư và Sản xuất Vĩnh Hưng.Đc nhà máy sản xuất: KCN Dệt may Phố Nối, P.Đường Hào, tỉnh Hưng Yên - Đt: 84243540.1770/0913721698. Công văn đề nghị công bố giá số 402/2026/CV_VHJSC ngày 01/06/2026	Việt Nam	Đã bao gồm vận chuyển	Giao hàng đến chân công trình	Mức giá ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	350.000	350.000	350.000	350.000	350.000	350.000	350.000	350.000	350.000
4410	vật liệu khác	Vật liệu Tường chắn có cốt - Dải Polymer cấp 30	m	Các dải gia cường Polymeric bao gồm các bó sợi polyester bọc trong một màng bao polyethylene (LLDPE). Các bề mặt bên ngoài có khía cạnh. Cấp 30: Lực kéo đứt 30 kN - Bề rộng	TCVN 11823-2017	Công ty TNHH Đầu tư và Sản xuất Vĩnh Hưng.Đc nhà máy sản xuất: KCN Dệt may Phố Nối, P.Đường Hào, tỉnh Hưng Yên - Đt: 84243540.1770/0913721698. Công văn đề nghị công bố giá số 402/2026/CV_VHJSC ngày 01/06/2026	Việt Nam	Đã bao gồm vận chuyển	Giao hàng đến chân công trình	Mức giá ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	120.000	120.000	120.000	120.000	120.000	120.000	120.000	120.000	120.000
4411	vật liệu khác	Vật liệu Tường chắn có cốt - Dải Polymer cấp 40	m	Cấp 40: Lực kéo đứt 40 kN - Bề rộng dải 83mm	Như trên	Công ty TNHH Đầu tư và Sản xuất Vĩnh Hưng.Đc nhà máy sản xuất: KCN Dệt may Phố Nối, P.Đường Hào, tỉnh Hưng Yên - Đt: 84243540.1770/0913721698. Công văn đề nghị công bố giá số 402/2026/CV_VHJSC ngày 01/06/2026	Việt Nam	Đã bao gồm vận chuyển	Giao hàng đến chân công trình	Mức giá ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	125.000	125.000	125.000	125.000	125.000	125.000	125.000	125.000	125.000
4412	vật liệu khác	Vật liệu Tường chắn có cốt - Dải Polymer cấp 50	m	Cấp 50: Lực kéo đứt 50 kN - Bề rộng dải 87mm	Như trên	Công ty TNHH Đầu tư và Sản xuất Vĩnh Hưng.Đc nhà máy sản xuất: KCN Dệt may Phố Nối, P.Đường Hào, tỉnh Hưng Yên - Đt: 84243540.1770/0913721698. Công văn đề nghị công bố giá số 402/2026/CV_VHJSC ngày 01/06/2026	Việt Nam	Đã bao gồm vận chuyển	Giao hàng đến chân công trình	Mức giá ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	140.000	140.000	140.000	140.000	140.000	140.000	140.000	140.000	140.000
4413	vật liệu khác	Vật liệu Tường chắn có cốt - Dải Polymer cấp 75	m	Cấp 75: Lực kéo đứt 75 kN - Bề rộng dải 90mm	Như trên	Công ty TNHH Đầu tư và Sản xuất Vĩnh Hưng.Đc nhà máy sản xuất: KCN Dệt may Phố Nối, P.Đường Hào, tỉnh Hưng Yên - Đt: 84243540.1770/0913721698. Công văn đề nghị công bố giá số 402/2026/CV_VHJSC ngày 01/06/2026	Việt Nam	Đã bao gồm vận chuyển	Giao hàng đến chân công trình	Mức giá ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	150.000	150.000	150.000	150.000	150.000	150.000	150.000	150.000	150.000
4414	vật liệu khác	Vật liệu Tường chắn có cốt - Dải Polymer cấp 85	m	Cấp 85: Lực kéo đứt 85 kN - Bề rộng dải 90mm	Như trên	Công ty TNHH Đầu tư và Sản xuất Vĩnh Hưng.Đc nhà máy sản xuất: KCN Dệt may Phố Nối, P.Đường Hào, tỉnh Hưng Yên - Đt: 84243540.1770/0913721698. Công văn đề nghị công bố giá số 402/2026/CV_VHJSC ngày 01/06/2026	Việt Nam	Đã bao gồm vận chuyển	Giao hàng đến chân công trình	Mức giá ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	160.000	160.000	160.000	160.000	160.000	160.000	160.000	160.000	160.000
4415	vật liệu khác	Vật liệu Tường chắn có cốt - Dải Polymer cấp 100	m	Cấp 100: Lực kéo đứt 100 kN - Bề rộng dải 90mm	Như trên	Công ty TNHH Đầu tư và Sản xuất Vĩnh Hưng.Đc nhà máy sản xuất: KCN Dệt may Phố Nối, P.Đường Hào, tỉnh Hưng Yên - Đt: 84243540.1770/0913721698. Công văn đề nghị công bố giá số 402/2026/CV_VHJSC ngày 01/06/2026	Việt Nam	Đã bao gồm vận chuyển	Giao hàng đến chân công trình	Mức giá ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	170.000	170.000	170.000	170.000	170.000	170.000	170.000	170.000	170.000
4416	vật liệu khác	Vật liệu Tường chắn có cốt- Móc cáu	cái	D10mm	-	Công ty TNHH Đầu tư và Sản xuất Vĩnh Hưng.Đc nhà máy sản xuất: KCN Dệt may Phố Nối, P.Đường Hào, tỉnh Hưng Yên - Đt: 84243540.1770/0913721698. Công văn đề nghị công bố giá số 402/2026/CV_VHJSC ngày 01/06/2026	Việt Nam	Đã bao gồm vận chuyển	Giao hàng đến chân công trình	Mức giá ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	60.000	60.000	60.000	60.000	60.000	60.000	60.000	60.000	60.000
4417	vật liệu khác	Vật liệu Tường chắn có cốt - Tấm đệm EPDM	cái	EPDM 150x70x22mm	-	Công ty TNHH Đầu tư và Sản xuất Vĩnh Hưng.Đc nhà máy sản xuất: KCN Dệt may Phố Nối, P.Đường Hào, tỉnh Hưng Yên - Đt: 84243540.1770/0913721698. Công văn đề nghị công bố giá số 402/2026/CV_VHJSC ngày 01/06/2026	Việt Nam	Đã bao gồm vận chuyển	Giao hàng đến chân công trình	Mức giá ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	120.000	120.000	120.000	120.000	120.000	120.000	120.000	120.000	120.000
4418	vật liệu khác	Vật liệu Tường chắn có cốt - Hốc neo nhẹ	cái	Vật liệu HDPE	-	Công ty TNHH Đầu tư và Sản xuất Vĩnh Hưng.Đc nhà máy sản xuất: KCN Dệt may Phố Nối, P.Đường Hào, tỉnh Hưng Yên - Đt: 84243540.1770/0913721698. Công văn đề nghị công bố giá số 402/2026/CV_VHJSC ngày 01/06/2026	Việt Nam	Đã bao gồm vận chuyển	Giao hàng đến chân công trình	Mức giá ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	110.000	110.000	110.000	110.000	110.000	110.000	110.000	110.000	110.000
4419	vật liệu khác	Vật liệu Tường chắn có cốt - Hốc neo nặng	cái	Vật liệu HDPE	-	Công ty TNHH Đầu tư và Sản xuất Vĩnh Hưng.Đc nhà máy sản xuất: KCN Dệt may Phố Nối, P.Đường Hào, tỉnh Hưng Yên - Đt: 84243540.1770/0913721698. Công văn đề nghị công bố giá số 402/2026/CV_VHJSC ngày 01/06/2026	Việt Nam	Đã bao gồm vận chuyển	Giao hàng đến chân công trình	Mức giá ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	135.000	135.000	135.000	135.000	135.000	135.000	135.000	135.000	135.000
4420	vật liệu khác	Thảm cỏ sân vườn LUSGREEN BLTL0001: 1 mx3m	m2			Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Không có thông tin	Giá vận chuyển đến KH	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	75.000	75.000	75.000	75.000	75.000	75.000	75.000	75.000	75.000
4421	vật liệu khác	Thảm cỏ sân vườn LUSGREEN BLTL0002: 2mx5m	m2			Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Không có thông tin	Giá vận chuyển đến KH	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	70.000	70.000	70.000	70.000	70.000	70.000	70.000	70.000	70.000
4422	vật liệu khác	Thảm cỏ sân vườn LUSGREEN BLTL0003: 1 mx3m	m2			Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Không có thông tin	Giá vận chuyển đến KH	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	110.000	110.000	110.000	110.000	110.000	110.000	110.000	110.000	110.000
4423	vật liệu khác	Thảm cỏ sân vườn LUSGREEN BLTL0004:2mx5m	m2			Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Không có thông tin	Giá vận chuyển đến KH	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	105.000	105.000	105.000	105.000	105.000	105.000	105.000	105.000	105.000
4424	vật liệu khác	Thảm cỏ sân vườn LUSGREEN BLTL0005: 1mx3m	m2			Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Không có thông tin	Giá vận chuyển đến KH	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	185.000	185.000	185.000	185.000	185.000	185.000	185.000	185.000	185.000

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)(đồng)							
												Khu vực TP. Tây Ninh	Khu vực TX.Trảng Bàng	Khu vực TX. Hoà Thành	Khu vực H.Tân Biên	Khu vực H.Tân Châu	Khu vực H. Châu Thành	Khu vực H.Dương Minh Châu	Khu vực H. Bến Cầu	Khu vực H. Gò Dầu
4425	vật liệu khác	Thảm cỏ sân vườn LUSGREEN BLTL0006: 2mx5m	m2			Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Không có thông tin	Giá vận chuyển đến KH	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	190.000	190.000	190.000	190.000	190.000	190.000	190.000	190.000	190.000
4426	vật liệu khác	Thảm cỏ sân vườn LUSGREEN CCGL0007: 1mx3m	m2			Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Không có thông tin	Giá vận chuyển đến KH	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	75.000	75.000	75.000	75.000	75.000	75.000	75.000	75.000	75.000
4427	vật liệu khác	Thảm cỏ sân vườn LUSGREEN CCGL0008:2mx5m	m2			Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Không có thông tin	Giá vận chuyển đến KH	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	70.000	70.000	70.000	70.000	70.000	70.000	70.000	70.000	70.000
4428	vật liệu khác	Thảm cỏ sân vườn LUSGREEN CCGL0009: 1mx3m	m2			Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Không có thông tin	Giá vận chuyển đến KH	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	120.000	120.000	120.000	120.000	120.000	120.000	120.000	120.000	120.000
4429	vật liệu khác	Thảm cỏ sân vườn LUSGREEN CCGL0010: 2mx5m	m2			Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Không có thông tin	Giá vận chuyển đến KH	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	120.000	120.000	120.000	120.000	120.000	120.000	120.000	120.000	120.000
4430	vật liệu khác	Ván sàn	m2	182mmx 1220mm	5mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Không có thông tin	Giá vận chuyển đến KH	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	286.000	286.000	286.000	286.000	286.000	286.000	286.000	286.000	286.000
4431	vật liệu khác	Phào chân tường	thanh	80mmx2400mm	12mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Không có thông tin	Giá vận chuyển đến KH	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	200.000	200.000	200.000	200.000	200.000	200.000	200.000	200.000	200.000
4432	vật liệu khác	NẹpT	thanh	45mmx2400mm	7mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Không có thông tin	Giá vận chuyển đến KH	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	120.000	120.000	120.000	120.000	120.000	120.000	120.000	120.000	120.000
4433	vật liệu khác	Nẹp kết thúc	thanh	35mmx2400mm	9mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Không có thông tin	Giá vận chuyển đến KH	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	120.000	120.000	120.000	120.000	120.000	120.000	120.000	120.000	120.000
4434	vật liệu khác	Phào góc âm	thanh	28mmx2400mm	15mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Không có thông tin	Giá vận chuyển đến KH	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	130.000	130.000	130.000	130.000	130.000	130.000	130.000	130.000	130.000
4435	vật liệu khác	Tấm ốp tường Nano	m2	400mmx3000mm	8mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Không có thông tin	Giá vận chuyển đến KH	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	120.000	120.000	120.000	120.000	120.000	120.000	120.000	120.000	120.000
4436	vật liệu khác	Tấm ốp lam 3 sóng	m2	210mmx3000mm	12mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Không có thông tin	Giá vận chuyển đến KH	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	214.000	214.000	214.000	214.000	214.000	214.000	214.000	214.000	214.000
4437	vật liệu khác	Tấm ốp lam 4 sóng	m2	160mmx3000mm	9mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Không có thông tin	Giá vận chuyển đến KH	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	224.000	224.000	224.000	224.000	224.000	224.000	224.000	224.000	224.000
4438	vật liệu khác	Nẹp cổ trần ốp tường	thanh	100mmx3000mm	8mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Không có thông tin	Giá vận chuyển đến KH	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	107.000	107.000	107.000	107.000	107.000	107.000	107.000	107.000	107.000
4439	vật liệu khác	Nẹp góc ngoài ốp tường	thanh	30mmx3000mm	30mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Không có thông tin	Giá vận chuyển đến KH	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	34.000	34.000	34.000	34.000	34.000	34.000	34.000	34.000	34.000
4440	vật liệu khác	Nẹp góc trong ốp tường	thanh	33mmx3000mm	14mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Không có thông tin	Giá vận chuyển đến KH	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	36.000	36.000	36.000	36.000	36.000	36.000	36.000	36.000	36.000
4441	vật liệu khác	Nẹp kết thúc ốp tường	thanh	25mmx3000mm	12mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Không có thông tin	Giá vận chuyển đến KH	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	32.000	32.000	32.000	32.000	32.000	32.000	32.000	32.000	32.000
4442	vật liệu khác	Nẹp nối chữ H ốp tường	thanh	25mmx3000mm	12mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Không có thông tin	Giá vận chuyển đến KH	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	32.000	32.000	32.000	32.000	32.000	32.000	32.000	32.000	32.000
4443	vật liệu khác	Pass inox ốp tường	cái	3mmx45mm		Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Không có thông tin	Giá vận chuyển đến KH	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	1.000	1.000	1.000	1.000	1.000	1.000	1.000	1.000	1.000
4444	vật liệu khác	Tấm xi măng Cemboard LUSWELL THDIA: 2440mmxl220mmx6.00mm	tấm			Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Không có thông tin	Giá vận chuyển đến KH	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	278.000	278.000	278.000	278.000	278.000	278.000	278.000	278.000	278.000
4445	vật liệu khác	Tấm xi măng Cemboard LUSWELL THDIA: 2440mmxl220mmx8.00mm	tấm			Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Không có thông tin	Giá vận chuyển đến KH	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	371.000	371.000	371.000	371.000	371.000	371.000	371.000	371.000	371.000

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)(đồng)								
												Khu vực TP. Tây Ninh	Khu vực TX.Trảng Bàng	Khu vực TX. Hoà Thành	Khu vực H.Tân Biên	Khu vực H.Tân Châu	Khu vực H. Châu Thành	Khu vực H.Dương Minh Châu	Khu vực H. Bến Cầu	Khu vực H. Gò Dầu
4446	vật liệu khác	Tấm xi măng Cemboard LUSWELL THDIA: 2440mmxl220mmxd4.00mm	tấm			Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Không có thông tin	Giá vận chuyển đến KH	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	630.000	630.000	630.000	630.000	630.000	630.000	630.000	630.000	630.000
4447	vật liệu khác	Tấm xi măng Cemboard LUSWELL THDIA: 2440mmx 1220mmx 16.00mm	tấm			Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Không có thông tin	Giá vận chuyển đến KH	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	708.000	708.000	708.000	708.000	708.000	708.000	708.000	708.000	708.000
4448	vật liệu khác	Tấm xi măng Cemboard LUSWELL THDIA: 2440mmxl220mmxd 8.00mm	tấm			Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Không có thông tin	Giá vận chuyển đến KH	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	825.000	825.000	825.000	825.000	825.000	825.000	825.000	825.000	825.000
4449	vật liệu khác	Tấm xi măng Cemboard LUSWELL CNSAN: 2440mmx 1220mmx6.00mm	tấm			Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Không có thông tin	Giá vận chuyển đến KH	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	280.000	280.000	280.000	280.000	280.000	280.000	280.000	280.000	280.000
4450	vật liệu khác	Tấm xi măng Cemboard LUSWELL CNSAN: 2440mmxl 220mmx8. OOmm	tấm			Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Không có thông tin	Giá vận chuyển đến KH	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	371.000	371.000	371.000	371.000	371.000	371.000	371.000	371.000	371.000
4451	vật liệu khác	Tấm xi măng Cemboard LUSWELL CNSAN: 2440mmxl 220mmx 10. OOmm	tấm			Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Không có thông tin	Giá vận chuyển đến KH	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	451.000	451.000	451.000	451.000	451.000	451.000	451.000	451.000	451.000
4452	vật liệu khác	Tấm xi măng Cemboard LUSVVELL CNSAN: 2440mmx 1220mmx 12.00 mm	tấm			Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Không có thông tin	Giá vận chuyển đến KH	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	541.000	541.000	541.000	541.000	541.000	541.000	541.000	541.000	541.000
4453	vật liệu khác	Tấm xi măng Cemboard LUSWELL CNSAN: 2440mmx 1220mmx 14.00mm	tấm			Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Không có thông tin	Giá vận chuyển đến KH	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	640.000	640.000	640.000	640.000	640.000	640.000	640.000	640.000	640.000
4454	vật liệu khác	Tấm xi măng Cemboard LUSWELL CNSAN: 2440mmxl220mmxd 6.00mm	tấm			Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Không có thông tin	Giá vận chuyển đến KH	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	725.000	725.000	725.000	725.000	725.000	725.000	725.000	725.000	725.000
4455	vật liệu khác	Tấm xi măng Cemboard LUSWELL CNSAN: 2440mmxl 220mmxd 8.00mm	tấm			Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Không có thông tin	Giá vận chuyển đến KH	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	820.000	820.000	820.000	820.000	820.000	820.000	820.000	820.000	820.000
4456	vật liệu khác	Tấm xi măng Cemboard LUSWELL CNSAN: 2440mmx 1220mmx20.00mm	tấm			Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Không có thông tin	Giá vận chuyển đến KH	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	950.000	950.000	950.000	950.000	950.000	950.000	950.000	950.000	950.000
4457	vật liệu khác	Tấm xi măng Cemboard Lr SWELL IDTRI: 2440mmxl 220mmx6.00mm	tấm			Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Không có thông tin	Giá vận chuyển đến KH	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	280.000	280.000	280.000	280.000	280.000	280.000	280.000	280.000	280.000
4458	vật liệu khác	Tấm xi măng Cemboard LUSWELLIDTRI: 2440mmxl 220mmx8.00mm	tấm			Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Không có thông tin	Giá vận chuyển đến KH	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	371.000	371.000	371.000	371.000	371.000	371.000	371.000	371.000	371.000
4459	vật liệu khác	Tấm xi măng Cemboard LUSWELL IDTRI: 2440mmx 1220mmx 10.00mm	tấm			Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Không có thông tin	Giá vận chuyển đến KH	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	451.000	451.000	451.000	451.000	451.000	451.000	451.000	451.000	451.000
4460	vật liệu khác	Tấm xi măng Cemboard LUSWELL IDTRÍ: 2440mmxl220mmxl2.00mm	tấm			Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Không có thông tin	Giá vận chuyển đến KH	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	541.000	541.000	541.000	541.000	541.000	541.000	541.000	541.000	541.000
4461	vật liệu khác	Tấm xi măng Cemboard LUSWELLIDTRI: 2440mmx 1220mmx 14.00mm	tấm			Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Không có thông tin	Giá vận chuyển đến KH	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	640.000	640.000	640.000	640.000	640.000	640.000	640.000	640.000	640.000
4462	vật liệu khác	Tấm xi măng Cemboard LUSWELLIDTRI: 2440mmx 1220mmx 16.00mm	tấm			Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Không có thông tin	Giá vận chuyển đến KH	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	725.000	725.000	725.000	725.000	725.000	725.000	725.000	725.000	725.000
4463	vật liệu khác	Tấm xi măng Cemboard LUSWELLIDTR1: 2440mmx 1220mmx 18.00mm	tấm			Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Không có thông tin	Giá vận chuyển đến KH	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	820.000	820.000	820.000	820.000	820.000	820.000	820.000	820.000	820.000
4464	vật liệu khác	Vít tôn cao cấp Luswell max: 45mm	con			Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Không có thông tin	Giá vận chuyển đến KH	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	1.800	1.800	1.800	1.800	1.800	1.800	1.800	1.800	1.800
4465	vật liệu khác	Vít tôn cao cấp Luswell max: 50mm	con			Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Không có thông tin	Giá vận chuyển đến KH	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	1.900	1.900	1.900	1.900	1.900	1.900	1.900	1.900	1.900
4466	vật liệu khác	Vít tôn cao cấp Luswell max: 68mm	con			Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Không có thông tin	Giá vận chuyển đến KH	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	2.300	2.300	2.300	2.300	2.300	2.300	2.300	2.300	2.300

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)(đồng)								
												Khu vực TP. Tây Ninh	Khu vực TX.Trảng Bàng	Khu vực TX. Hoà Thành	Khu vực H.Tân Biên	Khu vực H.Tân Châu	Khu vực H. Châu Thành	Khu vực H.Dương Minh Châu	Khu vực H. Bến Cầu	Khu vực H. Gò Dầu
4467	vật liệu khác	Vít tôn LUSWELL CNHEB: 45mm	con			Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Dt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Không có thông tin	Giá vận chuyển đến KH	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	1.150	1.150	1.150	1.150	1.150	1.150	1.150	1.150	1.150
4468	vật liệu khác	Vít tôn LUSWELL CNHEB: 50mm	con			Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Dt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Không có thông tin	Giá vận chuyển đến KH	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	1.250	1.250	1.250	1.250	1.250	1.250	1.250	1.250	1.250
4469	vật liệu khác	Vít tôn LUSWELL CNHEB: 68mm	con			Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Dt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Không có thông tin	Giá vận chuyển đến KH	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	1.450	1.450	1.450	1.450	1.450	1.450	1.450	1.450	1.450
4470	vật liệu khác	Vít ngói LUSWELL CNHEB: 65mm	con			Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Dt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Không có thông tin	Giá vận chuyển đến KH	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	460	460	460	460	460	460	460	460	460
4471	vật liệu khác	Vít bắn tấm xi măng LUSWELL CNHEB: 30mm	con			Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Dt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Không có thông tin	Giá vận chuyển đến KH	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	260	260	260	260	260	260	260	260	260
4472	vật liệu khác	Vít bắn tấm xi măng 1.USWELL CNHEB: 40mm	con			Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Dt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Không có thông tin	Giá vận chuyển đến KH	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	310	310	310	310	310	310	310	310	310
4473	vật liệu khác	Tấm nhựa lấy sáng LUSWELL VNTHA CPS: 0.60mmx 1070mm	m		0.6	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Dt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Không có thông tin	Giá vận chuyển đến KH	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	103.000	103.000	103.000	103.000	103.000	103.000	103.000	103.000	103.000
4474	vật liệu khác	Tấm nhựa lấy sáng LUSWELL VNTHA CPS: 0.80mmx1070mm	m		0.8	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Dt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Không có thông tin	Giá vận chuyển đến KH	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	129.000	129.000	129.000	129.000	129.000	129.000	129.000	129.000	129.000
4475	vật liệu khác	Tấm nhựa lấy sáng LUSWELL VNTHA CPS: 1.00mmx 1070mm	m		1	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Dt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Không có thông tin	Giá vận chuyển đến KH	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	159.000	159.000	159.000	159.000	159.000	159.000	159.000	159.000	159.000
4476	vật liệu khác	Tấm nhựa lấy sáng LUSWELL VNTHA CPS: 1.20mmx1070mm	m		1.2	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Dt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Không có thông tin	Giá vận chuyển đến KH	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	225.000	225.000	225.000	225.000	225.000	225.000	225.000	225.000	225.000
4477	vật liệu khác	Tấm nhựa lấy sáng LUSWELL VNTHA CPS: 1.50mmx1070mm	m		1.5	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Dt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Không có thông tin	Giá vận chuyển đến KH	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	280.000	280.000	280.000	280.000	280.000	280.000	280.000	280.000	280.000
4478	vật liệu khác	Tấm nhựa lấy sáng LUSWELL VNTHA CPS: 2.00mmx 1070mm	m		2	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Dt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Không có thông tin	Giá vận chuyển đến KH	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	358.000	358.000	358.000	358.000	358.000	358.000	358.000	358.000	358.000
4479	vật liệu khác	Tấm nhựa lấy sáng LUSWELL VNTHA CPS: 2.50mmx 1070mm	m		2.5	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Dt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Không có thông tin	Giá vận chuyển đến KH	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	4.450.000	4.450.000	4.450.000	4.450.000	4.450.000	4.450.000	4.450.000	4.450.000	4.450.000
4480	vật liệu khác	Tấm nhựa lấy sáng LUSWELL VNTHA CPS: 3.00mmx 1070mm	m		3	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Dt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Không có thông tin	Giá vận chuyển đến KH	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	557.000	557.000	557.000	557.000	557.000	557.000	557.000	557.000	557.000
4481	vật liệu khác	Tấm nhựa lấy sáng LUSWELL VNVIN Poly: 0.60mmx1080mm	m		0.6	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Dt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Không có thông tin	Giá vận chuyển đến KH	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	88.000	88.000	88.000	88.000	88.000	88.000	88.000	88.000	88.000
4482	vật liệu khác	Tấm nhựa lấy sáng LUSWELL VNV1N Poly: 0.80mmx 1080mm	m		0,8	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Dt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Không có thông tin	Giá vận chuyển đến KH	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	115.000	115.000	115.000	115.000	115.000	115.000	115.000	115.000	115.000
4483	vật liệu khác	tấm nhựa lấy sáng LUSWELL VNVIN Poly: 1.00mmx1080mm	m		0,8	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Dt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Không có thông tin	Giá vận chuyển đến KH	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	147.000	147.000	147.000	147.000	147.000	147.000	147.000	147.000	147.000
4484	vật liệu khác	Tấm nhựa lấy sáng LUSWELL VNV1N Poly: 1.50mmx 1080mm	m		1.5	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Dt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Không có thông tin	Giá vận chuyển đến KH	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	222.000	222.000	222.000	222.000	222.000	222.000	222.000	222.000	222.000
4485	vật liệu khác	Tấm cách nhiệt LU SWELL VNW1N P2:4mmx!.55m	m2			Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Dt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Không có thông tin	Giá vận chuyển đến KH	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	26.500	26.500	26.500	26.500	26.500	26.500	26.500	26.500	26.500
4486	vật liệu khác	Tấm cách nhiệt LUSWELL VNWIN P2:4mmx1.10m	m2			Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Dt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Không có thông tin	Giá vận chuyển đến KH	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	26.700	26.700	26.700	26.700	26.700	26.700	26.700	26.700	26.700
4487	vật liệu khác	Tấm cách nhiệt LUSWELL VNWIN AP: 4mmx1.55m	m2			Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Dt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Không có thông tin	Giá vận chuyển đến KH	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	30.600	30.600	30.600	30.600	30.600	30.600	30.600	30.600	30.600

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)(đồng)								
												Khu vực TP. Tây Ninh	Khu vực TX.Trảng Bàng	Khu vực TX. Hoà Thành	Khu vực H.Tân Biên	Khu vực H.Tân Châu	Khu vực H. Châu Thành	Khu vực H.Dương Minh Châu	Khu vực H. Bến Cầu	Khu vực H. Gò Dầu
4488	vật liệu khác	Tấm cách nhiệt LUSWELL VNWIN A24mmxl.55m	m2			Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Dt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Không có thông tin	Giá vận chuyển đến KH	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	37.700	37.700	37.700	37.700	37.700	37.700	37.700	37.700	37.700
4489	vật liệu khác	Đá mài đa năng màu xanh lá LUSFIX CNSEN: 100mm x 6mm x 16mm	viên			Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Dt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Không có thông tin	Giá vận chuyển đến KH	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	8.000	8.000	8.000	8.000	8.000	8.000	8.000	8.000	8.000
4490	vật liệu khác	Đá cắt đa năng màu xanh lá LUSFIX CNSEN: 107mm x 1.2mm x 16mm	viên			Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Dt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Không có thông tin	Giá vận chuyển đến KH	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	3.800	3.800	3.800	3.800	3.800	3.800	3.800	3.800	3.800
4491	vật liệu khác	Đá cắt đa năng màu xanh lá LUSFIX CNSEN: 355mm x 2.5mm x 25.4mm	viên			Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Dt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Không có thông tin	Giá vận chuyển đến KH	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	38.700	38.700	38.700	38.700	38.700	38.700	38.700	38.700	38.700
4492	vật liệu khác	Xe rùa bánh hơi WB6400A LUSFIX CNYIC: 150kg x 67 lít	chiếc			Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Dt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Không có thông tin	Giá vận chuyển đến KH	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	870.000	870.000	870.000	870.000	870.000	870.000	870.000	870.000	870.000
4493	vật liệu khác	Xe rùa bánh đặc WB6400PU LUSFIX CNYIC: 150kg x 67 lít	chiếc			Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Dt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Không có thông tin	Giá vận chuyển đến KH	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	960.000	960.000	960.000	960.000	960.000	960.000	960.000	960.000	960.000
4494	vật liệu khác	Xe rùa bánh hơi WB6418A LUSFIX CNYIC: 150kg x 85 lít	chiếc			Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Dt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Không có thông tin	Giá vận chuyển đến KH	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	1.175.000	1.175.000	1.175.000	1.175.000	1.175.000	1.175.000	1.175.000	1.175.000	1.175.000
4495	vật liệu khác	Xe rùa bánh đặc WB6418PU LUSFIX CNYIC: 150kg x 85 lít	chiếc			Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Dt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Không có thông tin	Giá vận chuyển đến KH	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	1.290.000	1.290.000	1.290.000	1.290.000	1.290.000	1.290.000	1.290.000	1.290.000	1.290.000

*** Ghi chú: danh sách phường/xã tại các huyện, thị xã, thành phố trên địa bàn tỉnh Tây Ninh (cũ) trước sáp nhập tại Nghị quyết 1682/NQ-UBTVQH15 năm 2025 ngày 16/6/2025 của Ủy ban thường vụ Quốc hội**

Tp. Tây Ninh (cũ): phường Tây Ninh, phường Bình Minh, phường Ninh Thạnh (gồm xã Bàu Năng, xã Chà Là thuộc huyện Dương Minh Châu cũ).

Tx. Trảng Bàng (cũ): phường Trảng Bàng, phường An Tịnh, xã Hưng Thuận, xã Phước Chỉ.

Tx. Hòa Thành (cũ): phường Long Hoa, phường Hòa Thành.

H. Tân Biên (cũ): xã Tân Lập, xã Tân Biên, xã Thạnh Bình, xã Trà Vong.

H. Tân Châu (cũ): xã Tân Đông, xã Tân Hòa, xã Tân Châu, xã Tân Phú, xã Tân Hội, xã Tân Thành.

H. Châu Thành (cũ): phường Thanh Điền (gồm phường Hiệp Tân thuộc TX. Hòa Thành cũ); xã Phước Vinh, xã Hòa Hội, xã Ninh Điền, xã Châu Thành, xã Hảo Đước.

H. Dương Minh Châu (cũ): xã Lộc Ninh, xã Cầu Khởi, xã Dương Minh Châu.

H. Bến Cầu (cũ): xã Long Chữ, xã Long Thuận, xã Bến Cầu.

H. Gò Dầu (cũ): phường Gò Dầu, phường Gia Lộc, xã Thạnh Đức, xã Phước Thạnh, xã Truông Mít.

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)(đồng)								
												Khu vực TP. Tây Ninh	Khu vực TX.Trảng Bàng	Khu vực TX. Hoà Thành	Khu vực H.Tân Biên	Khu vực H.Tân Châu	Khu vực H. Châu Thành	Khu vực H.Dương Minh Châu	Khu vực H. Bến Cầu	Khu vực H. Gò Dầu

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)(đồng)								
												Khu vực TP. Tây Ninh	Khu vực TX.Trảng Bàng	Khu vực TX. Hoà Thành	Khu vực H.Tân Biên	Khu vực H.Tân Châu	Khu vực H. Châu Thành	Khu vực H.Dương Minh Châu	Khu vực H. Bến Cầu	Khu vực H. Gò Dầu

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)(đồng)								
												Khu vực TP. Tây Ninh	Khu vực TX.Trảng Bàng	Khu vực TX. Hoà Thành	Khu vực H.Tân Biên	Khu vực H.Tân Châu	Khu vực H. Châu Thành	Khu vực H.Dương Minh Châu	Khu vực H. Bến Cầu	Khu vực H. Gò Dầu

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)(đồng)								
												Khu vực TP. Tây Ninh	Khu vực TX.Trảng Bàng	Khu vực TX. Hoà Thành	Khu vực H.Tân Biên	Khu vực H.Tân Châu	Khu vực H. Châu Thành	Khu vực H.Dương Minh Châu	Khu vực H. Bến Cầu	Khu vực H. Gò Dầu

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)(đồng)								
												Khu vực TP. Tây Ninh	Khu vực TX.Trảng Bàng	Khu vực TX. Hoà Thành	Khu vực H.Tân Biên	Khu vực H.Tân Châu	Khu vực H. Châu Thành	Khu vực H.Dương Minh Châu	Khu vực H. Bến Cầu	Khu vực H. Gò Dầu

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)(đồng)								
												Khu vực TP. Tây Ninh	Khu vực TX.Trảng Bàng	Khu vực TX. Hoà Thành	Khu vực H.Tân Biên	Khu vực H.Tân Châu	Khu vực H. Châu Thành	Khu vực H.Dương Minh Châu	Khu vực H. Bến Cầu	Khu vực H. Gò Dầu

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)(đồng)								
												Khu vực TP. Tây Ninh	Khu vực TX.Trảng Bàng	Khu vực TX. Hoà Thành	Khu vực H.Tân Biên	Khu vực H.Tân Châu	Khu vực H. Châu Thành	Khu vực H.Dương Minh Châu	Khu vực H. Bến Cầu	Khu vực H. Gò Dầu

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)(đồng)								
												Khu vực TP. Tây Ninh	Khu vực TX.Trảng Bàng	Khu vực TX. Hoà Thành	Khu vực H.Tân Biên	Khu vực H.Tân Châu	Khu vực H. Châu Thành	Khu vực H.Dương Minh Châu	Khu vực H. Bến Cầu	Khu vực H. Gò Dầu

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)(đồng)								
												Khu vực TP. Tây Ninh	Khu vực TX.Trảng Bàng	Khu vực TX. Hoà Thành	Khu vực H.Tân Biên	Khu vực H.Tân Châu	Khu vực H. Châu Thành	Khu vực H.Dương Minh Châu	Khu vực H. Bến Cầu	Khu vực H. Gò Dầu

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)(đồng)								
												Khu vực TP. Tây Ninh	Khu vực TX.Trảng Bàng	Khu vực TX. Hoà Thành	Khu vực H.Tân Biên	Khu vực H.Tân Châu	Khu vực H. Châu Thành	Khu vực H.Dương Minh Châu	Khu vực H. Bến Cầu	Khu vực H. Gò Dầu

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)(đồng)								
												Khu vực TP. Tây Ninh	Khu vực TX.Trảng Bàng	Khu vực TX. Hoà Thành	Khu vực H.Tân Biên	Khu vực H.Tân Châu	Khu vực H. Châu Thành	Khu vực H.Dương Minh Châu	Khu vực H. Bến Cầu	Khu vực H. Gò Dầu

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)(đồng)								
												Khu vực TP. Tây Ninh	Khu vực TX.Trảng Bàng	Khu vực TX. Hoà Thành	Khu vực H.Tân Biên	Khu vực H.Tân Châu	Khu vực H. Châu Thành	Khu vực H.Dương Minh Châu	Khu vực H. Bến Cầu	Khu vực H. Gò Dầu

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)(đồng)								
												Khu vực TP. Tây Ninh	Khu vực TX.Trảng Bàng	Khu vực TX. Hoà Thành	Khu vực H.Tân Biên	Khu vực H.Tân Châu	Khu vực H. Châu Thành	Khu vực H.Dương Minh Châu	Khu vực H. Bến Cầu	Khu vực H. Gò Dầu

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)(đồng)								
												Khu vực TP. Tây Ninh	Khu vực TX.Trảng Bàng	Khu vực TX. Hoà Thành	Khu vực H.Tân Biên	Khu vực H.Tân Châu	Khu vực H. Châu Thành	Khu vực H.Dương Minh Châu	Khu vực H. Bến Cầu	Khu vực H. Gò Dầu

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)(đồng)								
												Khu vực TP. Tây Ninh	Khu vực TX.Trảng Bàng	Khu vực TX. Hoà Thành	Khu vực H.Tân Biên	Khu vực H.Tân Châu	Khu vực H. Châu Thành	Khu vực H.Dương Minh Châu	Khu vực H. Bến Cầu	Khu vực H. Gò Dầu

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)(đồng)								
												Khu vực TP. Tây Ninh	Khu vực TX.Trảng Bàng	Khu vực TX. Hoà Thành	Khu vực H.Tân Biên	Khu vực H.Tân Châu	Khu vực H. Châu Thành	Khu vực H.Dương Minh Châu	Khu vực H. Bến Cầu	Khu vực H. Gò Dầu

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)(đồng)								
												Khu vực TP. Tây Ninh	Khu vực TX.Trảng Bàng	Khu vực TX. Hoà Thành	Khu vực H.Tân Biên	Khu vực H.Tân Châu	Khu vực H. Châu Thành	Khu vực H.Dương Minh Châu	Khu vực H. Bến Cầu	Khu vực H. Gò Dầu

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)(đồng)								
												Khu vực TP. Tây Ninh	Khu vực TX.Trảng Bàng	Khu vực TX. Hoà Thành	Khu vực H.Tân Biên	Khu vực H.Tân Châu	Khu vực H. Châu Thành	Khu vực H.Dương Minh Châu	Khu vực H. Bến Cầu	Khu vực H. Gò Dầu

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)(đồng)								
												Khu vực TP. Tây Ninh	Khu vực TX.Trảng Bàng	Khu vực TX. Hoà Thành	Khu vực H.Tân Biên	Khu vực H.Tân Châu	Khu vực H. Châu Thành	Khu vực H.Dương Minh Châu	Khu vực H. Bến Cầu	Khu vực H. Gò Dầu

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)(đồng)								
												Khu vực TP. Tây Ninh	Khu vực TX.Trảng Bàng	Khu vực TX. Hoà Thành	Khu vực H.Tân Biên	Khu vực H.Tân Châu	Khu vực H. Châu Thành	Khu vực H.Dương Minh Châu	Khu vực H. Bến Cầu	Khu vực H. Gò Dầu

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)(đồng)								
												Khu vực TP. Tây Ninh	Khu vực TX.Trảng Bàng	Khu vực TX. Hoà Thành	Khu vực H.Tân Biên	Khu vực H.Tân Châu	Khu vực H. Châu Thành	Khu vực H.Dương Minh Châu	Khu vực H. Bến Cầu	Khu vực H. Gò Dầu

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)(đồng)								
												Khu vực TP. Tây Ninh	Khu vực TX.Trảng Bàng	Khu vực TX. Hoà Thành	Khu vực H.Tân Biên	Khu vực H.Tân Châu	Khu vực H. Châu Thành	Khu vực H.Dương Minh Châu	Khu vực H. Bến Cầu	Khu vực H. Gò Dầu

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)(đồng)								
												Khu vực TP. Tây Ninh	Khu vực TX.Trảng Bàng	Khu vực TX. Hoà Thành	Khu vực H.Tân Biên	Khu vực H.Tân Châu	Khu vực H. Châu Thành	Khu vực H.Dương Minh Châu	Khu vực H. Bến Cầu	Khu vực H. Gò Dầu

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)(đồng)								
												Khu vực TP. Tây Ninh	Khu vực TX.Trảng Bàng	Khu vực TX. Hoà Thành	Khu vực H.Tân Biên	Khu vực H.Tân Châu	Khu vực H. Châu Thành	Khu vực H.Dương Minh Châu	Khu vực H. Bến Cầu	Khu vực H. Gò Dầu

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)(đồng)								
												Khu vực TP. Tây Ninh	Khu vực TX.Trảng Bàng	Khu vực TX. Hoà Thành	Khu vực H.Tân Biên	Khu vực H.Tân Châu	Khu vực H. Châu Thành	Khu vực H.Dương Minh Châu	Khu vực H. Bến Cầu	Khu vực H. Gò Dầu

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)(đồng)								
												Khu vực TP. Tây Ninh	Khu vực TX.Trảng Bàng	Khu vực TX. Hoà Thành	Khu vực H.Tân Biên	Khu vực H.Tân Châu	Khu vực H. Châu Thành	Khu vực H.Dương Minh Châu	Khu vực H. Bến Cầu	Khu vực H. Gò Dầu

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)(đồng)								
												Khu vực TP. Tây Ninh	Khu vực TX.Trảng Bàng	Khu vực TX. Hoà Thành	Khu vực H.Tân Biên	Khu vực H.Tân Châu	Khu vực H. Châu Thành	Khu vực H.Dương Minh Châu	Khu vực H. Bến Cầu	Khu vực H. Gò Dầu

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)(đồng)								
												Khu vực TP. Tây Ninh	Khu vực TX.Trảng Bàng	Khu vực TX. Hoà Thành	Khu vực H.Tân Biên	Khu vực H.Tân Châu	Khu vực H. Châu Thành	Khu vực H.Dương Minh Châu	Khu vực H. Bến Cầu	Khu vực H. Gò Dầu

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)(đồng)								
												Khu vực TP. Tây Ninh	Khu vực TX.Trảng Bàng	Khu vực TX. Hoà Thành	Khu vực H.Tân Biên	Khu vực H.Tân Châu	Khu vực H. Châu Thành	Khu vực H.Dương Minh Châu	Khu vực H. Bến Cầu	Khu vực H. Gò Dầu

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)(đồng)								
												Khu vực TP. Tây Ninh	Khu vực TX.Trảng Bàng	Khu vực TX. Hoà Thành	Khu vực H.Tân Biên	Khu vực H.Tân Châu	Khu vực H. Châu Thành	Khu vực H.Dương Minh Châu	Khu vực H. Bến Cầu	Khu vực H. Gò Dầu

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)(đồng)								
												Khu vực TP. Tây Ninh	Khu vực TX.Trảng Bàng	Khu vực TX. Hoà Thành	Khu vực H.Tân Biên	Khu vực H.Tân Châu	Khu vực H. Châu Thành	Khu vực H.Dương Minh Châu	Khu vực H. Bến Cầu	Khu vực H. Gò Dầu

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)(đồng)								
												Khu vực TP. Tây Ninh	Khu vực TX.Trảng Bàng	Khu vực TX. Hoà Thành	Khu vực H.Tân Biên	Khu vực H.Tân Châu	Khu vực H. Châu Thành	Khu vực H.Dương Minh Châu	Khu vực H. Bến Cầu	Khu vực H. Gò Dầu

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)(đồng)								
												Khu vực TP. Tây Ninh	Khu vực TX.Trảng Bàng	Khu vực TX. Hoà Thành	Khu vực H.Tân Biên	Khu vực H.Tân Châu	Khu vực H. Châu Thành	Khu vực H.Dương Minh Châu	Khu vực H. Bến Cầu	Khu vực H. Gò Dầu

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)(đồng)								
												Khu vực TP. Tây Ninh	Khu vực TX.Trảng Bàng	Khu vực TX. Hoà Thành	Khu vực H.Tân Biên	Khu vực H.Tân Châu	Khu vực H. Châu Thành	Khu vực H.Dương Minh Châu	Khu vực H. Bến Cầu	Khu vực H. Gò Dầu

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)(đồng)								
												Khu vực TP. Tây Ninh	Khu vực TX.Trảng Bàng	Khu vực TX. Hoà Thành	Khu vực H.Tân Biên	Khu vực H.Tân Châu	Khu vực H. Châu Thành	Khu vực H.Dương Minh Châu	Khu vực H. Bến Cầu	Khu vực H. Gò Dầu

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)(đồng)								
												Khu vực TP. Tây Ninh	Khu vực TX.Trảng Bàng	Khu vực TX. Hoà Thành	Khu vực H.Tân Biên	Khu vực H.Tân Châu	Khu vực H. Châu Thành	Khu vực H.Dương Minh Châu	Khu vực H. Bến Cầu	Khu vực H. Gò Dầu

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)(đồng)								
												Khu vực TP. Tây Ninh	Khu vực TX.Trảng Bàng	Khu vực TX. Hoà Thành	Khu vực H.Tân Biên	Khu vực H.Tân Châu	Khu vực H. Châu Thành	Khu vực H.Dương Minh Châu	Khu vực H. Bến Cầu	Khu vực H. Gò Dầu

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)(đồng)								
												Khu vực TP. Tây Ninh	Khu vực TX.Trảng Bàng	Khu vực TX. Hoà Thành	Khu vực H.Tân Biên	Khu vực H.Tân Châu	Khu vực H. Châu Thành	Khu vực H.Dương Minh Châu	Khu vực H. Bến Cầu	Khu vực H. Gò Dầu

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)(đồng)								
												Khu vực TP. Tây Ninh	Khu vực TX.Trảng Bàng	Khu vực TX. Hoà Thành	Khu vực H.Tân Biên	Khu vực H.Tân Châu	Khu vực H. Châu Thành	Khu vực H.Dương Minh Châu	Khu vực H. Bến Cầu	Khu vực H. Gò Dầu

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)(đồng)								
												Khu vực TP. Tây Ninh	Khu vực TX.Trảng Bàng	Khu vực TX. Hoà Thành	Khu vực H.Tân Biên	Khu vực H.Tân Châu	Khu vực H. Châu Thành	Khu vực H.Dương Minh Châu	Khu vực H. Bến Cầu	Khu vực H. Gò Dầu

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)(đồng)								
												Khu vực TP. Tây Ninh	Khu vực TX.Trảng Bàng	Khu vực TX. Hoà Thành	Khu vực H.Tân Biên	Khu vực H.Tân Châu	Khu vực H. Châu Thành	Khu vực H.Dương Minh Châu	Khu vực H. Bến Cầu	Khu vực H. Gò Dầu

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)(đồng)								
												Khu vực TP. Tây Ninh	Khu vực TX.Trảng Bàng	Khu vực TX. Hoà Thành	Khu vực H.Tân Biên	Khu vực H.Tân Châu	Khu vực H. Châu Thành	Khu vực H.Dương Minh Châu	Khu vực H. Bến Cầu	Khu vực H. Gò Dầu

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)(đồng)								
												Khu vực TP. Tây Ninh	Khu vực TX.Trảng Bàng	Khu vực TX. Hoà Thành	Khu vực H.Tân Biên	Khu vực H.Tân Châu	Khu vực H. Châu Thành	Khu vực H.Dương Minh Châu	Khu vực H. Bến Cầu	Khu vực H. Gò Dầu

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)(đồng)								
												Khu vực TP. Tây Ninh	Khu vực TX.Trảng Bàng	Khu vực TX. Hoà Thành	Khu vực H.Tân Biên	Khu vực H.Tân Châu	Khu vực H. Châu Thành	Khu vực H.Dương Minh Châu	Khu vực H. Bến Cầu	Khu vực H. Gò Dầu

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)(đồng)								
												Khu vực TP. Tây Ninh	Khu vực TX.Trảng Bàng	Khu vực TX. Hoà Thành	Khu vực H.Tân Biên	Khu vực H.Tân Châu	Khu vực H. Châu Thành	Khu vực H.Dương Minh Châu	Khu vực H. Bến Cầu	Khu vực H. Gò Dầu

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)(đồng)								
												Khu vực TP. Tây Ninh	Khu vực TX.Trảng Bàng	Khu vực TX. Hoà Thành	Khu vực H.Tân Biên	Khu vực H.Tân Châu	Khu vực H. Châu Thành	Khu vực H.Dương Minh Châu	Khu vực H. Bến Cầu	Khu vực H. Gò Dầu

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)(đồng)								
												Khu vực TP. Tây Ninh	Khu vực TX.Trảng Bàng	Khu vực TX. Hoà Thành	Khu vực H.Tân Biên	Khu vực H.Tân Châu	Khu vực H. Châu Thành	Khu vực H.Dương Minh Châu	Khu vực H. Bến Cầu	Khu vực H. Gò Dầu

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)(đồng)								
												Khu vực TP. Tây Ninh	Khu vực TX.Trảng Bàng	Khu vực TX. Hoà Thành	Khu vực H.Tân Biên	Khu vực H.Tân Châu	Khu vực H. Châu Thành	Khu vực H.Dương Minh Châu	Khu vực H. Bến Cầu	Khu vực H. Gò Dầu

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)(đồng)								
												Khu vực TP. Tây Ninh	Khu vực TX.Trảng Bàng	Khu vực TX. Hoà Thành	Khu vực H.Tân Biên	Khu vực H.Tân Châu	Khu vực H. Châu Thành	Khu vực H.Dương Minh Châu	Khu vực H. Bến Cầu	Khu vực H. Gò Dầu

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)(đồng)								
												Khu vực TP. Tây Ninh	Khu vực TX.Trảng Bàng	Khu vực TX. Hoà Thành	Khu vực H.Tân Biên	Khu vực H.Tân Châu	Khu vực H. Châu Thành	Khu vực H.Dương Minh Châu	Khu vực H. Bến Cầu	Khu vực H. Gò Dầu

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)(đồng)								
												Khu vực TP. Tây Ninh	Khu vực TX.Trảng Bàng	Khu vực TX. Hoà Thành	Khu vực H.Tân Biên	Khu vực H.Tân Châu	Khu vực H. Châu Thành	Khu vực H.Dương Minh Châu	Khu vực H. Bến Cầu	Khu vực H. Gò Dầu

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)(đồng)								
												Khu vực TP. Tây Ninh	Khu vực TX.Trảng Bàng	Khu vực TX. Hoà Thành	Khu vực H.Tân Biên	Khu vực H.Tân Châu	Khu vực H. Châu Thành	Khu vực H.Dương Minh Châu	Khu vực H. Bến Cầu	Khu vực H. Gò Dầu

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)(đồng)								
												Khu vực TP. Tây Ninh	Khu vực TX.Trảng Bàng	Khu vực TX. Hoà Thành	Khu vực H.Tân Biên	Khu vực H.Tân Châu	Khu vực H. Châu Thành	Khu vực H.Dương Minh Châu	Khu vực H. Bến Cầu	Khu vực H. Gò Dầu

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)(đồng)								
												Khu vực TP. Tây Ninh	Khu vực TX.Trảng Bàng	Khu vực TX. Hoà Thành	Khu vực H.Tân Biên	Khu vực H.Tân Châu	Khu vực H. Châu Thành	Khu vực H.Dương Minh Châu	Khu vực H. Bến Cầu	Khu vực H. Gò Dầu

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)(đồng)								
												Khu vực TP. Tây Ninh	Khu vực TX.Trảng Bàng	Khu vực TX. Hoà Thành	Khu vực H.Tân Biên	Khu vực H.Tân Châu	Khu vực H. Châu Thành	Khu vực H.Dương Minh Châu	Khu vực H. Bến Cầu	Khu vực H. Gò Dầu

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)(đồng)								
												Khu vực TP. Tây Ninh	Khu vực TX.Trảng Bàng	Khu vực TX. Hoà Thành	Khu vực H.Tân Biên	Khu vực H.Tân Châu	Khu vực H. Châu Thành	Khu vực H.Dương Minh Châu	Khu vực H. Bến Cầu	Khu vực H. Gò Dầu

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)(đồng)								
												Khu vực TP. Tây Ninh	Khu vực TX.Trảng Bàng	Khu vực TX. Hoà Thành	Khu vực H.Tân Biên	Khu vực H.Tân Châu	Khu vực H. Châu Thành	Khu vực H.Dương Minh Châu	Khu vực H. Bến Cầu	Khu vực H. Gò Dầu

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)(đồng)								
												Khu vực TP. Tây Ninh	Khu vực TX.Trảng Bàng	Khu vực TX. Hoà Thành	Khu vực H.Tân Biên	Khu vực H.Tân Châu	Khu vực H. Châu Thành	Khu vực H.Dương Minh Châu	Khu vực H. Bến Cầu	Khu vực H. Gò Dầu

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)(đồng)								
												Khu vực TP. Tây Ninh	Khu vực TX.Trảng Bàng	Khu vực TX. Hoà Thành	Khu vực H.Tân Biên	Khu vực H.Tân Châu	Khu vực H. Châu Thành	Khu vực H.Dương Minh Châu	Khu vực H. Bến Cầu	Khu vực H. Gò Dầu

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)(đồng)								
												Khu vực TP. Tây Ninh	Khu vực TX.Trảng Bàng	Khu vực TX. Hoà Thành	Khu vực H.Tân Biên	Khu vực H.Tân Châu	Khu vực H. Châu Thành	Khu vực H.Dương Minh Châu	Khu vực H. Bến Cầu	Khu vực H. Gò Dầu

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)(đồng)								
												Khu vực TP. Tây Ninh	Khu vực TX.Trảng Bàng	Khu vực TX. Hoà Thành	Khu vực H.Tân Biên	Khu vực H.Tân Châu	Khu vực H. Châu Thành	Khu vực H.Dương Minh Châu	Khu vực H. Bến Cầu	Khu vực H. Gò Dầu

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)(đồng)								
												Khu vực TP. Tây Ninh	Khu vực TX.Trảng Bàng	Khu vực TX. Hoà Thành	Khu vực H.Tân Biên	Khu vực H.Tân Châu	Khu vực H. Châu Thành	Khu vực H.Dương Minh Châu	Khu vực H. Bến Cầu	Khu vực H. Gò Dầu

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)(đồng)								
												Khu vực TP. Tây Ninh	Khu vực TX.Trảng Bàng	Khu vực TX. Hoà Thành	Khu vực H.Tân Biên	Khu vực H.Tân Châu	Khu vực H. Châu Thành	Khu vực H.Dương Minh Châu	Khu vực H. Bến Cầu	Khu vực H. Gò Dầu

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)(đồng)								
												Khu vực TP. Tây Ninh	Khu vực TX.Trảng Bàng	Khu vực TX. Hoà Thành	Khu vực H.Tân Biên	Khu vực H.Tân Châu	Khu vực H. Châu Thành	Khu vực H.Dương Minh Châu	Khu vực H. Bến Cầu	Khu vực H. Gò Dầu

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)(đồng)								
												Khu vực TP. Tây Ninh	Khu vực TX.Trảng Bàng	Khu vực TX. Hoà Thành	Khu vực H.Tân Biên	Khu vực H.Tân Châu	Khu vực H. Châu Thành	Khu vực H.Dương Minh Châu	Khu vực H. Bến Cầu	Khu vực H. Gò Dầu

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)(đồng)								
												Khu vực TP. Tây Ninh	Khu vực TX.Trảng Bàng	Khu vực TX. Hoà Thành	Khu vực H.Tân Biên	Khu vực H.Tân Châu	Khu vực H. Châu Thành	Khu vực H.Dương Minh Châu	Khu vực H. Bến Cầu	Khu vực H. Gò Dầu

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)(đồng)								
												Khu vực TP. Tây Ninh	Khu vực TX.Trảng Bàng	Khu vực TX. Hoà Thành	Khu vực H.Tân Biên	Khu vực H.Tân Châu	Khu vực H. Châu Thành	Khu vực H.Dương Minh Châu	Khu vực H. Bến Cầu	Khu vực H. Gò Dầu

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)(đồng)								
												Khu vực TP. Tây Ninh	Khu vực TX.Trảng Bàng	Khu vực TX. Hoà Thành	Khu vực H.Tân Biên	Khu vực H.Tân Châu	Khu vực H. Châu Thành	Khu vực H.Dương Minh Châu	Khu vực H. Bến Cầu	Khu vực H. Gò Dầu

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)(đồng)								
												Khu vực TP. Tây Ninh	Khu vực TX.Trảng Bàng	Khu vực TX. Hoà Thành	Khu vực H.Tân Biên	Khu vực H.Tân Châu	Khu vực H. Châu Thành	Khu vực H.Dương Minh Châu	Khu vực H. Bến Cầu	Khu vực H. Gò Dầu

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)(đồng)								
												Khu vực TP. Tây Ninh	Khu vực TX.Trảng Bàng	Khu vực TX. Hoà Thành	Khu vực H.Tân Biên	Khu vực H.Tân Châu	Khu vực H. Châu Thành	Khu vực H.Dương Minh Châu	Khu vực H. Bến Cầu	Khu vực H. Gò Dầu

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)(đồng)								
												Khu vực TP. Tây Ninh	Khu vực TX.Trảng Bàng	Khu vực TX. Hoà Thành	Khu vực H.Tân Biên	Khu vực H.Tân Châu	Khu vực H. Châu Thành	Khu vực H.Dương Minh Châu	Khu vực H. Bến Cầu	Khu vực H. Gò Dầu

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)(đồng)								
												Khu vực TP. Tây Ninh	Khu vực TX.Trảng Bàng	Khu vực TX. Hoà Thành	Khu vực H.Tân Biên	Khu vực H.Tân Châu	Khu vực H. Châu Thành	Khu vực H.Dương Minh Châu	Khu vực H. Bến Cầu	Khu vực H. Gò Dầu

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)(đồng)								
												Khu vực TP. Tây Ninh	Khu vực TX.Trảng Bàng	Khu vực TX. Hoà Thành	Khu vực H.Tân Biên	Khu vực H.Tân Châu	Khu vực H. Châu Thành	Khu vực H.Dương Minh Châu	Khu vực H. Bến Cầu	Khu vực H. Gò Dầu

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)(đồng)								
												Khu vực TP. Tây Ninh	Khu vực TX.Trảng Bàng	Khu vực TX. Hoà Thành	Khu vực H.Tân Biên	Khu vực H.Tân Châu	Khu vực H. Châu Thành	Khu vực H.Dương Minh Châu	Khu vực H. Bến Cầu	Khu vực H. Gò Dầu

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)(đồng)								
												Khu vực TP. Tây Ninh	Khu vực TX.Trảng Bàng	Khu vực TX. Hoà Thành	Khu vực H.Tân Biên	Khu vực H.Tân Châu	Khu vực H. Châu Thành	Khu vực H.Dương Minh Châu	Khu vực H. Bến Cầu	Khu vực H. Gò Dầu

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)(đồng)								
												Khu vực TP. Tây Ninh	Khu vực TX.Trảng Bàng	Khu vực TX. Hoà Thành	Khu vực H.Tân Biên	Khu vực H.Tân Châu	Khu vực H. Châu Thành	Khu vực H.Dương Minh Châu	Khu vực H. Bến Cầu	Khu vực H. Gò Dầu

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)(đồng)								
												Khu vực TP. Tây Ninh	Khu vực TX.Trảng Bàng	Khu vực TX. Hoà Thành	Khu vực H.Tân Biên	Khu vực H.Tân Châu	Khu vực H. Châu Thành	Khu vực H.Dương Minh Châu	Khu vực H. Bến Cầu	Khu vực H. Gò Dầu

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)(đồng)								
												Khu vực TP. Tây Ninh	Khu vực TX.Trảng Bàng	Khu vực TX. Hoà Thành	Khu vực H.Tân Biên	Khu vực H.Tân Châu	Khu vực H. Châu Thành	Khu vực H.Dương Minh Châu	Khu vực H. Bến Cầu	Khu vực H. Gò Dầu

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)(đồng)								
												Khu vực TP. Tây Ninh	Khu vực TX.Trảng Bàng	Khu vực TX. Hoà Thành	Khu vực H.Tân Biên	Khu vực H.Tân Châu	Khu vực H. Châu Thành	Khu vực H.Dương Minh Châu	Khu vực H. Bến Cầu	Khu vực H. Gò Dầu

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)(đồng)								
												Khu vực TP. Tây Ninh	Khu vực TX.Trảng Bàng	Khu vực TX. Hoà Thành	Khu vực H.Tân Biên	Khu vực H.Tân Châu	Khu vực H. Châu Thành	Khu vực H.Dương Minh Châu	Khu vực H. Bến Cầu	Khu vực H. Gò Dầu

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)(đồng)								
												Khu vực TP. Tây Ninh	Khu vực TX.Trảng Bàng	Khu vực TX. Hoà Thành	Khu vực H.Tân Biên	Khu vực H.Tân Châu	Khu vực H. Châu Thành	Khu vực H.Dương Minh Châu	Khu vực H. Bến Cầu	Khu vực H. Gò Dầu

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)(đồng)								
												Khu vực TP. Tây Ninh	Khu vực TX.Trảng Bàng	Khu vực TX. Hoà Thành	Khu vực H.Tân Biên	Khu vực H.Tân Châu	Khu vực H. Châu Thành	Khu vực H.Dương Minh Châu	Khu vực H. Bến Cầu	Khu vực H. Gò Dầu

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)(đồng)								
												Khu vực TP. Tây Ninh	Khu vực TX.Trảng Bàng	Khu vực TX. Hoà Thành	Khu vực H.Tân Biên	Khu vực H.Tân Châu	Khu vực H. Châu Thành	Khu vực H.Dương Minh Châu	Khu vực H. Bến Cầu	Khu vực H. Gò Dầu

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)(đồng)								
												Khu vực TP. Tây Ninh	Khu vực TX.Trảng Bàng	Khu vực TX. Hoà Thành	Khu vực H.Tân Biên	Khu vực H.Tân Châu	Khu vực H. Châu Thành	Khu vực H.Dương Minh Châu	Khu vực H. Bến Cầu	Khu vực H. Gò Dầu

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)(đồng)								
												Khu vực TP. Tây Ninh	Khu vực TX.Trảng Bàng	Khu vực TX. Hoà Thành	Khu vực H.Tân Biên	Khu vực H.Tân Châu	Khu vực H. Châu Thành	Khu vực H.Dương Minh Châu	Khu vực H. Bến Cầu	Khu vực H. Gò Dầu

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)(đồng)								
												Khu vực TP. Tây Ninh	Khu vực TX.Trảng Bàng	Khu vực TX. Hoà Thành	Khu vực H.Tân Biên	Khu vực H.Tân Châu	Khu vực H. Châu Thành	Khu vực H.Dương Minh Châu	Khu vực H. Bến Cầu	Khu vực H. Gò Dầu

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)(đồng)								
												Khu vực TP. Tây Ninh	Khu vực TX.Trảng Bàng	Khu vực TX. Hoà Thành	Khu vực H.Tân Biên	Khu vực H.Tân Châu	Khu vực H. Châu Thành	Khu vực H.Dương Minh Châu	Khu vực H. Bến Cầu	Khu vực H. Gò Dầu

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)(đồng)								
												Khu vực TP. Tây Ninh	Khu vực TX.Trảng Bàng	Khu vực TX. Hoà Thành	Khu vực H.Tân Biên	Khu vực H.Tân Châu	Khu vực H. Châu Thành	Khu vực H.Dương Minh Châu	Khu vực H. Bến Cầu	Khu vực H. Gò Dầu

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)(đồng)								
												Khu vực TP. Tây Ninh	Khu vực TX.Trảng Bàng	Khu vực TX. Hoà Thành	Khu vực H.Tân Biên	Khu vực H.Tân Châu	Khu vực H. Châu Thành	Khu vực H.Dương Minh Châu	Khu vực H. Bến Cầu	Khu vực H. Gò Dầu

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)(đồng)								
												Khu vực TP. Tây Ninh	Khu vực TX.Trảng Bàng	Khu vực TX. Hoà Thành	Khu vực H.Tân Biên	Khu vực H.Tân Châu	Khu vực H. Châu Thành	Khu vực H.Dương Minh Châu	Khu vực H. Bến Cầu	Khu vực H. Gò Dầu

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)(đồng)								
												Khu vực TP. Tây Ninh	Khu vực TX.Trảng Bàng	Khu vực TX. Hoà Thành	Khu vực H.Tân Biên	Khu vực H.Tân Châu	Khu vực H. Châu Thành	Khu vực H.Dương Minh Châu	Khu vực H. Bến Cầu	Khu vực H. Gò Dầu

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)(đồng)								
												Khu vực TP. Tây Ninh	Khu vực TX.Trảng Bàng	Khu vực TX. Hoà Thành	Khu vực H.Tân Biên	Khu vực H.Tân Châu	Khu vực H. Châu Thành	Khu vực H.Dương Minh Châu	Khu vực H. Bến Cầu	Khu vực H. Gò Dầu

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)(đồng)								
												Khu vực TP. Tây Ninh	Khu vực TX.Trảng Bàng	Khu vực TX. Hoà Thành	Khu vực H.Tân Biên	Khu vực H.Tân Châu	Khu vực H. Châu Thành	Khu vực H.Dương Minh Châu	Khu vực H. Bến Cầu	Khu vực H. Gò Dầu

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)(đồng)								
												Khu vực TP. Tây Ninh	Khu vực TX.Trảng Bàng	Khu vực TX. Hoà Thành	Khu vực H.Tân Biên	Khu vực H.Tân Châu	Khu vực H. Châu Thành	Khu vực H.Dương Minh Châu	Khu vực H. Bến Cầu	Khu vực H. Gò Dầu

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)(đồng)								
												Khu vực TP. Tây Ninh	Khu vực TX.Trảng Bàng	Khu vực TX. Hoà Thành	Khu vực H.Tân Biên	Khu vực H.Tân Châu	Khu vực H. Châu Thành	Khu vực H.Dương Minh Châu	Khu vực H. Bến Cầu	Khu vực H. Gò Dầu

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)(đồng)								
												Khu vực TP. Tây Ninh	Khu vực TX.Trảng Bàng	Khu vực TX. Hoà Thành	Khu vực H.Tân Biên	Khu vực H.Tân Châu	Khu vực H. Châu Thành	Khu vực H.Dương Minh Châu	Khu vực H. Bến Cầu	Khu vực H. Gò Dầu

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)(đồng)								
												Khu vực TP. Tây Ninh	Khu vực TX.Trảng Bàng	Khu vực TX. Hoà Thành	Khu vực H.Tân Biên	Khu vực H.Tân Châu	Khu vực H. Châu Thành	Khu vực H.Dương Minh Châu	Khu vực H. Bến Cầu	Khu vực H. Gò Dầu

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)(đồng)								
												Khu vực TP. Tây Ninh	Khu vực TX.Trảng Bàng	Khu vực TX. Hoà Thành	Khu vực H.Tân Biên	Khu vực H.Tân Châu	Khu vực H. Châu Thành	Khu vực H.Dương Minh Châu	Khu vực H. Bến Cầu	Khu vực H. Gò Dầu

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)(đồng)								
												Khu vực TP. Tây Ninh	Khu vực TX.Trảng Bàng	Khu vực TX. Hoà Thành	Khu vực H.Tân Biên	Khu vực H.Tân Châu	Khu vực H. Châu Thành	Khu vực H.Dương Minh Châu	Khu vực H. Bến Cầu	Khu vực H. Gò Dầu

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)(đồng)								
												Khu vực TP. Tây Ninh	Khu vực TX.Trảng Bàng	Khu vực TX. Hoà Thành	Khu vực H.Tân Biên	Khu vực H.Tân Châu	Khu vực H. Châu Thành	Khu vực H.Dương Minh Châu	Khu vực H. Bến Cầu	Khu vực H. Gò Dầu

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)(đồng)								
												Khu vực TP. Tây Ninh	Khu vực TX.Trảng Bàng	Khu vực TX. Hoà Thành	Khu vực H.Tân Biên	Khu vực H.Tân Châu	Khu vực H. Châu Thành	Khu vực H.Dương Minh Châu	Khu vực H. Bến Cầu	Khu vực H. Gò Dầu

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)(đồng)								
												Khu vực TP. Tây Ninh	Khu vực TX.Trảng Bàng	Khu vực TX. Hoà Thành	Khu vực H.Tân Biên	Khu vực H.Tân Châu	Khu vực H. Châu Thành	Khu vực H.Dương Minh Châu	Khu vực H. Bến Cầu	Khu vực H. Gò Dầu

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)(đồng)								
												Khu vực TP. Tây Ninh	Khu vực TX.Trảng Bàng	Khu vực TX. Hoà Thành	Khu vực H.Tân Biên	Khu vực H.Tân Châu	Khu vực H. Châu Thành	Khu vực H.Dương Minh Châu	Khu vực H. Bến Cầu	Khu vực H. Gò Dầu

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)(đồng)								
												Khu vực TP. Tây Ninh	Khu vực TX.Trảng Bàng	Khu vực TX. Hoà Thành	Khu vực H.Tân Biên	Khu vực H.Tân Châu	Khu vực H. Châu Thành	Khu vực H.Dương Minh Châu	Khu vực H. Bến Cầu	Khu vực H. Gò Dầu

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)(đồng)								
												Khu vực TP. Tây Ninh	Khu vực TX.Trảng Bàng	Khu vực TX. Hoà Thành	Khu vực H.Tân Biên	Khu vực H.Tân Châu	Khu vực H. Châu Thành	Khu vực H.Dương Minh Châu	Khu vực H. Bến Cầu	Khu vực H. Gò Dầu

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)(đồng)								
												Khu vực TP. Tây Ninh	Khu vực TX.Trảng Bàng	Khu vực TX. Hoà Thành	Khu vực H.Tân Biên	Khu vực H.Tân Châu	Khu vực H. Châu Thành	Khu vực H.Dương Minh Châu	Khu vực H. Bến Cầu	Khu vực H. Gò Dầu

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)(đồng)								
												Khu vực TP. Tây Ninh	Khu vực TX.Trảng Bàng	Khu vực TX. Hoà Thành	Khu vực H.Tân Biên	Khu vực H.Tân Châu	Khu vực H. Châu Thành	Khu vực H.Dương Minh Châu	Khu vực H. Bến Cầu	Khu vực H. Gò Dầu

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)(đồng)								
												Khu vực TP. Tây Ninh	Khu vực TX.Trảng Bàng	Khu vực TX. Hoà Thành	Khu vực H.Tân Biên	Khu vực H.Tân Châu	Khu vực H. Châu Thành	Khu vực H.Dương Minh Châu	Khu vực H. Bến Cầu	Khu vực H. Gò Dầu

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)(đồng)								
												Khu vực TP. Tây Ninh	Khu vực TX.Trảng Bàng	Khu vực TX. Hoà Thành	Khu vực H.Tân Biên	Khu vực H.Tân Châu	Khu vực H. Châu Thành	Khu vực H.Dương Minh Châu	Khu vực H. Bến Cầu	Khu vực H. Gò Dầu

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)(đồng)								
												Khu vực TP. Tây Ninh	Khu vực TX.Trảng Bàng	Khu vực TX. Hoà Thành	Khu vực H.Tân Biên	Khu vực H.Tân Châu	Khu vực H. Châu Thành	Khu vực H.Dương Minh Châu	Khu vực H. Bến Cầu	Khu vực H. Gò Dầu

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)(đồng)								
												Khu vực TP. Tây Ninh	Khu vực TX.Trảng Bàng	Khu vực TX. Hoà Thành	Khu vực H.Tân Biên	Khu vực H.Tân Châu	Khu vực H. Châu Thành	Khu vực H.Dương Minh Châu	Khu vực H. Bến Cầu	Khu vực H. Gò Dầu

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)(đồng)								
												Khu vực TP. Tây Ninh	Khu vực TX.Trảng Bàng	Khu vực TX. Hoà Thành	Khu vực H.Tân Biên	Khu vực H.Tân Châu	Khu vực H. Châu Thành	Khu vực H.Dương Minh Châu	Khu vực H. Bến Cầu	Khu vực H. Gò Dầu

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)(đồng)								
												Khu vực TP. Tây Ninh	Khu vực TX.Trảng Bàng	Khu vực TX. Hoà Thành	Khu vực H.Tân Biên	Khu vực H.Tân Châu	Khu vực H. Châu Thành	Khu vực H.Dương Minh Châu	Khu vực H. Bến Cầu	Khu vực H. Gò Dầu

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)(đồng)								
												Khu vực TP. Tây Ninh	Khu vực TX.Trảng Bàng	Khu vực TX. Hoà Thành	Khu vực H.Tân Biên	Khu vực H.Tân Châu	Khu vực H. Châu Thành	Khu vực H.Dương Minh Châu	Khu vực H. Bến Cầu	Khu vực H. Gò Dầu

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)(đồng)								
												Khu vực TP. Tây Ninh	Khu vực TX.Trảng Bàng	Khu vực TX. Hoà Thành	Khu vực H.Tân Biên	Khu vực H.Tân Châu	Khu vực H. Châu Thành	Khu vực H.Dương Minh Châu	Khu vực H. Bến Cầu	Khu vực H. Gò Dầu

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)(đồng)								
												Khu vực TP. Tây Ninh	Khu vực TX.Trảng Bàng	Khu vực TX. Hoà Thành	Khu vực H.Tân Biên	Khu vực H.Tân Châu	Khu vực H. Châu Thành	Khu vực H.Dương Minh Châu	Khu vực H. Bến Cầu	Khu vực H. Gò Dầu

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)(đồng)								
												Khu vực TP. Tây Ninh	Khu vực TX.Trảng Bàng	Khu vực TX. Hoà Thành	Khu vực H.Tân Biên	Khu vực H.Tân Châu	Khu vực H. Châu Thành	Khu vực H.Dương Minh Châu	Khu vực H. Bến Cầu	Khu vực H. Gò Dầu

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)(đồng)								
												Khu vực TP. Tây Ninh	Khu vực TX.Trảng Bàng	Khu vực TX. Hoà Thành	Khu vực H.Tân Biên	Khu vực H.Tân Châu	Khu vực H. Châu Thành	Khu vực H.Dương Minh Châu	Khu vực H. Bến Cầu	Khu vực H. Gò Dầu

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)(đồng)								
												Khu vực TP. Tây Ninh	Khu vực TX.Trảng Bàng	Khu vực TX. Hoà Thành	Khu vực H.Tân Biên	Khu vực H.Tân Châu	Khu vực H. Châu Thành	Khu vực H.Dương Minh Châu	Khu vực H. Bến Cầu	Khu vực H. Gò Dầu

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)(đồng)								
												Khu vực TP. Tây Ninh	Khu vực TX.Trảng Bàng	Khu vực TX. Hoà Thành	Khu vực H.Tân Biên	Khu vực H.Tân Châu	Khu vực H. Châu Thành	Khu vực H.Dương Minh Châu	Khu vực H. Bến Cầu	Khu vực H. Gò Dầu

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)(đồng)								
												Khu vực TP. Tây Ninh	Khu vực TX.Trảng Bàng	Khu vực TX. Hoà Thành	Khu vực H.Tân Biên	Khu vực H.Tân Châu	Khu vực H. Châu Thành	Khu vực H.Dương Minh Châu	Khu vực H. Bến Cầu	Khu vực H. Gò Dầu

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)(đồng)								
												Khu vực TP. Tây Ninh	Khu vực TX.Trảng Bàng	Khu vực TX. Hoà Thành	Khu vực H.Tân Biên	Khu vực H.Tân Châu	Khu vực H. Châu Thành	Khu vực H.Dương Minh Châu	Khu vực H. Bến Cầu	Khu vực H. Gò Dầu

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)(đồng)								
												Khu vực TP. Tây Ninh	Khu vực TX.Trảng Bàng	Khu vực TX. Hoà Thành	Khu vực H.Tân Biên	Khu vực H.Tân Châu	Khu vực H. Châu Thành	Khu vực H.Dương Minh Châu	Khu vực H. Bến Cầu	Khu vực H. Gò Dầu

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)(đồng)								
												Khu vực TP. Tây Ninh	Khu vực TX.Trảng Bàng	Khu vực TX. Hoà Thành	Khu vực H.Tân Biên	Khu vực H.Tân Châu	Khu vực H. Châu Thành	Khu vực H.Dương Minh Châu	Khu vực H. Bến Cầu	Khu vực H. Gò Dầu

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)(đồng)								
												Khu vực TP. Tây Ninh	Khu vực TX.Trảng Bàng	Khu vực TX. Hoà Thành	Khu vực H.Tân Biên	Khu vực H.Tân Châu	Khu vực H. Châu Thành	Khu vực H.Dương Minh Châu	Khu vực H. Bến Cầu	Khu vực H. Gò Dầu

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)(đồng)								
												Khu vực TP. Tây Ninh	Khu vực TX.Trảng Bàng	Khu vực TX. Hoà Thành	Khu vực H.Tân Biên	Khu vực H.Tân Châu	Khu vực H. Châu Thành	Khu vực H.Dương Minh Châu	Khu vực H. Bến Cầu	Khu vực H. Gò Dầu

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)(đồng)								
												Khu vực TP. Tây Ninh	Khu vực TX.Trảng Bàng	Khu vực TX. Hoà Thành	Khu vực H.Tân Biên	Khu vực H.Tân Châu	Khu vực H. Châu Thành	Khu vực H.Dương Minh Châu	Khu vực H. Bến Cầu	Khu vực H. Gò Dầu

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)(đồng)								
												Khu vực TP. Tây Ninh	Khu vực TX.Trảng Bàng	Khu vực TX. Hoà Thành	Khu vực H.Tân Biên	Khu vực H.Tân Châu	Khu vực H. Châu Thành	Khu vực H.Dương Minh Châu	Khu vực H. Bến Cầu	Khu vực H. Gò Dầu

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)(đồng)								
												Khu vực TP. Tây Ninh	Khu vực TX.Trảng Bàng	Khu vực TX. Hoà Thành	Khu vực H.Tân Biên	Khu vực H.Tân Châu	Khu vực H. Châu Thành	Khu vực H.Dương Minh Châu	Khu vực H. Bến Cầu	Khu vực H. Gò Dầu

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)(đồng)								
												Khu vực TP. Tây Ninh	Khu vực TX.Trảng Bàng	Khu vực TX. Hoà Thành	Khu vực H.Tân Biên	Khu vực H.Tân Châu	Khu vực H. Châu Thành	Khu vực H.Dương Minh Châu	Khu vực H. Bến Cầu	Khu vực H. Gò Dầu

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)(đồng)								
												Khu vực TP. Tây Ninh	Khu vực TX.Trảng Bàng	Khu vực TX. Hoà Thành	Khu vực H.Tân Biên	Khu vực H.Tân Châu	Khu vực H. Châu Thành	Khu vực H.Dương Minh Châu	Khu vực H. Bến Cầu	Khu vực H. Gò Dầu

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)(đồng)								
												Khu vực TP. Tây Ninh	Khu vực TX.Trảng Bàng	Khu vực TX. Hoà Thành	Khu vực H.Tân Biên	Khu vực H.Tân Châu	Khu vực H. Châu Thành	Khu vực H.Dương Minh Châu	Khu vực H. Bến Cầu	Khu vực H. Gò Dầu

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)(đồng)								
												Khu vực TP. Tây Ninh	Khu vực TX.Trảng Bàng	Khu vực TX. Hoà Thành	Khu vực H.Tân Biên	Khu vực H.Tân Châu	Khu vực H. Châu Thành	Khu vực H.Dương Minh Châu	Khu vực H. Bến Cầu	Khu vực H. Gò Dầu

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)(đồng)								
												Khu vực TP. Tây Ninh	Khu vực TX.Trảng Bàng	Khu vực TX. Hoà Thành	Khu vực H.Tân Biên	Khu vực H.Tân Châu	Khu vực H. Châu Thành	Khu vực H.Dương Minh Châu	Khu vực H. Bến Cầu	Khu vực H. Gò Dầu

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)(đồng)								
												Khu vực TP. Tây Ninh	Khu vực TX.Trảng Bàng	Khu vực TX. Hoà Thành	Khu vực H.Tân Biên	Khu vực H.Tân Châu	Khu vực H. Châu Thành	Khu vực H.Dương Minh Châu	Khu vực H. Bến Cầu	Khu vực H. Gò Dầu

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)(đồng)								
												Khu vực TP. Tây Ninh	Khu vực TX.Trảng Bàng	Khu vực TX. Hoà Thành	Khu vực H.Tân Biên	Khu vực H.Tân Châu	Khu vực H. Châu Thành	Khu vực H.Dương Minh Châu	Khu vực H. Bến Cầu	Khu vực H. Gò Dầu

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)(đồng)								
												Khu vực TP. Tây Ninh	Khu vực TX.Trảng Bàng	Khu vực TX. Hoà Thành	Khu vực H.Tân Biên	Khu vực H.Tân Châu	Khu vực H. Châu Thành	Khu vực H.Dương Minh Châu	Khu vực H. Bến Cầu	Khu vực H. Gò Dầu

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)(đồng)								
												Khu vực TP. Tây Ninh	Khu vực TX.Trảng Bàng	Khu vực TX. Hoà Thành	Khu vực H.Tân Biên	Khu vực H.Tân Châu	Khu vực H. Châu Thành	Khu vực H.Dương Minh Châu	Khu vực H. Bến Cầu	Khu vực H. Gò Dầu

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)(đồng)								
												Khu vực TP. Tây Ninh	Khu vực TX.Trảng Bàng	Khu vực TX. Hoà Thành	Khu vực H.Tân Biên	Khu vực H.Tân Châu	Khu vực H. Châu Thành	Khu vực H.Dương Minh Châu	Khu vực H. Bến Cầu	Khu vực H. Gò Dầu

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)(đồng)								
												Khu vực TP. Tây Ninh	Khu vực TX.Trảng Bàng	Khu vực TX. Hoà Thành	Khu vực H.Tân Biên	Khu vực H.Tân Châu	Khu vực H. Châu Thành	Khu vực H.Dương Minh Châu	Khu vực H. Bến Cầu	Khu vực H. Gò Dầu

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)(đồng)								
												Khu vực TP. Tây Ninh	Khu vực TX.Trảng Bàng	Khu vực TX. Hoà Thành	Khu vực H.Tân Biên	Khu vực H.Tân Châu	Khu vực H. Châu Thành	Khu vực H.Dương Minh Châu	Khu vực H. Bến Cầu	Khu vực H. Gò Dầu

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)(đồng)								
												Khu vực TP. Tây Ninh	Khu vực TX.Trảng Bàng	Khu vực TX. Hoà Thành	Khu vực H.Tân Biên	Khu vực H.Tân Châu	Khu vực H. Châu Thành	Khu vực H.Dương Minh Châu	Khu vực H. Bến Cầu	Khu vực H. Gò Dầu

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)(đồng)								
												Khu vực TP. Tây Ninh	Khu vực TX.Trảng Bàng	Khu vực TX. Hoà Thành	Khu vực H.Tân Biên	Khu vực H.Tân Châu	Khu vực H. Châu Thành	Khu vực H.Dương Minh Châu	Khu vực H. Bến Cầu	Khu vực H. Gò Dầu

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)(đồng)								
												Khu vực TP. Tây Ninh	Khu vực TX.Trảng Bàng	Khu vực TX. Hoà Thành	Khu vực H.Tân Biên	Khu vực H.Tân Châu	Khu vực H. Châu Thành	Khu vực H.Dương Minh Châu	Khu vực H. Bến Cầu	Khu vực H. Gò Dầu

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)(đồng)								
												Khu vực TP. Tây Ninh	Khu vực TX.Trảng Bàng	Khu vực TX. Hoà Thành	Khu vực H.Tân Biên	Khu vực H.Tân Châu	Khu vực H. Châu Thành	Khu vực H.Dương Minh Châu	Khu vực H. Bến Cầu	Khu vực H. Gò Dầu

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)(đồng)								
												Khu vực TP. Tây Ninh	Khu vực TX.Trảng Bàng	Khu vực TX. Hoà Thành	Khu vực H.Tân Biên	Khu vực H.Tân Châu	Khu vực H. Châu Thành	Khu vực H.Dương Minh Châu	Khu vực H. Bến Cầu	Khu vực H. Gò Dầu

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)(đồng)								
												Khu vực TP. Tây Ninh	Khu vực TX.Trảng Bàng	Khu vực TX. Hoà Thành	Khu vực H.Tân Biên	Khu vực H.Tân Châu	Khu vực H. Châu Thành	Khu vực H.Dương Minh Châu	Khu vực H. Bến Cầu	Khu vực H. Gò Dầu

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)(đồng)								
												Khu vực TP. Tây Ninh	Khu vực TX.Trảng Bàng	Khu vực TX. Hoà Thành	Khu vực H.Tân Biên	Khu vực H.Tân Châu	Khu vực H. Châu Thành	Khu vực H.Dương Minh Châu	Khu vực H. Bến Cầu	Khu vực H. Gò Dầu

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)(đồng)								
												Khu vực TP. Tây Ninh	Khu vực TX.Trảng Bàng	Khu vực TX. Hoà Thành	Khu vực H.Tân Biên	Khu vực H.Tân Châu	Khu vực H. Châu Thành	Khu vực H.Dương Minh Châu	Khu vực H. Bến Cầu	Khu vực H. Gò Dầu

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)(đồng)								
												Khu vực TP. Tây Ninh	Khu vực TX.Trảng Bàng	Khu vực TX. Hoà Thành	Khu vực H.Tân Biên	Khu vực H.Tân Châu	Khu vực H. Châu Thành	Khu vực H.Dương Minh Châu	Khu vực H. Bến Cầu	Khu vực H. Gò Dầu

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)(đồng)								
												Khu vực TP. Tây Ninh	Khu vực TX.Trảng Bàng	Khu vực TX. Hoà Thành	Khu vực H.Tân Biên	Khu vực H.Tân Châu	Khu vực H. Châu Thành	Khu vực H.Dương Minh Châu	Khu vực H. Bến Cầu	Khu vực H. Gò Dầu

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)(đồng)								
												Khu vực TP. Tây Ninh	Khu vực TX.Trảng Bàng	Khu vực TX. Hoà Thành	Khu vực H.Tân Biên	Khu vực H.Tân Châu	Khu vực H. Châu Thành	Khu vực H.Dương Minh Châu	Khu vực H. Bến Cầu	Khu vực H. Gò Dầu

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)(đồng)								
												Khu vực TP. Tây Ninh	Khu vực TX.Trảng Bàng	Khu vực TX. Hoà Thành	Khu vực H.Tân Biên	Khu vực H.Tân Châu	Khu vực H. Châu Thành	Khu vực H.Dương Minh Châu	Khu vực H. Bến Cầu	Khu vực H. Gò Dầu

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)(đồng)								
												Khu vực TP. Tây Ninh	Khu vực TX.Trảng Bàng	Khu vực TX. Hoà Thành	Khu vực H.Tân Biên	Khu vực H.Tân Châu	Khu vực H. Châu Thành	Khu vực H.Dương Minh Châu	Khu vực H. Bến Cầu	Khu vực H. Gò Dầu

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)(đồng)								
												Khu vực TP. Tây Ninh	Khu vực TX.Trảng Bàng	Khu vực TX. Hoà Thành	Khu vực H.Tân Biên	Khu vực H.Tân Châu	Khu vực H. Châu Thành	Khu vực H.Dương Minh Châu	Khu vực H. Bến Cầu	Khu vực H. Gò Dầu

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)(đồng)								
												Khu vực TP. Tây Ninh	Khu vực TX.Trảng Bàng	Khu vực TX. Hoà Thành	Khu vực H.Tân Biên	Khu vực H.Tân Châu	Khu vực H. Châu Thành	Khu vực H.Dương Minh Châu	Khu vực H. Bến Cầu	Khu vực H. Gò Dầu

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)(đồng)								
												Khu vực TP. Tây Ninh	Khu vực TX.Trảng Bàng	Khu vực TX. Hoà Thành	Khu vực H.Tân Biên	Khu vực H.Tân Châu	Khu vực H. Châu Thành	Khu vực H.Dương Minh Châu	Khu vực H. Bến Cầu	Khu vực H. Gò Dầu

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)(đồng)								
												Khu vực TP. Tây Ninh	Khu vực TX.Trảng Bàng	Khu vực TX. Hoà Thành	Khu vực H.Tân Biên	Khu vực H.Tân Châu	Khu vực H. Châu Thành	Khu vực H.Dương Minh Châu	Khu vực H. Bến Cầu	Khu vực H. Gò Dầu

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)(đồng)								
												Khu vực TP. Tây Ninh	Khu vực TX.Trảng Bàng	Khu vực TX. Hoà Thành	Khu vực H.Tân Biên	Khu vực H.Tân Châu	Khu vực H. Châu Thành	Khu vực H.Dương Minh Châu	Khu vực H. Bến Cầu	Khu vực H. Gò Dầu

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)(đồng)								
												Khu vực TP. Tây Ninh	Khu vực TX.Trảng Bàng	Khu vực TX. Hoà Thành	Khu vực H.Tân Biên	Khu vực H.Tân Châu	Khu vực H. Châu Thành	Khu vực H.Dương Minh Châu	Khu vực H. Bến Cầu	Khu vực H. Gò Dầu

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)(đồng)								
												Khu vực TP. Tây Ninh	Khu vực TX.Trảng Bàng	Khu vực TX. Hoà Thành	Khu vực H.Tân Biên	Khu vực H.Tân Châu	Khu vực H. Châu Thành	Khu vực H.Dương Minh Châu	Khu vực H. Bến Cầu	Khu vực H. Gò Dầu

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)(đồng)								
												Khu vực TP. Tây Ninh	Khu vực TX.Trảng Bàng	Khu vực TX. Hoà Thành	Khu vực H.Tân Biên	Khu vực H.Tân Châu	Khu vực H. Châu Thành	Khu vực H.Dương Minh Châu	Khu vực H. Bến Cầu	Khu vực H. Gò Dầu

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)(đồng)								
												Khu vực TP. Tây Ninh	Khu vực TX.Trảng Bàng	Khu vực TX. Hoà Thành	Khu vực H.Tân Biên	Khu vực H.Tân Châu	Khu vực H. Châu Thành	Khu vực H.Dương Minh Châu	Khu vực H. Bến Cầu	Khu vực H. Gò Dầu

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)(đồng)								
												Khu vực TP. Tây Ninh	Khu vực TX.Trảng Bàng	Khu vực TX. Hoà Thành	Khu vực H.Tân Biên	Khu vực H.Tân Châu	Khu vực H. Châu Thành	Khu vực H.Dương Minh Châu	Khu vực H. Bến Cầu	Khu vực H. Gò Dầu

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)(đồng)								
												Khu vực TP. Tây Ninh	Khu vực TX.Trảng Bàng	Khu vực TX. Hoà Thành	Khu vực H.Tân Biên	Khu vực H.Tân Châu	Khu vực H. Châu Thành	Khu vực H.Dương Minh Châu	Khu vực H. Bến Cầu	Khu vực H. Gò Dầu

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)(đồng)								
												Khu vực TP. Tây Ninh	Khu vực TX.Trảng Bàng	Khu vực TX. Hoà Thành	Khu vực H.Tân Biên	Khu vực H.Tân Châu	Khu vực H. Châu Thành	Khu vực H.Dương Minh Châu	Khu vực H. Bến Cầu	Khu vực H. Gò Dầu

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)(đồng)								
												Khu vực TP. Tây Ninh	Khu vực TX.Trảng Bàng	Khu vực TX. Hoà Thành	Khu vực H.Tân Biên	Khu vực H.Tân Châu	Khu vực H. Châu Thành	Khu vực H.Dương Minh Châu	Khu vực H. Bến Cầu	Khu vực H. Gò Dầu

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)(đồng)								
												Khu vực TP. Tây Ninh	Khu vực TX.Trảng Bàng	Khu vực TX. Hoà Thành	Khu vực H.Tân Biên	Khu vực H.Tân Châu	Khu vực H. Châu Thành	Khu vực H.Dương Minh Châu	Khu vực H. Bến Cầu	Khu vực H. Gò Dầu

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)(đồng)								
												Khu vực TP. Tây Ninh	Khu vực TX.Trảng Bàng	Khu vực TX. Hoà Thành	Khu vực H.Tân Biên	Khu vực H.Tân Châu	Khu vực H. Châu Thành	Khu vực H.Dương Minh Châu	Khu vực H. Bến Cầu	Khu vực H. Gò Dầu

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)(đồng)								
												Khu vực TP. Tây Ninh	Khu vực TX.Trảng Bàng	Khu vực TX. Hoà Thành	Khu vực H.Tân Biên	Khu vực H.Tân Châu	Khu vực H. Châu Thành	Khu vực H.Dương Minh Châu	Khu vực H. Bến Cầu	Khu vực H. Gò Dầu

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)(đồng)								
												Khu vực TP. Tây Ninh	Khu vực TX.Trảng Bàng	Khu vực TX. Hoà Thành	Khu vực H.Tân Biên	Khu vực H.Tân Châu	Khu vực H. Châu Thành	Khu vực H.Dương Minh Châu	Khu vực H. Bến Cầu	Khu vực H. Gò Dầu

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)(đồng)								
												Khu vực TP. Tây Ninh	Khu vực TX.Trảng Bàng	Khu vực TX. Hoà Thành	Khu vực H.Tân Biên	Khu vực H.Tân Châu	Khu vực H. Châu Thành	Khu vực H.Dương Minh Châu	Khu vực H. Bến Cầu	Khu vực H. Gò Dầu

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)(đồng)								
												Khu vực TP. Tây Ninh	Khu vực TX.Trảng Bàng	Khu vực TX. Hoà Thành	Khu vực H.Tân Biên	Khu vực H.Tân Châu	Khu vực H. Châu Thành	Khu vực H.Dương Minh Châu	Khu vực H. Bến Cầu	Khu vực H. Gò Dầu

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)(đồng)								
												Khu vực TP. Tây Ninh	Khu vực TX.Trảng Bàng	Khu vực TX. Hoà Thành	Khu vực H.Tân Biên	Khu vực H.Tân Châu	Khu vực H. Châu Thành	Khu vực H.Dương Minh Châu	Khu vực H. Bến Cầu	Khu vực H. Gò Dầu

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)(đồng)								
												Khu vực TP. Tây Ninh	Khu vực TX.Trảng Bàng	Khu vực TX. Hoà Thành	Khu vực H.Tân Biên	Khu vực H.Tân Châu	Khu vực H. Châu Thành	Khu vực H.Dương Minh Châu	Khu vực H. Bến Cầu	Khu vực H. Gò Dầu

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)(đồng)								
												Khu vực TP. Tây Ninh	Khu vực TX.Trảng Bàng	Khu vực TX. Hoà Thành	Khu vực H.Tân Biên	Khu vực H.Tân Châu	Khu vực H. Châu Thành	Khu vực H.Dương Minh Châu	Khu vực H. Bến Cầu	Khu vực H. Gò Dầu

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)(đồng)								
												Khu vực TP. Tây Ninh	Khu vực TX.Trảng Bàng	Khu vực TX. Hoà Thành	Khu vực H.Tân Biên	Khu vực H.Tân Châu	Khu vực H. Châu Thành	Khu vực H.Dương Minh Châu	Khu vực H. Bến Cầu	Khu vực H. Gò Dầu

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)(đồng)								
												Khu vực TP. Tây Ninh	Khu vực TX.Trảng Bàng	Khu vực TX. Hoà Thành	Khu vực H.Tân Biên	Khu vực H.Tân Châu	Khu vực H. Châu Thành	Khu vực H.Dương Minh Châu	Khu vực H. Bến Cầu	Khu vực H. Gò Dầu

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)(đồng)								
												Khu vực TP. Tây Ninh	Khu vực TX.Trảng Bàng	Khu vực TX. Hoà Thành	Khu vực H.Tân Biên	Khu vực H.Tân Châu	Khu vực H. Châu Thành	Khu vực H.Dương Minh Châu	Khu vực H. Bến Cầu	Khu vực H. Gò Dầu

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)(đồng)								
												Khu vực TP. Tây Ninh	Khu vực TX.Trảng Bàng	Khu vực TX. Hoà Thành	Khu vực H.Tân Biên	Khu vực H.Tân Châu	Khu vực H. Châu Thành	Khu vực H.Dương Minh Châu	Khu vực H. Bến Cầu	Khu vực H. Gò Dầu

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)(đồng)								
												Khu vực TP. Tây Ninh	Khu vực TX.Trảng Bàng	Khu vực TX. Hoà Thành	Khu vực H.Tân Biên	Khu vực H.Tân Châu	Khu vực H. Châu Thành	Khu vực H.Dương Minh Châu	Khu vực H. Bến Cầu	Khu vực H. Gò Dầu

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)(đồng)								
												Khu vực TP. Tây Ninh	Khu vực TX.Trảng Bàng	Khu vực TX. Hoà Thành	Khu vực H.Tân Biên	Khu vực H.Tân Châu	Khu vực H. Châu Thành	Khu vực H.Dương Minh Châu	Khu vực H. Bến Cầu	Khu vực H. Gò Dầu

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)(đồng)								
												Khu vực TP. Tây Ninh	Khu vực TX.Trảng Bàng	Khu vực TX. Hoà Thành	Khu vực H.Tân Biên	Khu vực H.Tân Châu	Khu vực H. Châu Thành	Khu vực H.Dương Minh Châu	Khu vực H. Bến Cầu	Khu vực H. Gò Dầu

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)(đồng)								
												Khu vực TP. Tây Ninh	Khu vực TX.Trảng Bàng	Khu vực TX. Hoà Thành	Khu vực H.Tân Biên	Khu vực H.Tân Châu	Khu vực H. Châu Thành	Khu vực H.Dương Minh Châu	Khu vực H. Bến Cầu	Khu vực H. Gò Dầu

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)(đồng)								
												Khu vực TP. Tây Ninh	Khu vực TX.Trảng Bàng	Khu vực TX. Hoà Thành	Khu vực H.Tân Biên	Khu vực H.Tân Châu	Khu vực H. Châu Thành	Khu vực H.Dương Minh Châu	Khu vực H. Bến Cầu	Khu vực H. Gò Dầu

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)(đồng)								
												Khu vực TP. Tây Ninh	Khu vực TX.Trảng Bàng	Khu vực TX. Hoà Thành	Khu vực H.Tân Biên	Khu vực H.Tân Châu	Khu vực H. Châu Thành	Khu vực H.Dương Minh Châu	Khu vực H. Bến Cầu	Khu vực H. Gò Dầu

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)(đồng)								
												Khu vực TP. Tây Ninh	Khu vực TX.Trảng Bàng	Khu vực TX. Hoà Thành	Khu vực H.Tân Biên	Khu vực H.Tân Châu	Khu vực H. Châu Thành	Khu vực H.Dương Minh Châu	Khu vực H. Bến Cầu	Khu vực H. Gò Dầu

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)(đồng)								
												Khu vực TP. Tây Ninh	Khu vực TX.Trảng Bàng	Khu vực TX. Hoà Thành	Khu vực H.Tân Biên	Khu vực H.Tân Châu	Khu vực H. Châu Thành	Khu vực H.Dương Minh Châu	Khu vực H. Bến Cầu	Khu vực H. Gò Dầu

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)(đồng)								
												Khu vực TP. Tây Ninh	Khu vực TX.Trảng Bàng	Khu vực TX. Hoà Thành	Khu vực H.Tân Biên	Khu vực H.Tân Châu	Khu vực H. Châu Thành	Khu vực H.Dương Minh Châu	Khu vực H. Bến Cầu	Khu vực H. Gò Dầu

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)(đồng)								
												Khu vực TP. Tây Ninh	Khu vực TX.Trảng Bàng	Khu vực TX. Hoà Thành	Khu vực H.Tân Biên	Khu vực H.Tân Châu	Khu vực H. Châu Thành	Khu vực H.Dương Minh Châu	Khu vực H. Bến Cầu	Khu vực H. Gò Dầu

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)(đồng)								
												Khu vực TP. Tây Ninh	Khu vực TX.Trảng Bàng	Khu vực TX. Hoà Thành	Khu vực H.Tân Biên	Khu vực H.Tân Châu	Khu vực H. Châu Thành	Khu vực H.Dương Minh Châu	Khu vực H. Bến Cầu	Khu vực H. Gò Dầu

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)(đồng)								
												Khu vực TP. Tây Ninh	Khu vực TX.Trảng Bàng	Khu vực TX. Hoà Thành	Khu vực H.Tân Biên	Khu vực H.Tân Châu	Khu vực H. Châu Thành	Khu vực H.Dương Minh Châu	Khu vực H. Bến Cầu	Khu vực H. Gò Dầu

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)(đồng)								
												Khu vực TP. Tây Ninh	Khu vực TX.Trảng Bàng	Khu vực TX. Hoà Thành	Khu vực H.Tân Biên	Khu vực H.Tân Châu	Khu vực H. Châu Thành	Khu vực H.Dương Minh Châu	Khu vực H. Bến Cầu	Khu vực H. Gò Dầu

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)(đồng)								
												Khu vực TP. Tây Ninh	Khu vực TX.Trảng Bàng	Khu vực TX. Hoà Thành	Khu vực H.Tân Biên	Khu vực H.Tân Châu	Khu vực H. Châu Thành	Khu vực H.Dương Minh Châu	Khu vực H. Bến Cầu	Khu vực H. Gò Dầu

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)(đồng)								
												Khu vực TP. Tây Ninh	Khu vực TX.Trảng Bàng	Khu vực TX. Hoà Thành	Khu vực H.Tân Biên	Khu vực H.Tân Châu	Khu vực H. Châu Thành	Khu vực H.Dương Minh Châu	Khu vực H. Bến Cầu	Khu vực H. Gò Dầu

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)(đồng)								
												Khu vực TP. Tây Ninh	Khu vực TX.Trảng Bàng	Khu vực TX. Hoà Thành	Khu vực H.Tân Biên	Khu vực H.Tân Châu	Khu vực H. Châu Thành	Khu vực H.Dương Minh Châu	Khu vực H. Bến Cầu	Khu vực H. Gò Dầu

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)(đồng)								
												Khu vực TP. Tây Ninh	Khu vực TX.Trảng Bàng	Khu vực TX. Hoà Thành	Khu vực H.Tân Biên	Khu vực H.Tân Châu	Khu vực H. Châu Thành	Khu vực H.Dương Minh Châu	Khu vực H. Bến Cầu	Khu vực H. Gò Dầu

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)(đồng)								
												Khu vực TP. Tây Ninh	Khu vực TX.Trảng Bàng	Khu vực TX. Hoà Thành	Khu vực H.Tân Biên	Khu vực H.Tân Châu	Khu vực H. Châu Thành	Khu vực H.Dương Minh Châu	Khu vực H. Bến Cầu	Khu vực H. Gò Dầu

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)(đồng)								
												Khu vực TP. Tây Ninh	Khu vực TX.Trảng Bàng	Khu vực TX. Hoà Thành	Khu vực H.Tân Biên	Khu vực H.Tân Châu	Khu vực H. Châu Thành	Khu vực H.Dương Minh Châu	Khu vực H. Bến Cầu	Khu vực H. Gò Dầu

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)(đồng)								
												Khu vực TP. Tây Ninh	Khu vực TX.Trảng Bàng	Khu vực TX. Hoà Thành	Khu vực H.Tân Biên	Khu vực H.Tân Châu	Khu vực H. Châu Thành	Khu vực H.Dương Minh Châu	Khu vực H. Bến Cầu	Khu vực H. Gò Dầu

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)(đồng)								
												Khu vực TP. Tây Ninh	Khu vực TX.Trảng Bàng	Khu vực TX. Hoà Thành	Khu vực H.Tân Biên	Khu vực H.Tân Châu	Khu vực H. Châu Thành	Khu vực H.Dương Minh Châu	Khu vực H. Bến Cầu	Khu vực H. Gò Dầu

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)(đồng)								
												Khu vực TP. Tây Ninh	Khu vực TX.Trảng Bàng	Khu vực TX. Hoà Thành	Khu vực H.Tân Biên	Khu vực H.Tân Châu	Khu vực H. Châu Thành	Khu vực H.Dương Minh Châu	Khu vực H. Bến Cầu	Khu vực H. Gò Dầu

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)(đồng)								
												Khu vực TP. Tây Ninh	Khu vực TX.Trảng Bàng	Khu vực TX. Hoà Thành	Khu vực H.Tân Biên	Khu vực H.Tân Châu	Khu vực H. Châu Thành	Khu vực H.Dương Minh Châu	Khu vực H. Bến Cầu	Khu vực H. Gò Dầu

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)(đồng)								
												Khu vực TP. Tây Ninh	Khu vực TX.Trảng Bàng	Khu vực TX. Hoà Thành	Khu vực H.Tân Biên	Khu vực H.Tân Châu	Khu vực H. Châu Thành	Khu vực H.Dương Minh Châu	Khu vực H. Bến Cầu	Khu vực H. Gò Dầu

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)(đồng)								
												Khu vực TP. Tây Ninh	Khu vực TX.Trảng Bàng	Khu vực TX. Hoà Thành	Khu vực H.Tân Biên	Khu vực H.Tân Châu	Khu vực H. Châu Thành	Khu vực H.Dương Minh Châu	Khu vực H. Bến Cầu	Khu vực H. Gò Dầu

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)(đồng)								
												Khu vực TP. Tây Ninh	Khu vực TX.Trảng Bàng	Khu vực TX. Hoà Thành	Khu vực H.Tân Biên	Khu vực H.Tân Châu	Khu vực H. Châu Thành	Khu vực H.Dương Minh Châu	Khu vực H. Bến Cầu	Khu vực H. Gò Dầu

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)(đồng)								
												Khu vực TP. Tây Ninh	Khu vực TX.Trảng Bàng	Khu vực TX. Hoà Thành	Khu vực H.Tân Biên	Khu vực H.Tân Châu	Khu vực H. Châu Thành	Khu vực H.Dương Minh Châu	Khu vực H. Bến Cầu	Khu vực H. Gò Dầu

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)(đồng)								
												Khu vực TP. Tây Ninh	Khu vực TX.Trảng Bàng	Khu vực TX. Hoà Thành	Khu vực H.Tân Biên	Khu vực H.Tân Châu	Khu vực H. Châu Thành	Khu vực H.Dương Minh Châu	Khu vực H. Bến Cầu	Khu vực H. Gò Dầu

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)(đồng)								
												Khu vực TP. Tây Ninh	Khu vực TX.Trảng Bàng	Khu vực TX. Hoà Thành	Khu vực H.Tân Biên	Khu vực H.Tân Châu	Khu vực H. Châu Thành	Khu vực H.Dương Minh Châu	Khu vực H. Bến Cầu	Khu vực H. Gò Dầu

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)(đồng)								
												Khu vực TP. Tây Ninh	Khu vực TX.Trảng Bàng	Khu vực TX. Hoà Thành	Khu vực H.Tân Biên	Khu vực H.Tân Châu	Khu vực H. Châu Thành	Khu vực H.Dương Minh Châu	Khu vực H. Bến Cầu	Khu vực H. Gò Dầu

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)(đồng)								
												Khu vực TP. Tây Ninh	Khu vực TX.Trảng Bàng	Khu vực TX. Hoà Thành	Khu vực H.Tân Biên	Khu vực H.Tân Châu	Khu vực H. Châu Thành	Khu vực H.Dương Minh Châu	Khu vực H. Bến Cầu	Khu vực H. Gò Dầu

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)(đồng)								
												Khu vực TP. Tây Ninh	Khu vực TX.Trảng Bàng	Khu vực TX. Hoà Thành	Khu vực H.Tân Biên	Khu vực H.Tân Châu	Khu vực H. Châu Thành	Khu vực H.Dương Minh Châu	Khu vực H. Bến Cầu	Khu vực H. Gò Dầu

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)(đồng)								
												Khu vực TP. Tây Ninh	Khu vực TX.Trảng Bàng	Khu vực TX. Hoà Thành	Khu vực H.Tân Biên	Khu vực H.Tân Châu	Khu vực H. Châu Thành	Khu vực H.Dương Minh Châu	Khu vực H. Bến Cầu	Khu vực H. Gò Dầu

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)(đồng)								
												Khu vực TP. Tây Ninh	Khu vực TX.Trảng Bàng	Khu vực TX. Hoà Thành	Khu vực H.Tân Biên	Khu vực H.Tân Châu	Khu vực H. Châu Thành	Khu vực H.Dương Minh Châu	Khu vực H. Bến Cầu	Khu vực H. Gò Dầu

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)(đồng)								
												Khu vực TP. Tây Ninh	Khu vực TX.Trảng Bàng	Khu vực TX. Hoà Thành	Khu vực H.Tân Biên	Khu vực H.Tân Châu	Khu vực H. Châu Thành	Khu vực H.Dương Minh Châu	Khu vực H. Bến Cầu	Khu vực H. Gò Dầu

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)(đồng)								
												Khu vực TP. Tây Ninh	Khu vực TX.Trảng Bàng	Khu vực TX. Hoà Thành	Khu vực H.Tân Biên	Khu vực H.Tân Châu	Khu vực H. Châu Thành	Khu vực H.Dương Minh Châu	Khu vực H. Bến Cầu	Khu vực H. Gò Dầu

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)(đồng)								
												Khu vực TP. Tây Ninh	Khu vực TX.Trảng Bàng	Khu vực TX. Hoà Thành	Khu vực H.Tân Biên	Khu vực H.Tân Châu	Khu vực H. Châu Thành	Khu vực H.Dương Minh Châu	Khu vực H. Bến Cầu	Khu vực H. Gò Dầu

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)(đồng)								
												Khu vực TP. Tây Ninh	Khu vực TX.Trảng Bàng	Khu vực TX. Hoà Thành	Khu vực H.Tân Biên	Khu vực H.Tân Châu	Khu vực H. Châu Thành	Khu vực H.Dương Minh Châu	Khu vực H. Bến Cầu	Khu vực H. Gò Dầu

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)(đồng)								
												Khu vực TP. Tây Ninh	Khu vực TX.Trảng Bàng	Khu vực TX. Hoà Thành	Khu vực H.Tân Biên	Khu vực H.Tân Châu	Khu vực H. Châu Thành	Khu vực H.Dương Minh Châu	Khu vực H. Bến Cầu	Khu vực H. Gò Dầu

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)(đồng)								
												Khu vực TP. Tây Ninh	Khu vực TX.Trảng Bàng	Khu vực TX. Hoà Thành	Khu vực H.Tân Biên	Khu vực H.Tân Châu	Khu vực H. Châu Thành	Khu vực H.Dương Minh Châu	Khu vực H. Bến Cầu	Khu vực H. Gò Dầu

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)(đồng)								
												Khu vực TP. Tây Ninh	Khu vực TX.Trảng Bàng	Khu vực TX. Hoà Thành	Khu vực H.Tân Biên	Khu vực H.Tân Châu	Khu vực H. Châu Thành	Khu vực H.Dương Minh Châu	Khu vực H. Bến Cầu	Khu vực H. Gò Dầu

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)(đồng)								
												Khu vực TP. Tây Ninh	Khu vực TX.Trảng Bàng	Khu vực TX. Hoà Thành	Khu vực H.Tân Biên	Khu vực H.Tân Châu	Khu vực H. Châu Thành	Khu vực H.Dương Minh Châu	Khu vực H. Bến Cầu	Khu vực H. Gò Dầu

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)(đồng)								
												Khu vực TP. Tây Ninh	Khu vực TX.Trảng Bàng	Khu vực TX. Hoà Thành	Khu vực H.Tân Biên	Khu vực H.Tân Châu	Khu vực H. Châu Thành	Khu vực H.Dương Minh Châu	Khu vực H. Bến Cầu	Khu vực H. Gò Dầu

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)(đồng)								
												Khu vực TP. Tây Ninh	Khu vực TX.Trảng Bàng	Khu vực TX. Hoà Thành	Khu vực H.Tân Biên	Khu vực H.Tân Châu	Khu vực H. Châu Thành	Khu vực H.Dương Minh Châu	Khu vực H. Bến Cầu	Khu vực H. Gò Dầu

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)(đồng)								
												Khu vực TP. Tây Ninh	Khu vực TX.Trảng Bàng	Khu vực TX. Hoà Thành	Khu vực H.Tân Biên	Khu vực H.Tân Châu	Khu vực H. Châu Thành	Khu vực H.Dương Minh Châu	Khu vực H. Bến Cầu	Khu vực H. Gò Dầu

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)(đồng)								
												Khu vực TP. Tây Ninh	Khu vực TX.Trảng Bàng	Khu vực TX. Hoà Thành	Khu vực H.Tân Biên	Khu vực H.Tân Châu	Khu vực H. Châu Thành	Khu vực H.Dương Minh Châu	Khu vực H. Bến Cầu	Khu vực H. Gò Dầu

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)(đồng)								
												Khu vực TP. Tây Ninh	Khu vực TX.Trảng Bàng	Khu vực TX. Hoà Thành	Khu vực H.Tân Biên	Khu vực H.Tân Châu	Khu vực H. Châu Thành	Khu vực H.Dương Minh Châu	Khu vực H. Bến Cầu	Khu vực H. Gò Dầu

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)(đồng)								
												Khu vực TP. Tây Ninh	Khu vực TX.Trảng Bàng	Khu vực TX. Hoà Thành	Khu vực H.Tân Biên	Khu vực H.Tân Châu	Khu vực H. Châu Thành	Khu vực H.Dương Minh Châu	Khu vực H. Bến Cầu	Khu vực H. Gò Dầu

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)(đồng)								
												Khu vực TP. Tây Ninh	Khu vực TX.Trảng Bàng	Khu vực TX. Hoà Thành	Khu vực H.Tân Biên	Khu vực H.Tân Châu	Khu vực H. Châu Thành	Khu vực H.Dương Minh Châu	Khu vực H. Bến Cầu	Khu vực H. Gò Dầu

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)(đồng)								
												Khu vực TP. Tây Ninh	Khu vực TX.Trảng Bàng	Khu vực TX. Hoà Thành	Khu vực H.Tân Biên	Khu vực H.Tân Châu	Khu vực H. Châu Thành	Khu vực H.Dương Minh Châu	Khu vực H. Bến Cầu	Khu vực H. Gò Dầu

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)(đồng)								
												Khu vực TP. Tây Ninh	Khu vực TX.Trảng Bàng	Khu vực TX. Hoà Thành	Khu vực H.Tân Biên	Khu vực H.Tân Châu	Khu vực H. Châu Thành	Khu vực H.Dương Minh Châu	Khu vực H. Bến Cầu	Khu vực H. Gò Dầu

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)(đồng)								
												Khu vực TP. Tây Ninh	Khu vực TX.Trảng Bàng	Khu vực TX. Hoà Thành	Khu vực H.Tân Biên	Khu vực H.Tân Châu	Khu vực H. Châu Thành	Khu vực H.Dương Minh Châu	Khu vực H. Bến Cầu	Khu vực H. Gò Dầu

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)(đồng)								
												Khu vực TP. Tây Ninh	Khu vực TX.Trảng Bàng	Khu vực TX. Hoà Thành	Khu vực H.Tân Biên	Khu vực H.Tân Châu	Khu vực H. Châu Thành	Khu vực H.Dương Minh Châu	Khu vực H. Bến Cầu	Khu vực H. Gò Dầu

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)(đồng)								
												Khu vực TP. Tây Ninh	Khu vực TX.Trảng Bàng	Khu vực TX. Hoà Thành	Khu vực H.Tân Biên	Khu vực H.Tân Châu	Khu vực H. Châu Thành	Khu vực H.Dương Minh Châu	Khu vực H. Bến Cầu	Khu vực H. Gò Dầu

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)(đồng)								
												Khu vực TP. Tây Ninh	Khu vực TX.Trảng Bàng	Khu vực TX. Hoà Thành	Khu vực H.Tân Biên	Khu vực H.Tân Châu	Khu vực H. Châu Thành	Khu vực H.Dương Minh Châu	Khu vực H. Bến Cầu	Khu vực H. Gò Dầu

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)(đồng)								
												Khu vực TP. Tây Ninh	Khu vực TX.Trảng Bàng	Khu vực TX. Hoà Thành	Khu vực H.Tân Biên	Khu vực H.Tân Châu	Khu vực H. Châu Thành	Khu vực H.Dương Minh Châu	Khu vực H. Bến Cầu	Khu vực H. Gò Dầu

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)(đồng)								
												Khu vực TP. Tây Ninh	Khu vực TX.Trảng Bàng	Khu vực TX. Hoà Thành	Khu vực H.Tân Biên	Khu vực H.Tân Châu	Khu vực H. Châu Thành	Khu vực H.Dương Minh Châu	Khu vực H. Bến Cầu	Khu vực H. Gò Dầu

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)(đồng)								
												Khu vực TP. Tây Ninh	Khu vực TX.Trảng Bàng	Khu vực TX. Hoà Thành	Khu vực H.Tân Biên	Khu vực H.Tân Châu	Khu vực H. Châu Thành	Khu vực H.Dương Minh Châu	Khu vực H. Bến Cầu	Khu vực H. Gò Dầu

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)(đồng)								
												Khu vực TP. Tây Ninh	Khu vực TX.Trảng Bàng	Khu vực TX. Hoà Thành	Khu vực H.Tân Biên	Khu vực H.Tân Châu	Khu vực H. Châu Thành	Khu vực H.Dương Minh Châu	Khu vực H. Bến Cầu	Khu vực H. Gò Dầu

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)(đồng)								
												Khu vực TP. Tây Ninh	Khu vực TX.Trảng Bàng	Khu vực TX. Hoà Thành	Khu vực H.Tân Biên	Khu vực H.Tân Châu	Khu vực H. Châu Thành	Khu vực H.Dương Minh Châu	Khu vực H. Bến Cầu	Khu vực H. Gò Dầu

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)(đồng)								
												Khu vực TP. Tây Ninh	Khu vực TX.Trảng Bàng	Khu vực TX. Hoà Thành	Khu vực H.Tân Biên	Khu vực H.Tân Châu	Khu vực H. Châu Thành	Khu vực H.Dương Minh Châu	Khu vực H. Bến Cầu	Khu vực H. Gò Dầu

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)(đồng)								
												Khu vực TP. Tây Ninh	Khu vực TX.Trảng Bàng	Khu vực TX. Hoà Thành	Khu vực H.Tân Biên	Khu vực H.Tân Châu	Khu vực H. Châu Thành	Khu vực H.Dương Minh Châu	Khu vực H. Bến Cầu	Khu vực H. Gò Dầu

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)(đồng)								
												Khu vực TP. Tây Ninh	Khu vực TX.Trảng Bàng	Khu vực TX. Hoà Thành	Khu vực H.Tân Biên	Khu vực H.Tân Châu	Khu vực H. Châu Thành	Khu vực H.Dương Minh Châu	Khu vực H. Bến Cầu	Khu vực H. Gò Dầu

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)(đồng)								
												Khu vực TP. Tây Ninh	Khu vực TX.Trảng Bàng	Khu vực TX. Hoà Thành	Khu vực H.Tân Biên	Khu vực H.Tân Châu	Khu vực H. Châu Thành	Khu vực H.Dương Minh Châu	Khu vực H. Bến Cầu	Khu vực H. Gò Dầu

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)(đồng)								
												Khu vực TP. Tây Ninh	Khu vực TX.Trảng Bàng	Khu vực TX. Hoà Thành	Khu vực H.Tân Biên	Khu vực H.Tân Châu	Khu vực H. Châu Thành	Khu vực H.Dương Minh Châu	Khu vực H. Bến Cầu	Khu vực H. Gò Dầu

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)(đồng)								
												Khu vực TP. Tây Ninh	Khu vực TX.Trảng Bàng	Khu vực TX. Hoà Thành	Khu vực H.Tân Biên	Khu vực H.Tân Châu	Khu vực H. Châu Thành	Khu vực H.Dương Minh Châu	Khu vực H. Bến Cầu	Khu vực H. Gò Dầu

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)(đồng)								
												Khu vực TP. Tây Ninh	Khu vực TX.Trảng Bàng	Khu vực TX. Hoà Thành	Khu vực H.Tân Biên	Khu vực H.Tân Châu	Khu vực H. Châu Thành	Khu vực H.Dương Minh Châu	Khu vực H. Bến Cầu	Khu vực H. Gò Dầu

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)(đồng)								
												Khu vực TP. Tây Ninh	Khu vực TX.Trảng Bàng	Khu vực TX. Hoà Thành	Khu vực H.Tân Biên	Khu vực H.Tân Châu	Khu vực H. Châu Thành	Khu vực H.Dương Minh Châu	Khu vực H. Bến Cầu	Khu vực H. Gò Dầu

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)(đồng)								
												Khu vực TP. Tây Ninh	Khu vực TX.Trảng Bàng	Khu vực TX. Hoà Thành	Khu vực H.Tân Biên	Khu vực H.Tân Châu	Khu vực H. Châu Thành	Khu vực H.Dương Minh Châu	Khu vực H. Bến Cầu	Khu vực H. Gò Dầu

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)(đồng)								
												Khu vực TP. Tây Ninh	Khu vực TX.Trảng Bàng	Khu vực TX. Hoà Thành	Khu vực H.Tân Biên	Khu vực H.Tân Châu	Khu vực H. Châu Thành	Khu vực H.Dương Minh Châu	Khu vực H. Bến Cầu	Khu vực H. Gò Dầu

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)(đồng)								
												Khu vực TP. Tây Ninh	Khu vực TX.Trảng Bàng	Khu vực TX. Hoà Thành	Khu vực H.Tân Biên	Khu vực H.Tân Châu	Khu vực H. Châu Thành	Khu vực H.Dương Minh Châu	Khu vực H. Bến Cầu	Khu vực H. Gò Dầu

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)(đồng)								
												Khu vực TP. Tây Ninh	Khu vực TX.Trảng Bàng	Khu vực TX. Hoà Thành	Khu vực H.Tân Biên	Khu vực H.Tân Châu	Khu vực H. Châu Thành	Khu vực H.Dương Minh Châu	Khu vực H. Bến Cầu	Khu vực H. Gò Dầu

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)(đồng)								
												Khu vực TP. Tây Ninh	Khu vực TX.Trảng Bàng	Khu vực TX. Hoà Thành	Khu vực H.Tân Biên	Khu vực H.Tân Châu	Khu vực H. Châu Thành	Khu vực H.Dương Minh Châu	Khu vực H. Bến Cầu	Khu vực H. Gò Dầu

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)(đồng)								
												Khu vực TP. Tây Ninh	Khu vực TX.Trảng Bàng	Khu vực TX. Hoà Thành	Khu vực H.Tân Biên	Khu vực H.Tân Châu	Khu vực H. Châu Thành	Khu vực H.Dương Minh Châu	Khu vực H. Bến Cầu	Khu vực H. Gò Dầu

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)(đồng)								
												Khu vực TP. Tây Ninh	Khu vực TX.Trảng Bàng	Khu vực TX. Hoà Thành	Khu vực H.Tân Biên	Khu vực H.Tân Châu	Khu vực H. Châu Thành	Khu vực H.Dương Minh Châu	Khu vực H. Bến Cầu	Khu vực H. Gò Dầu

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)(đồng)								
												Khu vực TP. Tây Ninh	Khu vực TX.Trảng Bàng	Khu vực TX. Hoà Thành	Khu vực H.Tân Biên	Khu vực H.Tân Châu	Khu vực H. Châu Thành	Khu vực H.Dương Minh Châu	Khu vực H. Bến Cầu	Khu vực H. Gò Dầu

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)(đồng)								
												Khu vực TP. Tây Ninh	Khu vực TX.Trảng Bàng	Khu vực TX. Hoà Thành	Khu vực H.Tân Biên	Khu vực H.Tân Châu	Khu vực H. Châu Thành	Khu vực H.Dương Minh Châu	Khu vực H. Bến Cầu	Khu vực H. Gò Dầu

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)(đồng)								
												Khu vực TP. Tây Ninh	Khu vực TX.Trảng Bàng	Khu vực TX. Hoà Thành	Khu vực H.Tân Biên	Khu vực H.Tân Châu	Khu vực H. Châu Thành	Khu vực H.Dương Minh Châu	Khu vực H. Bến Cầu	Khu vực H. Gò Dầu

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)(đồng)								
												Khu vực TP. Tây Ninh	Khu vực TX.Trảng Bàng	Khu vực TX. Hoà Thành	Khu vực H.Tân Biên	Khu vực H.Tân Châu	Khu vực H. Châu Thành	Khu vực H.Dương Minh Châu	Khu vực H. Bến Cầu	Khu vực H. Gò Dầu

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)(đồng)								
												Khu vực TP. Tây Ninh	Khu vực TX.Trảng Bàng	Khu vực TX. Hoà Thành	Khu vực H.Tân Biên	Khu vực H.Tân Châu	Khu vực H. Châu Thành	Khu vực H.Dương Minh Châu	Khu vực H. Bến Cầu	Khu vực H. Gò Dầu

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)(đồng)								
												Khu vực TP. Tây Ninh	Khu vực TX.Trảng Bàng	Khu vực TX. Hoà Thành	Khu vực H.Tân Biên	Khu vực H.Tân Châu	Khu vực H. Châu Thành	Khu vực H.Dương Minh Châu	Khu vực H. Bến Cầu	Khu vực H. Gò Dầu

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)(đồng)								
												Khu vực TP. Tây Ninh	Khu vực TX.Trảng Bàng	Khu vực TX. Hoà Thành	Khu vực H.Tân Biên	Khu vực H.Tân Châu	Khu vực H. Châu Thành	Khu vực H.Dương Minh Châu	Khu vực H. Bến Cầu	Khu vực H. Gò Dầu

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)(đồng)								
												Khu vực TP. Tây Ninh	Khu vực TX.Trảng Bàng	Khu vực TX. Hoà Thành	Khu vực H.Tân Biên	Khu vực H.Tân Châu	Khu vực H. Châu Thành	Khu vực H.Dương Minh Châu	Khu vực H. Bến Cầu	Khu vực H. Gò Dầu

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)(đồng)								
												Khu vực TP. Tây Ninh	Khu vực TX.Trảng Bàng	Khu vực TX. Hoà Thành	Khu vực H.Tân Biên	Khu vực H.Tân Châu	Khu vực H. Châu Thành	Khu vực H.Dương Minh Châu	Khu vực H. Bến Cầu	Khu vực H. Gò Dầu

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)(đồng)								
												Khu vực TP. Tây Ninh	Khu vực TX.Trảng Bàng	Khu vực TX. Hoà Thành	Khu vực H.Tân Biên	Khu vực H.Tân Châu	Khu vực H. Châu Thành	Khu vực H.Dương Minh Châu	Khu vực H. Bến Cầu	Khu vực H. Gò Dầu

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)(đồng)								
												Khu vực TP. Tây Ninh	Khu vực TX.Trảng Bàng	Khu vực TX. Hoà Thành	Khu vực H.Tân Biên	Khu vực H.Tân Châu	Khu vực H. Châu Thành	Khu vực H.Dương Minh Châu	Khu vực H. Bến Cầu	Khu vực H. Gò Dầu

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)(đồng)								
												Khu vực TP. Tây Ninh	Khu vực TX.Trảng Bàng	Khu vực TX. Hoà Thành	Khu vực H.Tân Biên	Khu vực H.Tân Châu	Khu vực H. Châu Thành	Khu vực H.Dương Minh Châu	Khu vực H. Bến Cầu	Khu vực H. Gò Dầu

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)(đồng)								
												Khu vực TP. Tây Ninh	Khu vực TX.Trảng Bàng	Khu vực TX. Hoà Thành	Khu vực H.Tân Biên	Khu vực H.Tân Châu	Khu vực H. Châu Thành	Khu vực H.Dương Minh Châu	Khu vực H. Bến Cầu	Khu vực H. Gò Dầu

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)(đồng)								
												Khu vực TP. Tây Ninh	Khu vực TX.Trảng Bàng	Khu vực TX. Hoà Thành	Khu vực H.Tân Biên	Khu vực H.Tân Châu	Khu vực H. Châu Thành	Khu vực H.Dương Minh Châu	Khu vực H. Bến Cầu	Khu vực H. Gò Dầu

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)(đồng)								
												Khu vực TP. Tây Ninh	Khu vực TX.Trảng Bàng	Khu vực TX. Hoà Thành	Khu vực H.Tân Biên	Khu vực H.Tân Châu	Khu vực H. Châu Thành	Khu vực H.Dương Minh Châu	Khu vực H. Bến Cầu	Khu vực H. Gò Dầu

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)(đồng)								
												Khu vực TP. Tây Ninh	Khu vực TX.Trảng Bàng	Khu vực TX. Hoà Thành	Khu vực H.Tân Biên	Khu vực H.Tân Châu	Khu vực H. Châu Thành	Khu vực H.Dương Minh Châu	Khu vực H. Bến Cầu	Khu vực H. Gò Dầu

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)(đồng)								
												Khu vực TP. Tây Ninh	Khu vực TX.Trảng Bàng	Khu vực TX. Hoà Thành	Khu vực H.Tân Biên	Khu vực H.Tân Châu	Khu vực H. Châu Thành	Khu vực H.Dương Minh Châu	Khu vực H. Bến Cầu	Khu vực H. Gò Dầu

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)(đồng)								
												Khu vực TP. Tây Ninh	Khu vực TX.Trảng Bàng	Khu vực TX. Hoà Thành	Khu vực H.Tân Biên	Khu vực H.Tân Châu	Khu vực H. Châu Thành	Khu vực H.Dương Minh Châu	Khu vực H. Bến Cầu	Khu vực H. Gò Dầu

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)(đồng)								
												Khu vực TP. Tây Ninh	Khu vực TX.Trảng Bàng	Khu vực TX. Hoà Thành	Khu vực H.Tân Biên	Khu vực H.Tân Châu	Khu vực H. Châu Thành	Khu vực H.Dương Minh Châu	Khu vực H. Bến Cầu	Khu vực H. Gò Dầu

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)(đồng)								
												Khu vực TP. Tây Ninh	Khu vực TX.Trảng Bàng	Khu vực TX. Hoà Thành	Khu vực H.Tân Biên	Khu vực H.Tân Châu	Khu vực H. Châu Thành	Khu vực H.Dương Minh Châu	Khu vực H. Bến Cầu	Khu vực H. Gò Dầu

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)(đồng)								
												Khu vực TP. Tây Ninh	Khu vực TX.Trảng Bàng	Khu vực TX. Hoà Thành	Khu vực H.Tân Biên	Khu vực H.Tân Châu	Khu vực H. Châu Thành	Khu vực H.Dương Minh Châu	Khu vực H. Bến Cầu	Khu vực H. Gò Dầu

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)(đồng)								
												Khu vực TP. Tây Ninh	Khu vực TX.Trảng Bàng	Khu vực TX. Hoà Thành	Khu vực H.Tân Biên	Khu vực H.Tân Châu	Khu vực H. Châu Thành	Khu vực H.Dương Minh Châu	Khu vực H. Bến Cầu	Khu vực H. Gò Dầu

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)(đồng)								
												Khu vực TP. Tây Ninh	Khu vực TX.Trảng Bàng	Khu vực TX. Hoà Thành	Khu vực H.Tân Biên	Khu vực H.Tân Châu	Khu vực H. Châu Thành	Khu vực H.Dương Minh Châu	Khu vực H. Bến Cầu	Khu vực H. Gò Dầu

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)(đồng)								
												Khu vực TP. Tây Ninh	Khu vực TX.Trảng Bàng	Khu vực TX. Hoà Thành	Khu vực H.Tân Biên	Khu vực H.Tân Châu	Khu vực H. Châu Thành	Khu vực H.Dương Minh Châu	Khu vực H. Bến Cầu	Khu vực H. Gò Dầu

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)(đồng)								
												Khu vực TP. Tây Ninh	Khu vực TX.Trảng Bàng	Khu vực TX. Hoà Thành	Khu vực H.Tân Biên	Khu vực H.Tân Châu	Khu vực H. Châu Thành	Khu vực H.Dương Minh Châu	Khu vực H. Bến Cầu	Khu vực H. Gò Dầu

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)(đồng)								
												Khu vực TP. Tây Ninh	Khu vực TX.Trảng Bàng	Khu vực TX. Hoà Thành	Khu vực H.Tân Biên	Khu vực H.Tân Châu	Khu vực H. Châu Thành	Khu vực H.Dương Minh Châu	Khu vực H. Bến Cầu	Khu vực H. Gò Dầu

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)(đồng)								
												Khu vực TP. Tây Ninh	Khu vực TX.Trảng Bàng	Khu vực TX. Hoà Thành	Khu vực H.Tân Biên	Khu vực H.Tân Châu	Khu vực H. Châu Thành	Khu vực H.Dương Minh Châu	Khu vực H. Bến Cầu	Khu vực H. Gò Dầu

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)(đồng)								
												Khu vực TP. Tây Ninh	Khu vực TX.Trảng Bàng	Khu vực TX. Hoà Thành	Khu vực H.Tân Biên	Khu vực H.Tân Châu	Khu vực H. Châu Thành	Khu vực H.Dương Minh Châu	Khu vực H. Bến Cầu	Khu vực H. Gò Dầu

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)(đồng)								
												Khu vực TP. Tây Ninh	Khu vực TX.Trảng Bàng	Khu vực TX. Hoà Thành	Khu vực H.Tân Biên	Khu vực H.Tân Châu	Khu vực H. Châu Thành	Khu vực H.Dương Minh Châu	Khu vực H. Bến Cầu	Khu vực H. Gò Dầu

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)(đồng)								
												Khu vực TP. Tây Ninh	Khu vực TX.Trảng Bàng	Khu vực TX. Hoà Thành	Khu vực H.Tân Biên	Khu vực H.Tân Châu	Khu vực H. Châu Thành	Khu vực H.Dương Minh Châu	Khu vực H. Bến Cầu	Khu vực H. Gò Dầu

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)(đồng)								
												Khu vực TP. Tây Ninh	Khu vực TX.Trảng Bàng	Khu vực TX. Hoà Thành	Khu vực H.Tân Biên	Khu vực H.Tân Châu	Khu vực H. Châu Thành	Khu vực H.Dương Minh Châu	Khu vực H. Bến Cầu	Khu vực H. Gò Dầu